

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JAN 27 1998
CURRENT SERIALS

1
1-1998

Digitized by Google

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULT COMPANY

XÍ NGHIỆP KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG

THE SURVEY AND CONSTRUCTION ENTERPRISE

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Khảo sát, thiết kế, và thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, khai hoang, giao thông ...

- Đo đạc, vẽ bản đồ các tỷ lệ
- Khoan giếng, khoan địa chất công trình.

HÂN HẠNH ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH.

GIÁM ĐỐC
HUỲNH THANH XUÂN



Trên các dự án xây dựng

THE SURVEY AND CONSTRUCTION ENTERPRISE SCOPE OF ACTIVITIES

Survery, design and construction of all works of civil, industrial construction clearing, transportation, etc ...

- Topographic, drawing maps of all scales
- Well drilling, geographic drilling for projects.

WELLCOME TO OUR ENTERPRISE

DIRECTOR
HUYNH THANH XUAN



Một góc nhà máy chế biến cao su Long Hòa (Dầu Tiếng)



Công ty trách nhiệm hữu hạn ZTONG YEE
Địa điểm xây dựng : khu công nghiệp Hố Nai.

ZTONG YEE Co-Ltd.,
Construction site : Ho Nai Industrial zone

ĐỊA CHỈ : 29 HOÀNG DIỆU -

Q. PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

• ĐIỆN THOẠI : 442432 - 422363

• FAX : 453850

ADDRESS : 29 HOANG DIEU ST.

PHU NHUAN DIST. HO CHI MINH CITY

• TEL : 442432 - 422363

• FAX : 453850

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 535 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

MỤC LỤC

	*** Tổng quan kinh tế năm 1997 và triển vọng năm 1998	3
PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	VŨ KHOAN - Ngoại giao 1997	7
	VŨ ĐÌNH CỰ - Hàng hóa, tiền tệ trong bước tiến của khoa học - công nghệ hiện đại	10
	LÊ XUÂN TRINH - Đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển khu công nghiệp	15
	LÊ THẾ TIỆM - Cải cách thủ tục hành chính trong công an nhân dân trước yêu cầu đổi mới	21
KỶ NIỆM 150 NĂM "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" RA ĐỜI (1848 - 1998)	CAO THANH - Giá trị bền vững những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học trong tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"	24
	NGUYỄN NGỌC TUÂN - "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" phá sản hay là sự phá sản của việc phản bội Tuyên ngôn	27
KỶ NIỆM 30 NĂM CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY TẾT MẬU THÂN (1968 - 1998)	XUÂN KIM - Một mùa xuân lịch sử	32
	HỒ KHANG - Tết Mậu Thân 1968 - cột mốc lớn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam	34
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN DUY NGHĨA - Phát triển thương mại trong nền kinh tế thị trường	36
	TRẦN KIM DUNG - Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa	40
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	HOÀNG KỲ - Xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn Quân khu III trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	44
	NGUYỄN HỒNG THÁI - Công tác xây dựng Đảng của đảng bộ huyện Yên Bình	47
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	CHÍ CỐT - Phẩm chất người cộng sản hôm qua và hôm nay	51
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	VÕ THỦ PHƯƠNG - Hành trình thế giới 1997 : sôi động, mới mẻ và trắc trở	52
	NGUYỄN HUY QUÝ - Trung Quốc điều chỉnh cơ cấu chế độ sở hữu và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước	56
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Diễn đàn hợp tác châu Á - Thái Bình Dương (APEC)	60
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Hội thảo : "Lý luận và thực tiễn xây dựng chiến lược giáo dục và đào tạo".	61

Ảnh bìa 1 : *Mùa xuân Thành phố Hồ Chí Minh*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

*** Обзор экономики 1997ого года и ее перспективы в 1998ом году. ВУ ХОАН - Дипломатия в 1997ом году. ВУ ДИНЬ КЫ - Товар и валюта в прогрессе современной науки и технологии. ЛЕ СУАН ЧИНЬ - Прямая иностранная инвестиция и развитие индустриальных зон. ЛЕ ТХЕ ТИЕМ - Реформы административных процедур народной милиции перед требованиями обновления. КАО ТХАНЬ - Устойчивая ценность основ научного социализма в произведении "Декларация Коммунистической Партии". НГУЕН НГОК ТУАН - "Декларация Коммунистической Партии" терпит банкротство или же банкротство самой измены Декларации ? ХО ХАНГ- 1968 Мậu Thân Тэт - крупная веха в анти - Американской войне сопротивления вьетнамского народа. НГУЕН ЗУЙ НГИЯ - Развитие торговли при рыночной экономике. ЧАН КИМ ЗУНГ - Международная интеграция в области культуры. ВО ТХУ ФЫОНГ - Маршрут мира в 1997ом году - бурный, новый и затруднительный. НГУЕН ТХУ КУЙ - Китай корректирует структуру собственности и акционерование государственных предприятий.

CONTENTS

*** Overview on the economy in 1997 and prospects for 1998. VŨ KHOAN - Diplomacy in 1997. VŨ ĐÌNH CỰ - Goods and currency in the progress of modern science and technology. LÊ XUÂN TRINH - Foreign direct investments and the developments of industrial zones. LÊ THẾ TIỆM - Reforms of administrative procedures of People's Police in the face of requirements of renovation. CAO THANH - Permanent value of the principles of scientific socialism of the work "Declaration of the Communist Party". NGUYỄN NGỌC TUÂN - "Declaration of the Communist Party" is going bankrupt or the bankruptcy of the very treason to the Declaration. HỒ KHANG - 1968 Mậu Thân Tết - a great mark in the cause of the anti - American resistance war of the Vietnamese people. NGUYỄN DUY NGHĨA - Trade promotion in the market economy. TRẦN KIM DUNG - International integration in the cultural field. VÕ THỦ PHƯƠNG - The world's itinerary in 1997 : lively, new and troublesome. NGUYỄN HUY QUÝ - China regulates the mechanism of the owneship and equitization of State-run enterprises.

SOMMAIRE

*** Aperçu général de l'économie de 1997 et les perspectives pour 1998. VŨ KHOAN - La diplomatie en 1997. VŨ ĐÌNH CỰ - Les marchandises et la monnaie dans les progrès des sciences et de la technologie modernes. LÊ XUÂN TRINH - L'investissement direct étranger et le développement des zones industrielles. LÊ THẾ TIỆM - La réforme des procédures administratives dans la police populaire face aux exigences de la rénovation. CAO THANH - La valeur durable des principes du socialisme scientifique dans le Manifeste communiste. NGUYỄN NGỌC TUÂN - Le Manifeste communiste est ruiné ou la faillite de la trahison à son encontre . HỒ KHANG - Le Tết de Mậu Thân de1968 - un jalon important dans la résistance anti-américaine des Vietnamiens. NGUYỄN DUY NGHĨA - Le développement du commerce dans l'économie de marché. TRẦN KIM DUNG - L'intégration internationale dans le domaine de la culture. VÕ THỦ PHƯƠNG - Le monde en 1997 : effervescence, nouveautés et obstacles. NGUYỄN HUY QUÝ - La Chine réajuste la structure de propriété et d'actionnariat des entreprises d'Etat.

SUMARIO

*** Panorama general de la economía en 1997 y perspectiva en 1998. VŨ KHOAN - La diplomacia vietnamita en 1997. VŨ ĐÌNH CỰ - Las mercancías y la moneda en el avance de las ciencias y tecnología modernas. LÊ XUÂN TRINH - La inversión directa extranjera con el desarrollo de la zona industrial. LÊ THẾ TIỆM - La reforma de los trámites administratios en la Policía Popular ante la exigencia de renovación. CAO THANH - El valor perdurable de los principios del socialismo científico en la obra "El Manifiesto del Partido Comunista". NGUYỄN NGỌC TUÂN - "El Manifiesto del Partido Comunista" en ruinas o la ruina de la traición del Manifiesto. HỒ KHANG - La ofensiva general de Tết Mậu Thân (1968) - el gran hito en la obra de resistencia antiyanqui del pueblo vietnamita. NGUYỄN DUY NGHĨA - El desarrollo comercial en la economía de mercado. TRẦN KIM DUNG -La integración internacional en el dominio cultural . VÕ THỦ PHƯƠNG - El viaje del mundo en 1997 : embullicioso, nuevo y difícil. NGUYỄN HUY QUÝ - China regula la estructura del régimen de propiedad y pone en sociedad accionista las empresas del Estado..

目录

•*** 1997年经济总概及1998年经济展望•武宽: 1997年外交工作•武亭巨: 现代科学、工艺进程中的商品、货币问题•黎春贞: 外国的直接投资与发展工业区•黎春店: 人民公安部门在革新要求下进行行政手续改革•高青: 《共产党宣言》中社会主义科学原理的稳固价值•阮玉洵: 是《共产党宣言》破产还是背叛《共产党宣言》的行为破产•胡康: 1968年戊申春节是越南人民抗美事业中一个大的标志•阮唯义: 经济市场体制中商贸的发展•陈金蓉: 文化领域中的国际融入•武守方: 1997年世界行程: 活跃、新颖和障碍•阮唯贵: 中国对所有制机构和国有企业股份化进行调整

Digitized by Google

TỔNG QUAN KINH TẾ NĂM 1997 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 1998

NĂM 1997, đánh dấu bước trưởng thành của nền kinh tế nước ta trên tất cả các ngành, các lĩnh vực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những thành tựu đáng tự hào.

Nền kinh tế tiếp tục giữ được đà phát triển và tăng trưởng với nhịp độ khá, theo xu hướng đã tạo ra từ các năm trước. So với năm 1996, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 1997 tăng 9%, sản xuất công nghiệp tăng 13,2%, trong đó một số sản phẩm quan trọng có mức tăng trưởng cao như điện, dầu khí, xi măng, các loại động cơ, săm lốp ô tô, vải lụa... Không chỉ tăng nhanh về số lượng mà chất lượng sản phẩm công nghiệp đã có nhiều khởi sắc, làm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Nét mới nổi bật trong sản xuất công nghiệp năm 1997 là khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tốt, tăng trưởng nhanh (trên 20%) và chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu công nghiệp cả nước, chiếm 28,5% (năm 1996 chiếm 28%). Nhiều sản phẩm công nghiệp liên doanh với nước ngoài đã góp phần tích cực ổn định thị trường trong nước và xuất khẩu với số lượng lớn, chất lượng cao, kể cả các sản phẩm cao cấp như điện tử, điện lạnh, ô tô, xe gắn máy (lắp ráp), mỹ phẩm, dược phẩm, thực phẩm, đồ uống, giày dép... Chính khu vực này tăng nhanh và chiếm tỷ trọng lớn đã bảo đảm tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp trên 13,2% cả năm. Sự hình thành và phát triển của các khu công nghiệp tập trung, khu công nghiệp kỹ thuật cao, khu chế xuất, vùng kinh tế trọng điểm (chủ yếu là công nghiệp) với phương pháp đầu tư chiều sâu, ứng dụng công nghệ mới để sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao đã và đang làm thay đổi cấu trúc bên trong của ngành công nghiệp theo hướng hiện đại hóa. Điển hình là hai khu chế xuất Linh Trung và Tân Thuận (TP Hồ Chí Minh), khu công nghiệp Biên Hòa (Đồng Nai), khu công nghiệp Sóng Thần (Bình Dương), khu công nghiệp Liên Chiểu (Quảng Nam - Đà Nẵng), Đình Vũ, khu công nghiệp Nomura (Hải Phòng), khu công nghiệp Sài Đồng (Hà Nội)... Các điển hình đó không chỉ nổi lên vì quy mô lớn, kỹ thuật hiện đại mà chính là do chất lượng sản phẩm cao đủ sức cạnh tranh trên thị trường Việt Nam và quốc tế. Với những kết quả đã đạt được trong năm 1997, mô hình khu công nghiệp tập trung đã khẳng định được vị trí và lợi thế của nó trong cơ cấu công nghiệp Việt Nam những năm tới, theo hướng tăng trưởng bền vững và coi trọng chất lượng sản phẩm.

Dù rằng năm nay, tốc độ tăng trưởng của sản xuất công nghiệp không bằng các năm trước, nhưng sự thay đổi về chất lượng và cơ cấu sản phẩm theo hướng thị trường với các ngành mũi nhọn, vùng động lực như trên cho phép chúng ta tin tưởng vào hướng đi đã chọn. Những sản phẩm công nghiệp "Made in VietNam" ngày càng nhiều về số lượng, đa dạng về chủng loại, đẹp về hình thức và cao về chất lượng... đã và đang khẳng định sự đúng đắn của đường lối đổi mới và chính sách rộng mở của Đảng ta, mà trung tâm là công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nông nghiệp dù gặp nhiều khó khăn do thiên tai, lũ lụt ở vùng đồng bằng sông Cửu Long ; lũ về sớm làm ngập hàng chục vạn ha lúa hè thu, bão số 5 nhấn chìm hàng chục nghìn ha lúa mùa của 3 tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang, nhưng sản xuất vẫn phát triển ổn định và đạt những thành tựu lớn trong năm 1997 : sản lượng lương thực đạt 30,6 triệu tấn, vượt mục tiêu đề ra cho năm 2000, riêng lúa 27,7 triệu tấn, mức cao nhất từ trước đến nay và tăng 1,3 triệu tấn so với năm 1996. Chính nhờ sản lượng lúa tăng nhanh và chất lượng gạo có tiến bộ, năm 1997 Việt Nam xuất khẩu khoảng 3,5 triệu tấn gạo, đứng vị trí thứ hai của thế giới (sau Thái Lan) về lượng gạo xuất khẩu, bảo đảm an toàn lương thực quốc

Digitized by Google

gia và ổn định thị trường trong nước trong điều kiện thời tiết bất lợi, đẩy lùi tình trạng thiếu đói giáp hạt ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung. Nét nổi bật của năm 1997 là miền Bắc không những sản xuất đủ lương thực tiêu dùng mà còn dư thừa để xuất khẩu với số lượng cao nhất từ trước đến nay. Đây là năm đầu tiên gạo của miền Nam không phải chi viện cho miền Bắc. Lương thực dư thừa và giá thấp có tác động thúc đẩy chăn nuôi phát triển. So với năm 1996, đàn lợn tăng 4,2%, đàn bò tăng 2,7%, đàn gia cầm tăng 6%, trọng lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 1154,2 nghìn tấn, tăng 6,9% và là mức cao nhất từ trước đến nay. Nếu tính cả các loại thịt gia súc khác và gia cầm thì trọng lượng thịt hơi xuất chuồng lên tới 1,5 triệu tấn, bảo đảm thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng trong nước và có dư thừa để xuất khẩu.

Nông nghiệp phát triển toàn diện, nông sản hàng hóa xuất khẩu tăng cả về số lượng và chất lượng, đánh dấu sự sang trang rất đáng tự hào. So với năm 1996, nhiều nông sản xuất khẩu tăng trưởng cao : cao su tăng 54,9%, cà phê tăng 66,4%, chè tăng 43,9%, gạo tăng 16,8%, thủy sản tăng 15,3% dù bị thiệt hại lớn do cơn bão số 5 gây ra, ngoài ra còn cả hạt tiêu, hạt điều, thịt chế biến, rau quả tươi... Chất lượng nông sản xuất khẩu tiến bộ nhất là hai mặt hàng gạo và cà phê. Sự gia tăng nhanh chóng của nông sản xuất khẩu đánh dấu sự chuyển biến của nền nông nghiệp sang kinh tế hàng hóa gắn với thị trường quốc tế và là thành tựu đáng ghi nhận của nông nghiệp năm 1997.

Sản xuất công - nông nghiệp phát triển, sản phẩm hàng hóa dồi dào, lưu thông thuận lợi nên thị trường và giá cả ổn định trên phạm vi cả nước. Từ thành thị đến nông thôn, từ miền Nam ra miền Bắc, từ vùng đồng bằng đến miền núi, kể cả vùng bị thiên tai ở Nam Bộ, lương thực, thực phẩm và hàng công nghệ vẫn phong phú về số lượng và ổn định về giá cả. Chỉ số giá năm 1997 tăng khoảng 4,0% so với năm 1996 và là mức tăng thấp nhất từ trước đến nay (năm 1995 tăng 12,7%, năm 1996 tăng 4,5%) ; trong đó giá lương thực không tăng, giá thực phẩm tăng ít. Lạm phát được kiềm chế ở mức thấp làm tăng giá trị đồng tiền Việt Nam trong điều kiện giá trị đồng tiền các nước trong khu vực bị khủng hoảng nghiêm trọng từ tháng 7 năm 1997 (nhất là đồng Bạt Thái Lan). Đó là thành tựu đáng ghi nhận và là thành công của Chính phủ trong chính sách điều tiết vĩ mô.

Kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt 9 tỉ USD, tăng trên 20% so với năm 1996 đánh dấu bước trưởng thành của hoạt động ngoại thương trong thị trường mới với sự cạnh tranh gay gắt. Kim ngạch nhập khẩu đạt 11,2 tỉ USD tăng 0,5%, mức nhập siêu giảm 37,5%, do Nhà nước hạn chế hoặc giảm mạnh nhập khẩu một số mặt hàng có tỷ trọng lớn như ô tô, xe máy, sắt thép, xi măng... cho phù hợp với quan hệ cung cầu trong nước. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư với nước ngoài đã tham gia tích cực vào các hoạt động xuất nhập khẩu tại Việt Nam : giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp này ước đạt 1,5 tỉ USD, nhập khẩu trên 3 tỉ USD, tăng nhiều so với các năm trước.

Nét mới trong hoạt động xuất nhập khẩu năm 1997 là chỉ tiêu kế hoạch được giao sớm, số đơn vị và địa phương trực tiếp xuất, nhập khẩu được mở rộng phù hợp với yêu cầu và khả năng thực tế ; hạn chế được tình trạng độc quyền hoặc cạnh tranh không lành mạnh như các năm trước. Điều đó rõ nhất đối với mặt hàng gạo, cà phê, chè, phân bón.

Tài chính ngân hàng trong năm 1997 đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được tiến bộ. Thu ngân sách tăng, chủ yếu là thu thuế. Nguyên nhân chủ yếu là do Nhà nước đã ban hành một số chính sách và cơ chế để khuyến khích thu, thực hiện thu đúng, thu đủ theo luật, chống thất thu có hiệu quả. Nhiều ngành và địa phương đã chủ động tìm các giải pháp tích cực và kịp thời để chống buôn lậu và gian lận thương mại, nhằm tăng thu cho ngân sách. Năm 1997 cũng là năm đầu tiên thực hiện Luật ngân sách, nên tình hình thu - chi ngân sách tốt hơn xét trên nhiều mặt. Thị trường vốn tuy mới hình thành nhưng đã có nhiều khởi sắc trên một số mặt, và về cơ bản đã điều tiết được quan hệ cung - cầu, giải tỏa bớt tình trạng vốn bị "đóng băng" trong các ngân hàng thương mại trong khi sản xuất thiếu vốn

Digitized by Google

lưu động. Số lượng trái phiếu kho bạc phát hành trong năm 1997 tăng 10% so 1996 đã góp phần huy động vốn nhàn rỗi vào lưu thông, tăng tiềm lực cho ngân sách Nhà nước và từng bước làm lành mạnh nền tài chính quốc gia. Đã chấm dứt tình trạng phát hành tiền để bù vào bội chi ngân sách Nhà nước.

Kinh tế phát triển, tài chính lành mạnh nên đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân được cải thiện một bước (trừ những vùng bị thiên tai do bão số 5).

Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta năm 1997 cũng bộc lộ một số mặt yếu kém. Nổi lên là nhịp độ tăng trưởng GDP đã có biểu hiện chậm lại : năm 1995 tăng 9,5%, năm 1996 tăng 9,3% và năm 1997 còn 9%, chủ yếu do công nghiệp và dịch vụ tăng trưởng chậm : công nghiệp năm 1994 tăng 13,5%, năm 1995 tăng 14%, năm 1996 tăng 14,1%, và năm 1997 tăng 13,2% ; một số sản phẩm công nghiệp khó tiêu thụ do chất lượng và giá cả còn kém sức cạnh tranh, hàng hóa ứ đọng nhiều như sắt thép, xi măng, giấy, hàng điện dân dụng và điện tử, buộc các doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô sản xuất. Hai ngành du lịch và hàng không tăng chậm và không đạt kế hoạch cả về doanh thu và lợi nhuận.

Thiếu vốn là căn bệnh kinh niên mà năm 1997 vẫn chưa khắc phục được nên vốn đầu tư xây dựng cơ bản không đạt kế hoạch, vốn lưu động của các doanh nghiệp thiếu nghiêm trọng (hết 9 tháng mới đạt 56% kế hoạch vốn ngân sách và 32% kế hoạch vốn tín dụng). Tốc độ giải ngân vốn ODA vẫn còn chậm. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) giảm rõ rệt cả số dự án và vốn đăng ký mới. Tình hình tài chính tuy có tiến bộ song vẫn còn nhiều khó khăn và chưa cân đối thu chi ngân sách. Tỷ lệ tiết kiệm nội địa thấp và tăng chậm. Ngân sách tăng thu chậm hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế làm nẩy sinh những mất cân đối mới về tài chính. Tổng phương tiện thanh toán, vốn huy động và dư nợ tín dụng trong nền kinh tế tăng chậm, cung không theo kịp cầu. Thị trường vốn chưa ổn định và thiếu định hướng. Hoạt động tín dụng bộc lộ nhiều sơ hở dẫn đến tình trạng đổ vỡ một số doanh nghiệp lớn như Minh Phụng, EPCO, làm thất thoát nhiều vốn và tài sản của Nhà nước và các doanh nghiệp ; tỷ giá hối đoái mới xử lý một phần nhưng chưa phải là cơ bản, đồng bộ nên vẫn chưa loại trừ hết các yếu tố bất ổn định, nhất là trong điều kiện khủng hoảng tiền tệ các nước trong khu vực ngày càng gia tăng. Đời sống một bộ phận dân cư vùng bị thiên tai, vùng sâu vẫn còn nhiều khó khăn. Sức mua của dân tăng chậm, thậm chí có mặt giảm sút, ảnh hưởng đến nhịp độ tăng trưởng sản xuất của các ngành công, nông nghiệp. Hiện tượng thiểu phát và tồn đọng sản phẩm công nông nghiệp kéo dài trong nhiều tháng đi cùng với việc tăng giá đồng USD trong những tháng cuối năm 1997 cũng làm xuất hiện tâm lý không ổn định đối với người sản xuất và lưu thông hàng hóa và hoạt động dịch vụ.

Khó khăn và yếu kém tuy còn nhiều, nhưng không phải là cơ bản. Đảng và Nhà nước không né tránh, mà ngược lại đã sớm phát hiện và đề xuất nhiều chủ trương và giải pháp để khắc phục. Nhờ vậy, cho đến nay nhìn lại bức tranh kinh tế năm 1997 thì mảng sáng vẫn đậm nét hơn. Điều đó được chứng minh bằng thực tế : Trong 8 chỉ tiêu kế hoạch Quốc hội thông qua từ đầu năm, đến nay chúng ta đã đạt và vượt được 5 chỉ tiêu gồm : nhịp độ tăng GDP, tăng trưởng nông nghiệp, sản lượng lương thực, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ tăng dân số. Còn 3 chỉ tiêu chưa đạt là tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ và xuất khẩu. Hai chỉ tiêu về nông nghiệp không những vượt kế hoạch năm 1997 mà còn vượt cả mục tiêu đặt ra cho năm 2000. Đó là một hiện tượng đáng quý làm đẹp hơn bức tranh kinh tế Việt Nam năm 1997 và tạo ra thế và lực mới để bước vào năm 1998.

Năm 1998, nền kinh tế nước ta tiếp tục phát triển và tăng trưởng theo xu hướng đã hình thành trong những năm vừa qua. Khó khăn và thách thức còn nhiều nhưng thuận lợi, thời cơ cũng không ít và có triển vọng tăng dần. Sự ổn định về chính trị và xã hội cùng với sự tăng lên về tiềm lực kinh tế - tài chính sau 12 năm đổi mới đã và đang tạo ra thế và lực mới thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế. Hàng loạt công trình trọng điểm đầu tư bằng nguồn vốn trong nước và nước ngoài đã bắt đầu phát huy tác dụng tạo nên

Digitized by Google

bước đột phát quan trọng trong nhiều ngành, nhiều địa phương, rõ nhất là dầu khí, xi măng, sắt thép, điện tử, điện, viễn thông, hóa chất, cà phê, cao su, mía đường, lâm nghiệp... Sáu chủ trương lớn cùng nhiều giải pháp đồng bộ của Chính phủ đã trình Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 2 thông qua đã và đang tạo ra những động lực tinh thần, khơi dậy khí thế của toàn xã hội ra sức tiết kiệm, dồn vốn đầu tư phát triển sản xuất tạo ra bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đi kịp tiến trình hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở cân đối tiềm lực và khó khăn, thời cơ và thách thức, tính toán đầy đủ tác động của mọi yếu tố bên trong và bên ngoài, chúng ta có thể tin tưởng rằng triển vọng kinh tế Việt Nam năm 1998 sẽ tốt đẹp.

Dự báo năm 1998 ở nước ta tốc độ tăng trưởng GDP sẽ đạt khoảng 9%, tốc độ tăng trưởng của công nghiệp 13,5%, nông nghiệp 4,8%, xuất khẩu 25 - 26%, nhập khẩu 18%, lạm phát 7%, tỷ lệ vốn đầu tư so GDP bằng 34,7%, thu ngân sách bằng 20% GDP, bội chi ngân sách 2,5-4% GDP, tốc độ tăng dân số 1,8%.

Chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của Chính phủ và sự nỗ lực của toàn dân, những dự báo trên đây sẽ trở thành thực tế và năm 1998 là năm kinh tế Việt Nam tăng trưởng và phát triển bền vững, xứng đáng là năm bản lề của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000.

Để thực hiện có kết quả các mục tiêu trên, cần tập trung giải quyết một số vấn đề cơ bản sau đây :

Một là, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế và chính sách vĩ mô của Nhà nước trên tất cả các mặt, nhất là đầu tư, thuế, tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu nhằm tạo thêm hành lang pháp lý thông thoáng hơn nữa để tạo ra động lực mới giải phóng mạnh mẽ mọi tiềm năng về đất đai, lao động, vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có và sử dụng nó có hiệu quả nhất cho mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Hai là, về vốn : Chuyển mạnh trọng tâm sang khai thác mọi nguồn vốn trong nước, bảo đảm đủ vốn cho các công trình trọng điểm có tầm cỡ quốc gia và đầu tư chiều sâu đối với máy móc, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm công, nông nghiệp trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Đối với nguồn vốn đầu tư nước ngoài cần hướng các dự án vào các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung và các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản xuất khẩu. Xúc tiến hình thành thị trường chứng khoán, trước hết là thành lập thị trường chứng khoán ở quy mô thích hợp để thử nghiệm mô hình và đào tạo cán bộ giao dịch chứng khoán.

Ba là, về tổ chức và quản lý : Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước và đổi mới các hợp tác xã sản xuất và dịch vụ theo hướng cổ phần hóa. Đi đôi với việc khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp làm ăn có lãi, cần xử lý thỏa đáng các doanh nghiệp thua lỗ kéo dài trong tất cả các ngành, các địa phương. Triển khai mạnh mẽ Luật hợp tác xã và thử nghiệm các mô hình hợp tác xã và kinh tế hợp tác trong nông thôn.

Bốn là, thực hiện triệt để Luật ngân sách, Luật ngân hàng nhằm mục tiêu tăng thu, tiết kiệm chi, giảm thất thoát công quỹ nhà nước trong xây dựng cơ bản, trong hoạt động tín dụng, lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia để ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng xấu của cuộc khủng hoảng tiền tệ thế giới đối với Việt Nam. Năm 1998 phải là năm tiết kiệm để đầu tư cho sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trên thị rường, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế lên cao.

Năm là, đi đôi với tăng trưởng và phát triển kinh tế, từng bước nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho nhân dân, nhất là nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai gây thiệt hại nặng ; khắc phục và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, thực hiện nếp sống văn minh, xóa đói giảm nghèo và từng bước vươn tới sự công bằng xã hội.❑

Digitized by Google

NGOẠI GIAO 1997

VŨ KHOAN *

CHỈ cần lật qua những trang báo hằng ngày và màn hình vô tuyến cũng đủ thấy hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong năm qua sôi động tới chừng nào. Những hoạt động ấy được soi sáng bởi đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa do Đảng ta đề xướng và chỉ đạo thực hiện phát huy những thành tựu trên mặt trận đối ngoại đã giành được trong những năm qua, có tính đến những diễn biến sôi động trên thế giới và ở khu vực.

Nhìn toàn cục thì trong năm qua, xu thế hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển về cơ bản vẫn được duy trì. Bằng chứng là những "điểm nóng" trong năm trước như cuộc chiến ở Bô-xni-a Hec-xê-gô-vi-na, Trê-sni-a, sự căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên, ở eo biển Đài Loan, vùng Hồ lớn châu Phi... có phần dịu bớt. Hiệp ước cấm vũ khí hóa học và Hiệp ước biến Đông Nam châu Á thành khu vực không có vũ khí hạt nhân đã có hiệu lực, Hiệp ước cấm mìn sát thương vừa được ký. Tuy nhiên, cuộc chạy đua vũ trang vẫn tiếp diễn, tình hình không ít nơi vẫn tiếp tục căng thẳng. Đặc biệt là tiến trình hòa bình ở Trung Đông bị chững lại, tình hình xung quanh I-rắc "nóng" lên, ở cả hai nước Công-gô xung đột nội bộ bùng lên gay gắt. Cuộc chiến huynh đệ tương tàn ở Xri Lanca, Áp-ga-ni-xtan vẫn giằng dai, mặc dầu chưa đưa tới những cuộc chiến rộng lớn hơn. Ngay ở những nơi mà độ nóng đã dịu bớt và ở Đông-Nam Á cũng chưa thật yên hàn.

Một nét mới trong cục diện quốc tế nam 1997 là sự cải thiện quan hệ giữa các nước lớn trên ngưỡng cửa thế kỷ mới. Ta có thể cảm nhận thấy điều đó qua các cuộc gặp cấp cao dồn dập, đan xen nhau chằng chịt giữa Trung Quốc, Mỹ, Nga, Nhật, các nước Tây Âu, Ấn Độ.

Về mặt kinh tế, trong lúc quá trình phục hồi đang tiến triển có phần thuận lợi ; xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa có những bước tiến mới thì đã bùng lên cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ sâu sắc, bắt đầu từ một số nước Đông-Nam Á, sau đó lan truyền sang Hồng Công, rồi Hàn Quốc, Nhật Bản, thậm chí tác động tới cả thị trường chứng khoán Niu-Oóc, Luân Đôn, Pa-ri...

Trong cơn "hoạn nạn", xu hướng hợp tác của Đông - Nam Á tiếp tục gia tăng. Nay ASEAN đã bao gồm 9 nước với số dân gần 500 triệu người và tổng sản phẩm nội địa lên tới trên 600 tỉ đô la Mỹ. Giữa tháng 12-1997, tại Cu-a-la Lăm-pơ (Ma-lai-xi-a) đã diễn ra cuộc gặp cấp cao ASEAN thông qua "Tầm nhìn 2020" để chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ XXI, đồng thời diễn ra cuộc gặp cấp cao giữa ASEAN với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, góp phần nâng cao thêm vị trí quốc tế của Hiệp hội.

*

* *

Toàn bộ tình hình trên tạo ra những thuận lợi mới, đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới đối với nước ta. Một mặt, chúng ta có thể tận dụng xu thế hòa bình, hợp tác để củng cố môi trường quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại, khai thác xu thế quốc tế hóa và khu vực hóa để mở rộng thị trường, tranh thủ vốn, công nghệ phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mặt khác, chúng ta tiếp tục phải quan tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước, ứng phó với cuộc cạnh tranh quyết liệt trên thương trường, những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực.

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng thường trực Bộ Ngoại giao.

Digitized by Google

Trong bối cảnh như vậy, mục tiêu **"củng cố môi trường hòa bình"** tiếp tục có ý nghĩa hàng đầu. Năm 1997 đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ của nước ta với nhiều nước trên thế giới, trong đó có các nước láng giềng trong khu vực, làm cho môi trường hòa bình của đất nước thêm bền vững. Mối quan hệ đặc biệt Việt-Lào sôi động chưa từng thấy trong năm kỷ niệm lần thứ 20 ngày ký Hiệp ước hữu nghị hợp tác, hai nước đã đi tới thỏa thuận về sự hợp tác trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là Chương trình hợp tác nông - lâm nghiệp 1997 - 2000. Trước diễn biến tình hình nội bộ Cam-pu-chia, nước ta kiên trì chính sách có tính nguyên tắc là không can thiệp nội bộ các nước khác, tiếp tục duy trì và phát triển sự hợp tác hữu nghị với Vương quốc Cam-pu-chia.

Chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Đỗ Mười tiếp thêm sung lực cho quan hệ láng giềng hữu nghị với Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Hai bên thỏa thuận thúc đẩy đàm phán về biên giới lãnh thổ nhằm làm sao đi tới Hiệp ước biên giới trên bộ và phân định Vịnh Bắc bộ trước năm 2000, đồng thời tiếp tục thông qua đàm phán để giải quyết tranh chấp trên biển Đông. Trong bối cảnh Việt Nam đã trở thành thành viên ASEAN, tiếp theo việc ta và Ma-lai-xi-a đã thỏa thuận từ năm 1992 về khai thác chung trên vùng biển chồng lấn mà nay đang được tiến hành thuận lợi, nước ta đã cùng Thái Lan đi tới thỏa thuận về việc phân định dứt điểm vùng biển chồng lấn lên nhau. Nước ta và Thái Lan cũng thỏa thuận về cơ chế tuần tra chung và cùng nhau nghiên cứu nguồn tài nguyên sinh vật trên vịnh Thái Lan, làm giảm đi hiện tượng đánh bắt hải sản bất hợp pháp. Nước ta và In-đô-nê-xi-a cũng nối lại các cuộc tiếp xúc để tìm cách phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Những nỗ lực nói trên góp phần quan trọng vào việc củng cố sự ổn định trong khu vực, gia tăng quan hệ láng giềng hữu nghị với các nước xung quanh, tạo thuận lợi cho việc quản lý đất nước, khai thác tài nguyên.

Ngoài những thỏa thuận song phương, nước ta đã tích cực tham gia vào những hoạt động đa phương vì hòa bình để phát triển, trong đó có Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) nhằm tạo dựng lòng tin, thực hiện "ngoại giao phòng ngừa" (tức là thông qua hoạt động ngoại giao để phòng ngừa xung đột).

Xem như vậy thì những hoạt động ngoại giao của Nhà nước ta trong năm qua đã góp phần đáng kể cho việc củng cố môi trường hòa bình để có thể tập trung sức lực xây dựng đất nước. Tuy nhiên, không phải mọi việc đều êm ả. Vẫn còn đó những mưu toan núp dưới chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" để can thiệp công việc nội bộ nước ta, phá hoại cuộc sống yên lành của nhân dân ta ; vẫn còn đó những vụ việc đáng tiếc về biên giới lãnh thổ, kể cả trên biển, ngoài ý muốn của chúng ta. Tình hình đó đòi hỏi những cố gắng không mệt mỏi để tạo dựng mối quan hệ quốc tế ổn định và bền vững dựa trên những nguyên tắc bất di bất dịch được mọi người thừa nhận là tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, không can thiệp công việc nội bộ của nhau, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, thông qua thương lượng hòa bình để giải quyết mọi tranh chấp.

Một nội dung nổi trội thứ hai trong hoạt động ngoại giao năm qua là **mở rộng hợp tác kinh tế**, thiết thực góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngoài việc đẩy mạnh sự hợp tác song phương với từng nước Đông - Nam Á là những cố gắng hội nhập khu vực, tham gia cơ chế Khu vực mậu dịch tự do (AFTA), thúc đẩy sự hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ, hình thành Khu vực đầu tư ASEAN (AIA). Tiếp theo cuộc gặp cấp cao Việt - Trung nhân dịp đồng chí Đỗ Mười thăm Trung Quốc là những thỏa thuận cụ thể về hợp tác kinh tế nhân dịp Phó Thủ tướng Trung Quốc Ngô Bang Quốc sang thăm Việt Nam như cấp tín dụng để cải tạo nhà máy gang thép Thái Nguyên, cấp tín dụng trị giá khoảng 25 triệu đô la Mỹ để nâng cấp một số công trình do Trung Quốc giúp ta trước đây... Với Liên minh châu Âu (EU) là thỏa thuận mới về hàng

Digitized by Google

dệt và may mặc, theo đó EU giảm bớt những mặt hàng họ quản lý bằng hạn ngạch đối với Việt Nam (từ 53 loại xuống còn 29 loại), tăng hạn ngạch nhập hàng từ Việt Nam lên 31% trong năm tới và trong 2 năm tiếp theo sẽ tăng thêm 3 - 6% mỗi năm. Nhân chuyến thăm Việt Nam lần đầu tiên của Thủ tướng Nga, hai bên đã ký Tuyên bố về việc thúc đẩy sự hợp tác kinh tế-thương mại và khoa học - kỹ thuật và thỏa thuận về hàng loạt đề tài hợp tác cụ thể. Ta và Mỹ cũng đã ký Hiệp định về quyền tác giả, về cơ chế hoạt động của Công ty đầu tư tư nhân ở nước ngoài (OPIC) để khuyến khích giới doanh nghiệp Mỹ vào làm ăn ở Việt Nam và đang khẩn trương đàm phán về Hiệp định thương mại... Trong năm nay nước ta đã bắt tay vào những công việc cụ thể để chuẩn bị tham gia Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Cũng trong năm nay, thông qua Câu lạc bộ Luân Đôn, nước ta đã giải tỏa được khoản nợ tư nhân lưu cữu từ lâu, cắt giảm tới trên 50% nợ cũ. Đỉnh cao của những cố gắng tranh thủ nguồn tài trợ từ bên ngoài phục vụ nhu cầu phát triển trong nước là Hội nghị các nhà tài trợ họp ở Tô-ki-ô, tại đó cộng đồng quốc tế cam kết dành cho ta 2,4 tỉ đô la Mỹ viện trợ phát triển chính thức (ODA), mặc dầu khuynh hướng chung của các nước là thuyên giảm ODA và nhiều nước đang gặp khó khăn nghiêm trọng về tài chính - tiền tệ.

Tuy nhiên trong lĩnh vực này có những điều đáng quan tâm như tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tuy vẫn cao nhưng chưa đạt mức dự kiến, đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam có phần giảm, cam kết về tài trợ phát triển chính thức về đại thể duy trì như mức năm ngoái. Đó là chưa kể đến tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở khu vực đối với nền kinh tế nước ta - một bộ phận của nền kinh tế khu vực và thế giới. Điều đó càng đáng được quan tâm hơn trong bối cảnh nước ta đang trong quá trình hội nhập khu vực và hội nhập quốc tế để mở rộng thị trường, có thêm đối tác, tranh thủ thêm vốn và công nghệ phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nâng cao hơn nữa vị trí quốc tế của Nhà nước ta là một hướng quan trọng trong hoạt động đối ngoại. Về phương diện này, trong năm qua nước ta cũng đã gặt hái được không ít thành quả đáng ghi nhận. Sau hơn 20 năm tham gia Liên hợp quốc, lần đầu tiên nước ta được bầu làm Phó Chủ tịch Đại hội đồng của tổ chức toàn cầu lớn nhất này, đồng thời ngay tại vòng đầu, với số phiếu cao, ta đã được bầu vào Hội đồng kinh tế - xã hội (ECOSOC), một cơ quan quan trọng thứ hai của Liên hợp quốc, sau Hội đồng bảo an. Với tư cách nước chủ nhà, nước ta đã tổ chức thành công Hội nghị cấp cao lần thứ VII các nước có sử dụng tiếng Pháp, bổ sung một nội dung quan trọng trong sự hợp tác của cộng đồng là hợp tác kinh tế và phát triển nguồn nhân lực, gia tăng tình đoàn kết giữa các nước thành viên, bầu ra Tổng thư ký đầu tiên. Cũng thông qua Hội nghị này bạn bè từ khắp năm châu, bốn biển càng hiểu rõ thêm và tin vào những thành tựu của nhân dân ta trong công cuộc đổi mới về mọi mặt, tìm kiếm sự hợp tác chặt chẽ hơn với nước ta. Cũng trong tháng 11 năm 1997, Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), một tổ chức hùng mạnh chiếm tới 40% dân số, 56% tổng sản phẩm nội địa và 46% nền thương mại thế giới đã quyết định kết nạp Việt Nam cùng Nga và Pê-ru trong năm 1998. Thành công của Hội nghị các nước tài trợ cho Việt Nam ở Tô-ki-ô như đã nói ở trên là một bằng chứng sáng tỏ nữa về vị thế quốc tế đang lên của nước ta.

Toàn bộ những điều nói trên cho thấy, một trong năm thành tựu cơ bản của công cuộc đổi mới mà Đại hội lần thứ VIII của Đảng là "phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế" có thêm những tiến triển mới rất quan trọng. Vấn đề còn lại là ra sức tận dụng những cơ hội mới mở ra, trên cơ sở tăng cường nội lực, mở rộng và làm sâu sắc hơn nữa quan hệ quốc tế, từng bước hội nhập khu vực và quốc tế, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.❑

Digitized by Google

HÀNG HÓA, TIỀN TỆ TRONG BƯỚC TIẾN CỦA KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

VŨ ĐÌNH CỰ *

TRONG hoàn cảnh thị trường hiện đại được toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, vấn đề tiền tệ ngày càng trở nên bế tắc trước yêu cầu cải cách để chống lại các vụ khủng hoảng làm rung động thế giới. Ví dụ, vụ khủng hoảng thị trường chứng khoán năm 1987, dẫn đến sự sụp đổ một số ngân hàng lớn và hiện nay là bão táp của thị trường tiền tệ Đông - Nam Á đang lan rộng toàn thế giới. Châu Âu đang tiến tới một đồng tiền chung (Ecu). Nếu suôn sẻ thì đây sẽ là báo hiệu của sự chấm dứt tính độc tôn của đồng đô la Mỹ, nghĩa là hình thành rõ hơn một sự đa cực trong thực tế. Còn ở châu Á và Đông - Nam Á thì sẽ sao ?

Bài viết này mong trình bày một số vấn đề có liên quan đến tình hình nói trên và từ đó nêu ra những gì cần phải cẩn trọng của quản lý vĩ mô (quốc gia) trong vận động đại vĩ mô (quốc tế) của bước chuyển thời đại hàm chứa nhiều yếu tố khó lường trước.

1 - Hàng hóa và sản xuất hàng hóa trong thị trường hiện đại.

Sự phát triển của thị trường hiện đại được đặc trưng bởi nhiều yếu tố mới trong sự phát triển của lực lượng sản xuất và các diễn biến tương ứng của quan hệ sản xuất, mà hàng hóa và tiền tệ có vai trò chính.

Như đã biết, cuộc cách mạng công nghiệp vào nửa sau thế kỷ XVIII xảy ra ở châu Âu, dựa trên sự xuất hiện các máy móc thay cho các dụng cụ lao động thủ công trước đây. Các máy móc đó "đều gồm 3 bộ phận khác nhau một cách căn bản : động cơ, cơ cấu truyền lực và cuối cùng là máy công cụ hay máy công tác" (1). Bộ phận tác động trực tiếp lên đối tượng lao động là máy công cụ (hay máy công tác). "Nếu chúng ta quan sát kỹ máy công cụ, hay máy công tác chính cống, thì nói chung chúng ta sẽ lại thấy ở đấy những thiết bị và những công cụ mà người thợ thủ công và người công nhân công trường thủ công vẫn dùng để làm việc" (2).

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại xảy ra vào nửa sau thế kỷ XX này làm xuất hiện loại máy móc mới. Nó có thêm bộ phận thứ tư khác căn bản với ba bộ phận của các máy móc trước đây. Đó là *bộ phận điều khiển*. Bộ phận điều khiển này có chức năng *thay một phần chức năng của người công nhân* đứng máy trước đây, để điều phối hoạt động của ba bộ phận còn lại, nhằm đạt chất lượng sản phẩm và năng suất lao động cao hơn hẳn so với khi sử dụng các loại máy móc cũ. Hình ảnh điển hình của các loại máy móc mới là các bàn tay máy, người máy (rô-bốt), các dây chuyền tự động, v.v.. Các máy móc loại mới này đã sử dụng để sản xuất ra các sản phẩm và dịch vụ, tức là các *hàng hóa căn bản mới* (mới về chất) có thể gọi là các *hàng hóa thông minh* (tiếng Anh : smart goods). Đó là sản phẩm và dịch vụ dùng trong tiêu dùng sản xuất hay trong tiêu dùng cá nhân đều thực hiện được một số chức năng hạn chế mà trước đó chỉ có con người mới có thể thực hiện được. Ví dụ : các *dịch vụ đa thông* (tiếng Anh : multimedia) tích hợp và có *đối thoại tương tác*

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó chủ tịch Quốc hội kiêm Chủ nhiệm Ủy ban khoa học - công nghệ và môi trường của Quốc hội

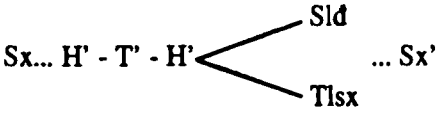
(1), (2) C. Mác - Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t 23, tr 538, 539

Digitized by Google

(tiếng Anh : Interactive) trên các mạng thông tin toàn cầu hóa, trong đó có mạng máy tính In-tơ-nét ; các sản phẩm như các hệ chuyên gia có thể làm được một số chức năng của người như chẩn bệnh, dự báo và xác định hư hỏng trong các hệ máy phức tạp, hoạt động nhờ nguyên lý của cái gọi là "trí tuệ nhân tạo". Các hàng hóa thông minh ngày càng thông minh hơn, lan tràn vào mọi lĩnh vực hoạt động xã hội, để tiến sang thế kỷ XXI, được dự báo là khởi đầu nền văn minh trí tuệ của nhân loại.

Có một vấn đề đặt ra là : với máy móc loại mới và hàng hóa loại mới như vậy thì quá trình chu chuyển tư bản trong hình thái sản xuất - lưu thông - sản xuất có gì khác trước.

Theo Mác [3], trong tái sản xuất mở rộng thì chu chuyển tư bản loại nói ở trên có thể trình bày bằng công thức (sơ đồ) sau đây :



(Các ký hiệu có ý nghĩa như sau : Sx - sản xuất ; H - hàng hóa ; T - tiền ; Sld - sức lao động ; Tlsx - tư liệu sản xuất).

Đối chiếu với chu kỳ sản xuất hiện đại, chúng ta thấy về cơ bản vẫn có thể dùng công thức trên đây, tuy nhiên phải hiểu mở rộng là :

a) Sự sản xuất ra sản phẩm hoàn chỉnh có thể không xảy ra tại một địa điểm, mà các thành phần khác nhau của sản phẩm có thể sản xuất ở nhiều địa điểm rải rác khắp thế giới và cuối cùng "lắp ráp" hoàn chỉnh ở địa điểm cuối cùng. Như vậy, công thức trên phải được hiểu là sự chồng lên nhau của một dãy công thức tương tự.

b) Quá trình lưu thông H' - T' - H' phải bảo đảm sao cho phí lưu thông ít nhất và thời gian lưu thông ngắn nhất. Bởi vậy, phải hiểu các hình thức bán, mua, tiền ở đây là bao hàm tất cả các hình thức hiện đại của chúng.

c) Sự phân bổ tư bản sản xuất thành tư bản sức lao động và tư bản tư liệu sản xuất có thể rất khác nhau trong các chu trình sản xuất của một loại sản phẩm. Bởi lẽ khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, nên công đoạn nghiên cứu phải tích hợp vào trong quá trình sản xuất. Do đó, tư bản sức lao động của chu kỳ đầu có thể cao hơn hẳn các chu kỳ sau [4]. Điều này cũng phù hợp với tính chất là vòng đời của các sản phẩm hiện nay thường rất ngắn, có thể chỉ từ vài tháng đến vài năm (sản phẩm công nghiệp). Bởi vậy, nhiều khi phải tính theo công thức trên cho tất cả các chu kỳ thuộc vòng đời của một loại sản phẩm nhất định, rồi sau đó lấy trung bình.

Có các tính chất mới trên đây, nhưng nguyên lý cơ bản của *chu chuyển tư bản* thì vẫn như cũ. Nghĩa là, tư bản đầu ra bao giờ cũng phải lớn hơn tư bản đầu vào do giá trị thặng dư được thực hiện ở mỗi chu kỳ sản xuất và sẽ bị chủ sở hữu tư bản chiếm đoạt.

Để minh họa cho các điểm nói trên, có thể xét trường hợp sản xuất phần mềm dùng cho các máy vi tính. Sản phẩm phần mềm là một loại chương trình đồ sộ, dùng làm hệ thống điều hành của máy vi tính chẳng hạn, được thể hiện bằng một đĩa compắc (đĩa nhựa mỏng, nặng khoảng vài gam, có tráng lớp kim loại ghi được các thông tin ; các thông tin ấy lấy ra bằng cách cho quét trên mặt đĩa một chùm tia lade cực nhỏ, đĩa còn gọi là CD - tên viết tắt tiếng Anh : Compact disk). Lượng thông tin ghi trên đĩa tương đương với khoảng 10 nghìn trang viết. Vòng đời của phần mềm này khoảng 5 - 6 năm. Các số liệu của bảng dưới đây cho thấy hình ảnh các chu kỳ sản xuất các loại "hàng hóa thông minh" này.

Chu kỳ	Sức lao động (tỉ đồng)	Tư liệu sản xuất (tỉ đồng)	H' Lượng sản phẩm	T' Tiền bán sản phẩm (tỉ đồng)	Thời gian (tháng)	Giá trị thặng dư (tỉ đồng)	Tỷ suất lợi nhuận (giá trị thặng dư / giá trị đầu vào)
1	800	200	10 triệu	10 000	60	9 000	9
2	10	50	20 -	20 000	12	19 940	1994
3	5	25	10 -	10 000	12	9 970	332
4	5	25	10 -	10 000	12	9 970	332
5	2,5	12,5	5 -	5 000	12	4 985	332
6	0,5	2,5	1 -	1 000	12	997	332
Tổng	823	315	56 triệu	56 000	120	54 862	48,2

Chúng ta thấy ở chu kỳ đầu, thời gian kéo dài 5 năm bao gồm cả nghiên cứu, thử nghiệm lần 1

(3) Xem : *Sđd*, t 24, tr 124
(4) Xem : *Sđd*, t 25, phần 1, tr 164

Digitized by Google

(thử α), thử nghiệm lần 2 (thử β)... rồi sau đó thương mại hóa và lượng sản phẩm tung ra 10 triệu bản ; vốn đầu tư trong 5 năm là 1000 tỉ đồng nhưng ngay đợt đầu bán ra đã được 10 000 tỉ đồng, thu lãi 9 000 tỉ đồng và tỉ suất của giá trị thặng dư trên tư bản đầu vào là 9. Ở đây, để đơn giản, chưa tính đến các loại phí tài chính hoặc lợi tức sinh ra khi vay vốn hoặc gửi vào các ngân hàng, v.v... Chỉ như vậy chúng ta cũng thấy rằng tính riêng từng chù kỳ sản xuất sẽ rất khác nhau, đặc biệt ở đây nếu nhìn vào tư bản đầu vào thì lại thấy là sản xuất thu hẹp ở các chu kỳ cuối chứ không phải mở rộng, nhưng đều có tỷ suất lợi nhuận (tỉ lệ giá trị thặng dư trên tư bản đầu vào) rất cao, có thể nói mức lãi suất chưa từng có trong lịch sử của chủ nghĩa tư bản từ trước tới nay. Đó là lý do tại sao người giàu nhất thế giới hiện nay là một nhà kinh doanh sản xuất phần mềm.

Rõ ràng ở đây có bóc lột siêu lợi nhuận. Việc đó xảy ra do nhiều hoàn cảnh, nhưng ít nhất cũng nhìn thấy hai lý do. *Trước hết* đó là các lao động quá khứ của trí tuệ bị tước đoạt ; vì lẽ "Mọi công trình khoa học, mọi phát hiện, mọi phát minh đều là lao động chung. Nó được quyết định một phần do sự hiệp tác của những người đương thời, một phần do việc sử dụng lao động của tiền nhân" (5). *Thứ hai,* đó là do tính độc quyền của lĩnh vực sản xuất phần mềm của một số công ty Hoa Kỳ. Bảng trên cho thấy số sản phẩm tổng cộng là 56 triệu, nhưng trên thế giới có vài trăm triệu máy vi tính hoạt động, một phần lớn là sao chép để dùng chứ không mua. Bởi vậy, đầu vị chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ hiện nay là đòi hỏi các nước đối tác phải ký hiệp ước bảo vệ quyền tác giả các phần mềm máy tính. Hiện nay chưa thấy nước nào hoặc nhóm nước nào, kể cả châu Âu (EU) xuất hiện khả năng phá thế độc quyền đó. Nhưng chắc chắn trong tương lai gần sẽ có giải pháp vì mâu thuẫn do bóc lột siêu lợi nhuận gây ra ngày càng gay gắt.

2 - Tiền tệ và lưu thông tư bản trong thị trường hiện đại.

Tiền có một lịch sử lâu đời, xuất hiện từ khi bắt đầu tan rã của công xã nguyên thủy. Lúc đầu nó ở dưới dạng phương tiện thanh toán có thể là vỏ sò, cừu, bò, v.v.. Sau đó là vàng, bạc, kim loại quý, với các tính chất hóa - lý đặc biệt quý hiếm của chúng đã trở thành tiền như một loại hàng hóa trao đổi ngang giá chung. Ở nhiều nước tiền vàng còn tồn tại mãi đến đầu thế kỷ XX. Tiền kim loại không đáp ứng được sự phát triển của thương mại nên từ thế kỷ XIV đã xuất hiện tiền giấy dưới dạng các tín thư, séc ở phương Đông và phương Tây (thực ra có thể tiền đã xuất hiện sớm hơn ở các thương nhân Trung Hoa vào thế kỷ thứ VIII). Tiền giấy dưới dạng giấy bạc phát hành như ta thấy hiện nay, nhưng có bản vị vàng, đã xuất hiện từ thế kỷ trước cho đến giữa thế kỷ này. Kể từ đầu những năm 70, số đô la Mỹ mà các nước dự trữ đã lớn hơn 5 lần số vàng mà quỹ dự trữ của Mỹ có, nghĩa là không còn khả năng thực hiện điều khoản các nước có thể đổi đô la lấy vàng ở ngân hàng của Mỹ như đã quy định khi thành lập Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) ở Bret-tơn Uts (tiếng Anh : Bretton Woods). Tình hình đó buộc Tổng thống Mỹ Ních-xơn vào tháng 8 năm 1971 phải hủy bỏ bản vị vàng của đô la Mỹ. Kể từ đó tiền hoàn toàn tách khỏi quá khứ là *hàng hóa dùng làm vật trao đổi ngang giá chung* mà trở thành hiện thân của một loại *quy ước xã hội nhân tạo,* được mọi người chấp nhận theo sắc lệnh của nhà nước.

Ngày nay mặc dầu vẫn giữ ba chức năng : đơn vị đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện dự trữ tư bản ; tiền tệ ngày càng trở nên có thuộc tính của một loại ký hiệu như C.Mác đã dự báo : "Có thể nói là sự tồn tại chức năng của tiền đã nuốt mất sự tồn tại vật chất của nó. Là sự phản ánh nhất thời đã khách thể hóa của các giá cả hàng hóa, tiền chỉ còn hoạt động với tư cách là những ký hiệu của chính bản thân nó, và vì vậy mà có thể được thay thế vào những ký hiệu đơn thuần. Chỉ cần là ký hiệu tiền tệ có được một ý nghĩa xã hội khách quan của bản thân nó, và mẩu giấy tượng trưng nhận được ý nghĩa ấy nhờ sự cưỡng bức lưu hành" (6). Ngày nay thậm chí các loại tiền ký hiệu đó lại còn trở nên *vô hình* vì nó được hóa thân vào các tín hiệu điện từ lưu trữ trong các mảnh silic của các máy tính, còn gọi là tiền điện tử hay tiền nhựa (chất dẻo) vì các tiền ký hiệu được lưu trữ ở các tấm thẻ

(5) Xem : *Sđd.* t 25, phần 1, tr 164
(6) *Sđd :* t 23, tr 196

Digitized by Google

tín dụng bằng chất dẻo hoặc trong các ổ đĩa cứng máy vi tính cá nhân dưới dạng đơn vị giá trị số hóa (DVU - viết tắt tiếng Anh Digital Value Unit). Nhờ hệ thống viễn thông toàn cầu hiện đại, ngày nay các món tiền khổng lồ hàng tỉ đô la Mỹ có thể trong một giây đồng hồ lưu chuyển vài vòng quanh trái đất.

Với những hình thức hiện đại trên đây, tiền tệ đã thúc đẩy quá trình lưu thông tư bản. Quá trình lưu thông tư bản trước đây được phân tích thành 3 quá trình tuần hoàn cơ bản của tuần hoàn tiền tệ, tuần hoàn sản xuất và tuần hoàn hàng hóa (7). Ngày nay chúng ta thấy có xu hướng rõ rệt là ngày càng khó tách biệt ba chu trình đó, vì chúng xen kẽ, phân nhánh và nối mạng với nhau một cách hết sức phức tạp và mở rộng trên phạm vi toàn cầu. Có thể nói, đó là xu hướng tích hợp của lưu thông mọi hình thái của tư bản trong lưu thông tư bản nói chung. Tuy nhiên quá trình vẫn được khống chế nghiêm ngặt để bảo đảm quyền sở hữu tư bản của các nhà tư bản và các "luật chơi" hiện đại hóa của thị trường tư bản nhằm vào lợi nhuận tối đa. Bởi vậy, cuộc cạnh tranh giữa các tập đoàn tư bản càng khốc liệt hơn, hiện đại hóa được đẩy mạnh hơn và mang tính bạo liệt hơn ; xu hướng tích tụ và phân cực trên thị trường thế giới càng xảy ra nhanh chóng với tốc độ chưa từng có.

Một câu hỏi được đặt ra là quá trình lưu thông tư bản hiện đại có ổn định không ? Có thể nói là đang có sự cơ cấu lại nền kinh tế thế giới, do đó mạng lưới lưu thông tư bản hiện đại luôn phải biến đổi để tự thích nghi. Tuy nhiên bản chất *phát triển bất đồng* và *biến động ngẫu nhiên* của thị trường tư bản không thể nào đáp ứng được yêu cầu nói trên. Do đó *những khủng hoảng có tính chất chu kỳ* tất yếu sẽ xảy ra như ta đã thấy trong các thập kỷ qua : khủng hoảng tiền tệ ở Mê-hi-cô, Thái Lan và Đông - Nam Á ; khủng hoảng thị trường chứng khoán toàn cầu năm 1987 và 1997, v.v..

3 - Kinh doanh tiền tệ trong thị trường hiện đại.

Những tư bản ứng ra thực hiện các chức năng mang tính kỹ thuật trong quá trình lưu thông tư bản đã trở thành tư bản kinh doanh tiền tệ. Nó khác với tư bản tiền tệ (trong quá trình lưu thông). Có thể gọi nó là tư bản sinh lợi tức (tiếng Anh : moneyed capital) (8). Các tổ chức kinh doanh tiền tệ là các ngân hàng và các loại tổ chức tín dụng rất đa dạng, nên có thể coi hình thái tư bản sinh lợi tức là tư bản ngân hàng. Có thể thấy rằng ngay ngân hàng nhà nước cũng gián tiếp tham gia vào kinh doanh tiền tệ vì nó là ngân hàng của các ngân hàng thương mại và quản lý vĩ mô toàn bộ kinh doanh tiền tệ. Lợi nhuận phát sinh trong kinh doanh tiền tệ cũng là một phần của giá trị thặng dư trích ra như đã phân tích trong bộ Tư bản của Mác. Tư bản ngân hàng ngoài tiền mặt (tiền giấy phát hành), các kim loại quý, đá quý v.v., còn bao gồm một lượng rất lớn các loại giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu về những khoản sinh lợi tức (trái phiếu, tín phiếu kho bạc, kỳ phiếu, hối phiếu, thương phiếu, cổ phiếu, chứng khoán, v.v..). Phần lớn trong số các loại phiếu này đã được Mác chứng minh là *tư bản giả*, nghĩa là chúng không còn tồn tại trong thực tế, ít nhất là cho đến một thời hạn mà sau đó nó có thể tái sinh, hoặc chúng chỉ tượng trưng trên danh nghĩa để bảo đảm một lợi tức xác định cho người sở hữu nó. Nhiều sách giáo khoa kinh tế học thị trường (9) đã chứng minh một cách rõ ràng hệ thống ngân hàng thương mại "làm phép" tạo ra *tư bản giả* như minh họa trên hình vẽ. Ở đây, quy định tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10% (ghi ở các đường vòng bên trái). Như vậy, qua các ngân hàng cấp 1, cấp 2, cấp 3, v. v., cuối cùng số tư bản xuất hiện như là 10 triệu đồng khi đầu vào tiền gửi thực sự chỉ là 1 triệu đồng. Trong hoàn cảnh với tiền điện tử và hệ ngân hàng tin học hóa thì những chiếc "bong bóng" của hình vẽ thực sự là vô hình. Tất nhiên *tư bản giả* xuất hiện trong thị trường tư bản ngân hàng có tác dụng tích cực đẩy mạnh tốc độ lưu thông tư bản nói chung. Tư bản tiền tệ trong lưu thông có vai trò quan trọng như một *chất lưu* (tiếng Anh : fluid) làm cho cỗ máy thị trường hoạt động trơn tru (ở một số nước Đông Á còn nói bóng bẩy rằng thương nghiệp và tiền tệ có mệnh thủy !). Các dòng tư bản giả thực sự có vai trò làm giảm "độ nhớt" (tiếng Anh : viscosity) của các dòng tư bản tiền tệ, do đó

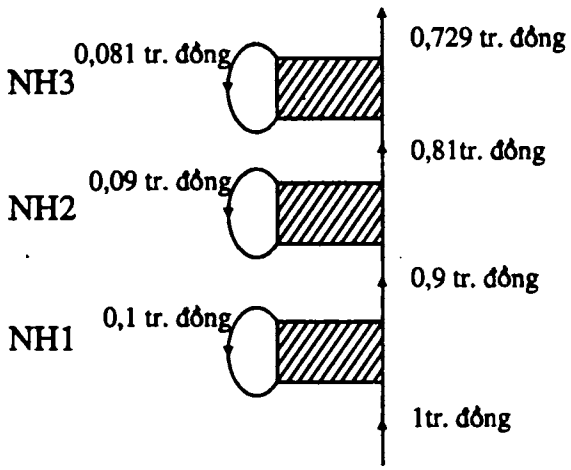
(7) Xem : *Sđd*, t 24, tr 124

(8) Xem . *Sđd*, t 25, phần 2, tr 10 - 30

(9) Xem : P. Samuelson, W. Nordhaus : Kinh tế học I, Hà Nội, 1989, tr 342 - 347

Digitized by Google

làm cho *tốc độ lưu thông* tăng mạnh và có thể có tác dụng tích cực đến phát triển kinh tế thị trường.



Hình vẽ - *Hệ thống ngân hàng tạo ra tư bản giả, NH – ngân hàng*

Tuy nhiên bên cạnh tác dụng tích cực đối với kinh tế thị trường, các dòng *tư bản giả* cũng làm xuất hiện một cách trắng trợn nhất các mặt trái của nó. Một trong các biểu hiện đó thường là các nền kinh tế thị trường quá nóng hoặc "sủi bọt" (tiếng Anh : buble economy), một cách nói ẩn dụ về thí dụ trên hình vẽ. Trong các nền kinh tế đang "sủi bọt" với tốc độ tăng trưởng 2 con số, xuất hiện trạng thái tiềm ẩn của *động lực học phi tuyến hỗn loạn* (tiếng Anh : chaotic nonlinear dynanics), nói đơn giản là tiềm ẩn trạng thái đổ vỡ dắt dây. Khi đã ở trạng thái này thì hệ thống dễ dàng xẹp đổ chỉ vì một tác nhân nhỏ nhoi. Chúng ta đã thấy hiện tượng "sủi bọt" của kinh doanh địa ốc tại Nhật Bản trước đây, tại Thái Lan và một số nước Đông - Nam Á gần đây đã dẫn đến khủng hoảng tài chính và tiền tệ như thế nào. Có lẽ ở đây vai trò của một nhà tư bản đầu cơ nào đó cũng chỉ là tác nhân mà thôi.

Có thể vì vậy mà luật pháp ngân hàng thương mại của nhiều nước rất coi trọng *tỷ lệ dự trữ bắt buộc* và đặt nó thuộc quyền quyết định của nhà nước (10).

Một mảng lớn của thị trường tài chính thế giới hiện nay là thị trường chứng khoán. Việc hình thành các quy định về định chế các cổ phiếu của các doanh nghiệp, luật pháp hoạt động của các sở giao dịch chứng khoán có thể thay đổi khác nhau ít nhiều, nhưng chúng đều có mục đích là làm tăng tốc độ lưu thông tư bản và do đó làm tăng phát triển kinh tế. Tuy nhiên, các giá trị chứng khoán vẫn mang tính chất của tư bản giả, nên từ đó nảy sinh hàng loạt những tiêu cực dẫn đến các khủng hoảng chu kỳ trên thế giới, gần đây là các năm 1987 và 1997. Hãy xét một ví dụ hay xảy ra ở thị trường chứng khoán là nạn cướp đoạt các công ty (tiếng Anh : raider). Một nhà tư bản muốn đoạt quyền kinh doanh của một công ty mà anh ta cho là có tương lai sinh lợi lớn hoặc có khả năng cạnh tranh với anh ta, bằng nhiều cách qua môi giới, một cách lặng lẽ anh ta mua dần cổ phần của công ty đó có định thị giá ở thị trường chứng khoán, cho đến khi vượt số cổ phần đa số để giành quyền quản lý. Đã có hàng nghìn vụ như vậy xảy ra vào cuối những năm 80. Hiện người ta đối phó bằng cách bắt buộc những người đã có 20% số cổ phần của một công ty phải thông báo công khai ý định của mình có muốn giữ quyền quản lý công ty đó không và đến mức nào đó phải gửi ý định của mình cho tất cả các cổ đông của công ty. Tuy nhiên vẫn có những hình thức "chui" để tước đoạt nhau trên thị trường chứng khoán.

Tình hình trên đây còn nhiều mối nguy hại tiềm tàng. Trong khuôn khổ của bài viết, tôi chưa thể trình bày đầy đủ và rõ hơn. Tuy nhiên có thể thấy một số vấn đề nổi lên ngày càng rõ và chưa thấy hướng giải quyết. Đó là một sự bế tắc có tính thời đại của thị trường tự do, cụ thể là :

a) Tính không kiểm soát nổi của các dòng tư bản thể hiện rõ rệt nhất là sự lên xuống thất thường của tỷ lệ hối đoái giữa các đồng tiền. Ví dụ, chỉ trong vòng 2 năm, từ 1995 đến 1997 đồng đô la Mỹ từ 85 Yên Nhật tăng lên trên 122 Yên Nhật (tăng 40%). Các tổ chức tiền tệ quốc tế như WB, IMF và đủ các loại quỹ khác nhau đều bất lực không kiểm soát nổi và thậm chí không có kế hoạch dài hạn để cải thiện tình hình ngoài việc "chữa cháy" ở Mê-hi-cô, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, v.v..

(Xem tiếp trang 23)

(10) Xem : *Pháp luật về Ngân hàng trung ương và ngân hàng thương mại một số nước*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 1997

Digitized by Google

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VỚI PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

LÊ XUÂN TRINH *

I - VẤN ĐỀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI :

Đầu tư nước ngoài là một trong những yếu tố quan trọng có tác động tích cực đối với tăng trưởng kinh tế, góp phần tạo nên những thành tựu kinh tế - xã hội trong công cuộc đổi mới, đưa nền kinh tế nước ta thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, tạo tiền đề cho đất nước tiến vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời góp phần tích cực vào việc hình thành khu chế xuất (KCX), khu công nghiệp (KCN) ở nước ta.

Nhìn một cách tổng quát, hoạt động của đầu tư nước ngoài 10 năm qua đã đưa lại kết quả to lớn : Tính đến cuối năm 1997 có khoảng 2246 dự án đầu tư được cấp giấy phép hoạt động với tổng số vốn đăng ký trên 32,2 tỉ USD, trong đó vốn thực hiện trên 11,5 tỉ USD. Tuy còn ở mức rất khiêm tốn so với nhu cầu của nền kinh tế quốc dân, nhưng nó đã mang lại một số kết quả :

Một là : Đầu tư nước ngoài đã góp phần tăng trưởng kinh tế, tăng xuất khẩu và tăng thu ngân sách. Trong sản xuất công nghiệp, khu vực đầu tư nước ngoài có mức tăng trưởng khá nhanh. Năm 1996 khu vực đầu tư nước ngoài đã vươn lên vị trí thứ hai trong sản xuất công nghiệp, chiếm tỷ trọng 24,4% và 8 tháng đầu năm 1997 lên 27%. Đối với một số sản phẩm như : dầu thô, thép cán, máy biến thế điện, xà phòng giặt, bia, vải lụa, quần áo may sẵn, đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng khá cao. Đầu tư nước ngoài có thế mạnh về vốn, trình độ thiết bị, kỹ thuật, công nghệ. Trong 10 tháng đầu năm 1997, kim ngạch xuất khẩu đạt tỷ lệ 30% (không kể dầu khí, chiếm 16% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước), sức cạnh tranh trên thị trường nội địa nhìn chung khá hơn doanh nghiệp trong nước ; nộp ngân sách chiếm 22% tổng thu ngân sách của cả nước (nếu không tính nguồn thu nộp ngân sách từ dầu khí thì tỷ lệ này khoảng 6%).

Hai là : Thông qua việc mở rộng hợp tác đầu tư với trên 60 nước, vùng và lãnh thổ, đầu tư nước ngoài đã góp phần thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa, trở thành một trong những nhân tố tạo nên thắng lợi trên mặt trận ngoại giao trong việc bình thường hóa quan hệ với Mỹ và gia nhập ASEAN.

Ba là, về xã hội : Khu vực đầu tư nước ngoài đã tạo việc làm cho khoảng 25 - 27 vạn lao động, với sức mua mới khoảng 2000 tỉ đồng/năm, góp phần nâng cao tay nghề cho hàng vạn lao động và biến đổi một số vùng nông thôn lạc hậu thành những vùng công nghiệp mới.

Bốn là : Đầu tư nước ngoài góp phần quan trọng hình thành các KCX, KCN. Hiện nay, số vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực phát triển hạ tầng chiếm 48% tổng vốn đầu tư, trong khi đó con số này của các doanh nghiệp KCN còn cao hơn nhiều (93%). Ngược lại, KCX và KCN là địa bàn thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài tiến hành sản xuất, kinh doanh, có điều kiện thuận lợi để thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, phù hợp với mong muốn của họ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, còn một số tồn tại như :

- Chậm điều chỉnh và bổ sung chiến lược và chính sách cụ thể trước những biến động của tình hình trong nước và thế giới. Chiến lược đầu tư tuy đã phác thảo, nhưng chưa rà soát lại để điều chỉnh, bổ sung thích hợp với những vấn đề mới nảy sinh như tự do hóa thương mại và đầu tư trong nội bộ các nước ASEAN, nước ta sắp tham gia Diễn đàn kinh tế châu Á,

* Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam.

Digitized by Google

Thái Bình Dương (APEC) và Tổ chức thương mại quốc tế (WTO). Một số chính sách liên quan chặt chẽ với đầu tư nước ngoài như kinh doanh bất động sản, cổ phần hóa các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa được bổ sung, xây dựng, làm cho hệ thống pháp luật của ta chưa hoàn chỉnh, đồng bộ. Đã thế, việc thi hành pháp luật, chính sách ở ta còn tùy tiện, nhất là gần đây có hiện tượng hình sự hóa các quan hệ kinh tế, làm suy giảm tính hấp dẫn của Luật đầu tư nước ngoài, nản lòng các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài thực hiện hợp đồng.

- *Công tác quy hoạch chưa đạt yêu cầu.* Cả nước cũng như từng ngành, từng địa phương thực sự chưa có quy hoạch cụ thể về đầu tư nước ngoài trên cơ sở và trong quy hoạch tổng thể. Quy định về lĩnh vực và ngành ưu tiên gọi đầu tư nước ngoài còn quá chung chung và dàn trải. Danh mục dự án ưu tiên mới nêu được một vài nội dung kinh tế - kỹ thuật, chưa đủ các thông tin cần thiết. Do đó, khi tiếp xúc với đối tác Việt Nam, lập hồ sơ dự án, thẩm định dự án, thường mất nhiều thời gian trao đổi, cân nhắc về tính xác thực và sự cần thiết của mục tiêu dự án. Cũng do chưa có quy hoạch cụ thể giữa các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất kinh doanh, nên chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác vận động đầu tư. Tình trạng phổ biến là ai có đất thì người đó tìm kiếm đối tác thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh. Phương pháp, nội dung xây dựng quy hoạch chưa được nhận thức rõ : lẫn lộn giữa hình thức đầu tư nước ngoài và hỗ trợ phát triển chính thức, giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Có quan điểm cho rằng đầu tư nước ngoài cũng phải phân bổ đều giữa các vùng, lãnh thổ, chưa chú ý thỏa đáng đến lợi ích của các nhà đầu tư nước ngoài ... chưa đặt đầu tư nước ngoài trong tổng thể đầu tư nói chung.

- *Bộ máy quản lý nhà nước* đối với đầu tư nước ngoài đến nay đã trải qua ba mô hình tổ chức, nhưng vẫn chưa thực hiện nguyên tắc quản lý "một cửa". Quản lý nhà nước còn nhiều tầng nấc, chồng chéo, thủ tục phiền hà làm cho tính quan liêu của các cơ quan hành chính tăng lên, cản trở tốc độ thu hút đầu tư nước ngoài.

- Cán bộ quản lý đầu tư nước ngoài còn yếu, lao động có tay nghề quá thiếu, chưa có sự chuẩn bị cần thiết khi tiếp cận với đối tác nước ngoài. Do đó thời gian đàm phán thường bị kéo dài, chất lượng hợp đồng thấp , hồ sơ dự án phải sửa đổi nhiều lần. Cán bộ tham gia quản lý vi mô ở doanh nghiệp vừa thiếu về số lượng, yếu về năng lực quản lý theo cơ chế thị trường, vừa kém về ngoại ngữ. Đây chính là nguyên nhân chính dẫn đến nhiều sơ hở và vi phạm pháp luật trong sản xuất kinh doanh, thua thiệt trong việc bảo vệ lợi ích nhà nước và của bên Việt Nam.

Tuy có những mặt tồn tại, như đã nêu, nhưng nhìn một cách toàn cục, đầu tư trực tiếp nước ngoài trong những năm vừa qua đã thực sự có tác dụng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Đồng thời, chính qua quá trình thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước ta về thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mà chúng ta đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm, đặc biệt là trong việc phát triển các hình thức đầu tư hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài và có sức cạnh tranh thu hút vốn cao, trong đó phải kể đến hình thức phát triển các KCX và KCN.

II - VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KCX, KCN TẠI VIỆT NAM :

Về mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp của nước ngoài với việc xây dựng KCX, KCN ở nước ta, một số nhà kinh tế dự đoán rằng, nếu mức đầu tư trực tiếp trong 10 năm tới tăng lên 1,5 lần so với hiện nay, thì trên phạm vi cả nước chúng ta cũng có thể phát triển khoảng 100 KCX và KCN.

Theo kinh nghiệm của các nước, KCN là một trong số các hình thức đầu tư nước ngoài khá hấp dẫn và trên thực tế tại các địa phương của nước ta, việc phát triển KCN bước đầu đã mang lại lợi ích to lớn. Trước hết, KCN tác động đến đầu tư, đến sản xuất công nghiệp để xuất khẩu và phục vụ tiêu dùng trong nước, làm tăng trưởng GDP, có điều kiện phát triển nhanh và vững chắc. Hai là, việc bảo vệ môi sinh, môi trường có điều kiện thực hiện tốt hơn (đây là lợi ích lâu dài và cơ bản đối với một nước đang phát triển như nước ta). Ba là, trình độ tay nghề của lao động công nghiệp được nâng lên, sự chuyển giao công nghệ tiên tiến trong công nghiệp sẽ hình thành từ đây. Bốn là, việc xây dựng KCN ở các địa phương trong cả nước cùng với việc xây dựng kết cấu hạ tầng sẽ góp phần hình thành nhanh chóng các thành phố mới, giảm bớt khoảng cách giữa các vùng. Ngoài ra, phát triển KCN không chỉ mang lại lợi ích kinh

Digitized by Google

tế - xã hội mà còn mang ý nghĩa an ninh - quốc phòng.

Đến cuối năm 1997 cả nước đã có 48 KCN được thành lập (3 KCX và 45 KCN) với tổng diện tích chiếm hơn 7 000 ha trong giai đoạn 1 (không kể KCN Dung Quất 14 000 ha). KCX và KCN đều sản xuất hàng công nghiệp, phần lớn là hàng tiêu dùng, áp dụng cơ chế quản lý đơn giản, thuận tiện, trong khu không có dân cư sinh sống. Nhưng KCX có đặc điểm khác với KCN là : KCX xuất khẩu 100% sản phẩm, phù hợp với chủ trương : "Công nghiệp hóa theo hướng xuất khẩu". Trong khi đó KCN được sử dụng một phần thị trường trong nước. Quan hệ giữa KCX với thị trường nội địa là quan hệ ngoại thương, do đó không tranh chấp với sản xuất trong nước, không ảnh hưởng đến quỹ ngoại tệ của nhà nước. Trong quan hệ này, KCX không phải là một thị trường khép kín, chỉ dành xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài, mà KCX còn có mối quan hệ hữu cơ với thị trường trong nước, thúc đẩy sản xuất trong nước cùng phát triển, nhất là việc mua nguyên vật liệu, bán thành phẩm từ thị trường nội địa vào KCX nhằm tăng hàm lượng quốc gia của sản phẩm sản xuất tại Việt Nam.

Trong các KCN hiện có của cả nước có thể phân bố thành các loại hình sau :

Loại hình thứ nhất : Các KCN được thành lập trên khuôn viên đã có một số doanh nghiệp công nghiệp đang hoạt động, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển KCN theo đúng quy hoạch mới, đồng thời tạo hạ tầng kỹ thuật phục vụ tốt việc phát triển KCN, có điều kiện xử lý chất thải với những thiết bị hiện đại.

Loại hình thứ hai : Các KCN được hình thành nhằm đáp ứng yêu cầu cho việc di dời các nhà máy, xí nghiệp đang ở trong nội thành các đô thị lớn, do nhu cầu chỉnh trang đô thị và bảo vệ môi trường, môi sinh nên phải di chuyển vào KCN. Việc hình thành các KCN phục vụ nhu cầu di dời là yêu cầu khách quan của quá trình đô thị hóa - kết quả tất yếu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Loại hình thứ ba : Các KCN có quy mô nhỏ gắn liền với nguồn nguyên liệu nông - lâm - thủy sản được hình thành ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng và trung du Bắc Bộ và duyên hải miền Trung, là những nơi có nguồn nguyên liệu, nông sản hàng hóa, nhưng công nghiệp chế biến chưa phát triển.

Các KCN thuộc ba loại hình nêu trên chiếm hơn một nửa số lượng KCN hiện có. Trong thời gian tới dự tính chúng ta vẫn còn phải tiếp tục thành lập một số KCN thuộc các loại hình này. Song khó khăn lớn nhất hiện nay là các công ty phát triển hạ tầng là doanh nghiệp Việt Nam thiếu vốn để phát triển hạ tầng theo tiến độ được duyệt. Khi lập báo cáo khả thi các công ty đều dựa vào ba nguồn vốn chính : vốn tự có, vốn vay tín dụng đầu tư theo kế hoạch và vốn ứng trước của khách hàng. Khi triển khai cụ thể có tình trạng vốn tự có của công ty thấp hơn dự kiến do tính cả vốn tự có nằm trong các bất động sản của công ty. Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước, riêng 7 KCN cần vốn vay tín dụng theo kế hoạch năm 1997 trên 2000 tỉ đồng, trong khi đó kế hoạch vốn tín dụng đầu tư năm 1997 chỉ bố trí được 40 tỉ đồng (bằng 2% nhu cầu), vốn thực hiện có khi thấp hơn số kế hoạch. Vốn ứng trước của khách hàng chưa đạt được con số dự kiến. Khó khăn tiếp theo là các doanh nghiệp Việt Nam chưa "mặn mà" đầu tư vào KCN, do họ chưa thấy được lợi ích đầu tư vào đây. Để tháo gỡ những khó khăn nêu trên Nhà nước ta đã có chính sách ưu tiên hơn cho các công ty phát triển hạ tầng vay vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch, như kéo dài thời hạn vay đến 10 năm, không phải thế chấp tài sản nếu xét thấy công ty kinh doanh có hiệu quả ... Khuyến khích huy động thêm vốn của các doanh nghiệp khác thông qua việc liên doanh, liên kết. Gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã có chủ trương cho phép công ty phát triển hạ tầng cho các công ty trong và ngoài nước có khả năng tài chính thuê lại đất để gọi vốn đầu tư. Có chính sách cụ thể để khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào KCN, nghiên cứu để tiến tới bắt buộc các doanh nghiệp khi di dời khỏi nội đô phải vào KCN bằng các biện pháp kinh tế, như hỗ trợ vốn từ nguồn thu do chuyển quyền sử dụng đất, được miễn hoặc giảm tiền thuê đất trong vài năm đầu, ưu đãi về thuế, thực hiện chế độ quản lý thông thoáng ...

Loại hình thứ tư : Các KCN hiện đại, được xây dựng mới hoàn toàn. Hiện nay ta có khoảng 20 KCN thuộc loại này, trong đó có 13 khu (kể cả 3 KCX) do các công ty nước ngoài đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng theo Luật đầu tư nước ngoài

Digitized by Google

tại Việt Nam, như KCN Hải Phòng - Nomura, KCN Việt Nam - Xin-ga-po, KCN Long Bình Amata, KCN Long Bình Loteco, KCN Bắc Thăng Long ...

Nhìn chung các KCN này có tốc độ xây dựng hạ tầng tương đối nhanh và chất lượng hạ tầng đạt tiêu chuẩn quốc tế, có hệ thống xử lý chất thải tiên tiến, đồng bộ. Có một số khu có nhà máy phát điện riêng, tạo điều kiện hấp dẫn đầu tư đối với các công ty nước ngoài có công nghệ kỹ thuật cao, khả năng tài chính và làm ăn lâu dài tại Việt Nam. Khả năng vận động xúc tiến đầu tư có điều kiện hơn do bên nước ngoài tham gia liên doanh có mạng lưới kinh doanh rộng ở nhiều nước, có kinh nghiệm tiếp thị. Tuy nhiên, phương thức thu tiền thuê đất một lần trong 50 năm hoặc suốt cả thời hạn hoạt động của doanh nghiệp công nghiệp của một số công ty phát triển hạ tầng đang làm chậm lại nhịp độ thu hút đầu tư công nghiệp. Các công trình điện, nước, giao thông ngoài hàng rào KCN chưa đồng bộ đã gây e ngại cho các nhà đầu tư. Đồng yên Nhật liên tục giảm giá trong năm qua và khủng hoảng tiền tệ ở một số nước trong khu vực cũng có ảnh hưởng nhất định đến các nhà đầu tư nước ngoài nói chung và KCN nói riêng. Các công ty phát triển hạ tầng đang điều chỉnh lại quy định cho mềm dẻo hơn, như giảm giá cho thuê đất gắn liền kết cấu hạ tầng đã xây dựng, trả tiền thuê đất 5 năm một lần, mở rộng thu hút đầu tư từ các nước Tây Âu, Mỹ. Nhà nước đẩy mạnh việc phát triển các công trình hạ tầng ngoài hàng rào, xem xét giảm giá cho thuê đất nhằm thúc đẩy tiến độ lấp đầy KCN.

Theo chúng tôi, nếu xếp theo thứ tự trong việc xem xét, quyết định việc hình thành KCN, thì loại hình thứ tư cần quan tâm, cân nhắc thận trọng hơn, vì đây là những KCN mới hoàn toàn, cả trong việc phát triển hạ tầng lẫn thu hút đầu tư công nghiệp, nếu loại này đổ bể sẽ gây tác hại lớn. Việc xây dựng hạ tầng phải đồng bộ và phải đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, việc thu hút đầu tư nên tập trung vào những khu vực có công nghệ nguồn, sản phẩm xuất khẩu có tính cạnh tranh cao. Do vậy, việc thu hút đầu tư nếu nôn nóng chạy theo số lượng để nhanh lấp đầy diện tích sẽ dẫn đến chất lượng KCN thấp. Cũng không nên đánh đồng các loại hình KCN với nhau, từ đó cho rằng việc phát triển KCN trong thời gian qua là nhanh và nhiều. (Ngoài bốn loại hình xây dựng các KCN nói trên, chúng ta đang chuẩn bị thành lập hai khu công nghệ cao tại Hà Tây (Hòa Lạc) và TP Hồ Chí Minh).

Tựu trung, muốn đánh giá một cách tổng quát về phát triển KCN trong thời gian qua phải xuất phát từ phương diện hiệu quả thu hút vốn đầu tư và kết quả sản xuất kinh doanh. Tính đến cuối tháng 11 năm 1997 các KCN đã thu hút được trên 500 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký trên 4 500 triệu USD, vốn thực hiện 2 000 triệu USD, bằng 48% vốn đầu tư cần thực hiện. Tỷ lệ này tương đối cao vì KCN đã có quy hoạch về đất đai, không gian, chủ đầu tư công nghiệp không mất thời gian cho công tác đền bù, giải tỏa, tiết kiệm được thời gian xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng so với các doanh nghiệp ngoài KCN. Các dự án đầu tư đã lấp được diện tích trên 1000 ha, bằng 22% tổng diện tích đất trong KCN dành cho xây dựng nhà máy, xí nghiệp (4 500 ha), nếu tính trên diện tích của các KCN đã có thu hút đầu tư tỷ lệ này đạt 40%. Đã thu hút được gần 7 vạn lao động (trong đó TP Hồ Chí Minh và Đồng Nai mỗi nơi trên 2 vạn)

Trong 9 tháng đầu năm 1997, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong KCN đã thực hiện vốn đầu tư đạt 600 triệu USD, bằng 26% vốn đầu tư nước ngoài thực hiện của cả nước. Tổng giá trị sản lượng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong 9 tháng đạt 1 750 triệu USD, trong đó doanh thu của các KCN đạt 900 triệu bằng 51%. Các KCN ở Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh và Hà Nội có đóng góp lớn cho xuất khẩu. Năm 1996 các doanh nghiệp KCN xuất khẩu trên 400 triệu USD, chiếm 5,4% so với giá trị xuất khẩu của cả nước. Dự kiến năm 1997, các doanh nghiệp KCN có thể xuất khẩu được giá trị 800 triệu USD, gấp đôi năm 1996.

Tuy nhiên, do mới được thành lập vài năm trở lại đây, nên phần lớn các KCN đang trong quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng. Một số đã thu hút các nhà đầu tư, trong đó không ít nhà đầu tư - các doanh nghiệp cũng đang trong quá trình xây dựng nhà máy, nên chưa thể đánh giá hoạt động của KCN với đầy đủ tác dụng và ưu thế của nó. Để phát huy hơn nữa vai trò của các KCN trong việc tăng trưởng và phát triển nhanh nền kinh tế của đất nước, theo chúng tôi, cần quán triệt một số quan điểm và giải pháp cơ bản trong thời gian tới.

Digitized by Google

III - MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN :

Về khuyến khích thu hút vốn đầu tư trực tiếp. Điều I của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam của Nhà nước ta nêu rõ : "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và tuân thủ pháp luật Việt Nam, bình đẳng và các bên cùng có lợi". Đây là nguyên tắc rất cơ bản trong hợp tác đầu tư với nước ngoài. Cần khẳng định rằng đầu tư nước ngoài có tốc độ phát triển cao và chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong giá trị sản lượng công nghiệp và con số này còn cao hơn trong các KCN. Đó là thắng lợi của đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta. Vậy xu hướng phát triển này có dẫn đến chệch hướng không ? Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào ta. Nếu chúng ta nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, nắm vững nguyên tắc xử lý các mối quan hệ giữa chính trị và kinh tế, giữa độc lập tự chủ và phụ thuộc , giữa quyền lợi của dân tộc và hội nhập vào thị trường thế giới, giữ vững nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, thì không sợ chệch hướng. Mặt khác, nhà đầu tư nước ngoài khi đã đến đầu tư vào nước ta thì trở thành pháp nhân Việt Nam, nghĩa là chỉ được phép hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật, chính sách của nước ta. Điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho ta trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia. Chính sách đầu tư nước ngoài phải thật sự tạo được hiệu quả sản xuất có tính cạnh tranh cao. Hiện nay do mong muốn bảo hộ sản xuất trong nước, nên ta rất hạn chế cho đầu tư nước ngoài sử dụng thị trường trong nước. Theo chúng tôi, cần có quan điểm toàn diện hơn. Ta đang nhấn mạnh về chiến lược hướng về xuất khẩu, nhưng không có nghĩa là coi nhẹ thị trường nội địa, một thị trường đông dân, còn chưa được khai thác như ở nước ta. Sản phẩm làm ra trên đất Việt Nam phải vừa có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, và vừa có uy tín ngay ở thị trường Việt Nam. Điều này còn có ý nghĩa quan trọng hơn trong việc tập dượt để có thể nhanh chóng bảo đảm tính cạnh tranh của hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hạn chế bớt thua thiệt khi ta gia nhập các tổ chức WTO, APEC và AFTA và góp phần bảo hộ người tiêu dùng. Hơn thế nữa đầu tư nước ngoài được khuyến khích thu hút ngày càng nhiều cũng chính là tạo nguồn vốn quan trọng cho việc phát triển mở rộng KCN, KCX...

Về quy hoạch phát triển các KCN : KCN dù phát triển to lớn đến đâu cũng chỉ là một bộ phận trong tổng thể phát triển công nghiệp nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung. Do đó, công tác quy hoạch phát triển ngành nghề công nghiệp, loại hình và địa bàn KCN trở nên hết sức bức xúc, nhằm bảo đảm phương hướng phát triển và cơ cấu kinh tế theo đúng đường lối của Đảng, bảo đảm hiệu quả cao của từng khu vực công nghiệp, tạo nên sự bổ sung, tác động tích cực giữa các KCN. Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã chỉ rõ phương châm quy hoạch KCN là "cải tạo các KCN hiện có về kết cấu hạ tầng và công nghệ sản xuất. Xây dựng mới một số KCN, phân bổ rộng trên các vùng".

Vì vậy, việc thành lập KCN phải được chuẩn bị kỹ, trong bước đi cần ưu tiên hình thành KCN, nay mở rộng thêm, cải tạo các KCN cũ, sau đó đến xây dựng các KCN mới phục vụ cho việc chỉnh trang đô thị, quy hoạch lại việc phát triển công nghiệp trên địa bàn, lãnh thổ ; chuyển dịch cơ cấu phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thu hút đầu tư, hình thành các doanh nghiệp công nghiệp mới trong KCN. Việc hình thành các KCN mới cần bảo đảm tính khả thi trên cơ sở đáp ứng các điều kiện : phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của vùng, lãnh thổ, ngành nghề. Gọi vốn đầu tư vào KCN phải phù hợp với quy hoạch phát triển ngành kinh tế - kỹ thuật ; phản ánh đầy đủ nhu cầu và có giải pháp khả thi về huy động vốn để xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xã hội cả trong và ngoài hàng rào KCN ; có phương án khả thi trong việc thu hút đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài trong vài năm trước mắt.

Năm 1998 sẽ tổ chức thực hiện rà soát quy hoạch phát triển KCN theo hướng : tiếp tục xem xét thành lập KCN đã có trong quy hoạch phát triển đến năm 2000 ở một số tỉnh có đủ điều kiện hình thành KCN, nhưng chưa có công nghiệp thuộc các loại hình từ thứ nhất đến thứ ba. Đối với một số tỉnh đã có nhiều KCN thì ưu tiên cho việc mở rộng những khu đó, đồng thời sẽ xem xét thành lập KCN mới khi đã lấp đầy ít nhất 50% diện tích đất công nghiệp các KCN đã có, tiến dần đến quy định không sử dụng đất nông nghiệp đã thủy lợi hóa để làm KCN.

Digitized by Google

Về quản lý nhà nước đối với KCN : Các cơ quan quản lý nhà nước phải gấp rút nghiên cứu để có một mô hình tổ chức quản lý phù hợp, thúc đẩy nhanh việc phát triển KCN, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa có hiệu quả về kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái. Thực tiễn quản lý KCN ở nước ta đã trải qua ba mô hình quản lý khác nhau. Năm 1991 cùng với việc ban hành Quy chế KCX, ban quản lý KCX cấp tỉnh được thành lập với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quản lý rộng rãi đối với đầu tư nước ngoài. Cuối năm 1994, ban quản lý KCN cấp tỉnh được thành lập theo quy định của Quy chế KCN với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn hạn hẹp so với việc quản lý KCX. Theo quy định của hai quy chế riêng biệt này, thì ban quản lý KCN, KCX cấp tỉnh chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương, trong khi đó chức năng quản lý của ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa được quy định rõ và cụ thể. Tháng 4 năm 1997, Chính phủ ban hành Quy chế KCN, KCX, khu công nghệ cao thay thế hai quy chế riêng biệt nêu trên, trong đó quy định ban quản lý KCN cấp tỉnh chịu sự lãnh đạo song trùng của ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các bộ, ngành trung ương.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước của ban quản lý KCN cấp tỉnh (quản lý KCN và KCX trên địa bàn, lãnh thổ) được mở rộng thêm một số nhiệm vụ quản lý thông qua việc thực hiện cơ chế ủy quyền của các bộ, ngành trung ương và uỷ ban nhân dân cấp tỉnh như : cấp giấy phép đầu tư nước ngoài, xét duyệt kế hoạch và quản lý xuất nhập khẩu, cấp giấy chứng chỉ xuất xứ hàng hóa, thực hiện một số chức năng về quản lý lao động... Một số nội dung quản lý thuộc lĩnh vực chuyên ngành như hải quan, công an, thuế vụ... thực hiện theo phương thức đặt cơ quan đại diện đủ thẩm quyền giải quyết trực tiếp công việc tại từng KCN hoặc cụm KCN. Xóa bỏ cơ chế xét duyệt từng trường hợp cụ thể đối với một số quy định, như điều lệ quản lý KCN, điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch bằng cách ban hành điều lệ mẫu, theo đó ban quản lý KCN cấp tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện. Bỏ thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng, giấy phép xuất nhập khẩu chuyến. Quy định mềm dẻo hơn đối với việc hình thành, quản lý KCX : trong KCN có thể có KCX và doanh nghiệp chế xuất và gắn hoạt động KCX, doanh nghiệp chế xuất đối với hoạt động kinh tế trong thị trường nội địa.

Những quy định nêu trên nhằm thực hiện cơ chế quản lý "một cửa, tại chỗ", tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện quyền tự chủ sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ của pháp luật, giảm bớt các thủ tục hành chính "xin cho", đồng thời bảo đảm sự quản lý của nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế bớt phiền hà, quan liêu, tiêu cực trong thực thi quyền quản lý nhà nước. Trong tương lai gần, chúng ta cũng cần nghiên cứu để tạo điều kiện tiến tới một "luật đầu tư thống nhất". Theo các quy định hiện hành, các doanh nghiệp trong nước thành lập và hoạt động theo các luật doanh nghiệp trong nước, như Luật doanh nghiệp nhà nước, Luật công ty..., còn doanh nghiệp đầu tư nước ngoài thì thành lập và hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài. Vì vậy, thủ tục thành lập hai loại doanh nghiệp trong nước và nước ngoài khác nhau, trong đó các thủ tục đối với khu vực đầu tư nước ngoài đơn giản hơn. Chính sách ưu đãi cũng có đôi điểm khác nhau : các doanh nghiệp nước ngoài được ưu tiên hơn về thuế lợi tức và xuất nhập khẩu, nhưng lại phải chi phí cao hơn đầu tư trong nước như : giá đất (theo số liệu của Bộ Tài chính thì con số này là 16 lần) ; giá điện (giá bán điện cho Công ty phát triển hạ tầng, nước ngoài 0,717 cent/ Kwh, trong nước 639 đồng/Kwh) ; giá nước ; giá thuê nhà ; giá sinh hoạt... đều cao hơn. Cuộc tranh cãi ai được ưu đãi hơn ai đang diễn ra rất sôi nổi và chỉ được giải quyết khi ta có một luật đầu tư áp dụng chung cho cả trong nước và nước ngoài. Nhưng vấn đề không đơn giản, vì hiện nay ta chưa bỏ được hoàn toàn các chế độ "bao cấp" đối với doanh nghiệp trong nước, nhất là doanh nghiệp nhà nước. Nếu ta quy định cho các doanh nghiệp nước ngoài có cùng một chính sách như các doanh nghiệp trong nước tại thời điểm này, thì : *một là*, nhà nước phải bù lỗ một số loại giá và, *hai là*, sẽ không hấp dẫn họ đầu tư vào Việt Nam. Do vậy, để hạn chế các tác động nêu trên cần thu hẹp phạm vi áp dụng. Theo đó, chúng tôi cho rằng, mô hình KCN là đối tượng điều chỉnh phù hợp, vì trong KCN hiện nay việc xây dựng kết cấu hạ tầng, do các doanh nghiệp thực hiện và cho thuê lại, nên giá tương đối thống nhất. Thêm vào đó, các doanh nghiệp trong nước cũng cần được ưu tiên về thuế và thủ tục thành lập như đối với các nhà đầu tư nước ngoài thì họ mới có điều kiện đầu tư vào KCN.❑

Digitized by Google

CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN TRƯỚC YÊU CẦU ĐỔI MỚI

LÊ THẾ TIỆM *

CẢI cách hành chính trong công an nhân dân (CAND) là một bộ phận hợp thành của công cuộc cải cách nền hành chính quốc gia, là một bảo đảm quan trọng để tăng cường hiệu lực và hiệu quả của CAND trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VII) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) đã đặt ra những yêu cầu có tính nguyên tắc cho tiến trình cải cách hành chính nói chung và cải cách thủ tục hành chính nói riêng trong lực lượng CAND. Đó là lấy việc phục vụ nhân dân làm mục đích tối cao và là tiêu chuẩn hàng đầu để đề ra các quyết định và xem xét bất kỳ một hành vi, sự việc nào liên quan đến hoạt động và tổ chức CAND. Đồng thời việc vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của CAND cần phù hợp với tính chất lực lượng vũ trang và các chức năng quản lý hành chính, tư pháp. Bên cạnh đó pháp chế xã hội chủ nghĩa phải là nguyên tắc chuẩn mực trong hoạt động của toàn lực lượng CAND. Cuối cùng là bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam với CAND.

Từ khi Chính phủ ban hành Nghị quyết 38/CP về cải cách các thủ tục hành chính, Bộ Nội vụ đã tập trung chỉ đạo toàn lực lượng CAND cải cách chế độ làm việc, cải cách một bước các thủ tục hành chính, giải quyết các công việc của công dân nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Đây là yêu cầu quan trọng để xây dựng lực lượng CAND trong sạch, vững mạnh, chống các hành vi tiêu cực, tham nhũng trong nội bộ.

Bộ Nội vụ đã có kế hoạch thực hiện Nghị quyết 38/CP của Chính phủ, cải cách một bước thủ tục hành chính trong ngành công an. Tiếp đó Bộ còn có nhiều chỉ thị, điện, công văn... hướng dẫn công an các cấp tập trung vào 3 vấn đề chính : cải tiến chế độ làm việc trong nội bộ công an và giữa công an với các ngành, đoàn thể ; rà soát bổ sung, sửa đổi các quy định về thủ tục hành chính trong quản lý an ninh, trật tự, trong giải quyết công việc của công dân ; tăng cường tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, phẩm chất của cán bộ chiến sĩ công an, tăng cường hiệu lực của tổ chức bộ máy, xóa bỏ các sơ hở, những điều kiện làm nảy sinh tiêu cực, tham nhũng trong nội bộ CAND.

Lãnh đạo Bộ Nội vụ đã giao trách nhiệm cụ thể cho các tổng cục, bộ tư lệnh, các vụ, cục chức năng. Công an các cấp phải tổ chức bộ phận tiếp dân, có cán bộ đón tiếp, thực hiện tiếp khách văn minh, lịch sự. Tại nơi thường trực phải niêm yết công khai các quy định về thủ tục giấy tờ, biểu mẫu, quy trình, giải quyết thủ tục và mức thu nộp lệ phí. Thông báo công khai rõ ràng lịch giải quyết việc, thời gian làm việc.

Có thể nói, từ khi có Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, công tác công an, hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, phục vụ có hiệu quả công cuộc phát triển kinh tế, xã hội góp phần ổn định chính trị của đất nước. Tuy nhiên nhân dân vẫn còn chưa thật sự bằng lòng về các thủ tục trong các khâu đăng ký quản lý hộ khẩu, quản lý xuất nhập cảnh, quản lý trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, quản lý

* PTS, Ủy viên Trung ương Đảng, Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ.

Digitized by Google

giáo dục và cải tạo phạm nhân, các quy định về phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm như giám định khoa học hình sự, trưng cầu giám định pháp y, cưỡng chế thi hành án dân sự, quản lý cải tạo người phạm tội tại cộng đồng dân cư, các quy định về bắt giữ, xử lý người và phương tiện phạm tội, về quản lý tang vật tài vật... Trong ngành, còn nhiều yêu cầu cấp bách đòi hỏi phải cải tiến hơn nữa như : các quy định về tổ chức cán bộ, thi đua, tuyển sinh, tuyển dụng ; về quản lý, phân phối ngân sách, thu lệ phí và trích tiền thưởng, mua sắm trang thiết bị kỹ thuật, quản lý xây dựng cơ bản, nhà đất, về sản xuất kinh doanh. Do đó đòi hỏi ngành công an còn phải cố gắng nhiều hơn nữa để đáp ứng với tình hình hiện nay.

Sau hơn 3 năm cải cách thủ tục hành chính thực hiện Nghị quyết 38/CP của Chính phủ, bước đầu ngành công an đã đạt được kết quả cụ thể ở một số mặt cụ thể như sau :

Thứ nhất, những kết quả đổi mới và cải cách thủ tục hành chính trong ngành cần tập trung trước hết vào việc nghiên cứu kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ và các ngành hữu quan sửa đổi một số văn bản pháp luật và chính sách liên quan đến lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Hiện nay ngành công an đang tập trung cùng các ngành tham gia sửa đổi, bổ sung Bộ Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ; chủ trì xây dựng Luật phòng cháy chữa cháy, xây dựng chương trình quốc gia phòng chống tội phạm... Làm sao để có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ, không chồng chéo, không mâu thuẫn, các quy định chặt chẽ, phù hợp với điều kiện thực tế, tạo môi trường thuận lợi để ngành công an hoạt động tốt hơn theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

Thứ hai, tập trung rà soát, sửa đổi các văn bản pháp quy mà Bộ Nội vụ đã ban hành theo thẩm quyền. Bộ Nội vụ đã báo cáo với Thủ tướng Chính phủ về việc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý trật tự an toàn giao thông đường bộ. So với các quy định cũ, hiện nay công tác này đã được cải tiến một bước căn bản. Trước đây đăng ký xe ô tô hoặc xe gắn máy mới nhập khẩu từ nước ngoài về cần 6 loại giấy tờ, nay chỉ cần 3 loại giấy tờ ; lực lượng cảnh sát giao thông đã bỏ việc thu phí giám định hồ sơ đăng ký ô tô, xe máy và thu phí lưu kho bãi đối với các phương tiện giao thông vi phạm. Công an TP Hà Nội đã bỏ quy định buộc các chủ xe ô tô khi đăng ký phải nộp tiền lệ phí để tổ chức giám định giấy tờ hoàn thành thủ tục hải quan. Tại trụ sở cơ quan cảnh sát giao thông có niêm yết công khai các loại giấy tờ cần phải có khi đăng ký xe máy và được giải quyết ngay trong ngày. Thực hiện Nghị định 36/CP của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã bàn giao sang Bộ Giao thông-Vận tải công tác cấp giấy phép lái xe, kiểm tra thiết bị an toàn các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đồng thời tổ chức lại bộ máy cảnh sát giao thông, tập trung thu tiền phạt vi phạm giao thông về kho bạc nhà nước.

Trong công tác đăng ký quản lý hộ khẩu, cấp giấy tờ tùy thân cho công dân, xét duyệt, cấp giấy phép hành nghề đặc doanh, khắc dấu, thủ tục tạm trú cho người nước ngoài ở Việt Nam và Việt kiều về thăm thân nhân... đã được cải tiến tích cực, đặc biệt tất cả các quy định đều được công bố công khai. Bộ Nội vụ đã dự thảo và trình Chính phủ ban hành Nghị định về đăng ký, quản lý hộ khẩu mới, đổi mới một cách căn bản hoạt động này trong tình hình mới của đất nước.

Bộ Nội vụ đã cải tiến, bỏ bớt các giấy tờ không cần thiết trong xét duyệt nhân sự, cấp giấy tờ xuất nhập cảnh, xử phạt vi phạm hành chính, bãi bỏ các lệ phí trái quy định trong giám định pháp y, giám định hình sự, cấp giấy phép tạm thời qua biên giới, xét tha, giảm án... Ở cơ quan Bộ Nội vụ và trụ sở Sở công an 61 tỉnh, thành phố đã bố trí các phòng tiếp dân, bố trí trực ban điều tra hình sự của lực lượng an ninh nhân dân và lực lượng cảnh sát nhân dân.

Thứ ba, lãnh đạo Bộ Nội vụ đã tập trung chỉ đạo công tác đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực trong nội bộ CAND, củng cố lòng tin đối với nhân dân. Đây là khâu đặc biệt quan trọng vì cán bộ là người quyết định thắng lợi của công cuộc cải cách thủ tục hành chính trong ngành công an. Bộ Nội vụ đã ban hành các quy trình làm việc cụ thể cho cán bộ chiến sĩ CAND để vừa tuân thủ pháp luật, vừa văn minh lịch sự với nhân dân. Cơ quan tham mưu và thanh tra công an cấp trên thường xuyên tổ chức giám sát hoạt động của cơ quan công an cấp dưới. Các ý kiến phê bình, khiếu nại của nhân dân được kịp thời tiếp thu, chấn chỉnh. Hơn 3 năm qua,

Digitized by Google

ngành công an đã tập trung chỉ đạo chống tiêu cực trong toàn ngành như : trong lực lượng cảnh sát giao thông, lực lượng quản lý xuất nhập cảnh, quản lý hộ khẩu và các cơ quan trực tiếp làm nhiệm vụ phòng chống tội phạm như cảnh sát kinh tế, an ninh kinh tế, cảnh sát điều tra, cảnh sát hình sự...

Đây là một cố gắng rất lớn của cán bộ và chiến sĩ trong toàn ngành công an từ Bộ đến cơ sở, địa phương. Đây cũng là kết quả bước đầu để tạo niềm phấn chấn trong ngành và niềm tin yêu của nhân dân lao động đối với cán bộ, chiến sĩ CAND. Để công tác này đạt kết quả cao hơn, trong thời gian tới, Bộ Nội vụ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động trên các lĩnh vực trọng tâm :

- Tiếp tục sửa đổi các thủ tục cấp giấy phép đăng ký kinh doanh nghề đặc doanh ; sở hữu về phương tiện giao thông ; hộ khẩu ; xuất nhập cảnh ; ... Thực hiện nghiêm túc các quy định về lề lối làm việc giữa cơ quan công an và các ngành, với các cấp chính quyền, đáp ứng yêu cầu sôi động của cơ chế kinh tế thị trường, mở cửa đang hằng ngày hằng giờ đổi mới, góp phần làm tăng trưởng mạnh mẽ nền kinh tế của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Tiếp tục và tăng cường công bố công khai các loại thủ tục, quy định đã được đổi mới cho nhân dân biết, để tránh tình trạng quan liêu, lạm quyền và các biểu hiện tiêu cực không đáng có trong ngành công an. Mặt khác, trên cơ sở công khai các thủ tục, quy định nêu trên, chú ý lắng nghe và tiếp thu những góp ý chỉ bảo của nhân dân về các vấn đề đó để sửa đổi bổ sung hoàn thiện các văn bản quy định cho phù hợp với nguyện vọng chính đáng của nhân dân lao động.

- Tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để nhân dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo trước cơ quan công an về các hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ công an khi thi hành công vụ. Trên cơ sở đó xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm cũng như động viên khen thưởng công minh kịp thời những đơn vị, cá nhân đạt thành tích tốt trong lĩnh vực này. Chúng tôi coi đó là vấn đề rất cơ bản để giữ gìn sự trong sạch của đội ngũ CAND, thực hiện lời dạy của Bác Hồ kính yêu với ngành và sự tin yêu mến phục của nhân dân lao động đối với cán bộ chiến sĩ CAND.❑

HÀNG HÓA...

(Tiếp theo trang 14)

b) Xu hướng của các dòng tư bản càng khoét sâu phân cực Bắc - Nam. Với số vốn vay khổng lồ trên 2 066 tỉ đô la Mỹ của các nước đang phát triển, hiện nay chủ yếu là các dòng chảy ngược về các nước phát triển. Năm 1995, thị trường tài chính thế giới thu hút khoảng 1 258 tỉ đô la Mỹ thì chảy vào các nước công nghiệp phát triển (OECD) 86% số đó, trong đó Nhật, CHLB Đức và Mỹ chiếm hơn 50% số tư bản đầu tư này.

c) Tỷ lệ giữa các *tư bản giả* và tư bản lưu thông (thực tế) ngày càng cao. Ví dụ, năm 1995 hằng ngày số giao dịch tổng cộng trên thị trường tiền tệ là 1 250 tỉ đô la Mỹ, trong khi đó số tư bản lưu thông thực sự trong hoạt động kinh tế chỉ vào khoảng 1/6 con số hằng ngày (11). Sự xa cách này ngày càng tăng và do đó nguy cơ tạo bất ổn định về tiền tệ càng nhiều dẫn đến sự gia tăng tần suất của khủng hoảng tiền tệ. Sự gia tăng các loại *tư bản giả* kèm theo các bột phát "quá nóng" của một số thực thể kinh tế sẽ gây ra rối loạn cho thị trường tiền tệ toàn cầu là điều dễ hiểu.

Đứng trước những cơ hội và thách thức của thị trường tiền tệ, nhiều nước lựa chọn một số biện pháp thích nghi, nên tham khảo. Trước hết có thể bằng mọi cách đa phương hóa đồng tiền ngoại tệ chủ yếu, không chỉ là *quy mọi thứ về đô la Mỹ*. Ở đây có nghĩa là phải cơ cấu lại thị trường xuất, nhập, bạn hàng và các điều khoản của hiệp định thương mại, bao gồm các hiệp định về ngân hàng. Tiếp theo là phải rà soát thay đổi về chính sách đầu tư, tức là kiểm soát được các luồng tư bản trong nước và ngoài nước đi vào, đi ra sao cho có lợi cho sức mạnh của nền kinh tế. Ngoài ra việc vận dụng các hình thức vận động mới của thị trường tiền tệ hiện đại, ví dụ thị trường chứng khoán hiện đại, phải có chọn lọc và nhất là phải có đội ngũ chuyên gia có đủ phẩm chất và rất thành thạo nghiệp vụ. ❑

(11) Xem : M. Ligot : Tài liệu quốc hội Pháp, số 2440, 1995

Digitized by Google

GIÁ TRỊ BỀN VỮNG NHỮNG NGUYÊN LÝ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC TRONG TÁC PHẨM "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN"

CAO THANH *

"TUYÊN ngôn của Đảng cộng sản" ra đời đến nay vừa đúng 150 năm. Trong lịch sử ít thấy một tác phẩm nào lại có ảnh hưởng sâu xa đến tiến trình phát triển của cách mạng thế giới như *Tuyên ngôn*, nhưng đồng thời cũng ít thấy một tác phẩm lý luận nào ngay từ khi ra đời đến nay lại bị các thế lực đế quốc, thù địch tấn công điên cuồng và quyết liệt nhằm mục đích phủ định nó đến như vậy. Phải chăng đó chính là giá trị bền vững của một học thuyết khoa học, cách mạng về chủ nghĩa xã hội.

Trước hết, "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" không chỉ là một tác phẩm lý luận mà còn là cương lĩnh chính trị của những người cộng sản và công nhân quốc tế. Trong *Tuyên ngôn* tính lý luận và cương lĩnh quyện chặt vào nhau. Bằng những luận cứ khoa học *Tuyên ngôn* đã vạch rõ quá trình vận động khách quan của lịch sử và của chủ nghĩa tư bản, chứng minh tính tất yếu tiêu vong của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời của một chế độ xã hội mới công bằng, tiến bộ, là chủ nghĩa xã hội. Dựa trên những cơ sở lý luận khoa học đó, *Tuyên ngôn* đã công khai tuyên bố mục đích, nhiệm vụ, những biện pháp cách mạng, lập trường, chiến lược, sách lược của những người cộng sản là lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, thiết lập chính quyền vô sản, tiến hành cải tạo chủ nghĩa tư bản và xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa và xã hội cộng sản. *Tuyên ngôn* ra đời không chỉ là sự xuất hiện của một học thuyết khoa học về chủ nghĩa xã hội, đánh dấu sự chuyển biến cách mạng của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học, mà còn đánh dấu sự trưởng thành của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, khẳng định giai cấp công nhân bước lên vũ đài chính trị với tư cách là một lực lượng chính trị độc lập đấu tranh giải phóng mình và giải phóng toàn nhân loại.

Hai là, tư tưởng cơ bản nhất của *Tuyên ngôn* là khẳng định vị trí, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, giai cấp duy nhất có khả năng liên minh với nhân dân lao động lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, cải tạo xã hội cũ, xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa. Có thể nói đây là nội dung xuyên suốt tác phẩm, đặc biệt là ở chương I. Lê-nin cho rằng, đây là phát kiến thứ 3 của Mác sau chủ nghĩa duy vật lịch sử và giá trị thặng dư. Bởi vì trước đây chưa người nào phát hiện ra một lực lượng xã hội đủ khả năng, phẩm chất thủ tiêu chế độ thống trị áp bức giai cấp, xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng. Mặt khác, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là phạm trù cơ bản, phạm trù xuất phát để Mác và Ăng-ghen xây dựng nên hệ thống các nguyên lý, quy luật, phạm trù của chủ nghĩa xã hội khoa học, tạo nên một kết cấu hoàn chỉnh của chủ nghĩa Mác.

Tuyên ngôn đã chỉ rõ, giai cấp vô sản là con đẻ của nền đại công nghiệp, sinh ra, trưởng thành gắn liền với nền đại công nghiệp của chủ nghĩa tư bản. Trong xã hội tư bản, giai cấp vô sản là người đại diện cho lực lượng sản xuất hiện đại. Lực lượng sản xuất này không ngừng phát triển, ngày càng xã hội hóa cao và sớm hay muộn sẽ phá vỡ quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất của chủ nghĩa tư bản. Mặt khác, mặc dù giai cấp vô sản là lực lượng tạo mọi của cải vật chất chủ yếu cho xã hội nhưng bị giai cấp tư sản bóc lột dưới nhiều hình thức khác nhau. Do vậy, giai cấp vô sản là lực lượng đối lập trực tiếp về kinh tế và chính trị - xã hội với giai cấp tư sản. Sự đối lập đó đã biểu hiện bằng các cuộc nổi dậy của phong trào vô sản chống lại giai cấp tư sản. "Giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ

* PTS, Trưởng khoa chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, phân viện Hà Nội

Digitized by Google

khí ấy, chống lại nó, đó là những người công nhân hiện đại, những *người vô sản*"(1).

Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản bắt đầu ngay từ khi hai giai cấp ấy ra đời. Trong cuộc đấu tranh đó, không phải chỉ mưu lợi ích cho giai cấp vô sản, mà nhằm giải phóng và đem lại lợi ích cho toàn thể nhân loại, tạo ra sự công bằng, bình đẳng cho mọi người trong xã hội, do đó đã lôi cuốn sự tham gia của đông đảo nhân dân lao động. Mọi sự coi nhẹ, hoặc hạ thấp vai trò lịch sử của giai cấp công nhân đều là sự mơ hồ về lý luận và thực tiễn. Ngày nay, giai cấp tư sản đang rêu rao rằng ở các nước tư bản phát triển đang diễn ra quá trình tư sản hóa và trí thức hóa giai cấp công nhân. Chúng cho rằng cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã làm cho đội ngũ giai cấp công nhân ngày càng ít đi và vai trò lịch sử của nó được thay bằng vai trò của trí thức và những người quản lý. Thực tế cho thấy đó chỉ là những mưu đồ và nguyện vọng chủ quan của giai cấp tư sản nhằm bảo vệ sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Dù khoa học công nghệ phát triển, trình độ và đời sống của công nhân được nâng lên, nhưng còn chủ nghĩa tư bản thì còn sự bóc lột của giai cấp tư sản đối với giai cấp công nhân. Mặt khác, chính giai cấp tư sản lại lợi dụng những thành tựu của khoa học công nghệ để bóc lột giai cấp công nhân một cách tinh vi, xảo quyệt hơn. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển thì đội ngũ giai cấp công nhân càng trưởng thành về số lượng và trình độ, là lực lượng tiên phong ngày càng phát huy mạnh mẽ tác dụng thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Ba là, trong cuộc đấu tranh của mình, giai cấp công nhân cần có một chính đảng độc lập đại biểu cho lợi ích của mình, cho dân tộc và cho toàn bộ phong trào công nhân quốc tế. *Tuyên ngôn* chỉ rõ : Đảng cộng sản là bộ phận không tách rời của giai cấp vô sản, "họ tuyệt nhiên không có lợi ích nào khác tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản". Cả lý luận và thực tiễn đảng cộng sản đại diện cho quyền lợi của giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Tính quốc tế của đảng biểu hiện ở chỗ đảng cộng sản đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào cộng sản, của toàn thể giai cấp công nhân quốc tế, không phân biệt ngành nghề, địa phương, dân tộc. Mục đích cuối cùng của đảng là thực hiện chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới. Đảng cộng sản là những người tiên phong về lý luận và thực tiễn của phong trào vô sản, "hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản"(2). Do vậy, đảng có khả năng nắm bắt tình hình, đề ra đường lối, chiến lược, sách lược đúng, biết sử dụng thời cơ để lãnh đạo phong trào. Mặt khác, đảng cộng sản là những người kiên quyết nhất, là "bộ phận cổ vũ tất cả những bộ phận khác của phong trào". Họ là những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn tiên phong trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản. Không có sự lãnh đạo của đảng cộng sản thì giai cấp vô sản không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Bốn là, giai cấp vô sản phải giành lấy chính quyền, phát huy bản chất của dân chủ để cải tạo xã hội cũ, phát triển sản xuất và mọi mặt đời sống xã hội, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Để thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình, dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động tiến hành cuộc cách mạng dùng bạo lực lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền, xây dựng giai cấp vô sản thành giai cấp thống trị, thiết lập chế độ dân chủ mới, sau đó sử dụng quyền lực chính trị để xóa bỏ chế độ tư hữu - nguồn gốc gây ra mọi đau khổ và bất hạnh của quần chúng lao động. Xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân là yêu cầu của cách mạng vô sản, nhưng những người cộng sản không chủ trương xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung. "Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác". Bởi vì, sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền thì thực chất của cuộc cách mạng vô sản là cuộc cách mạng về kinh tế. Nghĩa là cùng với việc từng bước cải tạo quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, phải phát triển lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân.

Từ sự biến đổi trên lĩnh vực kinh tế, toàn bộ các lĩnh vực khác của đời sống chính trị, văn hóa, xã hội cũng biến đổi. Trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" Mác, Ăng-ghen đã đề cập đến hàng loạt nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học như vấn đề con người, dân tộc, gia đình, tôn giáo... Đồng thời hai ông đã bác bỏ những luận điệu xuyên tạc của giai cấp tư sản về chủ nghĩa cộng sản và vạch ra những khuyết tật của chủ nghĩa tư bản về vấn đề con người, dân tộc, gia đình, tôn giáo... mà bản thân giai cấp tư sản và chế độ tư bản chủ nghĩa không thể khắc phục được.

Tuyên ngôn đã nêu lên 10 biện pháp cơ bản có thể áp dụng ở những nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất lúc bấy giờ nhằm cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới. Trong 10 biện pháp ấy, có những biện pháp vẫn mang những giá trị phổ biến đến ngày nay. Đó là những biện pháp nhằm xóa bỏ chế độ tư hữu, xây dựng chế độ công hữu xã hội chủ

(1) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t4, tr 605.

(2) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t4. tr 615.

Digitized by Google

nghĩa về tư liệu sản xuất, tổ chức lại lao động xã hội, đẩy mạnh sự phát triển của lực lượng sản xuất, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật cho nhân dân.

Thông qua tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" Mác và Ăng-ghen đã phác họa ra những nét cơ bản về một xã hội cộng sản chủ nghĩa hoàn toàn. Đó là một xã hội mà sẽ không còn giai cấp và đấu tranh giai cấp. Và do đó nhà nước với tư cách là bộ máy thống trị giai cấp cũng sẽ tiêu vong. Một hình thức liên hợp của những người lao động phát triển toàn diện sẽ xuất hiện. Một sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân với lợi ích toàn xã hội sẽ được thực hiện. Con người sẽ làm chủ được tự nhiên, làm chủ xã hội và làm chủ bản thân mình. Đó là bước nhảy vọt của loài người từ "Vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do".

Năm là, "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" đã đề cập đến quy luật cách mạng không ngừng, sử dụng linh hoạt các hình thức, biện pháp cách mạng phù hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể trong quá trình giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình. Đó là tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăng-ghen về sự chuyển biến từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, một trong những giá trị tư tưởng lớn của chủ nghĩa xã hội khoa học mà sau này Lê-nin đã bổ sung, phát triển một cách hoàn chỉnh. Lý luận về cách mạng không ngừng vừa là quy luật của cách mạng vô sản, vừa là chiến lược cách mạng, chỉ đạo phong trào cộng sản và công nhân quốc tế từ trước đến nay ; đặc biệt là những nước kinh tế kém phát triển, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa phát triển theo con đường định hướng xã hội chủ nghĩa. C.Mác và Ph.Ăng-ghen cũng chỉ rõ, những hình thức, biện pháp mà các ông nêu lên trong *Tuyên ngôn*, "chỉ là biểu hiện khái quát của những quan hệ thực tại của cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một sự vận động lịch sử đang diễn ra trước mắt chúng ta"(3). Do vậy, giai cấp vô sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình phải biết vận dụng sáng tạo, kết hợp nhiều hình thức, biện pháp linh hoạt có hiệu quả nhất phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia và mỗi thời kỳ lịch sử.

Sáu là, thực hiện sự liên minh giữa đảng cộng sản với các lực lượng dân chủ khác, thực hiện sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân các nước trong cuộc đấu tranh nhằm thủ tiêu chủ nghĩa tư bản xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. C.Mác - Ph.Ăng-ghen chỉ rõ : cuộc cách mạng xã hội mà giai cấp vô sản thực hiện nhằm đạt được mục đích của mình phải trải qua nhiều giai đoạn với những điều kiện cụ thể khác nhau. Chính đảng của giai cấp vô sản cần xác định được nhiệm vụ chủ yếu của từng giai đoạn ấy, xác định rõ kẻ thù, những lực lượng cách mạng khác, những lực lượng chính trị, đảng phái khác để có chiến lược, sách lược liên hiệp phù hợp trên cơ sở giữ vững nguyên tắc độc lập về tư tưởng, chính trị và tổ chức, nhằm tập trung lực lượng thủ tiêu các thế lực thống trị phản động. Thực hiện liên minh, bảo đảm nguyên tắc đoàn kết nhưng phải đấu tranh chống mọi thái độ không kiên quyết, khuynh hướng thỏa hiệp và cơ hội chủ nghĩa. Mặt khác, mục đích trước mắt cũng như lâu dài của giai cấp vô sản là "lật đổ toàn bộ trật tự xã hội hiện có" xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới. Đồng thời, trước những thủ đoạn và bản chất của giai cấp tư sản, C.Mác và Ph.Ăng-ghen kêu gọi "vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại". Đó không phải chỉ là lời kêu gọi, là khẩu hiệu chiến đấu của phong trào cộng sản, mà còn là điều kiện, là quy luật tất yếu của cách mạng vô sản.

Trên đây là những nguyên lý cơ bản biểu hiện tập trung nhất giá trị cách mạng và khoa học của *Tuyên ngôn* ngay từ khi mới ra đời đến nay. Ph. Ăng-ghen đã từng nhắc nhở rằng, nếu ai hiểu sai, đi chệch những nguyên lý chiến lược của *Tuyên ngôn* đều phải trả giá. Mặc dù *Tuyên ngôn* mới chỉ là tác phẩm đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học, chứ chưa phải là toàn bộ, là đỉnh cao của chủ nghĩa xã hội khoa học, nhưng như Lê-nin nói tinh thần của nó "vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh"(4). Tuy nhiên, C.Mác và Ph.Ăng-ghen nhiều lần nhắc đi nhắc lại rằng, những nguyên lý mà các ông nêu lên không phải là "tín điều bất biến" về chủ nghĩa xã hội. Tính chất khoa học và cách mạng của những nguyên lý đó "chủ yếu là xuất phát của việc nghiên cứu", và "bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời"(5).

Vì vậy, sau *Tuyên ngôn*, chính Mác và Ăng-ghen, thông qua hàng loạt tác phẩm đã bổ sung phát triển những nội dung mà *Tuyên ngôn* đã nêu và sau đó được Lê-nin - nhà lý luận và lãnh tụ thiên tài của cách mạng vô sản bổ sung, phát triển, hoàn thiện và vận dụng sáng tạo đưa đến thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917. Những giá trị của

(Xem tiếp trang 31)

(3) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t4, tr 615.

(4) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, Hà Nội, 1980, t2, tr 10.

(5) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, t1, tr 504.

Digitized by Google

"TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" PHÁ SẢN HAY LÀ SỰ PHÁ SẢN CỦA VIỆC PHẢN BỘI TUYÊN NGÔN

NGUYỄN NGỌC TUÂN *

TUYÊN NGÔN VỚI NHỮNG THẮNG LỢI QUAN TRỌNG CỦA CNXH TRONG THẾ KỶ XX

Lịch sử nhân loại từng chứng kiến không ít những ý tưởng, những phác họa về chủ nghĩa xã hội (CNXH) của các nhân vật tiêu biểu từ thời cận đại cho đến đầu thế kỷ XIX, như Tô-mát Mo-rơ (Anh), Tô-mát Cam-pa-ne-la (I-ta-li-a), Xanh Xi-mông (Pháp), Sác-lơ Phua-ri-ê (Pháp), Ô-oen (Anh) với cuộc thử nghiệm "Công xã mới hài hòa" rất tốn kém. Song, tất cả những ý tưởng ấy chỉ là những mong muốn chủ quan, những suy nghĩ có tính chất tư biện, vừa có phần thô thiển, vừa *không tưởng* xoay quanh chủ đề cải tạo xã hội và phản ánh trong đó sự phản kháng của các ông đối với những bất công của xã hội đương thời. Từ đó, các ông cấu trúc lên xã hội tương lai với niềm tin thánh thiện là nó sẽ tốt và sẽ được chấp nhận. Đó chủ yếu là vì, các ông đã lấy ảo tưởng thay cho điều kiện hiện thực của sự giải phóng, không vượt khỏi nhãn quan duy tâm khi nhìn nhận những mâu thuẫn, bất công của xã hội đương thời, nên đã cự tuyệt mọi hành động chính trị của công nhân, chủ trương điều hòa giai cấp và cố mở một con đường đi tới đạo lý xã hội mới bằng hiệu lực của gương mẫu, hay bằng những cuộc thực nghiệm nhỏ cố nhiên là luôn bị thất bại. Cùng với trào lưu tư tưởng ấy, ta còn thấy dấy lên các kiểu XHCN của các nhân vật đại biểu cho tư tưởng chính trị của phong kiến quý tộc, của giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản với những tên gọi khác nhau - "CNXH" phong kiến, "CNXH" tiểu tư sản, "CNXH" tư sản..., mà thực chất chỉ là những thứ CNXH giả hiệu, mị dân, "CNXH" của những nhà cải lương ngồi xó buồng như C.Mác và Ph.Ăng-ghen từng phê phán. Và chúng luôn tìm cách thay hình đổi dạng vừa để đánh lừa công nhân, làm cho họ chán ghét mọi cuộc vận động cách mạng, vừa làm cho đầu óc họ bị nhiễu - luôn gây nên những cuộc tranh luận không dứt về lý luận XHCN - để tiện bề lôi kéo họ chống lại cách mạng.

Chính trong tình thế ấy, *Đồng minh những người cộng sản* họp Đại hội ở Luân Đôn năm 1847 thấy cần phải giải bày trước thế giới quan điểm, mục đích, xu hướng của mình và phải có một Tuyên ngôn của chính đảng để đập lại luận điệu về "bóng ma" cộng sản đang ám ảnh châu Âu, vạch trần các lý thuyết không tưởng, cải lương và phản động về CNXH, nhất là để định hướng đúng đắn cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đang diễn ra quyết liệt lúc đó. *"Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"* (dưới đây được gọi vắn là Tuyên ngôn) do Đại hội ủy nhiệm cho C.Mác và Ph.Ăng-ghen khởi thảo đã ra đời tháng Hai năm 1848 để đáp ứng yêu cầu đó. Dựa trên hai phát hiện thiên tài của C.Mác về *chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết về giá trị thặng dư, Tuyên ngôn* đã trình bày một cách thấu đáo và sáng tỏ thế giới quan mới của giai cấp vô sản trong việc cải tạo thế giới, học thuyết về CNXH một cách khoa học và toàn diện nhất, lý luận về đấu tranh giai cấp và sứ mạng lịch sử của giai cấp vô sản. *Tuyên ngôn* đã cung cấp cho giai cấp vô sản vũ khí sắc bén để biến CNXH từ không tưởng thành hiện thực. Vì thế, đó cũng chính là *Tuyên ngôn của CNXH khoa học.* Nó là bước nhảy vọt vạch thời đại về nhận thức đối với CNXH. Do vậy, ngay từ khi ra đời, *Tuyên ngôn* đã được truyền đi hầu khắp thế giới, được dịch ra nhiều thứ tiếng, được xem là Cương lĩnh chung của hàng triệu công nhân từ Xi-bia đến Ca-li-pho-ni-a. Nhân loại tiến bộ lúc đó cũng như sau này đều như bị chinh phục bởi trí tuệ và thiên tư đặc biệt của hai ông. V.I.Lê-nin từng đánh giá : Một cuốn sách nhỏ có giá trị bằng nhiều pho sách dày, toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế

* Chuyên viên, Viện khoa học xã hội tại TP Hồ Chí Minh thuộc Trung tâm KHXH và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

giới văn minh cho đến ngày nay, sống và hoạt động nhờ có tinh thần của cuốn sách. Thật vậy, nếu trước *Tuyên ngôn*, chủ nghĩa cộng sản (CNCS) còn là "bóng ma" ám ảnh châu Âu, thì sau *Tuyên ngôn*, cách mạng công nhân đã nổ ra ở hàng chục nước châu Âu, điển hình là cuộc khởi nghĩa vũ trang của công nhân Pa-ri đã dẫn tới việc thành lập Công xã Pa-ri và giành được chính quyền về tay công nhân trong hai tháng. Sau đó Công xã Pa-ri có bị tắm máu - hơn 10 vạn chiến sĩ Công xã đã ngã xuống, song dòng chảy cách mạng chỉ lắng xuống chứ không ngừng tuôn chảy. Cho tới đầu thế kỷ XX, cách mạng vô sản lại bùng lên và giành được thắng lợi rực rỡ ở nước Nga, mở ra kỷ nguyên mới, chế độ xã hội mới chưa từng có trước đó trong lịch sử nhân loại. Tiếp đó, là sự ra đời của hàng loạt nước XHCN sau thắng lợi hiển hách của Liên Xô trong chiến tranh thế giới thứ hai, tạo nên một hệ thống XHCN thế giới rộng lớn bao gồm 12 nước trải dài từ Âu sang Á đến Tây bán cầu, chiếm 1/4 lãnh thổ và khoảng 1/3 dân số toàn cầu, trở thành lực lượng đối sánh ngang ngửa với CNTB... Từ đó, lịch sử nhân loại bắt đầu mang *dấu ấn mới* của thời đại - thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH. *Thế kỷ XX vì vậy là thế kỷ phát triển quan trọng nhất của CNXH, cũng là thế kỷ vĩ đại của lịch sử nhân loại.* Chính R.Níchxơn, cựu Tổng thống Mỹ trong cuốn "Năm 1999 chiến thắng không cần chiến tranh" cũng thú nhận rằng : Sự phát triển quan trọng nhất của thế kỷ XX không phải là chủ nghĩa thực dân tuyên cáo kết thúc hay chủ nghĩa dân chủ có bước tiến lớn mà là CNCS cực quyền vùng dậy. Tờ tuần báo Thời đại (Mỹ) cũng đăng bài nêu rõ : CNXH đã trở thành khẩu hiệu hoặc hình thái ý thức chính trị, có ảnh hưởng sâu sắc nhất của thế kỷ XX. Ảnh hưởng của CNXH đã đạt tới đỉnh cao mới.

SỰ PHÁ SẢN CỦA VIỆC PHẢN BỘI LẠI TUYÊN NGÔN

Bánh xe lịch sử nhân loại đang quay dần đến thập kỷ cuối của thế kỷ XX, thì một kịch biến lớn đã xảy ra đến bất ngờ - CNXH sụp đổ từng mảng lớn từ Liên Xô đến Đông Âu và lâm vào thoái trào. Thế là, báo chí phương Tây vội "hợp lưu" với báo chí "Dân chủ" ở Nga, rồi cả bọn chủ trương tự do hóa cũng nhào vô tấn công CNXH. Nào là : CNXH đã bị hạ bệ, Tuyên ngôn cộng sản đã phá sản, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã hết thời, CNCS sẽ bị quét khỏi hành tinh vào cuối thế kỷ này mà không cần khói súng... hệt như bọn Sa hoàng và bọn K. Méc-ti-ních, C.Guzát trước đây từng "liên minh" với nhau để trừ khử "bóng ma" cộng sản. Cơn lốc thoái trào ấy cũng dội vào nước ta, làm cho một số người tỏ ra bi quan, dao động, mất lòng tin đối với CNXH ; một số ít quay ra tán tụng CNTB, đòi xét lại chủ nghĩa Mác. Vậy phải chăng CNXH đã đi tới dấu chấm hết, vì lý luận sản sinh ra nó đã trở nên "xám xịt" như chúng rêu rao ?

Thực tiễn tồn tại và đang phát triển mạnh hơn của những nước gồm hơn 1,3 tỉ dân theo CNXH sau khi CNXH ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ cho thấy : dù hoàn cảnh thế giới đã thay đổi nhiều trong 150 năm qua, *song những nguyên lý chung được trình bày trong Tuyên ngôn đến nay xét về tổng thể vẫn giữ nguyên giá trị của nó*, thậm chí còn mang tính thời sự nóng hổi qua kịch biến ở Liên Xô và Đông Âu mới đây. *Tuyên ngôn không hề phá sản, chỉ có sự phá sản của việc phản bội lại những tư tưởng cơ bản của Tuyên ngôn mà thôi ! Tuyên ngôn cũng không giáo điều, chỉ có sự hiểu biết giáo điều, vận dụng giáo điều những nguyên lý được nêu trong Tuyên ngôn của một số người đời sau mà thôi.* Bởi vì, ngay cả lúc này, sau những đảo lộn ở Đông Âu, vẫn có không ít học giả cấp tiến ở các nước TBCN phát triển cặm cụi nghiên cứu những tác phẩm đồ sộ của C.Mác và Ph.Ăng-ghen để tìm ra cách lý giải đúng đắn bản chất của CNTB hiện đại và dò tìm hướng đi tất yếu cho xã hội "hậu TBCN". Hơn nữa, vì C.Mác có một bộ óc siêu phàm, học thuyết của hai ông là *duy vật, khoa học* và *cách mạng*, nên không thể dùng định kiến hay sự *thoái trào cục bộ, tạm thời* của CNXH để phủ định giá trị của nó. Thật vậy, nếu đọc *Tuyên ngôn* và đối chiếu với tình hình hiện nay có thể nhận ra điều đó.

1 - *Tuyên ngôn* đã chỉ ra khủng hoảng kinh tế có tính chất chu kỳ của CNTB do quy mô sản xuất của đại công nghiệp được mở rộng không tương dung với khả năng thanh toán có hạn của xã hội TBCN gây nên. Chính đại công nghiệp đã phá đổ dưới chân giai cấp tư sản cái nền tảng mà trên đó giai cấp tư sản đã xây dựng nên chế độ sản xuất và chiếm hữu của nó.

Đúng thế, chỉ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến thập kỷ 80, CNTB đã trải qua bảy lần khủng hoảng kinh tế. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1973 - 1975 đã làm cho sản xuất công nghiệp của Mỹ giảm 15,3%, Anh - 11,2%, Pháp - 16,8%, Liên bang Đức - 14,8%, Nhật Bản - 22%. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1979-1982 đã giảm sản xuất công

Digitized by Google

nghiệp của những nước này tới 2 con số... Qua 1981, kinh tế Mỹ lại giảm 0,7%, Anh - 1,9%... Nhịp độ tăng trưởng kinh tế của Mỹ, Anh, Liên bang Đức, Nhật cũng chậm lại, chỉ đạt khoảng 2,9% năm, trong thời gian từ 1973 - 1988 còn trước đó từ 1950 - 1960 là 5,3% năm. Để đối phó với khủng hoảng kinh tế, CNTB hiện đại một mặt vẫn áp dụng những biện pháp cổ điển như "chinh phục những thị trường mới và bóc lột triệt để hơn những thị trường cũ", nhưng với khuôn mặt mới "hợp tác", "viện trợ".v.v... Mặt khác, chúng thực hành "chính sách lạm phát", "khuếch trương tín dụng", làm cho giá cả hàng tiêu dùng trong nước leo thang qua các năm từ 2% năm trong những năm 50 lên 3,4% năm trong những năm 60, rồi 10% năm trong những năm 70 ; đồng thời làm cho nợ nần tăng lên. Nếu năm 1981, cường quốc TBCN số một Hoa Kỳ còn là nước chủ nợ lớn nhất thế giới, thì đến năm 1988 đã trở thành con nợ lớn nhất với số nợ ròng quốc tế lên tới trên 532 tỉ USD, rồi trên 600 tỉ USD đầu những năm 90, riêng nợ quá hạn Liên hợp quốc là 1,6 tỉ USD. Giá cả gia tăng và nợ nần chồng chất đến lượt nó *lại tạo nên sự tuần hoàn ác tính mới*, chuẩn bị cho cuộc khủng hoảng kinh tế mới sâu rộng hơn ; đồng thời làm yếu đi các liệu pháp chống khủng hoảng, khiến cho CNTB hiện đại giống như người "khổng lồ" mang theo "vết thương chí mạng" khó bề chữa chạy, nên khó tránh khỏi bị lịch sử thay thế. Tuy vậy, trong những điều kiện mới, nó vẫn còn sức sống và còn có khả năng phát triển nhất định nhờ thực hiện những cuộc "tự điều chỉnh" nội bộ giữa thị trường với kế hoạch, giữa độc quyền và cạnh tranh... Song những giải pháp này tự chúng lại thúc đẩy thêm độ chín muồi của những điều kiện thay thế nó ngoài ý muốn của giai cấp tư sản.

2 - Trong phần đầu, *Tuyên ngôn* đã chỉ ra mâu thuẫn cố hữu không thể điều hòa giữa tư bản với vô sản và luận chứng về tính tất yếu lịch sử của sự thay thế CNTB do mâu thuẫn ấy dẫn đến.

Vậy đến nay mâu thuẫn cơ bản ấy diễn biến thế nào ? Sau chiến tranh thế giới thứ hai, trước sự đấu tranh mạnh mẽ của giai cấp công nhân, CNTB hiện đại có thực hiện "chế độ phúc lợi toàn dân" và "chính sách cổ phần hóa" trong công nhân để cố xoa dịu, hòa hoãn mâu thuẫn. Song thực tế cho thấy : a/ Chế độ phúc lợi toàn dân nhiều lắm cũng chỉ là trợ giúp cho người nghèo khỏi bị bần cùng hóa tuyệt đối, chứ không giúp họ khá lên được và họ mãi mãi phải dựa vào cứu tế xã hội để tồn tại lay lắt. Hơn thế nữa, ngay cả ở Mỹ cũng chỉ có 1/3 số người thất nghiệp thực tế được trợ cấp và mức trợ cấp chỉ bằng 40% số lương của họ. Số người phải lang thang ăn xin không ít. Tuy vậy, ngày 26-6-1996, thành phố Niu-oóc (Mỹ) lại ban bố luật chống ăn mày - cho phép cảnh sát thẳng tay ngăn chặn những kẻ ăn xin sỗ sàng trên đường phố. Còn số công nhân có cổ phần chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số. b/ Những số liệu thống kê mới đây cho thấy, thu nhập của 20% số hộ giàu nhất nước Mỹ đã chiếm tới gần 50% tổng thu nhập của cả nước, trong khi thu nhập của 20% số hộ nghèo nhất chỉ chiếm không đầy 5% tổng số. Trong ba thập kỷ qua, chênh lệch thu nhập giữa hai loại hộ nói trên đã từ 30/1 lên 60/1. Số người giàu nhất ở Mỹ hiện chỉ chiếm 1% dân số, nhưng đã chiếm một tài sản bằng tổng tài sản của hơn 90% tổng số những người nghèo nhất. Nếu ai đó còn ngỡ ngàng trước con số thu nhập bình quân 7800 USD/năm của 5% số hộ nghèo nhất nước Mỹ, thì xin hiểu thêm rằng giá cả ở đây rất đắt đỏ, thành thử số thu nhập ấy cũng chẳng thấm vào đâu. Ví dụ : tiền thuê nhà mất hơn 1000 USD/tháng, chi phí cho một ca đẻ - 6000 USD, giá 1 tô phở sáng - 5 USD v.v... Đó là chưa kể đến các chi phí phải đóng khác cũng rất cao, như phí bảo hiểm, tiền thuế v.v...

Như vậy, mâu thuẫn cơ bản của CNTB chẳng những vẫn tồn tại, mà còn có xu hướng sâu sắc hơn. Sự phân hóa hai cực - sản phẩm tất yếu của nguyên tắc phân phối *ngự trị* trong xã hội tư sản - *phân phối theo tài sản* - ngày càng doãng rộng hết mức, làm cho người giàu càng giàu lên, người nghèo càng nghèo đến mức một số không thể tự nuôi sống mình được nữa. Một khi xã hội tư sản hiện đại phải để người nô lệ của nó sa sút tới mức nó phải nuôi họ chứ không phải ngược lại, thì điều đó chứng tỏ rằng giai cấp tư sản hiện đại không còn thích hợp với sự tiến bộ của xã hội hiện đại nữa. Nói khác đi, xu thế ác liệt hóa của sự phân hóa giàu nghèo ấy giống như một quả bom nổ chậm luôn đe dọa sự tồn tại của CNTB.

3 - Tuyên ngôn khẳng định - trong tất cả các giai cấp hiện đương đầu với giai cấp tư sản, chỉ có giai cấp vô sản là thực sự cách mạng, có khả năng đoàn kết tất cả các giai cấp khác. Chỉ nguyên điều ấy cũng đủ tạo ra và duy trì một *chính đảng duy nhất* và to lớn - đảng của giai cấp vô sản. Việc giải phóng và thực hiện CNXH *cần phải có chính đảng tiên phong của giai cấp vô sản lãnh đạo và phải được chỉ đạo* bởi lý luận của CNXH khoa học...

Digitized by Google

Thực tiễn phong trào cộng sản và công nhân trong nhiều thập kỷ qua cả khi thắng lợi lẫn khi thất bại đều hoàn toàn chứng minh luận điểm đúng đắn ấy.

Không có Đảng Cộng sản "bôn-sê-vích" Nga do Lê-nin lãnh đạo thì không thể có Cách mạng Tháng Mười, không thể có sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và những chiến công to lớn của chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ này. Ở Trung Quốc nếu không có Đảng Cộng sản lãnh đạo, thì cũng không thể có thắng lợi của cách mạng năm 1949 dẫn tới việc thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và việc tập hợp được sức mạnh cả nước làm nên những kỳ tích. Chỉ mấy chục năm, Trung Quốc đã vượt qua con đường công nghiệp hóa ban đầu, mà nhiều nước công nghiệp phát triển phải mất một hai thế kỷ mới đi hết được.

Ở nước ta, trước năm 1930, các cuộc nổi dậy của nhân dân chống phong kiến, đế quốc hầu như đều bị thất bại. Chỉ từ sau khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo, nước ta mới có được những mốc son lịch sử chói lọi : *Cách mạng Tháng Tám 1945* và việc thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 2-9-1945 ; *Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954,* chấm dứt cuộc xâm lược của Pháp và sự can thiệp của đế quốc Mỹ vào nước ta, đưa nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội. *Đại thắng mùa xuân 1975*, đem lại sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước. *Công cuộc đổi mới đất nước mở ra từ năm 1986*, sau hơn mười năm đã gặt hái được những thành quả to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng.

Sự thất bại của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (cũ) và Đông Âu là do nhiều nguyên nhân. Song xem xét dưới góc độ sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp vô sản, thì nguyên nhân sâu xa là các chính đảng của giai cấp vô sản ở những nước này đã *tự đánh mất mình*, đã phạm những sai lầm cả về đường lối chính trị, về tổ chức và về cán bộ...

. 4 - Tuyên ngôn yêu cầu giai cấp vô sản sau khi giành được chính quyền, phải dùng ưu thế chính trị của mình tận dụng mọi khả năng gia tăng nhanh chóng lực lượng sản xuất (LLSX) để thủ tiêu sự khác biệt giai cấp, thực hiện CNCS.

Như vậy, Tuyên ngôn coi nhiệm vụ cơ bản của chủ nghĩa xã hội là phát triển LLSX, coi sản xuất là cái gốc. Gốc có vững mạnh, mới có điều kiện xóa bỏ sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị, giữa lao động trí óc và chân tay... Đây là quan điểm duy vật tuyệt vời. Tuy vậy một thời gian dài, các nước xã hội chủ nghĩa lại xa rời quan điểm đúng đắn ấy và phạm hai sai lầm cơ bản. Một là, *nhẹ về phát triển LLSX, nặng về "hoàn thiện" quan hệ sản xuất.* Có nước bỏ hợp tác xã, lập công xã ; có những nước tự cho là đã xây dựng xong CNXH phát triển, nên đề ra các chỉ tiêu kế hoạch quá cao, vay nợ nước ngoài ồ ạt... để đi vào CNCS. Hậu quả của sự vi phạm quy luật ấy là LLSX không phát triển được, kinh tế rơi vào suy thoái, rồi khủng hoảng. Hai là, *phương pháp phát triển LLSX không đúng,* do nhận thức không đến nơi đến chốn về đặc trưng bản chất của CNXH như C.Mác đã nêu, không tính đến *trình độ thấp* và *phát triển thiếu cân đối của LLSX* nên đã xóa bỏ quá sớm các thành phần kinh tế phi công hữu, phát triển phiến diện công nghiệp nặng không phù hợp với quy luật khách quan của sự phát triển LLSX, tạo nên sự mất cân đối nghiêm trọng về cơ cấu ngành, làm cho mâu thuẫn giữa tổng cung và tổng cầu tăng lên, dẫn tới khủng hoảng kinh tế mang tính chất cơ cấu. Để thoát khỏi khủng hoảng, các nước XHCN đã đi vào cải cách. Một số nước XHCN đã tuân thủ và phát triển tư tưởng đúng đắn của *Tuyên ngôn* - lấy xây dựng kinh tế là trung tâm, ra sức phát triển LLSX, coi việc phát triển LLSX là tiêu chí đánh giá trình độ lãnh đạo của các cấp ; gắn trình độ của LLSX với xây dựng và hoàn thiện cơ cấu kinh tế. Cải cách căn bản thể chế kinh tế truyền thống đi đôi với mở cửa, để giải phóng LLSX và tận dụng hai nguồn lực, lấy nguồn lực bên trong làm trọng nhằm phát triển hơn nữa LLSX và hoàn thiện cơ chế thị trường dựa trên chế độ công hữu là chủ thể... Nhờ đó, kinh tế đã được phục hồi, phát triển liên tục, với *nhịp độ cao.*

Trái lại, sự thất bại của CNXH ở nhiều nước cho thấy có sự xa rời tư tưởng cơ bản của Tuyên ngôn về CNXH khoa học. Cải cách kinh tế, thì thủ tiêu chế độ công hữu, tư nhân hóa ồ ạt và tràn lan. Mở cửa, thì vay nợ nước ngoài một cách thiếu kế hoạch, coi nhẹ việc phát huy khả năng bên trong là chính, dẫn tới nợ nước ngoài chồng chất, vượt xa khả năng thanh trả ; để cho phương Tây dễ dàng thẩm thấu về chính trị, văn hóa, tư tưởng qua nhiều kênh khác nhau của họ. Cải cách chính trị, thì thực hiện chế độ đa đảng. Khi cải cách bị vấp váp, thì quay chĩa mũi nhọn vào bản thân CNXH, vào Đảng cộng sản. Sự tương phản giữa 2 con đường và 2 kết quả cải cách ấy một lần nữa lại mách bảo ta -

Digitized by Google

không gì quý hơn một lý luận đúng đắn và sự xa rời lý luận ấy quả tai hại biết chừng nào !

SỰ PHÁ SẢN CHỈ LÀ CỤC BỘ, TẠM THỜI

Sự vận động phát triển của bất cứ sự vật khách quan nào cũng đều trải qua quanh co, gấp khúc rồi tiến lên trong mối quan hệ biện chứng thống nhất giữa hai cái. CNTB hay CNXH đều như vậy. Lịch sử cho thấy : a/ CNTB Anh ra đời từ năm 1640 nhưng phải trải qua những cuộc đấu tranh giằng co giữa phục hồi và chống phục hồi kéo dài *suốt 48 năm* ; cuối cùng mới lập được nền quân chủ lập hiến, trong đó có lần triều vua Stô-át-tơ đã phục hồi được. Sau đó, nó phải mất trọn *2 thế kỷ* nữa, mới tạo ra và củng cố được cơ sở phát triển của chính nó. Cách mạng tư sản Pháp cũng phải sau 3 lần xây đi dựng lại - trong đó có 2 lần triều vua được phục hồi - mãi tới năm 1875 mới chính thức lập nên nền cộng hòa Pháp... Nếu cứ lấy những lần thất bại hay gấp khúc để phán định, thì CNTB ắt đã đi đời lâu rồi. b/ Phong trào XHCN từ sau *Tuyên ngôn* cũng trải qua - chí ít - 5 lần *cao trào - thoái trào* : Từ cao trào cách mạng châu Âu (1848) đến Công xã Pa-ri bị dìm trong biển máu ; từ thất bại của Công xã Pa-ri đến thành lập Quốc tế II ; từ sự giải thể của Quốc tế II đến Cách mạng Tháng Mười Nga, rồi đến cả khối XHCN được thành lập và hợp lưu với phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân ở các nước TBCN thành 3 dòng thác cách mạng của thời đại ; từ một khối thống nhất vững mạnh đến những vết nứt trong khối - do có sự chia rẽ trong phong trào cộng sản quốc tế, đến sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu vừa qua. Sự sụp đổ này là nghiêm trọng, nhưng cũng chỉ là *cục bộ* và *tạm thời* trong xu thế phát triển đi lên theo đường xoáy trôn ốc của sự vật. *Nó không làm thay đổi được tính chất của thời đại.* c/ Điều đáng chú ý là sau mỗi lần thoái trào, phong trào cách mạng XHCN lại *bật dậy với sức sống mới mạnh hơn, hoành tráng hơn.* Vì những người cộng sản kiên cường, biết kiểm xét lại mình, rút ra bài học kinh nghiệm, tập hợp lại lực lượng, để tiến lên. Trước đã vậy, nay lại càng như vậy. Bởi lẽ, nay tình thế thuận hơn nhiều so với trước kia khi CNCS còn là lý thuyết, hay mới thành hiện thực ở một nước với khoảng 100 triệu dân, lại nằm trong vòng vây của CNTB. Thực tế vừa qua cho thấy, lực lượng XHCN ở Nga, Ba Lan... đã được phục hồi dần và bắt đầu giành được những thắng lợi qua các cuộc bầu cử. Báo chí Mỹ mới đây đã trích đăng ý kiến của học giả Pháp X-têpha-nơ Cu-xtu nhận xét rằng : Chúng ta đã nghĩ rằng các Đảng cộng sản sẽ chết, nào ngờ họ đang phấn đấu để có một sức sống mới. Chúng ta sẽ một lần nữa đối diện với hiện tượng cộng sản ở châu Âu.

Kỷ niệm 150 năm ngày ra đời của *Tuyên ngôn* giữa một thế giới sôi động, biến đổi khôn lường và CNXH lại đang lâm vào thoái trào. Song học thuyết của C.Mác và Ph.Ăng-ghen vẫn luôn luôn tỏa sáng và soi đường cho nhân dân ta và nhân loại tiến bộ trên con đường đấu tranh cách mạng. Chúng ta tiếp tục *kiên trì, bảo vệ* và *phát triển* học thuyết ấy ; tiếp tục đi sâu đổi mới để hoàn thiện kinh tế thị trường, chống sự tha hóa và thượng lưu hóa đội ngũ lãnh đạo Đảng và Nhà nước bằng *công luận mạnh,* cơ chế kín, pháp luật nghiêm ; đánh bại mọi âm mưu "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, nhằm xây dựng thành công CNXH trên đất nước ta.❑

GIÁ TRỊ BỀN VỮNG...

(Tiếp theo trang 26)

Tuyên ngôn đã được các đảng cộng sản trong đó có Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng, bổ sung, phát triển trong quá trình tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa mấy chục năm qua.

Mặc dù chủ nghĩa xã hội trên con đường phát triển của nó đang gặp khó khăn, khủng hoảng, nhưng những gì mà chủ nghĩa xã hội đã đem lại cho loài người và những thành tựu hơn 10 năm thực hiện đường lối đổi mới, phát triển theo con đường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã minh chứng cho sự bất diệt về những giá trị của *Tuyên ngôn. Tuyên ngôn* mãi mãi là cuốn sách gối đầu giường với bất cứ người cách mạng giác ngộ nào trên thế giới. Bởi vậy, "tác phẩm đã được truyền đi khắp thế giới, và cho đến nay tác phẩm đó vẫn đúng trên tất cả những điểm căn bản, nó sinh động và có tính thời sự tựa hồ như vừa mới được viết ra hôm qua"(6).❑

(6) V.I. Lê-nin : *Sđd,* t 24, tr 332

Digitized by Google

MỘT MÙA XUÂN LỊCH SỬ

Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân của quân và dân ta ở miền Nam cách đây 30 năm đã làm cho Mỹ - ngụy bất ngờ choáng váng ; đưa cách mạng nước ta tiến lên tầm cao mới, làm thay đổi cục diện chiến tranh ở miền Nam, tạo thế chiến lược mới và tạo tiền đề vững chắc cho quân, dân ta tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn vào mùa xuân 1975.

Thời gian trôi đi, nhưng ý nghĩa và tầm vóc lịch sử của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 vẫn sáng chói trong cuốn biên niên sử chống Mỹ của nhân dân ta, để lại cho chúng ta những bài học to lớn và niềm tự hào về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Đã có nhiều cuốn sách, tài liệu ở trong nước và nước ngoài viết về sự kiện này. Chỉ tính từ 1968 đến 1988 trên 20 cuốn sách, hàng nghìn bài báo và hàng chục cuốn phim được in và phát hành ở Mỹ, Đức, Nhật, I-ta-li-a... Điều đó chứng tỏ sự kiện Mậu Thân 1968 đã vượt qua không gian, thời gian, tác động tới nhiều nước trên thế giới - nhất là ở Mỹ.

Chúng ta còn nhớ, trước đó không lâu, đế quốc Mỹ thất bại nặng nề trong hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967 ở chiến trường miền Nam, nhất là mùa khô 1966 - 1967, 70 000 lính Mỹ - ngụy bị tiêu diệt, 175 000 tên bị loại khỏi vòng chiến đấu, nhưng chúng vẫn chưa chịu rút ra bài học thất bại, vẫn hy vọng tìm lối thoát giành thắng lợi quyết định.

Trên cơ sở đánh giá một cách khách quan, khoa học bối cảnh thế giới và trong nước, đặc biệt là tình hình thực tế ở chiến trường, Bộ Chính trị nhận định : Sau mùa khô thứ hai, Mỹ đã bị tổn thất nặng nề cả về quân sự và chính trị, thất bại cả về chiến lược và chiến thuật, và chúng đang ở trong tình thế tiến thoái lưỡng nan.

Còn về phía ta, chúng ta đã thắng địch cả về chiến lược và chiến thuật, lực lượng của ta ở miền Nam đã lớn mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào và đang nắm quyền chủ động khắp chiến trường, nhưng ta cũng có một số hạn chế, nhược điểm về đánh tiêu diệt lớn, về tác chiến ở đô thị, về công tác binh vận và bảo đảm vật chất trang bị.

Với tư tưởng tiến công, Bộ Chính trị kết luận : Tình hình chung cho phép ta có thể chuyển cuộc chiến tranh sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định.

Tháng 1 - 1968, Hội nghị lần thứ 14 của Ban chấp hành Trung ương (khóa III) quyết định động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đưa cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam lên bước phát triển cao bằng tổng công kích và tổng khởi nghĩa. Tư tưởng chỉ đạo đó được thể hiện bằng những mục tiêu chiến lược cụ thể :

- Tiêu diệt và làm tan rã tuyệt đại bộ phận quân ngụy, đánh đổ ngụy quyền các cấp, giành chính quyền về tay nhân dân.

- Tiêu diệt một phần quan trọng sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ.

- Trên cơ sở đó, đập tan ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ thua ở miền Nam, chấm dứt mọi hành động chiến tranh đối với miền Bắc.

Quán triệt chủ trương và mục tiêu của Trung ương, quân dân ta ở cả hai miền đã khẩn trương, bí mật chuẩn bị mọi mặt cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968.

Đúng vào đêm 30, rạng ngày 31-1-1968, tức 30 Tết Mậu Thân, cả miền Nam với khí thế bão táp cách mạng sục sôi, quân dân ta đã nổ súng đánh mạnh vào hầu hết các sào huyệt của địch ở khắp 64 thành phố, thị xã, huyện lỵ, các chi khu quân sự và hàng trăm sân bay, kho tàng, khu hậu cần, làm cho quân địch bất ngờ, choáng váng, không kịp trở tay.

Digitized by Google

Tại Sài Gòn - Chợ Lớn, quân ta đánh vào tòa đại sứ Mỹ, "dinh Độc lập", Bộ tổng tham mưu ngụy, đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ tư lệnh quân khu Sài Gòn, Tổng nha cảnh sát, Bộ chỉ huy các sư đoàn bộ binh Mỹ số 1, 9, 25 và 101.

Tại Huế, ngày 31-1-1968, quân dân ta đã đánh chiếm Dinh tỉnh trưởng, đồn cảnh sát, đài phát thanh, khách sạn Hương Giang, khách sạn Thuận Hóa... tiêu diệt những tên ác ôn, phản động, giữ vững chính quyền thành phố suốt gần 1 tháng (31-1 đến 24-2-1968) đánh tan nhiều cuộc phản công của địch, bắt sống 1 723 tên, diệt 25 700 tên, bắn rơi 255 máy bay, phá hủy hơn 500 xe quân sự.

Tại Đà Nẵng, ta tiến công vào sở chỉ huy quân đoàn 1 ngụy, đánh mạnh vào một số trận địa của địch ở Non Nước, núi Phước Tường, đánh chiếm các vùng ven thành phố, tiêu diệt nhiều địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng, tạo khí thế cách mạng phát triển rộng cả trong nội thành, trong nhiều tầng lớp nhân dân.

Ở các thành phố, thị xã khắc khắp miền Nam, từ Kon Tum, Plây cu, Buôn Ma Thuột ở Tây Nguyên, đến Bến Tre, Mỹ Tho, Cà Mau, Cần Thơ... ở Nam Bộ đều nổi lên đánh cho địch những đòn đau, gây cho chúng tổn thất nặng nề.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, chỉ trong 45 ngày, quân dân ta ở miền Nam đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 147 000 tên địch, trong đó có 43 000 quân Mỹ và chư hầu, làm rã ngũ và đào ngũ 200 000 quân ngụy, bắn rơi và phá hủy 2 370 máy bay, đánh tan 35 000 xe quân sự ; 350 khẩu pháo, 280 tàu xuồng, phá hủy và làm thiệt hại 1 368 000 tấn vật tư chiến tranh gồm trên 200 kho xăng, 250 kho bom đạn, bằng 34% tổng số dự trữ của địch ở miền Nam.

Ta còn bức rút, bức hàng trên 700 đồn bốt, giải phóng thêm 1 000 thôn ấp và 1 200 000 dân.

Bị bất ngờ và bị đánh mạnh, thua đau ở miền Nam, Mỹ leo thang đánh phá ác liệt ra miền Bắc. Chỉ trong 3 tháng đầu năm 1968, Mỹ đã sử dụng 6 000 lần chiếc máy bay, trong đó có cả B52 ném bom miền Bắc trên 2 800 trận. Với tinh thần cảnh giác cao, với quyết tâm cùng quân dân miền Nam đánh Mỹ, trong 9 tháng đầu năm 1968, miền Bắc đã bắn rơi 425 máy bay của địch, bắn chìm bắn cháy 31 tàu quân sự của chúng.

Đúng là : "Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua
Thắng trận tin vui khắp nước nhà
Nam - Bắc thi đua đánh giặc Mỹ
Tiến lên !
Toàn thắng ắt về ta".

Bị thất bại nặng nề ở 2 miền Nam - Bắc, ngày 31-3-1968, Giôn-xơn buộc phải quyết định xuống thang hạn chế ném bom miền Bắc, chấp nhận ngồi đàm phán với ta ở hội nghị Pa-ri và tuyên bố không ra ứng cử tổng thống nhiệm kỳ hai. Sau đó, tháng 4-1968, Bộ trưởng quốc phòng Mỹ Mắc-na-ma-ra, người được dư luận Mỹ cho là bộ trưởng quốc phòng "kiệt xuất nhất nước Mỹ", "có bộ óc thông minh đặc biệt", "bộ óc điện tử sống" bị triệu hồi về vườn.

Sau Mậu Thân 1968, Oét-mo-len đệ trình lên Tổng thống Mỹ xin khẩn cấp thêm 206 000 quân nhằm bù đắp vào những thiệt hại ở miền Nam, nhưng sau gần 2 tháng bàn cãi, biết không thể cứu vãn tình hình, Giôn-xơn buộc phải từ chối đề nghị của Oét-mo-len, và thực hiện một kế hoạch mới "Việt Nam hóa" chiến tranh.

Cho dù kẻ địch tìm cách bưng bít, xuyên tạc, nhưng chúng không thể nào phủ nhận được thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968 và sự thất bại nặng nề của chúng.

Phóng viên hãng thông tấn Pháp AFP ở Oa-sinh-tơn ngày 5-2-1968 nhận xét : "cuộc tấn công của Việt cộng đang gây ra ở Mỹ một sự tuyệt vọng, phẫn nộ và ngờ vực". Còn Rô-bớt Ken-ne-đi thì thừa nhận : "cuộc tiến công của Việt cộng chứng minh rằng thắng lợi quân sự của Mỹ ở Việt Nam là một điều hoàn toàn ảo tưởng". Tờ Thời báo Niu-oóc (Mỹ) ngày 8-2-1968 viết : "Những tin tức đen tối từ Việt Nam đang gây sửng sốt và kinh ngạc ở Oa-sinh-tơn".

Kỷ niệm 30 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, giữa lúc nhân dân ta đã và đang giành được thắng lợi to lớn trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng đề xướng và lãnh đạo, chính là một dịp để chúng ta ôn lại những bài học và ý nghĩa to lớn, sâu sắc của sự kiện lịch sử quan trọng này, tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc vào giai đoạn lịch sử mới, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước do Đại hội VIII của Đảng đề ra.❑

Digitized by Google

TẾT MẬU THÂN 1968 - CỘT MỐC LỚN TRONG SỰ NGHIỆP KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

HỒ KHANG *

Cuộc chiến tranh cục bộ (1965 - 1968) là đỉnh cao nhất trong toàn bộ nỗ lực chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ (1954 - 1975). Cuộc chiến tranh đó, đến giữa năm 1967, đã trải qua hai năm. Trong khoảng thời gian này, Mỹ ồ ạt tăng quân và phương tiện chiến tranh vào miền Nam, liên tiếp tung ra hai cuộc phản công chiến lược với hàng nghìn cuộc hành quân "tìm diệt" của quân Mỹ và chư hầu đánh sâu vào toàn bộ hệ thống căn cứ địa cũng như vùng giải phóng của cách mạng miền Nam. Trên miền Bắc, cuộc chiến tranh phá hoại của không quân, hải quân Mỹ ngày càng gia tăng cả về quy mô lẫn cường độ đánh phá. Trước sự hung hãn tột độ của kẻ thù, cả thế giới lo lắng dõi theo cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam. Việt Nam - một đất nước nhỏ bé, thua kém Mỹ nhiều lần về sức mạnh kinh tế, quân sự, có đương đầu được với đế quốc Mỹ không ? Và liệu "đốm lửa Việt Nam" có bùng lên và lan nhanh thành đám cháy thiêu đốt nhân loại như cuộc chiến tranh thế giới đã qua ? Đó quả thực là những băn khoăn, những câu hỏi lớn của nhiều quốc gia trên thế giới ngày ấy. Những băn khoăn, những câu hỏi này, cùng với thời gian, đã dần dần được thực tiễn cuộc chiến đấu của quân và dân ta trên cả hai miền Nam, Bắc giải đáp.

Qua hai năm trực tiếp đương đầu với lục quân, không quân, hải quân Mỹ, quân và dân ta đã bền bỉ chịu đựng muôn vàn gian khổ, hy sinh, giữ vững niềm tin và quyết tâm, từng bước làm thất bại các mục tiêu quân sự, chính trị của Mỹ trong cuộc chiến tranh này. Suốt quá trình đó, ở miền Nam, lực lượng và thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng phát triển trên cả ba vùng chiến lược. Đó là thế trận lồng xen giữa vùng địch kiểm soát, bao vây, áp sát, uy hiếp trực tiếp nhiều căn cứ quân sự, nhiều tuyến giao thông, nhiều vùng ven và cả trong đô thị địch. Trong khói lửa chiến tranh, miền Bắc không nao núng ý chí quyết tâm, thực sự là hậu phương chiến lược ổn định, vững chắc, là chỗ dựa đáng tin cậy cho tiền tuyến lớn miền Nam. Trên thế giới, sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta, được nhân dân và chính phủ nhiều nước - đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ.

Về phía Mỹ, trải qua hai năm lao sâu vào chiến trường miền Nam, mặc dù cố gắng chiến tranh đã được đẩy tới đỉnh cao, đã chịu nhiều tổn thất, đã áp dụng nhiều thủ đoạn và biện pháp... nhưng Mỹ vẫn không sao giành được quyền chủ động trên chiến trường. Ngược lại, quân Mỹ vẫn luôn ở thế bị động cả về chiến lược lẫn chiến thuật ; lực lượng bị căng mỏng, bị gìm chân, và bị vây hãm trong thế trận chiến tranh nhân dân của đối phương ; quân đội Sài Gòn chẳng những không làm được nhiệm vụ "bình định" mà chỉ thêm phụ thuộc vào sự có mặt của quân Mỹ... Tất cả những điều đó chứng tỏ Mỹ đang lâm vào tình trạng bị sa lầy, bế tắc cả về chiến lược lẫn chiến thuật trên chiến trường Việt Nam. Điều này càng làm nóng bỏng thêm tình hình chính trị, kinh tế, xã hội nước Mỹ - đặc biệt trong lúc nước Mỹ đang tiến gần tới năm tranh cử tổng thống nhiệm kỳ mới. Đây là một thời kỳ rất nhạy cảm trong đời sống chính trị ở nước Mỹ. Thế nên, cho dù muốn nghiêng theo giới quân sự hiếu chiến để tăng thêm hàng chục vạn quân vào miền Nam, đẩy mạnh hơn nữa chiến tranh phá hoại miền Bắc... nhưng tổng thống Mỹ Giôn-xơn vẫn buộc phải rất thận trọng trong tính toán bước đi của Mỹ sao cho vừa tránh được mọi sự đảo lộn bất ngờ trên chiến trường, vừa làm dịu được sự phẫn nộ của dư luận trong nước... để bước vào năm vận động tranh cử một cách "xuôi chèo, mát mái". Có thể thấy, đến nửa

* Viện lịch sử quân sự, Bộ Quốc phòng

Digitized by Google

sau của năm 1967, giới lãnh đạo cao cấp Mỹ đang ngập ngừng đứng giữa một "ngã ba đường" trong việc chọn lựa "đường đi, nước bước" ở Việt Nam !.

Với tầm nhìn chiến lược sáng suốt, Bác Hồ và Đảng ta nhạy bén nắm bắt các nhân tố khách quan trên đây. Theo dõi chặt chẽ mọi động thái mới của giới lãnh đạo nước Mỹ, lượng định kịp thời mọi diễn biến trên chiến trường, trong nước và trên thế giới có liên quan tới cuộc chiến tranh, Bộ Chính trị Đảng ta cho rằng : một thời cơ mới đang xuất hiện mà chúng ta cần phải khai thác triệt để để tạo thế xoay chuyển cục diện chiến tranh. Vấn đề đặt ra là : tuy Mỹ bị sa lầy và rất lúng túng trong ý đồ chiến lược, bởi sức mạnh quân sự Mỹ không giành được thắng lợi trên chiến trường Việt Nam, song Mỹ vẫn chưa chịu "xuống thang" chiến tranh, vẫn muốn dùng quân sự ép Việt Nam ngồi vào bàn đàm phán theo điều kiện của Mỹ. Trong khi đó, tuy đã giành được thắng lợi, làm thất bại các mục tiêu quân sự, chính trị của Mỹ qua hai mùa phản công, song chúng ta cũng chưa thể nào đủ lực để mong đánh bật được hơn 50 vạn quân Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam. Muốn chớp thời cơ có lợi để tạo nên bước ngoặt quyết định của chiến tranh - trong điều kiện so sánh lực lượng quân sự vẫn nghiêng về phía địch - cần giải quyết một loạt vấn đề thuộc về nghệ thuật chỉ đạo chiến lược nhằm giáng một đòn quyết liệt vào ý chí xâm lược của Mỹ. Một đòn như thế, nếu thực hiện vào năm 1967 là sớm (vì cuộc chiến tranh cục bộ của Mỹ mới chỉ diễn ra 2 năm) ; nhưng lùi sang năm 1969 lại là muộn (vì kỳ bầu cử Tổng thống nước Mỹ đã kết thúc). Đây là lúc đòi hỏi các cơ quan chỉ đạo chiến lược phải rất mẫn cảm trong việc tính toán, cân nhắc, chọn lựa thời điểm, cách thức, tung ra đòn đánh quyết định trên chiến trường chính miền Nam.

Trước thế cục như vậy, từ tháng 5-1967 đến đầu năm 1968, các cơ quan chỉ đạo chiến lược của ta đã có nhiều cuộc họp quan trọng, nhận định : Nếu tiếp tục mở các đợt hoạt động quân sự như trước, đánh theo cách đánh cũ thì khó tận dụng được thời cơ có lợi để tạo nên chuyển biến chiến lược trên chiến trường. Chiến tranh vẫn diễn ra ở thế dằng co. Nhưng mặt khác, trước một đối thủ quân số đông, hỏa lực mạnh, tiếp ứng nhanh, chiếm ưu thế áp đảo trên không, trên sông, trên biển như quân Mỹ ở miền Nam lúc này thì phương án bao vây để tiêu diệt trong một trận chiến lược đối với đội quân này - như chúng ta đã từng làm đối với quân Pháp ở Điện Biên Phủ trước đây là không hiện thực. Vì vậy, tháng 10-1967 hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định thực hiện một phương thức tiến công, một cách đánh mới có hiệu lực cao nhằm vào toàn bộ mục tiêu hiểm yếu, huyết mạch; then chốt của kẻ thù đúng vào năm nhạy cảm nhất trong đời sống chính trị Mỹ - năm bầu cử Tổng thống nhiệm kỳ mới ; vào thời điểm bất ngờ là đêm giao thừa Tết Mậu Thân 1968... để "chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới - thời kỳ giành thắng lợi quyết định". Đây quả là chủ trương táo bạo, sáng tạo, độc lập, tự chủ trong chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta. Bởi vì, trong khi quân Mỹ đang thực hiện chiến lược "tìm và diệt" chủ lực, cũng như các cơ quan chỉ đạo cách mạng miền Nam ; trong khi chúng vẫn đinh ninh chiến lược của đối phương là "lấy nông thôn để bao vây thành thị"... thì, bằng cách *chọn hướng, chọn thời điểm, chọn mục tiêu, chọn phương thức tiến công đồng loạt* như thế, lần đầu tiên sau bao năm kháng chiến, chúng ta đã phá vỡ hệ thống phòng thủ đô thị kiên cố, đưa chiến tranh vào ngay giữa vùng hậu phương, hậu cứ của Mỹ-ngụy, trên quy mô toàn miền, làm đảo lộn thế bố trí chiến lược của chúng ở miền Nam, làm sửng sốt nước Mỹ vốn đầy kiêu hãnh, tự tin vào sức mạnh kinh tế và quân sự to lớn của mình... Nhưng quan trọng hơn lại chính là ở chỗ : sự kiện "Tết Mậu Thân" đã như một "phép thử" nhiệm màu phơi bầy toàn bộ những mâu thuẫn mà Mỹ-ngụy không sao khắc phục được trong đường lối và cách thức tiến hành chiến tranh ; làm lộ rõ "gót chân A-sin" của "chàng khổng lồ" đế quốc Mỹ. Người ta nhận ra rằng, qua thực tế chiến tranh ở Việt Nam sức mạnh kinh tế của quân sự Mỹ là có giới hạn. Nếu Mỹ tiếp tục lao vào chiến tranh Việt Nam theo chiến lược cũ sẽ phải gánh chịu những hậu quả "không sao kể xiết cho vị trí kinh tế của Mỹ trong nước cũng như ở nước ngoài, cho sức mạnh quân sự của Mỹ ở những nơi khác và cho đời sống chính trị của Mỹ". Sự kiện này đã mở đầu một cao trào chống chiến tranh hết sức mạnh mẽ của nhân dân Mỹ và kéo dài suốt những năm sau đó. Ngay cả các tập đoàn tài chính - công nghiệp đầy thế lực ở Mỹ bị "vỡ mộng", cũng phải thay đổi quan điểm đối với "cuộc chiến tranh bên kia bờ đại dương", không còn tích cực hậu thuẫn cho chính sách chiến tranh Việt Nam của chính quyền Giôn-xơn nữa.

Bởi thế, vào đêm 31-3-1968, với dáng vẻ đắn đo và mệt mỏi, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn xuất hiện trước vô

(Xem tiếp trang 39)

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

NGUYỄN DUY NGHĨA *

QUA 10 năm đổi mới, hoạt động thương mại đã đạt được thành tựu nhất định, đồng thời cũng còn những tồn tại về thị trường, quản lý và tổ chức doanh nghiệp. Nghị quyết VIII của Đảng chỉ rõ : "Vận dụng cơ chế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, đồng thời xác lập đầy đủ chế độ tự chủ của các đơn vị sản xuất kinh doanh, nhằm phát huy tác động tích cực to lớn đi đôi với ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những mặt tiêu cực của thị trường. Nhà nước quản lý thị trường bằng pháp luật, kế hoạch, cơ chế, chính sách, các công cụ đòn bẩy kinh tế và bằng các nguồn lực của khu vực kinh tế nhà nước" (1).

Năm 1996 và 9 tháng đầu năm 1997 ngành Thương mại đã tiếp tục đổi mới hoạt động của thương mại và thị trường bằng việc tiếp tục hoàn thiện về cơ chế chính sách và tăng cường quản lý hoạt động của nó. Nhiều quy chế để tổ chức, quản lý thương nghiệp, thị trường đã được ban hành và bước đầu có chiều hướng tích cực... Cơ chế điều hành xuất nhập khẩu được cải tiến, khắc phục tiếp một bước tình trạng "xin", "cho". Đã mở rộng việc các doanh nghiệp được quyền kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp có thể xuất khẩu hoặc nhận ủy thác xuất khẩu cả những mặt ngoài phạm vi trong giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ; đương nhiên trừ một số mặt hàng có hạn ngạch hoặc có quy định riêng. Việc điều hành nhập khẩu những mặt hàng có liên quan đến các cân đối lớn của nền kinh tế, năm nay (1997) danh mục không còn sắt thép, xi măng mà chỉ còn lại 2 mặt hàng là xăng dầu và phân bón. Sau hơn một năm thực hiện việc bãi bỏ chế độ cấp giấy phép chuyến đối với hàng xuất khẩu và nhập khẩu đã có tác động thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu. Luật Thương mại được Quốc hội (khóa IX) kỳ họp 11 thông qua, tạo nền móng và cơ sở pháp lý để quản lý và thúc đẩy hoạt động thương mại trong nước cũng như quan hệ thương mại của Việt Nam với thế giới trong quá trình hội nhập.

Thực tế cho thấy, chúng ta đã có kinh nghiệm trong việc kết hợp với thị trường ngoài nước để xây dựng và hiệu chỉnh các mối quan hệ cung cầu lớn của nền kinh tế như : xăng dầu, sắp thép, xi măng, phân bón, đường ăn ; tăng cường sử dụng các biện pháp kinh tế như : thuế, phụ thu, quỹ bình ổn giá... để điều tiết xuất nhập khẩu v.v.. Vì vậy, nó đã góp phần giữ thị trường khá ổn định, không xảy ra "sốt nóng" hoặc "sốt lạnh", kể cả trong dịp lễ, tết cổ truyền và hầu như không phải sử dụng liệu pháp tức thời, mệnh lệnh hành chính như những năm trước. Qua xử lý các quan hệ cung cầu đã cho thấy năng lực tiềm tàng của sản xuất trong nước như sắt thép xây dựng, xi măng đen, đường ăn đã chiếm ưu thế trong cân đối, giảm nhiều số lượng nhập khẩu, có thể thay thế hàng nhập khẩu. Cột điện thép mạ kẽm của Công ty liên doanh Huyn dai - Đông Anh, chẳng những đã thay thế được cột điện nhập khẩu mà còn xuất khẩu sang một số nước Đông - Nam Á tới 75% sản lượng. Gương mặt đô thị sáng láng hơn với những cơ ngơi mới của các doanh nghiệp thương mại - dịch vụ, khang trang, hiện đại, phương thức phục vụ văn minh. Năm 1996, Hà Nội đã khai trương 10 siêu thị, TP Hồ Chí Minh có 30 siêu thị. Siêu thị có sớm ở Đà Nẵng, Huế, Hạ Long rồi Buôn Ma Thuột và thị xã Cà Mau. Thị xã Lạng Sơn, Plây-cu, thị trấn Móng Cái đã xây dựng trung tâm thương mại mới thay cho chợ cũ. Vị thế người tiêu dùng được tôn trọng, độ thỏa dụng về hàng hóa ngày một tăng.

Thị trường nông thôn, miền núi, vùng biển đã đáp ứng nhu cầu sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp. Xăng

* Phó văn phòng, Bộ Thương mại

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 97

Digitized by Google

dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, sắt thép, xi măng..., được thương nghiệp nhà nước nắm giữ khâu bán buôn, còn bán lẻ đã sử dụng thêm các đại lý thuộc các thành phần kinh tế khác để mở rộng mạng lưới. Với mô hình đó, tỉnh Cà Mau đã mở 41 cửa hàng xăng dầu khắp các huyện thị và có mạng lưới bán lẻ tại các vùng sâu, vùng xa. Phú Yên đã xây dựng được 38 đại lý ở các xã. Thương nghiệp Long An đã liên kết với các nhà máy, xí nghiệp sản xuất, tổ chức đội vận tải nhẹ len lỏi đưa hàng tới các cơ sở đại lý, và áp dụng phương thức thanh toán hợp lý, nên đã chi phối 75 - 80% lưu lượng hàng hóa bán buôn tại địa phương. Nhiều doanh nghiệp lớn của trung ương và địa phương đã và đang triển khai hướng đi như vậy có hiệu quả... Do xác định chợ là một bộ phận cấu thành của thị trường, đặc biệt ở nông thôn, miền núi nên nhiều địa phương đã cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới và xem đó là một trong những việc kiến tạo cơ sở hạ tầng, vừa có ý nghĩa kinh tế thiết thực, vừa khơi dậy truyền thống văn hóa, xã hội nhất là các chợ phiên vùng cao.

Hình thức phục vụ của ngành Thương mại cũng đa dạng hơn. Ở một số thành phố thực hiện phương thức dịch vụ trước, trong và sau khi bán hàng vừa được khách hàng ưng ý, vừa tiết kiệm thời gian. Còn ở thôn xóm đã bán chịu, bán trả góp, ứng trước vật tư cho sản xuất, phù hợp với thu nhập của nông dân và đỡ bị thương lái ép giá. Việc kinh doanh "chụp dựt", "đánh quả" của nhiều doanh nghiệp đã gây hậu quả xấu làm mất uy tín nên đang dần bị loại trừ. Các xí nghiệp sản xuất ngày nay cũng không thể tự sản tự tiêu như những năm trước, mà phải tập trung đổi mới công nghệ, vươn tới sản xuất lớn, tạo ra sự hấp dẫn trên thị trường, tìm lại ở các doanh nghiệp thương mại sự gắn bó để giải quyết đầu ra. Đây là những điều kiện khách quan đòi hỏi, phải có sự liên kết, liên doanh đầu tư vào sản xuất giữa các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh - dịch vụ của các thành phần kinh tế, bảo đảm chân hàng ổn định, tạo mặt hàng mới có chất lượng cao được thị trường trong và ngoài nước chấp nhận. Công ty thực phẩm Hà Nội đầu tư liên kết sản xuất và cung ứng rau sạch. Công ty Nông sản 2 tại TP Hồ Chí Minh đã liên kết với Tây Ninh chế biến sắn thành bột viên Tapioca để xuất khẩu. Công ty Thương mại kỹ thuật và đầu tư đã liên kết với Tổng công ty dâu tằm tơ về cung ứng nguyên liệu và xuất khẩu sản phẩm, xây dựng nhà máy chế biến tinh bột sắn. Thương mại Hải Dương, Hưng Yên đã đầu tư sản xuất trên 5 000 ha rau, củ, quả để chế biến thành hàng xuất khẩu, tạo thêm việc làm. Các doanh nghiệp Tây - Nam Bộ đã liên kết với Công ty ở Hồng Công xây dựng nhà máy sản xuất gạo cao cấp. Nhiều doanh nghiệp đã mở các phân xưởng, xí nghiệp gia công da giầy, dệt may... Những hoạt động này lợi nhuận không cao, nhưng khá ổn định và quan trọng là góp phần giải quyết lao động dư thừa. Đi vào hướng này thực sự các doanh nghiệp đã biết đặt hiệu quả kinh doanh thương mại trong hiệu quả kinh tế - xã hội và quán triệt quan điểm chính trị trong kinh tế.

Quá trình đổi mới hoạt động của doanh nghiệp gắn liền với việc tăng cường quản lý. Hiện nay, Bộ Thương mại đã sắp xếp lại trên 200 doanh nghiệp (thuộc Bộ Thương mại và các địa phương). Một số tổng công ty lớn đã có hội đồng quản trị. Đầu năm 1997, Bộ Thương mại đã ban hành quy định trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc Bộ, buộc các doanh nghiệp phải quản lý, sử dụng vốn chặt chẽ, hiệu quả hơn. Trong từng doanh nghiệp đã xác định mục tiêu, nội dung hoạt động, củng cố chế độ hạch toán, tăng cường trách nhiệm và kỷ luật tài chính. Đã tổ chức kiểm tra, kiểm kê, đăng ký và đăng ký lại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh để ai kinh doanh đều có đăng ký, kinh doanh đúng theo đăng ký, hạn chế tình trạng trốn, lậu thuế, đầu cơ, phá giá thị trường. Một số tỉnh mới tái lập, trong bước đầu ổn định tổ chức đã hình thành ngay bộ máy quản lý nhà nước về thương mại - dịch vụ, cùng các doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh bình thường. Tỉnh Bình Dương 6 tháng đầu năm 1997 doanh số bán lẻ và dịch vụ trên thị trường xã hội đạt trên 1 800 tỉ đồng và xuất khẩu đạt 128 triệu USD, tăng hơn cùng kỳ 1996 là 45%.

Những thành tích bước đầu đó đã hợp thành kết quả chung của ngànhThương mại năm 1996 và 6 tháng đầu năm 1997. Kim ngạch xuất khẩu, tổng mức bán lẻ thị trường tăng trưởng ở mức cao hơn các năm trước và vượt mục tiêu kế hoạch, là mảng sáng hài hòa trong bức tranh kinh tế - xã hội ở nước ta. Đồng thời, nó tạo ra chuyển biến tích cực về quan điểm và ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội VIII của Đảng đề ra. Mục tiêu của ngành Thương mại đến năm 2000 phải bảo đảm giá trị hàng hóa trong nước bán ra gấp 2,5 lần năm 1995, tăng 25%/năm (tính theo mặt bằng giá năm 1995) và mỗi năm kim ngạch xuất khẩu tăng 28% (chưa kể xuất khẩu tại chỗ), xây dựng nền thương mại văn minh, hiện đại để từng bước hội nhập với thị trường thế giới, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 1996 - 2000 và chuẩn bị cho bước phát triển cao hơn trong những năm tiếp theo.

Digitized by Google

Muốn đạt mục tiêu đó, ngành Thương mại cần tích cực góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta hướng về xuất khẩu ; tăng nhanh nguồn hàng với khối lượng lớn, ổn định, chất lượng cao, tạo được nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực, đáp ứng đúng nhu cầu thị trường thế giới, xem đó là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu của thời kỳ mới. Vào thập kỷ 60 một số nước đã chọn chiến lược "thay thế hàng nhập khẩu" để phát triển. Qua thập kỷ 70, một số nước khác đã lựa chọn chiến lược "hướng vào xuất khẩu" và đã giành được thành tựu lớn trong thời gian ngắn. Vận dụng kinh nghiệm bên ngoài, ứng với thế và lực của ta hiện nay, Việt Nam đã lựa chọn chiến lược "hướng mạnh vào xuất khẩu" là có tính khả thi. Với những giải pháp như : tăng nhanh hàng xuất khẩu qua chế biến, đặc biệt là chế biến sâu và mở thêm mặt hàng mới đáp ứng nhu cầu của thị trường thế giới, đẩy mạnh gia công với nước ngoài, thúc đẩy các dự án đầu tư nước ngoài tham gia xuất khẩu... Chỉ qua các giải pháp trên mới tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, chủ động nhập công nghệ hiện đại, tạo ra tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tranh thủ được vốn và công nghệ tiên tiến của nước ngoài để phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiến trình đó còn tác động tích cực đến thị trường trong nước, thu hẹp ranh giới giữa thị trường bên trong với thị trường bên ngoài, phù hợp với lộ trình hòa nhập vào không gian tự do hóa thương mại đang ngày càng mở rộng. Hiện nay, ở nước ta có số dân là gần 80 triệu người và sẽ lên 100 triệu người vào những năm đầu thế kỷ XXI. Với mức sống ngày một cải thiện, Việt Nam sẽ là một thị trường đòi hỏi dung lượng hàng hóa lớn, trong đó có nhiều loại đẳng cấp cao. Dĩ nhiên cũng đặt ra những yêu cầu đối với ngành Thương mại về tổ chức và quản lý sẽ phức tạp hơn và hứa hẹn nhiều kết quả tích cực.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, Thương mại nước ta phải có những giải pháp tổng thể tập trung vào một số mặt sau :

1 - Hoàn thiện cơ chế bảo đảm cung cấp và điều hành lưu thông các mặt hàng thiết yếu, trên nguyên tắc bảo hộ sản xuất nội địa một cách hợp lý, vừa tạo điều kiện cho các xí nghiệp trong nước vươn lên đổi mới công nghệ, nâng chất lượng, hạ giá thành, đồng thời bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh. Đây là yêu cầu vừa cấp thiết, vừa cơ bản để tạo ra động lực cho sự phát triển và chuẩn bị chủ động cho tiến trình hội nhập vào cộng đồng thương mại khu vực và thế giới. Thực hiện chủ trương đó, trước hết phải chú trọng tổ chức lại thị trường lúa gạo từ khâu thu mua, chế biến, điều hòa tiêu thụ trong nước, dự trữ quốc gia đến việc bảo đảm an toàn lương thực và xuất khẩu có hiệu quả. Phân urê phần lớn phải nhập khẩu, nên cần kết hợp việc đưa hàng về với tổ chức lưu thông hàng hóa trong nước phù hợp với yêu cầu từng vùng, từng thời vụ, tránh gây thiệt hại cho sản xuất và lợi ích của nông dân. Các mặt hàng thiết yếu khác như sắt thép xây dựng, xi măng đen, giấy viết, đường ăn, sản xuất nội địa đã đáp ứng cơ bản nhu cầu nhưng cũng phải quan tâm tổ chức lưu thông thông suốt để phát huy được chiều hướng tích cực đó. Đời sống của nhân dân ngày càng nâng cao, cho nên phải quan tâm đến tổ chức cung ứng thực phẩm sạch, chất lượng cao, phong phú. Nhanh chóng lập lại trật tự trong kinh doanh giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm bảo đảm vệ sinh thực phẩm và vệ sinh môi trường.

Để có lực lượng chủ công thực hiện mục đích trên cần chú trọng củng cố lực lượng doanh nghiệp thương mại nhà nước, trong đó có các tổng công ty, ngành hàng chủ lực, xuyên suốt, từ tạo nguồn hàng đến giải quyết đầu ra. Mặt khác, ngành Thương mại cần giữ vững những cân đối lớn, sẵn sàng giải tỏa, thu hẹp không gian, thời gian và biên độ của những mất cân đối trên những địa bàn trọng yếu.

2 - Cần xây dựng các hợp tác xã thương mại - dịch vụ theo điều lệ mẫu đã ban hành và qua kinh nghiệm thí điểm, để cùng với các thành phần kinh tế khác bám sát sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, làm sôi động và phong phú giao lưu hàng hóa khắp mọi miền, vùng đất nước, phục vụ thiết thực đời sống cư dân. Cần sớm có định chế để hỗ trợ có trọng điểm, với biện pháp hiệu lực những mặt hàng nông sản, thực phẩm mà giá cả thị trường thế giới tác động mạnh gây bất lợi cho nông dân.

3 - Đối với các tỉnh miền núi cần thực hiện cung ứng những mặt hàng chính sách xã hội tích cực, đồng thời tạo ra yếu tố kích thích kinh tế hàng hóa tại chỗ. Việc xây dựng tại mỗi cụm xã hội một cụm thương mại - dịch vụ vừa cung ứng hàng chính sách, vừa bán hàng tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng và thu mua hoặc chế biến tại chỗ nông, lâm sản bằng những máy móc, công cụ nhỏ, có tác dụng bước đầu. Các mô hình đó cần sơ kết nhân ra, phấn đấu mỗi cụm xã miền núi có một cụm thương mại - dịch vụ, đi liền là củng cố các chợ phiên theo tập tục của đồng bào các dân tộc thiểu số nhưng cần hướng tới văn minh.

Digitized by Google

4 - Công tác cổ phần hóa chưa tiến triển do còn có một số vướng mắc chưa được giải quyết. Việc cổ phần hóa được đẩy mạnh sẽ tạo ra hình thức đa dạng hóa sở hữu, kể cả hình thức tư bản nhà nước; sẽ tăng thêm nguồn lực vốn cho doanh nghiệp và nâng cao trách nhiệm đích thực cho người lao động với tư cách là một trong những chủ sở hữu doanh nghiệp. Theo tinh thần ấy, trước mắt có thể thực hiện cổ phần hóa những doanh nghiệp hoặc một bộ phận của doanh nghiệp có đủ điều kiện. Tích cực tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và vận động các cấp các ngành, địa phương và nhân dân ủng hộ công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

5 - Phối hợp đồng bộ các ngành, các cấp để làm tốt hơn việc quản lý thị trường, chống buôn lậu, chấn chỉnh việc buôn bán qua biên giới. Việc xây dựng và tăng cường bộ máy công tác thị trường từ tỉnh đến huyện, xã, nhất là những tỉnh mới phân định lại địa giới hành chính. Coi trọng việc soạn thảo mới hoặc bổ sung các quy chế kiểm tra, kiểm soát buôn bán - dịch vụ, chú trọng các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm. Từng bước đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc kiểm kê, kê khai, trên cơ sở đó tiến hành đăng ký, đăng ký lại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh theo Chỉ thị 657/TTg, phấn đấu không để một hộ kinh doanh nào không có đăng ký, hoặc kinh doanh không đúng đăng ký để lợi dụng trốn, lậu thuế và lén lút tiến hành các hành vi gian lận thương mại khác.

6 - Về cơ chế chính sách, tạo môi trường pháp lý cho hoạt động thương mại. Đây là vấn đề luôn được tất cả các nhà doanh nghiệp quan tâm. Về cơ chế chính sách, tạo môi trường pháp lý cho hoạt động thương mại sẽ được hoàn thiện bảo đảm tôn trọng quyền tự chủ và tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động, đồng thời cũng ràng buộc doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo pháp luật đối với nhà nước. Để Luật Thương mại có hiệu lực thi hành từ 01-01-1998, sẽ sớm ban hành các văn bản dưới luật, trước mắt là 17 nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về những lĩnh vực quy định trong Luật. Thiết lập hệ thống thông tin thương mại nhằm thu thập, lưu trữ và xử lý thông tin về thương mại, thị trường phục vụ cho quản lý nhà nước cũng như cho các doanh nghiệp. Ngành Thương mại cần đào tạo và đào tạo lại đội ngũ thương mại vững vàng về phẩm chất chính trị, tinh thông nghiệp vụ, kỹ thuật, ngoại ngữ, thích ứng với môi trường mới. ❑

TẾT MẬU THÂN...

(Tiếp theo trang 35)

tuyến truyền hình toàn liên bang để đọc bài diễn văn quan trọng nhất trong cuộc đời hoạt động chính trị của ông và cũng là "bài diễn văn bi thảm nhất" (1) mà suốt 21 năm dính líu ở Việt Nam, chưa một vị tổng thống Mỹ nào phải đưa ra. Trong bài diễn văn đó, Giôn-xơn tuyên bố : Mỹ đơn phương chấm dứt thời kỳ đưa quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam, ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, sẵn sàng cử đại diện đàm phán với Việt Nam dân chủ cộng hòa. Cuối cùng, ông tuyên bố không ra tranh cử tổng thống nhiệm kỳ tiếp theo.

Bài diễn văn lập tức gây nên một "tác động mãnh liệt ở Hoa Kỳ và khắp thế giới" ; nó chứng tỏ một thực tế hiển nhiên rằng : "Hoa Kỳ đã vượt qua một bước ngoặt quan trọng trong cuộc chiến tranh cũng như trong chính sách và không có chuyện quay trở lại nữa".

Như vậy, với quyết định ngày 31-3-1968, Mỹ mặc nhiên thừa nhận sự thất bại hoàn toàn của chiến lược "chiến tranh cục bộ". Ngày 31-3, do đó, đã mở ra "một chương rất nhiều ý nghĩa trong lịch sử can thiệp của Hoa Kỳ : cuộc chiến tranh Việt Nam đã đi đến hồi kết thúc" đối với Hoa Kỳ. Từ đó, phù hợp với việc thay đổi chiến lược chiến tranh - từ chiến tranh cục bộ sang "phi Mỹ hóa" rồi "Việt Nam hóa" chiến tranh, vai trò, nhiệm vụ của lực lượng quân sự Mỹ trên chiến trường ngày càng giảm mạnh. Đồng thời, Quốc hội Mỹ lần lượt ban hành các nghị quyết hạn chế trước khi chấm dứt hoàn toàn hoạt động chiến đấu của lực lượng đó. Cho dù, sau "Tết Mậu Thân", sự dính líu quân sự của Mỹ vẫn còn tiếp tục dưới chính quyền Níchxơn thêm 5 năm và phải 7 năm sau chế độ Sài Gòn mới hoàn toàn sụp đổ... Nhưng, về mặt chiến lược, Mỹ đã công khai thừa nhận sự thua trận từ mùa xuân 1968 bởi tác động sâu rộng, mãnh liệt của "Tết Mậu Thân". Với ý nghĩa chính trị và quân sự to lớn như vậy "Tết Mậu Thân" trở thành cột mốc ghi dấu bước ngoặt lớn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam.❑

(1) P.A. Pu-lơ : *Nước Mỹ và Đông dương từ Ru-zơ-ven đến Nich-xơn*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1985, tr 260

Digitized by Google

Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa

TRẦN KIM DUNG *

1 - Hội nhập quốc tế

Hội nhập quốc tế là quá trình tham gia của một nước hay một tổ chức nào đó vào hệ thống có quy mô lớn hơn. Đó là quá trình tự vượt qua chính mình, vượt qua các biên giới quốc gia, trở thành bộ phận trong các tổng thể. Hội nhập vừa mang tính chủ động, vừa là một đòi hỏi khách quan nảy sinh do sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất và sự đòi hỏi giao lưu quốc tế giữa các quốc gia và dân tộc. Quá trình này đã có một lịch sử lâu đời.

Từ thời thượng cổ, các cộng đồng và các dân tộc đã phải trao đổi, hợp tác với nhau để tồn tại và phát triển. Chính những quan hệ trao đổi và hợp tác kinh tế, văn hóa là động lực làm cho sự phát triển kinh tế của thế giới nói chung và của từng nước, từng khu vực. Quan hệ hợp tác cũng là điều kiện thuận lợi nhất và là đòn bẩy cho sự phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghệ. Đến lượt nó, khoa học - kỹ thuật khi đã phát triển cũng kéo theo và tạo điều kiện cho sự hợp tác mọi mặt giữa các nước ngày càng nhanh chóng hơn, sâu rộng hơn.

Cuộc cách mạng công nghệ lần thứ ba đã cho ra đời những phát minh mới về thông tin liên lạc, giao thông vận tải siêu tốc, thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới và những quan hệ trao đổi, hợp tác giữa các nước, các khu vực đến một mức cao chưa từng thấy. Cũng chính khoa học, kỹ thuật hiện đại đã tạo cho cộng đồng các dân tộc trên thế giới một khả năng mới : cả thế giới cùng xem một bộ phim hay một trận bóng đá, cùng nghe một bản nhạc, cùng thưởng thức những giá trị tinh thần như những tài sản chung.

Toàn cầu hóa và quốc tế hóa đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội đã phổ cập hóa nhanh chóng cả kiến thức, sự hiểu biết cũng như những biểu hiện trong sinh hoạt hằng ngày của con người, kể từ cái ăn, cái mặc...

2 - Cùng với việc toàn cầu hóa, đang nổi lên vấn đề khu vực hóa và việc khẳng định tính độc lập tự chủ của các dân tộc.

Nhân tố bền vững của sự liên kết khu vực và tiền đề quan trọng bảo đảm cho sự phát triển toàn diện của mỗi nước là sức mạnh văn hóa. Như những dòng sông văn hóa, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia, mỗi khu vực bền bỉ tích lũy, thâu nhận, gạn lọc mối tinh hoa từ muôn nẻo, không ngừng chuyển tải và biến đổi, không ngừng giao lưu và mở rộng để rồi góp phần vào sự phát triển của từng dân tộc, từng khu vực và toàn nhân loại.

Trong bối cảnh quốc tế hóa, toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, châu Á đang trở thành một khu vực phát triển năng động mà thế giới đang đặt nhiều kỳ vọng trong thế kỷ XXI. Các mối quan hệ trao đổi và hợp tác giữa các quốc gia châu Á và thế giới hiện nay đang phát triển phù hợp với vị trí quan trọng của nó. Vai trò giao lưu văn hóa của khu vực châu Á - Thái Bình Dương nhằm đạt được sự tương đồng với các khu vực khác trên thế giới.

Tuy nhiên, *cũng như nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới, quá trình hội nhập quốc tế của khu vực châu Á đang đứng trước những thử thách chung.* Tình trạng mất cân đối về trình độ phát triển kinh tế dẫn đến mất cân đối trong lĩnh vực văn hóa đang diễn ra ở nhiều nước. Ưu thế về vốn và thị trường lại nằm trong tay các nước công nghiệp, các công ty đa quốc gia. Theo tạp chí Tài phú (Fortune) (Mỹ) thì doanh thu của 10 tập đoàn kinh tế hùng mạnh nhất thế giới đạt con số cao hơn thu nhập của 80 quốc gia thuộc thế giới

* PTS, Trường Văn hóa TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

thứ ba cộng lại. Trong quá trình quốc tế hóa có xu hướng các nước giàu áp đặt các nước nghèo. Thế giới tồn tại những hố ngăn cách lớn giữa các dân tộc, nên dòng chảy văn hóa có xu thế từ nước mạnh sang nước yếu, từ nước giàu sang nước nghèo ; không dễ có được sự bình đẳng theo phương thức có đi, có lại vì sự văn minh và tiến bộ chung.

Thực tế cho thấy, trong quá trình hội nhập quốc tế, xu hướng chạy theo lợi nhuận, chạy theo đồng tiền đã dẫn đến sa sút về văn hóa và phát sinh các tệ nạn xã hội. Tác động của quy luật cạnh tranh cung - cầu, thiếu sót bất cập chủ quan về quản lý sự tăng trưởng dẫn đến những tiêu cực về văn hóa, xã hội ; nạn thất nghiệp ở thành thị, nông thôn lan tràn ; sự chênh lệch về mức sống giữa các tầng lớp xã hội, các vùng, địa phương ngày càng cách xa. Đặc biệt là nguy cơ về sự sa sút phẩm chất, đạo đức con người kéo theo những tệ nạn mại dâm, ma túy, tham nhũng, buôn lậu, tội phạm, tan vỡ gia đình, trẻ em lang thang và sự phá vỡ môi trường sinh thái. Giáo sư Virada Somswadi (Thái Lan) đã có nhận xét rất xác đáng rằng : Ở nhiều nước thế giới thứ ba, để mở mang kinh doanh, du lịch, người ta đã biến "Sun, Sea, Sand, Sex" (mặt trời, biển, cát, tình dục) thành hàng hóa để bán. Những bức xúc xã hội đó đã đặt ra cho các quốc gia phải suy nghĩ về các mục tiêu phát triển đất nước, không chỉ để nâng cao mức sống vật chất (GDP đầu người) mà phải kết hợp hài hòa giữa đời sống vật chất và tinh thần, mức sống cao và lối sống đẹp cho mọi người, cho các thế hệ tương lai. Cuộc tấn công của nền văn hóa tiêu dùng đang lan nhanh, vươn tới những khu vực xa xôi nhất, ảnh hưởng tới mọi lứa tuổi, đặc biệt là lớp trẻ. Công nghiệp hiện đại và du lịch đã tạo ra sự tăng trưởng và tính năng động cao hơn nhưng lại phá hủy nghiêm trọng tài nguyên thiên nhiên, đất đai, rừng : kể cả đạo lý và các giá trị xã hội.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ở châu Á nhanh hơn nhưng cũng dẫn đến sự xói mòn của những giá trị truyền thống, tình trạng ô nhiễm tinh thần cũng như bất công xã hội ngày càng lớn. Đa số dân chúng là nông dân, phụ nữ, trẻ em, lao động di cư bị gạt ra ngoài lề. Sự bất bình đẳng về văn hóa giữa các dân tộc, các địa phương và sự yếu kém về văn hóa và chủng tộc đã nảy sinh từ sự bất bình đẳng về kinh tế. Các dân tộc thiểu số yếu thế về chính trị, kém phát triển về kinh tế phải chịu nhiều thiệt thòi về văn hóa. Ngôn ngữ và văn hóa của họ không được chấp nhận rộng rãi trong nền văn hóa khu vực và dân tộc dẫn đến thua kém và có nguy cơ bị cào bằng mọi sắc thái văn hóa trong khu vực, dân tộc và vùng.

Những bài học thành công và thất bại đã qua đều là những bài học quý giá cho mỗi người, từng dân tộc, từng quốc gia và từng khu vực. Sự lựa chọn thông minh và có hiệu quả sẽ thuộc về những dân tộc có học vấn, có bản lĩnh dưới sự lãnh đạo của một tổ chức chính trị nắm bắt được xu hướng phát triển và những thành tựu của thời đại, kết hợp với những yêu cầu xuất phát từ thực tiễn của đất nước để hiện đại hóa nền văn hóa dân tộc trong chiến lược phát triển chung, làm cho nền văn hóa đó từng bước thỏa mãn được cuộc sống ngày càng có chất lượng cao của nhân dân các dân tộc.

3 - Việt Nam trong quá trình hội nhập.

Việt Nam là một nước nghèo trong khu vực, thu nhập GDP bình quân đầu người thấp. Là đất nước đa dân tộc (54 dân tộc) cùng sinh sống, nhưng trình độ không đồng đều. Có 9% dân số mù chữ, chưa phổ cập giáo dục tiểu học, chỉ số sinh viên trên một vạn dân chưa quá 20 người (các nước trong khu vực từ 60 - 80 người). Đây là những thách thức hết sức to lớn và gay gắt cho tiếp thu khoa học và công nghệ mới nhằm đạt tới những mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi rất cao và gay gắt vốn trí tuệ và tầm cao dân trí của toàn dân.

Trong quá trình đổi mới và phát triển *đất nước, chúng ta vừa phải giải quyết những vấn đề chung của toàn cầu, khu vực, vừa phải tháo gỡ những vấn đề riêng của dân tộc* ; biết kết hợp hài hòa giữa mối quan hệ truyền thống và hiện đại, giữa thống nhất và đa dạng. Trên tinh thần độc lập dân tộc, chúng ta lựa chọn, tiếp thu các yếu tố nhân bản, hợp lý, khoa học, tiến bộ của thế giới, cả phương Đông và phương Tây để làm giàu thêm nội dung và bản sắc văn hóa dân tộc,

Digitized by Google

định hướng giá trị cho toàn xã hội. Mặt khác, chống lại sự xâm nhập của mọi thứ văn hóa độc hại, những khuynh hướng tư tưởng phản tiến bộ, phản nhân văn, lối sống sa đọa, đồi trụy, trái với truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã nêu rõ : "Trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, phải đặc biệt quan tâm giữ gìn và nâng cao bản sắc văn hóa dân tộc, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc. Tiếp thu tinh hoa của các dân tộc trên thế giới, làm giàu đẹp thêm nền văn hóa Việt Nam ; đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hóa độc hại, những khuynh hướng sùng ngoại, lai căng, mất gốc..." (1)

Nhìn lại lịch sử mấy ngàn năm văn hiến, dân tộc Việt Nam đã phát triển trong sự tiếp thu có chọn lọc và biến thành của mình nhiều tinh hoa của những nền văn hóa lớn trên thế giới. Ông cha ta đã tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trên tinh thần độc lập dân tộc, với lòng tự hào sâu sắc về những giá trị của con người Việt Nam, của truyền thống lịch sử và văn hóa Việt Nam. Chính nhờ có tinh thần ấy mà khi tiếp xúc với các nền văn hóa lớn, cha ông ta đã không bị rơi vào mặc cảm, tự ti, sùng ngoại, lai căng - những căn bệnh có thể đưa nền văn hóa dân tộc đi đến biến dạng và suy đồi.

Khi đất nước bước vào thời kỳ mới của sự phát triển, bản sắc văn hóa dân tộc cũng trong quá trình phát triển để đáp ứng những đòi hỏi mới. Hệ giá trị cốt lõi của nền văn hóa dân tộc đang phát huy, chuẩn mực xã hội mới đang hình thành để đáp ứng nhu cầu đổi mới toàn diện của đất nước. Công cuộc đổi mới hiện nay là sự kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, thông qua chính sách rộng mở, tăng cường giao lưu, hợp tác nhiều mặt với các nước trong cộng đồng thế giới, trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi.

Để xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thì bên cạnh việc bảo vệ, phát huy văn hóa dân tộc, việc mở rộng giao lưu quốc tế là rất quan trọng. Nó tạo điều kiện cho chúng ta tiếp thu tinh hoa của văn hóa thế giới, đồng thời cũng giới thiệu văn hóa Việt Nam ra nước ngoài, góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới và mở cửa.

Tuy nhiên, *trong điều kiện chuyển sang kinh tế thị trường và mở rộng cửa trong quan hệ quốc tế, có lúc và có nơi chúng ta đã không chú ý đúng mức và không có các biện pháp thích đáng để bảo vệ những giá trị văn hóa của dân tộc,* đã để cho các văn hóa phẩm nước ngoài, trong đó có không ít những thứ độc hại, thâm nhập ồ ạt vào nước ta bằng nhiều con đường hợp pháp và không hợp pháp, tác động tiêu cực đến sinh hoạt văn hóa trong nước, đến những quan niệm và chuẩn mực về đạo đức, lối sống. Cùng với những cố gắng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, lại xảy ra tình trạng lợi dụng tín ngưỡng và phong tục tập quán để làm sống lại nhiều hủ tục và mê tín dị đoan. Những tệ nạn đó, những biểu hiện suy thoái đó thực sự gây tác hại đối với sự phát triển chung của đất nước.

Biết giữ gìn, khai thác, phát triển và nâng cao bản sắc riêng của nền văn hóa dân tộc mới có được giá trị bản thân trong tiếp xúc và đối thoại với các nền văn hóa khác, trên cơ sở đó mới tiếp thu được những tinh hoa của nền văn hóa thế giới. Muốn làm tốt điều đó, trong khi thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập, tăng cường giao lưu hợp tác quốc tế, chúng ta *phải nâng cao cảnh giác, phòng chống có hiệu quả các thủ đoạn "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực văn hóa của các thế lực thù địch.* Mục tiêu của chúng là muốn xóa bỏ những truyền thống văn hóa của dân tộc ta, bao gồm cả truyền thống cách mạng và những chuẩn mực các giá trị đời sống văn hóa tinh thần đã hình thành qua hàng ngàn năm. Hệ thống chuẩn mực văn hóa là trụ cột tinh thần của một dân tộc. Nếu hệ thống chuẩn đó bị xói mòn, tất yếu sức gắn kết của cộng đồng dân tộc sẽ suy yếu, những tiềm năng, sức mạnh tinh thần của dân tộc sẽ bị mai một.

Để khẳng định những giá trị cao đẹp của văn hóa Việt Nam, chống lại có hiệu quả các thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của địch trên lĩnh vực

---

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 111

Digitized by Google

văn hóa trong quá trình hội nhập quốc tế, chúng ta cần phải chăm lo xây dựng nền tảng tinh thần của con người và xã hội, trong đó phải giáo dục truyền thống định hướng giá trị, bồi dưỡng bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam cho thế hệ trẻ, truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đời sống nhân dân. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc cũng là ngăn chặn xu hướng lai căng, pha tạp về văn hóa, khắc phục tâm lý tự ti dân tộc, sùng bái đồng tiền, bất chấp đạo lý, coi thường các giá trị nhân văn ; phê phán lối sống buông thả, tâm lý chuộng ngoại. Hình thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội mới phù hợp với bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại. Xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn hóa. Tăng cường quản lý nhà nước đối với văn hóa nghệ thuật. Điều quan trọng hơn là phải biết khai thác, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, làm cho truyền thống ấy được hòa nhập và nâng cao trên cơ sở tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo ra động lực cho sự phát triển đất nước.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội. Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2000 của Đảng ta đã xác định "mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người" đồng thời nêu rõ yêu cầu "tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường". Từ nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã đặt rất cao nhiệm vụ chăm lo đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân, làm nhiều việc để thực hiện công bằng xã hội. Chính phủ đã dành 24% đến 28% ngân sách hàng năm cho các chương trình phát triển văn hóa, xã hội, dân số và kế hoạch hóa gia đình, phát triển giáo dục và đào tạo, xúc tiến việc làm, giảm nhẹ và thu hẹp dần các gia đình nghèo khổ ở cả thành thị và nông thôn. Các địa phương cũng dấy lên phong trào xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nhà tình nghĩa, lớp học tình thương, giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ, người già không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi... Nhà nước cũng đã có chính sách giúp đỡ đồng bào các dân tộc thiểu số về vốn, kỹ thuật, thông tin, xây dựng cơ sở hạ tầng, đào tạo cán bộ, hướng dẫn canh tác, bảo vệ môi trường thiên nhiên. Tất cả những cố gắng đó nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần và thể lực của toàn dân, đáp ứng yêu cầu phát triển ngồn nhân lực và hội nhập vào cộng đồng quốc tế.

Đảng và Nhà nước ta cũng rất quan tâm đến việc phát triển nền văn hóa dân tộc theo mô hình : song ngữ (hoặc đa ngữ) và song văn hóa (hoặc đa văn hóa). Ngoài tiếng dân tộc, các dân tộc thiểu số Việt Nam phải học tiếng phổ thông để giao tiếp và tiếp thu các yếu tố văn hóa và phát triển. Văn hóa các dân tộc Việt Nam đang được nghiên cứu và phổ biến trong cộng đồng Việt Nam và ở nước ngoài. Kiều bào ta cũng có vai trò quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế. Nhiều người am hiểu cả văn hóa dân tộc và văn hóa nước sở tại. Vì vậy, họ vừa là người truyền bá cho văn hóa dân tộc, vừa là cầu nối cho hai nền văn hóa khác biệt. Lực lượng hơn 2 triệu người Việt Nam sống ở 70 nước trên thế giới là nguồn trí tuệ và đầu tư quan trọng cho công cuộc xây dựng đất nước. Con số 50 dự án đầu tư trong nước với số vốn 100 triệu USD đã cho thấy tiềm năng của người Việt Nam ở nước ngoài là không nhỏ. Tuy nhiên, cần phải có những chính sách và biện pháp phù hợp để đạt được hiệu quả cao hơn trong việc hợp tác với người Việt Nam ở nước ngoài.

Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa là một tất yếu khách quan. Trong quá trình hội nhập, hàng loạt nhiệm vụ, công tác cụ thể, bức thiết đang đặt ra trước các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân và những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa. Việc làm có ý nghĩa quyết định bậc nhất trong thời gian tới là tạo ra sự chuyển biến về nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ; trước hết là những người có trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, kế hoạch của Nhà nước về phát triển văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Có chính sách và giải pháp đúng, nhất định chúng ta sẽ nhanh chóng rút ngắn được khoảng cách giữa Việt Nam với các nước trong khu vực và quốc tế ; đưa dân tộc ta phát triển và hòa nhập và cộng đồng văn minh, dân chủ, tiến bộ trên thế giới. ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN QUÂN KHU III TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

HOÀNG KỲ *

Quân khu III là địa bàn chiến lược trọng yếu, với những vùng đặc trưng : miền núi, trung du, đồng bằng, ven biển, tuyến đảo và biên giới. Mỗi vùng đều có những tiềm năng lớn, nhưng đồng thời cũng tiềm ẩn những nhân tố có thể trở thành "điểm nóng". Vì vậy, để xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Quân khu III, có những thuận lợi và không ít khó khăn.

Hơn mười năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, cùng với cả nước, các địa phương trên địa bàn Quân khu đã thu được những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội và quốc phòng. Ở địa bàn vùng châu thổ sông Hồng đã hình thành những khu vực kinh tế phát triển năng động như : Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, làm thức dậy một tiềm năng lớn và hiệu quả kinh tế đáng phấn khởi. Trong quá trình đổi mới, các địa phương trong Quân khu rất chú trọng việc giao lưu và hợp tác với nước ngoài, do đó đã thu hút được sự đầu tư nhằm hình thành những tổ hợp công nghiệp lớn mới. Cơ cấu kinh tế từng bước được chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, Quân khu không thể dừng lại ở đó, mà phải tiếp tục phát triển, đổi mới, xây dựng nền quốc phòng toàn dân phù hợp với tình hình, yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới, những vấn đề bức xúc đặt ra cho Quân khu hiện nay là :

1 – Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc vận động xây dựng cơ sở xã, phường ổn định chính trị, có chiều sâu, hiệu quả và vững chắc.

Những năm gần đây Quân khu là một trong những trọng điểm mà các thế lực thù địch ra sức thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn lật đổ, bằng những thủ đoạn phá hoại thâm độc trên nhiều lĩnh vực : chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng, an ninh. Thực hiện đường lối đổi mới, các địa phương trong Quân khu đã có những bước khởi sắc, phát triển trên lĩnh vực phát triển kinh tế. Tuy nhiên đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là nhân dân ở vùng dân tộc ít người, vùng biên giới, hải đảo, vùng xung yếu còn rất nhiều khó khăn. Do đó, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn Quân khu III trước đây cũng như hiện nay, một trong những vấn đề đầu tiên nổi lên là xây dựng cơ sở vững mạnh, thể hiện trên các mặt : chính trị ổn định ; kinh tế tăng trưởng ; văn hóa, xã hội phát triển lành mạnh mang bản sắc văn hóa dân tộc ; xã hội hóa chính sách hậu phương quân đội ; an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội được giữ vững ; quốc phòng ngày càng hiện đại với cơ cấu hợp lý.

Điểm nổi bật là hằng năm, Quân khu đã cùng với cấp ủy đảng và chính quyền tổ chức hội nghị quốc phòng địa phương nhằm đánh giá mặt mạnh và những thiếu sót, khuyết điểm trong xây dựng cơ sở xã, phường vững mạnh đối chiếu với việc thực hiện 4 nội dung, 7 biện pháp trong Chỉ thị 58 về xây dựng cơ sở

* PTS, Ủy viên Trung ương Đảng. Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu III

Digitized by Google

vững mạnh của Thủ tướng Chính phủ để có chỉ đạo kịp thời. Quân khu chú trọng xây dựng cơ sở chính trị, tư tưởng, coi đó là một trong những vấn đề then chốt trong xây dựng cơ sở vững mạnh để thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh. Những năm qua, ở một số vùng xung yếu của tỉnh Quảng Ninh, Ninh Bình, Hòa Bình, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với một số ban, ngành chức năng của tỉnh cùng với cấp ủy, chính quyền ở cơ sở vận động, hỗ trợ nhân dân phát triển sản xuất, giúp địa phương củng cố xây dựng tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, trên cơ sở đó giáo dục nhân dân ý thức tăng cường nền quốc phòng toàn dân. Đặc biệt gần đây ở địa bàn Thái Bình nảy sinh một số mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân và xuất hiện một số "điểm nóng", Quân khu đã cùng với Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình lần lượt tổ chức 6 đợt công tác, trong đó có 30 cán bộ của cơ quan Bộ tư lệnh Quân khu, 60 cán bộ thuộc sư đoàn 327 và 20 đồng chí giáo viên của Trường quân sự Quân khu với tổng số là 511 lượt cán bộ xuống 119 cơ sở xã trong thời gian là 62 ngày để trực tiếp làm công tác vận động quần chúng ở cơ sở. Tuy mục đích, tính chất mỗi đợt công tác có khác nhau, nhưng các tổ công tác đã có trách nhiệm và tận tụy, thể hiện được bản chất "Bộ đội Cụ Hồ". Sau mỗi đợt công tác, các đoàn đã kịp thời tổ chức rút kinh nghiệm nên được cấp ủy, chính quyền cơ sở tin tưởng, đánh giá cao, đại đa số quần chúng nhân dân quý mến. Các đoàn đã trở thành chỗ dựa về tinh thần cho cấp ủy, chính quyền hoạt động, góp phần quan trọng trong việc giữ gìn an ninh, ổn định và phát triển sản xuất. Những hoạt động đó có tác dụng giáo dục rèn luyện cán bộ chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, đồng thời tạo ra môi trường lành mạnh trong điều kiện mới về quan hệ quân dân.

Từ kinh nghiệm xây dựng cơ sở xã, phường ở Thái Bình, Quân khu chủ trương tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung những vấn đề mới vào nội dung, phương pháp chỉ đạo, biện pháp tổ chức thực hiện sao cho thích hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương, khi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa chiếm lĩnh các lĩnh vực, bộ mặt nông thôn thay đổi và xu hướng đô thị hóa tăng nhanh. Hiện tại Quân khu cùng với các địa phương tập trung chỉ đạo làm chuyển biến các cơ sở yếu, đặc biệt những cơ sở ở vùng xung yếu, những cơ sở có mâu thuẫn nội bộ kéo dài làm nảy sinh, làm lan "điểm nóng". Ổn định và đi vào xây dựng các cơ sở yếu kém, tăng các cơ sở khá trên từng khu vực, từng hướng ở vùng nông thôn, đô thị, dọc đường quốc lộ số 18, 5, 10, 1 ; vùng ven biển, các huyện đảo, vùng núi, biên giới. Mặt khác, chú trọng công tác xây dựng tổ chức đảng, chính quyền cơ sở, trước hết là đội ngũ cán bộ để đủ sức giải quyết những vấn đề bức xúc nảy sinh ở cơ sở, những vướng mắc khiếu kiện của nhân dân, khắc phục những biểu hiện quan liêu, thiếu dân chủ, tham nhũng của cán bộ đảng viên ở cơ sở. Các cấp ủy đảng, chính quyền và cơ quan quân sự, nhất là cấp tỉnh, huyện cần thực sự quan tâm đến cơ sở, hướng về cơ sở. Tăng cường cán bộ giàu kinh nghiệm về chỉ đạo, xây dựng cơ sở, đặc biệt là những cơ sở đang khó khăn, yếu kém, cơ sở vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng, vùng biên giới, hải đảo, vùng tôn giáo, cùng cơ sở tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cả về chính trị, kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh.

2 – Kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng – an ninh trên từng địa bàn.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã và đang hình thành trên địa bàn Quân khu nhiều khu dân cư, thành phố, thị trấn, những khu công nghiệp đặc biệt là trên trục đường quốc lộ số 5 Hà Nội - Hải Phòng và tuyến đường 10 xuyên qua 5 tỉnh vùng duyên hải Bắc Bộ (từ Quảng Ninh đến Ninh Bình) vừa là những trung tâm kinh tế năng động, nhưng đồng thời về lĩnh vực quốc phòng là những mục tiêu cần phải tập trung để bảo vệ. Là một Quân khu án ngữ vùng đồng bằng sông Hồng với nhiều thành phố, thị xã lớn, 13,5 triệu dân (bằng 1/6 dân số cả nước), 23 000 km^2, nhiều tiềm năng, Quân khu có điều kiện hết sức thuận lợi phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nhưng cũng là nơi kẻ địch luôn thực hiện những âm mưu phá hoại trên các mặt chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa.

Sự kết hợp giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế đã có những bước phát triển mới, hiệu quả thiết thực. Các địa phương đều tăng trưởng về kinh tế, thực hiện tốt chính sách "mở cửa" của Đảng và Nhà nước, đồng thời vẫn giữ vững ổn định chính trị, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ trong công cuộc đổi mới đất nước.

Trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở những vùng trọng điểm, Quân khu rất chú trọng xây dựng kế

Digitized by Google

hoạch phòng thủ, bảo vệ an ninh, chống âm mưu phá hoại "diễn biến hòa bình", sẵn sàng chống tập kích đường không, đổ bộ đường không, chống địch vu hồi bằng những lực lượng lớn từ hướng biển hoặc biên giới đánh sâu vào hậu phương ta. Trên tuyến biển, địa bàn chiến lược về kinh tế và quốc phòng - an ninh, 5 tỉnh ven biển nhất là các tỉnh duyên hải Đông Bắc đã triển khai quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh 1996 - 2010. Nhiều đề tài, dự án khoa học tiền khả thi, khả thi đã và đang triển khai, trong đó có những đề tài dự án đã phát huy tác dụng đưa lại hiệu quả thiết thực cả trong kinh tế cũng như quốc phòng - an ninh ở ven biển và các huyện đảo, tạo bước ngoặt cho hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, điều chỉnh bố trí dân cư, điều chỉnh cơ cấu kinh tế phù hợp đặc điểm từng vùng.

3 – Nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang Quân khu trong mọi tình huống.

Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, những năm qua Quân khu đã thực hiện một bước quan trọng trong điều chỉnh, bố trí lại lực lượng, đặc biệt là lực lượng chủ lực trên địa bàn Quân khu theo chủ trương chuyển hướng chiến lược quốc phòng của Đảng trong thời kỳ mới, nhằm phù hợp với quy luật tổ chức quân sự thời bình, với tình hình đặc điểm yêu cầu nhiệm vụ của Quân khu trong xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc ở địa bàn có ý nghĩa chiến lược trong cả nước. Do chuẩn bị chu đáo cả về tư tưởng, kế hoạch, công tác bảo đảm, nên việc điều chỉnh bố trí lại lực lượng của Quân khu đã diễn ra nhanh, gọn, an toàn, bí mật.

Ý thức được tầm quan trọng của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, lực lượng vũ trang Quân khu III không chỉ là lực lượng bảo vệ, chống thù trong giặc ngoài, mà còn là một chủ thể tích cực và trực tiếp tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn Quân khu. Quân khu đã tiến hành điều chỉnh, sắp xếp lại tổ chức biên chế và vị trí đứng chân theo yêu cầu mới. Một số đơn vị giải thể, số khác thì rút gọn, có đơn vị được bổ sung, tăng cường về số lượng và chất lượng, có đơn vị được thành lập mới để đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Các đơn vị trọng điểm làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu ; các đơn vị binh chủng làm nhiệm vụ cơ động đặc biệt được ưu tiên về biên chế, quân số trang bị và các bảo đảm khác để thực hiện nhiệm vụ kịp thời, đạt hiệu quả cao. Mặt khác Quân khu khẩn trương củng cố và nâng cao tính hợp lý và chất lượng hệ thống kho tàng, trạm, thực hiện điều chỉnh biên chế và thu hồi, bảo quản, xử lý một số lượng lớn vũ khí, trang bị, cân đối số lượng nâng cao chất lượng phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Cùng với các nhiệm vụ khác, Quân khu luôn chú trọng xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ. Đối với lực lượng dự bị động viên Quân khu quan tâm đúng mức, đồng thời tiến hành nhiều biện pháp nhằm tạo chuyển biến cả nhận thức và trách nhiệm với địa phương cũng như đơn vị chủ lực, nhất là việc quản lý, đăng ký phúc tra, quy hoạch bổ sung nguồn, tham gia diễn tập, huấn luyện, thực hành động viên khi có lệnh. Do đó, công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên theo phương án mới đạt kết quả và được các địa phương, đơn vị trong toàn Quân khu vận dụng. Bên cạnh việc xây dựng lực lượng dự bị động viên đáp ứng yêu cầu bổ sung cho bộ đội chủ lực của Quân khu và Bộ, các tỉnh còn chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng lực lượng dự bị động viên theo hướng gọn, mạnh, khả năng cơ động nhanh, nhằm đáp ứng yêu cầu động viên bảo vệ địa phương.

Quân khu coi trọng xây dựng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, tăng chất lượng, nhất là chất lượng chính trị. Có biên chế phù hợp với ngành nghề và thế mạnh của từng địa phương, cơ sở. Thành phần bộ binh và binh chủng có lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động, tổ chức theo mô hình : thôn, xóm có tiểu đội ; xã, phường có trung đội ; khối cơ quan, xí nghiệp chủ yếu là cấp đại đội, trung đội. Do được huấn luyện theo hướng cơ bản, thiết thực, sát với yêu cầu bảo vệ cơ sở, nên chất lượng tổng hợp của dân quân tự vệ được nâng cao, phát huy tác dụng trong việc bảo vệ địa bàn, sẵn sàng đối phó với các tình huống.

Những năm qua, Quân khu đã nỗ lực để có được một bước chuyển biến lớn, tương đối vững chắc, toàn diện trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Nâng cao khả năng phòng thủ của Quân khu đối phó có hiệu quả với mọi hành động chống phá của kẻ địch trong thời bình và khi có chiến tranh. Tuy còn không ít những khó khăn, nhưng những kết quả trên đã tạo ra cơ sở quan trọng cho việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn Quân khu III trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ HUYỆN YÊN BÌNH

NGUYỄN HỒNG THÁI*

GIỮA năm 1992, đảng bộ huyện Yên Bình có 58 chi bộ, đảng bộ cơ sở và hơn 3000 đảng viên. Kết quả khảo sát cho thấy : 13 cơ sở trong sạch vững mạnh, 39 cơ sở khá, 6 cơ sở yếu kém. Số đảng viên gương mẫu 34%, số đảng viên có khuyết điểm và giảm sút ý chí chiến đấu hơn 4%, còn lại là số có những mặt hạn chế, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ chưa cao. Đội ngũ cán bộ, đảng viên còn có nhiều yếu kém về năng lực, vai trò chưa rõ nét, một bộ phận có biểu hiện dao động, giảm sút ý chí chiến đấu. Ở những cơ sở yếu kém còn có hiện tượng bè phái, mất đoàn kết... Bên cạnh đó, sự chỉ đạo, lãnh đạo của huyện ủy nhiều khi còn quan liêu, việc kiểm tra, hướng dẫn còn chậm, thiếu những biện pháp chỉ đạo cụ thể, đồng bộ và toàn diện.

Từ tình hình nêu trên, huyện ủy xác định nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng của đảng bộ huyện Yên Bình lúc này là: *xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, gắn với củng cố các cơ sở đảng yếu kém, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh*. Ban chấp hành đảng bộ đã có nghị quyết chuyên đề về công tác xây dựng Đảng, nêu rõ mục tiêu đến hết năm 1995 xóa được các cơ sở yếu kém, phấn đấu xây dựng được 70% cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Huyện ủy đã thành lập ban chỉ đạo thực hiện nghị quyết, phân công các ủy viên Ban thường vụ, Ban chấp hành và cán bộ chuyên viên các ban xây dựng Đảng của huyện ủy trực tiếp phụ trách cơ sở. Huyện đã chọn ra một số cơ sở để làm điểm, rút kinh nghiệm trước khi thực hiện trong toàn đảng bộ. Trong quá trình thực hiện, huyện ủy chỉ đạo chặt chẽ từng bước đi, từng cách làm đối với từng cơ sở và thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm ở từng cơ sở. Cán bộ được phân công phụ trách trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ cơ sở quán triệt nghị quyết, còn nội dung thực hiện do cơ sở tự làm là chính.

Qua 5 năm thực hiện, đến nay đảng bộ đã xóa được các cơ sở yếu kém, số cơ sở trong sạch vững mạnh đã đạt trên 70%. Đội ngũ cán bộ đảng viên được sàng lọc, phát huy tốt vai trò tiền phong, gương mẫu. Về cơ bản, đảng bộ đã hoàn thành tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh - quốc phòng mà Nghị quyết đại hội 17 của đảng bộ huyện đã đề ra. Có được kết quả đó là do huyện ủy đã thực hiện khá kiên quyết một số biện pháp cụ thể sau đây :

1 - Tổ chức xây dựng chương trình hành động một cách thiết thực, cụ thể.

Sau khi quán triệt nghị quyết của huyện ủy về xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, các cấp ủy đảng đã tập trung xây dựng chương trình cụ thể, thiết thực ở từng cấp. Nội dung của các chương trình hành động đó đều xác định rõ những công việc phải làm, mục tiêu đề ra cho từng thời gian, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ củng cố, xây dựng Đảng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, an ninh - quốc phòng. Chương trình hành động của các cấp ủy chính là bước cụ thể hóa nghị quyết của Đảng, của cấp ủy cấp trên thành nhiệm vụ của từng cơ sở cho phù hợp với điều kiện của mỗi địa bàn, mỗi đơn vị. Đó là một phương thức tổ chức thực hiện nghị quyết có hiệu quả, bởi vậy phải chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ. Đối với chương trình hành động của các cấp ủy cơ sở, Ban thường vụ huyện ủy trực tiếp duyệt. Trong quá trình thực hiện, huyện ủy thường xuyên tổ chức kiểm tra, hằng năm đều có sơ kết, tổng kết và bổ sung, xây dựng chương trình hành động mới.

* Tỉnh ủy viên, Bí thư huyện ủy Yên Bình, Yên Bái

Digitized by Google

2 - Tổ chức, sắp xếp lại hệ thống các tổ chức đảng ở cơ sở và bộ máy chính quyền, đoàn thể trong hệ thống chính trị.

Chúng tôi xác định đây là khâu quan trọng để đưa tổ chức cơ sở đảng lại gần dân, gắn bó thực sự với nhân dân. Trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá về hệ thống tổ chức cơ sở đảng trong từng lĩnh vực, huyện ủy chỉ đạo việc bố trí, sắp xếp lại cho hợp lý để tổ chức đảng trực tiếp lãnh đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho đảng viên sinh hoạt và hoạt động, tạo điều kiện cho cấp ủy thực hiện quản lý đảng viên, quản lý cán bộ.

Đối với các tổ chức trực thuộc, huyện ủy đã xem xét và nâng cấp những chi bộ cơ sở có đủ điều kiện thành lập đảng bộ. Tách hoặc sáp nhập các chi bộ, đảng bộ cơ sở xen ghép thành những chi bộ, đảng bộ theo từng cơ quan có chức năng nhiệm vụ riêng.

Đối với hệ thống các chi bộ, tổ đảng cấp dưới cơ sở ở nông thôn, huyện ủy chỉ đạo sắp xếp lại theo địa bàn thôn, tổ nhân dân có số lượng đảng viên thích hợp từ 5 đến 20 đồng chí. Đến nay, huyện đã củng cố, thành lập được 162 chi bộ/244 thôn, còn lại 33 chi bộ sinh hoạt xen ghép giữa các thôn có số lượng đảng viên còn ít (dưới 5) ; thành lập các tổ đảng ở những thôn có 3 - 4 đảng viên.

Gắn với việc bố trí, sắp xếp các chi bộ, huyện đã chỉ đạo kiện toàn các chi ủy, phân công, cử đảng viên làm công tác chính quyền. Trong số 244 trưởng thôn, có 162 đồng chí là bí thư chi bộ trực tiếp đảm nhiệm, còn lại đều do các đồng chí là chi ủy viên, tổ trưởng đảng hoặc đảng viên đảm nhiệm.

Đối với đảng bộ cơ quan do đặc thù riêng nên chỉ thành lập chi bộ nhỏ ở các phòng, ban có đông cán bộ, nhân viên (số lượng đảng viên có trên 5, nhưng không quá 15), ở các phòng, ban chuyên môn nếu không đủ điều kiện đều thành lập các tổ đảng, khắc phục trình trạng sinh hoạt hoạt xen, ghép nhiều cơ quan khác nhau. Trong các doanh nghiệp, huyện ủy chỉ đạo, sắp xếp chi bộ theo từng đội sản xuất, từng phân xưởng và khối hành chính.

Cùng với tổ chức đảng, các tổ chức đoàn thể ở cơ sở cũng được củng cố, kiện toàn và thành lập theo mô hình trên, tạo được sự đồng bộ trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, của cơ quan, đơn vị.

3 - Xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, quy chế lãnh đạo của các cấp ủy.

Cùng với việc bố trí, sắp xếp hệ thống tổ chức cho hợp lý, cần phải làm rõ vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức đảng trong lãnh đạo theo từng loại hình tổ chức. Bởi vậy, huyện ủy đã khẩn trương chỉ đạo các cấp ủy ở cơ sở xây dựng quy chế hoạt động, quy chế lãnh đạo của cấp ủy, cụ thể hóa các chức năng, nhiệm vụ của chi bộ, đảng bộ vào hoạt động lãnh đạo, khắc phục tình trạng chồng chéo, bao biện làm thay, buông lỏng, làm giảm vai trò của tổ chức đảng, đồng thời phát huy được đầy đủ vai trò của chính quyền, đoàn thể ở cơ sở.

Đến nay, 100% số cơ sở đảng đều có quy chế hoạt động, quy chế lãnh đạo. Trên 70% số chi bộ nhỏ cũng đã xây dựng được quy chế. Việc kiểm tra thực hiện quy chế được chỉ đạo tiến hành thường xuyên.

Có quy chế rõ ràng, hoạt động của các tổ chức đảng đã đi vào nền nếp, chấp hành đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, đúng với chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Thực hiện quy chế, các cấp ủy đã chủ động hơn trong đổi mới tổ chức, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo.

4 - Tăng cường công tác cán bộ về mọi mặt.

Đảng bộ xác định công tác cán bộ là yếu tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, của cơ quan quản lý, của đoàn thể ở cơ sở.

Trên cơ sở kết quả phối hợp đánh giá, rà soát đội ngũ cán bộ giữa huyện ủy và các cấp ủy, căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ trong tình hình mới, có vận dụng vào hoàn cảnh thực tế ở từng cơ sở, huyện ủy đã từng bước bố trí lại đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Qua các kỳ đại hội đảng ở cơ sở và kiện toàn cấp ủy, toàn huyện đã thay đổi, bổ sung mới được 36% số cán bộ chủ chốt, trong đó chủ yếu là các chức danh chủ chốt ở xã, thị trấn, trưởng các phòng ban, giám đốc nông, lâm trường. Tuổi đời bình quân đã giảm gần 3 tuổi so với đầu các nhiệm kỳ trước, nâng dần số cán bộ có trình độ cao hơn.

Digitized by Google

Khắc phục tình trạng đội ngũ cán bộ còn yếu kém về trình độ, huyện ủy đã lập kế hoạch bồi dưỡng và cử đi đào tạo với nhiều hình thức : học tập trung ở các trường trung ương, ở tỉnh ; học tại chức ở huyện và bồi dưỡng ngắn ngày ở cơ sở. Qua 5 năm, đã đào tạo được 167 cán bộ có trình độ trung cấp về lý luận chính trị và quản lý nhà nước (có 118 cán bộ chủ chốt xã, thị trấn, 49 cán bộ khối cơ quan) 15 cán bộ có trình độ cao cấp chính trị, 23 cán bộ có trình độ đại học chuyên ngành. Đến nay, đã có trên 54% số cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị ở cơ sở đã qua đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị và quản lý nhà nước.

Bên cạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đương chức, các cấp ủy đã hoàn thành việc quy hoạch nguồn cán bộ đến năm 2000 và đang tiếp tục đưa đi đào tạo. Căn cứ vào đặc điểm của huyện miền núi, có nhiều dân tộc anh em, huyện rất chú ý đến việc đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng số cán bộ là dân tộc ít người ; tạo mọi điều kiện thuận lợi để anh chị em yên tâm, phấn khởi làm nhiệm vụ.

Chính sách đãi ngộ cán bộ đã từng bước được quan tâm giải quyết. Cán bộ làm công tác chính quyền ở cơ sở (trưởng thôn) đã được trợ cấp sinh hoạt phí, được cấp tài liệu (báo chí). Rút kinh nghiệm làm thử ở một số xã, huyện đang có chủ trương chỉ đạo các xã tiết kiệm chi để trợ cấp sinh hoạt phí đến bí thư chi bộ, cán bộ đoàn thể ở cơ sở. Việc quản lý cán bộ được chấn chỉnh thông qua các biện pháp kiểm tra, chế độ thông tin báo cáo thường xuyên.

5 - Nâng cao chất lượng đảng viên, đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng.

Từ việc phân tích đánh giá chất lượng chính xác, huyện ủy đã chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở thực hiện các biện pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, trong đó chú trọng đặc biệt việc giáo dục chính trị tư tưởng, sàng lọc làm trong sạch đội ngũ và đẩy mạnh phát triển đảng.

Để nâng cao nhận thức, trình độ cho đội ngũ đảng viên, huyện thường xuyên tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, học tập nghị quyết. Qua các đợt học tập, số lượng đảng viên tham gia luôn đạt trên 90%. Bên cạnh đó, huyện ủy mở các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị phổ thông cho đảng viên mới với nhiều hình thức. Trong 2 năm 1995 - 1996 đã có 458 đảng viên mới được bồi dưỡng, 80% số đảng viên ở cơ sở tham gia các lớp ngắn ngày.

Để làm rõ vai trò của đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ vận động quần chúng, huyện ủy đã chỉ đạo cơ sở tiến hành phân công cho đảng viên, đưa đảng viên vào các nhiệm vụ cụ thể. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng, đảng viên còn được giao nhiệm vụ tham gia vào các tổ chức đoàn thể, xã hội và nhiệm vụ phát triển kinh tế. Trong nhiệm vụ phát triển kinh tế, đảng viên phải đi đầu làm kinh tế gia đình, ổn định và nâng cao mức sống, làm giàu chính đáng. Ngoài ra đảng viên còn được giao nhiệm vụ phụ trách các nhóm hộ gia đình quần chúng ở nơi cư trú, hướng dẫn các hộ này phát triển kinh tế, thực hiện xóa đói giảm nghèo, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đấu tranh phòng chống, ngăn chặn các tệ nạn xã hội. Yêu cầu đặt ra là không để một đảng viên nào có đủ điều kiện sức khỏe mà không được giao nhiệm vụ. Những trường hợp già yếu được miễn sinh hoạt vẫn phải thực hiện nhiệm vụ giữ gìn phẩm chất, lối sống và giáo dục gia đình, con cháu.

Phân công, giao được nhiệm vụ cụ thể cho từng đảng viên, các chi bộ có căn cứ để hằng quý, 6 tháng và hằng năm kiểm điểm kết quả, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đảng viên để thực hiện việc sàng lọc, xử lý. Mọi trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ đều được xem xét từng mặt, được chi bộ kiểm điểm, định thời hạn để phấn đấu sửa chữa.

Công tác phát triển đảng có sự chuyển biến mạnh. Trước đây có cơ sở 10 năm liền không phát triển đảng nhưng đến nay, hằng năm các cơ sở đều có bồi dưỡng đối tượng và kết nạp đảng viên mới.. Huyện ủy đã tích cực hướng dẫn giúp đỡ cơ sở làm tốt việc tạo nguồn, mở các lớp bồi dưỡng ngay tại cơ sở. 5 năm qua, đã có 832 quần chúng được bồi dưỡng, tìm hiểu về Đảng và đã phát triển được hơn 500 đảng viên mới, bảo đảm tiêu chuẩn.

Digitized by Google

Cùng với các biện pháp củng cố, kiện toàn về tổ chức, nâng cao chất lượng đảng viên, phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng đã có nhiều đổi mới, đặc biệt là việc ra các nghị quyết, xây dựng chương trình hành động, đề ra các biện pháp bảo đảm thực hiện. Các nghị quyết của cấp ủy từ huyện đến cơ sở đã được xây dựng theo hướng chuyên đề, coi trọng giải pháp hướng về cơ sở, bảo đảm tính khả thi và hợp với lòng dân. Các cơ sở đã phát huy được tính chủ động sáng tạo về nội dung và cách làm, trong quá trình thực hiện đã coi trọng công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm từng việc, từng thời gian.

6 - Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng Đảng với phát triển kinh tế, giữ vững ổn định an ninh - quốc phòng.

Quán triệt sâu sắc quan điểm lấy hiệu quả phát triển kinh tế làm thước đo kết quả xây dựng Đảng, đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế với nhiều biện pháp chủ trương đúng đắn, hoàn thành toàn diện các mục tiêu đã đề ra. Nổi bật trong lĩnh vực phát triển kinh tế là bước tiến trong sản xuất lương thực. Năng suất và sản lượng lương thực trong 5 năm qua tăng bình quân hằng năm là 14%, chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản tăng bình quân hằng năm từ 8 đến 10%. Hình thành rõ nét các khả năng phát triển mới với các cây công nghiệp (chè, cà phê, quế, sả) và cây ăn quả đặc sản (bưởi, quýt, hồng, mơ), khai thác tốt khả năng về phát triển rừng nguyên liệu. Các ngành nghề chế biến, phát triển mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng khu công nghiệp phía nam tỉnh Yên Bái. Kết cấu hạ tầng được củng cố, nhất là về giao thông, xây dựng đường điện, trường học, trạm y tế, thủy lợi... Chương trình xóa đói giảm nghèo được thực hiện tốt, đã xóa được cơ bản các hộ đói, giảm được 50% số hộ nghèo so với năm 1993. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 13 - 15%.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế cũng đã có chuyển biến tốt. Huyện đã được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập tiểu học. 100% số xã có trạm y tế.

Ở các vùng (cụm xã) đều có trung tâm y tế để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phát triển rộng khắp. Hằng năm huyện đều tổ chức tốt ngày hội văn hóa thể dục - thể thao truyền thống của các dân tộc vùng hồ Thác Bà. Các chính sách xã hội được quan tâm thực hiện tốt. Giữ vững an ninh trật tự đặc biệt là trên vùng hồ Thác Bà, đưa vùng hồ từ địa bàn có nhiều tệ nạn xã hội thành vùng kinh tế trang trại, vùng du lịch hấp dẫn.

Trong phong trào phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, đội ngũ cán bộ đảng viên đã phát huy tốt vai trò tiền phong gương mẫu. Qua kiểm tra, 90% đảng viên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế gia đình, không còn hộ đảng viên đói nghèo. Trong các hộ sản xuất lương thực giỏi, có 35% là đảng viên ; làm trang trại vườn rừng giỏi, có 41% là đảng viên ; làm trang trại cây ăn quả giỏi có 60% là đảng viên. 100% số đảng viên có điều kiện đều tham gia thực hiện chương trình phát triển cây công nghiệp. Nhiều đảng viên đã gương mẫu, tích cực xây dựng hợp tác xã kiểu mới.

Tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 1996 và sáu tháng đầu năm 1997 cho thấy : so với năm 1992 số cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh đã tăng gấp 3 lần, số cơ sở yếu kém không còn. Để bảo đảm tính chính xác trong phân tích chất lượng, công nhận các cơ sở trong sạch vững mạnh, huyện ủy đã chỉ đạo các cơ sở làm tốt việc đăng ký thi đua, đề ra quy trình xét công nhận chặt chẽ, có sự tham gia của các cấp chính quyền, đoàn thể, có sự thẩm định, kiểm tra của cấp ủy. Hằng năm đảng bộ đều tổ chức tốt việc tổng kết phong trào, kịp thời biểu dương, khen thưởng các cơ sở đạt thành tích xuất sắc.

Xây dựng Đảng ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ mới đang đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với các tổ chức cơ sở đảng. Đảng bộ chúng tôi đang phấn đấu để những năm tiếp theo có nhiều cơ sở đảng trong sạch vững mạnh hơn nữa, thật sự là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thắng lợi mục tiêu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" mà Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã đề ra.❑

Digitized by Google

Phẩm chất người cộng sản hôm qua và hôm nay

CHÍ CỐT

NƯỚC ta từ ngày có Đảng Cộng sản đã trải qua hai thời kỳ cách mạng lớn : Thời kỳ 1930 - 1945 : cách mạng giải phóng dân tộc, và thời kỳ 1946 - 1975 : tiến hành hai cuộc kháng chiến lâu dài đầy hy sinh, gian khổ để bảo vệ chính quyền cách mạng và thống nhất Tổ quốc. Từ sau 1975 đến nay Đảng ta đã kiên định con đường xã hội chủ nghĩa trên đất nước thống nhất, chống bao vây kinh tế, mở rộng quan hệ với các nước, từng bước hội nhập với thế giới. Đảng ta đã lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân ta giành được những thắng lợi vẻ vang. Yếu tố quyết định thắng lợi là trên dưới đồng lòng, cán bộ đồng cam cộng khổ với nhân dân. Tuy có những khuyết điểm không nhỏ, nhưng sớm được phát hiện và Đảng quyết tâm khắc phục với những biện pháp nghiêm minh. Thời kỳ hòa bình xây dựng đất nước gian khổ hơn nhiều. Khôi phục, xây dựng lại một đất nước bị tàn phá, bù đắp sự hy sinh mất mát vô cùng lớn lao của nhân dân, trong tình trạng một nước nông nghiệp lạc hậu, khó khăn thật khôn lường. Nhưng có một thứ gian khổ mà không phải ai cũng dễ thấy, nó nằm ngay trong từng cán bộ, đảng viên. Đó là *cuộc đấu tranh quyết liệt giữa sự ham muốn nghỉ ngơi, hưởng thụ và yêu cầu tiếp tục nêu cao tinh thần cách mạng*. Và sự tiếp tục cách mạng đó lại không phải quyết định ở trong tầng lớp cán bộ đã lão luyện (một phần đã mất, phần còn lại đã già không đảm đương nổi trọng trách) mà ở lớp cán bộ trẻ.

Người ta thường nói đến "mâu thuẫn giữa các thế hệ" Không hoàn toàn như vậy nếu hiểu mâu thuẫn nằm trong quy luật của sự phát triển. Mà đây vừa là cái mới vừa là sự tiếp tục. Cái mới ở chỗ tính chất của thế hệ mới không còn như thế hệ trước do điều kiện mới, hoàn cảnh mới của xã hội và thế giới chung quanh. Sự tiếp tục là do quy luật của sự phát triển, yêu cầu của sự kế thừa. Đây là một trong những vấn đề mà ta phải quan tâm và giải quyết cho các thế hệ nối tiếp khi bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tinh thần cách mạng ấy thể hiện ở :

- Sẵn sàng "xả thân" vì nước, vì dân ;
- Luôn luôn học hỏi để ngang tầm với nhiệm vụ và làm tròn nhiệm vụ ;
- Gắn bó với quần chúng, khó khăn cùng chịu đựng, sung sướng cùng hưởng với quần chúng ;
- Kiên định con đường đi của Đảng và nhân dân ;

Đó là nội dung của cái *Đức* (mà ta cho là "gốc") của cán bộ. Nói tóm lại từ lúc thành lập Đảng đến nay, những thế hệ nối tiếp nhau chưa bao giờ được nghỉ ngơi, vẫn là những *thế hệ lót đường*. Hiếm có một dân tộc nào, một đảng nào có một lịch sử cách mạng đặc biệt như thế. Có người nói : "nếu chúng ta không tiến hành hai cuộc kháng chiến..." "nếu chúng ta không bị bao vây về kinh tế..." v.v. và v.v... "Nếu...". Nói như vậy thì vô cùng. Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã làm hết sức mình để tránh những đối đầu với kẻ địch mạnh hơn ta gấp trăm lần, nhưng cuối cùng không cách nào khác, phải gánh lấy trách nhiệm oái oăm mà lịch sử giao phó. Dứt khoát không để bất cứ ai là người Việt Nam còn mơ màng đặt ra một chữ "Nếu..." như thế. Phải dứt khoát gánh lấy trách nhiệm lịch sử. Vấn đề đặt ra là : *Đảng ta phải như thế nào ? Cán bộ, đảng viên phải như thế nào trước một hoàn cảnh lịch sử như vậy*. Theo tôi khuyết điểm lớn của đường lối cán bộ của ta là *không chuẩn bị về mặt đạo lý* (coi chịu đựng, hy sinh vì nghĩa cả còn là phẩm chất hàng đầu của người cách mạng) cho cán bộ trước khi bước vào thời kỳ mới của cách mạng. Về chính sách cũng như về tổ chức, chúng ta không ngăn ngừa xu thế hưởng thụ (hưởng thụ của người cầm quyền) trước nhân dân.

Mặt khác, để tiến lên chúng ta phải hội nhập với thế giới. Trong nước phải cho chủ nghĩa tư bản có chỗ đứng chân và cùng phát triển. Tưởng như là một nghịch lý, nhưng về khách quan đó là một mâu thuẫn của sự phát triển đối với một xã hội như nước ta theo quy luật "phủ định của phủ định", "ta" và cái "khác" (khác ta) cùng tồn tại, sử dụng nhau và đấu tranh với nhau, có lĩnh vực "ta" còn là yếu tố, mà cái khác ta lại là thực thể. "Ta" là chủ nghĩa xã hội, "khác ta" là những gì không phải chủ nghĩa xã hội. Trong một bối cảnh như thế, trong mỗi cán bộ luôn luôn bị chi phối bởi hai xu thế (có

(Xem tiếp trang 55)

Digitized by Google

HÀNH TRÌNH THẾ GIỚI 1997 : SÔI ĐỘNG, MỚI MẺ VÀ TRẮC TRỞ

VÕ THỦ PHƯƠNG

Người xưa có câu "Thiên bộ gian nan", nếu dùng câu đó để mô tả bước đi của thế giới trong năm 1997 thì thật đúng. Năm 1997, thế giới tiến lên phía trước một cách khó khăn, đặc biệt là vào nửa cuối. Tuy nhiên mọi gian nan, vất vả cũng không làm giảm tính sôi động và mới mẻ của thế giới mà chúng ta đang sống. Xem xét quỹ đạo cuộc hành trình của thế giới trong năm 1997 có thể thấy rõ điều đó.

Bức tranh chính trị toàn cầu

Những chấn động dữ dội của sự tan rã trật tự thế giới hai cực đã im ắng dần. Năm 1997, với những diễn biến sôi nổi trên chính trường quốc tế, *xu thế phát triển theo hướng đa cực hóa của thế giới càng thấy rõ hơn*. Có thể nhận biết điều này thông qua động thái của các cường quốc và các khối liên minh.

Trung Quốc : Có thể nói, năm 1997 là năm mà Trung Quốc có những sự kiện nổi bật trên thế giới : thu hồi Hồng Công vào ngày 1-7, Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc vào tháng 9 với vai trò nổi bật của Chủ tịch Giang Trạch Dân. Việc Trung Quốc thu hồi Hồng Công với 150 tỉ GDP đã bổ sung thêm sức mạnh kinh tế cho cường quốc hiện đang đứng thứ tư về kinh tế trên thế giới, đồng thời cho thấy quan điểm "một Trung Quốc, hai chế độ" là có cơ sở thực tiễn. Đại hội XV của Đảng Cộng sản Trung Quốc có tầm quan trọng đặc biệt. Đại hội đã đề ra chiến lược phát triển của Trung Quốc trong thế kỷ XXI, xác định các mốc cụ thể của công cuộc công nghiệp hóa kéo dài tới năm 2050, và giai đoạn đầu xây dựng xã hội chủ nghĩa (kéo dài 100 năm). Chuyến đi thăm Mỹ của Chủ tịch Giang Trạch Dân đã chấm dứt tình trạng "sau Thiên An Môn" trong quan hệ Trung - Mỹ và trong quan hệ đối ngoại của Trung Quốc. Quan hệ Trung Quốc - Nga nồng ấm và tốt lên như chưa bao giờ có, đã cho phép hai nước ra một thông cáo chung trong đó phê phán mạnh mẽ sự áp đặt thế giới theo lối độc quyền.

Mỹ : Mục tiêu chiến lược hướng tới thế kỷ XXI là xây dựng "Một thế giới đơn cực". Năm 1997, để tiếp tục xây dựng và duy trì địa vị siêu cường "độc tôn" của mình, Mỹ đã đẩy mạnh hoạt động trên hai hướng chiến lược sau :

- Điều chỉnh và tăng cường mối quan hệ quân sự truyền thống với các đồng minh cả ở hai mặt Tây và Đông ; duy trì địa vị chủ đạo của Mỹ trên lĩnh vực an ninh quốc tế. Trên hướng Đông, Mỹ tăng cường hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật, đồng thời mở rộng các hiệp ước an ninh song phương trên toàn khu vực Đông Á, tăng cường hợp tác quân sự với Ô-xtrây-li-a thông qua hiệp ước quân sự. Trên hướng Tây, Mỹ cố gắng mở rộng NATO về phía Đông.

- Thực hiện chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền theo các kịch bản khác nhau với từng đối tượng, trên phạm vi toàn cầu. Thực hiện biện pháp "can thiệp đơn phương" trong các trường hợp "can thiệp đa phương" không thực hiện được, đồng thời tiếp tục lợi dụng chiêu bài nhân quyền để can thiệp vào nội bộ các nước khác.

Tuy nhiên, Mỹ đã gặp rất nhiều khó khăn và thất bại trong quá trình thực hiện chiến lược của mình. Tuyên bố chung của Trung Quốc - Nga về "thế giới đa cực và thiết lập trật tự thế giới mới" do Tổng thống Nga En-xin và Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân ký tại điện Cơ-rem-li ngày 23-4-1997 là một tuyên bố bác bỏ vai trò "bá chủ" của Mỹ và khẳng định "bất kỳ nước nào cũng không được tìm kiếm bá quyền, thi hành chính trị cường quyền". Liên hợp quốc thông qua nghị

Digitized by Google

quyết phản đối Mỹ cấm vận Cu Ba là biểu hiện sự đoàn kết của các nước chống lại những hành động bá quyền của Mỹ. Ngay cả các đồng minh của Mỹ cũng chống lại tham vọng của Mỹ : Liên minh châu Âu đã cố gắng tăng cường vai trò "trụ cột châu Âu" của mình trong khối NATO để kìm hãm vai trò Mỹ, việc thành lập các quân đoàn châu Âu gồm các đơn vị Pháp và Đức làm nòng cốt chính là làm đối trọng với quân đội NATO do Mỹ chỉ huy. Sự kiện I-rắc cho thấy Mỹ không thao túng được đồng minh và tình hình... và do đó Mỹ không thể hành động như trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh trước đây.

Liên minh châu Âu : Theo một số nhà phân tích Tây Âu thì mục tiêu hàng đầu của tất cả các chính phủ thuộc Liên minh châu Âu trong năm 1997 là tìm ra được một giải pháp hiện đại và năng động để đối phó với quá trình toàn cầu hóa, mà theo các nhà phân tích đó, thì trên thực tế là đối phó với quá trình Mỹ hóa, tức là tìm cách để chiến thắng "chủ nghĩa tự do hoang dã". Mục tiêu trên thể hiện sự đối chọi gay gắt giữa hai quan điểm : "châu Âu của người châu Âu" và "châu Âu của người Mỹ". Các nước lớn trong EU đã nhiều lần đòi Mỹ chia sẻ quyền lực trong NATO, đòi trao quyền chỉ huy Bộ tư lệnh NATO ở miền Nam châu Âu cho các sĩ quan Tây Âu. Để nới lỏng các gọng kìm kinh tế do các liên kết kinh tế khu vực do Mỹ tạo ra (NAFTA và AFTA), các nước EU đã mở rộng liên kết khu vực với các nước ven Địa Trung Hải, với các nước ASEAN.

Nhật Bản : Thủ tướng Nhật Bản mở đầu hoạt động ngoại giao của Nhật trong năm 1997 bằng chuyến đi thăm các nước ASEAN từ ngày 7 đến 15-1 nhằm củng cố lại vị trí và ảnh hưởng của Nhật đối với các nước ASEAN cả về kinh tế và chính trị. Trọng tâm chuyến đi của ông Ha-si-mô-tô là nhằm vào hợp tác kinh tế, song cũng còn mục đích xác lập những mối quan hệ mới của Nhật với ASEAN, chuẩn bị một tiền đề cho liên minh mới giữa Nhật và ASEAN.

Các nước lớn và các khối tăng cường mối quan hệ thông qua các cuộc gặp mặt, các hiệp định. Ngay cả Mỹ cũng tìm kiếm các mối quan hệ hợp tác mới trong năm 1997 trọng tâm là tìm kiếm hợp tác với Trung Quốc. Tất cả những điều trên cho ta thấy rõ một khẳng định. Năm1997, xu thế đa cực hóa đã được xác định rõ nét hơn.

Bên cạnh những vấn đề lớn của chính trường thế giới như toàn cầu hóa, đa cực hóa, các khu vực và các châu lục cũng có những vấn đề riêng của mình.

Nền hòa bình của Trung Đông trở nên u ám sau hàng loạt cuộc thương thuyết thất bại dù đã có sự can thiệp của Mỹ. Triển vọng hòa bình ở Trung Đông đã trở nên rất mờ nhạt và nếu không có một sự thay đổi và tác động tích cực thì khó có thể thấy được ánh sáng cuối đường hầm. Trong năm 1997, chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan đã ngóc đầu dậy và mở rộng các hoạt động quá khích ở Trung Đông và cả các khu vực xung quanh. Chủ nghĩa khủng bố là mối đe dọa không chỉ các nước khu vực Trung Đông, mà nó đã trở thành vấn đề toàn cầu. Trong thế giới thông tin hiện đại như ngày nay, xã hội rất dễ bị tổn thương trước một dạng khủng bố mới thông qua kỹ thuật tin học. Phần lớn các nhóm khủng bố có mục tiêu chính trị hoặc tôn giáo rõ ràng. Đảng công nhân Cuốc IRA, Tổ chức Các con hổ giải phóng Ta-min đã gây không ít khó khăn đối với các chính phủ sở tại.

Tại Nga, dấu hiệu của sự ổn định đã xuất hiện khi mà Tổng thống En-xin và Đu-ma Nga đã có những bước đi và hành động tự kiềm chế, ngồi lại bên bàn "đàm phán" các vấn đề quốc gia.

So với năm 1996, tình hình căng thẳng của *Bán đảo Triều Tiên* có chiều hướng giảm xuống. Thái độ của Bắc Triều Tiên trong một số vấn đề (như hội nghị 4 bên) đã trở nên mềm dẻo hơn. Bắc Triều Tiên vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc khắc phục nạn đói, trong khi Nam Triều Tiên gặp cơn khủng hoảng tài chính với viễn cảnh kinh tế tương lai không lấy gì làm sáng sủa.

Kinh tế thế giới năm 1997

Năm qua, kinh tế thế giới phát triển một cách tương đối khả quan. Một báo cáo của Liên hợp quốc cho biết nền kinh tế thế giới đang tăng trưởng trên khắp các lục địa trong những năm cuối thế kỷ này. Trong năm 1997, tốc độ tăng trưởng của kinh tế thế giới ước khoảng 3%. Theo ước đoán của IMF thì sản xuất của thế giới sẽ tăng 4,4% trong năm 1997 (năm 1996 là 4%). Các hoạt động thương mại thế giới tăng hơn 7%. Mậu dịch giữa các nước công nghiệp tiên tiến và các nước đang phát triển đang trở nên phụ thuộc vào nhau nhiều hơn.

Digitized by Google

Châu Phi và Mỹ la tinh đạt được sự tăng trưởng mạnh mẽ về sản xuất cũng như về lợi tức và thu hút được dòng vốn đầu tư từ các nước có nền công nghệ tiên tiến. Đây là một điểm mới so với các năm trước đây. Đồng vốn đầu tư trước đây hướng nhiều vào các nước Đông - Nam Á, nay có sự chuyển dịch sang các nước Mỹ la tinh và châu Phi. Các nước châu Phi vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng như năm 1996 - ước khoảng 6,5%. Tại Trung Đông các nền kinh tế đang phát triển chỉ tăng trưởng với một tỷ lệ thấp hơn năm 1996. Ở Mỹ la tinh, Bra-xin và Ác-hen-ti-na, hai nền kinh tế lớn của khu vực, đã đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn 4%. Tăng trưởng GDP trong toàn khu vực Mỹ la tinh trong năm 1997 khoảng 4,4% (năm 1996 là 3,3%).

Các nước châu Âu có tốc độ tăng trưởng nhích hơn đôi chút so với năm 1996, nhưng một số nước đã rất chật vật trong việc thực hiện mục tiêu về việc giảm mức thâm hụt ngân sách xuống con số 3% tổng sản phẩm quốc dân để phù hợp với các tiêu chuẩn mà hiệp ước Ma-xtơ-rích đã đề ra cho Liên minh kinh tế về tiền tệ châu Âu. Một số nhà kinh tế châu Âu cho rằng việc xiết chặt tài chính một cách quá mức chưa hẳn là một biện pháp tốt để giảm mức thâm hụt ngân sách. Ông Xtê-phen Po-tơ (Stephen Potter) giám đốc chi nhánh nghiên cứu triển vọng của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) và một số nhà kinh tế của OECD nhận xét : cần có một quan điểm lâu dài nhằm làm giảm mức thâm hụt ngân sách trong khi cần phải có một chính sách mềm dẻo hơn đối với thị trường lao động. Trên thực tế, do biến đổi cơ cấu ngành nghề, trong năm 1997, nạn thất nghiệp vẫn tiếp tục là mối lo của người dân lao động. Ở Đức, Pháp, I-ta-li-a, thất nghiệp có chiều hướng tăng cao hơn so với năm 1996 (Đức : năm 1996 tỷ lệ thất nghiệp là 10,3%, năm 1997 là 11,3%).

Nền kinh tế Mỹ đã hoạt động gần hết công suất và đạt tốc độ tăng trưởng 2,2% năm 1996, sang năm 1997 đạt được mức tăng trưởng khoảng 3%.

Tại Nhật Bản, sự phục hồi kinh tế từ năm 1995 tiếp tục diễn ra với tốc độ khiêm tốn trong năm 1997, mức tăng trưởng kinh tế giảm ; thị trường chứng khoán mất lòng tin.

Nền kinh tế Nga đã có dấu hiệu của sự phục hồi. Mức tăng trưởng của Nga và các nước Trung Á và khu vực Cáp-ca-dơ là 3% trong năm 1997 (năm 1996 là 1,6%). Lạm phát ở Nga giảm mạnh trong năm 1997 - chỉ còn 14,2% (năm 1996 là 47,8%).

Tại châu Á (trừ Nhật Bản) : Trung Quốc đã kết thúc năm 1996 một cách khả quan và bước sang năm 1997 một cách có khí thế. Tăng trưởng năm 1997 vẫn duy trì ở mức cao hơn 9,5%, lạm phát vẫn giữ ở 1 con số. Trong nửa đầu của năm 1997, nhìn chung các nước như Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a đã giảm được sức ép của lạm phát (một phần do sự giảm sút về xuất khẩu) và các nền kinh tế khu vực vẫn tiếp tục tăng trưởng, tuy có giảm sút về tốc độ. Nhưng cuộc khủng hoảng tài chính đã đẩy các nước Đông - Nam Á vào hoàn cảnh khốn khó - cuộc khủng hoảng tài chính này là biến cố lớn nhất về kinh tế của nền kinh tế thế giới trong năm 1997.

Điều đáng nói là cuộc khủng hoảng tài chính nổ ra trong khi nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế khu vực nói riêng đang phát triển khả quan. Có nhiều cách nhìn nhận cuộc khủng hoảng tài chính này. Nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng được tiếp cận từ nhiều phía. Có quan điểm cho rằng đây là hiện tượng mang tính chu kỳ và có giới hạn. Nếu vượt qua được chu kỳ này thì các nước Đông - Nam Á lại tiếp tục phát triển. Có quan điểm cho rằng cuộc khủng hoảng này báo hiệu một sự kiện trầm trọng hơn, rộng lớn hơn sẽ đến (!). Có thể phân tích nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Đông - Nam Á trên hai khía cạnh sau : - Nguyên nhân sâu xa : cuộc khủng hoảng bùng nổ từ Thái Lan, nơi mà hệ thống tài chính khá lỏng lẻo. Ông giám đốc Ngân hàng nông dân Thái Lan tuyên bố với Ủy ban thương mại rằng : "Trong 12 tháng qua không hề có các số liệu kinh tế nào là thực cả...". Nền kinh tế phát triển với tốc độ cao không phù hợp với trình độ quản lý còn yếu, trong tình trạng tham nhũng tràn lan. Nền kinh tế thế giới đang cơ cấu lại cũng là một tác nhân ảnh hưởng tới cuộc khủng hoảng này ; - Nguyên nhân trực tiếp : do hoạt động vay vốn, đầu cơ tiền tệ trên thị trường chứng khoán, và tiếp sau đó là sự hoảng hốt, rối loạn của dân chúng.

Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng rất sâu rộng. Từ các nước ASEAN, nó đã lan rộng sang Nhật, Hàn Quốc và cả Mỹ. Ngày 24-11-97 Công ty U-a-mai-chi, công ty chứng khoán lớn thứ tư của Nhật,

Digitized by Google

bị chấm dứt hoạt động. Tại Mỹ, thị trường chứng khoán chao đảo, cơn chấn động thị trường chứng khoán 27-10-1997 đã làm nổ ra một vụ án lớn trong đó 19 tên đầu cơ chứng khoán bị truy tố. Ở Hàn Quốc số tiền 56 tỉ đô la mà IMF dự định rót vào để cứu giúp nền kinh tế nước này qua cơn khủng hoảng tài chính chắc chắn là không đủ (theo một số chuyên gia kinh tế thì phải có hơn 100 tỉ USD).

Đối với khu vực Đông - Nam Á, hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính 1997 là đặc biệt nghiêm trọng. Nó sẽ còn dai dẳng đến tận năm nay (1998) và làm giảm mạnh nhịp độ tăng trưởng của khu vực. Theo các chuyên gia của Ngân hàng phát triển châu Á thì bất chấp sự can thiệp của IMF nhằm cứu Thái Lan và In-đô-nê-xi-a, cuộc khủng hoảng này sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh tế của khu vực Đông - Nam Á trong năm 1998, và thậm chí cả năm 1999. Nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của khu vực sẽ sụt xuống còn khoảng 4,9% - 5,7% trong năm 1997 và sang năm 1998 chỉ còn 4% - 5,5%. Cuộc khủng hoảng tiền tệ đã đẩy lãi suất lên, khiến cho các dự án hạ tầng cơ sở quan trọng của các chính phủ bị đình đốn, hoạt động kinh tế giảm sút mạnh, nạn thất nghiệp sẽ là mối họa cho tình hình chính trị ở các nước như Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a và Phi-líp-pin, những nước bị tác động mạnh nhất do cuộc khủng hoảng gây ra.

Khi cơn bão tài chính ở Đông - Nam Á lan sang tận Niu-oóc và khi mà trung tâm tài chính lớn nhất thế giới bị rung động, thì nhiều người đã đặt ra câu hỏi : liệu nền kinh tế thế giới có ở bên bờ vực thẳm vì thị trường chứng khoán sắp bị đổ vỡ như vào năm 1997 hay không (?). Đó là vấn đề đang được nghiên cứu tiếp. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng tài chính khu vực Đông - Nam Á sẽ còn để lại nhiều hậu quả xấu cho nền kinh tế không chỉ của riêng khu vực Đông - Nam Á mà còn cho nền kinh tế một số vùng và một số nước trên thế giới.

Năm 1997 đã khép lại phía sau chúng ta. Năm 1998 đang mở rộng chào đón nhân loại với những thời cơ và thách thức cho sự phát triển. Và dân tộc Việt Nam sẽ không bỏ lỡ cơ hội để đưa đất nước mình vươn lên phía trước.❑

PHẨM CHẤT...

(Tiếp theo trang 51)

thể nói là hai thế lực) : chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Nếu muốn có chủ nghĩa xã hội thì phải tiếp tục chịu gian khổ, nếu cần phải chịu hy sinh. Muốn sung sướng ngay thì đi theo chủ nghĩa tư bản với thân phận của kẻ lệ thuộc, làm thuê. Và sự sung sướng đó, đâu có phải cho toàn dân, mà cho những kẻ cầm quyền và tầng lớp tư sản đang và sẽ hình thành một cách bất chính. Chủ nghĩa tư bản của thời kỳ tích lũy ban đầu của nó cũng đòi hỏi sự chắt chiu, sự nỗ lực, gian khổ, nhưng nó khác với chủ nghĩa xã hội là những chắt chiu, gian khổ đó đi đôi với sự bóc lột tàn nhẫn người lao động. Do đó, muốn theo con đường xã hội chủ nghĩa, cán bộ ta phải có *Tài*. Cái Tài ở đây là :

- Năng lực, bản lĩnh tiếp nhận được khoa học, kỹ thuật hiện đại, cách tổ chức, quản lý hiện đại của các nước tư bản tiên tiến.

- Năng lực, bản lĩnh cạnh tranh được với các nước tư bản trên các lĩnh vực, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế.

- Luôn luôn sáng tạo mà không thoát ly khỏi điều kiện cụ thể của nước ta.

Từ bối cảnh trên đây, từ những tiêu chí trên đây mà xác định *chính sách cán bộ* : đào tạo, bồi dưỡng và đãi ngộ.

Ta đã làm gì và đang làm gì để giải quyết những mâu thuẫn của thời kỳ mới ? Thực trạng tình hình cán bộ của ta như thế nào ? Không có cách nào khác, phải dám nhìn thẳng vào sự thật theo phương châm đổi mới từ Đại hội VI của Đảng mới có được một chiến lược cán bộ đáp ứng yêu cầu mới của thời kỳ mới. Phải thấy cho hết mức suy thoái trầm trọng của một bộ phận không nhỏ cán bộ từ trung ương đến cơ sở, tất cả các ngành.

Về chính sách cán bộ, nên chú ý :

1 - Mạnh dạn trẻ hóa cán bộ, nhất là trong lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội.

2 - Mạnh dạn thay đổi dựa vào những tiêu chuẩn đã đề ra, trước hết là tiêu chuẩn hoàn thành nhiệm vụ. (Ví dụ : một địa phương tham nhũng lan tràn, bất công trong nhân dân nặng nề... thì phải thay bí thư và chủ tịch ủy ban nhân dân và hội đồng nhân dân).

3 - Triệt để sử dụng chất xám (kinh nghiệm và hiểu biết) của cán bộ lão thành dưới nhiều hình thức (tư vấn, cố vấn, hội đồng...).

4 - Cần có chính sách đãi ngộ thích đáng, phù hợp với điều kiện kinh tế nước ta.❑

Digitized by Google

TRUNG QUỐC ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU CHẾ ĐỘ SỞ HỮU VÀ CỔ PHẦN HÓA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

NGUYỄN HUY QUÝ *

TRONG cải cách và phát triển kinh tế ở Trung Quốc, có hai vấn đề quan trọng nhất, khó khăn nhất, và do đó đã diễn ra tranh luận sôi nổi, kéo dài nhất. Đó là vấn đề *cơ cấu sở hữu* và vấn đề *xí nghiệp quốc hữu kinh doanh kém hiệu quả*. Do vậy, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XV vừa qua đã đưa ra những luận điểm và giải pháp mới, được coi là một bước "đột phá" về lý luận về hai vấn đề đó.

I. VẤN ĐỀ CƠ CẤU CHẾ ĐỘ SỞ HỮU

Như chúng ta đều biết, Mác đã nói tới một chế độ sở hữu toàn xã hội trong tương lai. Nhưng làm như thế nào tiến tới một xã hội như vậy, thì không có đáp án chung cho mọi quốc gia, mà phải tùy thuộc vào những điều kiện lịch sử cụ thể. Sau Cách mạng Tháng Mười và nội chiến ở Nga, Lê-nin đã đưa ra *chính sách kinh tế mới* với nội dung chủ yếu là kinh tế nhiều thành phần. Đáng tiếc là sau đó, các nhà lãnh đạo Liên Xô đã không kế thừa và phát triển được tư tưởng kinh tế này của Lê-nin. Những năm đầu sau khi thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Mao Trạch Đông và các nhà lãnh đạo Trung Quốc cũng đã có ý tưởng duy trì lâu dài nền kinh tế nhiều thành phần. Nhưng sau đó lại xuất hiện tư tưởng và đường lối "nhảy vọt" lên "sở hữu toàn dân" với ảo tưởng có thể tiến lên chủ nghĩa cộng sản trong một thời gian ngắn.

Từ sau ngày cải cách mở cửa, với lý luận "xây dựng CNXH mang đặc sắc Trung Quốc" của Đặng Tiểu Bình xuất phát từ những điều kiện lịch sử cụ thể trong "giai đoạn đầu của CNXH", Trung Quốc đang xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần : quốc hữu, tập thể, cá thể, tư bản tư doanh, tư bản ngoại..., trong đó kinh tế công hữu (kinh tế quốc hữu và kinh tế tập thể) đóng vai trò "chủ thể" và kinh tế quốc hữu (kinh tế nhà nước) đóng vai trò "chủ đạo" đối với nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, hàm nghĩa của "kinh tế công hữu" và những khái niệm về "chủ thể", "chủ đạo" vẫn chưa có sự nhận thức thống nhất, tường tận. Trước thực tế tỷ trọng của thành phần kinh tế quốc hữu trong nền kinh tế quốc dân nhiều năm qua ngày càng giảm, đã xuất hiện ý tưởng hoài nghi hoặc phủ nhận tính chất XHCN của nền kinh tế thị trường ở Trung Quốc hiện nay và trong tương lai. Cuộc tranh luận trở nên gay gắt hơn trong thời gian gần đây. Chính trong bối cảnh đó, Đại hội lần thứ XV của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác định quan điểm mới về vấn đề chế độ sở hữu, và những giải pháp nhằm điều chỉnh và hoàn thiện cơ cấu sở hữu trong nền kinh tế thị trường XHCN.

Báo cáo của Tổng Bí thư Giang Trạch Dân được Đại hội thông qua đã nhấn mạnh : "Chế độ công hữu giữ vai trò chủ thể, kinh tế nhiều thành phần sở hữu cùng phát triển, đó là một chế độ kinh tế cơ bản ở nước ta trong giai đoạn đầu của CNXH" ; "Cần phải nhận thức một cách toàn diện hàm nghĩa của kinh tế công hữu. Kinh tế công hữu không chỉ bao gồm kinh tế quốc hữu và kinh tế tập thể, mà còn bao gồm thành phần kinh tế quốc hữu và thành phần kinh tế tập thể trong kinh tế sở hữu hỗn hợp" (1). Trung Quốc không chỉ phát triển chế độ công hữu, mà còn sử dụng mọi hình thức sở hữu khác phục vụ cho CNXH, miễn là những hình thức

---

* PGS, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc thuộc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

(1) Báo cáo của Tổng Bí thư Giang Trạch Dân tại Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc

Digitized by Google

sở hữu đó phù hợp với "ba có lợi" (có lợi cho phát triển sức sản xuất, có lợi cho việc nâng cao mức sống nhân dân, có lợi cho việc tăng cường sức mạnh đất nước).

Về vấn đề "chủ thể" và "chủ đạo", bản báo cáo của Tổng Bí thư Giang Trạch Dân nói rõ : "Vai trò chủ thể của chế độ công hữu chủ yếu thể hiện ở chỗ tài sản công hữu chiếm ưu thế trong tổng tài sản xã hội ; kinh tế quốc hữu khống chế mạch máu nền kinh tế quốc dân, giữ vai trò chủ đạo đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân..."

Trong thời gian qua, cơ cấu sở hữu có thay đổi theo chiều hướng tỷ trọng sở hữu nhà nước trong kinh tế quốc dân giảm sút. Trước cải cách, năm 1978, trong GDP của Trung Quốc kinh tế công hữu chiếm tỷ trọng 99% (trong đó kinh tế quốc hữu chiếm 56%, kinh tế tập thể chiếm 43%), kinh tế phi công hữu chỉ có 1%. Trải qua gần 20 năm cải cách mở cửa, tỷ trọng đã thay đổi nhiều. Năm 1990, trong công nghiệp Trung Quốc, xí nghiệp quốc hữu chiếm tỷ trọng 55%, xí nghiệp tập thể chiếm 36%, xí nghiệp phi công hữu chỉ chiếm 9%. Nhưng đến năm 1995, tỷ trọng của xí nghiệp quốc hữu chỉ còn 34%, tỷ trọng của xí nghiệp tập thể hầu như không thay đổi, còn tỷ trọng của xí nghiệp phi công hữu lên tới 30%. Nhưng các nhà lãnh đạo kinh tế Trung Quốc cho rằng tình hình đó không làm thay đổi được vai trò "chủ thể" của kinh tế công hữu và vai trò "chủ đạo" của kinh tế quốc hữu. Bởi lẽ, trong số các xí nghiệp "phi công hữu" chỉ có một ít các xí nghiệp 100% vốn tư nhân, hoặc vốn ngoại, còn tuyệt đại đa số là các xí nghiệp "sở hữu hỗn hợp" trong đó có thành phần vốn nhà nước và vốn tập thể. Theo cách tính đó, năm 1996 kinh tế công hữu vẫn chiếm tỷ trọng 76% trong GDP của Trung Quốc (2). Các nhà lãnh đạo kinh tế Trung Quốc cho rằng hiện nay kinh tế quốc hữu vẫn giữ vai trò "chủ đạo" trong nền kinh tế quốc dân. Khoảng 1000 xí nghiệp quy mô lớn và vừa được nhà nước nắm chắc vẫn chiếm khoảng 85% tổng số lợi nhuận và tiền thuế của cả nước. Nắm chắc trong tay những xí nghiệp mang tính chất như mạch máu của nền kinh tế quốc dân, nhà nước vẫn có thể thông qua kinh tế quốc hữu để chi phối đời sống kinh tế của đất nước, bảo đảm tính chất XHCN của nền kinh tế thị trường.

Tóm lại, quan điểm cơ bản của Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc về vấn đề cơ cấu chế độ sở hữu là : "chế độ công hữu làm chủ thể, kinh tế sở hữu nhiều thành phần cùng phát triển, là chế độ kinh tế cơ bản trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội". Báo cáo của Tổng Bí thư Giang Trạch Dân nhấn mạnh : "Cần phải nhận thức một cách toàn diện hàm nghĩa của kinh tế công hữu..., kinh tế sở hữu tập thể là một bộ phận quan trọng của kinh tế công hữu..., có thể và cần phải đa dạng hóa hình thức thể hiện của chế độ công hữu, có thể áp dụng mọi phương thức kinh doanh, mọi hình thức tổ chức phản ánh quy luật xã hội hóa sản xuất..., kinh tế phi công hữu là bộ phận quan trọng của nền kinh tế thị trường XHCN nước ta. Cần tiếp tục khuyến khích, hướng dẫn các thành phần kinh tế phi công hữu như kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh... phát triển một cách lành mạnh".

Vấn đề điều chỉnh chế độ sở hữu theo những quan điểm nói trên được vận dụng vào việc cải cách các xí nghiệp quốc hữu bằng giải pháp cổ phần hóa.

II. VỀ VẤN ĐỀ CỔ PHẦN HÓA CÁC XÍ NGHIỆP QUỐC HỮU (DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC)

Trung Quốc đã bắt đầu thực hiện cổ phần hóa các xí nghiệp quốc hữu từ mười mấy năm nay, nhưng một loạt các vấn đề lý luận và thực tiễn vẫn chưa được giải quyết, các cuộc tranh luận kéo dài. Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc đã khẳng định một số luận điểm có thể coi là kết luận của cuộc tranh cãi từ nhiều năm nay về vấn đề này.

Chúng ta biết rằng chế độ cổ phần từ lâu đã được áp dụng trong kinh tế tư bản chủ nghĩa. Trong bộ Tư bản Mác cũng đã nói về chế độ cổ phần. Ông cho rằng chế độ cổ phần đã có tác dụng đẩy nhanh quá trình tích lũy và tập trung vốn, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, chế độ cổ phần đã cải tiến quan hệ sở hữu tư bản, dẫn tới sự phân tách giữa quyền sở hữu và quyền kinh doanh, chế độ cổ phần đã tạo ra một phương thức mới cho quá trình chuyển từ sở hữu tư nhân sang sở hữu cộng đồng...

(2) Cao Thượng Toàn : "Điều chỉnh và hoàn thiện kết cấu chế độ sở hữu...", *Khai phóng đạo báo*, số tháng 9-1997

Digitized by Google

Chúng ta cũng biết rằng trước kia ở Trung Quốc và các nước XHCN khác không thực hiện chế độ cổ phần, và coi đó là một phương thức kinh doanh của chủ nghĩa tư bản. Đầu những năm 80, đứng trước tình trạng các doanh nghiệp nhà nước sản xuất kinh doanh theo phương thức truyền thống tỏ ra kém hiệu quả, thậm chí ngày càng thua lỗ nghiêm trọng, các nhà khoa học và các nhà quản lý kinh tế Trung Quốc đã có ý tưởng thực hiện chế độ cổ phần hóa. Năm 1983, nhà kinh tế học nổi tiếng Tô Tinh, Phó giám đốc Trường Đảng trung ương, sau chuyến đi khảo sát, nghiên cứu các công ty công nghiệp ở Thượng Hải, Giang Tô, Triết Giang đã phát biểu quan điểm : Cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH phải là nền sản xuất lớn xã hội hóa, sau khi đã thiết lập được chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, vẫn phải sử dụng các hình thức tổ chức sản xuất lớn xã hội như công ty cổ phần, tập đoàn xí nghiệp..., sử dụng những kinh nghiệm quản lý của chúng phục vụ cho nền kinh tế XHCN. Ông cho rằng các công ty cổ phần, với tính chất là một hình thức tổ chức sản xuất xã hội, phù hợp với bản chất của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Quan điểm trên ngày càng được nhiều người chấp nhận và từng bước đi vào cuộc sống. Từ năm 1984, một số nơi như Thượng Hải, Thẩm Dương, Bắc Kinh, Quảng Châu,.. đã bắt đầu thành lập các công ty cổ phần, có tính chất thử nghiệm. Đến nay, ở Trung Quốc đã có hơn một vạn công ty cổ phần. Tuy nhiên, quá trình cổ phần hóa thật không đơn giản. Nhiều người hoài nghi về tính chất XHCN của công ty cổ phần, hoặc khẳng định "cổ phần hóa" thực chất là "tư hữu hóa". Nhiều vấn đề lý luận vẫn đang là đề tài tranh cãi. Nhưng trong thực tế thì cổ phần hóa đã giảm được tình trạng thua lỗ trong sản xuất kinh doanh của xí nghiệp quốc hữu, đem lại lợi ích cho chính khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Năm 1996, trong khi 23% các xí nghiệp quốc hữu sản xuất kinh doanh thua lỗ, thì các công ty cổ phần lại sản xuất kinh doanh thu lãi lớn, mà đa số trong các công ty đó lại do cổ phần của nhà nước đóng vai trò chi phối.

Từ thực tiễn hơn 30 năm qua, Trung Quốc đi đến kết luận là chế độ cổ phần đã có vai trò thúc đẩy cải cách xí nghiệp quốc hữu và phát triển kinh tế quốc dân. *Trước hết*, chế độ cổ phần đã thúc đẩy việc tập trung vốn góp phần giải quyết vấn đề thiếu vốn. Qua nhiều năm cải cách xí nghiệp quốc hữu theo chế độ cổ phần, Trung Quốc có hơn một vạn công ty cổ phần, trong đó hơn 700 công ty đã bán cổ phiếu trên thị trường với giá trị lưu thông hơn 500 tỉ nhân dân tệ, chiếm 7,3% GDP năm 1996 của Trung Quốc. Đã có hơn 10 vạn người làm việc trên thị trường chứng khoán, và 31 triệu người đã mua cổ phiếu. Hiện có 38 công ty cổ phần bán cổ phiếu ra ngoài lục địa, 97 công ty bán cổ phiếu loại B tại lục địa, số vốn tập trung được của cả hai loại công ty ấy gộp lại là 13 tỉ USD. Đó là một nguồn vốn quan trọng giúp ích nhiều cho việc đầu tư vào các công trình trọng điểm và các dự án cải tạo ở Trung Quốc. *Thứ hai*, thực hiện chế độ cổ phần tạo thuận lợi cho việc tách rời xí nghiệp với chính quyền, tách rời quyền sở hữu với quyền kinh doanh. Vì công ty cổ phần không còn đơn thuần là sở hữu nhà nước nữa, nên chính quyền cũng không còn chỗ dựa để can thiệp trực tiếp vào xí nghiệp. *Thứ ba*, với tư cách là một đơn vị sản xuất kinh doanh độc lập trong khuôn khổ luật pháp và chính sách của nhà nước, dưới sự giám sát của các cổ đông và cả xã hội, các công ty cổ phần phải trực tiếp đi vào thị trường, tham gia cạnh tranh, tự tìm cách để tồn tại và phát triển. Do vậy, các công ty cổ phần sẽ phải vừa thận trọng, vừa năng động hơn trong sản xuất kinh doanh, phù hợp với đòi hỏi của kinh tế thị trường. *Thứ tư*, chế độ công ty cổ phần tạo điều kiện thuận lợi để Trung Quốc có thể thiết lập và phát triển những tập đoàn xí nghiệp quy mô lớn, có sức cạnh tranh, rất cần thiết cho công cuộc phát triển kinh tế trong nước và vươn ra thị trường thế giới.

Chính vì những lẽ trên, Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đi đến kết luận thể hiện trong báo cáo của Tổng Bí thư Giang Trạch Dân : "Chế độ cổ phần là một hình thức tổ chức vốn của xí nghiệp hiện đại, có lợi cho việc phân tách quyền sở hữu với quyền kinh doanh, có lợi cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động của xí nghiệp và tiền vốn. Chủ nghĩa tư bản có thể sử dụng chế độ cổ phần, chủ nghĩa xã hội cũng có thể sử dụng chế độ cổ phần. Không thể nói chung chung chế độ cổ phần

Digitized by Google

là công hữu hay là tư hữu, vấn đề quyết định là xem ai nắm được quyền khống chế cổ phiếu."

Hiện nay, Trung Quốc đang tiến hành cải cách xí nghiệp quốc hữu theo phương châm "nắm lớn, buông nhỏ". Nhà nước tập trung nắm chắc một số xí nghiệp quy mô lớn và vừa có vị trí then chốt của nền kinh tế quốc dân, xây dựng thành khoảng 1000 tập đoàn xí nghiệp quy mô lớn, có sức cạnh tranh, được mệnh danh là những "tàu sân bay kinh tế". Trong số đó, sẽ có một số tập đoàn xí nghiệp "xuyên ngành", "xuyên khu vực", "xuyên quốc gia", "xuyên chế độ sở hữu" (có nghĩa là các tập đoàn xí nghiệp theo chế độ cổ phần). Trong cuộc cạnh tranh gay gắt trên thị trường quốc tế hiện nay, nếu không có các "tàu sân bay kinh tế" như vậy thì không thể tạo ra lợi thế được. Trước đây các xí nghiệp ở Trung Quốc quá phân tán ra các thành phố và các tỉnh, nhiều trường hợp xây dựng trùng lặp. Theo cách làm mới, Trung Quốc hy vọng trong tương lai sẽ có khoảng 10 - 30 tập đoàn xí nghiệp mạnh, có thể đứng vào hàng ngũ 500 công ty xuyên quốc gia hiện nay đang cạnh tranh gay gắt, chi phối nền kinh tế thế giới.

Hàng trăm ngàn xí nghiệp quốc hữu còn lại thì Trung Quốc chủ trương sắp xếp lại bằng nhiều hình thức. "Buông nhỏ" không có nghĩa là để mặc, mà là để tạo sức sống cho chúng, để khắc phục tình trạng sản xuất kinh doanh thua lỗ, cũng là để củng cố thành phần kinh tế công hữu trong nền kinh tế quốc dân. Báo cáo của Tổng Bí thư Giang Trạch Dân tại Đại hội XV nói rõ : "Bằng nhiều hình thức cải tổ, liên hợp, sáp nhập, cho thuê, khoán kinh doanh, hợp tác cổ phần, bán... tạo sức sống cho các xí nghiệp quy mô nhỏ". Để chuẩn bị cho việc thực hiện chủ trương trên, trước ngày triệu tập Đại hội XV không lâu, nhà nước Trung Quốc đã ban hành bản "Hướng dẫn phát triển xí nghiệp hợp tác cổ phần, quản lý, quyền tài sản, phân phối, đề phòng thất thoát tài sản của xí nghiệp hợp tác cổ phần."

Tuy nhiên việc thực hiện không phải là đơn giản. Ở Chư Thành, tỉnh Sơn Đông từ năm 1993 đã thực hiện cải cách xí nghiệp quốc hữu theo phương châm này. Chính quyền địa phương đem các xí nghiệp công thương quốc hữu và tập thể cỡ nhỏ bán hết cho công nhân viên chức, sau đó tập hợp lại, tổ chức thành 210 xí nghiệp hợp tác cổ phần. Lúc đầu nhiều người có ý kiến phản đối. Bí thư thị ủy Trần Quang bị người ta gọi là ông "Trần Bán Sạch" (Tiếng Trung Quốc "Quang" ở đây có nghĩa là "sạch"). Nhưng thực tế lại chứng minh cách làm đó là đúng, thu nhập ngân sách của Chư Thành trước kia đứng thứ 30 nay đứng thứ 10 trong toàn tỉnh Sơn Đông, số tiền gửi ngân hàng của nhân dân tăng lên nhiều, tài sản nhà nước cũng tăng gấp đôi. Trung Quốc cho rằng hợp tác cổ phần biến một phần sở hữu nhà nước thành kinh tế hợp tác sở hữu tập thể của công nhân viên chức thì vẫn thuộc về kinh tế công hữu. Kinh tế công hữu phát triển thì càng tăng thêm vai trò "chủ thể" của nó. Còn tỷ trọng kinh tế quốc hữu có giảm xuống chút ít vẫn không ảnh hưởng đến tính chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế, miễn là nó vẫn giữ được vai trò chủ đạo của nền kinh tế quốc dân.

Các nhà lãnh đạo, quản lý kinh tế Trung Quốc cũng thấy trước sự phức tạp và những hậu quả cần giải quyết khi cải cách xí nghiệp quốc hữu theo chế độ cổ phần.

Trước hết, thực hiện cổ phần hóa có làm tăng thêm vai trò "chủ thể" của kinh tế công hữu và vai trò "chủ đạo" của kinh tế quốc hữu hay không mấu chốt là ai khống chế được cổ phiếu. Để khống chế được cổ phiếu trong các công ty cổ phần, nhà nước và tập thể phải có thực lực và phương pháp kinh doanh thích hợp. Đó thực sự là vấn đề không đơn giản.

Thứ hai, thực hiện quá trình cổ phần hóa như thế nào cũng không phải dễ dàng. Nói cho cùng thì cũng là cách làm mới mẻ chưa từng có trong lịch sử xây dựng CNXH, khác với quá trình cổ phần hóa tự nhiên và từ từ dưới chế độ tư bản. Phó Thủ tướng Chu Dung Cơ cũng đã nhắc nhở : Không nên coi "cổ phần hóa" là "thần dược" trị được bách bệnh, không nên làm theo kiểu phong trào "hợp tác hóa" trước kia. Ông Chu Dung Cơ nhấn mạnh rằng : báo cáo của đồng chí Giang Trạch Dân là một "chỉnh thể hữu cơ" cần được nhận thức và quán triệt một cách toàn diện, đúng đắn[3].❑

(3) Theo tạp chí *Kính báo* (Hồng Công), 10-1997, tr 31

Digitized by Google

DIỄN ĐÀN HỢP TÁC KINH TẾ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG (APEC)

• Tổng quan về APEC

Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (ASIA-PACIFIC ECONOMIC COOPERATION - APEC) thành lập năm 1989 (theo sáng kiến của Ô-xtrây-li-a) như một nhóm đối thoại không chính thức nhằm đáp ứng sự tùy thuộc lẫn nhau ngày càng tăng giữa các nền kinh tế trong khu vực. Tổ chức này chỉ thực sự trở thành một lực lượng lớn mạnh, thu hút sự quan tâm của thế giới vào năm 1993, năm diễn ra Hội nghị thượng đỉnh APEC đầu tiên ở Sít-tơn (Mỹ). Kể từ đó, nhiều nước đã mong muốn được trở thành thành viên của APEC, hoặc ít nhất cũng là quan sát viên của APEC.

Một trong những điều hấp dẫn nhất của APEC là nó tập hợp một cách đa dạng các nền văn hóa, địa lý, kinh tế trong cùng một thể chế, song vẫn tìm kiếm những quan điểm chung về những vấn đề quan trọng. Vì thế, chỉ trong một thời gian ngắn, APEC đã đạt được một loạt cam kết về tự do hóa thương mại và các hiệp định hợp tác, được dư luận quốc tế đánh giá cao. Năm 1994, APEC đã đi một bước ngoặt quan trọng với Bản tuyên bố Bô-go, đưa ra mục tiêu tự do hóa thương mại và đầu tư vào năm 2010 cho các nước phát triển và vào năm 2020 cho các nước đang phát triển. Năm 1995, tại Ô-sa-ka (Nhật Bản), những người tham gia đã thông qua một chương trình nghị sự hành động, đưa ra những thông số cho sáng kiến tự do thương mại. Năm 1996, tại Ma-ni-la (Phi-lip-pin), APEC đặt ra mục tiêu là mỗi chính phủ sẽ trình bày rõ ràng một kế hoạch hành động riêng nhằm đạt được các mục tiêu vào năm 2010 và 2020. Những đề án kết hợp với các biện pháp được chia sẻ tạo thành *Kế hoạch hành động Ma-ni-la* của APEC (gọi tắt là MAPA).

Hiện nay, APEC tập hợp những nền kinh tế mạnh vào bậc nhất thế giới, bao gồm hơn 2 tỉ dân, mỗi năm làm ra giá trị sản phẩm hơn 13 000 tỉ USD, chiếm 55% thu nhập và 44% kim ngạch buôn bán toàn cầu. Cứ 8 năm APEC lại tăng gấp đôi giá trị sản phẩm, đạt mức tăng trưởng kinh tế bình quân cao gấp 3 - 4 lần mức bình quân chung của thế giới. Thành viên của APEC có : Ô-xtrây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Chi-lê, Trung Quốc, Hồng Công, In-đô-nê-xi-a, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Niu-di-lân, Pa-pu-a, Niu-Ghi-nê, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Đài Loan, Thái Lan, Mỹ.

• Phương thức hoạt động và cơ cấu của APEC

APEC không phải là một khối thương mại khép kín mà hướng về "chủ nghĩa khu vực mở cửa", tập trung vào những vấn đề kinh tế vì lợi ích chung và tùy thuộc lẫn nhau trên tinh thần xây dựng, không đề cập tới các vấn đề chính trị và an ninh. Mọi thành viên APEC đều bình đẳng, mọi quyết định đều đạt được bằng sự nhất trí chung. APEC chủ trương không gây phương hại cho các tổ chức khu vực và các tổ chức quốc tế khác. Trái lại, hoạt động của APEC sẽ hỗ trợ cho hoạt động của các tổ chức khu vực và quốc tế đó. Chủ trương là quan hệ hữu nghị với các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực khác.

Cơ quan cao nhất của APEC : là Hội nghị cấp bộ trưởng bao gồm bộ trưởng ngoại giao và bộ trưởng kinh tế. Chủ tịch APEC do các nước thành viên thay phiên nhau đảm nhiệm, mỗi năm một nước. Chủ tịch APEC có nhiệm vụ tổ chức đăng cai Hội nghị cấp bộ trưởng ngoại giao và kinh tế hằng năm.

Ban thư ký : Năm 1992, tại Hội nghị Băng Cốc (Thái Lan) các bộ trưởng APEC đã quyết định thành lập Ban thư ký thường trực đặt ở Xin-ga-po để hỗ trợ các hoạt động của APEC. Đứng đầu Ban thư ký là một giám đốc điều hành, do nước giữ cương vị Chủ tịch APEC cử, đảm nhiệm trong 1 năm ; một phó giám đốc điều hành do nước sẽ giữ chức Chủ tịch APEC vào năm kế tiếp cử ra.

Hội nghị các quan chức cao cấp : Tại Hội nghị APEC ở Can-bê-ra (Ô-xtrây-li-a) năm 1989, các bộ trưởng đã quyết định thành lập Hội nghị các quan chức cao cấp, họp thường kỳ giữa hai Hội nghị cấp bộ trưởng để triển khai các quyết định của Hội nghị cấp bộ trưởng và đưa ra khuyến nghị trình các bộ trưởng APEC. Các quan chức cao cấp cũng đảm nhận việc xem xét và điều phối ngân sách và chương trình công tác của các ủy ban và các nhóm công tác chuyên môn.

Các ủy ban chuyên môn của APEC : có các ủy ban chuyên môn và nhóm đặc trách sau : Ủy ban về thương mại và đầu tư ; Ủy ban kinh tế ; Ủy ban về ngân sách và quản lý hành chính. Nhóm đặc trách về chính sách đối với các xí nghiệp nhỏ và vừa ; các nhóm công tác chuyên môn ; Nhóm công tác của các nhân vật nổi tiếng ; Diễn đàn doanh nghiệp Thái Bình Dương.

• Các phương thức hợp tác phát triển trong APEC

Sự phát triển kinh tế - kỹ thuật của các nền kinh tế trong APEC có một số đặc điểm :

- Trình độ phát triển của các thành viên không đồng đều. Do đó, mức độ về tiền vốn và kỹ thuật của họ cũng khác nhau.

- Sự đa dạng về các hình thức bổ sung ưu thế cho nhau trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của APEC.

- Việc điều chỉnh cơ cấu ngành nghề sản xuất làm cho quá trình chu chuyển của vốn, kỹ thuật mang tính đa dạng, chuyển dịch theo kiểu làn sóng.

Các đặc điểm trên quyết định phương thức hợp tác của APEC với những hướng chủ yếu :

- Hợp tác phát triển linh hoạt, đa dạng, vừa có kế hoạch phát triển chung như : xây dựng mạng lưới thông tin, đào tạo, bồi dưỡng nhân tai... vừa có thể phân thành nhiều lĩnh vực, nhiều cấp bậc. Tranh thủ tiến hành hợp tác hai bên và nhiều bên.

- Hợp tác phát triển dựa trên nguyên tắc cùng có lợi, thiết thực và tự nguyện, giảm bớt những trở ngại trong hợp tác phát triển để đạt mục đích cùng phát triển.

- Việc hợp tác phát triển phải thích ứng với xu thế chuyển dịch kỹ thuật sản xuất công nghiệp của khu vực châu Á - Thái Bình Dương ; lấy việc chuyển dịch ngành nghề sản xuất để lôi kéo việc chuyển dịch kỹ thuật vốn. Có thể áp dụng phương thức hợp tác của các khu vực nhỏ trong APEC.

Digitized by Google

Mô thức hợp tác phát triển

- Kết hợp việc hợp tác phát triển của APEC với yêu cầu phát triển của bản thân các thực thể kinh tế.
- Kết hợp hợp tác hai bên với nhiều bên.
- Kết hợp một lĩnh vực với nhiều lĩnh vực.
- Kết hợp giữa các doanh nghiệp, các tổ chức tài chính quốc tế, các nước thành viên với quỹ khai thác phát triển APEC.
- Kết hợp sự hợp tác phát triển các khu vực nhỏ với sự điều phối thống nhất của APEC.

Các lĩnh vực hợp tác ưu tiên phát triển trong APEC

Trong 13 lĩnh vực hợp tác phát triển của APEC, các lĩnh vực khai thác, sử dụng hợp tác phát triển nguồn nhân lực là các lĩnh vực ưu tiên phát triển quan trọng. Phương pháp hợp tác phát triển nguồn nhân lực của APEC như sau :

- Phát huy đầy đủ tác dụng của các tổ chức khai thác, phát triển nguồn nhân lực ; tiến hành điều tra, nghiên cứu nhu cầu về nhân lực của các thành viên APEC ; lập cơ sở dữ liệu về nguồn nhân lực.
- Chọn một số lĩnh vực để tiến hành hợp tác ưu tiên như : đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cao cấp của các xí nghiệp trong ngành chế tạo.
- Xây dựng các trường, các trung tâm chuyển giao khoa học - kỹ thuật hai bên và nhiều bên nhằm thúc đẩy việc bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực thông tin, sinh học...

• Hoạt động của APEC trong những năm qua

Kể từ khi ra đời vào năm 1989, APEC đã tiến hành nhiều hoạt động hướng vào những vấn đề về thương mại và tăng trưởng kinh tế ; kết nạp thêm thành viên mới ; thành lập Ban thư ký ; thành lập các ủy ban, nhóm công tác, các diễn đàn. Điều đó đã làm cho APEC từ chỗ chỉ là một diễn đàn đối thoại trở thành một thể chế có tổ chức chặt chẽ. Từ năm 1993, Hội nghị APEC ở Sít-tơn (Mỹ) đã được nâng lên cấp nguyên thủ quốc gia, và kể từ đó Hội nghị thường niên APEC đều ở cấp thượng đỉnh.

• Việt Nam và APEC

Kể từ 1989, APEC đã trải qua 9 kỳ Hội nghị thường niên : Hội nghị cấp cao lần thứ 9 của APEC họp tại Van-cu-vơ (Ca-na-đa) từ 24 đến 25-11-1997 đã quyết định kết nạp Việt Nam, Nga và Pê-ru là thành viên chính thức vào năm 1998, nâng tổng số thành viên của APEC lên 21. Theo dư luận quốc tế, việc APEC kết nạp 3 nước trên sớm hơn dự kiến 1 năm đã nhanh chóng mở rộng phạm vi địa lý và để tài nghị sự trong APEC và sẽ làm tăng thêm tỷ trọng chính trị và ảnh hưởng quốc tế của tổ chức này.

Việc các thành viên APEC quyết định kết nạp Việt Nam vào Diễn đàn này từ 1998 cho thấy vị trí của Việt Nam trên trường quốc tế và ở châu Á - Thái Bình Dương được nâng cao. Điều đó cũng chứng tỏ sự tin tưởng của các thành viên APEC vào chính sách nhất quán của Việt Nam trong việc đẩy mạnh công cuộc đổi mới, mở cửa nền kinh tế để hội nhập một cách có hiệu quả vào các nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Tham gia APEC Việt Nam sẽ phải vượt qua nhiều khó khăn thách thức, phải nỗ lực rất nhiều. Nhưng tư cách một thành viên bình đẳng sẽ tạo cho Việt Nam vị thế mới, thuận lợi hơn trong quan hệ chính trị, kinh tế, thương mại với nhiều đối tác quan trọng trong khu vực. Việc tham gia APEC cũng sẽ tạo tiền đề thuận lợi và là bước chuẩn bị quan trọng cho việc Việt Nam tham gia Tổ chức thương mại thế giới (WTO). ❑

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN – THỰC TIỄN

HỘI THẢO : "LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO"

Nằm trong chương trình triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của BCH TƯ Đảng về giáo dục - đào tạo, đồng thời thực hiện Quyết định số 500/TTg của Thủ tướng Chính phủ về "Xây dựng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo của Việt Nam đến năm 2020", ngày 10-12-1997 tại Hà Nội, Viện nghiên cứu phát triển giáo dục, cơ quan được Bộ Giáo dục - Đào tạo giao nhiệm vụ thường trực xây dựng chiến lược giáo dục - đào tạo đã tổ chức hội thảo : "Lý luận và thực tiễn xây dựng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo". Tham gia hội thảo có hơn 100 đại biểu gồm các nhà giáo, các nhà nghiên cứu và quản lý giáo dục ở trung ương và một số địa phương, đại diện một số cơ quan nghiên cứu và ban, ngành có liên quan.

Các tham luận trình bày tại hội thảo đã tập trung vào các vấn đề có liên quan đến lý luận và thực tiễn xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nói chung và chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo nói riêng ở nước ta hiện nay. Đó là các vấn đề như : cách tiếp cận xây dựng chiến lược giáo dục, phương pháp luận và phương pháp xây dựng chiến lược và chiến lược giáo dục, những quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục, mục tiêu và các giải pháp phát triển giáo dục, mối quan hệ giữa chiến lược giáo dục với chiến lược khoa học - công nghệ, chiến lược kinh tế và các ngành có liên quan, vấn đề xã hội hóa và công bằng xã hội trong chiến lược giáo dục, sự vận dụng các quan điểm của Đảng vào việc xây dựng chiến lược giáo dục, thực tiễn xây dựng chiến lược giáo dục quốc gia và ở một số địa phương, khu vực, những yêu cầu đổi mới trong quản lý, trong định hướng phát triển giáo dục v.v...

Việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nói chung và xây dựng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo nói riêng là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, đang được các ngành, các cấp cũng như ngành giáo dục - đào tạo tích cực thực hiện. Tuy nhiên, đây là một vấn đề lớn và phức tạp, đòi hỏi rất nhiều công sức, trí tuệ và thời gian cùng phương pháp tiến hành khoa học, bài bản. Kết quả đáng ghi nhận của cuộc hội thảo này cũng là một đóng góp quan trọng cho việc thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ nêu trên theo đúng yêu cầu mà Nghị quyết Trung ương 2 đã đề ra. ❑

PV

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

BẾN XE KHÁCH MIỀN TÂY

ĐỊA CHỈ : 137 HÙNG VƯƠNG (NỐI DÀI) THỊ TRẤN AN LẠC - H. BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Chúc Mừng Năm Mới

Kính chúc quý khách : An Khang –Thịnh Vượng

Là một doanh nghiệp Nhà nước công ích
được thành lập theo QĐ 3545/QĐ của UBND TP.HCM cấp ngày 11-7-1997
Điện thoại : 8751250 - 8751252 - 8752953

Chú ý :

Đặc biệt Tết Nguyên Đán MẬU DẦN Bến xe Miền Tây có tổ chức phục vụ bán vé 24/24 trên các tuyến từ ngày 26 đến ngày 29 Tết âm lịch.



CHUYÊN NGÀNH :

Tổ chức phục vụ vận chuyển hành khách công cộng. Đại lý và các dịch vụ khác.

* Là một bến xe duy nhất phục vụ cho hành khách từ TP.HCM về các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Cụ thể với các tuyến như:Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc, Cao Lãnh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá, Hà Tiên, Cà Mau v.v...

* Có nhiều loại phương tiện phục vụ cho quý khách như : xe ca, xe du lịch đời mới : 12 chỗ, 15 chỗ, 25 chỗ. Tổ chức bán vé tại Bến xe miền Tây và một số điểm Đại lý bán vé như :

+ 134 Hùng Vương, quận 6
+ 1B Huyền Trân Công Chúa, quận 1
+ 389 Đường 3-2, quận 10
+ 92 Trần Văn Kiểu, quận 5

* Giờ phục vụ bán vé mỗi ngày từ 3h30′ - 17h (kể cả ngày lễ và ngày tết)

Digitized by Google

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT LONG AN

ĐỊA CHỈ : ĐƯỜNG CẦN ĐỐT, PHƯỜNG 2 - THỊ XÃ TÂN AN

ĐIỆN THOẠI : 072.826495 GIÁM ĐỐC : BÀ LÊ THÙY LIÊM



- Công ty Xổ số kiến thiết Long An là doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả từ nhiều năm qua ở Long An ; đóng góp từ 15% - 20% tổng thu ngân sách địa phương và giải quyết việc làm cho nhiều lao động ở địa phương và các tỉnh lân cận như TP. HCM, Đồng Nai, Sông Bé, Vũng Tàu đến Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang v.v...

- Kết quả hoạt động thể hiện qua việc nộp ngân sách và xây dựng các công trình phúc lợi công cộng ở các huyện vùng Đồng Tháp Mười, các huyện ven biển đời sống dân cư còn nhiều khó khăn :

+ 1993 nộp ngân sách 34,1 tỉ đồng

+ 1994 nộp ngân sách 51,1 tỉ đồng

+ 1995 nộp ngân sách 60,02 tỉ đồng

+ 1996 nộp ngân sách 70,004 tỉ đồng

9 tháng đầu năm 1997 nộp 57,136 tỉ.

Dự kiến năm 1998 nộp NSNN từ 75-78 tỉ đồng .

KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH NHIỀU MAY MẮN

Digitized by Google



Digitized by Google

XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG II



Thành lập từ năm 1954, từ khi chuyển sang trực thuộc Bộ Y tế (1960) đến nay, Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương II đã có rất nhiều cố gắng trong việc sản xuất, cung ứng các loại dược phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước. Với trên 130 chủng loại thuốc khác nhau, sản phẩm của Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương II đã có mặt tại hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước, được nhiều khách hàng gửi thư khen ngợi. Có được sự tin nhiệm ấy, xí nghiệp đã phải áp dụng nhiều biện pháp tích cực để thay đổi sản xuất cho phù hợp với từng thời kỳ. PTS Lê Ngọc Phan - Giám đốc xí nghiệp cho biết : Từ năm 1994 đến nay, Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương II đặc biệt chú ý tới vấn đề đổi mới công nghệ sản xuất và đào tạo con người. Hàng loạt dây chuyền sản xuất thuốc của Tây Đức, Italia... được trang bị đã giúp cho xí nghiệp có điều kiện nâng cao chất lượng các mặt hàng truyền thống, đồng thời đa dạng hóa thêm nhiều sản phẩm mới. Những dây chuyền sản xuất hiện đại này đòi hỏi phải có một đội ngũ CBCNV năm vững ngoại ngữ , có trình độ hiểu biết về kỹ thuật v.v... Vì vậy, xí nghiệp đã tạo điều kiện cho CBCNV trong xí nghiệp học thêm chuyên môn kỹ thuật, quản lý kinh tế, ngoại ngữ, sử dụng máy vi tính... Đội ngũ cán bộ lãnh đạo sản xuất được cử đi học các lớp quản trị kinh doanh, học thêm văn bằng hai v.v...

Cũng theo PTS Lê ngọc Phan, các biện pháp đổi mới lớn đã được thực hiện tại xí nghiệp bao gồm :

Thứ nhất, xí nghiệp tự sắp xếp lại tổ chức, quản lý chặt chẽ quá trình sản xuất, bố trí lại lao động, nâng cao ý thức kỷ luật trong CBCNV.

Thứ hai, xí nghiệp đẩy mạnh việc nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới, thay đổi cơ cấu mặt hàng và nâng cao chất lượng những sản phẩm cũ đã có.

Thứ ba, chú trọng đến việc mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, xí nghiệp đã thành lập một phòng Marketting với các cán bộ nhân viên trẻ, năng động. Chính phòng Marketting này đã cho phép xí nghiệp nhận được những thông tin hai chiều từ phía khách hàng và các đại lý bán hàng , bởi vì chất lượng sản phẩm, giá bán, tính thời cơ trong kinh doanh là những yếu tố có ảnh hưởng quyết định tới hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Cùng với các xí nghiệp dược phẩm khác trong cả nước., Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương II sẽ tiếp tục đổi mới công nghệ, góp phần hiện đại hóa ngành công nghiệp dược phẩm Việt Nam.



GENTAMICIN *là một kháng sinh nhóm aminoglucoside được dùng để điều trị các trường hợp nhiễm trùng*



CALMEZIN *là thuốc cảm sốt có tác dụng hạ nhiệt, giảm đau và chống dị ứng*

XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2 - HÀ NỘI
DOPHARMA

9 TRẦN THÁNH TÔNG - HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI
TEL : 9716279 - 8211966 FAX : 8211815

Digitized by Google

KIEN GIANG SEA PRODUCT IMPORT - EXPORT CO. (KISIMEX)

Cty XNK Thủy sản



Director: Chau Minh Tam

Add: 29 Dinh Tien Hoang St. Rach Gia Town - Kien Giang Province.
Tel: (077) 8.66719 - 8.62104;
Fax: 84.77.862677
Branch in HCM City: 163 Tran Tuan Khai St. Dist: 5 - HCM City
Tel: (077) 8.352194

KIÊN GIANG



Chức năng hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty:



+ Thu mua, chế biến và xuất khẩu các loại thủy hải sản (đông lạnh, khô, ướp đá, bột cá...)
+ Nhập khẩu và cung ứng các loại máy móc, vật tư, phụ tùng, ngư lưới cụ phục vụ nghề cá.
Công ty có 4 xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp Chế biến Xuất khẩu thủy sản Kiên Giang, Xí nghiệp Chế biến Xuất khẩu thủy sản Ngô Quyền, Xí nghiệp Chế biến bột cá, Xí nghiệp Chế biến Xuất khẩu thủy sản An Hoà.
+ Sản phẩm của công ty đã xuất sang thị trường chủ yếu: các nước khối EC, Nhật, Ca-na-da, Thụy Sĩ, Hồng Công, Đài Loan, Pháp, Thái Lan, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a, Trung Quốc, Đan Mạch, Xinh-ga-po, Cam-pu-chia và nhiều nước trên thế giới được khách hàng tin nhiệm. Ngoài ra công ty còn nhận hợp tác liên doanh với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

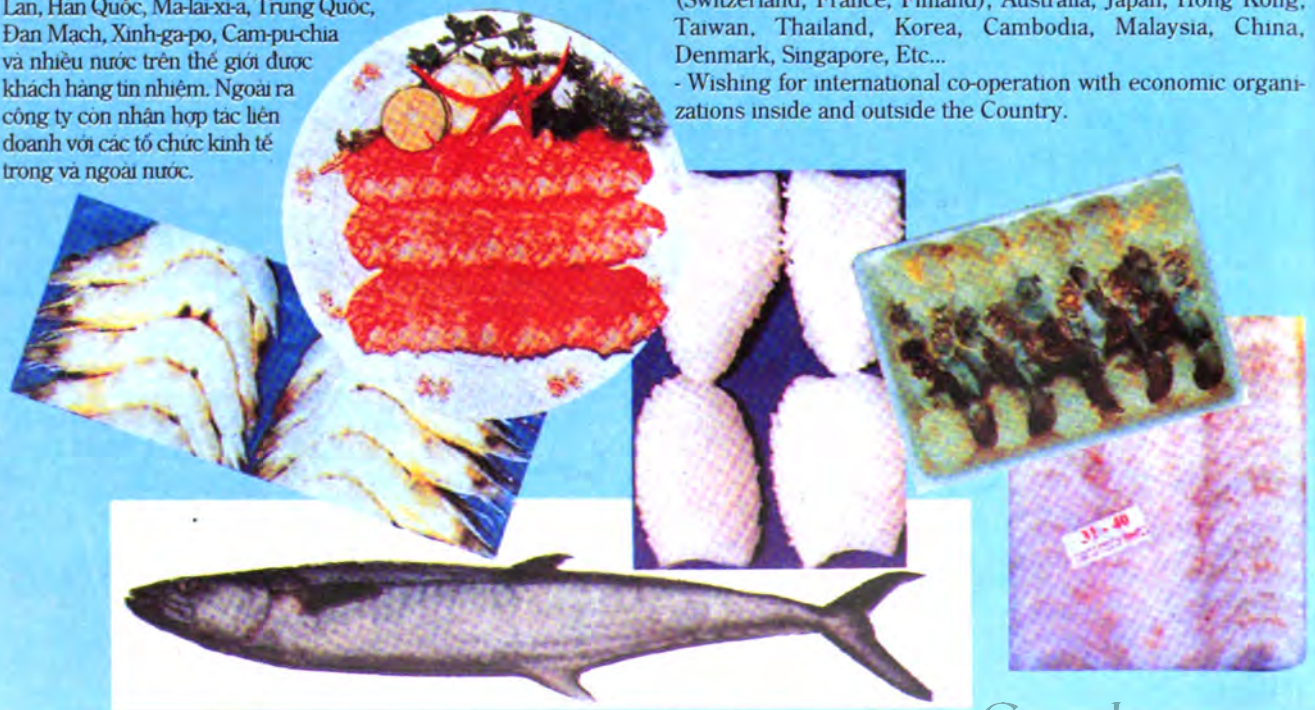
KIEN GIANG SEA PRODUCT IMPORT AND EXPORT COMPANY, A STATE BUSINESS.

The principal business functions of the company:
+ Buying, producing and exporting all of Frozen, iced, dried Sea Products and Fishmeal.
+ Importing and supplying Machines, Accessories, Materials and Fishing nets served Fishery.

THE COMPANY CONSISTS OF FOUR ENTERPRISES DIRECTLY PLACED UNDER ITS AUTHORITY:

1. Kien Giang fish processing export Enterprise.
2. Ngo Quyen marine product processing export Enterprise.
3. Kien Giang export food - fishmeal processing Enterprise.
4. Kien Giang marine agricultural processing export Enterprise.

- Main export markets: European Economic Community (Switzerland, France, Finland), Australia, Japan, Hong Kong, Taiwan, Thailand, Korea, Cambodia, Malaysia, China, Denmark, Singapore, Etc...
- Wishing for international co-operation with economic organizations inside and outside the Country.



Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 40000

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
FEB 25 1998
CURRENT SERIALS

2
1-1998

Mừng Xuân Mậu Dần

Digitized by Google

CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH XNK BÌNH MINH

BINH MINH IMPORT - EXPORT PRODUCTION & TRADE CO., LTD



Nhà máy được xây dựng trên một khuôn viên đẹp, ngay tại nguồn nước lấy từ độ sâu 450 m, xử lý và đóng chai trên dây chuyền hiện đại, tự động hoàn toàn của ITALY.

Deluging from 450 meters deep with health improving mineral contens. Retreshing Vital brings you survival. On site bottled in Tien Hai - Thai Binh with ITALY - technology. Water quality is according to EEC quality requirements.



Kiểm tra chất lượng nước khoáng

- **Vital** có 2 loại không ga và có ga. Vital cung cấp cho các bạn một hàm lượng khoáng rất có lợi cho sức khỏe, tăng cường hoạt động của hệ tuần hoàn máu, tiêu hóa, bài tiết, phát triển trí tuệ, phù hợp với mọi lứa tuổi.
- **Vital** được Hội người tiêu dùng Việt Nam tặng bằng khen tại Hội chợ hàng tiêu dùng Việt Nam năm 1997. Bằng khen Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam 1997.
- **Vital** được Cục Sở hữu công nghiệp Việt Nam bảo hộ độc quyền mẫu mã sản phẩm. Vital được sử dụng hệ thống mã số, mã vạch của tổ chức EAN Việt Nam và thế giới.
- **Vital** được kiểm tra và giám sát về tiêu chuẩn chất lượng của Bộ Y tế Việt Nam (Thông báo số 8705 D/P ngày 9/12/1997).
- **Vital** tiêu chuẩn châu Âu, được kiểm tra và giám sát chặt chẽ bởi trung tâm FDT ITALY.

- **Vital** có:

● CALCIUM	3,80 MG/L
● MAGNESIUM	1,35 MG/L
● SODIUM	185 MG/L
● CHLORIDES	90 MG/L
● POTASSIUM	3,95 MG/L
● NITRATE	2 MG/L
● MANGANESE	0,02 MG/L
● PH	6,8



ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH:

● Thị xã Thái Bình : Km 2 Đường Quang Trung

TEL : 036.831674

FAX : 036.834010

HÀ NỘI :

2A Láng Hạ - Ba Đình

TEL : 04.8311791

FAX : 04.8351475

Vital

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 536 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

2
1-1998

MỤC LỤC

XÃ LUẬN	- Đất nước năm con Hổ	3
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ BCH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII	- Thông báo Hội nghị lần thứ tư BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII	5
	ĐỖ MƯỜI - Động viên mọi nguồn lực của nhân dân, nêu cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, cần kiệm, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000	8
	LÊ KHẢ PHIÊU - Đồng tâm nhất trí, đoàn kết chặt chẽ, phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc, quyết phấn đấu vươn lên, hoàn thành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	14
PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	PHẠM VĂN ĐỒNG - Tạo thế và lực cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	18
	NGUYỄN MẠI - Đầu tư nước ngoài 1988 - 1997, đánh giá tổng quát	22
	LÊ QUANG THƯỞNG - Vai trò của tổ chức đảng trong việc bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở	29
KỶ NIỆM 150 NĂM "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" RA ĐỜI (1848 - 1998)	TÔ HUY RỨA - Ý nghĩa thời sự và giá trị nhân văn của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"	34
	NGUYỄN THẾ THẮNG - Tư tưởng Hồ Chí Minh với những điểm khởi nguồn từ "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"	38
KỶ NIỆM 30 NĂM CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY TẾT MẬU THÂN (1968 - 1998)	VĂN TIẾN DŨNG - Mậu Thân - một cái Tết đi vào lịch sử	41
KỶ NIỆM 25 NĂM HIỆP ĐỊNH PA-RI VỀ VIỆT NAM (27-1-1973 - 27-1-1998)	*** Nhớ lại	46
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	LÝ ANH PO - BÙI HÒA BÌNH - Hiệu quả một dự án đầu tư ở huyện Mường Tè	50
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	LÊ BỘ LĨNH - Một số đặc điểm của nền kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế năm 1997	53
	NGUYỄN THỊ HOA - Trung Đông - hòa bình trắc trở	57
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	- Tiết kiệm, Lãng phí	60

Ảnh bìa 1 : *Hồ Gươm đêm giao thừa*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ - Страна в год Тигра. * Сообщение VI^{ого} Пленума Центрального Комитета КПВ VIII^{ого} созыва. ДО МЫОЙ - Бороться за успешное выполнение социально - экономических задач до 2000 ^{ого} года на основе мобилизации всех возможных ресурсов народа, повышения духа самостоятельности, опоры на собственные силы, трудолюбия и бережливости. ЛЕ ХА ФИЕУ - Полны решимости устремляться вперёд, стараться за успешное выполнение курса индустриализации и модернизации на основе единодушия, тесной солидарности и поощрения славных традиций партии. ФАМ ВАН ДОНГ - Создать необходимую позицию и силу для ускорения индустриализации и модернизации. НГУЕН МАЙ - Общий обзор на иностранную инвестицию в 1988 - 1997 годах. ЛЕ КУАН ТХЫОНГ - Роль партийных организаций в обеспечении народу на местах права быть хозяйном. ТО ТХУ РУА - Современное значение и гуманитарная ценность "Манифеста Коммунистической Партии". ВАН ТИЕН ЗУНГ - Мậu Thân Тэт (1968) - Тет, вошедший в историю нации. *** Воспоминание о Парижском Соглашении о Вьетнаме 25 лет назад. ЛЕ БО ЛИНЬ - Некоторые черты мировой экономики и международные экономические отношения в 1997ом году.

CONTENTS

EDITORIAL - The country in the year of the tiger. * Communique of the IVth plenum of the CPV Central Party of the 8th tenure. ĐỖ MƯỜI - Mobilizing all power sources of the people, enhancing the spirit of independence, self-reliance, self-development and industriousness, sucessfully fulfil socio-economic objectives to the year 2000. LÊ KHẢ PHIÊU - Strive to complete successfully the cause of the country's industrialization and modernization on the basis of unanimity, close solidarity and promotion of the Party's glorious traditions. PHẠM VĂN ĐỒNG - To create "position" and "power" to accelerate the course of industrialization and modernization. NGUYỄN MẠI - Overall assessment on foreign investment in 1988 - 1997. LÊ QUANG THƯỞNG - The role of party cells in ensuring the local people the right to be the master.TÔ HUY RỨA - Cotemporary significance and humane value of the "Manifesto of the Communist Party". VĂN TIẾN DŨNG - The Mậu Thân Tết (1968) - a great mark in the history of the nation. *** Reminiscence of the Paris Agreement on Vietnam 25 years ago. LÊ BỘ LĨNH - Some characteristics of the world's economy and international economic relations in 1997.

SOMMAIRE

EDITORIAL - Le pays en l'année du Tigre. * Communiqué de la IV^{e} Plénum du Comité central du PCV (issu du VIII^{e} Congrès national). ĐỖ MƯỜI - Mobiliser toutes les ressources du peuple, relever l'esprit d'indépendance, d'autonomie, de souveraineté, d'économie, tâcher d'atteindre les indices socio-économiques jusqu'à l'an 2000. LÊ KHẢ PHIÊU - Unis comme un seul homme, d'une même volonté pour faire valoir de la tradition glorieuse du Parti, de la nation, efforçons-nous de mener à bien l'oeuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. PHẠM VĂN ĐỒNG - Créer la position et la force nécessaires à l'accélération de l'industrialisation et de modernisation. NGUYỄN MẠI - Aperçu de l'investissement étranger de la période 1988 - 1997. LÊ QUANG THƯỞNG - Le rôle de l'organisation du Parti dans l'assurance du droit de maître de la population dans les localités. TÔ HUY RỨA - La signification d'actualité et la valeur humaine du "Manifeste du Parti commiste". VĂN TIẾN DŨNG - Le Tết de Mậu Thân (1968) - qui est entré dans l'histoire. *** En souvenir des Accords de Paris sur le Vietnam signés il y a 25 ans. LÊ BỘ LĨNH - Sur quelques caractéristiques de l'économie mondiale et les relations économiques internationales en 1997.

SUMARIO

EDITORIAL - El país en el año del Tiger. * Comunicado del Cuarto Pleno del Comité Central del Partido Comunista de Vietnam (VIII Congreso). ĐỖ MƯỜI - Movilizar todos recursos del pueblo, desplegar la conciencia de independencia y autonomía, contar con sus propias fuerzas y ahorrarse con el esfuerzo de cumplir los objetivos socio-económicos hasta el año 2000. LÊ KHẢ PHIÊU - Uniéndonos de todo corazón y estrechamente y poniendo en alto la gloriosa tradición del Partido y la Nación nos esforzamos por cumplir exitosamente la obra de industrialización y modernización del país. PHẠM VĂN ĐỒNG - Crear la posición y la fuerza necesarias para la aceleración de la obra de industrialización y modernización. NGUYỄN MẠI - La evaluación general de la inversión extranjera del período 1988 - 1997. LÊ QUANG THƯỞNG - El papel de la organización del Partido en la garantía del derecho de dueño de la población en las bases.TÔ HUY RỨA - El significado actual y el valor humanista de "El Manifiesto del Partido Comunista". VĂN TIẾN DŨNG - Mậu Thân (1968) - un Tet histórico. *** 25 año del Acuerdo de París sobre Vietnam - Memorias. LÊ BỘ LĨNH -Algunas características de la economía mundial y las relaciones económicas internacionales de 1997.

目录

•社论: -国家迈进虎年 -越共八大四中全会通告•杜梅: 动员人民的一切源力, 发扬独立自主、自力自强、勤俭的意识, 为完成至2000年经济-社会目标而奋斗•黎可漂: 万众一心, 紧密团结, 发扬党、民族的光荣传统, 决心为胜利地完成国家工业化、现代化事业而奋勇前进•范文同: 为大力促进工业化、现代化事业而创造必要的势和力•阮迈: 1988年-1997年外国投资总概•黎光赏: 在保障人民在党基层组织中当家作主权, 党组织所起的作用•苏辉若: 《共产党宣言》的时事意义和人文价值•文进勇: 戊申——一个载入历史的春节•回顾《关于在越南结束战争、恢复和平的协定》•黎部领: 1997年世界经济与国际经济关系的一些特点

Digitized by Google



Xã luận

ĐẤT NƯỚC NĂM CON HỔ

RỒNG và Hổ đều là biểu tượng của sức mạnh. Rồng bay lên, Hổ vươn tới, đó là sự bật dậy của sức mạnh thần kỳ.

Trở thành con Rồng bay lên, con Hổ vươn tới là ước mơ của những đất nước chưa thành Rồng, thành Hổ trong quá trình phát triển.

Đất nước ta, kể từ ngày Đổi mới, đến nay đã 12 năm, tròn một giáp. 12 năm ấy, từ Bính Dần đến Mậu Dần, biết bao lần người ta nói đến một con Rồng bay lên hay một con Hổ vươn tới.

Năm nay, khi cánh cửa của năm ***Mậu Dần*** *– năm Con Hổ – mở ra thì không ai không nghĩ đến hình ảnh một con hổ trong tương lai. Có nghĩa là năm Con Hổ này đất nước ta chưa là con hổ trong thực tế. Những dự báo phát triển, dù là lạc quan nhất, của giới nghiên cứu nước ta, hay của nước ngoài, đều không nghĩ rằng trong những năm còn lại của thế kỷ này, đất nước ta đã thành con hổ. Nhưng những dự báo ấy, dù là không lạc quan đi nữa, cũng không thể nghĩ rằng đất nước ta sẽ không là con hổ trong thế kỷ tới. Vấn đề là sự thật đó sẽ xảy ra vào thập niên nào của thế kỷ ?*

Đại hội VIII của Đảng nêu lên mục tiêu phấn đấu đến năm 2020, đưa nước ta căn bản trở thành nước công nghiệp. Đó là đất nước con hổ. Nếu tính từ năm Con Hổ này đến năm 2020,

Digitized by Google

còn gần hai giáp nữa. Vậy năm Con Hổ của giáp tới là năm nào ? Chính là năm 2010 – năm ***Canh Dần****. 2010 là năm kỷ niệm 1000 năm Thăng Long. Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long rơi đúng vào năm Con Hổ. Sự trùng hợp sao mà đẹp thế ?*

Hội nghị lần thứ tư của Trung ương Đảng (khóa VIII) mới đây đã mở rộng cánh cửa cho đất nước bước vào năm 1998 – năm Mậu Dần. Hội nghị chỉ ra ý nghĩa quan trọng của năm bản lề này để chúng ta tiến đến năm 2000 ! Mà năm 2000 chính là năm Con Rồng – năm ***Canh Thìn****. Lại một sự trùng hợp rất đẹp !*

Hội nghị Trung ương bốn ra Nghị quyết : ***"Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000".***

Đúng là chúng ta ***tiếp tục đổi mới****. Không phải chỉ đổi mới mà là* ***đẩy mạnh công cuộc đổi mới****. Ai dám bảo Đảng ta đang ngập ngừng trong tiếng kèn đổi mới ? Ai dám bảo nguồn lực của đổi mới đã cạn kiệt rồi ? Không. Đổi mới đã đem lại những thành tựu to lớn trong 12 năm qua. Không gì có thể cản nổi bước tiến của chúng ta trong đổi mới. Đổi mới để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, để tiến tới chủ nghĩa xã hội. Đẩy mạnh công cuộc đổi mới là một quyết tâm, một ý chí lớn và cả những hành động lớn.*

Đúng là chúng ta ra sức ***phát huy nội lực****. Nội lực là nguồn lực bên trong, là sức của chính mình. Không có nội lực, chỉ chờ sự tiếp máu từ bên ngoài thì cơ thể ốm yếu, sống không nổi, nói gì đến lớn lên ? Không phát huy nội lực, không thể trở thành rồng, thành hổ, càng không thể có chuyện rồng bay lên, hổ vươn tới. Cậu bé làng Phù Đổng xưa kia, chỉ qua giây lát chuyển mình, đã trở thành đại dũng sĩ Thánh Gióng – chính vì đã phát huy cao độ nội lực.*

Chúng ta ra sức phát huy nội lực nhưng không bó tay tự lực cánh sinh, bất cần ngoại lực. Không. Phát huy nội lực đi liền với tranh thủ các nguồn lực bên ngoài. Tranh thủ các nguồn lực bên ngoài mà không phải là dựa dẫm bên ngoài, nhờ người ta nuôi mình để rồi phụ thuộc người ta. Không thể vì tranh thủ ngoại lực mà đánh mất độc lập, tự chủ. Ngoại lực là nguồn bổ sung và hỗ trợ cho nội lực nhưng phát huy nội lực vẫn là cơ bản nhất. Không thể vay mượn để ăn mà không tạo ra nguồn lực mới, vay mượn để rồi trở thành con nợ. ***Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế*** *chính là điều cần làm và nhất thiết phải làm.*

Đúng là chúng ta ra sức ***cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cần*** *là lao động hết mình, động viên toàn bộ sức mạnh vật chất và tinh thần, sức mạnh của con người, của tài nguyên thiên nhiên và của những cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện có để làm ra nhiều của cải hơn, xây dựng những cơ sở vật chất – kỹ thuật lớn hơn, thúc đẩy con người phát triển hoàn thiện hơn.* ***Kiệm*** *là sử dụng hợp lý và có hiệu quả của cải và sức người, trong sản xuất cũng như trong tiêu dùng ; không lãng phí, không vung tay quá trán cho cuộc sống xa hoa phù phiếm. Tham ô, lãng phí là thoái hóa và tha hóa chứ đâu phải vì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Con Hổ 1998 đang nhìn về phía Con Rồng 2000. Ba năm tới là ba năm phấn đấu quyết liệt. Thời cơ lớn và cả những thách thức lớn. Hãy tiến lên với dũng khí mãnh hổ. Biến thành hiện thực lời kêu gọi của Trung ương : ***"Thực hiện bằng được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, tạo thế và lực để đất nước ta vững chắc đi vào những năm đầu của thế kỷ XXI".***

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ BCH TƯ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (KHÓA VIII)

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII đã họp từ ngày 22 đến ngày 29-12-1997 tại Thủ đô Hà Nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đọc bài phát biểu quan trọng khai mạc và đã chủ trì Hội nghị.

Theo chương trình toàn khóa của Trung ương, đây là Hội nghị thường kỳ, tập trung bàn về các nhiệm vụ kinh tế và một số vấn đề xã hội liên quan, để tiếp tục cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đại hội VIII về đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời xem xét và quyết định về vấn đề nhân sự cấp cao của Đảng và góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm công tác của Bộ Chính trị từ sau Đại hội VIII đến nay.

1- Hội nghị đã phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm, tập trung trí tuệ thảo luận báo cáo của Bộ Chính trị và thông qua Nghị quyết "Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000".

Hội nghị thống nhất nhận định : Trong bối cảnh vừa có những thời cơ lớn, vừa có những thách thức lớn, qua hai năm thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, nền kinh tế nước ta tiếp tục phát triển và đạt mức tăng trưởng khá. Đời sống số đông nhân dân có bước cải thiện. Ổn định chính trị được giữ vững. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm. Quan hệ đối ngoại tiếp tục được mở rộng. Chúng ta có thêm thế và lực, khả năng và kinh nghiệm để tiếp tục phát triển trong những năm tới.

Tuy nhiên, nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, còn những yếu tố chưa bảo đảm tăng trưởng lâu bền. Lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng lớn, tỷ lệ tích lũy từ nội bộ thấp. Việc xây dựng quan hệ sản xuất mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa còn lúng túng. Tệ quan liêu, tham nhũng, sử dụng lãng phí ngân sách và tài sản công phổ biến và nghiêm trọng. Chênh lệch về trình độ phát triển và thu nhập giữa các vùng và giữa các tầng lớp nhân dân có xu hướng ngày càng mở rộng. Việc làm và nhiều vấn đề xã hội đặt ra gay gắt.

Về nguyên nhân của thành tựu, Hội nghị nhấn mạnh : Những kết quả và thành tựu đạt được trong hai năm qua một lần nữa khẳng định đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta là đúng đắn và đang tiếp tục được phát huy. Nhân tố quyết định làm nên những thành tựu là sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các ngành, các cấp, nhân tố quan trọng là sự hợp tác và giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.

Hội nghị đã nghiêm túc chỉ ra những nguyên nhân của những mặt yếu kém và hạn chế, trước hết đó là việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng ở nhiều cấp, nhiều ngành từ Trung ương đến cơ sở, trên nhiều lĩnh vực còn yếu : việc cải cách nền hành chính quốc gia còn chậm trễ, một bộ phận cán bộ kém năng lực, quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, chưa phát huy được quyền làm chủ của nhân dân.

Để phấn đấu hoàn thành mục tiêu do Đại hội VIII đề ra đến năm 2000, Hội nghị nhấn mạnh trong thời gian tới cần nắm vững tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt là : khơi dậy và ra sức phát huy nguồn lực trong nước, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội. Phát triển lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng quan

Digitized by Google

hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nâng cao ý chí và năng lực tự cường dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế - xã hội với cải cách bộ máy nhà nước và hệ thống hành chính, xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới.

Hội nghị xác định những chủ trương, giải pháp lớn thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư, phát triển nhanh các ngành công nghiệp có khả năng cạnh tranh cao, trước hết là công nghiệp chế biến. Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hợp tác hóa, dân chủ hóa. Đẩy mạnh đổi mới, phát triển và quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính, tiền tệ. Tích cực giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo.

Để thực hiện thành công các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, phải đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo cuả Đảng, quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Mọi tổ chức đảng và đảng viên phải quán triệt sâu sắc và gương mẫu chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kinh tế, đấu tranh ngăn ngừa sự suy thoái về đạo đức, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, phát hiện và xử lý nghiêm khắc những đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tổ chức đảng các cấp phải quan tâm lãnh đạo, kiểm tra hoạt động tài chính, tiền tệ ở đơn vị mình.

Đổi mới và tăng cường quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, ưu tiên tập trung cho việc ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện công khai hóa việc sử dụng ngân sách và các khoản đóng góp của dân.

Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân về kinh tế - xã hội là một vấn đề cơ bản và cũng là vấn đề cấp bách để đất nước phát triển nhanh chóng và bền vững. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân tạo điều kiện cho mọi người dân chủ động tham gia quá trình phát triển kinh tế, làm giàu cho mình và góp phần làm giàu cho đất nước. Phát huy dân chủ và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2- Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định một số vấn đề quan trọng về nhân sự cấp cao của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương đã Chấp nhận đề nghị của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười về việc chuyển giao chức vụ Tổng Bí thư. Hội nghị coi đây là việc làm cao cả, trong sáng và đầy trách nhiệm. Hội nghị biểu dương công lao to lớn của đồng chí Đỗ Mười đối với Đảng và nhân dân.

Ban Chấp hành Trung ương đã bầu đồng chí Lê Khả Phiêu, Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị, giữ chức vụ Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Hội nghị đánh giá cao công lao của các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công và chấp thuận đề nghị của các đồng chí, để các đồng chí được kết thúc nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Hội nghị biểu dương công lao của các đồng chí Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt và chấp thuận đề nghị của các đồng chí xin rút khỏi Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ban Chấp hành Trung ương suy tôn ba đồng chí làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương đã bầu bổ sung các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng : Phạm Thanh Ngân, Nguyễn Minh Triết, Phan Diễn, Nguyễn Phú Trọng làm Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tăng cường đoàn kết nhất trí, nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, phát huy thành tựu, khắc phục yếu kém, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, ra sức phấn đấu tạo nên sự chuyển biến thật mạnh mẽ cả về nhận thức và hành động, thực hiện bằng được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, tạo thế và lực để đất nước ta vững chắc đi vào những năm đầu thế kỷ XXI.❑

Digitized by Google



Đồng chí LÊ KHẢ PHIÊU

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

Đồng chí **Lê Khả Phiêu** sinh ngày 27-12-1931 tại xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 19-6-1949.

Trình độ chuyên môn : Đại học quân sự ; lý luận chính trị : Cao cấp.

Là cán bộ trưởng thành từ cơ sở và từ trong quân đội. Trong các cuộc kháng chiến đã trực tiếp tham gia chiến đấu và chỉ huy chiến đấu liên tục ở các chiến trường bắc, trung, nam ; làm nhiệm vụ quốc tế ở nước bạn.

Từ năm 1964 đến 1993, đồng chí đã kinh qua các chức vụ : Chính ủy kiêm Trung đoàn trưởng, Phó chủ nhiệm chính trị Quân khu Trị - Thiên ; Chủ nhiệm chính trị Quân đoàn II ; Phó chính ủy kiêm Chủ nhiệm chính trị Quân khu IX ; Phó bí thư Quân khu ủy Quân khu IX ; Thiếu tướng, Chủ nhiệm chính trị, Phó Tư lệnh chính trị Mặt trận 719 ; Trung tướng, Phó chủ nhiệm rồi Thượng tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Đồng chí tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, khóa VIII, tại Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII (6-1992) được bầu vào Ban Bí thư Trung ương Đảng, sau đó được phân công làm Thường trực Ban Bí thư.

Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa VII (1-1994) được bầu vào Bộ Chính trị.

Từ Đại hội VIII là Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị.

Đồng chí là đại biểu Quốc hội khóa IX, khóa X.

Tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương, khóa VIII (26-12-1997), đồng chí được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Digitized by Google

ĐỘNG VIÊN MỌI NGUỒN LỰC CỦA NHÂN DÂN, NÊU CAO Ý CHÍ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ, TỰ LỰC TỰ CƯỜNG, CẦN KIỆM, PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2000 *

ĐỖ MƯỜI

TRƯỚC hết, tôi xin thay mặt Bộ Chính trị nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đã về dự đông đủ Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VIII).

Theo chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, Hội nghị lần này có nhiệm vụ thảo luận và quyết định việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII về nhiệm vụ kinh tế - xã hội ; xem xét nhân sự cấp cao của Đảng và góp ý kiến vào bản báo cáo kiểm điểm công tác của Bộ Chính trị từ sau Đại hội VIII đến nay. Đây là một hội nghị rất quan trọng, Bộ Chính trị đã dành nhiều thời gian và công sức để chuẩn bị. Nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị đã trực tiếp khảo sát, nghiên cứu tình hình kinh tế, xã hội ở một số địa phương trong cả nước. Bộ Chính trị đã nghe và tiếp thụ ý kiến đóng góp của các đồng chí Cố vấn, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí Trung ương, các nhà khoa học, đã có hai đợt thảo luận các vấn đề quan trọng, từ đó hình thành nên bản báo cáo và dự thảo Nghị quyết để gửi đến các đồng chí.

Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã tổng kết toàn diện và phân tích sâu sắc tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, đề ra đường lối, chủ trương, chính sách và các giải pháp lớn đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2020. Đại hội cũng đã đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, và 11 chương trình phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.

Sau gần hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội, tình hình kinh tế nước ta, bên cạnh mặt cơ bản là tích cực, ở thế đi lên, song chưa vững chắc, còn nhiều mặt yếu kém và nảy sinh một số vấn đề mới cần được kịp thời xử lý. Gần đây lại có thêm hai sự kiện nổi bật tác động vào kinh tế - xã hội nước ta. Đó là :

- Cơn bão số 5 gây tổn thất rất nặng nề về người và của ở vùng ven biển Nam Bộ và Nam Trung Bộ, để lại hậu quả nghiêm trọng không thể một sớm một chiều khắc phục được.

- Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở một số nước trong khu vực và trên thế giới đã và sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta.

Để phát huy những thành quả đã đạt được, khắc phục những khó khăn, yếu kém vốn có và những vấn đề mới nảy sinh, tiếp tục đẩy mạnh nhịp độ phát triển kinh tế một cách vững chắc, cần thấu suốt tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị Trung ương lần này là : ***tạo ra sự chuyển biến***

---

* Bài phát biểu khai mạc Hội nghị lần thứ tư BCH Trung ương Đảng (khóa VIII) của Tổng Bí thư Đỗ Mười. Đầu đề của Tạp chí Cộng sản.

Digitized by Google

thật mạnh mẽ cả về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, động viên mọi nguồn lực của nhân dân, nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, cần kiệm, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000.

Tại kỳ họp này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ bàn sâu về kinh tế, xã hội. Vấn đề thì nhiều, lớn, phức tạp ; mà thời gian họp không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị các đồng chí tập trung trí tuệ thảo luận các vấn đề quan trọng thuộc về quan điểm, chủ trương, chính sách lớn như sau:

1 - Các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000

Chiến lược kinh tế 10 năm (1991-2000) đề ra mục tiêu tăng gấp đôi GDP vào năm 2000. Đến Đại hội VIII, Đảng ta quyết định đến cuối năm 2000 phải tăng gấp đôi GDP theo đầu người. Trong tình hình mới hiện nay, đề nghị Trung ương trao đổi kỹ để hạ quyết tâm và tìm giải pháp thực hiện. Đến năm 2000, không những phải thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 1996-2000, mà cũng là hoàn thành chiến lược 10 năm 1991-2000. Chúng ta phải dự đoán được đến năm 2000, nền kinh tế nước ta đạt đến đâu; từ đó, dự báo chiều hướng phát triển thế nào để chuẩn bị cho chiến lược 10 năm đầu thế kỷ XXI. Như vậy, đây cũng là một bước chuẩn bị Đại hội IX.

2 - Vấn đề phát huy nội lực và mở rộng hợp tác quốc tế

Để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, tranh thủ vốn, công nghệ và gia nhập thị trường quốc tế. Nhưng, phải trên cơ sở độc lập tự chủ, phát huy đầy đủ các yếu tố nội lực, dựa vào các nguồn lực trong nước là chính, bao gồm nguồn lực con người, đất đai, tài nguyên, trí tuệ, truyền thống (lịch sử,văn hóa của dân tộc). Kinh nghiệm cho thấy nếu không độc lập tự chủ, không phát huy đầy đủ nội lực thì không thể đứng vững và đi lên một cách vững chắc, lâu bền và cũng không thể hội nhập quốc tế một cách bình đẳng. Chúng ta cần nắm vững và quán triệt sâu sắc phương châm: giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế; động viên cao độ nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài; xây dựng một nền kinh tế mở hội nhập khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời phải chú ý tới những hàng hóa trong nước có khả năng sản xuất và sản xuất có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của thị trường nội địa và nhu cầu của nhân dân. Không thể chỉ hướng về xuất khẩu còn để mặc thị trường trong nước cho hàng hóa nước ngoài thao túng. Đây là vấn đề lớn đề nghị Trung ương cần thảo luận và làm rõ. Phải thấy rằng nội lực càng mạnh thì càng khai thác được nhiều hơn khả năng bên ngoài. Trên cơ sở đó, chúng ta mới có thể giữ vững độc lập, tự chủ của đất nước.

3 - Cần kiệm để công nghiệp hóa, khắc phục xu hướng chạy theo "xã hội tiêu dùng"

Muốn công nghiệp hóa phải hết sức cần kiệm. Ăn chơi, tiêu dùng lãng phí không thể công nghiệp hóa được. Đây là bài học của nhiều nước mà chúng ta cần thấy rõ. Ở ta cũng đang có biểu hiện đi vào "xã hội tiêu dùng", xa hoa lãng phí. Đây là vấn đề chúng ta phải suy nghĩ nghiêm túc,.

Trong mấy năm qua, chúng ta đã nhập hàng chục vạn ô-tô, trị giá mấy trăm triệu đô la Mỹ, nhập mấy triệu xe máy, trị giá mấy tỉ đô la. Rồi tủ lạnh, máy điều hòa, máy giặt, bếp ga, đồ uống các loại, mỹ phẩm, chỉ riêng rượu ngoại cũng tới hàng triệu chai mỗi năm, thuốc lá ngoại tăng thêm hàng tỉ bao...

Tệ ăn uống ma chay, cưới xin, tiệc tùng lãng phí diễn ra phổ biến ở cả thành thị và nông thôn, cả ở khu vực nhà nước và xã hội. Tiêu dùng quá khả năng nền kinh tế làm ra là không thể chấp nhận được.

Điều cần nói là tình trạng tiêu pha lãng phí như vậy diễn ra trong lúc nước ta còn rất nghèo, GDP bình quân đầu người chưa được 300 đô la/năm. Nước ta hiện nay vẫn là nước nông nghiệp, lao động nông nghiệp vẫn chiếm trên 70%, đời sống nhân dân vùng các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn rất thấp. Cơ sở

Digitized by Google

vật chất, kỹ thuật xây dựng chưa được bao nhiêu. Kết cấu hạ tầng rất lạc hậu. Nếu cứ tiêu pha kiểu này, đi vào xã hội tiêu dùng thế này thì không thể công nghiệp hóa, không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội được. Nếu công nghiệp hóa mà chỉ dựa vào hoặc chủ yếu dựa vào vốn nước ngoài thì không thể giữ được độc lập tự chủ về kinh tế và chính trị. Đây là vấn đề rất lớn.

Chúng ta nhất thiết phải cần kiệm để công nghiệp hóa, phải khắc phục xu hướng chạy theo xã hội tiêu dùng, lối sống xa hoa lãng phí. Đó là một trong những nhân tố quyết định thành công của chúng ta. Phát huy nội lực, cần kiệm để công nghiệp hóa là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương. Đề nghị các đồng chí thảo luận kỹ để có giải pháp làm chuyển biến trong toàn Đảng từ Trung ương đến cơ sở, đến toàn dân.

4 - Tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Chúng ta không thể để quan hệ sản xuất phát triển tự phát. Nếu để tự phát thì nền sản xuất sẽ hằng ngày hằng giờ đi vào chủ nghĩa tư bản. Quan hệ sản xuất của chúng ta hiện nay thế nào ? Có thể thấy dưới các hình thức và mức độ khác nhau, các quan hệ bóc lột còn tồn tại khá phổ biến. Có thể nói hiện tượng tham nhũng, hối lộ có trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, cả trong một số cơ quan y tế, giáo dục... thực chất cũng là bóc lột, thậm chí đó là bóc lột tệ hại nhất. Chúng ta xây dựng quan hệ sản xuất quá độ lên chủ nghĩa xã hội lấy phân phối theo lao động làm chính, từng bước thực hiện công bằng xã hội.

Đây là vấn đề lớn quyết không thể buông lỏng được, buông lỏng là tự phát đi vào con đường tư bản chủ nghĩa. Chúng ta phải xây dựng quan hệ sản xuất theo con đường xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, áp dụng cơ chế thị trường, chúng ta thừa nhận còn tình trạng bóc lột, nhưng phải hạn chế không để quan hệ bóc lột phát triển tự phát thành chế độ bóc lột. Càng không cho phép bóc lột diễn ra trong bộ máy nhà nước, trong khu vực kinh tế nhà nước và khu vực sự nghiệp.

Chúng ta cần làm rõ phải đổi mới quốc doanh ra sao, đổi mới hợp tác xã như thế nào, phát triển kinh tế tư bản nhà nước thế nào... Đề nghị Trung ương trao đổi, thảo luận kỹ những vấn đề này.

5 - Vấn đề công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn; khắc phục tình trạng để một bộ phận nông dân không còn đất phải đi làm thuê, làm mướn; thực hiện hợp tác hóa, dân chủ hóa trong nông thôn

Vấn đề công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn có làm được một bước, nhưng còn lúng túng, khó khăn, rất chậm chạp.

Tốc độ tăng dân số ở nông thôn vẫn cao, hiện nay là 1,8%, năm; mỗi năm tăng thêm 1,4 triệu người, chủ yếu vẫn là tăng ở nông thôn. Ruộng đất bình quân đầu người rất thấp, chỉ còn 800m², riêng ở miền bắc chỉ còn 500m². Quá trình đô thị hóa, mở rộng xây dựng kết cấu hạ tầng sẽ làm diện tích đất nông nghiệp còn thu hẹp lại nữa. Vì vậy, mặc dù nông dân đã làm 2 - 3 vụ, quay vòng đất rất nhanh, kết hợp trồng trọt, chăn nuôi, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nhưng việc làm, thu nhập, đời sống của nông dân vẫn còn nhiều khó khăn.

Chúng ta phải tính toán, đưa công nghiệp vào nông nghiệp và nông thôn thế nào ? Hiện nay việc này còn rất chậm chạp, ngay phát triển các nghề thủ công truyền thống cũng rất khó khăn. Hàng ngoại nhập, cạnh tranh đánh chết các ngành thủ công sử dụng nguyên liệu trong nước, như hàng nhựa đủ loại, rổ nhựa, rá nhựa... đánh chết hàng mây tre đan trong nước. Vấn đề công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn hiện nay rất cấp bách. Trước mắt cần phát triển công nghiệp chế biến và bảo đảm tiêu thụ nông sản cho nông dân. Không đầu tư vào khâu sau thu hoạch thì nông dân rất khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm, nhà nước thì thua lỗ. Chúng ta phải tính toán kỹ. Nếu không sẽ không thể xóa đói, giảm nghèo được cho nông dân, nông thôn.

Digitized by Google

Hai là phải làm sao khắc phục được tình hình một bộ phận nông dân Nam Bộ không có ruộng, phải đi làm thuê, làm mướn. Từ khu V trở ra, tuy mỗi người chỉ có hơn 1 sào ruộng, nhưng nhà nào cũng có ruộng, Nam Bộ nhiều ruộng đất hơn, nhưng ở 5 - 6 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long có hàng vạn hộ mất ruộng. Cách mạng dân tộc dân chủ đã đem lại ruộng đất cho dân. Vì sao cách mạng xã hội chủ nghĩa lại để cho nông dân mất ruộng, phải đi làm thuê làm mướn. Ta có để tình trạng nông dân mất ruộng kéo dài trong lúc công nghiệp hóa chưa được bao nhiêu không ? Nếu nông dân mất ruộng mà chưa chuyển được sang nghề khác, vẫn phải đi làm thuê, làm mướn trong nông nghiệp, tiếp tục bị bóc lột, nghèo khổ thì kinh tế không thể phát triển, xã hội không thể ổn định. Đây cũng là vấn đề bức bách đặt ra cho Đảng phải nghiên cứu cách giải quyết cho tốt.

Ba là vấn đề hợp tác hóa. Công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn phải gắn với hợp tác hóa. Hợp tác hóa hiện nay đang dẫm chân tại chỗ. Từ Hội nghị Trung ương kỳ trước đến Hội nghị Trung ương lần này, vấn đề hợp tác hóa không tiến triển được bao nhiêu. Hiện nay nông dân phải đi thuê phần lớn các dịch vụ, thuê cày, thuê bơm, tát nước, thuê bảo vệ thực vật... Dịch vụ chủ yếu do tư nhân làm. Những người làm dịch vụ này có thu nhập rất khá. Cuối cùng, chính những người nông dân sản xuất bị thua thiệt. Trong khi đó, các hợp tác xã không làm dịch vụ thương mại, dịch vụ tài chính, các dịch vụ kỹ thuật như bảo vệ thực vật, nhân giống, cung cấp giống, dịch vụ điện, nước... Đó là còn chưa kể tới việc tiêu thụ nông sản cho nông dân hiện nay rất khó khăn, nông dân bị tư thương ép cấp, ép giá cả đầu ra lẫn đầu vào. Hợp tác hóa là yêu cầu cấp bách với nông dân, để phục vụ cho sản xuất của các hộ tốt hơn, để bảo vệ lợi ích của nông dân, để nông dân không bị thua thiệt.

Bốn là vấn đề dân chủ hóa nông thôn. Chính quyền của ta là chính quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, nhân dân làm chủ đất nước. Bác Hồ nói : Cán bộ phải là người đầy tớ của nhân dân. Tình hình vừa qua ở Thái Bình cho ta một bài học về vấn đề dân chủ ở nông thôn. Tỉnh thì báo cáo toàn là đảng bộ trong sạch, vững mạnh, chỉ có mấy phần trăm yếu kém, nhưng khi sự việc xảy ra, xuống kiểm tra thì không phải như vậy. Chính quyền huy động dân đóng góp quá sức, cán bộ xà xẻo của dân, dân khiếu nại thì không giải quyết, dân nói ra thì trấn áp. Tình hình này không chỉ có ở Thái Bình mà còn có ở nhiều tỉnh khác.

Cho nên phát huy quyền làm chủ của nhân dân thế nào là vấn đề rất lớn. Năm 1992 khi bàn thông qua Hiến pháp cũng đã xác định quan điểm, nguyên tắc xây dựng Nhà nước. Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII khi bàn về vấn đề xây dựng Nhà nước, đã đi sâu bàn mặt chính trị của Nhà nước. Bản chất chính trị của Nhà nước là thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền làm chủ của dân: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Nếu không thực hiện được quyền làm chủ của dân, cứ để cán bộ đi ngược lại lợi ích của dân, áp bức dân thì bản thân chúng ta đang tự "diễn biến hòa bình" rồi kẻ địch tác động vào thì nguy hiểm.

Vậy, thực hiện dân chủ ở nông thôn như thế nào? Nhân dân làm chủ trực tiếp ở cơ sở ra sao? Bộ Chính trị đang chuẩn bị chỉ thị, Chính phủ đang xây dựng các thiết chế dân chủ, trong đó có thiết chế dân chủ cho nông thôn.

6 - Hướng mạnh về xuất khẩu, nhưng không được coi nhẹ sản xuất trong nước và thị trường trong nước

Hướng về xuất khẩu là đúng, phải khuyến khích mạnh xuất khẩu. Không xuất khẩu được thì không lấy gì để nhập khẩu. Nhưng, không được coi nhẹ sản xuất trong nước và không được coi nhẹ thị trường trong nước. Cái gì trong nước làm được phải cố gắng làm, không nhất thiết phải nhập hàng ngoại. Thí dụ như chúng ta có khả năng trồng bông để giải quyết cái mặc cho dân. Chúng ta có 80 triệu dân, nhu cầu về mặc rất lớn. Có thể làm sợi hóa học, nhưng phải trồng bông, 1 ha bông giá trị bằng 3-4 ha lúa, nông dân đang thiếu việc làm, chúng ta đang thiếu nguyên liệu để lo cái mặc cho dân. Trồng bông là rất đúng. Trước kia chúng ta phải nhập đường, vừa qua Chính phủ quyết tâm làm đến năm 2000 nước ta

Digitized by Google

có được 1 triệu tấn đường, không phải nhập khẩu mà còn có thể xuất khẩu đường, làm như vậy là rất đúng.

Cái gì trong nước có thể làm được thì kiên quyết làm để dùng và để xuất khẩu, lấy tiền nhập cái khác. Mở rộng thị trường ngoài nước, xuất khẩu để nhập khẩu phục vụ cho công nghiệp hóa, nhưng phải coi trọng thị trường trong nước, coi trọng cái ăn, cái mặc, việc học, đi lại, chữa bệnh cho dân. Đây là những cái chúng ta phải lo. Ngành may mặc làm được nhiệm vụ xuất khẩu hàng tỉ đô la là tốt, nhưng chưa lo được cái mặc cho dân trong nước, để hàng Trung Quốc và Thái Lan tràn ngập thị trường; như vậy là không đúng. Nông dân ta còn nghèo, lấy tiền đâu để mua xe máy, dùng xe đạp vẫn là chính. Trước đây các tỉnh đều sản xuất xe đạp, nay đều bỏ, chuyển sang làm bia, nước ngọt, thuốc lá, nhường thị trường xe đạp cho Trung Quốc, Thái Lan, Nhật là sai, cần tích cực khắc phục.

Đại bộ phận dân ta là nông dân, còn nghèo, những nhu cầu thiết yếu của dân phải tính thế nào bảo đảm cho tốt, phải chú ý thị trường trong nước, phải lo cho dân. Hướng về xuất khẩu mà coi nhẹ thị trường trong nước, không lo đời sống, đáp ứng những yêu cầu thiết thực của dân là sai.

7 - Thực hiện cơ chế thị trường, nhưng Nhà nước phải quản lý và điều tiết theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng thả nổi thị trường, nhất là thị trường nông thôn

Nghị quyết của Đảng đã nói rõ như vậy, nhưng hiện nay tình hình thả nổi thị trường khá phổ biến. Nếu chúng ta thả nổi thị trường, để thị trường tự phát phân phối lại qua giá thì phân hóa giàu nghèo sẽ rất nhanh, thành thị sẽ điều tiết nông thôn, chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn sẽ tăng lên nhanh chóng. Nhiều nước khi tham gia thị trường thế giới, cũng phải bảo hộ, quản lý thị trường, điều tiết thị trường bằng cách này hay cách khác, nếu không kinh tế nội địa, sản xuất trong nước của họ sẽ gặp khó khăn ngay. Phải thấy thị trường là con dao hai lưỡi, chúng ta sử dụng mặt tích cực nhưng phải hạn chế mặt tiêu cực của nó, không thể thả nổi. Nhà nước phải quản lý, điều tiết thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thả nổi thì sẽ phát triển tự phát theo con đường tư bản chủ nghĩa.

8 - Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội, khắc phục tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng mở rộng ở cả thành thị và nông thôn

Ngày nay, nhiều nước trên thế giới đều quan tâm tới vấn đề này. Chúng ta phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa lại càng phải quan tâm giải quyết tốt vấn đề này. Phải phân phối đối tượng lao động (đất đai, tài nguyên...) tư liệu sản xuất, kết quả lao động thế nào để bảo đảm công bằng xã hội ? Khuyến khích làm giàu hợp pháp, nhưng phải chăm lo xóa đói, giảm nghèo. Trong cơ chế kinh tế hiện nay, chúng ta còn phải chấp nhận có bóc lột, bên cạnh phân phối theo lao động, còn phân phối theo các yếu tố sản xuất khác, nhưng thừa nhận bóc lột đến đâu thì chấp nhận được ? Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội, thu hẹp dần khoảng cách giữa thành thị với nông thôn, nông thôn với nông thôn và cả giữa thành thị với thành thị, giữa các tầng lớp xã hội. Trung ương cần thảo luận tìm giải pháp cho vấn đề này.

9 - Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc, vùng căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa

Từ Đại hội VII và Đại hội VIII, Đảng ta đã nói nhiều về vấn đề này, nhưng làm chưa được bao nhiêu. Kinh tế những vùng này vẫn chậm phát triển nhất, đời sống nhân dân các vùng này vẫn khó khăn nhất. Ý định của chúng ta là tốt, các chính sách vạch ra là đúng, nhưng phải có giải pháp thế nào để làm thay đổi được tình hình ? Phải chăng cần xây dựng các nông trường, lâm trường, cơ sở công nghiệp, thương mại... ở vùng này để giúp đỡ đồng bào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và nâng cao đời sống.

10 - Vấn đề thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, để "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"

Như trên đã nói, thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Bộ Chính trị đang chuẩn bị chỉ thị về

Digitized by Google

thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trong Đảng và trong xã hội. Dự thảo sẽ gửi để các đồng chí cho ý kiến, còn 8-9 thiết chế dân chủ cụ thể ở cơ sở, ở xã, phường, ở trường học, bệnh viện, cơ quan, doanh nghiệp... đang được Chính phủ xây dựng.

Lê-nin nhiều lần nói rằng, không kiểm kê, kiểm soát thì không có chủ nghĩa xã hội; chỉ khi nào công nhân, nông dân, binh lính tự nguyện đứng lên làm nhiệm vụ kiểm kê, kiểm soát thì khi ấy mới có chủ nghĩa xã hội. Bác Hồ thường nói "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Hiện nay có nhiều biểu hiện tiêu cực trong các tổ chức và trong xã hội cần kiên quyết đấu tranh ngăn chặn. Chỉ có sự tham gia của nhân dân vào kiểm kê, kiểm soát sản xuất, phân phối, thu chi tài chính, thực hiện công khai hóa ở cơ sở thì mới sửa được. Nếu nhân dân không thực hiện kiểm kê kiểm soát thì khó có thể giải quyết được các tiêu cực.

Nhưng, thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của dân phải có sự lãnh đạo của Đảng. Dân chủ phải tuân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Trong Đảng thì phải nghiêm chỉnh thi hành đúng Điều lệ Đảng. Dân chủ phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương và phải có lãnh đạo ; ngăn ngừa và khắc phục tình trạng dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để làm điều sai trái. Ở Thái Bình, bản chất sự việc thì như tôi đã nói ở trên, nhưng ở đây cũng có một số kẻ xấu lợi dụng dân chủ để kích động nhân dân. Các cơ quan tuyên truyền một số nước phương Tây đã lợi dụng các vụ việc xảy ra ở một số nơi, biến những vấn đề xã hội thành vấn đề chính trị để kích động nhân dân chống lại chính quyền, gây mất ổn định chính trị. Một khi nhân dân thực hiện quyền làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng thì tôi tin rằng chúng ta sẽ ngăn chặn được các tiêu cực.

11 - Vấn đề khắc phục tình trạng suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên ; về chủ trương đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân

Hiện nay trong Đảng ta có một bộ phận không nhỏ đảng viên xa rời lý tưởng, sa sút đạo đức, chạy theo chủ nghĩa cá nhân, phải chặn đứng sự suy thoái này. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là vấn đề quan trọng nhất trong công tác xây dựng Đảng, để Đảng ta không bị biến chất.

Ở hầu hết các ngành, các tỉnh đều có các đồng chí Ủy viên Trung ương. Suy thoái ở đâu thì các đồng chí Trung ương, các cấp ủy đảng ở đó phải giải quyết. Các đồng chí Ủy viên Trung ương phải chăm lo công tác xây dựng Đảng, nhất là không thể để đảng viên suy thoái về tư tưởng, đạo đức. Đề nghị các đồng chí Ủy viên Trung ương quan tâm tới vấn đề này ; làm mạnh việc khắc phục tình trạng suy thoái ở ngành mình, địa phương mình.

Đối với việc đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân, Nghị quyết Hội nghị toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ khóa VII đã có chủ trương là hướng sự phát triển của họ vào con đường kinh tế tư bản nhà nước. Nếu đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân mà đi vào con đường kinh tế tư bản nhà nước, thì phần nào đó cũng đã có tính chất xã hội chủ nghĩa, vì theo như Lê-nin, trong điều kiện có chuyên chính vô sản và có sự lãnh đạo của Đảng, thì kinh tế tư bản nhà nước đã có 70-80% là tính chất xã hội chủ nghĩa. Đảng viên đi vào kinh tế tư bản nhà nước để khuyến khích những nhà tư bản không phải đảng viên cũng đi theo con đường này, để cùng cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện chủ trương này sẽ phát triển được kinh tế - xã hội là một trong những hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội và vẫn giữ được danh hiệu đảng viên cộng sản.

Những vấn đề trên đây cần được Trung ương bàn bạc, quyết định, đề ra những giải pháp phù hợp để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 mà Đại hội VIII đã quyết định ; thực hiện chiến lược kinh tế, xã hội 10 năm (1991-2000) do Đại hội VII thông qua ; đồng thời thực hiện đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng.

Trên đây là một số điểm chính mà tôi trình bày để Trung ương nghiên cứu, thảo luận và quyết định.

Tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII.❑

Digitized by Google

ĐỒNG TÂM NHẤT TRÍ, ĐOÀN KẾT CHẶT CHẼ, PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VẺ VANG CỦA ĐẢNG, CỦA DÂN TỘC, QUYẾT TÂM PHẤN ĐẤU VƯƠN LÊN, HOÀN THÀNH THẮNG LỢI SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC *

LÊ KHẢ PHIÊU

SAU tám ngày làm việc khẩn trương, tích cực, với ý thức trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã hoàn thành chương trình làm việc với kết quả tốt đẹp.

Hội nghị đã thảo luận báo cáo của Bộ Chính trị và thông qua Nghị quyết "Về tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000" ; góp ý kiến vào "Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị từ sau Đại hội VIII đến hết năm 1997". Đặc biệt, Hội nghị đã hoàn thành một công việc trọng đại là kiện toàn cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng với sự nhất trí rất cao.

Thành công tốt đẹp của Hội nghị là do có sự chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng của Bộ Chính trị, có sự đóng góp của các đồng chí Cố vấn, các cấp ủy đảng, các cơ quan khoa học, các đồng chí lão thành cách mạng, của đông đảo cán bộ, đảng viên ; và tại Hội nghị, các đồng chí Trung ương, các đồng chí được mời dự Hội nghị đã tập trung trí tuệ thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, đi thẳng vào những vấn đề bức xúc đang đặt ra, đánh giá tình hình thực hiện các nghị quyết của Đảng, khẳng định những thành tựu, chỉ rõ những mặt còn yếu kém, phân tích sâu sắc những nguyên nhân để từ đó tìm ra những giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương họp vào thời điểm sau gần hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển và đạt được những thành tựu khá. Đất nước có thêm thế và lực, khả năng và cơ hội để tiếp tục phát triển trong những năm tới, đồng thời cũng đang đứng trước những thách thức lớn, những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc. Sự phát triển của nền kinh tế chưa vững chắc, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, tệ lãng phí, quan liêu, tham nhũng và nhiều tệ nạn xã hội chưa bị đẩy lùi, quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi bị vi phạm nghiêm trọng.

---

* Bài phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ tư BCHTƯ Đảng (khóa VIII) của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu. Đầu đề của Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

Xuất hiện những yếu tố tiềm ẩn, những nguy cơ gây mất ổn định chính trị - xã hội. Cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ trong khu vực và một số nước trên thế giới đang và sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta.

Với quyết tâm tiếp tục tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội đến năm 2000 như Đại hội VIII của Đảng đã đề ra, chuẩn bị đưa đất nước bước vào thế kỷ XXI, hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, Hội nghị Trung ương lần này đã nhất trí cao với những vấn đề mà đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười trình bày trong buổi khai mạc, thảo luận và quyết định nhiều chủ trương, giải pháp quan trọng. Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh các quan điểm chính sách lớn :

- Phát huy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần tự chủ, tự cường, cần kiệm, huy động cao độ mọi nguồn lực trong nước ; đồng thời tranh thủ thu hút nguồn lực bên ngoài để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chỉ có cần kiệm mới thực hiện được công nghiệp hóa, chỉ có phát huy cao nhất nội lực mới có thể thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài, mới bảo vệ được độc lập chủ quyền khi hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, điều chỉnh cơ cấu đầu tư để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và mở rộng thị trường bên ngoài.

- Quan tâm thực hiện tốt các chính sách đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn ; giải quyết đúng đắn vấn đề ruộng đất đối với nông dân, tiêu thụ sản phẩm, phát triển công nghiệp chế biến nông sản, mở rộng ngành nghề, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, các cơ sở quốc doanh trong nông nghiệp, nông thôn, dân chủ hóa nông thôn.

- Phát triển lực lượng sản xuất phải đi đôi với quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Tiếp tục sắp xếp lại khu vực doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh việc cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp, đổi mới cơ chế quản lý, chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả hoạt động để doanh nghiệp nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế ; đồng thời hoàn thiện môi trường, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân, khuyến khích sự liên kết giữa các thành phần kinh tế, phát triển kinh tế tư bản nhà nước.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho xuất khẩu, tích cực chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế, nhưng không được coi nhẹ sản xuất trong nước và thị trường trong nước, đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

- Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ ; khuyến khích tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng để tăng tích lũy cho đầu tư phát triển, khai thác và sử dụng các nguồn vốn có hiệu quả, kiểm soát được lạm phát, bảo đảm an toàn thị trường tiền tệ, hạn chế ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tiền tệ ở một số nước tới nước ta.

- Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với chăm lo xóa đói, giảm nghèo, tích cực giải quyết vấn đề việc làm, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo, vùng nghèo, quan tâm phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc, vùng căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa, khắc phục tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng mở rộng ở cả thành thị và nông thôn.

- Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đồng thời đổi mới và tăng cường quản lý Nhà nước về kinh tế. Mở rộng dân chủ, đẩy mạnh phân cấp quản lý kinh tế, đồng thời bảo đảm sự quản lý tập trung của Trung ương về những vấn đề quan trọng. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản bộ máy, kiên quyết đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

- Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân về kinh tế - xã hội ; xây dựng thiết chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân qua đại diện và làm chủ trực tiếp ở các loại hình cơ sở : xã, phường,

Digitized by Google

doanh nghiệp, bệnh viện, trường học, các cơ quan hành chính, sự nghiệp... tạo điều kiện cho mọi tầng lớp nhân dân : công nhân, nông dân, trí thức, ở mọi miền của đất nước, trong mọi thành phần kinh tế chủ động tham gia vào quá trình phát triển kinh tế ; thực hiện chủ trương "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" trong việc kiểm kê, kiểm soát để ngăn ngừa có hiệu quả các tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí và các tiêu cực xã hội khác. Nhưng dân chủ phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật, dân chủ phải đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương.

Cùng với việc kiện toàn bộ máy nhà nước vừa qua tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa X, để tạo sự đồng bộ trong đội ngũ cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị, trong Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét rất thận trọng và chặt chẽ về nhân sự cấp cao của Đảng và đã nhất trí rất cao:

Chấp nhận đề nghị của đồng chí Đỗ Mười chuyển giao chức vụ Tổng Bí thư ; đề nghị của các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công kết thúc nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng ; đề nghị của các đồng chí Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt xin rút khỏi Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương.

Đồng thời Hội nghị cũng nhất trí rất cao suy tôn ba đồng chí Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bầu Tổng Bí thư mới của Đảng và bầu bổ sung bốn đồng chí vào Bộ Chính trị.

Đây là những sự kiện rất trọng đại của Đảng và dân tộc ta, là sự tiếp tục những công việc của Đại hội VIII và là một bước chuẩn bị cho Đại hội IX, nhằm từng bước kiện toàn các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể, bảo đảm kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ta. Kết quả này là hợp với ý Đảng, lòng dân. Chúng ta tin tưởng rằng với kết quả đó và với những quyết định mà Hội nghị Trung ương vừa thông qua, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị sẽ đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, sẽ hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng nặng nề trong giai đoạn mới.

Đạt được kết quả tốt đẹp này là nhờ có sự chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng của Bộ Chính trị mà trực tiếp là của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười, của đồng chí Lê Đức Anh và đồng chí Võ Văn Kiệt, có sự đóng góp quý báu của các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương và của toàn thể Ban Chấp hành Trung ương đã làm việc với ý thức trách nhiệm cao, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, Ban Chấp hành Trung ương chân thành bày tỏ lòng kính trọng và cảm ơn sâu sắc đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Võ Chí Công với trách nhiệm Cố vấn, các đồng chí đã có những đóng góp to lớn và có hiệu quả vào sự lãnh đạo của Đảng. Phẩm chất và năng lực của các đồng chí luôn luôn là tấm gương sáng cho chúng ta noi theo. Tuy các đồng chí không giữ nhiệm vụ Cố vấn nữa, nhưng Trung ương, Bộ Chính trị sẽ thường xuyên báo cáo, thông tin đến các đồng chí và chắc chắn sẽ nhận được ở các đồng chí những ý kiến chỉ đạo sâu sắc.

Tôi xin thay mặt Ban Chấp hành Trung ương nhiệt liệt chúc mừng đồng chí Đỗ Mười, đồng chí Lê Đức Anh và đồng chí Võ Văn Kiệt được Ban Chấp hành Trung ương suy tôn làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Các đồng chí đã cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và cá nhân tôi mong sẽ luôn luôn nhận được những ý kiến chỉ đạo quý báu của các đồng chí trên cương vị mới.

Chúng ta bày tỏ lòng biết ơn đối với các đồng chí lão thành cách mạng đã bền bỉ, kiên cường chiến đấu, góp phần cống hiến vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Tuy tuổi cao, sức yếu nhưng các đồng chí vẫn quan tâm công việc của Đảng, của Nước, của Dân, thường xuyên đóng góp những ý kiến tâm huyết.

Tại Hội nghị Trung ương lần này, các đồng chí Trung ương đã thẳng thắn đóng góp nhiều ý

Digitized by Google

kiến sâu sắc vào Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị từ sau Đại hội VIII đến nay. Bộ Chính trị hoan nghênh những ý kiến đóng góp đó, Bộ Chính trị sẽ có cuộc họp để tiếp thu và bàn biện pháp cải tiến công tác nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo trong thời gian tới.

Về phần mình, tôi xin chân thành cảm ơn Ban Chấp hành Trung ương, cảm ơn các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Bộ Chính trị đã cử tôi giữ chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tôi ý thức sâu sắc về trọng trách mà Ban Chấp hành Trung ương đã giao cho. Với niềm tin sâu sắc ở trí tuệ tập thể của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, tôi luôn luôn mong mỏi được sự giúp đỡ của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, các cấp, các ngành và của tất cả cán bộ, đảng viên của Đảng và của nhân dân.

Tôi xin cố gắng làm hết sức mình để cùng với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị tiếp tục lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng.

Sau Hội nghị, vấn đề quyết định là phải tổ chức thực hiện có kết quả Nghị quyết, biến các quyết định của Trung ương thành hiện thực. Lâu nay việc tổ chức thực hiện vẫn là một khâu yếu kém trong sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Bác Hồ nói : Chủ trương một thì biện pháp phải mười, quyết tâm phải hai mươi. Chúng ta phải quán triệt và quyết tâm làm đúng như lời dạy đó của Bác.

Việc tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết phải thiết thực, cụ thể , không hình thức. Cấp ủy và tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước phải sớm thể chế hóa, cụ thể hóa nghị quyết. Các cấp, các ngành từ trung ương tới cơ sở, phải có chương trình hành động xác định rõ những trọng tâm, trọng điểm, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, kịp thời biểu dương những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, tổng kết, rút kinh nghiệm để thực hiện tốt Nghị quyết. Mỗi đảng viên và tổ chức đảng phải gương mẫu thực hiện Nghị quyết ; phải tạo được phong trào hành động cách mạng sôi nổi của toàn dân, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, công tác, triệt để thực hành tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng. Lúc này, từ các đồng chí lãnh đạo cao nhất, các đồng chí Trung ương đến mỗi người dân phải chống xa hoa, lãng phí, phải hạn chế những nhu cầu chưa thật cần thiết, phải soát xét lại những việc xây cất trụ sở, mua sắm ô-tô và các tiện nghi sinh hoạt đắt tiền, giảm bớt các lễ nghi, tiệc tùng... dồn tiền bạc, của cải cho đầu tư phát triển ; kiên quyết đấu tranh với các tệ quan liêu, tham nhũng đang là những trở ngại lớn làm triệt tiêu các động lực phát triển, là nguồn gốc của nhiều tệ nạn xã hội, làm xói mòn lòng tin của nhân dân với Đảng và chế độ ; ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng và kế hoạch Nhà nước ngay từ những ngày đầu năm 1998.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta *đồng tâm nhất trí, đoàn kết chặt chẽ* chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, *phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc, quyết tâm phấn đấu vươn lên, hoàn thành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhân dịp năm mới, tôi xin kính chúc sức khỏe đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Đỗ Mười, đồng chí Lê Đức Anh, đồng chí Võ Văn Kiệt, các đồng chí Ủy viên Trung ương và toàn thể các đồng chí dự Hội nghị này.

Cũng nhân dịp này, tôi xin thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng gửi đến đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Võ Chí Công, các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các đồng chí thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, nhân dân các dân tộc trong cả nước và bà con người Việt ở nước ngoài lời chúc mừng Năm mới sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.❑

Digitized by Google

TẠO THẾ VÀ LỰC CẦN THIẾT CHO VIỆC ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

PHẠM VĂN ĐỒNG

TRONG việc nghiên cứu cũng như trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, điều cốt yếu nhất là phải nhìn thấy sáng tỏ và vận dụng sáng tạo quan điểm của Hồ Chí Minh đối với con người, đối với nhân dân, đối với dân tộc. Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng, Hồ Chí Minh luôn luôn bắt đầu từ con người, từ nhân dân, từ dân tộc để cuối cùng trở về con người, nhân dân và dân tộc. Đó là điểm xuất phát, đồng thời là mục tiêu cuối cùng của cách mạng. Hồ Chí Minh xem con người, nhân dân, dân tộc là lực lượng làm nên thắng lợi. Đối với Hồ Chí Minh cũng như đối với các nhà sáng lập học thuyết Mác - Lê-nin, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân ; thế và lực của cách mạng đều xuất phát từ cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân trong từng thời gian lịch sử nhất định. Như vậy, những lực lượng lãnh đạo cách mạng, trước hết là Đảng tiên phong, phải lớn lên không ngừng để luôn luôn ngang tầm, thậm chí phải nhìn xa thấy rộng, thấy trước diễn biến của tình hình nhằm chuẩn bị thế và lực, bảo đảm một cách vững chắc thắng lợi của cách mạng. Thiên tài của Hồ Chí Minh chính là ở chỗ đó, và đó cũng chính là điều chúng ta phải biết vận dụng.

"Đường Kách mệnh" của Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Đó là nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh, cống hiến quý báu nhất của Hồ Chí Minh vào lý luận cách mạng ở một nước thuộc địa và phong kiến như nước ta, đồng thời đó là sự vận dụng sáng tạo và có phát triển học thuyết Mác - Lê-nin.

Trong suốt đời hoạt động của Hồ Chí Minh, từ những năm đầu của thế kỷ này cho đến hơi thở cuối cùng, Hồ Chí Minh với bản lĩnh vô song đã làm đúng cái cốt lõi nhất trong tư tưởng và tình cảm của mình, đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ cùng với Đảng ta lãnh đạo nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc để từ đó tiến về phía trước. Những lực lượng kế tục sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh phải vũ trang cho mình ý thức và ý chí thiêng liêng vận dụng sáng tạo và trong những tình huống cần thiết thì có phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

Về luận điểm **độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội**, trong nhiều cuốn sách trước đây tôi đã trình bày tác động qua lại của hai mục tiêu cách mạng này theo hướng đi lên. Giờ đây, trong thời kỳ mới của sự nghiệp cách mạng ở nước ta, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tôi cần phân tích thêm sự gắn bó hữu cơ và đa dạng, sự tác động qua lại giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hơn lúc nào hết, đây là thời điểm mà sự nghiệp độc lập dân tộc muốn phát huy đến mức cao nhất những giá trị và truyền thống quý báu của mình, muốn ngày càng giàu thêm những giá trị về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối nội, đối ngoại thì phải hướng tới chủ nghĩa xã hội như là cái nguồn tạo nên những điều mong muốn cao đẹp kể trên. Ngược lại, đây cũng là cơ hội có một không hai để chủ nghĩa xã hội phát huy đến mức cao nhất tính ưu việt của mình, gieo trồng trên mảnh đất độc lập dân tộc những hoa quả quý giá của mình. Đây là cuộc gặp có ý nghĩa thời đại giữa những gì là quý báu nhất của dân tộc với những gì là cao đẹp nhất của loài người. Đây là sức mạnh tổng hợp không ngừng tăng cường ý chí tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, không ngừng lớn lên, không ngừng đổi mới, không ngừng

Digitized by Google

ngang tầm với tình hình và nhiệm vụ, luôn luôn đoàn kết phấn đấu vượt qua nguy cơ và thách thức, tranh thủ thời cơ, tạo lập thời cơ và ý chí quyết chiến, quyết thắng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Điều trình bày trên đây về độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội hiện nay có tính thời sự nóng hổi ở chỗ nó thể hiện đòi hỏi bức xúc và sâu xa của các tầng lớp nhân dân, của cộng đồng dân tộc. Nó dằn dặn chín muồi trong tâm trí, trong tình cảm, hoài bão và khí phách của dân tộc và ngày nay nó trở thành cuộc sống hằng ngày, bao quát các tầng lớp nhân dân và các địa bàn đất nước, biến thành một động lực cách mạng ngày càng sâu rộng, đem lại những thành tựu mà chúng ta chưa lường trước được.

"Đường Kách mệnh" của Hồ Chí Minh trong hướng nhìn xa của nó về tương lai có chứa đựng thời kỳ hiện nay, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy rằng Hồ Chí Minh không thể đề ra một cách cụ thể mục tiêu, phương hướng và sự diễn biến của thời kỳ này, song những chủ trương lớn của Đại hội lần thứ VIII của Đảng về thời kỳ này đúng là theo tinh thần tư tưởng Hồ Chí Minh và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh. Để chứng minh thêm những điều vừa nói trên, tôi cần nhắc lại một cách ngắn gọn lời nói rất đáng ghi nhớ của Hồ Chí Minh sau khi nước nhà vừa giành được độc lập : Ngày nay nước ta đã có độc lập rồi mà dân không hưởng hạnh phúc thì độc lập, tự do cũng không có ý nghĩa gì.

Để xây dựng chế độ mới, Hồ Chí Minh vạch rõ mục tiêu hàng đầu của chính quyền mới là :

"1 - Làm cho dân có ăn.

2 - Làm cho dân có mặc.

3 - Làm cho dân có chỗ ở.

4 - Làm cho dân có học hành".

Tất nhiên, để làm được bốn điều trên đây thì sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước phải có những cố gắng về nhiều mặt, trước hết là kinh tế (nông nghiệp và công nghiệp), văn hóa và giáo dục... Trong toàn bộ công việc biết bao khó khăn và phức tạp lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh đòi hỏi đội ngũ cán bộ của Đảng và của Nhà nước phải chú trọng chữ *Cần*, chữ *Kiệm*, chữ *Hy sinh*, chữ *Công bằng* và gương mẫu thực hiện trước. Tôi nhắc lại như trên đây để làm sáng tỏ điều quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh là chăm lo với lòng thiết tha vô hạn đem lại cho nhân dân những gì cần thiết bậc nhất, Trong quá trình kháng chiến, Hồ Chí Minh luôn luôn vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, vừa chăm lo việc đánh giặc, vừa chăm lo xây dựng hậu phương để phục vụ tiền tuyến. Như vậy, những lợi ích bức xúc của nhân dân được bảo đảm bao nhiêu, thì nhiệt tình và lực lượng cách mạng của nhân dân được tăng cường bấy nhiêu, thậm chí được nhân lên gấp bội nhằm cống hiến quên mình vào những công việc hợp với hoàn cảnh và tài năng của từng người ở từng nơi, từng lúc. Chính nhờ vậy mà nhân dân cả nước ta bước vào hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ với ý chí quyết chiến, quyết thắng mạnh mẽ như thế nào thì mọi người chúng ta đều biết. Nhắc lại điều nói trên để một lần nữa chứng minh bằng ví dụ cụ thể quan điểm của Hồ Chí Minh về con người, về nhân dân, về dân tộc. Trước kia như vậy, bây giờ cũng phải như vậy, tuy tình hình lúc bấy giờ và tình hình hiện nay rất khác nhau về nhiều mặt.

Trở lại chủ đề mà tôi đang trình bày ở đây, tôi thấy tốt nhất là trích một đoạn có ý nghĩa bậc nhất trong những văn kiện của Đại hội VIII. Về tình hình và nhiệm vụ tổng quát. Đại hội đánh giá như sau :

"Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn , có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được hoàn thành về cơ bản".

"Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước..."

"Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau. Chúng ta phải chủ động tạo ra thế và lực mới, đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới nảy sinh, bảo đảm phát triển đúng hướng..."

"Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội..."

Digitized by Google

"Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp".

Lòng tôi rất vui trước sự khẳng định của Đại hội về thời kỳ quan trọng bậc nhất của nhân dân Việt Nam và dân tộc Việt Nam : thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Mặt khác, lòng tôi rất lo lắng trước những nguy cơ và thách thức, đang diễn biến rộng lớn hơn, với những hậu quả khó lường được, đòi hỏi phải có một loạt những chủ trương và biện pháp kịp thời và mạnh mẽ nhằm ngăn chặn và đẩy lùi xu thế nguy hiểm này.

Những câu trích từ Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng trên đây soi sáng tình hình nước ta hiện nay sau gần hai năm thực hiện Nghị quyết của Đại hội : Một mặt, nền kinh tế và xã hội có thêm nhiều thành tựu và thuận lợi ; mặt khác, cũng bộc lộ rõ những chỗ yếu kém của nền kinh tế và bộ máy quản lý, điều hành cần khắc phục. Đất nước đang đứng trước khả năng : tiến lên vững chắc và nhanh, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2000, tạo tiền đề thuận lợi cho những bước phát triển tương ứng tiếp theo sau năm 2000 ; và muốn vậy, phải phát huy thành tựu và thuận lợi, quyết ngăn ngừa cho được khả năng tăng trưởng bị chậm lại, dẫn đến những hậu quả xấu hơn.

Đây là sự đánh giá tình hình, đòi hỏi sáng suốt, dũng cảm và kiên cường. Chính đây cũng là cơ hội để thấy thực trạng của lòng dân, những suy tư và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, ít nhiều có khác nhau, song đại thể thì giống nhau ở những điểm chủ yếu nhất : rất vui mừng trước những thành tựu và thuận lợi ; rất lo âu, thậm chí bất bình, có nơi có lúc phẫn nộ trước những hư hỏng, những tệ hại không thể dung thứ được.

Phải thấy bức tranh toàn cảnh của tình hình, phải thấy "thời cơ và nguy cơ đan xen nhau" không thể xem thường, từ đó mà ra sức phấn đấu nhằm chuyển biến tình hình có lợi cho công cuộc tiến lên của đất nước.

Điều then chốt là hệ thống lãnh đạo của toàn Đảng phải vũ trang cho mình ý chí quyết chiến, quyết thắng của Bác Hồ nhằm động viên những lực lượng biết bao quý báu về mọi mặt còn ẩn náu trong các tầng lớp nhân dân ở các miền đất nước, ra sức tận dụng mọi thành tựu và thuận lợi, từng bước khắc phục khó khăn và phức tạp, đẩy lùi nguy cơ bất cứ từ đâu đến. Điều kiện tiên quyết ở đây là lực lượng lãnh đạo phải trong sạch và lành mạnh, phải là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, thì cả dân tộc, mọi tầng lớp nhân dân, sẽ nhất tề đứng lên đoàn kết một lòng, phấn đấu kiên cường, tiến lên giành thắng lợi, ở từng khâu, từng điểm quan trọng nhất, cho đến toàn cuộc.

Như vậy, chúng ta càng phải thấy rõ và phải vượt qua ba thách thức sau đây :

Một là, *phấn đấu khắc phục những khó khăn về mọi mặt, tạo những thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.*

Trước hết, phải thực hiện sự phát triển hài hòa giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cần dày công suy nghĩ, tìm ra và thực hiện giải pháp có hiệu quả thiết thực đối với từng loại hình của quan hệ sản xuất, cả kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế hộ gia đình, kinh tế tư nhân, các hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế trong nước và với nước ngoài... gắn liền với sự phát triển theo hướng đi lên của lực lượng sản xuất và nền kinh tế quốc dân.

Chỗ đáng chú ý đặc biệt là các loại hình của quan hệ sản xuất, trong đó có loại hình rất mới mà chúng ta thường nhắc tới nhưng còn phải nghiên cứu nó về mặt lý luận và vận dụng nó trong thực tiễn, đó là *kinh tế tư bản nhà nước.*

Một loại vấn đề nữa rất quan trọng là tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương... Phải dày công giải quyết riêng từng lĩnh vực, từng bước khắc phục những khó khăn nổi cộm nhất, đồng thời thấy sự liên quan mật thiết giữa các lĩnh vực này trong sự tác động qua lại lẫn nhau rất đa dạng và phong phú, từ đó mà tháo gỡ những vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển sản xuất. Phải thực hiện việc phân phối hợp lý, không để khoảng cách giàu ,nghèo diễn ra quá nhanh với những hậu quả nguy hiểm không thể chấp nhận được.

Hai là, *về cơ bản đẩy lùi những tệ nạn và những hiện tượng tiêu cực xã hội, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh.*

Các ngành hữu quan như khoa học (khoa học xã hội và khoa học tự nhiên), văn hóa, văn học, nghệ

Digitized by Google

thuật, giáo dục, y tế... đã nói rất nhiều về thành tựu, gần đây càng nói nhiều bởi có những cố gắng và thành tựu mới. Đây là điều đáng mừng, song mừng bao nhiêu thì cũng lo bấy nhiêu và hầu như đồng bào cả nước ai nấy đều quan tâm đến những mặt trái của tình hình. Đó là những nguy cơ mà các văn kiện của cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước luôn luôn phê phán một cách mạnh mẽ, khẩn thiết kêu gọi các cơ quan có thẩm quyền và đông đảo các tầng lớp nhân dân kiên quyết đấu tranh nhằm chống lại và từng bước đẩy lùi các loại kẻ thù này, và trong chừng mực nào do các tổ chức của chúng ta gây nên thì đó là kẻ thù bên trong, không kém nguy hiểm như kẻ thù bên ngoài, theo lời dạy của Bác Hồ. Tuy nhiên, mọi người chúng ta đều thấy rõ rằng những lời nói đanh thép cùng với những cố gắng về nhiều mặt, từ nhiều phía chưa đem lại kết quả mong muốn, ví dụ như việc *chống tham nhũng*. Trái lại, những nguy cơ này phần nào có chiều hướng lan rộng và ăn sâu trong các tổ chức của hệ thống chính trị nước ta, đưa đến những hậu quả không thể dung thứ được trong xã hội, trong cuộc sống : đạo đức suy đồi, thuần phong mỹ tục của dân tộc bị xói mòn, thói hư tật xấu có chiều hướng tăng lên một cách nguy hiểm, con người chạy theo đồng tiền. Bức tranh gây thêm đau buồn ở chỗ cuộc sống xa hoa, phung phí của một số ít người làm giàu bất chính phản chiếu một cách rõ nét tình cảnh túng thiếu, nghèo khó của biết bao gia đình ở hầu hết các nơi trong cả nước. Trước tình hình đó, toàn bộ hệ thống chính trị của nước ta, nhất là các cơ quan có liên quan càng phải có liên hệ mật thiết với các tổ chức quần chúng, phát huy tác dụng tích cực của các tầng lớp nhân dân theo nhiều hình thức nhằm đẩy lùi và khắc phục các tệ nạn nói trên, nếu không thì chúng sẽ tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động và cắm rễ sâu trong xã hội nước ta. Chỉ có như vậy chúng ta mới tạo nên một môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh và tươi vui, một môi trường kích thích phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ba là, *thực hiện một cách vững vàng việc hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.*

Trước hết, để hiểu rõ yêu cầu hội nhập quốc tế, chúng ta hãy cùng nhau nhắc lại những lời Bác Hồ nói cách đây 70 năm trong "Đường Kách mệnh" và cách đây hơn 50 năm sau Cách mạng Tháng Tám, khi vừa khai sinh nước Việt Nam mới :

"Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả"(1)

"Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực :

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc"(2).

Hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, bảo vệ lợi ích quốc gia là một xu thế tất yếu của thời đại. Đây là một thách thức có tầm quan trọng to lớn mà chúng ta phải tranh thủ mặt tích cực của nó, phấn đấu đến thời hạn đã định đủ trình độ thực hiện nhiều điều cam kết. Về việc gia nhập khối tự do thương mại của các nước ASEAN, điều này có nghĩa là đến năm 2006, nền kinh tế nước ta phải phát triển đến mức hàng hóa của ta có thể cạnh tranh một cách thuận lợi với hàng hóa các nước trong khối. Không như vậy thì ai nấy đều hiểu thị trường nước ta sẽ bị hàng hóa các nước trong khối chi phối, bởi những hàng hóa này tốt hơn, rẻ hơn và thuận lợi cho người mua hơn. Và nền công nghiệp nước nhà khó tránh khỏi những tổn thất có thể nặng nề.

Hiện nay nước ta cũng đang tích cực chuẩn bị gia nhập Tổ chức thương mại thế giới và ra sức mở mang kinh tế đối ngoại, phát triển giao lưu kinh tế đa phương, đa dạng với các nước trên thế giới, thúc đẩy thêm việc thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

(Xem tiếp trang 33)

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t2, tr 301

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t4, tr 470

Digitized by Google

ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI 1988 - 1997 ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

NGUYỄN MẠI *

THÀNH tựu to lớn của công cuộc đổi mới ở nước ta trong đó có hoạt động kinh tế đối ngoại đã được khẳng định. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐTNN) là một lĩnh vực hoạt động được bắt đầu vào năm 1988. Mười năm vừa qua, chúng ta vừa làm, vừa học, dần dần đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, đồng thời cũng xuất hiện những nhận định, đánh giá khác nhau, thậm chí đôi khi trái ngược nhau về cùng một hiện tượng, một sự kiện. Điều đáng nói là những nhận thức khác nhau không những thể hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong giới khoa học, mà cả trong một số cơ quan nhà nước. Nhân dịp kỷ niệm mười năm ngày Quốc hội nước ta ban hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (29-12-1987), cần nhìn lại một cách tổng quan lĩnh vực hoạt động này, để tìm ra các giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư ở nước ta hiện nay.

Ba giai đoạn của sự phát triển

Trong thời gian 10 năm, kể từ đầu năm 1988 đến nay, hoạt động ĐTNN có thể được chia làm 3 giai đoạn :

- Ba năm đầu, 1988 - 1990 được coi là giai đoạn khởi động. Lúc đó chúng ta như người mới vào nghề, vừa chưa có kinh nghiệm, vừa rất mạnh dạn trong các quyết định ; còn người nước ngoài thì đến với nước ta như đến một miền đất mới, vừa xa lạ, vừa hấp dẫn, họ thận trọng không dám mạo hiểm, mới làm thử để thăm dò cơ hội, nên số dự án trong thời gian này chưa nhiều, mức tăng trưởng vốn đầu tư còn chậm :

Năm	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)
1988	37	366
1989	70	539
1990	111	596

Trong giai đoạn này, trừ hai lĩnh vực là thăm dò dầu khí và viễn thông, hoạt động đầu tư nước ngoài có tác động rõ rệt. Còn các lĩnh vực khác hầu như mới chỉ có một ít dự án, phần lớn lại chưa được triển khai, doanh thu và kim ngạch xuất khẩu, các khoản nộp ngân sách còn rất ít, số lao động trong các xí nghiệp có vốn ĐTNN cũng chưa nhiều ; do vậy chưa thu hút được sự chú ý của các cơ quan trung ương cũng như địa phương. Thái độ chung của nhiều người lúc này là "trải chiếu hoa đón các nhà đầu tư nước ngoài", kể cả những nhà đầu tư thực và rởm, nên hầu như hoạt động đầu tư ít gặp khó khăn cả khi xin giấy phép đầu tư cho đến khi triển khai thực hiện dự án.

- Giai đoạn 1991-1995, được coi là giai đoạn tăng trưởng nhanh và thay đổi về chất lượng hoạt động đầu tư nước ngoài. Tháng 3-1991, một diễn đàn quốc tế về ĐTNN có quy mô lớn với sự tham gia của hơn 650 khách nước ngoài và đại diện của một số tổ chức quốc tế như UNIDO, IMF, WB, ADB, UNDP... đã được tổ chức thành công

* GS, TS, nguyên Phó chủ nhiệm Ủy ban nhà nước về Hợp tác và Đầu tư

Digitized by Google

tại TP Hồ Chí Minh. Đó là một sự kiện quan trọng trong hoạt động kinh tế đối ngoại của nước ta ; mở đầu một thời kỳ mới trong quá trình hội nhập với thế giới. Số vốn đầu tư đăng ký năm 1991 gần bằng cả 3 năm trước đó cộng lại ; tốc độ tăng trưởng của 4 năm tiếp theo khá cao và ổn định :

Năm	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)
1991	155	1388
1992	193	2271
1993	272	2987
1994	362	4071
1995	404	6616

Các dự án trong giai đoạn này được phân bố tương đối hợp lý trong nhiều lĩnh vực. Nhiều ngành công nghiệp mới như : công nghiệp điện tử, sinh học, chế tạo xe máy, ô tô... đã ra đời. Nhiều dự án có quy mô lớn, hàng trăm triệu US được triển khai. Một số khu chế xuất, khu công nghiệp bắt đầu được xây dựng. Kết quả khả quan của một số dự án thăm dò dầu khí đã tạo cơ sở để xác định chiến lược phát triển ngành công nghiệp lọc dầu, hóa dầu của nước ta.

Nét nổi bật trong giai đoạn này là hiệu quả hoạt động của ĐTNN đã được thể hiện ngày càng rõ rệt :

- Số vốn thực hiện trong 5 năm là 6 330 triệu USD ; nếu đem so với tổng số vốn đầu tư của nước ta trong cùng thời gian này là 15 600 triệu USD, thì chiếm 40,6%. Con số đó đã nói lên tầm quan trọng của hoạt động ĐTNN.

- Doanh số và kim ngạch xuất nhập khẩu của các xí nghiệp có vốn ĐTNN tăng dần và tăng với tốc độ nhanh hơn vào những năm cuối của giai đoạn này. Doanh số từ 149 triệu của năm 1991 tăng lên 1 387 triệu USD của năm 1995, còn kim ngạch xuất khẩu từ 52 triệu tăng lên 440 triệu USD.

- Các khoản nộp ngân sách nhà nước vào cuối giai đoạn này đã trở nên có ý nghĩa. Chưa kể lĩnh vực dầu khí, các khoản nộp ngân sách đã thực hiện trong năm 1994 là 128 triệu và 1995 là 195 triệu USD.

- Hàng chục vạn người có việc làm ổn định và nhiều vạn người có việc làm gián tiếp nhờ có các dự án đầu tư nước ngoài.

Khi mà hoạt động đầu tư đã trở nên sôi động thì cũng bắt đầu xuất hiện nhiều vấn đề về quan điểm, nhận thức, về quản lý vĩ mô cũng như vi mô và về nhiều vấn đề cụ thể khác. Do vậy, vào những năm cuối của giai đoạn này môi trường đầu tư ở nước ta đã bớt tính hấp dẫn. Đã xuất hiện đòi hỏi phải thay đổi thuế nhập khẩu, đặc biệt là không miễn thuế nhập khẩu ô tô đối với xí nghiệp có vốn ĐTNN, hạn chế ĐTNN trong một số lĩnh vực mà theo nhận thức của một số cán bộ lãnh đạo và giám đốc doanh nghiệp thì ta tự làm được. Một số bộ đã ban hành thêm nhiều quy định về thủ tục hành chính, trong đó có cả những thủ tục không cần thiết, nhưng tạo thêm phức tạp và khó khăn vốn có đối với các nhà đầu tư. Đã xuất hiện đòi hỏi của một vài địa phương, kể cả nơi có ít dự án đầu tư, về việc phân cấp quyền hạn cấp giấy phép đầu tư, trong khi tính chung trong cả nước mỗi năm chỉ cấp khoảng 300 đến 400, trung bình mỗi ngày hơn 1 giấy phép đầu tư.

Ở cấp trung ương cũng xuất hiện nhiều vấn đề quan hệ liên ngành, trong đó có một số vấn đề đã được phát hiện từ lâu, nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết như vấn đề thủ tục miễn thuế nhập khẩu có quan hệ đến Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư với Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Hải quan ; vấn đề đánh giá tác động môi trường có liên quan đến Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường ; vấn đề thủ tục và quyền hạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến Tổng cục Địa chính ; việc lập thiết kế xây dựng các công trình và thẩm quyền, phạm vi duyệt thiết kế có liên quan đến Bộ Xây dựng... Thậm chí có những quyết định trái ngược nhau giữa các bộ trong khi xử lý một số vụ việc cụ thể. Việc thanh tra, kiểm tra đã được chú ý hơn, nhưng đồng thời cũng trở nên chồng chéo, gây khó khăn cho các doanh nghiệp, cả cơ quan Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Tổng Thanh tra Nhà nước cũng cử nhiều đoàn thanh tra đến các xí nghiệp. Mặc dù Chính phủ đã có nhiều cuộc họp để giải quyết tình hình trên đây, nhất là ban hành

Digitized by Google

Nghị định 191 (28-12-1994) về thủ tục đầu tư theo hướng đơn giản, dễ kiểm soát, nhưng xem ra thủ tục vẫn phiền hà, tình trạng lạm quyền, sách nhiễu trong bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương có phần trầm trọng hơn. Ở đây có lẽ không còn là vấn đề thủ tục hành chính, mà đã đụng đến vấn đề cơ bản hơn, cốt lõi hơn : vấn đề bộ máy nhà nước, cấu trúc và quyền lực của bộ máy đó. Bởi vì, cuộc sống đã đặt ra những yêu cầu mới, cao hơn, phức tạp hơn, người dân đã ý thức rõ hơn về dân chủ trong kinh tế, trong sinh hoạt... đòi hỏi phải cấu trúc lại bộ máy với những công chức có trình độ chuyên môn cao và ý thức đầy đủ trách nhiệm đối với việc quản lý đất nước trong cơ chế thị trường của một nền kinh tế mở, nếu không, sẽ là cản trở bước tiến của đất nước.

- Hai năm gần đây, cũng như trạng thái kinh tế nói chung, hoạt động đầu tư nước ngoài đã xuất hiện những dấu hiệu suy giảm. Nếu lấy con số thống kê số vốn đăng ký năm 1996 là 8667 triệu USD, tăng 31% so với năm 1995 thì có lẽ tình hình vẫn rất khả quan. Tuy vậy, cần lưu ý rằng những ngày cuối năm 1996 đã có 2 dự án xây dựng đô thị với hơn 3 tỉ USD vốn đầu tư, có lẽ rất khó thực hiện và cũng chẳng ai bỏ ra chừng ấy vốn cùng một lúc, mà thường chỉ cần khoảng 10 - 15% vốn ban đầu, sau đó quay vòng. Do vậy, nếu các dự án này được thực hiện thì cũng chỉ nên tính khoảng 400 - 500 triệu USD vào tổng vốn đầu tư mà thôi. Cách tiếp cận vấn đề như vậy chỉ có một mục đích là để đánh giá đúng thực trạng tình hình. Năm 1997, dự báo vốn đăng ký khoảng 5 tỉ USD, thấp hơn nhiều so với hai năm gần đây. Không chỉ là con số thống kê vốn đăng ký giảm sút, mà cả số khách nước ngoài vào tìm kiếm cơ hội đầu tư cũng ít hơn trước, tỷ lệ thuê phòng trong các khách sạn khá thấp, một số công ty lớn đã cắt giảm nhân viên, và cả những tuyên bố công khai của một số nhà đầu tư lớn về môi trường đầu tư đã trở nên không thuận lợi ở nước ta...

Tuy nhiên, nếu xét đến vốn thực hiện trong năm 1996 và 1997 trên 5 tỉ USD, doanh thu khoảng 4 tỉ USD, xuất khẩu khoảng 2,5 tỉ USD và nộp ngân sách xấp xỉ 550 triệu USD..., thì ĐTNN có tác động ngày càng mạnh mẽ hơn. Nhưng đó là kết quả của những năm trước, bây giờ mới được triển khai. Do vậy, điều đáng lo ngại của sự giảm sút vốn đăng ký hiện nay chính là đối với sự tăng trưởng của những năm đầu của thế kỷ XXI.

Trong 2 năm gần đây, cần lưu ý đánh giá hai sự kiện quan trọng có tác động đến hoạt động đầu tư. Đó là việc sửa luật đầu tư vào cuối năm 1996 kèm theo thay đổi một số chính sách như thuế nhập khẩu vật tư, phương tiện vận chuyển, việc Ngân hàng Nhà nước ban hành chủ trương mới về ngoại tệ đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, việc phân cấp quyền cấp giấy phép đầu tư... Đó là việc thay đổi tổ chức quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này, bao gồm việc sát nhập Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thành Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tiếp đó là thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước các dự án đầu tư, Ban quản lý khu chế xuất và khu công nghiệp. Chúng tôi cho rằng thực trạng đầu tư nước ngoài hiện nay có liên quan đến hai sự kiện quan trọng này, cần được xem xét một cách khách quan để rút kinh nghiệm cho thời gian tới.

Tóm lại, trong 10 năm thực hiện Luật đầu tư nước ngoài thì 3 năm đầu mới chỉ là thời gian khởi động, thật sự hoạt động đầu tư nước ngoài có tác động đến kinh tế - xã hội nước ta là từ năm 1991 đến nay. Còn việc xuất hiện nhiều vấn đề có ảnh hưởng đến môi trường đầu tư thì chậm hơn, từ năm 1993-1994 trở về sau. Chúng ta đã phát hiện được khá nhanh, đã đưa ra bàn bạc ở cấp bộ, liên bộ, và Chính phủ không chỉ một lần, nhưng đáng tiếc là cho đến nay vẫn còn nhiều vấn đề chưa giải quyết được, cộng thêm tình trạng trì trệ cũng đã xuất hiện ở những lĩnh vực kinh tế khác, nên đã có tác động tiêu cực đến môi trường đầu tư.

Nếu căn cứ vào kế hoạch 1996 - 2000 thì vốn đầu tư nước ngoài chắc chắn sẽ thực hiện được, thậm chí còn vượt mức kế hoạch. Bởi vì, cho đến cuối tháng 11 năm nay, số vốn còn có hiệu lực

Digitized by Google

thực hiện là 32,3 tỉ USD, số vốn đã thực hiện là 11,8 tỉ USD, còn 20,5 tỉ chưa thực hiện, trong 2 năm 1996, 1997 đã thực hiện 5 tỉ. Như vậy, theo kế hoạch thì chỉ còn phải thực hiện trong 3 năm còn lại từ 8 đến 10 tỉ USD, bằng 40 đến 50% số vốn đầu tư chưa thực hiện, chưa kể số dự án đầu tư sẽ được cấp phép trong thời gian tới.

Vấn đề cần bàn chính là vốn đầu tư cho những năm đầu của thế kỷ XXI, mà với nhịp độ như hiện nay thì khó mà đáp ứng được.

Ba vấn đề kinh tế vĩ mô

Một là, có một số cặp quan hệ không thể không tính đến khi bàn đến đầu tư nước ngoài. Đó là kinh tế và chính trị, kinh tế và an ninh - quốc phòng, kinh tế và xã hội. Bởi vì, những vấn đề đó luôn được đặt ra không chỉ một cách tổng thể khi xem xét ở góc độ có tính chiến lược của đất nước, khi đề cập đến các nguy cơ tiềm ẩn phải đối phó, mà còn cả khi xét duyệt một số dự án (không ít trường hợp vì có ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, hoặc vì một lý do nào đó mà không được cấp giấy phép hoạt động). Nên chăng các cặp quan hệ này cần được xem xét trên cơ sở tư duy mới về một thế giới sau chiến tranh lạnh, một thế giới đa cực, cũng như một thế giới đang chạy đua vào thế kỷ XXI bằng sức mạnh về kinh tế, trên cơ sở tận dụng những thành tựu mới của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và một nền kinh tế mở trong phạm vi khu vực và toàn cầu.

Hai là, vấn đề ta tự làm hay cho cả người nước ngoài cùng làm, cũng đang nổi lên như là một vấn đề thời sự. Đã có thời kỳ hàng chục nhà sản xuất bột giặt, mỹ phẩm ở TP Hồ Chí Minh họp nhau lại làm kiến nghị không cho người nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực này, vì các doanh nghiệp trong nước đang thừa công suất. Tổng công ty sữa Việt Nam cũng đã làm văn bản gửi đến một số cơ quan nhà nước để phản đối việc liên doanh với nước ngoài sản xuất sữa ở nước ta... Những ví dụ như vậy rất nhiều. Một số dự án hàng trăm triệu USD lúc đầu dự định liên doanh với nước ngoài, bây giờ ta tự làm, chưa nói đến hiệu quả kinh tế lâu dài mà có lẽ phải chờ hàng chục năm nữa mới biết được, thì tình trạng chậm trễ trong khởi công, cũng như thi công các công trình quan trọng này mới bộc lộ rõ ràng.

Có lẽ vào thời điểm hiện nay, sau hơn 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, chúng ta có đủ điều kiện để bàn bạc về việc ta tự làm mà phần lớn bằng vốn phải vay của nước ngoài, hay cho người nước ngoài cùng làm là có lợi (?).

Chúng ta làm chủ đất nước, nên có cả hai quyền mà người nước ngoài không có. Đó là quyền muốn làm cái gì, làm ở đâu, với quy mô nào cũng được, và quyền cho phép người nước ngoài làm trong lĩnh vực nào, theo phương thức nào đối với các dự án đầu tư của họ. Thử tính, với cả hai quyền đó, trong hơn 10 năm qua ta làm được bao nhiêu dự án có giá trị về công nghiệp, về chế biến nông sản thực phẩm, về khách sạn và dịch vụ... (?)... Là người Việt Nam yêu nước, ai cũng muốn tham gia xây dựng đất nước bằng chính sức mình, nhưng lịch sử đã có những hạn chế không dễ vượt qua, cả vốn đầu tư và kinh nghiệm quản lý, cả công nghệ hiện đại và thị trường... Đây là những thứ mà chúng ta cần có thời gian tích lũy và học hỏi. Hơn nữa, trong khi hội nhập với thế giới thì những vấn đề chung cho các nước như xu hướng tự do hóa thương mại và đầu tư cần được thực hiện ở Việt Nam như là một yêu cầu khách quan. Thực tế của 10 năm đã qua đã đủ để khẳng định rằng, trừ một vài lĩnh vực như quốc phòng và an ninh không nên hoặc cần hạn chế, các lĩnh vực còn lại cần khuyến khích mạnh mẽ đầu tư nước ngoài kể cả liên doanh, hoặc 100% vốn nước ngoài. Kinh nghiệm thế giới được rút ra từ cuộc khủng hoảng tiền tệ ở châu Á hiện nay, là cần ưu tiên hơn nữa cho đầu tư trực tiếp và thận trọng hơn trong việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu quốc tế, càng cần cân nhắc kỹ hơn trong việc vay vốn nước ngoài để đầu tư và nói chung cần hạn chế đến mức thấp nhất việc vay trung hạn và ngắn hạn để đầu tư phát triển.

Digitized by Google

Ba là, gắn liền với vấn đề trên là việc xử lý mối quan hệ giữa vốn trong nước và vốn nước ngoài, giữa vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và ĐTNN.

Năm năm (1991-1995) nước ta đã sử dụng 15,6 tỉ USD vốn đầu tư, trung bình mỗi năm hơn 3 tỉ USD, mặc dù đó là số vốn quá ít nếu so với các nước trong khu vực, nhưng cũng đã tạo ra được tốc độ phát triển cao, bởi vì điểm xuất phát để tính chỉ số tăng trưởng hằng năm còn rất thấp.

Năm năm (1996 - 2000) dự kiến vốn đầu tư là 40 - 42 tỉ USD, gấp 2,7 lần năm năm trước đó mới bảo đảm được tốc độ tăng trưởng 8 - 9% năm, dù rằng số vốn đó chưa đủ để thực hiện các mục tiêu chiến lược kinh tế - xã hội ; sự lựa chọn vẫn là "liệu cơm gắp mắm". Vốn trong nước có lẽ chỉ có vốn ngân sách mỗi năm khoảng 1 tỉ USD là chắc chắn, mà nguồn vốn này xem ra cũng khó tăng nhanh cho đầu tư được. Bởi vì, mỗi năm thu ngân sách tăng lên 15 - 20% thì phải đáp ứng biết bao yêu cầu cấp bách về tăng chi thường xuyên để duy trì bộ máy nhà nước, chi cho giáo dục, y tế, cho phúc lợi xã hội. Hai nguồn vốn đầu tư lớn nhất và ngày càng trở nên quan trọng hơn, là vốn đầu tư của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và vốn nhàn rỗi của dân cư, thì vẫn còn là những đại lượng khó xác định. Những năm trước đây, nhiều doanh nghiệp Việt Nam trông vào vốn vay nước ngoài, trong đó phần lớn là vay trung hạn và ngắn hạn để thực hiện các dự án đầu tư. Đến nay, một số doanh nghiệp không có khả năng trả nợ, làm tăng thêm tình trạng mất cân đối trong cán cân thanh toán quốc tế của nước ta. Trong vài năm gần đây nhiều doanh nghiệp đang ở trong tình trạng thua lỗ, ít có vốn tích lũy. Vốn trong dân là bao nhiêu thì thật khó nói, huy động để trở thành vốn đầu tư lại còn là điều khó hơn. Ở một nước mà việc thu chi bằng tiền còn thống trị, vàng và đô la còn là phương tiện cất trữ có lợi hơn, tâm lý dân cư còn chưa thật tin vào hệ thống tài chính, ngân hàng... thì việc xác định chính xác vốn đầu tư có thể huy động được từ nguồn vốn nhàn rỗi của dân cư là điều cực kỳ khó khăn. Như vậy, trong ba nguồn vốn đầu tư trong nước, thì có hai nguồn rất khó xác định, nên khả năng không thực hiện được như dự kiến kế hoạch là trường hợp có thể xảy ra. Lúc đó lấy gì để bù vào chỗ thiếu hụt, nếu muốn bảo đảm được tốc độ tăng trưởng như dự kiến (?).

Vốn nước ngoài, như trên đã nói về vốn ĐTNN có thể đạt hoặc vượt mức dự kiến ; còn vốn ODA thì phụ thuộc vào tốc độ giải ngân, nếu giải quyết được vấn đề phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước Việt Nam một cách có hiệu quả thì có thể thực hiện được mức 7 - 8 tỉ USD trong những năm từ 1996 - 2000. Trong khi nguồn vốn trong nước còn hạn chế như hiện nay, thì vấn đề được đặt ra là có nên huy động thêm vốn đầu tư nước ngoài, hay chỉ nên giữ nguyên tỷ lệ đã định (?). Nếu chúng ta coi nhiệm vụ có tính chiến lược của vài chục năm sắp tới là tăng trưởng với tốc độ cao và bền vững, thì lời giải của bài toán là cùng với việc ra sức phát huy nội lực, phải tranh thủ mọi nguồn vốn có thể huy động được để bảo đảm mục tiêu đó.

Năm năm tới (2001 - 2005) cần bao nhiêu vốn đầu tư ? Có lẽ không ít hơn hai lần so với 1996 - 2000, tức là khoảng 90 đến 100 tỉ USD. Theo một tài liệu nghiên cứu của Viện Kinh tế thuộc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia thì vốn đầu tư của thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI khoảng 300 đến 320 tỉ USD, mới bảo đảm tốc độ tăng trưởng 9-10% năm. Dù chưa thật chính xác, nhưng các dự báo này cũng cho chúng ta một ý niệm về quy mô vốn đầu tư mà đất nước cần có trong giai đoạn công nghiệp hóa. Với thực trạng kinh tế và đầu tư cả trong nước và ngoài nước như hiện nay, thì làm sao có thể bảo đảm đủ vốn đầu tư cho giai đoạn tiếp theo (?).

Điều đáng lo ngại không phải là không có nguồn vốn đầu tư, mà là chúng ta không thấy hết nguy cơ của môi trường đầu tư đã trở nên xấu đi rõ rệt. Nếu tiếp tục kéo dài tình trạng này thì cả đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài đều giảm sút, sẽ khó mà đạt được tốc độ tăng trưởng cao như vừa qua, do vậy nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước trong khu vực khó mà khắc phục được.

Digitized by Google

Tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi hơn để tranh thủ cơ hội mới

Theo dự báo của Ngân hàng thế giới thì tốc độ tăng trưởng kinh tế của toàn cầu trong những năm sắp đến khoảng 3 - 3,5%, cao hơn thời kỳ vừa qua. Do vậy, vốn ĐTNN hằng năm khoảng 330 - 350 tỉ USD, mà 70% số vốn đó là đầu tư giữa các nước phát triển với nhau, trong đó hằng năm Mỹ là nước đầu tư ra nước ngoài nhiều nhất (80 tỉ USD), đồng thời cũng là nước hằng năm nhận đầu tư lớn nhất (90 tỉ USD). Các nước đang phát triển chia nhau khoảng 100 tỉ USD vốn đầu tư, trong đó riêng Trung Quốc hằng năm đã tiếp nhận khoảng 35 - 40 tỉ USD. Thị trường đầu tư luôn mở rộng, nhiều nước tham gia vào việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, làm cho cuộc cạnh tranh để tìm đối tác đầu tư trở nên gay gắt hơn, buộc nhiều nước phải sửa luật đầu tư, có những ưu đãi hơn về thuế, về tiền thuê đất, kéo dài thời hạn hợp đồng... nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh so với các nước khác. Chu kỳ gia tăng tốc độ phát triển kinh tế thế giới thường kéo dài từ 7 đến 10 năm, nên các nước đều tranh thủ cơ hội thuận lợi này để đẩy nhanh hơn tốc độ tăng trưởng của nước mình.

Cuộc khủng hoảng tiền tệ đang diễn ra ở nhiều nước trong khu vực Đông - Nam Á và Đông - Bắc Á đã có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động thương mại quốc tế và ĐTNN ở nước ta ; đồng thời do nhiều nhà đầu tư ở ngoài khu vực này buộc phải đánh giá lại môi trường đầu tư ở nhiều nước trong khu vực vốn trước đây được coi là hấp dẫn, đã tạo cơ hội mới cho nước ta, một nước còn nằm ngoài vòng xoáy của cơn lốc khủng hoảng này.

Về nhu cầu vốn đầu tư, nước ta cần một khối lượng vốn lớn hơn nhiều so với hiện nay ; trong khi vốn ĐTNN của thế giới đang gia tăng, ta lại có thể tận dụng được thời cơ trong khi nhiều nước đang phải xử lý các vấn đề của cuộc khủng hoảng tiền tệ, buộc phải giảm tốc độ tăng trưởng, thì nhân tố quyết định là tạo ra bằng được môi trường đầu tư hấp dẫn, tạo được lợi thế cạnh tranh trong việc thu hút vốn đầu tư.

Một là, nước ta được các nhà đầu tư quốc tế đánh giá là nước có thể chế chính trị và một chính phủ ổn định, trong những năm vừa qua đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm thể chế hóa đường lối đổi mới của Đảng. Tuy vậy, họ rất băn khoăn về tình trạng thiếu tính hệ thống của luật pháp, tạo ra nhiều lỗ hổng về pháp lý, gây khó khăn cho những nhà đầu tư chân chính, đồng thời lại tạo cơ hội cho các hoạt động phi pháp cả trong các doanh nghiệp và trong một bộ phận cán bộ thực thi luật pháp. Đặc biệt các nhà đầu tư kêu ca nhiều về tình trạng thay đổi quá nhanh và đôi khi khá tùy tiện một số quy định về mức thuế, thời hiệu áp dụng, cũng như nhiều quy định về xử phạt không cụ thể, tạo ra chỗ hở cho việc xử lý lạm quyền của một số công chức trong ngành thuế, hải quan, công an...

Các hoạt động đầu tư cần phải được Nhà nước bảo hộ bằng một hệ thống các luật pháp ổn định, với các quy định phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng thời lại phải tạo ra lợi thế cạnh tranh. Do vậy, việc hoàn chỉnh hệ thống luật pháp của nước ta cần được coi là một nhiệm vụ thời sự trong quá trình tiếp tục đổi mới với chất lượng cao hơn. Những văn bản pháp lý có liên quan đến ĐTNN cũng cần được hoàn thiện. Chẳng hạn cần bổ sung vào Luật đầu tư nước ngoài một số phương thức đầu tư mà nhiều nước đã áp dụng, như cho lập công ty trước khi lập dự án, cho các nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của một số doanh nghiệp Việt Nam, các xí nghiệp có vốn ĐTNN được phát hành cổ phiếu ở Việt Nam... ; sửa đổi một số quy định hiện hành đã làm mất lợi thế cạnh tranh của nước ta, đặc biệt là thuế nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân đối với người nước ngoài, cũng như về phương thức, quyền hạn kiểm tra, thanh tra, xử lý đối với các doanh nghiệp.

Hai là, đối với các nhà đầu tư thì "thời gian là tiền bạc", chỉ cần chậm trễ, có lúc chỉ một vài ngày là bỏ mất cơ hội thu lợi. Trong khi đó dường như nhiều công chức nhà nước đã tận dụng quyền lực tối đa, mà quên mất trách nhiệm của mình là hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thực hiện đúng pháp luật, mở

Digitized by Google

rộng nhanh chóng mọi hoạt động sản xuất, dịch vụ, đưa đất nước nhanh chóng hội nhập thật sự bình đẳng với thế giới. Nghị định về cải tiến thủ tục đầu tư của Chính phủ ban hành ngày 28-12-1994, được các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá cao, nhưng chưa thật sự đi vào cuộc sống chính vì nhiều công chức trong bộ máy nhà nước không ý thức được trách nhiệm của mình. Do vậy, vấn đề đơn giản thủ tục đầu tư không phải là soạn thảo văn bản mới, mà là tổ chức công việc của từng cơ quan nhà nước. Các thủ trưởng cơ quan phải nhận biết đầy đủ tình trạng sách nhiễu, phiền hà của không ít công chức đã gây ra bất bình ngày càng tăng của cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, phải thấy hết tính bức bách của vấn đề để tiến hành công việc một cách tỉ mỉ ở mỗi khâu công tác, kiểm tra hằng ngày công việc của những người thi hành công vụ, để tạo ra bằng được một phong cách làm việc tốt hơn, với nhận thức về sự tồn tại của mỗi cơ quan nằm trong hệ thống tổ chức nhà nước, trước hết là nhằm phục vụ, hỗ trợ, rồi sau đó mới là thực hiện kiểm tra việc thi hành pháp luật.

Ba là, cho đến nay, sau 10 năm hoạt động đầu tư nước ngoài, chúng ta vẫn chưa khắc phục được tình trạng bị động trong khi quyết định các dự án đầu tư, do không giải quyết được vấn đề quyền sử dụng đất đai, nên đơn vị nào có đất thì đơn vị đó có quyền đàm phán, ký kết hợp đồng liên doanh với người nước ngoài. Do vậy, bên Việt Nam đã xảy ra tình trạng doanh nghiệp đánh cá tham gia dự án câu lạc bộ thể thao, còn doanh nghiệp của sở thể thao lại liên doanh xây dựng khách sạn... Cũng khó dự báo được, nếu tình trạng đó cứ tiếp diễn thì làm sao chúng ta lại có thể tạo ra được một cơ cấu kinh tế phù hợp với định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, và làm sao có được những cán bộ tham gia liên doanh đủ năng lực, có kinh nghiệm quản lý để hợp tác bình đẳng với nước ngoài (!)

Để tận dụng thời cơ mới trên thế chủ động trong hoạt động ĐTNN, mỗi ngành, mỗi địa phương cần đẩy nhanh hơn việc lập quy hoạch chi tiết trên mỗi vùng lãnh thổ, xác định trên từng khu vực phát triển dự định xây dựng công trình gì, ở đâu, bằng nguồn vốn nào... Trên cơ sở đó chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho quá trình hình thành từng dự án, đặc biệt coi trọng việc lựa chọn, bồi dưỡng cán bộ ngay từ khâu hình thành dự án, tiến hành đàm phán và ký kết hợp đồng, cũng như để thực hiện dự án.

Trong hoạt động đầu tư, cần chú ý rằng, hiệu quả đầu tư mới là yếu tố quyết định nhất. Do vậy, cần khắc phục tâm trạng vội vàng, thiếu tính toán đầy đủ các điều kiện thực hiện, đặc biệt là điều kiện tài chính cho dự án, mà tình trạng đổ vỡ trong hoạt động đầu tư ở nước ta phần lớn xuất phát từ việc không đủ năng lực thực hiện dự án. Trên cơ sở quy hoạch có căn cứ khoa học, việc lựa chọn đúng nhà đầu tư để thực hiện dự án, thông qua những kênh thông tin khác nhau và tiếp xúc để đánh giá đúng ý đồ và năng lực tài chính của họ, là yếu tố hết sức quan trọng để bảo đảm sự thành công của dự án.

Bốn là, để tạo lập lại lòng tin của các nhà đầu tư vào hệ thống cơ quan hành pháp nước ta, cần có sự hợp tác hiệu quả hơn giữa các bộ, ngành ở trung ương, cũng như với ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc xử lý dứt điểm một số vụ việc đã bị kéo dài, do chưa có sự thống nhất trong cách giải quyết ; đồng thời xem xét những vướng mắc về giải phóng mặt bằng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy phép nhập khẩu... để hàng trăm dự án đã được cấp giấy phép đầu tư được triển khai thực hiện thuận lợi. Nếu làm được như vậy, chắc chắn sẽ khôi phục được khí thế hồ hởi của hoạt động đầu tư của những năm đầu thập kỷ 90, tạo đà cho thời kỳ mới.

Năm là, cần thật sự khách quan trong việc đánh giá đúng tác động của việc thay đổi tổ chức quản lý nhà nước đối với ĐTNN, để tìm ra một mô hình hợp lý nhằm bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước trong điều kiện cần phải đẩy nhanh việc thu hút vốn ĐTNN, đồng thời phải tận lực huy động mọi tiềm lực trong nước để đáp ứng nhu cầu vốn to lớn hơn. ❑

Digitized by Google

VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ

LÊ QUANG THƯỞNG*

Để có thể xây dựng và phát huy đầy đủ vai trò và hiệu lực hoạt động của nhà nước mang bản chất là nhà nước của dân, do dân và vì dân, Đảng ta phải tiếp tục tăng cường công tác xây dựng Đảng ở tất cả các cấp, trong đó hai cấp trọng yếu phải được quan tâm trước hết là cấp Trung ương (nơi đề ra đường lối, chính sách) và cấp cơ sở (nơi trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối, chính sách). Riêng về cấp cơ sở, chúng ta phải khẩn trương nghiên cứu, đề xuất những quy định có tính pháp lý bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng và giám sát hoạt động của Nhà nước ; nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan chính quyền các cấp, phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững sự ổn định về chính trị và xã hội ; khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng và những biểu hiện tiêu cực khác đang phát triển khá nghiêm trọng, làm mất lòng tin của nhân dân ở không ít nơi.

Để đạt được những yêu cầu nêu trên, cần thực hiện tốt một số nội dung chủ yếu sau đây :

1 – Phát huy dân chủ trong việc lãnh đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

Trước khi xây dựng các nghị quyết, chủ trương cấp ủy ở từng cơ sở cần tổ chức để cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập, nghiên cứu, quán triệt đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, luật pháp của Nhà nước, nhất là những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện những nhiệm vụ ở cơ sở để nhân dân chấp hành, đồng thời để nhân dân góp ý vào các nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước nói chung, của tổ chức cơ sở đảng nói riêng một cách đúng đắn.

Cấp ủy đảng ở cơ sở cần thông tin kịp thời về tình hình Đảng, tình hình Nhà nước, những thuận lợi và khó khăn chung, những vấn đề liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi của nhân dân ở cơ sở, nhằm tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện nghĩa vụ công dân và các quyền dân chủ theo các quy định của luật pháp.

- Trong quá trình xây dựng các nghị quyết, chủ trương hoặc các kế hoạch công tác lớn... cấp ủy đảng ở từng cơ sở một mặt phải căn cứ vào đường lối, chủ trương của Đảng, luật pháp của Nhà nước, vào tình hình thực tế, đặc biệt là phải tôn trọng và lắng nghe báo cáo đề xuất của cán bộ phụ trách công tác chính quyền, cơ quan quản lý, các đoàn thể... đồng thời tổ chức lấy ý kiến của cán bộ lão thành cách mạng, các chuyên gia, những nhà khoa học, đoàn viên, hội viên của các đoàn thể nhân dân... Cần khắc phục tình trạng dự thảo và thông qua nghị quyết của tổ chức đảng một cách chủ quan, áp đặt, không tôn trọng và lắng nghe ý kiến của chính quyền, cơ quan quản lý, các đoàn thể, cán bộ, đảng viên

* Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng

Digitized by Google

và quần chúng, nhất là đối với những người có kiến thức, kinh nghiệm và tâm huyết với Đảng.

Nghị quyết của tổ chức cơ sở đảng phải thể hiện sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo những quan điểm, chính sách chung của Đảng và Nhà nước ; sát hợp với đặc điểm ở cơ sở ; không vì lợi ích cục bộ, địa phương, không trái với đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp trên.

Nghị quyết của tổ chức đảng phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của từng nơi, từng thời kỳ ; cần tập trung làm rõ những tư tưởng, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, giải pháp lớn để lãnh đạo chính quyền, cơ quan quản lý, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân ; cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch thực hiện của các cơ quan và tổ chức có thẩm quyền, bảo đảm cho các quy định của luật pháp về quyền của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các xã, phường ; hội đồng quản trị, giám đốc các doanh nghiệp ; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang... được chấp hành đầy đủ. Tổ chức đảng không chủ quan áp đặt ; không trực tiếp quyết định các chỉ tiêu, biện pháp cụ thể làm ảnh hưởng đến tinh thần chủ động và sáng tạo của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị và nhân dân.

Đảng ta hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tôn trọng những ý kiến, quan điểm có tính chất đúng đắn và sáng tạo của mỗi cá nhân. Khi tổ chức đảng chuẩn bị ra các nghị quyết, chủ trương công tác, phải tiến hành thảo luận một cách thấu đáo, dân chủ và biểu quyết theo đa số, tạo ra sự thống nhất về ý chí và hành động. Một vấn đề thuộc về nguyên tắc là dù có ý kiến khác nhau, nhưng khi tổ chức đảng đã có nghị quyết thì tất cả đảng viên, dù là đảng viên công tác trong chính quyền, trong cơ quan quản lý, hoặc các đoàn thể đều phải chấp hành nghiêm túc nghị quyết của tổ chức đảng. Trường hợp đặc biệt, khi xuất hiện những ý kiến khác biệt giữa cán bộ đảng với cán bộ chính quyền, hoặc với cán bộ trong các cơ quan quản lý và các đoàn thể... ở cơ sở thì cấp ủy phải kiên trì lãnh đạo, vận động, thuyết phục các thành viên trong chính quyền, cơ quan quản lý các đoàn thể, nhận thức đúng và tự giác chấp hành nghiêm túc nghị quyết của tổ chức đảng. Qua một thời gian nhất định, nếu vẫn còn ý kiến khác biệt thì cấp ủy cơ sở phải xem xét một cách khách quan các ý kiến đó ; đồng thời báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định. Đối với những vấn đề có tính cấp bách, có liên quan đến sinh mệnh của tổ chức, cán bộ, đảng viên và nhân dân thì cấp ủy phải xem xét, xử lý khẩn trương và báo cáo ngay với cấp trên xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nghị quyết, chủ trương, các cấp ủy cần hướng dẫn và thông qua chính quyền, cơ quan quản lý, các đoàn thể nhân dân cụ thể hóa và trực tiếp tổ chức chỉ đạo thực hiện. Chính quyền cơ sở chịu trách nhiệm trước luật pháp, trước nhân dân về kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị đó. Cấp ủy cơ sở chịu trách nhiệm trước đảng bộ, chi bộ cơ sở và cấp ủy cấp trên ; trước nhân dân và pháp luật về các quyết định của mình, nhất là về quan điểm chủ trương lãnh đạo và về công tác cán bộ theo thẩm quyền. Không thể để kéo dài tình trạng một đơn vị cơ sở hoạt động yếu kém, vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước mà các cán bộ đảng, chính quyền, cơ quan quản lý, đoàn thể ở cơ sở không bị kiểm tra và xem xét, xử lý về trách nhiệm.

Tổ chức cơ sở đảng cần coi trọng công tác kiểm tra và giám sát cán bộ, đảng viên hoạt động trong chính quyền, cơ quan quản lý, các đoàn thể ở cơ sở để phát huy ưu điểm, ngăn chặn các sai sót, khắc phục các khuyết điểm. Cấp ủy lãnh đạo Ủy ban kiểm tra thực hiện đúng nhiệm vụ kiểm tra theo Điều lệ Đảng quy định, đồng thời quan tâm lãnh đạo các tổ chức thanh tra của chính quyền, thanh tra nhân dân làm tốt chức năng thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật Nhà nước và các nhiệm vụ của cơ sở, kịp thời phát hiện, xử lý các vi phạm. Đối với các vụ việc do cơ quan kiểm tra, thanh tra của cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết thì cấp ủy cơ sở phải tôn trọng, hợp tác với các đoàn kiểm tra, thanh tra đó ; mặt khác bản thân mình phải giữ vững kỷ

Digitized by Google

luật nghiêm minh và có trách nhiệm tham gia đầy đủ ý kiến để việc xem xét, kết luận được đúng đắn, khách quan.

Định kỳ 6 tháng, hằng năm và sau mỗi chương trình công tác lớn, đảng ủy, chi ủy cơ sở phải trực tiếp tiến hành và lãnh đạo chính quyền, cơ quan quản lý, các đoàn thể tiến hành việc sơ kết, kiểm điểm rút kinh nghiệm về ưu, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thông báo cho cán bộ, đảng viên, nhân dân biết và góp ý kiến. Những vấn đề có liên quan tới tổ chức, cơ chế, chính sách chung và sự chỉ đạo của cấp trên thì tổ chức cơ sở đảng phải kịp thời báo cáo lên cấp trên để cấp trên có thẩm quyền xem xét giải quyết.

2 – Phát huy dân chủ trong công tác tổ chức và cán bộ.

- Trước mỗi khóa bầu cử theo nhiệm kỳ của hội đồng nhân dân, ban chấp hành các đoàn thể, cấp ủy cơ sở cần tiến hành thăm dò tín nhiệm, thảo luận, ra nghị quyết giới thiệu những đảng viên và quần chúng đủ tiêu chuẩn để nhân dân, đoàn viên, hội viên các đoàn thể lựa chọn bầu cử vào hội đồng nhân dân và ban chấp hành các đoàn thể một cách dân chủ.

Cấp ủy lãnh đạo để hội đồng nhân dân, ban chấp hành các đoàn thể ở cơ sở bầu các chức vụ chủ chốt trong các cơ quan chính quyền, ban chấp hành đoàn thể ; tôn trọng và tiếp thu những ý kiến đúng đắn của đa số thành viên trong các tổ chức đó, khi cần, có sự điều chỉnh các quyết định một cách phù hợp.

Những chức danh cán bộ chính quyền theo luật pháp quy định mà nhân dân có quyền bầu cử trực tiếp (trưởng thôn, xóm, bản, ấp, khu phố...) thì cấp ủy vẫn phải thực hiện đúng chức năng lãnh đạo việc tổ chức các cuộc bầu cử đó ; lựa chọn để cử đảng viên và quần chúng đủ tiêu chuẩn để giới thiệu với nhân dân xem xét, bảo đảm quyền của nhân dân trong việc ứng cử, đề cử và bầu cử một cách dân chủ.

Những chức danh cán bộ chủ chốt của chính quyền, cơ quan quản lý do cấp trên bổ nhiệm (như thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang, hội đồng quản trị và giám đốc doanh nghiệp...), thì cấp ủy cơ sở phải tập hợp ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân, thảo luận, ra nghị quyết đề cử người đủ tiêu chuẩn hoặc góp ý kiến để cấp trên có thẩm quyền xem xét quyết định. Nếu có trường hợp đặc biệt mà ý kiến của cấp ủy cơ sở khác với quyết định của cấp trên thì cấp ủy cơ sở phải chấp hành nghiêm túc quyết định của cấp trên ; đồng thời đề đạt ý kiến của mình lên để cấp trên xem xét.

Những chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của cấp ủy cơ sở theo phân cấp quản lý cán bộ thì trước khi ra quyết định, cấp ủy phải thực hiện đầy đủ quy trình lấy ý kiến dân chủ của cán bộ, đảng viên, các tổ chức chính quyền, cơ quan quản lý, đoàn thể và nhân dân, trước khi xem xét, quyết định.

- Định kỳ vào cuối năm, gắn với việc tổng kết công tác của tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan quản lý, các đoàn thể, cấp ủy cơ sở cần lãnh đạo các tổ chức đó kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình ; lấy ý kiến nhân dân phê bình cán bộ, đảng viên, nhất là đối với các cán bộ lãnh đạo chủ chốt. Đối với những cán bộ, đảng viên nhân dân phát hiện có sai lầm, khuyết điểm, thì cấp ủy cơ sở phải xúc tiến công tác kiểm tra, thanh tra, kết luận, tổ chức để nhân dân nêu kiến nghị về biện pháp xử lý. Nếu là cán bộ do cấp trên quản lý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

3 – Thực hiện dân chủ trong nội bộ Đảng.

- Cấp ủy và chi bộ phải duy trì nền nếp sinh hoạt hằng tháng theo quy định của Điều lệ Đảng. Khi cần có thể tổ chức các cuộc họp đột xuất, bất thường, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình trong nội bộ và tổ chức việc lấy ý kiến các tầng lớp nhân dân góp ý, phê bình sự lãnh đạo của cấp ủy và cán bộ, đảng viên theo định kỳ (ít nhất mỗi năm một lần).

Để nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy và chi bộ, cấp ủy và nhất là đồng chí bí thư phải chuẩn bị kỹ nội dung các kỳ họp, thông báo trước cho đảng viên biết nội dung để đảng viên chuẩn bị ý kiến. Cấp ủy cơ sở có thể lập các tiểu

Digitized by Google

ban, tiểu tổ tư vấn (bao gồm những cán bộ, đảng viên có nhiều kiến thức và kinh nghiệm công tác trên từng lĩnh vực) làm tham mưu cho mình trước khi đưa ra bàn trong các cuộc họp của tổ chức đảng.

- Đảng bộ cơ sở cần duy trì hội nghị toàn thể đảng viên, ít nhất mỗi năm một lần. Ở các đảng bộ cơ sở có số lượng đảng viên đông (từ 300 đảng viên trở lên) thì cấp ủy cơ sở có thể tổ chức hội nghị cán bộ đảng hoặc hội nghị cấp ủy mở rộng hằng năm (đến các bí thư chi bộ, tổ trưởng đảng và một số đảng viên lão thành...) để kiểm điểm tình hình công tác, rút kinh nghiệm việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ sở, ra nghị quyết của đảng bộ, chi bộ trong năm tới, bảo đảm quyền dân chủ rộng rãi của đảng viên ở cơ sở.

*
* *

Thực hiện tốt những nội dung chủ yếu nêu trên là hết sức cần thiết. Song, ngoài điều đó ra, mỗi loại hình tổ chức cơ sở đảng cần có phương thức tiến hành riêng sao cho phù hợp với đặc điểm của đơn vị mình.

– *Đối với các cơ sở xã, phường, thị trấn,* tổ chức đảng cần lãnh đạo bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân thông qua cả hai hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Cụ thể là :

Lãnh đạo để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trong việc bầu cử hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn với thành phần bao gồm những cán bộ chủ chốt của đảng bộ, Mặt trận và các đoàn thể, đồng thời thu hút những người ngoài Đảng có đủ tiêu chuẩn, có nhiệt tình, có kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn trong lao động sản xuất, có tín nhiệm trong nhân dân. Xác định chủ trương chỉ đạo để hội đồng nhân dân thảo luận và quyết định các nhiệm vụ về kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, đời sống nhân dân ; về ngân sách và giám sát việc điều hành thực hiện ngân sách ; về kiểm tra và giám sát hoạt động của các đại biểu Hội đồng nhân dân, nhóm đại biểu Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ quản lý và điều hành mọi hoạt động ở cơ sở theo nghị quyết của tổ chức cơ sở đảng, quyết định của Hội đồng nhân dân, các quy định của luật pháp và chỉ thị của cấp trên.

Tổ chức và lãnh đạo để nhân dân trực tiếp bầu cử, giám sát và bãi miễn hoạt động của một số cán bộ chủ chốt như trưởng thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, ban thanh tra nhân dân, các nhóm tự quản của nhân dân... theo các quy định của luật pháp, sự chỉ đạo của cấp trên phù hợp với tình hình thực tế ở cơ sở.

Tổ chức và lãnh đạo để nhân dân trực tiếp thảo luận và quyết định một số công việc có liên quan đến quốc kế, dân sinh theo quy định của luật pháp như đóng góp vốn, xây dựng cơ sở hạ tầng ; thu, chi các loại quỹ, lệ phí ; xây dựng và thực hiện hương ước... Việc tổ chức để nhân dân thảo luận và quyết định những vấn đề nêu trên phải sử dụng nhiều hình thức linh hoạt : họp nhân dân ở từng tổ dân phố, cụm dân cư, hoặc họp đại biểu nhân dân ở cấp cơ sở, hoặc gửi phiếu lấy ý kiến nhân dân...

– *Đối với các doanh nghiệp và hợp tác xã* cũng cần có sự phân loại thật cụ thể. Thí dụ :

+ Ở các doanh nghiệp nhà nước tổ chức đảng cần giữ vững vai trò lãnh đạo đối với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ; công tác cán bộ và việc công khai hóa việc thu chi tài chính, phân phối thu nhập trong doanh nghiệp. Ngoài ra, tổ chức cơ sở đảng cần lãnh đạo thực hiện đúng các quy định của luật pháp như Luật lao động, Luật công đoàn, việc ký kết hợp đồng lao động, thỏa ước lao động và thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội.

+ Ở các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tổ chức đảng cần lãnh đạo, tuyên truyền, giáo dục để những người lao động am hiểu luật pháp, thấy rõ quyền và nghĩa vụ của mình, vận động, thuyết phục chủ doanh nghiệp thực hiện đúng Luật lao động, Luật công đoàn, nhất là việc ký kết hợp đồng lao động, thỏa ước lao động, đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động ; xây dựng tình đoàn kết giữa những người lao động và chủ doanh nghiệp vì mục tiêu sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm lợi ích của nhà nước, lợi ích của chủ doanh nghiệp, lợi ích và nhân phẩm của người lao động theo luật pháp quy định.

Digitized by Google

+ Ở các hợp tác xã, tổ chức đảng lãnh đạo bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các xã viên trong việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã, bầu cử, giám sát, hoạt động của các thành viên trong ban quản lý và ban kiểm soát hợp tác xã, góp phần làm cho sản xuất kinh doanh có hiệu quả, từng bước nâng cao các quỹ hợp tác xã, đời sống xã viên và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

– *Đối với các cơ sở hành chính, sự nghiệp* tổ chức đảng cần tập trung làm tốt các việc sau :

Bảo đảm và phát huy đúng mức chế độ thủ trưởng đồng thời lãnh đạo bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của luật pháp.

Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, công nhân viên nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc tham gia xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị ; chống tệ quan liêu, tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác.

Lãnh đạo việc tham gia ý kiến về công tác tổ chức, cán bộ trong cơ quan, đơn vị ; hướng dẫn, kiểm tra cán bộ, đảng viên, công nhân viên học tập, nâng cao trình độ kiến thức các mặt và giữ gìn đạo đức, nếp sống văn hóa ở nơi làm việc và nơi cư trú.

Kiểm tra, giám sát việc thu chi ngân sách và các hoạt động tài chính khác ở từng cơ quan, đơn vị (như tài trợ nghiên cứu khoa học, phụ cấp làm thêm, ăn trưa, khen thưởng thu chi học phí, viện phí...).

- *Đối với các cơ sở trong lực lượng vũ trang,* tổ chức đảng cần lãnh đạo thực hiện tốt các quyền dân chủ của sĩ quan và chiến sĩ ; cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng quân nhân và các hội nghị toàn thể sĩ quan, chiến sĩ trong đơn vị ; lãnh đạo việc thông tin đầy đủ, kịp thời và kiểm tra, giám sát thực hiện các điều lệnh, điều luật, nghĩa vụ và quyền lợi của sĩ quan, chiến sĩ trong đơn vị nhằm phát huy dân chủ của quần chúng trong việc xây dựng các đơn vị vũ trang vững mạnh toàn diện, tuân thủ luật pháp, có quan hệ mật thiết với nhân dân nơi đơn vị đóng quân và hoạt động. ❑

TẠO THẾ VÀ LỰC...

(Tiếp theo trang 21)

Đây là cuộc cạnh tranh rất lợi hại. Vậy các cơ quan chuyên môn phải thấy sáng tỏ và đầy đủ các xu thế nói trên, vũ trang cho mình ý chí tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, phát huy phẩm chất, trí tuệ và tài năng, khắc phục những yếu kém, sai sót một chừng nào khó tránh trong buổi đầu và cùng với mọi ngành, mọi địa phương đồng tâm hiệp lực phấn đấu nhằm những kết quả thiết thực, từ đó mà kiên cường, bền bỉ tiến về phía trước.

Ba thách thức nói trên có quan hệ và tác động lẫn nhau. Vượt qua ba thách thức này là một quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ, nó còn có thể diễn ra phức tạp và gay gắt với những biến động từ khu vực và thế giới. Chúng ta càng phải sáng suốt, kiên quyết, bền bỉ phấn đấu. Thực hiện tích cực và có hiệu quả điểm 1 và điểm 2 thì mới đem lại lực và thế để thực hiện điểm 3. Ngược lại, coi trọng điểm 3, tích cực thực hiện điểm 3 có hiệu quả thiết thực chừng nào là tạo điều kiện để làm tốt điểm 1 và điểm 2 chừng ấy.

Thời điểm hiện nay là *một cái chốt, một bước ngoặt có tầm quan trọng đáng được chú ý đầy đủ,* ở chỗ nó đánh dấu một bước phát triển mới của sự nghiệp cách mạng của chúng ta theo hướng đi lên ngày càng giàu thêm chất xã hội chủ nghĩa và chất nhân dân. Hướng đi lên này là hướng đi lên của toàn bộ tình hình đất nước, của tất cả các ngành, các lĩnh vực diễn ra trên địa bàn cả nước từ bắc đến nam, từ đông sang tây. Hướng đi lên này là cuộc phấn đấu kiên cường và bền bỉ của toàn bộ hệ thống chính trị từ cấp cao nhất cho đến cơ sở nhằm thực hiện một cách thuận lợi sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, tư tưởng và văn hóa của chủ nghĩa xã hội.

Làm tốt những công việc trên đây tức là *xây dựng được cái bàn đạp, cái bệ phóng đủ thế và lực* phóng con tầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đúng và mạnh vào quỹ đạo của nó, vững vàng tiến đến cái đích của nó, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước trong vài ba thập kỷ tới. ❑

Digitized by Google

Ý NGHĨA THỜI SỰ VÀ GIÁ TRỊ NHÂN VĂN CỦA "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN"

TÔ HUY RỨA *

Chúng ta kỷ niệm 150 năm ra đời "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" trong bối cảnh thế giới đang có nhiều biến động to lớn và nhanh chóng. Đầu những năm 90 của thế kỷ này, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (cũ) và các nước Đông Âu sụp đổ, khối NATO mở rộng về phía Đông. Trớ trêu thay, được gia nhập khối này lại là niềm mong đợi của một loạt quốc gia vốn thuộc khối Vác-sa-va ngày trước !

Thực tế này khiến chúng ta nhớ đến những thăng trầm của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" mà Ph. Ăng-ghen đã nhắc đến trong "Lời tựa" viết cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888. Ra đời vào tháng giêng 1848, "Tuyên ngôn" đã lập tức gây tiếng vang trong hiện thực bằng cuộc khởi nghĩa tháng sáu năm 1848 ở Pa-ri - cuộc khởi nghĩa mà Ăng-ghen đánh giá là "trận chiến đấu lớn đầu tiên giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản"(1). Cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp khốc liệt, những hội viên của Liên đoàn những người cộng sản đã tuyên bố giải tán. Lúc ấy, người ta đã nghĩ rằng "Tuyên ngôn" sẽ bị rơi vào quên lãng và cái "bóng ma chủ nghĩa cộng sản" cũng bị thủ tiêu. Nhưng, thực tế đã chứng tỏ một sự thật ngược lại. Từ sau năm 1872, cùng với sự phát triển của phong trào công nhân, "Tuyên ngôn" lại liên tiếp được dịch và tái bản hàng chục lần, ra hàng chục thứ tiếng và được phổ biến rộng khắp các quốc gia châu Âu cũng như châu Mỹ xa xôi. Sự kiện này cho thấy : sức sống của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" nằm ở tương lai của cách mạng vô sản và tiến bộ xã hội. Những luận điểm mà "Tuyên ngôn" nêu ra đã phản ánh đúng xu thế tất yếu của lịch sử, phù hợp với nguyện vọng chung của các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới.

Trong giai đoạn hiện nay, dù chủ nghĩa xã hội đang đứng trước những thử thách khốc liệt, còn chủ nghĩa tư bản dẫu đạt được những thành tựu kinh tế to lớn nhưng vẫn không khắc phục được những mâu thuẫn nan giải và bi kịch của một xã hội dựa trên chế độ sở hữu tư nhân và chế độ người bóc lột người ; những luận điểm mà "Tuyên ngôn" đặt ra vẫn là định hướng cho nhận thức và hành động của nhân loại trong tiến trình đi tới một tương lai tiến bộ và hạnh phúc.

Tuy nhiên, hiện thực thế giới ngày nay đã khác rất nhiều hiện thực thế giới năm 1848 khi "Tuyên ngôn" ra đời. Chẳng mấy khó khăn để có thể chỉ ra những luận điểm cụ thể, thậm chí một vài nguyên lý nhất định trong "Tuyên ngôn" không còn hoàn toàn thích hợp với thế giới đương đại. Về điểm này ngay từ năm1872, trong "Lời tựa" viết cho bản tiếng Đức chính Mác và Ăng-ghen đã chỉ ra sự không còn ăn khớp giữa lý luận với những vấn đề đặt ra trong thực tiễn : "Vì đại công nghiệp đã có những bước tiến hết sức lớn trong hai mươi lăm năm qua và giai cấp công nhân cũng đạt được những tiến bộ song song trong việc tự tổ chức thành chính đảng... cho nên hiện nay, cương lĩnh này có một số điểm đã cũ"(2). Đặc biệt, các ông nhấn mạnh : Những nhận định nêu ra ở chương IV của "Tuyên ngôn" nếu cho đến nay vẫn còn đúng trên những nét cơ bản thì trong chi tiết, những nhận định ấy đã cũ rồi, vì tình hình chính trị đã hoàn toàn thay đổi và sự tiến triển lịch sử đã làm tiêu tan phần lớn những đảng được kể ra trong đó (như trên).

Điểm qua vài nét về lịch sử và văn bản như thế để thấy rằng, Mác và Ăng-ghen đã viết và quan niệm "Tuyên ngôn" trên quan điểm thực tiễn và

---

* PGS, PTS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) C. Mác và P. Ăngghen : *Toàn tập* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 21, tr 517

(2) *Sđd*, t 18, tr 128

Digitized by Google

khách quan. Hoàn toàn không nên và không thể đòi hỏi ở "Tuyên ngôn" chỉ ra mọi câu trả lời có sẵn, đầy đủ cho tất cả những gì đang đặt ra trước chúng ta hôm nay. Nhưng, mặt khác, cũng phải dứt khoát khẳng định những gì đã và vẫn là chân lý, là xu thế khách quan và tất yếu của lịch sử mà Mác và Ăng-ghen với trí tuệ khoa học sáng suốt của các bậc thiên tài đã vạch ra trong "Tuyên ngôn".

1. Với một nhận thức như thế, trong bối cảnh thực tiễn của thế giới cũng như của Việt Nam hiện nay, chúng ta có thể và cần khai thác từ "Tuyên ngôn" nhiều vấn đề, trong đó đặc biệt đáng quan tâm là những luận điểm của Mác và Ăng-ghen về đại công nghiệp.

Những phân tích của Mác và Ăng-ghen về đại công nghiệp trong "Tuyên ngôn" đến nay vẫn là những trang viết đầy hàm súc khoa học. Trước tiên, Mác và Ăng-ghen đã nhìn thấy ở đại công nghiệp một sức mạnh cách mạng to lớn không chỉ trong giai đoạn đó mà cả trong tương lai, không chỉ trong biên giới của một quốc gia hay khu vực, mà trong phạm vi toàn thế giới.

Chính nhờ đại công nghiệp mà giai cấp tư sản "đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại" (3). Cùng với sự phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất này là sự gia tăng khối lượng của cải xã hội, là nhu cầu trao đổi hàng hóa mạnh mẽ... Tất cả những thực tế này đã phá tung không thương tiếc những xiềng xích mà xã hội phong kiến dựng lên. Nhưng chính sự phát triển của đại công nghiệp - như Mác và Ăng-ghen đã chỉ ra cũng sẽ phá bỏ "chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó"(4) nghĩa là đại công nghiệp không chỉ thủ tiêu xã hội phong kiến, mà cũng thủ tiêu ngay cả xã hội tư bản, mở đường cho nhân loại bước sang xã hội cộng sản.

Mặt khác, do nhu cầu về thị trường và tiêu thụ (nhu cầu này tỷ lệ thuận với sự phát triển của đại công nghiệp), giai cấp tư sản tiến hành việc "xâm lấn khắp toàn cầu". Những ranh giới địa lý hình thành trong xã hội phong kiến không ngừng bị phá bỏ. Không một quốc gia nào có thể biệt lập với thế giới. Một nền kinh tế toàn cầu và thống nhất từng bước được hình thành theo bước chân của đại công nghiệp. Đại công nghiệp khiến giai cấp tư sản trở thành một "công cụ vô thức của lịch sử"... "buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt" (5). Nhận xét này của Mác và Ăng-ghen cho đến nay càng được thực tiễn khẳng định. Ở những năm cuối của thế kỷ XX này, có thể nhận thấy, bất kỳ một quốc gia nào cũng đều phải lấy phát triển đại công nghiệp làm nền tảng. Sự lớn mạnh của các nước công nghiệp mới (NIC_s) tại Đông Á và Đông - Nam Á những năm gần đây cũng là một minh chứng cho tính phổ biến của đại công nghiệp đối với sự phát triển của mỗi quốc gia trên toàn thế giới.

Vậy là, "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" toát lên một tiên đoán sáng suốt của Mác và Ăng-ghen : "Xét đến cùng lịch sử phát triển của nhân loại hiện tại dựa trên lịch sử phát triển của đại công nghiệp. Và một khi phát triển đại công nghiệp là khuynh hướng không thể đảo ngược, là con đường bắt buộc phải trải qua, thì chủ nghĩa cộng sản cũng sẽ là tương lai tất yếu của nhân loại". Kết luận đó của Mác và Ăng-ghen dựa trên một luận cứ vững chắc là, chính sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của đại công nghiệp cũng đồng thời là sự phát triển mạnh mẽ về mặt trình độ của sức sản xuất xã hội làm tăng thêm và sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu tư nhân.

Tuy nhiên, Mác và Ăng-ghen không giản đơn, phiến diện khi nhìn nhận và đánh giá về đại công nghiệp. Quan điểm lịch sử vốn là một trong những đặc trưng nổi bật của tư duy triết học của Mác và Ăng-ghen. Trong "Tuyên ngôn" hai ông đã nhận thấy, trong những thời điểm lịch sử cụ thể nhất định khi đại công nghiệp mới phát triển đến trình độ chưa mâu thuẫn với chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, còn gắn liền với sứ mệnh của giai cấp tư sản trong xã hội thì phương thức sản xuất dựa trên đại công nghiệp có tính lưỡng trị. Một mặt, nó chuẩn bị những tiền đề cho sự thủ tiêu toàn bộ xã hội tư bản. Mặt khác, sản xuất đại công nghiệp cũng là một phương thức, phương tiện mà giai cấp tư sản sử dụng để bóc lột, nô dịch người lao động. Ở phương diện này, đại công nghiệp bị sử dụng sai lạc trở thành những yếu tố phi nhân bản, phản văn hóa, cần phải vượt qua và xóa bỏ phương thức sử dụng đó như một điều kiện tiên quyết cho sự phát triển tiến bộ và bền vững của xã hội.

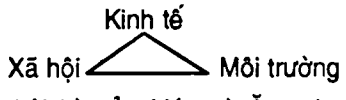
(3) *Sđd*, t 4, tr 603
(4) *Sđd*, t 4, tr 613
(5) *Sđd*, t 4, tr 602

Digitized by Google

2 - "Tuyên ngôn" thể hiện tập trung sâu sắc chủ nghĩa nhân văn mác xít qua sự phân tích của Mác và Ăng-ghen về tình trạng tha hóa của người công nhân làm thuê. Họ bị biến thành những nô lệ chẳng những của giai cấp tư sản mà "hằng ngày, hằng giờ, còn là nô lệ của máy móc" (6). Việc dùng máy móc một cách phổ biến và sự phân công lao động ngày càng chuyên môn hóa khiến "lao động của người vô sản mất hết tính chất độc lập, do đó họ mất hết hứng thú" (7). Mác và Ăng-ghen đã chỉ ra sự bất bình đẳng của xã hội tư sản : người lao động trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất, nhưng thu nhập của họ : "chỉ còn là số tư liệu sinh hoạt cần thiết để duy trì đời sống và nòi giống của anh ta mà thôi" (8) ; người công nhân " chỉ có thể sống với điều kiện là kiếm được việc làm, và chỉ kiếm được việc làm, nếu lao động của họ làm tăng thêm tư bản" (9).

Những phân tích trên cho thấy một cách sáng rõ : Sự phồn vinh về của cải xã hội không mặc nhiên đưa đến sự bình đẳng xã hội. Và điều này không chỉ dẫn đến sự nghèo đói, tình trạng số đông dân cư bị vi phạm quyền sống, mà còn trực tiếp đe dọa sự bền vững và ổn định của nền kinh tế. Hậu quả của nó như "Tuyên ngôn" đã chỉ rõ - là khủng hoảng theo chu kỳ của nền sản xuất, khiến cho xã hội "đột nhiên bị đẩy lùi về một trạng thái dã man nhất thời ;... tàn phá sạch mọi tư liệu sinh hoạt của xã hội ; công nghiệp và thương nghiệp như bị tiêu diệt" (10).

Cái hiện thực thiếu ổn định và bền vững trong sản xuất kinh tế vẫn là hiện thực phổ biến mà nhân loại giờ đây vẫn đang chứng kiến và cố sức tìm lời giải đáp. Gần đây các nhà kinh tế học đề xuất khái niệm "sự phát triển bền vững", theo đó, một nền kinh tế phát triển bền vững phải được thiết lập trên cơ sở sự hài hòa của ba nhân tố căn bản :



Trong thời kỳ của Mác và Ăng-ghen, vấn đề môi trường chưa đặt ra, nhưng mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội thì rõ ràng. Điều này đã được phân tích một cách sáng rõ trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" với một nhãn quan khoa học, sắc bén và một tinh thần nhân văn cao cả.

Cũng trên quan điểm và lập trường của người lao động, Mác và Ăng-ghen đã phê phán không khoan nhượng đối với văn hóa của giai cấp tư sản - thứ văn hóa mà "đối với đại đa số, chỉ là việc biến họ thành vật phụ thuộc vào máy móc mà thôi" (11).

Đây lại là một phương diện khác thể hiện chiều sâu của chủ nghĩa nhân văn mác xít. Đối với Mác và Ăng-ghen lao động không phải chỉ đưa đến kết quả là sản xuất ra thật nhiều của cải xã hội. Lao động còn nhằm để thỏa mãn nhu cầu sáng tạo và thỏa mãn những năng lực người. Mục đích của lao động là hướng tới con người, vì con người. Trong nhiều tác phẩm của mình, cụ thể là trong "Tuyên ngôn" sự phê phán của Mác và Ăng-ghen với chế độ tư bản không phải chỉ ở chỗ trong chế độ xã hội ấy người lao động bị bóc lột tàn nhẫn, trắng trợn, mà còn ở chỗ "trong xã hội tư sản, tư bản có tính độc lập và cá tính, còn cá nhân người lao động lại mất tính độc lập và cá tính" (12). Lấy mục tiêu con người làm điểm tựa, Mác và Ăng-ghen chỉ ra sự đối lập về bản chất giữa xã hội tư bản và xã hội cộng sản. Trong xã hội tư sản, lao động sống chỉ là một phương tiện để tăng thêm lao động tích lũy. Trong xã hội cộng sản, lao động tích lũy chỉ là một phương tiện để mở rộng, làm phong phú, làm sinh động và đẹp đẽ thêm đời sống của những người lao động. Về luận điểm này, đáng lưu ý là : Mác và Ăng-ghen *không chỉ dựng lên hình ảnh của những người lao động trong xã hội tương lai (xã hội cộng sản) mà còn hình dung ra xã hội tương lai qua nhân tố và vai trò của người lao động.* Nói cách khác, theo ngôn ngữ của chúng ta ngày nay, hai nhà tư tưởng lớn đã ý thức được cái gọi nguồn lực con người, nhìn thấy mối quan hệ qua lại giữa *nguồn lực con người* và mô hình xã hội. Khi phê phán và chỉ ra sự tất yếu sụp đổ của chế độ tư bản, Mác và Ăng-ghen đã gián tiếp để cập đến những vấn đề về nguồn lực con người. Các nhà khoa học ở các nước tư bản phát triển đã nhận thấy : đại công nghiệp của thế kỷ XVIII và XIX đã bộc lộ những trở lực không thể vượt qua, bởi nó dựa trên cơ sở khai thác những nguồn lực không có khả năng tái sinh trong tự nhiên. Người ta đang nói đến một kỷ nguyên mới dựa trên nguồn lực vô tận : nguồn lực của trí tuệ con người. Ở giai đoạn của Mác và Ăng-ghen những vấn đề trên chưa được đặt ra một cách cấp thiết, nhưng đọc "Tuyên ngôn" chúng ta thấy rõ hai nhà kinh điển đã quan tâm tới

(6) *Sđd*, t 4, tr 606
(7) (8) (9) *Sđd*, t 4, tr 605
(10) *Sđd*, t 4, tr 604
(11) *Sđd*, t 4, tr 619
(12) *Sđd*, t 4, tr 617

Digitized by Google

việc xây dựng nguồn lực con người như là một cơ sở để sáng tạo ra xã hội tương lai. Trong một loạt những biện pháp được Mác và Ăng-ghen sơ bộ nêu lên cho việc xây dựng xã hội cộng sản ta thấy có những luận điểm như : "Kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, thi hành những biện pháp nhằm làm mất dần sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn ; giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em... Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất" (13).

Mặc dù do thực tiễn lịch sử cụ thể lúc bấy giờ, ý tưởng trên chưa có được những tiền đề để có thể trở thành tư tưởng chủ đạo, song những tư tưởng của Mác và Ăng-ghen về nguồn lực con người rõ ràng là một trong những di sản tinh thần mà ngày nay cần được nhận thức, đối chiếu với thực tiễn để tiếp tục vận dụng và phát triển.

Từ tất cả những vấn đề lý luận trên liên hệ vào thực tiễn nước ta hiện nay có thể rút ra một số vấn đề sau :

Thứ nhất : Đại công nghiệp bắt đầu và phát triển trước ở các nước Phương Tây, song đại công nghiệp cũng là một sản phẩm của văn minh nhân loại. Chính sự phát triển của đại công nghiệp sẽ thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, mở đường cho sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa cộng sản. Đảng ta đã sáng suốt vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác để đưa ra mục tiêu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây là con đường tất yếu để chúng ta tiến tới một xã hội giàu mạnh, công bằng, văn minh ; đồng thời cũng là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho sự giữ vững mục tiêu CNXH ở nước ta.

Thứ hai : Công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Việt Nam phải được thực hiện bằng sự nỗ lực vượt bậc của tinh thần phát huy cao độ nội lực dân tộc, hết sức cần kiệm, kết hợp với hợp tác quốc tế có hiệu quả. Điều đó có nghĩa là chúng ta không thể không tiếp nhận vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý của các nước tư bản phát triển, có những điểm khác biệt, xa lạ với cơ tầng văn hóa dân tộc.

Có một thực tế là, sự du nhập khoa học công nghệ phương tây kéo theo nó là sự xâm nhập ồ ạt của những mô hình văn hóa ngoại lai, gây nên xung đột giữa những giá trị văn hóa bản địa và văn hóa ngoại nhập. Văn hóa bản địa là cái truyền thống, song dễ bị xem như là cái lạc hậu, không còn thích hợp. Văn hóa ngoại nhập có cả mặt tích cực và mặt tiêu cực, thường được đồng nhất với cái hiện đại, cái đem lại sự phát triển. Nhận thức sai lệnh này dễ đưa đến sự lý giải lệch lạc khác về cấu trúc của văn hóa dân tộc, rốt cuộc vừa không thực hiện được công nghiệp hóa, vừa mất cả bản sắc văn hóa dân tộc. Những tổng kết vào đầu thập niên 80 cho thấy, sao chép nguyên bản mô hình phát triển từ bên ngoài đã làm thất bại phần lớn công cuộc công nghiệp hóa tại nước đang phát triển.

Vấn đề này, chính Mác và Ăng-ghen đã có lời cảnh báo khi đề ra những biện pháp xây dựng xã hội cộng sản trong "Tuyên ngôn" : "Trong những nước khác nhau những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều" sự áp dụng khá phổ biến nếu có chỉ có thể diễn ra "đối với những nước tiên tiến nhất" Liên hệ với thực tế Việt Nam, điều đó có nghĩa là : công nghiệp hóa - dù theo mô thức quản lý tiếp thu khoa học công nghệ phương Tây thì cách thức tiến hành cũng phải có những cải biến sáng tạo thích hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, chính trị và văn hóa dân tộc. Chính vì thế, Đại hội VIII của Đảng khẳng định phải tiến hành đồng thời trong từng bước đi hai quá trình : Vừa đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vừa chú trọng giữ gìn và phát triển nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa có nhiệm vụ tạo ra "cái cốt vật chất" của xã hội, còn văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

Thứ ba : Đại công nghiệp trong điều kiện còn sở hữu tư nhân tất yếu sẽ đi kèm với những mặt tiêu cực về xã hội. Trong định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Đảng ta khẳng định công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải lấy kinh tế nhà nước làm chủ đạo, tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với bảo đảm công bằng xã hội. Một loạt những định hướng và giải pháp mà Đảng ta đề ra nhằm khắc phục những mặt trái của cơ chế thị trường chính là nhằm khắc phục những tác động bất lợi của phát triển đại công nghiệp mà kinh nghiệm lịch sử trong quá khứ và hiện tại ở nước ta đã phải trả giá. Với chiều sâu những ý nghĩa trên, tinh thần của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" vẫn tiếp tục chỉ dẫn cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước ta trong giai đoạn hiện tại cũng như trong tương lai.❑

(13) *Sđd*, t 4, tr 627 - 628

Digitized by Google

Tư tưởng Hồ Chí Minh với những điểm khởi nguồn từ "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"

NGUYỄN THẾ THẮNG *

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói rõ : "Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác" (1), và Người còn nói : "chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng". Trong suốt cuộc đời cách mạng lớn lao của mình, chính nhờ nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nên Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở ra một trang mới sáng ngời trong lịch sử tư tưởng, lịch sử cách mạng và lịch sử dân tộc Việt Nam.

Trong hệ thống lý luận Mác - Lê-nin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm nghiên cứu, phổ biến và phát triển những tư tưởng trong tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" của Mác và Ăng-ghen. Người đã vận dụng sáng tạo và phát triển trong thực tiễn những luận điểm cơ bản của Mác, Ăng-ghen trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa v.v... từ đó đưa cách mạng Việt Nam tới thắng lợi.

Trong quá trình đấu tranh thành lập "Liên đoàn những người cộng sản", Mác, Ăng-ghen được ủy nhiệm soạn thảo Cương lĩnh : "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". Các ông đã thay được phương châm hoạt động, đoàn kết còn mơ hồ : "Tất cả mọi người đều là anh em" bằng lời kêu gọi chiến đấu với tinh thần quốc tế vô sản cao cả : "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại !". Khi "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" ra đời, Mác và Ăng-ghen thường nhấn mạnh một luận điểm cơ bản là : "Việc giải phóng những người lao động phải là sự nghiệp của bản thân những người lao động".

Chủ tịch Hồ Chí Minh khi còn là người thanh niên Việt Nam yêu nước Nguyễn Ái Quốc, đã phát triển những quan điểm nói trên trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản (CNTB) đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa (ĐQCN) với chính sách thực dân trên toàn cầu. Tại Pa-ri năm 1921, Người đã tham gia sáng lập "Hội liên hiệp thuộc địa" và được ủy nhiệm soạn thảo Tuyên ngôn của Hội để giác ngộ sứ mệnh của giai cấp công nhân ở các nước đế quốc, giai cấp công nhân và nhân dân ở các thuộc địa về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Tuyên ngôn được thông qua ngày 25-5-1922, trong đó vang lên lời kêu gọi hùng hồn "Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc ! Giai cấp tư sản trong nước các bạn đã lừa dối các bạn, dùng các bạn làm công cụ đi xâm lược chúng tôi. Ngày nay, vẫn dùng cái chính sách quỷ quyệt ấy, giai cấp tư sản nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của các bạn. Đứng trước CNTB và CNĐQ, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của C.Mác : "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại". Đối với giai cấp vô sản và những người lao động ở các thuộc địa, Người vạch rõ : *"Hỡi anh em ở các thuộc địa !...* Anh em phải làm thế nào để được giải phóng ?

Vận dụng công thức của C.Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em" (2).

Công lao vĩ đại của Mác và Ăng-ghen là đã phát hiện ra sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân. Trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", các ông đã luận chứng đầy đủ cho học thuyết này. Các ông kết luận đanh thép rằng : "Giai cấp tư sản tạo ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau"(3). Nguyễn Ái Quốc đã viết "Bản án chế độ thực dân Pháp" vào năm 1925 ; và vào năm 1928 Người cũng đã chỉ ra được sứ mệnh lịch sử

* PTS, Phân viện Hà Nội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 272

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 2, tr 127 - 128

(3) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, t 1, tr 557

Digitized by Google

của giai cấp công nhân Việt Nam khi phân tích rằng, CNTB Pháp ở Đông Dương đã tạo ra ở xứ đó hai giai cấp vô sản, giai cấp vô sản công nghiệp và giai cấp vô sản nông nghiệp, rằng việc tạo ra một giai cấp vô sản và dạy cho người An Nam biết sử dụng súng ống là một bằng cớ chứng tỏ CNĐQ tự mình đào hố để chôn mình.

Theo tinh thần của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích đúng đắn vị trí, vai trò của các giai cấp trong xã hội Việt Nam. Giai cấp phong kiến suy tàn, bất lực, phản bội dân tộc, đầu hàng, làm tay sai cho đế quốc xâm lược. Giai cấp tư sản có chút ít tinh thần dân tộc, nhưng non yếu về mọi mặt và dễ có thể thỏa hiệp với đế quốc. Tầng lớp tiểu tư sản, tuy có tinh thần sôi nổi, nhưng biểu lộ tính manh động, bế tắc về tư tưởng. Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc, thực dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh phân tích rõ : giai cấp công nhân Việt Nam có đầy đủ những đặc tính cách mạng của giai cấp công nhân. Đó là : "kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật. Lại vì là giai cấp tiên tiến nhất trong sức sản xuất, gánh trách nhiệm đánh đổ chế độ tư bản và đế quốc, để xây dựng một xã hội mới, giai cấp công nhân có thể thấm nhuần một tư tưởng cách mạng nhất, tức là chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đồng thời, tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp khác. Vì vậy, về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động, giai cấp công nhân đều *giữ vai trò lãnh đạo*"(4).

Bên cạnh những điều kiện khách quan và vai trò quan trọng của lý luận đối với giai cấp công nhân, Mác, Ăng-ghen vạch rõ : giai cấp công nhân cần phải có những điều kiện chủ quan cực kỳ quan trọng nữa, phải xây dựng cho mình một chính đảng vững mạnh, phải thiết lập được một nền chuyên chính vô sản, phải tự mình trở thành dân tộc.

Theo phương hướng đó, từ những năm 20 đầu thế kỷ này, Nguyễn Ái Quốc đã truyền bá thành công chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Người đã sáng lập và dày công rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, và chính đó là một nhân tố quyết định để giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình, quyết định thắng lợi của cuộc cách mạng vô sản trong thời đại ngày nay. Những quan điểm cơ bản của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" đã được Người thể hiện đầy đủ, sáng tạo trong những văn kiện được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng họp từ ngày 3-2 đến 7-2-1930. Tư tưởng cách mạng trong những văn kiện này được tiếp tục phát triển và cụ thể hóa trong các cương lĩnh tiếp theo của Đảng, trở thành ngọn cờ tư tưởng dẫn đường chỉ lối cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam. Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam và vạch cho Đảng một đường lối cách mạng đúng đắn đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về tổ chức và đường lối lãnh đạo của cách mạng Việt Nam, đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân và của phong trào cách mạng nước ta.

Phát triển luận điểm của Mác, Ăng-ghen về việc giai cấp vô sản phải tự mình trở thành dân tộc trong điều kiện một nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc cho rằng : giai cấp vô sản phải coi quyền lợi dân tộc cao hơn hết thảy, cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc phải là tiền đề cho cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp vô sản, và tiến tới giải phóng tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khỏi mọi áp bức bóc lột, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Người kết luận : chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc, cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới. Theo tư tưởng đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam trở thành một đảng cầm quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : Đây là thắng lợi của nhân dân Việt Nam, mà cũng là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác - Lê -nin ở một nước thuộc địa. Ngày nay, chúng ta thấy đó cũng là thắng lợi rực rỡ đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cách mạng dân tộc dân chủ thành công mới chỉ là thắng lợi đầu tiên trên hành trình cách mạng vô sản. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở rằng : hễ còn có một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo hèn thì Đảng vẫn đau thương, và như thế là Đảng chưa làm tròn nhiệm vụ. Người cộng sản không được giây phút nào quên lý tưởng cao cả của mình là suốt đời làm cách mạng, phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, làm cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thắng lợi hoàn toàn trên đất nước ta và trên thế giới. Để thực hiện được mục đích đó, cần phải không ngừng củng

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 212

Digitized by Google

cố sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước và phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân lao động. Đó là sự phát triển sáng tạo quan điểm về Đảng, về chuyên chính vô sản và vai trò quần chúng nhân dân trong lịch sử, mà Mác, Ăng-ghen nêu ra trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản".

Trên phạm vi quốc tế, trong điều kiện Đảng ta và nhiều đảng cộng sản đã giành được chính quyền, Người lại càng chú ý kêu gọi thực hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản, thực hiện khẩu hiệu cách mạng mà Mác và Ăng-ghen đã nêu lên trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". Người khẳng định : có những lời mà hàng triệu người nhắc đi nhắc lại đến hàng triệu lần mà vẫn luôn luôn thích hợp và không bao giờ thừa cả. Chẳng hạn như khẩu hiệu lịch sử "Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại" mà Mác và Ăng-ghen đã nêu ra cho chúng ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phải kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, coi đó là phương châm giải quyết các mối quan hệ giữa lợi ích của giai cấp với lợi ích dân tộc và nhân loại trong cuộc đấu tranh cho các mục tiêu căn bản của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Từ khi ra đời đến nay "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" đã được phổ biến rộng rãi trên thế giới. Và Mác - Ăng-ghen đã nhiều lần viết lời tựa mới cho tác phẩm, trong đó, các ông nhắc nhở : hoàn cảnh thế giới đã có nhiều thay đổi, có những điểm, những chi tiết cụ thể, nếu có thể viết lại, các ông sẽ sửa đổi. Nhưng xét về đại thể, những nguyên lý chung trình bày trong "Tuyên ngôn" đến nay vẫn hoàn toàn đúng.

Cả Mác, Ăng-ghen, Lê-nin và Hồ Chí Minh đều thống nhất với nhau ở chỗ, coi "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" cũng như toàn bộ chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một hệ thống lý luận mở. Nó cần được liên tục bổ sung, phát triển trong thực tiễn cách mạng ở khắp nơi trên trái đất này. Nó cần được tiếp thêm sức sống từ những tri thức mới, tổng kết, đúc rút từ thực tế hoạt động sản xuất vật chất, nghiên cứu khoa học và phát triển các công nghệ mới của thời đại. Học thuyết Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của các đảng cộng sản. Nó không phải là một mớ những giáo điều cứng nhắc, hoặc các tín điều kiểu tôn giáo. Vì vậy, các đảng cộng sản, một mặt cần phải vận dụng phát triển sáng tạo, mặt khác phải thường xuyên đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch rõ, trong thời đại cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc vẫn còn gay gắt, các đảng cộng sản phải tăng cường công tác tư tưởng, chính trị, tổ chức theo tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Phải đấu tranh chống những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa như chủ nghĩa dân tộc tư sản, chủ nghĩa sô-vanh, chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa xét lại, đặc biệt là phải chống chủ nghĩa xét lại, thì phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, hệ thống xã hội chủ nghĩa mới phát triển vững chắc.

Vạch rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam và Đảng của nó trong thời đại mới, Người viết : "Giai cấp vô sản và Đảng của vô sản phải gánh cái trách nhiệm *hiểu biết thế giới và cải tạo thế giới*. Ở Việt Nam cũng như trong thế giới, sự thực hành cải tạo thế giới đã đi đến một thời kỳ mới mẻ và lớn lao, tức là biến đổi Việt Nam và thế giới đen tối thành Việt Nam và thế giới quang vinh"(5).

Để thực hiện được sự nghiệp cách mạng to lớn ấy, Người căn dặn các cán bộ, đảng viên mà trước hết là các cán bộ cốt cán của Đảng phải không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực công tác ; phải không ngừng nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, dùng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của dân tộc ta, đất nước ta ; có như thế, mới có thể định ra được đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta và tổ chức, lãnh đạo thực hiện thành công sự nghiệp đó.

Cũng như Mác, Ăng-ghen, Lê-nin đều tin tưởng vào tương lai tất thắng của giai cấp công nhân và chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : "Không có lực lượng gì ngăn trở được mặt trời mọc. Không có lực lượng gì ngăn trở được lịch sử loài người tiến lên. Cũng không có lực lượng gì ngăn trở được chủ nghĩa xã hội phát triển"(6) trên đất nước ta và trên thế giới. ❑

---

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 256

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 556 - 557

Digitized by Google

MẬU THÂN - MỘT CÁI TẾT ĐI VÀO LỊCH SỬ

Đại tướng VĂN TIẾN DŨNG

TRONG lịch sử chống ngoại xâm lâu dài, vẻ vang của dân tộc ta, có những cái Tết đã khắc sâu vào ký ức của các thế hệ như những chiến công sáng ngời hào khí, trí tuệ, tài thao lược và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

Nếu Tết Kỷ Dậu gắn liền với trận đại phá quân xâm lược Mãn Thanh ở kinh thành Thăng Long, giải phóng hoàn toàn đất nước, thì Tết Mậu Thân thời chống Mỹ trở thành tên gọi của trận quyết chiến chiến lược đưa chiến tranh vào thẳng sào huyệt của Mỹ - ngụy ở miền Nam Tổ quốc, tạo nên bước ngoặt quyết định của cuộc kháng chiến thần thánh. Phải chăng vì vậy mà các nhà nghiên cứu Mỹ đã dùng danh từ Tết như một danh từ riêng để nói về cái "đòn đau nhớ đời" đó đối với giới cầm quyền nước Mỹ.

Ba mươi năm đã qua, nhưng thời gian không thể làm phai mờ ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân mà có nhà sử học Mỹ đánh giá là sự kiện quan trọng nhất của chiến tranh Việt Nam thời kỳ đó.

Năm nay, trong khi nhân dân cả nước ta phấn khởi chuẩn bị chào đón một mùa Xuân mới đầy hứa hẹn tốt lành cho tương lai, thì việc ôn lại mùa Xuân lịch sử ấy sẽ tiếp thêm cho chúng ta nguồn động viên, ý chí và sức mạnh chiến thắng trên mặt trận đấu tranh mới của thời kỳ hòa bình.

Không đi vào những chi tiết, mặc dầu rất hấp dẫn của diễn biến trận đánh chiến lược này, tôi chỉ đi vào một số thực tế về quá trình hình thành và kết cục của quyết sách độc đáo, sáng tạo đã làm rung chuyển cả nước Mỹ, đánh dấu thời kỳ Mỹ phải xuống thang chiến tranh do bị thất bại trong chiến lược "chiến tranh cục bộ".

1 - Đánh giá đúng tình thế, đề ra chủ trương chiến lược chính xác, tạo bước ngoặt của chiến tranh.

Mọi người đều biết, do "chiến lược chiến tranh đặc biệt" bị quân dân ta đập tan, hòng xoay chuyển tình thế, đế quốc Mỹ đã tung hơn nửa triệu quân viễn chinh vào Việt Nam để tiến hành "chiến tranh cục bộ", đồng thời tiến hành chiến tranh phá hoại ác liệt bằng không quân và hải quân ở miền Bắc nước ta. Tham vọng của Mỹ là "tiêu diệt" quân chủ lực ta, đánh bại chiến tranh giải phóng của nhân dân miền Nam trong vòng hai, ba năm. Trên một triệu quân Mỹ, chư hầu và ngụy đã mở hai cuộc phản công chiến lược mùa khô, song đã không đạt được bất cứ một mục tiêu nào đề ra, trái lại phải gánh chịu những thiệt hại nặng nề. Thế chiến lược của địch bị đảo lộn, chúng phải chuyển từ phản công chiến lược sang thế phòng ngự chiến lược. Từ bị động về chiến lược, quân xâm lược Mỹ đã bị động cả về chiến dịch và chiến đấu. Chúng đã không thể đánh được theo cách chúng muốn, mà buộc phải đánh theo cách mà ta lựa chọn, trong một thế trận mà ta đã bày sẵn.

Phối hợp với cuộc leo thang chiến tranh trên bộ, đế quốc Mỹ cũng leo thang lên mức cao trong cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ở miền Bắc nước ta, đánh phá Hà Nội và Hải Phòng, thả thủy lôi phong tỏa miền Bắc, sử dụng pháo binh bắn sang bắc giới tuyến quân sự tạm thời. Chúng đã vấp phải sự giáng trả có hiệu quả của quân dân miền Bắc, chịu tổn thất nặng nề về người lái và phương tiện, mà không thể ngăn chặn được nguồn chi viện sức người, sức của từ miền Bắc không ngừng tăng thêm vào miền Nam.

Digitized by Google

Thất bại trên chiến trường đã làm gay gắt thêm những mâu thuẫn trong nội bộ địch, khơi sâu những khó khăn rất lớn về chính trị, kinh tế, xã hội ở ngay nước Mỹ. Trên thế giới phong trào chống Mỹ, ủng hộ cuộc kháng chiến cứu nước của ta dâng cao mạnh mẽ, ngày càng lôi cuốn đông đảo quần chúng năm châu. Mỹ bị cô lập và địa vị của Mỹ trên trường quốc tế cũng suy giảm.

Về phía ta, lực lượng chính trị và quân sự lớn mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây. Chúng ta đang nắm quyền chủ động trên khắp chiến trường, củng cố, mở rộng thế làm chủ trên những địa bàn quan trọng ở vùng đồng bằng và rừng núi, đồng thời tạo được thế đứng chân và làm chủ bộ phận ở vùng nông thôn chung quanh một số thành phố lớn. Tinh thần dân tộc của các tầng lớp nhân dân miền Nam thức tỉnh, công nhân và nhân dân lao động vùng lên đấu tranh quyết liệt chống Mỹ và tay sai.

Hòa nhịp với thắng lợi to lớn trên chiến trường, Hội nghị Trung ương lần thứ 13 quyết định mở mặt trận mới về ngoại giao, coi như một mũi tiến công kết hợp với chính trị, quân sự và binh vận, phát huy sức mạnh tổng hợp đánh thắng kẻ thù.

Tình hình cơ bản lúc này là ta đang ở thế thắng, thế chủ động, địch đang lún sâu vào thế thua, thế bị động. Tình hình đó tạo ra cho ta những thuận lợi mới, gây cho địch nhiều khó khăn mới.

Tuy nhiên, tình hình cũng còn rất phức tạp : Mỹ thua to, nhưng vẫn còn tiềm lực lớn. Vì thể diện, nên Mỹ ngoan cố không chịu "rút ra khỏi cuộc", cố đeo đuổi phương án "bám chặt đến cùng". Những cố gắng chiến tranh của Mỹ đã tới đỉnh cao nhất, nói một cách hình ảnh, đã "đụng trần" mà vẫn thất bại. Vượt quá giới hạn đó, hậu quả sẽ khó mà chịu nổi, Mỹ đã rơi vào thế "tiến lui đều khó".

Trong tình hình đó, Mỹ đã thảo ra một kế hoạch phản công lần thứ ba với mục tiêu giữ thế giằng co giữa hai bên, cố gắng cải thiện một phần nào tình hình nhằm gieo rắc ảo tưởng vẫn có thể giành thắng lợi, ngăn chặn mọi đảo lộn bất ngờ, chờ đến khi bầu cử Tổng thống xong (tháng 11-1968) sẽ tính thêm.

Đến lúc này đã rõ ràng là sức mạnh vật chất - kỹ thuật khổng lồ của đế quốc Mỹ đã không thể thắng nổi cách mạng Việt Nam, không cứu được Mỹ - ngụy khỏi thất bại.

Chúng ta đang đứng trước một thời cơ chiến lược mới. So sánh lực lượng cho phép ta chuyển chiến tranh cách mạng sang thời kỳ giành thắng lợi quyết định. Ta hiểu giành thắng lợi quyết định là giành một bước thắng lợi căn bản trong một tình hình cụ thể nhất định chứ chưa phải là giành thắng lợi hoàn toàn.

Tháng 5-1967, Bộ Chính trị Đảng ta họp dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh để xem xét tình hình mọi mặt và đề ra nhiệm vụ chiến lược cho năm 1968.

Trên cơ sở đánh giá thế và lực cụ thể giữa ta và địch, chúng ta nhận định có khả năng kéo Mỹ xuống thang để thắng Mỹ và chuyển cuộc kháng chiến của chúng ta sang một giai đoạn mới. Vấn đề là phải có một nỗ lực rất lớn, giáng cho địch một đòn tiến công sấm sét, kết hợp với sự khéo léo về sách lược ; mở cho địch một lối ra có thể chấp nhận được. Bộ Chính trị quyết định : "Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, trên cơ sở phương châm đánh lâu dài, cần phải phát huy mạnh mẽ chiến thắng to lớn trong mùa khô vừa qua, ra sức đẩy mạnh những cố gắng chủ quan của ta đến mức cao nhất nhằm giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn".

Tháng 6 cùng năm, Hội nghị Trung ương Đảng nhất trí với nhận định và chủ trương trên và xác định nhân lúc đế quốc Mỹ đang đứng trước thế "... tiến thoái lưỡng nan...", nhân lúc nước Mỹ đang bước vào cuộc vận động bầu tổng thống, nội bộ giới cầm quyền phân hóa, ta cần và có khả năng thực tế giáng cho chúng những đòn tiến công mạnh mẽ, làm thay đổi cục diện chiến tranh, làm lung lay hơn nữa ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh.

2 - Tư duy chiến lược sắc bén, sáng tạo, hướng đánh và cách đánh hiểm, đau, bất ngờ.

Quyết tâm đã định, vấn đề quan trọng nhất bây giờ là cách thực hiện phải như thế nào ?

Ban đầu, khi làm kế hoạch chiến lược Đông Xuân 1967-1968, ta đề ra phương án phải có những trận đánh tiêu diệt lớn với những chỉ tiêu định mức diệt sinh lực địch, giải phóng dân, làm tê liệt giao thông, đánh căn cứ lớn, đẩy mạnh đấu tranh đô thị, phá tuyển cử của địch. Đây là phương án làm theo lối cũ với chỉ tiêu cao hơn. Với phương án này, ta

Digitized by Google

sử dụng chủ lực là chính nhằm đánh tiêu diệt lớn. Nhưng khó khăn là cho đến lúc này chủ lực ta còn thiếu kinh nghiệm đánh lớn, khả năng tiêu diệt đơn vị địch lớn hơn cấp tiểu đoàn chưa bảo đảm. Một lúng túng nữa là chọn chiến trường nào để ra đòn quyết định. Và lại làm theo kiểu "tuần tự nhi tiến đó" thì địch có thời gian hồi phục, tình hình sẽ nhùng nhằng, kéo dài không thể gây chuyển biến gì lớn. Về chiến lược, không tranh thủ được thời cơ có lợi, không đáp ứng được tình thế đã mở ra.

Bộ Tổng tham mưu đã báo cáo và xin ý kiến của đồng chí Lê Duẩn. Đồng chí nêu vấn đề : có lẽ phải dùng cách kết hợp tổng công kích và tổng khởi nghĩa, đánh cả bằng quân sự và chính trị mới chắc ăn. Song cần phải bàn bạc trong Bộ Chính trị. Đến tháng 8-1967 mới hình thành ý định thay đổi phương án, lựa chọn phương án mới phát huy sức mạnh tổng hợp lớn nhất bằng cách tổng tiến công kết hợp với nổi dậy. Bắt đầu từ tháng 8 đến tháng 11-1967, các đồng chí phụ trách chiến trường ra báo cáo tình hình, thống nhất cao với chủ trương và cách đánh mới này. Ngày 20-10, Bộ Chính trị nghe Quân ủy Trung ương báo cáo kế hoạch chiến lược toàn diện về tổng công kích - tổng khởi nghĩa. Và ngày 18-11-1967 Bộ Chính trị lại họp bàn về đề án phát động quần chúng tổng khởi nghĩa kết hợp với tổng công kích. Ngày 18-1-1968, Bộ Chính trị họp nghe đồng chí Nguyễn Văn Linh báo cáo kế hoạch của miền Nam và hạ quyết tâm cuối cùng. Vậy là phải mất nhiều tháng nghiên cứu, bàn bạc, trao đổi với các chiến trường, các đồng chí lãnh đạo và chỉ huy quân sự cấp cao các địa phương, cuối cùng mới đi đến khẳng định một phương án : Kết hợp hai đòn tiến công, tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận quan trọng lực lượng quân sự Mỹ - ngụy, đánh đổ ngụy quyền các cấp, làm thay đổi lực lượng so sánh có lợi cho ta hơn nữa, trên cơ sở đó, làm lung lay hơn nữa ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược, phải xuống thang chiến tranh.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu nói trên, chúng ta *lựa chọn hướng công kích và khởi nghĩa chủ yếu nhằm vào các thành thị mà trọng điểm là Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế.* Thành thị là sào huyệt đầu não, trung tâm chỉ huy, nơi dự trữ nhiều trang bị kỹ thuật, hạ tầng cơ sở của không quân, hải quân, phương tiện thông tin, giao thông vận tải của địch. Đánh vào đây là đánh vào tim óc huyết mạch, dạ dày của địch, nơi rất hiểm và nhạy cảm nhất, chỗ mạnh nhất cũng là nơi địch đang có sơ hở, có thể do đó tạo một thời động lớn. Ở đây ta sử dụng lực lượng quân sự tinh nhuệ (đặc công, biệt động) kết hợp mũi tiến công của lực lượng xung kích với những cuộc nổi dậy của quần chúng tại chỗ và vùng nông thôn kế cận, phối hợp quân sự và chính trị, thành thị và nông thôn. Đánh như vậy nhất định gây ảnh hưởng lớn đến cục diện chiến tranh, thắng lợi sẽ có tầm với chiến lược "sức dùng một nửa mà công được gấp đôi".

Đồng thời, ta chủ trương kéo chủ lực địch ra những chiến trường ta có chuẩn bị, giam chân và tiêu diệt nhiều địch, khiến cho địch không phán đoán được ý định của ta, tạo điều kiện cho các thành thị tiến công và nổi dậy. Đây cũng là một đòn chính của tổng công kích, một hướng tiến công của bộ đội chủ lực ta.

Không gian tiến công bao trùm toàn miền, tiến hành đồng loạt trên quy mô rộng lớn chưa từng có.

Thời gian tiến công được chọn đúng giữa đêm giao thừa Tết Nguyên Đán, một thời điểm mà địch không ngờ tới.

Như vậy, việc lựa chọn phương hướng tiến công đánh đòn quyết định, việc tìm ra cách đánh tối ưu, nhằm tạo hiệu quả tối đa với lực lượng không nhiều, việc xác định quy mô và cường độ tiến công đã làm cho trận chiến Tết Mậu Thân là một giai đoạn chiến lược chưa từng có trong cuộc chiến tranh giải phóng này. Nó thực sự là một sáng tạo độc đáo trong tư duy chiến lược của Ban lãnh đạo Đảng ta, một mẫu mực về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng Việt Nam.

Song nhiều vấn đề cực kỳ phức tạp vẫn còn ở phía trước. Làm sao đưa một số lượng người và vũ khí không nhỏ vào ém sẵn sâu trong lòng địch, nơi chúng bảo vệ nhiều lớp, nhiều tầng tưởng chừng ruồi bay khó lọt. Làm sao giữ được bí mật cả một loạt hoạt động sôi nổi, dồn dập của cả ba thứ quân. Làm sao sắp xếp bố trí lực lượng chuẩn bị và phối hợp nhịp nhàng, kịp thời các mũi tiến công.

Thật khó mà nói hết được mức độ khẩn trương, căng thẳng của lao động trí óc của Bộ thống soái tối cao và cấp lãnh đạo chỉ huy các chiến trường, các địa phương để bàn bạc, đóng góp trí tuệ, đề ra

Digitized by Google

và tổ chức thực hiện quyết sách chiến lược lịch sử này. Và cũng khó mà hình dung hết được khối lượng đồ sộ công tác chuẩn bị tạo lực, tạo thế cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy, chuẩn bị đề phòng cả tình huống địch có thể đánh phá hệ thống đê điều miền Bắc, kéo dài và mở rộng chiến tranh.

Dựa vào tinh thần làm chủ của nhân dân ta, thế trận và lực lượng mà Đảng đã dày công chuẩn bị và xây dựng nên trong những năm qua, ý thức trách nhiệm cao của các cấp, nên đã đạt được sự nhất trí cao cả về tư tưởng và tổ chức, phần lớn khó khăn đã được khắc phục, mũi tên đã được đặt trên dây cung, nhằm vào yết hầu địch, chỉ chờ giờ hành động điểm là bắn.

3 - Đòn sét đánh xua tan ảo tưởng của bọn xâm lược.

Như kế hoạch đã định, cuối tháng 1-1968 ta bắt đầu mở hoạt động lớn ở mặt trận đường số 9, Khe Sanh, xem như một đòn chính của bộ đội chủ lực ta, nhằm đánh lạc hướng, thu hút quân cơ động của Mỹ, vây hãm, giam chân, tiêu hao chúng, tạo thế cho các chiến trường khác tiến công và nổi dậy. Tướng Oét-mo-len vội vã điều quân tăng cường giữ và cho không quân ném bom dữ dội, chở quân đổ bộ xuống khu vực Khe Sanh. Sau đợt Tết quân ta tiếp tục bao vây Khe Sanh, dùng hỏa lực và đánh lấn, khiến Bộ Quốc phòng Mỹ tính tới khả năng ta có thể tạo ra "cái giống như Điện Biên Phủ". Địch đã rơi vào cái bẫy của ta.

Trên chiến trường nước bạn Lào, từ ngày 12 đến 27-1-1968 quân đội Pa-thét Lào và quân tình nguyện Việt Nam mở chiến dịch Nậm Bạc đại thắng. Chiến thắng này đi trước và phối hợp nhịp nhàng với cuộc tổng tiến công và nổi dậy trên chiến trường miền Nam.

Đêm 30 rạng ngày 31-1-1968, đêm giao thừa Tết Mậu Thân, quân dân miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy trên toàn miền đánh vào 4 thành phố, 37 thị xã, hàng trăm thị trấn. Bốn bộ tư lệnh quân đoàn, hầu hết các bộ tư lệnh sư đoàn, 30 sân bay và gần 100 cơ sở hậu cần bị đánh. Trong đó có những trận gây chấn động lớn trong giới cầm quyền Mỹ và có tiếng vang mạnh mẽ trên thế giới như trận đánh vào tòa Đại sứ Mỹ, dinh Độc lập ngụy, Bộ Tổng tham mưu, Đài phát thanh ngụy ở Sài Gòn và 25 ngày đêm làm chủ thành phố Huế...

Phối hợp với cuộc tiến công vào đô thị của các lực lượng vũ trang và được sự giúp sức của lực lượng vũ trang, nhân dân đồng bằng Nam bộ đã nổi dậy, phá rã phần lớn bộ máy kìm kẹp của ngụy quyền ở thôn xã, giành quyền làm chủ ở nhiều vùng, mở rộng và củng cố hậu phương của ta. Tuy vậy, trên thực tế đã không có tổng khởi nghĩa.

Trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cho đến lúc đó, chưa có cuộc ra quân nào có quy mô lớn và khí thế cao như cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân. Ta đã tiêu diệt một bộ phận sinh lực của Mỹ, làm tan rã từng mảng lớn quân đội tay sai, giải phóng nhiều thôn, ấp, phường, phố gồm 120 vạn dân.

Trong khi lực lượng Mỹ - ngụy và chư hầu còn đông tới trên 1 triệu 20 vạn tên, nắm trong tay những phương tiện chiến tranh hiện đại, khổng lồ, đứng chân trên những căn cứ được phòng thủ vững chắc, thì quân dân miền Nam đã tiến công vào tận hang ổ của chúng, giành được thắng lợi to lớn chưa từng có.

Trong khi bộ chỉ huy quân Mỹ chờ đợi một cuộc tiến công thì cuộc tiến công đã được đoán trước lại xảy ra như một bất ngờ. Sức mạnh, thời gian, không gian, cường độ và mức phối hợp của cuộc tiến công làm cho sự bất ngờ càng tăng thêm. Mỹ luôn luôn bị bất ngờ, điều này đã hầu như có tính quy luật vì thái độ chủ quan, đánh giá thấp đối phương của họ. Còn về phía ta thì tạo được bất ngờ là kết quả của một quá trình tạo thế, tạo lực, công phu, chu đáo, có tính toán và chuẩn bị về mọi mặt.

Nhà sử học Mỹ Ga-bơ-ri-en Côn-cô đánh giá rằng : "Tết là một điểm ngoặt lớn bảo đảm rằng Cách mạng không thể nào bị đánh bại được". Nhưng còn hơn thế nữa, Tết Mậu Thân là một "đòn sét đánh" giáng vào đầu chính quyền Mỹ, làm hiện rõ trước mắt khả năng lần đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ, quân đội Mỹ bị đánh bại trong một cuộc chiến tranh. Khi chuyển sang "chiến tranh cục bộ", Mỹ tính toán rằng trong một thời gian hợp lý là từ hai đến hai năm rưỡi Mỹ có thể giành thắng lợi và rút ra khỏi miền Nam. Tết Mậu Thân buộc Mỹ phải rời bỏ lĩnh vực ảo tưởng để đối đầu với thực tế : Nếu leo thang chiến tranh với mức cao hơn nữa thì sẽ gây thiệt hại không thể nào chịu đựng nổi cho vị trí kinh tế, sức mạnh quân sự của

Digitized by Google

Mỹ và những lợi ích toàn cầu khác và xã hội Mỹ sẽ bị phân hóa về chính trị mạnh mẽ và sâu sắc hơn nữa. Kẻ sợ chiến tranh kéo dài không dứt là Mỹ chứ không phải là ta. Thế trận chiến tranh nhân dân của ta cho phép ta có thể đánh địch ở cả những điểm mà địch nghĩ là "bất khả xâm phạm". Quyền chủ động sử dụng nhân tố thời gian và không gian là thuộc về chúng ta. Chúng ta có thể đánh lâu dài và đánh mạnh, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng, nơi nào muốn đánh đều đánh được, lúc nào muốn đánh đều đánh được.

Đòn tiến công Xuân 1968 đã gây kinh hoàng cho cả nước Mỹ. Báo chí, vô tuyến truyền hình đã tường thuật, chiếu trên màn ảnh những trận đánh đó, khiến cho "chiến tranh Việt Nam đã đi vào tận phòng ngủ của người dân Mỹ". Trên hầu hết các bang nước Mỹ rộ lên những cuộc biểu tình chống chiến tranh, đặc biệt là của giới sinh viên, học sinh. Nhiều người trong chính giới Mỹ đòi xét lại chính sách của Mỹ đối với cuộc chiến này. Trong nội bộ các cố vấn thân cận của Tổng thống Mỹ diễn ra sự chia rẽ gay gắt. Tổng thống Giôn-xơn đã phải triệu tập một cuộc họp "những người am hiểu nhất". Sau hai phiên tranh luận kéo dài, phần đông tán thành chấm dứt leo thang và có những biện pháp đi đến tách ra khỏi chiến tranh.

Ngày 31-3-1968, Giôn-xơn thông báo quyết định đơn phương ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, nhận đàm phán với ta tại Pa-ri và tuyên bố không ra tranh cử tổng thống nhiệm kỳ hai. Có thể coi đó là sự thừa nhận công khai sự phá sản của chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ. Và rõ ràng là ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ đã bị lung lay tận gốc. Nhưng Mỹ vẫn còn ý đồ xảo quyệt, rút ra mà vẫn ở lại, chuyển sang thi hành chiến lược "phi Mỹ hóa" rồi "Việt Nam hóa" chiến tranh.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, ta còn tổ chức mấy đợt tiến công nữa vào các thành thị, lơi lỏng các vùng nông thôn. Trong khi địch tiến hành bình định cấp tốc giành dân, ta đã gặp khó khăn trong một thời gian.

Mặc dù vậy, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy vẫn giữ một vị trí to lớn và oanh liệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Cùng với thắng lợi đánh bại hai cuộc phản công chiến lược trong hai mùa khô của Mỹ, nó đã giáng một đòn quyết định đánh bại cố gắng chiến tranh cao nhất của Mỹ, buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược, bắt đầu quá trình xuống thang chiến tranh, rút dần quân Mỹ về nước.

Chúng ta thắng lớn, địch thua to cả về quân sự và chính trị, cả ở Việt Nam và trên đất nước Mỹ.

Thắng lợi to lớn và quan trọng nhất là chúng ta đã tạo ra một sự thay đổi đột biến quyết định trong cục diện chiến tranh. Địch đã bị hãm vào thế bị bao vây về chiến lược trên toàn bộ chiến trường, đặc biệt là mặt trận thành thị.

So sánh lực lượng giữa ta và địch đã có chuyển biến một bước quan trọng có lợi cho ta.

Về chính trị, điều quan trọng nhất là địch đã nhận thấy sẽ thua nếu kéo dài chiến tranh.

Ta sẽ mở ra cục diện mới, thế chiến lược mới, mặt trận mới, lực lượng mới, khả năng mới.

Chúng ta thắng vì Đảng ta giữ vững đường lối độc lập, tự chủ, đúng đắn sáng tạo, đánh giá đúng so sánh lực lượng giữa ta và địch, dựa vào ý chí, trí tuệ, tài năng tổ chức của lãnh đạo, tinh thần làm chủ của nhân dân, cả nước một lòng, quyết tâm chiến đấu với tinh thần dũng cảm vô song, đồng thời ta biết nắm thời cơ, tạo bất ngờ. Thắng lợi không phải ngẫu nhiên có được mà là kết quả của một quá trình xây dựng sức mạnh tổng hợp, tạo thế chiến lược có lợi, hành động táo bạo và kiên quyết.

Ký ức về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác là tượng đài vĩnh viễn biểu dương khí phách, nghệ thuật quân sự và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

Đó cũng là một cảnh cáo nghiêm khắc đối với bọn phản động rằng nước Việt Nam anh hùng có những chủ nhân xứng đáng, nếu chúng đụng vào ắt sẽ bị đánh tơi bời.

Với niềm tự hào chính đáng về kỳ công hiển hách Tết Mậu Thân, với niềm tin tưởng vào sự thống nhất ý Đảng lòng dân nguồn sức mạnh vô địch và vô tận, chúng ta đem tinh thần Tết Mậu Thân vào trận đánh mới : "công nghiệp hóa hiện đại hóa nước nhà", xây đắp tương lai xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh cho Tổ quốc thân yêu và nhân dân anl hùng của chúng ta. ❑

Digitized by Google

NHỚ LẠI

Tết Mậu Dần này đến đúng vào dịp kỷ niệm hai sự kiện trọng đại của thời kỳ chống Mỹ cứu nước : 30 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân và 25 năm ngày ký Hiệp định Pa-ri về Việt Nam.

Hiệp định Pa-ri về Việt Nam là kết quả một cuộc đàm phán kéo dài gần 5 năm (1968 - 1973) giữa ta và Mỹ, một hiệp định nhằm chấm dứt cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kéo dài, cho đến thời điểm đó, là gần 18 năm, tiếp theo cuộc chiến tranh 9 năm chống Pháp.

Sau khi Hiệp định Pa-ri về Việt Nam được ký kết, các nhân vật có liên quan của phía Mỹ, từ tổng thống Giôn-xơn, tổng thống Ních-xơn, đến cố vấn của tổng thống Mỹ Kít-xinh-giơ, trong hồi ký của mình, đều nói đến hội nghị Pa-ri, những cuộc đàm phán và bản thân bản hiệp định. Họ đưa ra khá nhiều tư liệu, khá nhiều nhận định nhưng đó chỉ là một phần sự thật theo cách nhìn của họ, sự thật của một phía. Còn cái sự thật của sự thật, cái ý nghĩa thật sự của Hiệp định Pa-ri về Việt Nam thì họ đã đề cập sai lệch.

Ngày 13-1-1973, tại phiên họp cuối cùng giữa Lê Đức Thọ và Kít-xinh-giơ, khi bàn đến thủ tục ký kết hiệp định, Kít-xinh-giơ đề nghị rằng ngày ký hiệp định sẽ là một ngày trang trọng ở Mỹ và ở Việt Nam. Tuy nhiên, vào ngày đó ở Pa-ri, "sẽ không đọc diễn văn và chỉ có chúc tụng từng người ở bên ngoài". Ông còn nói thêm với Lê Đức Thọ, nửa đùa nửa thật :

- Chắc các ông sẽ không dùng từ chiến thắng chiến tranh xâm lược !

Về sau, khi đánh giá bản hiệp định được ký kết, hai nhà bình luận Mỹ - anh em Kalb - đã nói một cách hóm hỉnh như sau : "Ních-xơn được tù binh trở về. Lê Đức Thọ được Mỹ rút ra. Thiệu được giữ lại chính quyền và Chính phủ Cách mạng Lâm thời (Chính phủ Việt Cộng) được một mức độ hợp pháp chính trị ở Nam Việt Nam. Mỗi người được một cái gì đó nhưng không có ai được tất cả mọi cái".

Sự thật như thế nào ? Mười năm sau Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, tức là tám năm sau, Đại thắng mùa Xuân năm 1975, khi tình hình đã lắng đọng, mọi sự vật đã hiện ra với cái mà nó có, ngày 27-1-1983, trên báo Nhân Dân, Bộ trưởng Xuân Thủy, nguyên Trưởng đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Pa-ri về Việt Nam đã viết bài nhan đề là : "Hiệp định Pa-ri về Việt Nam đã được mười năm".

Bài báo mở đầu như sau : "Thấm thoát đã mười năm rồi, kể từ ngày 27-1-1973, Hiệp định Pa-ri được ký kết buộc Mỹ tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Từ ngày ấy, chúng ta đã nhận định : Đó là thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam, đồng thời là thắng lợi của nhân dân Đông Dương, thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, của phong trào độc lập dân tộc và hòa bình thế giới.

Mặc dù Mỹ không thi hành đầy đủ Hiệp định Pa-ri nên còn ra sức phá hoại, song hiệp định đó đã tạo điều kiện cho nhân dân ta thực hiện ý thơ của Bác Hồ :

"Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào,

...

Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn"

Đến nay, mười lăm năm nữa lại trôi qua, nghĩa là đã qua một phần tư thế kỷ kể từ ngày ký Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, nhận định từ đầu của chúng ta về bản hiệp định đó, qua lời nhận xét nêu trên của Bộ trưởng Xuân Thủy, hầu như vẫn còn tươi nguyên. Bởi lẽ đó chính là sự thật.

Tại sao có đàm phán ở Pa-ri, đàm phán diễn ra như thế nào và Hiệp định Pa-ri đã giải quyết được những vấn đề gì ? Đó là những điều mà chúng ta có thể tìm thấy ở phần trình bày sau đây của Bộ trưởng Xuân Thủy qua bài báo đã dẫn :

"Bắt buộc Mỹ phải đàm phán

Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ hai (sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945) bị quân và

Digitized by Google

dân ta đánh cho đại bại, phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ tháng 7-1954. Theo hiệp định đó, quân Pháp phải tập kết ở dưới vĩ tuyến 17 để sẽ rút ra khỏi Việt Nam. Tháng 7-1957, nước Việt Nam tổng tuyển cử để thống nhất nước nhà. Nhưng đế quốc Mỹ đã thay chân thực dân Pháp, lập nên ở miền Nam nước ta một chính quyền tay sai, biến miền Nam nước ta thành một căn cứ quân sự và thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Tất nhiên Mỹ bị nhân dân ta từ Nam đến Bắc chống trả một cách quyết liệt. Mỹ trắng trợn đưa quân viễn chinh vào miền Nam, gây chiến tranh cục bộ, rồi ném bom miền Bắc, gây chiến tranh phá hoại.

Một câu hỏi được đặt ra hồi bấy giờ là : Mỹ là tên trùm đế quốc, giàu tài nguyên, lắm đô-la, nhiều vũ khí hiện đại, nhất là vũ khí hạt nhân, mạnh gấp nhiều lần Pháp và Mỹ chưa chịu thua ai bao giờ. Việt Nam anh dũng thật, song có chống nổi Mỹ không ?

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quân ủy Trung ương và toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đã nhiều lần thảo luận và nhiều lần khẳng định rằng . Miền Bắc sau khi đuổi hết thực dân Pháp, nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ cơ bản đã hoàn thành. Miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời nhân dân ta phải đấu tranh giải phóng miền Nam đặng hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta nhất định thắng lợi. Bởi vì nhân dân ta vốn có truyền thống đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm, lại có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta, một đảng mác xít - lê nin nít. Cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược của nhân dân ta là chính nghĩa, được nhân dân thế giới đồng tình và ủng hộ. Vấn đề là chúng ta phải biết đánh như thế nào để thắng Mỹ. Chúng ta đánh Mỹ trên ba mặt trận : chính trị, quân sự, ngoại giao. Ba mặt trận này phải kết hợp chặt chẽ. Chúng ta đánh lùi Mỹ từng bước, đánh bại Mỹ từng bộ phận, cuối cùng hoàn toàn đuổi Mỹ ra khỏi Việt Nam.

Theo đường lối chủ trương đó, toàn dân ta đánh Mỹ trên khắp các mặt trận bằng nhiều hình thức khác nhau, làm cho Mỹ ngày càng bị thiệt hại nặng. Tuy vậy, Mỹ vẫn không chịu đáp ứng lời kêu gọi đàm phán của ta.

Sau khi bị tiến công bất ngờ trong dịp Tết Mậu Thân (2-1968) Mỹ mới cảm thấy những nơi chúng đóng quân không còn nơi nào an toàn kể cả Sài Gòn mà chúng từng khoe khoang là đất thánh, bất khả xâm phạm. Trước tình hình ấy, Mỹ đành phải ngừng ném bom từ Ninh Bình trở ra phía Bắc và nhận ngồi đàm phán với ta ở Pa-ri.

Cuộc đàm phán này kéo dài gần năm năm (1968 -1973), có thể chia làm hai giai đoạn :

Giai đoạn thứ nhất là cuộc đàm phán hai bên. Một bên là Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Bộ trưởng Xuân Thủy làm trưởng đoàn và đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng ta làm cố vấn đặc biệt. Một bên là Đoàn đại biểu chính phủ Mỹ do Đại sứ Ha-ri-man làm trưởng đoàn, đó là nhà đàm phán có nhiều kinh nghiệm của Mỹ, đã từng làm bộ trưởng trong nhiều chính phủ Mỹ trước đây.

Trong giai đoạn này, cuộc đàm phán diễn ra từ tháng 5-1968 đến hết tháng 10-1968 tại một nhà văn hóa Pháp ở phố Clê-be, Pa-ri.

Phía Mỹ đòi giải quyết toàn bộ vấn đề Việt Nam. Phía ta một mực đòi Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn và vô điều kiện việc ném bom miền Bắc thì ta mới bàn đến việc khác. Trong khi đó, trên chiến trường quân sự, hai bên vẫn nổ súng. Cho mãi đến ngày cuối cùng của tháng 10-1968, chính phủ Mỹ mới chịu chấm dứt nốt việc ném bom phần còn lại ở miền Bắc từ Thanh Hóa đến Vĩnh Linh.

Cả thế giới đều reo mừng cùng chúng ta. Đoàn chúng tôi đóng trụ sở tại một địa điểm ở thị xã Soa-di Lơ Roa, sát Pa-ri, có tường bao bọc xung quanh, bên ngoài có cảnh sát Pháp canh gác. Trong những ngày đầu tháng 11-1968, sáng nào chúng tôi ra sân cũng lượm được rất nhiều hoa và những bức thư chúc mừng thắng lợi của những người qua đường ném vào. Ấy là chưa kể những bức thư, bức điện chúc mừng mà chúng tôi nhận được qua bưu điện.

Giai đoạn thứ hai là cuộc đàm phán bốn đoàn đại biểu : Tháng 11-1968 ở Mỹ có cuộc bầu cử tổng thống. Giôn-xơn, người của Đảng Dân chủ, vì thất bại trong chiến tranh Việt Nam không ra ứng cử tổng thống. Níchxơn, người của Đảng cộng hòa trúng cử tổng thống Mỹ. Tháng 1-1969, Níchxơn lên cầm quyền, đồng ý tiếp tục đàm phán và đề

Digitized by Google

nghị có thêm đại biểu chính quyền Sài Gòn. Phía ta cũng đòi có đại biểu của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Thế là hội nghị có bốn đoàn đại biểu.

Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vẫn do Bộ trưởng Xuân Thủy làm trưởng đoàn, và cố vấn đặc biệt là đồng chí Lê Đức Thọ. Đoàn đại biểu chính phủ Mỹ do Đại sứ Ca-bốt Lốt là trưởng đoàn, người đã từng bày mưu kế cho bọn tay sai giết hại nhân dân ta ở miền Nam. Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam do đồng chí Trần Bửu Kiếm làm trưởng đoàn, sau thay bằng Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam do Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình làm trưởng đoàn. Đoàn đại biểu chính quyền Sài Gòn do đại sứ Phạm Đăng Lâm làm trưởng đoàn. Bốn đoàn này vẫn họp ở nhà văn hóa Pháp tại phố Clê-be.

Đến mùa thu 1969 còn có cuộc họp tay đôi ở địa điểm khác trong thành phố Pa-ri giữa một bên là cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy, còn phía bên kia là tiến sĩ Kít-xinh-giơ, cố vấn của tổng thống Mỹ Ních-xơn. Lúc đầu, Kít-xinh-giơ đề nghị cuộc họp tay đôi này giữ bí mật, nhưng dần dần tự phía Mỹ lại đưa ra công khai.

Cả cuộc họp bốn đoàn và cuộc họp tay đôi đều có một nội dung chính giống nhau : Phía Mỹ coi vĩ tuyến 17 trở vào phía Nam Việt Nam là một quốc gia riêng biệt, đó là nước Việt Nam Cộng hòa do chính phủ Nguyễn Văn Thiệu cai trị. Cho nên chúng đòi quân đội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải rút về miền Bắc. Chúng ta đã hoàn toàn bác bỏ với lập luận : Nước Việt Nam là một, không ai có thể chia cắt ; vĩ tuyến 17 là ranh giới quân sự tạm thời không phải là ranh giới chính trị và lãnh thổ. Quân đội Việt Nam cũng như nhân dân Việt Nam có quyền ở trên đất nước của mình và có quyền chống kẻ xâm lược ở bất cứ nơi nào trên lãnh thổ Việt Nam. Mỹ là kẻ xâm lược phải rút hết ra khỏi Việt Nam. Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu do Mỹ lập ra, cần phải được xóa bỏ. Ních-xơn cho rằng cái gì không giành được ở chiến trường thì giành ở bàn đàm phán. Khi không giành được ở bàn đàm phán thì chúng lại tăng cường chiến tranh. Chúng ra sức càn quét miền Nam, ném bom lại miền Bắc ; dùng Lon Non lật đổ Xi-ha-núc, xua quân Thiệu đánh sang Cam-pu-chia và đánh sang Lào, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Nhưng tất cả những hành động tàn ác đó của Mỹ và tay sai đều bị thất bại. Trong lúc đó, mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam do các nước xã hội chủ nghĩa làm nòng cốt, đã hình thành trên thực tế. Pa-ri là nơi giao thông liên lạc thuận tiện với khắp các nước trên thế giới. Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở cách nhau năm ki-lô-mét, ngày nào cũng tiếp khá nhiều khách quốc tế từ bốn phương qua lại. Sau khi nghe chúng ta giải thích ai nấy đều tỏ ra tin tưởng và đứng về phía chúng ta. Ở nhiều nước, những cuộc biểu tình, mít tinh đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam diễn ra sôi nổi, càng làm cho chính quyền Mỹ cô lập và rất lúng túng.

Bắt buộc Mỹ phải ký hiệp định

Trong lúc thua đau ở chiến trường và chưa giành được gì trên bàn đàm phán, Mỹ tưởng có thể lợi dụng Trung Quốc để gây sức ép với ta. Năm 1971, Ních-xơn phái Kít-xinh-giơ đi Bắc Kinh và năm 1972, Ních-xơn đích thân đi Trung Quốc ký Thông cáo Thượng Hải. Song những người kháng chiến Việt Nam có chính sách đối nội, đối ngoại độc lập tự chủ, chúng ta có thế mạnh trên chiến trường, có lập trường vững chắc trên bàn đàm phán, nhân dân tiến bộ trên thế giới ủng hộ chúng ta, không khi nào chúng ta chịu thừa nhận chính quyền Nguyễn Văn Thiệu và sự có mặt của Mỹ ở miền Nam. Không gây được sức ép với ta, Mỹ đành phải nhận ký Hiệp định Pa-ri về Việt Nam trong tháng 10-1972, trên cơ sở bản dự thảo của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng tham lam, ngoan cố, hiếu chiến là bản chất của chủ nghĩa đế quốc, cho nên chúng lại lật lọng không ký. Ních-xơn và Kít-xinh-giơ đòi sửa đổi những điều quan trọng trong bản dự thảo mà hai bên đã thỏa thuận nhằm giành phần lợi cho phía Mỹ. Ta không đồng ý. Cuộc đàm phán tay đôi lại bế tắc. Ngày 15-12- 1972, Kít-xinh-giơ về Oa-sinh-tơn, đồng chí Lê Đức Thọ về Hà Nội. Ở Pa-ri chỉ còn hội nghị bốn đoàn đại biểu vẫn tranh luận ở phố Clê-be.

Ních-xơn điên cuồng hạ lệnh dùng máy bay B52 ném bom Hải Phòng, Hà Nội từ đêm 18-12.

Digitized by Google

Thế là trong cuộc xâm lược này, bọn Mỹ đã phạm rất nhiều tội ác, trong đó có việc triệt hạ làng Sơn Mỹ, giết hết trẻ con, ông bà già và phụ nữ, rải hóa chất độc ở Trường Sơn và nhiều nơi khác, nay chúng lại phạm tội ác lớn nữa là dùng máy bay B52 ném bom Hải Phòng, Hà Nội nhằm hủy diệt từng dãy phố, giết hại hàng loạt người Việt Nam. Ních-xơn và Kít-xinh-giơ có ngờ đâu chúng lại một lần nữa thất bại thảm hại. Suốt 12 ngày đêm từ 18 đến 29-12-1972, quân và dân ta chiến đấu rất ngoan cường và anh dũng. Toàn miền Bắc đã hạ 81 máy bay, trong đó có 34 B52, riêng Hà Nội đã hạ 32 chiếc ; ngoài ra, còn hạ nhiều máy bay hiện đại khác và bắt nhiều tên giặc lái Mỹ. Hết ngày 29-12-1972, Mỹ đành phải ngừng cuộc ném bom này và Ních-xơn đề nghị nối lại cuộc đàm phán tay đôi ở Pa-ri. Lần này cố vấn tổng thống Mỹ Kít-xinh-giơ ngồi vào bàn đàm phán với cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy (theo danh từ gọi hồi đó) ông ta càng ở vào thế yếu, cho nên sau khi nghe ta lên án kịch liệt về việc ném bóm bằng B52 vừa rồi, ông ta phải dấu dịu, đề nghị sửa đổi một số câu, chữ mà ta có thể chấp nhận, rồi đi đến thỏa thuận ký kết Hiệp định Pa-ri về Việt Nam vào ngày 27-1-1973, cơ bản như dự thảo của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đưa ra tháng 10-1972.

Theo thủ tục quốc tế thì việc ký kết hiệp định là do các bộ trưởng ngoại giao của các bên đàm phán ký kết, nhưng khi bàn đến ký chính thức thì Mỹ chỉ muốn ký tay đôi giữa Bộ trưởng ngoại giao Mỹ và Bộ trưởng ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chúng ta thừa hiểu rằng Mỹ không muốn thừa nhận chữ ký của đại diện ngoại giao Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Hơn nữa Mỹ muốn có chỗ hở để sau này Nguyễn Văn Thiệu viện cớ không ký thì không thi hành hiệp định. Ta kiên quyết đòi bốn bộ trưởng ngoại giao của bốn đoàn đại biểu đều phải ký vào bản hiệp định. Mỹ phải chịu theo ý ta và đề nghị : cùng một bản Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, hai bộ trưởng ngoại giao Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký vào buổi sáng 27-1-1973, còn bốn bộ trưởng ngoại giao của bốn đoàn đàm phán thì ký vào buổi chiều 27-1-1973. Do đó, cũng ở nhà văn hóa Pháp tại phố Clê-be, buổi sáng 27-1-1973 có cuộc ký kết giữa Bộ trưởng ngoại giao Rô-giơ và Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Duy Trinh với sự có mặt của đoàn đàm phán Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Buổi chiều 27-1-1973, ngoài hai bộ trưởng ngoại giao kể trên, có Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Thị Bình và Bộ trưởng ngoại giao Trần Văn Lắm (chính quyền Nguyễn Văn Thiệu) cùng ký kết với sự có mặt của bốn đoàn đàm phán. Buổi chiều cũng như buổi sáng, mỗi bên ký xong đều có nâng cốc sâm-panh. Những người tham dự của phía bên ta hôm ấy đều thấy sâm-panh ngọt nồng, còn phía bên kia không rõ họ cảm thấy chát chua hay cay đắng.

Trong khi đó, ngoài đường phố Pa-ri rợp bóng cờ bay : cờ đỏ sao vàng, cờ nửa đỏ nửa xanh sao vàng ở giữa, cờ xanh lam có chim bồ câu trắng cùng những tiếng hô vang : "Việt Nam thắng lợi, Hòa bình muôn năm". Hiệp định Pa-ri về Việt Nam sau khi được ký kết, Mỹ rút hết quân ra khỏi Việt Nam và lấy được tù binh Mỹ về nước, còn lại những khoản khác của hiệp định Mỹ không thi hành nữa, mặc dù hiệp định đã nói : Mỹ và các nước phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Nhưng chữ ký chưa ráo mực, thì phía Mỹ đã dày xéo lên chữ ký của họ. Ních-xơn chủ trương "Việt Nam hóa chiến tranh", dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam, với vũ khí và sự chỉ huy của Mỹ. Vũ khí Mỹ lại ùn ùn chở vào miền Nam, cố vấn và chuyên gia Mỹ được tăng cường bên cạnh chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Theo lệnh Mỹ, Thiệu không chịu ngừng bắn, tiếp tục đánh lấn chiếm ra vùng tự do của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Sự việc diễn ra như thế càng ngày càng tăng. Chính vì vậy, quân và dân ta có cuộc đại tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Từ ngày 30-4-1975, quân và dân ta đã đuổi hết bọn Mỹ ra khỏi Việt Nam, đánh sập ngụy quyền Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà. Cả nước ta bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Tình hình trên chứng tỏ sự lãnh đạo của Đảng ta rất sáng suốt, nhân dân ta và các lực lượng vũ trang của ta rất anh hùng.

Những gì mà Kít-xinh-giơ viết trong tập hồi ký của ông ta, không giống sự thật trên đây, đều là xuyên tạc và bịa đặt. Tiếc rằng trong phạm vi một bài báo, tôi chỉ có thể kể lại một cách tóm tắt những nét chính như vậy". ❑

Digitized by Google

HIỆU QUẢ MỘT DỰ ÁN ĐẦU TƯ Ở HUYỆN MƯỜNG TÈ

LÝ ANH PO * - BÙI HÒA BÌNH **

TRONG công cuộc đổi mới của đất nước ta, nông thôn nói chung và nông thôn vùng miền núi và dân tộc nói riêng, những năm gần đây đã có nhiều tiến bộ về kinh tế - xã hội. Nhiều tiềm năng ở vùng nông thôn và miền núi được đánh thức dậy. Ở nhiều nơi đã có sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa. Miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã từng bước xóa bỏ dần thế độc canh, tự cung tự cấp. Từ Tây Bắc, Việt Bắc đến miền Trung - Tây Nguyên, đã hình thành một số vùng chuyên canh các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cà phê, cao su, hồi, quế, dâu tằm... đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào được nâng lên. Đó là những tín hiệu đáng mừng, đáng trân trọng.

Tuy nhiên, nhìn chung, tình trạng đói nghèo, thất học và bệnh tật vẫn đang là điều nhức nhối. Chẳng hạn, Mường Tè, một huyện vùng cao phía Tây Bắc của Tỉnh Lai Châu, có số dân 33 782 người, gồm 13 dân tộc anh em cùng sinh sống, nhưng tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến lớp chỉ có 44% ; tỷ lệ người mù chữ cao : H'mông 89,7%, La Hủ 91,7%, Mảng 82,5%, Hà Nhì 72,6%... ; tỷ lệ phát triển dân số tới 3,9% ; tỷ lệ số hộ đói nghèo trong huyện chiếm 58,31% ; tình trạng du canh, du cư khá phổ biến. Cơ sở vật chất của huyện còn yếu kém. Toàn huyện chỉ có một đường ô tô dài 91 km chạy từ thị xã Lai Châu đến trung tâm huyện ly, vào mùa mưa đường dốc, lầy lội, đi lại rất khó khăn, nguy hiểm. Huyện có 108 công trình thủy lợi lớn nhỏ phục vụ tưới, tiêu cho hơn 1 000 ha ruộng nước, nhưng chỉ có 6 công trình hoạt động ổn định 2 vụ cho 97 ha lúa nước. Hầu hết các công trình còn lại đều xây dựng tạm, nên thường xuyên bị hư hỏng, hiệu quả khai thác thấp. Cả huyện chỉ có một công trình thủy điện nhỏ, công suất 22 KW được xây dựng năm 1968, năm 1972 bị nước lũ tàn phá. Thị trấn Mường Tè có một trạm phát điện công suất 120 KW, chỉ đáp ứng 60% nhu cầu điện thắp sáng cho khu vực trung tâm. Huyện có một bệnh viện 30 giường, nhà cấp 4, có 1 trường thanh niên dân tộc, 1 trường tiểu học, 1 trường cấp II, hầu hết là nhà tạm làm bằng tre, nứa, lá. Có thể nói, đây là một huyện khó khăn thuộc loại điển hình của miền núi phía Bắc nói riêng và của cả nước nói chung.

Trước thực trạng khó khăn như vậy, Mường Tè đã được Đảng và Nhà nước quan tâm tạo điều kiện để phát triển, hòa nhập với sự phát triển chung của vùng. Từ năm 1993, Chính phủ đã chọn Mường Tè làm huyện điểm để chỉ đạo đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, với mục tiêu : giúp đồng bào các dân tộc biết cách làm ăn mới, xóa đói giảm nghèo, giữ rừng, từng bước nâng cao dân trí, nâng cao đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội, chăm sóc sức khỏe đồng bào, tạo điều kiện để đồng bào hòa nhập vào nhịp độ phát triển chung của cộng đồng, bảo vệ và giữ rừng đầu nguồn sông Đà, trên cơ sở ổn định, định canh, định cư, từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng, chú trọng đào tạo nguồn cán bộ tại chỗ. Đây là một dự án lớn, được Nhà nước và nhân dân đầu tư hơn trăm tỉ đồng, trong đó, Nhà nước đầu tư là chủ yếu, còn lại một phần do nhân dân đóng góp.

Ngay sau khi dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ban chỉ đạo của Chính phủ và Ban chỉ đạo của tỉnh được thành lập với chức năng hướng dẫn, chỉ đạo giúp huyện Mường Tè tiếp nhận vốn, tổ chức thực hiện dự án đầu tư. Trong quá trình

* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè, Lai Châu
** Văn phòng Ủy ban Dân tộc và Miền núi

Digitized by Google

triển khai thực hiện dự án, huyện Mường Tè luôn được sự quan tâm giúp đỡ của các bộ, ngành trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các ban ngành của tỉnh, cũng như các cơ quan liên quan. Vì vậy, chỉ trong thời gian từ cuối năm 1993 đến 1997, dự án đã triển khai thuận lợi và thu được kết quả đáng phấn khởi. Có thể nói đây là kết quả hoạt động hài hòa ăn ý và có hiệu quả cao của ban chỉ đạo dự án từ trung ương đến địa phương. Đó là kết quả hoạt động nghiêm túc, khoa học với những bước đi thích hợp. Vừa nghiên cứu xem xét, vừa hành động cụ thể ; thường xuyên tổng kết đúc rút kinh nghiệm kịp thời và đưa ra các giải pháp hợp lý... Đây có thể coi như một bài học kinh nghiệm nhỏ cho việc tiến hành các dự án tiếp theo trong cả nước.

Việc đầu tiên khi bắt tay vào thực hiện dự án là củng cố và nâng cấp thị trấn Mường Tè nơi trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của huyện như : trụ sở các cơ quan, đường nội thị, trường học, bệnh viện, bưu điện... ; cũng như trụ sở làm việc của 17 xã trong huyện.

Việc thứ hai cùng tiến hành là giải quyết hệ thống đường giao thông trong huyện như tuyến đường chiến lược Lai Châu - Mường Tè và hàng loạt các con đường trong huyện vốn chỉ là đường mòn liên xã dành cho người đi bộ và ngựa. Ở đây cũng phải kể đến việc nâng cấp đường thủy Pô-lếch - Pắc ma trên sông Đà dài 60 km. Đi kèm với việc làm đường là làm mới và sửa chữa nâng cấp nhiều cầu lớn nhỏ. Đây là công việc tốn kém nhiều nhất khi thực hiện dự án với số tiền hơn 90 tỉ đồng. Chính vì vậy, hệ thống đường giao thông ở Mường Tè hiện nay đã được nâng cấp, góp phần tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong thời gian tiếp theo.

Mặt khác, trong dự án đầu tư phát triển kinh tế ở Mường Tè còn xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, thủy điện với giá trị hàng chục tỉ đồng ; đầu tư cho sản xuất nông nghiệp như tăng diện tích gieo trồng, sử dụng giống mới, tưới tiêu hợp lý, phát triển chăn nuôi gia súc, giao đất, giao rừng, phát động nhân dân bảo vệ rừng và khoanh nuôi rừng...

Vấn đề phát triển văn hóa giáo dục : củng cố, nâng cấp trường học, xóa nạn mù chữ cũng như nâng cao một bước chất lượng giáo dục trong trường học cũng được tiến hành. Bên cạnh đó, công tác y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân cũng được chú ý, cụ thể là tăng giường bệnh và tăng số lượng cán bộ y tế. Công tác văn hóa tuyên truyền cũng có bước phát triển đáng kể từ thị trấn đến tất cả các xã trong huyện...

Từ khi dự án được thực hiện đến nay, bộ mặt kinh tế - xã hội của Mường Tè đã có sự thay đổi lớn. Diện tích gieo trồng được mở rộng, năm 1997 là 6 900 ha, tăng 372 ha so với năm 1992 ; năng suất lúa bình quân 32 - 34 tạ / ha, tăng 10 - 12 tạ / ha so với năm 1992. Tổng sản lượng quy thóc năm 1997 đạt 11 400 tấn, bình quân đầu người đạt 316 kg / năm...

Nhờ có dự án đầu tư, nên ngành chăn nuôi đã được khuyến khích và phát triển khá mạnh. Năm 1997, huyện có đàn gia súc gồm 6 100 con trâu, 3 219 con bò, 13 000 con lợn. Rừng đầu nguồn bước đầu được bảo vệ : Năm 1997 đã tiến hành giao đất, giao rừng cho 14 / 18 xã, bảo vệ được 52 936 ha. Diện tích đất trồng cây công nghiệp và làm kinh tế vườn đạt 2 216 ha. Tình trạng chặt phá rừng, đốt nương làm rẫy giảm đáng kể ; độ che phủ rừng đầu nguồn được nâng lên 22,1% (tăng 8,1% so với năm 1993).

Qua thực hiện dự án ở Mường Tè, bước đầu đã định canh, định cư cho 237 / 403 hộ đồng bào La Hủ tại 6 bản, vận động định canh, định cư được 403 hộ với 2 619 khẩu ; sắp xếp được cho 712 hộ với 4 608 khẩu di cư từ nơi khác đến bước đầu ổn định đời sống.

Toàn huyện đang có phong trào ngói hóa. Riêng khu vực thị trấn đã có tới 75% số nhà được lợp ngói. Huyện có 81 máy xay xát của hộ gia đình, 300 máy phát điện nhỏ, 50 xe máy, 80 đầu máy đẩy các loại. Tỉ lệ hộ đói nghèo còn 46%, giảm 12,31% so với năm 1992.

Công tác giáo dục, đào tạo của huyện cũng có những bước tiến đáng kể. Hiện tại, huyện có 23 trường với 353 lớp học, thu hút 7 494 em học sinh (60% số học sinh trong độ tuổi theo học), tăng 5 029 em so với năm học 1992 - 1993. Huyện đã xây dựng hoàn chỉnh một trường phổ thông dân tộc nội trú với 9 lớp, 300 học sinh. Có 119 / 146 bản có phong trào đi học ; 100% số xã có trường học ; hằng năm thực hiện xóa mù chữ cho 200 đến 250 người. Công tác y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Digitized by Google

được tăng cường. Năm 1997 có 93 / 146 bản có y tá, 11 / 18 xã có y sĩ, bước đầu đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

Ánh sáng văn hóa của Đảng, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã thường xuyên đến với đồng bào các dân tộc trong huyện thông qua hệ thống phát thanh, báo chí, truyền hình... Ngày nay, huyện đã có một trạm vi ba 256 số, tạo cho thông tin liên lạc kịp thời, nhanh chóng ; 2 trạm phát lại truyền hình, 100% số xã thường xuyên có phong trào văn hóa, gần 2 000 hộ có máy cát-sét, 85% số hộ có ti vi, có gần 100 đầu video các loại. Thị trấn Mường Tè có một đài truyền thanh. Sách, báo của Đảng đã được đưa xuống các xã, các bản... Đặc biệt phải kể đến là tình hình an ninh chính trị được ổn định và chủ quyền biên giới được củng cố, giữ vững.

Với kết quả bước đầu khi tiến hành thực hiện dự án đầu tư ở huyện Mường Tè, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau :

Thứ nhất, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với miền núi và dân tộc ít người ở nước ta từ nhiều năm nay sẽ đạt kết quả tốt đẹp nếu như nó được chuyển thành chương trình cụ thể, có tính khả thi, đáp ứng được tình hình bức xúc và nguyện vọng của nhân dân.

Thứ hai : Các nội dung cơ bản của dự án cần được lựa chọn đúng đắn (giao thông, kinh tế, y tế, giáo dục...) có sự tính toán đầu tư khoa học thích hợp với tỷ lệ vốn, chú trọng đầu tư chiều sâu, sẽ mang lại hiệu quả nhanh và cao.

Thứ ba : Khi mục tiêu chương trình đã được phê duyệt cần tập trung thực hiện có trọng điểm, tránh cách làm tràn lan như trước kia.

Thứ tư : Khi chỉ đạo điều hành một dự án cần phải sâu sát từ khâu phát động, tiến hành kiểm tra uốn nắn từng bước của Ban chỉ đạo dự án, từ cấp chính phủ đến cấp huyện là hết sức quan trọng. Nó đòi hỏi sự phối hợp hoạt động vừa kiên quyết vừa linh hoạt khéo léo, hài hòa giữa các cấp của Ban chỉ đạo.

Thứ năm : Để hoàn thành một dự án đầu tư thì việc tổ chức, phát huy một đội ngũ cán bộ là khâu quyết định. Một đội ngũ cán bộ nhiệt tình, có năng lực, có đạo đức, biết đi vào vận động thu hút nhân dân tham gia hành động, sẽ thực hiện được kế hoạch, nội dung của dự án một cách có hiệu quả.

Đây mới chỉ là một vài kinh nghiệm bước đầu, vì quả thật dự án đầu tư ở Mường Tè không phải là không còn một số vấn đề còn tồn tại :

Mường Tè địa hình quá rộng và phức tạp (diện tích tự nhiên 507 420 ha, có đường biên giới chung với hai nước láng giềng Trung Quốc và Lào), lại thường xuyên bị thiên tai, dân cư thưa thớt (mật độ 6,6 người/km^2), cơ sở hạ tầng quá yếu kém và trình độ dân trí thấp, cho nên, vốn đầu tư tuy đã được ưu tiên, nhưng so với yêu cầu vẫn còn quá nhỏ nhoi.

Hơn nữa, tỷ lệ đầu tư cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở Mường Tè còn hạn chế. Công tác quy hoạch sử dụng đất chưa sát với thực tế, nên chưa phát huy được thế mạnh của mỗi vùng. Việc cung cấp vật tư hàng hóa thiết yếu cho vùng sâu, vùng xa, vùng giáp biên giới còn rất nhiều khó khăn. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân ở vùng sâu, vùng giáp biên giới còn hạn chế, chưa thường xuyên. Đội ngũ cán bộ tham gia quản lý, giám sát, chỉ đạo thực hiện các nội dung dự án chưa đủ, trong khi khối lượng công việc còn bề bộn và chính sách đãi ngộ đối với cán bộ tham gia công tác tại Mường Tè còn chưa được nghiên cứu đề xuất cụ thể, nên tác dụng khuyến khích, thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao còn hạn chế... Và điều có ý nghĩa chiến lược quan trọng trước mắt cũng như lâu dài là việc huấn luyện, đào tạo được một đội ngũ cán bộ tại chỗ có đủ tri thức, đủ trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật và quản lý để tiếp thu, vận hành tốt những kết quả mà dự án đã mang lại đang là vấn đề cần được quan tâm thích đáng. Bởi vì, xây dựng được một mô hình mới đã khó, nhưng duy trì và nhân rộng ra lại còn khó hơn nhiều.

Mặc dù còn không ít khó khăn, nhưng với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, với sự đoàn kết của bà con các dân tộc trong huyện, với sự năng động, nhạy bén và nhiệt tình của Ban quản lý điều hành dự án, mô hình kinh tế - văn hóa - xã hội ở huyện miền núi Mường Tè bước đầu đã thành công và chắc chắn sẽ thành công, và sẽ là một kinh nghiệm quý cho công tác nghiên cứu và xây dựng mô hình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn miền núi nói chung và vùng đồng bào dân tộc nói riêng.❑

Digitized by Google

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ NĂM 1997

LÊ BỘ LĨNH *

I

Một đặc điểm dễ nhận thấy của nền kinh tế thế giới năm 1997 là sự phục hồi kinh tế không đều, trong một số trường hợp là khác xa so với những dự báo đầu năm, của các nước và các khu vực. Những chuyển động lớn đang diễn ra và bản đồ kinh tế thế giới đang thay đổi nhanh chóng so với vài ba thập kỷ trước đây.

Theo thống kê của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế thế giới năm 1997 đạt 3,5%, tuy có thấp hơn những dự báo đầu năm nhưng vẫn là mức tương đối cao. Quá trình toàn cầu hóa vẫn tiến triển nhanh chóng với sự gia tăng mạnh mẽ của thương mại, đầu tư và lưu chuyển vốn. Thương mại quốc tế tăng 9,4% (năm 1996 là 6,3%) ; đầu tư quốc tế đạt trên 3 000 tỉ USD, tăng 12% so với năm 1996. Mức tăng trưởng này đạt được chủ yếu là ở các nước công nghiệp phát triển, đặc biệt là ở Mỹ, nước có nền kinh tế đang trong thời kỳ hồi phục sau thời kỳ suy thoái đầu những năm 90. Trừ Nhật Bản, còn hầu hết các nước công nghiệp khác năm 1997 đều đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 1996 : ở Mỹ là 3,7% (1997) so với 2,8% (1996) ; ở các nước thuộc Liên minh châu Âu là 2,5% so với 1,7% ; trong đó, Đức : 2,4% so với 1,4%, Pháp : 2,2 so với 1,5%, I-ta-li-a : 1,2 so với 0,7% và Anh : 3,3 so với 2,2%.

Phần lớn các nước này được kích thích bởi sự gia tăng nhu cầu nội địa, đầu tư của các doanh nghiệp và xuất khẩu. Tăng trưởng khối lượng xuất khẩu của các nước này năm 1997 đạt 8,2% (năm 1996 là 5,5%), trong đó phần quan trọng nhờ gia tăng nhập khẩu từ các nền kinh tế chuyển đổi Trung và Đông Âu. Công suất sản xuất được huy động ở mức cao đang tạo khả năng giảm bớt tỷ lệ thất nghiệp và lạm phát được giữ ở mức thấp cũng đã góp phần vào tăng trưởng kinh tế của nhiều nước. Chỉ số giá tiêu dùng ở các nước này dao động từ 2,2 đến 2,5% trong 3 năm trở lại đây. Tỷ lệ thất nghiệp tính chung cho các nước phát triển là 7,1%, trong đó 11,1% ở Liên minh châu Âu và 2,5% ở Hàn Quốc và Đài Loan.

Cùng với quá trình toàn cầu hóa và sự mở rộng không gian kinh doanh của các nước công nghiệp phát triển, các nước đang phát triển đang có nhiều cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế và nâng cao vai trò của mình trong nền kinh tế thế giới hiện nay. Theo đánh giá và dự báo của Quỹ tiền tệ quốc tế, trong khoảng thời gian từ 1990 - 2020, tỷ trọng của các nước đang phát triển trong sản lượng thế giới liên tục gia tăng : từ khoảng 35% lên khoảng 52%, trong khi tỷ trọng của các nước công nghiệp phát triển giảm từ 60% xuống 45%. Ngân hàng thế giới cũng đưa ra những dự báo khả quan về các nước đang phát triển : việc cải tổ chính sách và môi trường kinh tế quốc tế thuận lợi cho phép các nước đang phát triển tăng trưởng với tốc độ 5 - 6% từ nay đến năm 2020. Đặc biệt, sự nổi lên của 5 cường quốc là Trung Quốc, Nga, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ và Bra-xin trong vòng hai thập kỷ tới sẽ có tác động mạnh mẽ đến bản đồ kinh tế thế giới. Hiện nay sản lượng của các nước này mới chỉ chiếm 8 - 10% sản lượng thế giới, nhưng sẽ tăng gấp đôi vào năm 2020 ; tỷ trọng trong thương mại quốc tế mới bằng 1/3 của EU nhưng sẽ vượt EU 50% vào năm 2020. Nhìn chung các nước đang phát triển sẽ là những thị trường quan trọng cho xuất khẩu của các nước

* PTS Kinh tế học, Phó viện trưởng Viện Kinh tế thế giới, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

công nghiệp. Phần xuất khẩu sang các nước đang phát triển sẽ tăng từ 25% lên 40% tổng xuất khẩu của các nước công nghiệp trong thời kỳ 1992 - 2020. Đây cũng là thị trường tăng trưởng nhanh nhất cho tất cả các ngành trọng yếu từ nông nghiệp đến công nghiệp chế tạo và dịch vụ.

Những dự báo trên đây chắc chắn còn phải điều chỉnh, nhưng nó thể hiện một xu thế hiện thực của nền kinh tế thế giới đang được toàn cầu hóa. Năm 1997, do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ, nhiều nước đang phát triển ở châu Á đã bị sụt giảm tốc độ tăng trưởng. Các nền kinh tế đang phát triển khác, đặc biệt là ở khu vực Mỹ la-tinh đang lấy lại được sức bật sau khủng hoảng tài chính ở Mê-hi-cô ba năm trước. Sự phục hồi kinh tế ở các nước này chủ yếu nhờ tăng xuất khẩu hàng hóa với tốc độ 8,3% và đầu tư tăng 5,3% so với năm 1996. Tăng trưởng diễn ra mạnh nhất ở Ác-hen-ti-na (gần 8%) và Mê-hi-cô (trên 6%) nhờ trợ lực của các cuộc cải cách thuế và tiền tệ những năm gần đây. Kinh tế châu Phi cũng đang ở thời kỳ phục hồi với tốc độ tăng trưởng 3,9% cho toàn khu vực, một tốc độ khả quan nhất từ trước đến nay. Trung Quốc vẫn là điểm sáng năng động ở khu vực châu Á khi duy trì được tốc độ tăng trưởng 9%. Theo nhiều nhà phân tích, chính sách tăng trưởng kiềm chế có thể làm cho Trung Quốc tránh được nguy cơ cuộc khủng hoảng như ở các nước Đông Á khác. Theo một số đánh giá, các nước Đông - Nam Á sẽ lấy lại được đà tăng trưởng trong vài năm tới. Nhưng dù sao cũng cần thấy rằng, triển vọng sáng sủa của các nước đang phát triển trong vài thập kỷ tới như các dự báo nêu trên còn phụ thuộc vào mức độ cải cách và mở cửa của các nước này, cũng như vào những biến động chưa lường hết được trong môi trường kinh tế ngày nay.

II

"Cơn bão" tiền tệ đang xảy ra ở khu vực Đông Á là một sự kiện gây chú ý nhất trong năm. Nhiều người đã bắt đầu hoài nghi sự "thần kỳ Đông Á", một sự thần kỳ đã là đối tượng của rất nhiều công trình nghiên cứu và bình luận kinh tế trong những năm qua. Từ sự ca ngợi và khám phá các bài học tốt, người ta lại quay sang phân tích những khiếm khuyết của mô hình kinh tế này. Thậm chí còn có những nhận định bi quan về triển vọng phát triển kinh tế của nó.

Cuộc khủng hoảng bắt đầu từ sự phá giá đồng Bạt Thái Lan đầu tháng 7-1997 và nhanh chóng lan truyền sang các nước Đông - Nam Á khác. Mấy tháng sau, nền tài chính, tiền tệ ở Hồng Kông, Đài Loan bị chấn động mạnh ; đặc biệt, Hàn Quốc cũng lâm vào khủng hoảng. Giá trị của các đồng tiền châu Á giảm so với đồng đô-la Mỹ từ 15 đến 40% trong vòng 5 tháng. Mặc dù đã được nhiều nhà kinh tế cảnh báo từ rất sớm nhưng mức độ, quy mô và thời hạn của cơn sóng gió tiền tệ này vẫn vượt ra ngoài dự kiến. Lúc đầu, người ta chỉ nghĩ nó sẽ kéo dài vài ba tháng, nhưng đến nay, như báo cáo của Ban thư ký khối ASEAN nhận định thì "không rõ khi nào cuộc khủng hoảng trên thị trường tài chính mới kết thúc". Tầm mức ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng này không còn bó hẹp trong phạm vi khu vực nữa, mà đã lan rộng ra toàn bộ nền kinh tế thế giới.

Bộ trưởng Tài chính Mỹ Ru-bin nói : đã đến thời đại mà các vấn đề trong một nước đang phát triển sẽ có tác động đến nền kinh tế Mỹ và các nước công nghiệp phát triển. Còn nhà kinh tế Mỹ nổi tiếng R. Xa-mu-en-xơn nhận xét : cuộc khủng hoảng tài chính ở một số nước châu Á hiện nay đang đe dọa nền kinh tế Mỹ nhiều hơn so với mức độ người Mỹ thường muốn nghĩ. Có ít nhất 25% thị trường xuất khẩu của Mỹ đang bị thu hẹp liên quan đến những biến động về tài chính tiền tệ ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Bra-xin, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Ác-hen-ti-na, Nga và Trung Quốc. Do đồng đô-la đang lên giá trên các thị trường hối đoái, các nhà đầu tư chuyển sang các thị trường chứng khoán và công trái của Mỹ để bảo đảm an toàn vốn, điều này làm tăng nhu cầu về đồng đô-la, gây khó khăn cho hoạt động xuất khẩu. Mặt khác, giá hàng nhập khẩu rẻ làm giá hàng hóa nói chung giảm, dẫn đến lợi nhuận và đầu tư giảm. Chính điều này sẽ đe dọa nền kinh tế Mỹ trong tương lai.

Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính Đông - Nam Á đối với nền kinh tế Nhật Bản còn lớn hơn nữa do sự có mặt của Nhật Bản ở đây cũng tương đối lớn. Đông - Nam Á là nguồn nhập khẩu quan trọng nhất của Nhật Bản. Năm 1996, nhập khẩu từ 5 nước Đông - Nam Á chiếm 15% tổng kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản. Đồng tiền các nước này mất giá làm tăng khả năng cạnh tranh của các mặt hàng xuất khẩu của họ trên thị trường nội địa của Nhật Bản. Điều quan trọng hơn nữa là giới tài

Digitized by Google

chính Nhật Bản có quan hệ rất chặt chẽ với các nước Đông - Nam Á. Năm 1996, dư nợ của Nhật Bản đối với In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và Thái Lan là 69,3 tỉ USD, bằng 40,9% tổng số dư nợ của Nhật Bản với các nước. Phần đáng kể của khoản tiền này đổ vào các ngành kinh doanh bất động sản, làm cho các tổ chức tiền tệ Nhật Bản thêm xáo động, ảnh hưởng đến phục hồi kinh tế ở nước này. Trung tâm nghiên cứu kinh tế Níc-cây dự đoán tình hình tiền tệ rối ren của các nước Đông - Nam Á sẽ làm cho tỷ lệ tăng trưởng GDP của Nhật Bản giảm 0,7%.

Cuộc khủng hoảng tiền tệ này cũng tác động đến các khu vực khác. Theo ngân hàng đầu tư Le-dơ-men Bra-dơ của Mỹ ở các nước châu Á, không kể Nhật Bản và Ô-xtrây-li-a, tốc độ tăng trưởng sẽ giảm từ khoảng 4% xuống còn 3,5%. Ngoài châu Á ra, khu vực bị ảnh hưởng mạnh nhất là châu Âu vì quá trình phục hồi kinh tế ở đó chưa hoàn thành. Ở Mỹ la-tinh, các nước trong khu vực mậu dịch tự do Nam Mỹ (MERCOSUR - gồm Bra-xin, Ác-hen-ti-na, U-ru-goay, và Pa-ra-goay) đã quyết định nâng 25% thuế để ngăn ngừa tác động của cuộc khủng hoảng tiền tệ ở châu Á. Đây có thể là dấu hiệu của một làn sóng bảo hộ mậu dịch mới, cản trở tự do hóa thương mại toàn cầu.

Ngày nay, khi quá trình toàn cầu hóa đang lan nhanh, sự tác động dây chuyền của các sự kiện kinh tế là không thể tránh khỏi. Nhưng người ta có thể hỏi cội nguồn của những rung động toàn cầu hiện nay là gì ? Rất nhiều ý kiến đã tập trung phê phán hệ thống tài chính, tiền tệ yếu kém ở các nước Đông - Nam Á, những quan hệ không "trong sáng" giữa giới chức và các tập đoàn kinh doanh ở các nước này. Vì vậy, các chương trình trợ giúp của một số nước và tổ chức quốc tế, trước hết là IMF, đặt ra điều kiện tiên quyết là buộc các nước nhận trợ giúp phải điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cải tổ hệ thống tài chính ngân hàng. Nhưng chỉ với điều này, liệu các nước đó có thoát ra khỏi khủng hoảng và nền kinh tế thế giới sẽ trở nên thanh bình hay không ? Hơn một năm trước đã có nhiều dấu hiệu cảnh báo về cơn khủng hoảng hiện nay. Đó là tình trạng sai lệch trong đầu tư và vay nợ quá mức. Còn sự khó khăn trong xuất khẩu của các nền kinh tế Đông Á chỉ được coi là tạm thời do nhu cầu nhập khẩu ở châu Âu và Mỹ giảm xuống. Nay thì tình trạng sản xuất thừa đang bộc lộ trên phạm vi toàn cầu chứ không chỉ ở châu Á. Trên thực tế, các nền kinh tế châu Âu và Mỹ đang phục hồi nhanh chóng sau nhiều năm đình trệ. Nhiều nhà máy trong các ngành công nghiệp then chốt của Mỹ đang hoạt động từ 80 đến 90% công suất. Thêm vào đó, công suất chế tạo ở Mỹ đang tăng 4,3%, tỷ lệ tăng cao nhất trong 25 năm qua, trên cả tỷ lệ tăng tiêu dùng là 2,5% mỗi năm. Ở châu Âu, đặc biệt là Đức và Pháp, mặc dù nền kinh tế đang phục hồi, nhưng nhu cầu nội địa tăng chậm. Việc áp dụng đồng tiền chung vào năm 1999 buộc các nước phải nâng lãi suất lên ngang mức lãi suất cao nhất hiện nay trong khối, và điều này lại làm giảm nhu cầu đầu tư. Ở hầu hết các nước Đông - Nam Á, các hạng mục đầu tư lớn đang bị đình hoãn, làm giảm mức tiêu thụ hàng nhập khẩu từ bên ngoài. Tình hình kinh tế đang sáng sủa ở các nước công nghiệp phát triển vài năm trở lại đây có thể làm nhiều người không nghĩ đến mức cầu đang bão hòa. Giá cả hàng hóa đang giảm xuống nhanh chóng do sản lượng tăng nhanh hơn nhu cầu tiêu dùng. Chẳng hạn ở châu Âu, giá xe ô-tô con năm ngoái đã giảm từ 500 đến 1000 USD một chiếc do sản xuất vượt nhu cầu tới 3 - 4 triệu chiếc. Tình hình tương tự còn xảy ra đối với nhiều ngành khác, kể cả công nghiệp điện tử và tin học đang thịnh hành. Và nếu cuộc khủng hoảng tài chính chưa chấm dứt, đồng đô la Mỹ sẽ có nguy cơ lên giá quá mức và nền kinh tế thế giới sẽ phụ thuộc nhiều vào nhu cầu nhập khẩu của Mỹ. Hiện nay, chưa ai có thể đoán chắc là điều gì sẽ xảy ra với kinh tế Mỹ vài năm tới và cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay sẽ lan rộng đến đâu, nhưng khả năng một thời kỳ suy thoái của kinh tế thế giới là không thể loại trừ. Điều này đang đặt ra những nhu cầu bức xúc đối với việc đưa ra và thực hiện các chính sách đa phương, và xa hơn là các thể chế kinh tế quốc tế thích hợp trong thời đại toàn cầu hóa.

III

Những nỗ lực nhằm đẩy mạnh hợp tác kinh tế đa phương diễn ra trong năm 1997 đã phản ánh phần nào nhu cầu và đòi hỏi nêu trên. Những nỗ lực nhằm đẩy mạnh hợp tác đa phương toàn diện thể hiện qua các cuộc họp cấp cao của các tổ chức, khối kinh tế. Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, việc khắc phục cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ đang

Digitized by Google

lan rộng là chủ đề nổi lên nhưng không làm mờ nhạt tầm nhìn xuyên thế kỷ của APEC và ASEAN. Hội nghị cấp cao APEC lần thứ V họp tại Ven-cu-vơ (Ca-na-đa) trong các ngày 24 và 25-11-1997 đã đưa ra tuyên bố gồm 17 điểm, đề cập đến ba nội dung quan trọng :

1 – Về "liên kết cộng đồng APEC" : Các nhà lãnh đạo kinh tế APEC khẳng định lại cam kết cùng nhau làm việc để vượt qua thách thức vì sự ổn định và sự phồn vinh của khu vực, hướng tới sự tăng trưởng bền vững và phát triển bình đẳng, phát huy mọi tiềm năng của nhân dân. Các nhà lãnh đạo APEC nhất trí cho rằng triển vọng phát triển kinh tế khu vực là rất lớn, rằng châu Á - Thái Bình Dương sẽ tiếp tục đóng vai trò dẫn đầu trong nền kinh tế toàn cầu. Bản tuyên bố cho rằng, APEC là một diễn đàn kinh tế lớn nhất, đang đóng vai trò thật sự quan trọng trong việc thúc đẩy đối thoại và hợp tác từ vấn đề chính trị đến những sáng kiến phát triển. APEC cũng có thể đóng vai trò có giá trị thực tiễn trong việc tìm kiếm và thực thi các phương thức hợp tác với các tổ chức khác như WB, IMF, ADB, cũng như phải đóng một vai trò ngày càng lớn hơn trước những thách thức mới. Vì thế liên kết cộng đồng APEC là cần thiết.

2 – Về "năm hành động" : Tuyên bố hoan nghênh những kết quả cụ thể mà APEC thu được trong năm 1997 với việc thực hiện cam kết tự do hóa thương mại và đầu tư, được nêu ra tại Hội nghị cấp cao APEC lần thứ IV tại Xu-bích (Phi-líp-pin) năm 1996, trong kế hoạch hành động Ma-ni-la. Hội nghị cấp cao APEC lần thứ V chấp thuận thực hiện thỏa thuận của Hội nghị bộ trưởng về tự nguyện tự do hóa trong 15 lĩnh vực, trong đó 8 lĩnh vực được thảo luận trong năm 1998 để thực hiện từ năm 1999, coi đó là quyết định vì lợi ích chung. Tuyên bố khẳng định lại tính ưu việt của hệ thống buôn bán đa phương mở và nhắc lại cam kết của APEC thực hiện nó trên cơ sở khu vực hóa mở và mong muốn các đối tác cũng làm như vậy.

3 – Về "tầm nhìn cho thế kỷ XXI" : Tuyên bố hoan nghênh những cố gắng trong năm 1997 nhằm tự do hóa thương mại, hoan nghênh việc đưa ra một chương trình làm việc có tính đến tác động của tự do hóa thương mại, kể cả tác động tiêu cực, đối với tăng trưởng và thất nghiệp. Tuyên bố nhấn mạnh đến việc đạt tới sự phát triển bền vững là trung tâm của tiến trình APEC.

Hội nghị APEC lần thứ V cũng đã quyết định kết nạp 3 thành viên mới là Việt Nam, Nga và Pê-ru, đưa tổng số thành viên từ 18 hiện nay lên 21.

Cuộc họp cấp cao không chính thức của ASEAN diễn ra tại Cu-a-la Lăm-pua từ 14 đến 16-12-1997 đã đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình biến ASEAN thành một tổ chức hợp tác kinh tế khu vực toàn diện, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay. Cuộc họp cấp cao không chính thức lần này được xem là bước đi đầu tiên của ASEAN tiến tới một cách tiếp cận đa dạng về tất cả các vấn đề liên quan đến môi trường, nguồn nhân lực, phát triển xã hội. Nhận thức được những thách thức của quá trình toàn cầu hóa, các nhà lãnh đạo các nước trong khu vực đã thể hiện quyết tâm tiến hành những cải cách mạnh mẽ nền kinh tế của mỗi nước, đẩy nhanh việc thực hiện khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), trong đó có cả khu vực đầu tư ASEAN và hợp tác công nghiệp. Cũng tại cuộc gặp không chính thức này, ASEAN đã thực hiện những bước tiến quan trọng nhằm cơ cấu lại quan hệ của nó với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc ; nhằm bao quát toàn diện các vấn đề kinh tế, an ninh và chiến lược. Mối tuyên bố chung ký kết giữa ASEAN và ba nước nói trên đều thể hiện một nguyện vọng chung là làm cho các mối quan hệ giữa chúng vừa mang tính song phương, vừa mang tính toàn khu vực.

Các nước thuộc Liên minh châu Âu trong khi đẩy mạnh quá trình nhất thể hóa, chuẩn bị cho việc chuyển sang sử dụng một đồng tiền chung vào năm 1999, cũng hết sức chú trọng mở rộng quan hệ với các khu vực khác. Nhằm tạo thế cân bằng với Mỹ và Nhật Bản trong quan hệ với các nước đang phát triển ở châu Á và Mỹ la-tinh, EU đã tích cực ký kết và thực hiện các chương trình hợp tác với ASEAN và MERCOSUR từ năm 1994 đến nay. Tháng 9-1997 tại Băng Cốc đã diễn ra Hội nghị bộ trưởng tài chính các nước Á - Âu lần thứ nhất (ASEM FMMI) với sự tham gia của bộ trưởng tài chính 10 nước châu Á, 15 nước châu Âu và Ủy ban châu Âu. Hội nghị này đã triển khai thực hiện quyết định của Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu lần thứ nhất về tăng cường hơn nữa sự hợp tác tài chính giữa hai khu vực, và xây dựng mối quan hệ đối tác toàn diện mới

(Xem tiếp trang 59)

Digitized by Google

TRUNG ĐÔNG - HÒA BÌNH TRẮC TRỞ

NGUYỄN THỊ HOA

Năm 1997 đã đi qua, các nhà thương lượng I-xra-en và Pa-le-xtin đã tiến hành nhiều cuộc đàm phán chính thức dưới sự bảo trợ của Oa-sinh-tơn nhưng kết quả cũng không mở được đường ra cho tiến trình hòa bình Trung Đông. Những biểu hiện mới tại nơi đây vào những ngày đầu năm 1998 cũng chưa phải là những tin vui và chưa thể xua đi những thất vọng... Đúng là không ở đâu như ở khu vực Trung Đông, tiến trình đi đến hòa bình lại trải qua nhiều bước thăng trầm, phức tạp và đầy chông gai, trắc trở đến như vậy. Đàm phán, thương lượng, đạt được sự thống nhất, rồi lại tan vỡ. Có không ít những hiệp định ký kết giữa I-xra-en và các nước A-rập, cũng như những nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong việc cứu vãn, thúc đẩy tiến trình hòa bình Trung Đông, song khu vực này vẫn chưa có hòa bình. Vì sao ?

Đã từ lâu, Trung Đông được coi là khu vực bất ổn định, nơi tập trung nhiều mâu thuẫn, nhiều xung đột, tranh chấp và chiến tranh cục bộ. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, Trung Đông đã trải qua 5 cuộc chiến tranh tổng lực giữa I-xra-en và các nước A-rập. Nguyên nhân đầu tiên và xuyên suốt hàng thập kỷ là vấn đề tranh chấp đất đai và chủ quyền lãnh thổ.

Nghị quyết 181 (II) của Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 29-11-1947 chia vùng đất Pa-le-xtin thành hai nhà nước : nhà nước của người Do Thái và nhà nước của người A-rập. Sự chia tách này đã gây ra những xáo trộn nhất định về di dân : người A-rập dời về vùng đất Pa-le-xtin và người Do Thái từ các nước châu Âu trở về quốc gia Do Thái mới. Mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo, chủ quyền giữa người A-rập và người Do Thái cũng phát sinh từ đó. Ngay sau khi quốc gia mới I-xra-en được thành lập (14-5-1948), cuộc chiến tranh A-rập - I-xra-en (1948 - 1949) bùng nổ. Trong cuộc chiến tranh này, I-xra-en đã chiếm thêm nhiều vùng đất Pa-le-xtin. Năm 1949, lần lượt các hiệp định đình chiến giữa các nước Ai Cập, Xi-ri, Li-băng, Giooc-đa-ni và I-xra-en đã được ký kết, theo đó, đường biên giới lãnh thổ ấn định theo đường mà quân đội I-xra-en chiếm đóng. Thành phố cổ Giê-ru-xa-lem vốn được đặt dưới sự quản lý của Liên hợp quốc theo nghị quyết 181 (II), đã bị chia đôi : phần phía đông thuộc về Giooc-đa-ni, phần tây thuộc về I-xra-en. Khu Ga-da và bờ Tây sông Giooc-đan của người A-rập Pa-le-xtin cuối cùng lại bị nhập vào Giooc-đa-ni. Người Pa-le-xtin thực sự không còn chỗ nương thân. Gần 1 triệu người A-rập phải sống lưu vong. Trong các cuộc chiến tranh tiếp theo (1956, 1967) I-xra-en chiếm được dải Ga-da và bán đảo Xi-nai, Đông Giê-ru-xa-lem, bờ Tây sông Giooc-đan, cao nguyên Gô-lan. Tháng 6-1967, I-xra-en sáp nhập phía Đông vào thành phố Giê-ru-xa-lem.

Cộng đồng quốc tế không công nhận việc I-xra-en thôn tính các nước A-rập. Hội đồng bảo an Liên hợp quốc nhiều lần ra nghị quyết đòi I-xra-en không được thay đổi quy chế của thành phố Giê-ru-xa-lem, cũng như phải rút hoàn toàn và không điều kiện khỏi các vùng chiếm đóng. Cuộc chiến tranh Trung Đông lần thứ 4 (10-1973) bùng nổ là hệ quả của sự phản ứng mạnh mẽ của các nước A-rập (Xi-ri, Ai Cập, I-rắc, Giooc-đa-ni) đối với việc chiếm đóng của I-xra-en trên các vùng đất của người A-rập. Năm 1982, trong cuộc chiến tranh lần thứ 5, I-xra-en tấn công Li-băng và chiếm Nam Li-băng. Vùng Nam Li-băng bị chiếm đóng từ đó và trở thành "vùng an ninh" hay còn gọi là "vùng đệm tự tuyên bố" của I-xra-en.

Như vậy, từ một đất nước với diện tích ban đầu là 14 100 km^2, sau 5 thập kỷ chiến tranh và xung đột, I-xra-en đã chiếm thêm gấp nhiều lần diện tích của họ. Riêng cuộc chiến tranh 1967, I-xra-en chiếm được 6,5 vạn km^2. Cho đến nay, I-xra-en mới chỉ trả lại vùng bán đảo Xi-nai cho Ai Cập (năm 1982) ; trao

Digitized by Google

quyền tự trị tạm thời cho người Pa-le-xtin ở dải Ga-da và thành phố Giê-ri-cô ở bờ Tây sông Giooc-đan (Hiệp định Ô-xlô I, 1993) ; từng bước rút quân và chuyển giao 80% thành phố Hê-brôn (thành phố cuối cùng trong bảy thành phố ở bờ Tây sông Giooc-đan) cho chính quyền tự trị Pa-le-xtin (Hiệp định Ô-xlô II, 1997). Trong khi đó các vấn đề gây bất đồng sâu sắc như về quy chế thành phố Giê-ru-xa-lem, về chủ quyền cao nguyên Gô-lan, về rút quân đội I-xra-en khỏi miền Nam Li-băng, về tiến độ rút quân I-xra-en khỏi bờ Tây sông Giooc-đan... vẫn còn tồn tại.

Tiến trình hòa bình Trung Đông được thực sự khởi động từ Hội nghị hòa bình diễn ra ở Ma-đrít (Tây Ban Nha) tháng 10-1991, với công thức "đổi đất lấy hòa bình". Chính sách "đổi đất lấy hòa bình" được Chính phủ I-xra-en trước đây, do cố Thủ tướng I-xra-en Y. Ra-bin đứng đầu, tán thành và chấp nhận làm cơ sở thương lượng cho các hiệp định sau này. Hiệp định "Ga-da và Giê-ri-cô" (9-1993) được coi là hiệp định nền móng đầu tiên cho việc đi tới giải pháp hòa bình Trung Đông sau hàng thập kỷ xung đột đẫy máu và nước mắt. "Chân trời hòa bình" tưởng đã "rộng mở" như tuyên bố lạc quan của Thủ tướng Y. Ra-bin cách đây bốn năm, giờ đây có lúc lại đầy mây u ám. Bóng đen bao phủ đó tích tụ bởi nhiều nguyên nhân :

1 - Tiến trình hòa bình Trung Đông bị khựng lại kể từ khi Chính phủ của Thủ tướng I-xra-en B. Nê-ta-ni-a-hu lên cầm quyền (6-1996). Trước và sau khi nhậm chức, ông Nê-ta-ni-a-hu đã tuyên bố : không chấp nhận nguyên tắc "đổi đất lấy hòa bình", không công nhận nhà nước Pa-le-xtin độc lập, không đàm phán về quy chế thành phố Giê-ru-xa-lem, không rút quân khỏi cao nguyên Gô-lan và đòi xem xét lại các điều khoản đã được ký kết từ trước giữa Chủ tịch PLO Y. A-ra-phát và cố Thủ tướng I-xra-en Y. Ra-bin. Nền tảng hòa bình lại đụng phải nhiều thách thức trước sự điều chỉnh chính sách và sự thay đổi thái độ, lập trường của Chính phủ B. Nê-ta-ni-a-hu đối với các nước A-rập. Những gì đã được tạo lập từ bốn năm trước bị đặt vào mối nguy cơ đổ vỡ khi Chính quyền I-xra-en quyết định mở lối đi vào con đường hầm khảo cổ (9-1996) - nơi được coi là Thánh địa thiêng liêng đối với người A-rập, quyết định mở rộng thêm các khu định cư cho người Do Thái trên phần đất của người A-rập ở Đông Giê-ru-xa-lem (2-1997) ; giảm tiến độ chuyển giao đất và quyền tự trị cho người Pa-le-xtin, hạn chế rút quân đội khỏi bờ Tây sông Giooc-đan...

Mảnh đất Trung Đông vốn đã có quá nhiều xung đột lại bị cày nát thêm bởi các vụ đánh bom cảm tử chưa biết bao giờ mới chấm dứt của các tổ chức Hồi giáo cực đoan ; bởi các vụ pháo kích, ném bom phục thù ác liệt của quân đội I-xra-en ; các vụ đụng độ, giao tranh, khủng bố, bắt bớ giữa quân đội I-xra-en và người A-rập. Trong cuộc thăm dò dư luận cuối tháng 5-1997, 66% người I-xra-en tin rằng dưới chính quyền Nê-ta-ni-a-hu, nguy cơ chiến tranh nhiều hơn cơ hội hòa bình.

2 - Bản thân cộng đồng người Pa-le-xtin cũng chưa có sự thống nhất ý chí và hành động, thậm chí hành động có khi trái ngược nhau. Những người Pa-le-xtin mang nặng tư tưởng dân tộc cực đoan chẳng những không thúc đẩy tiến trình hòa bình mà thường đổ thêm dầu vào ngọn lửa thù địch. Hậu quả của những vụ đụng độ chỉ đè nặng lên đầu người dân vô tội. Người ta coi Hiệp định hòa bình Ô-xlô có thành công hay không phụ thuộc vào việc bảo đảm cuộc sống an toàn hơn cho người dân Pa-le-xtin. Vậy mà, theo Báo cáo của Liên hợp quốc, thu nhập bình quân đầu người trong các khu vực tự trị A-rập đã giảm 35% kể từ khi Hiệp định được ký kết. Người Pa-le-xtin dường như đã quá chán nản với tiến trình hòa bình mong manh kéo dài từ hơn bốn năm qua.

3 - Có thể nói, lực cản lớn nhất, thách thức gay gắt đối với tiến trình hòa bình Trung Đông chính là bất đồng sâu sắc về quan điểm, lợi ích giữa các bên liên quan. Trong khi nhiều nước phương Tây cũng như một số nước khác luôn tìm cách kiếm chác và tranh giành lợi ích ở khu vực này, và đó là nhân tố làm cho tình hình bị rối thêm, thì chính các bên ở Trung Đông lại chưa tìm được, hoặc không muốn tìm thấy tiếng nói chung cho các vấn đề từ lâu đã trở nên vô cùng nhạy cảm do các nhân tố lịch sử, văn hóa, tôn giáo, lãnh thổ v.v... Người Do Thái I-xra-en không dễ gì từ bỏ mảnh đất chiếm được trong các cuộc chiến tranh mà "Chúa đã ban cho" cũng như không thể trả lại Đông Giê-ru-xa-lem - nơi có nhiều di tích thiêng liêng mà tổ tiên họ để lại. Mất tổ quốc năm 1948, sống cuộc sống tha hương, người Pa-le-xtin luôn khao khát trở về quê hương. Họ đã nếm trải quá nhiều nỗi đau mất nước nên không bao giờ chịu để mất, dù chỉ một tấc đất. "Đối với cả người Do Thái và A-rập,

Digitized by Google

ký ức vẫn còn mạnh mẽ và cay đắng sau bao thế hệ xung đột" (1). Điều này vẫn còn đúng khi cách đây 4 năm, Thủ tướng I-xra-en S. Pê-rét đã nhận xét rằng : họ thích hồi tưởng lại hơn là suy nghĩ (2).

4 - Các yếu tố khách quan tác động không nhỏ đến sự chuyển động của tiến trình hòa bình Trung Đông. Đóng vai trò "người bảo trợ" chủ chốt, Mỹ thực tế cũng chưa làm được gì nhiều mặc dù vì lợi ích của mình, Oa-sinh-tơn đã đổ vào đây không ít công sức, tiền của. Chính sách của Mỹ đã tạo ra thế giằng co tương đối ở khu vực có "lợi ích sống còn" này : không để cho xung đột đi quá xa ; không để cho bên nào có thể mạnh trội hơn hẳn để lấn lướt bên kia. Bởi vì, Mỹ hiểu quá rõ rằng sự đổ vỡ tiến trình hòa bình Trung Đông sẽ kéo theo nhiều yếu tố bất lợi cho Mỹ. Trước hết là sự tổn hại quan hệ lợi ích giữa Mỹ và các nước A-rập, các nước Hồi giáo khác. Vừa chỉ trích quyết định của I-xra-en xây dựng 6 500 ngôi nhà cho người Do Thái ở bờ Tây sông Giooc-đan, Mỹ vừa phủ quyết các nghị quyết của Liên hợp quốc đòi ngừng ngay sự xây dựng trái phép đó. Trong điều kiện ngày nay khi cộng đồng các nước A-rập đã có tiếng nói riêng, không còn lệ thuộc vào Mỹ như trước nữa thì chính quyền Oa-sinh-tơn không thể tiếp tục duy trì mãi chính sách "nhất bên trọng, nhất bên khinh" ; không thể đứng hẳn về phía I-xra-en chống lại cả thế giới A-rập. Sự dùng dằng, nửa vời đó của Mỹ làm ngưng đọng tiến trình hòa bình. Dư luận cho rằng sự can thiệp vừa phải của Mỹ trong suốt thời gian qua chỉ mang tính "hình thức và nhất thời".

Không thể dễ xóa bỏ và làm lại từ đầu. Tiến trình hòa bình đã đi được những bước quan trọng. Sự kiện gần đây thắp lên những hy vọng : gần 200 000 người tham dự lễ tưởng niệm cố Thủ tướng Y. Ra-bin, người đầu tiên đặt dấu nối ý nghĩa cho quan hệ A-rập - I-xra-en sau hơn bốn mươi năm băng giá. Như vậy, có thể thấy vẫn có bộ phận đông đảo người dân khát khao hòa bình, đều hiểu rằng cả hai phía đều chịu tổn thất, mất mát lớn như thế nào để đi tới hòa bình. Họ hiểu rằng nhờ các hiệp định đã ký giữa chính phủ Công đảng tiền nhiệm và Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin (PLO) đã tạo ra những cơ sở cho sự xích lại gần nhau giữa hai dân tộc. Và họ có cả một chặng đường dài lịch sử và tương lai để vượt qua những bất đồng đó. ❑

(1), (2) Xem : Tạp chí *Tuần tin tức* (Mỹ), 13-9-1993

Một số đặc điểm...

(Tiếp theo trang 56)

giữa châu Âu và châu Á để thúc đẩy tăng trưởng. Những vấn đề được bàn luận và quyết định tại Hội nghị cho thấy tầm quan trọng của việc phối hợp chính sách tài chính trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Có thể nói, mặc dù chủ nghĩa khu vực đã nổi lên trong những năm gần đây, nhưng nhiều vấn đề tác động trực tiếp đến hoạt động kinh tế hằng ngày lại không chỉ được giải quyết trong phạm vi khu vực. Điều này thể hiện rất rõ trong tuyên bố chung của Hội nghị bộ trưởng tài chính các nước ASEAN họp tại Cu-a-la Lăm-pua ngày 1-12-1997. Hội nghị này nhấn mạnh sự cần thiết phải phối hợp chính sách tài chính trong phạm vi khu vực, đưa ra những nỗ lực tự do hóa tài chính, đồng thời khẳng định rằng để bảo đảm cho sự hoạt động có hiệu quả hơn của các nền kinh tế và thị trường tài chính, cần phải thực hiện các biện pháp trên quy mô toàn cầu. Vì vậy, các bộ trưởng tán thành việc IMF tiến hành nghiên cứu để xem xét cơ cấu thị trường tài chính toàn cầu và nguồn vốn ngắn hạn, kể cả việc thực hiện các quỹ dự phòng và tác động của nó đối với hoạt động của thị trường tài chính, cũng như tác động và liên quan kỹ thuật đối với các nguồn vốn. Họ cũng đề nghị IMF và các cơ quan tài chính quốc tế vạch ra một cơ cấu tổ chức toàn cầu để thu thập, phân tích và phổ biến thông tin trên lĩnh vực này, nhờ đó tăng cường tính rõ ràng, hiệu quả và sự ổn định của thị trường tiền tệ và tài chính quốc tế.

Những diễn biến của tình hình kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế năm qua cho thấy chiều hướng toàn cầu hóa đang diễn ra nhanh chóng. Quá trình này đòi hỏi mỗi quốc gia dân tộc phải điều chỉnh nền kinh tế và chính sách của mình cho phù hợp với yêu cầu tự do hóa, đồng thời cũng đặt ra vấn đề cấp thiết phải có những phối hợp trên quy mô toàn cầu. Nhưng vì không phải ngay một lúc người ta có thể đạt được sự hài hòa và ăn khớp đó, nên nền kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế có thể còn phải tiếp tục trải qua nhiều sóng gió trong những năm tới.❑

Digitized by Google

TIẾT KIỆM, LÃNG PHÍ

● **Tiết kiệm** là sử dụng nguồn lực tài chính, nhân lực và các nguồn lực khác ở mức thấp nhất, nhưng vẫn đạt được mục tiêu đề ra trong các hoạt động kinh tế - xã hội, hoặc sử dụng cùng một lượng nguồn lực tài chính và nhân lực nhưng đạt được số lượng và chất lượng cao hơn.

● **Lãng phí** là sử dụng nguồn lực tài chính, nhân lực và các nguồn lực khác quá định mức hoặc tốn kém, hao tổn một cách vô ích.

Trong nền kinh tế, nguồn lực tài chính, nhân lực và các nguồn lực khác bao gồm tiền, của cải vật chất, sức lực, trí tuệ, thời gian. Còn kinh phí ngân sách nhà nước là số tiền được cấp phát từ ngân sách nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cho các nhiệm vụ, mục tiêu được xác định trong dự toán ngân sách nhà nước. Đương nhiên, cần phân biệt vốn và tài sản nhà nước với vốn và tài sản tại doanh nghiệp. Vốn và tài sản nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước cấp cho các doanh nghiệp, vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước tại các doanh nghiệp ; tài sản hình thành từ nguồn vốn của ngân sách nhà nước, vốn tín dụng nhà nước, các khoản viện trợ nước ngoài (bao gồm cả viện trợ trực tiếp cho các chương trình mục tiêu) ; vốn và tài sản đóng góp của nhân dân ; đất đai, tài nguyên thiên nhiên. Vốn và tài sản tại doanh nghiệp nhà nước bao gồm vốn và tài sản của nhà nước ; vốn và tài sản của doanh nghiệp tích lũy, huy động từ các nguồn tín dụng và các nguồn khác ; các quỹ của doanh nghiệp.

Ở nước ta cũng như nhiều nước trên thế giới đều coi *tiết kiệm là quốc sách*. Mọi tổ chức, cá nhân sử dụng vốn và tài sản nhà nước, tài nguyên thiên nhiên phải thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. *Nội dung của tiết kiệm và chống lãng phí được thể hiện là* :

+ *Nội dung của tiết kiệm* : Tiết kiệm trong việc sử dụng tiền đúng chế độ, có hiệu quả ở mức thấp hơn định mức quy định, nhưng vẫn đạt được mục tiêu đề ra. Tiết kiệm tài sản, vật tư và tài nguyên thiên nhiên là việc khai thác, sử dụng đúng chế độ, có hiệu quả ở mức thấp hơn định mức quy định, nhưng đạt được mục tiêu đề ra ; hoặc sử dụng đúng định mức nhưng mang lại hiệu quả cao hơn. Tiết kiệm lao động là sử dụng thấp hơn định mức tiêu hao lao động và thời gian, nhưng vẫn đạt được các mục tiêu đề ra.

+ *Các hành vi gây lãng phí* : Trong lĩnh vực *chi tiêu hành chính sự nghiệp và kinh phí dự án* thể hiện : Chi tiêu thường xuyên vượt quá định mức, chế độ, tiêu chuẩn do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định ; chi không đúng mục đích theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Mua sắm, sử dụng tài sản phương tiện vượt quá tiêu chuẩn định mức hoặc dự toán được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tuyển dụng lao động vượt quá định mức biên chế chỉ tiêu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ; tuyển dụng, sử dụng lao động không phù hợp với yêu cầu của công việc. Tổ chức hội nghị, hội thảo quá số lượng đại biểu, nội dung không thiết thực, chi tiêu vượt quá tiêu chuẩn, định mức do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để đào tạo cán bộ không đúng đối tượng, không phù hợp với yêu cầu cần thiết của công việc. Chi tiếp khách, khánh tiết vượt quá mức quy định, sử dụng khoản kinh phí thường xuyên khác để tiếp khách, quà biếu. Chi phí cải tạo sửa chữa trụ sở quá mức quy định về kinh phí hoặc nâng cấp, sửa chữa trụ sở quá định mức, tiêu chuẩn thiết kế được duyệt.

Trong lĩnh vực *sử dụng tài sản công, tài nguyên thiên nhiên* thể hiện : Sử dụng tài sản nhà nước (đất đai, nhà, phương tiện, máy móc thiết bị) vượt quá định mức tiêu chuẩn quy định hoặc không đem lại hiệu quả. Sử dụng một phần hoặc không sử dụng tài sản được giao mà không chuyển giao cho các cơ quan có thẩm quyền gây mất mát, hư hỏng tài sản. Khai thác khoáng sản, tài nguyên không chấp hành những quy định của pháp luật gây lãng phí, kém hiệu quả, làm tổn thất tài nguyên thiên nhiên. Sử dụng đất đai, tài nguyên vượt quá quy hoạch cho phép, sai mục đích khai thác làm tổn thất tài nguyên hoặc hiệu quả khai thác thấp.

Trong lĩnh vực *xây dựng cơ bản* thể hiện : Quyết định đầu tư không đúng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, không phù hợp với điều kiện của nền kinh tế, không mang lại hiệu quả. Thiết kế, thẩm định thiết kế vi phạm các quy định, không bảo đảm chất lượng, không đạt hiệu quả đầu tư. Lập dự toán và thẩm định dự toán tính sai tiền lương, áp dụng sai đơn giá nâng tổng mức dự toán. Điều tra nghiên cứu, khảo sát xây dựng không đúng quy định và không đồng bộ dẫn đến hiệu quả sử dụng kém. Sử dụng vật tư, lao động, phương tiện vượt định mức, không bảo đảm chất lượng. Thi công không đúng tiến độ, thời gian thi công kéo dài, giảm hiệu quả khai thác công trình, gây thất thoát. Cấp phát vốn không đúng tiến độ, không kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng vốn. Thiếu trách nhiệm trong việc quản lý thi công, nghiệm thu công trình, thanh quyết toán công trình.

Trong lĩnh vực *sử dụng vốn và tài sản tại doanh nghiệp nhà nước* thể hiện : Áp dụng vượt quá định mức kinh tế kỹ thuật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định ; ban hành định mức vượt quá định mức cho phép và không phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Sử dụng các quỹ, các khoản kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước vượt quá tiêu chuẩn định mức cho phép. Tổ chức hội họp không thiết thực, chi tiêu hội nghị quá mức quy định. Sử dụng vật tư, nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh vượt quá định mức cho phép, sử dụng lao động không phù hợp với khả năng, trình độ chuyên môn, tay nghề. Xác định lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp không phù hợp gây thiệt hại tiền vốn và tài sản.

Lâu nay, về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được nhiều nước quan tâm. Tuy vậy, ở nước ta tình trạng sử dụng công quỹ lãng phí, chi tiêu mang tính chất hình thức, phô trương, không có hiệu quả thiết thực vẫn còn xảy ra khá phổ biến ở các ngành, các cấp, các đơn vị từ trung ương đến địa phương. Chính sự chi tiêu ngoài dự toán được duyệt, sai chế độ, tiêu chuẩn định mức này là môi trường cho các hoạt động tiêu cực như : tham ô, hối lộ, thất thoát công quỹ phát triển. Vì vậy, dự thảo Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí sẽ được Chính phủ trình Quốc hội khóa X thông qua. ❑

Digitized by Google

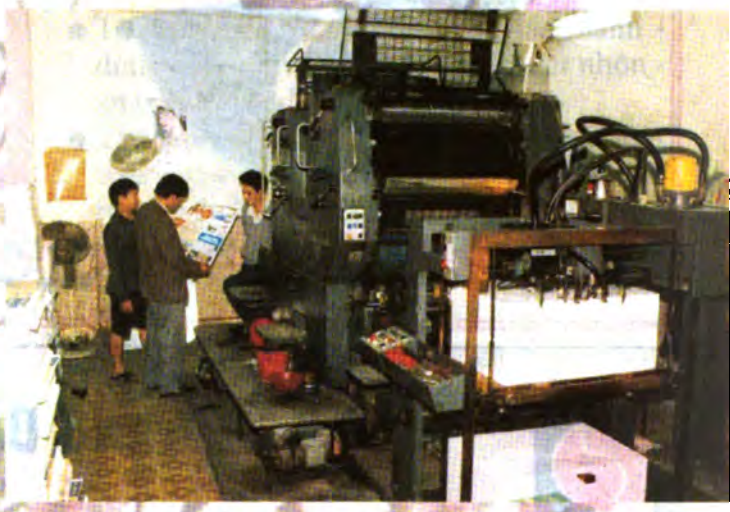
NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN

30 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN



Nhà in Tạp chí cộng sản năm 2000





Với hệ thống thiết bị chế bản và máy in 4 màu hiện đại, đáp ứng mọi yêu cầu sản phẩm in, chất lượng cao

CHẤT LƯỢNG - HIỆU QUẢ - TIN CẬY

Địa chỉ : 38 Bà Triệu, Hà Nội - Điện thoại : 8267244 - 8255778

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : 47 - 49 Lý Thái Tổ , Hà Nội, Việt Nam
Tel: 8 265503- 8250392 ; Fax: 84 4 8269067 ; Telex: 411 504 VCB - VT / 411244 NHTW - VT

Năm Mới Chúc Quý Khách

An Khang Thịnh Vượng

Được thành lập từ 1/4/1963 đến nay Ngân hàng ngoại thương Việt nam đã có quan hệ với 1200 Ngân hàng thương mại tại 85 nước trên thế giới và thực hiện các Dịch vụ ngân hàng:

- Nhận gửi tiết kiệm, bán Kỳ phiếu bằng Đồng Việt nam và ngoại tệ.
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt nam và ngoại tệ.
- Thanh toán xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ.
- Thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh.
- Thực hiện nghiệp vụ hối đoái.
- Chuyển tiền nhanh trong và ngoài nước.
- Làm đại lý thanh toán các loại thẻ quốc tế: VISA, MasterCard, American Express, JCB, phát hành thẻ điện tử Vietcombank- MasterCard để sử dụng trong và ngoài nước.
- Nhận mua bán ngay và có kỳ hạn các loại ngoại tệ mạnh.
- Tham gia hệ thống thanh toán toàn cầu qua hệ thống SWIFT, Money Gram...
- Thực hiện nghiệp vụ thuê mua.

...

Các chi nhánh:

Vietcombank An giang, Vietcombank Cần thơ, Vietcombank Đà nẵng, Vietcombank Đồng nai, Vietcombank Đắc lắc, Vietcombank Hà nội, Vietcombank Hải phòng, Vietcombank Hà tĩnh, Vietcombank Huế, Vietcombank Kiên giang, Vietcombank Tp Hồ Chí Minh, Vietcombank Cà Mau, Vietcombank Nha trang, Vietcombank Quảng ninh, Vietcombank Quy nhơn, Vietcombank Tân thuận, Vietcombank Thái bình, Vietcombank Vinh, Vietcombank Vũng tàu.

Văn phòng đại diện Vietcombank tại PARIS.
Văn phòng đại diện Vietcombank tại MOSCOW.
Văn phòng đại diện Vietcombank tại SINGAPORE.
Công ty tài chính Việt nam tại HONGKONG.

LUÔN MANG ĐẾN CHO BẠN SỰ THÀNH ĐẠT

PETROLIMEX

CÔNG TY XĂNG DẦU HÀ SƠN BÌNH

PETROLIMEX HA SON BINH

Trụ sở chính : Phố Trần Phú, Thị xã Hà Đông, Hà Tây
ĐT: (034) 826286, 824821, (04) 8547233 - Fax : 84.34.825208



Cửa hàng xanh, sạch, đẹp

Nhân dịp Năm Mới, kính chúc quý vị và gia đình mạnh khỏe, thành đạt và hạnh phúc.

Digitized by Google

KHU DU LỊCH VĂN HÓA SUỐI TIÊN
Quận 9 TP.HCM



Vui Xuân năm nay Suối Tiên ra đời thêm nhiều mô hình giải trí cao cấp, hiện đại, mới lạ như :

- Ông Thần Tài khổng lồ chưa từng thấy vui Xuân và tặng quà Tết tại Cung Đại Mai Suối Tiên giữa rừng mai - đào và núi vàng, núi bạc.
- Quảng trường 12 con giáp.
- Động bông và điệp.
- Thủy Phi cơ tự điều khiển.

ĐẶC BIỆT

- **Tàu lượn siêu tốc** vượt ngân hà "tầm cỡ Quốc tế" lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam.
- **Tàu lượn siêu tốc :** tạo cảm giác mạnh - dũng cảm - phi thường - ly kỳ - vui nhộn - an toàn tuyệt đối.
- **Tàu lượn siêu tốc :** gồm hai đoàn tàu lướt trên ray thép chiều dài hơn 1.200 mét dọc theo bãi biển nhân tạo, uốn lượn trên không ở đỉnh cao 27 mét, vận tốc cao nhất trên không 60km/h.
- **Đi tàu lượn siêu tốc :** bạn có cảm giác bay vào không gian và sẽ được ngắm nhìn toàn cảnh Suối Tiên xinh đẹp giữa vùng đồi mênh mông bát ngát.

Suối Tiên : luôn luôn đổi mới và dành cho bạn nhiều bất ngờ, thú vị nhất.

Suối Tiên là vùng đất **TỨ LINH** với **LONG - LÂN - QUY - PHỤNG** nơi an lành hạnh phúc và đem lại may mắn cho gia đình bạn.

SUỐI TIÊN TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI



CHÚC CÁC BẠN GẦN XA MỘT NĂM MỚI AN KHANG THỊNH VƯỢNG

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trụ sở : 75 Đinh Tiên Hoàng - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại : (4).8253544 - (4).8254403 Fax : (4).8243973

KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH NĂM MỚI AN KHANG THỊNH VƯỢNG



Với mạng lưới bưu điện và các đại lý rộng khắp các quận huyện trong nội, ngoại thành, Bưu điện thành phố Hà Nội đang phục vụ trên 30 loại hình dịch vụ Bưu chính - Viễn thông.

- Chi tiết các loại hình dịch vụ, giá cước được in trong cuốn "Niên giám điện thoại - Những trang vàng 1997-1998" và niêm yết tại các cơ sở giao dịch Bưu điện, hoặc giải đáp qua số điện thoại 108.
- Giá lắp đặt điện thoại hiện nay : 1.600.000đồng/máy, 1.700.000đồng/máy và 1.800.000đồng/máy (không kể máy điện thoại) tùy theo đối tượng và nơi lắp đặt máy.
- Thanh toán cước điện thoại hàng tháng bằng nhiều hình thức thuận lợi cho khách hàng: nhờ thu qua Ngân hàng, tại địa chỉ thuê bao và trực tiếp tại các điểm thu cước điện thoại của Bưu điện (khách hàng đăng ký).
- Xin quý khách lưu ý : Số điện thoại của Hà Nội hiện nay (ngoài mã vùng là 4- khi gọi từ các nơi khác về Hà Nội) các số máy gồm 7 con số, không chỉ có con số đầu là 8 mà trên mạng đã có các con số đầu là 5, 6, 7, 9.

Các dịch vụ Bưu chính - Viễn thông là cầu nối quý khách đến mọi miền trong nước và quốc tế.

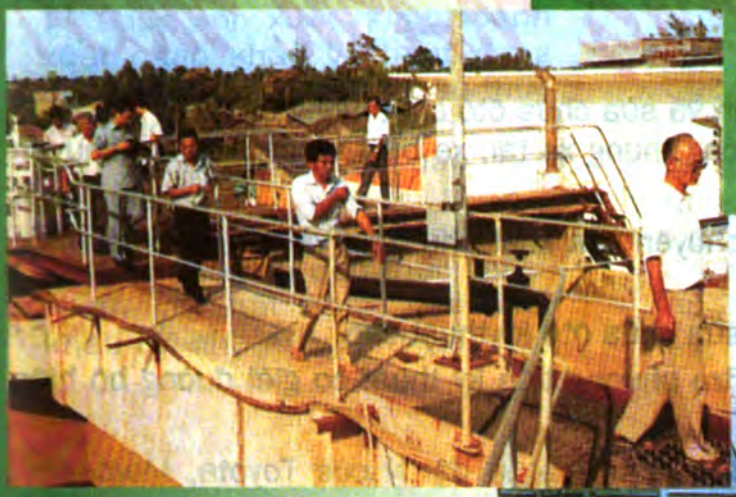
RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH !

Digitized by Google

Can Tho Water Supply Company

CÔNG TY CẤP NƯỚC CẦN THƠ

Office : 2A Nguyen Trai, Can Tho City
Tel : (071) 821710 - 824092
Fax : (071) 824092



A Japanese mission visits Can Tho water plant 1

Tra Noc Water supply plant



CÔNG TY THỰC PHẨM BÍCH CHI

Bich Chi Food Company

Add : 45x1 Highway 80 - Sa Dec Town - Dong Thap province
Tel : (067) 861910 - 861912
Fax : (067) 864674
Representative office : 578A Ben Ham Tu - District 5 - HCM City
Tel : (08) 8353843



+ Là đơn vị chuyên ngành chế biến lương thực thực phẩm, với thiết bị và công nghệ tiên tiến như : ép đùn - chín khô ; Sấy thổi bột gạo lọc; Xử lý ngũ cốc bằng tia hồng ngoại ; Hệ thống thiết bị sản xuất hủ tiếu, bánh phở.
+ Sản phẩm mang nhãn hiệu Bích Chi được sự tin nhiệm của khách hàng trên 30 năm, hiện đang có mặt ở thị trường trong và ngoài nước.

- Bich Chi Food company is a unit specialising in food - food - stuff processing using modern technological processes and equipment and assuring products of the highest quality.
- All products carrying Bich Chi label have won customers' confidence over the years. The company has a strong presence in both domestic and overseas markets.
The company's wide diversity of products.

Digitized by Google

SAMCO CÔNG TY CƠ KHÍ ÔTÔ SÀI GÒN
SAIGON AUTOMOBILE MECHANICAL CORPORATION

262 Trần Hưng Đạo - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh; Tel : 8398919 - 8398878
Fax : 84 - 8 - 8398876 Email : SAMCO @ BDVN.VND.NET

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Với:
- Các Trung tâm bảo hành và sửa chữa ôtô chất lượng cao.
- Nơi có uy tín nhất về đóng thùng xe tải, xe buýt và các loại xe chuyên dùng.
- Xưởng gia công cơ khí chuyên sản xuất phụ tùng và các loại máy móc thiết bị.
- Trung tâm đào tạo thợ sửa chữa ôtô kỹ thuật cao.
- Hệ thống thiết bị kiểm tra phương tiện kỹ thuật cơ giới đường bộ hiện đại.
- Hệ thống các cửa hàng thương mại là đại lý của Toyota, Mercedes, Isuzu, Mitsubishi, VMC...
- Trung tâm thiết kế mới, hoán cải các phương tiện vận tải cơ giới đường bộ của Sở Giao thông Công chánh và Bộ Giao thông Vận tải.

VIETNAM RUBBER GENERAL COMPANY

DONGNAI RUBBER COMPANY

CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI

ĐƠN VỊ HÀNG ĐẦU CỦA NGÀNH CAO SU VIỆT NAM

Trụ sở: Quốc lộ 1- Huyện Long Khánh - Tỉnh Đồng Nai - ☎ 877126 - 877467
Văn phòng tại TP. HCM: 39 Bến Vân Đồn - Quận 4 - ☎ 08. 8223345



Vườn cây đang khai thác mủ



I.Q.M QUALITY AWARD 1992

Digitized by Google

CÔNG TY DẦU THỰC VẬT HƯƠNG LIỆU - MỸ PHẨM VIỆT NAM

- Là doanh nghiệp nhà nước, đầu mối và đại diện ngành kinh tế kỹ thuật cả nước.
- Tổ chức sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu và hoạt động dịch vụ chuyên ngành dầu thực vật hương liệu, mỹ phẩm, các sản phẩm từ cây có dầu, cây tinh dầu....
- Khai thác cảng chuyên dùng xuất nhập khẩu dầu thực vật.
- Nhận sấy hạt nông sản xuất khẩu tại nhà máy Dầu Thủ Đức

ĐỊA CHỈ SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP DẦU ĂN CHẤT LƯỢNG CAO

- Văn phòng Vocarimex : 58 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Q.1, TP.HCM
- Nhà máy Dầu Tân Bình : số 6 CMT8, Q. Tân Bình , TP.HCM
- Nhà máy Dầu Tường An : 48/5 CMT8, Q.Tân Bình, TP. HCM
- Nhà máy Dầu Thủ Đức : 18/2C Xuân Trường, Linh Xuân, Thủ Đức
- Chi nhánh Công ty tại Hà Nội : Số 8 Cát Linh, Hà Nội
- Cung cấp dầu mè rang tại xí nghiệp Dầu thực vật Đồng Nai
- Cty liên doanh Golden Hope Nhà Bè : Ấp 2, Xã Phú Mỹ, Nhà Bè
- Cty liên doanh CALOFIC Quảng Ninh



CÔNG TY DẦU THỰC VẬT HƯƠNG LIỆU MỸ PHẨM VIỆT NAM

VOCARIMEX

58 NGUYỄN BỈNH KHIÊM - QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

TEL : 8294513 - 8223009 - FAX : 8290586

Digitized by Google

XN ĐTCC
ĐIỆN THOẠI CÔNG CỘNG

BƯU ĐIỆN TP HỒ CHÍ MINH
XÍ NGHIỆP
ĐIỆN THOẠI CÔNG CỘNG

77 - 78 LÝ THƯỜNG KIỆT, QUẬN TÂN BÌNH, TP HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI : (08) 8650330 - 8651984 ; Fax : (08) 8650663



- Chỉ cần một thủ tục đơn giản, quý khách sẽ trở thành **đại lý Điện thoại công cộng** *và được hưởng lợi nhuận trên tổng doanh thu cước hàng tháng theo quy định của ngành Bưu Điện.*

- Hệ thống điện thoại TỔNG ĐÀI KHU PHỐ đã gắn liền với hoạt động của các Chợ : ***Bến Thành, Bình Tây, Kim Biên, Đồng khánh, Phú Thọ, Tân Bình, Dân Sinh, Bà Chiểu, Tân Thành, Nhật Tảo, Tân Định, Hòa Bình, Xóm Củi, Phó Cơ Điều,...***

★ Nhanh chóng, tiện lợi, hiệu quả với giá cả lắp đặt và cước khoán thuê bao hàng tháng thấp nhất là ưu điểm của các tổng đài khu phố-chợ.

- THIẾT KẾ, LẮP ĐẶT, BẢO HÀNH, SỬA CHỮA VÀ CUNG CẤP các hệ thống **Tổng đài nội bộ, máy Fax, thiết bị tính cước (PHONETAX)** ... và các vật tư thiết bị viễn thông đầu cuối.

Hân hạnh được phục vụ quý khách

Digitized by Google

CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG
SÂN BAY MIỀN NAM



Mặt trước nhà ga quốc tế



Nhà khách VIP

Digitized by Google

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Chi nhánh khu vực Ba Đình

Nam mới kính chúc

QUÝ KHÁCH

và các chi nhánh bạn

AN KHANG

THỊNH VƯỢNG



Giám đốc chi nhánh NHCT Ba Đình

Phạm Xuân Lập

Địa chỉ : 126 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : 823 51 78, 823 16 81

Fax : 846 29 10, 843 46 17



Quý khách giao dịch với chi nhánh NHCT Ba Đình sẽ được đáp ứng mọi nhu cầu về ***gửi vốn, vay vốn và các dịch vụ*** ngân hàng.

Chi nhánh NHCT Ba Đình luôn phục vụ quý khách ***tận tình, chu đáo, đảm bảo an toàn và hiệu quả.***

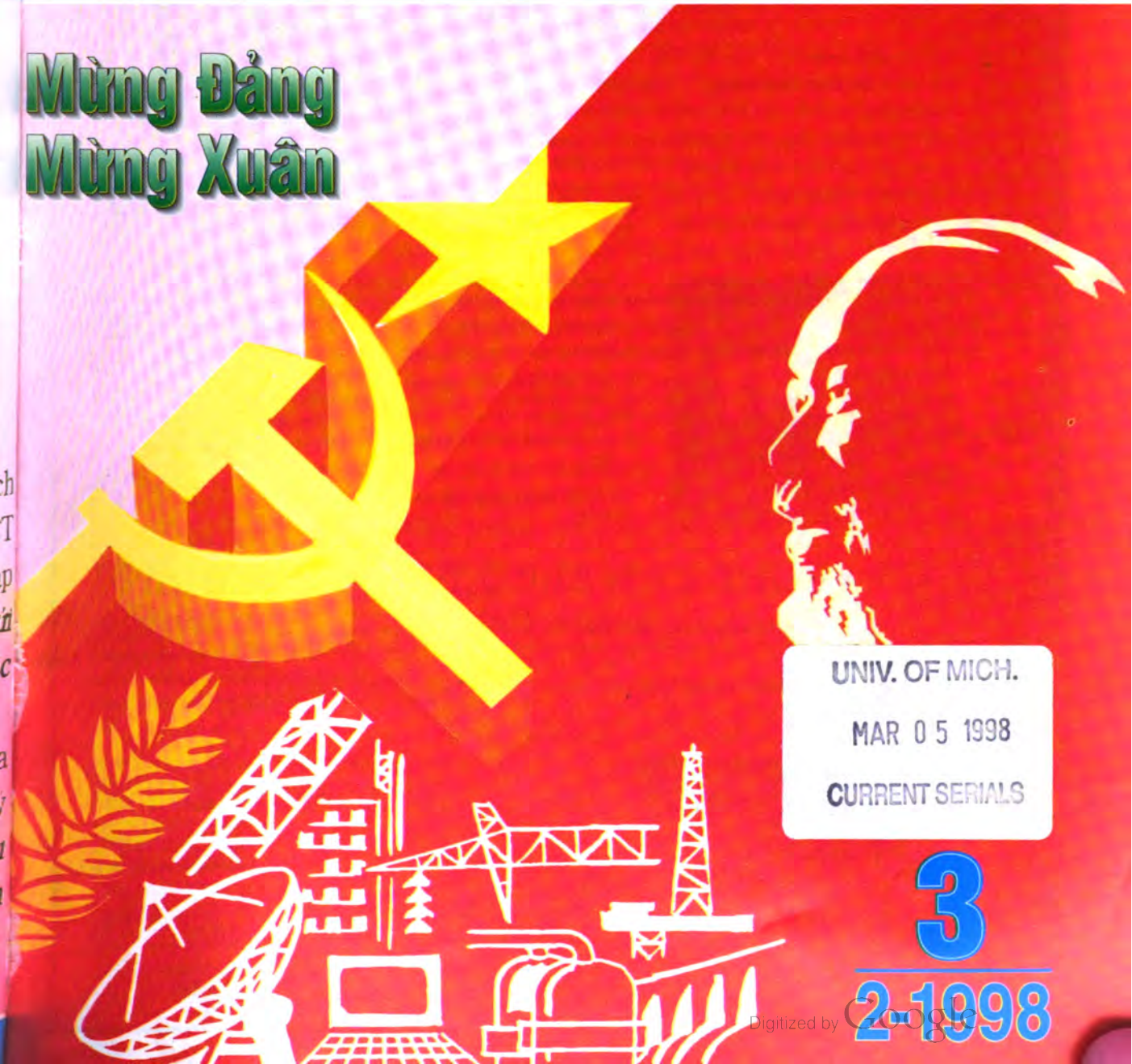
Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 4000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

Mừng Đảng Mừng Xuân



UNIV. OF MICH.
MAR 0 5 1998
CURRENT SERIALS

3
2-1998

Digitized by Google

CÔNG TY ĐƯỜNG LAM SƠN

Chúc Mừng Xuân

MẬU DẦN '98



Director: LE VAN TAM



Địa chỉ giao dịch:
Thị trấn Lam Sơn, Tho Xuân,
Thanh Hóa.
Tel: 037.834091. Fax: 037.834092.
Xí nghiệp bánh kẹo Đinh Hương,
Thành phố Thanh Hóa.
Tel: 037.854009. Fax: 037.855788.

LAM SƠN SUGAR COMPANY



CÔNG TY CHUYÊN SẢN XUẤT

1. Đường kính trắng
2. Đường vàng tinh khiết
3. Bánh kẹo các loại
4. Đường Gluco
5. Cồn thực phẩm
6. Nước khoáng
7. Ván ép
8. Nha
9. Thức ăn gia súc
10. Phân bón tổng hợp sinh học

THE COMPANY IS SPECIALISED IN PRODUCTION OF:

1. White sugar
2. Yellow sugar in solid form
3. Other cookies
4. Gluco sugar
5. Foodstuff alcohol
6. Natural mineral water
7. Particle board of wood
8. Malt
9. Folder
10. Biological mixed fertilizer.

WE WARMLY WELCOME CUSTOMERS!

Address: Lam Son District Town, Tho Xuan District, Thanh Hoa Province
Tel: 037.834091. Fax: 037.834092.
Dinh Huong Confectionery Enterprise in Thanh Hoa City:
Tel: 037.854009. Fax: 037.855788.



Rất Hân Hạnh Được Đón Tiếp Quý Khách

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 537 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

3
2-1998

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 68 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (3-2-1930 - 3-2-1998)	LÊ KHẢ PHIÊU - Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng và thực hiện thiết chế dân chủ ở cơ sở	3
	ĐAN TÂM - Về sự liên minh công - nông - trí trong kinh tế thị trường	8
KỶ NIỆM 150 NĂM "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" RA ĐỜI (1848 - 1998)	TRẦN HỮU TIẾN - Tư tưởng vĩ đại về sự giải phóng con người	11
	TRỊNH GIA BAN - Từ Tuyên ngôn của Đảng cộng sản đến Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam	14
	VŨ QUANG LỘC - Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản ngày nay dưới tầm nhìn của 150 năm trước	17
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	TIẾN HẢI - Về người đảng viên cộng sản ngày nay	22
	KHỔNG DOÃN HỢI - Giai cấp công nhân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	27
	TÀO HỮU PHÙNG - Khủng hoảng tài chính tiền tệ ở châu Á và một số giải pháp đối với Việt Nam	31
	ĐẶNG NGỌC DINH - Về vấn đề định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ nước ta	35
	PHẠM ĐỨC THÀNH - Tính ổn định tương đối của văn hóa	39
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	TRẦN MINH NGỌC - Nam Định sau một năm tái lập và hướng đi trong thời gian tới	42
	NGUYỄN ĐỨC MINH - Mấy vấn đề về an ninh nông thôn hiện nay	45
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NHỊ LÊ - Chức quyền xã hội	49
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN VĂN NINH - Hội nhập quốc tế và độc lập tự chủ trong kinh tế	50
	TRỊNH ĐÌNH TỪ - Chính sách bảo hộ sản xuất nông nghiệp của một số nước trên thế giới	53
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	- Cuộc đấu tranh toàn cầu	56
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	- Tư bản giả	59
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Hội thảo quốc tế về đào tạo từ xa	60

Bìa 1 : *Mừng Đảng, mừng xuân* *Tranh :* **TRẦN THẾ VINH**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ ХА ФИЕУ - Развивать право быть хозяйном народа, укреплять и реализовать демократические институты на местах. ДАН ТАМ - О союзе рабочего класса - крестьянства - интеллигенции при рыночной экономике. ЧАН ХЫУ ТИЕН - Великая идея об освобождении человека. ЧИНЬ ЗА БАН - От "Манифеста Коммунистической Партии" до Декларации Независимости Вьетнама. ВУ КУАНГ ЛОК - Историческая роль современного капитализма рассмотренная с точки зрения 150 лет назад. ТИЕН ХАЙ - Дополнительное суждение о роли членов коммунистической партии. ХОНГ ЗОАН ХОЙ - Рабочий класс в деле индустриализации и модернизации страны. ТАО ХЫУ ФУНГ - Финансовый и монетарный кризис в Азии и некоторые мероприятия для Вьетнама. ДАНГ НГОК ЗИНЬ - О проблеме ориентировки стратегии научно-технологического развития нашей страны. ФАМ ДЫК ТХАНЬ - Относительная стабильность культуры. НГУЕН ВАН НИНЬ - Международная интеграция и экономическая независимость и самостоятельность. ЧИНЬ ДИНЬ ТЫ - Протекционистская политика дла сельского хозяйства некоторых стран мира.

CONTENTS

LÊ KHẢ PHIÊU - Bringing into play the people's right to be master, bulding and carrying out the democratic institutions at localities. ĐAN TÂM - About the union of working class, peasant class and intelligentsia in the market economic mechanism. TRẦN HỮU TIẾN - Great idea of the human liberation. TRỊNH GIA BAN - From the "Manifiesto of the Communist Party" to the "Declaration of Independence" of Vietnam. VŨ QUANG LỘC - Historic role of the present capitalism under the view of 150 years ago. TIẾN HẢI - Additional judgement about communist party members. KHỔNG DOÃN HỢI - The working class in the cause of industrialization and modernization of the country. TÀO HỮU PHÙNG - Asian financial - monetary crisis and some solutions for Vietnam. ĐẶNG NGỌC DINH - About the orientation of the strategy for the scientific and technological development of Vietnam. PHẠM ĐỨC THÀNH - Relative stability of culture. NGUYỄN VĂN NINH - World integration and economic independence and self - reliance. TRỊNH ĐÌNH TỬ - Protectionist policies for agricultural production of some countries in the world.

SOMMAIRE

LÊ KHẢ PHIÊU - Faire valoir le droit de maître du peuple pour mettre sur pied l'institution démocratique à la base. ĐAN TÂM - Sur l'alliance ouvrier-paysan-intelligentsia dans l'économie de marché. TRẦN HỮU TIẾN - La pensée noble sur la libération de l'homme. TRỊNH GIA BAN - Du "Maifeste du parti communiste" à la "Déclaration d'indépendance" du Vietnam. VŨ QUANG LỘC - Le rôle historique du capitalisme d'aujourd'hui dans l'angle de vue d'il y a 150 ans. TIẾN HẢI - Une contribution à la vertu d'un communiste. KHỔNG DOÃN HỢI - La classe ouvrière dans l'oeuvre d'industrialisation et de modernisation du pays.TÀO HỮU PHÙNG -La crise financière et monétaire en Asie et quelques solutions pour le Vietnam. ĐẶNG NGỌC DINH - Sur l'orientation stratégique pour le développement scientifico-technologique de notre pays. PHẠM ĐỨC THÀNH - La stabilité relative de la culture. NGUYỄN VĂN NINH - L'intégration internationale et l'indépendance économique. TRỊNH ĐÌNH TỬ - Le protectionnisme à l'égard de la production agricole de certains pays dans le monde.

SUMARIO

LÊ KHẢ PHIÊU - Poner en alto el derecho de dueño del pueblo, edificar y realizar la institución democrática en las bases. ĐAN TÂM - Sobre la alianza obrero-campesino-intelectual en la economía de mercado. TRẦN HỮU TIẾN - El Gran pensamiento sobre la emancipación del hombre. TRỊNH GIA BAN - Del Manifiesto del Comunismo a la Proclamación de la Independencia de Vietnam. VŨ QUANG LỘC - El papel histórico del actual capitalismo bajo la mirada de 150 años atrás. TIẾN HẢI - Algunas ideas sobre el comunista. KHỔNG DOÃN HỢI - La clase obrera en la obra de industrialización y modernización del país. TÀO HỮU PHÙNG -La crisis financiero-monetaria en Asia y algunas soluciones para con Vietnam. ĐẶNG NGỌC DINH - Sobre la orientación estratégica del desarrollo científico y tecnológico en Vietnam. PHẠM ĐỨC THÀNH - La estabilidad relativa de la cultura. NGUYỄN VĂN NINH - La integración internacional y la independencia autónoma en la economía. TRỊNH ĐÌNH TỬ - La política del proteccionismo de la producción agrícola de algunos países en el mundo.

目录

•黎可漂: 发挥人民的当家作主权, 建立并落实基层民主体制•丹心: 关于市场经济中工人、农民和知识份子的联盟•陈友进: 有关解放人类的伟大思想•郑嘉班: 从《共产党宣言》到越南的《独立宣言》•武光禄: 以150年前的视野来看当今资本主义所起的历史作用•进海: 再论共产党人•孔井亥: 工人阶级在国家工业化、现代化事业中所起的作用•曹友逢: 亚洲金融危机及在越南所采取的一些解决方法•邓玉营: 关于发展我国科学与工艺的既定的战略方向问题•范德成: 文化的相对稳定性•阮文宁: 融入国际与经济中的独立自主性•郑亭慈: 世界上一些国家的农业生产保护政策

Digitized by Google

PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN, XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN THIẾT CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

LÊ KHẢ PHIÊU
Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng CSVN

Gần 70 năm lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành độc lập và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta bao giờ cũng coi dân chủ là một nội dung quan trọng trong đường lối cách mạng của mình. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vừa là mục tiêu, vừa là động lực để nhân dân ta vượt qua khó khăn, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chiến lược, lại vừa là bản chất, là đặc trưng của chế độ mới.

Những yếu tố dân chủ, tinh thần dân chủ, "lấy dân làm gốc", "coi dân là trọng" vốn đã hình thành trong lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân ta từ mấy nghìn năm trước, đã được Đảng ta kế thừa và phát huy trong điều kiện mới. Khi đất nước còn sống trong cảnh nô lệ, bị thực dân và phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề, thấu hiểu khát vọng độc lập, tự do và dân chủ của dân, tin dân, dựa vào dân, Đảng ta chỉ với mấy nghìn đảng viên đã dũng cảm phát động nhân dân cả nước đứng lên giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám. Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta thông qua Tổng tuyển cử trực tiếp mà lập nên nhà nước mới. Có nhà nước mới, nhân dân ta vừa thực hiện quyền làm chủ đất nước thông qua các cơ quan dân cử vừa làm chủ trực tiếp mọi mặt trên địa bàn cư trú của mình.

Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Đảng ta đã khơi dậy tinh thần yêu nước, mưu trí, sáng tạo của các giới, các ngành, của đồng bào trong cả nước trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, đồng tâm nhất trí tiến hành thắng lợi các cuộc kháng chiến chống xâm lược, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Biết bao khó khăn, gian khổ, tưởng chừng khó vượt qua mà chúng ta đã gặp, đã phải đương đầu trên các chặng đường phát triển của Cách mạng Việt Nam. Lúc thì phong trào bị khủng bố trắng, nhiều cơ sở đảng bị địch đánh phá, đàn áp khốc liệt. Lúc thì bị địch bao vây, lăm le dùng lực lượng quân sự để bóp chết chính quyền cách mạng còn non trẻ. Lúc thì bị địch dùng chiến tranh tổng lực, sử dụng những đội quân tinh nhuệ, trang bị cực kỳ hiện đại để quyết phá tan các cơ sở đảng và lực lượng vũ trang ở miền Nam, bóp chết cách mạng miền Nam, và đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá ! Cũng có lúc chúng ta phạm sai lầm. Tất cả những trở lực to lớn ấy chúng ta đã vượt qua được, đã khắc phục được, là do Đảng ta đã thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ "dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong" tin dân, dựa hẳn vào dân, nên được dân tin yêu và hết lòng ủng hộ. Chính nhân dân ta là người đã hy sinh tính mệnh, của cải, để bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng, sẵn sàng gửi con em ruột thịt và lương thực quý hiếm của mình ra tiền tuyến trong cuộc chiến tranh giải phóng suốt 30 năm. Nhân dân vừa bám trụ giữ làng, giành giật với địch từng tấc đất, vừa dỡ nhà lát đường cho xe ra trận, lại vừa sáng tạo ra muôn vàn cách đánh, từ cách đánh du kích trên mặt đất, mặt nước, đến đấu trí đấu lực với địch bằng phương tiện hiện đại và thắng địch rất oanh liệt ở trên không. Rồi khi hòa bình, đất nước rơi vào tình

Digitized by Google

trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, chính nhân dân là người đã chủ động khắc phục khó khăn, tìm tòi ra những cách làm ăn mới, sáng tạo ra những mô hình mới trong nông nghiệp, trong công nghiệp, trong phân phối lưu thông để giúp Đảng ta nghiên cứu, tổng kết xây dựng thành đường lối đổi mới toàn diện. Nhân dịp kỷ niệm Ngày thành lập Đảng năm nay, chúng ta ôn lại đôi nét lịch sử để thấy rõ cội nguồn của thắng lợi là sức mạnh của nhân dân ta và ghi nhớ công ơn các anh hùng liệt sĩ, các thế hệ người Việt Nam đã anh dũng hy sinh cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc, để khẳng định bài học về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bài học đã giúp chúng ta vượt qua mọi thử thách và giành thắng lợi.

Những năm đổi mới vừa qua, thực hiện Nghị quyết của Đại hội VI, Đại hội VII, Đại hội VIII và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII, quyền làm chủ của nhân dân lại được Đảng và Nhà nước ta phát huy thêm một bước ; thể hiện rõ trong nhiều chính sách đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội, đã giải phóng tiềm năng to lớn về vật chất và trí tuệ của nhân dân, nhờ đó mà sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đạt được những thành tựu to lớn. Tuy nhiên, quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực ; tệ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân vẫn đang phổ biến và nghiêm trọng mà chúng ta chưa ngăn chặn, đẩy lùi được. Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" chưa được cụ thể hóa và thể chế hóa thành pháp luật, cho nên chậm đi vào cuộc sống. Tình trạng mất dân chủ, không để dân bàn bạc và quyết định những công việc cụ thể liên quan trực tiếp đến đời sống của dân, bắt dân phải đóng góp nhiều khoản vượt quá khả năng, lại không minh bạch về tài chính, thậm chí xà xẻo vào những khoản tiền do dân đóng góp như ở một số xã thuộc tỉnh Thái Bình và vài nơi khác ; tình trạng để tồn đọng hàng vạn đơn khiếu tố bị đùn đẩy không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không đúng ; tình trạng quan liêu, quản lý lỏng lẻo để thất thoát lớn trong một số ngân hàng hoặc gây lãng phí lớn trong xây dựng v.v. chẳng những làm suy giảm lòng tin của dân đối với Đảng và chính quyền mà còn làm triệt tiêu nguồn động lực của nhân dân và xâm phạm vào bản chất tốt đẹp của chế độ. Cho nên các cấp ủy đảng và cơ quan chính quyền phải quán triệt sâu sắc và chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết Trung ương 3 mà cốt lõi là phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân phải được thể hiện trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, từ xây dựng luật pháp, cơ chế, chính sách đến tổ chức bộ máy, phong cách làm việc, bao quát hoạt động của mọi cấp, mọi ngành, từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Vấn đề dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân để phát huy động lực, thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh phải được đặt ra cho cả hệ thống chính trị, phải tác động 2 chiều dưới lên, trên xuống, cả trong Đảng, và trong nhân dân.

Cùng với việc triển khai một cách toàn diện và đồng bộ phát huy quyền làm chủ của dân ở mọi lĩnh vực, mọi cấp, Bộ Chính trị xác định, *lúc này khâu quan trọng và cấp bách trước mắt là phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở.* Vì cơ sở là nơi đông đảo nhân dân (bao gồm nông dân, công nhân, cán bộ, công chức, viên chức, quân nhân và các thành phần lao động khác) sinh sống hằng ngày. Cơ sở là nơi sản xuất, kinh doanh, lao động, học tập, nơi nảy sinh nhiều yêu cầu bức xúc hằng ngày về đời sống kinh tế, xã hội, chính trị, nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Cơ sở là nơi nhân dân đang có nhiều đòi hỏi về làm chủ và cũng là nơi có điều kiện thực hiện quyền dân chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất. Bộ Chính trị cũng chỉ rõ thực hiện dân chủ ở cơ sở sẽ thúc đẩy cải cách hành chính, sửa đổi những cơ chế chính sách và thủ tục hành chính không phù hợp với cuộc sống. Nhân dân ở cơ sở thực hiện quyền làm chủ, tham gia kiểm kê, kiểm soát sẽ tích cực xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, tích cực đấu tranh bài trừ tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Thực tiễn cho thấy, muốn phát huy được quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở, Đảng phải lãnh đạo, phải có quan điểm chính sách lớn để định hướng, đồng thời phải xây dựng được *thiết chế dân chủ ở cơ sở* một cách cụ thể, phù hợp với từng đối

Digitized by Google

tượng dân cư. Đó là những quy định có giá trị pháp lý do Nhà nước ban hành, mang tính bắt buộc mọi người, mọi tổ chức nghiêm chỉnh thực hiện. Các quan điểm chỉ đạo việc xây dựng *thiết chế dân chủ ở cơ sở* đã được Bộ Chính trị nêu lên một cách toàn diện. Điều cần nhấn mạnh là phát huy quyền làm chủ của nhân dân trước hết là nhân dân lao động nói chung và việc xây dựng thiết chế dân chủ cơ sở nói riêng, phải được đặt trong cơ chế tổng thể "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Ba mặt đó quan hệ chặt chẽ với nhau, không thể chỉ nhấn mạnh một mặt mà coi nhẹ, hạ thấp những mặt khác. Bởi vì, Đảng có tăng cường lãnh đạo, Nhà nước có quản lý tốt, có cơ chế chính sách đúng thì nhân dân mới thực hiện được quyền làm chủ của mình trên thực tế.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân phải chú trọng cả 2 mặt : vừa phát huy chế độ dân chủ đại diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, vừa thực hiện từng bước vững chắc chế độ dân chủ trực tiếp, trước hết ở cấp cơ sở mà cốt lõi là nhân dân bàn bạc và quyết định trực tiếp những công việc quan trọng thiết thực, gắn liền với lợi ích của mình. Dân chủ phải gắn liền với dân sinh, dân trí, thúc đẩy kinh tế, văn hóa - xã hội cùng phát triển. Dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, trật tự, dân chủ được thể chế hóa thành pháp luật và dân chủ trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật ; quyền hạn gắn liền với trách nhiệm, lợi ích đi đôi với nghĩa vụ ; chống quan liêu mệnh lệnh, tham nhũng, lãng phí, đồng thời chống tình trạng vô chính phủ, lợi dụng dân chủ vi phạm pháp luật. Dân chủ cao thì kỷ luật phải nghiêm. Kỷ luật có nghiêm mới bảo đảm việc mở rộng dân chủ, thực hiện dân chủ một cách có chất lượng và hiệu quả.

Hiện nay, các cơ quan chức năng đang xây dựng các *thiết chế dân chủ ở cơ sở* phù hợp với từng đối tượng xã phường, doanh nghiệp, cơ quan, trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu khoa học v.v. Nội dung các thiết chế đó quy định rõ quyền của mọi người dân được thông tin về các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống hằng ngày của nhân dân tại cơ sở ; có chế độ và hình thức báo cáo công khai trước nhân dân công việc của chính quyền, cơ quan, đơn vị về sản xuất và phân phối, về việc sử dụng tài sản công, về thu chi tài chính, công quỹ, về các khoản đóng góp của dân, về quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, chế độ thu và sử dụng học phí, viện phí... Quy định rõ các hình thức để nhân dân, cán bộ, công chức ở cơ sở được bàn bạc và tham gia góp ý kiến vào các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ công tác chuyên môn, công tác cán bộ... của chính quyền, cơ quan, đơn vị ; kết quả ý kiến đóng góp của nhân dân phải được xem xét, cân nhắc, khi chính quyền hoặc thủ trưởng ra quyết định. Đối với những loại việc như huy động sức dân, tiền của dân, để xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi trên địa bàn, các thiết chế quy định rõ quyền nhân dân được bàn bạc và quyết định một cách dân chủ ; chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện theo đa số ý kiến của nhân dân, có sự giám sát, kiểm tra của nhân dân. Thiết chế dân chủ ở cơ sở hoàn thiện cơ chế để nhân dân, cán bộ, công nhân, viên chức, công chức, vừa trực tiếp vừa thông qua các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc, thông qua các ban thanh tra nhân dân mà giám sát hoạt động của chính quyền, của thủ trưởng cơ quan, đơn vị ; kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của nhân dân phải được tiếp thu nghiêm túc. Thiết chế cũng xác định rõ trách nhiệm tổ chức tốt việc tiếp dân, giải quyết các khiếu nại tố cáo và trả lời thắc mắc của nhân dân ở các cơ quan, chính quyền cơ sở, ở các đơn vị ; nghiêm cấm mọi hành vi trù dập người khiếu nại, tố cáo. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cơ sở phải định kỳ báo cáo công việc trước dân, phải tự phê bình và tổ chức để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức ở cơ sở góp ý kiến, đánh giá, phê bình và nghiêm túc tiếp thu những ý kiến đóng góp, phê bình đúng đắn. Thiết chế dân chủ ở cơ sở còn mở rộng các hình thức tự quản để nhân dân tự bàn bạc và thực hiện trong khuôn khổ pháp luật các công việc mang tính xã hội hóa, có sự hỗ trợ của chính quyền, cơ quan, đơn vị như việc xây dựng hương ước, quy ước làng văn hóa, xây dựng tổ hòa giải, tổ an ninh, phong trào vệ sinh môi trường, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ người nghèo v.v.

Tùy theo từng loại hình cơ sở mà nội dung thiết chế có thể có chỗ khác nhau (như xã có chỗ khác phường ; cơ quan hành chính sự nghiệp có chỗ khác với các đơn vị sản xuất kinh doanh...) nhưng

Digitized by Google

về nguyên tắc các thiết chế này đều quy định rõ những loại việc gì dân cần phải được thông tin đầy đủ, dân cần phải biết ; những loại việc gì dân phải được bàn, được đóng góp ý kiến trước khi các cơ quan chính quyền cơ sở, các thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo ý kiến đa số của dân ; những loại việc gì thì dân vừa được bàn, vừa được trực tiếp quyết định luôn ; những loại việc gì dân được trực tiếp kiểm tra và cách thức kiểm tra thế nào để bảo đảm được dân chủ, khắc phục được tiêu cực mà không tạo ra kẽ hở cho phần tử xấu lợi dụng kích động, gây rối, làm mất trật tự kỷ cương.

Xây dựng và thực hiện thiết chế dân chủ ở cơ sở là bước tiến mới trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, là nét mới trong đời sống chính trị của xã hội ta, đáp ứng nguyện vọng sâu xa của hàng chục triệu quần chúng nhân dân theo Đảng ta làm cách mạng.

Thông qua một hình thức văn bản pháp luật thích hợp, các thiết chế dân chủ ở cơ sở sẽ được nhà nước ban hành. Khi đã ban hành, vấn đề quyết định là phải tổ chức thực hiện thế nào cho tốt. Lâu nay, việc tổ chức thực hiện các chỉ thị nghị quyết, các văn bản pháp luật, thường vẫn là khâu yếu kém trong công tác lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước ta. Để các thiết chế dân chủ ở cơ sở khi ban hành thực sự đi vào cuộc sống, thực sự trở thành sức mạnh tinh thần và vật chất của xã hội, thúc đẩy xã hội ta phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các cấp, các ngành từ trung ương tới địa phương, cơ sở cần nắm vững phương châm, phương pháp tiến hành mà Bộ Chính trị đã nêu trong chỉ thị.

– *Phải làm trong Đảng trước rồi mới ra dân.* Nhận thức tư tưởng của cán bộ đảng viên trong Đảng phải thông suốt với chủ trương của Đảng xây dựng và thực hiện thiết chế dân chủ cơ sở nói riêng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân nói chung ; phải tự phê bình và phê bình nghiêm túc trong đảng bộ, chi bộ về những nhận thức không đúng đối với quyền làm chủ ở cơ sở của nhân dân cũng như những việc làm sai trái đã xâm phạm tới quyền làm chủ ấy và đề ra biện pháp sửa chữa. Sau đó mới đưa ra dân, báo cáo với dân và yêu cầu dân góp ý kiến.

– *Phải làm từng bước vững chắc, không làm lướt, ồ ạt.* Cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ đạo điểm, rút kinh nghiệm, bồi dưỡng cán bộ rồi mới triển khai, mở rộng. Có thể bắt đầu từ cơ sở xã phường, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước rồi rút kinh nghiệm mở rộng ra các loại hình cơ sở khác. Ở cơ sở xã, kết hợp với phổ biến, áp dụng thiết chế dân chủ mà bàn bạc xử lý những tồn đọng cũ, thường tập trung vào mấy vấn đề nổi cộm như vấn đề sử dụng ruộng đất, huy động đóng góp, vấn đề tài chính và cán bộ.

– *Phải qua tự phê bình trong nội bộ và qua phê bình nhận xét của nhân dân mà biểu dương những cán bộ đảng viên tốt, gương mẫu, và xử lý những cán bộ đảng viên có sai phạm.* Việc xử lý cán bộ đảng viên phải nghiêm minh, có lý có tình, lấy giáo dục làm chính ; những người sai phạm đã qua nếu thành khẩn kiểm điểm và tích cực sửa chữa thì được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật ; nếu không sửa chữa hoặc tái phạm thì phải xử lý nghiêm khắc hơn.

Quán triệt và vận dụng tốt những quan điểm chỉ đạo này trong quá trình tổ chức thực hiện các thiết chế dân chủ ở cơ sở là rất quan trọng. Trong Đảng có sinh hoạt dân chủ, có gương mẫu thực hiện tự phê bình và phê bình nghiêm túc, có thường xuyên giáo dục và quản lý tốt cán bộ đảng viên thì trong cơ quan chính quyền và ngoài xã hội mới có dân chủ. Nếu trong đảng bộ, chi bộ không thường xuyên tự phê bình và phê bình không nghiêm túc, không coi trọng công tác giáo dục và quản lý đảng viên, nể nang nương nhẹ, thậm chí bao che cho những hành vi tiêu cực của cán bộ đảng viên thì khuyết điểm nhỏ sẽ phát triển dần thành khuyết điểm lớn, một người mắc khuyết điểm sẽ kéo theo cả nhiều người. Kết quả là dân mất lòng tin, hiệu lực lãnh đạo của Đảng ở cơ sở bị giảm sút, các căn bệnh quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, hối lộ và lãng phí có đất phát triển.

Thực tiễn xử lý những vụ việc tiêu cực, mất dân chủ trong một số xã ở Thái Bình và nơi khác cho thấy, không ít cán bộ, đảng viên có chức trách trong Đảng và chính quyền ở đấy mắc khuyết điểm lúc đầu cũng nhẹ, nhưng tổ chức đảng và chính quyền không thực hiện việc đấu tranh tự phê bình và phê bình một cách kịp thời, nghiêm túc, người mắc khuyết điểm không nhận khuyết điểm trước dân, không tìm biện pháp kiên quyết khắc phục, trái lại còn thành kiến, hách dịch trù dập những

Digitized by Google

người đã thẳng thắn phê bình, nên bầu không khí xã hội trên địa bàn trở thành căng thẳng, thôn xóm mất đoàn kết. Không chịu nổi nỗi ấn ức lâu ngày, nhiều người kéo đi kêu kiện lên trên, nhưng trên lại né tránh, đùn đẩy, chậm giải quyết, hoặc giải quyết không thỏa đáng, cho nên những người thiếu thiện ý, hoặc thiếu thông tin chính xác, nhân đó kích động thêm vào, thế là trở thành "điểm nóng". Giống như một đốm than rơi vãi âm ỉ cháy ở góc nhà, không kịp thời "xử lý", gặp gió to nó bốc thành đám cháy. Trước tiên cháy nhà mình, không xử lý kịp, nó cháy lan sang nhà hàng xóm. Cho nên thực hiện thiết chế dân chủ ở cơ sở phải lấy biện pháp dân chủ, đấu tranh tự phê bình và phê bình một cách nghiêm túc, đúng mực, từ trong Đảng ra chính quyền, ra dân để xử lý những khuyết điểm tiêu cực đã qua và ngăn chặn những tiêu cực mới có thể xảy ra là chính. Đối với những người mắc sai lầm, khuyết điểm nặng tất nhiên phải xử lý nghiêm theo kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, không được nương nhẹ. Nhưng xử lý theo hình thức nào cũng phải dân chủ, công minh, không quy chụp thô bạo. Dùng biện pháp dân chủ để xây dựng đời sống dân chủ, không dùng những biện pháp phi dân chủ để khắc phục những hiện tượng mất dân chủ, chắc chắn sẽ khắc phục được nhiều khuyết điểm, tiêu cực. Không khí xã hội ở các cơ sở sẽ cởi mở, sẽ trên thuận dưới hòa, trong ấm ngoài êm.

Xây dựng và thực hiện thiết chế dân chủ ở cơ sở đòi hỏi sự nỗ lực của mọi ngành, mọi cấp, mọi lĩnh vực hoạt động, nhưng quyết định nhất là cấp ủy đảng phải tăng cường lãnh đạo. Muốn lãnh đạo đạt hiệu quả cao thì từng đảng bộ, chi bộ, và từng đảng viên phải tự chỉnh đốn, tự phấn đấu để trở nên đơn vị trong sạch, vững mạnh ; phải gắn kết mặt công tác này với công tác xây dựng Đảng. Cơ sở đảng mà yếu kém, đảng viên lèm nhèm về tài chính, dính chuyện tham ô, thì không thể lãnh đạo được việc thực hiện thiết chế dân chủ, không thể đổi mới phong cách lãnh đạo. Thực tiễn giải quyết những vụ tiêu cực ở một số điểm nóng và thực tế những cơ sở làm tốt việc phát huy dân chủ đều cho thấy : phong cách lãnh đạo của Đảng được đổi mới theo hướng *sâu sát cơ sở, không né tránh vấn đề gai góc, biết xông vào giải quyết theo phương pháp khoa học* thì ổn định được tình hình, xốc được phong trào, ngược lại thế thì lộn xộn, phức tạp. Chẳng hạn, trong chuyện tranh chấp đất đai, địa giới, vốn thường xảy ra xô xát, nhưng nơi này, huyện ủy bám cơ sở, nắm được tình hình, phân tích đúng những mâu thuẫn của sự việc, quyết cùng với dân bàn bạc cách giải quyết hợp lý thì êm chuyện ; xung đột ban đầu tưởng chừng to, kịp thời tháo được kíp nổ, nhỏ dần, rồi hòa giải được. Nhưng ở nơi khác, huyện ủy không sâu sát, nắm không chắc bản chất sự kiện, đề ra giải pháp sai, hoặc vì cán bộ của huyện có dính vào cuộc tranh chấp đó nên làm ngơ, né tránh mặc cho cơ sở tự giải quyết với nhau, thì xung đột từ nhỏ hóa thành to, có nơi dẫn tới xô xát, hoặc kéo nhau đi kêu kiện. Lại cũng có trường hợp khi xảy ra tranh chấp, xung đột, cấp ủy cấp trên không né tránh, cấp ủy sở tại cũng không né tránh, nhưng không sử dụng biện pháp dân chủ, kiên trì vận động quần chúng thuyết phục quần chúng, mà sử dụng những biện pháp không thích hợp, nên mâu thuẫn không giải quyết được, lại phức tạp thêm... Cho nên thực tiễn đòi Đảng ta phải đổi mới phong cách lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, nâng cao trình độ xử lý các tình huống phức tạp đặt ra trong đời sống hằng ngày bằng những biện pháp dân chủ, bằng phương pháp vận động quần chúng. Có như vậy công tác lãnh đạo của Đảng mới đạt hiệu quả cao, mới vươn lên ngang tầm nhiệm vụ.

*

Sau hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII tiếp tục công cuộc đổi mới, đất nước ta đã có thêm thế và lực mới. Chính trị - xã hội ổn định, kinh tế phát triển khá, quốc phòng - an ninh vững chắc, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện, nhiều thuận lợi mới đến với chúng ta. Song nguy cơ mà Đảng đã nêu lên và khó khăn mới phát sinh vẫn hằng ngày rình rập, thách thức. Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, phát huy dân chủ ở từng cơ sở để phát huy nội lực của đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đối với chúng ta, dân chủ giờ đây không chỉ là mục tiêu, là động lực, là bản chất của Đảng, của chế độ, mà còn là biện pháp chiến lược để phòng chống tham nhũng, quan liêu có hiệu quả, để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, để chúng ta nắm chắc thời cơ, đẩy lùi nguy cơ tiếp tục tạo thế và lực cho đất nước bước sang thế kỷ XXI một cách vững chắc.❑

Digitized by Google

VỀ SỰ LIÊN MINH CÔNG – NÔNG – TRÍ TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

ĐAN TÂM

Từ ngày thành lập Đảng đến trước Đại hội VI, trong các văn kiện chính thức, Đảng ta chỉ ghi : "Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân", thường viết tắt, nói tắt là "Liên minh công - nông". Nhưng không vì thế mà coi nhẹ vai trò của trí thức trong cách mạng. Ngoài những dòng ghi trong các văn kiện chung, trong một số thời điểm lịch sử, Đảng ta đều có nghị quyết riêng về trí thức, về khoa học ; đồng thời đã sớm hình thành công tác trí thức vận và tổ chức trí thức vận. Song phải thấy rằng, đề ra luận điểm chính thức : *"Liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức"* là một sự đổi mới đáng kể trong tư duy chính trị của Đảng.

Với khuôn khổ có hạn của một bài báo, ở đây tôi chỉ đề cập vài vấn đề nóng hổi trước mắt.

I - Sự tất yếu và khả năng hiện thực của sự liên minh công - nông - trí trong kinh tế thị trường.

Liên minh công - nông ở nước ta không còn là lý thuyết, mà đã trở thành thực tiễn sinh động 67 năm qua. Nó được thử thách và tôi luyện ngày càng vững chãi trong bão táp cách mạng, cũng như trong xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và là một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Đối với trí thức, mặc dầu, có lúc, có nơi phạm phải sai lầm "tả khuynh", nhưng xét cả quá trình vận động cách mạng, giai cấp công nhân Việt Nam thông qua chính đảng của mình, có quan điểm và thái độ đúng, đã khơi dậy và phát huy được lòng yêu nước, đã đoàn kết được tầng lớp trí thức trong mặt trận dân tộc thống nhất. Hơn thế nữa, ngay từ đầu cũng như sau này, không ít nhà trí thức dân tộc đã trở thành người lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Đó là tiền lệ lịch sử rất quý báu cho việc tiếp tục tăng cường khối liên minh công - nông - trí trong thời kỳ mới. Song khi đất nước chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường, thì tính tất yếu và khả năng hiện thực của sự liên minh đó có những đặc trưng mới.

Về *sự tất yếu,* ta có thể xét trên ba mặt chủ yếu :

- Về *mặt chính trị,* sự tồn tại của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức còn rất lâu dài, dù rằng sẽ có sự biến động rất lớn về số lượng, chất lượng trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp ; và có sự giao thoa, chuyển hóa lẫn nhau giữa các giai tầng đó. Nhưng con đường phát triển xã hội hợp quy luật tiến hóa ngày nay là hiện đại, văn minh, công bằng, cũng là lý tưởng và ước mơ của công, nông, trí thức. Định hướng xã hội chủ nghĩa là *điểm đồng quy* của công, nông, trí thức. Đó là điều kiện khách quan và là cơ sở tư tưởng quan trọng nhất cho khối liên minh công - nông - trí thức trong thời kỳ mới.

- Về *mặt kinh tế,* trong thời đại ngày nay, mỗi giai cấp và tầng lớp muốn tồn tại và phát triển, không để mình trở thành vật nô lệ về mặt kinh tế cho giai cấp khác, không có con đường nào khác là tự hiện đại hóa mình ; tức là nâng sức sản xuất của toàn giai cấp và năng lực sản xuất, năng lực hành động của từng thành viên ngang tầm thời đại công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Hiện đại hóa nền công nghiệp giai cấp công nhân là

Digitized by Google

tiêu biểu quyết định và kéo theo hiện đại hóa nền nông nghiệp mà giai cấp nông dân là tiêu biểu. Mặt khác, ngày nay khi mà khoa học đã là lực lượng sản xuất trực tiếp, hàm lượng trí tuệ đã và sẽ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong sản phẩm công nghiệp và sản phẩm nông nghiệp thì công nghiệp và nông nghiệp vừa là môi trường hành nghề vừa là môi trường dung dưỡng sự tồn tại và phát triển của trí thức.

Cái tất yếu gắn bó về kinh tế nói trên là cơ sở vật chất cho sự liên minh tất yếu của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

- Về *mặt xã hội*, theo quy luật lạnh lùng của kinh tế thị trường "mạnh được yếu thua", không chỉ trong nước mà cả với ngoài nước, nên đòi hỏi công - nông- trí phải cố kết, thực sự là nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thì mới bảo đảm được sự phát triển đồng thời của các giai tầng, cho việc biến lý tưởng xã hội chủ nghĩa thành hiện thực.

Vai trò chủ thể của giai cấp công nhân trong khối liên minh công - nông - trí là tất yếu, không chỉ phù hợp với sự phát triển của xã hội ngày nay - giai cấp công nhân đại biểu và tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến ; mà giai cấp công nhân là người nắm giữ lực lượng sản xuất hiện đại, có đủ cơ sở vật chất để làm việc đó. Cho nên trong lúc liên minh, giai cấp công nhân lôi kéo giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức về mình, để theo mình mà Đảng Cộng sản là đại biểu về chính trị và trí tuệ, là lẽ đương nhiên.

II - Làm gì để tăng cường liên minh công - nông - trí trong nền kinh tế thị trường.

Công cụ liên minh giai cấp là bằng *sách lược* và bằng *tổ chức*. Trong xây dựng kinh tế, cái cơ bản và chủ yếu của sách lược là bảo đảm và tạo các nhân tố cho sự thống nhất về lợi ích kinh tế giữa các giai tầng, là sức hút kinh tế của chủ thể giai cấp công nhân đối với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Do vậy, để tăng cường liên minh công - nông - trí, theo tôi phải chú ý những yếu tố sau đây :

Một là, giai cấp công nhân phải có *sức mạnh kinh tế*. Con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa nước ta do Đảng ta đề ra được thực hiện thắng lợi sẽ tạo nên sức mạnh đó. Trên mặt trận kinh tế này, không ít vấn đề đang đặt ra, đòi hỏi Đảng và Nhà nước cần thực thi những giải pháp có hiệu quả hơn nữa. Đó là cần tăng cường và nâng cao chất lượng khu vực kinh tế nhà nước mà công nghiệp quốc doanh là nòng cốt, thực sự làm được vai trò chủ đạo cho sự phát triển nền kinh tế quốc dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Làm sao để giai cấp công nhân ở đây, không chỉ là lực lượng sản xuất có hiệu quả, mà còn là lực lượng quyết định chiều hướng phát triển nền công nghiệp theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Lực lượng kinh tế thuộc các khu vực khác (tư doanh, liên doanh, đầu tư) là rất quan trọng và ngày càng phát triển. Giai cấp công nhân ở đây, phải thông qua nhà nước của mình và sức mạnh của bản thân mình, bảo đảm cho sự phát triển trong quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

Giai cấp nông dân mãi mãi đi với giai cấp công nhân khi mà nông nghiệp được phát triển và hiện đại hóa, và đời sống của người nông dân được nâng cao không ngừng. Do vậy, một mặt, Đảng và Nhà nước cần có chính sách cơ bản và lâu dài về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, rút ngắn dần khoảng cách thành thị - nông thôn theo hướng thành thị hóa nông thôn. Mặt khác, giai cấp công nhân phải bảo đảm và cung cấp đủ số lượng, chất lượng và thời gian những công cụ sản xuất và phương tiện sinh hoạt cho nông dân.

Trong cơ chế thị trường, có điều kiện để thực hiện sự bình đẳng trong quan hệ công nghiệp - nông nghiệp, công nhân - nông dân, do công nghiệp và công nhân chỉ có thể làm ra và tiêu thụ được những sản phẩm mà nông nghiệp và nông dân cần, chứ không thể bắt ép và dồn về nông thôn những sản phẩm mà mình làm ra. Về giá cả mà ta hay nói là "quan hệ cánh kéo" công nghiệp - nông nghiệp, do có cạnh tranh trong và ngoài nước, nên công nghiệp và các ngành kinh tế khác không thể tùy tiện áp đặt giá mua, giá bán một cách độc đoán theo kiểu "mua như cướp, bán như cho" như có lúc đã từng có trước đây. Đồng thời trong cơ chế thị trường, nhiều vấn đề phức tạp trong quan hệ công - nông rất dễ phát sinh thường xuyên. Bao trùm và phổ biến là

Digitized by Google

do các doanh nghiệp lấy lợi nhuận làm mục tiêu hàng đầu, nên rất dễ từ chối và "lạnh nhạt" với những mặt hàng phục vụ nông nghiệp, ít hoặc không có lợi, thậm chí bị lỗ, nếu như nhà nước không có chính sách trợ giá. Phân cực giàu - nghèo và khoảng cách về thu nhập giữa các tầng lớp cư dân ngày càng lớn, mà lớn nhất là giữa thành thị với nông thôn. Mỗi năm hàng chục vạn, nếu kể cả thời vụ thì có hàng triệu nông dân kéo ra thành thị tìm việc làm và sinh sống. Về học tập, chữa bệnh và hưởng thụ sự đầu tư về cơ sở hạ tầng, thì con em nông dân và nông thôn đang thua thiệt rất lớn so với thành thị và công nhân, trí thức. Đảng và Nhà nước ta đã và đang thực thi những giải pháp để giảm bớt sự không công bằng trên, nhưng quy luật về sự phát triển không đều không dễ gì điều chỉnh có hiệu quả ngay. Do vậy, Đảng và Nhà nước cần đạt cao hơn nữa về mặt xã hội trong xây dựng và phát triển kinh tế.

Sự liên minh về kinh tế của giai cấp công nhân với tầng lớp trí thức trong kinh tế thị trường có nhiều thuận lợi để thực hiện, do hàm lượng "chất xám" (trí tuệ) trong sản phẩm ngày càng cao, tức là có "đất" mở rộng cho người trí thức sáng tạo và ứng dụng ; đồng thời giá trị lao động trí lực được trọng dụng và trả công xứng đáng.

Hai là, về *tổ chức liên minh,* giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức đều có tổ chức riêng của mình và cùng đều nằm trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là thuận lợi cơ bản. Nhưng trong nền kinh tế thị trường, có những vấn đề đã và sẽ xảy ra đối với nội bộ từng tổ chức cần được giải quyết kịp thời để nâng cao sức mạnh và uy tín của tổ chức mình.

Công đoàn được coi là tổ chức đoàn kết rộng rãi của giai cấp công nhân, nhưng hiện nay công đoàn chỉ mới bao gồm được đại bộ phận công nhân khu vực quốc doanh, cán bộ và viên chức nhà nước và một bộ phận nhỏ (chưa đến 20% : 34 vạn trên 3 triệu) công nhân ngoài quốc doanh. Ngay số đoàn viên quốc doanh và cơ quan nhà nước, sự gắn bó với tổ chức công đoàn không còn được như trước. Còn hơn 80% công nhân, lao động ngoài quốc doanh, do công đoàn chưa với tới được, coi như đang phân tán chưa có tổ chức. Ngay số đã vào tổ chức công đoàn cũng mới có chưa đến một nửa gắn bó với tổ chức mình.

Hội nông dân Việt Nam là tổ chức đoàn kết rộng rãi của nông dân, nhưng cũng mới tập hợp được vào tổ chức mình khoảng một phần ba trong số hơn 40 triệu nông dân. Hội đã có một số hoạt động thiết thực, từng bước thu hút được sự quan tâm của hội viên, nhưng làm sao trở thành một tổ chức đại diện và chăm lo quyền lợi cho hội viên trong khi phân cực giàu - nghèo nông thôn diễn ra hằng ngày, trong khi còn 20% nghèo đói, gần 23% nông dân không có việc và không đủ việc làm, hàng chục vạn nông dân không có ruộng cày cấy phải làm thuê kiếm sống, thì việc nâng cao sức mạnh của Hội là không dễ dàng.

Liên hiệp các hội khoa học – kỹ thuật và Liên hiệp các hội văn học – nghệ thuật với các hội chuyên ngành đã thu hút được đông đảo trí thức tham gia, đã và đang có những đóng góp thiết thực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cho nền công nghệ và khoa học nước ta. Thành quả lao động sản xuất ngày nay là kết tinh trí lực và thể lực của công nhân và trí thức ; nhưng dù sao xã hội vẫn cảm thấy giai cấp công nhân chưa phải là lực hút tất yếu đối với trí thức. Phải chăng sự chảy "chất xám" là "vết nứt" của sự liên minh đó.

Khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc, là chỗ dựa chủ yếu của Đảng và Nhà nước. Đó không phải là ý muốn chủ quan của Đảng lãnh đạo, mà điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội cho phép làm điều đó, và yêu cầu cách mạng đòi hỏi phải làm như vậy. Nhưng muốn cho khối liên minh đó ngày càng phát huy được tác dụng mạnh mẽ, thì Đảng và Nhà nước phải kịp thời ban hành và thực thi các chính sách nhằm *tăng cường sự thống nhất về lợi ích* giữa các giai tầng ; đồng thời phải coi trọng lãnh đạo *xây dựng các tổ chức* của nó, làm cho các tổ chức đó thực sự là chỗ dựa tin cậy của hội viên, đoàn viên, chỗ dựa vững chắc của Đảng và Nhà nước trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG VĨ ĐẠI VỀ SỰ GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI

TRẦN HỮU TIẾN *

Tư tưởng về sự giải phóng con người khỏi mọi áp bức, bóc lột, thể hiện trong văn học, lý luận, trong các triết thuyết, là một dòng chảy liên tục từ thời cổ đại cho đến ngày nay. Nó biểu hiện bản chất và khát vọng con người là vươn tới tự do, đồng thời, biểu hiện lịch sử đấu tranh liên tục của các đẳng cấp, giai cấp, bộ tộc, dân tộc bị áp bức chống các tập đoàn người áp bức họ và những chế độ biến họ thành nô lệ. Bởi lô gích của cuộc sống là có áp bức thì có đấu tranh chống áp bức, dù đó là áp bức cá nhân hay áp bức cộng đồng, giai cấp hay dân tộc.

Tuyên ngôn của Đảng cộng sản kế tục dòng chảy nói trên của lịch sử. Đây là bản tuyên ngôn *khái quát nhất, tiêu biểu nhất về sự giải phóng con người* ; bản tuyên ngôn về quyền con người theo nghĩa đầy đủ nhất, chân chính nhất của từ này. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản không phải ý tưởng giải phóng một giai cấp đặc thù, mà là lời tuyên bố sự giải phóng toàn nhân loại. Vì giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất, trong quá trình đấu tranh tự giải phóng, "không đòi hỏi một *quyền đặc thù* nào cả vì cái đang đè nặng lên nó không phải là *sự vô quyền đặc thù* mà là *sự vô quyền nói chung*, một khu vực không còn có thể viện đến danh hiệu *lịch sử* mà chỉ có thể viện đến danh hiệu *của con người...*" (1)

Tuyên ngôn của Đảng cộng sản là *đỉnh cao của tư tưởng nhân văn* chiến đấu. Lịch sử cho thấy : Công bằng, tự do, bình đẳng, độc lập dân tộc, quyền làm chủ của con người... ở bất cứ nơi nào, dân tộc nào, thời đại nào, với bất cứ mức độ nào cũng đều là thành quả đấu tranh của quần chúng, chứ không phải sản phẩm được ban phát. Không có bằng chứng nào thuyết phục hơn sự nghiệp đấu tranh cách mạng giành độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam ! Hoàn toàn phi lôgích, sáo rỗng, giả dối khi ai đó tuyên bố đề cao cái *giá trị chung toàn nhân loại*, nhưng lại tỏ ra ác cảm hoặc thù địch với cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân chống áp bức, bóc lột. Trong lịch sử, một chế độ áp bức nào đó, dù đã hết thời, đã thối nát, cũng chưa bao giờ tự nó sụp đổ. Giai cấp thống trị đặc quyền, đặc lợi không tự nguyện rút khỏi vũ đài lịch sử. Các nhà tư tưởng lớn của loài người, trong đó Mác là nhà tư tưởng vĩ đại nhất của thời đại hiện nay, đều khẳng định sự thống nhất hữu cơ giữa *tự do* và *đấu tranh*. Với Mác, phẩm chất cao quý nhất của con người, và nét đặc trưng chủ yếu của người cộng sản, là tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất, vì tự do, vì cuộc sống, vì phẩm giá con người. Với Mác, tính xấu đáng sợ nhất của con người là óc nô lệ ! Với Mác, hạnh phúc là đấu tranh ! Ăng-ghen viết : "... Trước hết Mác là một nhà cách mạng. Bằng cách này hay cách khác, tham gia vào việc lật đổ xã hội tư bản chủ nghĩa và các thiết chế nhà nước do nó dựng nên, tham gia vào sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản hiện đại mà ông là người đầu tiên đã đem lại cho giai cấp đó một ý thức về địa vị của bản thân mình và nhu cầu của mình, ý thức về những điều kiện để giải phóng mình - đó là sứ mệnh thực sự của cuộc đời ông" (2).

Có người nói rằng *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* quá nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, đã quy mọi giá trị vào đấu tranh giai cấp, coi nhẹ những *giá trị*

---

* GS, PTS triết học

(1) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội. 1980, t 1, tr 33

(2) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 5, tr 663

Digitized by Google

chung toàn nhân loại. Vôn-cô-gô-nốp, nhà triết học thời xô viết, người nổi danh vì "công lao" góp phần lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa, từng lớn tiếng tuyên bố với giọng mị dân, ngụy biện rằng : "Trên đời này còn có những giá trị chung của nhân loại cao quý hơn, gần gũi hơn, đáng trân trọng hơn những định đề về giai cấp". Có hàng ngàn "định đề về giai cấp" !, vậy ông ta muốn nói những định đề nào ? Chắc không phải ông ta muốn phê phán những "định đề giai cấp", thường là giấu mặt, tìm cách "chứng minh" bằng cách này hay cách khác rằng chủ nghĩa tư bản chính là giá trị chung vĩnh cửu của toàn nhân loại ?

I-a-cốp-lép, Xip-cô, Vôn-cô-gô-nốp... tìm cách gạt bỏ giá trị của các cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức ra khỏi giá trị chung của toàn nhân loại.

Trước Mác khá lâu, một số nhà sử học, kinh tế học tư bản đã nhấn mạnh vai trò của đấu tranh giai cấp. Họ là những người đi đến kết luận rằng "đấu tranh giai cấp là chìa khóa để hiểu lịch sử". Giai cấp tư sản hiện đại, trong khi công khai bài xích những "định đề về giai cấp" lại tiến hành với ý thức giai cấp sâu sắc nhất cuộc đấu tranh giai cấp trên mọi lĩnh vực, bằng mọi thủ đoạn, phương tiện chống các lực lượng cách mạng để bảo vệ nền thống trị của họ.

Tuyên ngôn của Đảng cộng sản viết : Lịch sử tất cả các xã hội cho đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp. Mệnh đề này đã bị hiểu sai rất nhiều. Ăng-ghen nhiều lần giải thích nguyên lý này. Ở đây, Mác, Ăng-ghen nói về *"động lực trực tiếp"* dẫn đến các biến cố lớn trong lịch sử các dân tộc, chẳng hạn, các cuộc cách mạng. Không ai hiểu rõ hơn Mác, Ăng-ghen về vai trò của con người hiện thực làm ra lịch sử của mình, trước hết, thông qua hoạt động sản xuất, phát minh khoa học - kỹ thuật, bởi lẽ chính hai ông là những người đầu tiên chứng minh rằng sản xuất vật chất (chứ không phải hoạt động chính trị) là cơ sở của đời sống xã hội. Theo ý Mác, xét cho cùng, chính máy hơi nước đem lại và củng cố thắng lợi cho chế độ tư bản. Song thắng lợi ấy không trở thành hiện thực nếu không có cách mạng tư sản. Chúng ta có thể dự đoán rằng trong tương lai, nếu xét đến cùng, thì chính những cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại, chẳng hạn cuộc cách mạng tin học tiếp tục diễn ra ở thế kỷ XXI, sẽ đưa nhân loại đến xã hội cộng sản một cách tất yếu. Nhưng không thể phủ nhận rằng *động lực trực tiếp* để nhân loại vượt qua được chủ nghĩa tư bản, tiến đến xã hội cộng sản là cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, cách mạng xã hội do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiến hành dưới các hình thức có thể khác hẳn những hình thức mà chúng ta đã biết và dự đoán.

Chỉ *sau khi* đã khẳng định rằng "trong mỗi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra - cả hai cái đó cấu thành cơ sở lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của mỗi thời đại", Mác, Ăng-ghen mới kết luận : "Lịch sử tất cả các xã hội cho đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp" (3). Điều đáng nói là một số nhà lý luận của chúng ta cũng ngộ nhận rằng quan điểm mác xít là quan điểm *"duy trì đấu tranh giai cấp"*. Ngược lại mới đúng : Thế giới quan mác xít là xóa bỏ giai cấp, phù hợp với quy luật lịch sử. *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* chỉ rõ : sự phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp chỉ là *tất yếu nhất thời* trong lịch sử. Rốt cuộc, sự phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp sẽ bị các lực lượng sản xuất hiện đại quét sạch, như Ăng-ghen đã nói trong tác phẩm "Chống Đuy-rinh".

Tuyên ngôn của Đảng cộng sản chứng minh rằng "cuộc đấu tranh giai cấp ấy hiện nay đã đến giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi những cuộc đấu tranh giai cấp" (4). *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* chứng minh một cách khoa học rằng chỉ có thời đại tư sản mới tạo được những tiền đề, điều kiện để thực hiện mục tiêu của loài người là xóa bỏ mọi hình thức áp bức bóc lột, xóa bỏ giai cấp nhưng không phải bằng cách thủ tiêu đấu tranh mà bằng cách tiến hành một cách tự giác, khoa học cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc bằng các hình thức phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể.

---

(3) C.Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 1, tr 540

(4) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 1, tr 509 - 510

Digitized by Google

Quan điểm đấu tranh giai cấp của *Tuyên ngôn* hoàn toàn không mâu thuẫn với sự thừa nhận những giá trị chung của toàn nhân loại, trái lại là sự thể hiện sâu sắc, triệt để tư tưởng giải phóng con người và loài người khỏi sự tha hóa. *Tuyên ngôn* mang hơi thở của thời đại Mác, Ăng-ghen đang sống. Đó là lúc cuộc đấu tranh trong lòng các nước tư bản lớn đang sôi sục. Mác, Ăng-ghen hiểu rõ rằng mục tiêu giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng loài người còn rất xa vời. Song đã đến lúc giai cấp công nhân thông qua đại biểu lợi ích và tư tưởng của mình là những người cộng sản "phải công khai trình bày trước toàn thế giới những quan điểm, mục đích, ý đồ của mình", tức là *tuyên bố cuộc đấu tranh có tổ chức của giai cấp công nhân để tự giải phóng đã thật sự bắt đầu.* Lẽ nào Tuyên ngôn lại che đậy hoặc "điều hòa" đối kháng giai cấp và đấu tranh giai cấp giữa vô sản và tư sản ? Tuyên ngôn nói rõ rằng Đảng cộng sản không phút nào lại quên "gây cho công nhân một ý thức sáng suốt và rõ rệt về sự đối kháng kịch liệt giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản để khi có thời cơ thì có bao nhiêu điều kiện chính trị - xã hội do chế độ tư bản tạo ra, công nhân biết đổi thành bấy nhiêu thứ vũ khí chống lại giai cấp tư sản". Khi tuyên bố rằng "cách mạng tư sản Đức chỉ có thể là màn đầu trực tiếp cho một cuộc cách mạng vô sản", Mác và Ăng-ghen đã đưa ra ý tưởng về "cách mạng không ngừng" ; ý tưởng này sẽ được phát triển sâu sắc trong các tác phẩm tiếp theo như "Đấu tranh giai cấp ở Pháp", "Ngày mười tám tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác" v.v..

Tư tưởng về đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác, thể hiện trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* cũng như trong các tác phẩm khác, hoàn toàn xa lạ với tư tưởng tiểu tư sản sùng bái đấu tranh giai cấp, xem đấu tranh giai cấp chỉ như hành động phục thù giai cấp, chỉ là "đập tan" và "lật đổ". Trái lại học thuyết Mác xem đấu tranh giai cấp là tất yếu và phương tiện cần thiết để chống áp bức giai cấp, để mở đường tiến tới xây dựng sáng tạo xã hội không giai cấp, một xã hội như một thể liên hiệp, trong đó "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người". Mác đã nhấn mạnh : "Theo nguyên tắc của nó thì chủ nghĩa cộng sản vượt lên trên sự thù địch giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản". Theo quan điểm mác xít, đấu tranh giai cấp không phải trả thù, rửa hận mà là giải phóng loài người, trong đó có cả các nhà tư sản khỏi mọi sự tha hóa. Đánh đổ ách thống trị của giai cấp tư sản và các giai cấp bóc lột khác chỉ là bước đầu chứ chưa phải mục đích của cách mạng. Xóa bỏ chế độ người bóc lột người như ở Liên Xô trước đây cũng chưa phải hoàn thành sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng toàn nhân loại. Sự nghiệp của giai cấp công nhân về cơ bản không phải là phá bỏ mà là xây dựng, sáng tạo xã hội mới.

Ngày nay, trên thế giới cũng như trong những nước đang quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh giai cấp vẫn còn chứ chưa phải biến mất như một số người nói. Giới cầm quyền ở phương Tây "nhắc nhở" nhau chớ có ảo tưởng cho rằng chiến tranh lạnh giữa hai phe kết thúc thì cuộc đấu tranh giữa tư bản và cộng sản cũng kết thúc. Họ không từ bỏ vũ khí đấu tranh giai cấp, đặc biệt đấu tranh hệ tư tưởng, để duy trì vĩnh viễn chủ nghĩa tư bản, bảo đảm sự thống trị một nhóm cường quốc tư bản đối với phần còn lại của thế giới. Thực tiễn khẳng định tính chân lý trong câu nói của Lê-nin : "Tách khỏi cuộc đấu tranh giai cấp thì chủ nghĩa xã hội chỉ là một câu nói suông hay là một ước mơ ngây thơ thôi"(5).

Ngày nay, điều kiện của đấu tranh giai cấp không còn như trước nữa. Quan niệm của chúng ta về đấu tranh giai cấp cũng phải thay đổi cho phù hợp với điều kiện thực tế. Trong quá trình phấn đấu tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta không tuyệt đối hóa đấu tranh giai cấp, biến mọi thứ thành đấu tranh giai cấp, không thực hiện đấu tranh giai cấp theo kiểu giáo điều máy móc, song không thể từ bỏ đấu tranh giai cấp. Trái lại phải sử dụng đúng đắn, sáng tạo nguyên lý của *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* về giai cấp và đấu tranh giai cấp, xác định những nội dung, hình thức đúng đắn của đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ; trong đó vấn đề căn bản là đoàn kết toàn dân tộc, nòng cốt là công nhân, nông dân và trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu vì mục đích dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. ❑

(5) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 12, tr 53

Digitized by Google

TỪ TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐẾN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP CỦA VIỆT NAM

TRỊNH GIA BAN

Từ khi Liên Xô tan rã, chế độ XHCN ở Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Cách mạng Tháng Mười và CNXH hiện thực đã trở thành chủ đề lớn nhất trên chính trường thế giới và trong các cuộc tranh luận khoa học. Những người cộng sản chân chính đang xem xét lại toàn bộ hoạt động lý luận và thực tiễn của mình, rút ra những bài học lớn nhằm khôi phục phong trào. Các thế lực thù địch thì "chớp thời cơ, đẩy tới cuộc chiến tranh không khói súng" với hy vọng xóa bỏ hoàn toàn CNXH trên hành tinh mà "không cần đến chiến tranh".

Có thể nói chưa bao giờ trong lịch sử của chủ nghĩa Mác, người ta lại nói nhiều về những sai lầm, khuyết tật, về "cái chết" của chủ nghĩa cộng sản đến như thế. Tuy nhiên, những người tỉnh táo thì trái lại đã thấy sức sống của học thuyết đó ở chính những cuộc tranh luận không dứt hàng trăm năm nay từ khi Tuyên ngôn của Đảng cộng sản ra đời. Như Mi-sen Va-đê đã nói "Sức sống của một tư tưởng được tính bằng con số những cuộc tranh luận và những cuộc đấu tranh mà nó gây ra. Về mặt này chủ nghĩa Mác thật là đáng ao ước" (1).

Để đánh giá đúng ý nghĩa Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, với một thái độ khách quan khoa học, đòi hỏi chúng ta phải xem xét các sự kiện và quá trình lịch sử trong một thời gian và không gian đủ lớn bao quát sự vận động của lịch sử nhân loại. Từ quan điểm trên, trong bài này chúng tôi chỉ bàn đến một số sự kiện và quá trình lịch sử, cùng với ý nghĩa của nó từ khi Tuyên ngôn của Đảng cộng sản ra đời (1848) cho đến Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra Nhà nước VNDCCH - nay là nước CHXHCN Việt Nam (1945).

Từ khi Tuyên ngôn của Đảng cộng sản ra đời đến cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) là giai đoạn chủ nghĩa Mác khẳng định vị trí của mình đối với các học thuyết XHCN phi giai cấp. Tiếp đó là cuộc đấu tranh quyết liệt giữa chủ nghĩa Mác với các trào lưu xét lại, cơ hội trong phong trào công nhân. Với sự ra đời của Quốc tế I (1864), Quốc tế II (1889) và cuộc đấu tranh anh hùng với khí thế "xông lên chọc trời" của giai cấp công nhân Pháp (1871), chủ nghĩa Mác *đã bắt rễ trong cuộc sống*, trong phong trào công nhân, *trở thành một trào lưu xã hội hiện thực*. Tuy nhiên trào lưu đó chủ yếu mới phát triển ở châu Âu.

Sau khi Ph.Ăng-ghen qua đời (1895), chủ nghĩa Mác và phong trào công nhân đứng trước nguy cơ thoái hóa về tư tưởng - lý luận và phản động về chính trị. Các lãnh tụ Quốc tế II, tước bỏ linh hồn của chủ nghĩa Mác, phép biện chứng cách mạng. Thay cho tính tích cực cách mạng, người ta chủ trương trì hoãn cách mạng, chờ đợi để những người vô sản tất cả các nước có thể "hành động thống nhất" ! Trên lĩnh vực chính trị, người ta đẩy các đảng XHDC sang con đường phản bội giai cấp công nhân, ủng hộ cuộc chiến tranh xâm lược của các chính phủ tư sản, với khẩu hiệu "bảo vệ Tổ quốc".

Ở đây, trên phương diện lý luận, một vấn đề lớn được đặt ra (tuy đã có tiền đề từ Tuyên ngôn của Đảng cộng sản) : Đó là mối quan hệ giữa lợi

(1) Michel Vadée : *Mác – Nhà tư tưởng của cái có thể*, Viện Thông tin khoa học xã hội xuất bản, Hà Nội, 1996, tr X

Digitized by Google

ích dân tộc với chủ nghĩa quốc tế vô sản ; giữa độc lập dân tộc và CNXH. V.I. Lê-nin đã gánh vác sứ mệnh lịch sử mà C.Mác và Ph.Ăng-ghen đã để lại ; bằng một loạt các công trình khoa học sâu sắc Người đã đưa CNXH khoa học ra khỏi vũng bùn của các học thuyết cơ hội, bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác, đặc biệt là *những vấn đề lý luận cách mạng trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.* Nổi bật là các luận điểm của V.I. Lê-nin về khả năng thắng lợi của cách mạng vô sản ở một nước tư bản, phát triển trung bình ; về chiến lược cách mạng đoàn kết giữa giai cấp công nhân với các dân tộc bị áp bức chống lại chủ nghĩa đế quốc ; về con đường phát triển phi tư bản của các dân tộc thuộc địa - nếu được giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa đã làm cách mạng thành công giúp đỡ...

Từ Tuyên ngôn của Đảng cộng sản đến Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước VNDCCH, chủ nghĩa Mác đã trải qua gần một thế kỷ. Về mặt lịch sử thế giới, chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn cạnh tranh tự do sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Chủ nghĩa Mác đã được phát triển thành chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chủ nghĩa xã hội khoa học đã trở thành một phong trào và từ sau cách mạng XHCN Tháng Mười đã trở thành CNXH hiện thực. Gắn liền với CNXH hiện thực - đặc biệt là sau chiến thắng của Liên Xô và các nước đồng minh trong chiến tranh thế giới thứ II, phong trào giải phóng đã phát triển một bậc, về quy mô và tính chất. Cách mạng Tháng Tám của nhân dân ta là thành công chói lọi, là biểu hiện tập trung tính chất của phong trào giải phóng dân tộc trong thời đại ngày nay. Cách mạng Tháng Tám - Tuyên ngôn độc lập không chỉ là sản phẩm, thành tựu của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, của thời đại, mà đến lúc chính cuộc cách mạng của nhân dân ta đã làm phong phú và sâu sắc thêm nội dung của thời đại chúng ta - *Thời đại các cuộc cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc hướng tới mục tiêu CNXH và chủ nghĩa cộng sản.*

Khác với các nước phương Tây, sự hình thành quốc gia dân tộc gắn với sự phát triển và thống nhất thị trường tư bản chủ nghĩa. Ở nước ta, sự hình thành dân tộc bắt nguồn từ những nhu cầu đấu tranh chống thiên tai bảo vệ bờ cõi, chống xâm lược. Tổ quốc, trước hết là Đất Nước, là những người lao động gắn với cuộc sống trên mảnh đất định cư qua hàng ngàn năm đấu tranh chống thiên tai, địch họa. Vì vậy, nếu sự nghiệp cách mạng ở các nước phương Tây, ở các nước tư bản chủ nghĩa, vô sản mỗi nước trước hết phải giành lại chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc, nghĩa là phải lật đổ giai cấp tư sản, các thế lực thống trị, thì đối với nhân dân ta, trước hết giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả những người yêu nước phải đứng lên đánh đuổi thực dân xâm lược, *giành độc lập cho toàn dân tộc, xây dựng đất nước theo con đường XHCN.*

Tính biện chứng - bao gồm sự thống nhất và khác biệt (hoặc sáng tạo) - giữa Tuyên ngôn của Đảng cộng sản với Tuyên ngôn độc lập là ở chỗ :

- Tuyên ngôn độc lập là tuyên bố về quyền lựa chọn con đường độc lập, tự do của mỗi dân tộc, thoát khỏi ách thống trị của thực dân, phong kiến. Tuyên ngôn viết : Nước VNDCCH "thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam" (2). Đồng thời, khác với độc lập theo con đường dân chủ tư sản, ở đây độc lập dân tộc *gắn với lợi ích của nhân dân lao động.*

Trong Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích lại bản Tuyên ngôn độc lập 1776 của nước Mỹ và phân tích "Suy rộng ra... tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng ; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do" (3). Tiếp đó Người trích bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp 1789 : "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi". Người phân tích "Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được". Như vậy, Tuyên ngôn độc lập không chỉ

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 3, tr 557

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 3, tr 555

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 3, tr 556

Digitized by Google

tuyên bố về quyền của mỗi dân tộc mà còn là quyền của mỗi con người. Như chúng ta đều biết, Cách mạng Tháng Tám, là thành quả của ba cao trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo (cao trào 1930 - 1931 ; 1936 - 1939 và 1939 - 1945). Những cao trào này hướng vào mục tiêu giải phóng dân tộc gắn với giải phóng nhân dân lao động. Trong Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết : "Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng... Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn" (4). Giành độc lập *ở đây gắn liền với xóa bỏ chế độ bóc lột tàn bạo đó, giải phóng nhân dân lao động, các giai cấp và tầng lớp khác khỏi CNTB nước ngoài.*

- Về mối quan hệ giữa giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, Tuyên ngôn độc lập đã có một sự vận dụng sáng tạo đặc sắc. Khi Tuyên ngôn của Đảng cộng sản ra đời CNTB đang ở thời kỳ cạnh tranh tự do, phát triển trong khuôn khổ mỗi quốc gia dân tộc. Các tác giả của Tuyên ngôn của Đảng cộng sản chưa thể dự đoán được xã hội sẽ nảy sinh một mâu thuẫn mới, có thể gọi là *mâu thuẫn "kép" trong thời đại đế quốc chủ nghĩa :* Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản "chính quốc", (mà đại diện của nó là chính quyền và hệ thống quan chức thực dân, công cụ chủ yếu của nó là những đội quân xâm lược viễn chinh và chỗ dựa của nó là các tập đoàn phản động, bán nước trong các giai cấp phong kiến, tư sản dân tộc bản xứ) với các dân tộc thuộc địa - bao gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp xã hội và toàn thể nhân dân lao động.

Tuyên ngôn độc lập là thành quả vĩ đại của cuộc vận động cách mạng Việt Nam 15 năm, kể từ khi Đảng ta ra đời cho đến cách mạng Tháng Tám, là kết quả của đường lối cách mạng chuẩn xác của Đảng và Bác Hồ giải quyết mâu thuẫn "kép" nói trên. Như vậy, điều mà C.Mác và Ph.Ăng-ghen nói : Giai đoạn thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai đoạn giai cấp vô sản tự xây dựng thành giai cấp thống trị, là giai đoạn giành lấy dân chủ. Đối với cách mạng Việt Nam - giai đoạn tương ứng đó là giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941) có đoạn : "Pháp - Nhật ngày nay không phải chỉ là kẻ thù của công nông mà là kẻ thù của các dân tộc Đông Dương... Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được".

Như vậy, một trong những quy luật lớn của cách mạng giải phóng dân tộc đi theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là : Sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi ách áp bức của giai cấp tư sản là không thể tách rời cuộc cách mạng giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc xâm lược. Phản ánh quy luật đó, đường lối cách mạng của Đảng ta đã đặt công cuộc giải phóng dân tộc là điều kiện, là mục tiêu trước mắt, là nhiệm vụ ưu tiên so với lợi ích giai cấp. Mặt khác Đảng ta vạch rõ, nhiệm vụ giải phóng dân tộc chỉ có thể thực hiện được có hiệu quả dựa trên tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, gắn lợi ích chung của dân tộc với lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc lấy liên minh công nhân, nông dân với trí thức làm nền tảng do đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

- Một trong những sáng tạo lý luận quan trọng của Tuyên ngôn độc lập là quan điểm giải quyết mối quan hệ giữa giải phóng cá nhân và giải phóng xã hội.

Trong Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, C.Mác và Ph.Ăng-ghen đã khái quát về mặt triết học mối quan hệ của sự phát triển giữa cá nhân và cộng đồng. Các ông viết : "Thay cho xã hội tư sản, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, *xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"*. Tư tưởng Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, khác với Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của nước Pháp ở chỗ : ở đây, các ông đặt sự phát triển của con người

(Xem tiếp trang 26)

Digitized by Google

VAI TRÒ LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NGÀY NAY DƯỚI TẦM NHÌN CỦA 150 NĂM TRƯỚC

VŨ QUANG LỘC *

150 năm đã trôi qua kể từ khi "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" ra đời, nhân loại đã tiến những bước dài trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, bộ mặt hành tinh đã có nhiều thay đổi với biết bao thăng trầm của lịch sử. Song ý nghĩa lý luận và phương pháp luận của tác phẩm bất hủ này đối với nhiều vấn đề lớn của thời đại cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Trước những biến đổi của chủ nghĩa tư bản trong lĩnh vực kinh tế, đặc biệt sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, vấn đề đánh giá vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản trở thành một đề tài nóng hổi của cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận...

Giai cấp tư sản và các nhà lý luận tư bản tỏ ra hết sức vui mừng trước những sự kiện trên. Họ coi đây là một sự hồi sinh mới của chủ nghĩa tư bản hiện nay. Họ thi nhau ca bài ca cũ về sự tồn tại vĩnh hằng của chế độ tư bản như là xã hội cao nhất và cuối cùng của nhân loại. Một số người do lập trường dao động, choáng ngợp trước những biến đổi của chủ nghĩa tư bản, hoang mang trước sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã chuyển sang ca ngợi một chiều những biến đổi, phát triển của chủ nghĩa tư bản, không nhìn nhận đánh giá đúng những hạn chế và mâu thuẫn nội tại của chế độ đó. Trong bối cảnh phức tạp này "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" lại một lần nữa, như bao lần khác, ngời sáng ý nghĩa của nó trong việc đánh giá vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là những người luôn khách quan và công bằng trong nghiên cứu, đánh giá các vấn đề của lịch sử. Khi đánh giá chủ nghĩa tư bản các ông bao giờ cũng xem xét sự vận động của nó trên cả 2 mặt : những phát triển, tiến bộ, đóng góp của chế độ này với nhân loại và những hạn chế lịch sử, những mâu thuẫn vốn có quyết định xu hướng lịch sử tất yếu của nó.

Chế độ tư bản như là một giai đoạn tất yếu trong quá trình lịch sử tự nhiên của loài người. Nó có vai trò rất quan trọng đối với tiến bộ và phát triển của lịch sử. Trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" C. Mác và Ph. Ăng-ghen viết : "Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử" [1]. Hai ông đánh giá cao công lao của chủ nghĩa tư bản trước hết là đối với sự phát triển lực lượng sản xuất : "Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại" [2]. Thời Mác và Ăng-ghen chủ nghĩa tư bản đã thực hiện bước nhảy vọt trong lĩnh vực lực lượng sản xuất chủ yếu nhờ cuộc cách mạng trong công cụ lao động : dùng máy móc công nghiệp thay cho công cụ thủ công. Ngày nay, nhờ áp dụng những thành tựu

* PGS, PTS, Học viện Chính trị - Quân sự

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, t 4, tr 599

(2) C. Mác - Ph. Ăng-ghen, *Sđd*, t 4, tr 603

Digitized by Google

của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, chủ nghĩa tư bản đã tạo nên những phát triển mới về chất của lực lượng sản xuất. Sự phát triển này còn cao hơn nhiều, xét cả về quy mô, tốc độ lẫn chiều sâu các yếu tố cấu thành của lực lượng sản xuất hiện đại. Những phát triển đó bao gồm :

Thứ nhất : Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền sản xuất chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến một trình độ mới với sự xuất hiện của hàng loạt yếu tố : tư liệu lao động rất hiện đại (hệ thống máy tự động, rô bốt công nghiệp) ; các loại vật liệu mới với những tính năng ưu việt ; các nguồn năng lượng mới với hiệu suất cao, không làm ô nhiễm môi trường, không bị giới hạn bởi trữ lượng (mặt trời, sức gió, thủy triều, địa nhiệt) ; các loại công nghệ hiện đại (vi điện tử, tin học, sinh học, vật liệu mới v.v...) đang thay thế dần công nghệ cũ.

Thứ hai : Chủ nghĩa tư bản ngày nay đã thực hiện sự chuyển dịch quan trọng trong cơ cấu kinh tế. Một cơ cấu kinh tế mới hiện đại, năng động đang hình thành và phát triển. Trong cơ cấu này, cùng với quá trình hiện đại hóa công nghiệp và các ngành sản xuất vật chất, các ngành dịch vụ đang trở thành một khu vực kinh tế quan trọng và ngày càng có vai trò lớn trong sự phát triển kinh tế - xã hội. Cơ cấu mới thích ứng và biến đổi kịp thời với yêu cầu của cách mạng khoa học - công nghệ và cạnh tranh, ganh đua quyết liệt của kinh tế thị trường toàn cầu hóa.

Thứ ba : Lao động, yếu tố quyết định của lực lượng sản xuất, trong chủ nghĩa tư bản đang có những biến đổi rất sâu sắc. Trong các nước tư bản phát triển lao động trí tuệ, lao động có tính sáng tạo đang ngày càng trở thành mặt chủ đạo của lao động xã hội. Vấn đề nâng cao trình độ của người lao động trở thành đòi hỏi tất yếu của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện nay. Phân công lao động ở các nước tư bản có sự phát triển mới. Tính chất xã hội hóa lao động chưa bao giờ đạt tới trình độ như hiện nay trong chủ nghĩa tư bản.

Sự phát triển cao của lực lượng sản xuất và xã hội hóa lao động trong lòng chủ nghĩa tư bản đang hình thành một nền sản xuất ra của cải vật chất và của cải phi vật chất phi thường. Nó có thể thực hiện việc nhân gấp bội của cải của nó trong một thời gian rất ngắn. Tốc độ giàu có của giai cấp tư sản giờ đây tăng với tốc độ chóng mặt. Nhưng cũng chính trong nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản ngày nay có hai khuynh hướng đang vận động trái ngược nhau. Một mặt, nó đang tìm cách thực hiện tiết kiệm tối đa các nguồn lực : tài nguyên, khoa học, sức lực con người để tồn tại và thực hiện thu lợi nhuận tối đa. Mặt khác, do bản chất của quan hệ sản xuất, nó vẫn tiếp tục lãng phí vô độ những nhân tố đó.

Dựa trên sự phát triển cao của lực lượng sản xuất, cùng với sự nỗ lực và kinh nghiệm đã được tích lũy, chủ nghĩa tư bản hiện nay đã thực hiện những điều chỉnh đáng kể về quan hệ sản xuất, cố gắng điều hòa, xoa dịu các mâu thuẫn vốn có, củng cố cơ sở kinh tế - xã hội của nó. Vấn đề này cũng không có gì mới mẻ, xa lạ. Trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã khẳng định : "Giai cấp tư sản không thể tồn tại, nếu không luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất, do đó cách mạng hóa những quan hệ sản xuất, nghĩa là cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội" [3]. Những nội dung chủ yếu của việc điều chỉnh các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa tập trung ở các vấn đề sau :

Về quan hệ sở hữu tư bản. Sự thay đổi, thích nghi thể hiện rõ rệt ở quá trình đa dạng hóa các hình thức sở hữu tư bản : hình thành sở hữu tư bản tập thể, sở hữu hỗn hợp, đặc biệt việc mở rộng bán các cổ phiếu nhỏ cho người lao động ở các nước tư bản phát triển (ở Mỹ 3/4 dân số, hễ có tiền tích lũy là đổ vào thị trường chứng khoán, mua cổ phiếu, tạo ra cái gọi là "hội chứng của cải"). Hiện tượng này làm cho các nhà lý luận tư sản tuyên truyền rùm beng về cái gọi là "chủ nghĩa tư bản nhân dân". Vấn đề cổ phần hóa dưới hình thức này không hề làm thay đổi bản chất của sở hữu tư bản hiện đại, đó là sự thống trị của bọn tư bản độc quyền. Trái lại, nó còn làm tăng thêm quyền lực kinh tế, chính trị của họ, vì họ được lợi đôi đường trong cổ phần hóa : vừa sử dụng được vốn nhàn rỗi để tăng lợi nhuận, trói

(3) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 600 - 601

Digitized by Google

buộc bằng vật chất đối với người lao động, vừa xoa dịu được đấu tranh của người lao động.

Về quan hệ tổ chức, quản lý kinh tế. Giai cấp tư sản ngày nay tỏ ra rất tinh khôn trong tìm cách khai thác tối đa năng lực trí tuệ và sáng tạo của người lao động, dựa trên những thành tựu của khoa học, công nghệ phục vụ mục tiêu thu lợi nhuận. Để đạt mục tiêu, chủ nghĩa tư bản biết sử dụng tất cả các biện pháp : kinh tế, chính trị, tâm lý, xã hội v.v. Trong hệ thống quản lý tư bản hiện nay xuất hiện việc thu nạp người lao động tham gia ở các cấp từ phân xưởng đến công ty. Sách báo tư sản nói nhiều về việc công nhân tham gia quản lý như một bước phát triển của sự dân chủ kinh tế trong chủ nghĩa tư bản. Thực chất hoàn toàn không phải như vậy, vì quyền quyết định cuối cùng đối với sản xuất, kinh doanh vẫn thuộc về các ông chủ tư bản. Cách quản lý này mang lại cho giai cấp tư sản khối lượng lợi nhuận lớn, nhưng lại che dấu rất tinh vi quan hệ bóc lột. Song cũng cần thấy rằng, với sự tham dự vào hệ thống quản lý tư sản, khả năng và trình độ quản lý của người lao động có bước tiến đáng kể. Đó là trường học rèn luyện giai cấp công nhân và sự chuẩn bị tiền đề cho xã hội tương lai.

Về quan hệ phân phối. Để xoa dịu các mâu thuẫn và vì mục đích cơ bản, lâu dài, giai cấp tư sản đã thực hiện những điều chỉnh trong quan hệ phân phối. Một trong những hình thức thể hiện sự điều chỉnh đó là họ bớt ra một phần lợi nhuận để phân phối cho người lao động dưới các hình thức như : trả lợi tức cổ phiếu, chia tiền thưởng hoặc chia lợi nhuận, nhà nước dùng ngân sách để giải quyết một số vấn đề xã hội : giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, trợ cấp thất nghiệp v.v. Những việc làm đó có làm cho đời sống vật chất và văn hóa của người lao động được cải thiện một phần. Song, xét cho cùng nguồn gốc của chúng đều lấy từ giá trị thặng dư do chính giai cấp công nhân tạo ra. Các khoản thu nhập này chỉ là những thu nhập phụ thêm, còn nguồn sống chủ yếu của công nhân vẫn phải suốt đời bán sức lao động cho chủ tư bản. Sự phụ thuộc của người lao động vào tư bản càng chặt hơn và khó nhận thấy hơn.

Có thể nói rằng, thực chất sự điều chỉnh quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa chỉ là những hình thức mới của chế độ tham dự trước kia, nay đang được bọn tư bản độc quyền sử dụng rộng rãi ở các nước tư bản phát triển trên cả 3 mặt cơ bản của quan hệ sản xuất, để bảo vệ và tăng cường quyền thống trị của họ. Trước đây đã có lúc chúng ta đánh giá thấp khả năng điều chỉnh, thích nghi về quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nguyên nhân của vấn đề này, theo chúng tôi, một mặt do chưa đánh giá một cách đầy đủ quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, như C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã trình bày trong Tuyên ngôn bất hủ của mình. Mặt khác còn do không đánh giá đúng khả năng và kinh nghiệm của giai cấp tư sản và nhà nước của nó đối với sự phát triển, thích ứng của chủ nghĩa tư bản.

Cùng với sự phát triển kinh tế, chủ nghĩa tư bản hiện nay cũng đạt được một số tiến bộ đáng kể trong phát triển văn hóa, giáo dục, y tế và giải quyết một số vấn đề xã hội. Những phát triển, biến đổi đó đã tạo ra cho chủ nghĩa tư bản hiện nay những khả năng mới để kéo dài sự tồn tại. Mặt khác, thực tiễn càng chứng tỏ, như tinh thần của Tuyên ngôn, những biến đổi, phát triển đó càng làm nảy sinh và chín muồi hơn những tiền đề, điều kiện, nhân tố của chế độ mới cao hơn và tiến bộ hơn chủ nghĩa tư bản. Những vấn đề đó có thể kể ra là : nền sản xuất lớn với cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, tiềm lực khoa học, công nghệ lớn ; đội ngũ giai cấp công nhân ngày càng trưởng thành về số lượng, trình độ trí tuệ, trình độ giác ngộ, năng lực tổ chức và quản lý kinh tế, quản lý xã hội v.v.

Việc đánh giá cao những tiến bộ lịch sử của chủ nghĩa tư bản trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", chẳng những không mâu thuẫn, trái lại còn thống nhất biện chứng với việc chỉ ra những hạn chế lịch sử và mâu thuẫn của chế độ đó. Điều này chứng minh cho chân lý đã được khẳng định trong Tuyên ngôn, rằng "chủ nghĩa tư bản chỉ là một chế độ lịch sử tạm thời". Phát triển tư tưởng này V.I.Lê-nin đã nhấn mạnh : "Thừa nhận tính chất tiến bộ của vai trò ấy hoàn

Digitized by Google

toàn tương dung với sự thừa nhận tuyệt đối, rằng chủ nghĩa tư bản có những mặt tiêu cực và đen tối, với sự thừa nhận tuyệt đối, rằng chủ nghĩa tư bản vốn có những mâu thuẫn xã hội rộng lớn và sâu sắc làm lộ rõ tính chất quá độ lịch sử của chế độ kinh tế ấy" [4].

Trong Tuyên ngôn C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã chỉ ra tính chất hạn chế lịch sử của chủ nghĩa tư bản, trước hết thể hiện ở mâu thuẫn giữa tính xã hội của sản xuất với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Quan hệ này với tư cách là hình thức xã hội của sản xuất không những không còn bảo đảm sự phù hợp, mà trái lại đã trở thành lực cản đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại. Tuyên ngôn khẳng định "Xã hội tư sản hiện đại, với những quan hệ sản xuất và trao đổi tư sản của nó, với những quan hệ sở hữu tư sản, đã tạo ra những tư liệu sản xuất và trao đổi hết sức mạnh mẽ như thế, thì giờ đây, giống như một tay phù thủy không còn đủ sức trị những âm binh mà y đã triệu lên"[5]. Các ông đã phân tích những cuộc khủng hoảng sản xuất thừa mang tính chu kỳ trong chủ nghĩa tư bản là một hình thức thể hiện tính chất hạn chế lịch sử và các mâu thuẫn vốn có của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa tư bản ngày nay, mặc dù có tạo ra được những sự phát triển vượt bậc về lực lượng sản xuất, có điều chỉnh, thích ứng về quan hệ sản xuất, vẫn không thể vượt ra khỏi giới hạn lịch sử đó. Những phát triển, biến đổi kể trên không phải là vô hạn, mà trái lại luôn có những giới hạn, các mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản vẫn đang tồn tại và phát triển. Rõ ràng sự vận động, biến đổi của chủ nghĩa tư bản hiện nay không hề vượt ra khỏi phạm vi các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Kể thống trị thực tế xã hội tư sản hiện đại vẫn là các thế lực độc quyền. Hiện nay quyền lực của chúng chẳng những không bớt đi mà trái lại còn được tăng thêm nhờ các hình thức điều chỉnh quan hệ sản xuất tư bản. Chủ nghĩa tư bản ngày nay không phải là một giai đoạn khác với chủ nghĩa đế quốc. Tính chất đế quốc của nó không hề có sự thay đổi. Nó càng không thể đang chuyển hóa dần thành chủ nghĩa xã hội như một số người lầm tưởng. Cái giới hạn lịch sử chung nhất của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, như Tuyên ngôn đã chỉ ra, ngày nay trở nên rõ ràng hơn. Sự phát triển của lực lượng sản xuất và xã hội hóa lao động trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản chưa bao giờ đạt tới trình độ cao như hiện nay.

Trong khi đó sự điều chỉnh quan hệ sản xuất tuy có làm cho hình thức thể hiện của quan hệ tư bản được ngụy trang kín đáo, nhưng quyền thống trị của bọn độc quyền mở rộng và tăng lên gấp bội. Ngày nay chỉ khoảng 200 công ty độc quyền xuyên quốc gia hầu như nắm quyền khống chế kinh tế cả thế giới tư bản. Thật là phi lý biết bao khi kết quả của nền sản xuất hiện nay là thành quả chung sự lao động sáng tạo của cả nhân loại, trong khi đó kẻ chiếm hữu thực sự lại chỉ là một nhóm tư bản độc quyền. Rõ ràng mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện nay - mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất với quan hệ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa chẳng những không mất đi, trái lại càng gay gắt hơn. Mâu thuẫn này có hàng loạt những biểu hiện trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới tư bản. Trước hết nó thể hiện ra ở mâu thuẫn một bên là giai cấp công nhân và nhân dân lao động với một bên là giai cấp tư sản. Giai cấp công nhân hiện đại vẫn là những người làm thuê, bị bóc lột giá trị thặng dư với trình độ cao chưa từng có. Sự phân cực giàu nghèo trong các nước tư bản chủ nghĩa đang ngày một tăng thêm. Của cải tập trung ngày càng lớn vào tay giai cấp tư sản. Trái lại, quần chúng lao động vẫn bị bần cùng hóa tương đối và tuyệt đối. Nước Mỹ giàu nhất thế giới nhưng là sự giàu có của các ông chủ tư bản. Trong khi đó 37,5 triệu người dân chiếm 14% dân số sống dưới mức nghèo khổ. Báo chí còn đưa ra con số 25 triệu dân Mỹ không biết chữ. Điều đó thật đáng ngạc nhiên với một nước kinh tế giàu có nhất thế giới. Rõ ràng lợi ích kinh tế cơ bản của giai cấp công nhân và nhân dân lao động vẫn mang tính đối kháng, không thể điều hòa với lợi ích của giai cấp tư sản.

---

(4) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t 3, tr 753

(5) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 604

Digitized by Google

Mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản ngày nay còn thể hiện ở mâu thuẫn giữa chế độ tư bản với tiến bộ xã hội, văn hóa và văn minh. Ngay cả các nước tư bản kinh tế giàu có nhất, nhưng xã hội của họ khó có thể được gọi là một xã hội văn minh nhất. Sách báo phương Tây đã từng viết : Nước Mỹ giàu mạnh với nền khoa học và công nghệ đứng đầu thế giới cũng vẫn chỉ là xã hội của bạo lực, ma túy, loạn luân và đồi bại. Các ông chủ người Mỹ vẫn vỗ ngực coi đất nước họ là nơi tự do nhất thế giới và họ hợm hĩnh, kẻ cả dạy nhân loại bài học nhân quyền thì ngay nước họ quyền con người đâu có được bảo đảm. Xã hội Mỹ với hàng trăm triệu khẩu súng lưu hành tự do và một năm trung bình có 25 000 người chết vì nạn dịch súng. 35% dân Mỹ không có chút bảo đảm xã hội nào. Chính người Mỹ cũng thừa nhận phân biệt chủng tộc là đặc trưng nền pháp lý Hoa Kỳ. Nền tảng gia đình, đạo đức đang bị băng hoại nghiêm trọng, bạo lực và tội ác trong xã hội tư sản là những vấn đề mà chính phủ với bản chất xã hội vốn có của nó không thể kiểm soát nổi.

Một biểu hiện khác về mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản ngày nay là mâu thuẫn giữa lợi ích ích kỷ, bẩn thỉu của bọn tư bản độc quyền với những vấn đề chung liên quan đến sự sống còn của nhân loại. Loài người không bao giờ quên rằng chính chủ nghĩa tư bản là thủ phạm gây ra hai cuộc chiến tranh thế giới và nhiều cuộc chiến tranh xâm lược, ăn cướp khác, đã cướp đi mạng sống của cả trăm triệu người vô tội. Để đạt được lợi nhuận và củng cố quyền thống trị, giai cấp tư sản không từ một thủ đoạn nào. Ngày nay các tổ chức độc quyền tư bản đang khai thác bừa bãi tài nguyên, tàn phá môi trường sinh thái ở các nước đang phát triển (với số dân chiếm 5% dân số thế giới, nước Mỹ thải ra 25% lượng khí các-bon-đi-ô-xít của cả thế giới. Nhưng tại Hội nghị thượng đỉnh Ky-ô-tô (Nhật Bản) (tháng 11-1997) phái đoàn của Mỹ lại tỏ ra dè dặt nhất trong việc tìm các giải pháp cắt giảm lượng khí thải vì sợ động chạm đến lợi ích của các trùm tư bản, trùm tài phiệt). Chúng cũng là những kẻ trục lợi đứng đằng sau các cuộc xung đột và chiến tranh sắc tộc đẫm máu ở nhiều nơi trên thế giới bằng việc buôn bán vũ khí. Bằng những hình thức thay hình, đổi dạng của chủ nghĩa thực dân như : chủ nghĩa thực dân kinh tế, chủ nghĩa thực dân công nghệ, chủ nghĩa thực dân thông tin, chủ nghĩa thực dân môi trường, các tổ chức độc quyền đang thực hiện sự bóc lột tàn khốc với các dân tộc. Bằng cách này hay cách khác thì các nước đang phát triển vẫn là nơi cung cấp tài nguyên, nguồn lao động rẻ mạt và nguồn siêu lợi nhuận khổng lồ cho các nước tư bản phát triển. Hậu quả mà các nước đang phát triển phải gánh chịu không thể kể hết : bị cạn kiệt tài nguyên, nợ nước ngoài chồng chất không có khả năng trả, nghèo đói, bệnh tật, trở thành bãi rác thải và càng tụt hậu xa hơn v.v. Chủ nghĩa tư bản hiện nay đứng đầu là Mỹ càng ngang nhiên chà đạp lên độc lập chủ quyền của các nước đang phát triển bằng chính sách cường quyền hết sức trắng trợn, vô đạo lý như những hành động của Mỹ với I-rắc, Cu-Ba, Li Bi, Bắc Triều Tiên v.v. Rõ ràng tính gay gắt của mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản hiện đại với các nước đang phát triển chưa hề bị giảm thậm chí còn sâu sắc và tinh vi hơn.

Ngày nay, mâu thuẫn nội bộ của chủ nghĩa tư bản giữa các tập đoàn độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm quyền lực của chủ nghĩa tư bản thế giới cũng có xu hướng tăng lên. Phương Tây tuy còn thừa nhận vị trí siêu cường của Mỹ, song ngày càng muốn tránh khỏi sự khống chế của Mỹ. Ba trung tâm quyền lực của thế giới tư bản Mỹ - Tây Âu và Nhật Bản đang tiến hành các cuộc cạnh tranh chiến tranh thương mại, chiến tranh kinh tế và công nghệ gay gắt. Các nước tư bản đang tìm cách khai thác những khó khăn, mâu thuẫn của nhau để vượt lên. Khó ai có thể dự đoán trước những gì sẽ xảy ra trong cuộc cạnh tranh quyết liệt này.

Những điều đã trình bày trên đây càng khẳng định điều mà Tuyên ngôn đã chỉ ra từ 150 năm về trước : Chủ nghĩa tư bản chỉ là một chế độ lịch sử tạm thời, việc chủ nghĩa tư bản phải nhường chỗ cho một xã hội mới cao hơn, tiến bộ hơn cũng tất yếu như việc nó đã ra đời.❑

Digitized by Google

VỀ NGƯỜI ĐẢNG VIÊN CỘNG SẢN NGÀY NAY

TIẾN HẢI

I

Tìm hiểu về hình ảnh người đảng viên cộng sản Việt Nam dưới con mắt quần chúng nhân dân qua từng thời kỳ của cuộc đấu tranh cách mạng thiết tưởng cũng là điều nên làm. Nhưng trong phạm vi bài viết này, tôi không có ý định đi sâu vào vấn đề đó, mà chỉ điểm qua một số nét cơ bản nhằm phục vụ cho nội dung chính của bài : xác định những tiêu chí của người đảng viên cộng sản trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Nếu lấy mốc thời gian từ tháng 8-1945 (sau khi Đảng ta giành được chính quyền) để xem xét thì hình ảnh người đảng viên cộng sản dưới con mắt của quần chúng nhân dân có sự nhất quán và cũng có sự khác nhau trong mỗi thời kỳ :

- Từ sau tháng 8-1945 đến 1954 có thể nói là thời kỳ hình ảnh người đảng viên nổi bật lên một cách đẹp đẽ, rạng rỡ. Trước đó, quần chúng nhân dân còn ít hiểu về Đảng cộng sản và những đảng viên của Đảng. Bộ máy tuyên truyền phản động của đế quốc Pháp ra sức xuyên tạc, bóp méo sự thật, bôi nhọ những người cộng sản. Vì thế, có không ít người hiểu sai về những người đảng viên cộng sản. Họ tưởng đó cũng chỉ là những phần tử phiêu lưu, mạo hiểm, hoạt động không có tổ chức, hành động không có lý tưởng, không hơn gì đảng viên của những đảng phái khác. Một số chiến sĩ cộng sản như Trần Phú, Nguyễn Văn Cừ, Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Thụ... đã nêu gương sáng về tinh thần dũng cảm và sự hy sinh cao cả vì lý tưởng cộng sản. Điều đó đã làm cho nhiều người kính phục, nhưng đông đảo quần chúng nhân dân vẫn còn chưa hiểu biết mấy về người cộng sản.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Đảng ta giành được chính quyền và tiếp sau đó đã lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi với chiến dịch Điện Biên Phủ lẫy lừng thì người đảng viên cộng sản thật sự được quần chúng tin yêu và kính phục. Dưới con mắt của nhiều người, đảng viên cộng sản gần như đồng nhất với đức hy sinh chiến đấu cao cả, sự xả thân vì nước và tính tiên phong gương mẫu.

- Từ 1955 trở đi, sau sai lầm trong cải cách ruộng đất và trong chỉnh đốn tổ chức cộng với việc phát triển Đảng một cách ồ ạt, thu nạp vào Đảng nhiều người không đủ tiêu chuẩn, hình ảnh người đảng viên cộng sản trong con mắt quần chúng nhân dân lúc đó có phần không thật đẹp như trước. Song, những thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự dũng cảm hy sinh, vai trò tiên phong gương mẫu của người đảng viên cộng sản vẫn là một thực tế lớn không ai không thừa nhận.

- Từ 1976 đến nay, bên cạnh những thành tựu trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là những thành tựu quan trọng trong đổi mới, cũng đã có một số sai lầm, vấp váp của Đảng và sự sa sút về phẩm chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Thái độ của quần chúng đối với Đảng cũng nổi lên hai mặt với những nét đậm, nhạt khác nhau tùy nơi, tùy lúc : tin tưởng và giảm sút lòng tin. Ở nhiều nơi, hình ảnh người đảng viên bị nhìn nhận dưới những khía cạnh tiêu cực. Một số đảng viên đã đánh mất lòng tin của quần chúng đối với mình và trở thành đối tượng bị quần chúng phê phán gay gắt.

Kết quả điều tra, khảo sát của nhiều địa phương, ngành, nhiều cơ quan tham mưu và nghiên cứu về xây dựng Đảng trong những năm qua cho thấy, trong khi số đảng viên tỏ rõ sự

Digitized by Google

gương mẫu, tận tụy, giữ được phẩm chất và tư cách người đảng viên thì vẫn còn một số đáng kể đảng viên không đủ tư cách. Số này bao gồm các loại : thoái hóa biến chất, mất hết tư cách đảng viên phải khai trừ ngay ra khỏi Đảng ; vi phạm tư cách đảng viên cần xử lý kỷ luật nhưng chưa đến mức phải khai trừ ; giác ngộ chính trị quá thấp, không còn tác dụng lãnh đạo...

Một vấn đề được đặt ra là : Tại sao có tình trạng nêu trên ? Theo tôi, có một số nguyên nhân :

Thứ nhất, bản thân người đảng viên trước đây khi xin vào Đảng là thực sự giác ngộ cách mạng, tự nguyện đặt lợi ích của cách mạng, của Tổ quốc và nhân dân lên trên, trân trọng danh hiệu đảng viên của mình, do đó họ đòi hỏi về mình cao hơn, sống và chiến đấu chủ yếu vì lý tưởng. Sau này, trong những điều kiện và hoàn cảnh mới, nhất là trong xây dựng hòa bình, với cơ chế quản lý mới về kinh tế, một bộ phận đảng viên đã chạy theo lợi ích cá nhân, bị những tham vọng thấp hèn lôi cuốn, thậm chí bị sa ngã, thoái hóa, biến chất. Không ít người trong bộ máy lãnh đạo và quản lý đã sống xa dân, vô trách nhiệm với dân, tự biến mình thành "quan cách mạng", lộng quyền, tham nhũng.

Thứ hai, quần chúng nhân dân trước đây qua thực tiễn chiến đấu và hy sinh của Đảng và của đội ngũ đảng viên, đã lý tưởng hóa người cộng sản, đồng thời cũng đòi hỏi ở người đảng viên những tiêu chí rất cao. Sau này, khi thấy những đòi hỏi ấy không được đáp ứng đầy đủ, một bộ phận cán bộ, đảng viên lại thoái hóa, biến chất thì đâm ra thất vọng ; một số cực đoan còn có ý muốn phủ định vai trò của người đảng viên.

Thứ ba, do nhu cầu của nhiệm vụ cách mạng, Đảng ta phải tăng cường số lượng đảng viên. Nhưng, việc kết nạp người vào Đảng có lúc, có nơi làm ồ ạt, thiếu thận trọng, vì thế một số đảng viên đã không đủ tư cách ngay từ lúc mới gia nhập Đảng.

Thứ tư, kỷ luật, kỷ cương của Đảng nhiều lúc không nghiêm và việc thi hành pháp luật của Nhà nước còn lỏng lẻo. Do đó, có một số cán bộ, đảng viên mắc sai lầm không được xử lý kịp thời và đúng mức ; một số có chức, có quyền mắc trọng tội, nhưng vẫn được xử lý nội bộ, làm cho quần chúng nghi ngờ và mất lòng tin.

Thứ năm, những chuẩn mực, những tiêu chí thật cụ thể để xác định mẫu hình người đảng viên cộng sản trong giai đoạn cách mạng hiện nay nói chung và trong từng lĩnh vực cụ thể, nhiều khi xác định chưa rõ ; câu hỏi "Thế nào là người đảng viên cộng sản ?", lại không được thường trực trong mỗi đảng viên để chỉ đạo suy nghĩ và hành động của họ.

II

Vậy thế nào là người đảng viên cộng sản ? Mẫu hình người đảng viên cộng sản trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là trong thời kỳ hiện tại - thời kỳ mà toàn Đảng, toàn dân ta đang tiến hành công cuộc đổi mới - phải như thế nào ? Hay nói một cách khác, những tiêu chí của người đảng viên cộng sản là gì ? Vấn đề này nhất thiết cần phải được làm rõ.

Điều lệ Đảng đã xác định, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam phải là "chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân ; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; có lao động, không bóc lột, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao ; có đạo đức và lối sống lành mạnh ; gắn bó mật thiết với nhân dân ; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng". Nhưng vấn đề đặt ra hiện nay là, những tiêu chuẩn chung đó cần được cụ thể hóa như thế nào cho phù hợp với yêu cầu rất cao của công cuộc đổi mới. Theo tôi, đó là những điểm sau đây :

1 - Đảng viên, nhất là đảng viên là cán bộ, phải là người vững vàng về chính trị ; quyết tâm phấn đấu cho sự nghiệp đổi mới và lý tưởng xã hội chủ nghĩa ; bảo vệ những nguyên tắc cơ bản của đường lối đổi mới, bảo vệ Đảng, tích cực góp phần vào việc củng cố và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng ; không dao động, không mất cảnh giác trước âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Nói tóm lại, đảng viên trước hết phải vững vàng về chính trị, có thái độ đúng đắn, tích cực đối với công cuộc đổi mới mà Đảng ta và nhân dân ta đang tiến hành.

Digitized by Google

2 - Đảng viên phải là người công dân gương mẫu ; người lao động giỏi, trung thực và tận tụy. Nhân dân ta là chủ thể tiến hành công cuộc đổi mới. Sự thành bại của công cuộc đổi mới phụ thuộc rất lớn vào chất lượng của chủ thể quản lý này. Người đảng viên cộng sản cũng là công dân. Nhưng người công dân đảng viên nhất thiết phải hơn người công dân bình thường. Nếu trước đây trong cách mạng dân tộc dân chủ, người đảng viên phải nêu gương trong cuộc đấu tranh giữa cái sống và cái chết, phấn đấu hy sinh để giải phóng đất nước, giành và giữ chính quyền, thì ngày nay, người đảng viên phải nêu gương trong việc chấp hành đường lối, chính sách, pháp luật, kỷ cương của Đảng và Nhà nước ; đồng thời phải biết lãnh đạo và tổ chức quần chúng phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân, cống hiến hết sức mình cho sự nghiệp đổi mới, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong điều kiện hiện nay, Đảng ta khuyến khích mọi đảng viên nỗ lực phấn đấu, làm hết sức mình, lao động sáng tạo và có chất lượng cao để góp phần xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, làm giàu cho đất nước, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân ; đồng thời bản thân mình cũng có thu nhập cao một cách chính đáng. Đảng khuyến khích người lao động (kể cả đảng viên) phát triển kinh tế gia đình theo đúng chính sách để tăng thêm thu nhập. Song, đã là đảng viên thì nhất thiết phải có lao động, không bóc lột.

3 - Đảng viên phải là chiến sĩ tiên phong trong phong trào quần chúng ; có khả năng lãnh đạo, giáo dục, thuyết phục quần chúng ; có quan hệ mật thiết với quần chúng, nhưng không mị dân, hoặc theo đuôi quần chúng. Đảng liên hệ với quần chúng và lãnh đạo quần chúng thông qua tổ chức đảng và các đảng viên của mình. Sức mạnh của Đảng và nguồn gốc tạo nên mọi thắng lợi của cách mạng là mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Vì thế, Đảng yêu cầu mọi đảng viên phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của quần chúng ; thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của quần chúng ; lắng nghe ý kiến quần chúng ; chăm lo đời sống hằng ngày và bảo vệ lợi ích chính đáng của quần chúng ; kiên quyết đấu tranh chống lại những hành vi có thể làm tổn thương đến mối quan hệ tốt đẹp giữa Đảng với quần chúng...

Đảng đề ra đường lối đổi mới cũng là do dân và vì dân. Công cuộc đổi mới đó thành công hay thất bại cũng do dân. Vì thế, hơn lúc nào hết, lúc này người đảng viên cộng sản phải giành lại bằng được lòng tin của nhân dân, thật sự sống trong lòng dân, không xa dân và đứng trên nhân dân, hoặc đứng ngoài nhân dân. Mức độ gắn bó giữa người đảng viên với nhân dân và hiệu quả của sự gắn bó đó phải được coi là thước đo phẩm chất và năng lực của người đảng viên cộng sản. Trong lúc này, không thể gọi là đảng viên cộng sản khi người đó xa lánh dân, hoặc bị dân xa lánh.

4 - Đảng viên phải là người có tinh thần tích cực học tập và rèn luyện để không ngừng nâng cao năng lực trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn. Nói cách khác, đảng viên phải có năng lực thực hiện công cuộc đổi mới.

Như trên đã nói, đổi mới là một cuộc vận động cách mạng đầy khó khăn, gian khổ. Khó khăn, gian khổ trước hết vì nó phải đối đầu với những cái cũ lạc hậu đã tồn tại quá lâu, đã ăn sâu, bám rễ vào cơ thể xã hội đến mức trở thành thói quen và được thể chế hóa thành chính sách, thành cơ chế. Khó khăn, gian khổ vì nó bao chứa một nội dung hết sức toàn diện và sâu sắc, có liên quan đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và đụng chạm tới tất cả : từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng. Khó khăn, gian khổ còn vì đổi mới chưa có một mô hình định sẵn. Các nước tiến hành công cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới đều vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, vì thế có thành công nhưng cũng có thất bại. Thực tế cải cách thất bại ở nhiều nước tác động mạnh vào nước ta gây ra những diễn biến tâm lý hết sức phức tạp.

Đảng ta trước sau vẫn kiên trì đường lối đổi mới. Nhưng nhận rõ tính phức tạp của nó cho nên Đảng ta chủ trương đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ nhưng cẩn trọng tính toán bước đi, đổi mới có nguyên tắc và đã đổi mới là phải đạt hiệu quả, kiên quyết không để xảy ra tình trạng lệch lạc, đổi mới chệch hướng khiến cho những thành tựu của cách mạng bị phá vỡ.

Digitized by Google

Rõ ràng, với yêu cầu đó, nếu cán bộ, đảng viên không có đủ phẩm chất và năng lực thì không thể thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới. Đòi hỏi về phẩm chất và năng lực đối với người đảng viên lúc này rất toàn diện. Riêng về năng lực thì có những yêu cầu cao về tất cả các mặt : trình độ văn hóa, lý luận, khoa học - kỹ thuật, quản lý kinh tế, pháp luật ; khả năng suy nghĩ, tư duy, xử lý thông tin để có thể vươn tới nhận thức được hiện thực khách quan, nắm bắt được các quy luật khách quan và biết hành động theo các quy luật ấy ; trình độ tổ chức thực tiễn v.v.

Sẽ có người cho rằng, trong hoàn cảnh hiện nay, đòi hỏi về năng lực của người đảng viên như thế là ảo tưởng. Tất nhiên, Đảng không đòi hỏi mọi đảng viên đều phải có trình độ và năng lực cao như nhau. Tùy từng loại, từng môi trường công tác và tính chất từng công việc mà người đảng viên đảm nhận sẽ có những yêu cầu khác nhau. Nhưng một yêu cầu chung là mọi đảng viên đều phải có ý chí rèn luyện nâng cao một cách toàn diện năng lực và phẩm chất của mình để có thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

5 - Đảng viên, dù ở bất kỳ cương vị công tác nào đều phải tôn trọng và chấp hành đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt và hoạt động của Đảng ; phải đề cao ý thức tổ chức kỷ luật ; phải bảo vệ và xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Trong sinh hoạt đảng, đảng viên có quyền thảo luận, tranh luận một cách bình đẳng, thẳng thắn ; được trình bày rõ quan điểm và ý kiến của mình về mọi vấn đề, nhưng khi đã có nghị quyết của tập thể thì đảng viên phải thực hiện nghiêm túc. Đảng viên có quyền bảo lưu ý kiến, nhưng trong khi bảo lưu ý kiến, không được tự ý làm trái hoặc trì hoãn không thi hành quyết định của tập thể, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Đảng viên phải chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn, phải thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức, không phát ngôn bừa bãi hoặc truyền bá những nhận thức, quan điểm, ý kiến riêng của mình trái với đường lối, quan điểm của Đảng. Đảng viên còn phải chăm lo xây dựng và giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Trên cơ sở những yêu cầu như trên, theo tôi, các cấp, các ngành, các địa phương cần cụ thể hóa và định rõ thêm một bước nữa yêu cầu đối với từng loại cán bộ, đảng viên. Đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên thường, đảng viên trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, trong các lực lượng vũ trang, trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh ; đảng viên là cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ kinh tế, cán bộ khoa học - kỹ thuật, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao, cán bộ làm công tác văn hóa - văn nghệ, v.v. mỗi loại đều có những yêu cầu về phẩm chất và năng lực tương ứng.

III

Xác định cho đúng tiêu chuẩn người đảng viên cộng sản trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ của cuộc đấu tranh cách mạng là rất quan trọng và rất cần thiết. Cũng sẽ không kém phần quan trọng và cần thiết là làm thế nào để người đảng viên giữ được những tiêu chuẩn đó.

Ở đây, tất nhiên phải nhắc tới nhân tố chủ quan là sự tu dưỡng, rèn luyện của bản thân người đảng viên cộng sản. Song sẽ là thiếu nếu không nhắc tới những nhân tố khách quan nằm bên ngoài người đảng viên, nhưng có tác động rất lớn và toàn diện tới họ.

Tiêu chuẩn đảng viên có mối quan hệ rất chặt chẽ với *đường lối chính trị của Đảng*. Đường lối đúng đắn là phương hướng và chỗ dựa vững chắc cho sự tu dưỡng của đảng viên. Đường lối sai sẽ làm cho đảng viên mất phương hướng và khó có thể tránh khỏi sai lầm.

Tiêu chuẩn đảng viên có quan hệ khá sâu sắc với *tổ chức*, trước hết là các tổ chức cơ sở đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói : Đảng mạnh là do chi bộ mạnh, chi bộ mạnh là do đảng viên hăng hái và gương mẫu. Nhưng cũng có thể hiểu rằng : chi bộ mạnh, cấp ủy mạnh thì đảng viên mạnh. Ở đâu chi bộ, cấp ủy rệu rã thì ở đó sức chiến đấu của đảng viên yếu kém, đảng viên có thể hư hỏng, thoái hóa. Bởi vì, mối quan hệ giữa đảng viên với tổ chức là mối quan hệ nhân - quả. Thực tiễn công tác xây dựng Đảng ở nước ta đã cho thấy rõ điều đó.

Cũng không thể đặt tiêu chuẩn đảng viên bên ngoài mối quan hệ với *cơ chế quản lý kinh tế – xã*

Digitized by Google

hội. Trong nông nghiệp, với việc đổi mới cơ chế quản lý, lấy hộ xã viên làm đơn vị kinh tế tự chủ, nhiều biểu hiện tiêu cực của cán bộ, đảng viên gắn liền với cơ chế cũ như tham ô công điểm, tham ô quỹ đội... không còn nữa, nhưng lại nảy sinh những tiêu cực mới như tranh chấp, lấn chiếm ruộng đất ; lợi dụng chia thưởng trong liên doanh liên kết, trong đấu thầu xây dựng các cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, v.v...). Trong khu vực kinh tế quốc doanh cũng vậy, việc xóa bỏ cơ chế bao cấp đã làm giảm hẳn những căn bệnh như cửa quyền, ăn chênh lệch giá, phân phối hàng rẻ trong nội bộ... Nhưng do cơ chế mới chưa hoàn chỉnh, còn có những kẽ hở cho nên lại nảy sinh những tiêu cực khác như phân phối thu nhập, lương, thưởng không công bằng, lợi dụng thưởng cho nhau trong mua bán, đấu thầu, v.v. Điều đó cho thấy, để đảng viên có thể giữ vững được vai trò tiên phong, gương mẫu của mình phải hết sức chú ý hoàn thiện và khắc phục những sơ hở trong cơ chế quản lý kinh tế - xã hội.

Tiêu chuẩn đảng viên còn có mối quan hệ khăng khít *với việc phát triển Đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.* Đảng là một cơ thể sống. Nó cũng luôn luôn vận động và phát triển. Nó phải được tăng thêm sức mạnh bằng cách thường xuyên thu nạp vào Đảng những người ưu tú trong quần chúng nhân dân và thường xuyên đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa biến chất. Phát triển Đảng một cách ồ ạt, thiếu thận trọng sẽ dẫn đến tình trạng đưa vào Đảng cả những phần tử ngay từ đầu đã không đủ tư cách đảng viên. Chậm trễ trong việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng tức là còn lưu giữ trong Đảng những người còn thua kém cả những quần chúng bình thường. Đảng là một tổ chức bao gồm những người tiên tiến, ưu tú. Nếu trong Đảng còn những phần tử tầm thường, thậm chí xấu thì những người tiên tiến, ưu tú ít nhiều cũng sẽ chịu ảnh hưởng tiêu cực và mang tiếng xấu. Vì vậy, muốn để cho đảng viên luôn luôn giữ gìn được tư cách của mình thì việc phát triển Đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng phải được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc và có chất lượng cao. ❑

TỪ TUYÊN NGÔN...

- *(Tiếp theo trang 16)*

trong "một liên hợp", nghĩa là một quan hệ xã hội nhất định. Mặt khác các ông cho rằng sự phát triển tự do của cá nhân là điều kiện cho sự phát triển của cộng đồng trong khi các bản Tuyên ngôn của hai cuộc cách mạng tư sản Mỹ và Pháp chỉ nêu các quyền cá nhân - như là một sản phẩm tự nhiên - tiền định. Tuyên ngôn độc lập của nước VNDCCH vừa đặt ra quyền bình đẳng giữa các dân tộc, đồng thời cho rằng, để đi tới các quyền tự do, bình đẳng của mỗi người, trước hết phải giành lại quyền tự do, độc lập cho dân tộc. Nói cách khác, độc lập - tự do của dân tộc được xem như là điều kiện bao trùm và tiên quyết cho hạnh phúc cá nhân. Phải chăng sự sáng tạo ở đây bắt nguồn từ truyền thống dân tộc đặt sự tồn tại của cộng đồng lên trên cá nhân ! Phải chăng chân lý đó còn bắt nguồn từ điều kiện của một nước thuộc địa ?

Từ Tuyên ngôn của Đảng cộng sản đến Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước VNDCCH là một chặng đường lịch sử vẻ vang của chủ nghĩa Mác - với tư cách một học thuyết. Chủ nghĩa Mác đã đâm cành, nảy lộc trong lý luận cách mạng Việt Nam mà hạt nhân của nó là tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng : Độc lập, tự do là cái cao quý nhất của mỗi dân tộc và mỗi con người ; độc lập dân tộc phải gắn liền với CNXH. Với tư cách là một trào lưu xã hội, chủ nghĩa Mác đã làm thay chiều, đổi hướng các phong trào giải phóng dân tộc tư sản, phong kiến ở Việt Nam, hướng vào con đường cách mạng vô sản như là một chế độ xã hội hiện thực. Chủ nghĩa Mác ở Việt Nam, đó là chế độ chính trị do nhân dân lao động làm chủ, với khối đại đoàn kết toàn dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Nhìn lại chặng đường từ Tuyên ngôn của Đảng cộng sản đến Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam, chúng ta vững tin ở con đường do Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn, vững tin vào cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng quang vinh. ❑

Digitized by Google

GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

KHỔNG DOÃN HỢI

I - ĐIỀU CẦN KHẲNG ĐỊNH

Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết Mác là ở chỗ học thuyết ấy đã chỉ ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân : xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Điều khẳng định này là kết luận được rút ra từ hai phát hiện vĩ đại của chủ nghĩa Mác là quan niệm duy vật về lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư.

Kết luận này dĩ nhiên không hợp "khẩu vị" của giai cấp tư sản. Và chính vì thế, từ lâu giai cấp tư sản cùng với những kẻ biện hộ cho nó đã bao phen "xông lên vũ đài" để phủ định kết luận này. Cuộc phản kích càng trở nên dữ dội từ sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, khiến cho không ít người vốn có thiện cảm với chủ nghĩa xã hội, với giai cấp công nhân cũng dao động và hoài nghi. Lợi dụng cái "cơ hội ngàn vàng" ấy, một số học giả tư sản và cả những kẻ trước đây luôn vỗ ngực là những nhà mác xít "chính diện" đã "vùng lên" phê phán gay gắt "cả gói" chủ nghĩa Mác. Một trong những sự kiện gần đây nhất là Hội nghị quốc tế với đề tài "chủ nghĩa Mác hôm nay : điều gì còn thời sự, điều gì đã lỗi thời" diễn ra tại Xanh Pê-téc-bua với sự tham gia của các học giả Nga và Mỹ (1).

Chủ đề Hội nghị xem ra có vẻ khách quan đúng như phép tư duy biện chứng. Thế nhưng kết luận của các nhà mác xít hiện đại ở Nga và Mỹ lại là phủ nhận sứ mạng lịch sử của giai cấp công nhân ! Họ cho rằng "cơ sở của cao trào cách mạng tương lai" sẽ không phải là giai cấp công nhân, mà là tầng lớp nhân sĩ trí thức tự do như giáo viên, bác sĩ, kỹ sư, tức là "những người có khả năng tạo ra những nhu cầu xã hội mới". Kết luận này là một cách bác bỏ hoàn toàn chủ nghĩa Mác : giai cấp công nhân không còn sứ mệnh là "người đào huyệt chôn" chủ nghĩa tư bản, bác bỏ luận điểm của C.Mác "giai cấp vô sản, cơ sở vật chất của phong trào vô sản" (2)

Kết luận này cũng chẳng mới mẻ gì và cũng chẳng có tính khoa học chút nào. Chẳng mới mẻ gì vì từ lâu những kẻ biện hộ cho chủ nghĩa tư bản vẫn gán sứ mệnh lịch sử - vốn là của giai cấp công nhân, cho trí thức. Còn tính phi khoa học của kết luận này là ở chỗ : do sự chi phối của lợi ích giai cấp họ không muốn nhận thức một cách khách quan trí thức là gì và giai cấp công nhân là gì ?

Chủ nghĩa Mác không bao giờ coi nhẹ vai trò của trí thức dù ở bất cứ chế độ nào. Địa vị và vai trò của trí thức càng quan trọng hơn bao giờ hết trong quá trình xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Thế nhưng chủ nghĩa Mác cũng không bao giờ coi trí thức là một giai cấp có thể thay thế sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Trí thức chưa bao giờ và không thể nào là một giai cấp, bởi lẽ nó không đại biểu cho một phương thức sản xuất, không phải là một lực lượng kinh tế, chính trị độc lập trước các giai cấp và tầng lớp xã hội khác, do đó không có hệ tư tưởng riêng. Quyền lực ở bất cứ thời đại nào cũng nằm trong tay giai cấp thống trị về kinh tế. Do đó, trong xã hội có giai cấp, trí thức bao giờ cũng là trí thức của giai cấp này hay của giai cấp khác. Hơn nữa tầng lớp trí thức này lại không thống nhất, bao gồm những người xuất thân từ những giai cấp và

(1) Tin TTX Việt Nam - Mát-xcơ-va 3-8-1997

(2) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t 17, tr 728

Digitized by Google

tầng lớp xã hội khác nhau. Quan điểm phân tầng xã hội theo nghề nghiệp là cần thiết, song trong xã hội có giai cấp, nếu coi đó là quan điểm số một và duy nhất là không đúng và có hại. Chính cũng từ quan điểm này mà che lấp sự đối kháng lợi ích trong nội bộ tầng lớp trí thức ở xã hội tư bản hiện đại. Trong xã hội tư bản ngày nay có những người có trình độ kỹ sư như nhau nhưng không phải tất cả đều làm chủ tư liệu sản xuất như nhau, có kẻ là ông chủ, có kẻ phải bán sức lao động và làm thuê - một lớp công nhân mới mà dưới đây sẽ đề cập tới.

Cái mới trong sự phủ nhận vai trò lịch sử của giai cấp công nhân ở Hội nghị Xanh Pê-téc-bua lần này là luận cứ về nguyên nhân của tiến bộ xã hội. Theo các nhà "mác xít hiện đại" nguyên nhân đưa tới sự thay đổi các hình thái kinh tế - xã hội không phải là mâu thuẫn giữa sự phát triển của lực lượng sản xuất với sự lạc hậu của các quan hệ kinh tế. Theo họ, "nguyên nhân của tiến bộ xã hội nằm ngay trong bản chất nhân cách của con người, trong những nhu cầu ngày càng tăng của con người và sự hoàn thiện các mặt khác nhau trong đời sống kinh tế - xã hội chính là phương tiện để thỏa mãn những nhu cầu ngày càng tăng ấy". Do đó trí thức - theo họ - là "người có khả năng sáng tạo ra những nhu cầu xã hội mới".

Không cần phải là con người trưởng thành cũng nhận thức được rằng : muốn sống, trước hết phải có cái ăn, cái uống... nghĩa là phải có phương tiện để thỏa mãn những nhu cầu ngày càng tăng. Đó là động lực vĩnh cửu của sự tiến hóa của loài người. Thế nhưng có thể giải thích được rằng : vì sao để thỏa mãn nhu cầu loài người lại phải đâm chém nhau, phải trải qua hàng ngàn cuộc chiến tranh đẫm máu - cuộc chiến tranh này vẫn đang treo lơ lửng trên số phận của loài người ? Do bản chất con người ư ? Vì sao, để thỏa mãn nhu cầu sống, có hàng tỉ người đã và đang tiếp tục vật lộn với cuộc sống khốn khó bên cạnh một nhúm người sống phè phớn, xa hoa, đồi trụy ? Hàng triệu người chết đói hằng năm hiện nay là do bản chất con người ư ? Vấn đề là ở chỗ, như Mác nói, có những kẻ thỏa mãn nhu cầu cho mình bằng cách hy sinh nhu cầu của những người khác. Họ có thể làm được như thế vì họ là kẻ thống trị tư liệu sản xuất. Nói trí thức là những người có khả năng sáng tạo ra những nhu cầu xã hội mới - điều này là đúng. Nhưng vấn đề là làm thế nào để mọi người được hưởng thụ những nhu cầu mới ấy ? Chí ít là phải qua ba quá trình. Thứ nhất là phát minh, thứ hai là sản xuất và cuối cùng là phân phối. Ai quyết định sản xuất và phân phối. Đương nhiên không phải là trí thức mà là những ông chủ các nhà máy, các tập đoàn sản xuất nằm trong tay các "ngài" tư bản. Nghĩa là : phát minh ra nhu cầu mới thì có nhưng công bằng trong hưởng thụ thì không ! Làm sao và ai có thể xóa bỏ sự bất công ấy ? Xóa bỏ "tình trạng xã hội phân liệt thành một giai cấp gồm một số ít người giàu có vô cùng và một giai cấp đông đảo gồm những người làm thuê không có của, làm cho xã hội đó nghẹt thở ngay trong sự thừa thãi của mình, trong khi đó thì đại đa số thành viên của xã hội lại hầu như không được bảo vệ hay tuyệt nhiên không được bảo vệ khỏi sự khốn cùng đến tột độ" (3).

Phải có phong trào cách mạng vô sản mà cơ sở vật chất, hạt nhân của nó là giai cấp vô sản (giai cấp công nhân) trong đó trí thức có vai trò quan trọng.

Việc phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ngoài nguyên nhân lợi ích giai cấp còn có nguyên nhân về nhận thức ở một số người - nhận thức về giai cấp công nhân, vô sản gắn liền với sự nghèo khổ, dốt nát. Vậy giai cấp công nhân là gì ? Đó là giai cấp những người lao động hoạt động sản xuất trong các ngành công nghiệp thuộc các lĩnh vực và trình độ kỹ thuật khác nhau, mà địa vị kinh tế - xã hội thì tùy thuộc vào chế độ xã hội đương thời. Ở các nước tư bản, họ là những người về cơ bản không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư. Ở các nước xã hội chủ nghĩa, họ đã cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động cho mình. (Ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tình hình có khác đôi chút nhưng về cơ bản khái niệm này không thay đổi).

(3) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 22, tr 307

Digitized by Google

Do quan niệm như thế mà giai cấp công nhân trong thời đại hiện nay là giai cấp gắn liền với lực lượng sản xuất tiên tiến nhất dưới chủ nghĩa tư bản và là đại biểu cho phương thức sản xuất mới - phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa. Trình độ xã hội hóa của sức sản xuất ngày càng cao nên mâu thuẫn và xung đột ngày càng gay gắt với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Giai cấp công nhân là giai cấp cách mạng triệt để nhất có thể đoàn kết toàn thể giai cấp mình và toàn thể nhân dân lao động bị áp bức trong nước cũng như trên toàn thế giới.

Như vậy, giai cấp công nhân và chỉ có giai cấp công nhân mới là giai cấp trung tâm của thời đại hiện nay. Sự vận động của lịch sử đã đưa giai cấp công nhân vào địa vị ấy. Cũng như trước đây, khi máy hơi nước xuất hiện thì chiếc cối xay gió phải lui về dĩ vãng (cố nhiên chẳng bao giờ tự nguyện) và giai cấp tư sản dù muốn hay không cũng phải trở thành giai cấp trung tâm của thời đại tư bản chủ nghĩa.

Giai cấp công nhân có sứ mệnh phủ định giai cấp tư sản. Đó là điều kiện tiên quyết để xây dựng chế độ xã hội mới. Đó mới là sứ mệnh quan trọng nhất.

Giai cấp công nhân nước ta mà đại biểu của mình là Đảng Cộng sản Việt Nam, sau khi hoàn thành sứ mệnh giải phóng dân tộc, đã và đang thực thi sứ mệnh xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để hoàn thành sứ mệnh này, nhiệm vụ trung tâm hiện nay là phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bởi lẽ giai cấp vô sản là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp, "là đứa con đầu lòng của nền công nghiệp hiện đại" (4). Bởi lẽ, cơ sở thực tế cho xã hội mới, đó là nền công nghiệp hiện đại...

Xuất thân từ một nước kém phát triển về kinh tế, giai cấp công nhân Việt Nam phải được đào tạo như thế nào để hoàn thành sứ mệnh lịch sử quan trọng nhất của mình ?

II - ĐÀO TẠO GIAI CẤP CÔNG NHÂN THEO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NỀN SẢN XUẤT HIỆN ĐẠI

Trong giai đoạn phát triển mới : giai đoạn đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giai cấp công nhân nước ta là người đi đầu và vươn lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình. Giai cấp công nhân nước ta cần được phát triển về số lượng, về chất lượng chính trị, về trình độ học vấn và tay nghề.

Đảng ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp nhằm từng bước nâng cao trình độ văn hóa, kỹ năng nghề nghiệp của lực lượng lao động nước ta. Tuy nhiên, để có một tầm nhìn chiến lược trong việc thực hiện chủ trương này, một vấn đề cần được quán triệt trước tiên là nhận thức đầy đủ sự tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đối với sự biến đổi trong lao động xã hội. Chỉ có như vậy mới thấy được không chỉ nhiệm vụ trước mắt mà cả nhiệm vụ lâu dài, mới thấy được tính quy luật của sự đào tạo đội ngũ công nhân của nước ta.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang là một đặc trưng của thời đại hiện nay. Cuộc cách mạng này đang tạo ra những biến đổi về chất trong tính chất và cơ cấu chi phối lao động.

Sự biến đổi này do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do chất lượng của kỹ thuật và công nghệ mới, do sự trang bị kỹ thuật ngày càng tăng lên mạnh mẽ (ở Mỹ, trong vòng 10 năm, sự trang bị kỹ thuật mới trong công nghiệp chế biến đã tăng lên gần 3 lần). Nét đặc trưng nhất trong sự biến đổi cơ cấu chi phí lao động là sự thay đổi tương quan giữa các chức năng có quan hệ đến lao động trí lực và lao động thể lực. Tỷ trọng lao động trí lực ngày càng có ưu thế hơn so với lao động thể lực. Thậm chí ngay trong một người lao động thì những chức năng lao động phải thực hiện bằng trí lực cũng chiếm ưu thế so với chức năng lao động thể lực.

Ưu thế của lao động trí lực không thể xác định được bằng những chỉ tiêu thuần túy về số lượng. Ngày nay, lao động trí lực trước hết thể hiện ở năng lực tiếp nhận và xử lý một khối lượng thông tin đồ sộ thường xuyên biến động ; năng lực lĩnh hội các tri thức mới ; năng lực điều khiển các quy trình công nghệ phức tạp. Đó là lao động của những công nhân - kỹ sư.

---

(4) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 12, tr 11

Digitized by Google

Tỷ trọng lao động trí lực ngày càng cao trong cơ cấu chi phí lao động sản xuất đánh dấu mối quan hệ mới về chất giữa con người và máy móc. Ngày nay phải có đội ngũ lao động tích cực, chủ động trong sản xuất. Điều này đã diễn ra trên thực tế ở các nước đã triển khai cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Đối lập với tổ chức lao động theo phương pháp Tay-lo, ngày nay đã xuất hiện đội ngũ lao động có quyền chủ động nhất định trong việc ra quyết định và triển khai lao động. Để đáp ứng yêu cầu mới, cần phải nâng cao trình độ học vấn và tay nghề của người lao động. Ở Mỹ, thời hạn tối thiểu để đào tạo một công nhân hiện nay là 14,5% năm (bao gồm các lớp khác nhau).

Cùng với sự biến đổi về chất lượng trong nội dung lao động, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã tạo ra những biến đổi mới trong cơ cấu lao động tổng thể xã hội.

Khi nền kinh tế tự nhiên còn thống trị, trong sản xuất con người chỉ là người lao động đơn lẻ. Cùng với sự phát triển của máy móc, sự hiệp tác và phân công lao động phát triển, xuất hiện lao động tổng thể. Sản phẩm không phải do từng cá nhân đơn lẻ làm ra mà là do công sức chung của lao động tập thể. Lao động tập thể này không ngừng phát triển : từ quy mô xí nghiệp đến tập đoàn, từ quy mô quốc gia đến liên quốc gia...

Kỹ thuật và công nghệ hiện đại đang mở rộng sự phân công lao động khiến cho việc sản xuất một loại sản phẩm nào đó ở những quốc gia riêng biệt là không có lợi về mặt kinh tế. Chúng còn làm cho một quốc gia riêng biệt - dù là một quốc gia lớn và có nền kinh tế phát triển nhất - cũng không thể bảo đảm được cho mình mọi nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Sự chuyên môn hóa sản xuất các sản phẩm trung gian, các chi tiết bán thành phẩm đã phát triển với quy mô chưa từng có (một máy bay Bô-inh 747 sử dụng 4,5 triệu chi tiết được sản xuất ở 15 000 công ty ở Mỹ và ở nước ngoài). Cũng có nghĩa là : quy mô của đào tạo tổng thể ngày càng mở rộng, điều này cần được tính đến trong quá trình đào tạo công nhân, khi nền kinh tế nước ta hội nhập vào thị trường thế giới. Ở đây phải áp dụng thuyết lợi thế so sánh vào công tác đào tạo.

Cơ cấu của lao động tổng thể xã hội cũng đang biến đổi :

- Số lượng và tỷ trọng công nhân công nghiệp ngày càng giảm. Ngày nay tổng sản phẩm công nghiệp vẫn tăng đều trong khi số lượng công nhân công nghiệp giảm tuyệt đối vì năng suất lao động nâng cao.

- Tỷ trọng lao động thành thạo ngày càng tăng lên trong khi tỷ trọng lao động có tay nghề thấp ngày càng giảm ; tỷ trọng kỹ sư và những người có trình độ cao đẳng ngày càng tăng. Tuy nhiên không nên nghĩ rằng số kỹ sư nào cũng như vậy. Trước đây, Liên Xô hằng năm đào tạo ra số lượng kỹ sư nhiều hơn Mỹ 3 lần. Thế nhưng nền kinh tế Mỹ phát triển có hiệu quả hơn. Vấn đề là nhu cầu thực tế của nền kinh tế quốc dân cần đáp ứng. Ở nước ta, tình trạng "thầy nhiều hơn thợ" quá nhiều kỹ sư, quá thiếu công nhân tay nghề cao đang là một khó khăn phải khắc phục.

- Tương quan giữa lĩnh vực sản xuất và phi sản xuất cũng thay đổi. Khi khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì cơ cấu lao động tổng thể cũng biến đổi. Những thành tựu của khoa học và tin học ngày càng trở thành hàng hóa. Lao động trong lĩnh vực dịch vụ ngày càng có vai trò lớn trong việc thỏa mãn những nhu cầu xã hội cũng như tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả sản xuất và có xu hướng ngày càng tăng.

- Số lượng những người lao động thực hiện chức năng quản lý kinh tế cũng ngày càng tăng trong lao động tổng thể xã hội.

Trên đây là những biến đổi về chất trong tính chất và cơ cấu lao động dưới ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Những biến đổi này không những chi phối xu hướng đào tạo người lao động mà cả chính sách đối với lao động.

Do tình hình kinh tế mỗi nước khác nhau, nên bước đi có khác nhau trong từng thời điểm lịch sử cụ thể. Nhưng để khắc phục nguy cơ tụt hậu ngày càng xa so với các nước trên thế giới và trong khoa học, không có con đường nào khác là phải đào tạo người lao động theo xu hướng phát triển chung của nền sản xuất hiện đại. ❑

Digitized by Google

KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ Ở CHÂU Á VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TÀO HỮU PHÙNG *

Khởi điểm của cuộc khủng hoảng bắt đầu từ Thái Lan. Sau các cố gắng tuyệt vọng, ngày 2-7-1997, Ngân hàng trung ương Thái Lan đã buộc phải tuyên bố thả nổi đồng Bạt, chấm dứt 13 năm đồng Bạt được quản lý chặt chẽ trong một giỏ tiền tệ với đồng USD giữ vai trò chủ đạo. Việc thả nổi đồng Bạt Thái Lan không chỉ dẫn đến tình trạng rối ren ở Thái Lan, mà còn gây ra phản ứng dây chuyền cho các nước trong khu vực, đặc biệt là các nước có hệ thống thị trường tài chính phát triển và rất nhạy cảm như In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và Xin-ga-po, buộc IMF phải vào cuộc với giải pháp cứu trợ cả gói cho Phi-líp-pin 1 tỉ USD, Thái Lan 17,2 tỉ USD và In-đô-nê-xi-a 38 tỉ USD.

Bên cạnh cuộc khủng hoảng ở Đông - Nam Á, thì ở Đông - Bắc Á, Hàn Quốc và Nhật Bản cũng xảy ra những biến động lớn.

Ở Hàn Quốc, từ tháng 10 đến tháng 11, đồng Won liên tục mất giá và đạt tới mức kỷ lục : 1962 Won/1 USD vào ngày 23-12 (giảm gần 100% so với 1 tháng trước đó), 8 trong số 30 tập đoàn kinh tế hàng đầu của Hàn Quốc đã phải tuyên bố phá sản, trong khi con số này vẫn chưa phải là cuối cùng, và tiếp tục gây sức ép giảm giá đối với đồng Won và chỉ số giá chứng khoán. Chính phủ Hàn Quốc cuối cùng cũng đã phải đồng ý với các điều kiện khắt khe, đặc biệt trong việc mở cửa thị trường tài chính, để được tiếp nhận khoản cứu trợ trị giá 57 tỉ USD của IMF.

Ở Nhật Bản, một mặt khủng hoảng tài chính và tiền tệ tại hàng loạt thị trường của Đông - Nam Á và Hàn Quốc đã khiến cho các công ty của Nhật Bản có vốn đầu tư tại đây đã chịu ảnh hưởng nặng nề. Lo lắng của nhà đầu tư trước khả năng không thể thu hồi các khoản cho vay của các ngân hàng Nhật Bản tại các nước Đông - Nam Á đã khiến cho giá cổ phiếu của các công ty tài chính Nhật Bản giảm mạnh. Mặt khác, do những nguyên nhân nội tại, hàng loạt các ngân hàng và công ty tài chính của Nhật Bản đã phải tuyên bố phá sản do không còn khả năng thanh toán đối với những món nợ khổng lồ của mình. Đặc biệt sự phá sản của Yamaichi - tập đoàn chứng khoán lớn thứ tư của Nhật Bản đã gây ra sự hoảng loạn trên thị trường tài chính Nhật Bản. Thị trường đã chỉ tạm lắng dịu đi sau khi Chính phủ Nhật Bản tuyên bố bảo đảm thanh toán mọi khoản nợ của khách hàng do các công ty phá sản để lại.

Cuộc khủng hoảng của khu vực Đông - Nam Á vừa qua bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, song tựu trung lại có một số nguyên nhân chủ yếu sau :

Một là, duy trì tỷ giá ổn định quá lâu so với USD. Việc duy trì một chính sách tỷ giá ổn định quá lâu (gắn với đồng USD) của các nước có nền kinh tế có dấu hiệu chững lại hoặc đi xuống, trong khi nền kinh tế của Mỹ đang phát triển đã khiến cho các nước này thay vì để đồng tiền của nước mình sụt giảm theo đúng giá trị của nó lại phải tiêu tốn hàng chục tỉ USD để cố gắng duy trì mức cân bằng giả tạo tới mức không thể kìm giữ được nữa.

Hai là, vay nợ ngắn hạn của nước ngoài quá lớn, nhưng hiệu quả sử dụng thấp. Vay nợ nước ngoài, đặc biệt là vay ngắn hạn của các doanh nghiệp quá cao và đầu tư bất hợp lý (chủ yếu vào lĩnh vực bất động sản) của các nước Đông - Nam Á,

* GS, TS, Thứ trưởng Bộ Tài chính

Digitized by Google

đã gây ra một gánh nặng không còn khả năng thanh toán khi thị trường bị sụp đổ.

Ba là, buông lỏng kiểm tra giám sát hoạt động của các ngân hàng và các tổ chức tài chính phi ngân hàng. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ kém hiệu quả của các công ty tài chính ở cả Đông - Nam Á, Hàn Quốc và Nhật Bản đã dẫn đến một số lượng nợ lòng vòng khổng lồ mà không phát hiện kịp thời.

Bốn là, kết quả của sự phát triển nền kinh tế "bong bóng". Ở Nhật Bản, sự sụp đổ của nền kinh tế "bong bóng" đã lộ rõ những yếu điểm của các công ty Nhật Bản. Truyền thống "che chở" theo đó các công ty chủ nợ sẽ tiếp tục gia hạn cho các con nợ của mình cho đến khi mọi thứ đều trở nên tốt đẹp đã không còn tồn tại do tất cả các công ty của Nhật Bản đều lâm vào tình trạng khó khăn. Kết quả là sự đổ vỡ dây chuyền không thể tránh khỏi của các con nợ và chủ nợ của Nhật Bản.

Năm là, cán cân vãng lai thâm hụt lớn. Các nước có thị trường tiền tệ khủng hoảng đều có mức nhập siêu quá lớn, trong khi tỷ lệ dự trữ ngoại tệ trên nợ nước ngoài là quá thấp. Trong năm 1996, tỷ lệ này của Hàn Quốc là 31%, In-đô-nê-xi-a chỉ khoảng 12% và Thái Lan là 43,1%...

Sáu là, tình trạng tham nhũng nặng nề. Sự lũng đoạn của các tổ chức tài chính lớn và mối quan hệ chặt chẽ của các tổ chức này với chính phủ đã gây nên tình trạng tham nhũng nặng nề ở các nước châu Á và khiến cho bản thân chính phủ không thể mạnh tay trong việc xử lý các bê bối nội tại của mình.

Mặc dù các cuộc khủng hoảng nói trên mang một tính chất lan truyền tương đối rõ nét do các mối quan hệ ràng buộc giữa Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước ASEAN, song cũng không thể nói rằng cuộc khủng hoảng của nước này là nguyên nhân duy nhất dẫn đến sự khủng hoảng của nước kia. Bản thân mỗi nước đều chứa đựng các mâu thuẫn nội tại. Sự bất hợp lý trong cơ cấu đầu tư và đi vay nước ngoài quá lớn của các nước ASEAN, sự tham nhũng chi phối chính phủ quá mạnh của các tập đoàn khổng lồ của Hàn Quốc và sự không minh bạch trong thị trường tài chính của Nhật Bản có thể được coi là các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự khủng hoảng của từng khu vực thị trường.

Đối với Việt Nam, cuộc khủng hoảng vừa qua có những tác động ở các mức độ khác nhau về nhiều mặt như : thương mại, đầu tư, ngân sách và nợ nước ngoài.

1 - Đối với hoạt động thương mại :

Về xuất khẩu : Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước ASEAN, Hàn Quốc và Nhật Bản, năm 1997 khoảng 42,2% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó khoảng trên 24% sang các nước ASEAN (khoảng 65 - 70% con số đó là xuất sang Xin-ga-po), với các mặt hàng chủ yếu như gạo sang Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po ; hải sản sang Xin-ga-po ; và các mặt hàng lớn khác như cà phê, hải sản, dệt, giầy dép chủ yếu xuất khẩu sang các thị trường ngoài ASEAN. Như vậy, hơn 2/3 kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Xin-ga-po và Xin-ga-po không bị ảnh hưởng nhiều do cuộc khủng hoảng gây ra. Chỉ có xuất khẩu gạo bị ảnh hưởng do giá gạo của Thái Lan giảm từ 15 - 20%, nhưng do nhu cầu của thị trường vẫn tăng, nên giá gạo xuất khẩu của Việt Nam vẫn có thể tăng trong năm 1998. Mặt khác, dự kiến chi phí sản xuất gạo của Thái Lan sẽ tăng từ 15 - 17%, làm triệt tiêu ảnh hưởng tích cực của việc phá giá đồng Bạt. Đối với các mặt hàng khác như cà phê, Việt Nam chỉ cạnh tranh với In-đô-nê-xi-a ở châu Á, nhưng thời vụ thu hoạch cà phê lại ngược nhau (ở Việt Nam bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 4 ; ở In-đô-nê-xi-a từ tháng 4 đến tháng 9) do đó, tác động ảnh hưởng không lớn. Các mặt hàng như dệt, may mặc, giầy dép, hải sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU đang được hưởng ưu đãi, trong khi đó Thái Lan đã hết thời gian được hưởng chế độ ưu đãi từ năm 1996. Hơn nữa, Việt Nam vẫn có lợi thế về giá nhân công rẻ hơn nhiều so với Thái Lan (tiền công trung bình đối với công nhân dệt ở Việt Nam là 0,39 USD/1giờ, còn ở Thái Lan là 1,41 USD/1giờ, gấp 3,6 lần ở Việt Nam). Tóm lại, Việt Nam có thể cạnh tranh mạnh với Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, trong xuất khẩu các mặt hàng dệt, giầy dép, hải sản...

Về nhập khẩu : Nhiều ý kiến cho rằng Việt Nam sẽ tăng nhập khẩu từ các nước ASEAN, Hàn Quốc và Nhật Bản trong thời gian tới. Thực tế, hiện nay kim ngạch nhập khẩu từ các nước trên chiếm khoảng 40% tổng kim ngạch nhập khẩu của ta, trong đó khoảng 24% từ các nước ASEAN (gần 3/4 là từ Xin-ga-po). Khả năng này cũng khó xảy ra, vì phần lớn hàng hóa quan trọng và hàng tiêu dùng nhập khẩu từ ASEAN, Việt Nam còn quản lý theo định lượng và giấy phép nhập khẩu, nên giá hàng hóa trên thế giới có xuống thấp cũng khó tràn vào thị trường của ta. Ngoài ra, việc Việt Nam đang thực hiện mạnh mẽ các biện pháp chống gian lận

Digitized by Google

thương mại cũng sẽ góp phần giảm hoạt động buôn lậu qua biên giới. Tuy nhiên, áp lực tăng nhập khẩu từ các nước ASEAN sẽ tăng khi chúng ta phải thực hiện các chương trình cắt giảm thuế nhập khẩu để tham gia AFTA.

2 - Đối với đầu tư và sản xuất trong nước :

Do biến động tỷ giá VNĐ*/USD và hiệu ứng tâm lý của cuộc khủng hoảng, các nhà đầu tư trong nước có thể co cụm lại, làm cho đầu tư trong nước vốn đã kém sôi động lại càng bị nguội lạnh hơn. Các nguồn tiền gửi tiết kiệm có khả năng chuyển nhanh thành ngoại tệ mạnh và các tài sản quý khác để tích trữ, gây khó khăn không nhỏ cho việc hoạt động vốn của các ngân hàng, các doanh nghiệp trong nước.

Theo số liệu thống kê, tỷ trọng vốn dành cho nhập thiết bị, công nghệ vật tư chiếm gần 30% tổng nguồn vốn đầu tư trong nước. Do vậy, khi đồng tiền giảm giá, hậu quả tiêu cực sẽ tác động ngay tới lĩnh vực đầu tư phát triển, đặc biệt là đối với các dự án có quy mô vừa và nhỏ.

3 - Đối với huy động vốn nước ngoài :

+ *Về vốn ODA :* Nhật Bản dẫn đầu trong các nước cung cấp ODA cho Việt Nam (khoảng 1/3 tổng vốn cam kết). Tuy có khó khăn phải đương đầu với khủng hoảng trong nước, nhưng để giữ uy tín và trấn an dư luận trong cũng như ngoài nước, Chính phủ Nhật vẫn hứa giữ nguyên số lượng vốn ODA đã cam kết cho các nước (trong Hội nghị tài trợ vừa qua, Nhật vẫn cam kết tăng tài trợ cho Việt Nam trong khi giảm tổng vốn tài trợ chung). Vấn đề là do đồng Yên mất giá so với USD nên những khoản cho vay của Nhật (vốn tính bằng Yên) sẽ ít giá trị hơn khi quy ra USD. Hàn Quốc còn chiếm vị trí khiêm tốn trong tổng nguồn vốn ODA cam kết (gần 2%) nên áp lực cắt giảm viện trợ nước ngoài của IMF đối với Hàn Quốc ít có tác động tới khoản ODA cho Việt Nam.

Về các hiệp định vay ODA đa phương thì WB dẫn đầu (khoảng 22% tổng vốn cam kết), tiếp theo là ADB (khoảng 16%). ADB có thể gặp khó khăn do cuộc khủng hoảng chung ở châu Á nên khó tiếp tục tăng vốn cam kết.

+ *Về đầu tư trực tiếp của nước ngoài :* Dự báo nguồn vốn nước ngoài vào Việt Nam dưới hình thức FDI có thể giảm sút trong các năm tới vì các lý do :

- Do tác động của cuộc khủng hoảng, môi trường đầu tư của cả khu vực Đông Á giảm sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, do đó, Việt Nam cũng bị ảnh hưởng theo.

- Chính các nước bị khủng hoảng đang dẫn đầu danh sách những nước đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam (như Xin-ga-po, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan). Khủng hoảng tiền tệ làm các nhà đầu tư trực tiếp lớn vào Việt Nam gặp nhiều khó khăn về tài chính trong nước, do đó hạn chế khả năng tiếp tục đầu tư của họ vào Việt Nam trong thời gian trước mắt.

- Do tác động của cuộc khủng hoảng, giá bất động sản, trái phiếu ở các nước ASEAN bị giảm mạnh và khả năng đầu tư mở cửa hơn ở các nước này, đang thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài vào mua đầu cơ bất động sản, mua chứng khoán để chờ thời cơ bán khi giá tăng trở lại.

4 - Đối với ngân sách nhà nước :

Về thu ngân sách : Một mặt, cuộc khủng hoảng làm giảm giá đồng tiền các nước trong khu vực, hàng hóa từ các nước này nhập vào Việt Nam sẽ nhiều hơn, do đó, thu từ thuế nhập khẩu sẽ tăng lên (trong trường hợp này hàng hóa của Việt Nam sẽ mất lợi thế cạnh tranh ngay trên sân nhà, do đó cần phải có biện pháp hạn chế và kiểm soát nhập khẩu). Mặt khác, do ảnh hưởng của khủng hoảng, nhất là về tâm lý, nên vừa qua đồng tiền Việt Nam đã bị mất giá nhẹ (khoảng 10%), gây tác động đến thu chi ngân sách. Cụ thể, việc VNĐ bị giảm giá dẫn đến thu ngân sách nhà nước sẽ có hai hiệu ứng trái ngược : *một là*, có khả năng tăng thu thuế xuất nhập khẩu do tăng khả năng sản xuất hàng xuất khẩu ; *hai là*, gánh nặng nợ nần và chi phí nguyên vật liệu tăng lên có thể làm cho sản xuất đình đốn, nhiều doanh nghiệp trở lên thua lỗ, thậm chí phá sản, làm giảm thu ngân sách.

Tuy nhiên, kết quả ảnh hưởng đến thu ngân sách còn phụ thuộc khá nhiều vào sự điều hành của Chính phủ. Nếu Chính phủ sử dụng hợp lý các chế độ thuế quan và phi thuế quan thì vẫn có thể bảo đảm được các nguồn để thực hiện cân đối ngân sách nhà nước.

Về chi ngân sách : Sẽ chắc chắn tăng lên do nguy cơ lạm phát và chi trả nợ tăng lên. Đặc biệt là có thể phát sinh một số khoản chi đặc biệt để hỗ trợ cho các doanh nghiệp có nguy cơ không có khả năng trả nợ, hoặc nợ nần quá nhiều.

(*) Đồng Việt Nam (VNĐ)

Digitized by Google

5 - Đối với vay nợ, trả nợ nước ngoài :

Khi VNĐ mất giá, các khoản nợ nước ngoài tính bằng VNĐ của Chính phủ và các doanh nghiệp sẽ tăng tương ứng. Cụ thể, trong trường hợp VNĐ mất giá 10% như vừa qua thì thay vì phải có 12 000 tỉ đồng, nay phải bỏ ra 13 200 tỉ đồng để trả cho 1 tỉ USD nợ. Như vậy, nợ nước ngoài tự nhiên tăng lên 1 200 tỉ (20%) chỉ do yếu tố tỷ giá. Đây là gánh nặng lớn cho Chính phủ và các doanh nghiệp trong vấn đề xử lý nợ khi đồng nội tệ bị mất giá.

Để khắc phục những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng, phương pháp thích hợp và khôn ngoan nhất hiện nay đối với chúng ta là phải cố gắng hướng vào việc thực thi các biện pháp ổn định, tránh mọi cú sốc không cần thiết, nhất là tránh tình trạng phá giá mạnh đồng tiền Việt Nam dễ gây rối loạn trên thị trường do yếu tố tâm lý. Các biện pháp nên làm là :

Một, tăng cường công tác dự trữ, chống lại mọi hiện tượng đầu cơ. Thực hiện tốt các biện pháp tập trung hàng hóa cần thiết để phục vụ tốt cho tiêu dùng, hạn chế biến động về giá cả vào các tháng đầu năm, gây ảnh hưởng tâm lý đến việc mất ổn định đồng tiền và ngoại tệ trên thị trường Việt Nam. Yêu cầu các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài lập bảng cân đối ngoại tệ ngay từ đầu năm để kịp thời nắm bắt nhu cầu mua bán ngoại tệ trên thị trường. Có chính sách lãi suất hấp dẫn để thu hút tiền nhàn rỗi trong dân cư (cả nội và ngoại tệ) vào tay nhà nước để giảm áp lực gây mất giá đồng tiền Việt Nam.

Hai, tập trung chỉ đạo việc đánh giá hiệu quả sử dụng, khả năng trả nợ của các ngành, các lĩnh vực, để Chính phủ có cơ sở thực hiện điều chỉnh chính sách tỷ giá phù hợp hơn với sự thay đổi của tình hình bên ngoài và sức chịu đựng của các đơn vị kinh tế trong nước. Thiết lập một chính sách tỷ giá hối đoái linh hoạt nhằm ngăn chặn các ảnh hưởng tiêu cực của khủng hoảng, thúc đẩy xuất khẩu và cải thiện cán cân thương mại.

Ba, tạo dựng và củng cố niềm tin cho các nhà đầu tư nước ngoài thông qua việc ổn định chính sách, cơ chế, luật pháp. Cần nhanh chóng sửa đổi và ban hành mới các chính sách thu hút FDI hấp dẫn hơn như các ưu đãi về thuế, giá thuê đất, cân đối ngoại tệ, thủ tục cấp giấy phép kinh doanh. Tiếp tục duy trì sự ổn định về kinh tế, chính trị, xã hội, kết hợp với việc áp dụng các chính sách mở cửa hơn nữa về thương mại, đầu tư và các dịch vụ tài chính đối với đầu tư trong ngoài nước để tạo điều kiện và môi trường kinh tế thuận lợi, bình đẳng cho các nhà đầu tư.

Bốn, thực hiện đồng bộ các giải pháp chuyển dịch mạnh về cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cơ cấu công nghệ và lao động. Bảo đảm xây dựng kết cấu kinh tế hợp lý, hướng mạnh về xuất khẩu, có khả năng phát huy hiệu quả sử dụng vốn nhanh, đáp ứng nhu cầu trả nợ trong nước và nước ngoài, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam ở thị trường nội địa và quốc tế.

Năm, cải cách mạnh và triệt để khu vực doanh nghiệp nhà nước để nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước. Đẩy nhanh cải cách doanh nghiệp, đặc biệt là cải cách doanh nghiệp nhà nước theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhằm làm giảm gánh nặng ngân sách. Việc phát triển không nên chỉ dựa vào các doanh nghiệp nhà nước, mà còn cần chú trọng phát triển các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

Sáu, tập trung huy động nguồn lực trong nước trong khi thị trường quốc tế đang còn nhiều biến động. Khẩn trương thực hiện triệt để các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng và chất lượng hoạt động của các ngân hàng để tăng uy tín của ngân hàng đối với người gửi tiền tiết kiệm, người vay và người cho vay ở trong và ngoài nước. Đồng thời, xúc tiến nhanh việc thành lập các định chế đầu tư có khả năng huy động tốt hơn và hiệu quả hơn các nguồn vốn tiết kiệm trong nước như các quỹ đầu tư, dịch vụ tiết kiệm bưu điện...

Bảy, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí đi đôi với thiết lập trật tự kỷ luật, kỷ cương quản lý tài chính trong nền kinh tế. Thực hiện nghiêm các chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán, công khai hóa tài chính và chế độ báo cáo. Tăng cường và nâng cao hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát ở tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, góp phần chống lãng phí, tăng tiết kiệm, hạn chế tiêu cực, tham nhũng trong quản lý nền kinh tế.

Tóm lại, cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ của các nước trong khu vực tuy có tác động đến nền kinh tế - tài chính Việt Nam, nhưng nếu chúng ta sớm rút ra những bài học kinh nghiệm và có các giải pháp phòng ngừa hữu hiệu thì không những có thể hạn chế được sự ảnh hưởng, mà còn tìm ra được cơ hội để hội nhập và phát triển nhanh hơn.❑

Digitized by Google

Về vấn đề
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NƯỚC TA

ĐẶNG NGỌC DINH *

Đặc trưng của thời hiện đại là những thành tựu của khoa học và công nghệ (KH và CN) đang ảnh hưởng sâu sắc đến mọi hoạt động của con người và được mọi quốc gia tính đến khi xây dựng chiến lược phát triển của mình. Các đặc điểm này có những mặt tích cực khá căn bản :

1 - Thời gian từ nghiên cứu lý thuyết đến sản xuất được rút ngắn. Ở thế kỷ trước, từ phát minh trên lý thuyết vật lý đến thời điểm ra đời của máy điện, tàu thủy, máy bay phải mất hàng trăm năm. Nhưng ở đầu thế kỷ XX này, từ nguyên lý bán dẫn đến lúc xuất hiện linh kiện bán dẫn và vi điện tử chỉ trong vòng 5-10 năm. Năm 1973, các nhà sinh học ở trường Đại học Stanford (Mỹ) phát hiện ra nguyên lý di truyền (ADN) thì chỉ sau 3 năm (1976) đã hình thành Công ty công nghệ di truyền đầu tiên trên thế giới.

2 - Giá trị của phần mềm, của trí tuệ, "chất xám" trong công nghệ, trong sản phẩm ngày càng đóng vai trò chủ yếu ; trong những sản phẩm từ công nghệ cao giá trị chất xám chiếm tới 80%. Giá trị của phần nguyên liệu - năng lượng ngày càng giảm. Một dàn máy tính điện tử có tốc độ xử lý thông tin cực mạnh chỉ với trọng lượng khoảng vài chục kg nhưng giá tiền tới 200 000 USD, nghĩa là tương đương với 1 000 tấn gạo ! Rõ ràng đây là giá rất đắt của trí tuệ. Lợi thế cạnh tranh của mỗi quốc gia hiện nay không còn nằm chủ yếu ở tài nguyên thiên nhiên và lực lượng lao động rẻ mà là nguồn nhân lực có trí tuệ.

3 - Các ngành khoa học ngày càng gắn kết với nhau, từ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên đến các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. Trong sự gắn kết này yếu tố văn hóa ngày càng nổi lên rõ phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa thúc đẩy sự phát triển, là yếu tố quan trọng trong năng lực nội sinh của quốc gia.

4 - Song song với xu hướng toàn cầu hóa về kinh tế, KH và CN cũng mang tính toàn cầu, liên kết, hội nhập giữa các quốc gia.

Tuy nhiên cuộc cách mạng KH và CN đương đại cũng chứa đựng những đặc điểm bất lợi cho các nước "đi sau" : các nước phát triển không sẵn lòng chuyển giao công nghệ đến các nước đang phát triển ; họ luôn nắm giữ bí quyết để chiếm ưu thế mặc cả, trong quá trình cần chuyển giao công nghệ, thì các nước phát triển cũng luôn có ý định chuyển những công nghệ đã lạc hậu (đối với họ), kể cả kế hoạch chuyển các dây chuyền sản xuất theo công nghệ gây ô nhiễm môi trường nặng nề đến các nước đang phát triển ; sự hội nhập của các nước trong cuộc cách mạng KH và CN toàn cầu cũng có thể tạo nên những ảnh hưởng xấu về xã hội, những biến dạng văn hóa ở những nước đang phát triển.

Trong bối cảnh đó, những nước "đi sau" nếu có bản lĩnh vững vàng, có năng lực nội sinh mạnh mẽ về KH và CN, có chính sách đúng đắn thì có nhiều cơ hội "đi tắt", "đón đầu", đạt được những thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội kỳ diệu chỉ trong vòng vài ba chục năm (các nước NIC ở châu Á) mà các nước công nghiệp ở châu Âu phải trải qua hàng trăm năm. Ngược lại, nhiều nước do thiếu những chiến lược đúng đắn, bỏ qua những thời cơ, đã rơi vào thế chậm phát triển, dẫn đến bị lệ thuộc vào nước ngoài từ KH và CN đến kinh tế và chính trị.

Đối với nước ta, rõ ràng cuộc cách mạng KH và CN thế giới với những đặc điểm trên đây đang tạo ra những thuận lợi lớn, nhưng đồng thời cũng xuất hiện những thách thức rất gay gắt, cần được nhận thức rõ để có định hướng và chủ trương đúng đắn, thích hợp.

---

* Giáo sư, Viện trưởng Viện nghiên cứu chiến lược và chính sách khoa học

Digitized by Google

Với đặc điểm rút ngắn thời gian từ nghiên cứu đến sản xuất đòi hỏi chúng ta phải làm tốt công tác dự báo, không nhất thiết phải tổ chức nghiên cứu mọi lĩnh vực từ đầu ; phải nhạy bén tranh thủ mọi kênh từ đầu tư nước ngoài trực tiếp đến thu thập thông tin để chọn đúng hướng, loại trừ những công nghệ bị lạc hậu nhanh. Chúng ta cũng cần thấy rằng công nghệ chẳng khi nào là nhận được không ; các công ty xuyên quốc gia, các nước phát triển chẳng khi nào dễ dàng truyền bá bí quyết. Vì vậy, chúng ta phải xây dựng năng lực nội sinh của đất nước, phải mạnh dạn cử người đi học hỏi, đào tạo. Từ giai đoạn sử dụng chuyên gia nước ngoài, đội ngũ KH và CN của chúng ta phải nhanh chóng đảm nhiệm được những nhiệm vụ chủ chốt trong các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

Trước nguy cơ tiếp nhận công nghệ phế thải, nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc, chúng ta phải chỉ đạo sát sao công tác thẩm định công nghệ ; đánh giá tác động môi trường và xem xét những khía cạnh văn hóa - xã hội trong quá trình hội nhập với thế giới. Đặc điểm về giá trị trí tuệ, giá trị "phần mềm" ngày càng tăng là một thuận lợi tiềm năng đối với nước ta, chúng ta có một nguồn nhân lực được đánh giá là có nhiều ưu điểm trong việc tiếp thu tri thức và công nghệ mới. Chúng ta phải khai thác mạnh mẽ và hiệu quả hơn nữa lợi thế này.

Từ những điều đã phân tích ở trên, có thể đưa ra một số quan điểm về phát triển KH - CN nước ta như sau :

1 - Phát triển đất nước một cách bền vững, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước phải trước hết và triệt để dựa vào và bằng KH và CN, bằng nguồn nhân lực có trình độ trí tuệ cao mà không phải dựa vào bán tài nguyên hoặc sử dụng mãi lao động đơn giản. KH và CN phải được quan niệm là bộ phận hữu cơ của mọi hoạt động kinh tế - xã hội, và là thước đo trình độ và năng lực phát triển của đất nước, là cơ sở để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Quan điểm này phải được thể hiện trong mọi lĩnh vực từ quy hoạch, lập kế hoạch phát triển vĩ mô đến từng dự án cụ thể.

2 - Bảo đảm sự gắn kết hữu cơ giữa KH và CN với sản xuất - kinh doanh, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng trong mọi hoạt động từ liên doanh, đầu tư đến chuyển giao công nghệ cũng như sự gắn kết hữu cơ công nghệ với khoa học (khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và các khoa học khác). Sự gắn kết này phải được thể hiện cụ thể trong các hoạt động kinh tế - xã hội, trong mọi dự án đầu tư phát triển, từ bước tìm hiểu ban đầu đến lựa chọn, đánh giá, thẩm định, nghiệm thu các phương án công nghệ, bảo vệ môi trường, tạo việc làm, bảo đảm công bằng xã hội.

3 - Phát triển bền vững, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái và các mục tiêu xã hội là một quan điểm mới, một tư duy mới, phải được thông suốt trong mọi cấp, trong toàn xã hội.

Bên cạnh phát triển KH và CN ở một số trung tâm lớn của một số ngành trọng yếu, cần chăm lo ứng dụng và phát triển KH và CN ở các vùng nông thôn rộng khắp của đất nước. Chỉ khi nào các vùng nông thôn được lôi cuốn vào các hoạt động ứng dụng KH và CN cho phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chỉ khi nào đại bộ phận dân chúng được nâng cao tầm tri thức thì nước ta mới có cơ hội thực sự cất cánh vững chắc, tăng tốc kinh tế nhưng bền vững về sinh thái và công bằng xã hội.

4 - Trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, nghiên cứu ứng dụng những thành tựu hiện đại của KH và CN thế giới nhằm đáp ứng được những đòi hỏi của đất nước trong tình hình mới. KH và CN trong an ninh - quốc phòng cần có tính lưỡng dụng phục vụ cho cả quốc phòng - an ninh và kinh tế.

5 - Chi tiêu hằng năm cho KH và CN phải được coi là đầu tư phát triển của toàn xã hội, trong đó có đầu tư từ ngân sách nhà nước, từ các bộ, ngành, các địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế. Đầu tư phát triển KH và CN do vậy phải được tính vào giá thành của sản xuất và dịch vụ. Đầu tư phát triển KH và CN cũng không chỉ gồm đầu tư về tài chính, mà quan trọng hơn phải là đầu tư về trí tuệ, kỹ năng của con người, về văn hoá và tinh thần cho KH và CN.

6 - Từ nay đến năm 2000 nhập công nghệ là chính, cố gắng đi thẳng vào công nghệ hiện đại (công nghệ cao) và sử dụng, phát triển công nghệ thích hợp, công nghệ truyền thống.

Chủ trương này phản ánh hướng đi tất yếu, nhằm tăng trưởng nhanh về kinh tế, tạo việc làm cho nhân dân và từng bước xây dựng năng lực công nghệ của quốc gia. Thực tế của quá trình tăng nhanh chóng các loại hình công nghệ trong luồng đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào nước ta những năm qua đã chứng tỏ đúng đắn của chủ trương trên đây. Tuy nhiên, vấn đề cần quan tâm là phải xác định được tỷ lệ hài hòa giữa việc tiếp thu công nghệ cao và phát triển công nghệ truyền thống, công nghệ thích hợp. Có thể nhận xét rằng : trong những năm gần đây có khuynh hướng

Digitized by Google

nặng về công nghệ từ nước ngoài, mà còn coi nhẹ công nghệ truyền thống ; những loại hình công nghệ truyền thống chưa được chăm lo hiện đại hóa nhằm tạo ra năng suất cao và sản phẩm mới, chất lượng cao.

Chúng ta đều biết ngày nay nước ta không thể hội nhập vào nền kinh tế thế giới đương đại mà không phát triển các ngành công nghệ cao, là những công nghệ dựa vào thành tựu mới nhất của khoa học hiện đại như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, vật liệu mới, công nghệ gia công chính xác trong chế tạo máy, tự động hóa, năng lượng mới... Phát triển những công nghệ này cho phép chúng ta "đi tắt", "đón đầu", nhanh chóng hiện đại hóa nền kinh tế và đuổi kịp mức tiên tiến của các nước trong khu vực về năng suất và chất lượng các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Tuy nhiên, việc khuyến khích tiếp thu công nghệ cao không đồng nhất với việc loại bỏ công nghệ truyền thống, công nghệ thích hợp. Ngược lại, cần phát triển và hiện đại hóa công nghệ truyền thống, phát triển thủ công nghiệp. Chính phát triển thủ công nghiệp sẽ góp phần giảm áp lực dân số và đô thị hóa ào ạt, tạo môi trường thuận lợi cho công nghiệp hóa. Tiêu chí quan trọng đối với một công nghệ cần nhập và phát triển là tính hiệu quả về kinh tế, phù hợp với điều kiện tự nhiên và xã hội của đất nước, và không làm hại môi trường - sinh thái. Như vậy *phát triển đa dạng công nghệ, xây dựng một hệ thống công nghệ nhiều tầng* phải là một chính sách công nghệ lâu dài, nhất quán, là một bộ phận hữu cơ trong quan điểm phát triển của Đảng và Nhà nước ta.

7 - Cần có chủ trương đúng đắn xử lý mối quan hệ giữa nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản. Hiện nay, do cần nhanh chóng khắc phục thực trạng tụt hậu về kinh tế, nước ta cần ưu tiên những nghiên cứu gắn liền với các mục đích kinh tế - xã hội, với kế hoạch rõ ràng về khả năng dẫn đến kết quả cụ thể. Rất nhiều quốc gia đã thành công trong phát triển kinh tế (như Nhật Bản và Hàn Quốc) cũng đã ưu tiên cho nghiên cứu ứng dụng - triển khai, phát triển khoa học - công nghệ trong một thời gian nhiều thập niên. Tuy nhiên, do sức ép mạnh mẽ của cạnh tranh quốc tế hiện nay, nghiên cứu ứng dụng không thể dừng ở phương thức sao chép mà phải có tầm sâu tri thức khoa học, phải có sự hỗ trợ đắc lực của các loại hình khoa học cơ bản, từ khoa học xã hội - nhân văn đến khoa học tự nhiên - kỹ thuật. Đây là những loại hình nghiên cứu cơ bản có định hướng. Ngoài ra chính những kết quả nghiên cứu của khoa học cơ bản là yếu tố quan trọng nhất để xây dựng năng lực nội sinh của đất nước.

Năng lực nội sinh về KH và CN, đặc biệt là về khoa học xã hội và nhân văn có trách nhiệm tự mình nghiên cứu và vạch ra chiến lược và mô hình phát triển của Việt Nam phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa của đất nước. Mặt khác, chỉ có dựa vào năng lực nội sinh từ tri thức khoa học cơ bản thì mới thực hiện có hiệu quả công cuộc chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, chọn đúng công nghệ cần nhập, khai thác, làm chủ, thích nghi và phát triển công nghệ nhập.

Thực ra, đối với những nước đang phát triển như Việt Nam hiện nay, có yếu tố lưỡng nan, nghịch lý không thể giải quyết một cách đơn giản. Đó là nếu quá tập trung vào nghiên cứu cơ bản thì không kịp thời đáp ứng được những nhu cầu chuyển giao công nghệ, tạo việc làm, tăng trưởng kinh tế. Nhưng nếu coi nhẹ nghiên cứu cơ bản thì sẽ có nguy cơ giảm sút năng lực cạnh tranh của quốc gia trong tương lai.

8 - Cho phép và tạo điều kiện để các tổ chức KH và CN được tạo ra sản phẩm hàng hóa từ nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ của mình. Trong thời bao cấp nhiều kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ có thị trường tiêu thụ đã bị đông cứng trong ngăn bàn, trong phòng thí nghiệm. Đến đầu những năm 80, có hiện tượng "bung ra" với Chỉ thị 268 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), không khí sản xuất, kinh doanh trong các tổ chức KH và CN sống động, nhưng cũng xuất hiện nhiều sai sót. Nhiều cơ quan nghiên cứu chạy theo buôn bán đơn thuần, không gắn với chức năng hoạt động của mình. Chẳng hạn Viện điện tử lại đi sản xuất và kinh doanh phân bón. Sau đó Nghị định 35 của Chính phủ đã uốn nắn, nhưng lại có chiều hướng "co lại", chưa khích lệ được năng lực sáng tạo của đội ngũ KH và CN trong nhiệm vụ làm ra của cải, phát triển kinh tế - xã hội. Các cơ quan KH và CN cần được sản xuất và lưu thông những sản phẩm làm ra bởi năng lực nghiên cứu - triển khai, phù hợp với chức năng và khả năng trang thiết bị, công nghệ của mình.

Đây là một yếu tố quan trọng góp phần tạo lập thị trường KH và CN. Chính thị trường này sẽ làm nảy nở và khích lệ động cơ của nhà khoa học, đó là lòng yêu nước, niềm say mê nghề nghiệp và bảo đảm mức thu nhập tương xứng với năng lực của nhà khoa học.

Digitized by Google

Một khi tổ chức KH và CN được quyền triển khai các ý tưởng, các nghiên cứu của mình thành sản phẩm và được phép tham gia cạnh tranh, lưu thông chúng trên thị trường hàng hóa, sẽ tạo điều kiện xuất hiện phương thức kinh doanh bằng khoa học, biến khoa học trở thành năng lực sản xuất trực tiếp. Đây cũng là một biện pháp để chuyển hoạt động nghiên cứu ứng dụng về các doanh nghiệp. Khi cho phép các viện được vượt ra khỏi ranh giới các phòng thí nghiệm, tham gia trực tiếp vào sản xuất, thì chính là đã tạo điều kiện để các cơ quan nghiên cứu trở thành các tổ chức cung ứng "chất xám" thực sự cho xã hội.

9 - Tạo lập và đa dạng hóa nguồn lực cho hoạt động KH và CN. Đầu tư tài chính cho KH và CN vẫn là một vấn đề trăn trở và quan tâm của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành quản lý đến cộng đồng KH và CN. Để đầu tư tài chính hiệu quả cho KH và CN chúng ta cần suy nghĩ 3 vấn đề sau đây :

- Toàn xã hội có trách nhiệm đầu tư kinh phí cho KH và CN, đặc biệt từ các doanh nghiệp, nơi sẽ sử dụng nguồn tri thức và nguồn công nghệ được cung cấp bởi các cơ quan nghiên cứu đổi mới công nghệ.

- Có cơ chế quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí cho hoạt động KH và CN, đặc biệt trong các khâu xác định các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên, phân bổ tài chính, đánh giá nghiệm thu kết quả.

- Một nguồn kinh phí rất quan trọng, đặc biệt trong những nền kinh tế thị trường có sự quản lý mạnh của nhà nước, đó là nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, chủ yếu nhằm bảo đảm cho những hướng nghiên cứu trọng điểm quốc gia, bao gồm những nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn ; nghiên cứu cơ bản định hướng và những nghiên cứu phát triển công nghệ cần có sự chỉ đạo của nhà nước.

Ngoài ra cần xây dựng những cơ chế để toàn dân tham gia các hoạt động KH và CN. Chính đây là một yếu tố thuận lợi để xã hội hóa đầu tư cho KH và CN. Một thị trường cạnh tranh lành mạnh và được tổ chức tốt, tự nó sẽ thu hút việc ứng dụng công nghệ và hình thành động lực lôi cuốn chất xám một cách tự nhiên vào phát triển kinh tế - xã hội.

Để tạo lập và đa dạng hóa nguồn lực và đưa quần chúng đông đảo tham gia hoạt động KH và CN, cần thiết phải đa dạng hóa các hình thức tổ chức KH và CN. Bên cạnh những cơ quan KH và CN nhà nước đảm nhiệm những nhiệm vụ trọng điểm quốc gia ; những tổ chức KH và CN trực thuộc các doanh nghiệp được định hướng rõ rệt vào lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật của ngành kinh tế ; cần phát triển rộng rãi các tổ chức thuộc các hội KHKT, các nhóm tập thể và cá nhân nhà khoa học, nhằm triển khai đa dạng các loại hình từ nghiên cứu, dịch vụ tư vấn khoa học, đáp ứng thông tin, đào tạo, đến sản xuất dựa trên năng lực KH và CN của mình.

Đây có thể xem như hình thức tương ứng với hệ thống kinh tế nhiều thành phần sở hữu, tương tự hình thức trường dân lập, tư thục trong hệ thống giáo dục. Hình thức viện nghiên cứu tư nhân tồn tại rộng rãi ở các nước (viện nghiên cứu về chiến lược có tầm cỡ ở Hàn Quốc là một viện tư nhân). Hình thức này đóng góp tích cực vào việc khai thác mọi khả năng sáng tạo của người dân, tạo thuận lợi để dân làm KH và CN, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

10 - Tăng cường vai trò quản lý của nhà nước trong KH và CN. Trong 10 năm qua, cùng với quá trình đổi mới kinh tế, hoạt động KH và CN đã chuyển động, đã khởi sắc, đã "bung ra" theo xu thế đáp ứng nhu cầu của thị trường, góp phần đáng kể vào phát triển kinh tế, đồng thời cũng bộc lộ nhiều yếu kém, chuệch choạc, mà một trong những nguyên nhân là do quản lý nhà nước còn có biểu hiện chưa thích hợp. Tương tự nhiều ngành khác, quản lý nhà nước về KH và CN trong thời gian qua vừa buông lỏng, vừa can thiệp tỉ mỉ. Nhiều ý kiến phê bình cách quản lý này là "quá xiết chặt đầu vào, nhưng lại quá buông lỏng đầu ra". Khi xét duyệt đề tài, tuyển chọn dự án thì kéo dài, qua nhiều thủ tục, nhưng khâu theo dõi, đánh giá, nghiệm thu lại chưa tuân thủ những chỉ tiêu chất lượng nghiêm túc.

Để nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước về KH và CN, nhà nước cần tập trung quản lý các khâu :

- Xây dựng chiến lược, chính sách phát triển KH và CN ;
- Tổ chức giám định công nghệ ;
- Tổ chức giám định môi trường ;
- Tổ chức giám định tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm ;
- Tạo lập các thể chế cho hoạt động KH và CN ;
- Xây dựng tiềm lực KH và CN (con người, trang thiết bị, thông tin...)
- Định hướng các lĩnh vực ưu tiên trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.❑

Digitized by Google

TÍNH ỔN ĐỊNH TƯƠNG ĐỐI CỦA VĂN HÓA

PHẠM ĐỨC THÀNH *

Trong khi nghiên cứu về vai trò của văn hóa, nhiều người nhận định : kinh tế và văn hóa gắn bó với nhau hết sức chặt chẽ. Kinh tế không thể tự mình phát triển nếu thiếu nền tảng văn hóa và văn hóa không phải là sản phẩm thụ động của kinh tế. Không phải hình thái kinh tế nào thì có văn hóa ấy. Tuy nhiên hiện nay cũng không ít nhà nghiên cứu cho rằng trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường, đã có biết bao hệ quả tiêu cực tác động xấu đến nền văn hóa truyền thống vốn hết sức tốt đẹp của nhân dân ta. Họ cho rằng bên cạnh những yếu tố tích cực (không nhiều) của nền kinh tế thị trường là những yếu tố tiêu cực (rất nhiều), nhất là trong quan hệ giữa con người với con người. Khi đã có sự thoái hóa trong từng con người, hoặc từng nhóm người thì lối sống xã hội cũng khó bề giữ được nền nếp, kỷ cương.

Vậy phải chăng cơ chế thị trường là nguồn gốc và là nguyên nhân chủ yếu gây nên những sa sút về văn hóa - xã hội ?

Thực tế lịch sử chứng minh rằng cơ chế thị trường không phải là nguồn gốc gây ra những hệ quả xấu đó. Bởi vì nếu sự suy thoái về văn hóa - xã hội là bạn đồng hành của cơ chế thị trường thì trên thế giới này đã có biết bao nhiêu quốc gia bị suy đồi khi đi theo kinh tế thị trường !? Trái lại người ta cho rằng kinh tế thị trường có thể là sự phủ định biện chứng của nền kinh tế tự nhiên, làm cho nhân loại bước vào con đường phát triển, thịnh vượng. Ở châu Á nước đã có nền công nghiệp tiên tiến như Nhật Bản, đã từng đi theo cơ chế thị trường nhưng họ vẫn thực hiện được sự kết hợp giữa truyền thống dân tộc và kỹ thuật hiện đại. Xin-ga-po, một trong nhiều quốc gia trong khu vực đã từng đi theo cơ chế thị trường và đặc biệt hằng năm đã đón tiếp tới sáu triệu lượt du khách mà vẫn giữ được không khí xã hội lành mạnh. Có những nước như Ma-lai-xi-a đã thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế : hết hướng về phương Tây, lại hướng về phương Đông, rồi hướng về phương Nam nhưng họ vẫn giữ được bản sắc văn hóa và sự ổn định của xã hội của mình. Ấy vậy mà ở nước ta, một đất nước, một dân tộc, đã từng trải qua bao thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên, lịch sử và chiến tranh liên miên, bản lĩnh được tôi luyện, chỉ mới mấy năm thực hiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường mà môi trường văn hóa dường như đang bị ô nhiễm và đã tác động xấu trực tiếp đến một bộ phận của xã hội. Lối sống thực dụng, lối sống "bung ra" đang gây ra nhiều tệ nạn xấu trong gia đình, nhà máy, cơ quan, trường học và ngoài xã hội : người ngay bị kẻ gian bắt nạt ; cái thiện bị cái ác chen lấn ; luật pháp, kỷ cương, phép nước không được giữ nghiêm ; lòng tin bị xói mòn ; tính tham lam, sự tàn bạo của kẻ xấu hoành hành,...

Vậy nguyên nhân nào đã dẫn đến tình trạng đáng báo động như vậy ?

Để có thể lý giải một cách thỏa đáng về hiện tượng trên cần nhiều ngành khoa học cùng nghiên cứu. Phạm vi bài viết này chỉ xin góp một tiếng nói vào việc tìm hiểu vấn đề trên.

Phải thừa nhận một sự thật lịch sử là trong quá khứ chúng ta đã từng trải qua một thời kỳ đô thị hóa ở cấp độ thấp, và sau đó chúng ta lại trải qua một thời kỳ đóng cửa, khép kín. Tất nhiên có "mở cửa" và tiếp xúc, nhưng đó chỉ là một bộ phận nhỏ và đó cũng mới chỉ là với các quốc gia trong phe xã hội chủ nghĩa, những nước đi theo cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Ngày đó, trong chúng ta những cán bộ khoa học mấy ai đã từng có cơ hội được tiếp xúc với các nước đi theo nền kinh tế thị trường. Chúng ta quen sống trong tâm lý khép kín mang tính tiểu nông, tiểu kỷ, thậm chí còn lo sợ sự tiếp xúc và mọi tác động từ bên ngoài. Ta luôn nghĩ đó là nguy hiểm, là nguy cơ mất bản sắc dân tộc... Cán bộ còn như vậy nói chi đến người dân bình thường, trình độ văn hóa thấp và nhất là một bộ phận trong tầng lớp thanh thiếu niên chưa có kinh nghiệm sống, còn

* Viện trưởng Viện nghiên cứu Đông - Nam Á, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

nhiều vấn đề chưa được xã hội, nhà trường, gia đình giáo dục và đào tạo.

Từ môi trường khép kín của cơ chế quan liêu bao cấp đến một cơ chế kinh tế mở, đầy hấp dẫn, con người không khỏi choáng ngợp, thích thú, bung ra và lao vào đó để có thể tìm kiếm những cái mới lạ và thử vận may. Nhiều nhà khoa học gọi đây là thời kỳ tái đô thị. Và khi con người chưa nhận thức được bao nhiêu về "cứu cánh mới" thì tránh sao khỏi rơi vào trận đồ bát quái và cuối cùng một bộ phận không nhỏ trong số họ cố hớt lấy cái váng nổi "mầu mỡ riêu cua" của nền kinh tế thị trường, âu cũng là điều khó tránh.

Mặt khác, ngày nay chúng ta đang sống trong thời đại toàn cầu hóa, thời đại bùng nổ thông tin. Không một quốc gia nào trên thế giới có thể sống biệt lập, tách khỏi sự phát triển như vũ bão của hệ thống thông tin toàn cầu. Đây là một yếu tố cực kỳ hệ trọng, có tác động rất lớn đối với sự phát triển kinh tế và đời sống văn hóa của các quốc gia. Tuy nhiên, chính các xa lộ thông tin này cũng gây ra một số vấn đề phức tạp, nan giải. Vì vậy, một số quốc gia đã tìm cách chống lại hiểm họa của những yếu tố tiêu cực qua mạng Internet bằng bức tường lửa (fire wall).

Một nguyên nhân nữa ăn sâu vào những quốc gia chậm phát triển, lạc hậu là tâm lý sùng ngoại. Thường thì ở các quốc gia đó cái gì từ bên ngoài vào cũng đều là mới lạ đều tốt đẹp hơn cái bản địa. Một đĩa Compact nhái của Hồng Công vẫn được ưa chuộng hơn một đĩa Compact của Việt Nam sản xuất, mặc dù trong thực tế chất lượng đĩa Compact của Việt Nam tốt hơn. Lõi của vấn đề này là do đất nước còn lạc hậu và mặt bằng dân trí còn thấp. Dân trí càng thấp càng thích tiếp thu nhiều những yếu tố ngoại lai mà họ không có khả năng tự sàng lọc.

Khi bàn về vấn đề này có người còn cho rằng quốc gia nào không có một đời sống tâm linh ổn định, không theo một tôn giáo cụ thể nào thì họ thiếu cái khung hình phạt vô hình hạn chế những mặt tiêu cực. Khung hình phạt vô hình đó một mặt làm hạn chế sự phát triển của trí tuệ, tư duy, nhưng mặt khác trong những xã hội đang phát triển thì nó lại góp phần làm hạn chế những mặt tiêu cực trong xã hội (vấn đề này cần được nghiên cứu sâu hơn nữa). Theo cách nhìn đó, ở các quốc gia theo Phật giáo, con người thấm nhuần lời dạy của Đức Phật, sống với điều thiện ; các quốc gia Hồi giáo ở trong khu vực đã từng thực hiện cơ chế kinh tế thị trường từ nhiều thập kỷ qua và họ cũng đã từng giao tiếp với nhiều yếu tố văn hóa ngoại lai, nhưng họ vẫn giữ được bản sắc văn hóa của mình và giữ sự ổn định xã hội trong khuôn khổ của xã hội đạo Hồi.

Một vấn đề nữa còn ít được bàn đến chính là vai trò của nhà nước trong việc ngăn chặn những làn gió độc tràn vào khi mở cửa. Nhiều quốc gia trong khu vực có nhiều bài học kinh nghiệm trong việc giáo dục cư dân và ngăn chặn những tệ nạn xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Trong trào lưu tiếp nhận văn hóa phương Tây, phụ nữ Xin-ga-po không muốn lập gia đình. Họ chỉ muốn có con nhưng không muốn lấy chồng. Đây là một lối sống gây nguy hại đến truyền thống văn hóa Khổng giáo, tấn công vào tế bào cơ bản của xã hội là gia đình. Do vậy chính phủ Xin-ga-po đã ra quyết đinh : không cho thuê nhà ở đối với những phụ nữ không lập gia đình mà có con. Chính phủ Xin-ga-po còn đề ra những hình phạt rất nặng đối với những hành vi vô văn hóa.

Một vấn đề đặt ra hiện nay là quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường có làm cho văn hóa và xã hội thay đổi và hậu quả nguy hại nhất là đánh mất bản sắc văn hóa của dân tộc hay không ?

Như trên đã nói những sa sút về văn hóa - xã hội, về bản chất không phải là do cơ chế thị trường gây ra và chắc chắn những sa sút đó sẽ từng bước được khắc phục và không thể dẫn đến hậu quả làm biến dạng bản sắc văn hóa. Khẳng định được như vậy là vì văn hóa nói chung, văn hóa Đông - Nam Á, văn hóa Việt Nam nói riêng đã tự khẳng định được bản sắc của mình qua nhiều biến thiên, thăng trầm của lịch sử và vì vậy tạo nên tính ổn định tương đối của nó.

Văn hóa Đông - Nam Á cho đến nay đã trải qua hai lần hội nhập. Một số nhà nghiên cứu phương Tây trước đây cho rằng văn hóa Đông - Nam Á chỉ là sự vay mượn, chỉ là khu vực ngoại vi của hai nền văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa hoặc coi văn hóa Đông - Nam Á là văn hóa bị Trung Quốc hóa, Ấn Độ hóa. Có người lại khẳng định văn hóa Đông - Nam Á chỉ là sự vay mượn những nền văn hóa của các nước đã từng thống trị Đông - Nam Á như Hà Lan, Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Mỹ...

Qua những kết quả nghiên cứu, ngày nay người ta đã thừa nhận một trong những đặc trưng văn hóa Đông - Nam Á là khả năng tiếp thu, thâu hóa những yếu tố tốt đẹp từ bên ngoài để làm giàu thêm, phong phú thêm những bản sắc văn hóa vốn có của mình.

Có thể bắt đầu từ công nguyên từ cái nền chung là cơ tầng văn hóa bản địa Đông - Nam Á, các tộc người ở đây đã bắt gặp làn sóng văn hóa Ấn Độ và

Digitized by Google

văn hóa Trung Hoa. Chính từ cuộc hội ngộ văn hóa này đã làm cho các dân tộc ở đây định hình và phát triển hơn với sự ra đời của các quốc gia cổ đại. Chính từ cuộc hội nhập văn hóa lần thứ nhất này đã làm cho bản sắc văn hóa Đông - Nam Á thêm đa dạng. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng trong khi tiếp thu những yếu tố văn hóa của Trung Hoa và Ấn Độ, văn hóa Đông - Nam Á vẫn giữ được những cốt lõi văn hóa truyền thống của từng quốc gia, dân tộc.

Với thuộc tính tiếp thu, thâu hóa làm cho bản sắc văn hóa ngày càng phong phú và đa dạng, văn hóa Đông - Nam Á bước vào cuộc hội nhập lần thứ hai từ thế kỷ XVI khi chủ nghĩa tư bản phương Tây dòm ngó và đặt chân lên vùng đất này. Cuộc hội nhập lần thứ hai tuy diễn ra muộn hơn nhưng quyết liệt và đẫm máu. Kết quả là văn hóa Đông - Nam Á đã tiếp thu được những tinh hoa của nhân loại qua những nhà truyền giáo phương Tây và các ngài thực dân thống trị ! Có người đi xa hơn còn cho rằng cuộc hội nhập văn hóa lần thứ hai này đã làm cho văn hóa các quốc gia tại đây được cấu trúc lại dẫn tới việc các nước này từng bước rời bỏ "phương thức sản xuất châu Á" để đi vào quỹ đạo của nền văn minh công nghiệp.

Như vậy là sau mỗi lần hội nhập, bản sắc văn hóa dân tộc càng được định hình rõ hơn, càng đa dạng, đa diện hơn. Và điều quan trọng là càng được thử thách mài dũa và có bản lĩnh hơn. Tiếp thu, thâu hóa những nền văn hóa lớn, thậm chí của đối phương muốn chinh phục mình nhưng không đánh mất mình là nét hằng xuyên của văn hóa Đông - Nam Á. Văn hóa Việt Nam cũng nằm trong quy luật đó. Chính trong quá trình đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp, văn hóa Việt Nam lại tiếp nhận được nhiều thành tựu của nền văn hóa Pháp để cách tân nền văn hóa truyền thống của mình. Đó là sự ra đời của những nhân tố văn hóa mới như chữ quốc ngữ, nhà trường tân học, báo chí, xuất bản, các ngành văn hóa - nghệ thuật hiện đại : kiến trúc, hội họa, âm nhạc, điện ảnh, sân khấu... và những nhân tố xã hội mới có quan hệ chặt chẽ với văn hóa. Đó là tầng lớp tân học, thị dân, cộng đồng thiên chúa giáo. Đó là quá trình tiếp biến văn hóa diễn ra theo quy trình từ sao phỏng, mô phỏng đến bản địa hóa. Đặc biệt là từ sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và với việc Đảng công bố *Đề cương văn hóa* nổi tiếng (1943) thì nền văn hóa Việt Nam bước vào một thời kỳ mới, theo hướng dân tộc, khoa học và đại chúng. Chính diện mạo mới này đã làm cho nền văn hóa Việt Nam ngày càng mang đậm bản sắc và tính cách dân tộc.

Một thực tế lịch sử ai cũng có thể thấy được tính bền vững của văn hóa thông qua cuộc đấu tranh thắng lợi bảo vệ nền văn hóa dân tộc, bảo vệ thuần phong mỹ tục Việt Nam chống lại những nọc độc văn hóa dưới chế độ Mỹ và các thế lực tay sai ở miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Rõ ràng là sức ép của các loại văn hóa độc hại càng mạnh thì sức đề kháng của dân tộc ta càng cao.

Như vậy là trải qua các quá trình tiếp biến văn hóa, văn hóa Đông - Nam Á đã tích hợp vào mình các yếu tố, các sắc thái từ bên ngoài để từng bước xác lập nên bản sắc văn hóa dân tộc vừa cứng cỏi, uyển chuyển thích nghi vừa đủ "đóng" để giữ gìn những cái vốn có, vừa đủ "mở" để tiếp nhận những tinh hoa từ bên ngoài.

Chính cái tính lưỡng hợp "đóng", "mở" ấy làm cho nền văn hóa Đông - Nam Á đã tiếp nhận được những tinh hoa của nhân loại, từ chối những yếu tố không thích hợp với bản sắc văn hóa của mình và tạo nên tính ổn định tương đối của văn hóa.

Hiện nay trong xã hội của chúng ta đang tồn tại một số biểu hiện đáng lo ngại như phần trên đã nêu. Trách nhiệm của mỗi chúng ta là phải góp phần vào giải quyết những tệ nạn xã hội đó. Tuy nhiên, chúng ta tin rằng những hiện tượng tiêu cực đó sẽ từng bước bị loại bỏ. Bởi vì nền văn hóa của chúng ta có thuộc tính "đóng", "mở" thích hợp, đã trải qua những lần hội nhập văn hóa với thế giới bên ngoài, đã tích hợp vào nó những tinh hoa của văn hóa nhân loại và đã đấu tranh, gạt bỏ, không tiếp nhận những yếu tố ngoại lai không phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc. Nền văn hóa đó đã trường tồn cùng với thời gian và ngày càng phong phú, đa dạng, giàu bản sắc. Một vấn đề nữa là không phải bản chất của kinh tế thị trường tất yếu dẫn đến sự suy thoái về văn hóa, mà nó phụ thuộc nhiều vào ý thức chủ quan của con người. Nghĩa là, trong quá trình thực hiện nền kinh tế thị trường chủ thể con người có thể đẩy lùi, có thể hạn chế và xóa bỏ được những mặt tiêu cực trong lối sống, trong cách ứng xử. Khả năng này của dân tộc Việt Nam đã được lịch sử chứng minh hết sức rõ nét. Đấy còn là sự kết hợp chặt chẽ giữa khả năng "tự bảo vệ", "tự điều tiết" của mỗi con người và những biện pháp hữu hiệu bảo vệ nền văn hóa của chính quyền, nhà nước bằng cách đề cao các giá trị nhân văn, các hệ giá trị truyền thống của cộng đồng và gia đình ; tăng cường khả năng và hiệu lực của các cơ quan thực thi pháp luật ; tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền công dân. Chúng ta tin rằng văn hóa Việt Nam với vai trò vừa là mục tiêu, động lực, vừa là hệ điều tiết của sự phát triển sẽ là một thành tố quan trọng tạo nên sự phát triển bền vững của nước ta trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

NAM ĐỊNH SAU MỘT NĂM TÁI LẬP VÀ PHƯƠNG ĐI TRONG THỜI GIAN TỚI

TRẦN MINH NGỌC*

NAM Định là tỉnh đồng bằng ven biển, có diện tích tự nhiên 171,6 km², dân số 1 927 000 người, mật độ dân số trung bình 1 141 người/km² (trong đó dân số ở nông thôn chiếm 86,5%). So với cả nước, Nam Định đứng thứ 57 về diện tích, nhưng đứng hàng thứ 6 về dân số. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên là 1,41%. Nam Định chủ yếu là tỉnh sản xuất nông nghiệp. Toàn tỉnh có 105 437 ha đất nông nghiệp, chiếm 63% diện tích tự nhiên, bình quân đầu người 553 m² (bằng 50% bình quân của cả nước) ; đất đai màu mỡ, có khả năng thâm canh các loại cây trồng, nhất là cây lúa nước.

Với vị trí cách thủ đô Hà Nội 90km và gần vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (Hà Nội - Hải Dương - Hưng Yên - Hải Phòng - Quảng Ninh) nên Nam Định có nhiều điều kiện và cơ hội để phát triển. Mạng lưới giao thông khá thuận lợi : có đường sắt Bắc - Nam đi qua dài 54km, tổng chiều dài đường bộ các loại 5 633km ; chất lượng các tuyến đường đã được nâng cấp, phục vụ tốt hơn việc đi lại và vận chuyển hàng hóa ; chiều dài của bốn tuyến đường sông lớn trên địa bàn tỉnh là 217km. Cảng biển Hải Thịnh được xây dựng cùng với các công trình khác đã tạo thuận lợi cho việc phát triển và khai thác tiềm năng các vùng kinh tế.

Bờ biển của tỉnh dài 72km. Tốc độ bồi tụ phù sa bình quân trên 400ha/năm. Vùng đất ven biển rất phì nhiêu, nguồn lợi thủy sản (cả ở vùng nước ngọt, nước lợ và nước mặn) đều rất phong phú.

Nam Định còn là tỉnh có truyền thống văn hiến, hiếu học. Nhân dân lao động cần cù, thông minh và sáng tạo ; trình độ dân trí khá...

Tuy nhiên, hiện nay Nam Định sản xuất nông nghiệp vẫn là chủ yếu ; đã thế bình quân ruộng đất tính theo đầu người lại thấp. Các cơ sở sản xuất công nghiệp còn nhỏ bé. Cơ sở hạ tầng tuy đã được đầu tư xây dựng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu.

Tôi nêu một số nét đặc trưng của Nam Định như vậy để muốn khẳng định một điều rằng Nam Định là tỉnh có nhiều tiềm năng, song cũng có không ít khó khăn, thách thức. Phải thấy rõ thực trạng đó để có biện pháp khắc phục, phấn đấu.

Kế thừa và phát huy những thành quả của tỉnh Nam Hà trước đây, năm 1997, mặc dù mới tái lập nhưng Nam Định đã đạt được những thành tựu đáng kể trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Sau đây là những nét cơ bản trên một vài mặt tiêu biểu :

- Về kinh tế - xã hội.

Trước hết phải nói tới sản xuất nông nghiệp. Năm 1997 là năm Nam Định giành được thắng lợi cao nhất từ trước tới nay. Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 2 520 tỉ đồng. Năng suất lúa cả năm đạt 11 tấn/ha. Sản lượng lương thực quy ra thóc đạt 950 000 tấn. Lương thực bình quân tính theo đầu người đạt 495kg. Chăn nuôi tiếp tục phát triển : so với năm 1996, đàn bò tăng 5,6%, đàn lợn tăng 4,8% ; sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 38 900 tấn, tăng 8,5% ; nuôi trồng thủy sản đạt 10 500 tấn, tăng 20,6%.

Đầu tư xây dựng được chỉ đạo một cách tập trung. Trong năm, một số công trình trọng điểm đã hoàn thành và đưa vào sử dụng như : Nhà máy bao bì xi măng công suất 25 triệu bao/năm ; nhà điều trị của Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh ; bể bơi thành phố ; đường bờ sông Nam Định ; đường 55 ; đường 51B ; cầu Thức Khóa ; cầu Lạc Quần...

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng khá. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 1997 đạt 991 tỉ đồng, tăng 6,3% so với năm 1996.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Nam Định

Digitized by Google

Về xuất khẩu : đã cố gắng đẩy mạnh khai thác các mặt hàng và vươn ra xuất khẩu trực tiếp đạt 42,7 triệu USD, tăng 14,6% so với năm 1996 (trong đó quốc doanh trung ương 20 triệu USD, quốc doanh địa phương 22,7 triệu USD).

Hệ thống tài chính - ngân hàng có nhiều cố gắng trong việc khai thác nguồn thu, điều hòa và cung ứng tiền mặt kịp thời, đáp ứng về cơ bản các yêu cầu chi thường xuyên và chi đột xuất. Ngành ngân hàng đã huy động các nguồn vốn, đáp ứng yêu cầu cho vay phục vụ sản xuất - kinh doanh. Quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng phục vụ người nghèo bước đầu đã phát huy tác dụng.

Các vấn đề văn hóa, xã hội có chuyển biến tích cực. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình đã chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động. Năm 1997, tỷ lệ tăng dân số giảm xuống còn 1,4%. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo có bước phát triển mới cả về quy mô và chất lượng ; là địa phương dẫn đầu ngành giáo dục toàn quốc. Toàn tỉnh đã phổ cập giáo dục tiểu học, có 116/225 xã, phường, thị trấn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, báo chí, phát thanh truyền hình tiếp tục đổi mới. Các chính sách xã hội được các cấp các ngành hưởng ứng tích cực và thực hiện tốt, thể hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn". Đời sống nhân dân tiếp tục ổn định và có cải thiện.

Tóm lại, năm 1997, kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn phát triển theo chiều hướng tốt. GDP theo giá trị thực tế đạt 4 360 tỉ đồng, tăng 8,6% so với năm 1996. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực (nông nghiệp 39,7% ; công nghiệp xây dựng 20,5% ; dịch vụ 39,8%). Năm 1997 là năm Nam Định có chỉ số tăng giá thấp nhất từ trước đến nay.

- Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể.

Sau khi tỉnh Nam Định được tái lập, đảng bộ tỉnh đã sớm ổn định về tổ chức, bộ máy và cán bộ. Đến nay, toàn tỉnh có 15 đảng bộ trực thuộc với 921 cơ sở đảng, gồm 81 818 đảng viên, chiếm 4,2% tổng số dân toàn tỉnh. Tỉnh đã ra quyết định bổ nhiệm lại và đề bạt 138 giám đốc, phó giám đốc sở, ban, ngành ; chỉ định mới 8 ban chấp hành lâm thời đảng bộ huyện, đảng bộ trực thuộc, đưa tổng số cấp ủy viên của 15 huyện, thành, đảng ủy trực thuộc lên 359 đồng chí. Nhiều cấp ủy trực thuộc đã chỉ đạo sắp xếp lại tổ chức cơ sở đảng, củng cố các đoàn thể nhân dân cho phù hợp với cơ chế quản lý mới. Các cấp ủy đảng, Ban cán sự đảng, Đảng đoàn đã chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường mối quan hệ giữa đảng với chính quyền, bảo đảm được sự lãnh đạo của Đảng đối với cơ quan nhà nước, đoàn thể nhân dân. Năm 1997 có 74,2% cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, số cơ sở đảng yếu kém chỉ còn 5,8%. Nhiều cơ sở đảng đã thực hiện tốt việc phân công công tác cho đảng viên, coi trọng công tác quản lý đảng viên. Công tác phát triển Đảng có những tiến bộ rõ rệt. Năm 1997 đã kết nạp được 1 680 quần chúng ưu tú vào Đảng, tăng 29% so với năm 1996 ; trên 50% số cơ sở đảng làm tốt công tác phát triển Đảng.

Điều hành của các cấp chính quyền đang từng bước thực hiện theo tinh thần các nghị quyết của Đảng về cải cách nền hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể đã bước đầu khắc phục được tình trạng hành chính, hướng mạnh về cơ sở để tập hợp các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương.

*

Hành trang để Nam Định đi vào thế kỷ XXI (trước mắt là những năm 1998 - 2000) có cả những thời cơ và thách thức. Căn cứ vào mục tiêu của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và xuất phát từ đặc điểm, tình hình của địa phương, phương hướng phát triển tổng quát của Nam Định đến năm 2010 là : *Huy động sức mạnh tổng hợp của mọi thành phần kinh tế, tận dụng mọi lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn lực của một tỉnh đông dân, có hai vùng kinh tế (kinh tế nông nghiệp, kinh tế biển) và một trung tâm công nghiệp – dịch vụ đã được hình thành, những cơ sở vật chất – kỹ thuật đã được xây dựng, tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ của Trung ương, mở rộng mối quan hệ với các địa phương trong nước và với nước ngoài. Đón bắt mọi cơ hội để hòa nhập vào quá trình phát triển của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Phấn đấu tạo bước chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ để từ sau năm 2010 có cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế gắn với việc giải quyết tốt các vấn đề văn hóa – xã hội. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hoạt động*

Digitized by Google

của các đoàn thể đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội. Nâng cao toàn diện công tác quốc phòng – an ninh. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội...

Cũng như cả nước, từ nay đến năm 2000 là thời gian tạo ra những tiền đề quan trọng để Nam Định chuyển sang thế kỷ XXI. Với định hướng đó, đảng bộ Nam Định sẽ tập trung sức phấn đấu, quyết tâm thực hiện cho được các mục tiêu cơ bản sau đây :

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 8 đến 9%/năm. GDP bình quân đầu người tăng 2 lần so với năm 1990, trong đó giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 4,5 - 5%/năm. Phấn đấu đạt giá trị từ 23 đến 25 triệu đồng/1 ha đất canh tác. Giữ mức lương thực bình quân 450 đến 500 kg/người. Phát triển đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy, hải sản ; đưa sản lượng nuôi trồng đạt 15 000 tấn. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân từ 11 đến 12%/năm. Giá trị của ngành dịch vụ tăng bình quân 11%/năm. Giá trị xuất khẩu trên địa bàn tăng từ 20 đến 25%/năm. Tăng nhanh khả năng và tiềm lực tài chính, huy động thuế và phí vào ngân sách mỗi năm từ 8 đến 10% GDP. Tỷ trọng các ngành kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 38% ; công nghiệp, xây dựng cơ bản chiếm 23% và dịch vụ 39%.

- Thực hiện tốt các vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội. Hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Nâng cao trình độ dân trí, bồi dưỡng nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài. Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 1,3%. Tiếp tục nâng cao đời sống nhân dân ; giảm hộ nghèo xuống dưới 10%.

- Củng cố quốc phòng - an ninh, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, chủ động phòng, chống âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

- Xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân đáp ứng được yêu cầu của các nhiệm vụ phát triển kinh tế. Phấn đấu giảm dần số cơ sở đảng yếu kém. Đội ngũ cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể cơ bản được tiêu chuẩn hóa theo quy định. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Để thực hiện được các mục tiêu nêu trên, nhiệm vụ của đảng bộ, quân và dân Nam Định từ nay đến năm 2000 sẽ là :

Đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng của các ngành kinh tế. Khai thác tối đa nguồn lực sẵn có và nguồn vốn đầu tư cho các công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội. Hoàn thành các mục tiêu xây dựng cơ bản đến năm 2000 và chuẩn bị cho những năm tiếp theo.

Tiếp tục xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất. Từng bước sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, tạo điều kiện cho nó hoạt động có hiệu quả, đủ sức cạnh tranh và giữ được vai trò chủ đạo trong cơ chế thị trường. Tiếp tục đổi mới quản lý hợp tác xã theo luật hợp tác xã. Khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng cường chức năng quản lý nhà nước đối với các thành phần kinh tế trên địa bàn.

Nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh tế đối ngoại. Tích cực tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu. Tăng nhanh số lượng và chất lượng hàng xuất khẩu đã qua chế biến. Củng cố ngành thương mại - du lịch. Đầu tư để phát triển ngành du lịch và các ngành dịch vụ có khả năng thu ngoại tệ cao. Tranh thủ và thu hút các nguồn vốn viện trợ phát triển (ODA) ; nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI).

Xây dựng và bồi dưỡng nguồn thu, nhất là các nguồn thu chủ lực trên cơ sở phát triển sản xuất. Từng bước giảm dần sự mất cân đối trong thu, chi ngân sách địa phương. Sử dụng ngân sách có hiệu quả, tiết kiệm ở mọi cấp, mọi ngành.

Chỉ đạo và thực hiện tốt các vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội. Từng bước nâng cao mặt bằng dân trí, sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Kết hợp tốt việc phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội.

Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh và hoạt động của các ngành trong khối nội chính đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Thực hiện tốt hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Củng cố, xây dựng các ngành nội chính trong sạch, vững mạnh. Phối kết hợp chặt chẽ và đồng bộ trong hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Thường xuyên làm tốt công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hoạt động của các đoàn thể nhân dân để đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển trong thời kỳ mới. Đẩy mạnh việc cải cách nền hành chính nhà nước ở các cấp, nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, nhất là về lĩnh vực quản lý kinh tế. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng chính quyền.❑

Digitized by Google

MẤY VẤN ĐỀ VỀ AN NINH NÔNG THÔN HIỆN NAY

NGUYỄN ĐỨC MINH*

Từ đầu năm 1997 tới nay, ở một số vùng nông thôn nước ta đã xảy ra những vụ việc phức tạp về an ninh trật tự, có phần vượt và khác những năm trước. Có nơi, dân ở thôn, xã tập trung hàng trăm người lên trụ sở ủy ban nhân dân xã, huyện khiếu kiện từ một buổi đến nhiều ngày ; từ một thôn trong xã lên toàn xã, lan ra thành nhiều xã. Có huyện, có đến trên 80% số xã dân kéo nhau đi khiếu kiện tập thể. Khi khiếu kiện không được giải quyết theo ý mong muốn, một số quá khích, cực đoan đã kích động, thúc đẩy dân có những hành động gây rối an ninh - trật tự, như : đập phá trụ sở, niêm phong sổ sách, giam lỏng cán bộ chính quyền ở cơ sở, biến thôn, xã đó trở thành "điểm nóng" gay gắt, nghiêm trọng. Từ "điểm nóng" ở một số nơi, chúng tung tin, kích động dân ở những xã giáp ranh cùng liên kết hành động biến thành một số "vùng nóng". Tình hình trên buộc ta phải suy nghĩ một cách sâu rộng hơn về vấn đề an ninh nông thôn.

Nước ta có khoảng 80% dân số ở nông thôn (với trên 10 triệu hộ nông dân), sinh sống và canh tác trên 80% diện tích tự nhiên của cả nước. Nông nghiệp và nông thôn có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã xác định : Trong thời kỳ mới của công cuộc xây dựng đất nước, Đảng ta lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng cho việc mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân ; đặt chương trình phát triển nông nghiệp và nông thôn thành chương trình số một, hàng đầu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, từ cuối những năm 80 đến nay, nông nghiệp nước ta đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn. Từ một nước phải nhập lương thực, chỉ trong một thời gian ngắn chưa đầy hai kế hoạch 5 năm, chúng ta chẳng những sản xuất lương thực đủ ăn cho trên 70 triệu dân, mà còn xuất khẩu mỗi năm từ 2 đến 3 triệu tấn lương thực, đứng vào những nước hàng đầu trên thế giới về xuất khẩu lương thực. Đời sống kinh tế - xã hội ở nông thôn, của nông dân được nâng cao một bước ; các mặt đời sống văn hóa, giáo dục, y tế được khởi sắc tạo điều kiện thuận lợi cho việc giữ vững sự ổn định chính trị ở nông thôn.

Bên cạnh những cái "được" to lớn và cơ bản nói trên, ở một số vùng vấn đề an ninh nông thôn đã có những biểu hiện phức tạp, nghiêm trọng, cần được quan tâm giải quyết.

1 - Vấn đề cốt lõi đối với nông dân là sở hữu ruộng đất để sản xuất. Khi chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, đất nông nghiệp được giao ổn định và lâu dài cho các hộ nông dân. Đất đai ngày càng có giá trị thực tế, không những đem lại nguồn lợi từ sản xuất nông nghiệp mà còn có giá trị khi chuyển nhượng quyền sử dụng. Do đó, ở một số nơi đã xảy ra các vụ việc đấu tranh đòi lại quyền sử dụng diện tích ruộng đất trước đây đã góp vào hợp tác xã nông nghiệp, hoặc đã chia cho các thôn, xã khác trong quá trình chuyển đổi tổ chức nhập, tách xã, hợp tác xã nông nghiệp... Một số nơi, chính quyền cơ sở không nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, khi giao quyền sử dụng đất ổn định và lâu dài cho nông dân đã giao hết quỹ đất hiện có, không còn quỹ đất dự phòng theo quy định, nên khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường sá, khu công nghiệp, khu sản xuất kỹ thuật cao, thì không có đất đền bù cho dân. Có nơi, dân cho là chính sách đền bù không thỏa đáng, không chấp thuận, nên đã cản trở việc giao đất giải phóng mặt bằng. Ở một số nơi đã xảy ra tình trạng một số phần tử xấu cầm đầu, kích động một bộ phận quần chúng gây rối, cản trở việc thực hiện chính sách, chống đối các lực lượng thi hành công vụ ; đe dọa

* Thiếu tướng, Viện trưởng Viện nghiên cứu chiến lược Công an nhân dân, Bộ Nội vụ

Digitized by Google

tính mạng và tài sản những người trong cùng thôn xã chấp nhận đền bù (Đông Anh - Hà Nội ,Quỳnh Phụ - Thái Bình).

Ở Nam Bộ, nông dân sớm được giao đất ổn định để sản xuất, nhưng do nhiều hoàn cảnh khác nhau, tình trạng nông dân đem ruộng đất được giao đi cầm cố với lãi suất từ 10% - 20%/tháng, hoặc đem bán khá phổ biến ở nhiều nơi. Chỉ riêng đồng bằng sông Cửu Long có hơn 10 000 hộ nông dân không có đất để sản xuất. Mỗi tỉnh có khoảng từ 3% - 5% số hộ nông dân không có đất sản xuất. Ở một số xã, tỷ lệ nông dân không có đất để sản xuất khá cao như xã Nhân Hội - An Giang : 34,9% ; xã Khánh Trung - Đồng Tháp : 28% (1). Vấn đề nông dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa không có đất để sản xuất phải đi làm thuê, làm mướn ; vấn đề phân biệt giàu nghèo phân hóa giai cấp ở nông thôn ngày càng tăng, tác động xấu tới liên minh công nông và trở thành vấn đề xã hội - chính trị cần được quan tâm.

2 - Từ khi chuyển đổi từ chế độ bao cấp sang cơ chế thị trường, ở nông thôn đã có những tác động tiêu cực sâu rộng vào đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là số có quyền lực trên các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân sách, đất đai. Tệ quan liêu, tham nhũng, làm giầu bất chính của một bộ phận cán bộ cơ sở biểu hiện dưới nhiều mức độ khác nhau, có nơi diễn ra rất nghiêm trọng. Có địa phương, ngoài 7 thứ thuế quy định thu của Nhà nước, huyện tự ý đặt ra một số quy định, xã lại thêm một số, nên nhân dân ở một số xã phải nộp tới trên dưới 30 khoản. Đã thế, cán bộ lại ăn bớt, ăn xén, chia chác cho nhau. Khi dân phát hiện vấn đề, khiếu nại, tố cáo lên cấp trên nhưng cấp huyện, tỉnh lại bao che cho nhau, có nơi còn định dùng công an để trấn áp, bóp nghẹt các cuộc khiếu kiện của dân. Quyền dân chủ của người dân bị vi phạm nên ở một số nơi dân bất bình, tập trung kéo lên xã, huyện, tỉnh khiếu kiện liên tục và bị kẻ xấu lợi dụng đã xảy ra những việc làm vi phạm luật pháp. Có nơi do mâu thuẫn giữa cán bộ xã đương chức lợi dụng chức quyền tham nhũng với số cán bộ đã nghỉ hưu ; có nơi do bè cánh, phe phái làm cho mâu thuẫn ở nông thôn thêm phức tạp, gay gắt. Một số nơi do cán bộ cơ sở có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng nên một số cán bộ cũ đã dựa vào Pháp lệnh Thanh tra của Nhà nước có những việc làm không đúng như thúc đẩy dân tự động thành lập Ban thanh tra nhân dân, tự ý thu gom sổ sách chi thu của cán bộ xã, công bố kết quả thanh tra, công bố những sai phạm của cán bộ xã. Một số nơi trở thành "điểm nóng gay gắt" khi có những phần tử xấu, cơ hội xen vào, sử dụng được một số tên hung hãn kể cả tội phạm hình sự, tù được tha, có những hành động vi phạm pháp luật làm cho tình hình càng thêm phức tạp. Từ "điểm nóng" ở một số huyện, biến thành "vùng nóng" ; sự việc diễn ra từ ít ngày thành nhiều ngày...

3 - Cùng với việc phát triển nông nghiệp và nông thôn, việc đô thị hóa các thị trấn, thị tứ, các trục đường giao thông mới hình thành đã tác động tới nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực trật tự an toàn xã hội. Nhiều ổ nhóm tội phạm, tụ điểm phức tạp về trật tự an toàn xã hội như các băng nhóm trộm cướp, mại dâm, ma túy... phát triển nhanh trên diện rộng ở nông thôn và hoạt động ngày càng phức tạp, liên kết với bọn ở thành thị, thậm chí hoạt động xuyên quốc gia.

Những vấn đề về an ninh nông thôn như vậy, đã để lại những hậu quả hết sức nặng nề về các mặt : chính trị, kinh tế, xã hội, làm xói mòn lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước, nhất là với các cấp bộ đảng và chính quyền cơ sở, thậm chí có nơi đảng bộ và chính quyền cơ sở bị vô hiệu hóa.

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên là :

1 - Việc giao ruộng đất ổn định, lâu dài tới hộ nông dân tuy được nông dân nhiệt liệt hoan nghênh, có tác dụng thúc đẩy mọi mặt sản xuất phát triển, nhưng do bị đụng chạm quyền lợi (thu hồi quyền sử dụng đất không được đền bù thỏa đáng, lại bị phụ thu, lạm bổ quá đáng) và tình trạng tham nhũng của một số cán bộ xã gây bất bình trong dân, nên dân khiếu kiện tập thể, dài ngày.

2 - Đội ngũ cán bộ làm công tác chính quyền của ta chưa được đào tạo một cách cơ bản, có nơi chưa nắm được đầy đủ nhiệm vụ, chức năng mà Đảng và Nhà nước giao cho. Nhiều nơi ra những quyết định vượt quá quyền hạn được giao (xã, huyện tự ý cấp đất). Chế độ hồ sơ cơ bản của chính quyền các cấp chưa có nền nếp ngay cả hồ sơ địa chính, ranh giới thôn, xã cũng có nơi thất lạc, vẽ đi, sao lại tùy tiện, gây bất bình, phản ứng trong dân.

(1) Xem Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 11-11-1997

Digitized by Google

3 - Trình độ dân trí hiểu biết luật pháp ở nông thôn còn thấp, lại sẵn có những tồn tại trong đời sống kinh tế - xã hội ở nông thôn, nhất là quyền dân chủ trực tiếp bị xâm phạm, lấn lướt, nên một bộ phận dễ nghe theo số phần tử xấu kích động, tụ tập, dễ có những hành động bột phát, cực đoan, quá khích.

4 - Quá trình đổi mới đã làm thay đổi một cách căn bản quan hệ kinh tế ở nông thôn, nhưng thiết chế chính trị chưa được đổi mới một cách đồng bộ và tương xứng, đội ngũ cán bộ ở cơ sở chưa được đào tạo cơ bản, trong khi cơ chế, chính sách còn nhiều sơ hở nên không tránh khỏi một bộ phận cán bộ, đảng viên tham nhũng, gây bất bình trong dân. Hơn nữa, do công tác tổ chức cán bộ ở một số địa phương có lệch lạc ở nhiều cấp, bao che cho những phần tử tham nhũng thoái hóa biến chất nên tình hình phức tạp nghiêm trọng kéo dài và lây lan ra nhiều điểm.

Trong thời gian tới tình hình an ninh nông thôn có thể sẽ bị tác động bởi những yếu tố chính sau :

1 - Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ có nhiều nhà máy, công trường mọc lên ; đường giao thông được mở rộng ; sản xuất nông nghiệp được tổ chức lại, hợp tác xã nông nghiệp được củng cố lại... sẽ có những vấn đề đụng chạm đến quyền sử dụng đất của một bộ phận nông dân ; trong khi cơ chế, chính sách của Nhà nước còn có những điểm chưa hợp lý.

2 - Việc xây dựng thiết chế dân chủ ở nông thôn chưa được hoàn thiện ; cơ chế "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" chưa được cụ thể hóa để thực hiện ; tổ chức cơ sở đảng, chính quyền ở địa phương còn có những biểu hiện thiếu trong sạch, ... dễ dẫn đến tình trạng bất bình trong nhân dân và khiếu kiện có thể có nơi, có lúc diễn ra phức tạp, nghiêm trọng. Vấn đề đào tạo cán bộ và chính sách cán bộ nông thôn còn có những hạn chế nhưng phải có thời gian để điều chỉnh ngày một hoàn thiện hơn.

3 - Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước sẽ từng bước nâng cao mức sống của nhân dân. Nhưng bên cạnh nó, tình trạng phân hóa giầu - nghèo, biên độ dãn cách sẽ ngày càng lớn ; sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn sẽ ngày càng tăng. Số người nghèo không được học hành sẽ tăng lên, kiến thức về luật pháp hạn chế, sẽ dẫn tới xu hướng số người sống tự do, có hành động vô chính phủ tăng lên. Cho nên, từ những vấn đề xã hội ở nông thôn, rất dễ chuyển thành vấn đề chính trị phức tạp.

4 - Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" một cách ráo riết hơn. Chúng sẽ lợi dụng tình hình mâu thuẫn, "điểm nóng" ở nông thôn để xuyên tạc, bôi nhọ Đảng và Nhà nước ta, kích động phần tử xấu tại chỗ gây rối. Mặt khác, không loại trừ việc chúng sử dụng cả những phương thức, thủ đoạn vũ trang và phi vũ trang để chuyển hóa mâu thuẫn nội bộ nhân dân thành mâu thuẫn đối kháng theo ý đồ của chúng.

Để có thể chủ động giải quyết những vấn đề phức tạp về an ninh nông thôn hiện nay, chúng tôi đề xuất một số biện pháp :

1 - Thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò của an ninh nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Quan niệm về an ninh nông thôn hiện nay vẫn còn có những ý kiến khác nhau, cần có những cuộc trao đổi, hội thảo để có kết luận thống nhất. Theo suy nghĩ của chúng tôi, an ninh nông thôn là sự ổn định về mọi mặt ở nông thôn mà thể hiện chủ yếu ở sự ổn định về chính trị ở nông thôn, là biểu hiện sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị ở nông thôn, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền ở nông thôn, vai trò của các đoàn thể chính trị, các tổ chức xã hội nhằm tập hợp các tầng lớp nhân dân tham gia vào các phong trào cách mạng, xây dựng nông nghiệp - nông thôn công nghiệp hóa theo mục tiêu : dân giầu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

An ninh nông thôn không bó hẹp trong những vấn đề phức tạp của an ninh - trật tự do công an huyện và xã làm là chủ yếu, mà rộng lớn hơn nhiều, bao gồm cả những vấn đề kinh tế, xã hội nông thôn ; chính sách đối với nông nghiệp - nông thôn ; chính sách và cơ cấu đội ngũ cán bộ nông thôn, thiết chế dân chủ ở nông thôn ; có nơi còn có vấn đề chính sách đối với tôn giáo, dân tộc. Giải quyết vấn đề an ninh nông thôn phải đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương, sự quản lý điều hành của chính quyền cơ sở và sự tham gia của các đoàn thể chính trị, xã hội, của toàn dân. Thực tế cho thấy còn cần được sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm

Digitized by Google

tra chặt chẽ của cấp ủy đảng và các ban, ngành cấp trên.

Đất nước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó có công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Để có thể thực hiện được chương trình trên, điều kiện trước hết là an ninh nông thôn phải được bảo đảm.

2 - Xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy đảng và của chính quyền cơ sở bảo đảm giữ vững được sự ổn định chính trị ở nông thôn. Cần sớm phát hiện những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, những vấn đề bức xúc gay gắt nhất, phân tích sâu sắc nguyên nhân, những căn nguyên có thể gây ra những phức tạp nghiêm trọng để chủ động tính toán chủ trương, đối sách cho sát hợp, kịp thời theo hướng làm dịu dần các mâu thuẫn gay gắt, không để phức tạp, gây rối xảy ra, không để "bé xé ra to" lây lan nhiều nơi. Cần thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách trong quá trình giải quyết sự việc, tránh lối đùn đẩy trách nhiệm theo kiểu "nhiều sãi không ai đóng cổng chùa".

3 - Căn cứ vào quy hoạch dài hạn, từng vùng lãnh thổ, vào chương trình phát triển nông nghiệp - nông thôn ở từng địa phương, cần tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp quy về quản lý ruộng đất, trước mắt cần tiến hành thanh tra ở các tỉnh, huyện có vấn đề phức tạp, khắc phục những sơ hở, thiếu sót hiện nay. Có chính sách cụ thể, hợp lý, có cơ chế bảo đảm khi thu hồi quyền sử dụng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất chuyên dùng...

4 - Gắn với quy trình cải cách hành chính, củng cố Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cần sớm hoàn thiện thiết chế dân chủ ở nông thôn ; chỉnh đốn đội ngũ cán bộ cơ sở (cấp xã) cả về phẩm chất và năng lực. Cụ thể hóa cơ chế "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" sát hợp với tình hình thực tế ở nông thôn. Nghiên cứu sâu hơn nữa vai trò nông nghiệp, nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa để có chính sách đầu tư, đào tạo và đãi ngộ với đội ngũ cán bộ cơ sở ở nông thôn.

5 - Trong quá trình tiến hành bảo đảm an ninh nông thôn, cần nghiên cứu quán triệt Chỉ thị số 21/CT-TU ngày 10-10-1997 của Bộ Chính trị "Về một số công việc cấp bách ở nông thôn hiện nay" tới các cấp ủy đảng, tới chi bộ cơ sở, có chương trình hành động phù hợp với thực tế địa phương để làm dịu và ổn định tình hình trước mắt, đồng thời tạo ra những điều kiện thuận lợi giải quyết vấn đề một cách cơ bản, lâu dài, bảo đảm ổn định nông thôn, phát triển đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn như Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã đề ra.

6 - Các cấp công an trên cơ sở quán triệt Chỉ thị 21/CT-TU của Bộ Chính trị, phải sử dụng mọi lực lượng, mọi biện pháp nắm chắc tình hình, sớm phát hiện những vấn đề phức tạp có thể xảy ra và làm tham mưu cho cấp ủy đảng và chính quyền địa phương. Cần nhận thức rõ : đây là những vấn đề thuộc mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân để có phương châm, nguyên tắc, biện pháp xử lý cho đúng đắn, thỏa đáng ; đồng thời cảnh giác phát hiện và đối phó với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch định chuyển hóa mâu thuẫn nội bộ nhân dân thành mâu thuẫn địch ta ; xử lý kịp thời, đúng mức bọn cơ hội, bọn côn đồ hung hãn lợi dụng để gây rối và đã có những hành động vi phạm pháp luật.

- Trên cơ sở nắm tình hình và dựa vào đơn khiếu tố của quần chúng (đã qua thẩm tra xác minh), công an các cấp cần làm ngay việc rà soát phát hiện những thiếu sót, sơ hở của ta về chính sách, chế độ ; phát hiện những người lợi dụng chức quyền tham nhũng để đề xuất kiến nghị với cấp trên giải quyết, góp phần làm trong sạch nội bộ Đảng, chính quyền ; phát hiện những nhân tố tích cực để kiến nghị với cấp ủy kiện toàn, nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu của Đảng ; phát hiện những phần tử cơ hội, bọn cầm đầu giấu mặt chỉ đạo gây rối để có biện pháp xử lý.

- Thông qua phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục nhân dân về luật pháp, chính sách, thực hiện đúng đắn quyền lợi và nghĩa vụ của công dân. Nâng cao chất lượng của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc làm nòng cốt cho cuộc vận động "đoàn kết toàn dân xây dựng cuộc sống mới" để củng cố an ninh nông thôn. ❑

Digitized by Google

CHỨC QUYỀN XÃ HỘI

NHỊ LÊ

Có thể nói, khi con người tổ chức thành xã hội theo một tôn ti trật tự thì cũng là lúc cái chức quyền xã hội xuất hiện và trở thành một trong những điều kiện có tính chất rường mối, để con người thực hiện sự tổ chức ấy theo ý mình. Nói nôm na, chức quyền xã hội là quyền lực theo chức vị của con người, xét trong hệ thống tổ chức xã hội mà con người tạo dựng, để con người tổ chức và quản lý con người trên con đường phát triển và tiến lên theo một mục đích thống nhất. Bởi vậy, chức quyền xã hội hết sức cần thiết đối với con người, nếu không nói nó là một tất yếu nhất thời, một nhu cầu bức bách đối với con người và xã hội loài người, khi con người chưa đạt tới trình độ tự quản lấy mình và tự quản xã hội một cách tuyệt vời dân chủ và tuyệt vời bình đẳng, khi xã hội loài người chưa đạt tới thế giới đại đồng.

Và vì thế, chức quyền xã hội, nếu không xem xét dưới góc độ bản chất giai cấp hay bản chất chế độ xã hội, thì cũng giống như muôn thứ do con người sinh ra theo mục đích sáng tạo của mình, không có sự tốt hay xấu một cách thuần tuý giản đơn. Bản thân nó là vậy, một cách tự nhiên nhi nhiên. Chỉ có điều, con người tạo ra và sử dụng nó ra sao, theo mục đích nào, với những chủ ý tốt hay xấu, cao thượng hay thấp hèn mà thôi. Cái họa, cái phúc, cái lợi, cái hại của con người đối với con người là bởi tại ở chính con người đối xử với con người bằng chức quyền, thông qua chức quyền xã hội.

Có người coi chức quyền xã hội là mục đích của cuộc đời họ. Họ theo đuổi, giành giật, thậm chí cướp đoạt cho kỳ được nó, bất chấp mọi thủ đoạn. Họ vu vạ, hạ nhục đối phương, kéo bè kết cánh để loại đối phương khỏi vòng đua bằng dư luận, bằng lá phiếu bầu. Họ luồn lọt, bợ đỡ, ôm chân cấp trên, thậm chí cả bằng hối lộ theo kiểu mua chức bán quyền, "móc túi chức vụ". Lịch sử quá khứ đã quá thừa những người như vậy, và hiện nay, cũng không thiếu những hạng người như thế. Điều đáng nói là, khi những hạng người này đã giành đoạt được chức quyền rồi thì cũng là lúc những người thuộc quyền của họ hứng đủ sự oan khuất, sự chà xéo, thậm chí là đại họa, từ phía họ. Và khi họ nhân danh là "công bộc" của dân, nấp dưới danh nghĩa là "đồng chí", "đồng nghiệp" để làm việc xấu thì cái đại họa do chức quyền mang đến khó mà tính hết. Đã đành, những con người và những bộ phận không ăn cánh với họ hoặc không chịu nghe theo họ, bị giáng đại họa mà tổ chức, đoàn thể do họ phụ trách cũng rơi vào tình cảnh như vậy.

Lại có người chẳng lấy cái chức quyền xã hội ấy làm trọng, coi đó chỉ là của phù vân, nước chảy mây trôi. Thương người thì làm, chán cảnh ô trọc thì về nhưng tấc lòng chẳng một phút nguôi ngoai. Tiền nhân chẳng đã có bao bậc "treo ấn từ quan" đó sao ? Cũng chẳng thiếu những bậc thà quẳng mũ cao áo đai chứ không chịu để muôn dân trong địa hạt quản lý của mình chịu khổ đau, oan nghiệt, thà trái mệnh trên để chịu chết, quyết không để người thuộc quyền mình ngậm oan, bị chà đạp. Xưa như thế và nay cũng không thiếu người như thế. Có biết bao người khi có chức quyền xã hội, lòng dạ vẫn thẳng ngay, làm hết sức mình để phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc. Dù có hàm oan mà bị cách chức, huyền chức thậm chí bị hãm hại, họ vẫn được nhân tâm cảm khái, hậu thế nâng niu. Họ mãi là những tấm gương đáng kính trọng. Chức quyền xã hội, rõ ràng, đã trở về nguyên gốc là thứ phương tiện, để con người thực hiện điều nhân, đạo nghĩa. Thực là đại phúc đối với con người, v.v.

Xem ra đủ thấy, trong mọi thứ ở trên đời và đối với con người, hiếm thấy thứ gì dễ làm tôn vinh hay tha hóa con người như thứ chức quyền xã hội. Người thì xem đó chỉ là cái để hành đức, hành đạo ; kẻ thì ngưỡng vọng, si mê như bị đớp lấy vía lấy hồn. Chức quyền xã hội, với người này là mục đích, với người kia là phương tiện ; ở đây là đại họa, ở kia là đại phúc, biến hóa khôn lường.

Nhưng lạm nghĩ, người theo nghiệp học thì nhìn thấy ở nó ánh hào quang của trình độ văn minh hay bóng tối hoang dã của con người ; người được trao chức quyền chân chính qua đây mà tổng kết những mưu lược giữ gìn thể chế, thu nạp nhân tâm, kinh bang tế thế ; kẻ tiếm chức, đoạt quyền man muội thì xin ở đấy sợi dây để tự trói mình, thậm chí để tự thắt cổ mình.❑

Digitized by Google

HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ TRONG KINH TẾ

NGUYỄN VĂN NINH *

HỘI nhập kinh tế quốc tế là một xu hướng khách quan trong thời đại ngày nay. Đối với một nước đang phát triển ở vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới càng có vai trò quan trọng hơn bao giờ hết. Sự giao lưu kinh tế quốc tế chẳng những đem lại những nguồn hàng hóa và dịch vụ phong phú của thế giới cho tiêu dùng trong nước với giá hạ, những nguồn bổ sung lớn về khoa học, công nghệ, thiết bị, máy móc, kinh nghiệm quản lý hiện đại mà còn tạo nên động lực kích thích, khơi dậy các nguồn tiềm năng sẵn có của đất nước, tạo nên bầu không khí sôi động trong đời sống kinh tế. Sau 11 năm đổi mới, vừa phát triển nội lực, vừa hội nhập quốc tế, nền kinh tế của nước ta đã đạt được một bước chuyển biến quan trọng. Từ chỗ trì trệ và khủng hoảng nó đã đạt được nhịp độ tăng trưởng nhanh và ổn định, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho nhân dân và tăng nguồn thu cho ngân sách. Đời sống kinh tế bắt đầu có sự thay đổi về chất. Bộ mặt đất nước ngày càng có dáng dấp công nghiệp, đặc biệt ở các thành phố lớn, các đô thị, các khu công nghiệp. Mở rộng thương mại và đầu tư là một nguyên nhân quan trọng, như một "cái hích" mạnh, làm sống động lại nền kinh tế đất nước, làm cho con người trở nên năng động, khẩn trương trong sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt.

Đánh giá sự hội nhập kinh tế quốc tế, người ta sử dụng công thức : tốc độ hội nhập = mức gia tăng bình quân hằng năm của thương mại quốc tế - mức gia tăng bình quân hằng năm của tổng sản phẩm thế giới. Theo công thức này, nếu trong những năm 1971 - 1985, tốc độ hội nhập của thế giới là 0,5%, trong những năm 1986 - 1995 là 2,8%, thì tốc độ hội nhập của Việt Nam ở thời kỳ 1991 - 1995 là 55,1%. Như vậy, chúng ta đã vượt tốc độ bình quân của thế giới và bằng In-đô-nê-xi-a năm 1994. Năm 1994 tốc độ ấy ở Ma-lai-xi-a là 171%, Xin-ga-po là 375%, Thái Lan là 80%, Phi-líp-pin là 77%. Tổng kim ngạch xuất khẩu bình quân hằng năm của ta trong thời kỳ 1986 - 1990 mới là 1370 triệu rúp-đô-la, thì năm 1997 ước đạt 9 tỉ USD. Tổng nguồn vốn đầu tư của nước ngoài kể từ khi có Luật đầu tư nước ngoài (12-1987) đến tháng 7-1997 đã lên tới 13,3 tỉ USD. Đạt được những thành tựu nói trên chính là nhờ Đảng và Nhà nước ta trong 11 năm đổi mới vừa qua đã vận dụng đúng đắn xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

Cùng với xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, độc lập, tự chủ cũng là một xu hướng kinh tế tất yếu của mỗi quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế làm cho các nước có sự phụ thuộc lẫn nhau nhất định về kinh tế. Cần chú ý đây là sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước về sản xuất, kinh doanh, về thị trường, về các nguồn vốn tài chính, khoa học, công nghệ, nguyên nhiên vật liệu, hàng hóa tiêu dùng nhất định. Điều đó do lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh của mỗi nước quy định. Ví dụ : những năm vừa qua, chúng ta có lợi thế về nguồn

* PGS kinh tế học

Digitized by Google

lao động dồi dào, giá rẻ, nguồn khoáng sản phong phú ; chúng ta có dầu khí, có tiềm năng lớn về lương thực, cây công nghiệp (cao su, cà phê, chè, hạt điều), hải sản, hàng công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp như vải, áo quần, giầy dép v.v.. Chúng đã trở thành nguồn vốn và nguồn hàng phong phú để ta hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới. Chúng cũng là những nhân tố quan trọng để thu hút vốn đầu tư của nước ngoài, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư trực tiếp (FDI). Dự kiến đến năm 2020 đất nước ta có đến 124 khu công nghiệp tập trung, trải rộng khắp miền Bắc, miền Trung, miền Nam, Tây Nguyên. Do đó, một mặt các nước khác phải phụ thuộc vào nước ta trên một số lĩnh vực nhất định ; và mặt khác nền kinh tế nước ta cũng phụ thuộc vào lợi thế của các nước khác, nhất là về khoa học, công nghệ, thiết bị máy móc hiện đại, nguồn vốn ngoại tệ v.v.. Sự phụ thuộc ấy không làm nhẹ hay mất đi tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế quốc gia, cũng không xâm hại đến nền độc lập, chủ quyền của mỗi nước. Trong thời đại ngày nay, khi ý thức dân tộc đang ngày một nâng cao, trong điều kiện có sự phụ thuộc lẫn nhau, thì yêu cầu về sự độc lập, tự chủ kinh tế càng có tầm quan trọng lớn lao hơn bao giờ hết trong mỗi nước và trở thành sự thách thức đối với mỗi nhà nước, mỗi đảng cầm quyền.

Một trong những thách thức nói trên hiện nay là phải đối đầu với vũ khí kinh tế mà các thế lực thường dùng như : cấm vận, tẩy chay, gây "băng giá" trong quan hệ, vũ khí lương thực, vũ khí năng lượng, vũ khí công nghệ, vũ khí tiền tệ và tài chính... Nó được thực hiện thông qua nhiều hình thức như : việc kiểm soát các trao đổi mậu dịch, sự thương lượng ngoại giao, chiến lược phong tỏa, việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ, công nghệ, tài chính để ép buộc đối phương phải chấp nhận một yêu sách nào đó. Các vũ khí kinh tế có thể làm cho nước đối phương bần cùng, mất ổn định về xã hội hoặc chính trị ; chúng cũng có thể làm cho một số nước khác bị phụ thuộc. Ví dụ "Nước Mỹ thường dùng vũ khí lương thực để đối phó với những nước đang phát triển "(1). Từ sự phân tích về vũ khí kinh tế, Giắc-cơ Phông-ta-nen và Li-li-an Ben-sa-en cho rằng : ngày nay "kinh tế trở thành một công cụ vững chắc để cưỡng bức", "kinh tế là một vũ khí ngoại giao - chiến lược", "kinh tế là một công cụ thống trị", "kinh tế là một công cụ bạo lực", "kinh tế là một yếu tố của sự xung đột đang thống trị thế giới hiện đại ; và là một phương tiện trong việc phân chia những tài nguyên giữa các công ty, các quốc gia và các tầng lớp xã hội" (2).

Các vũ khí trên có điều kiện tiến công khi chúng ta mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế. Sự tiến công này diễn ra rộng khắp trong quan hệ kinh tế đối ngoại, trao đổi mậu dịch, xuất nhập khẩu, đầu tư cơ bản... nhằm vào các cơ quan và cán bộ có quyền lực, vào Chính phủ và Nhà nước. Do đó, hiện nay Đảng ta vẫn tiếp tục nhấn mạnh nguyên tắc "độc lập, tự chủ" và khẳng định : "giữ vững độc lập, tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế". Độc lập tự chủ ở đây, không chỉ ở ý chí của Đảng, Nhà nước, của mỗi công dân, mà cơ bản nhất là nó phải được thể hiện cụ thể trong chính nền kinh tế của đất nước.

Trước hết, tính độc lập tự chủ trong kinh tế, được thể hiện ở cơ cấu kinh tế của quốc gia. Với điều kiện một nước hiện có gần 80 triệu dân và tiến tới sẽ có 100 triệu dân, nước ta phải có một cơ cấu kinh tế tương đối toàn diện. Tuy hiện tại công nghiệp nhẹ, công nghiệp hóa nông thôn là quan trọng, nhưng nền tảng của nền kinh tế phải dựa vào ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất, mà then chốt là ngành chế tạo máy móc. Do đó, từng bước chúng ta phải xây dựng các ngành này lớn mạnh, đủ sức duy trì sự tự cân đối của nền kinh tế quốc dân. Chẳng những nông nghiệp phải bảo đảm an toàn lương thực cho toàn xã hội và cho chăn nuôi phát triển, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, mà số lượng lao động nông nghiệp phải giảm xuống một cách tuyệt đối

(1), (2) Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương. Mười vấn đề lớn về kinh tế hiện đại. Trung tâm thông tin tư liệu, Hà Nội - 1995

Digitized by Google

để năng suất lao động của nền kinh tế quốc dân tăng lên. Ở nhiều nước phát triển lao động nông nghiệp chỉ chiếm từ 5 đến 15% lao động xã hội ; và một nhân công nông nghiệp nuôi được từ 50 đến 80 người. Ngành dịch vụ cũng phải thỏa mãn nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống ngày càng cao của toàn xã hội.

Thứ hai, một nền kinh tế độc lập, tự chủ phải do chính người trong nước đảm nhiệm. Người nước ngoài đầu tư và làm chuyên gia là quan trọng, nhưng vị trí quyết định phải là người trong nước. Hơn nữa, nước ta đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nên thành phần kinh tế nhà nước phải giữ vị trí chủ đạo ; và cùng với kinh tế tập thể, nó phải là nền tảng của nền kinh tế xã hội. Nền tảng này suy yếu tức là tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế suy yếu. Chính vì thế đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã nhấn mạnh trong Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương : phải "phát huy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần tự chủ, tự lực tự cường" và "phát triển lực lượng sản xuất phải đi đôi với quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội".

Thứ ba, phát triển đất nước phải dựa vào nội lực là chính, không để nguồn vốn bên ngoài giữ vị trí chủ lực. Nội lực ấy bao gồm các nguồn lực trong nước, kể cả con người, đất đai, tài nguyên, trí tuệ, truyền thống. Muốn vậy, một nước còn nghèo tất nhiên phải cần, kiệm, không thể chạy theo xã hội tiêu dùng, biến thành thị trường tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ cho bên ngoài. Về lĩnh vực này phải kể đến nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) vào nước ta : Năm 1991 FDI chỉ chiếm 16,7% trong tổng số vốn đầu tư, năm 1995 con số tương ứng lên đến 29,2%. Đó là điều đáng mừng ; nhưng mặt khác, FDI lại tham gia vào hầu khắp các ngành, mà ở những ngành đó, sản xuất trong nước lại giảm sút. Ví dụ : trong công nghiệp điện tử, vốn FDI làm tăng 35% giá trị sản lượng, còn sản xuất trong nước thì giảm 5% ; hay ngành sản xuất bột ngọt gia tăng 114,6% sản lượng nhờ vốn FDI, còn sản xuất trong nước chỉ tăng 5,7% v.v.

Thứ tư, song song với sản xuất và hiệu quả của sản xuất, mà nội lực là chủ đạo và trong nước là quyết định, thì lĩnh vực tài chính, tiền tệ giữ vai trò cực kỳ quan trọng đối với việc thực hiện phương châm : mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế trên cơ sở độc lập, tự chủ. Ngày nay ngoại tệ, nhất là đồng đô la Mỹ, giữ vai trò quan trọng trong sản xuất nhập khẩu và đầu tư của nước ngoài và tác động rất nhanh đến nền kinh tế đất nước. Nếu không giữ được một tỷ giá hợp lý, phản ánh đúng tình hình kinh tế, nó sẽ dễ phá vỡ sự cân đối của nền kinh tế quốc dân. Kinh nghiệm ở các nước láng giềng trong cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ hiện nay đã cho ta một bài học quan trọng về việc ổn định chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là chính sách tài chính, tiền tệ. Trong đó điều quyết định vẫn là ở việc phát triển một cơ cấu kinh tế quốc gia vững chắc, một nền sản xuất thực sự từ nội lực mà lên. Gắn liền với điều này là sự kiểm soát chặt chẽ việc vay nợ qua nguồn viện trợ phát triển của nước ngoài (ODA) v.v.. Đồng thời, cũng cần phải điều chỉnh hợp lý tỷ giá giữa đô la và đồng Việt Nam. Hơn nữa, Nhà nước cũng phải luôn có nguồn dự trữ ngoại tệ đủ sức duy trì sự cân đối của nền tài chính, tiền tệ quốc gia.

Thứ năm, một nền kinh tế độc lập, tự chủ phải coi trọng thị trường trong nước và bảo đảm cải thiện đời sống của toàn dân, không để một ai không được hưởng thành quả của nó. Ngoài ra còn phải bảo đảm sự công bằng xã hội, không để khoảng cách quá lớn giữa người giàu và người nghèo, giữa thành thị và nông thôn, giữa vùng này và vùng khác.

Thứ sáu, phải có một nhà nước mạnh, trong sạch, hiệu quả, đủ uy tín và lực lượng để quản lý nền kinh tế của đất nước vận động theo những xu hướng của thời đại ; đồng thời giữ vững độc lập, tự chủ, chủ quyền của dân tộc và quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Một nhà nước như thế tất nhiên phải loại trừ tham nhũng và quan liêu.❑

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH BẢO HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

TRỊNH ĐÌNH TỪ

"Người nào không hiểu được toàn bộ vấn đề lúa mì, người đó không có tư cách để trở thành nhà hoạt động chính trị" (Xô-crát).

VẤN đề lương thực nói riêng và vấn đề nông nghiệp nói chung luôn là vấn đề nóng bỏng trong toàn bộ đời sống kinh tế của hầu như tất cả các quốc gia trên thế giới, thời cổ đại cũng như đương đại, chậm tiến cũng như tiên tiến.

Cuối năm 1995, nhà khoa học Mỹ Rai-tơ Bơ-ran đưa ra một dự báo gây kinh hoàng trên thế giới : "Thế kỷ XXI, toàn thế giới sẽ có nguy cơ thiếu lương thực". Tiếp theo đó, các báo "Tin tức Mỹ và thông tin quốc tế" cũng như "Nhật báo U-ôn" đều viết : "Tình hình lương thực trên thị trường thế giới sẽ căng thẳng chưa từng có". Bộ Nông nghiệp Mỹ, cơ quan tình báo kinh tế Anh, cũng liên tiếp đưa ra những thông tin mang tính chất cảnh báo : "Trong thời gian ngắn tới đây, tình hình lương thực trên thế giới sẽ rất căng thẳng".

Trước những thông tin nói trên, một cuộc tranh luận đã diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Đại thể có mấy quan điểm chủ yếu như sau : Quan điểm thứ nhất cho rằng, nhận định của Rai-tơ Bơ-ran không có cơ sở thực tế, và do đó, không chính xác. Trong thời gian trước mắt và lâu dài, con người có thể áp dụng các biện pháp quản lý hành chính và khoa học, kỹ thuật để khống chế tốc độ tăng dân số và không ngừng gia tăng sản lượng nông nghiệp và sản lượng lương thực, bảo đảm không để xảy ra khủng hoảng lương thực. Vấn đề chỉ là ở chỗ, làm thế nào để mỗi nước đều có thể nâng cao được trình độ và khả năng khống chế nhân khẩu cũng như làm thế nào để phổ cập khoa học, kỹ thuật nông nghiệp trên phạm vi toàn cầu. Quan điểm thứ hai cho rằng, nguy cơ thiếu lương thực là có thật, nguy cơ đó hiện đã bắt đầu. Nguyên nhân dẫn đến nguy cơ này chủ yếu là tốc độ tăng nhân khẩu luôn luôn cao hơn tốc độ tăng sản xuất lương thực. Quan điểm này cũng cho rằng, mặc dù con người có thể không ngừng phát triển nông nghiệp và sản xuất lương thực, nhưng tài nguyên nông nghiệp là có giới hạn. Quan điểm thứ ba cho rằng, ý kiến của Rai-tơ Bơ-ran là không chính xác, song vẫn là một dự báo mang tính chất cảnh báo, thực chất là sự hù dọa của một số người ở các nước công nghiệp, những nước không những có công nghiệp tiên tiến mà còn có cả một nền nông nghiệp rất phát triển. Nếu có nguy cơ khủng hoảng lương thực, tai họa này trước hết rơi xuống đầu nhân dân các nước đang phát triển, nhất là những nước nông nghiệp lạc hậu. Vì vậy, cũng theo quan điểm này, thế giới cần tham khảo kinh nghiệm của các nước công nghiệp để đi đôi với công nghiệp hóa, cần đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp. Một trong những đặc trưng chủ yếu của việc phát triển nông nghiệp của các nước công nghiệp hóa là chính sách của nhà nước nhằm bảo hộ sản xuất nông nghiệp.

Các nước công nghiệp thông thường là những nước có nền kinh tế thị trường rất điển hình. Tại đây, vai trò điều tiết của thị trường len lỏi vào hết thảy mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, riêng về lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nhà nước can thiệp một cách trực tiếp, nhằm bảo đảm sản xuất nông nghiệp phát triển liên tục, ổn định. Thực tiễn kinh tế của các nước này đều cho thấy sự phát triển ổn định của nông nghiệp là điều kiện cơ bản để bảo đảm cung cấp nguyên liệu, sức lao động và lương thực cho công nghiệp, do đó, tạo điều kiện để phát triển toàn bộ nền kinh tế, ổn định toàn bộ xã hội. Tuy nhiên, trong thời kỳ đầu của sự nghiệp công

Digitized by Google

nghiệp hóa, không nước nào không dựa vào tích lũy từ nông nghiệp để phát triển công nghiệp. Do đó, cũng không nước nào trong số này không có tình trạng mất cân đối về thu nhập giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thị dân và nông dân.

Nhà kinh tế Đức Hốp-man, sau khi tiến hành khảo sát nền nông nghiệp của hơn 20 nước, đã rút ra kết luận : một thời gian sau khi các nước này tiến hành công nghiệp hóa, nền nông nghiệp lâm vào tình trạng trì trệ nghiêm trọng và kéo dài. Thời kỳ nông nghiệp trì trệ này ở Mỹ kéo dài 40 năm bắt đầu từ đầu thế kỷ XX. Ở Anh, Pháp và Đức bắt đầu từ cuối thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX và kéo dài 60 năm. Ở Nhật Bản kéo dài 50 năm. Đó là hậu quả của việc chỉ theo đuổi công nghiệp hóa, di chuyển một cách không hạn chế nguồn tài nguyên nông nghiệp, bao gồm sức lao động, vốn và đất đai, sang công nghiệp, làm kiệt quệ nông nghiệp. Đó cũng chính là nguyên nhân khiến chính phủ nhiều nước công nghiệp đã chuyển sang chính sách nhà nước trực tiếp can thiệp để phục hưng nông nghiệp. Có nhiều giải pháp bảo hộ sản xuất nông nghiệp, nhưng đáng chú ý nhất và quan trọng nhất là chính sách tăng cường đầu tư và chính sách giá bảo hộ sản xuất nông nghiệp.

Tăng cường đầu tư vào nông nghiệp, chủ yếu là nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp như thủy lợi, điện, giao thông, trồng rừng, cơ khí nông nghiệp, khí hậu thủy văn, cải tạo đất, phân bón, giống mới, và đào tạo nhân viên kỹ thuật nông nghiệp... Đó đều là những điều kiện mang tính chất tiền đề cơ bản để phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững, bảo đảm an toàn lương thực. Kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, các nước công nghiệp đều dành những khoản đầu tư ngày càng lớn để phát triển nông nghiệp. Vì vậy, các nước này, ngoài ngành công nghiệp hiện đại đều có ngành nông nghiệp rất phát triển, năng suất rất cao, sản lượng lớn, hiệu quả kinh tế tốt.

Bảo hộ sản xuất nông nghiệp bằng chính sách tăng cường đầu tư có nghĩa là vừa bảo hộ trực tiếp đối với sản xuất nông nghiệp, qua đó, cũng gián tiếp bảo hộ quyền lợi của người sản xuất nông nghiệp. *Chính sách giá* bảo hộ nông sản là giải pháp trực tiếp bảo hộ quyền lợi người sản xuất nông nghiệp. Bảo hộ quyền lợi của người sản xuất nông nghiệp là mục đích chính và là một trong những giải pháp quan trọng nhất để bảo hộ sản xuất nông nghiệp. Đây là chính sách trợ giá nông sản, hoặc gọi là chính sách giá bảo hộ sản xuất nông nghiệp. Cộng đồng châu Âu thực hiện chính sách trợ giá lương thực bằng cách căn cứ vào giá thành sản xuất của khu vực có sản lượng lương thực lớn nhất châu Âu (tại Pháp) để quy định giá chuẩn. Nếu giá thị trường thấp hơn giá chuẩn, chính phủ các nước EU có nghĩa vụ mua lương thực của nông dân theo giá chuẩn đó. Chính phủ Nhật Bản mỗi năm hiệp thương quy định giá gạo một lần, giá thị trường phải theo giá quy định đó ; giá mua gạo nội địa nói chung được quy định cao hơn gấp 6 - 8 lần so với giá gạo trên thị trường quốc tế, nhằm bảo vệ sản xuất lương thực trong nước.

Tại Mỹ, bắt đầu từ thập niên 30, chính phủ thực hiện chính sách trợ giá nông sản, bảo đảm giá nông sản cao hơn giá bình quân của thị trường. Các tổ chức thương mại nhà nước và tư nhân phải mua lương thực dư thừa của các chủ nông trại theo giá quy định của chính phủ. Từ thập niên 70, chính phủ Mỹ bãi bỏ việc thu mua lương thực theo giá quy định, chuyển sang thực hiện chính sách để cho thị trường điều tiết giá lương thực, nhưng đồng thời lại vẫn quy định một giá chuẩn, để nếu giá thị trường thấp hơn giá chuẩn thì chính phủ sẽ bù khoản chênh lệch. Năm 1985, chính phủ Mỹ thay đổi cách tính giá chuẩn, bằng cách lấy 75% giá bình quân của 3 năm gần nhất làm giá chuẩn. Như vậy, nhờ có giá chuẩn và chính sách trợ giá của chính phủ, dù giá cả trên thị trường lên xuống như thế nào, các chủ nông trại vẫn được bảo đảm thu nhập có lãi sau khi đã khấu trừ mọi chi phí giá thành. Khoản cấp bù chênh lệch của chính phủ là do Công ty tín dụng hàng hóa thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ cung cấp theo luật định. Công ty này trên thực tế, làm chức năng như là cơ quan dự trữ lương thực toàn Liên bang. Nó có nghĩa vụ thu mua lương thực của nông dân khi giá lương thực trên thị trường xuống quá thấp và cung cấp các khoản tín dụng với lãi suất ưu đãi cho nông dân và các chủ nông trại. Ở Mỹ chính sách giá chuẩn và việc bù chênh lệch được quy định thành luật và do quốc hội thông qua, chính phủ thi hành. Chính sách này có sự điều chỉnh tùy theo tình hình cung cầu qua các thời kỳ (cung vượt cầu hoặc ngược lại). Tuy

Digitized by Google

nhiên, mục đích cơ bản đều là nhằm điều chỉnh một bộ phận thu nhập từ các ngành kinh tế khác, chuyển sang cho nông nghiệp, giảm xuống mức thấp nhất chênh lệch "cánh kéo" giữa giá hàng công nghiệp và giá nông sản, hỗ trợ sự phát triển nông nghiệp, bảo đảm thu nhập của nông dân không thấp hơn thu nhập bình quân của xã hội.

Bên cạnh chính sách trợ giá nông sản là *chính sách tín dụng nông nghiệp*. Để bảo hộ sản xuất nông nghiệp, chính phủ các nước công nghiệp trực tiếp trợ vốn cho các tổ chức tín dụng hoặc cung cấp cho các tổ chức này các khoản "tín dụng bảo đảm" và "bảo lãnh tín dụng", nhằm tạo điều kiện cho chúng có thể cho nông dân vay với điều kiện ưu đãi. Cũng có trường hợp, các tổ chức của chính phủ trực tiếp cho nông dân vay. Trong tín dụng nông nghiệp, khoản cho vay để sản xuất lương thực tăng rất nhanh và chiếm tỷ trọng lớn nhất với lãi suất thấp nhất. Tại Mỹ, năm 1950, tín dụng nông nghiệp đạt 12,4 tỉ USD, năm 1979 lên tới 137,4 tỉ USD. Tín dụng nông nghiệp chiếm 40% đầu tư vào nông nghiệp hằng năm của chính phủ Mỹ. Theo luật định, các ngân hàng hợp tác nông nghiệp chịu trách nhiệm cung cấp các khoản tín dụng cho các hợp tác xã nông nghiệp và các trạm thu mua lương thực ; các ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm cung cấp tín dụng cho các công ty chuyên doanh lương thực với lãi suất có thể cao hơn của ngân hàng hợp tác, nhưng phải bảo đảm chính sách lãi suất ưu đãi đối với nông dân. Tại Pháp, năm 1974, tín dụng nông nghiệp đạt 48 tỉ phơ-răng, gấp 8 lần năm 1960, lãi suất thấp hơn 6% so với lãi suất tín dụng phi nông nghiệp. Tại Nhật Bản, các tổ chức tín dụng nhà nước cho nông dân trồng lương thực vay với lãi suất dài hạn 3,5% - 7,5% ; các hiệp hội nông nghiệp cho vay dài hạn 15 năm, lãi suất 6,5% ; trong khi đó, lãi suất tín dụng nói chung là 10,95% - 12,04%/năm.

Việc bảo hộ sản xuất nông nghiệp còn được thể hiện trong các chính sách lưu thông lương thực, xuất khẩu lương thực, tiêu dùng lương thực, cũng như trong việc thiết lập một hệ thống hoàn thiện về dịch vụ nông nghiệp trước, trong và sau thu hoạch.

Trong các nước đang phát triển, có thể Trung Quốc là nước có sự quan tâm nhiều nhất đối với chính sách nông nghiệp. Có một điều mà Trung Quốc thường nhấn mạnh là Trung Quốc chỉ có 7% đất nông nghiệp của thế giới, nhưng đã sản xuất đủ lương thực để nuôi 1/5 số dân thế giới. Tuy nhiên, báo chí Trung Quốc liên tục cho biết rằng, hiện nay sản xuất nông nghiệp của nước này đang ở vào tình trạng trì trệ, nguyên nhân cũng giống như ở một số nước công nghiệp nói trên. Sự trì trệ này thể hiện như sau : 1) Kể từ giữa thập niên 80 đến nay, chênh lệch "cánh kéo" giữa giá nông sản và giá hàng công nghiệp lại ngày càng tăng, sau khi (chênh lệch này) đã tồn tại suốt 30 năm kể từ ngày giải phóng cho đến cuối thập niên 70. 2) Trong khi đó, đầu tư của nhà nước vào nông nghiệp mỗi năm một giảm. Chỉ tính từ thập niên 80 đến nay, mỗi năm nhà nước thu của nông nghiệp từ thuế, lãi... 100 tỉ nhân dân tệ, gấp trên 10 lần số vốn do chính phủ tài trợ cho nông nghiệp. 3) Tài nguyên nông nghiệp, bao gồm vốn, sức lao động, đất đai, bị chuyển dịch mà không được kiểm soát sang các ngành phi nông nghiệp, gây ra tình trạng đất nông nghiệp bị giảm nghiêm trọng, môi trường nông nghiệp ngày càng xấu. 4) Thu nhập của nông nghiệp và của nông dân tăng lên chậm, kém xa tốc độ tăng thu nhập của các ngành và khu vực phi nông nghiệp.

Tình hình nói trên đang đặt ra những đòi hỏi cấp bách phải thay đổi chính sách "lấy nông bù công" trước đây, sang chính sách "lấy công bù nông", nhằm vực dậy nền nông nghiệp, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng nông nghiệp một cách ổn định và bền vững. Một trong những giải pháp quan trọng đã được thực hiện trong năm 1996 là việc tăng 42% giá mua lương thực so với năm 1995, coi đây là giá bảo hộ sản xuất lương thực (hiện nay Trung Quốc vẫn thực hiện hai giá lương thực, một giá do nhà nước quy định để mua lương thực của nông dân, một giá tự do). Trước đó, giá này cũng đã tăng 40% năm 1994 so với năm 1993. Việc liên tục tăng giá thu mua lương thực đã có tác dụng rất trực tiếp đối với sản xuất nông nghiệp, góp phần rất lớn ổn định đời sống, ổn định xã hội.

Tất cả những điều nói trên cho thấy, vấn đề bảo hộ sản xuất nông nghiệp đang nổi lên như là một trong những vấn đề thời sự nóng bỏng đối với nền kinh tế của mọi quốc gia dân tộc trên thế giới ngày nay.❑

Digitized by Google

CUỘC ĐẤU TRANH TOÀN CẦU*

CÂU chuyện xảy ra từ hơn 150 năm trước đây (năm 1848 - bắt đầu của kỷ nguyên công nghiệp), thời kỳ bắt đầu diễn ra sự biến đổi khí hậu, làm nóng lên các khu vực trên trái đất. Và từ đó đến nay, trái đất ngày càng bị "hâm nóng", do biến động tự nhiên của thời tiết, khí hậu và nhất là do hoạt động của con người xả ra ngày càng nhiều các chất thải độc hại.

Sự thay đổi của dòng hải lưu nóng bao quanh vùng biển Thái Bình Dương, được hiểu là hiện tượng En Ni-nô, trong năm qua đã làm rối loạn các làn gió và thay đổi chiều hướng thời tiết trên một nửa quả đất. Những trận lũ lớn chưa từng thấy trong 200 năm qua đã làm trụi trắng nhiều vùng đất rộng lớn ở các châu lục. Mưa bão đã quật nát vùng bờ biển phía Tây của Bắc Mỹ. Hạn hán kéo dài ở châu Á đã tàn phá mùa màng của Trung Quốc. Những vụ cháy rừng ở In-đô-nê-xi-a kéo dài trong nhiều tháng qua, đã tạo nên những đám mây bụi bao phủ hầu hết các nước Đông Á. Một số nhà khoa học cho rằng điều mà En Ni-nô gây ra chỉ là một màn kịch mào đầu, báo trước những gì có thể xảy ra ở quy mô toàn cầu lớn hơn, như kết quả của sự nóng dần lên của trái đất.

Các nhà khoa học từ lâu đã nhận biết được sự thải các khí gây "hiệu ứng nhà kính" có thể làm trái đất nóng dần lên. Nhưng chỉ đến hơn một thập kỷ nay, thì nhiều người mới bắt đầu lo lắng về nguy cơ này. Hiệu ứng nhà kính là kết quả hoạt động của con người trong quá trình sử dụng các loại nhiên liệu hóa thạch (dầu mỏ, khí đốt, than đá...) đã thải ra bầu khí quyển khối lượng rất lớn các chất độc hại (trong số đó, quan trọng nhất là khí đi-ô-xít các-bon - CO_2). Những khí độc này, nhốt trong không khí, có xu hướng phản xạ ánh sáng, làm trái đất nóng lên một cách dần dần.

Các nhà khoa học cho rằng trong vòng 50 năm nữa, sự phát thải đó sẽ làm cho nhiệt độ tăng từ 1,5°C đến 4,5°C. Nhiệt độ trung bình hằng năm trên trái đất 100 năm vừa qua đã tăng lên 1 độ Pha-ren-hai (1) (Fahrenheit) (°F). Nhưng theo quan điểm của các cơ quan nghiên cứu và các nhà khoa học thì thời gian tăng thêm 1 độ Pha-ren-hai sẽ ngày càng rút ngắn. Ban nghiên cứu sự thay đổi khí hậu liên chính phủ của Liên hợp quốc (Intergovernmental Panel on Climate Change - IPCC) cảnh báo rằng vào năm 2060, nhiệt độ quả đất sẽ nóng lên từ 1,8 °F đến 6,3 °F. Trong suốt 30 năm qua, cứ 10 năm khu vực này lại tăng lên 1 độ. Giờ đây các dòng sông băng ở A-la-xka và Bắc cực Xi-bia đang bắt đầu tan chảy. Điều này sẽ đẩy mực nước biển dâng cao, nhấn chìm một số miền duyên hải và những hòn đảo, là mầm họa của những trận bão lụt thế kỷ và những nguy cơ của thảm họa sinh thái. Các lục địa khác sẽ tiếp tục nóng lên. Theo Nha khí tượng Anh, từ tháng 11-1996 đến 11-1997 là thời điểm nóng kỷ lục. Trong năm 1997, hiện tượng En Ni-nô đã làm nhiệt độ trung bình trong bầu khí quyển tăng 0,43°C.

Mấu chốt của tai họa, một phần chính nằm ở các hoạt động của con người. Mỗi năm, con người đổ ít nhất 7 tỉ tấn các-bon vào bầu khí quyển. Ngày nay, khí CO_2 trong không khí nhiều hơn năm 1860 khoảng 30%. Thế giới công nghiệp cung cấp khoảng một nửa lượng khí thải trên trái đất. Khí thải tập trung nhiều nhất ở các khu vực công nghiệp nặng. Trong bản danh sách về hiệu ứng nhà kính do vệ tinh Mỹ xác định, vùng bị ô nhiễm nhất là khu vực ở biển Ban-tích, tiếp theo là bờ biển phía Tây của Hàn Quốc - nơi diễn ra quá trình công nghiệp hóa đã tạo nên những đám mây bụi của thế kỷ ở Thái Bình Dương.

Các nước phương Tây cho rằng khu vực Đông Á là nơi thải nhiều khí gây ô nhiễm, rằng vấn đề tương lai của thế giới là nằm ở châu Á. Hàn Quốc có tỷ lệ tăng trưởng nhanh nhất trong việc sản xuất CO_2 trong thế giới công nghiệp. (Họ đi đầu trong các lĩnh vực thép, hóa dầu, đóng tàu). Nếu xu hướng này tiếp tục thì đến năm 2030, đất nước với 45 triệu dân này sẽ là nước sản xuất CO_2 lớn thứ hai trên thế giới. Quá trình công nghiệp của Trung Quốc dựa chủ yếu vào than

---

* Nguồn : *Foreign Affairs*, tháng 11, 12-1997
Newsweek, 8-12-1997
Asiaweek, 5-12-1997, 19-12-1997

(1) 1°F tương đương với 0,55°C

Digitized by Google

đá. Hằng năm, các khu mỏ than của Trung Quốc xả ra khoảng 100 triệu tấn bụi than - nguyên nhân chủ yếu làm nóng lên ở các thành phố Trung Quốc. Hiện tại Trung Quốc có lượng khí thải bằng một nửa lượng khí thải của Mỹ, nhưng nếu không được kiểm soát, vào năm 2050 sẽ gấp nhiều lần nước Mỹ. Theo Viện nghiên cứu môi trường quốc gia Nhật Bản, giờ đây châu Á đang tạo 25% lượng khí CO_2, nhưng với tỷ lệ tăng trưởng hiện nay thì con số đó sẽ tăng lên 50% vào thế kỷ tới. Các nước châu Á cho rằng lỗi không phải từ phía họ mà từ quá khứ bụi bẩn của phương Tây. Lịch sử công nghiệp của châu Á quá ngắn để có thể tạo nên bất kỳ sự thay đổi nào về khí hậu toàn cầu.

Dù tranh luận thế nào thì sự thay đổi khí hậu bất thường, sự nóng lên của trái đất, sự dâng cao mực nước biển... không chỉ ảnh hưởng trước nhất đến môi trường sống và hoạt động của con người ở tất cả các châu lục ngày hôm nay, mà còn tác động sâu sắc đến 50 - 100 năm nữa.

Trong 100 năm qua, bề mặt đại dương đã dâng cao 10 in-sơ. Sự phát triển của dòng hải lưu nóng và sự tan chảy của các dòng sông băng sẽ tiếp tục đẩy mức nước biển lên cao hơn nữa. Theo tính toán của IPCC, vào năm 2050, mực nước biển sẽ dâng cao khoảng 12 in-sơ và năm 2100 mức nước biển sẽ tăng 23 in-sơ. Nước Mỹ có thể mất 10 000 dặm vuông đường biển. Nước biển dâng cao có thể làm ngập các miền đất thấp hoàn toàn so với mức nước biển như Niu Oóc-lê-ăng (New Orleans), Xan Giô-xê (San Jose), Long Bích (Long Beach), Ca-li-phoóc-ni-a (California)... và biến 40% vùng đầm lầy ở Piu-gết Xao (Puget Sound) thành đáy đại dương. Điều này không những gây ra mưa lũ bất thường, làm lở đất, mất rừng, mà còn gây những biến đổi của các hệ sinh thái, làm đảo lộn nơi cư trú tự nhiên của nhiều loài động vật. Con người cũng không thể tái sản xuất ở các khu vực ngập nước mặn của biển. Nông dân không thể dùng nước muối để tưới tiêu ruộng đồng, mùa màng. Thậm chí, các thành phố ven biển, các hòn đảo thấp có thể biến thành những hoang đảo không người sinh sống. Hơn nữa, ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm cũng tác động đến sự phát triển của các căn bệnh nhiệt đới như sốt rét, hoặc những căn bệnh truyền nhiễm từ động vật.

Thế giới nóng hơn sẽ tác động đến nông nghiệp và sản xuất lương thực - một trong những vấn đề quan trọng nhất của con người. Ở các nước phát triển, nông nghiệp cũng là lĩnh vực duy nhất chịu tác động thực tế của khí hậu tuy sự đóng góp của nó vào thu nhập quốc dân chỉ là con số phần trăm nhỏ bé (3% ở Mỹ). Nếu năng suất nông nghiệp bị giảm sút bởi sự thay đổi khí hậu thì chi phí của đời sống sẽ tăng khoảng 2 hoặc 3%, vào thời điểm thu nhập bình quân đầu người có xu hướng tăng gấp đôi. Ngược lại, các nước đang phát triển chiếm 1/2 dân số và 1/3 GNP thế giới lại chịu thiệt thòi nhiều hơn trước việc thay đổi khí hậu. Sự tác động của "hiệu ứng nhà kính" sẽ làm cho một số khu vực trở nên ẩm hơn hoặc khô hơn, nơi khác sẽ lạnh hơn hoặc nóng hơn. Nếu có ít tuyết rơi trên đỉnh Hi-ma-lay-a có nghĩa là có ít mùa xuân để tưới tắm cho các ruộng đồng ở Ấn Độ, Pa-ki-xtan, Băng-la-đét và Mi-an-ma.

Có thể lắm. Tuy vậy, vẫn có một số người lạc quan (thường trong giới kinh doanh và thế giới đang phát triển) lại tỏ ra không sốt ruột trước các hiện tượng nóng lên của trái đất : chờ đến khi chúng ta có thể biết trước một cách chính xác hơn những hậu quả của sự thay đổi khí hậu, cho đến khi loài người có nhiều khả năng và công nghệ rẻ hơn để hạn chế sự thải khí ô nhiễm, cho đến khi có nhiều người hơn thoát khỏi nghèo đói, thì môi trường mới là điều mà con người nghĩ đến. Thúc đẩy đấu tranh đối với sự thay đổi khí hậu ngay bây giờ, khi chỉ có một vài nước đạt tới mức giàu có, có thể là không công bằng. Nhưng nếu chúng ta không làm gì cả hoặc trì hoãn mỗi ngày việc thực hiện các biện pháp hữu hiệu để giảm bớt sự nóng lên của toàn cầu thì không chỉ hôm nay mà cả thế hệ mai sau sẽ tiếp tục chuốc chịu những cơn "nổi giận" của tự nhiên.

Làm thế nào để cắt giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính là mối quan tâm chung của nhiều nước trên thế giới. Cách đây 11 năm, hơn 150 đại diện các quốc gia đã dự cuộc họp ở Môn-rê-an (Montreal) (Ca-na-đa), để xác định những bước đi trong việc hạn chế khí thải, về phát triển kinh tế và kiểm soát diễn biến khí hậu. Theo tính toán của Liên Hợp Quốc, do Nghị định thư Môn-rê-an được đàm phán, việc sản xuất và phát thải khí phlo-rua các bon làm thiệt hại tầng ô dôn thế giới, đã giảm 75%. Đến Hội nghị cấp cao môi trường Ri-ô đơ Ra-nây-giô (Bra-xin) năm 1992, đã đưa ra "Công ước khung" về việc giảm khí thải các-bon với những mức quy định cụ thể. Tháng 11-1997, hơn 400 nhà khoa học, kinh tế, vật lý, người nông dân, nhà kinh doanh... đã họp ở Oa-sinh-tơn bàn về sự nóng lên của

Digitized by Google

trái đất. Mới đây, Hội nghị Ki-ô-tô (Nhật Bản) đầu tháng 12-1997 với hơn 6000 đại diện 161 quốc gia tham dự, đã đạt được một thỏa thuận trên nguyên tắc. Hội nghị đã thông qua Nghị định thư, trong đó quy định các nước phát triển và công nghiệp cam kết giảm 5,2% các khí thải gây hiệu ứng nhà kính so với mức năm 1990, hoặc 1995 vào thời điểm năm 2008 - 2012. Hội nghị cũng đạt được sự nhất trí trong việc chia các nước thành 8 nhóm với mức cắt giảm các khí này khác nhau trong vòng 15 năm tới là 7% đối với Mỹ, 8% đối với EU và 6% đối với Nhật Bản. Tuy nhiên, hội nghị vẫn còn để ngỏ vấn đề : không có sự bắt buộc đối với các nước đang phát triển.

Tuy có những khác biệt về lợi ích và trình độ phát triển, việc đạt được thỏa thuận Nghị định thư Ki-ô-tô là thành công lớn và là bước tiến đầu tiên quan trọng có ý nghĩa trong cuộc đấu tranh chống sự nóng lên của trái đất. Việc thực hiện có hiệu quả như thế nào lại là một vấn đề khác. Giữa hành độ và lời nói là khoảng cách khá xa. Nó đòi hỏi sự hợp tác, nỗ lực chung của cả cộng đồng thế giới.

Các nước phát triển cho rằng châu Á nếu tiếp tục quá trình công nghiệp hóa thì nên bắt đầu suy nghĩ về các công nghệ thải khí ít nhất. Hiện nay, một số công ty Nhật đang chuyển sang "công nghệ xanh". Công ty Tô-i-ô-ta Mô tơ (Toyota Motor) mới đây đã tung ra thị trường loại ô tô kết hợp chạy bằng năng lượng điện và xăng. Hàng chục hãng của Nhật Bản đang thầm lặng chế tạo các công nghệ chống ô nhiễm và các sản phẩm tiêu thụ tài nguyên tự nhiên thân thiện. Theo một tạp chí xuất bản ở Nhật tháng 12-1997 thì một cách cụ thể của việc đấu tranh với vấn đề nóng lên của trái đất là phát triển và đưa vào hoạt động những hệ thống tạo năng lượng dựa vào các nguồn năng lượng tự nhiên như gió, sóng biển, năng lượng mặt trời... Hiện nay, các nhà máy điện chạy bằng sức gió với tổng công suất 13 000 kW đang trong kế hoạch và hoạt động trên 35 địa điểm trên toàn nước Nhật.

Để đấu tranh chống lại sự nóng lên của trái đất, trong trường hợp xấu nhất, tỷ lệ tăng trưởng trung bình hằng năm ở châu Á có thể giảm từ 7% xuống còn 3 hoặc 4%. Điều này tạo sự khó khăn hơn đối với châu Á trong việc từ bỏ dần kiểu phát triển kinh tế dựa vào than đá, giảm sự phụ thuộc vào nông nghiệp - trụ cột duy trì sự phát triển của châu Á - và thay đổi cách sống dựa vào tự nhiên. Trong khi đó, các nước châu Á còn có các vấn đề môi trường như ô nhiễm nước và không khí, vệ sinh tồi tệ, bệnh tật và đang đối mặt với các thách thức về dân số, nghèo đói và phát triển - những điều đòi hỏi sự quan tâm trước nhất.

Đối với các nước giàu có thì việc đấu tranh chống lại sự nóng lên của trái đất vẫn còn là vấn đề ở phía trước. Năm 1991, các nước đang phát triển đã ký "Tuyên bố Bắc Kinh", theo đó các nước giàu bị chỉ trích vì gây ra hiệu ứng nhà kính, sẽ phải trả tiền nếu họ muốn các nước nghèo tham gia vào cuộc đấu tranh chống lại sự nóng lên toàn cầu. Nếu như vậy, các nước giàu sẽ phải trả rất nhiều. Tháng 11-1997 Bộ công nghiệp và thương mại quốc tế của Nhật Bản đã báo trước rằng : kế hoạch của Tô-ki-ô cắt giảm khí thải xuống còn 5% (dưới mức năm 1990) sẽ buộc nền công nghiệp cắt giảm 1,9 triệu việc làm. Riêng nền công nghiệp thép sẽ phải chi 24 tỉ đô la trong năm 2010 vào việc tinh giảm các nhà máy mới. Ở Mỹ, với mức cắt giảm 7% khí thải, thì ít nhất 150 tỉ USD sẽ bị mất mỗi năm.

Sự tính toán này không xác đáng bởi lẽ ở một số nước, vấn đề không chỉ là làm sạch hệ thống công nghệ cũ mà còn là tạo ra hệ thống công nghệ mới.

Bất kỳ chi phí nào về việc giảm bớt sự thay đổi khí hậu trong các thập kỷ tới chắc chắn sẽ do các nước có thu nhập cao phải gánh chịu. Lợi nhuận sẽ đổ vào các thế hệ tương lai của các nước đang phát triển. Do vậy, các nước công nghiệp phát triển cho rằng hoạt động đấu tranh với sự nóng lên của trái đất sẽ giống như một chương trình viện trợ nước ngoài kiểu "kế hoạch Mác-san". Vấn đề đặt ra là :

1 - Trong thời gian tới, liệu việc đổi lại đầu tư trực tiếp trong y tế, giáo dục, các nguồn nước, cơ sở hạ tầng, công nghiệp, sản phẩm nông nghiệp và kế hoạch hóa gia đình có to lớn như việc đầu tư vào giảm sự thay đổi khí hậu không ?

2 - Liệu tiền viện trợ có đổ vào sớm hơn cho những người rất cần sự giúp đỡ. Có điều gì đó không thực tế về việc bàn đầu tư 2% GNP vào các thế hệ tương lai giàu có khi hiện tại người ta không làm gì cả cho các thế hệ hôm nay - 1/3 số người sống trong tình trạng suy dinh dưỡng.

Do vậy, sự cần thiết cắt giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính không thể tách biệt sự cần thiết cải thiện kinh tế trước mắt của các nước đang phát triển.❑

NGUYỄN THỊ HOA

(Tổng thuật)

Digitized by Google

TƯ BẢN GIẢ

● ***Tư bản giả*** là tư bản không có giá trị hiện thực, chỉ có danh nghĩa về thu nhập, có quyền hưởng thu nhập. Tư bản giả tồn tại dưới hình thức chứng khoán có giá (cổ phiếu, kỳ phiếu và trái phiếu, công trái, giấy cầm đồ của ngân hàng cầm cố) và tạo khả năng cho những người có chứng khoán thu được giá trị thặng dư dưới hình thức lợi tức cổ phần hoặc lợi tức cho vay. Khác với tư bản thực tế bỏ vào sản xuất (công xưởng, nhà máy, hầm mỏ, v.v...), tư bản giả không có giá trị độc lập và không hoạt động trong quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chứng khoán có giá chỉ là bằng chứng về đầu tư tư bản hoặc về cung cấp tiền vay. Thu nhập hằng năm của người có cổ phiếu gọi là lợi tức cổ phần, còn người có trái khoán nhận được thu nhập đều đặn dưới hình thức lợi tức. Chứng khoán có giá được đem ra mua bán ở sở giao dịch chứng khoán.

Từ năm 1840 ông chủ ngân hàng Anh ở Y-oóc-sin đã có nhận xét như sau : "... không thể xác định được trong số kỳ phiếu đó, phần nào do những công việc kinh doanh thực tế tạo ra (thí dụ như do có mua bán thực sự) và phần nào đã được sinh ra một cách giả tạo (fictitions) và chỉ gồm những kỳ phiếu giả, tức là kỳ phiếu phát ra để rút về trước kỳ hạn một kỳ phiếu khác đáng lưu hành, thành thử tạo ra một tư bản giả bằng cách chỉ tạo ra những phương tiện lưu thông đơn thuần mà thôi" *. Cách phát hành các kỳ phiếu để tạo nên một hệ thống các quan hệ vay mượn nhằng nhịt đã làm cho tư bản giả tăng lên ghê gớm. Ví dụ, hôm nay tôi gửi ở ngân hàng A một triệu đồng, thì ngày mai lượng tiền đó sẽ được ngân hàng A chi ra và hình thành số tiền gửi ở ngân hàng B. Ngày kia nó lại có thể được ngân hàng B chi ra và hình thành một số tiền gửi ở ngân hàng C... Và cứ thế tiếp tục diễn ra, như vậy cái triệu đồng kia sau một loạt chuyển dịch, trao đổi từ ngân hàng này sang ngân hàng khác, từ tay người này sang tay người khác, nó có thể tăng lên mãi. Sự mua đi bán lại các cổ phiếu cũng diễn ra tương tự. Trong kinh tế học thị trường người ta cũng đã phân tích rằng các ngân hàng thương mại tiến hành kinh doanh tiền tệ, làm cho đồng tiền quay vòng và sinh sôi nảy nở, nghĩa là hệ thống ngân hàng, trong quá trình vay và cho vay đã tạo ra tiền mà không phải in thêm, tỷ lệ giữa tiền sinh sôi nảy nở này với *cơ sở tiền tệ* gọi là số nhân về tiền (hay còn gọi là hệ số khuếch đại tiền).

Việc đầu cơ ở sở giao dịch chứng khoán (mà có nhà kinh tế đã từng phát biểu rằng "kinh doanh và đầu cơ nhiều khi gắn chặt với nhau đến nỗi khó mà nói được rằng tới mức nào thì thôi không còn là kinh doanh nữa và bắt đầu từ đâu là đầu cơ") dẫn đến phân phối lại tư bản tiền tệ giữa các nhà tư bản, nó là công cụ của bọn tư bản lớn cướp đoạt những người có ít chứng khoán, đồng thời làm tăng số tư bản giả lên. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, các quan hệ kinh tế trở nên đa dạng và rất phức tạp, tư bản giả cũng tăng lên rất nhanh so với tư bản tồn tại thực tế. Sự tăng lên quá mức về tư bản giả so với tư bản thực tế đã gây ra trong lịch sử thế giới nhiều cuộc khủng hoảng chu kỳ gây tác hại ghê gớm.

Lịch sử đã chứng kiến tình trạng mất giá khủng khiếp của các chứng khoán nhà nước và các cổ phiếu trong cuộc khủng hoảng tiền tệ xảy ra năm 1847. Từ đó đến nay không thập niên nào là không có một vài cuộc khủng hoảng tiền tệ lớn nhỏ khác nhau. Sau cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Mê hi cô (năm 1994) thì gần đây nhất là vào những tháng cuối năm của năm 1997 cuộc đại khủng hoảng tiền tệ bắt đầu từ Thái Lan, Hồng Kông đã làm chấn động cả thế giới. Riêng ở Mỹ ngày 27/10/1997 chỉ số Đao-Jôn đã giảm tới 594,26 điểm, thấp hơn 7,2% so với mức sụt giảm kỷ lục (508 điểm) cách đây 10 năm. Một trong số các nguyên nhân cơ bản của hiện tượng trên là đại đa số dân Mỹ (ước tính 3/4 dân số) đều đem một phần tài sản của mình đầu tư vào thị trường chứng khoán, với hy vọng thu lợi tức cổ phần và lãi vốn. Lợi tức cổ phần thì phụ thuộc vào hoạt động cụ thể của từng công ty, còn lãi vốn là khoản chênh lệch thu lại do dự đoán chính xác về biến động trong trị giá cổ phiếu. Việc công chúng Mỹ đổ xô vào đầu cơ cổ phiếu đã tạo nên cái gọi là "hiệu ứng của cải". Suốt 15 năm nay nạn đầu cơ, đặc biệt là đầu cơ giá lên (dự đoán giá lên và quyết định mua cổ phiếu vào để sau một thời gian bán ra để thu lãi) đã đẩy giá chứng khoán tăng cao và vượt quá xa lợi nhuận thực tế mà các công ty thu được. Như vậy, cái gốc của vấn đề, chung quy lại vẫn là tư bản giả tăng lên quá cao so với tư bản thực tế. Và khi có một chấn động nhỏ ở nơi nào đó, gây ra tâm lý muốn bán tống bán tháo các cổ phiếu đi thì lập tức sẽ đẩy giá chứng khoán xuống dốc. Người ta đã thống kê được rằng số lượng chứng khoán có giá phát hành từ năm 1919 đến

---

* Những đoạn trích trong ngoặc kép là lấy từ C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994 t25, phần 1, tr : 612-613, 622, 670, 673, 675.

Digitized by Google

năm 1929 (trong vòng 10 năm) đã tăng lên 300%, trong khi cùng thời gian đó, sản xuất công nghiệp chỉ tăng lên 43%. Và những năm cuối của thế kỷ 20 này số lượng tư bản giả đã tăng lên con số khủng khiếp, gấp 30 lần số lượng tư bản thực tế.

Một trong những nguyên nhân làm cho tư bản giả tăng nhanh với gia tốc ngày một lớn là số xí nghiệp cổ phần tăng, thị giá cổ phiếu cao vọt vì lợi nhuận độc quyền tăng lên và tỷ suất lợi tức giảm xuống, số nợ của nhà nước tăng thêm.

Tiếp đến là do các quan hệ tiền tệ phát triển đã làm cho quá trình quốc tế hóa các nền kinh tế, quá trình xã hội hóa sản xuất phát triển nhanh, dẫn đến sự hình thành một thị trường thế giới, việc mua bán, đầu cơ các chứng khoán, kỳ phiếu càng trở nên rộng lớn hơn. Nhưng rút cục các nước nghèo vẫn bị các nước giàu chèn ép và bóc lột bằng chính ngay các thủ đoạn đầu cơ tiền tệ bẩn thỉu... Tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất cộng với bản chất cái vỏ bọc nhỏ hẹp của chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa làm cho tư bản giả tăng lên là biểu hiện tính chất ăn bám của chủ nghĩa tư bản ngày càng tăng. Song sự phát triển cao độ của quá trình quốc tế hóa các nền kinh tế, cộng với sự mở rộng thị trường chứng khoán cả chiều rộng lẫn chiều sâu đã làm thay đổi một cách căn bản các quan hệ xã hội. Nghĩa là sự hình thành những nhà máy của các cổ đông, những nhà máy hợp tác tạo nên một kiểu sản xuất mới là "sản xuất tư nhân không có sự kiểm soát của quyền sở hữu tư nhận"... Và điều này đúng như những dự đoán khoa học của các nhà kinh điển mác xít rằng "những sự đối kháng giữa tư bản và lao động đã được xóa bỏ trong phạm vi những nhà máy hợp tác đó, mặc dầu buổi đầu nó chỉ được xóa bỏ bằng cách biến những người lao động liên hiệp thành nhà tư bản đối với chính bản thân mình, nghĩa là cho họ có thể dùng tư liệu sản xuất để bóc lột lao động của chính họ". Tính chất hai mặt của các quan hệ tín dụng, tiền tệ dưới chủ nghĩa tư bản đã làm cho chúng, như C.Mác đã khái quát, "vừa là những kẻ lừa đảo, lại vừa là những vị tiên tri".❑

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

HỘI THẢO QUỐC TẾ VỀ ĐÀO TẠO TỪ XA

Trong khuôn khổ dự án hợp tác khoa học Việt Nam - Thái Lan về đào tạo từ xa, vừa qua tại Hà Nội, Viện Đại học mở Hà Nội cùng Trường Đại học mở Sukhothai Thamathirat (viết tắt tiếng Anh là STOU) đã khai mạc hội thảo quốc tế về đào tạo từ xa (ĐTTX) với sự có mặt của giáo sư, tiến sĩ Vũ Ngọc Hải, thứ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo, và ngài đại sứ Vương quốc Thái Lan tại Việt Nam cùng hơn 100 đại biểu gồm các chuyên gia các nhà quản lý giáo dục và đại diện một số cơ quan chức năng.

Tại hội thảo, các đại biểu cùng các chuyên gia của STOU thảo luận về những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản của phương thức ĐTTX như : tổ chức và điều hành ĐTTX, một số vấn đề về công nghệ ĐTTX như : thiết kế và viết giáo trình, sản xuất học liệu, sản xuất chương trình phát thanh truyền hình, cung cấp, phân phát giáo trình, vấn đề tuyển sinh, cơ chế kiểm tra, đánh giá kết quả v.v...

ĐTTX (distance education) là một loại hình đào tạo mới xuất hiện trên thế giới từ đầu những năm 70 gắn với sự ra đời của các trường đại học mở (open university). Với những ưu thế to lớn để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi tầng lớp nhân dân, đáp ứng sự gia tăng đột biến về nhu cầu nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội (đặc biệt là ở những nước có nền kinh tế bắt đầu cất cánh), bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục... ĐTTX đã nhanh chóng phát triển mạnh mẽ trên khắp thế giới. Ở khu vực Đông - Nam Á, STOU được đánh giá là một mô hình thành công về phát triển ĐTTX với quy mô hiện nay lên đến 200 nghìn sinh viên (trên tổng số hơn 1 triệu sinh viên của Thái Lan).

Ở nước ta, Viện Đại học mở Hà Nội (cùng Đại học mở bán công T.P Hồ Chí Minh) được thành lập năm 1993 với chức năng quan trọng là trở thành trung tâm quốc gia về phát triển ĐTTX. Những năm qua, trong điều kiện chưa có sự hỗ trợ của Nhà nước, Viện đã từng bước phát triển nhiều loại hình đào tạo : chính quy, tập trung, tại chức... nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và tạo cơ sở để phát triển ĐTTX, một phương thức đào tạo đòi hỏi đầu tư ban đầu khá tốn kém. Đến nay, bằng nỗ lực của chính mình đồng thời hợp tác với Đài Tiếng nói Việt Nam, Viện đã tuyển sinh được 3 khóa đại học ĐTTX với quy mô 10 nghìn sinh viên (trên tổng số hơn 30 nghìn sinh viên của Viện).

Là một loại hình đào tạo mới, có nhiều ưu thế và triển vọng phát triển, nhưng ĐTTX ở nước ta hiện cũng đang vấp phải nhiều khó khăn trở ngại, từ những vấn đề về quan niệm, nhận thức đến cơ chế chính sách của nhà nước và những vấn đề về lý luận cơ bản cũng như về tổ chức, điều hành, về công nghệ v.v... mà cuộc hội thảo trên đây là một đóng góp tích cực nhằm tháo gỡ, giải quyết những khó khăn này.

P.V

Digitized by Google

PETROLIMEX

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I

Petrolimex - HaNoi

Địa chỉ : **Đức Giang - Gia Lâm - Hà Nội.**
Điện thoại: **8.271400 ; 8.271841 ; FAX : 8.272432**

CHÚC MỪNG NĂM MỚI !



Nhân dịp năm mới Công ty chúng tôi xin kính chúc Quý khách hàng một năm mới an khang thịnh vượng và hạnh phúc

Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Quý khách hàng trong năm vừa qua.

Chúng tôi luôn sẵn sàng cung cấp các mặt hàng xăng dầu sáng, dầu FO, Gas hóa lỏng (LPG), các loại bếp gas, và dịch vụ lắp đặt bảo dưỡng các thiết bị xăng dầu.

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KH

Digitized by Google

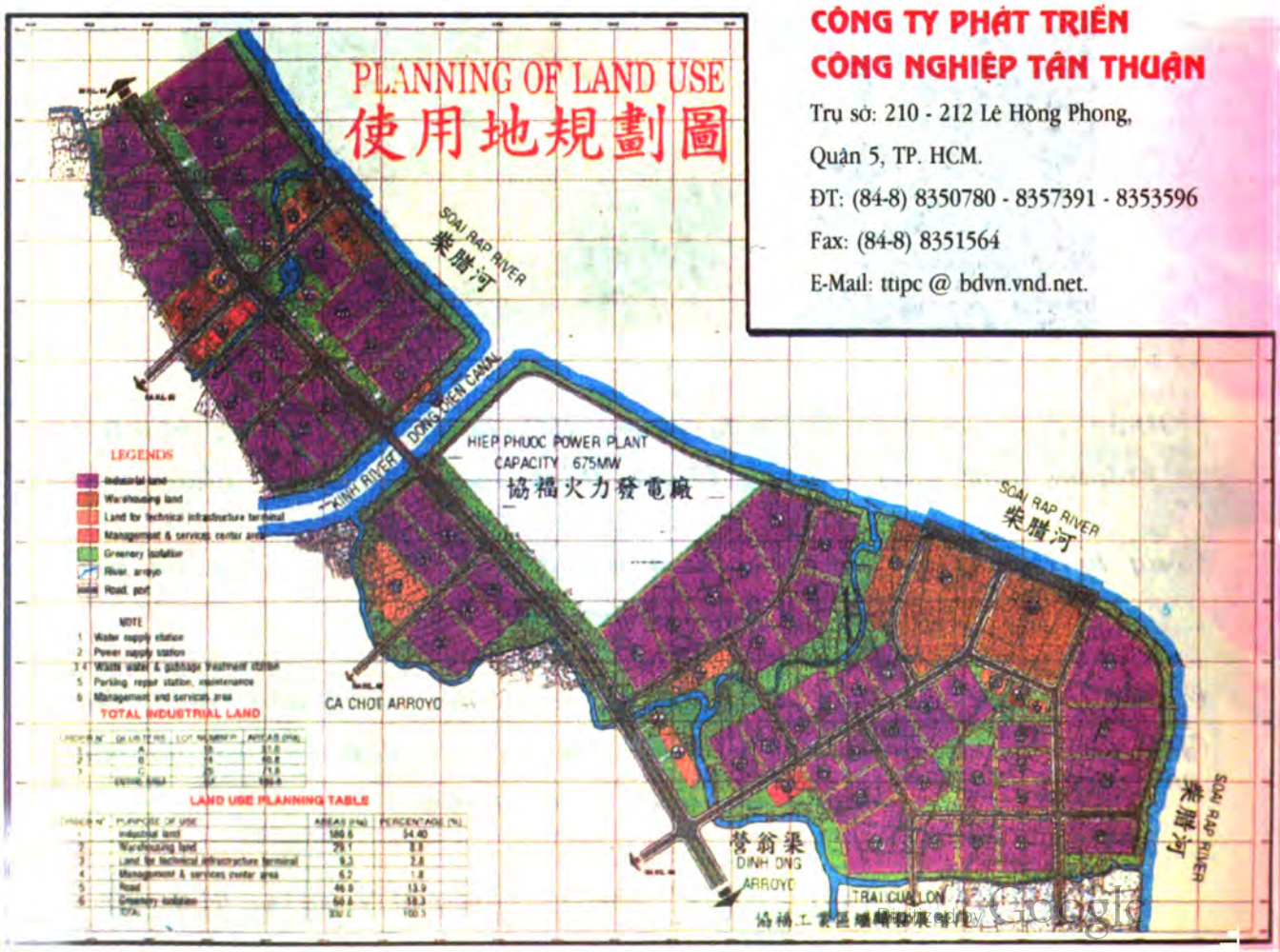
KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC ĐANG CHỜ QUÝ KHÁCH

Một cơ hội tốt cho các nhà đầu tư để xây dựng nhà máy trong khu công nghiệp (320 ha giai đoạn 1) của chúng tôi :

Nơi đây quý khách sẽ có những thuận lợi đặc biệt như :

- Chi phí đầu tư thấp.
- Phương thức thanh toán uyển chuyển, đặc biệt có chính sách riêng đối với các nhà đầu tư trong nước.
- Cung cấp dịch vụ tốt nhất cho các loại dịch vụ xin giấy phép, cơ sở hạ tầng, visa, chuyên chở...
- Rất thuận lợi cho việc vận chuyển đường sông, đường bộ, đường hàng không...
- Vị trí lý tưởng :
- Cách phi trường 20 km.
- Cách khu đô thị mới nam TP HCM 5 km.
- Cách trung tâm TP HCM 15 km.
- Là khu công nghiệp lý tưởng cho các ngành công nghiệp cơ bản và có ô nhiễm mức độ.

Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ đơn vị của chủ đầu tư:



CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TÂN THUẬN

Trụ sở: 210 - 212 Lê Hồng Phong,

Quận 5, TP. HCM.

ĐT: (84-8) 8350780 - 8357391 - 8353596

Fax: (84-8) 8351564

E-Mail: ttipc @ bdvn.vnd.net.

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÀ TÂY

TRỤ SỞ : 39 BÀ TRIỆU - THỊ XÃ HÀ ĐÔNG - TỈNH HÀ TÂY

TEL : 034 - 824483 FAX : 84.34824817



- Có 14 NHNo và PTNT huyện, thị xã - 24 NHNo loại 4 và 70 ngân hàng lưu động nông thôn
- Được thành lập theo QĐ số 280 ngày 15-10-1996 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Thành tích : Năm 1995 được tặng thưởng huân chương lao động hạng 3 của Chủ tịch nước. Năm 1996 là đơn vị lá cờ đầu toàn nghành Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

- Nhận tiền gửi các loại và phát hành kỳ phiếu có mục đích bằng tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ USD.
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn bằng tiền VNĐ và ngoại tệ USD với tất cả các thành phần kinh tế, lãi suất cho vay theo đúng khung nhà nước quy định.
- Cho vay các nguồn tài trợ IE, WB... để phát triển sản xuất kinh doanh tạo lập công ăn, việc làm đối với các thành phần kinh tế.
- Hùn vốn liên doanh liên kết bằng tiền VNĐ và ngoại tệ
- Các dịch vụ kinh doanh vàng bạc, mua bán thu đổi ngoại tệ, dịch vụ cầm đồ, TD thuê mua
- Chuyển vốn và tiền mặt nhanh chóngtoàn quốc bằng hệ thống máy vi tính hiện đại

Sự lớn mạnh không ngừng của chi nhánh NHNo & PTNT Hà Tây trong hoạt động ngân hàng là niềm tin của các doanh nghiệp, của mỗi gia đình trong sản xuất kinh doanh.



Quý khách đến với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tây sẽ hài lòng vì :

"TIỀN GỬI BẢO ĐẢM CHU CHUYỂN VỐN NHANH, VAY VỐN THUẬN LỢI, CÁC DỊCH VỤ PHONG PHÚ, ĐA DẠNG PHÙ HỢP VỚI YÊU CẦU CỦA MỌI LOẠI HÌNH KINH TẾ VÀ CÁC TẦNG LỚP DÂN CƯ"

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG

HEAD OFFICE : 21 TRAN HUNG DAO St., SOC TRANG TOWN, SOC TRANG PROVINCE

TELEPHONE : (079) 822825; FAX : (079) 822828

● **CHUYÊN NGÀNH TRONG :**

- Đầu tư trồng trọt - và mua mía đường
- Sản xuất - nhập - xuất khẩu sản phẩm mía đường và phụ phẩm
- Nhập khẩu, nguyên vật liệu, thiết bị để sản xuất mía đường - và nuôi trồng cây mía

● **ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC (CHI NHÁNH)**

Nhà máy tinh lọc đường ở Sóc trăng. Địa chỉ Liên tỉnh 6 - Cầu Tân Thanh - Ấp 7 - Phường 8 - Tỉnh Sóc Trăng - ĐT (079) 824304

● **CHUYÊN SẢN XUẤT :**

Chế biến đường cát trắng TCVN 1695 - 87 tiêu chuẩn với công xuất 18000 tấn 1 năm và 1000 tấn mía đường 1 ngày

Chế biến sản phẩm đường, phụ phẩm rượu công nghệ - giải khát, bánh - kẹo



● **SPECIALIZES IN :**

- Investing in planting and purchasing sugar canes.
- Producing, importing, exporting sugar products and by-products.
- Importing materials, equipment, accessories for sugar production and sugar cane plantation.



● **AFFILIATED UNIT :**

SOC TRANG SUGAR REFINERY :

Add : Provincial Route 6 (Tan Thanh bridge), hamlet 7, ward 8, Soc Trang town
* Tel : (079) 824304.

● **SPECIALIZES IN :**

- Producing white sugar of TCVN 1695 - 87 standard with capacity of 18,000 tons/year (1,000 tons of sugar canes/day).
- Producing sugar by-products (industrial alcohol, soft drink, confectionery...).





Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG

ĐỊA CHỈ : 18 TRẦN PHÚ ĐÀ LẠT ĐIỆN THOẠI : (063) 822219 - 822348 FAX : (063).823567

MẠNG LƯỚI BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG ĐÃ ĐƯỢC
HIỆN ĐẠI HÓA VÀ ĐỒNG BỘ
100% BƯU ĐIỆN HUYỆN - THỊ XÃ
VÀ BƯU ĐIỆN KHU VỰC ĐƯỢC LẮP ĐẶT
TỔNG ĐÀI ĐIỆN TỬ



Sẵn sàng phục vụ và thỏa mãn mọi nhu cầu về Bưu Chính - Viễn Thông.



Ngoài các dịch vụ truyền thống, còn có các dịch vụ mới :

- *Fax.*
- *Nhắn tin toàn quốc.*
- *Điện thoại di động.*
- *Điện hoa (Chúc mừng, chia buồn).*
- *Giải đáp thông tin kinh tế xã hội* (108).
- *Dịch vụ chuyển phát nhanh* (EMS).
- *Dịch vụ chuyển tiền nhanh.*
- *Thư điện tử.*
- *Và nhiều dịch vụ của tổng đài điện tử* (EWSD).
- *Dịch vụ* INTERNET.

Rất hân hạnh được phục vụ quý khách.

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP ĐƯỜNG SẮT KHU VỰC III

- Địa chỉ : 136 đường Hàm Nghi - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 8.290.198 - 8.230.105 - 8.230.106
- Fax : (84.8) 8.225.722



- Thành lập theo QĐ số 366/QĐ/TCCB-LĐ ngày 09-03-1989 của Bộ Giao thông Vận tải
- Là doanh nghiệp vận tải đường sắt Khu vực, thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam
- Có chiều dài quản lý trên 630 km đường sắt thống nhất Bắc - Nam, từ km 1096 đến km 1730, gồm có 55 ga, kể từ ga Tân Vinh đến ga Sài Gòn

Nhận vận chuyển hành khách, bao gởi hàng hóa nguyên toa, hàng lẻ liên tuyến, địa phương và khách du lịch trong - ngoài nước.

Liên hợp hiện có 15 đơn vị - xí nghiệp thành viên làm công tác vận tải và phục vụ vận tải đường sắt.

Chúc Mừng Quý Khách Một Năm Mới
AN KHANG - THỊNH VƯỢNG



Đ/C BÙI VĂN SƯỚNG THỨ TRƯỞNG BỘ GTVT TẶNG HCLĐ HẠNG 3 CHO XN LHVTĐS KV3

NHÀ MÁY ĐÓNG TÀU BẠCH ĐẰNG

BACH DANG SHIPYARD



- Giam đốc : Kỹ sư PHẠM ĐÌNH ĐÁ
- Director : Eng PHAM DINH DA

- ĐỊA CHỈ : 3 Phan Đình Phùng, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
- PHONE : 42782 - 42677 - 42771
- TELEX : 31.1264 BDSY ○ FAX : 84.31.842282

Nhà máy đóng tàu Bạch Đằng ở bên bờ sông Cấm, gần trung tâm thành phố Hải Phòng, với diện tích 30ha và số cán bộ công nhân viên là 2.000 người.
Nhà máy chuyên đóng mới, sửa chữa các phương tiện thủy, nhận gia công và chế tạo cơ khí.



Hạ thủy tàu đi biển 1.000 tấn (Trường Sa 18)



Tàu của Công ty VOSCO đang đưa vào ụ nổi của nhà máy để sửa chữa

1 ĐÓNG MỚI CÁC PHƯƠNG TIỆN THỦY

- Các loại tàu chở hàng khô, tàu chở dầu, tàu chuyên dùng, tàu tuần tiễu, tàu chiến, tàu viễn dương, xà lan vận tải biển viễn dương có trọng tải đến 10.000 DWT - Các loại tàu kéo và tàu dịch vụ kỹ thuật - Tàu hút bùn và các loại tàu công trình - Tàu đánh cá 150HP - 3.000HP - Tàu khách và tàu du lịch cao cấp - Cần cẩu nổi có sức cẩu từ 600-1.000 tấn - Tàu tuần tra, tàu chiến, du thuyền, tàu bằng chất liệu composite.

2 SỬA CHỮA CÁC LOẠI TÀU VÀ PHƯƠNG TIỆN NỔI TRÊN Ụ NỔI ĐẾN 10.000DWT, Ở BẾN ĐẾN 30.000 DWT.

3 CHẾ TẠO CÁC THIẾT BỊ LẮP TRÊN TÀU VÀ SÀ LAN

- Máy kéo neo và neo - Các loại xích neo tàu đến cỡ 060mm - Hệ thống trục máy chính và chân vịt có công suất đến 4.000HP - Các loại bơm, van, cửa kính nước, máy lái điện, cần cẩu tàu thủy ...- Cung cấp các loại phôi đúc, rèn, gia công chế tạo các chi tiết cơ khí, các kết cấu kim loại.

4 DỊCH VỤ - GIA CÔNG CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ

- Kiểm tra chất lượng thiết bị xích neo và vật liệu đóng tàu bằng máy siêu âm, phân tích hóa học, kiểm tra kim tương và các tính năng cơ giới của kim loại và chi tiết máy. Sửa chữa dịch vụ tàu tại cảng - Có xưởng sản xuất oxygène, acéthylène (đất đèn), xưởng ngâm tẩm chống mối mọt gỗ, sấy gỗ bảo đảm chống cháy theo quy phạm tàu biển, sẵn sàng cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu. Sản xuất kết cấu thép có khối lượng, trọng lượng lớn.

5 CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Theo yêu cầu của khách hàng, theo quy phạm và các công ước hàng hải quốc tế. Có chế độ bảo hành thích đáng.
Nhà máy đã giành được sự tín nhiệm nhiều năm của khách hàng.
Nhà máy sẵn sàng liên doanh, liên kết với các cá nhân và các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để thực hiện các đơn đặt hàng và cùng đầu tư phát triển sản xuất.

Google

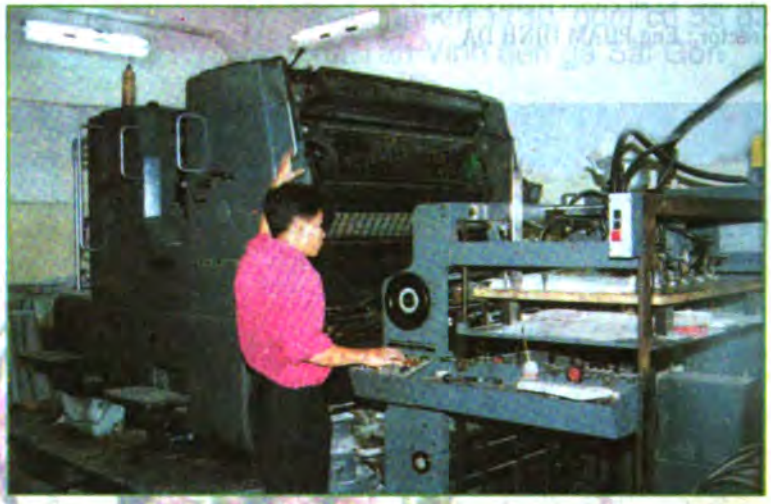
NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN

30 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN





NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 2000



Với hệ thống thiết bị chế bản và máy in 4 màu hiện đại, đáp ứng mọi yêu cầu sản phẩm in, chất lượng cao

CHẤT LƯỢNG - HIỆU QUẢ - TIN CẬY

Địa chỉ : 38 Bà Triệu, Hà Nội - Điện thoại : 8267244 - 8255778

Digitized by Google

Công ty liên doanh MOSFLY VIỆT NAM

Kính Chúc Quý Khách

NĂM MỚI AN KHANG - THỊNH VƯỢNG

MOSFLY

DŨNG SĨ DIỆT CÔN TRÙNG



HIỆU QUẢ - AN TOÀN - TIỆN DỤNG

LÀ MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU CỦA MOSFLY

CÔNG TY KHAI THÁC ĐÁ & VLXD HÓA AN

- *Địa chỉ* : *Hóa An - Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai*
- *Điện thoại* : *(061) 859.458* *Fax : (84.61) 859.754*

Chuyên sản xuất đá xây dựng các loại :

* ĐÁ 1x2 * ĐÁ 4x6 * ĐÁ HỘC * GẠCH BLOCK





Hân hạnh được đón tiếp Quý khách hàng

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Digitized by Google

5/30

CIENCO 6

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 6

TRỤ SỞ CHÍNH : 55A Pasteur, Q.1, TP. HCM - ĐT : 8.299829 - 8.293868 - Fax : 84.8.8299475

Tài khoản : 02.0122 Ngân hàng đầu tư và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Với 20 Công ty thành viên hạch toán kinh tế độc lập và 3 doanh nghiệp thành viên hạch toán kinh tế phụ thuộc, CIENCO 6 hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chủ yếu:

- Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước.
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng.
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và kết cấu bê tông đúc sẵn.
- Sửa chữa phương tiện, thiết bị thi công và gia công dầm thép, kết cấu thép, sản phẩm cơ khí khác.
- Cung ứng, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải.
- Vận chuyển hành khách bằng taxi, xe buýt, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng.
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông.
- Xuất khẩu lao động.
- Kinh doanh nhà, đất, khách sạn, và các dịch vụ khác.
- Kinh doanh tiền tệ.





NĂNG LỰC SẢN XUẤT

- Xây dựng cầu	1.500-3.000m/năm
- Bến cảng nước sâu	600-1.200/năm
- Mặt đường bê tông nhựa	120km/năm
- Đường băng sân bay	5km/năm
- Dầm, cọc, cấu kiện bê tông	30.000-50.000m³/năm
- Sản xuất đá	500.000-1.500.000m³/năm
- Đóng mới phương tiện thủy	10.000T/năm
- Kết cấu thép	1.500T/năm
- Đóng cọc bê tông	800md/ngày
- Cung cấp bê tông tươi đến công trình	1.000m³/ngày
- San lấp mặt bằng	45.000m³/tháng
- Xây dựng công nghiệp dân dụng	10.000m²/năm
- Vận chuyển hành khách (Vinataxi)	700.000 lượt người/ngày

Tổng công ty xây dựng CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 6

Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CÔNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 4000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
APR 06 1998
CURRENT SERIALS

4
2-1998

Digitized by Google

DETETOUR

TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ DU LỊCH

Corporation for Development of New Technology and Tourism



Tel : (84.4) 8561097
8561749
Fax : (84.4) 8562135

Tổng Công ty Phát triển Công nghệ và Du lịch là doanh nghiệp nhà nước được thành lập lại theo Nghị định 90/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty gồm :

❶ *Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực điện tử, điện lạnh, công nghệ thực phẩm và các phương tiện giao thông vận tải.*

❷ *Trực tiếp xuất, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất khẩu hàng hóa.*

❸ *Tổ chức tư vấn đầu tư du lịch trong và ngoài nước. Kinh doanh khách sạn và văn phòng cho thuê.*

❹ *Thiết kế xây dựng công trình du lịch và dân dụng.*

❺ *Dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế và các nghành nghề khác có liên quan đến du lịch.*

❻ *Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới vào phát triển sản xuất thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.*

Từ khi thành lập đến nay, DETETOUR luôn là bạn hàng tin cậy của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. DETETOUR đã và đang có quan hệ thương mại, hợp tác đầu tư với các bạn hàng hơn 30 nước trên thế giới.

DETETOUR luôn lấy chất lượng và chữ "tín" làm trọng, coi đó là yếu tố cơ bản để phát triển.



Với tiềm lực kinh tế và đội ngũ cán bộ quản lý, khoa học kỹ thuật đa dạng của mình, DETETOUR mong muốn là bạn hàng tốt của tất cả các bạn trong và ngoài nước.

ĐỊA CHỈ : 1A LÁNG HẠ
HÀ NỘI - VIỆT NAM

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 538 — THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

4
2-1998

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	NGUYỄN TẤN TRỊNH - Phát triển kinh tế biển nước ta theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	3
	TÒNG THỊ PHÓNG - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ở Sơn La	8
	PHAN THANH PHỐ - Xây dựng quan hệ sản xuất trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	13
	HÀ QUANG NGỌC - Đổi mới cơ cấu cán bộ công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước	17
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	VŨ HIỂN - Phải chăng đổi mới đã cạn kiệt nguồn lực ?	21
	HÀ XUÂN TRƯỜNG - Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa	24
	NGUYỄN ĐĂNG THÀNH - Những rạn nứt lớn trong xã hội tư bản	28
	NGUYỄN TÀI THƯ - Truyền thống nho học và việc xây dựng con người trong giai đoạn mới	32
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	HỒ XUÂN MÃN - Đảng bộ Thừa Thiên - Huế tổ chức nhân dân phê bình cán bộ, đảng viên	36
	PHẠM VĂN KHÁNH - Đội ngũ cán bộ Tây Nguyên	39
	NGÔ KIM NGÂN - ĐOÀN ĐÀN - Xóa đói giảm nghèo ở vùng nông thôn ngoại thành TP Hồ Chí Minh	42
	TRẦN HỮU ỨNG - Hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm, một yêu cầu bức xúc	46
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	MAI NINH - Đưa cuộc sống vào nghị quyết	51
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	HOÀNG ĐÌNH PHU - Xu thế phát triển giáo dục - đào tạo trong những thập niên đầu thế kỷ XXI	52
	LA CÔN - Toàn cầu hóa và chủ nghĩa tư bản	56
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	Chủ nghĩa tư bản không thể khắc phục những mâu thuẫn cơ bản và thường xuyên của nó	59

Ảnh : **TTXVN**

Bìa 1 : *Múa rồng trong ngày hội xuân ở Đống Đa, Hà Nội*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ТАН ЧИНЬ - Развивать морскую экономику нашей страны по направлению индустриализации и модернизации. ТОНГ ТХИ ФОНГ- Индустриализация и модернизация сельского хозяйства и деревни провинции Шон Ла. ФАН ТХАНЬ ФО - Формирование производственных отношений на этапе интенсифицированной индустриализации и модернизации в нашей стране. ХА КУАНГ НГОК - Обновление структуры номенклатурных работников в государственных административных органах. ВУ ХИЕН - Правда ли что обновление уже исчерпывается ? ХА СУАН ЧЫОНГ - Социалистический реализм. НГУЕН ДАНГ ТХАНЬ - Большие трещины внутри капиталистического общества. НГУЕН ТАЙ ТХЫ - Традиционное конфуцианское учение и дело формирования нового человека на новом этапе. ФАМ ВАНЬ ХАНЬ - Контингент кадров Тау Нгуена. НГО КИМ НГАН - ДОАН ДАН - Устранение голода и уменьшение бедности в сельских предместях города Хо Ши Мина. ЧАН ХЫУ ЫНГ - Международная интеграция в борьбе за предотвращение и сопротивление преступлений - неотложное требование. ХОАНГ ДИНЬ ФУ - Тенденция развития образования и подготовки в первые декады 21ого века. ЛА КОН - Глобализация и капитализм.

CONTENTS

NGUYỄN TẤN TRỊNH - Developing marine economy of our country in the direction of industrialization and modernization. TÒNG THỊ PHÓNG - Industrialization and modernization of agriculture and rural areas in Sơn La province. PHAN THANH PHÔ - Formation of production relations in the period of accelerating industrialization and modernization of the country. HÀ QUANG NGỌC - Renovation of the structure of civil employee contingent in the State administrative organs. VŨ HIỀN - Is it true that the renovation has been exhausted ? HÀ XUÂN TRƯỜNG - Socialist realism. NGUYỄN ĐĂNG THÀNH - Big cracks in the capitalist society. NGUYỄN TÀI THƯ - Traditional Confucius doctrine and the formation of new man in the new period. PHẠM VĂN KHÁNH - Cadre contingent of Tây Nguyên. NGÔ KIM NGÂN - ĐOÀN ĐÀN - Famine eradication and poverty reduction in suburban areas of Ho Chi Minh City. TRẦN HỮU ỨNG - International cooperation for criminal prevention and resistance - an urgent demand. HOÀNG ĐÌNH PHU - Tendency of education and training development in the first decades of the 21st century. LA CÔN - Globalization and capitalism.

SOMMAIRE

NGUYỄN TẤN TRỊNH - Développer l'économie maritime de notre pays selon l'orientation d'industrialisation et de modernisation. TÒNG THỊ PHÓNG - L'industrialisation et la modernisation de l'agriculture et de la campagne à Sơn La. PHAN THANH PHÔ - L'édification des rapports de production dans la période d'accélération de l'industrialisation et de la modernisation. HÀ QUANG NGỌC - Renouveler la structure de fonctionnaires dans les institutions administratives d'Etat. VŨ HIỀN - Les ressources du renouveau ont-elles tari ? HÀ XUÂN TRƯỜNG - Le réalisme socialiste. NGUYỄN ĐĂNG THÀNH - Les grandes cassures dans la société capitaliste. NGUYỄN TÀI THƯ - Les traditions confucéennes et l'édification de l'homme dans la nouvelle étape. PHẠM VĂN KHÁNH - Le contingent de cadres au Tây Nguyên. NGÔ KIM NGÂN - ĐOÀN ĐÀN - Liquider la faim et réduire la pauvreté à la campagne périphérique de Hồ Chí Minh-ville. TRẦN HỮU ỨNG - La coopération internationale dans la lutte contre la criminalité - une demande urgente. HOÀNG ĐÌNH PHU - La tendance du développement de l'éducation et de la formation dans les premières décennies du XXIe siècle. LA CÔN - La mondialisation et le capitalisme.

SUMARIO

NGUYỄN TẤN TRỊNH - Desarrollar la economía marítima en Vietnam a la orientación de industrialización y modernización. TÒNG THỊ PHÓNG - Industrializar y modernizar la agricultura y el campo en Son La. PHAN THANH PHÔ - Edificar la relación de producción en el perisodo de impulsar la industrialización y modernización en Vietnam. HÀ QUANG NGỌC - Transformar la estructura de funcionarios en los órganos administrativos estatales. VŨ HIỀN - ¿ Ha agotado de fuerza la renovación ?. HÀ XUÂN TRƯỜNG - El realismo socialista. NGUYỄN ĐĂNG THÀNH - Las grandes grietas en la sociedad capitalista. NGUYỄN TÀI THƯ - La tradición confucianista y la formación del hombre en el nuevo periodo. PHẠM VĂN KHÁNH - El contingente de cuadros en Tay Nguyen. NGÔ KIM NGÂN - ĐOÀN ĐÀN - Abolir la hambruna y disminuir la pobreza en las áreas rurales de las afueras de Ciudad Ho Chi Minh. TRẦN HỮU ỨNG - La cooperación internacional en la lucha y prevención contra los delitos, una demanda apremiante. HOÀNG ĐÌNH PHU - La tendencia del desarrollo de la educación - formación en las primeras décadas del siglo XXI. LA CÔN - Globalización y capitalismo.

目录

•阮晋郑：按工业化、现代化方向发展我国海洋经济•从氏放：山萝省实现农业和农村工业化、现代化•潘青浦：在推动工业化、现代化的时期中建设我国的生产关系•何光玉：对国家行政机构职工干部结构进行改革•武贤：是否革新已枯竭源力？•何春长：社会主义现实主义•阮登成：资本主义社会中的裂痕•阮才书：儒学传统与新阶段的人的建设•范文庆：西原的干部队伍•吴金银和段潭：对胡志明市郊区农村地区进行消饥减贫•陈友庙：与国际合作进行防、反罪犯的斗争是迫切的要求•黄亭夫：二十一世纪数十年教育培训工作的发展趋势•罗昆：全球化与资本主义

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN NƯỚC TA THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

NGUYỄN TẤN TRỊNH *

Việt Nam là một quốc gia ven biển. Với diện tích rộng gấp ba lần lãnh thổ trên đất liền, biển và thềm lục địa có vị trí cực kỳ quan trọng trong phát triển kinh tế, giữ vững an ninh - quốc phòng. Do vậy, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên biển phục vụ cho quốc kế dân sinh phải trở thành một chiến lược lâu dài của đất nước ta.

I - Tình hình phát triển kinh tế biển

Qua hơn 10 năm đổi mới, kinh tế biển nước ta đã hình thành được một số ngành kinh tế mũi nhọn có tốc độ tăng trưởng nhanh (thủy sản, dầu khí) ; đến năm 1995, các ngành kinh tế biển đã tạo ra được 27,8% GDP cả nước (nếu tính theo các tỉnh, thành phố có biển thì tỷ lệ này là 59,2%), thu hút được 8,5 triệu lao động, đóng góp gần 50% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Tuy nhiên, nếu đi sâu vào phân tích tình hình kinh tế của một số ngành, chúng ta thấy, bên cạnh mặt mạnh còn có những vấn đề nổi cộm cần có biện pháp khắc phục :

Trước hết là ngành dầu khí : Tuy sản lượng dầu khai thác tăng liên tục, đến nay đã đạt trên 50 triệu tấn, việc tiêu thụ thuận lợi, nhưng công nghiệp lọc và hóa dầu ra đời chậm, hạn chế hiệu quả của ngành. Và để bảo đảm sản lượng khai thác dài lâu, đòi hỏi phải có nguồn vốn đầu tư lớn, nhất là cho công tác tìm kiếm, thăm dò. Về khí, mặc dù vấn đề khai thác đã được giải quyết một bước, nhưng khó khăn nhất vẫn là thị trường tiêu thụ khí chưa được xác định rõ, gây bị động trong việc lập kế hoạch phát triển công nghiệp khí và thu hút vốn đầu tư vào việc tìm kiếm, thăm dò tiếp theo. Trong khi đó, thị trường dịch vụ trong nước và ngoài nước đối với các hoạt động dầu khí còn rất hạn chế, chủ yếu mới tập trung vào các dịch vụ ta có lợi thế ; các dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao, có giá trị lớn vẫn do các nhà thầu nước ngoài nắm.

Thứ hai là ngành thủy sản : 10 năm qua có chuyển biến với nhịp độ khá, nhất là trong nuôi trồng và xuất khẩu. Sản lượng khai thác hằng năm tăng 4,6 - 5,5%, kim ngạch xuất khẩu tăng 22 - 25%/năm (năm 1997 đạt 765 triệu USD).

Phương tiện khai thác tuy đã được tăng cường cả số lượng và chất lượng, theo chiều hướng tích cực nhưng vẫn chưa ổn định và chưa đủ thay đổi cục diện đánh bắt và nuôi trồng hiện nay. Do vậy, hoạt động đánh bắt chủ yếu vẫn tập trung ven bờ làm cho nguồn lợi có dấu hiệu suy giảm. Đã vậy vừa qua cơn bão số 5 đã phá hủy trên 6 000 tàu thuyền, làm suy yếu nghiêm trọng lực lượng đánh bắt, phải mất nhiều năm, nhiều công của mới phục hồi và phát triển được.

Hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ cho nghề cá còn yếu và thiếu. Công nghiệp chế biến phần lớn cũ và lạc hậu về công nghệ, giá trị gia tăng của sản phẩm qua chế biến chưa cao, sản phẩm chưa có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường thế giới.

Thứ ba là giao thông vận tải : Nước ta hiện có hơn 70 cảng nhưng vừa không đồng bộ, vừa thiếu cảng nước sâu ; cảng chuyên dùng, nhất là

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban thường trực Ban kinh tế Trung ương

Digitized by Google

cảng con-te-nơ. Hệ thống cầu đường ra vào cảng phần lớn chưa phù hợp với yêu cầu vận chuyển hàng qua cảng, nhất là hàng và phương tiện có trọng tải kích cỡ lớn. Quy mô cảng biển nước ta rất nhỏ và đang bị xuống cấp, hạn chế các loại tàu lớn vào làm hàng. Công nghệ quản lý cảng lạc hậu ; hệ thống bảo đảm hàng hải và thông tin duyên hải chưa đạt tiêu chuẩn quốc tế. Công nghiệp đóng và sửa tàu, kinh doanh vận tải biển phân tán, lạc hậu, công suất huy động còn rất thấp. Đội tàu còn nhỏ bé lại ở trong tình trạng xuống cấp, tổng trọng tải chưa đến 1 triệu tấn, mới đảm nhận được 10% lượng hàng xuất nhập khẩu bằng đường biển và 5 - 7% tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển trong nước.

Thứ tư, ngành du lịch biển là ngành có rất nhiều tiềm năng, có đến 70% tài nguyên du lịch tập trung ở vùng biển và ven biển, thu hút 60 - 70% lượng khách du lịch hằng năm. Ngành du lịch vẫn chưa được quy hoạch và đầu tư phát triển tương xứng với tiềm năng. Cả nước chưa có được một khu du lịch nào đạt trình độ quốc tế. Một số điểm du lịch biển quan trọng và có tiềm năng thì cơ sở vật chất lại yếu kém, đang xuống cấp và có nguy cơ bị ô nhiễm do các hoạt động kinh tế gây ra như vịnh Hạ Long, Vũng Tàu, Đồ Sơn. Bên cạnh hệ thống cơ sở hạ tầng yếu kém và không đồng bộ là đội ngũ cán bộ, công nhân viên còn yếu về nghiệp vụ, chưa được đào tạo có hệ thống theo trình độ quốc tế. Đây là một trở ngại đối với sự phát triển của ngành du lịch biển.

Thứ năm, nông – lâm nghiệp và nghề làm muối ven biển đã có bước phát triển khá hơn, nhưng đời sống của nhiều vùng dân cư ven biển vẫn còn khó khăn, nhất là các vùng bãi ngang. Trồng rừng ven biển, đảo đã đạt một số kết quả, nhưng nhiều khu rừng ngập mặn, ngập phèn bị tàn phá mạnh, ảnh hưởng đến môi trường, môi sinh. Người làm nghề muối vẫn còn khó khăn, đời sống thấp. Chất lượng muối chưa đủ điều kiện làm nguyên liệu công nghiệp.

Thứ sáu, công nghiệp ven biển có khởi sắc, hằng năm tạo ra 70% giá trị sản lượng, thu hút 50% lao động toàn vùng, đã hình thành được 18 khu công nghiệp tập trung. Các ngành năng lượng - nhiên liệu, chế biến nông - lâm - thủy sản có xu thế phát triển. Các ngành quan trọng như cơ khí đóng, sửa chữa tàu thủy, cơ khí chế tạo, điện năng, luyện kim đen... lại chậm phát triển. Tiểu thủ công nghiệp truyền thống đang được phục hồi nhưng thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn.

Thứ bảy, kinh tế tuyến đảo còn nhiều bất cập. Với trên 3 000 đảo lớn nhỏ, chúng ta mới tập trung xây dựng được 10 huyện đảo và một số đảo có dân. Nhược điểm lớn nhất của kinh tế tuyến đảo nước ta là : cơ cấu kinh tế chủ yếu dựa vào các ngành nghề truyền thống (đánh bắt hải sản, sản xuất nông nghiệp...) ; cơ sở hạ tầng và thông tin kém ; việc đưa dân ra đảo thiếu cả quy hoạch và chính sách, nên hoàn toàn tự phát và kèm theo đó là các hậu quả về môi sinh và kinh tế - xã hội.

Có thể nói, kinh tế biển nước ta tuy đã có bước phát triển khá và có đóng góp to lớn cho nền kinh tế quốc dân ; thực sự đang trở thành cửa mở, vùng động lực trong phát triển kinh tế cả nước. Nhưng nhìn chung nó vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém, lạc hậu, nhất là so với các nước trong khu vực và quốc tế ; điều đó đang đặt ra thách thức trong phát triển kinh tế biển nước ta sắp tới.

II - Về quan điểm, mục tiêu và một số giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1 – Cần nắm vững 5 quan điểm trong phát triển kinh tế biển đã được nêu ra trong Chỉ thị 20/CT–TƯ của Bộ Chính trị.

- Biển nước ta là không gian chiến lược quyết định cho sự phát triển trước mắt cũng như lâu dài của dân tộc ta. Cần đặt vị trí kinh tế biển trong tổng thể phát triển kinh tế cả nước, trong quan hệ tương tác với các vùng và trong xu thế hội nhập với nền kinh tế thế giới và khu vực.

- Phát triển kinh tế biển phải hướng vào củng cố độc lập tự chủ của đất nước, phục vụ cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Huy động mọi nguồn lực trong

Digitized by Google

nước và mở rộng hợp tác với nước ngoài, với mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo ; tăng cường liên minh công - nông và trí thức, xây dựng đô thị và nông thôn vùng biển, hải đảo cùng phát triển.

- Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế biển và hướng mạnh vào xuất khẩu, dựa trên những tiến bộ về khoa học và công nghệ, làm động lực thúc đẩy nghiên cứu, quản lý, khai thác tiềm năng biển có hiệu quả cao, vừa tái tạo tài nguyên biển, bảo vệ môi trường, đào tạo nguồn nhân lực.

- Lợi ích kinh tế biển không chỉ xuất phát từ một địa phương, một ngành, mà cần được liên kết một cách khoa học sự phát triển các ngành trên toàn vùng, trên từng địa bàn cụ thể thành một chương trình phát triển tổng hợp thống nhất. Phát triển kinh tế biển phải chú trọng ngay từ đầu sự tiến bộ xã hội vùng biển.

- Phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển nhằm góp phần tăng tiềm lực kinh tế, củng cố khả năng an ninh - quốc phòng, tạo ra thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

2 – Mục tiêu và phương hướng phát triển kinh tế biển.

+ Mục tiêu tổng quát đến năm 2010 : Phát huy mọi tiềm lực và lợi thế trong vùng cùng với sức mạnh cả nước xây dựng Việt Nam trở thành nước mạnh về kinh tế biển, có cơ cấu kinh tế hướng về xuất khẩu với một ngành kinh tế mũi nhọn, có công nghệ hiện đại, có giá trị xuất khẩu lớn, tạo tích lũy cao và ổn định, đóng góp to lớn cho nền kinh tế quốc dân.

Xây dựng kinh tế - xã hội vùng ven biển và hải đảo trở thành vùng phát triển năng động, thúc đẩy các vùng trong cả nước phát triển, đồng thời trở thành cửa mở lớn thu hút đầu tư nước ngoài, tăng cường hợp tác và đấu tranh giữ vững an ninh, chủ quyền đất nước.

+ Mục tiêu cụ thể :

- Đưa GDP toàn vùng tăng cao hơn bình quân cả nước, từ 10,15% (1991 - 1995) lên 11,5% - 12% (1996 - 2000) và 12,5% - 13% (2000 - 2010), với cơ cấu có các ngành mũi nhọn như : thủy sản, vận tải, dầu khí, du lịch và dịch vụ kinh tế biển.

- Tăng thêm một triệu việc làm, phổ cập giáo dục cấp 2, xóa đói giảm nghèo. Chuyển đổi cơ cấu lao động : công nghiệp và dịch vụ 50%, nông nghiệp 50%.

- Đổi mới công nghệ, tăng cường thiết bị hiện đại để nâng cao khối lượng và giá trị qua chế biến sâu, đưa giá trị xuất khẩu của vùng so với cả nước từ 45 - 50% (năm 2000) lên 55 - 60% (năm 2010).

- Xây dựng đô thị hiện đại, nông thôn và hải đảo văn minh, cơ sở hạ tầng và trình độ sản xuất phát triển, đời sống cải thiện rõ rệt.

+ Phương hướng :

- Tập trung phát triển các vùng trọng điểm, các ngành mũi nhọn, thủy sản, giao thông - vận tải, dầu khí, du lịch và dịch vụ kinh tế biển.

- Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng vùng biển và hải đảo, tạo thế liên hoàn cho phát triển kinh tế, dân sinh và an ninh - quốc phòng.

- Tăng cường tiềm lực khoa học nghiên cứu biển ; khoa học và công nghệ đi trước một bước, làm cơ sở cho xây dựng chiến lược biển.

- Xây dựng nông thôn vùng biển trên ba mặt : dân sinh, dân trí, dân chủ ; bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

- Tạo lập thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên cơ sở tăng cường có trọng điểm đối với các lực lượng vũ trang đủ sức bám biển làm chỗ dựa cho hoạt động kinh tế biển. Đặc biệt coi trọng phát triển các hoạt động dân sự trên toàn vùng biển, nhất là đánh bắt thủy sản của ngư dân, các hoạt động nghiên cứu khoa học. Phân công và phối hợp chặt chẽ các lực lượng làm công tác quản lý biển : cảnh sát biển, hải quân, biên phòng, an ninh và cảnh sát nhân dân, hải quan, chống buôn lậu, kiểm ngư. Tổ chức lại và phân công hợp lý cùng với tăng cường đầu tư phục vụ tốt hơn công tác cảnh báo và cứu hộ trên biển.

Để thực hiện có hiệu quả mục tiêu và phương hướng như đã nêu trên, trong thời gian

Digitized by Google

tới cần tập trung vốn và các biện pháp kinh tế, kỹ thuật thúc đẩy sự phát triển của một số ngành :

– *Về thủy sản :* Với sự hỗ trợ ban đầu của Nhà nước, ngành thủy sản phải vươn lên thực hiện cơ chế tự đầu tư, tự cân đối để phát triển. Tập trung vào chương trình đánh bắt khơi xa, hiện đại hóa theo hướng nuôi thâm canh, ngừng việc phá rừng ngập mặn để nuôi tôm. Từng bước hiện đại hóa chế biến thủy sản đi liền với nâng cao năng lực quản lý và tiếp thị. Xây dựng một số đơn vị quốc doanh và phân công một số lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ đánh bắt và hậu cần dịch vụ, làm chỗ dựa cho ngư dân bám biển dài ngày đánh bắt khơi xa. Điều chỉnh, sắp xếp lại cơ cấu nghề cá, hoán đổi nghề cá gần bờ. Hạn chế việc đóng mới loại tàu thuyền nhỏ, khuyến khích đóng tàu lớn đi khơi, đi xa. Đầu tư có trọng điểm cho nghề khơi ; trước mắt, cần có sự ưu tiên để khôi phục ngành thủy sản, nhất là cho miền Trung và Nam Bộ sau thiệt hại của cơn bão số 5. Tăng cường công tác dự báo và trang bị các phương tiện cứu sinh, thông tin liên lạc mỗi khi tàu thuyền ra khơi. Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến cho ngư dân những kiến thức và phương pháp phòng tránh thiên tai trên biển.

Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng mới cơ sở hạ tầng nghề cá ở ven bờ và các đảo lớn. Xây dựng các trọng điểm hậu cần - chế biến - dịch vụ - thương mại ở Cát Bà, Cà Mau, Tắc Cậu, Phan Thiết. Phát triển mạnh và rộng khắp các hình thức kinh tế hợp tác trong đánh bắt và nuôi trồng. Thành lập các tổ ngư dân vay vốn đóng tàu đi khơi. Tổ chức hợp tác xã hoặc tổ hợp tác đánh cá xa bờ, nuôi trồng thủy sản. Hướng dẫn khuyến khích các chủ nậu, trong việc phát huy các mặt tích cực, nhất là trong đầu tư mua sắm ngư cụ hiện đại, đóng mới tàu thuyền, thu hút lao động, trả công lao động xứng đáng, được ngư dân đồng tình.

– *Về giao thông vận tải :* Tập trung đầu tư xây dựng đội tàu vận tải biển mạnh. Tập trung đầu tư xây dựng một số cảng nước sâu ở các vùng trọng điểm kinh tế đi liền với tổ chức lại, nâng cấp hệ thống cảng hiện có thông qua đổi mới trang thiết bị xếp dỡ, đặc biệt thiết bị xếp dỡ con-te-nơ. Nâng cấp cầu đường ra vào cảng, đổi mới và hiện đại hóa công nghệ điều hành quản lý cảng phù hợp với xu thế phát triển khu vực và quốc tế.

Tổ chức lại và hiện đại hóa một bước ngành đóng, sửa tàu biển theo hướng tập trung quy mô lớn có phân công chuyên môn hóa.

– *Về dầu khí :* Cần có chiến lược phát triển để vươn lên thành một tập đoàn kinh tế mạnh, không những đủ sức tự thăm dò và khai thác dầu khí trong nước mà còn vươn ra đấu thầu quốc tế, hoạt động thăm dò, khai thác cho nước ngoài. Bảo đảm tăng sản lượng dầu khai thác lên 20 triệu tấn vào năm 2000 ; đồng thời coi trọng tìm kiếm thăm dò bằng nhiều phương thức, bảo đảm trữ lượng dự trữ khai thác sau năm 2000. Phát huy lợi thế thị trường dầu thô, đồng thời xây dựng nhanh công nghiệp lọc, hóa dầu.

Phát huy các công trình khí hiện có, chuẩn bị đàm phán các điều khoản về khí đốt với các hợp đồng liên doanh chia sản phẩm đã có phát hiện về khí và các lô có tiềm năng về khí. Mở rộng các hình thức hợp tác đầu tư nước ngoài và mở rộng thị trường tiêu thụ trong lĩnh vực dầu khí. Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ dầu khí, tiếp tục đổi mới công nghệ và thiết bị, tăng thị phần dịch vụ các hoạt động dầu khí ở nước ta.

– *Về du lịch biển :* Tập trung cải thiện môi trường du lịch, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch đi đôi với tôn tạo và bảo vệ môi trường cảnh quan, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước. Thu hút khoảng 14,5 triệu lượt khách du lịch vào năm 2000 và 33,5 triệu vào năm 2010, góp phần tăng GDP của ngành từ 18,6% (năm 2000) lên 27% (năm 2010). Chú ý đầu tư vào các khu du lịch trọng điểm, các vùng trọng điểm Hạ Long - Bái Tử Long - Cát Bà - Đồ

Digitized by Google

Sơn ; Huế - Đà Nẵng - Nha Trang ; Vũng Tàu - Long Hải - Côn Đảo ; Hà Tiên - Phú Quốc.

– *Về nông – công nghiệp vùng biển :* Tăng cường năng lực thâm canh ; gia cố đê, lấn biển, mở rộng diện tích trồng trọt và nuôi trồng thủy sản. Chú trọng trồng và bảo vệ rừng ngập mặn, rừng chắn gió. Từ nay đến năm 2010 sẽ trồng mới và khoanh nuôi tái sinh 125 000 ha rừng phòng hộ, thực hiện nông - lâm - ngư kết hợp. Hiện đại hóa một bước sản xuất muối, nhằm tăng năng suất và chất lượng muối, bảo đảm tăng sản lượng lên 1,25 triệu tấn vào năm 2000. Củng cố, phát huy 18 khu công nghiệp hiện có, xây dựng thêm một số khu công nghiệp ven biển như Dung Quất, Vũng Áng. Các tỉnh ven biển phải thực sự mở cửa mạnh, xây dựng các thành phố thương mại, công nghiệp, khu vực mậu dịch tự do ven biển. Từ nay đến năm 2000, cần xây dựng một số khu trung tâm thương mại tự do và dịch vụ tổng hợp có tầm cỡ quốc tế ở Móng Cái, Lý Sơn, Phú Quốc, Côn Đảo, Cát Bà. Trước mắt, cần tổng kết rút kinh nghiệm trong việc xây dựng khu kinh tế mở Móng Cái để có cơ sở chỉ đạo triển khai tiếp tục cho các khu vực dự kiến có khả năng.

– *Một số chính sách khác :*

a) Cần tiếp tục thực hiện *chính sách đối ngoại* độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương và đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh và đấu tranh ; kết hợp chặt chẽ các lực lượng kinh tế và an ninh - quốc phòng tạo thành sức mạnh tổng hợp để phát triển kinh tế biển. Quản lý chặt chẽ hoạt động xuất nhập khẩu đi liền với mở rộng thị trường tự do giao lưu hàng hóa trong nội địa ; tăng cường kiểm soát ngăn chặn nạn buôn lậu trên biển.

b) Chính sách huy động vốn. Cần nắm vững nguyên tắc độc lập, tự chủ, tự cường để vừa phát huy cao độ nguồn lực trong nước, vừa có chính sách rộng mở, hấp dẫn hơn để thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào phát triển kinh tế biển.

Đối với nguồn đầu tư trong nước, cần tận lực huy động bằng cách : thu hút vốn từ các thành phần kinh tế ; sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên để tạo vốn ; phát triển thị trường chứng khoán ; liên kết giữa các địa phương, các ngành, các thành phần kinh tế bằng nhiều hình thức, đặc biệt là dạng công ty cổ phần.

Đối với nguồn vốn nước ngoài, chú trọng nguồn vốn ODA, FDI, vay nợ... Tập trung giải ngân nhanh, cung cấp đủ nguồn vốn đối ứng ; xây dựng một số đặc khu kinh tế, phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu mậu dịch để thu hút vốn nước ngoài. Khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài góp vốn, chuyển giao công nghệ, tham gia phát triển kinh tế biển. Thu hút vốn cho sản xuất kinh doanh và cho cả hoạt động bảo vệ môi trường.

c) Chính sách phát triển nguồn nhân lực : Cần tập trung vào việc nâng cao dân trí, phấn đấu đầu tư phổ cập cấp 2 bằng nhiều hình thức cho nhân dân vùng biển. Đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân lành nghề, đặc biệt là thu hút lực lượng lao động trẻ phục vụ cho các ngành kinh tế biển. Chú trọng các hình thức đào tạo tại chỗ, tại xí nghiệp. Nghiên cứu cải tiến chế độ đãi ngộ đối với thuyền viên, thủy thủy, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ giáo dục, y tế, lực lượng vũ trang công tác tại vùng biển xa.

d) Chính sách đầu tư cho khoa học – công nghệ biển : Trong kế hoạch từ năm 1997 đến 2000 cần dành khoản ngân sách tăng đầu tư cho nghiên cứu các khoa học về biển, tiếp tục hiện đại hóa khí tượng - thủy văn ; bảo đảm khoa học công nghệ đi trước một bước, tạo động lực và tiền đề phát triển kinh tế biển có hiệu quả cao và bền vững.

Kinh tế biển ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế ở nước ta. Yêu cầu có tính chiến lược cần quán triệt cả về nhận thức cũng như trong chỉ đạo là khẩn trương xây dựng một chiến lược biển, trong đó phát triển kinh tế biển giữ vị trí then chốt, là cơ sở quan trọng phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước sắp tới. ❑

Digitized by Google

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN Ở SƠN LA

TÒNG THỊ PHÓNG *

PHÁT triển công nghiệp nông thôn là chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làm dịch vụ trên địa bàn nông thôn, chuyển từ kinh tế thuần nông sang kinh tế đa ngành nghề. Sự phát triển công nghiệp nông thôn đang trở thành một nhiệm vụ bức thiết đối với Sơn La nhằm tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho dân cư ở nông thôn, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

Sơn La là một tỉnh miền núi, có vùng cao biên giới, có diện tích tự nhiên là 1 405 500 ha, số dân gần 870 000 người, mật độ 56 người/km^2, có 10 huyện, thị. Sơn La là một trong bốn tỉnh có diện tích tự nhiên lớn nhất trong cả nước ; có đường bộ nối liền với Lai Châu, Lao Cai, Yên Bái, Vĩnh Phú, Hòa Bình, Thanh Hóa và Lào ; có đường biên giới dài 250km, có hai cửa khẩu quốc gia ; có sân bay Nà Sản, có sông Đà chảy dọc chiều dài của tỉnh (dài 250km) vừa là giao thông thủy, vừa là nguồn nước tưới tiêu và cung cấp nước cho thủy điện Hòa Bình, thủy điện Sơn La trong tương lai. Sơn La có nhiều mỏ quý như : đồng, ni-ken, than... ; có đá vôi, đất sét, thạch cao,. là nguồn nguyên liệu có trữ lượng lớn để làm vật liệu xây dựng. Rừng có nhiều loại gỗ quý như : lim, sến, táu, pơ-mu... Ở một số nơi vẫn còn rừng nguyên sinh, có hệ thực - động vật phong phú với nhiều loại cây, con quý hiếm. Sơn La có cao nguyên Mộc Châu, cao nguyên Nà Sản rất thích hợp cho việc trồng chè, cà phê, mía, ngô, chăn nuôi... Cao nguyên Mộc Châu có khí hậu trong lành, độ cao hơn 1000m so với mặt biển, nhiệt độ trung bình trong năm 18^{o}C, rất thích hợp trồng các loại hoa quả vùng ôn đới, đủ điều kiện phát triển khu công nghiệp tập trung bao gồm cây, con như : chè, bò sữa, dâu tằm, chế biến giấy, gỗ xuất khẩu... Sơn La có ba vùng kinh tế là vùng dọc quốc lộ 6, vùng lòng hồ sông Đà, vùng cao biên giới. Mỗi vùng có nhiều tiểu vùng có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng khác nhau cho phép phát triển đa dạng cây nông nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu...

Chuyển sang kinh tế thị trường, mặc dù là tỉnh miền núi có điểm xuất phát thấp so với các tỉnh trong cả nước, nhưng mấy năm qua nền kinh tế của tỉnh đã có bước tăng trưởng khá ổn định (GDP tăng khoảng 10% năm). Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tiến bộ : nông - lâm nghiệp giảm từ 74,3% năm 1995 xuống 72,12% năm 1997 ; công nghiệp và xây dựng tăng từ 8,8% năm 1995 lên 9,53% năm 1996 ; dịch vụ tăng từ 15,8% năm 1995 lên 18,35% năm 1997. Sản xuất lương thực, mặc dù thời tiết không thuận lợi, lũ lụt thường xảy ra, nhưng bằng các biện pháp thâm canh tăng vụ, áp dụng khoa học - kỹ thuật, nhất là giống mới có năng suất cao nên năm 1997 sản lượng lương thực đạt 21,5 vạn tấn, tăng 1,4 vạn tấn so với năm 1996.

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp ở Sơn La có bước chuyển quan trọng về cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ theo hướng sản xuất hàng hóa ; hình thành các vùng cây công nghiệp chủ lực và cây ăn quả có giá trị kinh tế cao, tập trung dọc quốc lộ 6. Mặt khác, việc chăn nuôi gia súc, gia cầm của tỉnh cũng được đẩy mạnh tạo nhiều sản phẩm như thịt, sữa, trứng. Do sản

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Sơn La

Digitized by Google

xuất phát triển nên ở nông thôn hình thành các dịch vụ phục vụ cho sản xuất và lưu thông hàng hóa. Ở ven quốc lộ 6, có xã mua được 5 đến 6 ô-tô các loại dùng để vận chuyển hàng hóa, làm dịch vụ xay xát, nghiền thức ăn gia súc. Nhiều cơ sở công nghiệp phát triển đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân như chế biến nông - lâm sản, vật liệu xây dựng, sửa chữa điện... Nhờ phát triển kinh tế mà đời sống nhân dân các dân tộc đã từng bước được cải thiện. GDP bình quân đầu người mỗi năm đều tăng : năm 1994 : 72,75 USD, năm 1995 : 79,04 USD, năm 1996 : 113 USD, năm 1997 ước đạt 117 USD. Ở nhiều vùng, số hộ diện trung bình, khá, giàu tăng lên, diện nghèo đói giảm dần (trong 5 năm qua giảm gần 1 vạn hộ). Hàng vạn lao động đã có thêm việc làm. Đáng chú ý là toàn tỉnh có hàng nghìn hộ làm kinh tế giỏi có thu nhập cao, thậm chí có hộ thu được 120 triệu đồng/năm từ trồng cây cà phê. Ở thị xã, thị trấn, thị tứ và nông thôn nhà ở và phương tiện sinh hoạt của nhân dân được cải thiện, đời sống tinh thần cũng phong phú hơn. Bản sắc dân tộc được giữ gìn, khai thác và phát huy ; giao lưu văn hóa được mở rộng. Giáo dục - đào tạo được củng cố và phát triển khá toàn diện ở tất cả các cấp học, ngành học, năm sau cao hơn năm trước. Trong số 4 400 người được tỉnh xóa mù chữ, có 318 cán bộ chủ chốt xã và trưởng bản. Năm 1997 có thêm 62 xã phổ cập giáo dục tiểu học, nâng tổng số lên gần 100 xã trong toàn tỉnh. Xóa thêm được 229 bản trắng về giáo dục. Phong trào xóa đói giảm nghèo, phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào tương thân tương ái ngày càng được xã hội hóa sâu rộng đã thành nét đẹp trong cộng đồng các dân tộc ở Sơn La.

Tuy nhiên, trong bước đường đi lên đảng bộ và nhân dân Sơn La còn gặp rất nhiều khó khăn. Ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, kinh tế phát triển còn chậm , chủ yếu là thuần nông, tự cung, tự cấp ; một bộ phận sản xuất còn mang tính tự nhiên, du canh, du cư. Đáng chú ý là mức thu nhập đầu người của vùng cao biên giới chỉ bằng 60% mức thu nhập chung của tỉnh (các dân tộc đặc biệt có khó khăn như : Kháng, Khơ Mú, La Ha, Sinh Mun chỉ đạt 30 - 40%). Hiện nay, toàn tỉnh còn 38 xã chưa có đường ô-tô đến trung tâm xã (6 xã không có khả năng làm đường ô-tô đến xã) ; có 80% số dân chưa được dùng nước sạch, 65% chưa được xem truyền hình, 58% chưa có điện sinh hoạt ; giao lưu đi lại giữa các bản vùng cao chủ yếu là đường mòn, đi bộ và ngựa thồ. Cơ sở hạ tầng còn thấp kém, trình độ dân trí thấp, các hủ tục mê tín dị đoan vẫn còn diễn biến phức tạp. Một bộ phận dân cư còn truyền đạo và học đạo trái phép ; nghiện hút thuốc phiện, ma túy ; tình trạng tái trồng cây thuốc phiện, buôn bán thuốc phiện có chiều hướng tăng. Đây là những khó khăn không nhỏ đang cản trở đảng bộ và nhân dân Sơn La trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, căn cứ vào những điều kiện cụ thể ở Sơn La, Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ X đã xác định : Mục tiêu tổng quát từ nay đến năm 2000 là chuyển dịch nền kinh tế tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa, với cơ cấu kinh tế là nông - lâm nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân 14%/năm, thu nhập bình quân đầu người gấp 2 lần so với năm 1995. Tỉ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm 30%, nông - lâm nghiệp 45%, dịch vụ 25% trong tổng GDP. Sản xuất nông - lâm nghiệp tăng với nhịp độ 6%/năm, lương thực quy thóc tăng bình quân 4%/năm. Cây công nghiệp, cây ăn quả chiếm 5% diện tích gieo trồng, giá trị sản lượng chăn nuôi và nghề rừng đều tăng 10 - 15%. Sản xuất công nghiệp tăng 33%, dịch vụ tăng 20 - 25% ; hàng xuất khẩu tăng trên 30%. Thu ngân sách tại địa phương tăng bình quân 20 - 25%. Vốn đầu tư cho phát triển tăng 30%.

Để phát huy tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế trên, hướng phát triển của Sơn La trong thời gian tới là :

1 - *Phát triển các vùng kinh tế gắn với quy hoạch tổng thể về kinh tế – xã hội của tỉnh.* Muốn vậy, cần xác định rõ hướng phát triển của mỗi vùng kinh tế, có mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn. Xác định các cây, con mũi nhọn có hiệu quả kinh tế cao. Vùng dọc quốc lộ 6 là vùng kinh tế động lực. Đến năm 2000 vùng này sẽ đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao hơn so với các vùng khác trong tỉnh. Định hướng đầu tư

Digitized by Google

phát triển vùng này là : phát triển mạnh các cơ sở công nghiệp, mở rộng diện tích, nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả vùng nguyên liệu chế biến nông - lâm sản, thực phẩm, khoáng sản, vật liệu xây dựng. Từng bước mở rộng các tiểu vùng kinh tế hàng hóa ven các trục giao thông ra biên giới, ra sông Đà, tạo sự giao lưu phát triển kinh tế giữa các vùng, góp phần mở rộng về kinh tế đối ngoại những năm sau này. Coi trọng đầu tư chiều sâu các cơ sở công nghiệp chế biến có quy mô hợp lý, với hiệu quả kinh tế cao hơn so với các vùng khác. Xây dựng các mạng lưới cửa hàng, đại lý cung ứng và thu mua tiêu thụ đến tận xã, trung tâm cụm xã để vừa kích thích sản xuất, vừa ổn định thị trường giá cả, bảo đảm thuận lợi nhu cầu mua, bán với nông dân. Phát triển các loại hình hợp tác kinh tế, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh.

Vùng sông Đà là vùng có rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu của cả hai công trình thủy điện Hòa Bình và thủy điện Sơn La trong tương lai. Nó có vị trí đặc biệt quan trọng. Định hướng phát triển của vùng này là : đẩy mạnh việc thực hiện chương trình khôi phục, bảo vệ và trồng rừng phòng hộ, kết hợp sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, phát triển chăn nuôi đại gia súc, phát triển giao thông đường thủy, khai thác diện tích nửa ngập nước để sản xuất bằng các loại cây thích hợp. Cùng với việc phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, hình thành vùng nguyên liệu giấy sợi, cần phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và khai khoáng. Đẩy mạnh việc nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và du lịch vùng hồ. Tích cực triển khai các dự án đầu tư của Chính phủ cho vùng lòng hồ ; đồng thời khai thác các nguồn vốn khác để phát triển kinh tế toàn vùng. Việc khai thác và giải phóng lòng hồ phải tiến hành trên cơ sở quản lý chặt chẽ theo quy hoạch, kế hoạch nhằm bảo đảm đời sống cho nhân dân di chuyển và tái định cư vùng lòng hồ ; đồng thời giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

Vùng cao biên giới là vùng có nhiều khó khăn đang cần nguồn vốn của các dự án. Định hướng phát triển của vùng là : bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, cây dược liệu và chăn nuôi đại gia súc. Trong vài năm tới cần xóa hẳn đói giáp hạt ; cơ bản hoàn thành định canh định cư vào năm 2000. Đương nhiên, việc định canh định cư phải dựa trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sắp xếp, bố trí lại dân cư, gắn phát triển sản xuất và ổn định đời sống nhân dân, khai thác tiềm năng lợi thế của vùng. Trước mắt, cần giải quyết có hiệu quả việc di cư tự do và nâng cao trình độ dân trí. Vận động nhân dân xóa bỏ triệt để việc trồng cây thuốc phiện ; nghiêm cấm tàng trữ, buôn bán, nghiện hút thuốc phiện, gắn kết công việc này với quá trình thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội ở vùng cao. Việc đầu tư đối với vùng cao chủ yếu tập trung phát triển lực lượng sản xuất trên cơ sở lấy hộ làm đơn vị kinh tế tự chủ sản xuất kinh doanh. Chú trọng các biện pháp ổn định diện tích canh tác nương rẫy theo hướng thâm canh, sử dụng giống mới, ứng dụng khoa học - kỹ thuật để nâng cao năng suất cây trồng. Vấn đề quan trọng là làm thế nào để gắn trồng trọt với chăn nuôi, gắn nông nghiệp với lâm nghiệp, chuyển lâm nghiệp quốc doanh thuần túy sang lâm nghiệp xã hội ; gắn sản xuất với công nghệ chế biến thích hợp với trình độ dân trí ở vùng cao. Hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng bảo đảm lợi ích cho người dân yên tâm nhận đất, bảo vệ rừng, phấn đấu làm giàu bằng nghề rừng.

Nhìn chung, sự phát triển của ba vùng kinh tế của tỉnh cần gắn với điều kiện cụ thể của từng vùng, tiểu vùng để có biện pháp thích hợp. Mặt khác, giữa các vùng cần có sự chỉ đạo phối hợp nhau cùng phát triển. Vùng kinh tế động lực cần phát triển nhanh hơn nhằm tạo đà hỗ trợ vùng hồ sông Đà và vùng cao biên giới từng bước vươn lên. Ở mỗi vùng, việc xây dựng nông thôn mới cần dựa trên cơ sở tổ chức quy hoạch lại bản làng, bố trí lại dân cư theo hướng gắn với đồi rừng, lập trang trại phát triển kinh tế R.V.A.C (rừng, vườn, ao, chuồng). Từng bước nhân các mô hình kinh tế hộ, kinh tế trang trại làm kinh tế giỏi ra diện rộng trên địa bàn tỉnh.

2 - *Tạo nguồn vốn để sản xuất kinh doanh.* Huy động tối đa mọi nguồn vốn tồn đọng trong dân vào việc phát triển kinh tế là hướng rất quan

Digitized by Google

trọng. Có chính sách khuyến khích nhân dân triệt để tiết kiệm tiêu dùng trong sinh hoạt, xây dựng nhà ở, trang thiết bị đồ dùng đắt tiền, mạnh dạn bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là nhận đất, nhận rừng lâu dài tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội. Tạo điều kiện, tạo môi trường để khuyến khích công ty nước ngoài hợp tác liên doanh với các đơn vị kinh tế trong tỉnh, hoặc đầu tư toàn bộ, đảm nhận tiêu thụ tất cả hoặc một phần sản phẩm. Đương nhiên, cần coi trọng sử dụng công nghệ tiên tiến, máy móc mới. Trước mắt, khuyến khích nước ngoài đầu tư vào công nghiệp chế biến nông - lâm sản, đầu tư khai thác một số khoáng sản. Vốn đầu tư do trung ương cấp cần ưu tiên cho xây dựng kết cấu hạ tầng, các công trình công cộng, đường giao thông, thông tin liên lạc, thủy lợi, y tế, giáo dục... ; vốn đầu tư cấp cho tỉnh theo các chương trình dự án cần có kế hoạch triển khai sớm. Ngoài ra có nhiều hình thức vay vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện và môi trường để kêu gọi vốn đầu tư và phát triển công nghiệp nông thôn, phát triển sản xuất kinh doanh. Nếu có nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) (theo phương thức liên doanh với nước ngoài) tỉnh sẽ tập trung vào khai thác khoáng sản, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, dịch vụ viễn thông, khách sạn... Đề nghị Nhà nước cho phép tỉnh gọi vốn bằng chính sách sử dụng tài nguyên đất, kinh doanh rừng, phát huy các cơ sở đã có nhằm đẩy nhanh công nghiệp nông thôn trong thời gian tới.

3 - *Xây dựng thị trường gắn với lưu thông hàng hóa trên địa bàn*. Sơn La cần nghiên cứu thị trường trong tỉnh, thị trường cả nước, thị trường nước ngoài để tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa có ưu thế như chè, cà phê, tơ tằm, sữa, cây ăn quả, lâm sản, đặc sản... Việc nâng cao khả năng tiếp thị của các đơn vị kinh tế gắn sản xuất với thị trường, từng bước tạo ra thị trường có tính chất truyền thống và ổn định. Xây dựng các dịch vụ thông tin kinh tế nhằm nắm bắt dự báo tình hình thị trường có liên quan đến sản xuất, kinh doanh của tỉnh. Hiện nay, khu công nghiệp Mộc Châu làm ra các sản phẩm chè, sữa, hoa quả... chỉ cách Hà Nội 200 km, nhưng do tiếp thị kém, đường sá xấu nên sữa vẫn bị ứ đọng không tiêu thụ hết. Vấn đề đặt ra, muốn khu công nghiệp này phát triển tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội cần có đường giao thông tốt hơn, có chính sách kinh tế hợp lý, tiếp thị tốt hơn để sản phẩm của địa phương đến mọi miền đất nước. Đương nhiên, muốn chiếm lĩnh thị trường trong nước cũng như thị trường nước ngoài, các cơ sở sản xuất kinh doanh phải nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã, bao bì, hạ giá thành, nâng cao sức cạnh tranh. Công ty chè Mộc Châu đã khẳng định được mình trong cơ chế thị trường, sản phẩm được khách hàng mến mộ.

4 - *Phát triển khu công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu*. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội X của đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), tỉnh có nhiều cơ sở sản xuất mới ra đời như nhà máy gạch tuy nen : 20 triệu viên/năm, nhà máy xi măng Chiêng Sinh : 8,2 vạn tấn/năm, nhà máy mía đường Mai Sơn : 1 000 tấn/ngày ; thúc đẩy nhanh chóng việc hình thành 3 trung tâm công nhiệp ở thị xã Sơn La, Mộc Châu và Mai Sơn. Vấn đề đặt ra là làm thế nào có vùng nguyên liệu cho các nhà máy này hoạt động. Muốn vậy, cần có chính sách khuyến nông, chính sách thu mua và cơ chế giá hợp lý nhằm thu hút nguồn nguyên liệu từ các thành phần kinh tế. Mặc khác, phải mở rộng, nâng cấp hệ thống đường giao thông nhất là giao thông nông thôn tạo điều kiện cho lưu thông hàng hóa thông suốt, nhân dân đi lại dễ dàng. Phát triển khu công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu đòi hỏi phải tăng cường đổi mới công nghiệp chế biến. Nếu có khu công nghiệp, có vùng nguyên liệu, nhưng với công nghệ chế biến lạc hậu (qua sơ chế, hay bán nguyên liệu) như hiện nay thì nhìn chung hiệu quả rất thấp, không đủ sức cạnh tranh ở thị trường trong nước chứ chưa nói thị trường ngoài nước. Vì vậy, mục tiêu đưa nhanh công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh là đòi hỏi khách quan, quyết định khả năng cạnh tranh và chiếm lĩnh thị trường đối với các doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế. Sơn La là một tỉnh miền núi, nguồn nguyên liệu nhiều, nhưng hiệu quả sử dụng rất thấp cho nên nếu liên doanh với công ty nước ngoài với điều kiện họ bao tiêu sản phẩm là thích hợp trong giai đoạn hiện nay.

Digitized by Google

5 - *Coi trọng công tác giao đất giao rừng, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh.* Việc bảo vệ rừng đầu nguồn và trồng rừng cần được coi trọng và đầu tư vốn nhằm tạo môi trường sinh thái và nguồn nước cho thủy điện Hòa Bình và thủy điện Sơn La trong tương lai. Muốn bảo vệ "lá phổi xanh" của vùng Tây Bắc cần quan tâm đúng mức tới việc bảo vệ rừng. Bảo vệ rừng là góp phần bảo vệ tài nguyên cho đất nước. Do đó, nếu giải quyết tốt đời sống, quyền lợi của người dân vùng lòng hồ, sẽ là sức thuyết phục tốt giúp Sơn La giải quyết tốt việc di dân khi xây dựng thủy điện Sơn La. Vấn đề giải quyết di dân, củng cố lại các bản làng mới đang đặt ra cho địa phương, cơ sở nhiều vấn đề phức tạp cần có phương án giải quyết thỏa đáng. Chẳng hạn như việc đền bù cho dân gắn với việc hướng dẫn tổ chức sản xuất bảo đảm ổn định đời sống cho vùng di dân, việc bảo đảm trật tự an ninh xã hội v.v... cần lựa chọn các phương án tối ưu nhằm khai thác và sử dụng lòng hồ sông Đà có hiệu quả kinh tế cao. Tin rằng sự ra đời của nhà máy thủy điện Sơn La sẽ thực hiện được 4 nhiệm vụ chủ yếu là góp phần trị thủy chống lũ, phát điện, tưới tiêu và giao thông đường thủy trên sông Đà.

6 - *Mở rộng dịch vụ phát triển du lịch tạo nguồn thu cho ngân sách.* Với nhiều loại hình du lịch như : du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch lịch sử... du khách sẽ lên Tây Bắc xem văn hóa Mường - Thái - Mông, thăm thủy điện Hòa Bình, hồ sông Đà, cao nguyên Mộc Châu, nhà tù Sơn La, thăm Điện Biên Phủ hoặc sang Lào. Đáng tiếc là nhiều danh lam thắng cảnh như các hang, động, bản vùng cao... chưa được đầu tư, tôn tạo, nên tính hấp dẫn đối với du khách còn hạn chế. Khách qua Sơn La nghỉ lại lâu chưa nhiều, vì thiếu điều kiện cần và đủ trong sinh hoạt. Đây là vấn đề đặt ra đòi hỏi ngành du lịch phải thực sự đổi mới để vươn lên đáp ứng yêu cầu nhiều mặt của khách hàng trong cơ chế thị trường. Cần xây dựng khách sạn với các buồng, phòng và dịch vụ đạt tiêu chuẩn cao để đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách. Mặt khác, việc làm các sản phẩm truyền thống như dệt thổ cẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, mây tre đan... là góp phần cho nguồn thu ngoại tệ và nội tệ. Khi xây dựng công trình thủy điện Sơn La sẽ có nhiều khách trong nước và nước ngoài đến làm việc và du lịch. Cho nên, muốn có nhiều lượt khách du lịch, thăm quan cần nhanh chóng xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó giao thông cần đi trước một bước. Làm tốt cơ sở hạ tầng sẽ khai thông được các nguồn lực kinh tế, giao lưu kinh tế và liên kết kinh tế làm xuất hiện nhiều doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp liên doanh nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân ra đời trên địa bàn tỉnh. Thị xã Sơn La sẽ là thành phố điện trong tương lai, thành điểm du lịch hấp dẫn.

7 - *Tăng cường công tác xây dựng Đảng và đào tạo bồi dưỡng cán bộ đáp ứng sự nghiệp đổi mới.* Cấp ủy, chính quyền các cấp cần tăng cường hơn nữa chất lượng công tác chính trị, tư tưởng, thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên quan điểm, đường lối của Đảng và chủ trương cụ thể của địa phương, tạo sự thống nhất về ý chí và hành động trong toàn đảng bộ, đảng viên học tập và nâng cao trình độ về mọi mặt. Cán bộ tỉnh, huyện phải đi sâu, đi sát cơ sở, kịp thời sơ kết, tổng kết thực tiễn trên từng lĩnh vực, ở từng vùng, từng dân tộc để giải đáp những vấn đề thực tiễn đặt ra. Hiện nay, việc đào tạo cán bộ cho thôn bản, xã, huyện vùng cao Tây Bắc nói chung và cho Sơn La nói riêng là yêu cầu rất cấp thiết nhằm đáp ứng đòi hỏi nhiều mặt của địa phương và cơ sở. Cùng với các trường dân tộc nội trú của tỉnh, cần mở thêm trường dân tộc vùng cao Tây Bắc tại Sơn La nhằm đáp ứng cho tỉnh và cả vùng. Tiến tới thành lập trường đại học Tây Bắc nhằm giải quyết tốt hơn yêu cầu cung cấp cán bộ, nhất là cán bộ dân tộc cho cả vùng. Điều cần lưu ý là sự phát triển công nghiệp nông thôn ở Sơn La luôn gắn với việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nắm bắt khoa học kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ hiện có và đào tạo mới để phục vụ sản xuất kinh doanh. Để cán bộ miền núi yên tâm công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao đề nghị Đảng và Nhà nước cần có chính sách ưu đãi hơn về chế độ phụ cấp theo lương ; tuổi về hưu thấp hơn so với quy định của Nhà nước, đi học không mất tiền tài liệu... để họ gắn bó suốt đời với miền núi.

Sự nghiệp đổi mới theo hướng CNH, HĐH ở tỉnh Sơn La có được thực hiện tốt hay không một mặt phụ thuộc vào tinh thần đoàn kết phấn đấu vươn lên của đảng bộ và nhân dân Sơn La ; mặt khác, phụ thuộc vào sự hỗ trợ tích cực của các cấp, các ngành, các địa phương... vì sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh miền núi Sơn La luôn luôn gắn với sự phát triển chung của cả nước. ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

PHAN THANH PHỐ*

PHƯƠNG PHÁP LUẬN TIẾP CẬN.

Kết quả của hơn 10 năm đổi mới không chỉ đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội ; không chỉ làm cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày một rõ hơn, lòng tin của nhân dân đối với chế độ và tiền đồ đất nước cũng được nâng lên, mà còn tạo thế và lực đưa nước ta **"chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa"**(1)

Làm thế nào để xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ? Lời giải cho vấn đề đặt ra có nhiều, song vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt trước tiên là cần có phương pháp luận tiếp cận khoa học.

Với tư cách là những người sáng lập ra kinh tế chính trị mác xít, C. Mác và F. Ăng-ghen khi bàn về vấn đề sở hữu nói riêng và quan hệ sản xuất nói chung đã đi đến khẳng định : mọi sự biến đổi và phát triển của quan hệ sản xuất do tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất quyết định. Nói khác đi, việc xây dựng quan hệ sản xuất mới tất yếu chịu sự chi phối của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mà sự phù hợp này với tư cách là động lực cơ bản của tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội. Nên hiểu như thế nào về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất ? Trước hết sự phù hợp này không ở trạng thái tĩnh mà ở trạng thái động và đó cũng là sự quá độ của mỗi mặt trong hai mặt lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Bởi vậy, phải xem xét sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong sự gắn bó với yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới ở nước ta, đồng thời vừa phát triển lực lượng sản xuất vừa từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới. Trong quá trình xây dựng quan hệ sản xuất mới, sự phát triển của lực lượng sản xuất luôn đi trước và có vai trò quyết định. Song quan hệ sản xuất không chỉ đơn thuần là sự phản ảnh mà còn có tác dụng to lớn thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất. Thực tiễn thời gian qua ở nước ta cho thấy chỉ riêng sự thay đổi quyền sở hữu từ một hình thức sang nhiều hình thức, hoặc thừa nhận các quyền : định đoạt, sử dụng, chuyển nhượng và thừa kế đối với nông dân về ruộng đất, cũng đã tạo nên sự phát triển nhanh chóng lực lượng sản xuất, một trong những nguyên nhân chủ yếu có tính bước ngoặt để nước ta có thể trụ vững, vươn lên, vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Sự phát triển của một nền kinh tế không chỉ bắt đầu từ sự thay đổi và phát triển trong cấu trúc của lực lượng sản xuất, mà còn bắt đầu từ sự thay đổi và phát triển trong cấu trúc của hệ thống quan hệ sản xuất, mà sự phù hợp giữa chúng là động lực. Bởi vậy, giữ vững tính hệ thống và tính đồng bộ trong việc xây dựng quan hệ sản xuất mới có ý nghĩa rất quan trọng.

Cần nhấn mạnh rằng trong thời đại ngày nay, việc phát triển lực lượng sản xuất (thông qua đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa) và xây dựng quan hệ sản xuất mới tương ứng, không thể thực hiện theo con đường phát triển tuần tự giống như các nước đi trước. Trái lại, có thể và cần phải phát triển theo con đường rút ngắn hiện đại - rút ngắn đáng kể về mặt thời gian - mà điều kiện lịch sử trong nước và trên thế giới cho

* PGS, PTS kinh tế, Trường đại học kinh tế quốc dân

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 68

Digitized by Google

phép. Bằng cách đó sớm khắc phục những tư duy và cách làm cũ như vừa nôn nóng, thiếu khoa học, vừa khép kín và thụ động. Từ đó xây dựng ý chí tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo trong cách nghĩ, cách làm trên cơ sở nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức và nguy cơ tụt hậu xa về kinh tế, đưa nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại và xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta không chủ trương xây dựng một hệ thống quan hệ sản xuất bất kỳ và trừu tượng, mà xây dựng một hệ thống quan hệ sản xuất mới phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mà con đường đi lên của nó ngày một rõ nét. Lịch sử và kinh nghiệm chuyển đổi nền kinh tế của nhiều nước cho thấy, khi chuyển sang kinh tế thị trường và "mở cửa", việc xử lý vấn đề sở hữu, quản lý và phân phối có liên quan đến sự chuyển hóa giữa trục sở hữu và trục quyền lực ; liên quan đến sự sống còn của thể chế chính trị. Bởi vậy, việc nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa khi xây dựng quan hệ sản xuất mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là rất cần thiết và có ý nghĩa về nguyên tắc cần được coi trọng.

Dưới đây là nội dung và giải pháp cơ bản xây dựng quan hệ sản xuất mới thích ứng với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên các mặt : quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, quan hệ quản lý kinh tế và quan hệ phân phối sản phẩm ở nước ta hiện nay.

VỀ QUAN HỆ SỞ HỮU.

Không thể tiếp tục đổi mới và phát triển các thành phần kinh tế, nếu không nhận thức và xử lý một cách nghiêm túc và khoa học vấn đề sở hữu và cơ cấu sở hữu, vì nó là cơ sở kinh tế, là một trong những căn cứ quan trọng để xác định thành phần kinh tế. Do vậy, để thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách nền kinh tế nhiều thành phần, tất yếu phải thực hiện nhất quán cơ cấu sở hữu đa dạng nhằm "giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân..." (2)

Cơ cấu sở hữu về tư liệu sản xuất ở nước ta hiện nay bao gồm : sở hữu nhà nước, sở hữu hợp tác, sở hữu hỗn hợp, sở hữu tư bản tư nhân, sở hữu cá thể tiểu chủ, trong đó, sở hữu nhà nước giữ vai trò chủ đạo và cùng với sở hữu hợp tác làm nền tảng kinh tế cho chế độ mới - chế độ xã hội chủ nghĩa. Tính đa dạng của cơ cấu sở hữu có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong cơ cấu sở hữu về tư liệu sản xuất, một hình thức sở hữu quá độ mang tính phổ biến cần được coi trọng trong thời kỳ quá độ ở nước ta, đó là hình thức sở hữu hỗn hợp về tư liệu sản xuất. Hình thức sở hữu này được thực hiện thông qua các hình thức tổ chức hợp tác liên doanh giữa nhà nước với các hợp tác xã, giữa nhà nước với tư bản trong nước và tư bản nước ngoài. Cho đến nay hình thức tổ chức hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước và các hợp tác xã phát triển chưa nhiều. Trong thời gian tới chúng ta cần xúc tiến mạnh mẽ việc hình thành và phát triển các tổ hợp và các hợp tác xã kiểu mới, nhất là hợp tác xã cổ phần trong các ngành công nghiệp chế biến, giao thông vận tải, thương mại, tín dụng, ngân hàng, dịch vụ. Song song với việc tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc, tồn tại để mở rộng các hình thức kinh tế tư bản nhà nước thông qua các hình thức hợp tác liên doanh, cho thuê, xây dựng - kinh doanh - chuyển giao, gia công đặt hàng, đại lý... với tư bản nước ngoài, cần có những chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân trong nước để họ có điều kiện tham gia hợp tác liên doanh với kinh tế nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, mặt hiện vật của sở hữu về tư liệu sản xuất mặc dù rất quan trọng, song cái mà các chủ thể kinh tế quan tâm là sở hữu về mặt giá trị - sở hữu vốn. Liên quan đến vấn đề này là tình trạng nông dân không ruộng và tình trạng tích tụ ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long. Tình hình nông dân không ruộng theo chúng tôi nguyên nhân chính không phải do sự tích tụ và tập trung ruộng đất, vì đó là quy luật kinh tế khách quan. Nguyên nhân chính là do chúng ta đã để cho những điều kiện mà ở đó sự hoạt động của quy luật tích tụ và tập trung ruộng đất diễn ra một cách tự phát ở mức độ quá lớn. Nói cách khác, hoạt động tín dụng, khuyến nông và các hoạt động dịch vụ, các yếu tố đầu vào và đầu ra cho nông dân còn nhiều yếu kém, bất cập dẫn đến tình trạng đói nghèo không giảm mà tăng lên, gây hậu quả trực tiếp là nông dân phải nhượng ruộng, bán ruộng và mất ruộng. Tuy nhiên, ở vùng nông thôn hiện nay vẫn có một bộ phận nông dân không muốn làm nông nghiệp mà chuyển sang kinh doanh các ngành nghề khác, hoặc đi làm thuê (chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác) để có thu nhập cao hơn và không bị đói nghèo.

(2) *Văn kiện đã dẫn*, tr 91 - 92

Digitized by Google

Trong cơ cấu sở hữu về tư liệu sản xuất, một hình thức sở hữu đóng vai trò quan trọng đặc biệt, liên quan đến việc thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa, đó là hình thức sở hữu nhà nước. Để hình thức sở hữu này thực sự giữ vai trò chủ đạo cần xử lý đúng đắn các vấn đề mấu chốt sau đây :

Một là, tiếp tục đổi mới các doanh nghiệp nhà nước theo hướng : tăng cường quyền của chủ sở hữu nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước, thông qua việc xác lập và hoàn thiện các chức năng, nhiệm vụ của Tổng cục, Cục quản lý vốn và tài sản nhà nước và chủ tịch Hội đồng quản trị doanh nghiệp ; sắp xếp lại và cổ phần hóa một số doanh nghiệp quốc doanh, sớm đưa các doanh nghiệp nhà nước đi vào hoạt động và quản lý có hiệu quả hơn, làm nòng cốt cho kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo đối với các thành phần kinh tế.

Hai là, cần phân biệt cổ phần hóa với tư nhân hóa. Cổ phần hóa không phải là một giải pháp để chuyển các doanh nghiệp nhà nước thành các công ty tư nhân, mà là chuyển sang hình thức công ty cổ phần, một công ty mà vốn không phải của một chủ sở hữu, mà là sở hữu hỗn hợp, do vốn của nhiều chủ sở hữu hợp thành. Nó là sản phẩm tất yếu của quá trình xã hội hóa sở hữu ; là sản phẩm tất yếu của quá trình tích tụ và tập trung vốn ; là một điều kiện rất cần thiết cho sự hình thành và phát triển thị trường chứng khoán, thị trường chủ yếu gắn với vốn trung hạn và dài hạn...

VỀ QUAN HỆ QUẢN LÝ KINH TẾ.

Quan hệ quản lý kinh tế, một nội dung của quan hệ sản xuất mới cần được xây dựng. Thực chất của việc xây dựng quan hệ quản lý kinh tế mới trong điều kiện kinh tế thị trường và trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là "tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với mục tiêu xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, hình thành tương đối đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa" (3)

Qua hơn 10 năm đổi mới nền kinh tế, từ thực tiễn Đảng ta đã rút ra một số nhận thức về quan điểm và nội dung xây dựng cơ chế quản lý kinh tế mới trong thời gian tới ở nước ta :

- Xây dựng đồng bộ các yếu tố thị trường.

Chúng ta đều biết, xét dưới quá trình tái sản xuất có thể chia thị trường thành thị trường hàng hóa, dịch vụ với thị trường các yếu tố sản xuất ; xét về phạm vi, quy mô có thị trường trong nước và thị trường thế giới. Việc xây dựng đồng bộ các yếu tố của thị trường cũng chính là việc xây dựng đồng bộ các loại thị trường trong nền kinh tế. Đây là một vấn đề rất quan trọng, bởi lẽ nền kinh tế thị trường chỉ hoạt động có hiệu quả trong điều kiện các loại thị trường như thị trường tiền tệ, thị trường lao động, thị trường chuyển nhượng đất đai, thị trường công nghệ... hoạt động thông suốt và đồng bộ. Đương nhiên, sự phát triển của từng loại thị trường cũng như sự đồng bộ giữa chúng cũng chính là sự chín muồi của bản thân nền kinh tế thị trường.

- Quản lý chặt chẽ đất đai và thị trường bất động sản theo đúng luật đất đai ; phát triển thị trường vốn nhằm thu hút các nguồn vốn trung, dài hạn qua ngân hàng, công ty tài chính, công ty cổ phần và chuẩn bị các điều kiện để từng bước xây dựng thị trường chứng khoán phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

- Hoàn chỉnh hệ thống luật pháp về kinh tế theo hướng ban hành mới, sửa đổi, bổ sung một số luật và pháp lệnh. Coi trọng tính đồng bộ trong hoạt động giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đặc biệt coi trọng tính nghiêm minh trong công tác tư pháp, đưa công tác tư pháp hoạt động đúng theo phép nước, "quốc pháp bất vị thân" và đặt dưới sự kiểm kê, kiểm soát qua đại diện, hoặc trực tiếp của nhân dân từ dưới lên trên.

- Đổi mới công tác kế hoạch hóa theo hướng quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng. Tập trung sức vào việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, chương trình và các dự án đầu tư lớn, thông qua hệ thống các mục tiêu kinh tế vĩ mô, xác định tốc độ phát triển, cơ cấu, các cân đối lớn và theo đó là các chính sách dắt dẫn nền kinh tế phát triển theo định hướng kế hoạch. Đi đôi với việc đổi mới kế hoạch hóa vĩ mô, cần củng cố và tăng cường công tác kế hoạch vi mô ở các đơn vị kinh tế cơ sở theo định hướng kế hoạch và thị trường.

- Đổi mới chính sách tài chính, tiền tệ và giá cả

Tài chính, ngân hàng, tiền tệ và giá cả thuộc khâu phân phối và trao đổi, khâu trung gian tác động đến sản xuất và tiêu dùng, đòi hỏi cần được tiếp tục đổi mới theo hướng : thúc đẩy sản xuất phát triển trên cơ sở huy động, tích lũy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Lành mạnh hóa ngân sách nhà nước, thực

(3) *Văn kiện đã dẫn*, tr 97 - 98

Digitized by Google

hiện nghiêm ngặt chế độ kế toán, kiểm toán và thanh tra, kiểm tra tài chính. Về chính sách tiền tệ và hoạt động các ngân hàng trung ương và các ngân hàng thương mại trong thời gian tới cần có chính sách và biện pháp đồng bộ để điều hòa lưu thông tiền tệ, giảm dần lãi suất nhằm thúc đẩy đầu tư. Hoàn thiện hệ thống giá cả trên cơ sở tăng cường lực lượng dự trữ quốc gia, xây dựng cơ chế hình thành quỹ bình ổn giá cả và phương thức can thiệp của nhà nước vào một số hàng hóa thiết yếu, nhất là đối với việc thu mua lương thực của nông dân theo hướng giảm tính thời vụ, đẩy mạnh xuất khẩu, thực hiện ứng trước thu mua hoặc trả tiền và ký gửi lương thực trong dân, giảm khó khăn cho nhà nước và có lợi cho nông dân khi thời vụ đến.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế của nhà nước.

Kinh nghiệm lịch sử của các nước công nghiệp mới châu Á (NICs) mà sự thành công của họ không tách rời vai trò của một nhà nước thông minh, đầy năng lực quản lý kinh tế. Ở nước ta, nhìn từ góc độ quản lý, vai trò của nhà nước và chính quyền các địa phương trong thời gian tới cần được nâng cao thông qua thực hiện tốt hai chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng chủ sở hữu tài sản công của nhà nước. Nội dung của các chức năng này là : định hướng sự phát triển ; trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dắt dẫn nỗ lực phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; thiết lập khuôn khổ luật pháp, có hệ thống cho giới kinh doanh làm ăn phát đạt ; khắc phục, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường ; phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân ; quản lý tài sản công và kiểm kê, kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế, xã hội.

Tính hiện thực của nội dung nói trên trong thời gian tới phụ thuộc vào việc "tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, cán bộ, công chức nhà nước có đủ phẩm chất và năng lực, thực sự là công bộc tận tụy phục vụ nhân dân" (4)

VỀ QUAN HỆ PHÂN PHỐI THU NHẬP.

Trong nền kinh tế chỉ huy, tập trung, quan liêu, bao cấp, gắn với đặc trưng nhà nước hóa kinh tế, quan hệ hàng hóa - tiền tệ bị hình thức hóa, quan hệ phân phối thu nhập mang tính đơn nhất, chỉ bao hàm các hình thức phân phối riêng có của chủ nghĩa xã hội như : phân phối theo kết quả lao động và phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Với kết quả sau 10 năm chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khi nói về phân phối thu nhập, Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã chỉ rõ : "Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất - kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội" (5). Cần nhận thức rằng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, là nền kinh tế trong đó, kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với tư cách cái chung và định hướng xã hội chủ nghĩa, với tư cách là cái đặc thù. Bởi vậy, quan hệ phân phối thu nhập của nó tất yếu phải là sự kết hợp giữa các hình thức phân phối của kinh tế hàng hóa với các hình thức phân phối theo nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Theo hướng đó, hệ thống quan hệ phân phối trong các thành phần kinh tế ở nước ta tồn tại các hình thức phân phối thu nhập sau đây :

a) Đối với khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác, có hình thức phân phối theo kết quả lao động và theo hiệu quả kinh tế. Hình thức phân phối theo kết quả lao động được thực hiện qua tiền lương, một hình thức thu nhập mà người lao động nhận được căn cứ vào số lượng và chất lượng lao động mà họ cống hiến. Còn hình thức phân phối theo hiệu quả kinh tế được thực hiện qua lợi nhuận của doanh nghiệp và được phân phối qua các quỹ : phát triển sản xuất, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ dự phòng... Trong thời gian tới cần tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước theo hướng tiền lương danh nghĩa phù hợp với năng suất lao động và tiền lương thực tế ; tái sản xuất mở rộng được sức lao động và kích thích người lao động vì lợi ích kinh tế mà quan tâm đến kết quả sản xuất kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp là công ty cổ phần hoặc các hợp tác xã cổ phần, việc phân phối theo hiệu quả kinh tế, phân phối cho các quỹ theo quy định, còn phải dành một phần lợi nhuận để phân phối cho các cổ đông hoặc xã viên dưới hình thức cổ tức (lợi túc cổ phần).

(Xem tiếp trang 27)

(4) Báo *Nhân Dân*, ngày 21-9-1997

(5) *Văn kiện đã dẫn*, tr 92

Digitized by Google

ĐỔI MỚI CƠ CẤU CÁN BỘ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

HÀ QUANG NGỌC *

Cơ cấu cán bộ công chức có một ý nghĩa quan trọng đối với một nền hành chính. Một cơ cấu cán bộ công chức hợp lý trong các cơ quan hành chính nhà nước sẽ là điều kiện để nâng cao tính hiệu quả của công việc, làm cho công việc được thực hiện một cách tập trung, nhanh gọn, dứt điểm và có người chịu trách nhiệm cụ thể. Nó làm giảm sức ép về biên chế và ngân sách, xóa bỏ được tình trạng không ăn nhập giữa người với công việc, như người có ngạch bậc cao phải làm những công việc của ngạch bậc thấp, nhiều người có ngạch công chức khác nhau phải làm cùng một việc, hoặc thừa người ở ngạch thấp mà thiếu người ở ngạch trên khi giải quyết những việc phức tạp. Mặt khác, nó thực hiện được sự thừa kế và tính liên tục của đội ngũ cán bộ công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, làm cho bộ máy hành chính vận hành tốt trong mọi trường hợp, giữ vững được chức năng nhiệm vụ đảm nhiệm, thích ứng được những yêu cầu của cuộc sống ngày càng cao. Hơn nữa, một cơ cấu hợp lý sẽ đánh giá và cất nhắc đúng cán bộ, xóa bỏ được tình trạng đánh giá năng lực cán bộ theo cảm tính, hoặc để bạt cán bộ như là sự ban thưởng, mà không phải theo yêu cầu và kết quả công việc. Đồng thời, điều này còn làm cơ sở cho việc đào tạo, chuẩn bị nguồn cán bộ, công chức một cách chính xác, hiệu quả ; thực sự tham gia vào quá trình cải cách hành chính, kiện toàn và hoàn thiện bộ máy tổ chức nhà nước. Nội dung của cơ cấu cán bộ công chức rất rộng bao gồm ngạch, bậc, lứa tuổi, giới, dân tộc... Ở đây chỉ xin trình bày một số nét mà chúng tôi cho là quan trọng.

Trên thực tế, việc bố trí, sắp xếp cán bộ công chức trong các cơ quan hành chính các cấp của ta trong thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ giữa các ngạch, trần ngạch - dựa trên hệ thống chức danh, tiêu chuẩn chung đã được ban hành, trong nhiều cơ quan không phản ánh đúng tình hình thực tế công việc và trình độ cán bộ. Còn có tình trạng công chức làm trái ngành nghề đào tạo, thừa công chức so với nội dung, khối lượng công việc hoặc quá thừa công chức ở ngạch này mà lại thiếu công chức ở ngạch khác. Những kết quả nghiên cứu tại một số bộ và ở địa phương đã chỉ rõ điều đó. Thí dụ : Năm 1994, có bộ, tại vụ tổ chức cán bộ, số chuyên viên cao cấp chiếm một số lượng lớn, tỷ lệ công chức ở đó là : chuyên viên cao cấp 26%, chuyên viên chính 45%, chuyên viên 26% và cán sự là 3%. Nhưng có bộ, tại vụ quản lý chuyên môn - nơi rất cần các chuyên gia quản lý nhà nước giỏi thì chuyên viên cao cấp lại rất ít. Tỷ lệ ngạch công chức ở đó là : chuyên viên cao cấp 12%, chuyên viên chính 33%, chuyên viên 50% và cán sự 1%. Hiện nay, sau một thời gian thực hiện giảm biên chế và xếp ngạch, bậc công chức theo cách mới, tình trạng này vẫn ít có sự thay đổi. Tại cuộc điều tra mới nhất, có bộ số lượng công chức thuộc văn phòng bộ chiếm tỷ lệ tới 30%, hoặc có bộ tỷ lệ chuyên viên có ngạch cao tại những bộ phận mang tính chất tổng hợp phục vụ cho các nhiệm vụ chuyên môn của một bộ như : tổ chức cán bộ, tài vụ, hợp tác quốc tế... khá lớn. Trong khi đó ở các vụ chuyên vụ môn tỷ lệ này rất thấp, thậm chí không có chuyên viên cao cấp. Tại nhiều tỉnh, nhất là ở các tỉnh mới được tái lập vấn đề cơ cấu cán bộ công chức cũng ở trong tình trạng tương tự, số công chức phục vụ quá đông, trong khi đó số công chức làm chính

* PTS, Viện KHTC nhà nước - Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ

Digitized by Google

sách, quản lý nhà nước lại rất ít. Đó chính là tình trạng "vừa thừa, vừa thiếu" cán bộ công chức đã được Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban chấp hành Trung ương khóa VIII đề cập. Tình hình đó một mặt phản ánh sự bất hợp lý trong việc bố trí cán bộ công chức, mặt khác phản ánh sự bất hợp lý trong việc đánh giá, đãi ngộ đối với họ. Những người làm việc đơn giản hơn thì được hưởng ngạch công chức cao, còn người phải làm những công việc phức tạp thì lại phải chịu ở ngạch bậc thấp. Đó chính là hậu quả của một quá trình tuyển dụng, đào tạo, nâng ngạch, bậc lương chưa căn cứ vào vị trí việc làm, còn theo những lề thói cũ, còn thiếu một cơ chế hợp lý trong việc sử dụng và chuyển ngạch công chức. Điều này đang làm cho hiệu quả công việc không được cao, thừa biên chế, bộ máy tiếp tục phình to ở nhiều nơi, gây cản trở cho việc thực thi công vụ và tiến trình cải cách hành chính. Đổi mới cơ cấu cán bộ công chức, xây dựng cơ cấu công chức hợp lý là một nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa quan trọng, không chỉ đối với việc sắp xếp, điều chỉnh đội ngũ cán bộ công chức hiện tại sao cho có thể sử dụng và phát huy hết khả năng của họ, mà còn thực sự đưa công tác quản lý nhân sự và nguồn nhân lực trở thành khoa học.

Tiến hành đổi mới cơ cấu cán bộ công chức nhằm hướng tới :

- Xác định được ngạch công chức cao nhất ở từng cấp và trong mỗi loại cơ quan hành chính nhà nước. Không để tiếp diễn tình trạng công chức vượt quá yêu cầu công việc gây khó khăn cho ngân sách và người quản lý tổ chức thực hiện, nhất là trong trường hợp người ở ngạch công chức cao không làm quản lý.

- Xác định tỷ lệ thích hợp giữa các ngạch công chức trong mỗi loại cơ quan, số lượng từng ngạch một cách tương đối để mọi người làm đúng chức trách của mình, không lấn sân nhau, đạt hiệu quả.

- Hình thành kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, có cơ chế chuyển ngạch và sử dụng cán bộ công chức thỏa đáng để có thể đáp ứng được lợi ích của người cán bộ công chức mà vẫn ổn định và giữ vững được tỷ lệ giữa các ngạch bậc đã được thiết lập trong cơ quan, chấm dứt dần dần tình trạng chuyên viên chính làm công việc của nhân viên, hoặc ngược lại chuyên viên phải làm những việc của chuyên viên chính, thậm chí của chuyên viên cao cấp, cũng như không để các cán bộ quản lý cấp vụ chỉ ở ngạch chuyên viên chính. Đây là một việc làm hết sức phức tạp, nhưng nếu không làm được thì hoặc sẽ kìm hãm sự phát triển của cán bộ công chức, hoặc chỉ sau một thời gian số lượng công chức ở ngạch cao tăng lên, biên chế sẽ lại phình to ra do phải tiếp nhận những công chức trẻ, ngạch thấp, để đảm nhận các công việc của các công chức vừa chuyển ngạch, phá vỡ tỷ lệ cơ cấu công chức đã có, cũng như phải mất nhiều thời gian công sức để làm công việc đào tạo lại những người thực hiện công vụ kém, hoặc tuyển dụng bổ sung và thay thế những người đã tuyển dụng sai. Vì vậy, cùng với việc xây dựng cơ cấu hợp lý, việc hình thành kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, chuyển ngạch và sử dụng cán bộ công chức sao cho thỏa đáng là hết sức cần thiết trong việc đổi mới cơ cấu cán bộ công chức.

Để đổi mới cơ cấu cán bộ cần tiến hành một số việc :

Việc thiết kế, sắp xếp mới cơ cấu ngạch cán bộ công chức trong giai đoạn hiện nay là một công việc hết sức khó khăn phức tạp. Trước hết nó đòi hỏi phải nắm chắc những thông tin chính xác và mới nhất về con người và công việc. Những chức năng của mỗi đơn vị, mối quan hệ của đơn vị này với các đơn vị khác, hiện trạng cán bộ và công việc ở đó cần phải được xác định và thống kê đầy đủ. Chỉ nhờ việc xác định nội dung và đặc điểm của từng công việc, các kỹ năng và khả năng cần thiết của người công chức nhằm hoàn thành công việc đó mới có thể tiến hành đổi mới cơ cấu ngạch cán bộ công chức thành công. Đó là một khối lượng công việc rất lớn. Ngoài ra công việc này còn đụng chạm tới tâm tư của nhiều cán bộ công chức và một số chế độ chính sách cụ thể đã được ban hành. Vì vậy, cần phải tiến hành thận trọng và có sự phối hợp của các cơ quan tổ chức cán bộ - nơi chịu trách nhiệm phân bổ quản lý nhân sự với các cơ quan đang sử dụng cán bộ nhằm nắm vững tình hình công việc và tổ chức nhân sự ở cơ sở, với những bước đi thích hợp giúp cho việc thiết kế sắp xếp cơ cấu cán bộ công chức được tiến hành một cách thuận lợi, có kết quả. Hiện nay hệ thống chức danh, tiêu chuẩn chung của các ngạch công chức hành chính đã được Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ ban hành. Những nội dung còn lại cần phải làm rõ để có thể tiến hành đổi mới cơ cấu cán bộ công chức trong thời gian tới sẽ bao gồm :

- Tiếp tục xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan : phòng, ban, vụ. Trên cơ sở đó xác

Digitized by Google

định các lĩnh vực, phần việc, nội dung công việc cũng như khối lượng, mức độ phức tạp của những công việc ấy trong công tác quản lý hành chính của mỗi cơ quan một cách cụ thể. Từ đó xác định nội dung chức trách và chức danh cho từng vị trí, cũng như đặc điểm và tiêu chuẩn nhân sự phù hợp và chính xác, xây dựng quy chế công vụ ổn định, đưa việc tổ chức quản lý điều hành vào nền nếp, tránh được tình trạng nhìn người giao việc, hoặc bị động chạy theo các công việc sự vụ nhất thời, giúp cho việc đánh giá đúng mức độ hoàn thành công việc của cán bộ, công chức. Khi tiến hành xác định nội dung công việc cũng như khối lượng công việc cần chú ý hướng tới nội dung quản lý, mức độ phức tạp của công việc được thể hiện ở các loại quyết định, tránh nhầm lẫn nội dung với các hình thức quyết định cũng như các biện pháp được áp dụng trong quá trình quản lý để có thể tuyển dụng, phân công chính xác. Tuy nhiên tất cả những việc làm đó lại phải hướng tới dự kiến được những biến động và phát triển của công việc trong tương lai. Đây là phần việc hết sức quan trọng, bởi chính nó là điều kiện để bảo đảm cho cơ cấu cán bộ công chức ổn định trong một thời gian nhất định. Như vậy, việc phân tích tỉ mỉ nội dung công việc, nắm lấy khối lượng công việc, hệ thống hóa chúng, đồng thời xác định các yêu cầu thực hiện công việc, các tiêu chuẩn cần thiết ở người cán bộ công chức như khả năng, trình độ, phẩm chất, lai lịch, kinh nghiệm v.v... sẽ cho phép dự kiến được sự phân công chức danh, xác định được số lượng công chức cho mỗi vị trí chức danh đó, thực hiện việc thiết kế lại công việc và hoàn thiện cuộc sống nghề nghiệp cho cán bộ công chức.

- Đánh giá và nắm lại thực trạng việc phân công công việc, tình hình bố trí cán bộ theo từng chức danh cụ thể - trên cơ sở thống kê khối lượng công việc của từng cá nhân trong vòng một hai năm trở lại đây. So sánh với nội dung và khối lượng công việc được xác định, soát xét lại, tìm ra sự chồng chéo, bỏ trống, hoặc phân công cán bộ không đúng vị trí, khả năng để có thể bổ sung, sửa đổi, tổ chức phân công lại theo đúng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ đã được ban hành, cũng như có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kịp thời.

- Nắm lại trình độ thực sự của cán bộ công chức. Đây là một việc làm không thể thiếu khi tiến hành đổi mới cơ cấu cán bộ công chức nhằm tạo ra một cơ cấu hợp lý - không phải một cách hình thức mà trên ý nghĩa thực tế của nó. Đánh giá được trình độ cán bộ công chức sẽ giúp cho việc từng bước sắp xếp cán bộ công chức đúng với khả năng và tiến hành tổ chức đào tạo bồi dưỡng kiến thức, thực hiện kế hoạch tiêu chuẩn hóa và tuyển mới cán bộ công chức trong tương lai đúng hướng. Tuy nhiên cần có sự thay đổi và có cách nhìn thống nhất trong việc đánh giá trình độ, năng lực cán bộ công chức. Không nên coi trình độ cán bộ công chức chỉ đơn giản ở bằng cấp chuyên môn, hoặc đồng nhất trình độ với ngạch công chức mà họ đang đảm nhiệm. Bởi vì, hiện nay sau nhiều lần chuyển đổi cách tính lương, nhiều người có ngạch bậc cao nhưng trình độ thực sự lại rất hạn chế, không đủ sức đảm nhận được nhiệm vụ tương ứng, cũng như nhiều người có trình độ chuyên môn cao nhưng lại rất thiếu tri thức quản lý nhà nước và trình độ quản lý hành chính. Vì thế, đánh giá trình độ cán bộ công chức cần phải căn cứ vào khả năng của họ trong việc nắm bắt tình hình, ra các văn bản quản lý nhà nước, tổ chức điều hành việc thực hiện các quyết định hành chính các cấp trong phạm vi lĩnh vực mình phụ trách để có thể có quyết định phân công, bổ nhiệm chính xác.

Một số điều cần chú ý khi đổi mới cơ cấu cán bộ

Trước hết, để bảo đảm sự ổn định của một cơ cấu ngạch công chức hợp lý, cần thiết phải chú ý tới cơ cấu lứa tuổi của công chức. Cơ cấu lứa tuổi không phản ánh trình độ thực hiện công việc của một cơ quan, nhưng nếu không chú ý tới cơ cấu lứa tuổi đôi lúc sẽ dẫn tới những bất hợp lý trong cơ cấu ngạch bậc như không còn các chuyên gia ở ngạch bậc cao do đến tuổi nghỉ hưu, hoặc cùng một thời điểm có quá nhiều chuyên gia ở cùng một ngạch. Vì vậy, cùng với việc xác định cơ cấu ngạch bậc cần phải chú ý tới cả cơ cấu về lứa tuổi của cán bộ công chức trong quá trình đổi mới hiện nay.

- Bên cạnh những công việc trên, cần phải có sự phân định giữa công chức chuyên môn nghiệp vụ với công chức lãnh đạo. Các công chức chuyên môn nghiệp vụ (sau đây thống nhất gọi là công chức) là những người được đào tạo thành nghề và có nghề, làm việc ổn định trong các cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm cho mọi công việc quản lý hành chính

Digitized by Google

được tổ chức có nền nếp, thường xuyên, liên tục. Đội ngũ này, càng ổn định, càng có bề dày kinh nghiệm càng tốt. Còn đối với công chức lãnh đạo trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp - được bổ nhiệm hay qua bầu cử, do yêu cầu của công việc, ngoài trình độ chuyên môn còn đòi hỏi phải có đầu óc tổ chức, biết chỉ huy, nhạy bén, linh hoạt, có phẩm chất đạo đức. Công chức lãnh đạo do việc thuyên chuyển, thay đổi theo nhu cầu hoặc theo nhiệm kỳ, nên chỉ tồn tại ở chức vụ đó có thời gian. Vì có những đặc điểm riêng như vậy, đối với mỗi loại đối tượng cần có những quy chế riêng phù hợp, tránh để tạo ra những tình trạng bất cập giữa chức vụ được đảm nhận với ngạch bậc được hưởng như đang có hiện nay, làm ảnh hưởng tới việc thiết lập cơ cấu công chức trong cơ quan.

- Đồng thời cũng cần có quan niệm và phương thức thích hợp trong việc đánh giá, đề bạt công chức. Cần phân biệt việc thi tuyển công chức với việc sát hạch, đánh giá công chức đã có thâm niên và đang thực thi công vụ. Các công chức mới để được tiếp nhận vào các cơ quan hành chính nhà nước nhất quyết phải qua thi tuyển theo đúng yêu cầu công việc đề ra. Còn đối với công chức đã có thâm niên và đang thực thi công vụ cần thiết phải phân ra thành hai loại. Những công chức hoàn thành nhiệm vụ, có thâm niên nhưng các kết quả và sản phẩm đạt trình độ trung bình thì để chuyển ngạch cần phải được đào tạo và thi chuyển ngạch. Những công chức khác, trong thời gian thực thi công vụ đảm nhận được các công việc và có sản phẩm đạt tới chất lượng của các ngạch bậc trên, khi đã có một thời gian ở ngạch nhất định, thì có thể xếp họ vào ngạch tương ứng, mà không nhất thiết phải qua thi chuyển ngạch. Làm được như vậy, việc đánh giá công chức sẽ sát thực hơn, động viên, khuyến khích được công chức tận tâm với công việc và nỗ lực học tập nâng cao trình độ thực sự, không chạy theo bằng cấp. Đó là chưa kể hiện nay, do việc thi chuyển ngạch cho công chức mới chỉ được bắt đầu nên còn rất nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện.

- Cuối cùng cần xem xét lại và sửa đổi cách tính lương hiện nay, bởi nó đã lộ nhiều điểm bất hợp lý : khởi điểm thấp, số bậc nhiều, thời gian được tính để nâng bậc quá dài (36 tháng đối với chuyên viên), số lượng công chức được thi chuyển ngạch hằng năm quá ít (0,3% số cán bộ công chức) khiến cho đời sống cán bộ công chức không được bảo đảm. Nhiều cán bộ có năng lực, nhưng do nhiều lần chuyển đổi cách tính lương, hiện nay đang ở vào độ tuổi 40 - 45, vẫn ở những bậc thấp của ngạch chuyên viên sẽ khó có cơ hội được chuyển lên ngạch cao trong thời gian làm việc. Vì vậy, giải quyết tốt vấn đề này sẽ góp phần thực hiện tốt việc đánh giá và đãi ngộ công chức, kích thích công chức tận tâm với công việc và giữ gìn phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

Như vậy, để xây dựng cơ cấu công chức hợp lý cần phải tiến hành một loạt các công việc cụ thể. Đó là những công việc khó khăn phức tạp không thua kém gì với chính công việc xây dựng cơ cấu ngạch công chức, nhưng chỉ có thực hiện được các công việc ấy mới có được cơ sở khách quan để xây dựng cơ cấu công chức thực sự hợp lý.

Hiện nay do sự phát triển của khoa học - kỹ thuật và công tác quản lý, tại nhiều nước phát triển, người ta đã tiến hành tuyển dụng nhân sự theo nội dung công việc và trả lương trực tiếp cho người lao động, bỏ dần hình thức quản lý lao động và trả lương theo hệ thống ngạch bậc một cách chặt chẽ. Cách quản lý theo phương thức này tuy có những khó khăn ban đầu đối với người làm công tác nhân lực, nhưng thực hiện được sẽ làm cho công tác quản lý cán bộ công chức sau khi tuyển dụng sẽ đơn giản đi rất nhiều. Tuy nhiên, để thực hiện được điều đó thì đời sống kinh tế - xã hội, cũng như công tác quản lý phải đạt tới một trình độ nhất định, trong khi, Việt Nam đang trong quá trình phát triển, chưa có các điều kiện để có thể tiến hành. Bởi vậy, việc quản lý nhân lực ở nước ta sẽ còn được áp dụng theo phương pháp truyền thống. Và rõ ràng để tiến hành đổi mới cơ cấu cán bộ sẽ động đến những vấn đề nêu trên hết sức tế nhị và phức tạp và là một khó khăn hết sức lớn, phải mất rất nhiều thời gian và công sức nhưng không thể không tiến hành. Vì vậy, đổi mới cơ cấu cán bộ công chức vẫn là công việc có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, vừa mang tính cấp bách và lâu dài, rất cần được sự quan tâm và hợp tác của tất cả các cơ quan trong nền hành chính để công việc được tiến hành thuận lợi và có kết quả, tham gia thực sự và tích cực vào quá trình cải cách hành chính. ❑

Digitized by Google

PHẢI CHĂNG ĐỔI MỚI ĐÃ CẠN KIỆT NGUỒN LỰC ?

VŨ HIỀN

HƠN mười năm qua, công cuộc đổi mới đã thực sự gắn bó với vận mệnh dân tộc, vận mệnh đất nước, gắn bó với mỗi người chúng ta và được bạn bè quốc tế quan tâm đến như một lẽ đương nhiên. Chính vì thế mà mọi biểu hiện của đổi mới luôn được nhiều người chăm chú theo dõi, phân tích, đánh giá, nhận định. Tuy nhiên, do sự nắm bắt tình hình và thông tin ở mức độ khác nhau và do có nhãn quan khác nhau nên đã đi tới những kết luận khác nhau. Nếu không kể một số phần tử có ác ý thường tung ra những luận điệu đả kích, chống phá trắng trợn, hoặc một số thế lực muốn lái chúng ta đi theo con đường khác thì vấn đề đặt ra là, trong đội ngũ chúng ta và bè bạn, bên cạnh số đông có cách nhìn nhận đúng, đây đó vẫn có những ý kiến không thống nhất, và hơn thế nữa, có những nhận thức lệch lạc về công cuộc đổi mới của nước ta. Có ý kiến cho rằng công cuộc đổi mới như vậy là đã thành công, đã hoàn thành nhiệm vụ của nó, nay cần xem xét lại, nếu tiếp tục thì cần thận trọng hơn, nếu thấy không còn động lực thì chuyển sang nhiệm vụ khác. Ý kiến khác có chiều ngược lại, cho đổi mới như vừa qua vẫn còn ngập ngừng, chậm chạp, chưa đủ liều lượng, cần đẩy nhanh hơn nữa, mạnh hơn nữa để tạo thêm động lực, nếu không, trước sau cũng sẽ quay về cái cũ. *Tựu trung lại,* chủ đề nổi cộm nhất là sự nghi ngại rằng đổi mới đã cạn kiệt nguồn lực.

Vậy nên hiểu vấn đề này như thế nào ?

Trước hết, cần khẳng định bản chất và nhiệm vụ của công cuộc đổi mới. Đổi mới là thay cái cũ bằng cái mới tốt hơn. Không phải bây giờ mà trong quá trình cách mạng, chúng ta luôn thực hiện sự đổi mới. Có điều công cuộc đổi mới lần này mang tính toàn diện, tổng thể, sâu sắc và được chuẩn bị có bài bản. Đổi mới là công việc của chúng ta, theo cách thức và bước đi của ta. Đổi mới là một công cuộc sáng tạo mang tính tất yếu. Công cuộc đó phải được triển khai một cách sâu rộng và đồng bộ, nhưng vì nó còn mới mẻ nên phải cân nhắc từng đường đi nước bước cụ thể, chắc chắn. Đổi mới, theo Đại hội VI của Đảng, là đổi mới tư duy mà trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách lãnh đạo và đổi mới tổ chức, cán bộ. Đổi mới tư duy để biết mình, biết người hơn, để nhận thức một cách đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, về thực trạng đất nước và về những chủ trương, chính sách, biện pháp có thể đưa đất nước vào thế ổn định và phát triển. Đổi mới phong cách lãnh đạo để lời nói đi đôi với việc làm, để biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng thành cuộc sống hiện thực. Đổi mới tổ chức và cán bộ là cái chìa khóa để thực hiện thành công đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Đổi mới, với ba nội dung trên, chính là cách phối hợp và tận dụng những yếu tố chủ quan và khách quan để tạo ra khả năng biến thành hiện thực những mục tiêu đã chọn. Đổi mới vừa là sự thay thế cái cũ, vừa là sự chọn lựa cái cũ, cái hiện đang còn tác dụng để cải biến cho nó trở nên thích dụng hơn. Đổi mới có thể coi là một sự phủ định biện chứng : Không bao giờ phủ định sạch trơn và không bao giờ quay lại cái cũ.

Đổi mới để phát triển, đồng nghĩa với phát triển, nhưng là sự phát triển trong thế ổn định, sự phát triển theo đúng định hướng và con đường mà chúng ta đã chọn. Có người khuyên ta : cần tư nhân hóa nhanh hơn, hội nhập thương mại nhanh hơn, phá giá đồng tiền mạnh hơn. Lời khuyên đó dẫu có chân thành thì chúng ta cũng không thể

Digitized by Google

làm như thế. Bởi vì, hơn ai hết, chúng ta hiểu rõ tình hình thực tế của đất nước mình, và đặc biệt quan trọng là chúng ta thực hiện đổi mới nhưng có nguyên tắc, đổi mới nhưng không thay đổi bản chất chế độ xã hội. Đổi mới là thực hiện bước chuyển từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường, nhưng trong khi thực hiện cơ chế thị trường, Nhà nước phải quản lý và điều hành theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng thả nổi thị trường ; đổi mới để phát triển kinh tế, nhưng sự phát triển đó phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội, khắc phục tình trạng phân hóa giàu nghèo. Đổi mới có yêu cầu và gắn với mở cửa, hội nhập. Đổi mới có nội dung và gắn với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Toàn bộ công cuộc hội nhập - mở cửa, đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước là để thực hiện chiến lược phát triển nhanh và bền vững ; là để xây dựng và tăng cường lực lượng sản xuất, củng cố và phát triển quan hệ sản xuất phù hợp ; là để nâng tầm đất nước lên trình độ mới, tầm cao mới. Vậy nên đổi mới chính là để hướng tới chủ nghĩa xã hội, để hiện thực quá độ lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác lập rõ ràng hơn.

Đổi mới và cải cách có cùng nội dung hướng tới cái mới, cái tốt đẹp hơn. Nhưng cải cách thường được hiểu là những hành động nhất định, những cuộc vận động nhất định nhằm những mục tiêu nhất định. Khi những hành động cải cách ấy, những cuộc vận động cải cách ấy đã đạt tới mục tiêu đề ra thì phải có hành động cải cách mới, cuộc vận động cải cách mới. Còn đổi mới, theo cách hiểu của chúng ta, tuy cũng nhằm những mục tiêu nhất định trong những thời kỳ nhất định, song do bản chất và tính tất yếu của nó, lại là một quá trình, không có sự chấm dứt. Đổi mới như một dòng chảy liên tục, vận động liên tục của cả guồng máy xã hội do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng, phát động và lãnh đạo, tổ chức thực hiện. Gần đây nhất, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư (khóa VIII) đã khẳng định tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới để đưa đất nước đi lên. Lời hiệu triệu đó rất phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và ý nguyện của nhân dân.

Qua hơn mười năm thực hiện đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tự to lớn. Chính đổi mới tư duy đã khắc phục được những nhận thức lệch lạc, nhất là bệnh giáo điều, chủ quan duy ý chí, từng bước hình thành những quan niệm mới về mục tiêu, bước đi và cách thức phát triển đất nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Công cuộc đổi mới đã giải phóng sức sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất mới, đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, ổn định chính trị - xã hội được bảo đảm, định hướng xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường, an ninh quốc phòng được củng cố vững chắc, quan hệ hợp tác quốc tế ngày càng được đẩy mạnh thêm.

Chính đổi mới đã đưa nước ta từ chỗ thiếu thốn, có khi phải nhập lương thực, nay trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai thế giới. Chưa bao giờ nhịp độ phát triển và đổi thay từ nông thôn tới thành thị, từ miền núi đến đồng bằng lại nhanh chóng, mạnh mẽ như hiện nay. Cũng chưa bao giờ phong cách sống và làm việc của mọi gia đình và mọi người dân lại có những nét mới mẻ, tươi tắn như ngày hôm nay. Đổi mới đã giúp chúng ta vừa kế thừa và phát huy những thành tựu tốt đẹp đã đạt được trước đây vừa có cách nghĩ khác trước, nghe khác trước, nhìn khác trước, làm khác trước, phù hợp với tình hình đang phát triển. Đổi mới đã đem đến một sức vóc mới cho đất nước, tiếp sức đôi chân chúng ta đi thêm những bước dài trên con đường hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Tuy nhiên, trong tiến trình đi lên, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, chúng ta không quên rằng đất nước mình vẫn còn nghèo, sự phát triển của nền kinh tế chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, còn nhiều yếu tố chưa bảo đảm tăng trưởng cao và lâu bền, còn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, mà những nhân tố này còn có phần tăng thêm. Rõ ràng là phía trước của chúng ta không chỉ có thuận lợi và thời cơ mà còn có những khó khăn và nguy cơ gay gắt. Có lẽ chính điều này đã làm nảy sinh những băn khoăn lo lắng về chặng đường tiếp theo của công cuộc đổi mới, về nguồn lực của đổi mới.

Vậy tiếp theo xin bàn về động lực, nguồn lực của đổi mới. Nếu quan niệm động lực, nguồn lực

Digitized by Google

là những yếu tố tạo nên sức mạnh thúc đẩy sự phát triển, thì động lực của đổi mới bao gồm nhiều yếu tố tiềm ẩn và hiển hiện có thể nhận biết được.

Một là, yếu tố khơi nguồn động lực của đổi mới chính là việc định hướng đúng, phát động đúng thời điểm. Chúng ta xác định đổi mới phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Định hướng đúng đắn làm cho sự nghiệp đổi mới vừa hợp thời, hợp quy luật, hợp lòng dân, vừa có sự chắc chắn, vững tin. Chuẩn bị kỹ và phát động đổi mới đúng lúc, đồng thời với mở cửa hội nhập nên chúng ta có thể chủ động và sáng tạo trong mọi tình huống, đã đứng vững và phát triển trong khi cải cách ở Liên Xô và Đông Âu bị thất bại.

Hai là, chính những thành quả của đổi mới lại tiếp thêm luồng sinh khí mới, tăng thêm động lực cho nó, tạo cho đất nước ta thế mới, lực mới, gia tốc mới. Thế mới và lực mới là tổng hợp những thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội, là kết quả của việc phát triển mọi mặt với sự thông thoáng trong nước và mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài. Gia tốc mới là khả năng vượt trội, là độ tăng trưởng liên tục ở mức khá cao tạo đà cho giai đoạn kế tiếp. Thế mới, lực mới, gia tốc mới tạo ra tầm vóc và khả năng mới của đất nước. Đó không chỉ là khả năng đất nước vươn tầm mà còn là năng lực mới mạnh mẽ để tiếp tục thúc đẩy sự nghiệp đổi mới phát triển. Đổi mới được nạp thêm năng lượng mới.

Ba là, yếu tố quyết định là động lực và những nguồn lực trong nước. Động lực quan trọng phục vụ và thúc đẩy công cuộc đổi mới là tổng hợp các nguồn lực trong nước, bao gồm không chỉ có vốn, tài sản đã tích lũy được mà còn là tài nguyên chưa đưa vào sử dụng, là lợi thế về địa kinh tế, địa chính trị và quan trọng hơn hết là nguồn lực con người, bao gồm cả sức lao động, trí tuệ và tinh thần gắn với truyền thống văn hóa của dân tộc ta. Trong các nguồn lực đó, nguồn lực về tài nguyên là khá phong phú ; nguồn lực về đất đai, vị trí địa lý là khá thuận lợi ; nguồn lực về truyền thống là sâu sắc, đặc thù ; nguồn lực về con người và trí tuệ là vô cùng to lớn.

Bốn là, những nguồn lực từ bên ngoài. Đây là một yếu tố quan trọng mà nếu biết cách tranh thủ cũng sẽ tạo nên động lực cho công cuộc đổi mới đất nước. Nguồn lực bên ngoài bao gồm : vốn, kỹ thuật - công nghệ, kinh nghiệm quản lý, chất xám, tinh hoa văn hóa nhân loại. Trên cơ sở phải phát huy mọi nguồn lực trong nước, chúng ta có đầy đủ điều kiện để có thể thu hút nguồn lực bên ngoài. Với việc mở rộng nhiều hình thức, có bước đi, biện pháp và chính sách ưu đãi thích hợp, chúng ta nhất định khuyến khích mạnh mẽ việc hợp tác về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ ; đặc biệt là thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào nước ta trên cơ sở đôi bên cùng có lợi. Thực tiễn cho thấy, muốn thu hút được nguồn lực bên ngoài, nền kinh tế trong nước phải phát triển tốt, xã hội phải ổn định. Hai năm qua, mức tăng trưởng của nước ta có giảm đôi chút nhưng vẫn đạt 9%. Đây vẫn là một nhịp độ khá cao so với thế giới. Cũng chính vì điều này mà tại Hội nghị Tô-ki-ô tháng 12-1997, các nước tiếp tục nhận tài trợ cho Việt Nam với mức 2,4 tỉ USD.

Năm là, sự phù hợp giữa ý Đảng và lòng dân. Đây là động lực mang tính quyết định đối với sự nghiệp đổi mới. Động lực đó bắt nguồn từ năng lực sáng tạo, bản lĩnh trí tuệ của Đảng ta và của nhân dân ta, thể hiện ở trình độ đoán định, nắm bắt những yếu tố và những vấn đề của thời cuộc, dự kiến đúng tình huống, xác định đường đi nước bước rõ ràng, sẵn sàng tạo lập và nắm bắt thời cơ, khắc phục nguy cơ, vượt qua thách thức đưa đất nước đi lên. Do đổi mới là sự phù hợp giữa ý Đảng và lòng dân nên khi Đảng ta phát động, nhân dân nhiệt tình hưởng ứng tạo thành động lực to lớn thực hiện có hiệu quả sự nghiệp đổi mới đất nước.

Rõ ràng là công cuộc đổi mới của chúng ta không chỉ đạt được những thành tựu to lớn qua hơn mười năm thực hiện, mà còn tiếp tục được đẩy mạnh với những nguồn lực phong phú và hết sức to lớn, trong đó có những nguồn lực không bao giờ cạn. Hành trình đổi mới với sự phù hợp giữa ý Đảng và lòng dân đã và đang kết hợp tất cả ba yếu tố : thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Đó là động lực lớn nhất, là yếu tố cơ bản nhất tạo nên khả năng thành công của sự nghiệp cao cả trọng đại : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.❑

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

HÀ XUÂN TRƯỜNG

Bàn đến một vấn đề mà không ít người cho là đã quá thời, tôi tự hỏi mình có giáo điều đến mức gàn dở ? Mấy năm gần đây, nhiều nhà triết học, nhà tư tưởng, văn nghệ sĩ hay nhắc đến tâm linh. Vâng, cái tâm linh, nó có thật đấy. Cái tâm linh của tôi luôn được khơi dậy và hỏi : cái "chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa" (CNHTXHCN) có một thời được Đảng và các nhà lý luận, phê bình và sáng tác ca ngợi và bảo vệ ở đâu rồi, sao lâu nay không ai nhắc tới ? Ở quê hương mà nó ra đời chủ nghĩa xã hội không còn nữa, có không ít người trước đây sùng tín nó bao nhiêu thì nay lại xỉ vả nó bấy nhiêu, coi nó như một tai họa, một "dị tật" cho nền văn hóa nước Nga và các nước trong Liên Xô (cũ). Và ở phương Tây, những chửi rủa cùng những lời ai điếu. Trong chúng ta từ Mát-xcơ-va có người đã viết thư khuyên chúng ta hãy "sám hối" đi, "sám hối" vì đã đi theo con đường của CNHTXHCN. Phải nói thẳng ra rằng trong một số người trong quan hệ với nước ngoài cái danh từ "chủ nghĩa xã hội" hay tính từ "xã hội chủ nghĩa" dễ làm phiền lòng người khác và phiền lòng cả mình.

Cách đây hơn hai mươi năm tôi có viết bài "Chủ nghĩa hiện thực phê phán và vai trò phê phán của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa" đăng trên báo "Văn nghệ" khẳng định vai trò lớn lao của chủ nghĩa hiện thực thế kỷ XIX ở châu Âu và sự kế tục truyền thống ấy trên một thế giới quan và nhân sinh quan cao hơn ở trào lưu hiện thực xã hội chủ nghĩa ra đời từ khi có chủ nghĩa Mác và giai cấp công nhân tham gia vũ đài chính trị. CNHTXHCN là một trào lưu nhận thức hiện thực sâu sắc hơn, và đấu tranh cho sự cải biến hiện thực bất công. "Văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa không phải chỉ đóng khung trong việc phản ánh hiện thực xây dựng chủ nghĩa xã hội, và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, mà phải miêu tả lại xã hội cũ dưới ánh sáng của thế giới quan cách mạng, làm nổi bật vai trò quyết định phát triển lịch sử của nhân dân lao động, phải phê phán không thương tiếc những bất công của xã hội cũ, những tàn dư của xã hội cũ, và những thứ tiêu cực mới trong chế độ xã hội chủ nghĩa... Chúng ta chống thuyết "không mâu thuẫn". Không có sự phát triển nào mà không có mâu thuẫn. Có mâu thuẫn thì phải có đấu tranh. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa là tiến hành một cuộc đấu tranh gay gắt... Gơ-tơ đã nói một câu thú vị : "Kẻ nào không đủ khả năng để tự cười mình, kẻ đó không thể xếp vào hàng những người ưu tú" (trích bài viết đã dẫn).

Hôm nay tôi lại viết tiếp ý nghĩ của mình trong bối cảnh thoái trào của chủ nghĩa xã hội, CNHTXHCN đang bị tiến công hoặc bị quên đi, hoặc bị xuyên tạc một cách kỳ cục. Người ta coi đó là sự áp đặt của Xta-lin. Người ta coi đó là biến văn nghệ sĩ thành cái "đinh vít" bị động tiếp nhận chỉ thị của Đảng... Và không ít người nghĩ muốn hội nhập vào khu vực, vào thế giới thì phải biết thay đổi mình. Tôi nghĩ tư tưởng đó không phù hợp với tư tưởng của Đảng ta. Chính vì tích cực hội nhập mà phải gìn giữ cho được bản sắc dân tộc. Bản sắc dân tộc có cái truyền thống và cái hiện đại. Một trong những cái hiện đại làm nên bản sắc của văn học nghệ thuật Việt Nam, đó là CNHTXHCN.

CNHTXHCN gắn liền với văn học, nghệ thuật Xô viết, nhưng đâu chỉ có văn học Xô viết ; nó là của thế giới trong đó có Việt Nam. Cuộc đấu tranh cho trào lưu này ở Việt Nam từ những năm 20 đầu thế kỷ, và tạo ra được một thời kỳ văn học, nghệ thuật cách mạng đáng tự hào ngay trong máu lửa của chiến tranh, xuất phát vững chắc cho nền văn học, nghệ thuật cách mạng, xã hội chủ nghĩa.

Tôi muốn đề cập CNHTXHCN như một trào lưu văn học mới mẻ xuất hiện cùng với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, đặc biệt từ sau Cách

Digitized by Google

mạng Tháng Mười. Về phương pháp sáng tạo tôi thiết nghĩ nên để cho người sáng tạo quyết định. Mỗi người sáng tạo có phương pháp của mình, trong quá trình sáng tạo không chỉ dùng một phương pháp mà nhiều phương pháp khác nhau, tuỳ thuộc vào nội dung và ý tứ của tác giả. Tôi nhớ có lần gặp nhà văn G. Mác-két ở trụ sở Hội nhà văn Việt Nam, lúc đó ông là Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Cô-lôm-bi-a. Trong cuộc trao đổi, tôi hỏi ông về phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa và phương pháp hiện thực huyền ảo phổ biến trong văn học châu Mỹ la-tinh. Ông nói : Tôi viết theo cách của tôi, có nhiều phương pháp thể hiện, điều đáng quan tâm là khuynh hướng trong sáng tác. Đồng ý với ông Mác-két. Trong bài này tôi muốn bàn thêm về CNHTXHCN với tư cách một trào lưu văn học, nghệ thuật hiện đại nhất của thế kỷ XX có triển vọng lớn lao bước sang thế kỷ XXI.

Hiện tượng của trào lưu đó có từ trước nhưng danh xưng cho trào lưu văn nghệ mới mẻ đó xuất hiện từ nước Nga Xô viết. Tình hình văn học Nga những năm 20 rất phức tạp. Những khuynh hướng trừu tượng, siêu hình nổi lên phản ánh một tâm trạng u uất, khủng hoảng trước khi cách mạng nổ ra, khi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất còn tiếp tục. Tiếp đó một số khuynh hướng cực đoan xuất hiện sau khi cách mạng thành công như "văn hóa vô sản" "văn học công nhân". Trong bối cảnh ấy cần xác định hướng đi cho văn học của chế độ xô viết, đáp ứng nhu cầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hướng đi đó phải tạo cho nền văn học thoát khỏi những hạn chế của nền văn học cũ, thoát khỏi những khuynh hướng hoảng loạn cũng như những khuynh hướng cực đoan nhân danh vô sản, nhân danh giai cấp công nhân cự tuyệt mọi sự kế thừa, mọi sự đa dạng, rơi vào chủ nghĩa hư vô.

Nhóm từ "chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa" xuất hiện trong hoàn cảnh đó. Nó được sự quan tâm của những nhà lý luận như Go-rơ-ki, Bu-kha-rin, Ra-đếc ở Đại hội nhà văn Xô viết lần đầu tiên năm 1934 bao gồm 590 đại biểu với 40 khách nước ngoài trong đó có nhà thơ cộng sản nổi tiếng của nước Pháp, Lu-i A-ra-gông. Nó được xác định trong một định nghĩa khái quát như sau :

"Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, phương pháp cơ bản của văn học xô viết và của phê bình văn học yêu cầu nhà văn trình bày một cách trung thực và lịch sử cụ thể hiện thực trong quá trình phát triển cách mạng của nó. Do đó sự sinh động và trạng thái lịch sử cụ thể phải gắn liền với nhiệm vụ của một sự thay đổi tư tưởng và giáo dục những người lao động theo tinh thần của chủ nghĩa xã hội".

Đứng về văn học Nga, CNHTXHCN được coi như là một sự nối lại với truyền thống của phong trào dân chủ mà đại diện là Bi-ê-lin-xki, Da-bra-lui-bốp, Chéc-nư-sép-xki. Đứng về văn học châu Âu mà đại diện là nền văn học Pháp, CNHTXHCN được coi như một sự tới cùng của nghệ thuật thế kỷ Ánh sáng (thế kỷ XVIII) và chủ nghĩa hiện thực của thế kỷ XIX dưới cái tên "chủ nghĩa hiện thực xã hội" (réalisme social) hay "chủ nghĩa hiện thực phê phán" (réalisme critique) với những nhà văn tên tuổi như Ban-dắc, Xtăng-đan. A-ra-gông coi CNHTXHCN là sự hoàn tất của chủ nghĩa hiện thực phê phán của Xtăng-đan, chủ nghĩa lãng mạn tích cực của Huy-gô. Nhà triết học và mỹ học Hung-ga-ri nổi tiếng Lu-kát một thời bị xếp vào loại "xét lại" coi CNHTXHCN là sự chuẩn mực bắt đầu từ mô hình Ban-dắc chống lại chủ nghĩa tự nhiên của Phơ-lơ-be và Dô-la A-ra-gông viết : "Thực tế (la réalité) có bộ mặt giai cấp của nó, ở đó cái thực (le réelt) không phải là cứu cánh mà là một phương tiện cho sự thay đổi cách mạng của bản thân thực tế... CNHTXHCN đòi hỏi nhận thức hiện thực để cải tạo nó. Chính vì vậy, ở nước Pháp vấn đề đặt ra là chủ nghĩa hiện thực của Pháp".

Quan điểm đó cũng là quan điểm của J-đa-nốp, người phụ trách công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Liên Xô hồi đó khi ông giải thích danh hiệu "kỹ sư tâm hồn" mà Xta-lin đặt ra cho văn nghệ sĩ. Ông nói : "danh hiệu đó trước hết là hiểu cuộc sống để có khả năng thể hiện chân thật trong một tác phẩm nghệ thuật, không phải như một vật chất, cũng không phải giải đơn như "một sự thật khách quan" mà là sự thể hiện trong sự phát triển cách mạng... là kỹ sư tâm hồn nghĩa là đứng vững hai chân trên mặt đất của đời sống thực tại. Nó còn có nghĩa là cắt đứt với chủ nghĩa lãng mạn kiểu cũ, thay bằng chủ nghĩa lãng mạn kiểu mới, chủ nghĩa lãng mạn cách mạng", "CNHTXHCN là phương pháp cơ bản của văn học và phê bình xô viết, chủ nghĩa lãng mạn cách mạng phải đi vào sáng tạo văn học như một phần chủ yếu". A-ra-gông gọi đó là "chủ nghĩa lãng mạn mác-xít". J-đa-nốp sau này rơi vào quan điểm cực đoan tiếp tay cho những sai lầm của Xta-lin khi phê phán vở nhạc

Digitized by Google

kịch của Mu-ra-den-li, Sốt-xta-kô-vích, thơ của Ác-ma-tô-van năm 1946. Nhưng năm 1934 ông nói tiếng nói chung ở Diễn đàn một Đại hội nhà văn chưa từng có ở Nga cũng như trên thế giới trước đó.

Một số nhà lý luận phương Tây và cả ở nước ta từ trước tới nay vẫn coi CNHTXCN là sự áp đặt của Xta-lin vào văn học xô viết như ông đã đặt một cái khung chật hẹp cho ngôn ngữ học, hay coi thuyết di truyền cũng như tâm lý học là duy tâm làm cho những khoa học này một thời gian dài bị ngừng trệ ở Liên Xô. Như trình bày ở trên CNHTXCN không phải là nhóm từ của Xta-lin, mà là sự suy nghĩ tập thể - nếu có thể nói như vậy - của những học giả, những nhà văn xô viết và cả của những nhà văn cộng sản châu Âu lúc bây giờ. Nó là một trào lưu mới của văn học thế giới khi trên vũ đài chính trị xuất hiện đại diện của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đấu tranh giành quyền làm chủ. Có thể nói nó được bắt đầu từ bài quốc tế ca, thơ văn của những chiến sĩ công xã Pa-ri đến tiểu thuyết "Bà mẹ" của Go-rơ-ki. Và nó được xác định ở Đại hội nhà văn Xô viết lần thứ nhất, một trong những kết quả của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại.

Trào lưu văn học đó đã sản sinh ra nền văn học xô viết vĩ đại với những tên tuổi lớn lao như Go-rơ-ki, A.Tôn-xtôi, Mai-a-kốp-xki, Xê-ra-phi-mô-vich, Sô-lô-khốp, Ô-xtrôp-xki, Xi-mô-nốp, Ê-ren-bua, Fê-đin, Fa-đê-ép, Ai-ma-tốp, Ê-xê-nhin, v.v và v.v... mà ảnh hưởng đã vượt ra ngoài phạm vi Liên bang Xô viết. Trào lưu đó đã sản sinh ra Rô-lăng, Bác-buýt, A-ra-gông, Ê-luy-na (Pháp), Anna Xê-gơc, Bờ-rét (Đức), Hích-mét (Thổ Nhĩ Kỳ), A-ma-đô (Bờ-ra-din), Ghi-den (Cu-ba), Nê-ru-đa (Chi lê), Loóc-ka, An-béc-ti, Héc-năng-đê (Tây Ban Nha), Lỗ Tấn, Tào Ngu, Quách Mạt Nhược (Trung Quốc), v.v... và ở nước ta những tên tuổi Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Nguyên Hồng, Lan Khai đều chịu ảnh hưởng của trào lưu đó mà Hải Triều những năm 30 ở nước ta gọi là "văn học hiện thực xã hội" và đấu tranh cho trào lưu văn học mới đó. Trong cuộc đấu tranh đó, điều tất yếu tất phải đến : sự xuất hiện của thơ Tố Hữu. Tố Hữu hấp thụ được thế giới quan và nhân sinh quan mới do Đảng Cộng sản đem lại, sớm dấn thân vì sự nghiệp cách mạng. Với "Từ ấy", ông được coi là nhà thơ đầu tiên của CNHTXHCN ở Việt Nam.

CNHTXHCN không phải chỉ là văn học viết về xây dựng chủ nghĩa xã hội, ở những nước đã có chủ nghĩa xã hội như các nước Liên Xô trước đây, mà là một trào lưu chung, một trào lưu văn học thế giới tiếp nối và phát triển những trào lưu chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa lãng mạn tích cực (cách mạng) nhằm nhận thức, khám phá hiện thực của xã hội loài người phong phú, muôn màu muôn vẻ trong đó cuộc đấu tranh giai cấp là một mặt quan trọng với mục đích góp phần thay đổi nó, cải tạo nó trong tinh thần nhân văn cao cả của lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Ở đâu có đấu tranh cho sự công bằng xã hội, ở dâu có đấu tranh cho quyền lợi bình đẳng của con người, chống bóc lột, áp bức, đề cao nhân ái, thủy chung thì ở đó có miếng đất nảy sinh và phát triển của CNHTXHCN. Chủ nghĩa hiện thực trong phong trào cách mạng tư sản, tính cách mạng của nó không chỉ là bác bỏ những gò bó của chủ nghĩa cổ điển, mà chính là dám nhìn thẳng vào sự thật, phanh phui tận cùng những mâu thuẫn của xã hội, của từng con người, nhưng nó bị hạn chế bởi tầm nhìn (nói cách khác là hạn chế về thế giới quan và nhân sinh quan). Chủ nghĩa lãng mạn cách mạng tự nó cũng không đủ nếu không có chủ nghĩa hiện thực mang tính cách mạng mới (tức cách mạng vô sản so sánh với cách mạng tư sản). Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà Đảng Cộng sản Trung Quốc coi phương pháp sáng tác của văn học cách mạng Trung Quốc là sự kết hợp giữa chủ nghĩa hiện thực cách mạng và chủ nghĩa lãng mạn cách mạng.

Bàn đến chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa không thể không bàn đến tính đảng. Chúng ta đều biết bài báo nổi tiếng của Lê-nin "Tổ chức Đảng và văn học Đảng". Chúng ta cũng đều biết Lê-nin đã phê phán gay gắt các khuynh hướng "văn hóa vô sản" "văn học công nhân" như thế nào. Chúng ta cũng biết quan điểm của Lê-nin về di sản văn hóa của quá khứ... Nói như vậy để hiểu chính xác về quan điểm tính đảng của Lê-nin. Đã có nhiều sự giải thích về tính đảng đối với văn học nước ta. Ở đây tôi chỉ muốn nói đến cái cốt lõi của tính đảng là tính chiến đấu không khoan nhượng vì lý tưởng của Đảng và sự thấm nhuần thế giới quan và nhân sinh quan cộng sản. Nó là sự bảo đảm của tinh thần cách mạng và sự đổi mới cách mạng của nhà văn, của văn học mạnh mẽ phê phán những thói hư tật xấu, những mặt tiêu cực của xã hội. Tính đảng là định hướng chính trị,

Digitized by Google

định hướng tư tưởng của một trào lưu, của một nền văn học. Không nên mở rộng quá nội dung của phạm trù này đến mức coi nó như là tất cả, quyết định tất cả làm cho sáng tạo trở nên xơ cứng. Những lệch lạc hạn chế sự phát triển của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô cũng như ở nước ta trước đây về tư tưởng thường bắt nguồn từ việc "bảo vệ tính đảng" trong văn học một cách máy móc, gò bó làm lu mờ những đặc trưng chủ yếu của văn học. Đúng rằng không có một nền văn học nào, một trào lưu văn học nào không có định hướng chính trị, nếu tự nhà văn không xác định được định hướng đó thì các thế lực chính trị sẽ quyết định hộ (ủng hộ hay phản đối tùy thuộc vào lợi ích chính trị của họ). Nhưng văn học không phải là chính trị, trước hết nó là văn học, một loại hình thái ý thức đặc biệt. Tôi nói điều này để tránh lặp lại hai thái độ cực đoan : 1) Tách văn học khỏi các xu hướng chính trị thậm chí tự cho mình là một "bá quyền" ; 2) Đồng nhất văn học với chính trị thậm chí biến văn học thành một phương tiện của chính trị. Những khái niệm như "tính đảng", những cụm từ "văn nghệ phục vụ chính trị", "văn nghệ phục vụ công nông binh" bản thân nó không có gì sai, nhưng tất cả đều mang tính lịch sử cụ thể, áp dụng tràn lan, coi nó như là những nguyên tắc bất biến, những giáo lý đặt vào đâu cũng đúng, là sai lầm. Theo tôi cái tính từ "xã hội chủ nghĩa" đủ để bảo đảm tính tư tưởng cũng như định hướng lý tưởng của một trào lưu hay của cả một nền văn học, để tránh sự hẹp hòi và mọi sự hiểu lầm, không nhất thiết nêu tính đảng như một đặc điểm của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta đang tiếp tục xây dựng và phát triển một nền văn học mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền văn học đó đa dạng chấp nhận mọi trường phái, mọi phương pháp với điều kiện những trường phái đó, những phương pháp đó sáng tạo vì mục đích cao cả là chân - thiện - mỹ. Chúng ta không lấy tiêu chí của một trào lưu này để thẩm định giá trị của một tác phẩm văn học, nghệ thuật của một trào lưu khác. Tuy vậy đối với cả một nền văn học nghệ thuật, nhất thiết phải có chủ lưu của mình. Để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nền văn học đó phải phấn đấu cho chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trở thành thực sự là chủ lưu của nền văn học dân tộc. ❑

XÂY DỰNG...

(Tiếp theo trang 16)

Cần lưu ý thêm rằng, các thành viên trong khu vực kinh tế này, với tư cách là người lao động họ nhận được tiền lương và với tư cách là cổ đông hay xã viên họ nhận được cổ tức. Ngoài ra, họ còn nhận được các khoản phúc lợi do doanh nghiệp hay hợp tác xã phân phối thông qua quỹ phúc lợi của doanh nghiệp.

b) Đối với các thành phần kinh tế khác.

Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, kết quả sản xuất kinh doanh gắn với sự đóng góp của các nguồn lực. Nguồn lực có nhiều, nhưng chủ yếu là tài sản tồn tại dưới hình thái giá trị (vốn) do nhiều chủ sở hữu khác nhau được luật pháp thừa nhận và bảo hộ quyền sở hữu và quyền hưởng thu nhập hợp pháp, nên có hình thức phân phối theo nguồn vốn đóng góp. Cho đến nay ở nước ta có các loại vốn và tương ứng với nó có các hình thức thu nhập :

- *Vốn tự có.* Tương ứng với vốn này chủ sở hữu được phân phối dưới hình thức lợi nhuận trên vốn tự có.

- *Vốn cho vay.* Tương ứng với vốn này, chủ sở hữu được phân phối dưới hình thức lợi tức trên vốn cho vay.

- *Vốn cổ phần.* Tương ứng với vốn này, chủ sở hữu được phân phối dưới hình thức cổ tức so với vốn cổ phần.

c) Ngoài các hình thức phân phối nói trên, với chức năng công bằng xã hội, nhà nước cần thông qua các hình thức phúc lợi xã hội ; thông qua các chính sách và luật pháp, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động, thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế ; không để quan hệ này "biến thành quan hệ thống trị, dẫn tới sự phân hóa xã hội thành hai cực đối lập"(6), mặc dù nhà nước thừa nhận sự tồn tại lâu dài các hình thức thuê mướn lao động. Nhà nước còn thông qua "phân phối và phân phối lại hợp lý các thu nhập ; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, không để diễn ra chênh lệch quá đáng về mức sống và trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư"(7)❑

(6), (7) *Văn kiện đã dẫn*, tr 92, 92 - 93

Digitized by Google

NHỮNG RẠN NỨT LỚN TRONG XÃ HỘI TƯ BẢN

NGUYỄN ĐĂNG THÀNH *

Một số nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản hiện đại trong một vài năm trước đây quan niệm rằng mâu thuẫn cơ bản trong xã hội tư bản - giữa tư bản và lao động vẫn còn, nhưng tập trung chủ yếu ở trong mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển giá trị văn hóa, tinh thần của cá nhân với sự "chuyên chính" của cơ chế thị trường và công nghệ ; hay ở mâu thuẫn giữa những nhu cầu và khả năng làm chủ của những cá nhân công dân đã có đời sống vật chất đủ mức với quyền lực trong xã hội nằm trong tay hoặc bị chi phối bởi một thiểu số đại diện cho giới chủ v.v... Nhưng cũng đến những ngày này khi nhân loại bước lên thềm của thế kỷ XXI thì thực trạng của xã hội tư bản lại cho thấy những vấn đề và mâu thuẫn của nó vẫn tồn tại, vừa biểu hiện gay gắt và sâu sắc ở tầm cao, vừa bao hàm cả những vấn đề tầm thấp thuộc về "cơm - áo - gạo - tiền". Không phải ai khác, chính những học giả với những con số mới nhất đã nói lên những "vết rạn nứt lớn" trong nền tảng kinh tế - xã hội của xã hội tư bản"(1).

1 - Mức tăng trưởng của cả hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa mỗi năm một giảm.

Những năm 60 mức tăng trưởng kinh tế của toàn bộ các nước tư bản phát triển được tính chung là 5%. Tiếp đó, những năm 70 là 3,6% ; 80 là 2,8% và nửa đầu những năm 90 là 2%. Như vậy, trong vòng hơn 20 năm, hệ thống kinh tế tư bản đã mất đi 60% động năng phát triển của nó. Tiêu biểu là Nhật Bản nước có nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới. Năm 1994, sản lượng công nghiệp của Nhật giảm 3% so với năm 1992. Năm 1995, kinh tế Nhật ở mức tăng trưởng bằng không. Năm 1996 vẫn ở tình trạng mắc kẹt, khó có khả năng khởi động lại.

Có thể ai đó lập luận rằng mức tăng trưởng giảm do tổng giá trị của các nền kinh tế tư bản tăng lên tuyệt đối. Chính ở đây, thực trạng kinh tế tư bản bộc lộ những vấn đề phản ánh rõ cấu trúc của nền kinh tế và xã hội tư bản là "có vấn đề" so với sự phát triển bình thường của sức sản xuất.

2 - Nạn thất nghiệp trong các xã hội tư bản ngày càng trầm trọng :

Ở Mỹ trong 2 đợt "thu hẹp kích thước công ty" - cuối những năm 80 đầu những năm 90, đã làm cho 2,5 triệu người không có việc làm.

Ở Tây Âu tốc độ sa thải còn mạnh hơn cả Mỹ. Những năm 50, 60 tỷ lệ thất nghiệp ở châu Âu bằng 1/2 ở Mỹ. Đến giữa những năm 90 tỷ lệ thất nghiệp đã gấp đôi ở Mỹ. (Tháng 5 - 1995 tỷ lệ thất nghiệp ở châu Âu là 10,8% và ở Mỹ là 5,4%). Ở một số quốc gia con số này còn cao hơn : Tây Ban Nha 23,2%, Ailen 14,3%, Phần Lan 16,8%.

Ở các nước Bắc Âu nạn thất nghiệp thực ra nặng nề hơn các con số được thông báo. Bởi vì, với các hệ thống phúc lợi rất hào phóng dành cho những người không có khả năng lao động, nhiều nước như Hà Lan chẳng hạn, có một số lớn lực lượng công nhân chính thức được coi là ở ngoài lực lượng lao động vì họ đang nhận trợ cấp tàn tật của chính phủ (ở Hà Lan là 15%). Thực tế thì có rất ít người trong đó thật sự tàn tật và không có khả năng lao động. Nếu tính cả số người này thì đội quân thất nghiệp sẽ cao hơn nhiều.

Ở Nhật, nơi mà chủ nghĩa tư bản thể hiện hình thức có tính cộng đồng qua chính sách bảo đảm việc làm suốt đời thì thực tế người Nhật cũng phải thừa nhận rằng : Trong sổ lương của các công ty Nhật Bản có một số lượng khổng lồ những công nhân không làm được việc gì. Nếu số này được tính vào lực lượng thất nghiệp chính thức, sẽ có

* PTS, Phó viện trưởng Viện Khoa học chính trị Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Xem Lester C.Thurow : "The future of Capitalism" USA. 1996 ; John. Naisbitt : "Megatrends ASIA...". New-york - 1996

Digitized by Google

khoảng 10% lực lượng lao động Nhật Bản thất nghiệp.

Điều đáng lưu ý của tình trạng thất nghiệp hiện nay ở các quốc gia tư bản phát triển là ;

- Không phải tuyên bố sa thải tạm thời như nhiều thời kỳ trước đây mà là tuyên bố sa thải vĩnh viễn. Số đông trong những người bị sa thải vĩnh viễn sẽ tìm được việc làm tạm thời với mức lương thấp hơn, trợ cấp ít hơn, nhiều rủi ro hơn (ở Công ty RJR Na-bi-cô Mỹ - 72% lực lượng lao động bị sa thải dần tìm được việc làm nhưng với mức lương trung bình chỉ bằng 47% mức lương trước đây họ được trả).

- Không phải chỉ sa thải "công nhân cổ xanh" mà cả "công nhân cổ trắng" và những giám đốc điều hành. (Những năm 1980 - 1981 : cứ 3 công nhân cổ xanh bị sa thải thì có 1 công nhân cổ trắng. Đến 1990 - 1991 tỷ lệ này là 2/1).

- Không phải chỉ do thua lỗ trong làm ăn, mà công nhân bị sa thải lại thường ở chính những hãng đang thu nhiều lợi nhuận nhất. (Hãng Mi-sơ-lanh - hãng sản xuất lốp xe hơi lớn nhất của Pháp công bố đã giảm 1/2 lực lượng lao động của hãng ở Pháp trong 3 năm, trong khi nó sản xuất được nhiều lốp xe hơn bao giờ hết).

Những đặc điểm mới ở trên của nạn thất nghiệp ngay trong nền kinh tế tư bản hiện đại làm nổi bật đặc trưng - mục tiêu vì lợi nhuận tối đa là trên hết - của giới chủ tư sản. Khi số đông người lao động có trình độ học vấn và kỹ năng lao động cao tăng lên, cùng với khả năng rất lớn thu hút lao động với giá rẻ ở nhiều khu vực trên thế giới trong nền kinh tế toàn cầu mở, giới chủ tư bản đã chẳng ngần ngại gì mà không "giãn thợ" để thực ra, xét trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế, là chỉ thuê họ với giá thấp rất nhiều so với trước.

3 - Lương thực tế của người sản xuất - công nhân bình thường (không quản lý ai, chiếm đa số lao động) giảm mạnh trong khi thu nhập bình quân đầu người (GDP / người) trong các nền kinh tế tư bản tăng nhanh.

Ở Mỹ từ 1973 đến 1995 (22 năm) GDP đầu người tăng 33%, nhưng lương thực tế của đa số người lao động lại giảm 14%. Trái với trấn an của vị tổng thống Hoa Kỳ thứ 35, ông Ken-nơ-đi / từ đầu những năm 60 với người dân Mỹ : "Nước nổi thì thuyền cùng nổi", thực tế đã diễn ra lại chứng minh một điều trái ngược : các làn sóng kinh tế có thể dâng cao nhưng hầu hết các con thuyền lại bị chìm.

Vào cuối năm 1994 các mức lương thực tế quay trở về mức của cuối những năm 50. Với tình hình hiện nay thì vào đầu thế kỷ tới các mức lương thực tế của đa số người sản xuất sẽ còn thấp hơn mức lương của họ vào năm 1950. Một nửa thế kỷ đã trôi qua nhưng mức lương của người lao động không tăng mà lại giảm.

Có cái gì khác thường đã xảy ra trong nền kinh tế tư bản ? Sản phẩm, giá trị làm ra nhiều hơn mà người sản xuất ra nó lại nhận phần thực tế ngày càng ít đi. Các học giả tư sản đổ cho tầng lớp "những người già" - lớp người mà trong hơn 20 năm qua ở các nước tư bản được hưởng lợi nhiều nhất do chế độ hưu trí và phúc lợi xã hội. Có thể có những phần trăm của sự đúng đắn trong kết luận đó mà theo đó, các chính khách tư sản phải tìm mọi cách điều chỉnh. Nhưng xét về toàn bộ, đó chỉ là lý do ảnh hưởng tới một bộ phận nhỏ trong tổng thu nhập quốc dân - bộ phận nằm ngoài lợi nhuận của các ông chủ tư bản. Cái rất khác thường kể trên thực ra chỉ phản ánh một cái rất thường trong xã hội tư bản : giới chủ ngày càng giàu lên trong khi người lao động (cả công nhân áo xanh và công nhân áo trắng) ngày càng nghèo đi so với thời kỳ phồn thịnh (những năm 60, 70).

4 - Sự bất bình đẳng đạt đến mức kỷ lục

Khởi điểm của sự gia tăng bất bình đẳng trong xã hội tư bản được các học giả xác định là vào năm 1968. Tới những năm 80, ở Mỹ 64% lợi nhuận thuộc về 1% số người giàu có nhất. Nếu thu nhập không chỉ bao gồm các khoản làm ra mà còn các khoản khác nữa thì 1% số người giàu nhất này chiếm tới 90% tất cả các khoản thu nhập. Năm 1993 nước Mỹ đã đạt kỷ lục của mọi thời đại về sự bất bình đẳng trong thu nhập : 20% các hộ gia đình giàu có thu nhập gấp 13,4 lần so với 20% hộ gia đình ở tầng lớp dưới cùng.

Vào đầu những năm 90, 1% dân số giàu có nhất chiếm trên 40% tổng tài sản xã hội - tức là gấp đôi so với giữa những năm 70 và quay trở về thời kỳ cuối những năm 20.

Digitized by Google

Những rạn nứt kể trên trong nền kinh tế làm lung lay kết cấu giai cấp, vốn nhiều thập kỷ ổn định của xã hội tư bản hiện đại.

5 - Sự sa sút của tầng lớp trung lưu.

Tầng lớp này vốn được xem như là giai cấp biểu hiện rõ sự phồn vinh vững bền của xã hội tư bản hiện đại, là tầng lớp biểu trưng sự phát triển "vững mạnh", "giàu giá trị nhân văn" của xã hội tư bản hiện đại so với xã hội tư bản truyền thống. Vậy mà giờ đây, họ đang và sẽ phải sống trong một xã hội mà lương thực tế giảm xuống, sự bất bình đẳng tăng lên. Họ là những người không có của cải thừa kế, phải dựa vào an sinh xã hội trong khi nhà nước tư sản lại đang rút khỏi vai trò bảo đảm sự an sinh này. Ngày nay những người trung lưu đang phải sống trong những khu phố dần dần trở nên mất an toàn, trường học tồi, hệ thống giao thông xuống cấp v.v...

Gắn với những điều đó là sự đe dọa tan rã cấu trúc gia đình của xã hội tư bản trên phạm vi toàn cầu. Mô hình gia đình trung lưu với một người kiếm ra tiền dần bị xóa bỏ. Ở Mỹ 32% đàn ông từ 25 - 34 tuổi thu nhập không thể duy trì cuộc sống trên mức nghèo khổ của gia đình 4 người. Trong khi đó cái giá của việc duy trì tăng lên rất cao. Trẻ em không còn là "trung tâm lợi ích" mà trở thành "trung tâm chi phí". Con cái và gia đình trở thành những "hàng hóa đắt đỏ". Cuộc sống chịu gánh nặng từ nhiều phía, lại thêm tác động và ảnh hưởng qua lại của "văn hóa tiêu thụ" loại bỏ "văn hóa đầu tư" nên số gia đình tan vỡ gia tăng, số gia đình mới được lập ít đi. Cấu trúc gia đình của đa số các tầng lớp lao động trong xã hội tư bản bao gồm cả của tầng lớp trung lưu bị đe dọa tan vỡ.

Nhà chính trị học người Mỹ Ke-vin Phi-lip nhận xét : Tầng lớp trung lưu là một khái niệm chỉ nhân sinh quan về mặt xã hội hơn là một khái niệm chỉ một cuộc sống tương đối dễ chịu về mặt vật chất. Những khó khăn về kinh tế đã và đang diễn ra trong xã hội tư bản hiện đại cho thấy đến một lúc nhân sinh quan này cũng rất có thể không còn "cơ thể" để mà tồn tại nữa. Như vậy, sự phát triển hiện thực của xã hội tư bản đã đến lúc chỉ ra rằng tầng lớp trung lưu về cơ bản không phải là gì khác tầng lớp những người lao động. Giữa họ với giới chủ, với giai cấp tư sản luôn tồn tại một mâu thuẫn tuyệt đối, rạch ròi. Mâu thuẫn đó bị che lấp đi khi kinh tế tăng trưởng, phồn thịnh, khi xã hội tư bản còn có đối trọng là xã hội xã hội chủ nghĩa nên trong hàng loạt những ứng xử và phân bổ giá trị các ông chủ tư sản không thể không "nhân đạo", "nhân văn", "hào phóng". Khi những điều kiện đó mất đi, cuộc sống hiện thực chỉ rõ cho họ ý tưởng về lao động và tư bản, những người làm thuê và những ông chủ tư sản đang dẫn chỉ là một, chỉ là những điều ảo tưởng.

6 - Tầng lớp vô sản bị bần cùng hóa không ngừng gia tăng trong xã hội tư bản hiện đại :

Sau nhiều thập kỷ phát triển, tưởng đã bước sang giai đoạn "hậu tư bản" - một xã hội chỉ có số ít "người nghèo do lười" thì đến cuối thế kỷ này trong các nước tư bản phát triển hiện đại, người ta lại thấy trở lại ngày một lớn hơn một tầng lớp mà Mác, Ăng-ghen đã chỉ ra từ cuối thế kỷ trước, là hệ quả tất yếu của quan hệ sản xuất tư bản - tầng lớp vô sản bị bần cùng hóa. Tên mới của họ, trong thế giới hiện đại này là "những người vô gia cư". Họ thực chất là những người lao động, nhưng không được nền kinh tế tư bản thuê với bất kỳ mức lương nào dù chỉ là để tồn tại tối thiểu.

Ở Mỹ tầng lớp người này là 12,8 triệu và đang còn khuynh hướng lan rộng. Ở Pháp con số thống kê chính thức cũng đã là 800 000 người. Ở Nhật và nhiều nước tư bản hiện đại khác tầng lớp này cũng đã bắt đầu trở lại có "vị trí" trong xã hội.

Điều đáng lưu tâm là cuộc sống cùng cực và bế tắc của họ, một cuộc sống tự hủy diệt ở trình độ hiện đại. Ở Mỹ số đàn ông ở trong tù hoặc bị quản thúc (tạm tha) nhiều hơn số người thất nghiệp. 40% số đàn ông vô gia cư chưa có vợ là ở trong tù và không có gì hứa hẹn biến họ thành người tốt. Chính tổng thống Bin Clin-tơn thừa nhận : Những người bị quẳng ra bên lề, bị loại ra khỏi nền kinh tế do bùng nổ kinh tế của những năm 80, họ đang sống trong một thế giới tách biệt : không đi bầu cử, không việc làm, không cho con cái đến trường... trong thế giới trống rỗng mà họ sống không có gì bảo đảm.

7 - Nhà nước tư sản đang trút bỏ dần vai trò cung cấp phúc lợi và an sinh xã hội.

Một số người trong chúng ta khi nhìn vào những công việc mà nhà nước tư sản đã làm trong

Digitized by Google

lĩnh vực bảo đảm và cung cấp phúc lợi, an sinh xã hội thường nghi ngại điều mà lý luận mác xít khẳng định về bản chất giai cấp tư sản của nhà nước tư sản hiện đại. Song, bằng chính những gì nhận được dưới sự cai quản của nhà nước ấy trong hơn hai mươi năm qua đã khiến cho 80% người dân Mỹ đánh giá : nhà nước này cai trị là để cho những người giàu (theo điều tra của các nhà xã hội học Mỹ : năm 1964 - 29% dân Mỹ cho rằng nhà nước cai trị là để cho những người giàu, năm 1992 số những người Mỹ khẳng định điều đó là 80%).

Nhìn rộng hơn thì nhà nước tư bản có thực hiện chức năng phúc lợi và an sinh xã hội thì cũng chỉ là sự điều phối, phân bổ một phần nhỏ tổng giá trị lợi nhuận từ sản phẩm mà xã hội tạo ra (26% cho toàn bộ những người lao động). Phần lớn của tổng giá trị lợi nhuận đó thuộc về giới chủ tư sản (64% tổng giá trị lợi nhuận thuộc về 1% những nhà tư sản). Với cái phần lớn này, nhà nước tư sản chỉ là kẻ đứng ngoài bảo vệ. Đó là điều mà trước khi xem xét vai trò của nhà nước tư sản trong việc thực hiện chức năng cung cấp phúc lợi xã hội, chúng ta phải nhìn ra và nhận rõ.

Trở lại phần nhà nước tư sản bảo đảm và cung cấp phúc lợi xã hội, ta thấy đã có một thời người ta nhìn xã hội tư bản phát triển như một phương thức tổ chức xã hội tối ưu về kinh tế. Người có sức lao động và kỹ năng lao động thì hoạt động trong nền sản xuất và kinh doanh với đồng lương xứng đáng. Người không còn khả năng lao động hoặc chưa có kỹ năng lao động thì có hệ thống phúc lợi bảo đảm. Thời đó đã dần qua khi mà mức tăng trưởng kinh tế của hầu hết các quốc gia tư bản đang giảm và hệ thống những giá trị đối trọng trong xã hội xã hội chủ nghĩa không còn.

Trước tình trạng thâm hụt ngân sách trầm trọng, nợ nhà nước gia tăng nhanh chóng, các chính phủ tư sản không thể không cắt giảm các chương trình an sinh xã hội, y tế, lương hưu, bảo hiểm thất nghiệp cũng như các chương trình phúc lợi khác. Ở Mỹ nhóm nghiên cứu để thay đổi hệ thống phúc lợi của tổng thống Bin Clin-tơn đánh giá rằng : Nếu như không có biện pháp nào trong việc cắt giảm các chương trình an sinh, phúc lợi xã hội thì vào năm 2030 mức thâm hụt ngân sách của chính phủ Mỹ sẽ tăng lên 8 lần so với hiện nay.

Thật ra yêu cầu đó hoàn toàn phù hợp với "tinh thần tư bản". Ngay từ khi ra đời, phúc lợi xã hội trong xã hội tư bản hình thành không phải do sự hào hiệp của giai cấp tư sản mà là một phương thức chống đỡ của chủ nghĩa tư bản. Giai cấp tư sản hiểu sự tồn tại lâu dài của nó phụ thuộc vào việc loại bỏ những điều kiện tạo nên tình thế cách mạng. (Bi-xmác - chính trị gia giàu có, bảo thủ, lâu đời ở Đức - sáng lập ra hệ thống lương hưu trí và chăm sóc sức khỏe vào những năm 1880. Sơc-sin - thủ tướng, con một công tước Anh - thiết lập hệ thống bảo hiểm thất nghiệp công cộng vào năm 1911. Ru-dơ-ven - một tổng thống giàu có của Mỹ - thiết kế một nhà nước phúc lợi cho phép chủ nghĩa tư bản ở Mỹ sống sót sau những năm 30...). Do vậy, ngày nay trong một thực tế khó khăn, đồng thời với việc chủ nghĩa xã hội hiện thực không còn, các mô hình dân chủ xã hội đang bị khủng hoảng nghiêm trọng, bản thân các nghiệp đoàn lao động, các đảng cộng sản sau một thời gian bị các thế lực tư sản chèn ép, chia rẽ và mất vai trò dẫn đầu trong các tầng lớp lao động... Nghĩa là những lực lượng đối trọng tạo sức ép trực tiếp, gián tiếp đến sự tồn tại của chế độ tư bản không còn đáng kể thì việc nhà nước tư sản - kẻ bảo hộ hợp pháp lớn nhất, quan trọng nhất cho lợi ích các nhà tư sản - sẽ trút bỏ dần vai trò cung cấp an sinh và phúc lợi xã hội. Tất nhiên thực hiện việc này sẽ không dễ dàng, vì sự phản kháng của lớp người đang được hưởng phúc lợi và an sinh xã hội, trong đó có lớp người già - bộ phận đông đảo trong giới cử tri, có sức nặng trong việc quyết định ai là người cầm quyền ở những thể chế dân chủ tư sản.

Tuy nhiên, khuynh hướng ấy được thực thi trong thực tế cũng có nghĩa là toàn bộ những vết rạn nứt đang có trong nền kinh tế tư bản ngày một mở rộng. Khả năng về một "vụ nổ lớn" hay một "cơn chấn động địa tầng" ở phía trước của chủ nghĩa tư bản hiện đại là có thực và không xa xôi nữa. Các học giả tư sản đang tập trung nghiên cứu "dòng magma kinh tế" và các lớp "kiến trúc địa tầng" - các lực lượng kinh tế - nguyên nhân sâu xa tạo nên "vụ nổ lớn này" với hy vọng tránh khỏi sự đổ vỡ. Chúng ta hãy chờ xem, liệu họ có làm được điều đó không ?.❑

Digitized by Google

TRUYỀN THỐNG NHO HỌC VÀ VIỆC XÂY DỰNG CON NGƯỜI TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

NGUYỄN TÀI THƯ *

Nho học đã có mặt ở nước ta hàng nghìn năm. Các triều đại phong kiến Việt Nam xem Nho học như là học thuyết trị nước, là cơ sở để xây dựng đạo lý làm người. Trong tình hình như vậy, Nho học đã ảnh hưởng sâu sắc tới thế giới quan, nhân sinh quan, nếp sống, phong tục, tập quán, v.v.. của người Việt Nam trong trường kỳ lịch sử. Vì vậy, ở một góc độ nhất định, nó không chỉ là một bộ phận của truyền thống mà còn là cốt lõi của truyền thống.

Khoảng một thế kỷ nay, sự biến đổi của các chế độ xã hội ở Việt Nam đã đẩy Nho học ra khỏi nhiều lĩnh vực của đời sống con người Việt Nam. Sau Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884) ký với triều đình Mãn Thanh, thực dân Pháp dần dần biến nước ta từ một nước thuần phong kiến sang một nước thuộc địa, nửa phong kiến, đã tước bớt cơ sở tồn tại của Nho học. Những quyết định bỏ các kỳ thi Nho học ở những năm 10 thế kỷ XX của chính quyền Pháp, đã khiến Nho học trở thành học thuyết của quá khứ. Cuộc vận động phản đế và phản phong của các phong trào yêu nước trước năm 1945 đã khiến Nho học ngày càng thất thế. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và tiếp theo đó là các phong trào giảm tô, giảm tức, cải cách ruộng đất, v.v. do Đảng ta lãnh đạo đã xóa bỏ một bước cơ bản cơ sở tồn tại của Nho học. Rồi những năm thực hiện chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã liên tục phê phán ảnh hưởng của Nho học, khiến nhiều người không còn thiện cảm với học thuyết này. Mặc dù vậy, truyền thống Nho học vẫn tồn tại và đang thách thức thái độ của con người Việt Nam hiện đại.

Để biến nước ta thành một nước công nghiệp hiện đại, việc giải quyết mối quan hệ giữa truyền thống Nho học và hiện đại là một trong những điều bức xúc hiện nay.

Xưa nay nói đến sự nhìn nhận và đánh giá truyền thống, người ta xuất phát từ nhiều cơ sở khác nhau. Có sự xuất phát từ xã hội cổ truyền, có sự xuất phát từ xã hội đang quá độ từ cổ đại sang hiện đại, có sự xuất phát từ xã hội hiện đại. Xuất phát từ cơ sở nào thì việc cư xử với truyền thống có tầm nhìn đó, khả năng đó và sự lựa chọn đó. Phải xuất phát từ xã hội hiện đại thì mới thấy rõ được bộ mặt truyền thống, từ kết cấu, sự vận động đến khả năng mà nó có thể đạt được. Bởi vì lịch sử của xã hội loài người hay lịch sử của một dân tộc đều là một quá trình lịch sử tự nhiên, giai đoạn sau là tiếp nối giai đoạn trước, giai đoạn sau cao hơn giai đoạn trước, giai đoạn sau đã gạt bỏ những gì của giai đoạn trước không còn phù hợp và cũng phát triển đầy đủ những gì mà ở giai đoạn trước mới là yếu tố, mới là mầm mống. Có từ giai đoạn cao của sự phát triển thì mới có điều kiện thấy rõ được giai đoạn trước đó. Nếu xem con người là kết quả của sự phát triển lên từ con khỉ thì như C. Mác nói : "Giải phẫu học về con người là cái chìa khóa cho giải phẫu học về con khỉ" (1). Và cũng như thế, nếu xem xã hội Việt Nam hiện đại là sự phát triển lên từ xã hội truyền thống thì hiểu được xã hội Việt Nam ngày nay là điều kiện để thấy rõ truyền thống của mình.

Xã hội Việt Nam ngày nay đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và như vậy chưa phải là một xã hội công nghiệp và hiện đại. Mặc dù vậy vẫn phải xuất phát từ yêu cầu của việc xây dựng một xã hội công nghiệp, hiện đại để nhìn nhận truyền thống và lựa chọn truyền thống. Yêu cầu đó có cơ sở ở mục tiêu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Đảng ta đã xác định, cũng có ở trình độ của các nước công nghiệp hiện đại tiên tiến, mà trình độ đó không phải chỉ là ở sự sản xuất, cách thức quản lý sản xuất và công nghệ hiện đại, mà còn là ở cả đời sống văn hóa tinh thần. Nhiều nếp sống văn hóa tinh thần ở các nước hiện đại còn thiếu ở xã hội ta ngày

* Viện triết học, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, t II, tr 622

Digitized by Google

nay, cần phải phấn đấu thực hiện thì mới có thể có được. Có xác định được yêu cầu đó thì việc lựa chọn truyền thống mới đúng hướng, mới có thể biến truyền thống thành một động lực của xã hội hiện đại, mới khỏi sa vào khuynh hướng vị truyền thống mà quên hiện đại, ngộ nhận cái lỗi thời của truyền thống thành cái bản sắc tốt đẹp của dân tộc.

Từ góc độ hiện đại và với tầm nhìn thế giới, ta thấy Nho học là học thuyết của một khu vực ở châu Á đã tồn tại và phát triển trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Nó có vai trò ở các nước Á Đông như đạo Kitô ở châu Âu, đạo Ixlam ở vùng Trung Cận Đông, đồng thời nó lại khác với các đạo kia ở hệ thống lý thuyết. Đó là một hệ thống quan niệm về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên (thiên nhân tương dữ, thiên nhân nhất thể, thiên nhân hợp nhất, ...) ; giữa con người và xã hội (ngũ luân, tam cương, tam tòng, ngũ thường, ...) ; về lẽ sống của con người (chí quân trạch dân, chí ư đạo, cứ ư đức, y ư nhân, du ư nghệ, ...) (*) ; về tính cách con người (ôn, lương, cung, kiệm, ...) (**), v.v. Hệ thống quan niệm đó nhằm thực hiện một xã hội tôn ti trật tự, một đời sống bình yên không thay đổi để bảo đảm quyền lợi của một dòng họ thống trị, của một ông vua đương nhiệm, v.v. Đó là sản phẩm của xã hội phong kiến Á Đông, đồng thời cũng là phương tiện để giáo dục con người và xã hội thời phong kiến.

Chế độ phong kiến Á Đông và hệ tư tưởng Nho học của nó có sự tác động nhân quả với nhau. Xã hội sản sinh ra học thuyết đó và học thuyết đó đã tác động trở lại, củng cố xã hội đó. Cả chế độ chính trị - xã hội và học thuyết đó đều là những tác nhân làm cho Á Đông lâm vào tình trạng trì trệ lâu dài, đến nỗi khi con người của nó giác ngộ ra thì đã muộn và đã phải quay lại căm thù, oán ghét. Một hệ thống lý thuyết như vậy, rõ ràng là không còn phù hợp với xã hội hiện đại.

Ý thức được tình hình đó nên các phong trào dân tộc, dân chủ ở đầu thế kỷ XX của dân tộc ta đã đặt vấn đề phê phán Nho học. Để xúc tiến sự nghiệp cách mạng, Đảng ta cũng đã triển khai một số đợt nghiên cứu, phân tích và chỉ ra những quan niệm lỗi thời cần phải loại bỏ của Nho học. Nhưng việc phê phán trên vẫn chưa đủ. Nhiều tàn tích có hại của Nho học vẫn còn ẩn náu ở một số mặt của đời sống. Chẳng hạn, ngày nay vẫn có người chưa thấy được hết tầm quan trọng của công nghiệp, thương nghiệp, thậm chí chỉ biết ca thán mặt đạo đức của thương nghiệp, mà không biết tới vai trò thúc đẩy sản xuất của thương nghiệp, không thấy được ý nghĩa cấp thiết của việc kinh doanh tiến tiến. Đó là sự rơi rớt của quan điểm chỉ coi nghề nông là gốc (nông vi bản), công thương là ngọn (công thương vi mạt) của Nho học, Đó là tàn dư của thái độ "trọng nông ức thương" thời kỳ phong kiến. Hoặc như việc tìm họ hàng ở nông thôn hiện nay, bên cạnh ý nghĩa để giúp đỡ lẫn nhau, nhiều lúc còn là để gây phe cánh, tạo nên tình trạng họ này đối lập với họ kia, họ lớn chèn ép họ nhỏ, cộng đồng nhỏ đối lập với cộng đồng lớn, khiến cho thôn xã chia năm xẻ bảy, từ đó làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đó là sự lợi dụng tư tưởng và thói quen "thân thân" (coi trọng người thân tộc) của Nho học : "Người có nhân lấy việc coi trọng người thân làm lớn" (Nhân giả nhân dã, thân thân vi đại - Trung Dung) ; "Gần gũi người thân thích đó là nhân" (Thân thân, nhân dã - Mạnh Tử, Tận tâm thượng). Do đó, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay vẫn đòi hỏi phải tiếp tục phê phán thế giới quan Nho học.

Sự phê phán hiện nay cần có chiều sâu hơn, không những ở các luận điểm mà còn ở cả những sự biến dạng của nó, không những chỉ là ở quan niệm chính trị - đạo đức mà là cả quan niệm kinh tế, không những chỉ là ở các nguyên lý trong sách vở mà cả trong thói quen, phong tục, tập quán, v.v. Mũi nhọn phê phán vừa phải nhằm vào tư tưởng và tâm lý lưu luyến thế giới quan Nho học, vừa phải nhằm vào tư tưởng và hành vi mang tính chất của Nho trong con người một cách không tự giác. Giáo sư Trần Đình Hượu nói đúng : "Có nhiều người tự coi là rũ sạch ảnh hưởng Nho giáo, lên án Nho giáo kịch liệt, nhưng vẫn sống, vẫn nghĩ rất "Nho"" (2).Có như thế thì mới có thể dọn đường cho tư tưởng hiện đại nhanh chóng đi vào con đường ngày nay.

Nhưng chúng ta không thể và cũng không nên phủ định sạch trơn Nho học. Thái độ biện chứng là trong khi phủ định hệ thống của Nho, chúng ta cần phải khẳng định các yếu tố, các tư tưởng vốn có ý nghĩa tích cực của Nho. Các yếu tố, các tư tưởng này

---

* Chí quân trạch dân, chí ư đạo, cứ ư đức, y ư nhân, du ư nghệ : Hết lòng với vua, mang ân huệ cho dân ; để chí ở đạo, căn cứ vào đức, dựa vào nhân và chơi bời ở lục nghệ (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số)

** Ôn hòa, lương thiện, cung kính, tiết kiệm - đạo đức người làm quan

(2) Trần Đình Hượu : "Đến hiện đại từ truyền thống", Chương trình khoa học - công nghệ cấp nhà nước KX.07, Hà Nội, 1994, tr 3

Digitized by Google

tuy nằm trong hệ thống nhưng dính kết với hệ thống một cách lỏng lẻo, có thể tách ra và trở thành những nhân tố độc lập. Chúng xuất hiện trong hệ thống Nho học là do nhà tư tưởng của nó trong một giai đoạn lịch sử nhất định ý thức được những điều kiện của sự phát triển xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi xã hội của họ mà đề ra. Sự hiện diện của chúng trong hệ thống Nho học như là những nguyện vọng, những ước mơ (mà có người ngày nay gọi đó là "giả dối", "bịp bợm"), chưa bao giờ trở thành hiện thực. Chúng bị chìm đi trong các yếu tố khác. Nếu ngày nay được khơi dậy, được truyền cho sức sống mới thì chúng có thể phát huy mạnh mẽ.

Trong thời hiện đại đã có nhiều người nhắc tới các yếu tố và tư tưởng tích cực của Nho học mà ngày nay cần phải kế thừa, vận dụng. Chẳng hạn, có người cho đó là thái độ dạy và học : "Học không biết chán, dạy không biết mỏi", là hệ thống rèn luyện đạo đức cá nhân "tu, tề, trị, bình" [3] ; là thái độ đối nhân xử thế, là lòng "nhân", là tư tưởng "sát thân thành nhân" (chịu chết để thành người nhân), là "xả thân thủ nghĩa" (hy sinh thân mình để giữ lấy nghĩa) [4]. Có người cho đó là "giá trị quan" của "ngũ luân" (năm mối quan hệ : vua - tôi (nay là chính phủ và nhân dân), cha - con, chồng - vợ, trưởng - ấu, bè bạn) [5]. Lại có người cho đó là tính cộng đồng của Nho học : "Dùng sự nỗ lực lớn nhất của chúng ta điều hòa dân chủ tự do chủ nghĩa yếu đuối kiểu Mỹ với quan niệm về thể cộng đồng có tính sâu xa của Nho gia đề xướng" [6]. Nhưng bấy nhiêu điều trên vẫn chưa đủ để khái quát lên những giá trị hiện còn của Nho học.

Từ yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhìn về truyền thống Nho học, chúng ta thấy ở đó có nhiều điều có thể khai thác được. Đấy là quan niệm xem dân là gốc của nước, là các quan niệm về con người, như cho rằng con người sống trong xã hội là có quan hệ và nghĩa vụ với người khác, với xã hội ; cho rằng con người muốn sống tốt phải giữ được sự hài hòa trong bản thân mình, trong quan hệ với xã hội và với tự nhiên. Đó là yêu cầu phải thường xuyên rèn luyện bản thân : sống có lý tưởng, sống hết lòng vì đạo, sống để góp phần thực hiện một xã hội thái bình thịnh trị, sống để thực hiện thế giới đại đồng, v.v. ; sống phải có nhân cách cao cả của kẻ sĩ, bậc đại trượng phu, người quân tử ; sống với yêu cầu và trách nhiệm ngày một cao : tu thân , tề gia, trị quốc, bình thiên hạ (không phải bằng võ lực mà là bằng việc làm có tính thuyết phục, bằng đạo đức gương mẫu), sống biết đối xử hợp lý giữa nghĩa và lợi, v.v. Đó là các khái niệm : nhân, nghĩa, trung, hiếu, trí, dũng, cần, kiệm, liêm, chính, v.v. Những phương diện trên của Nho học, ngày nay vẫn còn có ý nghĩa tích cực của nó, vẫn còn tác dụng tốt với việc rèn luyện con người.

Sản xuất hàng hóa và cơ chế thị trường là động lực làm cho dân giàu nước mạnh, nhưng đồng thời cũng có thể là nguyên nhân làm cho con người bị tha hóa, bị biến chất, chỉ biết quyền lợi ích kỷ của bản thân. Để ngăn chặn sự tha hóa đó, nhà nước phải có một hệ thống các biện pháp từ kinh tế, chính trị đến văn hóa - tư tưởng để phát huy tính tích cực, đồng thời ngăn chặn được tác dụng tiêu cực của nền sản xuất và cơ chế đó. Yếu tố và tư tưởng tích cực trong Nho học như là một biện pháp văn hóa, tư tưởng góp phần phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của sự phát triển. Vấn đề còn lại là kế thừa như thế nào để cho yếu tố tích cực được phát huy, yếu tố tiêu cực bị loại trừ.

Về kế thừa truyền thống Nho học trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa các nhà nghiên cứu ở các nước đã hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hoặc ở các nước phát triển đã nêu lên những quan niệm cụ thể. Nhà nghiên cứu kiêm công tác ngoại giao của Hàn Quốc hiện nay là Hoàng Bỉnh Thái (phiên âm theo chữ Trung Quốc) nói : "Chỉ sau khi hoàn thành nhiệm vụ hiện đại hóa trong một quốc gia công nghiệp hóa, hiện đại mới có thể tìm tòi nhân tố tiềm tàng của Nho học giúp đỡ hiện đại hóa" [7]. Một người Mỹ gốc Hoa là Thành Trung Anh chủ trương "Nho học trước tiên cần phải thực thể hóa và lý tính hóa, tức là trước tiên phải hiện đại hóa, cũng tức là nắm được ưu điểm và vấn đề của tính hiện đại, như thế thì mới có thể tiến thêm một bước phê phán tính hiện đại, phát triển tính hiện đại cho hoàn mỹ hơn.

---

(3) Vũ Khiêu : "Mấy vấn đề Nho giáo ở Việt Nam", *Nho giáo xưa và nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr 17 - 18

(4) Trần Chính Phu (Trung Quốc) : "Địa vị lịch sử của Khổng Tử và ảnh hưởng đối với xã hội hiện đại", tập luận văn Kỷ niệm 2540 năm năm sinh Khổng Tử và Hội nghị thảo luận học thuật, tập hạ Tam liên thư điếm xuất bản, Thượng Hải, 1992, tr 2424, 2225 (tiếng Trung Quốc)

(5) Lý Quang Diệu (Xin-ga-po) : Tập luận văn Nho học và thế kỷ XXI, tập thượng, Hoa hạ xuất bản xã, Bắc Kinh, 1995, tr 10 (tiếng Trung Quốc)

(6) Roger T. Ainus (Mỹ) : "Học thuyết Nho gia và tiến bộ xã hội", Quốc tế Nho học nghiên cứu, Trung Quốc Khoa học xã hội xuất bản xã, Bắc Kinh, 1997, tr 3

(7) Hoàng Bỉnh Thái : "Nho học và hiện đại hóa", Quốc tế Nho học nghiên cứu, Nhân dân xuất bản xã, Bắc Kinh, 1995, t 1, tr 337

Digitized by Google

Mục đích của chúng ta là phải xây dựng lại Nho học trên cơ sở của tính hiện đại, sau đó trên cơ sở của Nho học cải tạo tính hiện đại" (8).

Các nhà nghiên cứu Trung Quốc Vương Vĩnh Tường và Phan Chí Phong cho rằng : "Chúng ta nói sự hiện đại hóa của Trung Quốc lên tiếng gọi Nho học, nhưng đó tuyệt nhiên không phải là cần đến Nho học phong kiến... mà là Nho học đã được chủ nghĩa Mác hóa rồi" (9). Các quan điểm trên có điểm chung là nhấn mạnh tính hiện đại hóa đối với Nho học, chứ không phải là Nho học hóa tính hiện đại. Nhận định trên là có cơ sở và xuất phát từ kinh nghiệm thực tế, có tác dụng gợi mở cho việc nhìn nhận vấn đề kế thừa truyền thống Nho học vào việc xây dựng con người trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là mục tiêu trước mắt của chúng ta. Mục tiêu này phải trở thành yêu cầu đối với mọi tư tưởng và việc làm, kể cả đối với truyền thống Nho học. Không thể bắt cái hiện đại trở về với Nho học vốn có, mà ngược lại là phải làm cho Nho học mang tính hiện đại, có thế mới phục vụ được sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ở đây, một nhận thức thích hợp là nâng truyền thống lên mặt bằng hiện đại để tác động trở lại quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bởi vì truyền thống là mang dấu ấn của lịch sử. Nội dung và tính chất của nó đều bị lịch sử quy định. Nếu lấy truyền thống làm tiêu chí để yêu cầu hiện đại thì sẽ kéo lùi lịch sử, sẽ tạo nên chướng ngại cho sự phát triển. Chẳng hạn nói con người phải có chí hướng phấn đấu từ "thân", "nhà" đến "nước" và "thiên hạ" với lý thuyết "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" như sách "Đại học" nói, thì đó là một nội dung phong kiến. Nhưng nếu truyền cho mệnh đề đó một nội dung hiện đại thì sự tiếp nhận đó sẽ làm cho con người có chí khí, có hoài bão lớn, làm cho mỗi người không phải chỉ biết vì mình mà còn phải biết vì cả nước và thiên hạ, từ đó tăng thêm tinh thần phấn đấu và sự nỗ lực.

Hoặc như chữ "trí" trong "nhân, trí, dũng" vốn chỉ có nghĩa là những kiến thức chính trị và đạo đức của nhà nho, còn nếu hiện đại hóa thì nó sẽ trở thành những kiến thức mà thời đại mới yêu cầu, rất cần cho sự nghiệp xây dựng con người hiện đại. Nói phát huy truyền thống Nho học trong xây dựng con người hiện đại, có nghĩa là truyền thống đó đã được hiện đại hóa.

Có nâng truyền thống lên hiện đại thì mới làm cho truyền thống thích hợp với môi trường vận động mới. Bởi vì truyền thống được hình thành và vận động trong môi trường cũ, với môi trường mới, ở nhiều chỗ nó tỏ ra không phù hợp. Ngay trong môi trường cũ, các truyền thống tích cực cũng nhiều khi không phát huy được tác dụng, vì luôn bị hệ thống của nó chèn ép, bị các yếu tố tiêu cực khác làm cho vô hiệu hóa. Vì vậy, nâng truyền thống lên hiện đại là tạo điều kiện cho truyền thống phát huy được tác dụng trong môi trường hiện đại.

Nâng truyền thống lên hiện đại có nghĩa là bổ sung cho truyền thống những yếu tố mới, những tư tưởng mới, là cải tạo truyền thống trên cơ sở mới. Khi phân tích, đánh giá một truyền thống trong quá khứ mà đưa yếu tố hiện đại vào thì đó là việc làm không khách quan, không bảo đảm được nội dung vốn có của nó. Nhưng vận dụng truyền thống trong điều kiện hiện đại thì việc đưa yếu tố hiện đại vào lại là việc làm cần thiết, vì đó không phải là phục hồi truyền thống, mà là phát triển truyền thống, là truyền sức sống mới cho truyền thống, làm cho nó hòa nhập vào được cái hiện đại.

Nâng truyền thống Nho học lên hiện đại có thể diễn ra dưới nhiều hình thức. Có khi là khái niệm cũ nhưng đã có hàm chứa nội dung mới khi sử dụng, thường đó là các khái niệm rộng như : "nhân", "trí", "dũng". Như có người gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh là bậc "đại trí", "đại nhân", "đại dũng" thì "nhân", "trí", "dũng" đó đã mang ý nghĩa hiện đại rồi. Có khi là bổ sung cho khái niệm cũ những nội dung mới. Như khái niệm "trung", "hiếu" trong Nho học vốn chỉ có nghĩa là "trung với vua", "hiếu với cha mẹ", nhưng nói : "làm con người trung hiếu" ở ngày nay thì "trung" đó đã được nâng lên là "trung với nước", "hiếu" đó đã là "hiếu với dân" như Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói. Có khi là kết hợp yếu tố cũ với yếu tố mới thành ra một quan niệm mới. Thí dụ tư tưởng xem "dân là gốc nước" (dân vi bang bản) vốn có của Nho, cộng với tinh thần dân chủ của thời đại thành ra một quan niệm mới mẻ. Đó là xem nhà nước là của dân, do dân và vì dân, một cách nói hòa lẫn sắc thái cũ mới, nên vừa thân thiết gần bó, vừa mới mẻ. Tất nhiên hình thức vận dụng không chỉ hạn chế ở những điều nêu trên. Lấy yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa soi rọi vào truyền thống thì sẽ còn phát hiện ra nhiều hình thức khác, mà ở đây không có điều kiện nêu hết được. ❑

---

(8) Thành Trung Anh : "Sự chỉnh hợp của Nho học và tính hiện đại : tìm nguồn xây dựng lại", Quốc tế Nho học nghiên cứu, Trung Quốc khoa học xã hội xuất bản xã, Bắc Kinh, 1996, t 2, tr 116

(9) Vương Vĩnh Tường, Phan Chí Phong : "Nho học và hiện đại hóa của Trung Quốc", Nho học và thế kỷ XXI, Thượng sách, Hoa Hạ xuất bản xã, Bắc Kinh, 1996, tr 262

Digitized by Google

ĐẢNG BỘ THỪA THIÊN - HUẾ TỔ CHỨC NHÂN DÂN PHÊ BÌNH CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

HỒ XUÂN MÃN *

Bước vào thực hiện công cuộc đổi mới, đảng bộ Thừa Thiên - Huế đã hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, trước hết là xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh và củng cố cơ sở yếu kém theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII). Mặc dầu vậy, hệ thống cơ cấu tổ chức cơ sở đảng trong đảng bộ có chỗ còn chưa hợp lý, chưa thống nhất, trì trệ, chưa bắt kịp yêu cầu đổi mới. Tổ chức cơ sở đảng yếu kém còn nhiều, thậm chí cá biệt có tổ chức cơ sở đảng không giữ được vị trí vai trò hạt nhân chính trị lãnh đạo các nhiệm vụ ở cơ sở. Hệ thống chính trị ở cơ sở chưa mạnh, mối quan hệ, quy chế làm việc giữa Đảng, chính quyền, đoàn thể chưa cụ thể, hoạt động chưa đồng bộ, hiệu lực quản lý nhà nước chưa cao, các đoàn thể còn nhiều yếu kém, nhất là phương thức hoạt động và khả năng tập hợp quần chúng. Một số cơ sở đảng chưa thực hiện tốt nguyên tắc sinh hoạt đảng, ý thức tổ chức kỷ luật chưa cao, tự phê bình và phê bình, đấu tranh xây dựng nội bộ còn yếu. Một số cán bộ, đảng viên còn biểu hiện tư tưởng trông chờ ỷ lại, cục bộ, tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, xa rời quần chúng, làm ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Từ thực trạng tình hình đó, Tỉnh ủy đã xác định xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh là khâu đột phá của đổi mới, chỉnh đốn đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, trong đó lấy tự phê bình của cán bộ, đảng viên và lãnh đạo nhân dân phê bình cán bộ đảng viên là biện pháp quan trọng. Biện pháp đó phải gắn chặt với nguyên tắc tập trung dân chủ. Bởi lẽ phần đông cán bộ, đảng viên là những người nắm giữ những chức vụ quan trọng của Đảng, hoặc nắm giữ những vị trí then chốt của bộ máy chính quyền, đoàn thể ở cơ sở ngay cả ở từng cụm dân cư, tổ, đội sản xuất, cho nên rất dễ mắc những căn bệnh như tham ô, hối lộ, xa hoa lãng phí, độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, xa rời quần chúng. Đó còn là do trong điều kiện những mặt trái của cơ chế thị trường tác động dữ dội, không ít cán bộ, đảng viên hoặc do non kém về trình độ quản lý kinh tế, hoặc do phẩm chất chính trị thiếu vững vàng, đã sa ngã trước sự cám dỗ của đồng tiền, thậm chí có trường hợp suy đồi đạo đức, tha hóa về phẩm chất, mất tính chiến đấu. Vì vậy, tổ chức để nhân dân phê bình, góp ý đảng viên là việc không thể thiếu, nhất là trong tình hình hiện nay. Làm tốt công việc này là góp phần củng cố mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân ngày càng bền chặt. Đây là dịp để mỗi đảng viên trong từng tổ chức đảng tỉnh táo xem lại mình, không ngừng phấn đấu và rèn luyện bản thân, cũng là dịp nâng cao nhận thức về trách nhiệm đối với Đảng, với chế độ của quần chúng nhân dân và nâng cao sức chiến đấu của từng tổ chức cơ sở đảng.

Quán triệt tinh thần đó, tỉnh ủy và các cấp ủy đảng đã xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) một cách thiết thực. Tỉnh ủy đã chọn trên 30 tổ chức cơ sở đảng ; khảo sát đánh giá tình hình thực trạng, đề ra giải pháp củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, xóa yếu kém và thực hiện phương châm vừa tăng cường chỉ đạo của cấp trên vừa phát huy tính chủ động sáng tạo của cơ sở. Từ đó rút kinh nghiệm triển khai ra diện rộng, và xây dựng chương trình hành động của Tỉnh ủy trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3.

* Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế

Digitized by Google

Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch tổ chức tự phê bình và phê bình nhằm nâng cao nhận thức, quan điểm tư tưởng, tinh thần trách nhiệm của các cấp ủy và cán bộ lãnh đạo quản lý ở các cấp, các ngành. Đối với từng cán bộ, đảng viên phải được tổ chức kiểm điểm trên các mặt : hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ ; ý thức chăm lo công tác xây dựng Đảng và công tác cán bộ ; ý thức tổ chức kỷ luật, xây dựng đoàn kết nội bộ, chăm lo công tác quần chúng ; ý thức đấu tranh chống tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực, sinh hoạt và lối sống.

Sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình, từng đơn vị, địa phương, ngành phải đề ra các giải pháp để thực hiện có hiệu quả cao các nhiệm vụ chính trị.

Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban tổ chức Tỉnh ủy chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện. Thành lập đoàn công tác cùng với các cấp ủy trực thuộc đến tận cơ sở khảo sát, nhất là các điểm chỉ đạo của tỉnh, huyện, thành phố. Sau khi nghe cấp ủy báo cáo và phản ánh tình hình của những điểm chỉ đạo, kết hợp với đề cương gợi ý theo đúng những nội dung của Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) cần phải thực hiện, từ công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, chỉnh đốn Đảng về mặt tổ chức đến công tác cán bộ, công tác đảng viên, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh... đồng thời tổ chức góp ý, phê bình đảng viên. Tùy theo từng loại hình tổ chức cơ sở đảng, đối tượng được mời tham gia góp ý có khác nhau.

- Ở xã, phường, thị trấn, đối tượng được mời là các thành viên của ủy ban nhân dân xã, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, các trưởng, phó ban, ngành, chấp hành các đoàn thể, ban chủ nhiệm hợp tác xã, thôn trưởng, thôn phó không phải là đảng viên.

- Cơ sở hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước mời cán bộ chính quyền, cán bộ có trình độ trung cấp, đại học và toàn thể cán bộ công nhân viên không phải là đảng viên.

Nội dung tham gia góp ý : sự lãnh đạo của Đảng ở chi bộ, đảng bộ, của cấp ủy và từng cá nhân đảng viên trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ với quần chúng nhân dân nơi công tác, nơi cư trú.

Các thành viên của đoàn công tác hướng dẫn yêu cầu, nội dung cần tham gia góp ý. Những ý kiến đóng góp của quần chúng được ghi vào giấy và gửi trực tiếp cho đoàn công tác. Cấp ủy có kế hoạch nghiên cứu một cách nghiêm túc các ý kiến đóng góp của quần chúng, sau đó có những thông tin phản hồi trở lại. Đối với những ý kiến đóng góp đúng, cấp ủy thành khẩn tiếp thu và có kế hoạch sửa chữa. Đối với những ý kiến đóng góp sai, hoặc với dụng ý thiếu lành mạnh thì được giải thích thỏa đáng. Những buổi tự phê bình và phê bình đều có thành viên của đoàn công tác cùng dự.

Cuộc vận động này đã góp phần giúp đảng bộ Thừa Thiên - Huế giải quyết dứt điểm những vấn đề nóng bỏng, cấp bách, những vụ việc lớn nổi cộm đã tồn tại nhiều năm, lấy lại được niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, góp phần ổn định tình hình chính trị, kinh tế - xã hội trên địa bàn của tỉnh. Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cơ quan pháp luật tiến hành xét xử 2 vụ trọng án ở Công ty ô tô số 3 và Hội chữ thập đỏ ; chỉ đạo giải quyết dứt điểm vụ khiếu kiện kéo dài của 75 nghiệp chủ vào công tư hợp doanh ô tô Bình Trị Thiên cũ ; chỉ đạo giải quyết tình hình mất đoàn kết nội bộ kéo dài ở huyện Phú Lộc và kiện toàn một bước quan trọng về mặt tổ chức, tạo tiền đề cho Phú Lộc tiếp tục ổn định và phát triển.

Điều đáng phấn khởi là tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh từng bước ổn định, nền kinh tế tăng trưởng với nhịp độ khá (tăng bình quân hằng năm 9%) bắt đầu có tích lũy nội bộ nền kinh tế ; đời sống của đa số dân cư ổn định và từng bước được cải thiện, văn hóa - xã hội có nhiều mặt phát triển, trật tự an toàn xã hội, an ninh chính trị được bảo đảm.

Qua phê bình đại đa số đảng viên đã nâng cao bản lĩnh chính trị, quan điểm lập trường và niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội, trật tự, kỷ cương trong Đảng được củng cố. Công tác tổ chức cơ sở đảng và đảng viên có nhiều chuyển biến đáng kể. Hằng năm, tỷ lệ các tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh ngày một tăng : 1992 : 26,23% ; 1993 : 35,5% ; 1994 : 50,9% ; 1995 : 51,8% ; 1996 : 52,8%. Số yếu kém giảm rõ rệt : đầu năm 1993 : 11,6% đến nay còn dưới 5%. Số đảng viên đạt loại tiên phong gương mẫu mỗi năm một tăng : năm 1992 : 55,0% ; 1993 : 63% ; 1994 : 73,8% ; 1995 : 77,14% ; 1996 : 74,36%. Tình hình

Digitized by Google

đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý giảm dần : năm 1994 có 3,34% ; 1995 có 2,73% và 1996 có 2,55%. Tỷ lệ đảng viên ra khỏi Đảng năm 1994 : 0,29% ; 1995 : 0,18% ; 1996 : 0,13%.

Từ kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) với việc tăng cường tự phê bình và phê bình ở từng cơ sở của đảng bộ Thừa Thiên - Huế, chúng tôi bước đầu rút ra một số nhận xét :

1 - Muốn xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, trước hết bản thân tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên phải tự mình củng cố, phấn đấu vươn lên. Từng tổ chức cơ sở đảng phải có kế hoạch thường xuyên phân công cán bộ, đảng viên bám sát từng khu vực, đơn vị nhỏ, biết lắng nghe tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân phản ánh. Khi có sự việc xảy ra phải tập trung làm rõ, giải quyết dứt điểm, tiến hành thường xuyên trong sinh hoạt chi bộ thường kỳ, không chờ đến 6 tháng, 1 năm mới kiểm điểm ; cấp ủy, chi bộ phải phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, đảng viên phụ trách từng địa bàn dân cư, từng đơn vị sản xuất, tổ đội công tác... nắm được quần chúng nhân dân, tham gia hoạt động các đoàn thể.

2 - Một trong những biện pháp quan trọng để rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, sàng lọc đảng viên là phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, đảng viên. Chủ trương đưa đảng viên vào hành động thực tiễn theo chuyên đề, theo địa bàn, theo ngành nghề hoặc phụ trách công tác trọng yếu ở địa phương, đơn vị đã làm cho hiệu quả lãnh đạo của Đảng tốt hơn, thiết thực và sâu sát quần chúng nhân dân hơn. Qua đó quần chúng nhân dân mới có điều kiện thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên và góp ý xây dựng chân tình cho cán bộ, đảng viên. Chính qua thực tiễn công tác của mình và góp ý xây dựng của quần chúng làm cho đảng viên thấy được vai trò gương mẫu và trách nhiệm của đảng viên trước quần chúng nhân dân. Việc phân tích chất lượng đảng viên hằng năm được thực chất hơn. Từ chỗ cán bộ, đảng viên còn né tránh, sợ đụng chạm và sợ quần chúng nhân dân góp ý, đến nay nhiều cấp ủy đã chủ động thường xuyên, tổ chức lấy ý kiến quần chúng góp ý cho đảng viên, và tiến hành tổ chức để đảng viên tự phê bình kiểm điểm trước chi bộ. Hầu hết quần chúng cốt cán đều thiết tha tham gia xây dựng Đảng, đã góp nhiều ý kiến quý báu cho tổ chức đảng và đảng viên.

3 - Để phát huy dân chủ trong việc tham gia góp ý xây dựng cán bộ, đảng viên, một nội dung quan trọng khác là xây dựng củng cố Mặt trận, các đoàn thể vững mạnh, trước hết xây dựng hệ thống tổ chức dân vận từ tỉnh đến huyện, cơ sở ; chú trọng tập trung khảo sát, đánh giá tình hình Mặt trận, các đoàn thể ở các cơ sở, hướng dẫn chỉ đạo củng cố ban chấp hành, các phân đoàn, phân hội đi vào hoạt động, tập hợp quần chúng nhân dân vào tổ chức chính trị - xã hội, thông qua các hoạt động tuyên truyền giáo dục, các hình thức sinh hoạt và gắn với các dự án xóa đói, giảm nghèo, phúc lợi xã hội, phát triển kinh tế gia đình, dân số kế hoạch hóa gia đình. Từ đó nâng cao nhận thức và tinh thần làm chủ ở quần chúng nhân dân đối với việc góp ý xây dựng Đảng. Ở các đơn vị hành chính sự nghiệp, sản xuất kinh doanh, các cấp ủy chú trọng xây dựng củng cố tổ chức công đoàn, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, có chiều sâu. Xây dựng nền nếp góp ý xây dựng cho cán bộ, đảng viên với tinh thần dân chủ, trách nhiệm cao.

4 - Việc xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trên địa bàn dân cư ở các đảng bộ xã, phường, thị trấn cũng là một nội dung hết sức quan trọng trong việc hình thành ý thức tự giác xây dựng Đảng của nhân dân. Thực tiễn ở Thừa Thiên - Huế cho thấy việc hình thành củng cố và hoạt động có hiệu quả của hệ thống chính trị trên địa bàn dân cư là làm cho Đảng gần gũi với dân hơn, nắm vững tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân, đưa chủ trương, chính sách về đến tận người dân. Đặc biệt là phát huy được tình làng, nghĩa xóm, nhắc nhở nhau cùng tiến bộ ; bằng tình cảm chân tình, giúp cho cán bộ, đảng viên sớm nhận ra những hạn chế, khuyết điểm để sửa chữa. (Hiện nay trong số 936 đơn vị địa bàn dân cư đã có 541 (57,8%) có chi bộ đảng, 284 (30,3%) có tổ đảng). Tỉnh ủy đang tiếp tục chỉ đạo hướng dẫn sơ kết, đánh giá tình hình hoạt động của hệ thống chính trị trên địa bàn dân cư để tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy cơ sở xây dựng hệ thống chính trị, trước nhất là tổ chức đảng ở hầu hết khu dân cư.❑

Digitized by Google

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ TÂY NGUYÊN

PHẠM VĂN KHÁNH *

TÂY Nguyên (gồm các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, Lâm Đồng) là vùng đất cao nguyên, có núi non hiểm trở, nơi sinh sống của gần bốn triệu người với hơn 1/3 là đồng bào các dân tộc thiểu số, vốn là căn cứ địa cách mạng và kháng chiến của dân tộc ta. Tây Nguyên còn là một trong những vùng kinh tế trọng điểm, rất giàu tiềm năng về đất đai, lâm đặc sản và một số tài nguyên thiên nhiên khác. Chỉ nói riêng về đất thì không nơi nào ở nước ta có thuận lợi như Tây Nguyên để trồng cà phê, cao su, cây công nghiệp và những loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao.

Mấy năm gần đây, cùng với những bước tiến chung của cả nước, các tỉnh Tây Nguyên cũng đã từng bước đi vào thế ổn định và phát triển. Việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đường lối đổi mới của Đảng gắn liền với đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đã tạo nên sự tăng trưởng khá nhanh của nền kinh tế Tây Nguyên. Có tỉnh như Đắc Lắc, Gia Lai, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng bình quân hằng năm từ 9 đến 11%. Tuy vậy, nhìn tổng thể và so với mặt bằng chung của cả nước thì Tây Nguyên vẫn vào loại thấp và chậm phát triển : cơ sở hạ tầng phát triển không đáng kể ; trình độ kỹ thuật sản xuất còn lạc hậu ; đặc biệt là dân trí thấp, đời sống của hàng triệu đồng bào dân tộc thiểu số còn rất khó khăn.

Những hạn chế như vậy do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là đội ngũ cán bộ còn *bất cập* so với những đòi hỏi của thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Điều này thể hiện khá rõ ở một số khía cạnh sau :

1 - Cán bộ khoa học, kỹ thuật vừa thiếu vừa yếu. Theo các số liệu điều tra mới đây, cả bốn tỉnh Tây Nguyên mới chỉ có 8 phó tiến sĩ khoa học (Đắc Lắc : 2, Gia Lai : 3, Lâm Đồng : 3, Kon Tum : 0). Tỉnh Đắc Lắc có số dân khoảng 1,5 triệu, nhưng số cán bộ có trình độ cao đẳng trở lên mới chỉ có 4 626 người. Tỉnh Kon Tum có số dân 30 vạn, số cán bộ có trình độ cao đẳng trở lên là 1 430 người. Điều đáng chú ý nữa là, số cán bộ khoa học - kỹ thuật đã thiếu lại phân bố không đều. Hơn 90% lực lượng cán bộ có trình độ tập trung ở các đơn vị, các cơ quan không trực tiếp sản xuất vật chất. Sự phân bố hết sức mất cân đối này đã làm cho hàm lượng chất xám khoa học - công nghệ trong khu vực trực tiếp sản xuất vật chất quá mỏng, gây trở ngại cho việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhà máy đường A Dun Pa của tỉnh Gia Lai có công suất 1 000 tấn/ca. Đó là một cơ sở sản xuất lớn, thế nhưng tất cả cán bộ và công nhân kỹ thuật vận hành đều phải thuê nơi khác đến làm. Nhà máy chế biến sắn An Khê cũng có tình trạng tương tự như vậy. Ở Đắc Lắc có dự án được duyệt nhưng cán bộ quản lý và điều hành không có phải thuê cán bộ nơi khác. Tình trạng cán bộ khoa học - kỹ thuật thiếu và yếu đang là vấn đề nhức nhối đối với các tỉnh Tây Nguyên khi đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2 - Cán bộ lãnh đạo, quản lý về năng lực có sự bất cập khá lớn so với nhiệm vụ được giao. Cán bộ lãnh đạo và quản lý cấp tỉnh, huyện ở Tây Nguyên phần lớn là những người trưởng thành qua hai cuộc kháng chiến, am hiểu tình hình thực tế, có nhiều kinh nghiệm quý, có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với công việc, gắn bó với dân. Song, mặt hạn chế nổi bật của số cán bộ này là không được đào tạo cơ bản, trình độ học vấn thấp. Số ít cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản thì lại bố trí

* PTS, Báo Nhân Dân

Digitized by Google

công việc không phù hợp cho nên kiến thức mai một dần, thiếu sự chuyên sâu và kỹ năng nghề nghiệp yếu. Cán bộ quản lý kinh doanh cũng có tình trạng tương tự như vậy. Các nhà doanh nghiệp giỏi có thể đếm được trên đầu ngón tay, còn phần đông năng lực hạn chế, chưa ngang tầm với yêu cầu của nhiệm vụ được giao. Những mặt hạn chế cơ bản của số cán bộ này là trình độ điều hành sản xuất, kinh doanh, kiến thức về pháp luật, về thị trường, về ngoại ngữ và tin học còn yếu ; phương pháp làm việc chậm đổi mới ; thiếu những kiến thức cần thiết để sử dụng các phương tiện kỹ thuật tiên tiến vào việc quản lý, điều hành công tác chuyên môn.

3 - Cán bộ cơ sở (nhất là cấp xã) hoàn toàn hụt hẫng và bất cập. Cơ sở ở các tỉnh Tây Nguyên chủ yếu là vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, nơi cư trú, sinh sống, làm ăn của đồng bào các dân tộc thiểu số, đời sống kinh tế gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, có rất nhiều phong tục và tập quán lạc hậu. Tây Nguyên có hơn 40 dân tộc thiểu số, chiếm hơn 1/3 số dân. Vị thế, xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ cơ sở tạm đáp ứng được yêu cầu cũng đã là khó, chứ chưa nói tới một đội ngũ mạnh.

Điểm hạn chế nổi bật của đội ngũ cán bộ cơ sở Tây Nguyên là trình độ văn hóa thấp (số cán bộ cơ sở mù chữ hoặc chỉ biết mỗi chữ ký tên mình vẫn còn nhiều), tuổi đời bình quân cao. Cán bộ chủ chốt ở cơ sở (bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã) là người dân tộc thiểu số và nữ chiếm tỷ lệ thấp. Tỉnh Đắc Lắc có 165 xã chỉ có 5 bí thư là nữ, 44 xã bí thư là người dân tộc thiểu số, còn lại là dân tộc Kinh. Các chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân tỷ lệ này còn thấp hơn. Những tỉnh như Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng cũng có tình trạng tương tự như vậy.

Trình độ văn hóa thấp kéo theo sự am hiểu về pháp luật kém nên không tránh khỏi tình trạng cán bộ cơ sở điều hành công việc không theo luật mà theo lệ.

Ở các tỉnh Tây Nguyên, đời sống kinh tế rất thấp, việc đi lại hết sức khó khăn cho nên có một số cán bộ cơ sở không thích làm việc, từ bỏ nhiệm vụ được giao. Ở tỉnh Đắc Lắc có chị cán bộ xã tha thiết đề nghị cho chồng mình được rút khỏi danh sách để cử vào Quốc hội chỉ vì đời sống gia đình rất khó khăn... Những chuyện đại loại như thế ở Tây Nguyên không hiếm.

Thực trạng đội ngũ cán bộ Tây Nguyên như đã nêu trên có nhiều nguyên nhân. Khi trao đổi với lãnh đạo các tỉnh Tây Nguyên, chúng tôi thấy đều có chung nhận định là : Quy hoạch cán bộ còn chậm. Sự quan tâm của các cấp ủy, các ngành đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa đồng đều và chưa thường xuyên ; có lúc, có nơi còn buông lỏng, thiếu chủ động, chưa nhận thức đúng vị trí, tầm quan trọng của nó. Nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa được đổi mới. Việc bố trí, sử dụng cán bộ còn bất hợp lý. Một số chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, việc đào tạo bồi dưỡng và quá trình chuyển đổi cơ chế chưa phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương...

Đối với Tây Nguyên, việc xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, có cơ cấu đồng bộ và hợp lý đang là một đòi hỏi hết sức bức xúc. Cùng với chiến lược cán bộ chung của cả nước, tất nhiên mỗi tỉnh ở Tây Nguyên cũng đều đã có kế hoạch riêng của mình về xây dựng đội ngũ cán bộ. Qua tìm hiểu tình hình thực tế, chúng tôi thấy để đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong công tác cán bộ các tỉnh Tây Nguyên đang quan tâm tới một số vấn đề chủ yếu sau đây :

Một là, xây dựng đồng bộ đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp từ tỉnh đến huyện và cơ sở, đặc biệt là người đứng đầu. Yêu cầu này trước hết thể hiện ở chỗ phải chăm lo xây dựng tất cả các loại cán bộ, đặc biệt là những cán bộ lãnh đạo đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân*; cán bộ lãnh đạo trong các lực lượng vũ trang ; cán bộ khoa học, kỹ thuật ; cán bộ quản lý kinh doanh ; sau đó phải chú ý tới cơ cấu hợp lý, phù hợp với tính đặc thù của các tỉnh Tây Nguyên đang trên đường đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cơ cấu hợp lý đó phải bao gồm đầy đủ các yếu tố : độ tuổi (ba độ tuổi) ; lĩnh vực công tác ; thành phần xuất thân ; dân tộc ; nam nữ v.v.. Trên cơ sở thực trạng đội ngũ cán bộ hiện nay, trong những năm tới, các

Digitized by Google

tỉnh Tây Nguyên sẽ tăng cường thêm số cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản, số cán bộ là người dân tộc thiểu số và số cán bộ nữ, cán bộ khoa học - kỹ thuật và quản lý kinh doanh vào các cương vị lãnh đạo, quản lý.

Hai là, hết sức coi trọng việc đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ. Đội ngũ cán bộ Tây Nguyên hiện nay được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau. Phần lớn là những cán bộ được điều động từ các tỉnh miền Trung lên như Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Sau đó là số cán bộ người miền Bắc và số cán bộ là con em đồng bào các dân tộc Tây Nguyên được học tập, đào tạo ở miền Bắc trở về. Và một số khá lớn khác là những cán bộ quân đội, cán bộ các ngành kinh tế, khoa học - kỹ thuật của Nhà nước đóng trên địa bàn Tây Nguyên, tăng cường cho Tây Nguyên. Chỉ nhìn vào cơ cấu đó đã thấy tính phức tạp của vấn đề. Phải làm sao đoàn kết, tập hợp được rộng rãi đội ngũ này thành một khối thống nhất để họ đem hết tâm lực cho việc xây dựng Tây Nguyên. Phải làm sao phát huy thế mạnh của từng loại cán bộ, từng thế hệ bổ sung cho nhau, bù đắp những nhược điểm của nhau, tạo thành sức mạnh tổng hợp, tránh tình trạng công thần, cục bộ địa phương dẫn đến chia rẽ, bè phái mất đoàn kết làm cho đội ngũ cán bộ bị hẫng hụt và bất cập. Phải chú ý, phải coi trọng tất cả các loại cán bộ, song đối với Tây Nguyên vấn đề trẻ hóa đội ngũ cán bộ, tăng cường đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ và cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế phải được ưu tiên. Tất nhiên, sự ưu tiên đó phải trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn.

Ba là, nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải phù hợp với tình hình thực tế của Tây Nguyên.

Về nội dung đào tạo, bồi dưỡng, tùy từng loại cán bộ và tùy từng cấp cán bộ mà có nội dung đào tạo, bồi dưỡng thích hợp. Thí dụ, đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý thì chủ yếu đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối quan điểm của Đảng ta ; kiến thức về khoa học lãnh đạo và kỹ năng quản lý. Những vấn đề này đối với từng cấp cán bộ cũng có những đòi hỏi khác nhau chứ không thể đồng nhất. Đối với cấp tỉnh thì đòi hỏi cao hơn cấp huyện, thị ; cấp huyện, thị đòi hỏi cao hơn cấp cơ sở. Hoặc đối với cán bộ quản lý kinh doanh thì tập trung đào tạo, bồi dưỡng về các quan điểm kinh tế của Đảng ; kiến thức về kinh tế thị trường và quản trị doanh nghiệp ; kiến thức về khoa học công nghệ, pháp luật và thông lệ quốc tế, v.v..

Về cách thức đào tạo bồi dưỡng cũng phải phù hợp với tính đặc thù của các tỉnh Tây Nguyên. Một mặt mạnh dạn cử cán bộ đi học tập trung ở các trường lớp của trung ương, khu vực và của tỉnh. Lãnh đạo các tỉnh Tây Nguyên rất chú ý tranh thủ sự giúp đỡ của các "trung tâm chất xám" đóng trên địa bàn như Đại học Đà Lạt, Đại học Tây Nguyên, Học viện lục quân, Viện hạt nhân, các trung tâm nghiên cứu khoa học ở Tây Nguyên... trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Xuất phát từ tình hình đặc thù của địa phương, các tỉnh Tây Nguyên rất chú trọng phương thức vừa làm, vừa học, yếu mặt nào bổ sung mặt đó. Qua các phong trào quần chúng chú ý lựa chọn những người ưu tú và có khả năng phát triển từ cơ sở, sau đó giao cho những cán bộ có trách nhiệm kèm cặp, dìu dắt, hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng, thử việc rồi đưa vào nguồn cán bộ kế cận. Để chuẩn bị cho lâu dài, các tỉnh Tây Nguyên đã chú ý tới đầu tư chiều sâu, rất chăm lo cho đội ngũ sinh viên đang học ở các trường đại học, cao đẳng, có chính sách thu hút những sinh viên tốt nghiệp vào công tác ở các cơ quan và đơn vị của địa phương. Đối với cán bộ cơ sở thì cách thức bồi dưỡng, đào tạo lại phải hết sức cụ thể, thiết thực. Chỉ bồi dưỡng cho họ những kiến thức cơ bản nhất, dễ hiểu nhất về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, về luật pháp, về kinh nghiệm quản lý cơ sở. Cùng với việc nói cho họ biết, phải kết hợp với việc tạo điều điện để cho họ thấy tận mắt, sờ tận tay những cơ sở có nhiều kinh nghiệm làm ăn, khá giỏi, những thành tựu về kinh tế, văn hóa, xã hội và về khoa học - công nghệ để tạo cho họ một niềm tin vào cái mới, cái tiến bộ, làm thay đổi dần những tư duy cũ kỹ, lạc hậu của họ.

Bốn là, các đồng chí lãnh đạo các tỉnh Tây Nguyên còn rất chú ý tới chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ. Nếu như đất nước ta đang mời chào các nhà đầu tư nước ngoài thì các tỉnh Tây

Digitized by Google

Nguyên đang "trải chiếu hoa" để đón các nhân tài lên cùng đồng bào, cán bộ Tây Nguyên xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy mới chỉ là bước đầu, nhưng từ năm 1996, tỉnh ủy Lâm Đồng đã có chương trình, kế hoạch phối hợp với các trung tâm nghiên cứu khoa học của trung ương để giúp địa phương tháo gỡ khó khăn, phát huy tiềm năng, thế mạnh đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Lâm Đồng còn chủ động đề xuất các phương án xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và trưng cầu ý kiến các nhà khoa học của trung ương đóng trên địa bàn. Lâm Đồng cũng đang triển khai thực hiện phối hợp với các trường đại học, trong đó có Đại học Đà Lạt, các trung tâm nghiên cứu khoa học của trung ương để giúp Lâm Đồng đào tạo những cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học, giáo dục, y tế có trình độ từ đại học trở lên.

Đối với đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là các vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, các tỉnh Tây Nguyên đã có chủ trương khuyến khích và đãi ngộ thỏa đáng để họ yên tâm, phấn khởi công tác. Lâm Đồng có 27 xã miền núi cực kỳ khó khăn. Trước năm 1994, tỉnh đã quan tâm đầu tư đối với các xã này nhưng dân vẫn đói nghèo. Từ năm 1995 tỉnh chọn 10 xã làm trước, đầu tư vốn và cử cán bộ xuống huấn luyện, trước hết cho cán bộ xã cách làm ăn, định canh, định cư, rồi từ đó hướng dẫn quần chúng làm theo. Mỗi hộ gia đình được giao 2 ha đất để trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, 30 ha rừng để quản lý và khai thác ; đồng thời được vay tiền để mua 2 con bò sinh sản... Nhờ chính sách đó mà nhiều xã đã dần dần vượt qua được đói nghèo. Một số hộ gia đình trong đó có cả gia đình cán bộ trở nên sung túc. Cuộc sống của cán bộ cơ sở và của đồng bào được cải thiện nên dân tin cán bộ ; cán bộ cũng phấn khởi, yên tâm công tác, không bỏ việc, không từ chối nhiệm vụ được giao. Từ thực tế đó đặt ra một vấn đề là đối với cán bộ cơ sở, muốn "giữ" được họ thì trước hết phải bảo đảm được đời sống tối thiểu của bản thân và gia đình họ. Muốn thế phải có chế độ ưu tiên đối với họ trong việc hỗ trợ về ruộng đất canh tác, hỗ trợ vốn để sản xuất. Ngoài ra cũng nên có những chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, v.v.. Cách làm của Lâm Đồng và các tỉnh Tây Nguyên đang mở ra một hướng mới, cần được nghiên cứu, phát huy.❑

XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở VÙNG NÔNG THÔN NGOẠI THÀNH TP HỒ CHÍ MINH

NGÔ KIM NGÂN* - ĐOÀN ĐÀN**

NÔNG thôn ngoại thành TP Hồ Chí Minh trước đây là vùng căn cứ cách mạng, mà những địa danh đã gắn liền với lịch sử đấu tranh của dân tộc. Từ sau ngày giải phóng (30-4-1975), dưới sự lãnh đạo của đảng bộ TP Hồ Chí Minh, người nông dân ngoại thành với bản chất cách mạng kiên cường, cần cù lao động đã góp sức khôi phục sản xuất, xây dựng lại quê hương giàu đẹp. Nhưng hậu quả chiến tranh còn để lại nặng nề, và việc chuyển đổi từ cơ chế kinh tế bao cấp sang cơ chế thị trường còn nhiều mới mẻ, thiếu những yếu tố về mặt chủ trương để thúc đẩy sản xuất phát triển. Mặt khác, thiên tai, dịch bệnh, mất mùa liên tiếp xảy ra, làm cho một bộ phận không nhỏ gia đình chính sách và hộ nông dân lâm vào cảnh thiếu đói thường xuyên, khó khăn lúc giáp hạt phải tập trung cứu trợ xã hội. Bên cạnh đó, tình hình thu hẹp ruộng đất do đô thị hóa nhanh và phát triển các khu công nghiệp làm cho hàng ngàn hộ nông dân không có ruộng đất để sản xuất, phải làm thuê, làm mướn hoặc vào thành phố lao động nặng nhọc để kiếm sống qua ngày.

Từ thực tế đó, đảng bộ TP Hồ Chí Minh đã có nhiều chủ trương, biện pháp cấp bách để giải quyết tình hình đời sống của nông dân ngoại thành, trong đó chú trọng xây dựng chương trình xóa đói giảm nghèo, nhằm góp phần tạo việc làm và nâng cao đời sống của nông dân. Mục tiêu của đảng bộ đề ra là chăm lo đời sống cho dân nghèo, gia đình chính sách, chú trọng khu vực nông thôn, nhằm xóa hộ

* PTS Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
** Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

đói, giảm hộ nghèo, từng bước ổn định và nâng cao đời sống, hạn chế sự phân cách giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị. Để thực hiện mục tiêu trên, đảng bộ đã thành lập Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo của thành phố, đồng thời chỉ đạo các cấp, các ngành, các huyện tổ chức điều tra xác định đối tượng thuộc diện xóa đói giảm nghèo, và đề ra những giải pháp phù hợp cho từng thời kỳ, từng khu vực.

Qua điều tra 6 huyện ngoại thành và 2 quận ven thành phố, số thuộc diện xóa đói giảm nghèo là 52 042 hộ, trong đó có 24 970 hộ do Hội Nông dân thành phố giới thiệu. Số này thuộc các dạng:

+ Không có vốn, không nghề nghiệp, không đất sản xuất, chuyên lao động phổ thông, làm thuê, làm mướn sống qua ngày (900 hộ).

+ Thiếu vốn, thiếu đất sản xuất, không có hoặc thiếu phương tiện sản xuất, không nắm bắt được khoa học kỹ thuật, không có kinh nghiệm làm ăn (23 795 hộ).

+ Không chịu làm ăn, cờ bạc, rượu chè, phó mặc cho đói nghèo (275 hộ)

Từ kết quả điều tra trên, đảng bộ đã đề ra giải pháp thích hợp nhằm đầu tư, trợ cấp đúng người, đúng việc, sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả. Kết quả triển khai công tác xóa đói giảm nghèo khu vực nông thôn ngoại thành qua các năm như sau :

Năm 1992 - 1993, thành phố đã đầu tư cho chương trình xóa đói giảm nghèo 456,5 triệu đồng, cho 871 hộ nông dân vay. Vốn do Hội Nông dân thành phố vận động ủy thác từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 70 triệu đồng, đã đầu tư cho 284 hộ, tập trung chủ yếu cho các chi hội, các hộ nông dân chăn nuôi và buôn bán nhỏ. Ngoài ra, còn huy động vốn của tổ chức CARE được 12 triệu, đầu tư cho 20 hộ. Tổng cộng nguồn vốn đầu tư của thành phố và huy động được là 538,5 triệu đồng, đã đầu tư cho 1175 hộ nông dân thuộc diện xóa đói giảm nghèo. Tuy số vốn chưa nhiều, nhưng do đầu tư đúng đối tượng nên đã mang lại hiệu quả thiết thực. Hầu hết những hộ nông dân được nhận vốn đều sử dụng tốt và đúng mục đích, như đầu tư cho chăn nuôi, mua phân bón, làm hàng thủ công, buôn bán nhỏ... do đó đã từng bước củng cố cuộc sống của mình và không có hộ nào làm mất vốn.

Năm 1994 - 1995, đảng bộ đã chỉ đạo Hội Nông dân thành phố kết hợp với cấp ủy, chính quyền cơ sở tổ chức các dự án về trồng trọt, chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất cây con, từng bước cải thiện cuộc sống và giải quyết việc làm cho nông dân trong những lúc nhàn rỗi. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Hội Nông dân tổ chức làm thí điểm nuôi trồng nấm mèo tại xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, với số vốn 150 triệu đồng, đầu tư cho 60 hộ, và hỗ trợ thực hiện dự án nuôi trồng nấm mèo công nghiệp cho xã Phú Hữu, huyện Thủ Đức, đã giải quyết việc làm cho 30 hộ.

Để thực hiện tốt chương trình xóa đói giảm nghèo phải cần một lượng vốn đầu tư khá lớn, song thực tế vốn đầu tư của thành phố chỉ giải quyết được 9% số hộ, trong khi đó số thuộc diện xóa đói giảm nghèo còn rất nhiều. Đây là vấn đề khó khăn mà đảng bộ cần có biện pháp tích cực và bằng nhiều hình thức huy động vốn thì mới có thể đáp ứng được nhu cầu cho các hộ nông dân.

Trước tiên, đảng bộ xác định cần phải huy động được nguồn vốn từ trong nội bộ nông dân, bằng việc phát động phong trào tình làng nghĩa xóm. Hưởng ứng phong trào này đã có 47 865 lượt người tham gia đóng góp bằng tiền, vàng, cây con giống, lúa gạo, phân bón, đất sản xuất, ngày công lao động và các vật dụng thiết yếu khác ; với tổng giá trị hơn 6,55 tỉ đồng, đã trợ giúp cho 44 886 lượt hộ vượt qua khó khăn.

Cùng với việc vận động giúp đỡ nhau giữa các hộ nông dân, đảng bộ chỉ đạo Hội Nông dân thực hiện vay tín chấp từ ngân hàng, nhằm giúp cho các hộ nghèo thiếu vốn có điều kiện phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống. Hội Nông dân thành phố và các huyện lấy tín chấp với Ngân hàng nông nghiệp để cho 60/90 hộ nông dân thuộc diện xóa đói giảm nghèo ở xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi được vay vốn. Số hộ đó đã sử dụng vốn có hiệu quả và hoàn trả đúng hạn cho ngân hàng. Hội Nông dân thành phố còn tiến hành ký liên tịch với Ngân hàng Nông nghiệp thành phố, triển khai xuống hầu hết các huyện và cử 120 cán bộ Hội làm cộng tác viên của ngân hàng để góp phần thực hiện thành công hợp đồng liên tịch. Từ sự phối hợp chặt chẽ đó, lực lượng cộng tác viên đã sâu sát trong chọn đối tượng, xét duyệt tín chấp, giải ngân hợp lý, đầu tư kịp thời cho sản xuất, bảo đảm đúng nguyên tắc quản lý tiền tệ. Kết quả đã đầu tư số tiền 458 tỉ đồng cho 116 840 lượt hộ vay. Ngoài ra, Hội đã tín chấp với Ngân hàng người nghèo vay

Digitized by Google

vốn ưu đãi, với số tiền trên 40 tỉ đồng, cho 32 452 lượt hộ vay đầu tư phát triển sản xuất.

Để giải quyết việc làm cho lao động dư thừa khu vực nông thôn ngoại thành, đảng bộ chỉ đạo Hội Nông dân phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng 180 dự án, trong đó Hội Nông dân thành phố bảo lãnh tín chấp 7 dự án, vốn từ nguồn đầu tư của Trung ương Hội và Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo của thành phố. Các dự án trên chủ yếu nhằm đầu tư cho nuôi trồng nấm mèo công nghiệp, chăn nuôi lợn lái, lợn thịt, bò sữa. Những dự án này góp phần giải quyết lao động và cung cấp cây con giống, hướng dẫn nghề mới cho các hộ nông dân phát triển sản xuất.

Năm 1996, để chủ động nguồn vốn từ trong nội bộ nông dân, đảng bộ tiến hành triển khai cuộc vận động quỹ hỗ trợ nông dân nghèo xuống các huyện, xã, nên đã huy động được 1,6 tỉ đồng ở 3 nguồn : ủng hộ, cho mượn, cho vay lãi, đầu tư cho hơn 600 hộ nông dân và các tổ hợp tác nghề nghiệp có vốn phát triển sản xuất. Để tăng thêm nguồn vốn đầu tư cho nông dân thiếu vốn phát triển sản xuất, các cấp hội đã thực hiện tín chấp với Ngân hàng Sài Gòn Thương tín cho 5 469 hộ vay, với số tiền là 20 tỉ đồng.

Việc huy động vốn bằng tín chấp, ký liên tịch trong 5 năm qua đã giải quyết cho 375 000 lượt hộ nông dân vay, với tổng số tiền là 1 130 tỉ đồng. Giải pháp tạo vốn này đã góp phần đáng kể vào mục tiêu xóa đói giảm nghèo của đảng bộ thành phố.

Trong quá trình triển khai chương trình xóa đói giảm nghèo, vấn đề được đảng bộ rất quan tâm là việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Muốn vậy, phải nâng cao nhận thức và sự hiểu biết về kỹ thuật trồng trọt, giống cây, con,... cho các hộ nông dân. Do đó, đảng bộ đã chỉ đạo việc phối kết hợp giữa Hội Nông dân, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm khuyến nông, Hội VAC, Hội người tiêu dùng... tổ chức tập huấn các chuyên đề về chuyển giao kỹ thuật trong sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt cho các hộ nông dân. Kết quả đã tổ chức được 838 lớp tập huấn, với 34 861 lượt cán bộ, hội viên và hộ nông dân tham dự. Ngoài ra, còn tổ chức tham quan học tập mô hình sản xuất giỏi, kinh nghiệm hay trong và ngoài thành phố được 286 lần, với hơn 11 000 lượt người tham gia. Đồng thời, còn tổ chức nhiều điểm trình diễn sản xuất cây trồng có giá trị kinh tế, các hội thi trồng lúa có năng suất cao, chăn nuôi bò sữa, nuôi lợn giỏi... Phong trào này đã được phát động sâu rộng ở hầu hết các cơ sở. Những việc làm đó đã giúp cho các hộ nông dân có thêm kiến thức trong sản xuất, ý thức được việc chuyển dịch cây trồng, vật nuôi, nắm bắt được những thông tin mới về giá cả, thị trường tiêu thụ. Vì vậy, việc tổ chức sản xuất đạt hiệu quả, hạn chế được nhiều rủi ro.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của đảng bộ thành phố và sự kết hợp chặt chẽ của các ban, ngành ; bằng những giải pháp đúng đắn, kịp thời nên hiệu quả vốn đầu tư được phát huy, tạo cho kinh tế hộ nông dân phát triển, các ngành nghề được mở rộng, góp phần tạo điều kiện cho 8 624 hộ nông dân thoát khỏi cảnh nghèo đói, 7 526 hộ làm ăn khá, 5 210 hộ sản xuất giỏi. Những hộ kinh tế khá vươn lên từ diện xóa đói giảm nghèo, đã và đang tích cực trợ giúp những hộ còn khó khăn hơn trong sản xuất để họ từng bước vươn lên ổn định cuộc sống. Vì vậy, đã hạn chế được nạn cho vay nặng lãi, bán lúa non lúc giáp hạt. Ý thức của người nông dân được nâng cao, phong trào thực hiện sinh đẻ có kế hoạch được thực hiện tốt, tệ cờ bạc, rượu chè, trộm cắp giảm dần và nhiều người trước kia không chịu khó lao động sản xuất nay đã trở thành những người lao động giỏi, biết yêu thương đùm bọc giúp đỡ nhau. Sự chuyển biến tích cực đó đã góp phần đáng kể vào việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong xóm ấp.

Cùng với việc nâng cao hiệu quả về sản xuất và đời sống, thông qua các phong trào thiết thực đã nâng cao lòng tin của nông dân đối với các cấp ủy đảng, chính quyền và các cấp hội. Từ phong trào này tổ chức Hội Nông dân kết nạp thêm được nhiều nông dân tiêu biểu. Trong 5 năm Hội đã kết nạp được 28 000 hội viên, trong đó có 12 188 hội viên sinh hoạt trong các chi hội, tổ hội ngành nghề ; củng cố được 743 chi hội và 3 473 tổ hội ; xây dựng được 8 981 hội viên nòng cốt ở các cơ sở. Thông qua việc chỉ đạo chương trình xóa đói giảm nghèo trình độ cán bộ được nâng lên ; quan hệ giữa cán bộ, đảng viên với cơ sở và quần chúng nhân dân càng được củng cố, gắn bó hơn.

Chương trình xóa đói giảm nghèo không những đã giải quyết được những khó khăn trong đời sống của các hộ nông dân, mà còn khơi dậy những việc

Digitized by Google

làm nhân ái, nghĩa cử cao đẹp của tình làng nghĩa xóm, và phát triển thành một phong trào mang tính xã hội, bằng những việc làm cụ thể, như cho vay tiền vốn không lấy lãi, giúp cây con giống, phân bón, thuốc trừ sâu, kinh nghiệm sản xuất, cho mượn đất sản xuất thời vụ, chống dột cho nhà neo đơn, ma chay, bệnh tật...

Phong trào xây dựng nhà tình thương ra đời và được nhiều người hưởng ứng. Những hộ khó khăn, neo đơn được các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các gia đình khá giả, các cá nhân giàu lòng nhân ái quyên góp trợ giúp. Trong 5 năm, đã xây dựng được 104 căn nhà tình thương trị giá trên 570 triệu đồng, sửa chữa chống dột được 120 căn nhà.

Phong trào nông dân sản xuất giỏi được phát triển đã tác động tích cực đến hiệu quả của chương trình xóa đói giảm nghèo. Qua tổng kết, có 16 046 hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất giỏi 3 năm liền, trong đó hầu hết là các hộ trong diện được giúp đỡ về xóa đói giảm nghèo. Từ những hộ nông dân sản xuất giỏi đã nhân ra nhiều chi hội, tổ hội để từ đó hình thành nhiều làng sản xuất giỏi. Tiêu biểu như ấp Bàu Điều Thượng, ở huyện Củ Chi có 80% nông dân đạt danh hiệu sản xuất giỏi. Có những hộ thu nhập từ 30 đến 40 triệu đồng/năm.

Phong trào hợp tác, tự nguyện giúp đỡ nhau cùng vượt khó trong nông dân được hình thành. Nhiều mô hình sản xuất ra đời đã góp phần giải quyết lao động dư thừa có việc làm ổn định, bằng nhiều hình thức đa dạng như : tổ hợp tác máy cày xã Tân Tạo, huyện Bình Chánh, chi hội nuôi bò sữa ấp Tân Đông Thượng, xã Tân Chánh Hiệp, huyện Hóc Môn ; chi hội nuôi lợn xã Thạnh Mỹ Lợi, huyện Thủ Đức ; tổ ấp vịt giống xã Tân Thạnh Đông ; chi hội đan túi bàng xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi ; chi hội đan đệm xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn... Ngoài ra còn hình thành 30 tổ hợp tác tiết kiệm và được nhân rộng ra các quận, huyện ngoại thành. Hoạt động của tổ chức này đạt kết quả tốt, góp phần cùng chương trình xóa đói giảm nghèo giải quyết hơn 300 hộ có việc làm thường xuyên, và tập dần cho nông dân có ý thức tiết kiệm, tích lũy vốn để hoàn vốn cho chương trình đúng thời hạn và dần tự lực được vốn sản xuất.

Qua 5 năm (1992 - 1996) kể từ khi Thường vụ thành ủy có chủ trương triển khai chương trình xóa đói giảm nghèo trên địa bàn thành phố, bằng kết quả thực tế đã khẳng định đây là một chủ trương đúng đắn của đảng bộ thành phố, phù hợp với lòng dân, mang tính xã hội rộng rãi, được sự đồng tình ủng hộ của các cấp, các ngành và đông đảo nông dân phấn khởi hưởng ứng thực hiện. Đồng thời nó còn tạo thành phong trào cách mạng sâu rộng, động viên được các nguồn lực tham gia và đạt được kết quả tốt. Từ thực tế chỉ đạo chương trình xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn ngoại thành của đảng bộ TP Hồ Chí Minh có thể rút ra một số kinh nghiệm sau :

- Các cấp ủy đảng, chính quyền từ thành phố xuống huyện phải quan tâm, chăm lo và coi công tác xóa đói giảm nghèo trong tình hình hiện nay là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Việc tổ chức triển khai phải được tiến hành đồng bộ, có kế hoạch cụ thể từ thành phố đến các quận, huyện, xã, phường, có tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời và đề ra những giải pháp phù hợp cho từng giai đoạn.

- Tổ chức phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các ban, ngành từ thành phố xuống các quận, huyện, lấy Hội Nông dân thành phố và các cấp ủy đảng cơ sở làm đơn vị trực tiếp theo dõi, quản lý, chỉ đạo chương trình.

- Để tạo nguồn vốn lâu dài, đáp ứng được nhu cầu đầu tư của các hộ trong diện xóa đói giảm nghèo, các cấp ủy đảng và các cấp hội phải tích cực tìm những giải pháp tổng hợp để tạo ra nguồn vốn như : ký liên tịch, tín chấp, bảo lãnh với ngân hàng cho hộ nông dân nghèo vay vốn để phát triển sản xuất. Mặt khác, phải chủ động xây dựng các dự án giải quyết việc làm, khơi dậy tiềm năng kinh tế trong nội bộ nông dân, tổ chức học tập kinh nghiệm và chuyển giao kỹ thuật trong sản xuất, chăn nuôi và làm nghề.

- Phát động phong trào thi đua sản xuất giỏi, tiết kiệm, hợp tác vượt đói nghèo v.v. rộng khắp ở cơ sở, khơi dậy tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau, tình làng nghĩa xóm, "người tốt việc tốt", ngôi nhà tình nghĩa, hợp tác cùng nhau vượt đói nghèo... Thông qua các hoạt động đó tác động đến hiệu quả của các giải pháp tạo vốn, tạo nên mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa các hộ nông dân và giữa nông dân với các tổ chức xã hội, nhằm thúc đẩy phong trào ngày càng phát triển, phong phú về nội dung hoạt động, và từng bước xây dựng các tổ chức hội ngày càng vững mạnh.❑

Digitized by Google

Hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm, một yêu cầu bức xúc

TRẦN HỮU ỨNG *

NẾU như sự hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường mang lại màu xanh cho thiên nhiên, thì sự hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm sẽ mang lại sự trong sạch cho xã hội. Những sự hợp tác trên là phù hợp với lợi ích của tất cả mọi người, mọi quốc gia tiến bộ trên hành tinh này.

1 - Hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm - nhu cầu chung của tất cả các quốc gia

Sự phát triển về kinh tế, xã hội ở hầu hết các nước trên thế giới trong nhiều thập kỷ gần đây đã dẫn tới nhu cầu giao lưu về văn hóa, công nghệ, hàng hóa, tiền tệ. Sự phát triển của khoa học thông tin đã làm cho các quốc gia trên thế giới ngày càng xích lại gần nhau.

Bên cạnh những lợi ích của giao lưu, hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa mà ai cũng biết, thì mặt trái của nó là sự "nhập khẩu", "xuất khẩu" các "virus" có hại. Một trong những "virus" nguy hiểm nhất, gây tác hại đến nhiều người nhất hiện nay là tội phạm có tổ chức quốc tế. Lợi dụng cấu trúc và đặc điểm của nền kinh tế thế giới hiện đại bọn tội phạm đã hoạt động được ở nhiều quốc gia, và mang quốc tịch khác nhau. Các tội phạm như : sản xuất, buôn lậu ma túy, buôn lậu các chất phóng xạ, khủng bố quốc tế, buôn bán vũ khí, buôn bán người, lừa đảo quốc tế, cướp máy bay, cướp biển, sản xuất và lưu hành tiền giả, séc giả... gây thiệt hại tới kinh tế, an ninh chính trị và an toàn xã hội cho các quốc gia và tác động xấu tới môi trường xã hội.

Các tổ chức tội phạm quốc tế đã câu kết với nhau để tổ chức tiến hành các hành vi phạm tội với nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, sử dụng nhiều phương tiện hiện đại để gây án. Nhằm mục tiêu cuối cùng là thu được lợi nhuận cao nhất, nhiều nhất, chúng có thể sử dụng bất kỳ một thủ đoạn gây án nào, dù có phải giết nhiều người, gây tổn hại về kinh tế, chính trị cho bất kỳ quốc gia nào. Theo số liệu mới nhất của Liên hợp quốc thì mỗi năm, qua buôn lậu ma túy, bọn tội phạm đã thu được 400 tỉ USD lợi nhuận, tương đương với doanh thu của ngành dệt toàn thế giới. Với lợi nhuận kếch sù như vậy chúng sẵn sàng làm tất cả, từ mua chuộc, dụ dỗ những quan chức của chính phủ, của các cơ quan quyền lực nhà nước để họ tạo điều kiện cho chúng hoạt động, đến giết người hàng loạt mang tính chất khủng bố, bắt cóc người để đổi chác... Sự lũng đoạn của tội phạm quốc tế trong hoạt động của bộ máy nhà nước sẽ dẫn tới sự tha hóa đội ngũ cán bộ có chức, có quyền, làm mọt ruỗng và vô hiệu hóa bộ máy chuyên chính. Sẽ là rất sai lầm nếu chúng ta không dự đoán trước được những vấn đề nêu trên và định liệu trước những biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa khi nó chưa xảy ra hoặc nó mới ở phạm vi hẹp.

Để đấu tranh chống lại các tổ chức tội phạm quốc tế có hiệu quả yêu cầu đặt ra với

* PTS, Cục Cảnh sát điều tra Bộ Nội vụ

Digitized by Google

cảnh sát các nước trên thế giới là phải hợp tác, phối hợp chặt chẽ vì lợi ích của mỗi nước và lợi ích chung của tất cả các nước. Từng quốc gia đơn lẻ khó có thể làm được đối với loại tội phạm nguy hiểm này.

Xuất phát từ nhận thức trên, từ năm 1923, tại Viên (Áo) Tổ chức cảnh sát quốc tế In-te-pon (Interpol) đã được thành lập với 20 nước thành viên. Đến nay tổ chức quốc tế này đã tập hợp được 158 quốc gia tham gia. Các thành viên của In-te-pon đã phối hợp chặt chẽ trong việc trao đổi thông tin, phối hợp thực hiện các biện pháp điều tra tội phạm, đưa ra những chiến lược toàn cầu nhằm liên kết các quốc gia cùng đấu tranh chống tội phạm có tổ chức quốc tế. Năm 1974, tại Vi-xba-đơn (Visbaden) (Đức) các nước châu Âu đã thành lập Khối cảnh sát chung châu Âu (EUROPOL), năm 1979 các nước ASEAN đã thành lập Hiệp hội cảnh sát các nước trong khối, gọi tắt là ASEANAPOL nhằm giải quyết những vấn đề nóng bỏng về tội phạm trong khu vực. Ngoài ra một số tổ chức cảnh sát quốc tế khác như Hiệp hội cảnh sát quốc tế (IPA) ra đời từ năm 1950 hiện thu hút hơn 50 000 hội viên (IACP) gồm 6 000 thành viên của 85 nước trên thế giới có trụ sở ở Oa-sinh-tơn (Mỹ)... Mục tiêu cao nhất của các tổ chức cảnh sát quốc tế nêu trên là : cảnh sát thế giới phối hợp hỗ trợ nhau trong đấu tranh chống tội phạm hình sự đạt hiệu quả cao nhất.

2 - Sự hội nhập của cảnh sát Việt Nam với cảnh sát quốc tế trong sự nghiệp đấu tranh phòng, chống tội phạm

Thấy được sự cần thiết của hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm nhằm giữ vững an ninh và trật tự, an toàn xã hội trong giai đoạn chuyển đổi kinh tế từ quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường, Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo các cơ quan chức năng quan tâm tới sự hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Tháng 11 năm 1991, trong kỳ họp Đại hội đồng In-te-pon tại Pun-ta den Es-tơ (U-ru-goay) cảnh sát Việt Nam đã chính thức được kết nạp là thành viên của Hiệp hội cảnh sát quốc tế In-te-pon, sau đó năm 1995 trở thành thành viên của Hiệp hội cảnh sát các nước ASEAN (ASEANAPOL). Là thành viên của các tổ chức cảnh sát quốc tế, cảnh sát Việt Nam có điều kiện tiếp cận với nền khoa học phát triển của cảnh sát quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, nắm bắt được nhiều thông tin về tình hình tội phạm quốc tế, đồng thời cũng hỗ trợ cảnh sát các nước khác trong việc cung cấp thông tin về tội phạm có tổ chức, các đường dây buôn bán, vận chuyển ma túy ở khu vực châu Á, đã bắt giữ nhiều tên tội phạm quốc tế nguy hiểm có lệnh truy nã quốc tế.

Cho đến nay Bộ Nội vụ Việt Nam đã ký Nghị định thư về hợp tác phòng chống tội phạm với Bộ Nội vụ các nước : Nga, Đức, Trung Quốc, Lào, U-crai-na, Cu-ba, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên. Những nghị định thư song phương về hợp tác phòng chống tội phạm là cơ sở và căn cứ quan trọng để chúng ta mở rộng quan hệ hợp tác toàn diện trong lĩnh vực cảnh sát đối với các nước đối tác. Chúng ta đã ký kết được một số hiệp định về tương trợ tư pháp với một số nước như Nga, Tiệp Khắc (cũ), Cu-ba, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri, Ba-lan. Những văn bản này là những căn cứ mang tính pháp lý quan trọng cho sự hợp tác giữa Việt Nam và các nước nói trên trong đấu tranh phòng chống tội phạm quốc tế. Tuy vậy, qua thực tế phối hợp quốc tế trong điều tra các vụ án cụ thể chúng tôi thấy, với hai nước Nga và Đức, do chúng ta có sự phối hợp trực tiếp giữa cơ quan cảnh sát điều tra Việt Nam và cơ quan điều tra nước đối tác nên việc phối hợp khá cụ thể và đã mang lại hiệu quả thiết thực ; còn với các nước khác thì sự phối hợp mới ở bình diện chung, chưa cụ thể và chưa mang lại hiệu quả cao.

3 - Một số khó khăn trong thực tiễn phối hợp quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm

Sự hội nhập của cảnh sát Việt Nam với các tổ chức cảnh sát quốc tế trên thực tế mới ở giai

Digitized by Google

đoạn ban đầu. Những khó khăn của ta về kinh tế, sự thiếu thốn các văn bản pháp quy có liên quan đến việc phối hợp quốc tế trong lĩnh vực cảnh sát, sự nghèo nàn về những phương tiện nghiệp vụ hiện đại so với cảnh sát quốc tế, cách suy nghĩ mang tính truyền thống của nhiều cán bộ cảnh sát của ta chưa phù hợp với sự phát triển chung. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự hạn chế kết quả của việc phối hợp giữa cảnh sát nước ta với cảnh sát các nước khác trong đấu tranh chống tội phạm quốc tế. Với thời gian và sự cố gắng, chúng ta có thể khắc phục được những hạn chế đó.

Nhưng chúng ta cần quan tâm hơn tới những khó khăn khách quan mà cần có sự phối hợp với các cơ quan chức năng của các nước khác mới có thể khắc phục được. Đó là :

- Luật pháp của các quốc gia khác nhau. Mong muốn của cảnh sát không thể vượt quá khuôn khổ được quy định của luật pháp nước sở tại. Ví dụ, mặc dù cảnh sát nhiều nước có quan hệ với nhau vì đều là thành viên của In-te-pon, nhưng luật về bảo vệ dữ liệu thông tin của một số nước lại không cho phép cảnh sát cung cấp thông tin về tội phạm cho nước khác. Do vậy, cảnh sát nước này không thể trao đổi thông tin về một tội phạm phục vụ cho việc điều tra một vụ án cụ thể theo yêu cầu của cảnh sát nước đối tác, làm cho việc điều tra có thể bị bế tắc, tội phạm không bị truy cứu trước pháp luật.

- Hiện ở một số nước không còn án tử hình đối với hầu hết các loại tội phạm. Ví dụ : Đức, Anh, Thụy Điển, Thụy Sĩ... Luật của các nước này quy định chỉ có thể chuyển giao hồ sơ vụ án và kẻ phạm tội cho nước ngoài để điều tra, truy tố, xét xử trong trường hợp đối tượng đã phạm vào tội, mà theo điều luật của Bộ luật hình sự nước đối tác, không có khung hình phạt cao nhất là tử hình. Do vậy, đã có những trường hợp tội phạm ở nước ta đã gây ra hàng chục vụ giết người, cướp của rồi trốn sang các nước này. Dù cảnh sát nước đó biết rõ đối tượng đã có lệnh truy nã của nước ta, họ cũng không thể chuyển giao đối tượng cho nước ta. Như vậy, trên thực tế nhiều tên tội phạm nguy hiểm có thể sẽ không bị xét xử đúng với tội trạng của chúng. Thậm chí nếu trong hồ sơ tố tụng của cảnh sát Việt Nam không có đủ căn cứ để khẳng định về tội trạng của chúng thì có thể chúng lại được trả tự do và sống bình thường như những người dân khác. Điều này là thiếu công bằng, gây nên sự bất đồng và phản ứng cao độ của người bị hại cũng như gia đình các nạn nhân.

- Hiện cơ quan cảnh sát điều tra Việt Nam đã nhận được một số yêu cầu xác minh về các nguồn tiền bất chính có liên quan đến tội phạm do cảnh sát một số nước yêu cầu. Nhưng, chúng ta chưa có luật về chống rửa tiền. Việc xác minh về vấn đề này hiện chưa có những cơ sở pháp luật. Do vậy, khi tiến hành xác minh phải xin ý kiến nhiều ngành, nhiều cấp, không thể đáp ứng được yêu cầu khẩn trương trong điều tra tội phạm, thậm chí không thể thực hiện được yêu cầu của cảnh sát nước bạn.

- Cảnh sát Việt Nam có nhận được một số yêu cầu của cảnh sát nước ngoài đề nghị phía Việt Nam đưa công dân Việt Nam sang làm nhân chứng trước tòa để xét xử một số vụ án nghiêm trọng (giết người, cướp của...) xảy ra tại nước ngoài do tội phạm là người Việt Nam gây ra đối với nạn nhân là người Việt Nam vì những người này đã về Việt Nam. Một số trường hợp, lời khai của nhân chứng lại là chứng cứ quyết định để khẳng định về kẻ phạm tội. Nhưng, hiện nay chúng ta chưa có văn bản pháp luật nào quy định về vấn đề này. Vì vậy, việc đưa công dân Việt Nam ra nước ngoài tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng vẫn là vấn đề chưa có hướng giải quyết hợp lý.

- Đến nay, giữa Việt Nam và nhiều nước trên thế giới đã có sự giao lưu, hợp tác trong đấu tranh chống tội phạm có tổ chức mang tính quốc tế. Sự phối hợp tuy đã có kết quả,

Digitized by Google

nhưng chưa cao. Các văn bản ký kết còn ở bình diện chung, chưa đi vào cụ thể những công việc cần phối hợp do chúng ta chưa có kinh nghiệm trong soạn thảo văn bản quốc tế, chưa dự đoán hết những vấn đề cần phối hợp. Vài thí dụ cụ thể :

+ Giữa ta và Lào đã ký Nghị định thư về hợp tác chống tội phạm, nhưng vụ án Siêng-Phêng - Vũ Xuân Trường xảy ra, ta chưa phối hợp được với bạn và các nước khác, thậm chí ta biết được các đối tượng có liên quan hiện đang sống ở Lào, nhưng không thể gặp được để xác minh, không ghi được lời khai của họ, mặc dù đã cử điều tra viên sang Lào.

+ Ngày 23-3-1993, giữa ta và Ba-lan cũng đã ký Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, gia đình và hình sự. Nhưng cho đến nay hầu như chưa có việc gì về hình sự đụng chạm đến hiệp định này. Mặc dù ở Ba-lan hiện có nhiều người Việt Nam sinh sống, và đã có những băng tội phạm nguy hiểm là người Việt Nam đang hoạt động. Chúng thường gây ra các vụ cướp của, giết người, cưỡng đoạt tài sản của người Việt Nam. Năm 1996 có những người Việt Nam bị cảnh sát Ba-lan bắt giữ do phạm tội. Tính từ 1992 đến 1996 đã xảy ra không ít vụ giết người, nhưng việc điều tra gặp nhiều khó khăn do giữa ta và Ba-lan chưa có nghị định thư về hợp tác chống tội phạm, nên phía Ba-lan không có yêu cầu gì với cảnh sát Việt Nam.

+ Ta với Trung Quốc cũng đã ký Nghị định thư về hợp tác chống tội phạm. Tuy vậy việc buôn lậu và tuồn các hàng trộm cắp qua biên giới (đặc biệt là xe máy, ô tô), việc một số tên tội phạm gây án ở Việt Nam rồi trốn qua Trung Quốc... vẫn chưa phối hợp giải quyết được.

Có thể nói các nghị định thư hay hiệp định trên chưa thực sự đi vào cuộc sống. Ngay nhiều cơ quan điều tra của ta cũng không được phổ biến, không biết ; do vậy không khai thác và vận dụng được vào thực tiễn.

4 - Một số đề xuất về các giải pháp nhằm tăng cường sự hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt hiệu quả

Để góp phần khắc phục những khó khăn đã hoặc có thể sẽ xảy ra trong việc phối hợp quốc tế đấu tranh chống tội phạm thời gian tới, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau :

Thứ nhất : Nhà nước sớm ban hành các văn bản pháp luật về các vấn đề có liên quan đến hợp tác quốc tế đấu tranh chống tội phạm quốc tế. Ví dụ : Luật về dẫn độ, Luật chống tội phạm rửa tiền v.v. Đó là những căn cứ và cơ sở pháp lý quan trọng giúp cho các cơ quan hành pháp thực hiện sự phối hợp quốc tế trong đấu tranh chống tội phạm đạt hiệu quả.

Thứ hai : Tăng cường sự phối hợp quốc tế trong đấu tranh chống tội phạm quốc tế bằng cách chủ động bàn bạc với những nước trong khu vực Đông - Nam Á và một số nước có nhiều người Việt Nam sinh sống ở Đông Âu, châu Mỹ để sớm ký kết với họ Hiệp định về tương trợ tư pháp và Nghị định thư về phòng chống tội phạm. Việc soạn thảo các văn bản này cần được các cơ quan chức năng như Bộ Nội vụ, Viện Kiểm sát, Tòa án, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao tham gia. Chính phủ có thể ủy quyền cho Bộ Nội vụ ký Nghị định thư về phòng, chống tội phạm và ủy quyền cho Bộ Tư pháp ký Hiệp định về tương trợ tư pháp với đại diện của nước đối tác. Nghị định thư (hoặc Hiệp định) này cần phải tính toán đến mọi khía cạnh của thực tiễn đã, đang, và sẽ xảy ra trong phối hợp quốc tế đấu tranh chống tội phạm. Các điều khoản trong Nghị định thư hoặc Hiệp định cần phải chi tiết, cụ thể để việc thi hành bảo đảm thuận lợi và chính xác.

Thứ ba : Kinh nghiệm của cảnh sát nhiều nước, để có thể thực hiện có hiệu quả việc phối hợp quốc tế đấu tranh chống tội phạm, họ xây dựng mạng lưới sĩ quan liên lạc ở tất cả những nước mà họ quan tâm. Ví dụ : Cộng hòa liên bang Đức cử 42 sĩ quan liên lạc hoạt động trên 28 địa bàn ở 26 nước trên khắp các lục địa. Mạng lưới này thực sự đã mang lại cho Bộ

Digitized by Google

Nội vụ Đức sự đánh giá chính xác về tình hình tội phạm quốc tế, từ đó đưa ra chiến lược đấu tranh chống tội phạm đạt hiệu quả cao nhất.

Căn cứ vào tình hình hiện tại trên thế giới và khu vực châu Á cũng như yêu cầu hiện tại của cách mạng Việt Nam chúng ta cần sớm quan tâm tới một số địa bàn trọng yếu (ví dụ : khu vực Đông - Nam Á, các nước Đông Âu, châu Mỹ) để sớm có kế hoạch xây dựng một mạng lưới sĩ quan liên lạc của cảnh sát Việt Nam hoạt động tại các khu vực này. Nhiệm vụ chủ yếu của mạng lưới sĩ quan liên lạc là nắm bắt, thu thập các thông tin về tình hình tội phạm quốc tế, làm cầu nối giữa Bộ Nội vụ Việt Nam trong quan hệ hợp tác với cảnh sát nước sở tại, trực tiếp phối hợp với họ giải quyết các vấn đề có liên quan tới người Việt Nam ở nước ngoài. Mạng lưới sĩ quan liên lạc của cảnh sát giữ vai trò rất quan trọng trong việc tham mưu cho nhà nước, Bộ Nội vụ để vạch ra chiến lược đấu tranh chống tội phạm quốc tế, cũng như giải quyết các vấn đề cụ thể về điều tra và phòng ngừa tội phạm.

Thứ tư : Lực lượng cảnh sát nhân dân trực tiếp làm nhiệm vụ đấu tranh chống tội phạm có tổ chức và tội phạm quốc tế cần đủ mạnh cả về số lượng, chất lượng cũng như trang bị nghiệp vụ. Về việc này, trong thời gian gần đây, Đảng và Nhà nước đã có quan tâm, nhưng chưa thể đáp ứng được với yêu cầu của tình hình mới. Hầu hết các cán bộ chiến sĩ công an đều yếu về ngoại ngữ và pháp luật quốc tế. Khi điều tra một vụ án có liên quan đến người nước ngoài đều phải nhờ tới phiên dịch ở ngoài ngành công an. Nhiều trường hợp người nước ngoài đến Việt Nam làm việc hoặc du lịch, khi bị cướp, lừa đảo, trộm cắp phải đến trình báo tại cơ quan công an, nhưng bị từ chối vì trực ban không biết ngoại ngữ. Tin tố giác tội phạm bị bỏ qua, không được tiếp nhận. Đây cũng là một yếu tố làm cho người nước ngoài đến Việt Nam lo ngại. Điều này ít nhiều ảnh hưởng bất lợi đến sự hợp tác quốc tế của Việt Nam.

Để có thể khắc phục được phần nào những tồn tại trên, đề nghị Tổng cục cảnh sát nhân dân chỉ thị cho mỗi tỉnh, thành phố phải tổ chức ít nhất một điểm tiếp người nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho họ có thể tố cáo những hành vi trái pháp luật, xâm phạm tới lợi ích của họ và của những công dân khác, có những biện pháp kịp thời xử lý đúng với yêu cầu của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế. Địa chỉ này cần thông báo tới tất cả các đồn cảnh sát của địa phương để họ có thể hướng dẫn những người nước ngoài đến trình báo. Ngoài ra, Bộ Nội vụ cần tạo điều kiện cho cán bộ, chiến sĩ cảnh sát học tập ngoại ngữ, nghiệp vụ và pháp luật để họ có đủ trình độ đáp ứng được những yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Trong khi bọn tội phạm quốc tế luôn luôn tìm mọi cách khai thác và sử dụng tối đa những thành tựu của khoa học, kỹ thuật để gây án thì trang bị cho lực lượng cảnh sát nhân dân của ta còn thiếu thốn và lạc hậu. Cần khắc phục tình trạng này, quan tâm hơn nữa về trang bị cơ sở vật chất cho lực lượng cảnh sát nhân dân phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp đấu tranh chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

Đấu tranh chống loại tội phạm quốc tế là sự nghiệp chung của cảnh sát trên toàn thế giới. Trong thời kỳ kinh tế mở cửa, với sự hội nhập của nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới thì nguy cơ về sự xâm nhập của tội phạm quốc tế vào nước ta là không thể tránh khỏi. Cảnh sát Việt Nam cần phải được lớn mạnh để có thể đáp ứng được yêu cầu mà Tổ quốc và nhân dân giao phó là giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm thắng lợi cho công cuộc đổi mới của đất nước ta. Sự phối hợp chặt chẽ nhiều mặt giữa cảnh sát Việt Nam và cảnh sát các nước khác trên thế giới sẽ hạn chế được sự xâm nhập của những tội phạm nguy hiểm mang tính quốc tế vào nước ta, tạo điều kiện cho chúng ta có những biện pháp phòng ngừa, đấu tranh đạt hiệu quả cao nhất. ❑

Digitized by Google

ĐƯA CUỘC SỐNG VÀO NGHỊ QUYẾT

MAI NINH

Huyện ủy X. mở hội nghị cán bộ nghiên cứu Nghị quyết của Trung ương. Báo cáo viên trình bày nghị quyết một cách hào hứng. Người nghe cũng cảm thấy nhiều điều mới mẻ. Có một trục trặc nhỏ ở đoạn cuối, khi nói về tổ chức thực hiện nghị quyết. Trong đám đông người nghe, có một câu hỏi đặt ra : Sao lâu nay, chỉ nghe nói đưa nghị quyết vào cuộc sống mà không thấy nói đưa cuộc sống vào nghị quyết ? Bị hỏi bất ngờ, báo cáo viên đâm ra lúng túng. Nhưng để tỏ ra mình là người am hiểu, anh bèn luận về mối quan hệ giữa cuộc sống và nghị quyết. Anh nói :

- Nghị quyết và cuộc sống là hai mặt của một vấn đề, có mối quan hệ hữu cơ với nhau, không thể chia tách được... Nghị quyết mà không đi vào cuộc sống thì nghị quyết chết. Còn cuộc sống mà không đi vào nghị quyết thì cuộc sống cũng, cũng... Anh định nói chữ *chết*, song cảm thấy có cái gì đó bất ổn bèn nói chệch đi : thì cuộc sống cũng chẳng có nghĩa lý gì...

Hội trường sôi động hẳn lên. Cả tiếng cười và lời bàn luận. Báo cáo viên nói sao mà giống anh cán bộ thuở nào đã từng ứng khẩu giảng giải về mối quan hệ giữa quân với dân trong chiến tranh : Quân với dân như cá với nước. Cá không có nước thì cá chết. Còn nước mà không có cá thì nước, nước... cũng chẳng ra cái quái gì !

Sao thế nhỉ ? Có một cái gì đó không lô-gic trong lập luận, ít ra là các khái niệm đã không được xác định.

Vậy thế nào là *đưa nghị quyết vào cuộc sống ?* Đưa nghị quyết vào cuộc sống hay biến nghị quyết thành hiện thực là hai công thức diễn đạt có cùng nội dung. Nó gồm ba công đoạn : *một là,* nghiên cứu và quán triệt nghị quyết (để hiểu đúng và hiểu sâu nghị quyết, ít ra là không để nghị quyết nói một đàng hiểu ra một nẻo) ; *hai là,* tổ chức hành động và thực hiện những điều do nghị quyết vạch ra ; *ba là,* tổng kết thực tiễn thi hành nghị quyết, qua đó mà kiểm nghiệm giá trị (đúng hay sai) và hiệu quả của nghị quyết. Có những nghị quyết mới xem thì hay cả, đúng cả nhưng không thể nào thực hiện được bởi những vấn đề nêu lên là xa lạ với cuộc sống, không do cuộc sống đặt ra ; đó là thứ nghị quyết để lưu vào hồ sơ hoặc để "kính nhi viễn chi". Cũng có những nghị quyết tuy không có gì cao xa nhưng đáp ứng được đòi hỏi của thực tế cho nên mới đưa ra đã được quần chúng hưởng ứng mạnh mẽ và trở thành những phong trào hành động cách mạng thật sự (có thể lấy ví dụ về các chủ trương khoán 100 hay khoán 10). Lại cũng có những nghị quyết, tuy vẫn được nhiều người làm theo. Song đó là do sức ép của sự vận động chứ thật ra làm mà không "khẩu phục, tâm phục", cho nên hiệu quả không có gì đáng kể. Như thế, xét đến cùng, yếu tố cốt lõi để một nghị quyết đi vào cuộc sống là tính đúng đắn, sát thực tế, đáp ứng được đòi hỏi của cuộc sống.

Vậy thế nào là *đưa cuộc sống vào nghị quyết ?* Phải chăng những điều nêu trên đã phần nào làm rõ khái niệm này. Cuộc sống - hay hiện thực xã hội - không ngừng vận động. Hằng ngày hằng giờ biết bao vấn đề cũ tồn tại, vấn đề mới nảy sinh, đòi hỏi phải giải quyết. Có những vấn đề có thể và cần phải giải quyết ở tầm vi mô. Lại có những vấn đề nhất thiết phải được giải quyết ở tầm vĩ mô. Cấp lãnh đạo nào cũng cần nắm vững những vấn đề do cuộc sống đặt ra cho mình để đặt nó lên bàn hội nghị và đưa nó vào nghị quyết. Nếu không làm như vậy, nếu nghị quyết chỉ được để ra từ ý nghĩ chủ quan của cấp lãnh đạo thì sao có thể nói là đưa cuộc sống vào nghị quyết được ?

Báo cáo viên của chúng ta có sự nhầm lẫn về khái niệm. Biết đâu đồng chí đó lại không nghĩ rằng người đặt ra câu hỏi "sao không thấy nói đưa cuộc sống vào nghị quyết" là có ý châm chọc. Không đâu.

Ai chẳng biết các cấp lãnh đạo của chúng ta, nhìn chung, đã đưa ra quá nhiều nghị quyết. Nếu nhìn từ cơ sở thì thấy có nghị quyết của Trung ương, nghị quyết của tỉnh, nghị quyết của huyện và nghị quyết của xã nữa. Mà đâu chỉ có một loại nghị quyết. Có nghị quyết chung, lại có nghị quyết chuyên ngành hay chuyên đề. Nghị quyết này chưa học, chưa làm đã có nghị quyết khác chồng lên. Người truyền đạt nghị quyết lại hay nặng về giảng giải từ những câu chữ của nghị quyết chứ ít khi nói rõ nguyên cớ và quá trình hình thành của nghị quyết, những vấn đề mà nghị quyết nêu ra có xuất phát từ cuộc sống không, nó giải quyết vấn đề của cuộc sống ra sao. Việc nghiên cứu, quán triệt nghị quyết đã vậy, việc tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết lại còn lúng túng hơn. Cho nên câu hỏi đặt ra cho báo cáo viên huyện X. là câu hỏi từ cuộc sống. Nó đòi hỏi chúng ta phải suy nghĩ nhiều lắm.❑

Digitized by Google

XU THẾ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRONG NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

HOÀNG ĐÌNH PHU *

I - KHÁI QUÁT VỀ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRÊN THẾ GIỚI HIỆN NAY.

Trong những thập niên qua, nhiều nước trên thế giới tiến hành cải cách giáo dục cho phù hợp với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. Nhưng đó chỉ là những cố gắng thích nghi cục bộ, vá víu. Về căn bản, mô hình giáo dục đào tạo của thế giới hiện nay vẫn là mô hình của xã hội công nghiệp trong khi nhân loại đang bước vào xã hội "hậu công nghiệp", xã hội thông tin, với những yêu cầu rất khác đối với giáo dục, đào tạo con người.

1 - Nền giáo dục ngày nay về cơ bản vẫn còn đang thực hiện các cấu trúc của thế kỷ XIX, nặng về phổ cập các kiến thức khoa học, coi nhẹ các giá trị văn hóa truyền thống. Phổ cập lòng tin bất di bất dịch vào tính chuẩn xác của những tri thức nhất thành bất biến trong các hoạt động trí tuệ, thiên về tính hình thức và máy móc trong các hoạt động tư duy. Phương pháp dạy và học vẫn dựa vào quyền uy sư phạm và nhồi nhét kiến thức. Tóm lại, nhà trường dành ưu tiên rõ rệt cho các đức tính về trật tự và phương pháp, coi nhẹ các khả năng sáng tạo, nhằm đào tạo những con người thừa hành giỏi trong một mô hình tổ chức sản xuất của cách mạng công nghiệp, mà chưa chuẩn bị cho con người một đời sống nghề nghiệp độc lập, tự chủ, thích nghi được với những biến động của đời sống kinh tế - xã hội.

2 - Các khuyết tật nói trên của hệ thống giáo dục đào tạo mang tính phổ biến và đưa lại nhiều hậu quả tai hại cho các nước công nghiệp kế thừa mô hình giáo dục đào tạo của thế kỷ XIX đã lỗi thời và cả tại các nước đang phát triển về cơ bản là sao chép mô hình các nước phát triển.

Ở Nhật, mặc dù công nghệ và kinh tế thu được những thành tựu thần kỳ nhưng trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, bên cạnh nhiều ưu điểm thì những hiện tượng tiêu cực không phải ít. Các công bố chính thức của Bộ Giáo dục - Khoa học và Văn hóa của chính phủ Nhật đã làm nổi bật các hiện tượng sau :

- Tính chất cạnh tranh trong nền giáo dục Nhật Bản quá gay gắt từ cấp học thấp nhất đến cấp học cao nhất, với một chế độ thi tuyển cực kỳ khe khắt làm cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh bị cuốn vào một không khí tranh đua rất căng thẳng thần kinh. Việc giảm bớt tính chất tranh đua thái quá và rất có hại của các kỳ thi đã trở thành một nhiệm vụ quốc gia.

- Kiến thức khoa học cơ bản của các trường phổ thông còn yếu kém. Học sinh Nhật đối phó tốt với những bài tập đòi hỏi những kiến thức thuộc lòng, nhưng tỏ ra yếu kém trong khi thực hiện những nhiệm vụ đòi hỏi tự tìm ra một giải pháp đúng, nghĩa là tính độc đáo sáng tạo của cá nhân học sinh trong trường phổ thông còn chưa hình thành.

- Tình trạng tội phạm trong vị thành niên còn phổ biến. Số học sinh bị đuổi học tại các trường phổ thông trung học khá cao.

Ở Mỹ, đầu tư cho giáo dục lớn nhất trong số các nước công nghiệp tiên tiến, đạt 35,5 tỉ đô la năm học 1989 - 1990, vượt đầu tư cho quốc phòng. Số lượng người đi học tăng đáng kể, nhưng chất lượng giáo dục còn thấp, trừ một số trường đại học nổi tiếng.

Tỷ lệ người lớn không đọc hiểu được một bài báo thông thường rất cao. Giáo dục khoa học và kỹ thuật tại các trường phổ thông còn yếu kém. Các "dịch bệnh hiện đại" tràn lan trong trường học khiến tổng thống Mỹ phải đặt nhiệm vụ làm cho các trường trung học thoát khỏi nạn nghiện ngập và bạo lực là một trong 6 mục tiêu chủ yếu của cách mạng giáo dục ở Mỹ.

Ở Pháp, từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, tiêu biểu nhất cho thái độ của sinh viên và trí thức đối với chế

* Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường

Digitized by Google

độ giáo dục đào tạo bảo thủ lúc bấy giờ là cuộc nổi dậy của sinh viên tháng 5-1968 với sự ủng hộ của công nhân. Đó là sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử chính trị và văn hóa của nước Pháp đương đại. Nguyên nhân trực tiếp là sự bất mãn của các trường đại học chống lại uy quyền sư phạm, các thủ tục thi cử rườm rà, số phận trôi nổi của sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học trong một xã hội tiêu thụ.

II - NHỮNG XU THẾ CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRONG NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI.

Để khắc phục những bất cập nói trên của các hệ thống giáo dục đào tạo, hiện nay các nước công nghiệp phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Anh, Pháp v.v. và nhiều nước đang phát triển đều thành lập những ủy ban quốc gia để nghiên cứu cải cách giáo dục gồm các nhà sư phạm và các nhà khoa học nổi tiếng nhất nhằm xác định những xu thế phát triển giáo dục và đào tạo trong những thập niên tới. Những xu thế đó phải phù hợp với đặc điểm của thời đại và đặc điểm kinh tế - xã hội của mỗi nước.

Thời đại của chúng ta là thời đại cách mạng khoa học và công nghệ, thời đại bùng nổ thông tin, hình thành và phát triển nền văn minh trí tuệ. Thời đại của chúng ta cũng là thời đại cách mạng xã hội lấy con người làm trung tâm, hướng tới sự tự do dân chủ, công bằng xã hội và tôn trọng phẩm giá con người, hướng tới xác lập các mối quan hệ hài hòa giữa con người với xã hội, con người với thiên nhiên.

1 - Xu thế chủ yếu trong giáo dục đào tạo là học tập thường xuyên, học tập suốt đời.

Trong thời đại ngày nay, chương trình học tập trong các nhà trường dù hiện đại đến đâu, học sinh học chăm chỉ và giỏi dang đến đâu thì những kiến thức trường quy mà học sinh, sinh viên thu nhận được cũng nhanh chóng bị lạc hậu sau khi ra trường. Vì vậy, học tập thường xuyên, tự học và được đào tạo lại là những biện pháp không thể thiếu để cập nhật hóa kiến thức của họ cho phù hợp với những tiến bộ của khoa học và công nghệ. Hơn nữa, vấn đề không phải chỉ là chăm lo giáo dục - đào tạo lực lượng thanh thiếu niên trên ghế nhà trường để chuẩn bị tốt cho tương lai, mà còn phải chăm lo cho toàn xã hội nâng cao trình độ khoa học và công nghệ, năng lực quản lý, phương pháp làm việc của mỗi người lao động trong sản xuất, trong dịch vụ và trong mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội. Vì vậy, học tập thường xuyên, học tập suốt đời đối với mọi công dân đang trở thành xu thế của công tác giáo dục - đào tạo trong những thập niên tới.

2 - Chương trình giáo dục phải được đổi mới cho phù hợp với yêu cầu của xã hội thông tin và yêu cầu xây dựng một xã hội văn minh lành mạnh.

Mỗi nước cần dựa vào mục tiêu đào tạo đã được đặt ra, dựa vào thực trạng kinh tế và thực trạng xã hội, dựa vào những mặt mạnh và mặt yếu của các chương trình hiện hành mà tiến hành các đổi mới thích hợp. Rõ ràng là các ngành khoa học xã hội và nhân văn, các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc phải được tăng cường để đào tạo được những công dân có đạo đức, có lý tưởng của một xã hội thực sự văn minh. Tin học và ngoại ngữ cũng là những môn học cần thiết cho mọi ngành học ngay trong quá trình học tập tại trường và cho mọi lĩnh vực hoạt động sau khi ra trường. Đối với các ngành khoa học và công nghệ, cần đặt vấn đề học tập tại trường trong khuôn khổ chính sách học tập thường xuyên, học tập suốt đời. Vì vậy, trong nội dung, chương trình cần ưu tiên cho những vấn đề cơ bản, những vấn đề tạo ra những phương pháp tư duy có ý nghĩa chung, có thể áp dụng cho nhiều lĩnh vực khác nhau so với những kiến thức có thể được truyền đạt cũng có hiệu quả cao như vậy hoặc hơn như vậy bằng những con đường khác.

Chương trình phải rộng mở, mềm dẻo, có thể được xem xét lại ; các chương trình tạo ra một cái khung chứ không phải một cái vòng xích ; chúng phải càng ít bị gò bó khi cấp học càng cao. Hình thành và tổ chức thực hiện các chương trình đổi mới phải có sự tham gia của các thầy giáo. Chương trình đó phải tiên tiến, nhưng cũng phải hiện thực, không để có sự chênh lệch quá lớn giữa chương trình đổi mới với chương trình đang được giảng dạy và phù hợp với khả năng tiếp thu của người học.

3 - Đi đôi với đổi mới chương trình phải đổi mới cách dạy và học ở nhà trường, học sinh học các phương pháp chứ không học các dữ liệu.

Ở thế kỷ XVIII việc tập hợp các kiến thức của thời đại vào một bộ từ điển bách khoa còn có thể được. Đến thế kỷ XXI, có lẽ phải mấy nghìn bộ. Mấy nghìn bộ ấy lại có thể được lưu trữ và giao lưu trên các đĩa CD, trong các bộ nhớ của máy tính, trên mạng Internet. Vì vậy, việc học không còn là học các dữ liệu mà là phải nắm cho được các cơ sở phương pháp luận, cho phép tìm kiếm được chúng khi cần, học cách đặt vấn đề, cách định hướng, cách chèo lái trong khối kiến thức bao la như biển cả. *Mục đích học tập không phải là để thuộc lòng các câu trả lời có sẵn mà là học cách tạo ra các câu trả lời mới.*

Digitized by Google

Cách học tập năng động như vậy làm cho học sinh đòi hỏi rất cao đối với thầy giáo. Các bài giảng của thầy giáo phải nói lên những mục tiêu và những sự hướng dẫn cần thiết, tổng hợp lại những gì cần nhớ về lĩnh vực này hoặc lĩnh vực khác và nhất là đánh giá và giúp học sinh tự đánh giá bằng những gợi ý, vượt ra ngoài phạm vi đơn giản của việc truyền đạt kiến thức.

Các phương pháp giáo dục mới sử dụng tổng hợp mọi khả năng của bộ não, chứ không phải chỉ sử dụng khả năng tư duy phân tích hay logíc hình thức mà cả tính xúc cảm và tính nhạy cảm. Phương pháp giáo dục, ngoài truyền đạt kiến thức một cách có định hướng, còn phải rất coi trọng xây dựng tâm hồn, rèn luyện tâm tính, dạy cho học sinh tự tìm lấy những gì cần thiết đối với mình.

4 - Xí nghiệp đang trở thành một bộ phận không thể tách rời của hệ thống giáo dục đào tạo.

Trước kia giáo dục đào tạo và việc làm là hai giai đoạn kế tiếp nhau theo thời gian, thực tập tại xí nghiệp chỉ có tác dụng bổ trợ cho công tác giáo dục - đào tạo tại trường. Bây giờ người ta quan niệm rằng, sau một thời gian giáo dục tại trường, đào tạo được thực hiện "trong" và "bởi" việc làm trong xí nghiệp. Một công trình nghiên cứu của một trung tâm nghiên cứu về kinh tế của Pháp năm 1991 đã đi đến kết luận *"lao động nghề nghiệp tạo ra kiến thức"*. Xí nghiệp trở thành người đào tạo, hoạt động sản xuất và hoạt động đào tạo không tách rời nhau. Đây là một kết luận rất quan trọng. Quá trình đào tạo và đào tạo lại tại xí nghiệp, quá trình hoạt động trong thực tiễn sản xuất của xí nghiệp bồi dưỡng cho mỗi người lao động một trình độ "thành thạo nghề nghiệp" chỉ có trong hoạt động của xí nghiệp. Trình độ thành thạo đó làm nên nhân cách của người lao động, giúp họ thích nghi được dễ dàng với những tình huống thay đổi.

5 - Các kỹ thuật thông tin, kỹ thuật nghe nhìn và các phương tiện thông tin đại chúng có vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống giáo dục - đào tạo tại trường và giáo dục - đào tạo thường xuyên.

Các máy vi tính, các thiết bị chuyên gia, các kỹ thuật "thực tế ảo" hỗ trợ rất đắc lực cho sự giảng dạy để kiểm tra và đánh giá năng khiếu và kết quả học tập, tạo ra những điều kiện môi trường tự nhiên và kỹ thuật theo yêu cầu của bài học bằng những hình ảnh ảo hoàn toàn như thật để nâng cao nhận thức của học viên về những nội dung cơ bản của bài học.

Truyền hình là một phương tiện giáo dục - đào tạo có hiệu quả rất cao, được hầu hết các nước sử dụng để truyền bá kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội, thuộc nhiều ngành công nghệ khác nhau, từ trình độ xóa mù đến trình độ đại học và trên đại học, đặc biệt là đối với các vùng sâu vùng xa, giao thông đi lại khó khăn, lực lượng giáo viên và cơ sở hạ tầng tại chỗ yếu kém. Truyền hình cũng là kênh có hiệu quả nhất để tổ chức việc học tập từ xa, trình diễn và phổ biến các thành tựu công nghệ mới để vận dụng vào sản xuất và đời sống.

III - VÀI KHUYẾN NGHỊ VỀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO Ở NƯỚC TA.

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã ra Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000. Đó là một Nghị quyết hết sức quan trọng về một lĩnh vực hoạt động từ lâu đã được xem là quốc sách hàng đầu.

Hiện nay ngành giáo dục - đào tạo nước ta ở trung ương cũng như ở địa phương cùng với toàn dân đang có những nỗ lực phấn đấu to lớn rất đáng hoan nghênh để thực hiện các giải pháp nhằm đạt được mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết. Dựa vào thực tiễn và những điều đã trình bày ở trên, chúng tôi xin nêu lên một số ý kiến về công tác đổi mới giáo dục ở nước ta.

1 - Nâng cao hơn nữa hiệu quả của học tập thường xuyên, học tập suốt đời. Xu thế lớn đó của thế giới cũng đã được biểu hiện khá rõ ở nước ta trong những năm gần đây bằng nhiều hình thức khác nhau và được sự hưởng ứng của nhiều tầng lớp nhân dân. Tuy vậy phong trào chưa rộng, chưa sâu, ít nhiều còn mang tính chất hình thức, tự phát do sáng kiến và nhiệt tình của các cơ quan, các ngành, các địa phương. Chưa có sự điều hòa, phối hợp giữa giáo dục tại trường với giáo dục tại chức, giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên, và giữa các phương thức giáo dục thường xuyên với nhau. Vì vậy, sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài có nhiều hình thức hoạt động khá phong phú nhưng chất lượng và hiệu quả chưa cao như Nghị quyết Trung ương đã có nhận định.

Hình như chúng ta chưa nhận thức được đầy đủ vai trò cực kỳ quan trọng của việc học tập tại chức, của việc nâng cao trình độ cho ngang tầm nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ đang công tác tại các cơ quan quản lý, nghiên cứu, các xí nghiệp, công trường, trên đồng ruộng... Trong chiến lược giáo dục 1990 - 2000 của Mỹ có đoạn viết : "85% lực lượng hoạt động của Mỹ năm 2000 có trong lực lượng lao động của ngày hôm nay (1990). Vì vậy, chỉ cải cách trường học cho học sinh sinh viên của

Digitized by Google

ngày hôm nay và ngày mai thì chưa đủ để đảm bảo cho nước Mỹ có khả năng cạnh tranh vào năm 2000... Tổng thống kêu gọi mọi người dân Mỹ tiếp tục học tập suốt đời, sử dụng hàng loạt các phương tiện chính quy và không chính quy để có được những kiến thức và kỹ năng cao hơn".

Chúng tôi để nghị sớm thành lập Hội đồng giáo dục quốc gia với nhiệm vụ cấp bách trước mắt là giúp Chính phủ tổng kết công tác đổi mới về giáo dục và soạn thảo chiến lược giáo dục - đào tạo như đã được đề ra trong Nghị quyết Trung ương 2. Trực thuộc Hội đồng cần có các tiểu ban để đi sâu vào từng loại hình giáo dục - đào tạo, trong đó giáo dục tại chức phải là một tiểu ban quan trọng.

2 - Đổi mới chương trình giáo dục - đào tạo phải được xem là một nhiệm vụ cấp bách trong thời gian tới, tại tất cả các cấp học và đặc biệt là tại các trường phổ thông. Với những hiện tượng tiêu cực đang tràn lan trong xã hội và cũng đã bắt đầu xâm nhập vào học đường ở nước ta thì những vấn đề giáo dục về đạo đức và lý tưởng cách mạng, về mỹ học và các khoa học nhân văn, về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về các truyền thống văn hóa dân tộc phải có vị trí xứng đáng trong các chương trình học. Tin học và ngoại ngữ cũng phải được bồi dưỡng nghiêm chỉnh ngay từ phổ thông, không phải với ý đồ thực dụng xem đó là những kiến thức cho phép dễ tìm việc làm sau khi ra trường, mà với ý nghĩa là những công cụ quan trọng không thể thiếu được phục vụ cho việc tiếp thu kiến thức mới tại tất cả các ngành học và cần thiết cho mọi lĩnh vực hoạt động xã hội sau khi ra trường trong thời đại toàn cầu hóa ngày nay.

Các kiến thức khoa học và công nghệ đương nhiên là hết sức quan trọng. Nhưng trong các nhà trường chủ yếu là học cho thấu đáo các vấn đề khoa học cơ bản và công nghệ cơ sở, biết cách vận dụng các kiến thức cơ bản và cơ sở đó để có thể tìm hiểu và tiếp thu được những thành tựu mới về công nghệ sẽ không ngừng phát triển sau này. Ở đây cũng nên có kết luận sớm về một vấn đề đang gây nhiều tranh luận trong giới học sinh, các gia đình học sinh và cả trong đội ngũ các thầy giáo. Đó là vấn đề phân ban ở cấp phổ thông trung học. Có phân ban hay không ? Nếu có phân ban thì phân ban như thế nào ? Vì sao ? Ý kiến khác nhau đều đã được trình bày và lập luận khá rõ trong nhiều bài báo, đặc biệt là đối với phân ban B. Bộ Giáo dục - Đào tạo nên tổ chức tổng kết một cách nghiêm chỉnh và tham mưu cho Chính phủ sớm có kết luận trước năm học 1998 - 1999.

3 - Đi đôi với đổi mới chương trình, phải đổi mới cách dạy và học.

Chuyển từ quyền uy sư phạm, nhồi nhét kiến thức, học thuộc lòng những câu trả lời có sẵn, sang tôn trọng và phát huy tính năng động sáng tạo của học sinh dưới sự hướng dẫn của thầy giáo. Học sinh không cần học thuộc các dữ liệu mà biết cách khai thác các dữ liệu nhiều vô kể trong các bộ nhớ của máy tính, các đĩa CD, trên mạng Internet, biết cách xử lý chúng một cách thông minh sáng tạo để tìm ra các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề được đặt ra. Đó là trung tâm của cuộc cách mạng giáo dục - đào tạo hiện nay trên thế giới. Sự chuyển biến cách mạng ấy trong phương pháp dạy và học cũng rất cần thiết đối với ta nếu muốn tiến nhanh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy vậy, đây là một vấn đề rất khó khăn, phức tạp, đặc biệt là với trình độ dạy và học còn yếu kém của ta hiện nay. Trước mắt cần đặt vấn đề cải tiến phương pháp dạy và học thành một nhiệm vụ nghiên cứu khoa học ưu tiên chẳng những tại các cơ quan nghiên cứu của ngành giáo dục - đào tạo mà còn tại các trường sư phạm và các trường khác có điều kiện nghiên cứu với sự tham gia của các giáo viên có nhiều kinh nghiệm giảng dạy. Nghiên cứu và thí điểm từng mặt, từng phần, tổng kết kinh nghiệm và mở rộng dần diện áp dụng phương pháp mới theo kiểu vết dầu loang.

4 - Đề cao vai trò của các xí nghiệp và các cơ sở sản xuất trong việc đào tạo và bồi dưỡng lực lượng lao động của mình.

Các xí nghiệp phải dành một tỷ lệ doanh thu thích đáng để làm việc đó vì lợi ích của bản thân xí nghiệp và của xã hội. Hiện nay, chúng ta chỉ mới có 10% lực lượng lao động đã qua đào tạo và Nghị quyết Trung ương 2 đã đặt chỉ tiêu nâng lên 22 - 25% đến năm 2000. Chỉ tiêu này rất khó đạt được nếu chỉ dựa vào các trường lớp đào tạo kỹ thuật viên và dạy nghề của nhà nước hoặc dân lập. Đương nhiên những tổ chức đào tạo này vẫn có vị trí quan trọng trong việc đào tạo bộ phận nòng cốt của lực lượng sản xuất. Còn đào tạo nghề nghiệp và nâng cao tay nghề cho toàn bộ lực lượng lao động phải xác định là nhiệm vụ của bản thân các xí nghiệp, các cơ sở sản xuất và dịch vụ, các cơ quan nhà nước chỉ có thể hỗ trợ chứ không làm thay. Ngay bộ phận nòng cốt được đào tạo tại các trường chính quy cũng phải tiếp tục được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao tay nghề trong quá trình thực tiễn sản xuất tại xí nghiệp.

Nếu các xí nghiệp và cơ sở sản xuất sớm nhận thức được vấn đề và quyết tâm thực hiện thì chỉ tiêu phấn đấu còn có thể đạt được cao hơn vì lợi ích trước mắt và lâu dài. ❑

Digitized by Google

TOÀN CẦU HÓA VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

LA CÔN

Trên trường quốc tế, chưa bao giờ người ta nói nhiều đến "toàn cầu hóa" như bây giờ, và biểu hiện ngày càng nhiều của "toàn cầu hóa" trên nhiều lĩnh vực đã gây nên những cuộc tranh luận sôi nổi. Người ta nói đến "toàn cầu hóa" tư bản, "toàn cầu hóa" thương mại, "toàn cầu hóa" kinh tế, "toàn cầu hóa" nhà nước, "toàn cầu hóa" ngôn ngữ... và từ cuối tháng mười vừa qua, sau ngày "xanh nước biển" 27-10-1997 của thị trường chứng khoán Niu-oóc, người ta nói nhiều đến cơn khủng hoảng tài chính "toàn cầu hóa". Ngày thứ hai 24-11-1997 thị trường chứng khoán Tô-ki-ô công bố quyết định chấm dứt hoạt động của công ty Y-a-mai-chi, Công ty chứng khoán lớn thứ tư ở Nhật Bản, có 33 chi nhánh với 7 000 nhân viên ở nước ngoài. Riêng ở Mỹ, tại ba thị trường chứng khoán của thành phố Niu-oóc đều có văn phòng đại diện của Y-a-mai-chi với giá trị chứng khoán giao dịch trong hơn hai tháng qua là 15 tỉ USD. Y-a-mai-chi chỉ là một mắt xích nhỏ trong mạng lưới chứng khoán ràng buộc Hoa Kỳ với Nhật Bản. Một phần tư giá trị trái phiếu kho bạc Mỹ nằm trong tay Nhật Bản.

"TOÀN CẦU HÓA" : THỊ TRƯỜNG HÀNH TINH.

Thị trường chứng khoán ra đời rất sớm từ giữa thế kỷ thứ XV, do đòi hỏi khách quan của thị trường thực tế, tức là thị trường hàng hóa. Thị trường hàng hóa ra đời còn sớm hơn nhiều, từ cuối thời kỳ xã hội cộng sản nguyên thủy.

Từ thế kỷ thứ VII sau Công nguyên ở khu vực Tây Á, Bắc Phi, bờ bắc Địa Trung Hải, thương mại quốc tế bắt đầu phát triển. Hải cảng Vơ-ni-dơ (I-ta-li-a ngày nay) cùng với hải cảng A-lếch-xăng-đri (Ai-cập), thành phố A-lép-pô (Xy-ri), hải cảng Ba-xra và thủ đô Bát-đa của I-rắc là những thị trường trao đổi hàng hóa giữa châu Âu, châu Á, châu Phi, khi đó là giang sơn của các vua chúa phong kiến.

Vào cuối thế kỷ thứ XIX, chủ nghĩa tư bản châu Âu đã thiết lập được hệ thống thuộc địa trên cả ba châu Á, Phi, Mỹ la tinh, mở ra tiến trình "toàn cầu hóa" thị trường tư bản chủ nghĩa.

Thị trường là một thành tựu chung của loài người, trải qua các thời kỳ lịch sử đã đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao về giao lưu kinh tế và giao lưu văn hóa. Những tiến bộ về khoa học - kỹ thuật đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thị trường "toàn cầu" về mọi mặt. Tuy nhiên, chế độ bóc lột thuộc địa đã gây nhiều trở ngại cho sự phát triển của thị trường "toàn cầu".

Thị trường "toàn cầu" đã trải qua những biến đổi quan trọng sau chiến tranh thế giới thứ nhất, với sự ra đời của Liên Xô, nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới và sau chiến tranh thế giới thứ hai, với sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Sau sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, các nước xã hội chủ nghĩa còn lại đã tiến hành cải cách quan trọng nhất là về kinh tế để xây dựng một nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong khi đó các nước Á, Phi, Mỹ la tinh đã giành được độc lập về chính trị cũng bước vào thời kỳ xây dựng một nền kinh tế độc lập và đã giành được một số thành tựu.

Thị trường "toàn cầu" được thể chế hóa bằng tổ chức thương mại thế giới (WTO) hiện nay có hơn 130 nước thành viên. Đã có 52 nước xin gia nhập WTO nhưng chưa được chấp nhận, trong đó có Liên bang Nga và Trung Quốc là hai trong số các thị trường lớn nhất thế giới.

"TOÀN CẦU HÓA" : CÁC "NHÀ NƯỚC NGOẠI VI"

Ba mươi năm trước đây, trong thế giới tư bản đã song song diễn ra hai tiến trình : tiến trình tập trung hóa tư bản tài chính ngày càng cao và tiến trình đầu tư trực tiếp của các công ty đa quốc gia vào một số nước. Trong bản báo cáo cuối năm 1968, "Ủy ban ổn định giá cả" của chính quyền Giôn-xơn đã nhận xét : những đợt hợp nhất, mua đứt các công ty đang dẫn đến tình trạng tập trung quyền lực kinh tế - tài chính đến mức nền kinh tế tự do kinh doanh, tự do cạnh tranh cuối cùng sẽ tự mình phá hoại mình. Tạp chí *Tài phú* (Fortune) của giới kinh doanh Mỹ dự báo rằng, các công ty loại vừa và nhỏ dần sẽ bị nuốt hết, nhường chỗ cho khoảng 200 công ty khổng lồ làm chủ nền kinh tế Mỹ.

Thực tế điều đó đã diễn ra không chỉ ở Mỹ mà còn trên phạm vi toàn thế giới tư bản. Đến năm 1980, không

Digitized by Google

chỉ các công ty loại vừa và loại nhỏ, mà các công ty lớn cũng bị nuốt chửng. Sức mạnh tài chính của cả hệ thống tư bản chủ nghĩa đã tập trung vào tay 100 ngân hàng khổng lồ có lợi nhuận thuần hằng năm từ 15 triệu đến 900 triệu USD. Trong số ngân hàng đó, Hoa Kỳ có 24, Nhật Bản có 17, CHLB Đức có 10.

Đến năm 1996, sức mạnh kinh tế - tài chính của các nước tư bản phát triển lại tập trung vào tay 500 "siêu công ty" kinh doanh trong các ngành ngân hàng, công nghiệp, nông nghiệp, thương mại và dịch vụ ; Công ty Giê-nê-rơn Mô-tơ (General Motors) có doanh thu 168,369 tỉ USD cao nhất thế giới và mở chi nhánh ở khoảng 100 nước. Và kết quả của sự tích tụ, tập trung hóa tư bản tài chính và tiến trình đầu tư trực tiếp vào các nước đang phát triển là sự hình thành các "nhà nước ngoại vi" đã đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế vượt xa mọi dự đoán : Năm 1996, trong nhóm G7 chỉ có Hoa Kỳ đạt tỷ lệ tăng GDP là 4,7% ; 6 nước còn lại đều ở dưới mức tăng 3,5%. Trong khi đó 23 nước đang phát triển ở châu Á và Mỹ la tinh đã đạt tỷ lệ tăng GDP không dưới 4,7%. Đứng đầu là Trung Quốc tăng 9,9%, thứ hai là Việt Nam tăng 9,5%, và Băng-la-đét, nước cách đây mười năm còn là nước nghèo nhất châu Á cũng tăng 4,7%. Cuối tháng 11 vừa qua, Viện Brúc-kinh ở Oa-sinh-tơn đã xác nhận nền kinh tế thế giới bắt đầu khủng hoảng thừa : Một số mặt hàng chủ yếu có số lượng tồn kho ngày càng tăng : ô tô, máy vi tính, sắt thép, nhà ở, giấy... và phần lớn tập trung ở khu vực Đông - Nam Á - khu vực đã từng đóng góp một nửa tổng giá trị tăng trưởng kinh tế của thế giới trong 5 năm qua. Các nhà kinh tế - chính trị học cấp tiến đã nhận xét : sự chuyển dịch, dù còn rất hạn chế, sức mạnh kinh tế từ trung tâm ra ngoại vi là một biểu hiện tích cực của "toàn cầu hóa", là kết quả kiên trì phấn đấu suốt nửa thế kỷ sau chiến tranh thế giới thứ hai, phải trả giá bằng mồ hôi, nước mắt và cả máu của hàng vạn, hàng triệu người yêu nước.

"TOÀN CẦU HÓA" : GIỮA HAI GỌNG KÌM TỰ DO HÓA VÀ PHI ĐIỀU TIẾT

Gần hai thập kỷ qua, nền kinh tế "toàn cầu hóa" đã phát triển mạnh mẽ theo hai hướng tự do hóa và phi điều tiết.

Theo hướng thứ nhất, tư bản tài chính tự do xuất sang các "thiên đường thuế khóa" rồi tự đó lại xuất sang các "thiên đường thuế khóa" khác, nơi hẹn hò với "bạn hàng" lớn, bắt tay nhau cùng tiến hành những vụ áp phe đủ các mặt hàng : một dự án "ma", một vụ "bong bóng" đồng, len, hoặc cà phê, và cả những chuyến vận chuyển ma túy ! Giữa các "thiên đường thuế khóa", vốn và lãi vào, ra với thuế suất thấp đến mức "thần tiên". "Thiên đường thuế khóa" thực sự là những thiên đường trên trái đất. Đó là quần đảo Bơ-miu-đa ở phía Tây Đại Tây Dương chỉ có 60 000 dân, nhưng có tới 9 500 văn phòng đại diện công ty, và đảo Cai-man ở vùng biển Ca-ri-bê chỉ có 30 000 dân nhưng có 20 000 văn phòng đại diện công ty. Những ngân hàng và công ty ở các "thiên đường thuế khóa" đó tham gia vào việc tẩy rửa những đồng đô la bẩn với số lượng lên tới 1 000 tỉ đô la hằng năm (1). Số tiền lớn kiếm được dễ dàng đó đã nhảy vào thị trường tài chính, thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường hàng hóa, góp phần chủ yếu làm cho các thị trường đó "sôi động một cách phi lý" như ông A-lân Grin-xpan, Chủ tịch Hội đồng thống đốc ngân hàng trung ương Mỹ thường phàn nàn.

Theo hướng thứ hai, chính sách "phi điều tiết" rũ bỏ trách nhiệm của nhà nước đối với việc quản lý thị trường tự do, đã biến nó thành một không gian ngoài vòng pháp luật, nơi tung hoành của các nhà đầu cơ, những "nhà tư bản cướp biển" giữa không gian ngoài vòng pháp luật, không chỉ những nhà đầu cơ toan tính những "phi vụ" kiếm lợi một cách bất hợp pháp, phi đạo lý, mà ngay cả những chủ công ty muốn thắng trong cạnh tranh cũng không ngại nhúng tay vào tội lỗi. Ba công ty Giê-nê-rơn Ê-léc-trích, Cô-ca Cô-la, Mai-crô-xốp xếp theo doanh thu năm 1996 đứng hàng thứ 6, thứ 58 và thứ 219 tương ứng, nhưng xếp theo giá trị vốn cổ phần hóa thì lại đứng hàng nhất, nhì, ba tương ứng. Vốn cổ phần hóa cao là thước đo lòng tin của khách hàng (nhà đầu tư) đối với công ty. Nhưng trong trường hợp ba công ty này thì khách hàng có phần bị lừa vì "trò ảo thuật" kế toán khéo "nhào nặn" lãi một cách đều đặn, có hệ thống. "Trò ảo thuật" thật ra cũng không khó lắm : chỉ cần lấy một vài khoản *sắp thu* cho vào *cột thu* rồi sau đó *thu thật* sẽ *bổ sung vào kịp thời trước khi bị phát hiện*. Đây là "trò ảo thuật" rất phổ biến trong các phòng kế toán của các công ty. Song Mai-crô-xốp đã thực hiện một cách có hệ thống để đạt được "thành tựu kỳ diệu" là 41 trong số 42 quý kể từ khi bắt đầu cổ phần hóa năm 1986, đến năm 1996, công ty đã tăng lãi quý sau hơn quý trước, do đó mà khách hàng đã đổ xô vào mua cổ phiếu của công ty này (2). Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu mà cổ phiếu Mai-crô-xốp lãi chỉ bằng 1/51 giá bán, so với lãi cổ phiếu Giê-nê-rơn Mô-tơ bằng 1/7 giá bán. "Trò ảo thuật" kế toán đẩy giá cổ phiếu lên quá cao đã tạo ra nguy cơ đe dọa nó khi xảy ra biến động trên thị trường chứng khoán.

Không chỉ các chủ công ty mà cả các quan chức chóp bu, tổng thống, thủ tướng, bộ trưởng cũng không chống

(1) *Le Monde Diplomatique*, 10-1994, tr8

(2) *Fortune*, 31-3-1997, tr 55 - 58

Digitized by Google

nổi sức cám dỗ của đồng tiền. Vụ bê bối ngân hàng Crê-đi Ly-on-ne (CL) của Pháp với 50% cổ phần của chính phủ, bị đưa ra các cơ quan pháp luật của ba nước Pháp, Mỹ, I-ta-li-a từ bốn năm nay, đã làm tốn kém của chính phủ Pháp tới 14 tỉ USD và dự tính có thể đổ lên đầu người đóng thuế Pháp tới 26 tỉ USD. Một cựu giám đốc chi nhánh CL ở Hà Lan, một cựu thủ tướng I-ta-li-a và một cựu bộ trưởng ngoại giao I-ta-li-a can tội nhận hối lộ để giúp hai nhà đầu cơ nước này vay tiền của CL làm vốn mua đứt hãng điện ảnh MGM nổi tiếng của Mỹ, đây là nguồn gốc của vụ bê bối (3).

Những vụ tham nhũng "tầm cỡ" đó đã làm cho nhân dân mất lòng tin đối với chế độ.

Cơn chấn động thị trường chứng khoán Niu-oóc ngày 27-10-1997 đã làm bùng nổ một vụ án lớn. Ngày 25-11-1997 tòa án liên bang Mỹ ở khu vực Niu-oóc đã phát lệnh truy tố 19 tên đầu cơ chứng khoán trong đó có 5 tên thuộc những băng tội phạm.

"TOÀN CẦU HÓA" : BẤT CÔNG VÀ CHỐNG BẤT CÔNG

Ngày thứ năm 27-11-1997, ngày lễ tạ ơn chúa là ngày tiệc tùng linh đình khắp nước Mỹ, đặc biệt là đối với 10% số người giàu nhất nước. Còn đối với đa số nhân dân lao động, nhất là hơn 36 triệu người nghèo (trong đó có 21 triệu là người da trắng) thì đó lại là ngày họ phải chi thêm tiền cho bữa cỗ gia đình vì giá hàng tăng, và họ phải tiết kiệm từng đồng đô la. Trong khi ấy ở những gia đình giàu có, họ mua quà cho con, cháu cả chiếc ô tô thật ! Còn nhớ ông Đô-nan Trăm mắc phải tai họa "bong bóng" nhà đất những năm cuối thập kỷ 80, đã bị tòa án kê biên tài sản, và phải thi hành chương trình "thắt lưng buộc bụng". Ông phải giảm chi hàng tháng từ 583 000 đô la xuống còn có 450 000 đô la và phải cắt các khoản chi cho kho quần áo 2 000 đô la một bộ, và tất cả các khoản chi cho các hầu gái, người làm vườn, người nấu ở cả ba tư dinh, cũng như cắt khoản chi cho chiếc máy bay Bô-inh 727 trị giá 246 000 đô la và chiếc du thuyền trị giá 841 000 đô la. Sau nhờ "quý nhân phù trợ" ông đã dần dần khôi phục được gia sản và phất lên như ngày nay.

Ông La-xân, người điều hành chương trình "Ngày không mua gì" hằng năm được tổ chức ngay sau ngày lễ tạ ơn chúa để phản đối chính sách kinh tế của chính phủ Mỹ chỉ phục vụ người giàu, năm nay "gặp may" : người Mỹ đang lo cuộc khủng hoảng tài chính của Nhật Bản có thể lan sang Hoa Kỳ. Nếu Nhật bán hết số cổ phiếu kho bạc Mỹ để trang trải nợ nần cho các công ty Nhật phá sản thì thị trường chứng khoán Mỹ sẽ sụp đổ và thị trường chứng khoán thế giới sẽ sụp đổ theo. Ngày thứ sáu 28-11-1997 số người ngồi nhà không ra phố mua hàng tăng vọt hơn năm ngoái. Ngay thị trường chứng khoán Niu-oóc cũng phải đóng cửa sớm vì số người đến giao dịch không bằng một phần ba các ngày khác. Chương trình "Ngày không mua gì" trên các đài phát thanh và truyền hình được các thính giả và khán giả chăm chú theo dõi vì thu nhập thực tế của 60% số dân thuộc "tầng lớp trung lưu" ngày nay thấp hơn 15 năm trước. Giá hàng tăng ít nhưng vẫn ế ẩm vì sức mua của người tiêu dùng đã giảm.

Suốt mười hai năm dưới chính quyền của Đảng Cộng hòa ở Mỹ và mười bảy năm dưới chính quyền của Đảng Bảo thủ ở Anh, chính sách "vàng hóa" công đoàn gây chia rẽ kết hợp với đàn áp giai cấp công nhân đã làm suy yếu phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa và gây tổn thất nghiêm trọng cho lợi ích của nhân dân lao động các nước đó. Từ khi Đảng dân chủ giành lại được quyền điều khiển đất nước, các tổ chức công đoàn và dân quyền là đồng minh truyền thống của Đảng dân chủ đã khôi phục được phần nào sức mạnh của mình. Phong trào công đoàn và phong trào dân quyền hoạt động mạnh mẽ hơn đã gây được ảnh hưởng tốt đối với mọi mặt của xã hội Mỹ. Những chuyển biến đó đã tác động tốt đến các phong trào xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa khác. Những cuộc đình công gây được tiếng vang lớn ở các nước đó từ cuối năm 1996 đến nay đã làm phấn khởi nhân dân lao động toàn thế giới. Đặc biệt là cuộc đình công của 180 000 đoàn viên (thuộc Công đoàn kho vận Mỹ (Teamsters Union)) kéo dài 15 ngày từ ngày 4-8-1997, làm đình trệ việc vận chuyển hàng hóa của Công ty kho vận (UPS) là công ty đứng thứ 37 trong 500 công ty lớn nhất của Mỹ. Các báo chí đưa tin đây là cuộc đình công lớn nhất từ 27 năm nay. Cuộc đình công đã thu được thắng lợi. Ba yêu sách của công đoàn về tăng lương, bảo đảm việc làm và quản lý quỹ bảo hiểm xã hội đều được chủ công ty chấp nhận.

Chủ nghĩa tư bản "toàn cầu hóa" đã có công phát triển thị trường cổ điển thành thị trường hành tinh. Tuy nhiên trong tiến trình "toàn cầu hóa" nhiều mâu thuẫn đã nảy sinh trong lòng xã hội tư bản. Bị kẹt giữa các gọng kìm mâu thuẫn, chủ nghĩa tư bản trong tiến trình "toàn cầu hóa" sẽ đi về đâu ? Nhận xét sau đây của ông Lô-ren Mây-ơ, ủy viên Hội đồng thống đốc ngân hàng Trung ương Mỹ, về tình hình kinh tế Mỹ, đáng để người ta phải suy nghĩ : "Chúng ta đã leo tới đỉnh núi. Mọi con đường đều là đi xuống. Vấn đề là ở chỗ đó" (4). ❑

(3) *Fortune*, 7-7-1997, tr 26 - 28

(4) *Fortune*, 3-2-1997, tr 20

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN KHÔNG THỂ KHẮC PHỤC NHỮNG MÂU THUẪN CƠ BẢN VÀ THƯỜNG XUYÊN CỦA NÓ

Nhân kỷ niệm 150 năm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" ra đời (1848-1998), Nhà xuất bản L'Harmattan ở Pháp xuất bản cuốn ***"Phê phán không khí của thời đại"*** (Critique de l'air du temps) của Xamia Amin (Samir Amin). Đây là một công trình nghiên cứu để cập những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại, và trên cơ sở vận dụng và phát triển những luận điểm của Mác vào thời đại ngày nay, tác giả hy vọng tìm được hướng đi lên đúng đắn cho nhân loại.

Sau lời nói đầu, cuốn sách đã phân tích quá trình khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, mặt thống nhất và những biến chuyển trong hệ tư tưởng kinh tế chính trị của chủ nghĩa tư bản. Tiếp đó bàn về các yếu tố quyết định sự phát triển của lịch sử nhân loại, mối quan hệ giữa cách mạng xã hội và cách mạng văn hóa. Từ những phân tích đó, tác giả đã nêu lên những vấn đề về thời kỳ quá độ sau chủ nghĩa tư bản. Cuốn sách cũng đã dành một số chương để cập đến vai trò của thông tin liên lạc, của tin học trong cuộc sống xã hội và chính trị hiện nay, phê phán thuyết "hậu hiện đại" và thuyết "kinh tế thuần túy".

Nội dung mà cuốn sách để cập khá rộng. Bên cạnh những mặt tích cực mà người đọc dễ nhất trí, có thể còn những vấn đề cần được thảo luận thêm khi vận dụng những điều có tính nguyên tắc trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* vào tình hình thế giới hiện nay và dự đoán sự phát triển tương lai của loài người. Tuy nhiên, nét nổi bật xuyên suốt toàn bộ cuốn sách là sự khẳng định dứt khoát rằng chủ nghĩa tư bản không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản và thường xuyên vốn có của nó, và tất yếu chủ nghĩa cộng sản sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản.

Sau khi trình bày rằng từ một thế kỷ rưỡi nay, một "bóng ma" đang ám ảnh nhân loại, "bóng ma" của chủ nghĩa cộng sản, tác giả đã khẳng định ngay rằng "bóng ma" đó không bao giờ bị xóa bỏ hoàn toàn. Mặc dù hiện nay có những kẻ cho rằng "Mác đã chết", rằng "lịch sử đã đi đến chặng cuối cùng của mình, sẽ không có gì thay đổi nữa" v.v. và v.v., nhưng "... cuộc chiến thắng tạm thời của sự đơn phương áp đặt quy luật của tư bản không hề kèm theo bước tiến rực rỡ nào của sự phát triển tư bản chủ nghĩa, mà chỉ làm sâu sắc thêm sự khủng hoảng của nó ! Trong thực tế, đối mặt với một kẻ thù của giai cấp tạm thời suy yếu, lòng tham không đáy của tư bản đang làm bùng nổ tính chất phi lý của hệ thống tư bản... Điều nghịch lý - tức là sự chiến thắng của chủ nghĩa tư bản diễn ra trong cuộc khủng hoảng kéo dài của nó - chỉ là hiện tượng bề ngoài. Đọc lại Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, chúng ta nhớ lại những chân lý hiển nhiên : chủ nghĩa tư bản không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản" (1).

Phân tích luận điểm cơ bản đó, tác giả đã khái quát những tội ác của các thế lực thống trị đương thời. Đó là phá hoại những thành quả của người lao động, phá vỡ các hệ thống về an ninh xã hội và về bảo hộ việc làm, quay lại với chế độ đồng lương chết đói, đưa một số nước trở lại thành những nước cung cấp nguyên liệu, làm giảm cơ may công nghiệp hóa của các nước đó bằng cách hạ thấp hệ thống sản xuất của họ, đẩy mạnh việc lãng phí các tài nguyên trên trái đất. Bằng những luận chứng cụ thể, tác giả đã chứng minh cả về mặt lý luận khoa học và về mặt thực tế rằng những dự định của chủ nghĩa tư bản là vô hiệu. Tác giả viết : "Ngày nay, đọc lại Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, chúng ta bị thuyết phục ngay bởi tính ưu việt của Mác. Sự phân tích của Mác đã qua một thế kỷ rưỡi vẫn còn sát với thực tế hiện nay hơn là những bài luận văn sặc mùi tự do chủ nghĩa mới của các nhà duy kinh tế đang thịnh hành". Cũng bằng những luận chứng cụ thể, tác giả chứng minh rằng do những mặt yếu của chủ nghĩa tư bản - tuy nó đang tạm thời chiến thắng - thấy rõ đòi hỏi khách quan phải có câu trả lời có tính nhân văn trước thử thách trước mắt của loài người. Hiện nay câu trả lời đó còn cấp bách và cần thiết hơn so với một trăm năm mươi năm trước đây. Bởi vì xu thế xã hội hóa lao động không còn ở mức thấp như năm 1848 đã làm biến dạng quy luật giá trị. Bởi vì sự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản nhằm bảo đảm tương lai của nó đang tạo ra những hậu quả phá hoại mà cách đây một thế kỷ rưỡi người ta không thể ngờ đến.

Tác giả viết : "Lịch sử đã chứng minh rằng chủ nghĩa tư bản - như mọi hệ thống xã hội khác - có thể khắc phục

(1) Từ đây đến cuối bài, những đoạn trong ngoặc kép là trích dịch từ nguyên bản bằng tiếng Pháp

Digitized by Google

trong từng giai đoạn phát triển những mâu thuẫn thường xuyên của nó, nhưng lại làm cho các mâu thuẫn đó càng gay gắt hơn trong những giai đoạn tiếp theo... Hơn lúc nào hết, nhân loại cần phải lựa chọn giữa hai thế đối trọng, hoặc bị cuốn theo sự lan rộng của cái lô gic tư bản chủ nghĩa để đi tới một sự tự sát tập thể, hoặc ngược lại dấn mình vào những khả năng to lớn của loài người, do "bóng ma" của chủ nghĩa cộng sản đang ám ảnh loài người sẽ mang lại.

Phân tích chủ nghĩa tư bản hiện đại, tác giả cho biết : lịch sử của chủ nghĩa tư bản hiện thực là một chuỗi không ngừng những khủng hoảng ngắn và dài, bình thường và sâu sắc. Nhưng sự không ổn định tự thân của chủ nghĩa tư bản cũng là sức mạnh của nó : trong những thời kỳ trung gian từ cuộc khủng hoảng này tới cuộc khủng hoảng khác, sự phát triển của nó thật kỳ diệu, khác với những tiến bộ chậm chạp trước đó. Ngoài những hậu quả phá hoại to lớn của sự tăng trưởng không đều và theo cấp số mũ, vốn là đặc tính của nó, trong một thời gian lịch sử rất ngắn, chủ nghĩa tư bản đã thay đổi những điều kiện sống của nhân loại. Tuy nhiên, bởi vì sự tăng trưởng đó là rất nhanh (và sự tăng trưởng nhanh đó như là một thứ bệnh ung thư, chỉ dẫn tới cái chết), cho nên nó không thể kéo dài vô tận. Tác giả viết : "chủ nghĩa tư bản cần phải được thay thế và chắc chắn trong lịch sử sẽ xuất hiện một thời kỳ quá độ ngắn, thời kỳ của sự tích tụ tạo nên những điều kiện vật chất và nhân văn để làm chủ thiên nhiên và làm chủ tương lai xã hội một cách tốt nhất".

Bàn về mặt thống nhất và những biến chuyển trong hệ tư tưởng kinh tế chính trị của chủ nghĩa tư bản, tác giả cho biết : Tư duy mới, độc nhất của kinh tế chính trị của chủ nghĩa tư bản và những chính sách xuất phát từ đó đang tấn công một cách triệt để vào quyền lợi riêng của những người lao động và của các tầng lớp bình dân ; nền dân chủ mà nó rêu rao trở thành sáo rỗng. Tư duy độc nhất đó luôn luôn dựa trên một quan điểm đế quốc chủ nghĩa. Với sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực, chủ nghĩa đế quốc lại ở thế tiến công. Xu thế toàn cầu hóa trong hệ tư tưởng của thời đại chỉ là hình thức biểu hiện mới của tính chất đế quốc chủ nghĩa tự thân đó của chủ nghĩa tư bản. Với ý nghĩa đó, có thể nói rằng "toàn cầu hóa" đồng nghĩa với chủ nghĩa đế quốc.

Tác giả cho biết những lý luận chống chủ nghĩa tư bản chỉ thật triệt để khi nó đánh trúng những tính chất đó, trước tiên là đánh giá sự tha hóa về kinh tế, và theo tác giả, đó cũng là ý nghĩa của dự định của Mác. Trong hai thế kỷ qua, những luận thuyết chống chủ nghĩa tư bản đã được phát triển, đã mang lại những hiệu quả, mặc dù có những hạn chế. Không có các luận thuyết đó thì cả chủ nghĩa dân chủ xã hội ở phương Tây, chủ nghĩa xã hội Nhà nước ở phương Đông và cả dự định giải phóng dân tộc ở phía Nam cũng không thể tồn tại để buộc giai cấp tư bản thống trị phải chịu những thỏa hiệp lịch sử, buộc chúng phải theo những đòi hỏi của lao động và nhân dân các nước.

Theo tác giả, có thể xác định chủ nghĩa tư bản hiện đại bằng 3 mâu thuẫn cơ bản vốn là đặc thù của nó (sự tha hóa về kinh tế, sự phân hóa trên thế giới, sự phá hoại môi trường tự nhiên - tạo nên nét riêng biệt của phương thức bóc lột lao động).

Về thuyết kinh tế thuần túy, một học thuyết đang thịnh hành ở các trường đại học các nước tư bản, tác giả coi đó là một trò phù thủy của thế giới hiện đại. Theo tác giả, thuyết kinh tế thuần túy, tự cho mình là thứ thuyết kinh điển mới, chỉ hoàn toàn nhằm mục đích duy nhất là chứng minh rằng thị trường như là một quy luật của tự nhiên, rằng thị trường không những tạo nên một "sự cân bằng chung" mà còn là sự cân bằng tốt nhất có thể có, bảo đảm đầy đủ việc làm trong tự do. Thực chất thuyết đó nhằm hợp pháp hóa hoạt động của chủ nghĩa tư bản, coi chủ nghĩa tư bản là vĩnh hằng.

Ngược lại với thuyết kinh tế thuần túy, kinh tế chính trị học của Mác và chủ nghĩa duy vật lịch sử đặt ra những vấn đề thực tế về đấu tranh giai cấp. Tác giả đã chứng minh rằng kinh tế chính trị mác xít dựa chắc vào hiện thực trong khi thuyết kinh tế thuần túy lẩn tránh hiện thực. Kinh tế thuần túy, có thể tóm tắt trong một câu : "Tự do tối đa, không có sự kìm hãm và không giới hạn cho các doanh nghiệp, điều đó sẽ bảo đảm tối đa những tiến bộ có thể", được các nhà học giả tư sản coi như một biện pháp tối ưu để xử lý cuộc khủng hoảng bằng cách kéo dài sự mất cân bằng xã hội có lợi cho chủ nghĩa tư bản. Nhưng theo tác giả, thuyết đó hoàn toàn không thể đưa chủ nghĩa tư bản hiện đại thoát khỏi khủng hoảng. Nếu xã hội muốn ra khỏi cuộc khủng hoảng đó thì "phải bằng cách thiết lập lại những thế cân bằng mới - do cuộc đấu tranh giai cấp tạo ra - trong đó các giai cấp, các dân tộc, các Nhà nước, các công ty v.v... - tức là tất cả những thực tế mà kinh tế thuần túy bỏ qua - đều có thể lấy lại vị trí của chúng".

Như trên đã nói, cách vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay của Xamia Amin còn có những điều cần trao đổi thêm, nhưng về căn bản, cuốn sách là một lời cảnh báo hùng hồn rằng chủ nghĩa tư bản hoàn toàn không có tương lai. Dù tạm thời các thế lực cách mạng đang phải trải qua những thử thách gay go, nhưng như lời giới thiệu của Nhà xuất bản L'Harmattan đã viết : "Những cuộc cách mạng ở Nga và ở Trung Quốc, ngoài việc khắc phục tình trạng lạc hậu của xã hội, còn nêu rõ mục tiêu xây dựng một xã hội mới, không có giai cấp. Những bước lùi bất hạnh sau đó, do các điều kiện khách quan của thời đại buộc phải chịu, vẫn không thể làm chúng ta quên rằng nhân loại chỉ có thể tiến lên qua những thời điểm lớn lao đó". ❑

Digitized by Google

CẢNG HẢI PHÒNG

(HAIPHONG PORT)

❑ Văn phòng Giám đốc Cảng Hải Phòng -
Số 8A Trần Phú - Thành phố Hải Phòng.
Tel : 859920 - 836109 - 859824 - 859945
Fax : 84-31-859973



Cảng Hải Phòng những năm gần đây đã tăng cường công tác đầu tư. Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng 3 năm qua đều đạt từ 4,5 triệu đến 4,8 triệu tấn/năm. Cảng đang thực hiện Quyết định 492/TTg ngày 3/7/1996 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng. Đến năm 2000 sản lượng của Cảng sẽ đạt 7.000.000 tấn và đến năm 2010 sẽ đạt 15.000.000 tấn/năm.

CAO TIẾN THỤ
GIÁM ĐỐC CẢNG HẢI PHÒNG

BIỂU TƯỢNG CỦA SỰ BỀN VỮNG, AN TOÀN VÀ ỔN ĐỊNH

CÔNG TY XI MĂNG HOÀNG THẠCH

- ĐỊA CHỈ : Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương
- ĐIỆN THOẠI : 032821092 ; FAX : 032821098.

Các chủng loại xi măng Pooc-lăng Hoàng Thạch, như : PC30, PC40, BS12-71, BS12-78 đều có những đặc điểm : bột màu xanh xám, tốc độ phát triển cường độ ban đầu cao, thời gian đông cứng bắt đầu từ 110 phút đến 140 phút, kết thúc sau 3 đến 4 giờ, rất thích hợp với việc xây dựng các công trình cần tháo dỡ cốp pha nhanh và các vùng ẩm ướt.

Điểm đặc biệt cần lưu ý khi sử dụng xi măng Hoàng Thạch là trong thời gian chờ đông cứng phải giữ được độ ẩm bề mặt hoặc độ ẩm của bê tông.

Xi măng Hoàng Thạch có độ mịn cao, hàm lượng các khoáng C_3S, C_2S lớn, hàm lượng C_3A thấp, vôi tự do CaO rất nhỏ, đảm bảo độ ổn định lớn cho các công trình xây dựng.

Từ hơn 10 năm nay, xi măng Hoàng Thạch mang nhãn hiệu "con sư tử", đã tham gia xây dựng nhiều công trình trọng điểm, các công trình dân dụng trong cả nước, được người tiêu dùng tin nhiệm về chất lượng. Từ năm 1996, Công ty xi măng Hoàng Thạch có thêm một dây chuyền sản xuất xi măng, có công suất 1,2 triệu tấn/năm, với các thiết bị hiện đại nhất thế giới của hãng F.L.SMidth (Đan Mạch), nhờ vậy chất lượng xi măng Hoàng Thạch được nâng lên thêm một bước, chắc chắn đáp ứng tốt hơn nữa mọi yêu cầu và lòng mến mộ của khách hàng trong cả nước.

Ngoài các chủng loại xi măng truyền thống, Công ty còn sản xuất các chủng loại xi măng đặc biệt, như xi măng bền nước biển, xi măng dùng cho các giếng khoan sâu và trung bình.

CÔNG TY CÓ CÁC CHI NHÁNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM TẠI :

Chi nhánh tại 286 Điện Biên Phủ Hải Dương - ĐT : 032853419. Chi nhánh tại Thị Cầu Bắc Ninh - ĐT : 024821392. Chi nhánh tại Lưu Xá B Thái Nguyên - ĐT : 0280832145. Chi nhánh tại khu 4 Giếng Đáy Hoành Bồ Quảng Ninh - ĐT : 033846173. Chi nhánh tại Phú Thọ - ĐT : 021844482. Chi nhánh tại Lào Cai - ĐT : 020820030. Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - ĐT : 088720758 - Fax : 088720758. Chi nhánh tại 19 Cửa Đông thị xã Lạng Sơn - ĐT : 025871922.

CÁC TỔNG ĐẠI LÝ

Công ty vật tư kỹ thuật xi măng Hà Nội - ĐT : 048642586 - Fax : 048642586. Công ty vật liệu xây dựng Đà Nẵng - ĐT : 051822338 - Fax : 051822338. Công ty thạch cao xi măng Đông Hà - ĐT : 054825422 - Fax : 054825422.

Digitized by Google



Bộ Công Nghiệp

VỊ HƯƠNG

THIEN HUONG FOOD CO.

Công ty Thực phẩm Thiên Hương

Tân Thới Hiệp, Quận 12,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ministry of Industry

Thien Huong Food Company

District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (848) 8910803 / 8915329 / 8912922
/ 8912923 / 8910596
Fax : (848) 8911174





VỊ HƯƠNG

Hương vị tuyệt vời
The delightful fragrance

Sản phẩm Vị Hương của Công ty Thực phẩm Thiên Hương được tiêu thụ trên toàn nước Việt Nam và xuất khẩu qua nhiều nước trên thế giới

Vi Huong products of Thien Huong Food Company are available throughout the country and are exported to many countries worldwide

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Địa chỉ : Số 5 Nguyễn Tri Phương - Thành phố Hải Phòng
Điện thoại : 031.823789 - 823778 Fax : 84.31.842510 - 842521

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN



PHỤC VỤ CÁC DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

- Điện thoại, telex, fax, truyền số liệu trong nước và quốc tế.
- Điện thoại công cộng, các dịch vụ khác như : gọi số tắt, truy tìm máy điện thoại quấy rối, điện thoại hội nghị, giải đáp thông tin kinh tế - xã hội 108, hỏi đáp số điện thoại 116, báo hư hỏng máy điện thoại 119.
- Điện thoại di động toàn quốc, nhắn tin toàn quốc, điện thoại 108 trên biển.
- Chuyển phát bưu phẩm, bưu điện hàng hóa, tài liệu, phát nhanh EMS và DHL. Điện hoa chúc mừng, chia buồn, phát hành báo chí trong và ngoài nước. Nghiệp vụ thu và điện chuyển tiền trong nước và quốc tế.
- Nhận thiết kế, thi công hệ thống tổng đài, mạng cáp thuê bao điện thoại, telex, truyền số liệu, fax và thiết bị vô tuyến điện.



Dịch vụ điện thoại thấy hình

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỊA CHỈ : 8 Lê Duẩn - Q1 - TPHCM
ĐIỆN THOẠI : 294423 - 230078
FAX : 84.8.290403
Tel : 811557

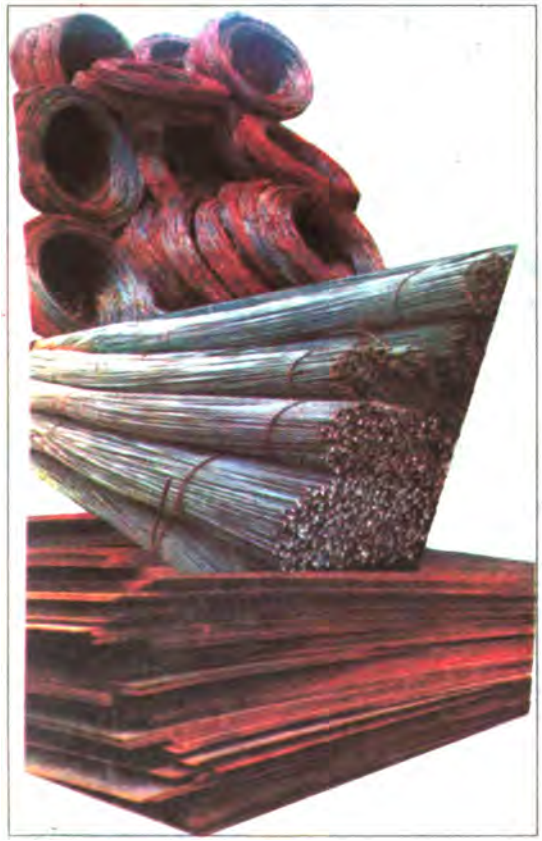


CÔNG TY KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH là một Doanh nghiệp nhà nước, được thành lập từ tháng 12-1975 theo Quyết định số 517/VT-QĐ. Công ty trực thuộc Tổng Công ty thép Việt Nam. Lĩnh vực hoạt động : Chuyên kinh doanh các mặt hàng kim khí bao gồm :

- Kim loại đen, kim loại màu, vật liệu hàn, gang ferrô, khung kho...
- Nhận gia công chế biến chuyển đổi quy cách các mặt hàng kim khí, thực hiện các dịch vụ về giao nhận.

Công ty có 05 xí nghiệp, 02 tổng kho và 21 cửa hàng bán lẻ. Qua 20 năm hoạt động, Công ty không ngừng phát triển với doanh số luôn tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước. Cụ thể năm 1990 đạt 155 tỉ đồng VN, đến tháng 9-1995 doanh số lên đến 528 tỉ. Công ty sẵn sàng liên doanh với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước về hợp tác đầu tư kinh doanh, sản xuất trên cơ sở đôi bên cùng có lợi và tuân thủ luật pháp Việt Nam.
Đến với công ty chúng tôi, Quý khách sẽ hoàn toàn hài lòng yên tâm.

GĐ. KS NGUYỄN KIM SƠN



CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1. Xí nghiệp kinh doanh kim khí số 1
   Địa chỉ : 157/R8 Tô Hiến Thành Q10, ĐT : 650012
   Xí nghiệp có 7 cửa hàng bán lẻ kim khí tại TPHCM.
2. Xí nghiệp kinh doanh kim khí số 2
   Địa chỉ : 275/6/3 Lý Thường Kiệt Q11, ĐT : 658125
   Xí nghiệp có 7 cửa hàng bán lẻ kim khí tại TPHCM.
3. Xí nghiệp kinh doanh vật tư tiếp vận
   Địa chỉ : 214/2 Nguyễn Tất Thành Q4, ĐT : 728426
   Xí nghiệp có 8 cửa hàng bán lẻ kim khí và tổ giao nhận hàng tại cảng TPHCM.
4. Xí nghiệp kinh doanh kim khí số 3
   Địa chỉ : 609 Quốc lộ 1, huyện Bình Chánh, ĐT : 220510
   Xí nghiệp có 4 cửa hàng bán lẻ các loại sắt thép sản xuất trong nước.
5. Xí nghiệp kinh doanh thép chuyên dùng
   Phường (xã Phú Mỹ cũ) Q7 TPHCM, ĐT 8730143.
6. Tổng kho kim khí số 1
   Địa chỉ : phường 12 - Tân Bình, ĐT : 421824
   Chuyên tồn trữ xuất, nhập các mặt hàng kim khí và cho thuê mặt bằng để hàng cho khách hàng trong và ngoài nước.
7. Tổng kho kim khí số 2
   Địa chỉ : ấp 1 xã Linh Trung - Thủ Đức, ĐT : 940600
   Có khả năng chứa 150.000 tấn kim khí các loại.

Digitized by Google

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU THỦY ĐẶC SẢN (SEASPIMEX)

Văn phòng : 213 Đường Bình Hòa - Quận Tân Bình - TP.HCM - ĐT : 08.8648424



Công Ty xuất nhập khẩu thủy đặc sản

Là doanh nghiệp hạng 1 của ngành Thủy sản, có chức năng xuất nhập khẩu trực tiếp, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm trên 38 triệu USD. Số lao động 1.000 người, trong đó công nhân kỹ thuật chế biến thủy sản 650 người, chuyên viên và kỹ sư 200 người.

✱ ***Chuyên sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất khẩu các loại :***

✱ ***Thủy sản đông lạnh :*** Tôm, cua, mực, nghêu, sò, ốc...

✱ ***Thủy sản khô :*** mực khô, mực nướng, cán, tẩm gia vị...

✱ ***Thực phẩm chế biến chín :*** chả giò, chả cá, tôm viên, cua nhồi, há cảo, xíu mại...

✱ ***Thủy sản đóng hộp :*** Tôm, cá, mực, nghêu...

✱ ***Rau quả và nông sản :*** Bánh, bột nông sản, trái cây...



✱ **Thị trường xuất khẩu chính :** Nhật, Hồng Công, Hàn Quốc, Đài Loan, Ô-xtơ-rây-li-a, Ca-na-da và các nước EU,Xin-ga-po.

✱ **Chuyên kinh doanh nhập khẩu tổng hợp các loại :**

Máy móc, thiết bị, vật tư cho sản xuất và hàng hóa tiêu dùng.

Rất hân hạnh được hợp tác liên doanh, liên kết với qui khách hàng trong và ngoài nước.

Tổng công ty cà phê Việt Nam

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỦY LỢI

Địa Chỉ : Ngã tư Biển Hồ - Thị xã Pleicu Tỉnh Gia Lai * Điện thoại : (059)825126-825176-825192

Lĩnh vực hoạt động :

- Đắp đập, đào đắp kênh mương, xây đập tràn xả lũ... thuộc các công trình thủy lợi vừa và nhỏ
- Xây lắp cầu cống, thi công cơ giới công trình đường giao thông các loại
- Khai hoang xây dựng đồng ruộng
- Đơn vị hoạt động trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Kontum và các tỉnh miền trung với đầy đủ các trang thiết bị thi công cơ giới, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật cán bộ quản lý. Sẵn sàng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ

Xí nghiệp hân hạnh phục vụ quý khách



Digitized by Google

CÔNG TY THI CÔNG CƠ GIỚI



GIÁM ĐỐC : KS THÁI QUANG HÀ

VĂN PHÒNG : 92 TRẦN PHÚ - LỘC SƠN - TỈNH LÂM ĐỒNG
ĐIỆN THOẠI : 864593



* CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ :

- Khai hoang phục hóa, kiến thiết đồng ruộng, xây dựng các công trình thủy lợi, đường vận chuyển lâm sản, sửa chữa, trùng đại tu các loại mô tô, máy kéo, máy ủi, máy chuyên dùng trong nông lâm nghiệp và giao thông.
- Xây dựng các công trình giao thông nông thôn và đô thị.
- Gia công cơ khí, sản xuất một số linh kiện phụ tùng, cung ứng các loại thiết bị xe máy, phục vụ nông lâm nghiệp

* CÔNG TY CÓ 3 ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC :

+ TRẠM THI CÔNG CƠ GIỚI : Gồm 3 đội máy với hơn 30 đầu máy xe các loại
+ XƯỞNG TRUNG, ĐẠI TU Ô TÔ MÁY KÉO : Công suất hơn 300 đầu máy tiêu chuẩn, 1 năm chuyên sửa chữa máy ủi KOMATSU, CATERPILAR, FIAT ; máy kéo các loại v.v...
+ TRẠM THIẾT BỊ PHỤ TÙNG : Có hệ thống kho tàng và cửa hàng mua bán, đại lý tiêu thụ các loại xe máy, thiết bị phụ tùng

* DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ :

- Cải tạo và hiện đại hóa trang thiết bị công nghệ.
- Xây dựng và nâng cấp nhà máy, đại tu lắp ráp và chế tạo các loại xe máy phục vụ nông nghiệp.

Công ty sẵn sàng hợp tác liên kết, liên doanh với tất cả mọi thành phần trong và ngoài nước







Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH LONG AN

55 - TRƯƠNG ĐỊNH - PHƯỜNG I - THỊ XÃ TÂN AN - LONG AN
Điện thoại : 826234 - 826278 - 826462 ● Fax : 826620



● Toàn tỉnh có 31 bưu cục (2+3)

● 100% xã phường và 46% chi bộ có đủ 3 loại báo Đảng (Báo Nhân Dân, Báo Long An, Tạp chí Cộng sản)

● 100% huyện thị, thị xã có máy điện thoại.

● Tổ chức phục vụ nhiều dịch vụ như : Bưu phẩm, Bưu điện, báo chí, Công văn, điện hoa, EMS; điện báo điện thoại, Fax, truyền số liệu, di động, 108...

● Năm 1997 : doanh thu đạt 40 tỉ đồng ; phát triển 4200 máy điện thoại, nộp thuế 2,4 tỉ đồng.

● Năm 1998 : Sẽ phấn đấu đạt 45 tỉ đồng, nộp thuế 2,7 tỉ đồng và phát triển từ 3500 máy điện thoại trở lên.

DNTN PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT VĨNH LONG (VILTED)

Địa chỉ : 73/19 Phó Cơ Điều, Thị xã Vĩnh Long
Điện thoại : 070.822299 ● Fax : 070.825.240

● "VILTED là doanh nghiệp sản xuất các chế phẩm phân bón lá cho các loại cây trồng như lúa, cây ăn trái, rau màu các loại. Mặc dù thành lập và sản xuất mới vài năm, nhưng với tình cảm và trách nhiệm của mình với khách hàng, đặc biệt là nông dân, VILTED và sản phẩm mang nhãn hiệu BIOTED đã giữ một vị trí quan trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long, giúp ích cho người nông dân nhiều nơi ; nói chung là có sự đóng góp đáng kể vào vùng kinh tế trọng điểm - Sản xuất nông nghiệp của cả nước".



● VILTED và sản phẩm BIOTED đã nhận 4 giải thưởng Bông lúa vàng và 3 Huy chương ở các kỳ hội chợ Nông nghiệp quốc tế.

Digitized by Google

CÔNG TY CỔ PHẦN SACOM

ĐỊA CHỈ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1 - ĐỒNG NAI
ĐT : (061) 836 312 - 836 350 FAX : (84.61) 836 119





✻ Công ty cổ phần SACOM được thành lập từ phương án chuyển Nhà máy cáp và vật liệu viễn thông, theo Quyết định số 955/1997 QĐ-TTg ngày 11-11-1997 của Thủ tướng Chính phủ.

- Công ty cổ phần SACOM có vốn điều lệ là : 120.000.000.000 VND (trong đó tỷ lệ cổ phần Nhà nước : 49%, người lao động trong Công ty : 10%, các đối tượng ngoài Công ty : 41%)

- Mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000VND

● **Công ty cổ phần SACOM chuyên sản xuất :**

■ Các loại cáp điện thoại cách điện bằng nhựa PE có dây treo và cáp cống đều có dầu, công nghệ Mỹ, chất lượng theo tiêu chuẩn Anh quốc, dung lượng 6, 10, 20, 30, 50, 100, 200 và 300 đôi.

■ Các loại vật liệu viễn thông và phụ tùng hàn mối cáp.

❖ *Chất lượng cáp được kiểm tra bằng hệ thống kiểm tra đa năng hiện đại qua máy vi tính cho kết quả chính xác, tin cậy.*

❖ *Kiểm tra chất lượng nguyên liệu, bán thành phẩm bằng thiết bị điện tử tiên tiến (máy đo đường kính dây bằng tia LASER, thử cách điện bằng máy tia lửa điện).*

✻ Sản phẩm cáp của Nhà máy cáp và vật liệu viễn thông (nay là Công ty cổ phần SACOM) được công nhận chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn ngành 68TCN - 132 - 94 và được phép sử dụng trên mạng viễn thông Việt Nam theo Quyết định số 696/1997QĐ-TCBĐ ngày 22-11-1997 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Bưu điện.

HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP VÀ PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM
VIETNAM SOUTHERN FOOD CORPORATION

Trụ sở : 42 Chu Mạnh Trinh, Quận I, TP.Hồ Chí Minh * Fax : 84-8-292344/8298001
Điện thoại : 84-8-8292342 / 8230243 / 8223607 / 8223639 * Telex : 81443 SFC VT



Tổng Công ty lương thực Miền Nam là một trong những tổng công ty lớn của Việt Nam thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm hơn 30 công ty thành viên từ Đà Nẵng đến Cà Mau. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu gồm :

* *Xuất khẩu gạo, ngô, sắn và các mặt hàng lương thực, thực phẩm khác ;*
* *Cung ứng lương thực cho nhu cầu trong nước ;*
* *Xay xát, chế biến gạo, bột mì, các mặt hàng lương thực thực phẩm khác và thức ăn gia súc...*
* *Nhập khẩu lúa mì, phân bón, vật tư và trang thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp và xay sát, chế biến lương thực, thực phẩm.*
* *Kinh doanh khách sạn, du lịch, vận tải ...*

Tổng Công ty lương thực Miền Nam mong muốn hợp tác với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước quan tâm đến các lĩnh vực kinh doanh và đầu tư nêu trên.

Digitized by Google

5730

Cty Tư vấn Xây dựng Kiên Giang

KIEN GIANG CONSTRUCTION CONSULTING COMPANY



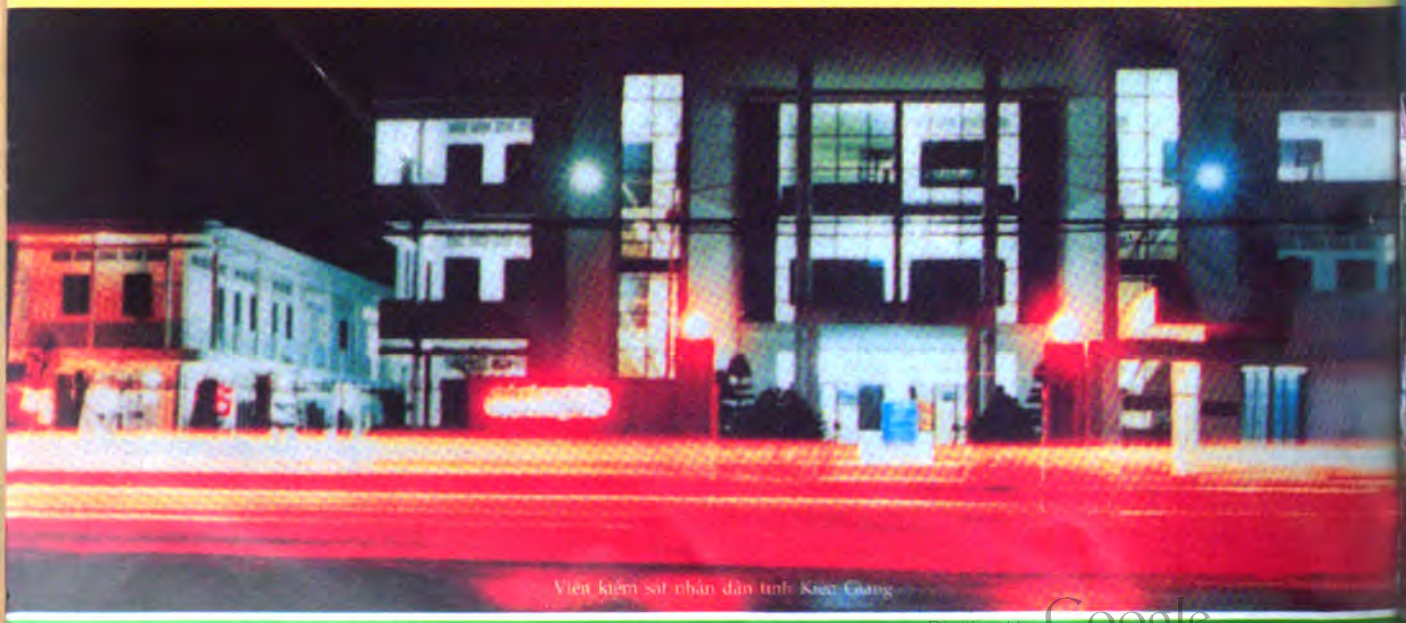




Trụ sở : 45A Đường 30/4 Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
ĐT : (077) 863472 - 869461 ; Fax: 8.64451

Nội dung được phép hành nghề :

- Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi nhóm B, C.
- Khảo sát địa hình địa chất các công trình xây dựng nhóm B,C.
- Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu kỹ thuật của đất đá nền móng các công trình xây dựng.
- Thiết kế quy hoạch chi tiết các khu dân cư, khu công nghiệp. Thiết kế quy hoạch chuyên ngành giao thông, thủy lợi.
- Thiết kế các công trình dân dụng ; công trình thủy lợi cấp 4 ; công trình đường bộ cấp 3, cầu loại nhỏ ; bao che công trình công nghiệp nhóm B, C.
- Thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật, các công trình dân dụng, công nghiệp ; công trình thủy lợi cấp 4 ; công trình đường bộ cấp 3, cầu loại nhỏ nhóm B, C.
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp , giao thông, thủy lợi nhóm B, C.
- Kiểm định chất lượng công trình ; xác định nguyên nhân sự cố các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi nhóm C.
- Tư vấn đấu thầu về thiết kế, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi nhóm B, C.
- Thực hiện trang trí nội ngoại thất mang tính nghệ thuật đặc biệt do Công ty thiết kế.
- Xây dựng thực nghiệm các đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật xây dựng cấp tỉnh, cấp Nhà nước do Công ty thiết kế.


Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang

Digitized by Google

AI NHÀ IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 4000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

UNIV. OF MICH.
APR 02 1998
CURRENT SERIALS



5
3-1998

Digitized by Google

DETETOUR

TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ DU LỊCH

Corporation for Development of New Technology and Tourism



Tel : (84.4) 8561097
8561749
Fax : (84.4) 8562135

Tổng Công ty Phát triển Công nghệ và Du lịch là doanh nghiệp nhà nước được thành lập lại theo Nghị định 90/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty gồm :

❶ *Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực điện tử, điện lạnh, công nghệ thực phẩm và các phương tiện giao thông vận tải.*

❷ *Trực tiếp xuất, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất khẩu hàng hóa.*

❸ *Tổ chức tư vấn đầu tư du lịch trong và ngoài nước. Kinh doanh khách sạn và văn phòng cho thuê.*

❹ *Thiết kế xây dựng công trình du lịch và dân dụng.*

❺ *Dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế và các nghành nghề khác có liên quan đến du lịch.*

❻ *Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới vào phát triển sản xuất thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.*

Từ khi thành lập đến nay, DETETOUR luôn là bạn hàng tin cậy của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. DETETOUR đã và đang có quan hệ thương mại, hợp tác đầu tư với các bạn hàng hơn 30 nước trên thế giới.

DETETOUR luôn lấy chất lượng và chữ "tín" làm trọng, coi đó là yếu tố cơ bản để phát triển.



Với tiềm lực kinh tế và đội ngũ cán bộ quản lý, khoa học kỹ thuật đa dạng của mình, DETETOUR mong muốn là bạn hàng tốt của tất cả các bạn trong và ngoài nước.

ĐỊA CHỈ : 1A LÁNG HẠ
HÀ NỘI - VIỆT NAM

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 539 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

5
3-1998

MỤC LỤC

	LÊ KHẢ PHIÊU - Nâng cao hơn nữa chất lượng lý luận và chính trị của Tạp chí Cộng sản	3
KỶ NIỆM 150 NĂM "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" RA ĐỜI (1848 - 1998)	NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Sống mãi tư tưởng vĩ đại của Tuyên ngôn	10
PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	ĐẶNG HỮU - Ba mươi năm hoạt động của Ban Khoa giáo Trung ương	18
	HỒ TẾ - Bảo hiểm xã hội - một chính sách lớn	21
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGÔ THỊ NGỌC ANH - Về công tác cán bộ nữ hiện nay	25
	LÊ NGỌC THẮNG - Phụ nữ dân tộc và miền núi trong đời sống kinh tế - văn hoá các dân tộc	28
	TRẦN VĂN TƯ - Từ những mô hình kinh tế ở nông thôn, suy nghĩ về con đường phát triển	32
	VŨ NGỌC NHUNG - Vai trò của tiền tệ trong cuộc khủng hoảng tiền tệ	35
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	TIẾN HẢI - Thị xã Hưng Yên - đôi điều cảm nhận	37
	LÊ VŨ HÙNG - Xã hội hóa giáo dục ở Đồng Tháp	40
	HỒ VĂN VĨNH - Nông nghiệp Đồng Nai chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	43
	VÕ HỒNG TUYÊN - Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh trước những thử thách mới	47
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NHÂN ĐĂNG - Tự hào hay kiêu ngạo cộng sản ?	51
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	ĐÀO HUY GIÁM - Vài nét về công nghệ thông tin và thương mại sản phẩm thông tin	52
	HOÀNG THỊNH - Châu Phi - lục địa đen đang dần sáng	55
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	CAO DƯƠNG - Năm điều ky với cán bộ lãnh đạo	60
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Hội thảo khoa học : Hoàn thiện quy chế làm việc và cải cách thủ tục hành chính ở các xã ven đô	63

Bìa 1 : *Thị xã Lạng Sơn* *Ảnh :* **NGỌC HÀ (TTXVN)**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ ХА ФИЭУ - Дальше повышать теоретическое и политическое качество журнала "Коммунист". НГУЕН ДЫК БИНЬ - Великие идеи Манифеста будут жить вечно. ДАНГ ХЫУ - Тридцать лет деятельности Централного Коммитета по Науке и Образованию. ХО ТЭ - Социальное страхование - Большая политика. НГО ТХИ НГОК АНЬ - Кадровая политика для женищин в настоящее время. ЛЕ НГОК ТХАНГ - Женщины этнических групп и горьные районы в экономической и культурной жизни национальностей. ЧАН ВАН ТЫ - Размышление о пути развития исходя из хозяйственных моделей в сельских районах. ВУ НГОК НЬУНГ - Роль денег в денежном кризисе. ДАО ХУЭ ЖАМ - Некоторые черты технологии информатики и торговля продуктов информатики. ХОАНГ ТИНЬ - Африка - чёрный континент постепенно светится.

CONTENTS

LÊ KHẢ PHIÊU - Further improving the political and ideological quality of the "Communist" Magazine. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Great ideas of the Manifesto will live for ever ! ĐẶNG HỮU - Thirty years of operation of the Central Committee of Science and Education. HỒ TẾ - Social insurance - a big policy. NGÔ THỊ NGỌC ANH - About the cadres work with women at present. LÊ NGỌC THẮNG - Mountain and ethnic women in the economic-cultural life of ethnic minorities. TRẦN VĂN TƯ - Thinking about the development way from the economic models in rural areas. VŨ NGỌC NHUNG - The role of currency in the monetary crisis. ĐÀO HUY GIÁM - An outline of information technology and trade in information products. HOÀNG THỊNH - Africa - A black continent brightening up gradually.

SOMMAIRE

LÊ KHẢ PHIÊU - Elever la qualité théorique et politique de la Revue Communiste. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - La noble idée du Manifeste du Parti communiste vivra à jamais. ĐẶNG HỮU - 30 d'ans d'activités de la Commission centrale des Sciences et de l'Education. HỒ TẾ - L'assurance sociale - une grande politique. NGÔ THỊ NGỌC ANH - Sur le travail à l'intention des cadres féminins à l'heure actuelle. LÊ NGỌC THẮNG - Les femmes des ethnies minoritaires et des régions montagneuses dans la vie économique et culturelle des ethnies. TRẦN VĂN TƯ - Des modèles économiques à la campagne, réfléchissons sur sa voie de développement. VŨ NGỌC NHUNG - Le rôle de la monnaie dans la crise monétaire. ĐÀO HUY GIÁM - Quelques traits de la technologie de l'information et le commerce des produits d'informatique. HOÀNG THỊNH - L'Afrique - continent noir qui s'éclaircit.

SUMARIO

LÊ KHẢ PHIÊU - Elevar más la calidad teórica y política de la Revista "el Comunismo". NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Vivirá siempre el gran pensamiento del Manifiesto del Partido Comunista! ĐẶNG HỮU - 30 años de actividades del Departamento de Ciencias y Educación del Comité Central del Partido. HỒ TẾ -Seguros sociales - una gran política. NGÔ THỊ NGỌC ANH - Sobre el trabajo de las cuadras en la actualidad. LÊ NGỌC THẮNG - Las mujeres de las etnias y de las zonas montañozas en la vida económico-cultural de las nacionalidades. TRẦN VĂN TƯ - Reflexiones sobre la vía de desarrollo a partir de los modelos económicos en el campo. VŨ NGỌC NHUNG - El papel de la moneda en la crisis monetaria. ĐÀO HUY GIÁM - Algunos rasgos sobre la tecnología informática y el comercio de su producto. HOÀNG THỊNH - Africa - el continente negro entre dos luces.

目录

•黎可漂：进一步提高《共产杂志》的理论和政治质量•阮德平：《共产党宣言》的伟大思想永不磨灭•邓友：中央科教委员会三十年来的活动•胡济：社会保险是一项重大的政策•吴氏玉英：关于目前妇女干部的工作•黎玉胜：少数民族和山区妇女在各民族经济—文化生活中所起的作用•陈文思：从农村经济模式，考虑其发展路线•武玉绒：金融在金融危机中的作用•陶辉监：有关信息工艺与信息产品贸易点滴•黄盛：非洲—黑色陆地正渐向光明.

Digitized by Google

NÂNG CAO HƠN NỮA CHẤT LƯỢNG LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TẠP CHÍ CỘNG SẢN

LÊ KHẢ PHIÊU

Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam

Lời BBT. *Ngày 18-2-1998, đồng chí* ***Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu*** *đã đến thăm và làm việc với* ***Tạp chí Cộng sản****. Nói chuyện với cán bộ và phóng viên của Tạp chí, đồng chí Tổng Bí thư đã nêu lên rất nhiều vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn có liên quan đến nhiệm vụ của Tạp chí và của các cơ quan thông tin đại chúng nói chung của Đảng. Đó cũng là những vấn đề cần thiết cho cán bộ và đảng viên, cho sự lãnh đạo của Đảng. Chúng tôi xin lược ghi bài phát biểu này và trân trọng giới thiệu với bạn đọc. Đầu đề là của chúng tôi.*

Từ khi Đảng ta ra đời, nắm chính quyền, cũng như trong quá trình phát triển của cách mạng qua các giai đoạn, Tạp chí Cộng sản với chức năng là công cụ tuyên truyền của Đảng cũng từng bước phát triển, phong phú dần lên. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, công cụ tuyên truyền với hệ thống báo chí các loại, dưới hình thức này hay hình thức khác, là tiếng nói muôn màu, muôn vẻ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong hệ thống đó, Tạp chí Cộng sản, báo Nhân Dân, Thông tấn xã Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam là những công cụ chủ yếu mà Đảng trực tiếp quản lý, lãnh đạo để thể hiện lập trường quan điểm của mình trong nội bộ Đảng cũng như trước công chúng. Vì vậy, đối tượng bạn đọc của Tạp chí Cộng sản là cán bộ, đảng viên, đồng thời cũng là của công chúng nói chung. Các bài đăng trên Tạp chí không chỉ dành cho nội bộ mà mọi người đều có thể đọc và nghiên cứu ; kể cả cho cả bạn đọc nước ngoài.

Tạp chí Cộng sản là một trong những công cụ tuyên truyền, giáo dục trực tiếp chủ yếu của Đảng ta. Chúng ta phải nắm lấy công cụ này để truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách và những quan điểm của Đảng, đấu tranh chống những quan điểm lệch lạc ; phổ biến những kinh nghiệm hay, những điển hình tốt trong cuộc sống xã hội trước nhân dân. Xét cả quá trình, Tạp chí đã có tác dụng như thế và thực tế những năm qua, vai trò của Tạp chí được thể hiện là tốt, có uy tín cả trong nước và cả ở nước ngoài. Có thể thấy, Tạp chí Cộng sản chững chạc, thể hiện được phong thái dân chủ, phản ánh những quan điểm chung trong cuộc sống và những kinh nghiệm phong phú của cuộc sống chứ không phải là tuyên truyền gượng ép. Khi không đọc, hoặc đọc sơ sài thì không thấy hay ; nhưng khi làm việc, trong công tác thấy bí,

Digitized by Google



chưa rõ hoặc có vướng mắc chỗ nào, được giới thiệu là vấn đề đó được đề cập ở Tạp chí Cộng sản số này hay số khác, tìm đọc mới thấy là rất quý. Có những bài của Tạp chí được Đài phát thanh đọc, nghe mới thấy hay, thấy rõ và giải đáp được nhiều vấn đề trong chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Điều đó chứng tỏ, nội dung các bài trên Tạp chí của chúng ta không xa với thực tế cuộc sống mà nó bám sát thực tiễn, thể hiện yêu cầu của bạn đọc nhưng dưới sự chỉ đạo chung, theo tôn chỉ mục đích của Tạp chí, theo nhiệm vụ chính trị mà Đảng đã giao cho.

Tạp chí Cộng sản phải làm công tác tuyên truyền. Và là công cụ của Đảng nên phải tuyên truyền cho Đảng chứ không cho ai khác. Tạp chí Cộng sản phải tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học chứ không phải chỉ tham gia nghiên cứu khoa học. Người làm Tạp chí vừa là người làm báo, vừa là nhà lý luận chính trị lại cũng là nhà khoa học, cho nên chất của người làm Tạp chí Cộng sản cũng là chất nhà báo, chất nhà khoa học và chất nhà chính trị. Mỗi biên tập viên, phóng viên, người làm công tác ở Tạp chí Cộng sản phải làm sao để các mặt trên đều quyện vào nhau và đều được thể hiện trong tờ Tạp chí. Bản thân tôi, từ trước khi chưa làm Thường trực, vào Ban Bí thư, Bộ Chính trị và đến bây giờ luôn thường xuyên đọc Tạp chí và đều luôn đánh giá cao Tạp chí Cộng sản.

Hôm nay tôi nêu lại một số điểm chứ không phải là đánh giá toàn bộ vì đã có đánh giá chung, nhận định chung rồi. Như vậy, dứt khoát Tạp chí Cộng sản phải tồn tại và phát triển và chất lượng Tạp chí phải cao hơn. Nội dung chính trị, nhiệm vụ chính trị đã được xác định, đòi hỏi chất lượng của Tạp chí phải không ngừng nâng cao hơn. Tạp chí Cộng sản phải bám sát thực tiễn cách mạng qua các thời kỳ, nhất là khi chúng ta chuẩn bị kết thúc thế kỷ XX và chuyển sang thế kỷ XXI. Xu thế thời đại như thế nào ? Khu vực ra sao ? Trong nước chúng ta sẽ diễn ra những gì và lúc đó đặt ra những vấn đề gì mà Đảng ta phải giải quyết ? Cuộc sống diễn ra trong những năm đổi mới thế nào ? Những chủ

Digitized by Google

trương của Đảng đã được thực hiện ra sao, đạt được những gì, còn đang vướng mắc những gì và chúng ta phải xử lý thế nào để đất nước tiến lên, tiến mạnh hơn nữa ?...

Do tầm vóc của các vấn đề lớn như vậy nên đòi hỏi chất lượng Tạp chí phải cao hơn để tham gia giải quyết, cắt nghĩa, lý giải. Chúng ta không thể nào coi nhẹ báo Nhân Dân và cũng không thể nào coi nhẹ Tạp chí Cộng sản. Việc có ra thêm tờ báo gì nữa không thì phải tính, nhưng vấn đề là 5 công cụ chủ yếu (Tạp chí Cộng sản, báo Nhân Dân, Thông tấn xã, Đài Truyền hình, Đài Tiếng nói Việt Nam) phải nắm cho chắc, chất lượng cho tốt hơn và có sự hỗ trợ lẫn nhau. Tạp chí Cộng sản vừa làm công tác tuyên truyền vừa cần người khác tuyên truyền cho mình. Tuyên truyền cho Tạp chí Cộng sản cũng có nghĩa là truyền bá những quan điểm của Đảng. Dù tác giả bài trên Tạp chí là ai đó thì cũng là phản ánh tiếng nói của Đảng. Cho nên các đồng chí đi truyền bá quan điểm của Đảng và các công cụ khác lại đi truyền bá Tạp chí của các đồng chí. Thế mới là quyện vào nhau, gắn bó chặt chẽ với nhau, tạo điều kiện cho nhau và chỉ như thế thì chất lượng mới tăng lên.

Tình hình mới đòi hỏi chất lượng tuyên truyền ngày càng cao. Chúng ta chưa thể vừa lòng với những gì mà chúng ta đã đạt được, nói là đã đủ thì càng chưa phải ! Ngay trên mặt trận lý luận của Đảng cũng chưa thể nói là đã đủ, còn bao nhiêu vấn đề của cuộc sống đã đặt ra mà các nhà lý luận chưa thể giải đáp được hết. Chẳng hạn chúng ta nói con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng được xác định rõ hơn, nhưng rõ hơn ở những điểm nào, như thế nào ? Phải nói cụ thể một, hai, ba, bốn là gì. Trong khi nói là rõ hơn, thì còn bao nhiêu vấn đề đang tranh luận kịch liệt. Chẳng hạn như vấn đề tư nhân hóa nền kinh tế, vấn đề khủng hoảng tiền tệ... Nước ngoài nói chúng ta chưa chịu đổi mới, đòi chúng ta phải tư nhân hóa nền kinh tế đi, phải tự do hóa thương mại nhanh đi... Như vậy là có vấn đề đấy. Và trong Đảng cũng có một số người viết những tài liệu đi quá xa mức tuyên truyền công khai. Đấy là cái gì ? Hoặc như những vấn đề trong nông nghiệp, nông thôn. Nói là đưa công nghệ vào, chuyển dịch cơ cấu làm cho nông nghiệp vốn là mặt trận hàng đầu có chất lượng cao hơn và đi dần vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhưng giải quyết như thế nào khi một số nông dân, hay tỷ lệ nông dân không có ruộng ở đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn cao. Ở đấy đang hình thành những trang trại - vậy thì quan điểm để xử lý ra sao ? Gọi đây là nông dân đi làm thuê hay gọi như thế nào, đánh giá hãy còn khác nhau lắm. Sông Bé có 539 trang trại, thấp nhất là 3 ha và cao nhất là 300 ha ; ở Tây Nguyên có những người làm chủ tới 1500 - 1700 ha rừng. Đây là một trang trại lớn hay là một đồn điền lớn ? Phải giải quyết như thế nào ?

Lại nói đến vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân. Có một số người đi lao động, học tập ở các nước xã hội chủ nghĩa (cũ) ở lại làm ăn kinh tế, lập ra một số công ty và những công ty này có quan hệ với các công ty trong nước để làm việc xuất khẩu hàng của ta sang nước sở tại. Quan niệm về đối tượng này như thế nào ? Đã có doanh nghiệp do người Việt Nam tổ chức ra, với số vốn 1 triệu, 5 triệu đến 10 triệu USD. Đấy cũng là một lực lượng lớn, một hiện tượng rất mới. Có người là chủ doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài hỏi : tôi là đảng viên, mà đảng viên thì không được làm kinh tế tư bản tư nhân, thế thì tôi nên làm như thế nào ?

Đấy là những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống đòi hỏi phải có câu trả lời thỏa đáng. Vậy cơ quan lý luận - chính trị phải giải quyết thế nào ?

Những vấn đề lý luận mà Đại hội IX sẽ đặt ra, nhất là từ nay đến năm 2000, đòi hỏi

Digitized by Google

Tạp chí phải tham gia tích cực. Từ nay đến năm 2000 phải bám vào những vấn đề mà các Hội nghị Trung ương sẽ lần lượt bàn và gắn với đó là việc chuẩn bị cho Đại hội IX. Về Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, Tạp chí phải bám sát, thể hiện cho được những tư tưởng chỉ đạo. Tháng 3 tới, sẽ họp hội nghị cán bộ toàn quốc, Chính phủ sẽ phổ biến chương trình hành động cụ thể để sau khi các địa phương quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 sẽ cùng nhau thực hiện, giải quyết hàng loạt vấn đề như công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn như thế nào ? Vấn đề đầu vào và đầu ra của sản xuất ; vấn đề ruộng đất ; vấn đề phân hóa giàu nghèo ở nông thôn... Phải đi vào giải quyết những cái cụ thể chứ không thể chỉ nói với nhau về tinh thần. Hiện nay còn 1300 xã đang khó khăn nhất ở vùng sâu, vùng xa, miền núi - vậy thì giải quyết thế nào ? ... Đấy là những phương hướng, biện pháp có tính cụ thể để thực hiện Nghị quyết. Trong những tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị Trung ương 4, cốt lõi nhất là phát huy nội lực. Vậy, phát huy nội lực như thế nào ? Nên đưa ra những bài nghiên cứu và khảo sát thực tiễn để chứng minh cho việc phát huy nội lực được thể hiện trong xã hội ta. Nói phát huy nội lực đâu phải chỉ là tiết kiệm, dành tiền đầu tư ? Còn cái gì nữa chứ ? Chúng ta cần rút kinh nghiệm và qua thực tiễn để nêu bật chủ đề hay tư tưởng chỉ đạo là phát huy nội lực. Từ đó, tranh thủ thêm nguồn lực bên ngoài, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vấn đề là như thế nhưng thể hiện cho rõ trong cuộc sống là không đơn giản.

Hội nghị Trung ương 5 sẽ bàn về vấn đề văn hóa : xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là cả lý luận và thực tiễn và chắc chắn Tạp chí phải tham gia. Trước đây, Nghị quyết 4 của Trung ương khóa VII mới nêu lên một số nhiệm vụ cấp bách về văn hóa, văn nghệ trong những năm trước mắt. Đó chỉ là một mảng trong văn hóa Việt Nam nói chung. Đến Hội nghị Trung ương 5, Đảng ta phải bàn kỹ, toàn diện hơn vấn đề xây dựng nền văn hóa Việt Nam, coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội ; văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển. Vậy thế nào là văn hóa tiên tiến ? Thế nào là đậm đà bản sắc dân tộc ? Giữa văn hóa và kinh tế, tức giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của một dân tộc - một dân tộc đi theo con đường xã hội chủ nghĩa - là như thế nào ? Tác động qua lại giữa văn hóa - kinh tế, kinh tế - văn hóa ra sao ? Phải nói đúng, làm đúng, nếu không sẽ hoặc ảnh hưởng đến kinh tế, hoặc triệt tiêu văn hóa... Như vậy các dự án kinh tế phải gắn với văn hóa. Một vấn đề kinh tế không thuần túy kinh tế, không phải chỉ có gắn với quốc phòng mà còn gắn với văn hóa nữa. Văn hóa cũng là một động lực của kinh tế. Tạp chí Cộng sản, ở trình độ tư duy lý luận, phải làm cho rõ những tư tưởng chỉ đạo mối quan hệ này.

Hội nghị Trung ương 6 sẽ bàn về vấn đề xây dựng Đảng. Tổng kết xây dựng Đảng trong những năm đổi mới không chỉ là tổng kết việc xây dựng Đảng ở cơ sở mà là tổng kết về Đảng của chúng ta trong những năm đổi mới. Tại sao trong Đảng lại có những hiện tượng suy thoái nghiêm trọng như hiện nay ? Tại sao lại "bung ra" những quan điểm còn rất khác nhau như thế ? Tạp chí Cộng sản phải tham gia tích cực vào việc xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng cũng như về tổ chức và cán bộ. Đây là chức năng chính của Tạp chí.

Hội nghị Trung ương 7 sẽ bàn về vấn đề giai cấp công nhân và nông dân. Giai cấp công nhân Việt Nam từ chỗ bị nô lệ, bị bóc lột bây giờ làm chủ, nắm quyền lãnh đạo thông qua Đảng Cộng sản của mình. Có người nói tính tiên phong của giai cấp công nhân chỉ là hình thức, việc gì phải nói đến vai

Digitized by Google

trò lãnh đạo nữa ? Đó cũng là một tầng lớp lao động, sao phải nói tới giai cấp làm gì ? ... Về giai cấp nông dân, phải hiểu nông dân trong tình hình mới là gì ? Sự biến đổi nông thôn trong quá trình chuyển đổi hiện nay ra sao ? Tích tụ ruộng đất khi công nghiệp hóa, hiện đại hóa là thế nào ? ... Rồi vấn đề tầng lớp trí thức nữa. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức trong liên minh công - nông - trí mà Đảng ta nêu lên đều là những vấn đề lớn. Tạp chí phải nghiêm túc nghiên cứu.

Cuối 1999, Hội nghị Trung ương 8 bàn về vấn đề tôn giáo và dân tộc, chiến lược và những chính sách lớn về các vấn đề đó.

Các Hội nghị Trung ương sau đó sẽ tập trung vào việc chuẩn bị Đại hội IX. Bộ Chính trị sẽ thành lập một tiểu ban chuẩn bị cho Đại hội. Trong khi chuẩn bị nội dung chính trị, tức Báo cáo chính trị, những vấn đề chiến lược, những vấn đề cơ bản nhất có tính đường lối, và cả cương lĩnh nữa, sẽ được tổng kết, được đề cập và phân tích một cách rõ ràng, sâu sắc.

Trước mắt chúng ta là những vấn đề lý luận và thực tiễn rất lớn. Chính thực tiễn đặt ra vô vàn vấn đề mà lý luận phải giải đáp, và chỉ trên cơ sở đó, lý luận mới thật sự giữ vai trò dẫn đường ; lý luận phải đi trước một bước. Trong nghiên cứu khoa học vấn đề lý luận và thực tiễn phải rất gắn với nhau. Tạp chí Cộng sản là cơ quan lý luận - chính trị của Đảng thì dứt khoát phải nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn. Đi vào thực tiễn chúng ta sẽ thấy nhiều vấn đề chúng ta nêu ra có khi không sát thực tế, hoặc nhiều cái đề ra tưởng là đúng nhưng lại không thực hiện được.

Số lượng phát hành Tạp chí Cộng sản trước đây là 47 000 bản, có lúc xuống 45 000, bây giờ 2 kỳ/tháng đạt trên 51 000 bản/số - như vậy là bảo đảm được. Chất lượng Tạp chí cũng không sụt. Những bài chính luận cơ bản là tốt. Tất nhiên cần cố gắng để Tạp chí có nhiều thể loại hơn, trong đó tăng tỷ lệ những bài có tính chuyên luận phản ánh tầm xa và những bài điều tra, nghiên cứu có chiều sâu, gắn với nghị quyết của Đảng trong từng thời kỳ. Đầu tư hơn nữa trong nghiên cứu thực tiễn thì chúng ta mới có thể có những giải đáp mà bạn đọc rất cần. Cần mở rộng nghiên cứu khoa học, trao đổi khoa học nhưng có hành lang cẩn thận. Tùy vấn đề lựa chọn mà mời các nhà khoa học tham gia rộng rãi. Về các vấn đề khoa học, cần mời một số nhà khoa học ở các cơ quan và Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn ; còn nếu bàn về chính trị, mời một số lão thành cách mạng... Có thể mở những cuộc tọa đàm nào đó với những người có các ý kiến khác nhau, trao đổi thậm chí gay gắt với nhau. Nhưng việc đăng lên báo thì cần có sự cân nhắc, chắt lọc, có cái đăng, có cái không đăng. Mỗi quý, Tạp chí có thể đứng ra tổ chức hội thảo những vấn đề có tính cấp thiết, hoặc có tính lâu dài ; mở rộng khuôn khổ thảo luận để tăng giao lưu, tăng trí tuệ, để nắm được những vấn đề cốt yếu chung, từ đó chúng ta có những bài chuyên luận tốt hơn. Còn có thể có những trao đổi kinh nghiệm theo nhiều hình thức. Mở rộng trao đổi ở trong nước và cả ở ngoài nước. Nơi nào đã có quan hệ thì tiếp tục làm, nơi nào chưa có thì qua cách nào đó như thư từ chẳng hạn để tiếp cận. Các Đảng cộng sản ở các nước châu Mỹ La tinh sang đây nói với ta : trước hết họ đều chống chủ nghĩa kinh tế tự do ; thứ hai là chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh nghị trường là chính, và họ nhìn vào tấm gương Đảng Cộng sản Việt Nam. Vậy thì bây giờ chúng ta nghiên cứu kỹ xem thế nào. Việc tạo điều kiện để Tạp chí thâm nhập thực tiễn, dự hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị, đi theo các đồng chí lãnh đạo... thì nhất trí. Văn phòng Trung ương sẽ tùy các cuộc họp mà mời các đồng chí đến dự.

Digitized by Google

Trong trao đổi, cần phải bám sát thực tiễn đặt ra. Trên cơ sở như vậy phải có dự báo. Dự báo chung thì ở trên phải chỉ đạo. Ban Tư tưởng - Văn hóa sẽ trao đổi cùng Tạp chí. Chúng ta đã làm báo, lại là lý luận chính trị và là người nghiên cứu khoa học, lại đi tổng kết thực tiễn thì bao giờ cũng phải có cái hiện tại và phải có cái dự báo. Chúng ta thường nói đến các thách thức gay gắt, nhưng gay gắt lớn nhất và diễn ra lúc nào, thời điểm nào, thời cơ ra sao thì chúng ta chưa dự tính được. Trong các thách thức hay 4 nguy cơ mà các Nghị quyết đã nói thì phải xác định nội dung của thách thức gay gắt nhất đã thể hiện chưa ? Sẽ có cái đó không ? Nếu có thì nó diễn ra vào thời điểm nào ? Và như vậy chúng ta chủ động phòng tránh ra sao ?

Các vấn đề lớn đó, đề nghị các đồng chí hết sức lưu ý và phải bám sát thực tiễn và có những dự tính, những dự liệu. Đã làm báo là làm chính trị, mà làm chính trị thì phải biết dự báo. Cái đã qua, cái hiện tại, và cái sắp tới sẽ xảy ra, chiều hướng nó diễn biến thế nào chúng ta cũng phải tính, cũng như người ta theo dõi thời tiết, theo dõi cơn bão vậy : Mắt bão ở đâu, chiều hướng nó phát triển đi vào đất liền hay không vào đất liền... Những vấn đề đó, các đồng chí phải biết chứ không phải chỉ có các nhà chiến lược chính trị mới làm việc này. Bên cạnh đó, chúng ta cũng phải tham khảo các học giả nước ngoài, xem họ dự báo về chúng ta ra sao ?

Về những đề nghị của Tạp chí Cộng sản, liên quan đến Ban Tài chính quản trị Trung ương thì Ban Tài chính quản trị Trung ương giải quyết, nhưng phải có chính sách. Phải có lương, có phụ cấp phù hợp. Bên cạnh mặt bằng chung, cũng cần lưu ý ở Tạp chí Cộng sản cũng có điểm khác bởi những người làm Tạp chí là những nhà khoa học, những nhà lý luận. Trí tuệ của những người làm Tạp chí Cộng sản có yêu cầu cao. Vì thế phụ cấp, chế độ phải bảo đảm cho thỏa đáng, và tìm cách giải quyết. Mặt khác phải bảo vệ uy tín tờ báo Đảng, uy tín của người làm báo, uy tín của nhà chính trị. Đến thăm các đồng chí, tuy điều kiện còn khó khăn nhưng sinh hoạt rất văn hóa, cái gì thiếu sẽ dần bổ sung và kinh phí Đảng vẫn phải tiếp tục cấp đủ, có thể cao hơn cho Tạp chí Cộng sản, vì đây là Tạp chí chính thống của Đảng. Phải bảo đảm cho Tạp chí Cộng sản đi vào lòng người, không phải bằng ép buộc mà bằng sự thuyết phục, không phải bằng một cách mà bằng nhiều cách. Phải giữ ổn định mức phát hành hiện nay rồi tìm cách đẩy lên nữa. Hiện nay, số cán bộ chưa đọc Tạp chí có nhiều nguyên nhân. Trong số đó, có người lười đọc. Nếu là đảng viên mà là cán bộ chủ chốt như bí thư, chủ tịch mà không đọc báo Đảng, Tạp chí Cộng sản là không được. Đây là việc phải nhắc nhở trong toàn Đảng và coi như một quy chế trong vấn đề học tập của đảng viên. Tạp chí Cộng sản hiện phát hành 51 000 bản/số chưa thể đủ cho tất cả mọi đảng viên, vả lại còn nhiều loại sách, tạp chí khác. Nhưng những cán bộ làm công tác Đảng trực tiếp từ cấp huyện trở lên thì phải đọc Tạp chí Cộng sản. Không đọc không được vì đó là vi phạm quy chế học tập của Đảng. Ban Tư tưởng - Văn hóa cần phải bổ sung vào quy chế đảng viên việc đọc và học báo, tạp chí của Đảng. Những bài quan trọng mang tính chỉ đạo hành động thì cần phải đọc, phải học để làm việc được tốt. Và như vậy, phải kiểm tra thường xuyên việc làm này. Về phần mình, Tạp chí Cộng sản cũng kiểm tra lại, xem chất lượng ra sao để hấp dẫn người đọc. Nhưng đã là cán bộ Đảng, dứt khoát phải đọc, ít ra là những bài quan trọng nhất, có tính chỉ đạo thực tiễn trong mỗi số Tạp chí để vừa nghiên cứu, vừa vận dụng trong thực tiễn công tác của mình. Cần phải khắc phục bệnh lười học trong cán bộ, đảng viên. Bên cạnh đa số ham học, ham đọc sách báo còn một số lười học, lười đọc. Không

Digitized by Google

học, không đọc thì trí tuệ teo đi - nếu ham học, ham đọc thì trí tuệ, tư duy sẽ phát triển và mới có sức sáng tạo trong công việc. Không đọc không thể công tác tốt được, không thể làm lãnh đạo được, và làm công tác quản lý cũng kém. Cho nên dứt khoát phải đọc và việc này phải đưa vào quy chế học tập của đảng viên.

Vấn đề cuối cùng tôi muốn nói đến là dân chủ, chống tham nhũng, quan liêu. Tham nhũng hiện nay đã trở thành căn bệnh. Qua tổng kết tình hình Thái Bình, Bộ Chính trị xác định đó là do căn bệnh kiêu ngạo cộng sản của chúng ta. Đây là căn bệnh rất nặng. Do tham nhũng một phần, cộng với kiêu ngạo cộng sản nữa cho nên mất lòng dân ghê gớm và có lúc trở thành vấn đề nổi cộm. Không sửa chữa sớm thì rất nguy hiểm. Bên cạnh đó là thành tích ít, nói to lên. Làm được thì ít, nói hay thì nhiều. Những việc làm dở thì lẩn tránh. Kiêu ngạo cộng sản cùng với quan liêu tạo ra nhiều việc rất ngược đời. Chẳng hạn nước ngoài đầu tư, cũng có người lợi dụng ta, nhưng cũng có nhiều người làm ăn chân thật mà mình lại gây khó khăn. Ta nói "một cửa" nhưng thực tế lại có rất nhiều cửa. Cần phải sửa ngay và kịp thời. Vừa rồi Chính phủ đã họp với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, tiếp thu ý kiến và đã sửa một số quy định, giảm thuế một số.

Nhiều việc trì trệ, là do quan liêu, và quan liêu thì triệt tiêu những động lực phát triển. Chúng ta phải kiên quyết sửa. Nói phải giương cao ngọn cờ chống tham nhũng nhưng chống như thế nào không đơn giản. Phải tiến hành từng bước, có phương pháp và phải dựa vào dân cùng làm mới khắc phục được. Để làm được điều đó, sắp tới phải đưa ra thiết chế dân chủ, một số pháp lệnh đi theo nữa. Việc chi tiêu cho quà biếu, nhận hối lộ, nhận quà biếu cũng phải được làm rõ. Tất nhiên phải có quy chế, theo đó, công nhân, người lao động trực tiếp kiểm tra để làm chủ từ cơ sở. Những vấn đề nêu ra từ nhiệm vụ chính trị, vấn đề ngân sách, vấn đề chi tiêu và công tác cán bộ, phải được làm rõ và sâu sắc, không phải chỉ ở xã, huyện, các doanh nghiệp mà ngay cả ở các cơ quan nhà nước cấp trung ương. Việc phân phối phải khoa học, nếu không cứ dính đến tiền là kiện nhau, kiện ngay, kiện hoài.

Cần phải rút kinh nghiệm để thấy rằng : có thiết chế dân chủ, cùng với các quy định cụ thể và kiểm soát chặt chẽ nữa thì mới có thể hạn chế được tham nhũng. Không thể chỉ nói một câu là có thể đưa tất cả những ai tham nhũng ra trước vành móng ngựa một lúc được. Đã nói đến pháp luật thì phải làm đúng theo pháp luật, không thể nói không, suy diễn mà được. Phải có chứng cứ xác đáng, nếu không lại gây rối nội bộ. Rõ ràng, có dũng khí đấu tranh nhưng đấu tranh phải có nguyên tắc, có phương pháp, phải dựa vào pháp luật và cái quan trọng nhất là phải có được thể chế. Khi đã xác định được thì làm mới có hiệu quả và mới hạn chế được tham nhũng.

Trong 5 công cụ truyền thông đại chúng lớn, trực tiếp của Đảng thì Tạp chí Cộng sản là công cụ rất quan trọng, mang tính lý luận, chính trị lớn nhất. Các trung tâm khác cũng có thể ra các sách, nhưng Tạp chí Cộng sản phải thể hiện ra định kỳ 1 tháng 2 số, cho nên nó vừa là cơ bản, nhưng lại vừa có tính thời sự nóng hổi. Tạp chí Cộng sản phải giải đáp những vấn đề sinh động của cuộc sống ; thể hiện quan điểm đường lối của Đảng được kịp thời hơn ; trong đó có các bài lý luận, các bài chính luận để hướng dẫn dư luận, bạn đọc theo đúng hướng Đảng vạch ra. Bởi vậy, phải dứt khoát xây dựng Tạp chí Cộng sản được tốt lên. Kèm theo đó là chính sách, cơ sở vật chất, kỹ thuật từng bước phải được giải quyết. Ban Tư tưởng - Văn hóa, các cơ quan liên quan cần phối hợp bàn kỹ để có thể hỗ trợ Tạp chí làm tốt nhiệm vụ chính trị của mình.❑

Digitized by Google

SỐNG MÃI TƯ TƯỞNG VĨ ĐẠI CỦA TUYÊN NGÔN

NGUYỄN ĐỨC BÌNH*

Mùa xuân năm nay, giai cấp công nhân và loài người tiến bộ kỷ niệm 150 năm ngày ra đời *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, tác phẩm "phổ biến nhất, có tính chất quốc tế nhất trong sách báo xã hội chủ nghĩa" (Ăng-ghen). Trong *Tuyên ngôn*, lần đầu tiên những cơ sở của chủ nghĩa Mác được trình bày hoàn chỉnh dưới dạng cô đúc nhất và ở tầm cao về nội dung cũng như hình thức. Là văn kiện mang tính cương lĩnh của phong trào cộng sản, *Tuyên ngôn* đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa Mác sau một loạt công trình tìm tòi, khám phá, phát hiện trước đó. Chính vì thế thái độ đối với *Tuyên ngôn* thực chất là thái độ đối với chủ nghĩa Mác nói chung.

Sự kiện Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu sụp đổ gây nên cuộc tranh luận lớn xung quanh việc đánh giá những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác qua *Tuyên ngôn*. Kẻ thù của CNXH hí hửng tuyên bố sự kết thúc vĩnh viễn "những thí nghiệm cộng sản" và luôn cả chủ nghĩa Mác. Nhưng cũng có một số chính khách và học giả tư sản sáng suốt cảnh báo rằng chủ nghĩa cộng sản vẫn không chết, thậm chí nó vẫn sống ngay trong các trường đại học phương Tây. Cũng có một bộ phận người cộng sản hoang mang, dao động cho rằng những nguyên lý của *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* ra đời cách đây 150 năm đã không còn phù hợp với thời đại ngày nay. Họ nói chúng ta phải có cách tiếp cận "mới" đối với thời đại thay thế cho quan điểm duy vật lịch sử, quan điểm giai cấp của *Tuyên ngôn*.

Trong tình hình chính trị và tư tưởng diễn biến phức tạp, cách mạng đứng trước thử thách to lớn, hàng triệu người cộng sản, người mác-xít trên thế giới, trong đó có những người cộng sản Việt Nam chúng ta, vẫn kiên quyết bảo vệ chân lý của chủ nghĩa Mác, kiên trì tư tưởng cơ bản của *Tuyên ngôn*, nghiêm túc tìm hiểu nguyên nhân thất bại của CNXH ở nơi này nơi khác và cố gắng phát triển tư tưởng của *Tuyên ngôn* theo sự phát triển của nội dung thời đại. Nhiều nhà khoa học không mác - xít, với mức độ khác nhau, đã nghiên cứu, đánh giá *Tuyên ngôn* một cách khách quan. Họ nêu ảnh hưởng to lớn không thể phủ nhận của *Tuyên ngôn* đối với thế kỷ XX. Một số còn cho rằng *Tuyên ngôn* sẽ có vai trò to lớn hơn nữa trong thế kỷ XXI.

Để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, để giải quyết những nhiệm vụ lý luận và thực tiễn to lớn, phức tạp và mới mẻ đang đặt ra cho cách mạng Việt Nam, chúng ta cần nghiên cứu lại *Tuyên ngôn*, với phương pháp gắn chặt lý luận với thực tiễn. Phương pháp này đòi hỏi đặt toàn bộ tác phẩm cũng như mỗi luận điểm trong đó vào thời của nó, trong dòng lịch sử của nó, đồng thời cũng phải đặt *Tuyên ngôn* trước những vấn đề cơ bản, nóng hổi ở thời đại chúng ta.

Giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã thắng lợi trên toàn thế giới. Nó đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử xóa bỏ chế độ phong kiến lỗi thời, giải phóng lực lượng sản xuất khỏi những xiềng xích trung cổ, tạo ra lực lượng sản xuất mới hùng mạnh, là đại công nghiệp. Chủ nghĩa tư bản đã "xâm lấn toàn cầu, xâm nhập khắp nơi, khai thác khắp nơi, thiết lập những mối liên hệ khắp nơi". Chủ nghĩa tư bản đã nhào nặn thế giới theo hình

* GS, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương

Digitized by Google

ảnh của nó, duy có điều như *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* chỉ rõ : "Xã hội tư sản hiện đại... không xóa bỏ được những đối kháng giai cấp. Nó chỉ đem những giai cấp mới, những điều kiện áp bức mới, những hình thức đấu tranh mới thay thế cho những giai cấp, những điều kiện áp bức, những hình thức đấu tranh cũ mà thôi" (1).

Khi *Tuyên ngôn* ra đời, giai cấp công nhân đang phát triển rất nhanh chóng cùng với sự phát triển của đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Công nhân là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội, tập trung trong các khu công nghiệp lớn ; không có tư liệu sản xuất công nhân phải bán sức lao động cho nhà tư bản, bị tư bản bóc lột, áp bức hết sức nặng nề. Tư bản càng tích lũy sự giàu có bao nhiêu thì đời sống người lao động càng điêu đứng bấy nhiêu. Công nhân không có con đường nào khác ngoài con đường đấu tranh chống áp bức bóc lột. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản diễn ra công khai, quyết liệt ở khắp các nước tư bản, bắt nguồn từ quan hệ đối kháng giữa tư bản và lao động.

Giai cấp công nhân đã bước lên vũ đài như một lực lượng chính trị độc lập, với những yêu sách giai cấp của riêng mình. Trong đấu tranh, giai cấp công nhân tự thể hiện là giai cấp có tính tổ chức nhất, có tinh thần cách mạng triệt để nhất trong số các giai tầng bị tư bản áp bức. Song phong trào công nhân vẫn mang tính tự phát và sự cần thiết phải có lý luận khoa học dẫn đường trở thành đòi hỏi cấp bách của lịch sử. C. Mác và Ph. Ăng-ghen, sau một quá trình vừa nghiên cứu lý luận vừa tham gia phong trào thực tiễn, đã sáng lập học thuyết cách mạng đáp ứng đúng đòi hỏi đó. Những quan điểm lý luận trong *Tuyên ngôn* "tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh, hay phát hiện ra". "Những nguyên lý ấy chỉ là biểu hiện khái quát của những điều kiện thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một phong trào lịch sử đang diễn ra trước mắt chúng ta". *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* ra đời đánh dấu phong trào công nhân đã phát triển từ tự phát đến tự giác.

Tư tưởng khoa học và cách mạng trong văn kiện lịch sử này đã đi vào quần chúng vô sản, trở thành lực lượng vật chất vĩ đại. Nó tập hợp, đoàn kết giai cấp công nhân, tổ chức giai cấp thành chính đảng.

Tuyên ngôn không phải là cuốn sách thông thường nghiên cứu một lĩnh vực cụ thể nào đó của đời sống xã hội mà là cương lĩnh chính trị và lý luận vạch thời đại. Nó tuyên bố sự ra đời hợp quy luật lịch sử của xã hội mới sẽ thay thế xã hội tư bản và chỉ ra động lực trực tiếp của quá trình đó, động lực này lại do chính chủ nghĩa tư bản tạo ra. *Tuyên ngôn* giác ngộ giai cấp công nhân bằng thế giới quan và phương pháp luận thực sự khoa học, chỉ ra cho giai cấp công nhân những điều kiện để tự giải phóng.

Có người nói tư tưởng cơ bản của *Tuyên ngôn* chỉ là tư tưởng về đấu tranh giai cấp. Nói như thế là hiểu *Tuyên ngôn* chưa đến nơi, chưa căn bản, là tầm thường hóa học thuyết Mác, là cắt bỏ đi nền tảng khoa học làm cơ sở cho chính tư tưởng của Mác về đấu tranh giai cấp. *Tuyên ngôn* trình bày ngắn gọn nhưng rất sâu sắc, sáng sủa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng áp dụng triệt để trong lĩnh vực lịch sử, chỉ rõ quy luật chung của sự phát triển xã hội loài người. Đó là cơ sở lý luận, phương pháp luận của tác phẩm và toàn bộ học thuyết Mác. *Tuyên ngôn* vạch ra bản chất của chủ nghĩa tư bản, quy luật vận động riêng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, vai trò rất to lớn và tính tất yếu nhất thời về mặt lịch sử của chế độ tư bản. Phân tích những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản, phân tích lịch sử cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản để tự giải phóng, *Tuyên ngôn* chứng minh xã hội tư bản nhất định sẽ bị thay thế bằng xã hội cộng sản, một xã hội mà chính chủ nghĩa tư bản về khách quan đã và đang chuẩn bị những điều kiện tiền đề. Cuối chương II, Mác và Ăng-ghen viết : "Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau" (2). Đây là kết luận chủ yếu của tác phẩm.

Để hiểu đúng thực chất tư tưởng của *Tuyên ngôn*, để bác bỏ những cách giải thích phiến

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 597

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 613

Digitized by Google

diện, tầm thường nội dung tư tưởng cơ bản và chủ đạo của tác phẩm, tôi thấy cần nhắc lại ở đây nguyên văn của Ph. Ăng-ghen trong lời tựa viết cho bản tiếng Đức xuất bản năm 1883. Ph. Ăng-ghen viết : "*Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của "Tuyên ngôn"* là : trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy ; do đó (từ khi chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy tan rã), toàn bộ lịch sử là lịch sử các cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa những giai cấp bị bóc lột và những giai cấp đi bóc lột, giữa những giai cấp bị trị và những giai cấp thống trị, qua các giai đoạn của sự phát triển xã hội của họ ; nhưng cuộc đấu tranh ấy hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi cuộc đấu tranh giai cấp - tư tưởng cơ bản ấy hoàn toàn và tuyệt đối là của Mác" (3).

Nếu tư tưởng chi phối cách mạng tư sản là sự luận giải về cuộc giải phóng một giai cấp đặc thù của xã hội là giai cấp tư sản - sự giải phóng giai cấp này được lý tưởng hóa thành những khái niệm bình đẳng, tự do, bác ái, thì tư tưởng chi phối cách mạng vô sản, tư tưởng này xuyên suốt *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, là tư tưởng khoa học về sự giải phóng toàn xã hội, giải phóng nhân loại, giải phóng con người khỏi mọi ách áp bức bóc lột, khỏi mọi sự tha hóa. Đây là nhiệm vụ lịch sử đặt lên vai giai cấp công nhân. Đây là *quan điểm giai cấp* của giai cấp vô sản, là *chủ nghĩa nhân đạo hiện thực.*

Tư tưởng nhân văn cộng sản, tính cách mạng triệt để kết hợp làm một với tính khoa học cao độ tạo nên sức mạnh cải tạo thế giới của *Tuyên ngôn.* Trong lịch sử tư tưởng loài người, khó có tác phẩm nào sánh được với *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* về tầm ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu rộng đối với cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân chống áp bức bóc lột, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Nhưng ở thế kỷ XIX, điều kiện khách quan và chủ quan cho thắng lợi của cách mạng vô sản chưa chín muồi. Vai trò chủ yếu của *Tuyên ngôn* là chuẩn bị cho giai cấp công nhân về mặt ý thức tương tưởng và qua đó tổ chức công nhân thành giai cấp.

Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, giai đoạn những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản phát triển lên đỉnh cao. Phong trào công nhân phát triển thành cao trào cách mạng trên toàn thế giới. Nhiệm vụ do *Tuyên ngôn* đề ra : lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản đứng lên giành lấy chính quyền đã trở thành nhiệm vụ trực tiếp.

Thành công của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, cuộc cách mạng mở ra thời đại mới trong lịch sử loài người là thắng lợi vĩ đại nhất của tư tưởng *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản.*

Thắng lợi vĩ đại tiếp theo của tư tưởng *Tuyên ngôn* là thắng lợi của sự nghiệp xây dựng CNXH ở Liên Xô. Tư tưởng *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* được hiện thực hóa từng bước trên lãnh thổ rộng một phần sáu địa cầu.

Sau Cách mạng Tháng Mười, sự hình thành hệ thống XHCN thế giới, thắng lợi của cách mạng Việt Nam, cách mạng Trung Quốc, cách mạng Cu Ba, thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc, tiếp tục chứng minh sức sống vĩ đại của tư tưởng *Tuyên ngôn.*

Như vậy là sau hơn một thế kỷ kể từ khi *Tuyên ngôn* ra đời, thế giới đã thay đổi lớn lao theo chiều hướng *Tuyên ngôn* đã khẳng định về mặt lý luận.

Từ chỗ bị giai cấp tư sản thống trị xem là "bóng ma", lý tưởng cộng sản đã trở thành hiện thực sinh động có sức lôi cuốn hàng trăm triệu người, làm thay đổi bộ mặt thế giới. Nếu tôn trọng thực tế lịch sử thì làm sao có thể nói rằng các nguyên lý trong *Tuyên ngôn* chỉ là những giáo điều, những ảo tưởng ?

Chiều hướng lịch sử khách quan là nhân loại sẽ đi lên một xã hội công bằng, nhân đạo phù hợp với bản chất con người. Nhưng lịch sử

(3) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 21, tr 11 - 12

Digitized by Google

không bằng phẳng, trơn tru. Con đường cách mạng diễn ra quanh co, khi cao trào, lúc thoái trào, có lúc ở nơi này, nơi khác cách mạng đứng trước những trở lực tưởng như không vượt qua nổi.

Tư tưởng *Tuyên ngôn* đã trải ra qua nhiều thử thách lớn lao trên con đường hiện thực hóa. Mỗi lần vượt qua thử thách, tư tưởng *Tuyên ngôn* càng thể hiện sức sống bền vững của nó. *Tuyên ngôn* càng được nhận thức, được vận dụng đúng hơn, tác động của *Tuyên ngôn* đối với phong trào cách mạng càng to lớn, sâu sắc hơn.

Từ năm 1848 đến những năm 80 của thế kỷ này, tuy cách mạng trải qua nhiều khúc quanh co, song nói chung đó là giai đoạn *Tuyên ngôn* giành thắng lợi ngày càng to lớn. Tuy nhiên, một kiểu bước ngoặt mà lịch sử chưa từng biết đến đã xảy ra. Từ cuối thập kỷ 80 đến nay, phong trào cách mạng XHCN lâm vào khủng hoảng. Sự sụp đổ của CNXH diễn ra quá bất ngờ và dường như nó đặt *Tuyên ngôn* thành vấn đề ! 150 năm qua, *Tuyên ngôn* chưa gặp thử thách nào nghiêm trọng đến thế. Câu hỏi lịch sử đặt ra là : liệu *Tuyên ngôn* có vượt qua nổi thử thách cực kỳ nghiệt ngã này ?

Câu trả lời của chúng ta là *khẳng định*. Cả lần này cũng vậy, nhất định *Tuyên ngôn* sẽ vượt qua thử thách, bởi lịch sử nhất định mở đường đi tất yếu của nó không gì ngăn cản được. CNXH hiện thực sụp đổ, dù trên một mảng lớn, không có nghĩa là tư tưởng *Tuyên ngôn* sụp đổ. Biện chứng về mối quan hệ giữa lôgíc và lịch sử cho thấy không bao giờ có sự trùng khít hoàn toàn giữa lý luận với hiện thực. Vì hiện thực xã hội phức tạp hơn rất nhiều so với lý thuyết. Mặc dầu vậy, lôgíc của lịch sử có sức mạnh tất thắng. Lịch sử CNXH hiện thực, cả những thành tựu và những sai lầm, cả thắng lợi huy hoàng cả sự khủng hoảng và sụp đổ, tất cả tổng hợp lại, vẫn chứng minh và chứng minh càng rõ ràng bởi từ cả hai phía chính diện và phản diện, tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, giá trị bền vững của những tư tưởng cơ bản, chủ đạo của *Tuyên ngôn*. Toàn bộ lịch sử cách mạng trên thế giới hơn một trăm năm qua với tất cả những bước đi dích dắc của nó, chứng tỏ rằng ở đâu, lúc nào, những nguyên lý chủ yếu của chủ nghĩa Mác, của *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, được nhận thức, được vận dụng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với điều kiện khách quan, thì lúc đó, nơi đó, cách mạng vượt qua được những thử thách để tiến lên. Ngược lại, ở đâu, lúc nào các nguyên lý ấy bị hiểu sai, vận dụng sai, phạm vào giáo điều hoặc xét lại thì lúc đó, nơi đó, cách mạng gặp trắc trở, khó khăn, tổn thất, thậm chí thất bại. Chính Các Mác và Ăng-ghen trong lời tựa viết cho *Tuyên ngôn* bản tiếng Đức xuất bản năm 1872 đã chỉ ra rằng : "Mặc dù hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong 25 năm qua, nhưng cho đến nay, xét về đại thể, những nguyên lý tổng quát trong *Tuyên ngôn* vẫn còn hoàn toàn đúng". Tuy nhiên, hai ông nói ngay "bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời".

Trong lịch sử loài người, chế độ mới ra đời bao giờ cũng là quá trình không suôn sẻ, mà trải qua bao thăng trầm, chông chành, giành đi giật lại giữa các lực lượng cách mạng và phản cách mạng, tiến bộ và phản động. Nếu hình dung lịch sử thế giới là con đường thẳng tắp, trơn tru, không có những bước gập ghềnh, khúc khuỷu, không có những bước lùi tạm thời, đôi khi rất lớn, là không biện chứng, không khoa học, không đúng về mặt lý luận. Lê-nin đã từng chỉ ra như thế. Từ thế kỷ XIV, chủ nghĩa tư bản đã xuất hiện trong lòng xã hội phong kiến, nhưng để đi tới thắng lợi triệt để, thắng lợi hoàn toàn, xác lập được sự thống trị vững chắc và hoàn chỉnh của giai cấp tư sản, phải mất hai, ba trăm năm.

Chủ nghĩa tư bản đã vậy, đối với CNXH còn khó khăn, phức tạp hơn nhiều. Vì cách mạng XHCN là sự nghiệp giải phóng triệt để toàn xã hội khỏi mọi hình thức áp bức bóc lột chứ không phải thay thế chế độ áp bức bóc lột này bằng chế độ áp bức bóc lột khác. Hơn nữa, sứ mệnh chủ yếu của cách mạng XHCN là xây dựng, là sáng tạo ra xã hội mới cao hơn chủ nghĩa tư bản về mọi phương diện ; sự nghiệp xây dựng, sáng tạo này so với giành chính quyền thì khó khăn phức tạp gấp trăm nghìn lần. Cuộc cách mạng vĩ đại như thế rõ ràng không thể làm chóng vánh, một lần là xong. Lý luận về cuộc cách mạng ấy cũng

Digitized by Google

không thể vạch ra một lần là xong. Nó phải được không ngừng bổ sung, phát triển, hoàn chỉnh qua tổng kết thực tiễn lâu dài, từ những kinh nghiệm thành công và cả từ những sai lầm, thất bại.

Nhân loại đang bước vào thiên niên kỷ mới. Nhìn lại thế kỷ XX, không thể không nhận thấy bước đi của lịch sử quanh co, phức tạp hơn bất cứ thế kỷ nào trước đây. Tổng kết những thay đổi lớn lao 150 năm qua phải có những công trình đồ sộ, còn phải dày công và đòi hỏi trí tuệ của đông đảo các nhà khoa học. Một cuộc tổng kết quy mô như thế là hết sức cần thiết. Song điều đã có thể nhận thấy là những vấn đề cơ bản, gốc rễ của xã hội loài người được Mác - Ăng-ghen nêu lên và phân tích trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* vẫn là những vấn đề then chốt nhất trong chương trình nghị sự ở thời đại chúng ta.

Giá trị cơ bản, đích thực của *Tuyên ngôn* không phải ở chỗ nó cung cấp những lời giải đáp có sẵn cho mọi vấn đề của thực tiễn cách mạng hôm nay mà ở chỗ nó đã phản ánh một cách khái quát xu hướng vận động khách quan của xã hội, chỉ ra những nhiệm vụ lịch sử cần giải quyết để từng bước giải phóng các giai cấp lao động và các dân tộc bị áp bức, giải phóng con người và xã hội loài người khỏi mọi hình thức tha hóa.

Sự phân tích của *Tuyên ngôn* về chủ nghĩa tư bản, nội dung chính của tác phẩm, tuy có một số điểm cụ thể đã không còn phù hợp, song xét về bản chất, về những mâu thuẫn cơ bản, về xu hướng phát triển, về vận mệnh lịch sử của nó thì chính những dữ kiện trong chủ nghĩa tư bản hiện đại càng chứng minh những phân tích trong *Tuyên ngôn* là đúng đắn, sâu sắc và giữ nguyên giá trị. Trong điều kiện giữa thế kỷ XIX, Mác và Ăng-ghen không thể dự kiến cụ thể giai đoạn phát triển như hiện nay của chủ nghĩa tư bản. Nhưng ngay một số học giả phương Tây cho rằng nghiên cứu về xã hội tư bản đương đại thì khó có phương pháp phân tích nào có thể thay thế được phương pháp của Mác.

Những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là mâu thuẫn giữa tư bản và lao động làm thuê tiếp tục phát triển. Các nhà tư tưởng tư sản nói nhiều đến một xã hội "trung lưu hóa", song chính những người được gọi là trung lưu lại là đối tượng bóc lột chủ yếu của tư bản. Trong thực tế cái hố ngăn cách giàu nghèo không giảm, mà sâu rộng thêm. Hiện nay 358 tỷ phú chiếm 50% GDP của toàn thế giới. Đó là một xã hội rất không bình thường, một xã hội tích tụ những khả năng bùng nổ không tránh khỏi.

Các mâu thuẫn khác của chủ nghĩa tư bản tiếp tục sâu sắc thêm như mâu thuẫn giữa các trung tâm tư bản lớn, mâu thuẫn giữa các nước giàu và đại đa số các nước nghèo. Hiện nay các nước tư bản lớn một mặt cạnh tranh nhau rất quyết liệt, một mặt thỏa hiệp với nhau để áp đặt trật tự thế giới có lợi cho các nước lớn giàu có. Chủ nghĩa tư bản hiện đại, mặc dầu nắm trong tay phần lớn của cải, các phương tiện vật chất kỹ thuật và chất xám của thế giới, song nó không thể giải quyết những vấn đề toàn cầu hết sức bức xúc mà còn làm cho những vấn đề ấy trầm trọng hơn, bởi xét cho cùng thì nguồn gốc phát sinh các vấn đề ấy là ở sự bóc lột và thống trị của chủ nghĩa tư bản. Mác đã từng cảnh báo một cách sáng suốt họa sinh thái sẽ ngày càng trầm trọng khi xã hội bị chi phối bởi nguyên tắc lấy lợi nhuận làm mục đích.

Luận chứng về mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa nền sản xuất xã hội hóa cao với sự chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, *Tuyên ngôn* viết như sau về xu hướng quốc tế hóa, lực lượng sản xuất và đời sống xã hội : "Giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng mang tính chất thế giới... Những công nghiệp dân tộc bị thay thế bởi những công nghiệp mới..., những công nghiệp không dùng những nguyên liệu bản xứ mà dùng những nguyên liệu được đưa từ miền xa xôi nhất đến và sản phẩm làm ra không những được tiêu thụ ngay trong xứ mà còn được tiêu thụ ở các nơi trên trái đất nữa... Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vốn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc. Mà sản xuất vật chất đã như thế thì sản xuất tinh thần cũng không kém. Những thành quả tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc... Nhờ cải tiến mau chóng công

Digitized by Google

cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản... buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt ; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình ảnh của nó". Một nhận định thật thiên tài, sau 150 năm vẫn giữ nguyên tính thời sự.

Với trình độ quốc tế hóa lực lượng sản xuất và nền kinh tế thế giới như hiện nay, mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được vạch ra trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* rất dễ thấy là đã bao trùm trên quy mô hành tinh, không chỉ tại các trung tâm tư bản chủ nghĩa mà cả trong quan hệ giữa trung tâm và ngoại vi rộng lớn. Chế độ tư bản ngày càng trở thành vật chướng ngại không chỉ đối với tiến bộ xã hội trong các nước tư bản, mà còn đối với toàn bộ nền văn hóa, văn minh loài người, đối với chính ngay chủ quyền và nền độc lập của các quốc gia, dân tộc. Sự quốc tế hóa, toàn cầu hóa trên cơ sở thống trị và chi phối của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, của một nhóm nhỏ cường quốc tư bản chủ nghĩa không tránh khỏi làm cho những mâu thuẫn giai cấp và dân tộc trở thành phổ biến và ngày càng sâu sắc trên toàn thế giới ngay cả dưới hình thức vừa hợp tác vừa cạnh tranh, vừa đấu tranh vừa hợp tác trong điều kiện hội nhập kinh tế như một tất yếu toàn cầu.

Có người cho rằng khái niệm "giai cấp vô sản", "giai cấp công nhân" trong *Tuyên ngôn* đã mất ý nghĩa. Thực tế thế nào ? Đúng là có những phân tích, nhận định cụ thể trong *Tuyên ngôn* và các tác phẩm khác của Mác, Ăng-ghen về giai cấp vô sản đã không còn phù hợp. Ngày nay, người công nhân công nghiệp cổ điển đang bị thay thế bằng người công nhân hiện đại "đứng ngoài và bên cạnh quá trình sản xuất trực tiếp" như Mác đã có dự báo. Song giai cấp công nhân không thu hẹp số lượng mà còn tăng lên : năm 1990 toàn thế giới có khoảng 350 triệu công nhân thì hiện nay con số ấy là 800 triệu. Gia nhập hàng ngũ công nhân có một bộ phận ngày càng đông đảo những người lao động trí óc làm thuê mà trước đây họ được xếp vào tầng lớp trí thức.

Xã hội tư bản hiện đại không thể xóa bỏ được đối kháng giai cấp và đấu tranh giai cấp. Những lợi ích kinh tế, chính trị, xã hội mà giai cấp công nhân giành được là kết quả cuộc đấu tranh lâu dài, kiên trì, gian khổ, có lúc hết sức quyết liệt với giai cấp tư sản và nhà nước tư sản. Tuy xã hội tư bản ngày nay đang có sự ổn định tương đối nào đó, giai cấp tư sản còn khả năng áp dụng các biện pháp làm dịu tạm thời những mâu thuẫn giai cấp, song nó không xóa bỏ được những mâu thuẫn đó. Gần đây cuộc đấu tranh giai cấp có chiều hướng phát triển mạnh hơn. Những mục tiêu đấu tranh của giai cấp công nhân rất đa dạng. Về chính trị, giai cấp công nhân kiên quyết bảo vệ những quyền dân chủ mà họ đã giành được sau hàng thế kỷ đấu tranh. Về kinh tế, giai cấp công nhân đấu tranh quyết liệt chống lại sự bóc lột quá đáng của các tập đoàn tư bản và nhà nước tư sản, chống những chính sách của giới chủ tấn công vào lợi ích của những người lao động. Các hình thức đấu tranh giai cấp đã thay đổi nhiều do điều kiện đấu tranh đã thay đổi. Trong điều kiện hiện nay các cuộc đấu tranh thường không trực tiếp gắn với mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Song do quy luật phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản, do những biến động và bất trắc khôn lường trong thế giới tư bản có thể xảy ra nơi này hay nơi khác ai dám cả quyết rằng không thể nổi lên các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân rộng rãi ở những khâu yếu nào đó trong cả sợi dây chuyền tư bản chủ nghĩa thế giới dẫn đến mục tiêu xóa bỏ ách thống trị của tư bản độc quyền, thiết lập chính quyền nhân dân, hướng tới xây dựng một xã hội tiến bộ, công bằng, nhân đạo ?

Kết luận cuối cùng của *Tuyên ngôn* là : chủ nghĩa cộng sản nhất định sẽ thắng lợi trên toàn thế giới. "Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người".

Chúng ta hiểu một xã hội phát triển cao như thế, nhân bản như thế không thể đến ngay ngày

Digitized by Google

mai, song niềm tin của chúng ta là tương lai đó - dù lâu dài và khó khăn thế nào - nhất định sẽ đến.

Đối với cách mạng Việt Nam, *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* có ý nghĩa đặc biệt.

Năm 1848, Mác và Ăng-ghen viết trong *Tuyên ngôn* : "Vì luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ mới, giai cấp tư sản xâm lấn khắp toàn cầu". Mười năm sau, tầu chiến Pháp vào bắn phá Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược của bọn thực dân Pháp ở Việt Nam.

Dân tộc ta có truyền thống anh hùng bất khuất chống ngoại xâm, song cho đến đầu thế kỷ XX, những người yêu nước Việt Nam chưa biết rõ bản chất của kẻ thù xâm lược đến từ phương Tây. Những câu hỏi lớn được đặt ra : Vì sao nước Pháp đến xâm chiếm Việt Nam xa xôi ? Vì sao các nước như ta đều bị biến thành thuộc địa ? Vì sao các phong trào yêu nước rất anh dũng kiên cường nhưng đều thất bại ? Muốn cứu nước phải đi con đường nào ? Không trả lời chính xác những câu hỏi ấy thì không thể đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thành công.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã đến tận "sào huyệt" của kẻ xâm lược và nhiều xứ sở khác thuộc các châu lục Âu, Á, Mỹ, Phi. Người thấy ở nước Pháp, nước tự xưng là "tự do, bình đẳng, bác ái" cũng có kẻ giàu người nghèo, kẻ áp bức và người lao động bị áp bức. Người thấy bọn thực dân ở đâu cũng tham tàn bạo ngược. Bác Hồ sớm tiếp cận chân lý của *Tuyên ngôn* bằng trực giác và suy lý lôgíc thiên tài, xuất phát từ thực tiễn quan sát cuộc sống. Chân lý đó là : chế độ áp bức bóc lột, bất công tồn tại phổ biến mọi nơi trên thế giới. Kẻ áp bức bót lột thợ thuyền và những người lao động nghèo khổ ở Pháp cũng chính là kẻ áp bức bóc lột nhân dân Việt Nam, nhân dân châu Phi, nhân dân tất cả các nước thuộc địa. Nó là tư bản. Từ đó Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin như một sự gặp gỡ tất yếu và tự nhiên giữa chủ nghĩa yêu nước, phong trào yêu nước Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế và với học thuyết cách mạng của thời đại. Qua *Sơ thảo Đề cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa* - bản Đề cương phát triển sáng tạo tư tưởng của *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* trong điều kiện lịch sử mới - Hồ Chí Minh đã tìm thấy ánh sáng con đường cứu nước của dân tộc Việt Nam.

Trong các tác phẩm kinh điển Mác - Lê-nin, *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* là một trong những văn kiện đến Việt Nam sớm nhất, được đọc nhiều nhất. Bác Hồ viết : "Lý luận và lịch sử cách mệnh có nhiều sách lắm. Pháp nó sợ nên cấm chúng ta học, cấm chúng ta xem". Cuốn sách đáng sợ nhất đối với bọn thống trị thực dân là *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*.

Đối với người cộng sản Việt Nam, *Tuyên ngôn* vô cùng quý báu và thân thiết. Nhiều chiến sĩ cách mạng đọc *Tuyên ngôn* trong lao tù, thường qua bản chép tay. *Tuyên ngôn* là chân lý cách mạng sáng ngời định hướng đúng đắn cho sự nghiệp giải phóng của nhân dân ta. *Tuyên ngôn* là độc lập tự do, *Tuyên ngôn* là chủ nghĩa xã hội. Con đường *Tuyên ngôn* là con đường đấu tranh cách mạng chứ không phải con đường cải lương, ảo tưởng.

Cách mạng Việt Nam càng phát triển đi lên càng khẳng định những nguyên lý cơ bản của *Tuyên ngôn*. Tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin nói chung, của *Tuyên ngôn* nói riêng, luôn là ánh sáng soi đường cho Cách mạng Việt Nam.

Đối với bất cứ tác phẩm kinh điển nào, lãnh tụ Hồ Chí Minh và Đảng ta đều nắm lấy cái linh hồn sống, luôn xuất phát từ thực tế Việt Nam, điều kiện mới của thời đại để vận dụng sáng tạo. Với *Tuyên ngôn* cũng vậy. Tác phẩm này soi sáng cách mạng tất cả các nước với những nguyên lý chung nhất mà "bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời".

Vấn đề của Việt Nam là vấn đề cách mạng ở một nước thuộc địa. Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc những tư tưởng lớn của *Tuyên ngôn* về quan hệ giữa giai cấp vô sản và dân tộc. Đó là tư tưởng cho rằng giai cấp vô sản trước hết "phải tự mình trở thành dân tộc" ; rằng giải quyết vấn đề dân tộc phải trên quan điểm giai cấp ; rằng muốn xóa bỏ ách áp bức dân tộc thì phải gắn với sự nghiệp

Digitized by Google

chung xóa bỏ nạn người bóc lột người. Mặt khác, Hồ Chí Minh cũng hiểu rõ rằng *Tuyên ngôn* chưa có điều kiện đi sâu giải quyết vấn đề dân tộc, vấn đề giải phóng dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh nói : "Quốc tế thứ nhất đã đặt cơ sở cho học thuyết cộng sản, nhưng vì tồn tại trong một thời gian ngắn nên chỉ kịp đề ra những đường lối cơ bản của học thuyết đó mà thôi. Vấn đề các nước thuộc địa chưa được Quốc tế thứ nhất nghiên cứu đầy đủ" (4). Nhận định này cũng đúng với *Tuyên ngôn.*

Những vấn đề của cách mạng thuộc địa phải đến thời Lê-nin mới có cơ sở thực tiễn để làm sáng tỏ. Hồ Chí Minh cho rằng "Lê-nin là người đầu tiên đã hiểu rằng nếu không có nhân dân các nước thuộc địa tham gia thì không thể có cách mạng xã hội". Song Lê-nin cũng chưa có điều kiện nghiên cứu sâu vấn đề bản thân con đường giải phóng dân tộc thuộc địa, mối quan hệ và sự tác động qua lại hai chiều giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng chính quốc. Hồ Chí Minh hiểu rõ rằng không có chủ nghĩa Mác - Lê-nin, không có tư tưởng *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, không có *Luận cương Lê–nin* khai sáng thì không thể có được đường lối cách mạng giải phóng các dân tộc bị áp bức nói chung, đường lối cách mạng Việt Nam nói riêng. Song Người căn dặn những người cách mạng Việt Nam phải tự mình giải đáp những vấn đề do thực tiễn lịch sử đặt ra, không thể tìm mọi câu trả lời có sẵn trong sách vở, ở đó có rất nhiều vấn đề chưa từng đặt ra với Mác, Ăng-ghen và cả Lê-nin. Hồ Chí Minh đi đến kết luận hết sức căn bản về con đường cách mạng Việt Nam, và cũng có thể nói có ý nghĩa phổ biến đối với thời đại. Kết luận ấy là : "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản". Tiến xa hơn, Hồ Chí Minh đi đến một nhận định hết sức đúng đắn, táo bạo, sáng tạo, cho rằng *cách mạng thuộc địa phải và có thể chủ động tiến lên giành thắng lợi ; chẳng những không bị động chờ thắng lợi cách mạng vô sản ở chính quốc ; mà bằng cuộc đấu tranh của mình, cách mạng thuộc địa có thể góp phần hỗ trợ tích cực cho cách mạng ở các nước tư bản.* Kết luận ấy hoàn toàn phù hợp với tinh thần biện chứng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, với tư tưởng cơ bản của *Tuyên ngôn.*

Trong 70 năm qua, cách mạng Việt Nam luôn trung thành với những tư tưởng vĩ đại của *Tuyên ngôn*, vận dụng những tư tưởng ấy một cách sáng tạo. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh luôn luôn là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta. Hoàn cảnh càng khó khăn, chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh càng ngời sáng, càng tỏ rõ sức sống trong quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Ngày nay con đường đi lên của cách mạng nước ta có những thuận lợi mới, song nhiều nguy cơ và thử thách to lớn đang đứng trước chúng ta. Chủ nghĩa xã hội thế giới ở bước thoái trào là khó khăn lớn cho ta. Song Đảng ta tiếp tục khẳng định và khẳng định với đầy đủ căn cứ khoa học và thực tiễn rằng thời đại ngày nay vẫn là thời đại mà *Tuyên ngôn* đã dự báo, vẫn là thời đại quá độ của loài người lên chủ nghĩa xã hội ; rằng dân tộc ta đang đi trên con đường đúng, con đường phù hợp những mục tiêu lớn của thời đại.

Sự nghiệp đổi mới của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo tiếp tục con đường của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, của *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, con đường của tư tưởng Hồ Chí Minh - con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Bước sang thế kỷ XXI, đất nước ta chuyển mạng sang thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH. Hàng loạt vấn đề mới mẻ, phức tạp đang đặt ra. Dưới ánh sáng của *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, của chủ nghĩa Mác – Lê–nin và tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung*, qua tổng kết thực tiễn, không ngừng tìm tòi sáng tạo chúng ta sẽ có được những lời giải chính xác, đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng.

Tư tưởng vĩ đại của *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* bất diệt !❑

(4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t2, tr 218

Digitized by Google

BA MƯỜI NĂM HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KHOA GIÁO TRUNG ƯƠNG

ĐẶNG HỮU *

Từ khi giành được chính quyền, Đảng ta - đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh - đã đặc biệt chăm lo đến các lĩnh vực khoa giáo, bao gồm giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, y tế, thể dục - thể thao, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, dân số và kế hoạch hóa gia đình. Đây là những lĩnh vực gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội, với đời sống tinh thần, trí tuệ và hạnh phúc của con người, gắn liền với sự phát triển tự do và toàn diện của con người - mục tiêu và động lực của cách mạng. Sự nghiệp cách mạng càng phát triển, thì càng đặt ra yêu cầu bức xúc phải xây dựng hệ thống cơ quan tham mưu của các cấp ủy đảng, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương, để bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực khoa giáo. Trước khi thành lập Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Thường vụ Trung ương (tức Bộ Chính trị) khóa I và khóa II đã lần lượt xây dựng các cơ quan tham mưu kiêm nhiệm hoặc chuyên trách các lĩnh vực công tác khoa giáo, đó là : Ban Giáo dục Trung ương (9-1950), Tiểu ban Y học Trung ương (11-1954), Tiểu ban Giáo dục - Khoa học Trung ương (5-1957), Ban Văn hóa - Giáo dục Trung ương (8-1958), Ban Tuyên giáo Trung ương (12-1959).

Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã đề ra nhiệm vụ : "đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ...". Đại hội cũng chỉ rõ : phải đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cân đối, có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, xây dựng một nền văn hóa, khoa học và kỹ thuật hiện đại.

Để nâng cao trí tuệ và năng lực lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực khoa giáo nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng đã đề ra, việc thành lập Ban Khoa giáo Trung ương và hệ thống cơ quan tham mưu về công tác khoa giáo của các cấp ủy đảng ở địa phương đã trở thành một yêu cầu cấp bách. Cuối tháng 1-1968, Bộ Chính trị Trung ương Đảng khóa III đã ra nghị quyết chia Ban Tuyên giáo Trung ương thành hai ban : Ban Tuyên huấn (nay là Ban Tư tưởng - văn hóa Trung ương) và Ban Khoa học - Giáo dục (gọi tắt là Ban Khoa giáo Trung ương). Theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và Ban Bí thư, ngay trong tháng 6-1968, Ban Tổ chức Trung ương đã có công văn hướng dẫn các cấp ủy đảng ở địa phương xây dựng bộ phận khoa giáo trong Ban Tuyên giáo các cấp.

Nhìn lại chặng đường 30 năm qua của Ban Khoa giáo Trung ương, có thể khái quát những kết quả hoạt động như sau :

1 - Ban đã phấn đấu ngày càng làm tốt hơn công tác tham mưu cho Trung ương về các lĩnh vực công tác khoa giáo.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước và những năm đầu sau ngày giải phóng miền Nam, Ban đã phối hợp với cơ quan Văn giáo Phủ Thủ tướng và Đảng đoàn các ngành trong khối khoa giáo giúp Ban Bí thư và Chính phủ ban hành các chỉ thị để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội III về phát triển các lĩnh vực khoa giáo phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ miền Bắc, chi viện cho cuộc kháng chiến ở miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị những tiền đề cho sự phát triển lâu dài của đất nước.

Ngay trong thời kỳ đầu mới thành lập, Ban đã giúp Bộ Chính trị và Ban Bí thư chỉ đạo phát triển sự nghiệp giáo dục theo quy mô lớn, mở rộng mạng lưới các trường đại học và chuyên nghiệp ngay trong điều kiện

* GS, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương

Digitized by Google

phải chống lại cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt của giặc Mỹ. Ban đã giúp Ban Bí thư phát động và chỉ đạo phong trào học tập các điển hình tiên tiến trong ngành giáo dục nhằm quán triệt mục tiêu và các nguyên lý giáo dục của Đảng ; chỉ đạo phong trào học tập các điển hình tiên tiến trong các ngành y tế và thể dục - thể thao nhằm bảo đảm thực hiện tốt các quan điểm của Đảng về hai lĩnh vực công tác này. Ban cũng đã chỉ đạo thực hiện kế hoạch chi viện cho hai lĩnh vực giáo dục và y tế ở miền Nam trong chiến tranh, phát triển nhanh mạng lưới trường, lớp và hệ thống y tế rộng khắp đến tận các xã, ấp, tạo điều kiện cho hai lĩnh vực trên phát triển mạnh trong những năm sau.

Trong những năm 70, Ban đã cùng với Đảng đoàn các ngành giáo dục và đào tạo nghiên cứu, giúp Bộ Chính trị khóa IV ban hành Nghị quyết 14-NQ/TU (1-1979) "về cải cách giáo dục". Cũng trong nhiệm kỳ Đại hội IV, Ban đã cùng với Đảng đoàn Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước nghiên cứu, giúp Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 37-NQ/TU (4-1981) "về chính sách khoa học và kỹ thuật". Đó là những nghị quyết rất cơ bản của Đảng ta về chính sách giáo dục và khoa học làm nền tảng cho sự phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ trong thời gian qua.

Trong hơn mười năm đổi mới, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị và Ban Bí thư, từ Đại hội VI đến Đại hội VIII, Ban đã sớm đổi mới tư duy, huy động trí tuệ của đội ngũ trí thức trong khối khoa giáo tham gia vào quá trình xây dựng và không ngừng hoàn thiện đường lối đổi mới, hình thành hệ thống các định hướng về đổi mới trên các lĩnh vực khoa giáo. Trong quá trình chuẩn bị Đại hội VII, Ban đã phối hợp với các cơ quan trong khối khoa giáo nghiên cứu, xây dựng các đề án và tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo khoa học đóng góp ý kiến vào các văn kiện của Đại hội VII, trong đó có "Cương lĩnh ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000". Các phương án về chiến lược phát triển cũng như những ý kiến đóng góp của khối các cơ quan khoa giáo Trung ương được đánh giá cao. Ban cũng đã phối hợp với các cơ quan khoa học tổ chức chỉ đạo tốt các hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ cho Đại hội VIII : các chương trình nghiên cứu về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ; đường lối chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; chính sách ruộng đất và phát triển nông thôn ; vấn đề quan hệ sản xuất, sở hữu... và đặc biệt là chương trình Việt Nam 2020. Các kết quả nghiên cứu này được đánh giá tốt và được sử dụng trong các hội nghị Trung ương 5, 7 (khóa VII) và nhiều văn kiện của Đại hội VIII.

Bước vào thời kỳ mới, các lĩnh vực khoa giáo ngày càng có vị trí quan trọng, Đảng ta coi đây là một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định nhất đối với sự phát triển của đất nước. Khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo được coi là quốc sách hàng đầu, là nền tảng, là động lực và khâu đột phá của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ sau Đại hội VI đến nay, Ban Khoa giáo Trung ương đã chủ trì phối hợp với các tổ chức đảng có liên quan giúp Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư ban hành các nghị quyết, chỉ thị về tất cả các lĩnh vực công tác khoa giáo ; đó là : Chỉ thị 35-NQ/TU của Ban Bí thư (khóa VI) về tổ chức và hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học - kỹ thuật Việt Nam ; Nghị quyết 26-NQ/TU của Bộ Chính trị (khóa VI) về khoa học và công nghệ ; Nghị quyết 01-NQ/TU của Bộ Chính trị (khóa VI) về công tác lý luận ; các Nghị quyết Trung ương số 04-NQ/HNTU (khóa VII) về giáo dục - đào tạo, về chăm sóc sức khỏe nhân dân, về dân số - kế hoạch hóa gia đình ; các chỉ thị của Ban Bí thư (khóa VII) về các mặt công tác thể dục - thể thao, bảo vệ - chăm sóc - giáo dục trẻ em, dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống AIDS, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài.

Ngay sau Đại hội VIII, Ban Khoa giáo Trung ương được giao nhiệm vụ phối hợp cùng với Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường và các cơ quan khác chuẩn bị để Ban Chấp hành Trung ương bàn và ra hai Nghị quyết Trung ương số 02/NQ/HNTU về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trung ương Đảng đã coi giáo dục - đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là khâu đột phá để đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2 - Ban Khoa giáo Trung ương đã chăm lo hướng dẫn xây dựng tổ chức và bồi dưỡng nghiệp vụ cho hệ thống khoa giáo của các cấp ủy đảng, góp phần từng bước nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo của các cấp ủy đảng ở địa phương đối với các lĩnh vực công tác khoa giáo.

Ngay sau khi được thành lập, Ban Khoa giáo Trung ương đã rất coi trọng việc xây dựng hệ thống khoa giáo cấp tỉnh, cấp huyện ; thường xuyên hướng dẫn công tác và tổ chức đều đặn các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ khoa giáo cấp tỉnh, cấp huyện. Đến đầu những năm 80, nhiều tỉnh ủy, thành ủy và một số

Digitized by Google

huyện ủy, quận ủy đã thành lập Ban Khoa giáo ; số đông những nơi còn lại đều đã hình thành bộ phận khoa giáo trong Ban Tuyên giáo. Một số ban Khoa giáo, Tuyên giáo đã hoạt động có hiệu quả, thiết thực giúp các cấp ủy đảng tăng cường lãnh đạo các lĩnh vực khoa giáo ở địa phương. Nửa cuối những năm 80, do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, hệ thống khoa giáo cấp tỉnh, cấp huyện có bị suy giảm.

Từ đầu năm 1992, thực hiện Quyết định 26-QĐ/TU của Ban Bí thư khóa VII "về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Khoa giáo Trung ương", Ban đã hướng dẫn và đôn đốc các cấp ủy đảng ở địa phương khẩn trương bổ sung cán bộ để kiện toàn bộ phận khoa giáo trong Ban Tuyên giáo các cấp ; đã tăng cường mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, tổ chức nhiều hội nghị chuyên đề góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của đội ngũ cán bộ khoa giáo các cấp.

Ban đã tăng cường kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác khoa giáo ở các ngành và các địa phương. Hằng năm, lãnh đạo Ban và các vụ trong Ban đã dành quỹ thời gian thích đáng để tiến hành nhiều đợt kiểm tra, với nhiều hình thức phù hợp. Ban đã phối hợp với các Ban cán sự đảng của các ngành trong khối khoa giáo và với các tỉnh ủy, thành ủy tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về lĩnh vực khoa giáo.

Các ban Tuyên giáo cấp tỉnh, cấp huyện hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn trên các lĩnh vực khoa giáo. Nhận thức của các cấp ủy đảng về vai trò, vị trí các lĩnh vực khoa giáo ngày càng được nâng cao ; nội dung nhiệm vụ đổi mới và phát triển các lĩnh vực khoa giáo đã được đưa vào chương trình của các cấp ủy đảng. Kết quả đó không tách rời những cố gắng của Ban Khoa giáo Trung ương và của hệ thống khoa giáo các cấp.

3 - Từ sau Đại hội VII đến nay, Ban Khoa giáo Trung ương đã tích cực đổi mới phương thức làm việc.

Ban đã phấn đấu để ngày càng trở thành đầu mối quy tụ đội ngũ trí thức của các ngành thuộc khối khoa giáo, trở thành cầu nối giữa đội ngũ trí thức với Đảng. Từ nhiều năm nay, Ban đã cùng với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Đảng ủy khối cơ quan khoa giáo Trung ương giúp Bộ Chính trị và Ban Bí thư tổ chức tốt các đợt sinh hoạt chính trị tập trung, tiến hành công tác giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng thường xuyên trong đội ngũ trí thức, chăm lo công tác giáo dục lý luận chính trị trong các trường học ; tăng cường công tác phát triển Đảng trong đội ngũ trí thức và trong sinh viên ; chăm lo lợi ích vật chất và tinh thần, tạo môi trường và điều kiện làm việc thuận lợi để đội ngũ trí thức cống hiến được nhiều nhất cho sự nghiệp chung. Ban Khoa giáo Trung ương ngày càng cố gắng tập hợp và phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức, bao gồm cả việc tiếp thu những kết quả nghiên cứu của hệ thống các chương trình, đề tài khoa học cấp nhà nước để xây dựng luận cứ khoa học cho các quyết định của Trung ương.

Mối quan hệ cộng tác và phối hợp giữa Ban Khoa giáo Trung ương với các Ban cán sự đảng và Đảng đoàn của các ngành và đoàn thể thuộc khối khoa giáo ngày càng chặt chẽ hơn ; đồng thời hướng mạnh hoạt động của Ban về địa phương và cơ sở. Trong những năm gần đây, Ban đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị chuyên đề hướng dẫn các ban Tuyên giáo và các cấp ủy đảng chỉ đạo các hoạt động khoa giáo ở cơ sở.

Ban đã tích cực hướng dẫn thực hiện chủ trương của Đảng về xã hội hóa các lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, mỗi gia đình, các doanh nghiệp, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội... tham gia giải quyết những vấn đề bức xúc để phát triển mạnh mẽ các mặt công tác giáo dục, y tế, thể dục thể thao, bảo vệ, giáo dục và chăm sóc trẻ em, dân số và kế hoạch hóa gia đình...

Tóm lại, những cố gắng và kết quả hoạt động của Ban Khoa giáo Trung ương và của hệ thống khoa giáo các cấp ở địa phương đã góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Trung ương và của các cấp ủy đảng đối với các lĩnh vực khoa giáo, phục vụ tích cực cho việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong từng thời kỳ.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được rất đáng phấn khởi, cũng còn không ít những yếu kém bất cập trên các lĩnh vực khoa giáo so với yêu cầu của giai đoạn phát triển mới. Hệ thống khoa giáo từ trung ương đến địa phương cần phải nghiêm túc nhìn thẳng vào sự thật, sớm khắc phục những thiếu sót và nhược điểm, để đưa các hoạt động khoa giáo đi lên từng bước vững chắc hơn. Đặc biệt cần chú ý khắc phục các mặt yếu sau đây :

- Công tác tham mưu trên một số lĩnh vực khoa giáo còn chưa kịp thời, nhạy bén ; cần tăng cường hơn nữa việc nghiên cứu những vấn đề có tính chiến lược ;

(Xem tiếp trang 31)

Digitized by Google

BẢO HIỂM XÃ HỘI – MỘT CHÍNH SÁCH LỚN

HỒ TẾ *

Bảo hiểm xã hội là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, có ý nghĩa về kinh tế, chính trị, xã hội và nhân văn sâu sắc. Bảo hiểm xã hội góp phần ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong các trường hợp nghỉ ốm đau, thai sản, hết tuổi lao động, chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, mất việc làm, gặp rủi ro và các khó khăn khác. Mặt khác, bảo hiểm xã hội cũng là một chính sách tài chính nhằm huy động đóng góp của người lao động đang làm việc để hình thành một quỹ tài chính tập trung được bảo toàn và tăng trưởng để thực hiện các chính sách cho người lao động.

Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước ta có hai nhiệm vụ chiến lược là phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng, trong đó vấn đề phát triển kinh tế luôn luôn gắn liền với phát triển xã hội. Bởi vì, kinh tế là cơ sở cho xã hội. Xã hội tác động tích cực trở lại đối với phát triển kinh tế. Vấn đề kinh tế và xã hội, suy cho cùng, nhiệm vụ trung tâm của nó là đem lại hạnh phúc cho con người. Đó chính là mục tiêu của chế độ xã hội mà chúng ta vươn tới.

Bảo hiểm xã hội phục vụ con người, vì cuộc sống của con người, an sinh xã hội, đem lại cuộc sống yên lành. Nhiệm vụ của nó là phục vụ 5 chế độ cụ thể như : thai sản, ốm đau, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tuất. Ở 3 chế độ đầu (thai sản, ốm đau, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp) là phục vụ người lao động đang làm việc. Còn chế độ hưu là phục vụ khi người lao động được về an nghỉ tuổi già. Chế độ tuất để phục vụ cho người lao động khi đi vào cõi vĩnh hằng. Như vậy, quỹ Bảo hiểm xã hội phục vụ cuộc sống của con người, của người lao động, từ khi mang thai đến khi sinh con, tiếp đến là quá trình lao động, lúc đang làm việc, khi ốm đau, khi rủi ro gặp tai nạn lao động, hoặc bệnh nghề nghiệp. Bảo hiểm xã hội còn phục vụ người lao động khi họ đã nghỉ hưu. Hiện nay, ở nước ta tuổi về hưu đối với nữ là 55, nam là 60. Một số nghề như thợ lặn, thợ hầm lò, thợ cần cẩu nặng, lái xe tải nặng... được nghỉ hưu ở độ tuổi từ 40 đến 50. Tiền hưu là nguồn tiền để an dưỡng tuổi già, là cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện chữ "hiếu". Thực tế cho thấy, tinh thần và vật chất hỗ trợ nhau thì chữ "hiếu" càng bền vững. Thời phong kiến với nền sản xuất nhỏ, chưa có kinh tế hàng hóa, chế độ làm công ăn lương chưa phát triển nên bảo hiểm xã hội chưa có. Lúc tuổi già cuộc sống phải dựa vào con cháu. Ngày nay, người lao động có lương hưu, nên cuộc sống hạnh phúc và đầm ấm hơn.

Về cơ sở tài chính, cơ sở vật chất của quỹ Bảo hiểm xã hội ở Việt Nam có mấy nguồn cơ bản : Đối với công chức nhà nước, cán bộ công nhân viên trong lĩnh vực hành chính sự nghiệp là quỹ tiền lương do ngân sách nhà nước chi trả , các khoản thu cho quỹ Bảo hiểm xã hội trích từ quỹ lương này. Đối với các doanh nghiệp (doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân) trích từ quỹ lương đã được ấn định trong giá thành sản phẩm, trong chi phí dịch vụ. Người sử dụng lao động (đối với cơ quan hành chính sự nghiệp, cũng như đối với người quản lý doanh nghiệp) theo luật định phải đóng bảo hiểm xã hội 15% quỹ lương ; người lao động, cán bộ công nhân viên đóng 5% quỹ lương. Đó không phải là thuế mà là một khoản đã định sẵn trong giá thành sản phẩm và chi phí dịch vụ (đối với doanh nghiệp) ; trong dự toán ngân sách nhà nước từ mục lương của bảo hiểm xã hội (đối với các đơn vị dự toán trong ngân sách nhà nước).

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời (2-9-1945) đã đánh dấu một kỷ nguyên mới. Chúng ta đã có chế độ bảo hiểm xã hội, nhưng lúc đó mới chỉ có đối với công chức nhà nước, còn đối với

* Chủ tịch Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Digitized by Google

doanh nghiệp thì chưa có. Vào những năm 60, khi có doanh nghiệp nhà nước, xí nghiệp quốc doanh, đồng thời có khái niệm mới "công nhân viên chức" nghĩa là bao gồm cả cán bộ, nhân viên, công nhân xí nghiệp quốc doanh mới có chế độ trích bảo hiểm xã hội 4,7% cho 5 chế độ nêu trên. Lúc đầu, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính lo phục vụ chế độ này và việc chi trả là do Nha hưu bổng của Bộ Tài chính lấy từ kho bạc. Vào những năm 60 khi tổ chức công đoàn phát triển (theo mô hình hệ thống xã hội chủ nghĩa) thì có sự phân công : Công đoàn chăm lo ba chế độ thai sản, ốm đau, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, còn Bộ Nội vụ (sau này là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) lo chế độ hưu, tuất và nguồn tiền vẫn do Bộ Tài chính trích từ ngân sách để chi trả. Do tình hình thời chiến và một phần do chế độ lương thấp, kèm theo chế độ tem phiếu hiện vật, nên thực chất số thu cho quỹ Bảo hiểm xã hội không được bao nhiêu. Nếu có thu bảo hiểm xã hội chủ yếu cũng từ ngân sách chuyển sang. Lúc này sở dĩ đáp ứng được nguồn thu trên là nhờ viện trợ của nước ngoài để dành ra.

Từ khi có Luật lao động, nhất là từ khi Bảo hiểm xã hội Việt Nam trở thành một tổ chức trực thuộc Thủ tướng Chính phủ và theo xu thế đổi mới thì quỹ Bảo hiểm xã hội mới bắt đầu có hướng đi đúng và phát triển. Hệ thống tổ chức Bảo hiểm xã hội Việt Nam bao gồm : Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam, có chủ tịch và ba phó chủ tịch (Phó chủ tịch Tổng công đoàn, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thứ trưởng Bộ Tài chính), ủy viên kiêm Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ; cơ quan điều hành trực tiếp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam là Tổng giám đốc và các phó tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ; ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, và các huyện đều có các tổ chức bảo hiểm xã hội. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có tổ chức thống nhất và tài chính tập trung.

Quỹ Bảo hiểm xã hội được điều hành tập trung, nơi nhiều bù cho nơi ít (tức là nơi nhiều người phải phục vụ theo 5 chế độ, nhưng nguồn thu tại chỗ lại ít) và một chế độ tài chính thống nhất trên phạm vi cả nước. Chủ tịch, các phó chủ tịch, ủy viên hội đồng và Tổng giám đốc do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có ba chức năng : *một là*, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo công tác quản lý quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam, và thực hiện các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội theo pháp luật ; *hai là*, làm công tác phục vụ nhiệm vụ chính trị của xã hội, công tác thu - chi Bảo hiểm xã hội ; *ba là*, thực hiện các biện pháp đầu tư góp phần thúc đẩy quỹ Bảo hiểm xã hội và phát triển nền kinh tế quốc dân. Hiện nay, quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam, theo sự chỉ định của Thủ tướng Chính phủ đã cho Ngân hàng thương mại, quỹ hỗ trợ đầu tư của Bộ Tài chính, kho bạc nhà nước vay. Các nước tư bản ở Tây Âu, Bắc Âu, Nhật, Mỹ và Đông - Nam Á đều dùng quỹ Bảo hiểm xã hội tham gia đầu tư, góp cổ phần, mua trái phiếu... để góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, chúng ta *cần phân biệt rõ sự khác nhau rất cơ bản với các loại hình bảo hiểm khác.* Công ty Bảo Việt, Bảo Minh và những công ty bảo hiểm khác là những loại hình bảo hiểm làm dịch vụ kinh doanh, như bảo hiểm tai nạn giao thông (ô tô, máy bay, tàu thủy, xe máy...) ; bảo hiểm dầu khí ; bảo hiểm nhà xưởng ; bảo hiểm tai nạn học sinh... Đối với các lĩnh vực bảo hiểm trên, cơ quan thực hiện bảo hiểm chính là các công ty bảo hiểm. Họ làm dịch vụ mang tính kinh doanh, trong đó có một điểm giống bảo hiểm xã hội là ở lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ. Đó là sự trùng hợp mà các công ty bảo hiểm xã hội có làm nhưng làm bên ngoài lĩnh vực hành chính sự nghiệp, không thuộc đối tượng là cán bộ công nhân viên chức nhà nước. Còn lĩnh vực tư nhân thì Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các loại hình bảo hiểm kia cũng đều làm.

Về nguồn tài chính bảo đảm chính sách và tham gia đầu tư và phát triển kinh tế – xã hội. Nguồn gốc để hình thành quỹ Bảo hiểm xã hội xuất phát từ kinh tế, từ sản xuất kinh doanh, góp phần làm ra của cải vật chất, thu nhập quốc dân. Và nó được thể hiện trong chế độ tiền lương, tiền công. Trong quá trình cải cách tiền lương cần chú ý nguồn lực để hình thành quỹ tiền lương (từ quỹ lương của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân và quỹ lương từ ngân sách nhà nước). Đối với quỹ Bảo hiểm xã hội có những đặc điểm, đặc trưng cần giải quyết cho hoàn thiện, đúng đạo lý, hợp với nhân văn và tính khoa học vốn có của nó. Nghĩa là, bản chất quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam phải từ quỹ lương, trích từ tiền

Digitized by Google

lương của người lao động và người sử dụng lao động, độc lập ngoài ngân sách để phục vụ 5 chế độ của người lao động. Nhưng do đặc điểm lịch sử của nước ta phải qua các cuộc kháng chiến trường kỳ, sản xuất chưa phát triển, trong một thời gian dài chưa có chế độ tiền lương hoàn chỉnh, chế độ tiền lương phải kèm theo tem phiếu hiện vật. Trong thời kỳ kháng chiến, chỉ có chế độ trợ cấp, thù lao, kèm theo chế độ cung cấp gạo, muối, vải. Ngay vào những năm 50 ở nước ta vẫn chưa có chế độ lương và chế độ bảo hiểm xã hội. Những người tham gia hoạt động cách mạng, tham gia kháng chiến thời kỳ đó nay về hưu thì ngân sách nhà nước phải trả. Nó trích từ các nguồn thuế để đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội thay cho sự đóng góp của những cán bộ thời kỳ đó đến nay hưởng lương hưu.

Từ những năm 1960 có chế độ lương, nên tuy có chế độ trích bảo hiểm xã hội 4,7%, nhưng, vì đang ở trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, các doanh nghiệp nhà nước phải sơ tán không làm ăn được ; do đó, quỹ Bảo hiểm xã hội cũng phải bao cấp từ ngân sách nhà nước là chính.

Từ khi có bộ Luật lao động và nhất là từ khi có Nghị định 19/CP ngày 16-02-1995 thành lập tổ chức Bảo hiểm xã hội Việt Nam thì nguồn tài chính của quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam được hình thành : *Từ năm 1995 trở về trước,* nguồn cấp cho quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam là do ngân sách, kể cả các đối tượng là cán bộ công nhân viên hành chính sự nghiệp, công nhân viên trong các doanh nghiệp quốc doanh. *Từ năm 1995 trở đi* thì Bảo hiểm xã hội Việt Nam thu từ quỹ lương 20% (người sử dụng lao động đóng 15%, người lao động đóng 5%). Cho nên, người tham gia vào quỹ Bảo hiểm xã hội hiện hành có ba trường hợp :

Một là, người đã về hưu từ năm 1995 trở về trước do ngân sách nhà nước hoàn toàn lo.

Hai là, người đang công tác mà có quá trình công tác trước năm 1995 nay đang tiếp tục làm việc, chưa nghỉ hưu thì ngân sách nhà nước lo nguồn. Như vậy, trong trường hợp này những người có quá trình công tác trước năm 1995 và nay vẫn đang làm việc thì nguồn tiền để bảo đảm quỹ Bảo hiểm xã hội cho họ vừa lấy từ nguồn ngân sách, vừa lấy từ nguồn do họ và người sử dụng lao động đóng góp.

Ba là, người mới vào làm việc từ năm 1995 trở đi thì hoàn toàn trích từ quỹ của người sử dụng lao động và người lao động đóng góp.

Trong năm 1997, ngân sách nhà nước phải lo cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam là 5 700 tỉ đồng. Cũng trong năm 1997, hệ thống mới của Bảo hiểm xã hội Việt Nam chỉ mới thu được 2 200 tỉ đồng, trong đó phần quỹ phải bảo đảm chi trả cho những người đến hạn phải chi thuộc 5 chế độ trên là 4 000 tỉ đồng.. Thực chất quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam phải chi trên 6 100 tỉ đồng. Đó là một khoản chi ngân sách lớn đứng đầu bảng chi thường xuyên của ngân sách nhà nước. Hiện nay, ngân sách nhà nước phải bảo đảm chi trả các khoản lương và có tính chất lương cho trên 6,1 triệu người, trong đó riêng lương hưu là 1,8 triệu người. Trong tương lai, số người này ngày một nhiều lên nhanh chóng. Về vấn đề mức lương của cán bộ công nhân viên nói chung và mức lương hưu nói riêng ở vào tình trạng rất khó khăn để nâng cao, vì thu nhập quốc dân thấp, nguồn ngân sách có hạn mà người được trả lương thì đông. Thực tế cho thấy ở nước ta đã chi bảo hiểm xã hội trong 5 chế độ vào thời kỳ năm 1980 là 900 tỉ đồng, năm 1990 là 3 500 tỉ đồng, năm 1993 trên 4 000 tỉ đồng, năm 1997 là 5 700 tỉ đồng do tăng về số lượng người về hưu và mức lương cơ bản.

Để giải quyết mâu thuẫn này, vấn đề cơ bản nhất, then chốt nhất là phải phát triển nền kinh tế với tốc độ cao, có chính sách tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, làm ăn có hiệu quả, có nguồn thu nhập thích đáng với từng người lao động. Nghĩa là thu nhập quốc dân ngày càng lớn để nguồn thu nhập của từng người tăng và của quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam được ổn định và phát triển. Việc tạo cho quỹ Bảo hiểm xã hội lớn lên về số lượng và giá trị, làm cho nguồn quỹ Bảo hiểm xã hội độc lập với ngân sách nhà nước, thoát khỏi bao cấp của ngân sách sẽ giải quyết được ba vấn đề : Quỹ Bảo hiểm xã hội đủ nguồn để phục vụ 5 chế độ, đồng thời có nguồn để tham gia phát triển đầu tư. Giải quyết được mâu thuẫn khó khăn hiện nay sẽ làm nhẹ gánh cho ngân sách nhà nước để nó có nguồn chi cho cải tiến tiền lương, nâng lương đối với những người đang làm việc, đồng thời cũng làm cho ngân sách nhà nước bớt gánh nặng bao cấp đối với quỹ Bảo hiểm xã hội để có nguồn đầu tư cho giáo dục, y tế, khoa học, hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội.

Digitized by Google

Muốn nguồn quỹ Bảo hiểm xã hội ổn định và an toàn, tổng quỹ lương phải lớn và tỷ lệ trích nộp phải cao hơn 20%. Hiện nay có ba yếu tố làm cho quỹ Bảo hiểm xã hội hụt : đó là tỷ lệ quỹ lương nhỏ, tỷ lệ trích thấp từ 20% trở xuống không đủ thực hiện 5 chế độ, ngay cả người đóng đầy đủ khi về hưu chi trả trong 7, 8 năm đầu đã hết quỹ và phải bù. Điều đáng mừng là tuổi thọ của con người ngày càng tăng (ở Việt Nam gần 70 tuổi, một số nước phát triển trên 70 tuổi). Ở nhiều nước trên thế giới như Đức, Anh, I-ta-li-a, Pháp... đang lâm vào tình trạng hụt quỹ. Cho nên chúng ta phải bằng mọi giải pháp làm cho nền kinh tế nước ta phát triển, các doanh nghiệp, công ty thuộc các thành phần kinh tế phải hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả mỗi người có thu nhập tiền lương, tiền công ngày càng cao, tỷ lệ trích tham gia quỹ bảo hiểm xã hội phải trên 20% thì mới bảo đảm được sự ổn định, an toàn, mới thực hiện mục tiêu phục vụ con người. Chúng ta phải làm sao cho đủ nguồn để chi đúng, tận tay, kịp thời, tin cậy.

Muốn thực hiện tốt được các mục tiêu trên, Bảo hiểm xã hội Việt Nam cần tập trung vào mấy điểm sau :

Một là, nắm chắc những doanh nghiệp, công ty, tạo điều kiện cho các cơ sở này ăn nên làm ra. Nếu đơn vị nào hoạt động kém hiệu quả cần sắp xếp lại tạo điều kiện cho nó phát triển. Trường hợp đơn vị, cơ sở nào khó khăn quá, không vực lên được thì thực hiện theo Luật phá sản, tức là hình thành môi trường kinh tế năng động, hiệu quả, có thu nhập, có quỹ lương, có đóng góp đầy đủ cho quỹ bảo hiểm xã hội. Đi đôi với tạo nguồn thu cần phục vụ chi thích hợp, xử lý tình huống cụ thể, để bảo đảm phục vụ tốt nhất cho người lao động, (tức là vận dụng linh hoạt sáng tạo trên cơ sở nguyên tắc). Trong giai đoạn hiện nay, nhìn về tương lai, phải triển khai ngay việc thực thi bảo hiểm xã hội đối với các cơ sở ngoài quốc doanh vì họ cũng đều là những người lao động, người công dân của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Hai là, thực hiện việc cấp sổ mới theo một quy trình chặt chẽ khoa học, đồng thời thay sổ cũ, cấp lại sổ mới, làm nền tảng cơ sở cho việc phục vụ tốt chế độ hưu và tuất.

Ba là, thực hiện đúng phương châm và nguyên tắc : *có đóng bảo hiểm xã hội ; đủ năm ; có sổ.* Đó là ba điều kiện cần và đủ để được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

Bốn là, tổ chức thu thật tốt quỹ Bảo hiểm xã hội, có phương pháp, có tổ chức, đại lý, khuyến khích nhiệm vụ thu ; có quy chế tài chính, kiểm tra chặt chẽ. Ngoài sự cố gắng nỗ lực của mình hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam cần dựa vào cấp ủy đảng và chính quyền địa phương thực hiện tốt Luật, Nghị định, Điều lệ, Thông tư, Chỉ thị của Đảng, Nhà nước về Bảo hiểm xã hội. Đồng thời tăng cường sự kiểm tra giám sát của đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Viện kiểm sát, Thanh tra, Tư pháp và các ngành chức năng hữu quan trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội. Thực hiện tốt Chỉ thị 15-CT/TU của Bộ Chính trị ngày 26-5-1997 là : "Ban cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các ngành có liên quan tổ chức sơ kết hoạt động bảo hiểm xã hội trong thời gian qua, có kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện các chế độ bảo hiểm xã hội, tạo điều kiện mở rộng chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc các thành phần kinh tế và sớm có Luật bảo hiểm xã hội".

Năm là, công tác tuyên truyền cần được chỉ đạo tích cực, để cho mọi tổ chức, cơ quan và người lao động hiểu đúng chính sách bảo hiểm xã hội, là một chính sách lớn phục vụ con người, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, Nhà nước phải tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước. Đồng thời, có chính sách hướng dẫn và điều tiết tiền lương và thu nhập cá nhân trong toàn xã hội mà Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã chỉ rõ : "Thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế" (1).

Sáu là, điểm mấu chốt, trọng tâm, bao quát nhất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam là mỗi cán bộ, nhân viên cần phấn đấu và nâng cao tinh thần trách nhiệm và khả năng nghiệp vụ để thực hiện tốt 5 chế độ. Đặc biệt là đối với những ngành, doanh nghiệp có nhiều khó khăn như : nông - lâm trường, sửa chữa cầu đường, duy tu bảo dưỡng, giao thông, những vùng sâu, vùng xa ngành cần quan tâm sâu sát hơn để thực hiện tốt chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Chính sách bảo hiểm xã hội là vì hạnh phúc con người, là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.❑

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội 1996, tr 99

Digitized by Google

VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ HIỆN NAY

NGÔ THỊ NGỌC ANH *

ĐỘI ngũ cán bộ có vai trò quyết định đến sự thành công hay thất bại của phong trào phụ nữ. Để đáp ứng nhu cầu lãnh đạo của phong trào phụ nữ trong thời đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngoài những tiêu chuẩn chung của người cán bộ như Đại hội VIII của Đảng đã chỉ ra, do đặc điểm riêng về giới tính, độ tuổi, sức khỏe... công tác cán bộ nữ hiện nay còn có những đặc thù phải quan tâm giải quyết.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm của người lao động, mà trước tiên là lao động nữ. Bởi vì, khi áp dụng tiến bộ công nghệ, đưa máy móc hiện đại vào quy trình sản xuất, sẽ dẫn tới loại trừ dần các hình thức lao động giản đơn, mà phụ nữ là lực lượng chủ yếu. Sự thay đổi về lực lượng lao động này kéo theo những biến động về cán bộ nữ. Vì vậy việc sắp xếp lại sản xuất, cần đi đôi với tạo công ăn việc làm cho người lao động nói chung và lao động nữ nói riêng.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi một đội ngũ cán bộ nữ có chuyên môn giỏi, năng động, sáng tạo ; có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác. Thông thường, điểm mạnh của cán bộ nữ là nhiệt tình, tận tụy với công việc, ít vi phạm khuyết điểm trong sinh hoạt như tiệc tùng, chè rượu, nhận hối lộ và hối lộ... Nhưng nhược điểm của chị em là năng lực, trình độ, kiến thức về các mặt còn có khoảng cách so với nhiệm vụ được giao, dẫn tới sự thiếu năng động, khả năng ra quyết định kém, lúng túng trong điều hành công việc. Nguyên nhân của những tồn tại này là do trình độ nói chung (văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận) của cán bộ nữ còn thấp so với nam giới. Số liệu cụ thể của cán bộ Hội phụ nữ các cấp cho thấy : Tại cơ quan Trung ương Hội có 21 chị cán bộ chủ chốt (từ vụ phó trở lên) tham gia Ban chấp hành Trung ương Hội. Trong số đó vẫn còn 5 chị trình độ văn hóa mới ở mức tốt nghiệp phổ thông trung học. Ở các tỉnh, thành, số cán bộ là chủ tịch Hội có trình độ lý luận cao cấp là 54,7%, trình độ văn hóa tốt nghiệp phổ thông cơ sở xấp xỉ 24%, phổ thông trung học là 50,94%, tốt nghiệp đại học là 22,64%. Cấp phó chủ tịch Hội các tỉnh có 20,48% tốt nghiệp đại học, 65,06% tốt nghiệp phổ thông trung học và 12% tốt nghiệp phổ thông cơ sở. Ở cấp quận, huyện có 5,92% cán bộ chủ chốt tốt nghiệp đại học, 60,14% tốt nghiệp phổ thông trung học. Cấp xã phường là đơn vị sát quần chúng nhất, là nơi trực tiếp nhận và triển khai các nhiệm vụ của hội cấp trên, nhưng trình độ của đội ngũ cán bộ đáng lo ngại nhất. Năm 1993, theo báo cáo của 51/53 tỉnh, thành, trong số 9635 chủ tịch Hội cơ sở, không ai có trình độ đại học ; 17,7% tốt nghiệp phổ thông trung học, 48,48% tốt nghiệp phổ thông cơ sở ; 29,14% còn ở trình độ tiểu học và đặc biệt có 4,6% (448 chị) mù chữ (chủ yếu ở các tỉnh miền núi)**. Với trình độ cán bộ như vậy, nếu không nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng thì không thể đáp ứng được yêu cầu của công tác cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về độ tuổi của cán bộ nữ cũng có những nét đặc thù. Một mặt, so với nam giới, cán bộ nữ phải về hưu trước 5 tuổi ; mặt khác, do các chị

* PTS, Ban tổ chức Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam

** Nguồn : Số liệu của Ban tổ chức Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Digitized by Google

phải đảm nhiệm chức năng làm vợ, làm mẹ, sinh đẻ và nuôi con mất khoảng từ 4 đến 10 năm ở thời kỳ sung sức nhất, dẫn tới sự tụt hậu về chuyên môn so với cán bộ nam giới. Nếu không có chế độ ưu tiên đối với cán bộ nữ thì đội ngũ cán bộ nữ sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong bước đường công tác.

Trong thời đại cách mạng khoa học và công nghệ, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đòi hỏi cán bộ nữ phải có sự thay đổi tác phong làm việc và lối sống. Đó là sự khẩn trương trong công việc, tính tự tin, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm, sự thông minh nhạy cảm trước cái mới ; biết sắp xếp công việc gia đình một cách khoa học, để tập trung cho công việc ở cơ quan và xã hội.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam và với mong muốn đội ngũ cán bộ nữ đáp ứng ngày càng tốt hơn những yêu cầu trên, xin nêu một số kiến nghị :

Một là, việc xây dựng, quy hoạch đội ngũ cán bộ nữ phải nằm trong quy hoạch tổng thể về công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước, của các tổ chức đoàn thể. Vấn đề này phải được các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền và các cấp Hội phụ nữ quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Đổi mới công tác cán bộ nữ phải gắn chặt với yêu cầu đổi mới công tác cán bộ nói chung.

Hai là, sự bất hợp lý giữa tỷ lệ lao động nữ và cán bộ nữ đã kéo dài nhiều năm. Do đó, trong thời gian tới phải tạo điều kiện để tăng dần số lượng cán bộ nữ ở các ngành, các cấp cho tương xứng với sự phát triển của lực lượng lao động nữ như báo cáo chính trị tại Đại hội VIII của Đảng đã chỉ ra : "... tăng tỷ lệ cán bộ nữ trong các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở các cấp, các ngành"(1). Đối với những ngành đông nữ, liên quan đến lợi ích của phụ nữ và trẻ em như y tế, giáo dục - đào tạo, công nghiệp nhẹ, thương mại, du lịch, ngân hàng, bưu điện, phải có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ. Trong khi xây dựng đội ngũ cán bộ nữ phát triển đồng bộ ở các cấp, cần chú ý đội ngũ cán bộ nữ cấp chiến lược, vĩ mô có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ mới.

Ba là, cần nhận thức rõ sự nghiệp giải phóng phụ nữ và công tác cán bộ nữ là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và toàn xã hội, tránh tình trạng khoán trắng cho Hội phụ nữ các cấp. Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và toàn xã hội phải thường xuyên tổ chức giáo dục, học tập cho đơn vị mình để có nhận thức đúng về vai trò, vị trí của phụ nữ nói chung, cán bộ nữ nói riêng. Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam cần có chương trình và mở những đợt giáo dục phổ cập về giới trong phạm vi toàn xã hội, làm cho mọi người có kiến thức và giác ngộ về sự bình đẳng, nhận rõ vấn đề bình đẳng là tất yếu, là văn minh, là yêu cầu phát triển đất nước.

Trong hệ thống các trường Đảng (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các phân viện của Học viện) ; trường quản lý nhà nước (Học viện Hành chính quốc gia) ; các trường chính trị ở các tỉnh nên có một khóa đào tạo cán bộ dân vận (trong đó có chương trình, công tác vận động phụ nữ). Chỉ có thực hiện như vậy, chúng ta mới tạo được sự chuyển biến trong nhân dân về phong trào phụ nữ và công tác cán bộ nữ.

Bốn là, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất chính trị và bản lĩnh lãnh đạo cho cán bộ nữ. Muốn thực hiện tốt vấn đề này, trước tiên cần tiến hành rà soát lại đội ngũ cán bộ các cấp. Do tuổi nghỉ hưu của nữ sớm hơn nam giới 5 năm, nên có thể phân cán bộ nữ thành *ba* loại để có chính sách sử dụng thích hợp. *Loại thứ nhất* là những cán bộ trẻ (từ 30 - 40 tuổi) có triển vọng nên tiến hành tuyển chọn, đào tạo cơ bản chuẩn bị cho giai đoạn tới. *Loại thứ hai* (từ 41 - 50 tuổi) đã qua những lớp học cơ bản, trưởng thành trong công tác, đang giữ trọng trách ở các cấp, cần bổ sung một số kiến thức mới đáp ứng yêu cầu của công tác lãnh đạo trong nền kinh tế thị trường ; cần bố trí sử dụng đúng chuyên môn được đào tạo. *Loại thứ ba* (từ 51 trở lên) là số cán bộ đã có đóng góp trong các giai đoạn trước đây, nay cần có chính sách hợp lý, thỏa đáng tạo điều kiện cho các chị có cuộc sống kinh tế tương đối ổn định, thanh thản khi nghỉ hưu.

---

(1) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 125

Digitized by Google

Nhằm tạo nguồn cán bộ nữ kế cận, các cấp ủy đảng, chính quyền cần xây dựng kế hoạch tổng thể để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ. Mỗi loại chức danh của cán bộ cần đào tạo và đào tạo lại trên cơ sở nhu cầu đặc điểm và khả năng phát triển của cán bộ nữ. Cùng với công tác đào tạo cần có chính sách thỏa đáng để chị em yên tâm học tập ; căn cứ vào đặc điểm giới tính để có chính sách ưu tiên cho cán bộ nữ đi học (về thời gian, kinh phí), giúp chị em khắc phục những khó khăn trong học tập.

Cần đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ trong các trường cán bộ phụ nữ nhằm thích ứng với sự chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường. Bởi vì, lực lượng cán bộ nữ hiện nay, số đông được học tập, trưởng thành trong cơ chế bao cấp. Hệ thống kiến thức, phương pháp tư duy, tác phong quản lý và những kinh nghiệm công tác đang bộc lộ những nhược điểm. Do đó, khi bước sang cơ chế mới, nhiều cán bộ đã không thích nghi kịp. Căn cứ vào nhu cầu của phụ nữ và nhiệm vụ chính trị của Hội phụ nữ trong hệ thống chính trị, cần xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với đặc điểm của giới. Công tác đào tạo cán bộ nữ cần phải tính đến đặc điểm về môi trường hoạt động và chức năng, nhiệm vụ được giao để có hướng đào tạo cho phù hợp, giúp cho cán bộ nữ sau khi học tập, vận dụng được kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn công tác.

Năm là, nguồn tuyển chọn đội ngũ cán bộ nữ. Trước mắt có thể lựa chọn từ các ngành, các đơn vị trực tiếp sản xuất, các cơ quan nghiên cứu khoa học và ngay trong đội ngũ cán bộ của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Về lâu dài, cần khảo sát, tuyển chọn từ các trường phổ thông trung học và đại học. Chú ý phát hiện những nữ thanh niên có hướng phát triển tốt, có năng lực phẩm chất, đạo đức và có sức khỏe. Qua quá trình đào tạo, sàng lọc tự nhiên đưa họ vào rèn luyện, đào tạo trong thực tế, như hoạt động ở một số địa phương, cơ sở sản xuất, hoặc nơi có phong trào phụ nữ hoạt động khá và trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, tham mưu ở các cơ quan trung ương, các ngành. Đồng thời chú ý bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận và chuyên môn nghiệp vụ cho chị em.

Sáu là, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục hoàn chỉnh các văn bản có tính pháp quy về chính sách xã hội có liên quan đến phụ nữ và lao động nữ, như : chế độ thai sản, chế độ bảo hộ lao động, chế độ bảo hiểm xã hội. Những chính sách này cần tính đến những đặc điểm về giới tính, bảo đảm cho phụ nữ hoàn thành tốt cả hai chức năng xã hội và gia đình.

Bảy là, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam cần thực hiện tốt chức năng là người đại diện cho phụ nữ, cán bộ nữ. Trong khi xây dựng các chủ trương công tác lớn của Hội, cần bám sát mục tiêu vì sự bình đẳng, phát triển của phụ nữ. Hội phụ nữ các cấp cần năng động, nhạy bén trong việc vận dụng, thực hiện các đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống. Hội nên chủ động giải quyết công tác phụ nữ, cán bộ nữ một cách đầy đủ, toàn diện cả những vấn đề cấp bách trước mắt, và những vấn đề có tính chiến lược lâu dài.

Để phát huy vai trò của cán bộ nữ, các cấp Hội cần gắn việc giải quyết công tác phụ nữ với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội chung của cả nước, của từng địa phương, cơ sở. Thực hiện xã hội hóa công tác Hội trên cơ sở phối hợp, liên kết với các ngành, đoàn thể ; mở rộng mối quan hệ hợp tác quốc tế. Các cấp Hội chú ý xây dựng đội ngũ cán bộ nữ, cán bộ Hội và tổ chức Hội ngày một vững mạnh, đặc biệt quan tâm tới đội ngũ cán bộ ở cơ sở ; chủ động tham mưu cho các ngành, các cấp giới thiệu những đại biểu nữ tiêu biểu xuất sắc để giữ các cương vị lãnh đạo ở các đơn vị mà họ tham gia công tác.

Tám là, bản thân cán bộ nữ cần phải tự mình tích cực phấn đấu vươn lên, kiên quyết chống tư tưởng tự ti an phận, bằng lòng với hoàn cảnh, thiếu ý chí vươn lên trong công tác. Tùy theo điều kiện cụ thể, chị em nên bố trí, sắp xếp thời gian hợp lý cho công việc gia đình, chăm sóc sức khỏe bản thân và có thời gian học tập, công tác tốt. Khắc phục những quan niệm, thiên kiến về giới ngay chính trong tư tưởng của phụ nữ. Đội ngũ cán bộ nữ và lực lượng lao động nữ cần xóa bỏ các hiện tượng níu kéo nhau, mất đoàn kết. Cần hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong công tác, học tập, phát huy truyền thống của phụ nữ Việt Nam, khẳng định vai trò, vị trí của mình trong xã hội, đáp ứng được yêu cầu công tác cán bộ nữ trong sự nghiệp đổi mới. ❑

Digitized by Google

PHỤ NỮ DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ - VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC

LÊ NGỌC THẮNG *

PHỤ nữ dân tộc và miền núi là khái niệm bao hàm cộng đồng phụ nữ thuộc các thành phần dân tộc và sinh sống ở khu vực miền núi nước ta. Nói cách khác đây là cách nhìn nhận, tiếp cận dưới góc độ "giới" (sex) soi rọi vào các yếu tố văn hóa, kinh tế, xã hội các thành phần dân tộc sinh tụ, làm ăn ở môi trường tự nhiên - vùng núi và môi trường xã hội - dân tộc thiểu số. Trong quá trình lịch sử của các tộc người với những diện mạo, bản sắc văn hóa đa dạng, phụ nữ là "thành viên" quan trọng vừa là *chủ thể*, vừa là *mục tiêu*, là "nguyên nhân" và "kết quả" của nhiều giá trị kinh tế, văn hóa tộc người đặc sắc góp phần làm đậm đà "cá tính tộc người" và làm giàu vốn văn hóa, văn hiến quốc gia.

Trong bài này tôi không có tham vọng giải quyết các vấn đề "phụ nữ dân tộc và miền núi trong đời sống kinh tế - văn hóa các dân tộc" mà chỉ bước đầu đề cập một vài nét về tình hình và vấn đề đặt ra trong sự phát triển của phụ nữ khu vực này trong chiến lược phát triển chung của đất nước.

1 - Trong đời sống kinh tế :

Một điều dễ nhận biết là phụ nữ các dân tộc có vị trí rất quan trọng trong kinh tế gia đình, nhất là trong bối cảnh kinh tế "tự cấp tự túc" trước đây và trong tình hình "khoán 10", giao đất, giao rừng hiện nay. Trong xã hội cổ truyền và cả hiện nay, nhất là ở vùng dân tộc và miền núi, phụ nữ là người mẹ, người vợ, là người nội trợ "tay hòm chìa khóa" chi tiêu, điều tiết các sinh hoạt kinh tế trong gia đình và làm ra của cải vật chất. Nói như vậy không có nghĩa là quá đề cao phụ nữ, xem thường nam giới mà mỗi giới có những "thế mạnh" riêng. Song ở đây, chúng ta không thể phủ nhận được *tính trội* trong các hoạt động kinh tế gia đình cổ truyền và hiện nay của người phụ nữ.

Trong các sinh hoạt kinh tế gia đình, phụ nữ khu vực dân tộc và miền núi có vai trò quan trọng. Họ tham gia hầu hết các hoạt động kinh tế trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công, tự quản chi tiêu duy trì cuộc sống cho các thành viên trong gia đình. Ở những tộc người còn đậm yếu tố mẫu hệ như Ê đê, Chăm... thì phụ nữ là người quyết định chính mọi hoạt động kinh tế.

Phụ nữ khu vực dân tộc và miền núi với những bản sắc riêng của từng tộc người và khu vực có những biểu hiện đa dạng về hình thức hoạt động kinh tế trong gia đình và cộng đồng. Trong xã hội cổ truyền và một phần rất cơ bản hiện nay chúng ta có thể thấy *giới nữ* có những "thiên chức" quan trọng tạo nên thể thống nhất trong các hoạt động kinh tế gia đình và cộng đồng, và điều đó như là một "hằng số" qua nhiều thế kỷ của xã hội "tiền công nghiệp" và "dư âm" còn đậm nét ở những nước như nước ta hiện nay.

Chúng ta thấy thực tiễn tùy từng tộc người mà mức độ, hình thái "đậm, nhạt" có khác nhau. Chẳng hạn như ở người Tày (Lạng Sơn, Cao Bằng) người phụ nữ có vị trí chủ yếu trong các công việc sản xuất trồng trọt như : gieo - nhổ mạ (76,4%), cấy (80%), làm cỏ, bón phân, bảo quản lương thực, hoa mầu..., bên cạnh đó khối lượng công việc kết hợp của vợ và chồng cũng khá lớn và quan trọng. Tuy nhiên, vai trò và cường độ làm việc của phụ nữ dân tộc và miền núi từng địa phương có khác nhau. Biểu dưới đây cho thấy tình hình lao động của phụ nữ các dân tộc tại huyện Hà Quảng (Cao Bằng).

---

* PTS, Phó giám đốc Bảo tàng phụ nữ Việt Nam

Digitized by Google

TT	Dân tộc	Vai trò phụ nữ trong kinh tế gia đình		Tỷ lệ công việc chủ yếu do phụ nữ đảm nhiệm	Cường độ làm việc của phụ nữ	
		Chính	Phụ		Bình thường	Quá sức
1	Tày	60%	40%	80%	30%	70%
2	Nùng	50%	50%	60%	40%	60%
3	H'Mông	40%	60%	50%	50%	50%
4	Kinh	60%	40%	80%	70%	30%
5	Dao	40%	60%	50%	80%	20%

(Nguồn : Phòng tổ chức chính quyền và Hội phụ nữ huyện Hà Quảng, Cao Bằng 1996).

Biểu trên cho thấy cường độ làm việc của phụ nữ các dân tộc trong đời sống kinh tế hộ gia đình có khác nhau trên một địa bàn. Ở các địa bàn khác tỷ lệ % có thể lên xuống khác nhau. Thực trạng trên cho thấy phụ nữ H'Mông, Tày, Nùng, tỷ lệ làm việc quá sức cao (từ 50 - 70%). Về cơ bản phụ nữ các dân tộc Tày, Kinh, Nùng, H'Mông, Dao ở địa bàn trên có vai trò chính trong kinh tế gia đình, họ đảm nhận khối lượng công việc không dưới 50% mà từ 50% đến 80%.

Trong hoạt động kinh tế cộng đồng hiện nay, phụ nữ khu vực dân tộc và miền núi hoạt động chủ yếu ở hầu khắp các lĩnh vực kinh tế quốc dân, song có thể thấy tập trung vào các lĩnh vực : lâm nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ - kinh doanh, tài chính - ngân hàng, y tế, giáo dục, bưu điện, hành chính sự nghiệp, văn hóa, nghệ thuật... Ở mỗi dân tộc, mỗi địa phương, phụ nữ tham gia hoặc được đào tạo các lĩnh vực kinh tế có khác nhau. Đáng quan tâm là *trình độ nghề nghiệp* được đào tạo còn mang tính "tự nhiên chủ nghĩa", thiếu quy hoạch, thiếu nguồn và cân đối giữa các vùng, các dân tộc. Có nơi tuy đã có chủ trương chính sách nhưng vận dụng vào thực tế thì còn lúng túng.

Chẳng hạn như tỉnh Lai Châu có 3 978 phụ nữ tham gia, đông nhất là trong lĩnh vực *sản xuất kinh doanh,* nhưng chưa có chị nào được đào tạo ở trình độ từ trung cấp trở lên. Trong lĩnh vực *giáo dục* có 3 100 chị có trình độ nghề nghiệp chiếm số lượng cao nhất (đại học 117, trung cấp 2 983) ; *y tế* : 750 chị (đại học 31, trung cấp 480 chị) ; ngành *tài chính ngân hàng* tuy số lượng chị em không đông (60 chị) nhưng có tỷ lệ trình độ đào tạo nghề nghiệp khá cao (22 đại học, 38 trung cấp) ; ngành *bưu điện* có số lượng phụ nữ tương đối : 165 chị (11 đại học, 39 trung cấp, số còn lại chưa được đào tạo) ; ngành *văn hóa - nghệ thuật* (ở tỉnh) thuộc loại ít : 62 chị (đại học 3, trung cấp 35, số còn lại chưa hoặc đang đào tạo)... Nhìn chung cả tỉnh chưa có chị nào có trình độ *sau đại học* về *nghề nghiệp*... Trong chiến lược phát triển của phụ nữ nói riêng và của tỉnh nói chung, trước yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đào tạo để có trình độ nghề nghiệp từ thấp lên cao về số lượng và chất lượng là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Thực tế cho thấy, để phụ nữ các dân tộc có nhiều điều kiện tham gia các lĩnh vực hoạt động kinh tế, cần phải đào tạo có quy hoạch, có đầu tư. Khắc phục lối nhìn theo *hiệu quả kinh tế trước mắt* và đào tạo chắp vá như hiện nay.

Nhìn chung hoạt động kinh tế của phụ nữ khu vực dân tộc và miền núi, dù ở lĩnh vực kinh tế hộ gia đình hay ngành kinh tế quốc dân, đều có những nét riêng. Song cái chung là tỷ lệ phụ nữ và gia đình họ thiếu ăn vẫn là con số đáng kể và khá phổ biến. Chẳng hạn như ở huyện Hà Quảng (Cao Bằng) phụ nữ các ngành : trồng trọt, chăn nuôi thiếu ăn 30%, hành chính sự nghiệp : 30%, giáo dục : 20% , y tế : 30%. Số có dư : 5% ở khối trồng trọt, chăn nuôi ; 20% dịch vụ kinh doanh [1] (cả hai khối này số chị em đều không có bằng cấp nghề nghiệp chính thống mà chỉ làm việc theo kinh nghiệm và năng khiếu bản thân)...

Trong điều kiện kinh tế mở, một bộ phận phụ nữ khu vực dân tộc và miền núi có điều kiện thu nhập khá, song cơ bản vẫn thấp hơn nam giới và thấp so với mặt bằng chung của xã hội. Sự tác động của tình hình kinh tế thị trường, kinh tế hàng hóa là một thử thách không nhỏ với nếp nghĩ còn đậm tính công xã nông thôn của phụ nữ khu vực dân tộc và miền núi. Vấn đề việc làm, thu nhập, vấn đề đào tạo, nuôi dưỡng ; vấn đề ruộng đất, tín dụng ; vấn đề kỹ thuật làm ăn, lợi nhuận... là cả một loạt vấn đề mà phụ nữ khu vực dân tộc và miền núi phải tiếp cận để thích ứng và phát triển.

2 - Trong đời sống văn hóa.

Phụ nữ dân tộc và miền núi là một bộ phận, một nửa cộng đồng dân cư ở các tộc người và khu vực

(1) Phòng tổ chức chính quyền và Hội phụ nữ huyện Hà Quảng (Cao Bằng) - 1996

Digitized by Google

miền núi. Trong lịch sử cũng như hiện nay, nói đến phụ nữ và văn hóa là nói đến những đặc điểm giới trong bối cảnh văn hóa từ *gia đình*, tới *cộng đồng các tộc người* và *quốc gia* (national).

Gần đây vấn đề *văn hóa gia đình* được nhiều người quan tâm và ngày càng thấy tầm quan trọng của nó trong sự nghiệp phát triển nhân cách của cá nhân và là thành tố cơ bản tạo nên những bản sắc văn hóa các dân tộc và quốc gia. Ở những dân tộc và khu vực miền núi khác nhau (vùng thung lũng, trung du, vùng rẻo giữa, rẻo cao ; ... hay Tây Bắc, Tây Nguyên...) sắc thái văn hóa các dân tộc có những biểu hiện rất đa dạng. Trong đời sống văn hóa gia đình, người phụ nữ là *người mẹ, người vợ*, người chủ nhà dài (Êđê) hoặc chủ gia đình (Chăm)... Người phụ nữ trong gia đình có vai trò to lớn trong việc "tái sản xuất sức lao động", cũng như là *người thầy đầu tiên* trong dưỡng dục, nuôi dạy con cái... Tuy nhiên, ở mỗi tộc người với triết lý vũ trụ và nhân sinh khác nhau nên cách sinh đẻ, nuôi dạy... có khác nhau theo "luật tục" của sắc thái văn hóa tộc người. Là người *nội trợ*, người thợ thủ công dệt may trang phục và nhiều đồ vải khác cho gia đình..., người phụ nữ là người bảo tồn nhiều giá trị văn hóa ở từng dân tộc và truyền trao, duy trì qua nhiều thế hệ. Công thức nấu ăn, cách dệt vải, thêu hoa văn, lối mặc, cách sử dụng các yếu tố *văn hóa vật thể*... cũng như những lời ru, dân ca, truyện kể... mà người phụ nữ "chuyển tải" (nhiều người gọi là văn hóa *phi vật thể*) đã là bằng chứng sinh động, hùng hồn khẳng định vị trí quan trọng của người phụ nữ trong văn hóa gia đình. Ở mỗi tộc người, tiểu vùng các yếu tố văn hóa trên biểu hiện đa dạng phong phú và sinh động ; nhưng dù ở tộc người nào thì vị thế trên của người phụ nữ là thống nhất và không thể phủ nhận. Đấy là chưa phân tích các yếu tố của các tộc người còn tàn dư của yếu tố văn hóa "mẫu hệ" (Chăm, Êđê...).

Trong bối cảnh văn hóa các tộc người ở nước ta, phụ nữ các dân tộc có vị trí đặc biệt trong việc tạo nên các giá trị văn hóa từng dân tộc (vật chất, tinh thần, các quan hệ xã hội và tập quán). Ngày nay khi nói đến "bản sắc văn hóa dân tộc" không ai có thể phủ nhận sắc thái văn hóa *ngôn ngữ* và *trang phục* (chủ yếu là trang phục nữ). Sau ngôn ngữ, trang phục nữ các dân tộc là yếu tố văn hóa cơ bản để phân biệt tộc người này và tộc người khác (trang phục nam trừ một số ít dân tộc còn cơ bản là giống nhau). Phụ nữ các dân tộc là chủ nhân văn hóa trang phục của các tộc người và đặc biệt chính họ lại tạo nên những sắc thái văn hóa trong phụ nữ đậm đà cá tính của từng dân tộc và làm giàu văn hóa quốc gia. Nhiều giá trị văn hóa vật chất khác vừa là giá trị văn hóa gia đình vừa là giá trị văn hóa tộc người như : công thức các món ăn, các làn điệu dân ca, ru con, mô típ hoa văn trên trang phục, đồ vải... đã khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của phụ nữ trong cộng đồng. Trong nhiều hoạt động cộng đồng như lễ hội, tín ngưỡng, tín giáo, văn nghệ dân gian, lao động sản xuất... phụ nữ các tộc người ở những sắc thái khác nhau là một thành tố không thể thiếu tạo nên chỉnh thể của các giá trị văn hóa tộc người dù ở dạng vật chất, tinh thần hay các tập quán xã hội.

Trong bối cảnh văn hóa quốc gia, phụ nữ khu vực dân tộc và miền núi có thể nói là "chủ nhân" quan trọng góp phần tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam, hay như nhiều người thường nói "vườn hoa văn hóa Việt Nam trăm hương ngàn sắc". Các yếu tố văn hóa tộc người, văn hóa khu vực và quốc gia được sáng tạo, biểu hiện sinh động qua nếp sống ở mỗi dân tộc, nếp sống gia đình. Chúng ta đều thấy phụ nữ có vai trò không nhỏ trong việc duy trì nếp sống đó. Đúng như nhiều nhà dân tộc học đã khẳng định vị thế của phụ nữ Việt Nam "đàn ông trị vì, đàn bà cai quản". Trong sự giao lưu văn hóa mạnh mẽ như hiện nay giữa văn hóa các dân tộc trong quốc gia và văn hóa Việt Nam nói chung với văn hóa quốc tế, nhiều yếu tố bản sắc văn hóa dân tộc bị nền *văn minh công nghiệp* xóa nhòa đi một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, trong sự tương quan với *nam giới* thì *nữ giới* khu vực dân tộc và miền núi là người có công bảo tồn nhiều yếu tố bản sắc văn hóa của từng dân tộc và quốc gia. Đây là vấn đề phải được nghiên cứu, đầu tư trong phương hướng bảo tồn các giá trị văn hóa các dân tộc và quốc gia.

3 - Vấn đề đặt ra.

Phụ nữ khu vực dân tộc và miền núi trong đời sống kinh tế và văn hóa có những nét đặc thù khác phụ nữ khu vực đồng bằng, đô thị lớn (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh...) ở nước ta.

Digitized by Google

Trên bình diện kinh tế, nhìn chung phụ nữ khu vực này còn nhiều khó khăn về *cơ sở vật chất* địa phương (đặc biệt vùng sâu, vùng xa...) về giao thông, đất đai, tài nguyên, trường, trạm, điện, nước... cũng như *trình độ chuyên môn* được đào tạo trên tất cả các lĩnh vực ngành nghề : nông nghiệp, lâm nghiệp, kinh doanh, quản lý kinh tế, tài chính - ngân hàng... Mặt khác bước ra từ nền kinh tế "tự cung tự cấp" (mức độ khác nhau giữa các dân tộc, các vùng miền núi, cao nguyên...) nên *sự phản xạ nhanh nhậy, thích hợp, kịp thời trong nền kinh tế hàng hóa mới còn nhiều hạn chế.* Có thể nói đây là đặc điểm nổi bật trong lĩnh vực kinh tế của phụ nữ trong khu vực này. Đấy là chưa nói các trở lực xã hội (gia đình, cộng đồng) quan niệm về phụ nữ trong hoạt động kinh tế thị trường... Đây là một vấn đề quan trọng cần nghiên cứu chuyên sâu để có nhận thức và kiến nghị tạo nên *luận cứ khoa học*, nền tảng cho *chính sách* và *biện pháp* phát triển.

Trên lĩnh vực văn hóa, phụ nữ khu vực dân tộc và miền núi là người chủ của nhiều giá trị văn hóa tộc người và quốc gia đặc sắc.

Tuy nhiên, trước tác động của kinh tế thị trường và sự giao lưu mạnh mẽ về văn hóa thì các giá trị vật chất mà phụ nữ các dân tộc có vai trò quan trọng (nghề dệt, cắt may trang phục cổ truyền ; các ngành nghề thủ công, đan lát, dệt chiếu, làm nón, thêu ren ; công thức các món ăn cổ truyền dân tộc...) cũng như các giá trị tinh thần (lời ru, dân ca, điệu múa...) cùng tập tục xã hội (nuôi dạy con cái, đối xử với gia đình, cộng đồng...) sẽ nhanh chóng bị "công nghiệp hóa" nếu không có một định hướng, *khai thác, bảo tồn* và *phát huy* trong cuộc sống mới. Đấy là chưa nói các yếu tố văn hóa ngôn ngữ, tiếng mẹ đẻ của các tộc người cũng dần ít đi ở các bà mẹ dạy cho con. Hiện nay ở nhiều vùng, nhiều dân tộc các vấn đề trên không chỉ là giả định lý thuyết khoa học mà là thực tiễn đã xảy ra. Chính vì vậy mà nghiên cứu phụ nữ khu vực dân tộc và miền núi với việc bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là một đề tài quan trọng cần được đầu tư triển khai trong thời gian tới. Đó cũng chính là một trong những nội dung và ý nghĩa phát triển của quốc gia và của phụ nữ khu vực này.❑

BA MƯƠI NĂM...

(Tiếp theo trang 20)

- Công tác vận động, huy động tiềm lực của đội ngũ trí thức, nhất là ở địa phương, cơ sở còn nhiều hạn chế ;

- Công tác tổ chức và cán bộ của hệ thống khoa giáo địa phương còn yếu và thiếu cả về số lượng lẫn trình độ, năng lực nghiệp vụ, còn lúng túng về tổ chức và phương thức hoạt động ;

- Công tác nghiên cứu thực tế, hướng về cơ sở còn cần phải tăng cường hơn nữa.

*

Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã mở ra một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Tư tưởng chỉ đạo cho cả thời kỳ mới này là : "Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững", tức là phải dựa vào năng lực nội sinh để phát triển. Công tác khoa giáo phải nhằm vào phát huy nguồn lực con người, nâng cao năng lực nội sinh, trước hết là phải năng lực trí tuệ, năng lực khoa học - công nghệ cho đất nước.

Trong thời gian tới, Ban Khoa giáo Trung ương và hệ thống khoa giáo của các cấp ủy phải tập trung vào mục tiêu cơ bản : chăm sóc, bồi dưỡng, đào tạo các thế hệ con người Việt Nam có đủ bản lĩnh, trí thức, kỹ năng công nghệ, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đủ sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chăm sóc, bồi dưỡng, đào tạo, phát huy nguồn lực con người là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân mà đội ngũ của các ngành khoa giáo là nòng cốt. Ban Khoa giáo Trung ương và hệ thống khoa giáo các cấp có trách nhiệm giúp Trung ương Đảng và các cấp ủy lãnh đạo các mặt công tác khoa giáo thực hiện kỳ được các mục tiêu Đại hội VIII đã đề ra trên tất cả các lĩnh vực khoa giáo.

Ba mươi năm qua Ban Khoa giáo Trung ương và hệ thống khoa giáo địa phương đã trưởng thành và phát triển, hoàn thành được nhiệm vụ mà Đảng giao phó. Kế tục và phát huy truyền thống đó, trong giai đoạn mới, hệ thống khoa giáo còn phải nỗ lực cao hơn nữa, góp phần xứng đáng hơn nữa vào sự nghiệp cao cả của Đảng và dân tộc. ❑

Digitized by Google

TỪ NHỮNG MÔ HÌNH KINH TẾ Ở NÔNG THÔN SUY NGHĨ VỀ CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN?

TRẦN VĂN TƯ *

TRONG những cuộc hội thảo khoa học - thực tiễn những năm gần đây, nhiều cán bộ khoa học và quản lý đều gặp nhau ở chỗ là làm sao đưa đất nước phát triển. Nhưng nói tới cách thức và bước đi để phát triển đất nước như thế nào thì lại có những suy nghĩ khác nhau. Có khuynh hướng mở rộng cửa và đẩy mạnh hợp tác đầu tư với nước ngoài, thúc đẩy nhanh quá trình phát triển các siêu cực kinh tế (ba tam giác) chuyển cơ cấu kinh tế đất nước, tạo lực đẩy kinh tế - xã hội nông thôn, cho rằng xuất phát điểm từ nền kinh tế tiểu nông, không thể chuyển tình thế đất nước từ nông nghiệp. Khuynh hướng thứ hai phải đi lên từ nông thôn, nông dân, từ lợi thế văn hóa, con người và nguồn lực Việt Nam, mở rộng cửa hợp tác đầu tư quốc tế, nhưng phải phục tùng con đường đó, phù hợp với đặc thù Việt Nam. Thực tiễn đã dần dần được giải đáp.

Kinh nghiệm một số nước, trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, khởi đầu là động lực phát triển, sau đó là quá trình tập trung dân cư, và kéo theo là khủng hoảng xã hội đô thị, bắt nguồn từ nông thôn nghèo nàn và lạc hậu. Khủng hoảng tiền tệ trầm trọng hiện nay ở một số nước đang phát triển, phải chăng là do hậu quả của ảo tưởng dựa vào kỹ thuật và tư bản bên ngoài, lệ thuộc vào mục tiêu đầu tư chạy theo lợi nhuận, làm kiệt quệ thị trường trong nước.

Trong nước, bên cạnh quá trình đô thị hóa khá nhanh ở TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai và những vấn đề đặt ra từ quá trình đó, ở nông thôn, đã xuất hiện những mô hình như Công ty mía đường Lam Sơn (Thanh Hóa), Hợp tác xã Bình Thành (Đồng Tháp), Nông trường Sông Hậu (Cần Thơ) với nhiều nhân tố mới nói lên khả năng tạo ra nguồn lực mới, lợi thế mới cho đất nước từ nông nghiệp và nông thôn.

Ở Cần Thơ hiện có 4 943 tổ liên kết và 16 hợp tác xã nông nghiệp do nông dân tự nguyện xây dựng nên. Mô hình đa dạng này rất rộng nhưng chỉ là hình thức hợp tác tương trợ trong nông dân, chưa có khả năng làm chuyển tình thế nông thôn. Xã hội nông thôn đang phát sinh nhiều mâu thuẫn.

- Mâu thuẫn giữa sản xuất và thị trường tiêu thụ, nông dân làm chủ sản xuất, nhưng không làm chủ được lưu thông. Theo điều tra ở nông thôn huyện Ô Môn năm 1993 (600 hộ ở 6 xã) thì 86% khâu tiêu thụ sản phẩm và 93,8% cung cấp vật tư nông nghiệp do tư thương nắm, người nông dân bị chèn ép cả khi vào thời vụ và khi bán nông sản.

- Mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế và các vấn đề xã hội đang nảy sinh ; điều mà ai cũng quan tâm là sự phân hóa giàu nghèo là vấn đề nông dân không có đất sản xuất. Ở nông thôn Cần Thơ, có 16 147 hộ không đất để sản xuất (chiếm 6,43% hộ).

- Mâu thuẫn giữa yêu cầu lãnh đạo, quản lý trong thời kỳ mới, với năng lực và sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ ở cơ sở, bất cập với nền kinh tế thị trường và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa.

Những mâu thuẫn trên chẳng những đang cản trở quá trình phát triển, còn đang làm phân hóa, tuy bước đầu, nhưng khá sâu sắc ở nông thôn. Trong thực tiễn ở Cần Thơ, sự chênh lệch và bất bình đẳng trong sản xuất, trong hưởng thụ văn hóa, giáo dục, sự chênh lệch trình độ học vấn có quan hệ đến sự giữ vững chính quyền cách mạng, và quyền lãnh đạo của Đảng ta.

Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Cần Thơ lần thứ IX (nhiệm kỳ 1996 - 2000) đã đề ra mục tiêu đến năm 2000 : "Tập trung ưu tiên trước hết là chủ yếu cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn..." "Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn theo hướng mở mang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp - dịch vụ ở các cụm kinh tế - xã hội".

---

* Phó chủ tịch Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Cần Thơ

Digitized by Google

Thực hiện mục tiêu này, hai năm qua (1996 - 1997) ở Cần Thơ lương thực tiếp tục phát triển, thủy lợi giao thông và điện nông thôn đạt khá, nhưng mục tiêu cơ bản chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn thì chưa có chuyển biến (theo điều tra 600 hộ, năm 1993 và 500 hộ, năm 1996 ở huyện Ô Môn thì cơ cấu kinh tế ở nông thôn và ở nông hộ gần như cũ). Nguyên nhân chủ yếu là do tích lũy của nông hộ không tăng, chính sách của Nhà nước chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của kinh tế nông thôn trong tình hình mới, trước hết là chính sách tín dụng cơ bản còn ở mức đầu tư như cũ cho sản xuất lương thực (hạn chế cả lượng tiền và thời gian cho vay) nông hộ thiếu vốn để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong lúc nông dân muốn chuyển cơ cấu để sản xuất hàng hóa.

Nông trường Sông Hậu là một xã hội nông thôn thu nhỏ với 6 981 ha đất tự nhiên, 5 400 ha đất nông nghiệp giao quyền sử dụng lâu dài cho 2 800 hộ nông dân. Cách đây 18 năm nơi đây là một vùng đất trũng, không hệ thống thủy lợi, làm lúa mùa một vụ, năng suất bình quân 01 tấn/ha/năm. Với phương thức nông trường dịch vụ đầu vào và đầu ra, nông hộ làm chủ sản xuất theo kế hoạch của nông trường, đã tạo ra động lực, phát huy được sức lực và trí tuệ của 12 000 lao động, xây dựng phát triển nông trường thật sự trở thành một trung tâm kinh tế - xã hội, khắc phục những mâu thuẫn đang diễn ra gay gắt ở nông thôn (ngoài nông trường). Năm 1997, nông trường được phép xuất khẩu trực tiếp, kim ngạch tăng gần 4 lần và doanh số kinh doanh tăng hơn 3 lần. Nông trường có hệ thống xay xát với công suất trên 300 tấn/ngày và năm 1997 đầu tư 11 tỉ đồng, xây dựng nhà máy lau bóng 1 500 tấn gạo/ngày. Phương hướng tới của nông trường sẽ đầu tư giống (gạo xuất khẩu) phân cho các hợp tác xã, tổ hợp tác (có lựa chọn) và có thể liên kết với hàng trăm nhà máy xay xát của tư nhân trong hai huyện Ô Môn, Thốt Nốt tổ chức mạng lưới thu mua, bảo đảm chất lượng gạo và giá cả phù hợp cho nông dân. Với cách tổ chức này, năm 1998 Nông trường Sông Hậu có khả năng xuất khẩu từ 200 000 đến 300 000 tấn gạo. Đây là khả năng có cơ sở thực hiện.

Ngoài hệ thống xay xát, nông trường có 80 máy cày, gặt đập, xáng cạp, máy xúc, hệ thống nhà kho, sấy lúa và trên 200 máy tuốt lúa của nông hộ, cơ bản đã cơ khí hóa sản xuất nông nghiệp. Một hệ thống chế biến nông sản (ngoài lương thực) có khả năng xuất khẩu 1 triệu USD năm. Nông trường đang đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong những năm tới có thể trở thành một trung tâm công - nông nghiệp và dịch vụ mạnh ở địa bàn nông thôn trong tỉnh.

Cơ cấu kinh tế phát triển, cơ cấu xã hội trong nông trường cũng đã biến đổi tiến bộ. Nông trường có 239 CBCNV và hàng trăm công nhân lái máy cày, xáng, máy xúc ; trong CBCNV có 57 người có trình độ đại học và trên đại học, 178 có trình độ trung cấp và công nhân kỹ thuật, 12 000 nông dân lao động ở nông trường tuy còn làm nông nghiệp là chủ yếu, nhưng qua gần 20 năm được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và sinh hoạt nền nếp trong nông trường, hầu hết nông dân trở thành trung nông mới, được giác ngộ chính trị, ý thức được quyền lợi cá nhân và cộng đồng, ý thức tổ chức trong sản xuất và sinh hoạt khá cao (100% sản xuất theo kế hoạch thống nhất, 95 đến 98% sinh hoạt đoàn thể và tổ chức sản xuất khu, vùng) trình độ thâm canh tăng vụ và sản xuất hàng hóa phát triển. Gần 1 000 hộ có máy cày (tay) máy tuốt, máy bơm và thuyền vận tải, vừa làm nông nghiệp, vừa làm dịch vụ. Năm 1997, 80 nông dân tiên tiến được Công đoàn kết nạp, và công nhận là công nhân nông nghiệp. Đây là một việc làm mới, nhiều người còn tranh cãi về tiêu chuẩn công nhân, theo chúng tôi, đây là một sáng tạo, mở ra một khả năng mới xây dựng lực lượng công nhân ở nông thôn từ nguồn lực nông dân, phù hợp với quy luật phát triển ở nước ta. Trên cơ sở mối quan hệ thống nhất trong tổ chức và quyền lợi trong sản xuất và đời sống, đã hình thành (thực sự) khối liên minh công - nông - trí vững chắc, một lực lượng nòng cốt đấu tranh vượt qua bao thử thách, giữ được sự tồn tại và phát triển của nông trường đến hôm nay. Thực tiễn tổ chức và hoạt động của nông trường đã thể hiện : lực lượng sản xuất ở nông trường ngày càng đi vào xã hội hóa, có cơ sở vững chắc hình thành và phát triển quan hệ sản xuất phù hợp và tiến bộ theo định hướng XHCN.

Lịch sử phát triển của nông trường là lịch sử phát triển của sức chiến đấu không mệt mỏi và sự sáng tạo không ngừng của đảng bộ ở đây. Với hệ thống chính trị vững mạnh và thống nhất tổ chức từ nông trường bộ đến khu, vùng sản xuất kết hợp với tổ sản xuất (gắn với nông hộ) do nông dân bầu lên, liên kết được sự quản lý và quyền làm chủ của nhân

Digitized by Google

dân, phát huy được sức mạnh tổng thể kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác và quyền tự chủ của nông hộ, tạo được động lực cho nông hộ là yếu tố quyết định quá trình phát triển của nông trường. Thực tiễn ở đây cho thấy vai trò giám đốc hết sức quan trọng. Là một sĩ quan được rèn luyện trong quân đội, trưng thành với lý tưởng của Đảng, một lòng vì sự nghiệp phát triển nông trường và đời sống nhân dân, giám đốc đã tạo được lòng tin và động viên được sức mạnh ý chí của tập thể. Có sự trùng hợp như vậy ở một số đơn vị kinh tế nông nghiệp tiêu biểu như Nông trường Sông Hậu, Câu lạc bộ khuyến nông Ấp 4 (Cần Thơ), Hợp tác xã Bình Thành (Đồng Tháp) ; ở đó, giám đốc và chủ nhiệm đều là những đảng viên xuất thân từ quân đội nhân dân.

Qua thực tiễn Nông trường Sông Hậu, có cơ sở để chúng ta suy nghĩ về con đường và khả năng phát triển nông thôn bền vững. Với tổ chức và phương thức quản lý như vậy, nông trường và nông hộ, công nhân - nông dân - trí thức (nông thôn) làm chủ được sản xuất và phân phối. Cuộc sống công bằng ngày càng phát triển, trong lúc ngoài xã hội nông thôn (ngoài nông trường) con em nông dân 92% vào cấp I, nhưng khi lên cấp II chỉ còn 38% và lên cấp III còn 13%, thì ở nông trường 100% con em nông trường viên vào cấp I và 100% lên cấp II và III. Năm học 1996 - 1997 có 2 774 học sinh ở mẫu giáo và cấp I, II, III. Thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nông trường không chỉ đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, mà gắn liền nó với xây dựng chuyển đổi cơ cấu xã hội, tạo nguồn đào tạo một đội ngũ nhân lực công - nông - trí, một nguồn lực mới, để có thể chủ động trong hội nhập thị trường thế giới và phát triển bền vững.

Từ một vùng đất trũng, phần lớn hoang hóa khó khăn, với một lực lượng nông dân nghèo nàn, mức đầu tư của nhà nước khiêm tốn (năm 1979 lúc thành lập, vốn đầu tư của ngân sách chỉ có 60 000đ (thời đó), 10 máy cày và 16 cán bộ công nhân viên), chưa đầy 20 năm nông trường thực sự đã trở thành trung tâm kinh tế có khả năng đầu tư mở rộng phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến (lương thực thực phẩm) xuất khẩu. Từ khi được phép xuất khẩu trực tiếp nông trường đã tỏ rõ khả năng này còn rất lớn. Nếu có chính sách hợp lý, có thể với thời gian không lâu, nông trường sẽ trở thành đầu mối của liên hiệp các hợp tác xã, góp phần tạo nên sự chuyển biến tình thế của một nông thôn.

Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất của nông trường không ngừng phát triển, tích lũy của nông trường và hộ nông dân cũng không ngừng được nâng lên ; không phải chỉ tích lũy về đồng vốn, mà quan trọng hơn tích lũy con người, về trình độ thông tin và quan hệ với hàng chục thị trường nước ngoài. Mối quan hệ thị trường trong nước của nông trường về hàng hóa, nguyên liệu, thiết bị kỹ thuật ngày càng được mở rộng hơn. Phần lớn máy công nghiệp chế biến của nông trường là mua trong nước, tiết kiệm hàng chục tỷ đồng, nhưng bảo đảm kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, giá thành hạ, mặt hàng xuất khẩu ngày càng có khả năng cạnh tranh, được tín nhiệm của công ty nước ngoài. Ý nghĩa ở đây là Nông trường Sông Hậu đã đánh giá đúng và biết khai thác, phát huy lợi thế nông nghiệp, nông thôn, nông dân để chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nông trường, tạo lợi thế mới cho nông thôn và góp phần xây dựng thị trường dân tộc và đã dựa vào thị trường dân tộc, chủ yếu là thị trường nông thôn, để nâng lên sức cạnh tranh và phát triển.

Trong quá trình xây dựng Việt Nam thành một nước công nghiệp, qua thực tiễn ở Nông trường Sông Hậu, 10 năm 20 năm nữa, chúng ta có thể có khả năng xây dựng ở mỗi tỉnh vài, ba trung tâm như vậy, trở thành đầu mối liên hiệp các hợp tác xã, chuyển nhanh cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo thị trường hàng hóa, lao động vững chắc cho quá trình đô thị hóa, tạo ra thế lực mới cho đất nước, tạo nền tảng cho nền kinh tế quốc dân và thế lực cạnh tranh với nền kinh tế khu vực và thế giới. Khả năng đó là ở trong tầm tay của Đảng ta. Điều quan trọng là phải có sự thống nhất đánh giá, có quan điểm đúng đắn tập trung đầu tư cho nông thôn, thống nhất cơ cấu đầu tư trong hợp tác với nước ngoài có lợi cho nông nghiệp và kinh tế nông thôn, bảo đảm phát triển nông thôn bền vững và đô thị hóa vững chắc.

Hơn 10 năm qua, đường lối đổi mới của Đảng ta đã tạo ra động lực làm chuyển tình thế đất nước, phát triển thế lực cho thời kỳ phát triển mới, động lực phát triển đó bắt nguồn từ đường lối giải phóng lực lượng sản xuất. Nay chuyển sang một thời kỳ mới, Đảng và Nhà nước cần bổ sung chủ trương và hệ thống chính sách, đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời đầu tư, tạo thuận lợi cho quan hệ sản xuất phù hợp và tiến bộ ra đời, trở thành động lực cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà.❑

Digitized by Google

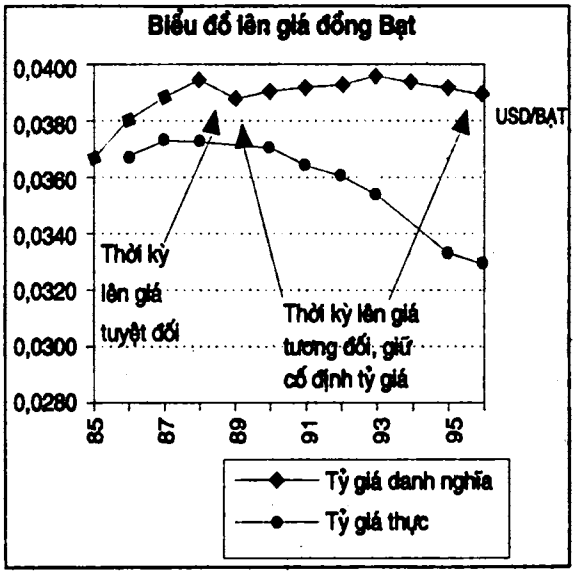
VAI TRÒ CỦA TIỀN TỆ TRONG CUỘC KHỦNG HOẢNG TIỀN TỆ

VŨ NGỌC NHUNG

CUỘC khủng hoảng tiền tệ ở Thái Lan bắt đầu từ tháng 5-1996, mặc dù đã có nhiều biện pháp ngăn chặn nhưng nó vẫn đe dọa có khả năng lan rộng (tôi nói tháng 5 vì muốn hiểu rõ chúng ta không thể quên những cú đấu cơ tiền tệ hàng tỉ USD trong một ngày đã sản sinh ra nó). Không thể hiểu tường tận nguyên nhân và hậu quả của nó nếu chỉ nhìn từ thời điểm nó bùng nổ vào tháng 7-1996 và lây lan ra các nước. Nó đặt ra cho các nhà kinh tế bao nhiêu câu hỏi. Câu hỏi lớn thứ nhất tôi đề cập trong bài này là vai trò của tiền tệ, cụ thể là của đồng tiền giấy không có giá trị bản thân, trong nền kinh tế hiện nay.

Cuộc khủng hoảng tiền tệ diễn ra trong bối cảnh giá vàng hạ liên tục do các Ngân hàng trung ương các nước đua nhau bán vàng ra. Việc bán vàng ra này có ý nghĩa rất lớn vì nó là hành động đoạn tuyệt với vàng, loại tiền thực mà tiền giấy chỉ là đại diện. Ý nghĩa này càng quan trọng hơn khi mà dân chúng cũng mất thói quen tìm đến vàng làm nơi ẩn nấp khi đồng tiền giấy nội địa mất giá (đơn thuần do giá vàng không thể tăng tỷ lệ thuận với mức độ mất giá do khủng hoảng tiền tệ). Ở đây tiền giấy nội địa chỉ mất giá tương đối so với các đồng tiền khác qua biến động của tỷ giá. Sự mất giá này có một kiểu dáng khác so với mất giá do lạm phát. Mất giá do lạm phát có thể hiểu được và dự đoán khá chính xác khi vận dụng quy luật lưu thông tiền tệ của Mác. Còn mất giá qua khủng hoảng tiền tệ hoàn toàn là hiện tượng mới mẻ khi nó không nằm trong phạm vi một nước mà lan rộng ra nhiều nước. Quản lý kinh tế vĩ mô không thể không nghiên cứu bản chất của hiện tượng này để tìm chiến lược đối phó, để quản lý tiền tệ trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Trước hết cần nghiên cứu sự mất giá nội tệ qua những cú sốc tỷ giá quá lớn ngoài những dự đoán (không thể duy trì tỷ giá danh nghĩa đồng nội tệ quá lâu mà nó phải quay về với tỷ giá thực của nó). Thái Lan bị khủng hoảng tiền tệ vì đã lên giá đồng Bạt từ năm 1984 như biểu đồ sau cho thấy :



Lạm phát của Thái Lan cao hơn của Mỹ làm cho tỷ giá thực tụt dài từ 0,0368 USD/1 Bạt (hay phải có 27,13 Bạt mới mua được 1 USD) xuống 0,033 USD/1 Bạt (hay phải có 30,27 Bạt mới mua được 1 USD), nhưng Thái Lan vẫn giữ tỷ giá danh nghĩa quanh quẩn ở mức trên dưới 25,5 Bạt/1 USD. Như vậy, chẳng khác gì cho rằng lạm phát không thể làm đồng Bạt mất giá.

Đã vậy, Thái Lan còn tiếp tục theo con đường lên giá nội tệ khi bị bọn đầu cơ tiền tệ tấn công ngày 19-5-1997 bằng cách bỏ hàng chục tỉ USD để ép giá USD xuống còn có 11,3 Bạt/1 USD. Vì vậy, khi không ép được nữa phải thả nổi tỷ giá thì khủng hoảng tiền tệ nổ ra và chỉ 10 ngày sau đã lan nhanh sang các nước khác. Tỷ giá đã nhanh chóng vượt qua tỷ giá thực là 30,27 Bạt để tăng vọt lên tới 54,1 Bạt/1 USD ngày 7-1-1998 (hay 212%). Như vậy, nói Thái Lan bị khủng hoảng tiền tệ do lên giá nội tệ là chỉ đúng một phần ; yếu tố tâm lý mất tin tưởng vào đồng Bạt đã đẩy khủng hoảng tiền tệ đến những nấc thang không thể nào dự đoán được bằng những quy luật kinh tế đã biết. Yếu tố tâm lý đã làm tăng số cầu về USD và rõ ràng là số cầu tâm lý khó có một mức lượng định cụ thể nào cả : người ta mua USD không phải vì nhu cầu nhập khẩu hay trả nợ nước ngoài mà vì muốn tìm nơi trú ẩn để hy vọng thoát khỏi khủng hoảng tiền tệ. Số cầu tâm lý đó đẩy tỷ giá Bạt/USD lên và lại gây tâm lý xấu hơn

Digitized by Google

như vậy làm cho khủng hoảng tiền tệ rơi vào cơn xoáy lốc rất khó cứu chữa. Ở Hàn Quốc không bị nạn lên giá nội tệ, nhưng vẫn bị cuốn vào cơn lốc khủng hoảng tiền tệ vì cán cân thanh toán bị thâm hụt lớn. Đó cũng là một căn bệnh dễ làm bùng nổ khủng hoảng tiền tệ. Người ta còn cho rằng khủng hoảng tiền tệ nổ ra ở Hàn Quốc là do yếu tố tâm lý. Tuy nhiên yếu tố tâm lý đó xảy ra trong khi kinh tế và tiền tệ vẫn vận động theo những quy luật vật chất cụ thể : giá USD ở Thái Lan tăng lên đã kéo theo bệnh chảy máu vàng. Dân buôn Thái Lan nấu chảy vàng đúc thành thoi xuất lậu (tính tổng cộng trên dưới khoảng 1 tấn) để mua USD từ nước ngoài đem vào Thái Lan mua lại đồng Bạt. Mức xuất khẩu vàng chính thức tính bình quân khoảng 1 tỉ Bạt/tháng và tăng lên 3,3 tỉ vào tháng 10-1996. Giá vàng trước lúc đồng Bạt bị thả nổi khoảng từ 4500 Bạt/15g, giữa tháng 12 tăng lên tới 6050 Bạt - 6150 Bạt/15g tăng thêm +34%. Như vậy, so với tỷ giá lúc đó 47,1 Bạt/1 USD (lợi tức thu được do xuất lậu vàng để mua USD tăng +84%) thì tỷ suất lợi nhuận xuất lậu vàng tăng hơn 2 lần so với giá vàng nội địa khi đồng Bạt mất giá. Hệ quả chảy máu vàng của Thái Lan làm nổi rõ vai trò cực kỳ phức tạp của tiền tệ đối với kinh tế nói chung và thương mại nói riêng, không chỉ trong một nước mà trong nhiều nước trong điều kiện tự do hóa thương mại hiện nay.

Sau đó phải nghiên cứu chức năng thước đo giá trị của tiền giấy qua khủng hoảng tiền tệ. Chức năng thước đo giá trị của tiền tệ do đồng tiền giấy, vốn không có giá trị bản thân thực hiện, càng bị rối loạn hơn qua khủng hoảng tiền tệ. Những rối loạn đó đẻ ra những hệ quả phức tạp mà trong quản lý kinh tế vĩ mô chúng ta phải dự đoán và tìm cách ngăn ngừa trước hay chí ít cũng có phương án hạn chế tối đa những ảnh hưởng xấu. Ở nước ta do tỉnh táo và biết phân tích tình hình cụ thể trong những hoàn cảnh cụ thể nên đã chủ động điều chỉnh nhích giá USD để khắc phục nạn tiền ta lên giá từ tháng 10-1996, hay 9 tháng trước cuộc khủng hoảng tiền tệ nên đã lái con thuyền kinh tế Việt Nam thoát khỏi cơn bão tiền tệ 1997. Nhưng ảnh hưởng của cơn bão vẫn đe dọa nền kinh tế toàn cầu, nhất là thị trường tài chính trong đó có nước ta, khiến ta phải lường trước mọi tình huống có thể xảy ra. Đó là :

1 - Việc giảm giá mạnh các đồng tiền châu Á tất tạo ra sự lên giá các đồng tiền mạnh khác, nhất là đồng USD, liệu có làm nảy sinh những phản ứng làm rối loạn nền tiền tệ quốc tế không ? Điều chắc chắn là nó sẽ gây thâm thủng cán cân thương mại của các nước có đồng tiền lên giá ngược. Nước Mỹ lúc đầu cho rằng ảnh hưởng này rất không đáng kể tới kinh tế Mỹ vì tỷ trọng giao dịch xuất nhập khẩu của các nước Đông - Nam Á khá nhỏ trong cán cân thương mại của Mỹ, nhưng khi Hàn Quốc rơi vào khủng hoảng tiền tệ, Mỹ mới giật mình. Tác động trực tiếp có thể có là nhỏ, nhưng tác động gián tiếp ở chỗ các nước xoay ra nhập khẩu hàng hóa từ các nước Đông Á vì giá rẻ hơn hẳn một nửa, do đó rất có thể giảm bớt nhập hàng từ Mỹ ! Nước ta cũng đã bị ảnh hưởng này tràn tới thể hiện ở hàng xuất khẩu của ta bị giảm giá do sự cạnh tranh từ phá giá tiền tệ mạnh ở các nước xung quanh. Nhưng do ta đã chủ động nhích giá USD dần lên 15% nên đã loại trừ được những cú sốc tỷ giá. Đó chính là nghệ thuật quản lý vĩ mô. Vì vậy hy vọng ổn định của nước ta là rất lớn.

2 - Lên giá tương đối của các đồng tiền mạnh liệu có kích thích đầu tư vào các nước có đồng tiền bị mất giá không ? Với giá USD tăng gấp 3,66 lần ở In-đô-nê-xi-a, 2,1 lần ở Thái Lan, 1,76 lần ở Phi-líp-pin, trị giá tài sản đầu tư tính bằng nội tệ sẽ tăng lên tương ứng như vậy ; cộng thêm vào đó là thị giá chứng khoán ở các nước này xuống thấp chưa từng thấy. Đó là cơ hội bằng vàng để các nhà đầu tư lao vào mua các doanh nghiệp bị phá sản với giá rẻ mạt. Tỷ suất lợi nhuận đầu tư cao như vậy đủ xua tan những lo lắng về rủi to thu hồi vốn trong tương lai. Theo tôi chỉ có cơ cấu đầu tư là thay đổi theo hướng tăng tỷ lệ sở hữu của nước ngoài thay vì đầu tư qua tín dụng dài hạn. Chủ quyền kinh tế bị đe dọa hai lần : một qua các điều kiện vay của IMF và hai là qua sở hữu của nước ngoài tăng lên. Ở nước ta giá USD tăng có chủ ý 15% cũng có tác dụng kích thích đầu tư so với trước nhưng không mạnh bằng. Điều may mắn cần phải giữ lấy là cơ cấu đầu tư sẽ không thay đổi như ở các nước bị khủng hoảng tiền tệ.

3 - Tác động phân phối lại thu nhập của nội tệ mất giá sẽ mạnh đến mức nào ? Trước hết là phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong nước theo xu hướng người nghèo đông thêm từ hàng triệu người thất nghiệp và phá sản, sau đó là phân phối giữa các nước chủ nợ và các nước lâm vào khủng hoảng. Chúng ta đã biết tác động phân phối thu nhập cực mạnh của tiền tệ qua lạm phát. Bây giờ lại đang được chứng kiến tác động phân phối lại thu nhập qua khủng hoảng tiền tệ. Nước ta không có tình trạng mất giá nội tệ mà chỉ là quá trình đưa tỷ giá danh nghĩa về với tỷ giá thực, nên tác động phân phối lại thu nhập cũng có nhưng không lớn. Người vay nợ nước ngoài có số nợ tăng thêm 15% nhưng đó chỉ là bù trừ lại mấy năm trước được lời to qua vay nợ nước ngoài với lãi suất thấp không có trượt giá USD.

Vai trò của tiền tệ qua khủng hoảng tiền tệ là điểm rất mới, nên mong sự trao đổi rộng rãi để lượng định những tình huống có thể xảy ra.❑

Digitized by Google

THỊ XÃ HƯNG YÊN – ĐÔI ĐIỀU CẢM NHẬN

TIẾN HẢI

Thị xã Hưng Yên nằm ở vị trí trung tâm của vùng châu thổ sông Hồng, có rất nhiều tiềm năng và thế mạnh. Tiềm năng và thế mạnh ấy được thể hiện khá rõ trên các khía cạnh :

- Là nơi hội tụ của ba con sông : sông Hồng, sông Luộc, sông Châu ; giao thông đường thủy và đường bộ đều rất thuận tiện. Từ thị xã Hưng Yên, ngược sông Hồng hơn 50km là tới thủ đô Hà Nội. Nếu xuôi sông Hồng, đến ngã ba Tuần Vường có thể đi Ninh Giang, Kiến An, ra cảng Hải Phòng. Từ trung tâm thị xã, theo đường 39A đi hơn 60km tới thủ đô Hà Nội ; theo đường 39B khoảng 50km tới thị xã Hải Dương ; đi về hướng Đông Nam hơn 10km đến cầu Triều Dương, qua sông Luộc, sang tỉnh Thái Bình ; về phía Tây 2km đến bến phà Yên Lệnh, qua sông Hồng, đi khoảng 10km là tới quốc lộ 1A đi các tỉnh phía Nam. Do giao thông thuận tiện như vậy cho nên thị xã Hưng Yên từ xa xưa đã trở thành vị trí chiến lược quan trọng trong công cuộc phòng thủ đất nước, chống giặc ngoại xâm, cũng như trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

- Có một quần thể di tích lịch sử, văn hóa hết sức đa dạng và độc đáo. Trên 60 di tích ở đây đều gắn với những địa danh, những nhân vật lịch sử và huyền thoại được bảo tồn, trong đó có 9 di tích được nhà nước xếp hạng, cùng hàng trăm bia ký và cổ vật có giá trị, minh chứng cho một thời kỳ vàng son của vùng đất văn minh và giàu đẹp ở đồng bằng sông Hồng. Quần thể di tích lịch sử văn hóa Phố Hiến là tiềm năng du lịch rất lớn của thị xã Hưng Yên. Cuối năm 1992, Hội khoa học lịch sử Việt Nam cùng với địa phương đã tổ chức cuộc Hội thảo khoa học quốc tế về Phố Hiến. Các đại biểu tham dự hội thảo (kể cả trong nước và nước ngoài) đều nhất trí khẳng định những giá trị đích thực của cái "tiểu kinh đô" này.

- Nhân dân thị xã Hưng Yên có truyền thống cách mạng, có trình độ dân trí khá cao và tinh thần lao động cần cù, sáng tạo.

Mặc dù có những tiềm năng và thế mạnh như vậy nhưng mấy thập kỷ qua, thị xã Hưng Yên hầu như bị lãng quên. Mãi tới cuối năm 1992, sau Hội thảo quốc tế về Phố Hiến, nó mới bắt đầu được chú ý đến. Đúng là chỉ "mới bắt đầu được chú ý", bởi vì cho tới thời điểm đó, cái mà thị xã Hưng Yên có thể "khoe" với thiên hạ vẫn chỉ là trên 60 di tích ghi đậm dấu ấn một thời kỳ hưng thịnh của Phố Hiến trong lịch sử xa xưa. Đến tháng 1-1997, thực hiện Nghị quyết của kỳ họp thứ mười, Quốc hội khóa IX, tỉnh Hưng Yên được tái lập, thị xã Hưng Yên trở thành thủ phủ của tỉnh thì vấn đề phát huy mọi tiềm năng và thế mạnh của nó mới được chính thức đặt ra một cách cấp bách.

Công bằng mà nói, nhiều năm trước đó, mặc dù trong hoàn cảnh "thuận lợi thì ít, khó khăn thì nhiều" nhưng đảng bộ và nhân dân thị xã Hưng Yên vẫn thầm lặng, kiên trì và bền bỉ phấn đấu, thu được những thành tựu đáng kể. Từ khi trở thành thị xã tỉnh lỵ, như được tiếp thêm sức mạnh, thị xã Hưng Yên tiếp tục đạt được những thành tựu cao hơn trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Dưới đây chỉ xin điểm qua một vài nét tiêu biểu nhất :

Một là, đảng bộ đã tập trung sự ưu tiên cho xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo tiền đề phát triển kinh tế, xã hội, phấn đấu đưa thị xã thật sự trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh. Sự ưu tiên ấy trong một năm qua đã mang lại hiệu quả thật sự : Hầu hết các tuyến đường nội, ngoại thị đều đã được mở rộng, rải nhựa và nâng cấp với tổng số vốn đầu tư xấp xỉ 740 triệu đồng ; san lấp mặt bằng một số khu dân cư mới ; làm thêm một số tuyến đường giao thông ; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước, hè phố ; lắp đặt

Digitized by Google

hệ thống điện chiếu sáng với tổng số vốn đầu tư xấp xỉ 21 tỉ đồng, tăng gấp 70 lần so với năm 1996. Triển khai việc đo đạc, lập hồ sơ địa chính gần 180 ha đất dân cư, 852 ha đất canh tác, chuẩn bị cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dân cư, nhằm từng bước hạn chế sự lấn chiếm đất đai. Ngoài ra còn hoàn thành thủ tục giao đất cho 26 cơ quan, đơn vị làm trụ sở với diện tích xấp xỉ 159 nghìn mét vuông... Hệ thống thông tin liên lạc trong và ngoài nước được nâng cấp và đổi mới nhanh chóng cả về thiết bị và phương tiện phục vụ. Bộ mặt của thị xã sau một năm tỉnh Hưng Yên được tái lập đã thay đổi hẳn.

Hai là, kịp thời chuyển dịch cơ cấu kinh tế ; xây dựng được một cơ cấu kinh tế hợp lý. Xuất phát từ tình hình thực tế hiện nay và hướng phát triển trong những năm tới, đảng bộ thị xã xác định cơ cấu kinh tế : công nghiệp - nông nghiệp - thương mại, dịch vụ và du lịch.

Mấy năm gần đây, đặc biệt năm 1997, công nghiệp (bao gồm cả tiểu thủ công nghiệp) trên địa bàn thị xã phát triển theo hướng hiện đại hóa với tốc độ khá cao. Hằng năm, mức tăng trưởng bình quân đạt 55% ; doanh thu tăng gần 60%. Giá trị sản lượng công nghiệp năm 1997 (chỉ tính riêng khu vực quốc doanh) đạt 151,3 tỉ đồng, tăng 7 tỉ đồng so với năm 1996. Một số doanh nghiệp như Công ty may, Công ty nhựa, Công ty thực phẩm xuất khẩu, Nhà máy cơ khí dệt 1-5, Công ty xây lắp, Công ty xăng dầu... được hiện đại hóa nhanh, có mức doanh thu lớn, thu nhập bình quân của cán bộ, công nhân viên khá cao. Các doanh nghiệp quốc doanh hàng năm đều đạt và vượt mức kế hoạch, hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước và tự khẳng định được vai trò chủ đạo của mình trong nền kinh tế quốc dân trên địa bàn thị xã. Năm 1997 công nghiệp ngoài quốc doanh cũng có tốc độ tăng trưởng nhanh, giá trị tổng sản lượng đạt 13,5 tỉ đồng, tăng 4,2 triệu so với năm 1996. Một số sản phẩm như thảm các loại, hàng may mặc, đồ gỗ, gạch đất nung... tăng nhanh. Trên 1 200 lao động ngoài quốc doanh có việc làm tương đối ổn định, đời sống bảo đảm và bước đầu được cải thiện.

Phát triển kinh tế nông nghiệp toàn diện đi đôi với việc xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hợp tác hóa, dân chủ hóa là lĩnh vực được đảng bộ thị xã quan tâm chỉ đạo. Năm 1997, thời tiết diễn biến thất thường, một số diện tích ngoài bãi bị sạt lở, nước lũ sông Hồng lên sớm lại kéo dài đã ảnh hưởng đến diện tích gieo trồng và năng suất cây vụ đông. Mặc dù vậy, năm 1997 thị xã vẫn phấn đấu đạt diện tích gieo trồng 1 834 ha, trong đó diện tích lúa cả năm đạt 744 ha, tăng 6,2% so với kế hoạch. Năng suất lúa cả hai vụ (chiêm xuân + mùa) đạt trên 9 tấn/ha ; sản lượng thóc đạt 3 388 tấn ; giá trị sản lượng toàn ngành nông nghiệp đạt 19,7 tỉ đồng. Trong kinh tế nông nghiệp, thị xã đã kịp thời chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chú ý phát triển các loại cây, con có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là cây nhãn. Nếu tính giá trị kinh tế thì một cây nhãn bằng một sào lúa, một tạ nhãn quả bằng một tấn thóc. Cây nhãn những năm gần đây đã thật sự phát huy hiệu quả kinh tế, góp phần nâng cao đời sống cho nhiều hộ nông dân các xã ven thị. Có xã hằng năm thu từ nông nghiệp chỉ được hơn 1 tỉ đồng, nhưng thu từ cây nhãn được hơn 7 tỉ đồng. Chính vì nhãn có giá trị kinh tế cao như vậy nên Thị ủy chủ trương "nhãn hóa các vườn tạp". Thực tế cho thấy chủ trương đó là đúng đắn. Thị xã cũng đã triển khai nhanh chóng việc giao quyền sử dụng đất lâu dài cho các hộ nông dân ; đổi mới hình thức và cơ chế quản lý trong nông nghiệp cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương ; đưa nhanh những tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, tăng thêm thu nhập cho người lao động.

Cùng với công nghiệp và nông nghiệp, các hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch, trong đó đặc biệt là du lịch cũng được chú ý đẩy mạnh. Hiện tại, do có những khó khăn khách quan và chủ quan, ngành du lịch của thị xã chưa được phát triển như mong muốn, nhưng chắc chắn trong một thời gian không xa nữa với sức hấp dẫn của quần thể di tích lịch sử Phố Hiến, nó sẽ được phát triển mạnh, chiếm tỷ trọng đáng kể trong các ngành kinh tế của thị xã.

Ba là, các công tác giáo dục, y tế và thương binh - xã hội đều có những bước tiến đáng kể. Năm học 1996 - 1997, tổng số học sinh các ngành học, cấp học là 8 473 em, chiếm 23% số dân của

Digitized by Google

thị xã ; kết quả học tập đạt cao hơn so với những năm trước, số học sinh thi đỗ tốt nghiệp tiểu học, trung học cơ sở, trung học bổ túc, trung học chuyên ban đều đạt tỷ lệ trên 95%. Ngành giáo dục thị xã là một trong những đơn vị dẫn đầu của tỉnh Hưng Yên. Công tác y tế và kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh ở các xã, phường. Nhiều chương trình y tế được triển khai, đáp ứng nhu cầu bức thiết của nhân dân và mang tính xã hội cao như : chương trình tiêm chủng mở rộng, chương trình thanh toán các bệnh bại liệt, uốn ván ở trẻ sơ sinh... Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên của thị xã trong năm 1997 giảm xuống ở mức 1,2% (mức thấp nhất từ trước tới nay). Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa được chú ý mở rộng. Năm 1997, thị xã đã huy động được 127 triệu đồng để xây dựng nhà tình nghĩa, trợ cấp vật liệu xây dựng cho các gia đình thương binh, liệt sĩ. Ngành ngân hàng thị xã còn cho các gia đình chính sách, các hộ nông dân nghèo vay vốn để sản xuất với lãi suất ưu đãi, hoặc lãi suất thấp. Vì thế, vào thời điểm cuối năm 1997, toàn thị xã không còn hộ đói, hộ nghèo giảm 2% và hộ giàu tăng 5,7% so với năm 1996.

Sẽ là thiếu sót nếu không ghi thêm một số cảm nhận về những nguyên nhân tạo ra thành quả của thị xã Hưng Yên trong mấy năm qua và đặc biệt là năm 1997. Trước hết phải nói tới quyết định tái lập tỉnh Hưng Yên của Đảng và Nhà nước là một quyết định hết sức đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng đúng nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân Hưng Yên. Có thể nói đây là động lực rất lớn và là tiền đề rất quan trọng cho những thắng lợi trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội thuộc địa bàn toàn tỉnh nói chung và địa bàn thị xã nói riêng. Sau đó, phải nói tới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự giúp đỡ của các ban ngành đối với thị xã, đặc biệt là việc đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng. Đó là những nguyên nhân khách quan. Còn về nguyên nhân chủ quan, phải đề cập tới một yếu tố hết sức quan trọng, mang tính quyết định : đó là vai trò lãnh đạo của Thị ủy, của các tổ chức cơ sở đảng và của toàn thể đội ngũ cán bộ, đảng viên. Về làm việc ở thị xã Hưng Yên, chúng tôi cảm nhận được một điều : đó là sự đoàn kết, nhất trí của tập thể lãnh đạo, đặc biệt là của đội ngũ cán bộ chủ chốt, mà trước nhất là các đồng chí thường trực Thị ủy (Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Phó bí thư thường trực). Họ đúng là một "ê kíp" với đúng nghĩa chân chính của nó. Ở đây không có tình trạng bao biện, làm thay, cũng không có sự lấn át của cấp ủy đảng đối với chính quyền. Ngược lại, ở đây cũng không có sự thờ ơ, quay lưng lại hoặc bất hợp tác của chính quyền đối với cấp ủy đảng. Trong công việc, họ tuân thủ rất chặt chẽ các nguyên tắc lãnh đạo và tổ chức của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách ; đồng thời biết tôn trọng nhau, biết cách thuyết phục nhau và chờ đợi nhau khi cần thiết. Đồng chí Bí thư Thị ủy tâm sự : "Chúng tôi mà quay lưng lại với nhau, mất đoàn kết thì nhất định sẽ xảy ra tình trạng chia rẽ, bè phái trong cấp ủy, trong đảng bộ. Và như thế là mình có tội lớn với đảng bộ và nhân dân". Có lẽ nhận thức được như vậy cho nên vấn đề đoàn kết được các đồng chí lãnh đạo thị xã coi là "nhiệm vụ quan trọng hàng đầu".

Đảng bộ thị xã Hưng Yên còn thường xuyên chăm lo xây dựng các loại hình tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, đặc biệt là tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan, các doanh nghiệp và các xã, phường. Song song với việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, đảng bộ cũng tập trung sức giải quyết dứt điểm những cơ sở yếu kém. Vì thế, trong mấy năm gần đây, số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh ngày càng tăng. Tới nay, trên 70% số tổ chức cơ sở đảng đã được công nhận là đơn vị trong sạch vững mạnh.

Đội ngũ cán bộ đã được sắp xếp lại nhằm phát huy tối đa năng lực của từng người và phù hợp với yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới. Quy hoạch cán bộ gắn với đào tạo, bồi dưỡng được tiến hành thường xuyên. Hằng năm, Thị ủy đều cử một số cán bộ, nhất là những cán bộ trẻ, kế cận học các lớp đào tạo, bồi dưỡng do trung ương và tỉnh mở. Đội ngũ cán bộ cơ sở đã được đổi mới về căn bản theo hướng trẻ hóa trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực.

(Xem tiếp trang 50)

Digitized by Google

XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở ĐỒNG THÁP

LÊ VŨ HÙNG *

Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục - đào tạo là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Gần đây, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 90/CP (ngày 21-8-1997) về công tác xã hội hóa giáo dục, y tế, văn hóa, bước đầu cụ thể hóa chủ trương trong nghị quyết của Đảng, tạo hành lang pháp lý cho việc đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Đây là một chủ trương đúng đắn phù hợp với sự vận động, phát triển tất yếu của giáo dục, hướng tới một nền giáo dục cho xã hội tương lai. Xã hội hóa giáo dục, hiểu một cách toàn diện, không chỉ là sự chia sẻ gánh nặng tài chính cho giáo dục từ phía Nhà nước sang nhân dân mà quan trọng hơn và sâu sắc hơn là sự cộng đồng trách nhiệm và lợi ích, nhằm thu hút sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân vào phát triển giáo dục dưới nhiều hình thức, xây dựng một nền giáo dục của toàn dân, khuyến khích mọi người học tập thường xuyên, học tập suốt đời, gắn kết hữu cơ giáo dục với phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục vừa phải bảo đảm công bằng xã hội, thỏa mãn mọi nhu cầu học tập đa dạng của nhân dân vừa đáp ứng tốt nhu cầu về nhân lực, nhân tài cho phát triển.

Như vậy, xã hội hóa giáo dục không đơn thuần chỉ là sản phẩm của cơ chế thị trường mà nó bắt nguồn từ chính bản chất nhân văn và tiến bộ của giáo dục, từ vai trò và chức năng cực kỳ quan trọng của giáo dục trong phát triển kinh tế - xã hội mà Đảng ta đã xác định là "quốc sách hàng đầu". Nhìn nhận về xã hội hóa giáo dục cũng cần phải toàn diện, từ cả hai phía : trách nhiệm của Nhà nước, của toàn xã hội đối với giáo dục và ngược lại, sự đáp ứng của giáo dục trước những yêu cầu, đòi hỏi của xã hội, của sự phát triển đất nước.

Từ những điều vừa nêu, nhìn về những thành quả giáo dục mà đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã đạt được trong thời gian qua, có thể khẳng định rằng, những thành quả đó có được là nhờ một phần quan trọng ở chủ trương xã hội hóa giáo dục.

Đồng Tháp là một tỉnh đồng bằng sông Cửu Long có nhiều tiềm năng to lớn nhưng do hậu quả lâu dài của chiến tranh và tình trạng thiên tai, lũ lụt thường xuyên, nên chưa được khai thác đúng mức. Trình độ phát triển mọi mặt của tỉnh (và cả khu vực) còn nhiều hạn chế. Trình độ dân trí thấp, tỷ lệ mù chữ cao. Riêng lĩnh vực giáo dục - đào tạo, sau năm 1975, số trường lớp còn ít, chủ yếu là giáo dục phổ thông, còn giáo dục mầm non và giáo dục chuyên nghiệp - dạy nghề gần như là con số không. Đứng trước thực trạng đó, đảng bộ Đồng Tháp, qua các kỳ Đại hội và nhiều văn bản của Tỉnh ủy, đều thể hiện rõ tư tưởng chỉ đạo của mình : Xã hội hóa giáo dục, đặt yêu cầu các cấp, các ngành phải tích cực chăm lo sự nghiệp trồng người và lấy đó làm cơ sở vững chắc cho sự phát triển toàn diện của địa phương trong tương lai. Các cấp lãnh đạo ở Đồng Tháp luôn dành cho giáo dục sự quan tâm thích đáng, không chỉ về mặt vật chất, tài chính mà cả ở sự chỉ đạo, lãnh đạo sát sao, thường xuyên. Chính vai trò trung tâm của cấp ủy và chính quyền đã trở thành một động lực mạnh mẽ thúc đẩy phong trào xã hội hóa giáo dục ở Đồng Tháp phát triển rộng khắp và có hiệu quả từ nhiều năm nay.

Phong trào "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường", thực tế đã được triển khai sớm ở nhiều nơi trong tỉnh, trước khi có chủ trương chung trên toàn quốc. Như tại huyện Cao Lãnh, được hội nông dân chỉ đạo điểm về phối hợp với ngành giáo dục, ngày khai trường thực sự đã trở thành ngày hội giáo dục của toàn dân. Các cấp hội phụ nữ của tỉnh có chương trình ngăn chặn học sinh bỏ học, huy động trẻ em trong độ tuổi và đúng độ tuổi đến lớp học hằng năm, xây dựng quỹ học bổng Nguyễn Thị Định để trợ giúp các em học sinh nữ có hoàn cảnh khó khăn được tiếp tục học hành. Tổ chức đoàn

* Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Digitized by Google

thanh niên thành lập nhiều đợt thanh niên xung kích xóa mù chữ, huy động trẻ thất học vào các lớp tình thương, lớp sinh hoạt và đóng vai trò nòng cốt trong phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao và xây dựng nếp sống mới học đường. Các cấp hội cựu chiến binh tham gia tích cực sinh hoạt giáo dục truyền thống và các mặt hoạt động khác trong nhà trường. Cơ quan bảo vệ và chăm sóc trẻ em luôn phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục và các ngành, đoàn thể hữu quan để ngăn chặn và thu hẹp dần tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, huy động trẻ đến trường, phổ biến kiến thức nuôi dạy con theo khoa học, tập hợp các mối quan tâm của xã hội, đẩy mạnh hoạt động quỹ "Vì tuổi thơ", quỹ "Bảo trợ tài năng trẻ", xây dựng quỹ học bổng giúp trẻ em nghèo vượt khó học giỏi. Ngành y tế, bảo hiểm y tế và các cấp hội chữ thập đỏ cùng phối hợp với ngành giáo dục, tăng cường các hoạt động y tế học đường và nhân đạo. Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn kết hợp tổ chức trồng cây phân tán trong nhà trường và địa phương. Hội văn nghệ tham gia tổ chức cuộc thi sáng tác : học sinh "Viết về thầy cô và mái trường thân yêu" suốt 7 năm học qua.

Riêng ngành thể dục - thể thao, cùng đoàn thanh niên đã phối hợp thường xuyên, chặt chẽ và có hiệu quả với ngành giáo dục trong nhiều năm học, dấy lên phong trào vui khỏe, phát triển giáo dục thể chất, đồng thời xây dựng kế hoạch chuẩn bị thành tích cho học sinh phổ thông tỉnh nhà tham gia Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ 5 vào năm 2000 tại Đồng Tháp.

Trong các trường học, việc các đoàn thể tổ chức phối hợp 3 môi trường giáo dục đã ngăn chặn có hiệu quả các tệ nạn xã hội xâm nhập vào học đường. Một số tổ chức quốc tế như : Nicco (Nhật Bản) đã giúp tiền xây dựng phòng học mới và cấp hàng trăm suất học bổng cho học sinh nghèo ở nông thôn, tổ chức nhiều đợt giao lưu giữa thanh niên Nhật Bản với học sinh Đồng Tháp. Nhiều trường học đã tổ chức "Ban liên lạc cựu học sinh", họp mặt truyền thống, ngày hội trường, kỷ niệm 30 năm - 40 năm thành lập trường, và qua đó, huy động thêm được nguồn lực vật chất, tinh thần, trí tuệ cho việc phát triển mọi mặt của nhà trường, tạo cho nhà trường bộ mặt mới như một giá trị lịch sử - văn hóa của địa phương.

Nhằm đưa phong trào xã hội hóa giáo dục của tỉnh lên một bước mới, một mặt tỉnh chủ trương tăng ngân sách chi cho giáo dục - đào tạo hằng năm, "động viên đúng mức sự đóng góp của mỗi nhà, mỗi người ; đồng thời thu hút nguồn đầu tư từ các cộng đồng, các giới trong và ngoài nước cho giáo dục - đào tạo" (Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng). Cũng để tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các mục tiêu cơ bản về giáo dục mà Đại hội lần thứ VI của đảng bộ đề ra, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ trương thành lập "Quỹ xây dựng nông thôn". Năm 1997, tập trung nguồn quỹ này với chỉ tiêu huy động là 26,7 tỉ đồng, cho xây dựng phòng học mới, xóa các lớp học ca ba. Đây là lần đầu tiên toàn tỉnh đã phát động một phong trào rộng lớn, nhất quán từ trên xuống dưới, toàn dân chăm lo điều kiện học tập cho con em. Thực ra, việc chăm lo xây dựng trường lớp đã được cấp ủy, chính quyền ở nhiều địa phương trong tỉnh quan tâm thực hiện ngay sau ngày giải phóng (1975), nổi bật có phong trào "Nhà nước và nhân dân cùng làm", "tỉnh, huyện, xã cùng làm" của những năm 80 - 90. Các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp cũng dành riêng đất, nhiều hộ nông dân (như ở Lai Vung) đã hiến đất và đóng góp vật liệu, tiền bạc, ngày công cho việc xây dựng trường học, nhiều nhà "mạnh thường quân" đã tích cực đóng góp, cụ thể là chia hai hoặc chia ba phần với Nhà nước, lo việc xây dựng, bảo quản trường học, tham gia nhiều mặt hoạt động khác của nhà trường. Đáng biểu dương là cấp ủy, ủy ban nhân dân xã Bình Thành (Lấp Vò), chẳng những đã lo đủ phòng học, mà còn yêu cầu phòng học phải xây kiên cố, cao tầng và kiến trúc đẹp, có sân, rào, cổng, nhà vệ sinh, nhà ở cho giáo viên ở nơi khác đến...

Điều cảm động hơn, những vùng lũ lụt nặng ở Đồng Tháp Mười, nhiều bà con đã chủ động tổ chức ghe tàu đưa đón trẻ em đi học, cho học sinh ở xa được trọ học không mất tiền.

Trên đây chỉ nêu vài nét về phong trào xã hội hóa giáo dục và chỉ theo chiều xã hội "lo" cho giáo dục. Còn về phía giáo dục - đào tạo đã "lo" cho xã hội được những gì ?

Xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), Tỉnh ủy Đồng Tháp đã kiểm điểm tình hình phát triển giáo dục - đào tạo trong thời gian qua, đề ra phương

Digitized by Google

hướng, mục tiêu và biện pháp cụ thể cho thời gian tới, nhất là đến năm 2000. Bước vào năm học mới 1997 - 1998, ba mục tiêu lớn về phát triển giáo dục của tỉnh đã gặt hái kết quả : phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ hoàn thành chuẩn quốc gia ở 11/11 huyện, thị và 131/139 xã phường ; cơ bản xóa được phòng học ba ca và giải quyết đủ nhu cầu giáo viên cho các trường lớp phổ thông trong tỉnh. Tuy vậy, những kết quả trên cũng chưa thực sự vững chắc, đòi hỏi ngành giáo dục - đào tạo tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp giải quyết dứt điểm một số tồn đọng, giữ vững và phát huy những thành quả trong thời gian tới.

Các ngành học, cấp học tiếp tục tăng trưởng. Hằng năm, ngoài vốn ngân sách dành cho xây dựng cơ bản (năm 1997 : 26 tỉ đồng), toàn ngành phải tiết kiệm chi trên dưới 8% để bổ sung nguồn kinh phí xây dựng sửa chữa phòng học và trang thiết bị dạy học cho các địa phương trong tỉnh. (Chưa kể các nguồn viện trợ, tài trợ của nước ngoài, của Việt kiều mỗi năm gần 3 tỉ đồng).

Hệ thống giáo dục quốc dân và mạng lưới trường học được thiết lập khá hoàn chỉnh và bố trí hợp lý trên địa bàn toàn tỉnh. Xóa được xã, ấp trắng về giáo dục. Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào học lớp 1 đạt cao (98%). Đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa với tỷ lệ cao, gần 100%. Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục - Đào tạo (thông qua chương trình giáo viên và các trường sư phạm), Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo ngành giáo dục chăm lo xây dựng đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất cho trường sư phạm. Đến nay, đã hoàn tất công tác quy hoạch và kế hoạch xây dựng, những công trình đầu tiên đã đưa vào sử dụng, gần 30% giáo viên đạt trình độ thạc sĩ, 3 nghiên cứu sinh, chuẩn bị các điều kiện khác để hướng tới thành lập trường đại học cộng đồng, phục vụ cho yêu cầu đào tạo nhân lực cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Cố gắng lớn của toàn ngành là tạo sự chuyển biến tích cực hơn về bộ mặt trường sở, chất lượng giáo dục, nền nếp và trật tự, kỷ cương trong các trường học ; tạo mọi cơ hội, điều kiện thuận lợi cho người học, khơi gợi nhu cầu học tập trong xã hội (các trung tâm giáo dục thường xuyên, ngoại ngữ, tin học, mở rộng các cơ sở đào tạo đại học, trung cấp, bồi dưỡng chuyên đề, mở các lớp đại học cộng đồng được Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ và Chính phủ Hà Lan bảo trợ). Số học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi của tỉnh và toàn quốc ngày càng nhiều hơn, số đỗ vào các trường đại học cũng ngày một tăng lên.

Nhìn chung, nhu cầu học tập của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân còn rất lớn và đa dạng. Tuy đã có nhiều nỗ lực, nhưng sự đáp ứng của ngành giáo dục - đào tạo vẫn còn ở mức độ khiêm tốn. Kinh tế của tỉnh chưa phát triển mạnh, nền sản xuất chủ yếu ở dạng thuần nông (chiếm hơn 70%), theo phương thức hộ gia đình và các ngành nghề thủ công truyền thống, gia truyền, nên yêu cầu phát triển ngành nghề đặt ra cho nhiệm vụ đào tạo chưa thật cụ thể và có tính thúc bách. Như vậy, công tác giáo dục - đào tạo phải thực hiện chức năng dự báo, đào tạo đón đầu mà trước hết là tạo dựng mặt bằng dân trí theo hướng nâng dần lên. Tuy nhiên đào tạo đón đầu như thế nào, tập trung vào những ngành nào, đây thực sự vẫn là những câu hỏi chưa có được lời giải xác đáng vì nó liên quan đến sự phát triển kinh tế - xã hội chung, đòi hỏi sự chỉ đạo ở tầm cao.

Xã hội hóa giáo dục ở Đồng Tháp, như đã nêu trên, được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy luôn luôn là sự kết hợp của hai phía. Nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện, phía từ xã hội đến giáo dục, như đóng góp xây dựng trường sở, tham gia giáo dục đạo đức, động viên các thầy cô giáo, khuyến khích con em học tập, kết hợp 3 môi trường giáo dục... thì tương đối rõ ràng, cụ thể, có thể chế hóa hoặc quy định của Nhà nước, thấp nhất là nội quy của nhà trường. Còn từ phía giáo dục đến xã hội, thực sự chưa được cụ thể hóa, dù mỗi loại nhà trường đều hoạt động có điều lệ cụ thể. Trách nhiệm của công tác giáo dục, động viên, khuyến khích, khai thác nhu cầu học tập của xã hội thế nào và mức độ nào, chưa rõ. Điều này còn dễ dẫn đến cách nhìn chưa đầy đủ về phong trào xã hội hóa giáo dục là đồng nghĩa với tư thục hóa, dân lập hóa, là nhà nước chuyển "gánh nặng" chăm lo giáo dục cho xã hội, cho nhân dân.

Từ thực tiễn này, khi triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, chúng tôi nhận thấy các cấp ủy, chính quyền địa phương đang hết sức mong đợi các cấp ở trung ương tiếp tục ban hành các văn bản nhằm thể chế hóa, cụ thể hóa hơn nữa chủ trương xã hội hóa giáo dục.❑

Digitized by Google

NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI CHUYỂN DỊCH THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

HỒ VĂN VĨNH *

ĐỒNG Nai là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng tăng trưởng phía nam với diện tích 5 866 km², dân số khoảng 2 triệu người.

Là một tỉnh có điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội thuận lợi, đã từ lâu ở Đồng Nai đã hình thành một cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Sau ngày miền Nam giải phóng và trong những năm đổi mới, cơ cấu kinh tế nông nghiệp Đồng Nai tiếp tục chuyển đổi và phát triển.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) về "Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn", các cấp ủy đảng và chính quyền ở tỉnh Đồng Nai đã tập trung lãnh đạo và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đạt hiệu quả cao gắn với xây dựng nông thôn mới.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh Đồng Nai được thể hiện rõ trên những mặt chủ yếu sau đây :

1 - Phát triển một nền nông nghiệp hàng hóa, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Từ năm 1993 đến năm 1996, các chỉ số phát triển của ngành trồng trọt đối với một số cây chủ lực được biểu hiện như sau :

Bảng 1 : So sánh các chỉ tiêu chủ yếu về các cây trồng chính ở tỉnh Đồng Nai của năm 1996 so với năm 1993.

Các chỉ tiêu		Năm 1993	Năm 1996	So sánh 1996/1993(%)
Tổng diện tích sản xuất nông nghiệp	(ha)	296 300	330 700	111,60
1 - Cây lương thực				
Tổng diện tích	(ha)	112 200	151 592	135,10
Sản lượng lương thực quy thóc	(tấn)	348 000	534 000	153,40
Trong đó :				
Diện tích lúa cả năm	(ha)	63 300	67 500	106,63
Sản lượng lúa	(tấn)	196 800	223 425	113,5
Diện tích ngô	(ha)	35 900	64 500	179,66
Sản lượng ngô	(tấn)	81 493	232 200	285,00
Diện tích sắn (củ mì)	(ha)	9 900	14 480	146,26
Sản lượng sắn	(tấn)	162 500	ước tính 200 000	ước tính 123,00
2 - Cây công nghiệp ngắn ngày				
Diện tích cây mía	(ha)	8 371	9 650	115,00
Sản lượng mía	(tấn)	358 000	424 600	118,60
Diện tích cây bông vải	(ha)	1 502	5 538	368,00
Sản lượng bông vải	(tấn)	1 320	5 593	423,00
3 - Cây công nghiệp lâu năm				
Diện tích cây điều	(ha)	27 365	30 040	109,80
Sản lượng điều	(tấn)	13 970	15 344	109,80
Diện tích cà phê	(ha)	14 028	20 930	149,20
Sản lượng cà phê	(tấn)	16 698	29 394	176,00
Diện tích cây cao su	(ha)	42 049	39 233	93,00
Sản lượng mủ cao su	(tấn)	25 627	33 635	131,00

Nguồn : - Niên giám thống kê 1995, Nxb Thống kê, 1996.
- Báo cáo của UBND tỉnh Đồng Nai.

Qua bảng số liệu trên, có thể rút ra một số nhận xét chính sau đây :

Một là, cơ cấu cây trồng khá hợp lý, có tỷ lệ cân đối giữa diện tích cây lương thực, cây công nghiệp, giữa cây hàng năm và cây lâu năm. Theo kết quả tổng điều tra nông nghiệp và nông thôn (7-1994) thì cơ cấu cây trồng hàng năm có diện tích 51,2% và cây lâu năm - 47,8%, là một cơ cấu khá cân đối.

Hai là, cơ cấu cây trồng không còn mang tính chất tự cung tự cấp, khép kín mà là theo yêu cầu của thị trường. Chẳng hạn, trong cây lương thực thì cây lúa tăng ít, tỉnh có chủ trương giữ ổn định ở mức trên dưới 65 000 ha, mức bình quân thóc đầu người thấp, cả năm 1993 và 1996 chỉ khoảng 110kg. Như vậy, Đồng Nai đã tranh thủ được thị trường gạo của quanh vùng, đặc biệt của đồng bằng sông Cửu Long có hiệu quả hơn để tập trung vào loại cây có ưu thế hơn ở miền Đông Nam Bộ, đó là cây ngô và cây sắn. Sản lượng ngô năm 1996 gấp 3 lần

* GS, PTS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

(285%), không phải chủ yếu để giải quyết lương thực cho người mà để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, còn sắn cung cấp nguyên liệu cho nhà máy bột ngọt VEDAN.

Ba là, cơ cấu cây trồng đã chuyển dịch theo hướng hiệu quả. Tất cả các loại cây trồng chủ lực có thị trường tiêu thụ - cho công nghiệp chế biến, cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu - đều tăng cả diện tích và sản lượng. Chẳng hạn, do có nhu cầu lớn về nguyên liệu sợi, dệt và phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu của Đồng Nai nên diện tích trồng bông đã tăng gần 4 lần (368%), trong khi đó đậu tương (đậu nành) năng suất thấp (7-8 tạ/ha) đã giảm diện tích, chuyển sang trồng ngô có hiệu quả hơn.

Như vậy, nếu xét về cơ cấu cây trồng thì nông nghiệp Đồng Nai đã chuyển hướng phù hợp với yêu cầu của thị trường, tập trung vào một số cây chủ lực có diện tích, năng suất, sản lượng và tỷ suất hàng hóa cao.

Xét về cơ cấu kinh tế nông nghiệp thì nền nông nghiệp ở Đồng Nai phát triển một cách toàn diện, cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa nông nghiệp với lâm nghiệp, thủy sản ; trong chăn nuôi thì phát triển mạnh đàn lợn, gia cầm, nuôi bò sữa, nuôi trồng thủy sản. Bảng 2 cho thấy tiềm năng nuôi lợn của tỉnh Đồng Nai so với các tỉnh miền Đông Nam Bộ :

Bảng 2 : Cơ cấu đàn lợn các tỉnh miền Đông Nam Bộ năm 1993-1994

Đơn vị : ngàn con

	1993	1994
Miền Đông Nam Bộ	709	832,2
Trong đó :		
- TP Hồ Chí Minh	178,4	180,3
- Sông Bé (cũ)	137,1	148,3
- Tây Ninh	87,9	86,5
- Bà Rịa - Vũng Tàu	86,6	104,7
- Đồng Nai	219,0	312,4

Nguồn : Niên giám thống kê 1995, Nxb Thống kê, 1996, tr 153.

Như vậy đàn lợn của Đồng Nai năm 1994 chiếm tỷ lệ 37,5% tổng đàn lợn miền Đông Nam Bộ, năm 1996 tăng lên 424 000 con, so với năm 1993 tăng lên 193,6%, tức là tăng gần gấp đôi, sản lượng thịt đạt 23 240 tấn, đàn gia cầm đạt 4,7 triệu con, tăng 2,4 triệu con so với năm 1993.

Sự phát triển chăn nuôi tạo nên sự cân đối giữa chăn nuôi và trồng trọt, có tác động thúc đẩy nhau phát triển sản xuất hàng hóa, phát triển công nghiệp chế biến và mở rộng thị trường trong vùng và cho xuất khẩu.

2 - Thúc đẩy tiến bộ khoa học - công nghệ, từng bước hiện đại hóa nông nghiệp. Qua biểu số 1 cho thấy, diện tích và sản lượng của các loại cây trồng chủ lực năm 1996 so với năm 1993 đều tăng, nhưng tốc độ tăng sản lượng cao hơn tốc độ tăng diện tích. Điều đó chứng tỏ năng suất cây trồng đều tăng, có loại như cây ngô, nhờ áp dụng giống ngô lai DK 888 và LVN 10 nên tăng mạnh, cho năng suất tới 36 tạ/ha trồng đại trà (năm 1993 là 22,7 tạ/ha). Các loại cây trồng khác đều thay giống cũ bằng bộ giống mới có năng suất và chất lượng cao như cây lúa 100% diện tích, ngô 95-97% diện tích, sắn 50% diện tích.

Các cây mía, bông, điều, cao su cũng đều thay giống mới có năng suất và chất lượng cao. Các vườn cây ăn trái được cải tạo vườn tạp thành vườn chuyên canh, đưa các giống cây trái có năng suất cao, phẩm chất tốt vào trồng. Trong các biện pháp khoa học - công nghệ, đã kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với lâm nghiệp, tạo nên một nền nông nghiệp sinh thái cần thiết cho cả vùng nhờ quản lý, bảo vệ và phát triển vốn rừng cộng với các rừng cây lâu năm như cao su, cà phê, điều cũng góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Ngoài ra Đồng Nai còn chú ý đẩy mạnh công tác thủy lợi, khuyến nông, cơ giới hóa nông nghiệp, phát triển một hệ thống dịch vụ cho sản xuất như phân bón, giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và thú y v.v...

Trong công tác khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, lãnh đạo tỉnh Đồng Nai đã tranh thủ khai thác tiềm lực khoa học trong vùng, đặc biệt các viện nghiên cứu và trường đại học ở TP Hồ Chí Minh, coi trọng công tác giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí.

3 - Gắn nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ, từng bước công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn. Đồng Nai là một tỉnh có lực lượng công nghiệp đứng thứ ba cả nước (sau TP Hồ Chí Minh và Hà Nội) bao gồm : công nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương, công nghiệp ngoài quốc doanh và công nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Bên cạnh khu công nghiệp Biên Hòa trước đây, đã hình thành khu công nghiệp Biên Hòa 2 do vốn đầu tư nước ngoài và đã quy hoạch thêm 14 khu công nghiệp mới. Năm 1997, có trên 200 dự án với số vốn đăng ký gần 4 tỉ USD. Sự phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ đã có tác động thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, đẩy mạnh

Digitized by Google

quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn trên các mặt sau đây :

Một là, công nghiệp cung cấp tư liệu sản xuất, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho nông nghiệp. Điện của Nhà máy Trị An đã hòa vào mạng lưới quốc gia và cung cấp điện cho 100% số xã. Nhà máy chế tạo động cơ nổ (VINAPRO) và Công ty máy nông nghiệp miền Nam (VIKYNO) đã sản xuất máy móc cung cấp cho cả nước, cho xuất khẩu và trực tiếp cung cấp cho nông nghiệp của Đồng Nai. Ngoài ra các nhà máy chế biến phân bón, thức ăn gia súc, thuốc phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng và vật nuôi đều trực tiếp phục vụ cho nông nghiệp của tỉnh.

Hai là, giải quyết đầu ra cho nông nghiệp thông qua công nghiệp chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản cho nông dân, trong đó phải kể đến nhà máy bột ngọt VEDAN tiêu thụ sắn của tỉnh Đồng Nai và các tỉnh xung quanh, nhà máy thức ăn gia súc tiêu thụ ngô, nhà máy đường tiêu thụ mía, các doanh nghiệp chế biến hạt điều v.v... có tác dụng rất lớn đối với phát triển nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

Ba là, công nghiệp và dịch vụ thu hút lao động từ nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy phân công lao động xã hội. Theo báo cáo của Ban kinh tế Tỉnh ủy Đồng Nai, thời gian qua các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã thu hút khoảng 22 000 lao động, kinh tế ngoài quốc doanh thu hút trên 60 000 lao động và công nghiệp quốc doanh thu hút trên 5 000 lao động. Ngoài ra công nghiệp nhỏ ở nông thôn cũng đã thu hút hàng vạn lao động vào các lò sấy ngô, lò đường, sơ chế hạt điều v.v..

Bốn là, công nghiệp phát triển góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, hình thành các cụm công nghiệp và dịch vụ, phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đi liền với nó là hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội như giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc, trạm y tế, trường học, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

4 - Coi trọng công tác tổ chức và quản lý. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với việc tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh cũng như đổi mới quản lý đối với nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tỉnh Đồng Nai đã tập trung chỉ đạo một số công tác chủ yếu sau đây :

Thứ nhất, đổi mới mô hình hợp tác xã kiểu cũ, phát triển kinh tế hợp tác kiểu mới trong nông nghiệp.

- Đối với các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất cũ, tuy vẫn đứng vững và hoạt động tốt trong cơ chế mới nhưng đã tự đổi mới cho phù hợp với yêu cầu của sản xuất hàng hóa như hợp tác xã Gò Me (Biên Hòa), hợp tác xã Phú Điền (Tân Phú), hợp tác xã Hòa Bình (Thống Nhất), tập đoàn sản xuất Phú Ngọc (Định Quán).

- Phát triển các hình thức hợp tác kiểu mới như chi hội, tổ hội nghề nghiệp, hợp tác giúp nhau vay vốn, cung cấp vật tư, làm đất, thu hoạch, tổ đường nước... Đã ra đời tổ hội dâu tằm tơ ở huyện Thống Nhất, chi hội bông vải, chi hội làm vườn, tổ hợp tác nuôi cá, tổ vay vốn ngân hàng. Cả tỉnh có 2 100 chi hội, tổ hội kiểu này.

- Đã xuất hiện hình thức hợp tác giữa hộ nông dân với doanh nghiệp nhà nước nhằm giải quyết đầu vào, đầu ra, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất gắn với phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, hoặc đã ra đời phương thức đầu tư tay ba giữa nông dân - ngân hàng nông nghiệp và các doanh nghiệp cung ứng, dịch vụ cho nông nghiệp theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi.

Thứ hai, trên cơ sở tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp mà sắp xếp lại bộ máy quản lý ngành nông nghiệp, bộ máy quản lý cấp xã và đổi mới cơ chế, chính sách quản lý nông nghiệp, trong đó các cấp quản lý vừa tôn trọng và phát huy quyền tự chủ kinh doanh của hộ nông dân và các doanh nghiệp, vừa hướng dẫn và kiểm tra hoạt động kinh doanh theo đúng pháp luật.

Thứ ba, đã chú ý thực hiện các chính sách như chính sách ruộng đất, chính sách đầu tư, cấp vốn để xây dựng kết cấu hạ tầng hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, chính sách tín dụng cho vay vốn tới nông dân bằng thế chấp và tín chấp. Từ năm 1993 đến 1996, Ngân hàng nông nghiệp Đồng Nai đã cho 324 278 lượt hộ nông dân vay số tiền hơn 1 300 tỉ đồng, Ngân hàng phục vụ người nghèo đã cho 9 579 hộ nông dân vay gần 16 tỉ đồng. Ngoài ra tỉnh cũng chú ý các chính sách xã hội như xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, đền ơn đáp nghĩa, từ thiện...

5 - Một số vấn đề cần giải quyết nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn đạt kết quả cao hơn. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Đồng Nai đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, nhưng còn nhiều vướng mắc làm hạn chế hiệu quả kinh tế - xã hội, chưa tương xứng với tiềm năng to

Digitized by Google

lớn của tỉnh, cần được nghiên cứu giải quyết. Có thể nêu ra một số vấn đề sau đây :

a) Giải quyết khâu tiêu thụ nông sản hàng hóa, bảo đảm lợi ích cho nông dân. Cũng như tình hình chung cả nước, các sản phẩm nông nghiệp ở Đồng Nai tiêu thụ chậm, càng được mùa thì giá càng thấp, nông dân càng bị thua thiệt, sản xuất không ổn định và vững chắc.

Để giải quyết vấn đề này, theo chúng tôi có các giải pháp :

- Tăng cường đầu tư cho khâu chế biến nông sản, cả sơ chế và tinh chế, đặc biệt đối với các nông sản chóng hư thối như thịt, rau, trái cây. Hệ thống chế biến nông sản bao gồm nhiều loại hình doanh nghiệp, nhiều quy mô, trình độ công nghệ ; trong đó có các doanh nghiệp đầu đàn có khả năng xuất khẩu và tạo mạng lưới tiêu thụ khắp cả nước, đồng thời phát triển nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế để chế biến các loại nông sản khác nhau, như các cơ sở chế biến hạt điều mà Đồng Nai đã làm.

- Tổ chức và từng bước hiện đại hóa khâu tiêu thụ nông sản, đặc biệt đối với trái cây, bao gồm khâu đóng gói, bảo quản và vận chuyển phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Việc này bản thân nông dân không thể làm được mà phải có sự tổ chức và hỗ trợ của ngành nông nghiệp, ngành thương mại, của các doanh nghiệp lớn, trước hết là Tổng công ty rau quả.

b) Đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp, tập trung vào các khâu nặng nhọc, tốn nhiều công sức như làm đất, tưới tiêu, thu hoạch và công nghệ sau thu hoạch. Cơ giới hóa nông nghiệp là một biện pháp quan trọng của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đối với Đồng Nai là một đòi hỏi cấp thiết và có nhiều điều kiện thực hiện. Có một nghịch lý là ngay trên địa bàn của tỉnh Đồng Nai và ở TP Hồ Chí Minh đã sản xuất ra các máy móc, thiết bị phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp nhưng nông dân lại ít mua mà đi tìm mua máy nhập từ nước ngoài, kể cả máy đã qua sử dụng. Để giải quyết khó khăn và mâu thuẫn trên đây, cần có một hệ thống biện pháp về kinh tế - kỹ thuật - tổ chức - quản lý cả ở tầm vĩ mô và vi mô mang tính chiến lược đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp ở Đồng Nai và trên phạm vi cả nước.

c) Tăng cường kiểm tra và chấn chỉnh hệ thống dịch vụ phục vụ nông nghiệp, bảo đảm yêu cầu kinh doanh trung thực, văn minh. Từ khi chuyển sang kinh tế thị trường, ở Đồng Nai cũng như nhiều địa phương khác đã hình thành một hệ thống dịch vụ phục vụ nông nghiệp khá thuận lợi như cung cấp giống mới, phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh..., gồm nhiều thành phần kinh tế tham gia.

Bên cạnh đó cũng xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực như hàng giả, hàng kém phẩm chất ngày một phổ biến, gây thiệt hại cho nông dân và thiệt hại lâu dài cho nền kinh tế. Do đó, cần đề cao trách nhiệm về quản lý của ngành nông nghiệp và các cơ quan kiểm tra và quản lý thị trường đối với các loại dịch vụ này ; đồng thời sử dụng tổng hợp các phương pháp quản lý để xử lý các hiện tượng phi pháp, phi đạo lý, khuyến khích cơ quan và cá nhân những người làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp làm ăn đứng đắn, trung thực vì lợi ích của nông nghiệp, nông dân và cũng chính lợi ích của những người làm công tác dịch vụ nông nghiệp.

d) Coi trọng chính sách xã hội và quan tâm giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội. Chuyển sang kinh tế thị trường và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp sẽ góp phần nâng cao đời sống đa số nhân dân, nhưng đồng thời sự phân hóa giàu nghèo cũng tăng lên, trong đó một bộ phận nông dân thiếu ruộng đất, không biết làm ăn và tính toán chi tiêu, các gia đình chính sách, gia đình neo đơn, các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng sẽ gặp khó khăn. Các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, cờ bạc, nghiện ngập có nguy cơ phát triển mà nguyên nhân cơ bản vẫn là thiếu công ăn việc làm, khó khăn về mặt kinh tế. Do đó, giải pháp cơ bản hàng đầu là tạo công ăn việc làm cho mọi người bằng phát triển các cơ sở kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, khuyến khích những người có vốn, có kỹ thuật, có tài quản lý kinh doanh ra lập nghiệp để thu hút lao động, tạo công ăn việc làm, lành mạnh hóa xã hội, đi đôi với các chính sách xã hội phù hợp. Mặt khác, thực hiện xã hội hóa việc giải quyết những vấn đề xã hội, phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng, cộng đồng dân cư trong quản lý xã hội, còn chính quyền các cấp tập trung vào công tác quản lý, kiểm tra và hỗ trợ những vùng trọng điểm, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người, tập trung giải quyết những vấn đề gay cấn nhất.

Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội là mục tiêu mà Đảng ta đề ra và phấn đấu thực hiện trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cũng là mục tiêu mà đảng bộ và nhân dân Đồng Nai đang hướng tới.❑

Digitized by Google

Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh trước những thử thách mới

VÕ HỒNG TUYÊN *

Lực lượng Công an vũ trang Hà Tĩnh, nay là Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh thành lập được ít năm đã cùng toàn dân và toàn quân đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của đế quốc Mỹ ở miền Bắc. Hà Tĩnh là một tỉnh thuộc khu vực tuyến lửa khu Bốn (cũ), với 145 km đường biên giới giáp Lào và 137 km bờ biển. Đây vừa là trọng điểm đánh phá của máy bay địch vừa là địa bàn mà kẻ địch thường cho các loại gián điệp, biệt kích xâm nhập hoạt động phá hoại hòng ngăn chặn sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc cho chiến trường miền Nam và chiến trường Lào. Phối hợp với các lực lượng vũ trang và nhân dân trên địa bàn, Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh đã dũng cảm, mưu trí làm phá sản mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù, bắt và tiêu diệt nhiều toán gián điệp, biệt kích, bắn rơi 23 máy bay địch. Đặc biệt xuất sắc là chiến công của Đồn biên phòng 93 (nay là Đồn 563 cửa khẩu Cầu Treo), trong thời kỳ chống Mỹ, hai ngày liên tiếp bắn rơi 7 máy bay địch.

Một hoạt động hết sức quan trọng của Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh trong những năm chiến tranh là chi viện và phối hợp có hiệu quả với các lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng Lào chống lại các hoạt động thổ phỉ, biệt kích, bạo loạn do đế quốc Mỹ và bọn tay sai nhen nhóm, bảo vệ vững chắc vùng biên cương của hai nước, bảo vệ an toàn những huyết mạch chiến lược chạy qua biên giới. Ngoài ra, Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh còn chi viện lực lượng cho các tỉnh bạn ở miền Bắc, chi viện cho chiến trường miền Nam và chiến trường Cam-pu-chia. Chiến công của Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh trong những năm chiến tranh đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận và khen thưởng. Hai đồn biên phòng : Đồn 563 (Cầu Treo) và Đồn 176 (Đèo Ngang) được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang. Ngày 1-2-1979 toàn lực lượng Bộ đội biên phòng Nghệ Tĩnh (hợp nhất hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh) cũng được tuyên dương danh hiệu anh hùng.

Từ năm 1991, theo chủ trương chia tách tỉnh của Nhà nước, Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh trở về địa bàn cũ với bao khó khăn bộn bề, song phát huy truyền thống của một đơn vị anh hùng, đã đứng vững và vươn lên trong thời kỳ đổi mới với nhiều thành tích đáng ghi nhận.

1 - Vừa tranh thủ tối đa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, vừa chủ động, tự mình vươn lên vượt qua khó khăn.

Đất nước đang thời kỳ đổi mới và mở cửa. Việc giao lưu, qua lại nơi cửa khẩu biên giới, các bến cảng, cửa biển... trở lên sôi động, nhộn nhịp hơn bao giờ hết. Bên cạnh những mặt tích cực là cơ bản thì tình hình nêu trên cũng làm nảy sinh không ít những khó khăn phức tạp trong nhiệm vụ biên phòng. Tình trạng buôn lậu qua biên giới, buôn lậu trên biển, giả mạo giấy tờ đưa người vượt biên, tàu thuyền nước ngoài xâm phạm trái phép lãnh hải nước ta... ngày càng gia tăng. Đặc biệt nguy hiểm là sự xuất hiện của bọn tội phạm vận chuyển ma túy từ Lào vào nước ta. Bên cạnh đó các thế lực thù địch từ bên ngoài cũng lợi dụng tình hình, tăng cường các hoạt động chống phá hòng làm mất ổn định chính trị của ta. Là người lính gác đất nước trong thời mở cửa, trực tiếp đối mặt với thực trạng nêu trên, nhiệm vụ của người lính biên phòng là vừa phải mở rộng cửa để đón nhận bạn bè, góp phần tích cực đưa đất nước hội nhập với khu vực và thế giới, lại vừa phải là tấm lá chắn hữu hiệu ngăn ngừa các loại tội phạm thâm nhập qua biên giới, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân, bảo vệ vững chắc những thành quả của công cuộc đổi mới.

Trước yêu cầu nêu trên, chúng tôi coi sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên là một trong những nhân tố quyết định để hoàn thành nhiệm vụ. Những năm

* Đại tá, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh

Digitized by Google

qua, Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của các cấp ở trung ương, đặc biệt là của Bộ tư lệnh Bộ đội biên phòng cùng sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ thường xuyên của Tỉnh ủy và chính quyền tỉnh Hà Tĩnh. Nhờ đó, Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh đã có được những bước tiến vững chắc, kịp thời tránh được những sai sót, vướng mắc nảy sinh trong thời kỳ mới, phát huy tối đa những nhân tố tích cực trên tất cả các mặt, từ nghiệp vụ cơ bản đến công tác tổ chức cán bộ, công tác xây dựng Đảng, công tác cửa khẩu, công tác dân vận, v.v..

Một trong những khó khăn lớn nhất của Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh sau tách tỉnh là : cơ sở vật chất hầu như không có gì, các doanh trại, đồn, trạm đều phải xây dựng từ đầu, đời sống cán bộ chiến sĩ hết sức thiếu thốn. Trong điều kiện nguồn ngân sách trên cấp rất hạn chế so với nhu cầu, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh đã nhanh chóng xác định : không trông chờ, ỷ lại cấp trên mà phải chủ động khắc phục, tự lực vượt qua khó khăn. Trong thời bình, Đảng và Nhà nước ta chủ trương quân đội tham gia làm kinh tế, kết hợp kinh tế với quốc phòng. Vận dụng chủ trương này vào điều kiện cụ thể của mình, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh xác định : trong khi coi biên phòng là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, cần tranh thủ khai thác mọi năng lực sẵn có để làm kinh tế, làm kinh tế là để phục vụ nhiệm vụ biên phòng được tốt hơn. Chúng tôi quan niệm rằng : muốn xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, hiện đại, trước hết cần đào tạo, huấn luyện cán bộ, chiến sĩ, trẻ hóa đội ngũ cán bộ một cách chính quy, đồng thời trang thiết bị, doanh trại cũng phải đầy đủ, hiện đại. Ngoài ra, người lính trong thời bình cũng cần có cuộc sống đàng hoàng, đầy đủ trong điều kiện cho phép. Khi ngân sách Nhà nước còn eo hẹp như hiện nay, các đơn vị cần có kế hoạch làm kinh tế để đỡ gánh nặng cho ngân sách và tạo cho mình một cuộc sống tốt hơn.

Với nhận thức ấy, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh đã phát động phong trào nhanh chóng ổn định nơi ăn chốn ở, từ trên xuống dưới đều phải tham gia làm kinh tế. Làm kinh tế ở đây có thể bắt đầu từ những việc cụ thể : các đơn vị tăng gia sản xuất, làm VAC, vườn đồi, trang trại, đến những kế hoạch lớn tham gia chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo, chương trình 327 v.v.. Hiện nay, Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh là chủ đầu tư 3 công trình quốc gia có ý nghĩa chiến lược về kinh tế - xã hội trên địa bàn Hà Tĩnh với kinh phí hàng chục tỉ đồng là : công trình Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, cảng Hộ Độ và con đường chiến lược qua biên giới Việt - Lào ở địa phận huyện Hương Khê. Trong tương lai, đây sẽ là con đường xuyên Đông Dương nối liền nước bạn Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan với cảng Vụng Áng, một trong những cảng nước sâu lớn nhất vừa được Chính phủ quy hoạch. Để giải quyết việc làm, bảo đảm đời sống cho số chiến sĩ xuất ngũ và sĩ quan cán bộ nghỉ hưu, Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh đã thành lập các đơn vị lao động nhận thầu các công trình xây dựng và giao thông ở trong tỉnh và nước bạn Lào. Việc làm này không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế đáng kể mà còn mang ý nghĩa xã hội lớn, giải quyết công ăn việc làm cho hàng nghìn đối tượng cần quan tâm.

Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh cũng là đơn vị biên phòng đầu tiên trong cả nước mạnh dạn thực hiện chương trình khai thác biển Đông, kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng một hải đội mạnh gồm 8 chiếc tầu được trang bị hiện đại vừa tuần tra bảo vệ chủ quyền an ninh quốc phòng trên biển, vừa khai thác, đánh bắt hải sản xa bờ. Hoạt động của hải đội này thời gian qua đã giữ vững an ninh của một vùng biển rộng lớn, chống lại sự xâm nhập bất hợp pháp của tàu thuyền nước ngoài, chống buôn lậu trên biển, đồng thời khai thác có hiệu quả nguồn lợi hải sản quốc gia. Đây là một hình mẫu kết hợp thành công kinh tế với quốc phòng trên biển được các cấp có thẩm quyền quan tâm.

Trải qua những năm vừa chiến đấu vừa xây dựng trong thời kỳ đổi mới, đến nay Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh đã có một cơ sở vật chất tương đối đàng hoàng. Hệ thống doanh trại từ Bộ chỉ huy đến các đồn, trạm đều được xây mới khang trang, sạch đẹp, nơi ăn chốn ở của cán bộ chiến sĩ đã thoát cảnh tạm bợ, nhếch nhác. Đời sống của anh em được cải thiện rõ rệt. Tuyệt đại đa số cán bộ chiến sĩ yên tâm công tác, thực sự coi "đồn là nhà, biên giới là quê hương". Các đồn, trạm biên phòng cửa khẩu đã được xây dựng không chỉ như một doanh trại đơn thuần mà còn xứng đáng là bộ mặt của quốc gia ở chốn biên cương. Nhiều trang, thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác như ô tô, phương tiện thông tin v.v.. cũng được mua sắm đầy đủ. Điều đáng nói ở đây là ngân sách của trên cấp chỉ bảo đảm được 30% kinh phí xây dựng, 70% còn lại Bộ đội biên phòng Hà

Digitized by Google

Tĩnh tự lo từ nguồn làm kinh tế của mình (con số lên đến hàng tỉ đồng mỗi năm).

2 - Xây dựng lực lượng vững mạnh, đồng thời gắn bó với địa phương, với nhân dân.

Công tác xây dựng lực lượng là nhân tố quyết định tinh thần và khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị. Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh xác định phương châm xây dựng lực lượng là : giỏi về độc lập tác chiến, đồng thời thành thạo trong hợp đồng chiến đấu với các quân, binh chủng khác, cũng có nghĩa phải xây dựng một lực lượng tinh nhuệ, đủ sức đảm nhận trọng trách bảo vệ biên cương Tổ quốc trong mọi tình huống. Phương châm này chi phối toàn bộ các mặt của công tác xây dựng lực lượng : từ công tác chính trị - tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ, công tác huấn luyện, đào tạo đến công tác xây dựng Đảng v.v.. Trong tình hình mới, yêu cầu đặt ra đối với mỗi cán bộ, sĩ quan biên phòng là vừa được đào tạo chính quy tại các trường lớp, học viện, vừa trải qua thực tế công tác gắn bó với cơ sở, với quần chúng nhân dân trên địa bàn. Đó cũng chính là hướng đào tạo đội ngũ cán bộ sĩ quan của chúng tôi. Công tác giáo dục chính trị - tư tưởng là một mặt hết sức quan trọng của xây dựng lực lượng trong hoàn cảnh người chiến sĩ biên phòng luôn phải thực hiện nhiệm vụ trong những điều kiện khó khăn, thiếu thốn trăm bề, lại phải thường xuyên đối mặt với đủ thứ cám dỗ, với những nguy cơ sa ngã, hư hỏng. Nhờ chú trọng công tác này mà suốt mấy năm qua, tuyệt đại đa số cán bộ, chiến sĩ Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh luôn nêu cao ý thức kỷ luật, rèn luyện bản lĩnh và phẩm chất của người lính.

Công tác xây dựng Đảng là cốt lõi, là cái gốc của xây dựng lực lượng, nhất là việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng. Đây là mặt mạnh nổi bật của Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh. Năm 1997 có 16/17 tổ chức cơ sở đảng được công nhận trong sạch, vững mạnh. Công tác phát triển Đảng, kết nạp đảng viên mới được duy trì thường xuyên với kết quả cao. Năm 1996, kết nạp 62 đảng viên mới, năm 1997 thêm 50 đồng chí được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng. Với tỷ lệ đảng viên chiếm trên 50% quân số, đảng bộ Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh là đảng bộ có tỷ lệ đảng viên vào loại cao nhất toàn lực lượng Bộ đội biên phòng.

Nhờ làm tốt các mặt của công tác xây dựng lực lượng, cùng phối hợp, kề vai sát cánh với các lực lượng vũ trang khác trên địa bàn như Công an, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh ; trải qua 10 năm đổi mới, Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh luôn giữ được sự ổn định về mọi mặt, liên tục lập nhiều thành tích xuất sắc : một đồn biên phòng là đồn 571 (Trại Trụ) được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang ; khám phá thành công nhiều vụ buôn lậu qua biên giới, phá 3 đường dây làm giấy tờ giả đưa người vượt biên trái phép, và đặc biệt là đã thực hiện thành công hai chuyên án chống ma túy. Trong đó, chuyên án thứ nhất, bắt một đối tượng, thu 1,4 kg hêrôin và chuyên án thứ 2, phối hợp với công an Hà Nội, bắt giữ một xe vận tải mang biển số Lào tại cửa khẩu Cầu Treo, thu 7,2 kg hêrôin, qua đó đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh chung của toàn xã hội chống hiểm họa ma túy.

Do nhiệm vụ chính trị đặc thù, bộ đội biên phòng thường đóng quân ở những vùng biên cương hẻo lánh, kinh tế - xã hội kém phát triển, dân trí thấp, đời sống nhân dân còn vô vàn khó khăn, thiếu thốn. Chúng tôi xác định nhiệm vụ của các đơn vị biên phòng không chỉ lo giữ gìn an ninh đơn thuần mà còn phải đóng góp toàn diện vào sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân nơi địa bàn đóng quân. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh biên giới của người lính biên phòng không thể hoàn thành được nếu không có sự ủng hộ, giúp đỡ, tham gia của cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể và nhân dân địa phương. Đó cũng chính là cốt lõi của đường lối biên phòng toàn dân của Đảng và Nhà nước mà trong đó Bộ đội biên phòng là nòng cốt. Do đó, việc xây dựng mối quan hệ gắn bó, hỗ trợ lẫn nhau giữa Bộ đội biên phòng với địa phương luôn luôn được Bộ chỉ huy coi là nhiệm vụ hàng đầu. Thời gian qua Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh vừa tham mưu với địa phương vừa xin nguồn vốn và trực tiếp đầu tư mở đường phát triển vùng cao, xây dựng các công trình điện, đường, trường, trạm y tế cho các xã biên giới, thực hiện dự án 327, tổ chức định canh định cư cho bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Hương Khê. Chúng tôi đã ký kết văn bản hợp tác với các ngành y tế, giáo dục, các đoàn thể phụ nữ, thanh niên thực hiện các chương trình phát triển y tế cơ sở, chống dịch bệnh, xóa mù chữ, củng cố các đoàn thể quần chúng ở các xã biên giới.

Không quên đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc, hằng năm Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh trích

Digitized by Google

ra hàng trăm triệu đồng từ nguồn làm kinh tế của mình để đóng góp vào việc thực hiện chính sách xã hội của địa phương như : đỡ đầu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, xây nhà tình nghĩa, trợ giúp các đối tượng thuộc diện chính sách còn nhiều khó khăn v.v..

Bằng truyền thống, bằng những hoạt động thực tế và đóng góp cụ thể trong mấy năm qua, Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh luôn được cấp ủy và chính quyền địa phương tin cậy, là chỗ dựa đắc lực của địa phương không chỉ trong lĩnh vực bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, giữ gìn an ninh biên giới, giải quyết các điểm nóng tranh chấp trên địa bàn, mà còn trong các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng... Bộ đội biên phòng còn tham gia củng cố và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào, như một chiếc cầu nối cho mối quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa chính quyền và nhân dân hai tỉnh dọc biên giới, tham mưu và làm nòng cốt cho địa phương trong việc giải quyết những vấn đề tồn tại giữa hai bên. Việc chính phủ hai nước Việt - Lào cùng nhau thỏa thuận và đi đến ký kết nâng cấp cửa khẩu Cầu Treo thành cửa khẩu quốc tế vào đầu năm 1995, Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh đóng vai trò tham mưu, đề xuất kế hoạch, đứng ra giải quyết ổn thỏa mọi vướng mắc, sau đó trực tiếp làm chủ đầu tư công trình xây dựng là một thành tích đáng ghi nhận.

Những phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước mà lực lượng Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh đã nhận được sau mấy chục năm là nguồn động viên lớn lao cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh vững vàng vượt qua mọi khó khăn thử thách, làm trọn nhiệm vụ của người lính canh giữ biên cương Tổ quốc. Đất nước càng phát triển trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiệm vụ của Bộ đội biên phòng càng trở nên phức tạp, nặng nề. Trên cơ sở những kinh nghiệm, những bài học của những năm qua, tranh thủ hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ tư lệnh Bộ đội biên phòng, sự giúp đỡ của các cấp, các ngành, chúng tôi xác định trong tình hình mới phải tiếp tục nâng cao hiệu quả mọi mặt công tác, giữ gìn an ninh và quản lý biên giới cửa khẩu toàn diện, có chiều sâu hơn, đóng góp hiệu quả vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, xứng đáng là công cụ tin cậy của Đảng và Nhà nước trên địa bàn.❑

THỊ XÃ HƯNG YÊN...

(Tiếp theo trang 39)

Việc quản lý và phân công cho đảng viên được tiến hành nghiêm túc ở tất cả các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Đảng viên nào cũng được giao nhiệm vụ cụ thể và chịu sự kiểm tra, giám sát của chi bộ. Vì thế, số đông đảng viên đã phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, rèn luyện phẩm chất và giữ gìn tư cách đảng viên. Chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng cao hơn hẳn so với nhiều năm trước.

Phương thức lãnh đạo của Thị ủy và các cấp ủy cơ sở được đổi mới khá rõ. Trong chỉ đạo, điều hành công việc, các cấp ủy đã biết chọn những nội dung trọng tâm, then chốt nhất để tập trung giải quyết, nhất là đối với những vấn đề bức xúc đang đặt ra đòi hỏi phải có sự quyết đoán kịp thời.

Năm 1998 sẽ là năm có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với thị xã Hưng Yên. Đó là năm bản lề thực hiện kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) ; đồng thời là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ 14. Nếu năm 1998, thị xã Hưng Yên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của mình thì sẽ tạo được tiền đề vững chắc cho việc thực hiện kế hoạch các năm còn lại và chuẩn bị đầy đủ hành trang để vững bước đi vào thế kỷ XXI ; ngược lại sẽ bị tụt hậu so với chính mình và so với các địa phương bạn.

Trên cơ sở khai thác triệt để các thuận lợi, tích cực khắc phục những khó khăn, thị xã Hưng Yên đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong năm 1998 là : Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; thúc đẩy nền kinh tế nhiều thành phần phát triển ; thu hút mạnh hơn nữa vốn đầu tư trong và ngoài nước ; phấn đấu đạt mức tăng trưởng kinh tế từ 18 đến 20% so với năm 1997 ; nâng cao một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân...

Với ý chí, quyết tâm và những kinh nghiệm sẵn có, đảng bộ thị xã Hưng Yên sẽ lãnh đạo địa phương mình hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nêu trên.❑

Digitized by Google

Tự hào hay kiêu ngạo cộng sản ?

NHÂN ĐẶNG

Tôi vừa nhận được bức thư tay của một cán bộ lãnh đạo tỉnh B. Đồng chí ấy tỏ ra rất bực dọc về nhận xét nói rằng hiện nay bệnh kiêu ngạo cộng sản đang lan truyền khá nặng trong giới lãnh đạo, nhất là giới lãnh đạo của tỉnh đồng chí. Đồng chí viết : "Tôi cực lực phản đối việc người ta chụp lên đầu chúng tôi chiếc mũ "bệnh kiêu ngạo cộng sản", để rồi chê bai chúng tôi là dốt nát, là mất dân chủ, là chuyên quyền độc đoán... Làm như vậy chẳng hóa ra là họ phủ định niềm tự hào chính đáng của chúng ta về những thành tích đã đạt được, phủ định rằng những người cộng sản trước sau vẫn là những người đi tiên phong trong cuộc cách mạng này...".

Trong khi bày tỏ sự chia sẻ của mình về những tình cảm có phần chân thật của đồng chí, tôi cũng muốn khuyên đồng chí ấy hãy bớt sự xúc động và nhìn vào sự thật một cách khách quan hơn. Trước hết hãy phân biệt thế nào là tự hào và thế nào là kiêu ngạo ? Thứ đến, thế nào là kiêu ngạo cộng sản và có thật là có kiêu ngạo cộng sản trong cuộc sống không ? Thứ ba là, hãy tự soi mình trước chứ chưa vội xét đoán động cơ người phê bình mình.

Tự hào, theo *Từ điển tiếng Việt* (1986) là : "Lấy làm hài lòng, hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có". Còn *kiêu ngạo,* cũng theo *Từ điển tiếng Việt* là : "Tự cho mình hơn người, sinh ra coi thường người khác". Như vậy *tự hào* và *kiêu ngạo* đều có cái chung là tự đánh giá mình, nhưng lại khác nhau ở chỗ : một bên là hãnh diện về cái có thật (có phần khách quan) mà không so sánh với người khác ; còn bên khác là hãnh diện về cái chưa chắc mình đã có (chủ quan), mà lại còn lấy đó để coi thường người khác nữa.

Tự hào đi liền với sự tự khẳng định mình, không mặc cảm, tự ti, không cho mình là thấp hèn, trái lại nhận biết một cách đúng đắn cái tốt đẹp của mình để phát huy nó. Chúng ta thường nói chúng ta tự hào về dân tộc ta anh hùng, Đảng ta vĩ đại vì sự anh hùng và vĩ đại ấy là cái tốt đẹp có thật. Đó là sự tự hào chính đáng. Nhưng nếu từ sự khẳng định ấy mà đi đến chỗ coi dân tộc ta là anh hùng nhất thiên hạ, là thượng đẳng, Đảng ta là tài ba nhất thế giới, là có một không hai, chẳng ai so sánh nổi thì đó lại là sự kiêu ngạo không thể chấp nhận được.

Vậy thì có sự kiêu ngạo cộng sản không ? Nói cho đúng, chủ nghĩa cộng sản - với tư cách là một học thuyết, một lý tưởng - chẳng hề mang trong mình nó bất cứ sự tự ti hay kiêu ngạo nào. Chữ kiêu ngạo cộng sản là để chỉ cái bệnh kiêu ngạo của những người cộng sản. Mà không phải người cộng sản nói chung - với tư cách là những chiến sĩ chiến đấu cho lý tưởng cao đẹp giải phóng các giai cấp và dân tộc bị trị, giải phóng loài người khỏi mọi sự áp bức bất công. Người ta có thể tự hào về sự hy sinh chiến đấu cho cái lý tưởng cao đẹp ấy chứ. Đây là nói cái bệnh của một bộ phận những người cộng sản đã cầm quyền, hãnh diện trước những thành tựu của cách mạng rồi tự cho là cái gì mình cũng hơn người, đi đến không coi ai ra gì. Người đầu tiên chỉ ra cái bệnh ấy và kịch liệt phê phán nó không ai khác là Lê-nin.

Bệnh kiêu ngạo cộng sản ở ta không những có mà có không ít nữa là khác. Nó thường biểu hiện dưới các hình thức :

- Thích nói thành tích, ngại nêu khuyết điểm. Thành tích thì nhỏ, nói thì to. Làm được thì ít, nói hay thì nhiều. Làm dở thì lẩn tránh, có khuyết điểm to thì bóp bé lại.

- Cái gì mình nói đều cho là đúng, người khác nói (cùng nội dung ấy) lại bảo là sai.

- Phê bình người ta thì được, người khác phê bình mình thì giãy nảy lên.

- Cho rằng khả năng mình có là vô tận,cái gì làm cũng được, không đánh giá đúng hoàn cảnh và những điều kiện chủ quan và khách quan.

- Cho là cái gì mình cũng biết rồi, ai nói cũng là thừa, do đó mà chẳng thèm nghe ai, hỏi ai.

- Việc gì có mình nhúng tay vào mới gọi là thành tích, còn việc gì người khác làm, dù to bằng quả núi cũng chỉ coi như hòn đất thó.

- Dẫu có làm trái mà ai can ngăn cũng cho là người đó bậy.

- Khẩu khí của những người kiêu ngạo cộng sản thường là : cái ấy thì ra gì, thằng ấy thì làm gì, nói thế thì láo quá, cần phải dạy cho nó một bài học,...

- Vân vân và vân vân...

Bệnh kiêu ngạo cộng sản vừa đi liền với quan liêu, tham nhũng và mất dân chủ thì trở thành đại họa. Vậy xin có đôi điều để đồng chí cán bộ lãnh đạo tỉnh B soi xét. ❑

Digitized by Google

VÀI NÉT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM THÔNG TIN

ĐÀO HUY GIÁM *

NGÀY 26-3-1997, đại diện bốn mươi thành viên Tổ chức Thương mại thế giới - WTO đã ra tuyên bố về tự do hóa thương mại các sản phẩm của công nghệ thông tin, kết thúc hai năm đàm phán về Hiệp định về Công nghệ thông tin (Information Technology Agreement - ITA). Các nước tham gia tuyên bố, kể từ ngày 1-7-1997, thuế quan đánh vào máy vi tính và các thiết bị thông tin viễn thông sẽ bắt đầu được giảm và hoàn toàn bị triệt tiêu vào năm 2000. Ban đầu, một số chuyên gia cho rằng ITA sẽ là một hiệp định thuần túy đa phương như bốn hiệp định đa phương trong các lĩnh vực sản phẩm sữa, thịt bò, máy bay dân dụng, và mua sắm của chính phủ thuộc hệ thống WTO. Thực vậy ITA vừa là một hiệp định đa phương, chỉ ràng buộc những thành viên tự nguyện tham gia, tuy nhiên trên thực tế ITA không hạn chế việc những nước thành viên WTO không tham gia hiệp định được hưởng kết quả giảm, bỏ thuế quan mà các nước tham gia hiệp định thực thi. Hay nói cách khác là các nước không tham gia hiệp định cũng được hưởng cơ hội thị trường, do kết quả của việc thực thi hiệp định.

Nhiều nước đang phát triển cũng tham gia hiệp định, trong đó một số nước được hưởng ân hạn 5 năm cam kết hoàn thành việc giảm thuế xuống 0% trước ngày 1-1-2005.

Thị trường thế giới về các sản phẩm của công nghệ thông tin

Theo tài liệu của WTO, trong thời kỳ 1985 - 1990 và 1990 - 1995 tốc độ tăng trưởng khối lượng các sản phẩm công nghệ thông tin cao gấp rưỡi và gấp đôi tốc độ tăng trưởng tương ứng của thương mại hàng hóa thế giới. Ngay trong những năm 1980 - 1985 và năm 1993 khi khối lượng thương mại hàng hóa thế giới giảm, thì thương mại thế giới về công nghệ thông tin vẫn đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 10%. Năm 1996, khối lượng thương mại quốc tế sản phẩm công nghệ thông tin đạt trên 600 tỉ USD chiếm khoảng 10% tổng dung lượng thương mại hàng hóa thế giới. Nếu tính gộp, hai hiệp định về dịch vụ thông tin viễn thông và công nghệ thông tin bao trùm một khối lượng giao dịch khoảng trên 1 000 tỉ USD, chiếm trên 15% tổng khối lượng thương mại hàng hóa quốc tế. Để so sánh ta hãy lấy một vài con số về thương mại thế giới năm 1995 :

- Nông sản : 444 tỉ USD
- Hàng dệt : 153 tỉ USD
- Ô tô : 456 tỉ USD

Những con số trên cho thấy, khu vực này có khối lượng thương mại hiện nay bằng tổng cả ba ngành nông sản, hàng dệt và ô tô gộp lại và sẽ có khối lượng lớn hơn nhiều do có tốc độ tăng trưởng cao.

Về tổng thể, hiệp định là một bước tiến to lớn của hệ thống thương mại đa biên tiến tới tự do hóa thương mại quốc tế. Kết quả triển khai hiệp định sẽ cho phép sản xuất trong khu vực này đạt trình độ và quy mô cao hơn nữa. Có nhiều căn cứ để dự báo rằng thương mại quốc tế của khu vực sản phẩm công nghệ thông tin có thể duy trì được tốc độ tăng trưởng cao liên tục ở mức trên 20%/năm như hiện nay (so với mức tăng trưởng của thương

* Phó Vụ trưởng Vụ chính sách thương mại đa biên, Bộ Thương mại

Digitized by Google

mại hàng hóa thế giới khoảng 8% năm 1996 và ước 6% năm 1997), để vượt qua ngưỡng 2 000 tỉ USD vào năm 2 000 và chiếm tỷ trọng trên 20% của thương mại hàng hóa thế giới khi bước vào thế kỷ XXI.

Trong 10 nước hoặc lãnh thổ xuất khẩu sản phẩm công nghệ thông tin lớn nhất thế giới có 6 nước đang phát triển với tổng giá trị xuất khẩu trên 150 tỉ USD, chiếm khoảng 26% khối lượng thương mại ngành này trên toàn cầu. Đó là Xin-ga-po, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a, Đài Loan, Trung Quốc, Mê-hi-cô. Nhiều nước đang phát triển khác đang có quyết tâm chiến lược vào cuộc để khẳng định cho mình một vị trí chắc chắn hơn trên thương trường quốc tế.

Rõ ràng, ngành công nghệ thông tin đang có vai trò trọng yếu trong thời đại thông tin của chúng ta. Những nước có tiềm năng xuất khẩu sẽ được lợi nhiều nhất từ kết quả thực thi hiệp định. Chấp nhận hiệp định và tự do hóa thương mại là xu hướng tất yếu trên thế giới. Tuy nhiên cái được, mất trong thực thi hiệp định mang nhiều dáng vẻ, mức độ, tùy thuộc vào sự nhìn nhận và khả năng của mỗi nước.

Các nước đang phát triển với ngành công nghệ thông tin

Hiệp định ITA sẽ đem lại cho người sử dụng và người tiêu dùng những sản phẩm có chất lượng cao hơn với giá thành hạ hơn, tạo điều kiện cho việc nhập khẩu và phổ biến các sản phẩm đó thông qua giảm thuế quan và tạo thuận lợi về thương mại, khuyến khích đầu tư cho công nghệ cao và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Công nghệ thông tin là một ngành công nghệ tiên tiến nhưng đòi hỏi vốn đầu tư lớn, chuyên môn cao. Nhiều lĩnh vực công nghệ thông tin còn gắn liền với kỹ thuật và công nghệ quân sự, với lợi nhuận có thể vượt xa mức lợi nhuận thường thấy trong lĩnh vực này (vốn đã cao hơn hầu hết các ngành khác). Tuy nhiên, ngành công nghệ thông tin lại không thích hợp với khả năng sẵn có ở các nước đang phát triển là nhân công dồi dào nhưng trình độ chuyên môn không cao. Do vậy, để phát triển công nghệ thông tin, các nước đang phát triển phải chú trọng xem xét tình hình cụ thể của mình và có chính sách riêng.

Ngành công nghệ thông tin có đặc điểm là sản xuất ra sản phẩm có chu kỳ rất ngắn, lạc hậu nhanh, thường có giá trị gia tăng cao, quy mô đầu tư rất tập trung, dẫn đến độc quyền, thu hồi vốn đầu tư nhanh, sớm tạo ra lợi nhuận siêu ngạch, từ đó tạo ra khả năng giảm giá mạnh đi liền với lũng đoạn về giá vào cuối chu kỳ sản phẩm. Do vậy, giá bán của sản phẩm thường rất cao khi bắt đầu được tung ra thị trường, nhưng lại rất thấp vào cuối giai đoạn tiếp thị.

Cạnh tranh trong thương mại sản phẩm công nghệ thông tin thường có quy mô lớn, diện rộng gắn liền với chất lượng và độ tin cậy của sản phẩm. Với những sản phẩm của công nghệ thông tin ngày càng phong phú, thì sức sáng tạo trong sản xuất và tiêu dùng đang đạt tốc độ biến đổi nhanh vượt bậc.

Nhìn khái quát, định hướng chiến lược phổ biến ở các nước đang phát triển trong những năm qua có những đặc trưng sau :

- Chủ động trong chiến lược phát triển, linh hoạt trong chiến lược kinh doanh.

- Ngay cả những nước phát triển cũng không thể phát triển mọi chuyên ngành trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Do vậy, mỗi nước phải chọn phát triển một số ngành, khai thác được tối ưu lợi thế của đất nước, tận dụng triệt để đặc điểm hiện nay của thế giới là phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế thương mại, kết hợp phát triển những chuyên ngành có công nghệ tương đối thấp với những chuyên ngành có tính phức tạp cao hay những chuyên ngành phụ trợ như trang thiết bị văn phòng, phần mềm vi tính, vật tư phụ trợ gắn liền với sự phát triển công nghệ thông tin. Những chuyên ngành này cũng có tốc độ tăng trưởng cao không kém tốc độ trung bình của cả khu vực công nghệ thông tin.

- Nhiều lĩnh vực trong công nghệ thông tin mang tính linh hoạt, yêu cầu thích ứng cao, chủ yếu do các công ty có quy mô trung bình hoặc nhỏ khai thác, hoặc nhận lại đơn hàng của các công ty lớn, công ty xuyên quốc gia.

- Phát huy tính năng động, sáng tạo của mọi doanh nghiệp trước hết là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích và hỗ trợ để họ liên kết với các công ty lớn có vị trí chủ đạo trên thị trường

Digitized by Google

quốc tế, dựa vào chiến lược toàn cầu, hay khu vực của họ ; khai thác quy hoạch phát triển liên ngành, liên vùng và liên quốc gia của các công ty đó để phát triển chuyên ngành thích hợp với khả năng của mình.

- Kết hợp đúng liều lượng chính sách bảo hộ trong chính sách phát triển kinh tế một cách chọn lọc, linh hoạt, thích hợp với từng thời kỳ. Xu hướng chung là giảm dần, giảm nhanh, tiến tới triệt tiêu bảo hộ gắn liền với chính sách chấp nhận và khuyến khích cạnh tranh thông qua tự do hóa thương mại buộc các doanh nghiệp tự khẳng định mình trên thương trường trong nước và quốc tế.

Từ đặc điểm trên, thiết nghĩ vấn đề đặt ra không phải là ta có tham gia hiệp định hay không mà là tham gia vào lúc nào với thời gian chuyển đổi bao lâu và chúng ta cần sớm có đối sách cần thiết trong thời gian chưa tham gia hiệp định để đạt được trình độ phát triển nhất định trong một số chuyên ngành trước khi đi tới hoàn toàn tự do hóa thị trường công nghệ thông tin.

Trong tiến trình chung đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới - WTO, tham gia các tổ chức khu vực, trong tương lai không xa, Việt Nam sẽ chấp nhận tham gia hiệp định với những điều kiện thích hợp với trình độ phát triển của mình.

Việt Nam - chính sách liên quan tới sản phẩm công nghệ thông tin.

Hiệp định là một sự bảo đảm để khi trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới - WTO, ngành công nghệ thông tin của Việt Nam có được đầu vào và bán được đầu ra trên thị trường thế giới với giá cạnh tranh. Vấn đề còn lại là ta chọn phát triển phân ngành nào với điều kiện đầu tư, công nghệ như thế nào, được hỗ trợ bao lâu và bằng những biện pháp nào trên thị trường trong nước.

Mục tiêu của chúng ta trong lĩnh vực này là khuyến khích các ngành kinh tế giảm chi phí đầu tư về trang thiết bị, sử dụng công nghệ thông tin phục vụ giáo dục, sản xuất và kinh doanh. Trong những năm qua hầu như ta đã hoàn thành xóa nạn mù chữ vi tính.

Nhìn chung, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng trình độ vi tính hóa của ta còn rất thấp. Đó cũng là điểm xuất phát của mức thuế rất thấp với sản phẩm công nghệ thông tin, với mục đích tạo thuận lợi cho việc trang thiết bị và khuyến khích vi tính hóa. Thuế suất thuế nhập khẩu của ta thường khoảng 0 - 5%, thuế suất trung bình ước khoảng 2%. Thuế nhập khẩu thấp với tất cả mọi sản phẩm của công nghệ thông tin đã bộc lộ một vài hạn chế. Không nhất thiết phải nhập khẩu những công nghệ tiên tiến nhất phổ biến như hiện nay để đáp ứng những yêu cầu thông thường như xử lý văn bản gây lãng phí công suất và công nghệ. Thậm chí thiết bị chưa kịp khấu hao bao nhiêu hay chưa thực sự được khai thác đã lạc hậu. Trong thực tiễn kinh doanh thương mại về sản phẩm công nghệ thông tin, nhà cung cấp thiết bị chỉ cần không bị hạn chế do các biện pháp phi thuế như hạn chế số lượng, bị áp đặt giá tối thiểu tính thuế hay không được thành lập mạng lưới dịch vụ sau khi bán là có đủ điều kiện để triệt tiêu những chi phí phát sinh từ thuế nếu nước nhập khẩu đánh một khoản thuế không quá cao vào sản phẩm của họ (10%). Ngược lại nếu đánh thuế cao một cách đồng loạt, cứng nhắc lại đồng nghĩa với cản trở việc trang bị đổi mới công nghệ, làm giảm khả năng cạnh tranh của một số ngành kinh tế sử dụng nhiều dịch vụ, sản phẩm của công nghệ thông tin. Đối tượng hưởng ngân sách như ngành giáo dục, y tế, hành chính sự nghiệp hay nghiên cứu khoa học sẽ thấy bất hợp lý khi được cấp ngân sách để trang thiết bị mà lại phải chịu thuế nhập khẩu.

Thu thuế nhập khẩu hợp lý có thể điều tiết được một phần lợi nhuận siêu ngạch của nhà cung cấp đồng thời tạo điều kiện bảo hộ để đầu tư cho một số chuyên ngành. Nói cách khác, nếu đánh thuế đúng, buộc các công ty tự điều tiết giá cạnh tranh trên thị trường, nhà nước thu được một phần lợi nhuận của họ qua thuế mà vẫn không làm biến động đáng kể mức giá bán. Kết hợp biện pháp trên với những biện pháp tinh chỉnh khác, ví dụ như thuế nhập khẩu không đánh vào những khoản mua sắm cho tiêu dùng của chính phủ bao gồm mọi khoản mua trang thiết bị thanh toán bằng vốn ngân sách cấp, có thể hạn chế được phần cơ bản những bất hợp lý nêu trên, đồng thời không làm

(Xem tiếp trang 59)

Digitized by Google

CHÂU PHI - LỤC ĐỊA ĐEN ĐANG DẦN SÁNG

HOÀNG TRINH *

SANG xâm chiếm Nam Phi, ngay từ đầu bọn thực dân đã vấp phải những người da đen thấp nhỏ, chiến đấu gan dạ, nấp trong những bụi cây, lùm cỏ và mặc dù với những vũ khí thô sơ, họ đã gây cho bọn xâm lược nỗi kinh hoàng. Thực dân Anh đặt tên cho bộ lạc da đen này là "người ở bụi cây" (Bushmen).

Qua nghiên cứu, tìm hiểu ngôn ngữ phong phú của các dân tộc châu Phi, nhiều nhà khoa học trên thế giới đã phải công nhận rằng những câu ca dao, châm ngôn truyền tụng trên lục địa này nói lên những ý nghĩ thông minh của các dân tộc châu Phi. Người Ban - tu (Bantou), một dân tộc Phi da đen sống ở miền Nam đường xích đạo, đã có câu ngạn ngữ thâm thúy :

"Đất khô cằn khát khao yêu nước,
Người khô cằn cô độc xa người !"

*

Một bức tranh pha trộn tối, sáng

Có sang thăm lục địa này mới thấy *châu Phi là sự pha trộn giữa cái văn minh và cái lạc hậu.*

Chúng tôi đã đến thăm Bảo tàng "Nô lệ", cách Lu-an-đa, thủ đô Ăng-gô-la 20 cây số và được biết đây là một trong hai trung tâm buôn bán nô lệ lớn nhất từ thế kỷ thứ XV. Chỉ riêng Lu-an-đa và Ben-gu-en-la, trong các thế kỷ từ XVI đến XIX đã có ngót 4 triệu rưỡi người châu Phi bị bắt làm nô lệ để đưa sang châu Mỹ.

Bọn cầm quyền da trắng ở Nam Phi cho rằng Thượng đế ban cho chúng đặc quyền để cai trị người da đen, từ năm 1948 thi hành chủ nghĩa *a-pác-thai* (apartheid có nghĩa là tách biệt), chủ trương người da trắng và người da đen phải "phát triển riêng biệt" và được "đối xử riêng biệt". Bọn phân biệt chủng tộc dồn người da đen vào các vùng đất khô cằn, lấy lý do lập "khu tự trị" cho dân da đen, nhưng thực tế đều đặt dưới quyền đô hộ của chính quyền da trắng. Các khu tự trị này chỉ chiếm 13% tổng số diện tích Nam Phi, còn 87% ruộng đất phì nhiêu do bọn cầm quyền da trắng độc chiếm. Người da đen nào ở lẫn vào khu vực người da trắng đều bị coi là "ngoại kiều" !

Nam Phi có độ 40 triệu dân được coi là nền kinh tế lớn nhất ở châu Phi, hằng năm sản xuất : 856 tấn vàng, 7 565 000 ca-ra kim cương (mỗi ca-ra tương đương 200 mi-li-gam), 1 375 000 tấn man-gan, 65 triệu tấn than, 5 triệu 8 tấn thép. Nhưng suốt gần ba thế kỷ rưỡi sống dưới chế độ phân biệt chủng tộc và sự bóc lột tàn bạo của những ông chủ da trắng, các bộ tộc người Phi, da đen và da màu, trở thành những người bị thiệt thòi nhất. Cuộc đấu tranh không mệt mỏi chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc của Liên minh Dân tộc Phi, trong đó có Đại hội Dân tộc Phi (ANC) của Tổng thống người Phi đầu tiên của Nam Phi N. Man-đê-la và Đảng Cộng sản Nam Phi đã buộc chính quyền thiểu số của người da trắng phải nhường vai trò lịch sử cho người Phi ở đất nước này.

Lục địa châu Phi với 53 quốc gia (châu Phi đen có 42 nước) có vị trí và tiếng nói quan trọng trong cộng đồng quốc tế và ở Liên hợp quốc, là khu vực giàu tài nguyên (vàng, kim cương, đồng, man-gan, cà phê, ca cao, thuốc lá, hạt điều...).

Chúng tôi đã tới Ca-bin-đa, tỉnh cực Bắc của Ăng-gô-la rất nhiều dầu lửa (sản phẩm chủ yếu của nước này), mỗi năm khai thác được 20 triệu tấn. Cách thủ đô Lu-an-đa khoảng 10 ki-lô-mét là Nhà máy lọc dầu công suất từ 1 triệu rưỡi đến 2 triệu tấn/năm, bảo đảm cung cấp dầu cho toàn quốc. Nhưng điều đã làm chúng tôi ngạc nhiên là khi vào thành phố được biết mỗi lít xăng giá 25 quan-đa (tiền Ăng-gô-la) trong lúc Sứ quán Việt Nam phải mua một mớ rau là 500 quan-đa, giá gấp 20 lít xăng !

Rất lý thú khi sang dự Hội nghị Bộ trưởng Thông tin các nước Không liên kết tại thủ đô A-bu-gi tháng 9-1996, chúng tôi được biết Ni-giê-ri-a, nước đông dân nhất của lục địa này (hơn 108 triệu người) được mệnh danh là "Người khổng lồ của châu Phi", hằng năm sản xuất 91 triệu tấn dầu (đứng thứ 6 trên thế

* Phó Chủ tịch Ủy ban Việt Nam đoàn kết Á - Phi - Mỹ la tinh

Digitized by Google

giới) và 15 tỉ mét khối khí đốt, chiếm 20% tổng sản phẩm của châu Phi, và 40% ngoại thương của cả châu Phi.

Nhưng mặt khác, ai đến thăm châu Phi cũng thấy rõ *nguy cơ của sự tụt hậu, nghèo đói, cuộc sống cùng cực.*

Theo báo cáo của Liên hợp quốc, 32 trong số 40 nước nghèo nhất thế giới nằm trên lục địa châu Phi đen.

Về kinh tế, các nước châu Phi đen chỉ chiếm 1,1% tổng sản phẩm quốc dân của thế giới, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp giảm sút nghiêm trọng. Có tới 54% số dân lục địa này đang sống dưới mức nghèo khổ (Tổng số dân da đen là 548 triệu, thì có 150 triệu người bị đói, trong đó có 11 triệu có nguy cơ chết đói nếu không cứu trợ kịp thời).

Nợ nước ngoài tăng nhanh. Chẳng đâu như ở châu Phi, 43% mức thu nhập bình quân đầu người phải dành cho thanh toán nợ nần. Giá sinh hoạt đắt đỏ, sức mua giảm, đồng tiền mất giá, lạm phát tăng (có nước lạm phát tới 4 con số).

Ở vùng Xa-ha-ra, trong 20 năm qua, 350 ki-lô-mét về phía Nam đã bị sa mạc hóa. Đất đai mất dần do tình trạng sa mạc hóa và khai thác bừa bãi các cánh rừng nhiệt đới.

Theo số liệu của Ngân hàng thế giới, kinh tế các nước ở lục địa này phát triển không đồng đều. Trong lúc Mô-ri-xơ với 1,1 triệu dân, có mức GDP tính bình quân đầu người khá cao là 3 280 đô la (Mỹ) ; Nam Phi 41,5 triệu dân, GDP bình quân đầu người đạt 3 160 đô la ; Bốt-xoa-na 1,5 triệu dân và thu nhập bình quân đầu người là 2 940 đô la, thì Ăng-gô-la chỉ - 410 đô la, Ma-la-uy - 160 đô la, Tan-da-ni-a - 130 đô la, và Mô-dăm-bích - 80 đô la.

Nhiều vấn đề xã hội đặt ra như nạn thất học, mù chữ (trên 50% số dân) ; tỷ lệ sinh đẻ cao (số dân châu Phi đen ngày nay tăng gấp đôi so với thời kỳ mới thoát ra khỏi chế độ thuộc địa và gấp 5 lần so với thời kỳ đầu thế kỷ này). Nếu không có biện pháp nào kìm hãm phát triển số dân, thì số dân châu Phi đen tới năm 2010 sẽ tăng gấp đôi và lên tới 1 tỉ người !

Hàng loạt vấn đề đã được đưa ra thảo luận tại các Hội nghị cấp cao của các nước thành viên Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU). Đó là những vấn đề liên quan đến tình trạng đói nghèo, xung đột vũ trang, mâu thuẫn sắc tộc, đến các thảm kịch người tị nạn, hoặc "căn bệnh thế kỷ" AIDS.

Trong khi những nỗ lực dập tắt các "điểm nóng" trên lục địa vẫn đang vấp phải nhiều bất đồng gay gắt, thì trên lĩnh vực kinh tế và phát triển, lập trường của các nhà lãnh đạo châu Phi xem ra đã xích lại gần nhau hơn.

Trong chương trình nghị sự đầy ắp những vấn đề quan trọng, có một đề mục rất mới đối với OAU, đó là *vấn đề công nghiệp hóa tại lục địa châu Phi* (lần đầu tiên được đem ra bàn bạc). Các nhà lãnh đạo châu Phi đã có những biện pháp bước đầu nhằm thành lập Hiệp hội vì sự nghiệp công nghiệp hóa của châu Phi.

Kể từ năm 1980, khi Hội nghị cấp cao đặc biệt về kinh tế của OAU họp tại Ni-giê-ri-a thông qua "kế hoạch hành động La-gốt" về những vấn đề bức thiết trong tiến trình phát triển, lục địa châu Phi cho đến nay vẫn chưa đạt được những thành tựu đáng kể trong công cuộc phát triển công nghiệp. Tỷ trọng của khu vực công nghiệp trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của châu Phi giảm xuống và nay ở dưới mức 5% tại nhiều nước thuộc lục địa này.

Công nghiệp còn lạc hậu, nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp nên đối với nhiều người châu Phi, công cuộc công nghiệp hóa vẫn tựa như một giấc mơ đẹp !

Lập các khu vực mậu dịch tự do đang là một xu hướng rất mạnh của các nền kinh tế khu vực và toàn cầu. Ngay tại châu Phi, nơi mà các cuộc xung đột sắc tộc, các cuộc chiến tranh biên giới và lãnh thổ diễn ra triền miên, người ta vẫn phải tìm nhiều cách gia tăng hợp tác kinh tế và thương mại.

Mười hai nước thành viên Cộng đồng phát triển miền Nam châu Phi đã thỏa thuận thành lập *Khu vực tự do mậu dịch* và chủ trương cắt giảm các khoản thuế trong vòng 8 năm.

Trong số các nước thành viên Cộng đồng này, ngay từ đầu, Nam Phi đã ủng hộ mạnh mẽ chương trình tự do hóa mậu dịch. Vì chiếm tới 80% thu nhập hằng năm của Cộng đồng các nước miền Nam châu Phi (tổng cộng khoảng 120 tỉ đô la Mỹ), cộng hòa Nam Phi phải quan tâm nhiều đến các nền kinh tế lân cận, vì nếu không mở cửa thị trường thì chính nước này sẽ tự bó tay mình trong hoạt động xuất khẩu sang các nước láng giềng. Đối với 11 nước khác trong Cộng đồng này, trong đó có một số nước xếp vào diện nghèo nhất thế giới, như Mô-dăm-bích, Tan-da-ni-a, Ma-la-uy, thì quan hệ mậu dịch tự do cũng đầy sức hấp dẫn, bởi vì đây là một thị trường có số dân 120 triệu người.

Nói chung, những nỗ lực của các quốc gia miền Nam châu Phi trước mắt là nhằm khắc phục tình

Digitized by Google

trạng đói nghèo, sau đó là tạo lực cho sự phát triển cao hơn, nhanh hơn, bền vững hơn.

*

Tình trạng chiến tranh, xung đột, điêu linh

Nói đến châu Phi, người ta nghĩ ngay đến những cuộc chiến tranh triền miên. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, lục địa này dẫn đầu thế giới về số lượng các cuộc xung đột và khủng hoảng khu vực : hơn 50 cuộc xung đột khu vực và chiến tranh sắc tộc trong thời gian hơn 40 năm, làm cho gần 5 triệu người châu Phi thiệt mạng. Chỉ riêng trong năm 1994, chiến tranh đã giết hại trực tiếp hoặc gián tiếp khoảng 500 000 trẻ em châu Phi. Tại Xi-ê-ra Lê-ôn, khoảng 2 500 trẻ em được trao vũ khí để tham gia đánh nhau. Còn ở Li-bê-ri-a thì khoảng 6 000 trẻ em bị bắt vào "những đội quân nhỏ tuổi" và được điều ra trận như người lớn.

Biên giới các nước châu Phi đang trở thành một vấn đề nóng bỏng.

Vào thế kỷ trước, một số nước thực dân đã phân chia châu Phi hết sức tùy tiện theo các đường biên giới nhân tạo. Một trong những nguyên nhân của các xung đột là việc phân chia đường biên giới không công bằng, bất chấp thực tế đất đai của các bộ lạc, sắc tộc. Khắp châu Phi, mọi người đều có thể sang các nước láng giềng không cần hộ chiếu, nhiều nơi không hề có các cột mốc biên giới.

Nguyên nhân một vài cuộc xung đột trước đây, như giữa Ê-ri-tơ-ri-a và Y-ê-men, Ca-mơ-run và Ni-giê-ri-a là sự tranh chấp về các vùng biên giới có nhiều dầu mỏ. Các nhà phân tích cho rằng một nguyên nhân của kiểu xung đột hiện nay ở châu Phi là hậu quả của tình trạng buôn lậu vũ khí ngày càng tăng. Các cuộc xung đột hiện nay mang tính địa phương và cộng đồng nhiều hơn. Tại Cộng hòa dân chủ Công-gô, một nguyên nhân gây ra hỗn loạn là sự suy yếu của chính quyền trung ương.

Bản chất của các cuộc xung đột hiện nay giữa người Phi là *mâu thuẫn sắc tộc và phe phái.* Nhiều cuộc xung đột vượt ra ngoài biên giới quốc gia, không còn tôn trọng chủ quyền của các nước láng giềng. Binh lính Ru-an-đa đã vào miền đông Cộng hòa dân chủ Công-gô. Quân du kích Cộng hòa dân chủ Công-gô được coi là có sự hỗ trợ của Xu-đăng, đã tấn công các vị trí bên trong lãnh thổ U-gan-đa. Ê-ri-tơ-ri-a và Ê-ti-ô-pi-a đã chỉ trích Xu-đăng đưa người vào lãnh thổ của họ, gây mất ổn định về chính trị. Trong khi đó, U-gan-đa, và nhiều nguồn tin cho rằng Ê-ri-tơ-ri-a và Ê-ti-ô-pi-a đang giúp những người bất đồng chính kiến ở Xu-đăng chống lại chính phủ nước này.

Hiện đang có một xu thế nguy hiểm, giống như kiểu "ăn miếng trả miếng" : nếu anh ủng hộ các nhóm chống đối chúng tôi, chúng tôi sẽ ủng hộ các nhóm chống đối các anh. Nhưng Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) gồm 53 nước thành viên, phản đối xu thế này, và phản đối việc phân chia lại đường biên giới giữa các nước châu Phi.

Một trong những sự kiện nổi bật năm qua được dư luận thế giới quan tâm là những biến động ở *vùng Hồ lớn Trung Phi và Đông Phi.* Đây là một khu vực rộng lớn gồm 8 quốc gia với tổng diện tích 5 035 948 km^2 và số dân gần 150 triệu người, nơi tập trung hàng chục hồ rất lớn, nổi tiếng như Vích-tô-ri-a, Ki-vu, Ma-la-uy, Tan-ga-ni-a, Ma-ny-a-a-ra... rất giàu tiềm năng về kinh tế, những vùng khai thác tài nguyên và điểm du lịch đầy hấp dẫn. Những biến động ở vùng này năm qua đã ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của hàng chục triệu người, nhất là những người tị nạn.

Hiện nay, đang diễn ra sự di chuyển xáo trộn lớn trong số 2 triệu người tị nạn Ru-an-đa và Bu-run-đi sống lánh nạn ở miền đông Cộng hòa dân chủ Công-gô. Những dòng người tị nạn khổng lồ chạy lánh nạn quanh các hồ lớn, gây nên chấn động chưa từng có ở lục địa đen.

Mấy năm nay, những cuộc chém giết giữa người Hu-tu và người Tút-xi - hai sắc tộc chiếm tỷ lệ lớn ở vùng Hồ lớn châu Phi - quăng quật hàng triệu người giữa chốn rừng núi, trong cảnh đói khát và bệnh tật. Những hố chôn người tập thể, những "cánh đồng chết" được phát hiện tại vùng Hồ lớn ở những năm cuối thế kỷ XX này đã làm cho thế giới bàng hoàng.

Tại An-giê-ri, những hoạt động khủng bố tàn sát dân thường vẫn diễn ra có thể nói là từng ngày, đặc biệt vào chiều thứ năm và ngày thứ sáu (ngày nghỉ và đi lễ của người Hồi giáo). Ngày 29-8-1997, vụ khủng bố dã man nhất từ trước đến nay kéo dài gần 4 tiếng đồng hồ tại Xi-đi Mút-xa gần quốc lộ nối sân bay quốc tế với thủ đô An-giê. Những tên khủng bố, kể cả một số tên cầm đầu băng nhóm đã tàn sát (chủ yếu bằng hình thức cắt cổ) khoảng 300 dân thường, phần lớn là người già, phụ nữ và trẻ em, trong đó có cả phụ nữ có thai và trẻ sơ sinh, làm chấn động dư luận trong nước và quốc tế.

Từ năm 1990, phần lớn các nước châu Phi cải cách chính trị. Sau khi có làn sóng dân chủ của phương Tây tràn vào, các nước này *thực hiện đa nguyên, đa đảng* một cách máy móc, áp đặt. Ở Ma-li, 80% nhân dân mù chữ, nhưng lại có 40 đảng chính trị. Ở An-giê-ri, hiện có 65 đảng, có đảng lấy tôn giáo

Digitized by Google

làm cương lĩnh chính trị. Thực tế cho thấy đa nguyên, đa đảng ở các nước này chỉ dành cho một nhóm người vì mục đích chính trị của họ, chứ không phải vì hạnh phúc nhân dân hay sự phát triển của đất nước.

Một điều đáng nói là châu Phi vẫn giữ vị trí *"vô địch thế giới" về các cuộc đảo chính*. Trong hơn ba thập kỷ qua, do kết quả các cuộc đảo chính vũ trang, 25 tổng thống bị gạt bỏ, hơn 80 chính phủ hợp hiến bị lật đổ.

Tuy nhiên, có một điểm khác với trước đây là phản ứng của các nước trong khu vực, của Tổ chức Thống nhất châu Phi đối với các cuộc đảo chính không hợp hiến này. Sau cuộc đảo chính tại Bu-run-đi, các nước láng giềng đã áp dụng biện pháp trừng phạt kinh tế đối với chính thể mới, còn OAU thì kêu gọi các nước giáp giới với Bu-run-đi can thiệp quân sự trực tiếp vào Bu-run-đi để khôi phục chính thể cũ.

Những thập kỷ trước, OAU chỉ thụ động quan sát với phương châm "không can thiệp vào công việc nội bộ" các nước thành viên của mình. Nhưng ngày nay, OAU quan tâm nhiều hơn đến vấn đề khu vực. Với sự tham gia trực tiếp của OAU, có sự phối hợp của Liên hợp quốc và các tổ chức khu vực khác, một số cuộc xung đột đã lắng dịu đi, như tại Li-bê-ri-a, Tây Xa-ha-ra, Ê-ti-ô-pi-a.

Có một sự kiện được dư luận quốc tế chú ý là trong năm 1996 OAU đã *tuyên bố châu Phi là khu vực phi hạt nhân*, đánh dấu một mốc quan trọng trong cuộc đấu tranh cho quy chế phi hạt nhân của lục địa này từ những năm 60, sau khi Pháp tiến hành thử hạt nhân ở sa mạc Xa-ha-ra.

Chuyển biến đáng mừng nhất trên lục địa này là các nước châu Phi lần đầu tiên kể từ những năm 60 bắt đầu cắt giảm chi phí quân sự và thực tế đã chú ý nhiều hơn đến việc giải quyết các vấn đề xã hội. Nếu như tỷ trọng của chi phí quân sự năm 1990 chiếm 3,2% tổng sản phẩm quốc dân châu Phi, thì năm 1995 giảm xuống còn 2,1%. Nếu giải quyết được các cuộc xung đột, thực hiện hòa giải, hòa hợp dân tộc, các chính phủ châu Phi sẽ tập trung nhiều hơn vào phát triển kinh tế, mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế - mậu dịch với nhau, thu hút thêm nhiều đầu tư của nước ngoài.

Hiện nay, xung đột sắc tộc, tranh chấp quyền lực, tác động của trào lưu dân chủ hóa, đa nguyên, đa đảng vẫn là những vấn đề rất phức tạp, dễ gây bùng nổ ở châu Phi. Tuy nhiên, *về tổng thể, tình hình chính trị ở châu Phi trong năm 1997 có phần sáng sủa hơn các năm trước*. Xu thế toàn lục địa đi dần vào thế hòa bình, ổn định đang hình thành và bước đầu có tiến triển tích cực.

Các nước châu Phi ngày càng tự lực, dựa vào sức mình, thông qua các cơ chế được thành lập ở châu Phi để giải quyết các vấn đề phát sinh trong nội bộ từng nước và giữa các nước với nhau.

Tuy vẫn là lục địa kém phát triển nhất thế giới, khả năng hòa nhập vào quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa ở trình độ thấp, nhưng nhìn tổng thể, kinh tế châu Phi năm 1997 vẫn duy trì được mức tăng trưởng khoảng 4%.

Nhìn chung trong năm 1997, kinh tế châu Phi phát triển không đồng đều và chưa vững chắc. Khu vực Nam Phi và Bắc Phi khá hơn. Các nước ở Trung Phi còn rất khó khăn.

Nói về châu Phi, không thể không nhắc đến *vai trò các nước lớn ở lục địa này*.

Chuyến đi thăm 7 nước châu Phi của Bộ trưởng ngoại giao Mỹ M.Ôn-brai vừa qua cho thấy Mỹ đang chú ý triển khai chính sách thâm nhập châu Phi, từng bước mở rộng ảnh hưởng nhằm khẳng định vị trí của mình ở khu vực này. Trong lúc đó, Pháp cũng đang tìm mọi cách để không bị suy giảm ảnh hưởng của mình đối với khu vực mà Pháp coi là có quan hệ truyền thống.

*

Châu Phi với Việt Nam - Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh

Đối với nhân dân châu Phi, Hồ Chí Minh là một tên gọi rất thân thiết và gần gũi.

Một người bạn Tuy-ni-di mà tôi quen có dòng dõi hoàng tộc (mẹ anh là một công chúa, chị của vị Hoàng đế cuối cùng ở Tuy-ni-di) nói : "Nhờ có chiến thắng Điện Biên Phủ mà nhân dân Tuy-ni-di được độc lập. Chính Pháp thua ở Điện Biên Phủ nên phải công nhận nền độc lập của Tuy-ni-di và một số nước châu Phi khác".

Có đi sang châu Phi mới thấy cụ thể được mối cảm tình rất chân thật của nhân dân ở lục địa này đối với Bác Hồ và dân tộc Việt Nam. Một điều lý thú là chúng tôi đi thăm hai nước, thì cả hai nơi đều có trường mang tên Bác Hồ : Đó là Trường sư phạm kỹ thuật Hồ Chí Minh tại Hu-am-bô, thành phố lớn thứ hai ở Ăng-gô-la và Trường trung học Hồ Chí Minh tại thị trấn Căng-căng, thủ phủ miền Bắc Ghi-nê.

Ghi-nê là nước đầu tiên ở châu Phi lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam (1958). Tổng thống Xê-cu Tu-rê là nguyên thủ châu Phi đầu tiên thăm Việt Nam (1960).

Digitized by Google

Lục địa này rất cần chuyên gia, đặc biệt là chuyên gia về y tế, nông nghiệp, giáo dục. *Chuyên gia Việt Nam* đã làm việc ở nhiều nước châu Phi, được đánh giá cao về trình độ chuyên môn và tinh thần làm việc. Mặt khác, chuyên gia Việt Nam lại không đòi hỏi nhiều và dễ thích nghi với hoàn cảnh địa phương.

Ngoài việc tiêm chủng chống sốt rét vàng, chuyên gia Việt Nam thường xuyên phải uống thuốc phòng bệnh sốt rét ác tính. Chúng tôi đã gặp gỡ một số chuyên gia ta làm việc tại Ăng-gô-la. Mặc dù bọn phỉ U-ni-ta thường xuyên đặt mìn phá hoại, chuyên gia Việt Nam vẫn tận tụy với nhiệm vụ, giải quyết được nhiều ca mổ cấp cứu phức tạp và chữa khỏi cho nhiều bệnh nhân địa phương. Ở tỉnh cực Bắc Ca-bin-đe, chuyên gia Việt Nam mỗi lần đi công tác từ huyện lên thành phố đều có xe thiết giáp đi trước vì phải qua hàng trăm cây số đường rừng có phỉ. Đã có trường hợp một chuyên gia tình nguyện Việt Nam trên đường về thành phố Ben-ghe-la ở miền Trung, bị phỉ phục kích bắn chết lái xe, một mình băng qua rừng, bị lạc, phải nhịn đói nhịn khát 3 ngày rưỡi mới tìm được đường về.

Tuy xa xôi ngàn vạn dặm, giữa Việt Nam và nhiều nước châu Phi có mối *quan hệ hữu nghị, thủy chung từ lâu.* Việt Nam đã 5 lần cử đoàn cấp cao thăm hữu nghị các nước châu Phi như đoàn của Phó chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ (1978) ; đoàn của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (1980) ; đoàn của Phó chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình (1994), Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm (1995) ; Phó thủ tướng Nguyễn Khánh (1996).

Nước ta đã ký với nhiều nước châu Phi các hiệp định khung về hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa và khoa học - kỹ thuật, hiệp định hợp tác nông nghiệp...

Gạo Việt Nam đã được xuất khẩu sang các nước châu Phi. Ma-li đề nghị ta giúp kỹ thuật trồng lúa cạn và công nghiệp chế biến nông sản. Ghi-nê Bít-xao muốn mua gạo một cách ổn định của ta và muốn nhập một số mặt hàng khác như dệt, may mặc, xe đạp, dụng cụ học sinh. Xê-nê-gan muốn nhập từ 300 đến 500 000 tấn lương thực của Việt Nam.

Về hàng công nghiệp nhẹ như may mặc, ta có thể cạnh tranh được ở châu Phi. Tuy nhiên các nhà thiết kế Việt Nam cần nghiên cứu cụ thể đặc điểm thị trường các nước châu Phi để tạo những mặt hàng phù hợp và có sự giới thiệu cụ thể.

Quan hệ đoàn kết, hữu nghị giữa nước ta và các nước châu Phi đã được tăng cường và còn có điều kiện để phát triển hơn nữa.❑

VÀI NÉT VỀ CÔNG NGHỆ...

(Tiếp theo trang 54)

giảm khả năng người tiêu dùng và doanh nghiệp tiếp cận và khai thác thành quả của công nghệ thông tin. Phải chăng cần nghiên cứu khả năng đánh thuế với một số mặt hàng, tạo nguồn thu ; có chương trình sử dụng nguồn thu để đầu tư trực tiếp cho phát triển ngành công nghệ thông tin, đầu tư để nâng cao năng lực sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực và qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của một số ngành kinh tế, nhất là năng lực nghiên cứu và phát triển ?

Một số nước đã có kinh nghiệm sử dụng nguồn thu để đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, cấp vốn cho đào tạo, trích thưởng cho các công trình nghiên cứu, cho những phát minh về công nghệ... khuyến khích phát triển công nghệ nguồn. Dùng nguồn thu đầu tư cho đào tạo, cho nghiên cứu và phát triển là trợ cấp gián tiếp, có tác dụng sâu rộng về trung hạn và lâu dài, đồng thời phù hợp với các định chế chung trên thế giới.

Những doanh nghiệp năng động, sáng tạo không kể thuộc thành phần kinh tế nào có điều kiện liên kết với những công ty mạnh về công nghệ thông tin cần được tạo mọi điều kiện có thể để sớm có được một vị trí nhất định trên thương trường quốc tế.

Để tạo thuận lợi cho việc liên kết với các công ty lớn, công ty xuyên quốc gia trong sản xuất và gia công, và kể cả nghiên cứu khoa học về công nghệ thông tin, ta cần sớm bổ sung và hoàn chỉnh các định chế pháp lý, trước hết là các quy định điều chỉnh quan hệ gia công, các quy định về bảo vệ bí mật thương mại và những thông tin không được tiết lộ, về quan hệ giao dịch giữa những công ty có mối liên hệ với nhau (ví dụ những công ty thuộc cùng một tập đoàn...)

Tóm lại, ITA là một thách thức rất lớn. Sự định hướng của Nhà nước và các biện pháp chính sách được thực thi trong những năm tới là một trong những nhân tố quyết định khả năng phát triển của Việt Nam trong ngành này trong một vài thập kỷ tới.❑

Digitized by Google

NĂM ĐIỀU KỴ VỚI CÁN BỘ LÃNH ĐẠO

CAO DƯƠNG *

Căn cứ vào sự quan sát và thể nghiệm lâu ngày, tôi cho rằng, cán bộ lãnh đạo, nhất là cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng, chỉ có nhận thức rõ 5 điều kỵ dưới đây mà luôn luôn cảnh giác tránh xa nó, thì mới có thể nâng cao trình độ lãnh đạo, hoàn thành tốt chức trách của mình. Năm điều kỵ đó là :

1 - Quản việc không phải của mình mà buông lỏng việc chính của mình.

Từ khi có chính quyền đến nay, đã xảy ra tình trạng phân công chức trách không rành mạch giữa trên, dưới, phải, trái. Việc này để lâu ngày đã thành tập quán. Nếu cán bộ lãnh đạo không có trình độ tư tưởng, chính trị tương xứng với chức vụ của mình thì điều khó tránh là "làm theo đường mòn", đi quản việc không phải của mình. Các cấp ủy địa phương như tỉnh (thành phố, khu tự trị), địa (thị xã), huyện có vị trí, vai trò và trách nhiệm rất to lớn đối với mọi công việc trong phạm vi phụ trách. Nhưng để thực hiện các công việc đó một cách tốt đẹp, chỉ có thể thông qua các đảng viên công tác trong các bộ máy tương ứng, không nên việc gì cũng phải cấp ủy chỉ tay, ra lệnh, càng không nên phủ định và can thiệp vào các việc thuộc phạm vi, quyền hạn, chức năng của các ngành.

Bất luận tập thể hoặc cá nhân lãnh đạo, thời gian và tinh lực của mỗi người đều có hạn. Nếu quản công việc không phải của mình, thậm chí quản quá nhiều thì tất không tránh khỏi sự suy giảm hoặc mất hết tinh lực và thời gian giành cho công việc của chính mình. Vả chăng, nếu cứ làm việc theo kiểu đó thì lâu dần, cán bộ lãnh đạo sinh ra nhận thức mơ hồ sẽ nhầm lẫn giữa việc nào cần quản và việc nào không cần quản. Sau "cách mạng văn hóa", tại sao khuynh hướng sai lầm "Đảng không quản Đảng" ngày càng trầm trọng và kéo dài một thời gian ? Phải chăng đó là nguyên nhân trọng yếu khiến cho chúng ta ở chừng mực nào đó đã lẫn lộn "một cục", không phân biệt được chức năng quyền hạn và phương thức công tác của các tổ chức đảng, chính quyền với các đoàn thể quần chúng. Gần đây có hiện tượng đề bạt cán bộ lãnh đạo chủ yếu như các bí thư của cấp ủy nhưng lại không cần biết chức năng công việc chủ yếu của họ là gì. Có người tập trung tinh lực vào trực tiếp quản lý kinh tế mà không hiểu rằng : đồng thời với việc nắm kế hoạch, quy hoạch, chính sách phương châm kinh tế với việc xây dựng điển hình, nắm bắt các vấn đề mới nảy sinh để thúc đẩy công cuộc xây dựng phát triển kinh tế, thì trước hết cần chú trọng việc xây dựng tư tưởng, tổ chức, tác phong của Đảng và lãnh đạo việc xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa, lấy đó bảo đảm cho các chính sách của Nhà nước và kế hoạch kinh tế được thực hiện đúng đắn. Mấy năm gần đây, trong cải cách mở cửa, việc xây dựng kinh tế - văn hóa đã nảy sinh không ít lệch lạc. Nếu như mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng không bị coi nhẹ như bây giờ, thậm chí nếu như không có hiện tượng sức chiến đấu của Đảng không được mạnh như xưa, thì tình hình sẽ tốt biết bao !

Do chức trách quyền hạn không rành mạch, gặp việc lại dựa dẫm nhau, đùn đẩy nhau, khiến cho không những hiệu suất công việc của bộ máy đảng, chính quyền và các xí nghiệp, đơn vị sự nghiệp bị hạ thấp, mà khi bộc lộ sai lầm cũng rất khó khăn trong việc truy cứu trách nhiệm cá nhân và đơn vị. Như vậy, làm sao mà thực hiện được thưởng phạt nghiêm minh. Mà thưởng phạt không nghiêm minh cũng là nguyên nhân khiến cho tính tích cực của nhân viên công tác tại các đơn vị, các hệ thống bộ máy hiện nay không được cao.

2 - Không chịu đọc các sách lý luận và các sách về tri thức cơ bản nghiệp vụ cần cho cán bộ lãnh đạo, mà thỏa mãn trong việc chỉ đọc các văn kiện Đảng, Nhà nước và báo chí thời sự.

Cán bộ lãnh đạo, nhất là cán bộ lãnh đạo cấp cao, tất nhiên phải đọc các văn kiện của Đảng, Nhà nước và báo chí thời sự, mới có thể thấm nhuần và nắm

* Nguồn : Tạp chí *Cầu Thị*, số 22/1997

Digitized by Google

chắc được tinh thần và phương châm các chính sách của Trung ương, đồng thời cần phải có đủ những tri thức cơ bản của chủ nghĩa Mác. Có được tri thức cơ bản mới càng hiểu thấu các chính sách của Đảng, Chính phủ và tình hình thời sự. Tuy nhiên, như vậy vẫn chưa đủ. Cán bộ vẫn cần phải có tri thức nhất định về khoa học tự nhiên và khoa học nhân văn. Ngoài ra, rất cần phải cố gắng tự học, và kịp thời đổi mới, sát thực tế, nếu không sẽ khó làm tốt công việc thuộc chức quyền của mình. Trước đây, có một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt sở dĩ làm hỏng việc, thậm chí làm sai cả những việc lớn của Đảng và Nhà nước, quá nửa đều do thiếu các tri thức kể trên.

Cán bộ lãnh đạo, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo chủ yếu của các cấp, các hệ thống đảng và nhà nước, muốn làm tốt công tác của mình, cần phải có khả năng bao quát toàn cục, tính trước lo sau, phải biết xem xét mọi việc một cách toàn diện, và cả từng chi tiết cần thiết. Chỉ như vậy, mới có thể "suy nghĩ chín chắn", "liệu việc đủ bề" đối với công việc chính của mình phụ trách. Người xưa đã nói "tể tướng phải dùng người đọc sách" chính là như vậy. Mấy năm gần đây, Đảng ta nhấn mạnh : cán bộ ta phải cách mạng hóa, trẻ hóa, chuyên nghiệp hóa. Đó là rút kinh nghiệm của người xưa. Đương nhiên, cán bộ lãnh đạo chỉ có tri thức sách vở mà thiếu kinh nghiệm thực tiễn cần thiết cũng không làm tốt được công việc, nhưng chỉ có kinh nghiệm thực tiễn mà thiếu kiến thức lý luận, văn hóa, thì khó mà hệ thống hóa, quy chế hóa, khó mà vận dụng kết hợp thích đáng tình hình thực tiễn với điều kiện lịch sử mới. Hơn nữa, người có nhận thức lý luận sẽ tiếp thu và vận dụng tốt kinh nghiệm của người khác trong các thời gian, địa điểm khác nhau, từ đó làm cho lời nói cũng có hiệu lực hơn.

3 - Không tìm hiểu một cách hệ thống tình hình cơ bản và xu hướng phát triển mới trong phạm vi công tác mình phụ trách mà lại tổ chức công việc theo quyết định một cách mù quáng, hoặc "sao chuyển theo văn kiện cấp trên".

Thấu hiểu tình hình và nắm vững chính sách là hai việc lớn của cán bộ lãnh đạo.

Thấu hiểu tình hình là hiểu một cách có hệ thống mọi tình huống có liên quan tới chức trách công việc của mình. Trong tác chiến, phải "biết mình, biết người", mới có thể "trăm trận không thua". Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, cán bộ được giao trách nhiệm lãnh đạo một công việc nhất định, phải thấu hiểu tình hình có liên quan, sau đó mới có thể căn cứ vào yêu cầu của toàn cục, quyết định của cấp trên, để dự đoán tình hình phù hợp thực tế, rồi mới tiến hành bố trí công việc, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ. Không thấu hiểu tình hình, hoặc chỉ hiểu tình hình cơ bản mà không thấy sự thay đổi, cứ thế mà định quyết sách, hoặc cứ sao chuyển theo công văn cấp trên, thì kết quả sẽ rất kém, thậm chí nếu không phải là việc nhiều công ít, thì cũng phí công vô ích, chỉ làm tốn tiền hại dân, tổn thất cho sự nghiệp xây dựng đất nước.

Để bảo đảm thời gian liên hệ với quần chúng, tiến hành điều tra nghiên cứu và thời gian học tập có hệ thống, đòi hỏi cán bộ lãnh đạo công tác phải có hiệu suất và phải tận dụng tốt thời gian ngoài 8 giờ ở cơ quan ; không tiến hành hoặc ít tiến hành đại hội, hội thảo, liên hoan, kỷ niệm và những cuộc họp không cần thiết. Nếu cứ lao vào các cuộc họp như đèn cù, hoặc vùi đầu vào một đống văn kiện, thì không thể nào có hiệu suất công tác cao được. Muốn thoát khỏi cái lồng "biển hội họp, núi văn kiện", cán bộ lãnh đạo đảng, chính quyền phải phát huy tinh thần cách mạng "dám phá bỏ lề thói cũ, xây dựng phong cách mới", đồng thời kết hợp với các cán bộ đồng cấp và cấp dưới có chung tư tưởng đổi mới, cùng nhau vạch ra hướng mới để có thời gian học tập, tiến hành điều tra, nghiên cứu. Hiện nay công cuộc xây dựng đất nước gặp những khó khăn mới, các thế lực thù địch nước ngoài vẫn tìm mọi cách can thiệp, cán bộ lãnh đạo các cấp là những người gánh vác trọng trách, nên càng phải tập trung thời gian, sức lực, trí tuệ của mình vào công việc chung của Đảng, Nhà nước, của nhân dân, đâu còn phân rõ "trong 8 giờ", hoặc "ngoài 8 giờ". Hiện nay trong chúng ta, có không ít cán bộ cấp cao đã sớm phá bỏ cái giới hạn đó.

4 - Quá tự tin vào học thức và kinh nghiệm của mình mà coi nhẹ việc người lãnh đạo phải biết mở rộng cửa dung nạp nhiều ý kiến và dựa vào "tri thức tập thể".

Theo nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, bất cứ cán bộ lãnh đạo nào đều không có quyền xử lý vấn đề lớn thuộc phạm vi quản lý của mình, nếu chưa qua tập thể thảo luận. Ngay các cán bộ lãnh đạo chủ yếu, của bộ máy nhà nước và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo chế độ cá nhân phụ trách cũng phải thu thập và trưng cầu các loại ý kiến của cán bộ đồng cấp và nhân viên cấp dưới, tránh tình trạng cá nhân chuyên quyền, độc đoán. Bởi vì, một cá nhân dù có

Digitized by Google

đức tài, vẫn bị hạn chế bởi tầm nhìn và trí lực. "Người trí thức lo nghìn điều, tất có một điều sơ xuất", huống hồ tự mình chưa chắc đã hiểu biết đầy đủ. Tiếc rằng cho đến nay, dạng cán bộ lãnh đạo trái với nguyên tắc và không đi theo đường lối quần chúng vẫn còn thấy không ít ở nơi này, nơi nọ. Cho nên cán bộ chủ yếu ở các cấp, nên tự tu tỉnh xem mình có mắc tư tưởng và tác phong như trên không. "Nếu có thì sửa, không thì lấy đó làm răn".

Nước ta đang tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, hiện đại hóa, mà lại tiến hành trong tình thế mới là ở trong và ngoài nước biến đổi rất nhanh chóng, nhiệm vụ rất to lớn và phức tạp. Bởi vậy, chỉ có chung sức chung lòng, mới có thể ít phạm sai lầm, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Theo kinh nghiệm hiện nay, các cơ quan lãnh đạo tuy tính chất công tác riêng biệt, khác nhau, nhưng cần huy động và tổ chức các cán bộ cũ, các chuyên gia, các học giả là những người có học thức, có kinh nghiệm, tạo điều kiện làm việc tốt để họ giúp cho cơ quan lãnh đạo tiến hành điều tra, nghiên cứu, đề xuất ý kiến và phương án làm căn cứ để quyết định chủ trương, chính sách. Hiện nay đang tồn tại một cách phổ biến hiện tượng một số cơ quan lãnh đạo và một số đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp quan trọng, không chú ý tranh thủ ý kiến chuyên gia và những nhà chuyên nghiệp, không lập ra bộ máy tư vấn, hoặc có lập ra cơ quan tương tự, cũng không coi trọng phát huy. Trước đây những sai lầm và khuyết điểm nghiêm trọng nảy sinh trong công tác, quá nửa là có liên quan với hiện tượng trên. Vấn đề này đáng để các cơ quan lãnh đạo tổng kết, rút ra bài học. Mấy năm gần đây, có một số cơ quan lãnh đạo và đơn vị cơ sở đã thích ứng với hình thức mới, sáng tạo và đúc rút được kinh nghiệm mới trong phương pháp lãnh đạo, các báo đài và văn kiện Đảng, Nhà nước cũng đã có lúc giới thiệu. Cần chống lối lãnh đạo bận túi bụi. Nên sắp xếp thời gian để đọc các tài liệu, văn kiện có liên quan, tìm ra con đường riêng của mình. Hãy quyết tâm tìm học các đơn vị đã dám đi con đường mới, xem họ đã lãnh đạo và công tác như thế nào, tự mình cũng dần dần xác định ra phong cách riêng, đổi mới cách lãnh đạo và công tác.

5 - Không dành quyền chủ động lãnh đạo mà bị động ứng phó.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp vĩ đại, cải tạo thế giới cũ, sáng tạo thế giới mới, là một cuộc "chiến tranh nhân dân" lâu dài. Ai ngồi yên, bị động đối phó, đều sẽ ảnh hưởng tới toàn cục. Người lãnh đạo thiếu chủ động, "chỉ đâu đánh đó" thì hoặc là quan liêu, hoặc là một người lãnh đạo không xứng với chức vụ.

Làm sao thoát khỏi trạng thái bị động, nếu thoát khỏi thì làm sao duy trì, tiếp tục được trạng thái tích cực chủ động ? Đó là vấn đề lớn mà người cán bộ lãnh đạo cần chú ý trong suốt quá trình công tác của mình. Bởi vì, đó là nhân tố có tính chất quyết định sự tiến bộ hoặc thụt lùi, thắng lợi hoặc thất bại trong công tác của mỗi người.

Trong điều kiện hiện nay của nước ta, không ít các đơn vị lớn nhỏ đều có tình trạng bị động với những mức độ khác nhau. Sở dĩ như vậy là vì nhiều năm qua trong công tác đã mắc một số sai lầm lớn, đồng thời trong thời kỳ cải cách mở cửa lại xuất hiện những khó khăn mới. Trong khi khắc phục cái tật bao biện làm thay, cán bộ lãnh đạo đã chịu khó tiến hành điều tra, nghiên cứu và đọc sách, quán triệt nguyên tắc dựa vào trí tuệ tập thể. Song song với việc đó, cần căn cứ vào chính sách, phương châm, chỉ thị, quyết định của Đảng và Chính phủ đối với các công việc có liên quan tới sự bố trí chiến lược toàn cục, để suy tính một quy hoạch lâu dài cho công tác của đơn vị mình, kết hợp tốt quy hoạch lâu dài với công tác hiện tại ; bố trí, sắp xếp trình tự hợp lý những công việc chủ yếu và thứ yếu. Khi đã quyết định thì phải kiên trì làm đến cùng. Chỉ khi nào tình thế và điều kiện có biến đổi, hoặc phát hiện thấy cách xếp đặt công việc đã định không thích hợp, mới nên có những điều chỉnh cần thiết. Kinh nghiệm thực tiễn đã chứng minh kiểu lãnh đạo, chỉ huy "sáng ba chiều bốn", "sớm lệnh tối hủy", đều do tìm hiểu đánh giá tình hình không toàn diện, không sát thực, không kịp thời, hoặc thiếu những dự kiến cần thiết đối với các biến đổi có thể xảy ra, cho nên rơi vào tình trạng bị động. Trên ý nghĩa đó mà nói, dựa vào "trí tuệ tập thể" tiến hành nghiên cứu vấn đề từ tầm cao đến tầm sâu là tiền đề để cơ quan lãnh đạo thoát khỏi bị động, giành chủ động.

Đã là cán bộ lãnh đạo, thực sự phấn đấu cho sự nghiệp cộng sản chủ nghĩa, nhất định đủ sức kiên trì và phát huy tác phong truyền thống của Đảng, không ngừng khắc phục sai lầm, thiếu sót của mình. Làm công tác lãnh đạo, mà đặt lợi ích cá nhân lên hàng đầu, thì tuy miệng nói cách mạng, nhưng thực ra họ chỉ là người ham danh, đoạt lợi, ôm mộng làm quan, dùng quyền mưu tư lợi.❑

Người dịch : **HOÀNG ĐIỀN**

Digitized by Google

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

HỘI THẢO KHOA HỌC "HOÀN THIỆN QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH Ở CÁC XÃ VEN ĐÔ"

Ngày 17-2-1998, tại huyện Gia lâm Hà Nội, Học viện Hành chính quốc gia phối hợp với Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm tổ chức Hội thảo khoa học : "Hoàn thiện quy chế làm việc, cải cách thủ tục hành chính ở các xã ven đô" nhằm khắc phục những thiếu sót, yếu kém tìm biện pháp điều chỉnh, sửa đổi hoàn thiện các quy chế làm việc, các thủ tục hành chính, phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở.

Gần 50 đại biểu bao gồm các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo và quản lý tham dự. Hơn 10 báo cáo tham luận đã được trình bày, tập trung vào mấy vấn đề chủ yếu sau :

1 - Phân tích những đặc điểm nổi bật của các xã ven đô hiện nay có ảnh hưởng tới việc hoàn thiện quy chế làm việc và cải cách hành chính.

Các xã ven đô hiện nay đang diễn ra quá trình biến đổi nhanh và sâu sắc về đời sống kinh tế, xã hội... Những biến đổi ấy gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; với quá trình đô thị hóa nhanh. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở các xã những năm gần đây đã được đổi mới. Tuy nhiên, một bộ phận cán bộ chủ chốt của xã vẫn chưa được đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức văn hóa, nghiệp vụ quản lý hành chính nên còn lúng túng. Thực tế này đặt ra nhiều vấn đề mới về quản lý hành chính ở các xã ven đô, khiến cho cách quản lý cũ, các văn bản quy định cũ có nhiều điều không thích hợp.

2 - Về thực trạng việc thực hiện quy chế làm việc và cải cách thủ tục hành chính ở các xã ven đô hiện nay.

Hội thảo cho rằng, trong những năm qua việc ban hành các thủ tục hành chính với cấp xã vừa thừa, vừa thiếu. Hàng trăm văn bản luật pháp, nghị định, quy định, nghị quyết, chính sách v.v... đến với dân nhưng nhân dân không được giải thích, hướng dẫn để họ có sự hiểu biết một cách đầy đủ về những vấn đề cơ bản. Trong khi đó, nhiều văn bản không còn phù hợp vẫn chưa được sửa đổi. Nhiều quy định còn chồng chéo, máy móc, rườm rà, bao sân, bao ngành. Những quy ước, lệ làng, "luật rừng" tự phát hình thành đã gây nhiều khó khăn, phiền hà cho nhân dân và cho công tác quản lý của chính quyền. Thậm chí có nơi tự đặt ra những quy định về thủ tục giấy tờ, về lệ phí các khoản thu không đúng thẩm quyền và quá mức quy định. Tình trạng đó không những dẫn đến cửa quyền, quan liêu, hống hách, xa rời dân, mà còn dẫn đến tham nhũng, sách nhiễu dân, gây bất bình trong nhân dân.

Để khắc phục tình trạng trên, công tác cải cách hành chính cần sớm phát hiện và xóa bỏ những thủ tục, văn bản lạc hậu, rườm rà, phức tạp, chồng chéo, thiếu đồng bộ, gây cản trở cho việc tiếp nhận và xử lý công việc ở cơ sở. Đồng thời xây dựng và thực hiện các thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng, chặt chẽ, thống nhất, đúng pháp luật, tiện lợi cho nhân dân ; ngăn chặn các tệ quan liêu, tham nhũng, cửa quyền trong bộ máy nhà nước ; giữ nghiêm kỷ cương phép nước, xây dựng một nền hành chính dân chủ.

3 - Hoàn thiện quy chế làm việc và cải cách hành chính với việc nhân dân tham gia quản lý nhà nước.

Trong hệ thống hành chính nhà nước, chính quyền xã, phường, thị trấn là đơn vị chính quyền cơ sở gắn bó với cộng đồng dân cư và là người am hiểu, chịu trách nhiệm trực tiếp đến sự phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương. Cải cách hành chính có nhiệm vụ làm cho các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể ở địa phương hoạt động năng động, sáng tạo, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Hiện nay người nông dân ở các xã thực sự được tham gia như thế nào trong các quyết định phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương mình ? Họ được hưởng những gì từ các chương trình phát triển đó ? Vấn đề này chưa rõ. Do vậy có ý kiến cho rằng chỉ đặt vấn đề "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" là chưa đủ mà phải thêm "dân hưởng". Nhân dân phải được bàn và tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội thông qua các chương trình, kế hoạch, các dự án phát triển kinh tế - xã hội, cũng như có quyền làm chủ trong việc phân phối một cách công bằng những lợi ích từ các chương trình phát triển ấy.

Hội thảo khẳng định : trong nhiều năm qua, chúng ta đã phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực có hiệu quả. Trong thời kỳ chiến tranh, nhân dân đã sẵn sàng hy sinh tính mạng, tiền của cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngày nay họ cũng sẵn sàng chia sẻ với nhà nước tất cả những gì có thể. Rất tiếc nhiều nơi, nhiều lúc sức lực của nhân dân đã bị những kẻ thoái hóa biến chất trong bộ máy nhà nước lợi dụng chiếm đoạt. Để ngăn chặn tệ nạn này, phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia quản lý nhà nước, phải có thiết chế dân chủ ở cơ sở để bảo đảm trên thực tế "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

4 - Một số kiến nghị để hoàn thiện quy chế làm việc và cải cách thủ tục hành chính các xã ven đô hiện nay.

Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các đoàn thể quần chúng rà soát lại các quy chế làm việc, các thủ tục hành chính, loại bỏ những yếu tố không còn thích hợp, sửa đổi, bổ sung những điểm mới phù hợp hơn. Niêm yết công khai các quy chế, quy định để nhân dân biết và thực hiện, cũng như giám sát, kiểm tra việc thực hiện những quy chế, quy định đó của những người có trách nhiệm trước nhân dân.

Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, từng cán bộ trong bộ máy của các tổ chức ấy để nhân dân tiện liên hệ công việc và tham gia kiểm tra họ khi thi hành nhiệm vụ.

Phân cấp, phân quyền cụ thể, rõ ràng từ Trung ương đến thành phố, huyện, xã. Hướng dẫn cụ thể cán bộ cơ sở xây dựng quy chế làm việc và cải cách thủ tục hành chính đúng pháp luật.

Xây dựng thiết chế bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế, quản lý xã hội, giữ gìn trật tự an ninh của cộng đồng.

Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ xã có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ văn hóa, tư tưởng vững vàng, có trình độ lý luận, có kiến thức liên ngành, có năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn năng động, sáng tạo, được nhân dân tin tưởng.❑

Digitized by Google

ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 13

STATE OF MANAGEMENT OF WATERWAY No.13

Trụ sở : 1B Ngô Quyền - Thị xã Long Xuyên - Tỉnh An Giang

Tel : (076) 852040 - 854237 - 856487





Office : 1B Ngo Quyen - Long Xuyen Town - An Giang Province

Tel : (076) 852040 - 854237 - 856487



- Lĩnh vực hoạt động chính:

- Sản xuất - lắp đặt - sửa chữa các thiết bị dẫn phao tiêu, biển báo hướng dẫn giao thông.
- Khảo sát, tổ chức nạo vét trục vớt các phương tiện giao thông đường thủy.
- Cấp giấy phép sử dụng vùng nước thủy nội địa cho thành phần kinh tế có yêu cầu khai thác, sử dụng mặt nước khoảng sông.





Digitized by Google

CÔNG TY GIẤY BÃI BẰNG



Công ty giấy Bãi Bằng thuộc Tổng Công ty Giấy Việt Nam, công trình hợp tác hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển. Thiết bị hiện đại, dây chuyền sản xuất khép kín, công suất thiết kế 55.000 tấn/năm.

Sản phẩm của công ty bao gồm : Giấy in, giấy viết, giấy telex, giấy photocopy, giấy tập kẻ ngang, vở học sinh và giấy máy vi tính. Định lượng từ 50 gam/m^2 đến 120 gam/m^2 Độ trắng 74 - 83^0 GE. Giấy được sản xuất thành cuộn hoặc ram từ khổ A0 - A4. Sản phẩm của công ty có bán trên thị trường trong và ngoài nước.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ :

Công ty giấy Bãi Bằng
Thị trấn Phong Châu - Vĩnh Phú
Điện thoại : 021-846733
021-842028
021-842154
Fax : (84) 21.846 732
Telex : 411-498-SCANMABB VT
Tài khoản : 710A-00001
Ngân hàng Công thương khu vực Đền Hùng, Vĩnh Phú.

Tổng giám đốc :
TRẦN NGỌC QUẾ



Digitized by Google

5/80

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM VIỆT NAM

VIETNAM INSURANCE CORPORATION

(BAOVIET)

Trụ sở chính : Số 7 Lý Thường Kiệt - Hà Nội
Tel : 8262632 ; 8262642 ; 8262817 ; 8240237 Fax : 8257188

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC XẾP HẠNG ĐẶC BIỆT



BAOVIET

* Trên 30 năm kinh nghiệm
* Khả năng tài chính vững chắc
* Quan hệ Quốc tế rộng rãi
* Đội ngũ chuyên viên lành nghề

SẴN SÀNG PHỤC VỤ CÁC LOẠI HÌNH

* Bảo hiểm nhân thọ
* Bảo hiểm phi nhân thọ
  - Bảo hiểm về tài sản
  - Bảo hiểm về con người
  - Bảo hiểm về trách nhiệm

MẠNG LƯỚI TRÊN KHẮP CẢ NƯỚC

*** TRỤ SỞ CHÍNH TẠI HÀ NỘI**

*** 62 CÔNG TY, 1 CHI NHÁNH TRỰC THUỘC ĐẶT TẠI TRUNG TÂM CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ**

*** GẦN 200 PHÒNG BẢO HIỂM KHU VỰC ĐẶT TẠI CÁC QUẬN, HUYỆN**

BAOVIET ĐÁP ỨNG MỌI NHU CẦU BẢO HIỂM CHO BẠN

Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 4000Đ

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
APR 15 1998
CURRENT SERIALS

6
3-1998

Digitized by Google

LIÊN DOANH DẦU KHÍ VIETSOPETRO

Chào mừng tấn dầu thứ 50 triệu !

Đón nhận danh hiệu "Anh hùng Lao động" của Nhà nước Việt Nam phong tặng

Trụ sở chính : 95 A, Lê Lợi, TP. Vũng Tàu Điện thoại : (84) - 64 - 839871/72 Fax : (84) - 64 - 839857



VIETSOPETRO là cơ sở khai thác dầu khí lớn nhất hiện nay của Việt Nam. Liên doanh thực hiện nhiệm vụ thăm dò, khai thác dầu, khí trên thềm lục địa Nam Việt Nam. Bạch Hổ và Rồng là 2 mỏ hoạt động chính.

Sản lượng khai thác dầu hiện nay đạt trung bình 28 ngàn tấn/ngày; đầu quý 2 năm 1997 sản lượng đưa khí vào bờ đạt 1,5-2 triệu mét khối/ngày, cung cấp cho các tổ máy nhiệt điện Bà Rịa và Phú Mỹ. sản lượng khai thác dầu năm 1996 đạt 8,22 triệu tấn, vượt kế hoạch 468.000 tấn. Tổng doanh thu bán dầu tính từ năm 1991 đến đầu tháng 10 năm 1997 đạt 6,3 tỉ USD. Nộp ngân sách Nhà nước Việt Nam : 3,4 tỉ USD.

Kế hoạch dự kiến 1996-2000: khai thác 50,4 triệu tấn dầu, 4-4,5 tỉ mét khối khí đồng hành, trong đó, năm 1997 sẽ khai thác 9,35 triệu tấn dầu thô, 600 triệu mét khối khí.

Do đạt được những thành tích xuất sắc khai thác dầu, khí trong nhiều năm liên tục, nhân sự kiện VIETSOPETRO khai thác tấn dầu thứ 50 triệu, ngày 31 tháng 10 năm 1997 Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam đã quyết định tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động" cho Tập thể Lao động Quốc tế VIETSOPETRO

VIETSOPETRO có căn cứ dịch vụ tổng hợp trên bờ bao gồm : cảng chuyên dùng có khả năng đón tàu trọng tải 1 vạn tấn cập bến an toàn; căn cứ đội tàu và công tác lặn ; các bãi lắp ráp cấu kiện kim loại xây dựng các công trình dầu khí biển ; bãi bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị khoan, khai thác; xí nghiệp sửa chữa cơ - điện; hệ thống kho và cung ứng vật tư; trung tâm an toàn - bảo vệ môi trường. Căn cứ tổng hợp này đủ sức dịch vụ khai thác hàng năm từ 12 đến 15 triệu tấn dầu thô, 1-1,2 tỉ mét khối khí.

Trong những năm qua, VIETSOPETRO đã hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trên 35 tỉ đồng dùng vào xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, tặng nhà tình nghĩa cho một số gia đình trong diện chính sách, nuôi dưỡng 20 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng...

Với các địa phương khác trong cả nước, VIETSOPETRO thường xuyên giúp đỡ hàng chục tỉ đồng cho đồng bào bị thiên tai, tôn tạo các di tích lịch sử, xây dựng nhà tình nghĩa, nhận nuôi dưỡng 40 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng ở Quảng Trị, Quảng Nam.

Sau cơn bão số 5, VIETSOPETRO đã vận động, quyên góp được số tiền 1 tỉ 235 triệu đồng ủng hộ đồng bào bị nạn.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 540 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

6
3-1998

MỤC LỤC

	LÊ KHẢ PHIÊU - Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng toàn diện công tác tư tưởng - văn hóa trong tình hình mới	3
	TỐ HỮU - Tuyên ngôn Đảng cộng sản và sự nghiệp cách mạng của chúng ta	7
PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	LÊ MINH HƯƠNG - Lực lượng công an nhân dân quyết tâm thực hiện tốt 6 điều Bác Hồ dạy	10
	NGUYỄN SINH - Kinh tế Việt Nam 12 năm đổi mới (1986 - 1997)	12
	TRẦN QUANG NHIẾP - Phát huy nội lực đẩy mạnh công cuộc đổi mới	16
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN CÚC - Quốc tế hóa : từ ý tưởng của C. Mác, Ph.Ăng-ghen đến hiện thực của thế giới hiện đại	21
	NGUYỄN SĨ LỘC - Về các biện pháp chiến lược phát huy nội lực khoa học và công nghệ	25
	NGUYỄN QUỐC ANH - Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tham gia xã hội hóa giáo dục	28
	LÊ TRỌNG - Đầu tư và sử dụng có hiệu quả vốn phát triển nông nghiệp và nông thôn	31
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN THANH TÚC - Công tác phát triển Đảng ở Ninh Bình	34
	NGUYỄN SĨ NỒNG - Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và vấn đề liên minh công - nông - trí ở thành phố Hồ Chí Minh	37
	TRƯƠNG HỮU QUỐC - Chống ma túy - cuộc đấu tranh chung của toàn xã hội	41
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN TRUNG THỰC - Chuyện không để	46
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	VŨ NGỌC AM - Góp phần nâng cao hiệu quả việc tổ chức học tập nghị quyết của Đảng ở cơ sở	47
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	VŨ HIỀN - Sự kiện I-rắc nói điều gì ?	48
	ĐỖ ĐỨC ĐỊNH - Từ cuộc khủng hoảng tiền tệ ở châu Á	50
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	Toàn cầu hóa và thế giới nghèo	55
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội nghị cán bộ kiểm tra toàn quốc	59

Bìa 1 : *Xây dựng công trình thủy điện YaLy* *Ảnh :* **ĐINH QUANG THÀNH**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ ХА ФИЕУ - Продолжать обновление, всесторонне повышать качество работы по идеологии и культуре в новой обстановке. ТО ХЫУ - "Манифест Коммунистической Партии" и наш революционный курс. ЛЕ МИНЬ ХЫОНГ - Народная милиция полна решимости исполнить 6 инструкций дяди Хо. НГУЕН ШИНЬ - Экономика Вьетнама за 12 лет обновления (1986 - 1997). ЧАН КУАНГ НИЕП - Развитие внутренних сил для усиления курса обновления. НГУЕН КУК - Интернационализация : от идей К. Маркса и Эльгенса до реальностей современного мира. НГУЕН ШИ ЛОК - Стратегические мероприятия для развития внутренних сил науки и техники. НГУЕН КУОК АНЬ - Хошиминский Коммунистический Союз Молодёжи принимает участие в деде социализации образования. ЛЕ ЧОНГ - Эффективная инвестиция и эффективное использование фондов для развития сельского хозяйства и деревни. ВУ ХИЕН - О чём говорит событие в Ираке. ДО ДЫК ДИНЬ - Из манетрного кризиса в Азии.

CONTENTS

LÊ KHẢ PHIÊU - Continue renovating and comprehensively improving the quality of the ideological and cultural work in the new situation. TỐ HỮU - The "Manifesto of Communist Party" and our revolution cause. LÊ MINH HƯƠNG - The people's militia is determined to fulfil the Uncle Ho's 6 instructions. NGUYỄN SINH - Vietnam's economy over 12 years of renovation (1986 - 1997). TRẦN QUANG NHIỆP - Utilizing endogenous forces to push up the renovation course.NGUYỄN CÚC - Internationalization : from the ideas of K.Marx and Ph.Angel to the reality of the mordern world. NGUYỄN SĨ LỘC - About the strategic measures to promote scientific and technological endogenous forces. NGUYỄN QUỐC ANH - Ho Chi Minh Communist Youth Union participates in the socialization of education. LÊ TRỌNG - Efficient investment and efficient use of funds for agricutural and rural development. VŨ HIỀN - What does the event in Iraq speaks about. ĐỖ ĐỨC ĐỊNH - From the monetary crisis in Asia.

SOMMAIRE

LÊ KHẢ PHIÊU - Continuer le renouveau, élever la qualité du travail idéologique et culturel sous tous ses aspects dans la nouvelle conjoncture. TỐ HỮU - Le Manifeste du Parti communiste et notre oeuvre révolutionnaire. LÊ MINH HƯƠNG - Les forces de la police populaire se détermine à suivre les 6 conseils de l'Oncle Ho. NGUYỄN SINH - L'économie du Vietnam après 12 ans de renouveau (1986-1997). TRẦN QUANG NHIỆP - Faire valoir la force endogène pour renforcer l'oeuvre de renouveau. NGUYỄN CÚC - L'internationalisation - de l'idée de K. Marx et de F. Angels à la réalité du monde moderne. NGUYỄN SĨ LỘC - Sur les mesures stratégiques pour faire valoir la force endogène des sciences et de la technologie. NGUYỄN QUỐC ANH - Sur la participation de l'Union de la Jeunesse communiste Ho Chi Minh à la socialisation de l'éducation. LÊ TRỌNG - Investir et utiliser efficacement le capital pour le développement de l'agriculture et de la campagne. VŨ HIỀN - Que dit l'événement d' Iraq ?. ĐỖ ĐỨC ĐỊNH - De la crise monétaire en Asie.

SUMARIO

LÊ KHẢ PHIÊU - Continuar la renovación y elevar la calidad integral del trabajo ideológico-cultural en la nueva situación. TỐ HỮU - El Manifiesto de la Policía popular cumplen condeterminación las 6 Ensenanzas del Tío Ho. NGUYỄN SINH - La economía de Vietnam después de 12 años de renovación (1986-1997). TRẦN QUANG NHIỆP - Desplegar la fuerza interna para impulsar la renovación. NGUYỄN CÚC - Internacionalización : - De la idea de Carlos Mark y Federico Engel a la realidad del mundo moderno. NGUYỄN SĨ LỘC - Sobre las medidas estratégicas en el despliegue de las fuerzas internas de las ciencias y tecnologías. NGUYỄN QUỐC ANH - La participación de la Unión de la Juventud Comunista Ho Chi Minh en la socialización educacional. LÊ TRỌNG - Invertir y utilizar de manera efectiva el capital de desarrollo de la agricultura y del campo. VŨ HIỀN - ¿Qué dice el acontecimiento de Irak ? ĐỖ ĐỨC ĐỊNH - A partir de la crisis monetaria en Asia.

目录

•黎可漂 在新形势下继续革新 全面提高文化思想工作 • 素友 《共产党宣言》与我国的革命事业 •黎明垂 人民公安力量决心遵循胡志明主席的六条教导 • 阮生 越南经济革新十二年(1986年—1997年) • 陈光援 充分发挥内在力量 大力促进革新事业 • 阮菊 国际化 从马克思、恩格斯的构想到现代世界的现实 • 阮士禄 关于发挥科学与工艺内在力的战略措施 • 阮国英 胡志明共青团参加教育社会化运动 • 黎仲 投资与有效使用发展农业与农村资金 •武贤 伊拉克事件说明了什么? • 杜德定 从亚洲金融危机.....

Digitized by Google

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TOÀN DIỆN CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA TRONG TÌNH HÌNH MỚI *

LÊ KHẢ PHIÊU
Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam

Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác tư tưởng - văn hóa năm 1997 và bàn biện pháp nâng cao chất lượng công tác tư tưởng - văn hóa góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị năm 1998 và những mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000. Công tác tư tưởng - văn hóa luôn luôn giữ vị trí hàng đầu công tác xây dựng Đảng và trong hoạt động lãnh đạo của Đảng ta.

Tháng 12-1997, tại Hội nghị BCH TU lần thứ tư bàn về nhiệm vụ kinh tế, sau khi tổng kết thực tiễn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, nhận định :

Trong thời gian qua, tuy đất nước ở trong bối cảnh vừa có thời cơ, thuận lợi lớn vừa có nguy cơ và thách thức không thể xem thường, đáng chú ý là những khó khăn, thách thức mới nảy sinh như hậu quả rất nặng nề của cơn bão số 5 và "cơn bão" khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở khu vực... nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, nhân dân ta vẫn kiên trì đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức giành được những thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, giữ vững sự ổn định chính trị, quan hệ đối ngoại được mở rộng, vị thế quốc tế của nước ta được nâng cao. Những thắng lợi này tiếp tục tạo ra thế và lực mới cho sự phát triển của đất nước ta.

Khẳng định những thành tựu quan trọng của đất nước ta trong thời gian qua, đồng thời là khẳng định sự đóng góp rất xứng đáng của công tác tư tưởng - văn hóa, đã vạch ra những phương hướng cơ bản lâu dài cũng như góp phần giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc trước mắt, khẳng định sự trưởng thành mới của đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận, tuyên truyền, giáo dục, xuất bản - báo chí, văn hóa - văn nghệ của Đảng ta.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi nhiệt liệt biểu dương những thành tích và bước trưởng thành mới rất đáng tự hào của công tác tư tưởng - văn hóa và những chiến sĩ trên mặt trận giữ vị trí hàng đầu này.

Càng tự hào về những thành tựu và bước trưởng thành vừa qua, các đồng chí càng phải đánh giá đúng những khuyết điểm yếu kém của mình. Cần nhìn thẳng vào sự thật để đánh giá đúng mức những việc chúng ta đã làm và chỉ ra những việc phải làm, do đó tôi hoan nghênh tinh thần tự phê bình nghiêm túc của Báo cáo của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương. Các đồng chí cần phân tích sâu sắc hơn và tìm ra những biện pháp hữu hiệu để khắc phục cho được những mặt yếu kém này. Trước hết cần tập trung khắc phục tính chậm trễ và

* Bài phát biểu tại Hội nghị Tư tưởng - Văn hóa toàn quốc ngày 2-3-1998

Digitized by Google

sự lạc hậu của công tác nghiên cứu lý luận tổng kết thực tiễn, bệnh hình thức trong công tác tuyên truyền giáo dục ; khuynh hướng chệch tôn chỉ và thương mại hóa trong hoạt động báo chí - xuất bản ; tình trạng trung bình trong sáng tạo văn học nghệ thuật ; sự hạn chế trong việc nắm bắt và dự báo các khuynh hướng tư tưởng và sự hạn chế chất lượng công tác tư tưởng trong xây dựng Đảng, trong giáo dục rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên...

Năm 1998 và những năm sắp tới, cục diện nước ta vẫn nằm trong bối cảnh vừa có thời cơ lớn vừa đứng trước những nguy cơ không thể xem thường mà đặc điểm nổi bật là sự đan xen rất phức tạp giữa thời cơ và nguy cơ, không loại trừ sự xuất hiện những khó khăn thách thức mới.

Đảng ta đã xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ trong những năm tới là : kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, tiếp tục sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, phát huy mạnh mẽ nội lực, hợp tác quốc tế có hiệu quả, cần kiệm đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000, tạo điều kiện vững chắc để đất nước ta đi vào thế kỷ XXI.

Nhiệm vụ chung của đất nước trong giai đoạn hiện nay đặt ra cho công tác tư tưởng - văn hóa nhiệm vụ rất nặng nề, nhưng vô cùng vẻ vang. Trong Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác tư tưởng - văn hóa tháng 3-1997, đồng chí Đỗ Mười đã có bài phát biểu quan trọng, nêu lên những tư tưởng chỉ đạo của Đảng đối với các lĩnh vực hoạt động trên mặt trận rất quan trọng này. Những tư tưởng chỉ đạo quan trọng trên cần được quán triệt và thực hiện nghiêm túc.

Xuất phát từ đặc điểm của tình hình nhiệm vụ, trên cơ sở nhận thức sâu sắc hơn vị trí hàng đầu của công tác tư tưởng - văn hóa, Đảng ta đã và đang dành sự quan tâm lớn hơn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác này. Sau Đại hội VIII, Bộ Chính trị đã xác định rõ chức năng nhiệm vụ của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương trong thời kỳ mới, ra Chỉ thị về tăng cường lãnh đạo công tác báo chí - xuất bản, tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền miệng ; Chỉ thị xây dựng nếp sống văn minh trong lễ hội, lễ cưới, lễ tang ; Chỉ thị xây dựng, thực hiện thiết chế dân chủ ở cơ sở và sắp tới Bộ Chính trị sẽ ra Chỉ thị về tăng cường công tác thông tin đối ngoại và Trung ương sẽ ra Nghị quyết về chiến lược xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Đây chính là một hệ thống quan điểm, chủ trương giải pháp lớn để triển khai mạnh mẽ, đồng bộ các hoạt động tư tưởng - văn hóa ; nếu chúng ta nắm vững và thực hiện nghiêm túc sẽ là nhân tố quyết định nhằm đổi mới toàn diện và thực sự nâng cao chất lượng hiệu quả các hoạt động tư tưởng - văn hóa.

Trước hết phải thực sự coi trọng và đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn.

Sau 10 năm đổi mới, thành tựu hàng đầu của Đảng ta là nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã rõ hơn. Nói đã rõ hơn cũng có nghĩa còn một số vấn đề rất cần được tổng kết sâu sắc để có câu trả lời sáng tỏ. Hơn lúc nào hết công tác tư tưởng phải huy động, tổ chức được đội ngũ cán bộ nghiên cứu, lãnh đạo, quản lý tích cực tham gia vào tổng kết thực tiễn hướng vào việc giải đáp cho được những vấn đề cấp bách của công cuộc đổi mới của chúng ta như : phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa ; vấn đề đổi mới kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác để nó phát triển có hiệu quả giữ vững được vai trò chủ đạo và nền tảng trong nền kinh tế quốc dân ; tăng trưởng kinh tế gắn liền với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và sự bền vững của môi trường sinh thái ; mở rộng hội nhập quốc tế với việc giữ vững độc lập về chính trị, tự chủ về kinh tế và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc ; vấn đề đổi mới và chỉnh đốn Đảng để Đảng ta luôn luôn là Đảng của trí tuệ, Đảng của đạo đức và gắn bó máu thịt với nhân dân ; vấn đề tăng cường bản chất giai cấp công nhân và xây

Digitized by Google

dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân...

Toàn bộ hoạt động lý luận phải hướng tới mục tiêu : luận chứng một cách sáng tỏ quan niệm cách mạng, khoa học về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam để trình Đại hội IX quyết định.

Phải thực sự nâng cao hiệu quả công tác giáo dục quán triệt các nghị quyết của Đảng. Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác tư tưởng. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 4 đã chỉ rõ một trong những nguyên nhân dẫn đến những khuyết điểm của chúng ta chính là sự yếu kém trong việc quán triệt và thực hiện nghị quyết. Chúng ta phải thực sự đổi mới nhiệm vụ này ngay từ việc tổ chức học tập thực hiện Nghị quyết Trung ương 4. Đổi mới theo hướng gắn học tập quán triệt nghị quyết với quá trình thể chế hóa, pháp lệnh hóa, nghị định hóa, chính sách hóa, chương trình hóa các quyết định của Đảng. Do đó, thời gian chủ yếu không chỉ để quán triệt các quan điểm mà còn là bàn biện pháp tổ chức học tập thực hiện các pháp lệnh, nghị định, chính sách, chương trình được thể chế hóa từ nghị quyết. Chỉ có thực hiện tốt phương châm, phương pháp này chúng ta mới đưa nhanh nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Công tác tư tưởng phải luôn luôn nhằm đạt cho được những mục tiêu hiện thực là : được người, được việc, được tổ chức ! Toàn bộ công tác tuyên truyền giáo dục, báo chí - xuất bản, văn hóa - văn nghệ phải hướng vào nhiệm vụ xây dựng con người mới, xây dựng các tổ chức mạnh và hoàn thành thắng lợi từng nhiệm vụ trong từng giai đoạn. Hơn lúc nào hết, công tác tư tưởng - văn hóa phải đổi mới để thực sự nâng cao chất lượng trong nhiệm vụ "xây". Phải đi vào xây dựng, bồi dưỡng từng con người, từng tổ chức trong hệ thống chính trị ; đương nhiên muốn "xây" tốt phải gắn chặt với "chống", nhưng "xây" vẫn là chính. Để xây dựng được những con người mới, công tác tư tưởng phải rất coi trọng giáo dục toàn diện : gắn chặt giáo dục lý luận, giáo dục đường lối, giáo dục lịch sử, giáo dục đạo đức với nâng cao kiến thức, giáo dục kỹ năng lao động. Do đó, công tác tư tưởng phải phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, các ngành, nhất là với hệ thống giáo dục - đào tạo.

Trong chiến tranh, do chúng ta làm tốt việc xây dựng con người, xây dựng tổ chức, xây dựng hậu phương tốt đã tạo nên sức mạnh vĩ đại để chúng ta chiến thắng các thế lực xâm lược hung bạo nhất. Ngày nay, để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới vĩ đại, toàn bộ hoạt động tư tưởng phải hướng vào xây dựng thành công, phát huy mạnh mẽ nguồn lực con người trong mọi lĩnh vực, gắn chặt với xây dựng vững mạnh toàn bộ hệ thống chính trị.

Một trong những hướng đổi mới quan trọng của công tác tư tưởng là phải hướng mạnh xuống cơ sở, bám sát thực tiễn, tăng cường đối thoại giữa cán bộ các cấp với nhân dân ở cơ sở.

Toàn bộ các binh chủng của công tác tư tưởng phải có kế hoạch, chương trình và xây dựng thành nền nếp gắn chặt với thực tiễn để nắm bắt cho được cuộc sống, phản ánh đúng cuộc sống, dự báo được những xu hướng vận động của cuộc sống, đề xuất được những giải pháp cho cuộc sống.

Cán bộ tư tưởng phải là những người đi đầu thực hiện tốt phương châm đối thoại với dân. Do đó phải rèn luyện toàn diện để có tấm lòng, có trách nhiệm, có tri thức, có nghệ thuật đối thoại với dân. Nếu chúng ta thực hiện tốt phương châm này thì chắc chắn chúng ta sẽ đẩy lùi có hiệu quả tệ quan liêu ; củng cố vững chắc mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân, Nhà nước với dân. Đó chính là nguồn gốc sức mạnh của chúng ta.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới, chúng ta phải đổi mới mạnh mẽ cuộc vận động thi đua yêu nước.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Đổi mới là sự nghiệp tự giác của hàng triệu quần chúng ; Đảng ta thông qua công tác tư tưởng đem nhân tố tự giác đến từng quần chúng, giác ngộ quần chúng, tổ chức quần chúng, cổ vũ và động viên quần chúng thi đua thực hiện thắng lợi từng nhiệm vụ cách mạng.

Digitized by Google

Từ thành công sâu rộng của phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Xóa đói giảm nghèo", "Ủng hộ đồng bào bị bão lụt"... sẽ cho chúng ta những bài học quan trọng để đổi mới cuộc vận động thi đua yêu nước. Công tác tư tưởng phải nắm chắc từng nhiệm vụ chính trị, hiểu thấu đáo những nhu cầu bức xúc của nhân dân mới có thể đưa ra những nội dung và phát động được những phong trào cuốn hút quần chúng thi đua. Từ nhiệm vụ chung : Tiếp tục đổi mới, phát huy nội lực, hợp tác quốc tế có hiệu quả, cần kiệm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện thắng lợi các mục tiêu đến năm 2000, chúng ta phải tìm ra cho được những nội dung cụ thể, những khẩu hiệu hành động thôi thúc lòng người và những phong trào cuốn hút mạnh mẽ từng địa phương, từng ngành, từng đơn vị thi đua yêu nước. Phải tăng cường bồi dưỡng và nhân rộng những cá nhân và tập thể điển hình tốt làm cho phong trào thi đua phát triển sâu rộng đẩy tới những đỉnh cao, làm xuất hiện nhiều con người và tập thể anh hùng, trong sự nghiệp đổi mới, tiến tới đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc vào năm 2000.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác tư tưởng - văn hóa năm 1998 và các năm tiếp theo, một yêu cầu vừa cơ bản vừa cấp bách được đặt ra phải được giải quyết, đó là : Đã đến lúc phải tiêu chuẩn hóa, xây dựng quy hoạch, xây dựng chương trình và hệ thống trường lớp để đào tạo một cách cơ bản đội ngũ cán bộ, các binh chủng của công tác tư tưởng - văn hóa. Gắn liền với nhiệm vụ này phải từng bước kiện toàn các cơ quan tuyên giáo, giải quyết tốt hơn hệ thống chính sách với cán bộ và từng bước hiện đại hóa các phương tiện công tác tư tưởng - văn hóa, trước mắt cần củng cố, tăng cường bộ máy hoạt động tuyên giáo ở cơ sở.

Hội nghị tư tưởng - văn hóa toàn quốc năm 1998 sẽ có những quyết định quan trọng.

Tôi mong rằng các cấp, các ngành, các địa phương, các đơn vị sớm hình thành các chương trình với các giải pháp thiết thực để thực hiện các quyết định của Hội nghị nhằm tạo ra sự đổi mới mạnh mẽ thực sự nâng cao chất lượng, hiệu quả của từng binh chủng công tác tư tưởng - văn hóa, góp phần quan trọng tạo nên môi trường chính trị - xã hội lành mạnh, sự chuyển biến sâu rộng phong trào thi đua yêu nước của toàn dân, toàn quân thực hiện thắng lợi các mục tiêu đến năm 2000, tạo ra thế và lực mới để đất nước ta vững bước tiến vào những năm đầu của thiên niên kỷ thứ 3.❑

PHÁT HUY...

(Tiếp theo trang 20)

Để phát huy nội lực, cần có chương trình, dự án và quỹ hỗ trợ quốc gia giải quyết việc làm. Phát triển những doanh nghiệp vừa và nhỏ, các ngành nghề truyền thống, mở thêm các nghề mới ở nông thôn để thu hút lao động xã hội. Mở rộng xuất khẩu lao động trên thị trường thế giới. Có nhiều hình thức đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực để họ có cơ hội tìm được việc làm hiện nay.

Đối với các vùng nghèo, xã nghèo, người nghèo, nhà nước có kế hoạch cụ thể hỗ trợ thiết thực những điều kiện để xóa đói giảm nghèo như xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ vốn sản xuất, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực. Có chính sách giúp người nghèo chữa bệnh, học tập nâng cao dân trí. Tập trung giải quyết không còn tình trạng đói ở một đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự hỗ trợ của nhà nước và xã hội về vốn, vật tư, kinh nghiệm làm ăn, điện, nước, bệnh xá, trường học, đường giao thông... là vô cùng cần thiết để đồng bào xóa đói, giảm nghèo.

Đề cập đến việc phát huy nội lực, càng thấy nổi bật vấn đề then chốt, yếu tố khơi nguồn nội lực, chính là phát huy hơn nữa sự vận hành thống nhất của cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Việc bảo đảm mọi điều kiện để sự vận hành đó nhịp nhàng, ngày càng có hiệu quả là làm cho ý Đảng hợp với lòng dân, tạo nên động lực to lớn nhất, quyết định nhất với công cuộc đổi mới và toàn bộ sự nghiệp cách mạng của chúng ta.❑

Digitized by Google

TUYÊN NGÔN ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA CHÚNG TA

TỐ HỮU

Từ lâu, đối với những người cộng sản thế giới, Tuyên ngôn của Đảng cộng sản đã trở thành sách gối đầu giường, coi nó như là ánh sáng đầu tiên của chủ nghĩa Mác soi rọi cuộc đời của mình. Ngay trong đêm dài nô lệ, Tuyên ngôn của Đảng cộng sản đã được những người cách mạng Việt Nam truyền tay nhau để tiếp nhận với niềm tin tưởng và phấn khởi vô hạn.

Suốt 150 năm qua, cuộc chiến đấu giữa Tuyên ngôn của Đảng cộng sản với các cương lĩnh chống CNCS luôn luôn diễn ra rất quyết liệt. Đặc biệt từ khi Liên Xô tan rã, chế độ XHCN sụp đổ ở Đông Âu thì các thế lực thù địch và phản bội càng hùa nhau công kích chủ nghĩa Mác, bôi nhọ những ý tưởng đẹp đẽ, cách mạng và khoa học của Tuyên ngôn của Đảng cộng sản. Chúng đua nhau bài bác chủ nghĩa Mác là lạc hậu, Tuyên ngôn của Đảng cộng sản là cũ rích gieo rắc khắp nơi sự hoài nghi và thất vọng ở CNCS.

Chính trong thế giới đầy biến động, bất trắc ngày nay, chỉ có đứng vững trên những tư tưởng, quan điểm của Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì mới có thể xem xét đúng đắn, nhận rõ thực hư, kiên quyết giữ vững con đường cách mạng, đưa xã hội loài người tiếp tục tiến lên.

Cho đến nay những tư tưởng của Tuyên ngôn của Đảng cộng sản vẫn nóng hổi tính thời sự. Đánh giá một học thuyết không phải ở chỗ nó ra đời cách đây bao lâu, mà chính là ở chỗ học thuyết giải thích thế giới như thế nào, góp phần cải tạo thế giới ra sao - như chính Mác đã nói trong Luận cương về Phơ-bách.

Tuyên ngôn của Đảng cộng sản không chỉ là Cương lĩnh nhất thời của những người cộng sản mà nó có giá trị bền vững, lâu dài. Nó không chỉ xác định mục tiêu, lý tưởng xây dựng CNCS, xóa bỏ CNTB, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, không chỉ vạch ra con đường cách mạng và lực lượng xã hội chủ chốt là giai cấp vô sản thực hiện con đường cách mạng đó, mà còn trình bày một cách súc tích thế giới quan khoa học và cách mạng của giai cấp vô sản, một sáng tạo vĩ đại của C. Mác và Ph. Ăng-ghen, dựa trên sự kế thừa và phát triển những tư tưởng tiên tiến nhất của thời đại.

Ở đây chủ nghĩa duy vật lịch sử đã được trình bày vừa khái quát vừa sinh động, đầy sức thuyết phục. Các ông đã chỉ rõ : Phương thức sản xuất cùng với cơ cấu xã hội là những nhân tố cấu thành lịch sử chính trị của mỗi thời đại. Đấu tranh giai cấp xuyên suốt lịch sử thành văn của loài người.

Nhiều luận điểm của Tuyên ngôn - đặc biệt là sự phân tích về CNTB, vẫn còn nguyên vẹn giá trị. Thiên tài của các ông là ở chỗ : mọi nhân tố, từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất, từ hạ tầng cơ sở đến thượng tầng kiến trúc, từ kinh tế đến văn hóa, từ chính trị đến xã hội... đều được trình bày trong các mối quan hệ biện chứng mạch lạc. Chính các ông đã chỉ rõ vai trò của CNTB trong việc hình thành thị trường thế giới - mà ngày nay chúng ta gọi là "toàn cầu hóa" trên lĩnh vực kinh tế. Tuyên ngôn viết : "Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vạn lý trường thành..." "Do bóp nặn thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước, mang tính chất thế giới"(1). Không phải ai khác, mà chính những người sáng lập chủ nghĩa Mác, ngay trong Tuyên ngôn của

(1) Trong bài này, những đoạn để trong ngoặc kép là trích từ "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"

Digitized by Google

Đảng cộng sản đã đánh giá cao vai trò, địa vị của CNTB so với các xã hội trước đó : "Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thời đại trước gộp lại".

Về số phận của CNTB, Tuyên ngôn đã chỉ rõ, nó không thể tránh khỏi sự sụp đổ, bởi chính những mâu thuẫn tồn tại ngay trong lòng xã hội đó. "Điều kiện căn bản của sự tồn tại và của sự thống trị của giai cấp tư sản là sự tích lũy của cải vào tay những tư nhân, là sự hình thành và tăng thêm tư bản ; điều kiện tồn tại của tư bản là chế độ làm thuê" - nói cách khác là sự bóc lột lao động làm thuê. Đồng thời, trong sự phát triển của chế độ đó không thể không "thúc đẩy một cách không tự giác và bắt buộc, đem lại sự đoàn kết thay cho sự cô lập và cạnh tranh giữa những người lao động". Như vậy là chính sự phát triển của đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa đã dẫn đến sự diệt vong của CNTB.

Tuy nhiên, chưa bao giờ các ông cho rằng CNTB sẽ tự diệt vong, sẽ tự chuyển hóa thành xã hội mới, rằng giai cấp thống trị tự nguyện trao quyền lực của mình cho xã hội, cũng như chưa bao giờ cho rằng giai cấp công nhân sẽ giành được thắng lợi mà không phải thông qua con đường đấu tranh cách mạng. Mác và Ăng-ghen cũng không quên chỉ ra sự chuyên chính giai cấp, rằng giai cấp tư sản cầm quyền hiện nay và cả giai cấp công nhân cầm quyền sau này đều phải thiết lập nền chuyên chính của mình. Tuy nhiên, dân chủ tư sản và dân chủ vô sản hoàn toàn khác nhau về bản chất. Dân chủ tư sản là dân chủ của một thiểu số bóc lột lao động làm thuê, còn dân chủ vô sản là dân chủ của những người lao động đã trở thành người làm chủ xã hội, làm chủ cuộc đời của mình.

Lịch sử 150 năm qua ngày càng xác nhận những tư tưởng cơ bản của Tuyên ngôn là hết sức đúng đắn. Chủ nghĩa tư bản từ cạnh tranh tự do đã chuyển sang giai đoạn độc quyền - tức là CNĐQ. Điều đó như V.I. Lê-nin đã viết trong tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc giai đoạn tột cùng của CNTB" rằng : CNTB đã không những không thể giải quyết được những mâu thuẫn vốn có giữa tư sản và vô sản mà còn đẩn sâu hơn vào những mâu thuẫn nội tại, hơn nữa lại nảy sinh những mâu thuẫn mới. Đó là mâu thuẫn giữa tư bản và mọi tầng lớp lao động, kể cả tầng lớp trí thức, mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau, và giữa các nước đế quốc với các dân tộc bị áp bức. Ngày nay, không thể chối cãi được rằng tình trạng đói khổ, dốt nát, bệnh tật, các tệ nạn xã hội, sự suy đồi về đạo đức, lối sống, môi trường bị tàn phá... ở ngay các nước tư bản phát triển và nhất là ở các nước Á, Phi, Mỹ la-tinh lạc hậu và phụ thuộc các nước đế quốc chủ nghĩa, là hậu quả tất yếu của CNTB hiện đại. Hoàn toàn không phải như có người nói rằng CNTB hiện đại đã thay đổi bản chất, là con đường đem lại tự do, hạnh phúc cho mọi người trên trái đất. Thật là ngây thơ nếu nghĩ rằng CNTB hiện đại đã và đang xóa bỏ ranh giới giữa các ý thức hệ, xóa bỏ ranh giới giai cấp.

Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ hiện nay càng chứng tỏ rằng - CNTB hiện đại, dù có sự điều chỉnh nào đó, vẫn không thể thoát khỏi tình trạng rối loạn, không kiểm soát được.

Rõ ràng những quan điểm cơ bản của Tuyên ngôn của Đảng cộng sản đến hôm nay vẫn còn giữ nguyên giá trị và càng mang tính thời sự nóng hổi.

Mọi người có lương tri đều thừa nhận một thế kỷ rưỡi qua, Tuyên ngôn của Đảng cộng sản đã ảnh hưởng sâu sắc đến lịch sử hiện đại của nhân loại.

Nói ảnh hưởng của Tuyên ngôn của Đảng cộng sản là nói tới ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác (sau này phát triển thành chủ nghĩa Mác - Lê-nin). Như chúng ta đều biết, lúc mới ra đời, chủ nghĩa Mác mới chỉ là một trong những học thuyết XHCN, nhưng sau đó đã đánh bại các học thuyết khác và trở thành Cương lĩnh của Quốc tế thứ nhất của những người cộng sản, ngày càng đi sâu vào phong trào công nhân, các tầng lớp lao động và cả các dân tộc bị áp bức, trở thành một trào lưu xã hội hiện thực không gì ngăn cản nổi.

Từ những năm đầu của thế kỷ XX, trải qua cuộc đấu tranh quyết liệt với các loại chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa Mác càng tỏ rõ sức sống của nó, gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích - Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga. Với Cách mạng Tháng Mười, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã giành được thắng lợi vĩ đại, mở ra một thời đại mới trong lịch sử nhân loại. Chiến thắng của Liên Xô và nhân loại tiến bộ đánh bại chủ nghĩa phát xít

Digitized by Google

chẳng những bảo vệ được nhà nước XHCN đầu tiên mà còn tạo điều kiện hình thành hệ thống XHCN thế giới, thúc đẩy phong trào đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh và tiến bộ xã hội trên khắp các lục địa, ở ngay cả các nước tư bản phát triển.

Có thể nói, không một sự kiện, một quá trình lịch sử có tính chất cách mạng giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc nào trong thế kỷ XX mà lại không in đậm dấu ấn của phong trào cộng sản và công nhân, của Cách mạng Tháng Mười, của hệ thống XHCN - là những trào lưu lịch sử dựa trên nền tảng tư tưởng Tuyên ngôn của Đảng cộng sản.

Từ khi ra đời đến nay, CNXH luôn luôn là đối tượng tiến công, chống phá bằng nhiều thủ đoạn của CNĐQ - từ chiến tranh xâm lược, bao vây cấm vận, bóc lột kinh tế, đến chiến tranh tâm lý, phá hoại tư tưởng, văn hóa, thực hiện "diễn biến hòa bình". Mọi âm mưu và thủ đoạn đó không có gì lạ, vì đó là bản chất không bao giờ thay đổi của chúng. Điều đáng tiếc và cực kỳ nguy hại chính là các loại chủ nghĩa cơ hội xét lại và phản bội trắng trợn đã làm cho cách mạng ở nhiều nơi bị tổn thất nặng nề, thậm chí bị đổ vỡ. Sự tan rã của Liên Xô và sụp đổ chế độ XHCN ở Đông Âu là một thất bại to lớn của CNXH, đã cho chúng ta những bài học vô cùng đau đớn. Bài học lớn nhất, là sự thoái hóa về chính trị - tư tưởng, phủ định những giá trị to lớn của Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, xa rời những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, rơi vào vũng bùn cơ hội, xét lại, phản bội hoặc bảo thủ, giáo điều, kiêu ngạo, quan liêu, tham nhũng, áp bức quần chúng, suy thoái về đạo đức của một số người lãnh đạo đảng và nhà nước, đã dẫn đến thảm họa cho đảng, cho dân tộc và cả phong trào cách mạng thế giới.

Để bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng, giữ vững độc lập dân tộc và giành thắng lợi cho CNXH, không thể không khắc phục những sai lầm nghiêm trọng nói trên. Nhất thiết phải tiến hành đổi mới toàn diện, song phải đổi mới đúng đắn, có nguyên tắc, phù hợp với quy luật khách quan của thời đại và đặc điểm của dân tộc, đất nước, tìm ra những phương hướng và biện pháp hiệu quả, động viên được sức mạnh vĩ đại của nhân dân và tranh thủ được những thuận lợi của quốc tế. Đặc biệt, phải hết sức chú trọng đến việc xây dựng Đảng và chính quyền cách mạng trong sạch, vững mạnh, luôn luôn gắn chặt với nhân dân, thật sự là của dân, do dân, vì dân.

Ai cũng biết chủ nghĩa Mác không phải là học thuyết sách vở ; đó là lý luận bắt nguồn từ những đòi hỏi của cuộc sống ; đó là học thuyết về giải phóng giai cấp vô sản, nhân dân lao động, giải phóng các dân tộc bị áp bức và giải phóng con người. Bởi vậy, học thuyết đó có thể bắt rễ ở bất cứ nơi nào có áp bức, bóc lột, bất công. Tất cả những ai tha thiết với sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp đều có thể tìm đến và tiếp nhận học thuyết đó.

150 năm qua, Tuyên ngôn của Đảng cộng sản - với tính cách mạng và khoa học sâu sắc, không chỉ là ánh sáng soi đường cho những người cách mạng mà còn là bản "thiên cổ đại hùng văn", có sức thuyết phục, cổ vũ hàng triệu triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất này đứng lên tự giải phóng. Tuyên ngôn không phải là những lời thuyết giáo trống rỗng, mà chính là cương lĩnh hành động cho mọi người cách mạng. Thấm nhuần tư tưởng của Tuyên ngôn là phải kiên quyết hành động đấu tranh cách mạng vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, dân tộc và con người. Nếu chỉ là những lời nói suông, mất đi dũng khí cách mạng, không dám kiên quyết đấu tranh với những tư tưởng và hành động cơ hội, xét lại, phản động trong xã hội, trong Đảng và chính quyền thì dù có thuộc lòng Tuyên ngôn của Đảng cộng sản và chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng chỉ là điều vô bổ, không có chút ích lợi gì cho sự nghiệp cách mạng.

Thấm nhuần tư tưởng của Tuyên ngôn, hơn bao giờ hết là phải thực hiện cho bằng được lời dạy của Bác Hồ, mà Người nói là "ham muốn tột bậc" của mình : "là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"(2). Tất cả cán bộ, đảng viên cần "nói ít làm nhiều ", "lời nói phải đi đôi với việc làm". Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể thực hiện được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên CNXH".❑

(2) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự Thật, Hà Nội 1980, t 1, tr 381

Digitized by Google

LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN QUYẾT TÂM THỰC HIỆN TỐT 6 ĐIỀU BÁC HỒ DẠY

LÊ MINH HƯƠNG*

TRONG quá trình lãnh đạo cách mạng, ở cương vị là người đứng đầu Đảng và Nhà nước, Bác Hồ luôn dành sự quan tâm đặc biệt đối với các lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó có lực lượng Công an nhân dân. Người nói : "Công an và quân đội là hai cánh tay của nhân dân, của Đảng của Chính phủ, của vô sản chuyên chính" (1). Bác còn xác định rõ : "Nhân dân ta có hai lực lượng. Một là quân đội, để đánh giặc ngoại xâm, để bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn hòa bình. Một lực lượng nữa là công an, để chống kẻ địch trong nước, chống bọn phá hoại.

Có lúc chiến tranh, có lúc hòa bình. Lúc chiến tranh thì quân đội đánh địch, lúc hòa bình thì tập luyện. Còn công an thì phải đánh giặc thường xuyên, lúc chiến tranh có việc, lúc hòa bình lại càng nhiều việc"(2).

Bác Hồ luôn luôn căn dặn, nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ công an về vị trí và nhiệm vụ của mình : "Công an cách mạng là một vũ khí sắc bén của chuyên chính vô sản. Cho nên nhiệm vụ công an là cực kỳ quan trọng..."(3) và "Nhiệm vụ của công an thì nhiều, nhưng nói tóm tắt là bảo vệ sự nghiệp xã hội chủ nghĩa" (4).

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ nặng nề, vẻ vang đó, cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân phải thường xuyên rèn luyện, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng. Bác Hồ xem tư cách, đạo đức là cái gốc, là vấn đề cơ bản, mấu chốt, cán bộ công an phải rèn luyện, xây dựng, vun đắp thường xuyên, không một lúc nào được lơi lỏng. Trong thư gửi đồng chí Giám đốc Sở Công an khu XII ngày 11-3-1948, Bác Hồ nêu rõ tư cách người công an cách mạng là :

"Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính.

Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ.

Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.

Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.

Đối với công việc, phải tận tụy.

Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo".(5) Sáu điều Bác Hồ dạy là kim chỉ nam cho hành động của lực lượng công an nhân dân trong 50 năm qua. Các thế hệ cán bộ công an đã thể hiện lòng trung thành vô hạn đối với Bác, Đảng, Nhà nước và nhân dân bằng hành động chiến đấu dũng cảm, mưu trí lập nhiều chiến công vẻ vang. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1975), cùng với toàn quân, toàn dân, lực lượng công an nhân dân đã chiến đấu dũng cảm, góp phần quan trọng đánh đuổi quân xâm lược giành độc lập cho dân tộc. Hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ công an và hàng trăm đơn vị công an được phong tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Trong thời kỳ hiện nay, nhiệm vụ của lực lượng công an nhân dân càng nặng nề, bởi vì các thế lực thù địch trong nước, ngoài nước cấu kết chặt chẽ với nhau sử dụng mọi thủ đoạn tinh vi, nham hiểm để chống phá sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng tìm mọi cách loại bỏ sự lãnh đạo của Đảng, làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đã lựa chọn. Trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa hợp tác với nước ngoài, nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự ngày càng phức tạp, khó khăn, nặng nề. "Có những thế lực vẫn tiếp tục mưu toan thực hiện "diễn biến hòa bình", thường xuyên dùng chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" hòng can thiệp vào nội bộ nước ta» (6). Dưới tác động của mặt trái cơ chế thị trường, các loại tội phạm và tệ nạn xã hội diễn biến hết sức phức tạp, nhiều loại tội phạm có khuynh hướng gia tăng. Hơn 20 năm hòa bình xây dựng, đặc biệt hơn 10 năm đổi mới, học tập quán triệt sâu sắc 6 điều Bác Hồ dạy, lực lượng công an nhân dân luôn thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với sự nghiệp bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ XHCN, mưu

---

* Thượng tướng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Nội vụ

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 9, tr 403

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 118

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 11, tr 54

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 9, tr 447

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 406

(6) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 79

Digitized by Google

trí, sáng tạo, dũng cảm chiến đấu đập tan mọi âm mưu và hành động can thiệp chống phá của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. Thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy, lực lượng công an nhân dân đã làm nòng cốt, đi đầu trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm cuộc sống bình yên cho nhân dân. Hàng trăm cán bộ, chiến sĩ công an đã anh dũng hy sinh trong cuộc đấu tranh quyết liệt chống bọn tội phạm nguy hiểm. Chiến công to lớn và sự hy sinh cao cả trong hòa bình đã làm chói ngời thêm truyền thống tốt đẹp của công an nhân dân cách mạng. Bất cứ một sự hy sinh nào vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng cao cả và đáng khâm phục.

Sự hy sinh của những cán bộ, chiến sĩ công an vì cuộc sống bình yên của nhân dân trong hòa bình xây dựng càng cao cả, đáng trân trọng, khâm phục, được Đảng và nhân dân đánh giá cao.

Đó là mặt chủ yếu, mặt chính diện của lực lượng CAND, thể hiện 50 năm qua. Tuyệt đại đa số cán bộ, chiến sĩ công an đã học tập, quán triệt và thực hiện nghiêm túc 6 điều Bác Hồ dạy. Song bên cạnh đó lực lượng CAND cũng còn một số tồn tại, thiếu sót. Năng lực, trình độ về nhiều mặt chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện mới. Một bộ phận cán bộ, chiến sĩ chưa thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, yếu kém về phẩm chất đạo đức, thậm chí có hành vi phạm pháp. "Con sâu làm rầu nồi canh", chính số ít này đã làm tổn hại đến uy tín của lực lượng công an. Lực lượng CAND đã và đang kiên quyết khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, làm trong sạch đội ngũ, tạo ra sức mạnh mới hoàn thành tốt nhiệm vụ Đảng và nhân dân giao phó.

Hiện nay, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đặt ra yêu cầu rất cao đối với lực lượng công an nhân dân. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trở nên phức tạp, khó khăn, nặng nề hơn bao giờ hết. Trong khó khăn, thử thách, lực lượng công an càng cần phải học tập quán triệt sâu sắc 6 điều Bác Hồ dạy. Có thể nói 6 điều Bác Hồ dạy là một thể thống nhất như 6 nhịp cầu của một chiếc cầu. Lực lượng công an phải bám chắc và vượt qua cả 6 nhịp cầu này mới hoàn thành tốt nhiệm vụ trong điều kiện mới. Trước mắt toàn lực lượng CAND quyết tâm làm tốt một số việc sau đây :

Một là, thường xuyên rèn luyện, trau dồi phẩm chất chính trị của người công an cách mạng, vững vàng trong mọi tình huống, trung thành tuyệt đối với sự nghiệp bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ nhân dân ; mưu trí, dũng cảm chiến đấu với hiệu quả cao nhất trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

Hai là, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng "cần, kiệm, liêm, chính". Kiên quyết đẩy lùi, đi đến xóa bỏ tiêu cực, tham nhũng trong lực lượng công an nhân dân.

Ba là, "kính trọng, lễ phép" với nhân dân, gần gũi nhân dân, động viên và tổ chức nhân dân tham gia cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Kiên quyết đấu tranh, chiến đấu bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, bảo vệ cuộc sống lao động bình yên của nhân dân với tinh thần "vì nhân dân quên mình".

Bốn là, đoàn kết hợp đồng chặt chẽ với quân đội nhân dân và các ngành, các cấp tạo ra sức mạnh tổng hợp bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, tạo ra thế trận an ninh nhân dân vững chắc trong từng địa bàn và trên phạm vi cả nước. Kết hợp thế trận an ninh nhân dân với thế trận quốc phòng toàn dân để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Năm là, ra sức học tập, nhanh chóng nâng cao trình độ mọi mặt, khắc phục bất cập, yếu kém, vươn lên mọi mặt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Mỗi cán bộ công an phải quyết tâm tự học tập để nhanh chóng nâng cao trình độ mọi mặt, làm chủ công nghệ - kỹ thuật, làm chủ tình hình.

Toàn bộ công tác xây dựng lực lượng công an nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và tuyệt đối của Đảng. Để giúp lực lượng CAND rèn luyện theo 6 điều Bác Hồ dạy, hoàn thành tốt nhiệm vụ, các cấp ủy đảng cần thường xuyên tăng cường lãnh đạo lực lượng CAND thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ; xây dựng lực lượng CAND cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại ; các ngành các cấp tăng cường phối hợp với công an, hỗ trợ, giúp đỡ lực lượng công an làm tròn nhiệm vụ. Lực lượng CAND phải luôn luôn ý thức sâu sắc và thực hiện có hiệu quả bản chất công an của chúng ta là Công an của nhân dân, vì nhân dân, qua đó tranh thủ sự giúp đỡ và tạo điều kiện của các tầng lớp nhân dân cho cán bộ, chiến sĩ công an làm tròn nhiệm vụ. Động viên nhân dân trực tiếp tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, xây dựng cuộc sống bình yên ở địa bàn cư trú, thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động của công an, tham gia xây dựng lực lượng công an trong sạch, vững mạnh.

Lực lượng công an nhân dân Việt Nam nguyện thực hiện tốt nhất lời căn dặn của Bác Hồ : "Toàn thể cán bộ và chiến sĩ công an phải cố gắng vượt mọi khó khăn, làm tròn nhiệm vụ nặng nề nhưng rất vẻ vang của công an cách mạng, xứng đáng với lòng tin cậy của nhân dân, của Đảng và Chính phủ" (7).❑

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 11, tr 55

Digitized by Google

KINH TẾ VIỆT NAM 12 NĂM ĐỔI MỚI (1986 - 1997)

NGUYỄN SINH *

TRONG lịch sử phát triển kinh tế Việt Nam, Đại hội lần thứ VI của Đảng là một cột mốc đánh dấu sự khởi đầu của công cuộc đổi mới sâu sắc và toàn diện về cơ chế và chính sách kinh tế vĩ mô. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với đường lối đổi mới, 12 năm qua, kinh tế Việt Nam đã vượt qua thăng trầm của những thập niên khủng hoảng, bước vào thời kỳ phát triển ổn định và tăng trưởng cao, tạo ra những tiền đề rất quan trọng để bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

I - Những thành tựu nổi bật

1 – Nền kinh tế đã ra khỏi cuộc khủng hoảng triền miên và bước vào thời kỳ tăng trưởng ổn định.

Bức tranh chung của nền kinh tế Việt Nam 10 năm (1976 - 1985) trước đổi mới là tăng trưởng thấp (3,7%/năm), làm không đủ ăn và dựa vào nguồn viện trợ bên ngoài ngày càng lớn. Thu nhập quốc dân trong nước sản xuất chỉ đáp ứng được 80 - 90% thu nhập quốc dân sử dụng (năm 1976 : 78,5%, năm 1985 : 89,8%). Đến năm 1985, tỷ trọng thu từ các nguồn viện trợ, cho vay từ bên ngoài chiếm 10,2% thu nhập quốc dân sử dụng. Tính chung 5 năm 1981 - 1985 nguồn nước ngoài chiếm 22,4% thu ngân sách, 28,9% thu trong nước và 18,06% tổng thu ngân sách, nợ nước ngoài lên tới 8,5 tỉ rúp và 1,9 tỉ USD. Điều đáng lưu ý là tuy nợ chồng chất, nhưng bội chi ngân sách vẫn lớn và tăng dần. Năm 1980 là 18,1% và năm 1985 là 36,6%, buộc phải bù đắp bằng phát hành tiền. Cũng vào các năm đó, những sai lầm trong chính sách cải cách giá, lương, tiền đã làm cho nền kinh tế rơi vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng, siêu lạm phát ở mức 774,7% năm 1986, kéo theo giá cả leo thang và vô phương kiểm soát.

Vậy mà sau năm 1986, với đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, các cơn sốt do hậu quả của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp bị xóa bỏ dần kéo theo sự ra đi của khủng hoảng và suy thoái kinh tế.

Trong kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, nền kinh tế đã từng bước khôi phục và phát triển : GDP tăng 3,9%. Kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, kinh tế ra khỏi khủng hoảng và tăng trưởng với nhịp độ nhanh, ổn định : GDP tăng 8,2%, trong đó năm 1991 : 6,0%, năm 1992 : 8,6%, năm 1993 : 8,1%, năm 1994 : 8,8%, năm 1995 : 9,5%. Năm 1996, dù thiên tai lũ lụt gây thiệt hại nặng nề khắp cả 3 miền đất nước, nhưng kinh tế vẫn tiếp tục phát triển và tăng trưởng ổn định : GDP tăng 9,34% so năm 1995 ; năm 1997 tốc độ tăng GDP đạt 9%. Và như vậy, Việt Nam vẫn là nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất của ASEAN trong năm 1997 (Thái Lan 0,6%, Phi-lip-pin 5%, Xin-ga-po 7%, Ma-lai-xi-a 7,5%, In-đô-nê-xi-a 5%, chung ASEAN 4,9%).

Trong điều kiện các nước ASEAN đang lâm vào cuộc khủng hoảng tiền tệ và suy thoái kinh tế trầm trọng, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại và giảm sút lớn, thì kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng với tốc độ khá, là một thành tựu lớn, đánh dấu sự ổn định và phát triển bền vững. Thực tế này một lần nữa khẳng định tính đúng đắn của đường lối đổi mới kinh tế Việt Nam, bắt đầu từ năm 1986.

2 - Từ nền kinh tế tự cấp tự túc, làm không đủ ăn (trước năm 1986), 12 năm qua kinh tế Việt Nam đã phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường thế giới, bước đầu có tích lũy. Sản phẩm hàng hóa đến nay đã có mặt trên thị trường 120

* PGS, PTS kinh tế

Digitized by Google

nước và vùng lãnh thổ với số lượng và chất lượng ngày càng cao. Tổng kim ngạch xuất khẩu bình quân/năm trong 5 năm 1986 - 1990 đạt 1 370 triệu rúp - đô la ; gấp 4,5 lần thời kỳ 1976 - 1980 và 2,4 lần thời kỳ 1981 - 1985, tăng lên 4 425,8 triệu USD thời kỳ 1991 - 1995 ; 7 255,8 triệu USD năm 1996 và gần 9 tỉ USD năm 1997. Các mặt hàng chủ yếu xuất khẩu đạt được đến năm 1996 là dầu thô : 8,8 triệu tấn, than đá : 3,8 triệu tấn, gạo : 3,04 triệu tấn, cà phê : 230 ngàn tấn, cao su : 110 ngàn tấn, hải sản : 660 triệu USD, dệt may : 3 000 triệu USD, giầy dép các loại : 550 triệu USD. Năm 1997, số lượng và chất lượng các sản phẩm xuất khẩu Việt Nam tiếp tục tăng, trong đó cà phê tăng 43%, gạo tăng 18%. Đến cuối 1997, Việt Nam đã xuất khẩu 50 triệu tấn dầu thô, 17,4 triệu tấn gạo. Đó là thành tựu xuất khẩu của 12 năm đổi mới kinh tế, không thể nào có được trước năm 1986. Sản xuất hàng hóa hướng tới xuất khẩu là nét mới gắn với đường lối đổi mới và mở cửa của nền kinh tế Việt Nam, đưa các ngành sản xuất thoát ra khỏi tình trạng tự cấp tự túc, tăng dần tích lũy. Sau năm 1986, nhất là thời kỳ 1991 - 1997 nền kinh tế Việt Nam bắt đầu có tích lũy từ sản xuất trong nước. Với tỷ lệ tích lũy/GDP tăng dần : năm 1991 : 10,1%, năm 1992 : 13,8%, năm 1993: 14,8%, năm 1994 : 17%, năm 1995 : 20%, năm 1996 : 23%, ước năm 1997 : 20%. Viện trợ nước ngoài không đáng kể, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế từ mơ ước, nay đã trở thành hiện thực. Kinh tế nông thôn vốn nặng về tự cấp tự túc trước đây, nhưng gần đây đã có tích lũy từ 7 đến 9%/GDP mỗi năm. Nền kinh tế có tích lũy đã làm tăng tiềm lực nguồn vốn đầu tư tái sản xuất mở rộng lên trên 27%/GDP (so với Đài Loan những năm đầu cất cánh 1961 - 1970 là 21,9%).

Nhờ đầu tư chiều rộng và chiều sâu nên sản xuất phát triển, hàng hóa dư thừa từ lương thực, thực phẩm đến sắt thép, xi măng, giấy và năm 1997 còn dư thừa cả những hàng điện tử cao cấp : ô tô, xe gắn máy (lắp ráp). Nhiều sản phẩm sản xuất trong nước cung đã vượt xa cầu, làm cho thị trường có giá cả ổn định, đồng tiền Việt Nam lên giá.

3 - Kiềm chế và đẩy lùi lạm phát. Từ nền kinh tế siêu lạm phát, chỉ số lạm phát luôn ở mức 3 con số vào các năm : năm 1986 : 774,7%, năm 1987 : 373%, năm 1988 : 223,1% ; từ năm 1989 đến năm 1997 đã giảm nhanh và đến năm 1995 chỉ còn 12,7%, năm 1996 còn 4,5% và năm 1997 chỉ còn 3,6%. Kết quả đó đạt được trong điều kiện nền kinh tế vẫn tăng trưởng khá cao và trong bối cảnh các nước trong khu vực rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính, những tháng gần đây, càng làm nổi bật thành tựu kiềm chế lạm phát và ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam. Sự ổn định đó chính là dấu hiệu tăng trưởng bền vững của nền kinh tế Việt Nam trước những biến cố bất lợi từ bên ngoài. Điều này đang tạo ra những tiền đề vật chất và tâm lý rất quan trọng để cải thiện đời sống nhân dân và thu hút vốn đầu tư nước ngoài làm cho nền kinh tế sống động và hấp dẫn hơn. Thành tựu đó một lần nữa chứng minh tính đúng đắn của chính sách tài chính của Nhà nước là thu lấy mà chi, kiên quyết không in thêm tiền để bù vào thâm hụt ngân sách.

4 - Đầu tư nước ngoài tăng nhanh và là nét nổi bật trong bức tranh kinh tế Việt Nam những năm đổi mới và mở cửa. Từ khi có Luật đầu tư nước ngoài (12-1987) đến cuối năm 1997, Việt Nam đã thu hút 2 300 dự án đầu tư với số vốn đăng ký trên 32,0 tỉ USD. Trừ các dự án đã kết thúc hoặc rút giấy phép trước thời hạn, hiện còn 1 911 dự án với tổng số vốn đăng ký 28 tỉ USD, trong đó vốn đã thực hiện 12,3 tỉ USD. TP Hồ Chí Minh đứng hàng đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài với 616 dự án và 4,1 tỉ USD vốn pháp định, 9,6 tỉ USD vốn đầu tư có 350 dự án đi vào hoạt động, doanh thu 1,5 tỉ USD, xuất khẩu 300 triệu USD và nộp ngân sách 180 triệu USD, đóng góp 13,8% GDP của thành phố. Đầu tư nước ngoài đã bổ sung thêm nguồn vốn đáng kể cho nền kinh tế Việt Nam đang rất thiếu, đưa tiến bộ kỹ thuật và máy móc thiết bị mới vào sản xuất, tạo thêm hàng triệu việc làm và sản xuất nhiều mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu có giá trị cao, rõ nhất là dầu khí, xi măng, sắt thép, điện tử, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước trên 1 tỉ USD/năm. Đầu tư nước ngoài còn góp phần quan trọng vào tăng cường tiềm lực cho các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, tạo tiền đề cho sự tăng trưởng của từng ngành. Năm 1997, công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 23% đã góp phần quan trọng giữ vững tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp 13,2% trong khi công nghiệp có vốn trong nước chỉ tăng 10,5%.

Digitized by Google

Đến nay, cả nước có 48 khu công nghiệp, 3 khu chế xuất bao gồm hàng trăm xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu hút 40 ngàn lao động, năm 1997 tạo trên 1 tỉ USD sản phẩm, xuất khẩu 800 triệu USD. Đầu tư nước ngoài đã và đang góp phần biến đổi cơ cấu kinh tế Việt Nam, từ nông nghiệp, sang công nghiệp và dịch vụ, rõ nhất là tỉnh Bình Dương.

5 – Cơ cấu kinh tế quốc dân chuyển đổi theo hướng tích cực.

Trước đổi mới, kinh tế Việt Nam chủ yếu là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng chưa đến 50% GDP. Sau đổi mới, với chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa phương hóa và đa dạng hóa nền kinh tế, các hoạt động công nghiệp, xây dựng và nhất là thương mại, dịch vụ phát triển nhanh hơn nông nghiệp, góp phần quan trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân theo hướng tiến bộ. Bên cạnh kinh tế quốc doanh, thành phần giữ vai trò chủ đạo, kinh tế ngoài quốc doanh khởi sắc và chiếm tỷ trọng lớn trong GDP, làm cho nền kinh tế thêm sống động (xem bảng).

Bảng : *Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước GDP Việt Nam 1990 – 1997* (theo giá thực tế).

	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997
Cơ cấu ngành								
- Nông nghiệp	38,74	40,49	33,04	29,77	28,70	27,50	27,20	25,7
- Công nghiệp	22,67	23,79	27,16	28,10	29,65	30,1	30,74	31,7
- Dịch vụ	38,59	35,72	38,80	41,13	41,65	42,4	42,06	42,0
Cơ cấu thành phần kinh tế								
- Quốc doanh	34,45	33,25	36,22	39,18	40,23	42,20	42,30	42,1
- Ngoài quốc doanh	67,55	66,75	63,78	60,82	59,77	57,80	57,70	57,9

Có được sự chuyển dịch đáng khích lệ này là do công nghiệp tăng trưởng nhanh với nhịp độ trên 13,7%/năm, có năm 14,6% như năm 1995. Đã hình thành các khu công nghiệp kỹ thuật cao, ngành sản xuất mới như khai thác dầu khí, điện tử cao cấp, lắp ráp ô tô, xe gắn máy, hóa dầu. Sản lượng dầu thô từ 0,04 triệu tấn năm 1986 đã tăng lên 9,8 triệu tấn năm 1997, sản lượng điện 17,61 tỉ kWh, tăng gấp 3 lần năm 1986. Các ngành dịch vụ tăng trưởng trên 10%/năm, trong đó xuất nhập khẩu tăng trên 20%/năm, là những khởi sắc không thể có trước đổi mới. Nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp và thủy sản) vượt qua những bước thăng trầm, trước năm 1988, để trở thành nền nông nghiệp hàng hóa với tỷ suất và chất lượng ngày càng cao, không chỉ bảo đảm lương thực, thực phẩm thỏa mãn mọi nhu cầu tiêu dùng trong nước mà còn dư thừa để xuất khẩu với khối lượng lớn. Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp 12 năm qua đạt trên 4%, trong đó lương thực trên 5,6%, lương thực bình quân nhân khẩu từ 280kg năm 1986 lên 382kg năm 1996 và năm 1997 xấp xỉ 400kg/năm. Tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp chậm hơn công nghiệp và dịch vụ, nên tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm dần là điều hợp lý.

Sự chuyển dịch cơ cấu như trên phản ánh sự thay đổi về chất của nền kinh tế Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tạo ra những tiền đề vật chất cho sự phát triển và tăng trưởng ổn định của nền kinh tế.

6 - Bộ mặt đất nước đổi mới theo hướng văn minh và hiện đại, đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện cả ở thành thị và nông thôn, xã hội ổn định. Đến nay, ở nước ta 70% số xã có điện, 99% số xã có trường học, 71,3% số hộ có nhà ở khang trang, thu nhập bình quân đầu người một tháng tăng trên 10%/năm (năm 1994 = 168 ngàn đồng, năm 1995 = 206 ngàn đồng, năm 1996 = 227 ngàn đồng, năm 1997 ước 250 ngàn đồng). Số hộ giàu tăng nhanh, số hộ nghèo giảm từ 50% năm 1989 xuống còn 19% năm 1997. Đáng chú ý là có nhiều huyện không còn hộ đói. Cuộc sống no ấm, văn minh đã và đang đến với từng nhà, từ thành thị, đồng bằng, đến miền núi, hải đảo. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh đang từng bước trở thành hiện thực. Thực tế đó, khẳng định thành tựu 12 năm đổi mới do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo đã thành công, tạo niềm tin cho nhân dân cả nước bước vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

II - Những thách thức đối với nền kinh tế

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được rất to lớn nói trên, 12 năm đổi mới vừa qua, kinh tế Việt Nam cũng còn nhiều khó khăn và thách thức lớn.

Thứ nhất : Cơ sở hạ tầng và dịch vụ còn yếu kém, chưa đáp ứng được các yêu cầu phát triển

Digitized by Google

kinh tế hiện tại chưa nói đến tương lai. Thách thức này thể hiện rõ nhất ở hệ thống đường giao thông, sân bay, bến cảng, thông tin liên lạc, điện. Trong số đường bộ gần 200 nghìn km chỉ có 8,5% đường rải nhựa, 65% đường đá, còn lại là đường cấp phối và đường đất. 90% cầu chỉ có trọng tải dưới 10 tấn, trong đó 70% dưới 5 tấn. 12% số xã chưa có đường ô tô, riêng đồng bằng sông Cửu Long là 32%. Đường sắt có 3 259,5km, nhưng 80% là đường khổ hẹp, chất lượng thấp, 10/15 hầm cần gia cố lại, tốc độ chạy tàu bình quân ở mức 30 - 40 km/h. Cảng biển, sân bay vừa thiếu về số lượng, kém về chất lượng. Các dịch vụ bưu điện đã tăng tốc những năm qua, nhưng kết quả đạt được vẫn còn khiêm tốn, đến năm 1997 mới đạt khoảng 1,5 máy/100 dân. Các công trình thủy lợi trong nông nghiệp mới bảo đảm tưới 2,4 triệu ha và tiêu 1,4 triệu ha trong tổng số 7,3 triệu ha đất nông nghiệp đang sử dụng. Hơn 50% các công trình thủy nông đã xuống cấp.

Thứ hai : Tiềm lực kinh tế còn yếu, mức sản xuất các sản phẩm chủ yếu bình quân đầu người đến năm 1997 vẫn còn rất thấp : điện 226kWh, than : 117 kg, dầu thô : 118 kg, thép cán : 8,6kg, xi măng 83,3kg, đường mật : 7,8kg, thóc : 352 kg, phân hóa học : 12,8kg, xuất khẩu : 96 USD. Thu nhập của dân cư còn thấp, GDP bình quân mới đạt khoảng 270 USD/người/năm, sức mua của thị trường trong nước còn rất hạn chế, dẫn đến khủng hoảng thừa một số mặt hàng một cách giả tạo như đã diễn ra suốt năm 1997.

Thứ ba : Thiếu vốn, thiếu máy móc thiết bị hiện đại. Theo tài liệu điều tra gần đây, 50% các doanh nghiệp nhà nước có hệ số hao mòn tài sản cố định trên 50%, trong đó có 27% số doanh nghiệp trên 60% và chỉ có 27% doanh nghiệp dưới 30%. Nếu tính theo hao mòn thực tế thì hệ số hao mòn còn lớn hơn. Điều này, có nghĩa là tình trạng tài sản cố định trong các doanh nghiệp hiện nay đã bị lão hóa, nhưng thiếu vốn để đầu tư đổi mới hoặc khôi phục lại. Thực tế điều tra ở 311 doanh nghiệp công nghiệp ở TP Hồ Chí Minh trong 3 năm gần đây cho thấy, chỉ có 8% doanh nghiệp có đầu tư với số vốn 10 tỉ đồng/doanh nghiệp, 92% doanh nghiệp còn lại đầu tư thấp hơn vì thiếu vốn. Máy móc thiết bị của các doanh nghiệp vừa cũ, vừa lạc hậu về trình độ công nghệ nên năng suất, chất lượng sản phẩm thấp, chi phí cao, sức cạnh tranh hạn chế, rõ nhất là trong các ngành dệt, giấy, xi măng, sắt thép, cơ khí. Do thiếu vốn nên hằng năm ngân sách nhà nước dành cho đầu tư xây dựng cơ bản mới đạt khoảng 23 - 24%/GDP, rất thấp so với các nước trong khu vực thời kỳ công nghiệp hóa (Xin-ga-po 40%, Hàn Quốc 30%). Việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài tuy có nhiều thành công, nhưng đến nay đã xuất hiện xu hướng chậm lại và tỷ lệ vốn thực tế đưa vào hoạt động vẫn còn thấp. Các doanh nghiệp tư nhân và hộ sản xuất đều thiếu vốn lưu động nghiêm trọng nên rất khó khăn trong mở rộng sản xuất kinh doanh.

Thứ tư : Dân số tăng nhanh, lao động thừa, việc làm thiếu trong khi đó lại rất thiếu cán bộ, công nhân lành nghề, am hiểu kinh tế thị trường. Hiện nay, ở nước ta áp lực dân số vẫn tăng nhanh : Năm 1993 : 2,18, năm 1994 : 2,09 và năm 1997 khoảng 1,8% (thế giới 1,6%). Thực tế có tình trạng thừa lao động, thiếu việc làm ở nông thôn cũng như thành thị (ước tính khoảng 6 - 7 triệu lao động dư thừa), phần lớn họ không có khả năng tìm việc làm ổn định. Trong khi đó ở các khu công nghiệp kỹ thuật cao, khu chế xuất lại thiếu các kỹ sư và công nhân lành nghề am hiểu kỹ thuật mới và kinh tế thị trường. Đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế ở tầm vĩ mô và vi mô đông nhưng không mạnh. Số đông cán bộ không đủ khả năng tiếp cận những tri thức tiên tiến của khoa học quản lý kinh tế trong cơ chế thị trường. Tình trạng một bộ phận cán bộ tham nhũng vi phạm kỹ cương, phép nước có chiều hướng phát triển, thủ tục hành chính phiền hà, bệnh quan liêu, cửa quyền và thiếu dân chủ vẫn còn nhiều.

Để khắc phục những khó khăn và thách thức đó, trước hết cần quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng ; nhất là Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII), tiếp tục đổi mới toàn diện và mạnh mẽ hơn, tận dụng thời cơ và thuận lợi, kiên trì và nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần để giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, tạo ra những tiền đề vật chất và động lực tinh thần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.❑

Digitized by Google

PHÁT HUY NỘI LỰC ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

TRẦN QUANG NHIỆP

Cụ thể hóa nội dung trọng yếu của Đại hội VIII về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 4 bàn chủ yếu về lĩnh vực kinh tế. Một trong những tư tưởng chủ đạo mà Hội nghị Trung ương lần này đề ra là khơi dậy và phát huy tối đa nguồn nội lực.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, Đảng ta đã nhiều lần nhấn mạnh việc tự lực, tự cường, *phát huy nội lực*. Đến Hội nghị Trung ương 4 lần này, luận điểm phát huy nội lực được đặt ra như là một vấn đề vừa cơ bản, vừa bức xúc do đòi hỏi của việc tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới khi nền kinh tế nước ta, bên cạnh những thuận lợi và thời cơ, đã xuất hiện những thách thức mới cùng với những thách thức vốn có. Đồng thời chúng ta cũng tính đến bài học ở một số nước xung quanh trong cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ mà một trong những nguyên nhân quan trọng là quá lệ thuộc vào bên ngoài. Để có thể nắm bắt thời cơ, khắc phục nguy cơ, vượt qua thách thức, đưa đất nước tiến lên, không có yếu tố nào quan trọng hơn là phải suy nghĩ bằng cái đầu của ta, đi bằng đôi chân của chúng ta, làm bằng đôi tay của chúng ta ; nghĩa là phải biết nắm bắt và phát huy nội lực.

Để góp phần làm rõ hơn quan niệm *phát huy nội lực*, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới trong điều kiện hiện nay, có lẽ cần đề cập đến mấy khía cạnh chính sau :

1. Quan niệm về nội lực và phát huy nội lực.

Có nhiều quan niệm về nội lực, song có thể hiểu một cách khái quát : Nội lực là toàn bộ nguồn lực bên trong được tạo ra bởi nhiều yếu tố, làm nên sức mạnh nội tại, thúc đẩy sự vật, hiện tượng vận động phát triển. Nội lực còn là yếu tố nội sinh có thể tạo ra động lực mới lớn hơn một cách thực tế, tạo nên tính bền vững và khả năng phát triển của bản thân sự vật. Nội lực được hình thành bởi quá trình khai thác, chuyển hóa, phát huy những yếu tố bên trong và bên ngoài một cách đúng đắn, hợp quy luật. Nói đến nội lực và phát huy nội lực, cần đi sâu vào mấy vấn đề lớn sau :

Một là, nội lực phải được hiểu là tổng hợp lực, bao gồm trước hết là năng lực của con người Việt Nam, đất đai, tài nguyên, trí tuệ, truyền thống dân tộc và truyền thống cách mạng.

Nội lực của một quốc gia là sức mạnh tổng hợp của sự phát triển kinh tế, chính trị, quốc phòng an ninh... Nội lực là nguồn lực được tích lũy từ truyền thống lịch sử kết hợp với sức mạnh hiện tại ; là sự thống nhất biện chứng giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Trung tâm của nội lực là năng lực của con người Việt Nam. Nội lực cũng bao gồm đất đai, tài nguyên thiên nhiên, những nguồn của cải, các giá trị vật chất, tinh thần của bao nhiêu thế hệ tạo dựng lên. Nội lực bao giờ cũng là nguồn lực chính cho sự phát triển khi chúng ta biết khai thác, phát huy một cách thích hợp.

Chúng ta có nguồn lực của 76 triệu dân, trong đó có 35 triệu lao động cần cù, thông minh, sáng tạo, một bộ phận đang được đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Con người Việt Nam có truyền thống đoàn kết, yêu nước, với ý chí kiên cường bất khuất không chịu làm nô lệ, không chịu nghèo hèn, không chịu phụ thuộc,

Digitized by Google

sẵn sàng hy sinh xương máu để bảo vệ độc lập, tự do, giữ gìn cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc. Truyền thống quý báu đó đang được phát huy trong sự nghiệp đổi mới xây dựng và bảo vệ đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là nguồn nội lực vô tận, có tính quyết định đối với sự phát triển của đất nước.

Nội lực còn bao gồm những tiềm năng, thế mạnh về đất đai, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên của Tổ quốc mà sử dụng và khai thác tiềm năng này phải kể đến những ngành kinh tế trọng yếu hiện nay :

- Nông nghiệp nước ta tuy còn những hạn chế, nhưng đã có nhiều khả năng phát triển thành nền nông nghiệp hàng hóa mạnh. Sản lượng lương thực liên tục tăng, riêng năm 1997 đã đạt 30,6 triệu tấn. Chúng ta đứng thứ 2 thế giới về xuất khẩu gạo (năm 1997 xuất 3,6 triệu tấn). Cà phê đã trở thành cây trồng mũi nhọn phục vụ chiến lược xuất khẩu của Việt Nam. Sản lượng cao su, năm 1997 đạt 180 000 tấn mủ khô, tăng 38 000 tấn so với năm 1996, trong đó xuất khẩu 170 000 tấn. Cây chè sau nhiều năm thăng trầm không ổn định, nay đã khởi sắc, năm 1997 đạt sản lượng 235 000 tấn và đã tìm được thị trường xuất khẩu 27 000 tấn. Ngoài ra nhiều loại cây công nghiệp khác có giá trị xuất khẩu cao như hồi, quế, điều, hạt tiêu, lạc và những cây dược liệu quý khác.

Chăn nuôi nước ta mấy năm gần đây cũng có đà phát triển, nhờ lương thực tăng, công nghệ sinh học lai tạo giống, chế biến thức ăn tốt, nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu cao.

- Nước ta là nước có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế biển, được thế giới xếp là 1 trong 10 nước có nguồn hải sản lớn nhất thế giới. Mỗi năm nước ta có thể khai thác khoảng trên 1 triệu tấn hải sản.

- Các nguồn tài nguyên khoáng sản như dầu mỏ, khí đốt các loại, quặng, than, thủy điện... được nhân dân ta khai thác, sử dụng là nguồn nội lực để phát triển kinh tế của đất nước. Cũng nhờ đó nhiều ngành công nghiệp phát triển, tạo cơ hội cho chúng ta hội nhập với thế giới hiện đại.

- Đất nước ta có núi rừng hùng vĩ, bờ biển dài, nhiều danh lam thắng cảnh đẹp, có vị trí địa lý thuận tiện ở khu vực Đông - Nam Á, nên ngành du lịch, dịch vụ có điều kiện phát triển, cũng là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế.

- Trong nội lực có nguồn vốn. Nguồn vốn phải dựa vào vốn trong nước là chính, kết hợp với vốn bên ngoài là quan trọng. Vốn trong nước của chúng ta đang được huy động và khai thác để vừa bảo đảm điều kiện cho phát triển kinh tế đất nước, vừa tạo ra cơ sở cần thiết để có thể tiếp thu vốn bên ngoài. Nguồn vốn của chúng ta bao gồm vốn tài chính, vốn khoa học kỹ thuật công nghệ, vốn kiến thức, vốn kinh nghiệm quản lý và vốn sức lao động. Việc huy động, sử dụng các nguồn vốn ấy là rất cần thiết.

Hai là, vấn đề phát huy nội lực gắn bó với việc nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, biến kết quả của hợp tác quốc kế thành nội lực của chúng ta.

Mọi sự vật, hiện tượng vận động, phát triển bao giờ cũng có yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài. Yếu tố bên trong là quyết định, nhưng yếu tố bên ngoài là vô cùng quan trọng. Nếu thiếu sự thống nhất biện chứng giữa yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài thì khó có sự phát triển hài hòa.

Lịch sử phát triển của các dân tộc đã chứng minh, dân tộc nào, giai đoạn lịch sử nào nếu "bế quan tỏa cảng", biệt lập với thế giới bên ngoài sẽ trì trệ. Ngược lại nếu tận dụng được ngoại lực, thì nội lực được nhân lên.

Đảng ta từ khi thành lập và suốt quá trình lãnh đạo cách mạng đã luôn luôn nhận thức sâu sắc và vận dụng một cách sáng tạo quy luật này.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đường lối của Đảng luôn luôn nêu cao ý chí tự lực tự cường, độc lập tự chủ, giáo dục toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tin ở sức mình, huy động tới mức cao nhất mọi nguồn lực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa và mọi sức mạnh vật chất, tinh thần trong nước để đánh giặc. Tuy nhiên, trong cuộc đọ sức quyết liệt ấy, nhân dân ta không thể chiến đấu đơn độc. Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khai thác một cách tài tình các nguồn lực của thế giới để tạo nên xung lực mạnh mẽ cho cuộc

Digitized by Google

kháng chiến thần thánh của dân tộc đi tới thắng lợi. Chúng ta đã tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới (cả nhân dân tiến bộ Pháp và Mỹ) đối với cuộc kháng chiến chính nghĩa chống chủ nghĩa đế quốc. Chúng ta dựa vào sự lớn mạnh và thế tiến công của ba dòng thác cách mạng của thời đại, tranh thủ sự giúp đỡ của anh em, bè bạn để tăng thêm thế và lực cho nhân dân ta. Việc thực hiện thành công đường lối kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh quốc tế đã tạo ra cho chúng ta nguồn sinh lực để đánh thắng hai đế quốc lớn, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

Thời đại ngày nay, khoa học, kỹ thuật và công nghệ phát triển như vũ bão ; xu hướng quốc tế hóa, liên minh, liên kết, hợp tác, phân công lao động quốc tế đang phát triển mạnh mẽ trên hành tinh càng đòi hỏi chúng ta phải chủ động hội nhập quốc tế, tranh thủ sự hợp tác, liên kết với nước ngoài để khai thác nguồn vốn đầu tư, máy móc thiết bị công nghệ và kinh nghiệm quản lý, điều hành các hoạt động kinh tế trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Có như vậy, chúng ta mới tìm kiếm được những thị trường tiêu thụ các sản phẩm làm ra, nhập vào những hàng hóa phục vụ cho sản xuất, đời sống của nhân dân trong nước. Đó chính là bài học sử dụng sức mạnh tổng hợp, làm cho các yếu tố bên ngoài chuyển hóa và kết hợp với nội lực bên trong tạo ra nguồn lực mới, giúp chúng ta vượt qua những khó khăn thử thách để đứng vững, đổi mới và phát triển.

Ba là, yếu tố cần, kiệm cũng là nguồn nội lực có tiềm năng lớn.

Nhân tố con người là nguồn lực lao động quý giá, có vai trò quyết định mọi sự phát triển kinh tế, xã hội, ngay cả khi loài người đạt tới trình độ nền sản xuất hiện đại, tự động hóa. Trong mọi trường hợp, cần cù lao động, sáng tạo là yếu tố tiên quyết, tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Nhất là với nước ta, một nước nông nghiệp, nghèo nàn, lạc hậu, năng suất lao động thấp, công cụ còn thô sơ, tinh thần lao động cần cù càng có ý nghĩa quan trọng. Huy động được 35 triệu lao động của cả nước cùng làm việc, tạo ra nhiều của cải cho xã hội là nguồn sức mạnh vật chất to lớn. Từng bước bồi dưỡng, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, tay nghề để chuyển dần lao động thủ công giản đơn thành lao động cơ giới, có kỹ thuật, đủ khả năng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khắc phục tình trạng lãng phí sức lao động, kỹ thuật công nghệ lạc hậu, năng suất, chất lượng hiệu quả thấp. Phấn đấu giải quyết việc làm cho 6% lao động ở thành phố và 48% lao động ở nông thôn hiện chưa có việc làm là tận dụng nguồn nội lực lớn.

Cần và kiệm là 2 mặt của một vấn đề phát huy nội lực. Cần cù làm ra của cải nhưng không biết tằn tiện, tiêu xài phung phí thì cũng chẳng có ý nghĩa gì. Đó là chưa kể đến việc tai hại hơn là làm được ít, tích lũy chưa đáng bao nhiêu mà lại bóc ngắn, cắn dài, vốn vay về thì tiêu xài lãng phí, ăn dùng sang trọng quá mức làm ra là tự làm suy kiệt mình.

Để có sự phát triển đi lên, bao giờ cũng cần có tích lũy để tái sản xuất mở rộng. Tiết kiệm, tạo ra nguồn lực bao gồm tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm nguồn vốn và sử dụng có hiệu quả từng đồng vốn ; tiết kiệm vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu ; tiết kiệm trong sinh hoạt, tiêu dùng v.v.. Cần, kiệm, tự lực, tự cường dựa vào sức mình, không trông chờ, ỷ lại, dựa dẫm vào người khác là nguồn nội lực cốt lõi, vững bền.

Bốn là nền an ninh quốc phòng vững chắc là nguồn nội lực bảo đảm cho ổn định và phát triển. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược không tách rời nhau, là quy luật trong quá trình đấu tranh cách mạng. Các thế lực thù địch dùng nhiều âm mưu thủ đoạn chống phá ta về chính trị, tư tưởng, kinh tế hòng gây mất ổn định xã hội. Trong mọi hoàn cảnh, nhân dân ta đề cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi mưu toan thâm độc của kẻ thù để giữ gìn an ninh trật tự. Thực tế cho thấy chỉ có ổn định mới có điều kiện để phát triển. Nếu như một đất nước mà nay có sự kiện này, mai có tình huống khác, chính trị, xã hội không yên thì không thể phát triển kinh tế, không thể thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào làm ăn, kinh doanh. Sở dĩ những năm qua chúng ta mở rộng quan hệ ngoại giao

Digitized by Google

với 163 nước, quan hệ thương mại với 120 nước là vì họ tin chúng ta, họ thấy chúng ta vững vàng, ổn định. Họ yên tâm làm ăn lâu dài với một nước có nền chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh vững chắc, kinh tế ngày càng tăng trưởng, xã hội phồn vinh. Hòa bình ổn định thực sự là môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, là điều kiện quan trọng để thu hút các nhà đầu tư.

2. Những biện pháp phát huy nội lực.

Để phát huy nội lực, theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 4 khóa VIII, cần tập trung những biện pháp chủ yếu sau :

Trước hết, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư, nâng cao hiệu quả của các ngành kinh tế để phát huy nội lực.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư theo hướng cơ bản nhằm tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta hiện nay. Điều đó đòi hỏi phát triển nhanh, mạnh, vững chắc các ngành công nghiệp, trước hết là công nghiệp chế biến có khả năng cạnh tranh cao. Điều chỉnh quy hoạch phát triển và kế hoạch đầu tư theo hướng khuyến khích những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu trong nước và có khả năng tiêu thụ ở nước ngoài. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến gắn với phát triển nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp xuất khẩu. Tạo điều kiện phát triển một số mặt hàng điện tử, dịch vụ bưu chính viễn thông, du lịch, vận tải, thương mại, dịch vụ khoa học, công nghệ, ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, tư vấn... Lựa chọn phát triển một số ngành công nghiệp cần ít vốn, lại có khả năng thu hút nhiều lao động, có điều kiện khai thác tài nguyên, nguồn vốn trong nước. Đầu tư phát triển ngành cơ khí theo chiều sâu để phục vụ cho yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Song song với nhiệm vụ trên phải đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, ưu tiên các vùng kinh tế trọng điểm, bảo đảm yêu cầu thiết yếu ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Nhà nước thực hiện chính sách bảo hộ hợp lý, giúp đỡ các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh trên các mặt như : Xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài doanh nghiệp ; phát triển thị trường vốn ; đào tạo nguồn nhân lực ; nghiên cứu khoa học, công nghệ ; tiếp thị, thông tin thị trường v.v.. Điều chỉnh chính sách bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh các hoạt động chống buôn lậu và gian lận thương mại. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu với các thủ tục giản đơn, thuận tiện. Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài. Có nhiều hình thức, biện pháp, bước đi thích hợp, thận trọng để mở cửa thị trường vốn. Khuyến khích thu hút đầu tư cho các ngành chế biến, xuất khẩu, công nghệ cao, cơ khí, điện tử và những ngành chúng ta có thế mạnh về nguyên liệu, lao động. Có chính sách ưu đãi đặc biệt thu hút đầu tư vào vùng sâu, vùng xa để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế xã hội ở đây. Chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế bên cạnh việc giữ vững thị trường đã tạo lập được bằng các biện pháp thích hợp.

Thứ hai, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, phát huy nguồn lực lớn trong nông dân, nông nghiệp.

Nông dân, nông nghiệp, nông thôn là ba mặt của một vấn đề, gắn bó chặt chẽ với nhau, có vị trí kinh tế - xã hội to lớn ở nước ta. Nông dân chiếm 80% dân số, 73% lao động xã hội. Chúng ta quan tâm đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn là quan tâm tới 80% dân số của cả nước. Hiện nay, bên cạnh những thành tựu, tiến bộ đã đạt được, đối với nông dân các vùng nông thôn còn nhiều tồn tại cần khắc phục. Đó là vấn đề giải quyết việc làm cho gần 50% số lao động nông nghiệp ; vấn đề xóa đói giảm nghèo ; tình trạng tích tụ ruộng đất ; việc bảo hiểm cho nông dân sản xuất nông nghiệp ; tiêu thụ sản phẩm cho nông dân ; củng cố xây dựng hợp tác xã nông nghiệp v. v.. Giải quyết những vấn đề trên đây, cần có một hệ thống biện pháp đồng bộ về phát triển nông, lâm, ngư nghiệp. Thực hiện chương trình thoát lũ, ngọt hóa đất đai ở đồng bằng sông Cửu Long, củng cố hệ thống đê điều trong cả nước. Đẩy mạnh các ngành công nghệ sinh học, chế biến, công nghệ sau thu hoạch. Thực hiện dự án trồng 5 triệu ha rừng và chủ trương giao đất, giao rừng cho hộ nông dân kết

Digitized by Google

hợp với ổn định đời sống, định canh định cư. Thực hiện chính sách ruộng đất phù hợp với phát triển nông nghiệp hàng hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo việc làm và thu nhập cho nông dân. Phát triển mạnh các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn.Tăng cường trang bị kỹ thuật, xây dựng cơ sở hạ tầng cho nông thôn.

Để phát huy nguồn lực của nông dân, nông nghiệp và nông thôn, bên cạnh những việc làm trên, cần tạo một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Xây dựng các quỹ bảo hiểm sản xuất đối với nông dân. Phát triển mạnh các hình thức kinh tế hợp tác, kết hợp với củng cố và tăng cường sự hỗ trợ của các cơ sở quốc doanh trong nông thôn. Xây dựng các hiệp hội ngành nghề hoạt động theo cơ chế dân chủ, tự quản...

Thứ ba, Phát huy vai trò của các loại hình doanh nghiệp để phát huy nguồn lực trong công nghiệp.

Doanh nghiệp nhà nước có vai trò to lớn đối với phát huy nội lực, mặc dù số lượng doanh nghiệp mấy năm lại đây có giảm. Theo điều tra, doanh nghiệp nhà nước hiện nay chiếm 41% GDP ; chiếm 44% thu ngân sách ; mức tăng trưởng vẫn tăng gấp 1,4 lần so với mức tăng trưởng bình quân của xã hội và liên quan tới 1,8 triệu người lao động. Do vậy, quản lý có hiệu quả các doanh nghiệp làm cho nó không ngừng phát triển là phát huy nguồn nội lực lớn ở nước ta hiện nay.

Trước hết sớm khắc phục những yếu kém của các doanh nghiệp nhà nước hiện nay về sự giảm sút số lượng các doanh nghiệp do thua lỗ, hiệu quả đồng vốn thấp, trình độ máy móc, thiết bị, công nghệ lạc hậu, số lao động dôi dư nhiều, năng suất lao động thấp...

Để phát huy nội lực từ các doanh nghiệp cần sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước. Phân định loại doanh nghiệp công ích và doanh nghiệp kinh doanh. Xác định danh mục loại doanh nghiệp cần giữ 100% vốn nhà nước, loại doanh nghiệp mà nhà nước chỉ cần nắm tỷ lệ cổ phần chi phối. Từ đó có biện pháp kiện toàn từng loại doanh nghiệp, đổi mới cơ chế quản lý, chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời phát triển và quản lý tốt các loại hình doanh nghiệp thuộc kinh tế hợp tác xã, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân.

Thứ tư, khai thác nguồn vốn, thực hiện tiết kiệm để phát huy nội lực.

Phát huy nội lực về nguồn vốn trong và ngoài nước có vai trò to lớn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phải tiếp tục đổi mới chính sách tài chính nhằm đa dạng hóa các hình thức huy động vốn và đầu tư vốn từ các nguồn trong nước và nước ngoài. Tăng khả năng thu ngân sách, khống chế mức bội chi, tăng dự trữ, không phát hành tiền cho chi tiêu ngân sách. Quản lý tốt việc vay và trả nợ bên ngoài. Tiếp tục đổi mới và chấn chỉnh các hoạt động ngân hàng. Kịp thời rút ra bài học từ cuộc khủng hoảng tiền tệ ở một số nước trong việc quản lý ngân hàng, điều hành chính sách tiền tệ, bảo đảm tính chủ động và an toàn của thị trường tiền tệ nước ta. Thực hiện tiết kiệm trên mọi lĩnh vực như một quốc sách. Nâng cao nhận thức trong nhân dân để chủ động, tự giác tiết kiệm. Đồng thời Nhà nước ban hành pháp lệnh tiết kiệm, có cơ chế kiểm soát việc thực hành tiết kiệm ; có quy định cụ thể về xây dựng trụ sở, chế độ sử dụng xe, phương tiện làm việc ở những cơ quan dùng ngân sách nhà nước hoặc vốn nhà nước. Mở rộng thuế đặc biệt với những mặt hàng tiêu dùng hạn chế. Bảo đảm giá trị tiền gửi tiết kiệm để khuyến khích nhân dân gửi tiền tiết kiệm. Ngăn chặn các hiện tượng đầu cơ tích trữ ngoại tệ. Có chính sách đúng đắn, hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư vào trong nước ngày càng nhiều hơn.

Thứ năm, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phát huy nguồn lực con người.

Nguồn nội lực to lớn, quý giá của 76 triệu dân nước ta, trong đó có 35 triệu người đang ở độ tuổi lao động vẫn chưa được phát huy tốt. Tình trạng chưa có việc làm, đặc biệt ở nông thôn dẫn đến lãng phí sức lao động kéo dài không tạo ra của cải, không có thu nhập, bị thiếu thốn, đói nghèo, gây ra những tiêu cực xã hội, làm mất đi nguồn lực lớn của đất nước.

(Xem tiếp trang 6)

Digitized by Google

QUỐC TẾ HÓA : TỪ Ý TƯỞNG CỦA C. MÁC, PH.ĂNG-GHEN ĐẾN HIỆN THỰC CỦA THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

NGUYỄN CÚC *

TRONG cuộc đời hoạt động cách mạng đầy sáng tạo của mình, C. Mác và Ph.Ăng-ghen đã dành nhiều thời gian và công sức để bàn về quốc tế hóa. Thời đó, khoa học công nghệ và lực lượng sản xuất chưa phát triển, nhưng hai ông đã có những dự báo khá chính xác về xu hướng phát triển của quốc tế hóa (QTH) và hệ quả của nó.

1. Tác động của quốc tế hóa với tiến trình phát triển nhân loại.

Một trong những luận điểm được đề cập khá nhiều trong các tác phẩm của Mác và Ăng-ghen là xu hướng QTH. Thế kỷ XVI với sự phát triển về địa lý và đặc biệt là thế kỷ XVIII, đánh dấu bước chuyển từ thời đại nông nghiệp sang thời đại công nghiệp, nền kinh tế thế giới dần dần mang tính toàn cầu. C. Mác và Ph.Ăng-ghen khẳng định : "Đại công nghiệp đã tạo ra thị trường thế giới" (1). "Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc"(2).

Quốc tế hóa là xu hướng tất yếu bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đó là quá trình chuyển hóa đa dạng, nhiều chiều giữa các quốc gia, hình thành cộng đồng quốc tế. Trong xu hướng ấy, các quốc gia dân tộc có mối quan hệ ngày càng phụ thuộc và gắn bó với nhau và QTH trở thành động lực làm bùng nổ các quan hệ quốc tế trên nhiều lĩnh vực.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ ; sự phát triển của lực lượng sản xuất, xã hội hóa, tích tụ tập trung sản xuất ; sự phát triển của hệ thống tri thức, văn hóa ; những ý đồ về kinh tế, chính trị... là cội nguồn của sự giao thoa, chuyển tải nhiều tiềm lực mới giữa quốc gia này với quốc gia khác đã làm phong phú thêm các quan hệ quốc tế. Lực lượng sản xuất phát triển đã làm cho sản xuất tiêu dùng của các nước mang tính quốc tế ngày càng mở rộng và nâng cao.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất nhờ áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ, giao lưu quốc tế đã phá vỡ tính chất tự nhiên khép kín, biệt lập trong phạm vi quốc gia, mở rộng không gian và môi trường quốc tế, hình thành thị trường thế giới thống nhất và rộng mở. Nhờ đó mỗi quốc gia có thể chọn lựa, tận dụng được lợi thế so sánh trong quan hệ đa phương, làm cho các quốc gia liên kết gắn bó, phụ thuộc vào nhau, hình thành các quan hệ mang tính toàn cầu. Trong tiến trình phát triển, mỗi quốc gia tìm cách để vừa thích ứng vừa áp dụng những thành tựu của nhân loại, đồng thời phát huy tiềm năng của dân tộc.

Việc cải tiến công cụ sản xuất, phương tiện giao thông, công nghệ thông tin và sức lan tỏa của nó ngày càng mở rộng vươn lên vị trí hàng đầu để sáng tạo và khai thác tri thức nhân loại đã làm cho QTH phát triển vượt bậc. Công cụ sản xuất thủ công được thay thế bằng cơ khí, tự động, thuyền buồm được thay thế bằng tàu thủy, những phương tiện vận tải khối lượng lớn, tốc độ nhanh như đường sắt, đường không, không ngừng được hiện đại hóa. Tổ chức sản xuất, tiêu thụ mang tính toàn cầu, hệ thống tài chính, tiền tệ, thương mại quốc tế ngày càng phát triển.

---

* PGS, PTS

(1) C. Mác, Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 598

(2) *Sđd*, tr 602

Digitized by Google

C. Mác và Ph.Ăng-ghen đã khẳng định mặt tích cực của QTH : "Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng thuận lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh", ... "Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước gộp lại" (3), mà sản xuất vật chất đã như thế thì sản xuất tinh thần cũng không kém như thế. Hệ thống tri thức, những thành quả của hoạt động tinh thần của mỗi dân tộc trở thành tài sản chung của nhân loại.

Việc áp dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ vào sản xuất đã làm biến đổi sâu sắc cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia, nền kinh tế mỗi nước đã được cấu trúc lại có tính đến xu hướng QTH làm phong phú thêm các dự án chọn lựa. Xu hướng đầu tư trực tiếp ngày càng gia tăng, các nước phát triển ồ ạt di chuyển vốn, công nghệ và các yếu tố sản xuất sang các khu vực có lợi hơn chính quốc. Thị trường thế giới hình thành, phát triển, một bộ phận lớn sản phẩm được đưa vào lưu thông quốc tế. Nhiều tổ chức thương mại, tài chính quốc tế và khu vực ra đời như : Tổ chức thương mại thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế, Khối thị trường chung châu Âu, Khối thị trường chung Bắc Mỹ,...

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ diễn ra ở nửa cuối thế kỷ XX đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của thế giới. Những thành tựu nổi bật trong ngành điện tử, tin học, vật liệu mới, công nghệ sinh học, đã thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất với tốc độ cao chưa từng có. Từ lĩnh vực kinh tế đã tác động đến chính trị, quân sự, văn hóa, tôn giáo, sự ràng buộc, sự phụ thuộc ngày càng sâu sắc hơn. Quá trình QTH làm nảy sinh những khế ước, luật và thông lệ quốc tế, làm tăng vai trò của các tổ chức quốc tế trong việc xử lý những diễn biến cục bộ.

Quan hệ hợp tác và phân công lao động quốc tế ngày càng rõ nét hơn. Chuyên môn hóa sản xuất ngày càng sâu, nhiều nước cùng tham gia sản xuất một loại sản phẩm, mỗi nước trở thành một công đoạn của quá trình sản xuất. Nền kinh tế mỗi nước không còn mang tính chất quốc gia thuần túy. Nhờ QTH, mạng lưới truyền thông mở rộng, tạo điều kiện nối mạng toàn cầu. Ngân hàng dữ liệu đồ sộ mà mỗi quốc gia, cá nhân có thể chọn lựa khai thác. Sự xuất hiện đường thông tin cao tốc đã phát triển mạnh mẽ tính trực tiếp, tức thời giữa các bộ phận trong cấu trúc tổng thể tri thức nhân loại. Những nỗ lực quốc tế trong việc xử lý tài chính, tiền tệ, môi trường, các tệ nạn xã hội như khủng bố, ma túy, xã hội đen đã được triển khai trong sự phối hợp mang tính toàn cầu. Mức hưởng thụ tri thức văn hóa ngày càng gia tăng nhờ các phương tiện truyền thông hàng loạt, chia nhỏ thành các kênh đặc thù : ngành dịch vụ du lịch phát triển mạnh, chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong GDP của nhiều quốc gia.

2 - Sự đụng độ giữa nước giàu và nước nghèo.

Xu hướng QTH đã trở thành động lực làm bùng nổ giao lưu, nhưng đồng thời cũng tạo ra sự phụ thuộc, lệ thuộc ngày càng sâu sắc trong quan hệ quốc tế. Trong xu thế đó, một số thế lực muốn thực hiện mưu đồ khống chế thế giới theo quỹ đạo của mình. C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã nhiều lần cảnh báo về hậu quả tiêu cực của QTH. "Giai cấp tư sản, từ khi đại công nghiệp và thị trường thế giới được thiết lập, đã độc chiếm hẳn được quyền thống trị chính trị trong nhà nước đại nghị hiện đại" (4), và "Do bóp nặn thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới"(5).

Năng suất lao động tăng làm cho vốn tích lũy ngày càng lớn, tạo ra tư bản nhàn rỗi cần được đầu tư ra bên ngoài, đồng thời kích thích đầu tư khai thác tài nguyên rẻ mạt, xâm chiếm thuộc địa. Các nước công nghiệp đã thực hiện những cuộc chiến tranh chinh phục thuộc địa để đô hộ, mà trong lịch sử nhiều quốc gia, dân tộc qua nhiều thế hệ phải đổ biết bao xương máu mới giành được độc lập, tự do. Đó là những cuộc chiến tranh phi nghĩa trong thời đại công nghiệp. Thế kỷ XX là thế kỷ của những cuộc chiến tranh xung đột, làm lợi cho một số tập đoàn, nhưng gây thiệt hại lớn về lực lượng lao động và của cải vật chất cho nhân loại. Kỷ nguyên công nghiệp gắn liền với chế độ bóc lột đã hình thành nước giàu và nước nghèo, thống trị và nô lệ, chi phối và phụ thuộc.

Nhịp độ thay đổi công nghệ, giao lưu kinh tế thương mại, văn hóa diễn ra một cách khẩn trương. Những nguồn lực ở các nước kém phát triển được sử

(3) *Sđd*, tr 602 - 603
(4) *Sđd*, tr 599
(5) *Sđd*, tr 601

Digitized by Google

dụng rẻ mạt. Nguồn tài nguyên quý hiếm được chuyển dịch về các nước phát triển để đổi lấy việc chuyển giao công nghệ lạc hậu. Tài nguyên - lợi thế duy nhất của các nước kém phát triển ngày càng cạn kiệt, phân cực giàu nghèo ngày càng rõ, nghèo đói, bệnh tật, ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Lục địa châu Phi giàu có ngày nay trở nên cạn kiệt. Một số nước Mỹ la-tinh chìm đắm trong nợ nần. Trong khi đó, các nước phát triển với 20% dân số thế giới chiếm gần 80% của cải nhân loại. Những nước giàu gắn liền với lối sống buông thả, mức tiêu thụ của xã hội gấp hàng trăm lần nước nghèo. Dòng của cải dịch chuyển về nước giàu, hậu quả về môi trường, các nước nghèo phải gánh chịu. Các nước phát triển độc quyền về công nghệ kỹ thuật tiên tiến để trực tiếp khai thác bóc lột. Thật là vị kỷ khi họ chủ trương tự do hóa, cạnh tranh, giao lưu mua bán tài nguyên, nhưng lại độc quyền về sở hữu trí tuệ. Những quốc gia có nền tin học phát triển giữ quyền chi phối đem bán cho thế giới phần mềm, điện toán thứ cấp. Sự phát triển QTH gắn liền với quá trình tích tụ tập trung, hình thành những công ty xuyên quốc gia khổng lồ thâu tóm quyền lực kinh tế thế giới.

Quốc tế hóa với những ý tưởng "ngôi nhà chung", "không có biên giới", "hòa nhập" đã và đang đặt ra những thách thức gay gắt đối với các nước kém phát triển vốn yếu thế về nhiều mặt. Thực tế, các nước kém phát triển phần nào đều phải nhượng bộ chủ quyền, hoặc chịu sự thâm nhập về kinh tế, chính trị, văn hóa. Trong vòng xoáy của QTH, có nước lên ngôi, nhưng có nước tụt hậu, bế tắc. Trong cuộc đua tranh quyết liệt trên phạm vi toàn cầu, phần thắng chỉ dành cho các nước phát triển hoặc những nước đã có sự chuẩn bị về nội lực, biết tỉnh táo chọn lựa đường đi, nước bước.

Về chính trị, quá trình QTH cũng là quá trình hình thành xu hướng đa cực, nhiều trung tâm và tạm thời làm tăng vai trò của các siêu cường. Trong những năm gần đây, một số nước phương Tây sử dụng chiêu bài dân chủ, nhân quyền để áp đặt những tiêu chuẩn, hình mẫu của họ trong quan hệ với các nước khác. Lợi dụng sức mạnh kinh tế, quân sự, các trung tâm quyền lực của chủ nghĩa tư bản mưu toan lấy các chuẩn mực của họ làm điều kiện hợp tác với các nước khác. Đúng như C. Mác và Ph.Ăng-ghen đã khẳng định bản chất chủ nghĩa tư bản : nô dịch, áp bức, phụ thuộc từ phạm vi công xưởng của thế kỷ XIX chuyển sang phạm vi các thế lực toàn cầu cuối thế kỷ XX. Việc hình thành các khối chính trị, quân sự "với một chế độ xã hội và chính trị thích ứng, với sự thống trị kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản" (6) là sự bất bình đẳng trong thế giới đương đại. Khó khăn lớn nhất đối với các nước kém phát triển là làm sao phát triển kinh tế mà vẫn bảo tồn được bản sắc văn hóa dân tộc.

Quá trình QTH đã đẩy phần lớn các nước kém phát triển vào thế phụ thuộc vào hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa. Đó là quan hệ giữa trung tâm và ngoại vi, những dòng của cải dịch chuyển từ ngoại vi về trung tâm, do cánh kéo về giá cả có lợi cho các nước phát triển. Giá nguyên liệu ngày càng giảm, giá sản phẩm, dịch vụ ngày càng tăng, sự bóc lột gián tiếp, tinh vi khó thấy. Chỉ chiếm 20% dân số thế giới, nhưng các nước phát triển sử dụng và khai thác 70% nguyên liệu và thải ra 70% phế thải. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đó không chỉ biểu hiện về kinh tế mà còn biểu hiện rõ trong sự xung đột về lợi ích kinh tế và chính trị giữa các nước phát triển và các nước kém phát triển. Riêng đối với các nước phát triển, lực lượng sản xuất phát triển cao độ sẽ không tránh khỏi "các cuộc khủng hoảng thương nghiệp diễn đi diễn lại một cách chu kỳ và ngày càng đe dọa sự tồn tại của toàn bộ xã hội tư sản" (7).

Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, C. Mác và Ph.Ăng-ghen đã chỉ ra quy luật vận động, của cải được tích lũy ở đầu này thì nghèo đói tích lũy ở đầu kia ở mức độ tàn khốc làm cho mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản và vô sản ngày càng sâu sắc. Chừng nào chế độ sở hữu tư nhân tư bản chưa bị thủ tiêu thì mâu thuẫn còn tồn tại và trở nên gay gắt. Trong những năm gần đây, một số học giả cho rằng, đó là sự đụng độ giữa các nền văn minh. Về thực chất, các nền văn minh không có sự đụng độ mà là sự tiếp nối theo xu hướng tiến bộ, sự đụng độ chỉ có giữa các thế lực và giai cấp mà thôi.

3 - Việt Nam hội nhập với thế giới

Trong lịch sử, Việt Nam đã từng trải qua những tác động mạnh mẽ của QTH. Sự đô hộ của nhiều thế lực đế quốc mà phần hỗ trợ phát triển, "khai phá văn

(6) *Sđd*, tr 603 - 604

(7) *Sđd*, tr 604

Digitized by Google

minh" lại đi đôi với tàn phá. Xu hướng QTH thời thực dân hoàn toàn bất lợi cho nước ta. Hai cuộc chiến tranh khốc liệt, lâu dài và gian khổ, đã cướp đi sinh mạng của hàng triệu người, nguồn lực quý giá nhất của đất nước bị hủy hoại.

Cuộc chiến đấu dũng cảm kiên cường và thắng lợi vẻ vang dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nâng vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Ta tham gia vào tiến trình QTH không phải bằng quan hệ lệ thuộc mà bằng vị thế một nước độc lập có chủ quyền trong thế mới hợp tác và phát triển.

Đảng ta chủ trương Việt Nam sẵn sàng làm bạn với mọi quốc gia trên thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Đó là định hướng mang tính chiến lược để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Cho đến nay, về cơ bản, nước ta vẫn là một nước nghèo, kém phát triển, năng suất lao động còn thấp, hậu quả của chiến tranh khá nặng nề, về công nghệ, quản lý còn yếu kém, nguồn vốn còn hạn hẹp. Tuy nhiên, chúng ta có truyền thống văn hóa, bản lĩnh dân tộc, tiềm năng về con người. Nếu biết hội nhập, giao lưu, chúng ta sẽ có cơ hội đi nhanh. Đảng ta chủ trương mở cửa hội nhập để tận dụng sức mạnh thời đại, nhưng đồng thời khẳng định vấn đề quyết định vẫn là sức ta. Chuyển sang kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện bản lĩnh chính trị của Đảng ta trong hội nhập, giao lưu quốc tế.

Trong quá trình đổi mới, chúng ta đã và đang chuẩn bị những công việc cần thiết cho việc hội nhập, nhất là tri thức, nguồn nhân lực. Nhà nước đã có nhiều đạo luật, chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài để có thêm nguồn vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, để khơi dậy tiềm năng trong nước, đa dạng hóa và tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, trao đổi chuyên gia, phối hợp các nỗ lực phát triển mang tính toàn cầu. Việc nước ta chính thức gia nhập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và chuẩn bị tham gia Tổ chức hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) là bước chuẩn bị để hội nhập với nền kinh tế thế giới.

Khó khăn lớn nhất của nước ta là còn có phần yếu kém về trình độ phát triển, thiếu sự chuẩn bị về đội ngũ. Chính điều đó đã hạn chế rất lớn đến vị thế của đối tác Việt Nam và không tránh khỏi lệ thuộc, thua thiệt ban đầu. Trong khi muốn tăng trưởng nhanh, chúng ta đã dùng chính sách ưu đãi kéo dài để thu hút vốn đầu tư nước ngoài đã làm mất cân bằng với đầu tư trong nước, kìm hãm sự phát triển quốc nội và về lâu dài sẽ bất lợi trong cạnh tranh. Một số chuyên gia đã cảnh báo một số nước do không chăm lo đến quốc nội đã rơi vào tình trạng lệ thuộc ngày càng sâu vào các tập đoàn lớn. Điều nguy hại hơn là khó có thể độc lập về kinh tế, chính trị. Một số nước trong khi nhấn mạnh hướng ngoại, bằng chiến lược tăng trưởng làm chính, lấy xuất khẩu làm động lực, bất chấp những hậu quả về xã hội, môi trường. Cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ ở Thái Lan và một số nước Đông Á khác phản ánh sự bất ổn về chiến lược cơ cấu, lấy hướng ngoại làm chính, không tương xứng với sự chuẩn bị về nội lực, thiếu sức đề kháng khi có sự chấn động của thị trường thế giới.

Đại hội lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa chính là sự chuẩn bị về nội lực cho sự phát triển lâu bền, xây dựng cốt vật chất cần thiết cho việc hội nhập giao lưu. Từ thực trạng kinh tế nước ta và xu hướng QTH để hoạch định chiến lược cơ cấu gắn với đổi mới công nghệ, coi trọng chiến lược con người, tiếp thu chọn lọc tinh hoa nhân loại để phát triển, hấp thụ cái tinh, gạt bỏ cái thô. Chúng ta chủ trương coi trọng nội lực bên trong để tạo thế hợp tác đua tranh là đúng hướng. Thị trường, đặc biệt là thị trường thế giới là một cuộc đọ sức quyết liệt mà phần thắng chỉ dành cho những ai có sức mạnh và biết hội nhập, giao lưu. Chúng ta tuy yếu kém về vật chất nhưng có hy vọng phát triển nhờ yếu tố con người. Trong cuộc đua tranh phức tạp đòi hỏi phải cố kết tạo thành sức mạnh cộng đồng để có sức đề kháng tốt hơn vì tiềm năng của một quốc gia không phải là tiềm năng cá nhân. Trong quan hệ quốc tế đa dạng và đầy biến động, để hợp tác có hiệu quả phải có dự báo chiến lược để tạo thế chủ động.

Thị trường thế giới là cuộc giành giật về lợi ích. Trong thế giới hiện đại, không ai cho không mà đều phải tuân thủ nguyên tắc cùng có lợi. Chúng ta đang phấn đấu để giữ vững sự ổn định về chính trị, phát triển kinh tế. Vì vậy, việc sớm cho ra đời những định chế về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, chuyển giao công nghệ... là những vấn đề thiết thực để "tương tùy mà không phụ thuộc", hội nhập nhưng vẫn là ta. ❑

Digitized by Google

VỀ CÁC BIỆN PHÁP CHIẾN LƯỢC PHÁT HUY NỘI LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NGUYỄN SĨ LỘC *

I - Vấn đề phát huy nội lực khoa học và công nghệ

Cuộc khủng hoảng tài chính ở các nước châu Á gần đây có nguồn gốc, suy cho cùng là do dựa quá nhiều vào nguồn lực bên ngoài thông qua vay nợ trên quy mô lớn, trong khi về phía chủ quan chưa xây dựng được một cơ cấu bên trong hợp lý để làm chủ được các nguồn lực này, mà biểu hiện cụ thể là hệ thống tài chính quốc gia chưa xử lý được bài toán đầu tư vào đâu cho đúng và có hiệu quả. Đây là một bài học thiết tưởng không chỉ cho ngành tài chính, mà còn rất gần gũi với lĩnh vực phát triển khoa học và công nghệ (KHCN). Đó là nếu không có một nội lực đủ mạnh thì không thể tận dụng được các nguồn lực bên ngoài, không tận dụng được sức mạnh của thời đại ; "... chỉ có phát huy cao nhất nội lực mới có thể thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài, mới bảo vệ được độc lập chủ quyền khi hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới"(1). Đây là một trong những vấn đề then chốt trong chiến lược phát triển KHCN của nước ta đến năm 2020.

Bài viết này mong muốn đóng góp một số ý kiến nhỏ và chỉ xin giới hạn trong phạm vi bàn về những biện pháp khả dĩ dần dần từng bước phát huy nội lực, giảm bớt tình trạng lệ thuộc vào bên ngoài. Nói như vậy có nghĩa là trong lĩnh vực KHCN hiện nay, dù không muốn, ta vẫn còn phải chấp nhận sự lệ thuộc vào bên ngoài ở những chỗ, những lúc mà ta cho là cần thiết, nhưng không vì thế mà không làm chủ được tình thế toàn cục, dẫn đến phụ thuộc triền miên hoặc khủng hoảng có tính hệ thống trong KHCN.

Trước hết cần nhận thức nội lực của chúng ta là thế nào, nó bắt nguồn từ đâu. Đó là sức mạnh tổng hợp có được, hình thành từ những yếu tố hữu hình và vô hình của hoạt động KHCN, mà do tài tổ chức quản lý của Nhà nước được nhân lên, biến thành hiện thực trong cuộc sống. *Hữu hình* là những yếu tố có thể lượng định, kiểm kê được, trước hết là lực lượng cán bộ KHCN, là vật tư, tiền vốn trang bị cho họ để họ có thể giải những vấn đề KHCN do công cuộc phát triển đòi hỏi. *Vô hình* là những yếu tố không đo đếm được, liên quan đến tổ chức quản lý, là tất cả những cơ chế, chính sách, định hướng chiến lược đặt ra các bài toán phải giải, tạo điều kiện để giải nó và nhất là sử dụng nó biến thành giá trị gia tăng của hàng hóa và dịch vụ trong xã hội. Hai mặt này luôn luôn gắn bó biện chứng với nhau, chuyển hóa thành giá trị có thể thay thế cho nhau hoặc kìm hãm nhau tương tự như lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong kinh tế học. Ví như một cơ chế quản lý hay có thể có tác động như tăng thêm nguồn lực đầu tư, ngược lại thì có thể dẫn đến triệt tiêu những nguồn lực vật chất hiện có.

Ở nước ta, các nguồn lực *hữu hình*, ở từng mức độ khác nhau dễ cảm nhận hơn là các yếu tố vô hình. Ai cũng biết lực lượng lao động kỹ thuật của nước ta có hơn 800 000 cán bộ từ đại học trở lên ; một năm từ ngân sách Nhà nước đầu tư cho KHCN khoảng 70 triệu đô la ; hơn 40 viện đầu ngành, một số phòng thí nghiệm và các phòng thiết kế công nghệ trong các doanh nghiệp đang làm việc cho nền kinh tế.

Song, về mặt *vô hình*, là các cơ chế, chính sách, môi trường làm việc của những người lao động khoa học để sinh ra và áp dụng các giải pháp KHCN thì chưa được chú ý bằng các yếu tố vật chất. Ít ai coi đường lối, chính sách, cơ chế là nguồn lực hay tương

* PTS, Hiệu trưởng Trường Nghiệp vụ quản lý, Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ Đảng khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 91

Digitized by Google

đương với nguồn lực vì nó khó đo đếm được. Chính đây là điểm nhậy cảm đáng lưu ý khiến ta chưa phát huy được nội lực, làm triệt thoái những nguồn đầu tư vốn đã rất ít ỏi cho khoa học của chúng ta. Chẳng hạn, trên địa bàn của một thành phố, cùng một lúc hai thiết bị phân tích hiện đại (ví dụ như khối phổ kế) rất đắt tiền cùng được mua sắm để rồi sử dụng với công suất không đáng kể. Trong khi ở các nước giàu thì họ lại có cơ chế hợp tác để dùng chung các thiết bị đó. Rõ ràng là sự yếu kém về tổ chức, phối hợp giữa các cơ sở nghiên cứu dẫn đến lãng phí vô lý nguồn tài chính của ngân sách.

Trên thế giới, nhiều nhà nghiên cứu quản lý công nghệ cho rằng(2), trong lĩnh vực KHCN, chính việc phát triển các mối liên kết với doanh nghiệp là cơ hội chiến lược cho các nước đang phát triển muốn nhảy cóc, đón đầu, vượt lên trên giới hạn chậm phát triển của chính mình. Lý do có nhiều, trong đó phải kể đến các nhân tố về tốc độ đổi mới công nghệ ngày càng nhanh hơn, trong khi khả năng tài chính, công nghệ và tiếp cận thị trường của từng tổ chức riêng rẽ thì rất hạn hẹp, và họ còn muốn giảm độ rủi ro, tranh thủ tới mức tối đa cơ hội do liên kết, hợp tác mang lại. Đoàn kết là sức mạnh, bây giờ luận điểm này càng đúng cho các tập thể nghiên cứu. Mà cơ sở làm nền tảng cho sự liên kết như thế chính là môi trường chính sách, sự điều hòa, phối hợp của Nhà nước trong lĩnh vực KHCN.

Chiến lược phát triển KHCN của chúng ta cần đồng thời thúc đẩy cả hai mặt trên đây, các nguồn lực *hữu hình* và *vô hình*, đặt chúng trong mối quan hệ phù hợp biện chứng với nhau, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển. Thật là chưa hợp lý nếu chỉ ra sức đầu tư mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở nghiên cứu, tăng cường khả năng của cán bộ nghiên cứu, thúc đẩy việc làm ra các kết quả nghiên cứu, mà không chú ý tạo đầu ra cho ứng dụng công nghệ. Nghị quyết Trung ương 2 đã nêu thành biện pháp chiến lược tạo thị trường công nghệ ; đó cũng là một loại động lực thúc đẩy KHCN phát triển.

Vậy phải đề ra chính sách gì để thực hiện ý tưởng khai thác và phát huy nội lực, xin nêu hai ví dụ minh họa dưới đây.

II - Vấn đề sử dụng đội ngũ cán bộ KHCN trong nước

Lao động kỹ thuật là một loại lao động cao cấp trong nền kinh tế quốc dân. Kiến thức khoa học và công nghệ có tuổi thọ ngày càng ngắn dần do tiến bộ khoa học có tính cách mạng đang tăng tốc. Để có một cán bộ trình độ thạc sĩ tại AIT, thời giá nhập học năm 1997 cần chi 23 ngàn USD, còn tiến sĩ gần 43 ngàn USD. Nếu làm con tính suy đoán đơn giản nhất có thể hình dung số vốn ta đã đầu tư vào việc đào tạo cán bộ có trình độ từ đại học trở lên tương đương hàng tỉ đô la. Một người cán bộ được đào tạo, sau 5 năm nếu không dùng kiến thức của mình, thì kiến thức đó sẽ bị quên đi, sẽ hao mòn vô hình do lạc hậu, giá trị chỉ còn một nửa, khả năng hoàn vốn đầu tư cho đào tạo ra con người đó rất thấp. Ngược lại, nếu được sử dụng, nó không những sinh lợi, còn liên tục được đổi mới, cập nhật với tiến bộ đương đại và liên tục phát triển.

Phát huy nội lực, trước hết là nhân lực, đòi hỏi có chính sách sử dụng lao động kỹ thuật trong nước sao cho kinh tế nhất. Cơ cấu công nghiệp gì cần xây dựng, loại sản phẩm gì cần phát triển, ngành nghề nào cần mở rộng để sử dụng tối đa lao động kỹ thuật của ta, là bài toán chiến lược vừa kinh tế, vừa khoa học. Nói đưa công nghệ sử dụng nhiều lao động, ta không nên quên trước hết là lao động kỹ thuật, có tay nghề, được đào tạo. Khi giải bài toán này, các nhà quản lý KHCN gặp ngay một trở ngại, một nghịch lý là trong lúc lao động kỹ thuật trong nước thừa, cán bộ, kỹ sư của ta không đủ việc làm, thì do cơ cấu đầu tư bất cập, cộng với các yếu tố tiêu cực trong đầu tư, lao động quá khứ kết tinh trong các công nghệ sản xuất, phần lớn thuộc trình độ thấp và vừa, cứ tiếp tục được nhập vào theo các kênh khác nhau chiếm mất công ăn việc làm của lao động kỹ thuật của ta.

Ví dụ, ngành công nghệ mía đường của ta là một ngành chiến lược của đất nước, gắn liền với việc phát triển nông nghiệp và nông thôn. Theo đánh giá của các chuyên gia, đường mía là một trong 9 sản phẩm nông nghiệp ta có thể xuất khẩu sau năm 2000. Năm đó ta có thể đạt 1,3 - 1,4 triệu tấn đường mỗi năm. Nước ta đã có 210 000 ha trồng mía. Nếu phát triển đúng, ngành mía đường sẽ tạo công ăn việc làm cho ngành cơ khí, chế tạo máy, lao động nông nghiệp. Khả năng công nghệ trong nước đã phát triển khá. Trong lúc ta đã tự đảm đương chế tạo được nhà máy đường cỡ 4 ngàn tấn mía/ngày, với khoảng 65% thiết bị do ta tự

(2) Hội thảo quốc tế do Trường nghiệp vụ quản lý phối hợp với UNIDO tổ chức tại Hà Nội từ ngày 15 - 17-9-1997 với sự tham gia của 28 chuyên gia từ 15 nước bàn về "Liên minh chiến lược với các doanh nghiệp công nghiệp cao"

Digitized by Google

làm được, chất lượng hơn một nước bạn trong khu vực, thì thị trường nhà máy đường bỏ ngỏ cho nước ngoài chiếm lĩnh. Trong tổng số 27 nhà máy đường hiện có thì chỉ có 2 nhà máy đường tinh luyện, trong đó có nhà máy do ta tự chế tạo tại tỉnh Khánh Hòa. Như vậy ta dùng hàng ngoại với chất lượng xoàng thay thế cho hàng nội với chất lượng tốt hơn. Đó là một nghịch lý. Những ví dụ tương tự có thể tìm thấy với xi măng lò đứng, và các công nghệ khác. Đây là vấn đề chính sách vĩ mô bất cập với chủ trương đường lối của Đảng, nhất là Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ tư.

Phải chăng cần có chính sách bảo hộ công nghệ nội một cách hợp lý, cũng chính là phát huy nội lực. Trong trường hợp nhà máy đường mía nói trên, nếu có sự can thiệp của chính sách vĩ mô, chúng ta hoàn toàn có thể tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động kỹ thuật của ta, phát huy nội lực tại chỗ cho công nghiệp hóa trong nông nghiệp và phát triển nông thôn. Chính sách này vượt quá thẩm quyền được phân công, phân cấp trong lĩnh vực đầu tư của Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường.

Trong chiến lược phát triển công nghệ đến năm 2020 nên chăng cần xem xét biện pháp sau đây : Ngừng nhập những công nghệ mà trong nước đã chế tạo được. Như vậy, Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường phải có trách nhiệm đánh giá trình độ của các công nghệ trong nước sản xuất, khảo nghiệm các dây chuyền công nghệ trong nước, cho kết luận cần thiết và hằng năm bổ sung hoặc rút khỏi danh mục các công nghệ được bảo hộ.

III - Vấn đề đầu tư cho KHCN

Nguồn lực tài chính của nước ta cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ còn rất khiêm tốn. Năm 1997 chỉ được gần 1% tổng chi ngân sách. Theo Nghị quyết Trung ương 2, ta đang phấn đấu tới năm 2000 mới được 2% chi ngân sách. Trong khi đó các nước ASEAN vượt xa ta cả về tỷ lệ tương đối và nhất là số tuyệt đối. Nhưng điều đáng nói là ngay trong hiện tại, nếu đổi mới cách đầu tư thì nội lực của ta còn có thể khai thác được nhiều hơn thế nữa, nhưng cơ hội đó chưa được khai thác. Vấn đề lại chính là ở chính sách huy động và sử dụng vốn cho KHCN của Nhà nước. Nếu có chính sách phân bổ và sử dụng tốt, tự nó có khả năng huy động thêm nội lực đầu tư cho KHCN.

Chẳng hạn, có thể vận dụng cơ chế Nhà nước và doanh nghiệp cùng đầu tư. Thay vì cho phương thức cấp kinh phí cho chương trình, đề tài truyền thống, theo đó Nhà nước bao cấp hoàn toàn, có thể dùng công thức : *Lập đề tài và cấp kinh phí theo địa chỉ ứng dụng trên nguyên tắc : ngân sách 1/3 còn 2/3 do cơ sở sử dụng công nghệ tự đầu tư và là người đặt hàng, đồng thời cũng là người nghiệm thu kết quả...* Ở đây vốn từ ngân sách đóng vai trò làm "mồi" lôi kéo kinh phí đầu tư từ nhiều nguồn cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ. Như thế, nói một cách hình tượng, nếu ta có 1% ngân sách có thể huy động thêm 2% nữa cho KHCN và vốn trong nước được huy động lúc này là 3%. Đây cũng chính là cách mà một số địa phương như TP Hồ Chí Minh đã làm và làm thành công, tuy chỉ giới hạn ở một vài đề tài nghiên cứu ứng dụng.

Cách này có mấy cái lợi xét về chiến lược lâu dài : 1) Đề tài đặt ra có địa chỉ và có người chịu trách nhiệm ứng dụng, nâng cao hiệu quả đầu tư cho nghiên cứu ; 2) Các tập thể khoa học sẽ phối hợp với nhau chặt chẽ hơn nhờ việc cùng làm theo đơn đặt hàng của sản xuất, khắc phục tình trạng chia cắt manh mún, cục bộ ; 3) Vốn ngân sách đóng vai trò là lực lượng tổ chức huy động vốn doanh nghiệp trước hết là các doanh nghiệp nhà nước, nâng cao nguồn lực cho KHCN một cách đáng kể.

Trong chiến lược đến năm 2020, như Nghị quyết Trung ương 2 đề ra, Nhà nước đang cố gắng xây dựng một số viện, phòng thí nghiệm đạt trình độ quốc tế và khu vực. Xin nêu kiến nghị trong chiến lược KHCN của nước ta từ nay đến năm 2020 là bên cạnh việc xây dựng một số viện ngang tầm khu vực, các viện vùng, trong chiến lược xây dựng tiềm lực, cần có cơ chế đi kèm đó là *quy hoạch sử dụng chung trang thiết bị khoa học.*

Máy móc trang thiết bị khoa học là một lĩnh vực có tiến bộ kỹ thuật rất nhanh. Để có thể bắt kịp với tiến bộ đó, tức rút thời gian hao mòn hữu hình xuống bằng thời gian hao mòn vô hình trước khi có thể thay thế bằng các thiết bị hiện đại hơn, thì hình thức tổ chức sử dụng chung trên một địa bàn thành phố, khu công nghiệp là hình thức rất nên làm. Hiện nay cơ chế thị trường đã mở ra những cơ hội lớn cho việc sử dụng chung này thông qua các hình thức thuê dịch vụ phân tích thử nghiệm.

Qua những điều vừa trình bày có thể thấy nội lực của ta còn nhiều, chìa khóa mở kho báu đó chính là chính sách, cơ chế, một yếu tố làm nên nội lực của Việt Nam. ❑

Digitized by Google

Đoàn Thanh niên cộng sản HỒ CHÍ MINH tham gia xã hội hóa giáo dục

NGUYỄN QUỐC ANH*

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã chỉ rõ : **"Nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục là nhằm xây dựng những con người và thế hệ thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc..., có ý thức cộng đồng và phát huy tính tích cực của cá nhân, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có sức khỏe, là những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên" như lời căn dặn của Bác Hồ".**

Để thực hiện mục tiêu cơ bản nói trên, Đảng ta đã xác định : giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân và chủ trương thực hiện xã hội hóa giáo dục. Nhận thức đúng đắn về xã hội hóa giáo dục là cơ sở để có những bước đi và biện pháp phù hợp nhằm thực hiện thành công chủ trương trên của Đảng. Lâu nay, không ít người vẫn hiểu đơn giản : Xã hội hóa giáo dục chỉ là sự huy động các nguồn lực vật chất của nhân dân và các tổ chức phi chính phủ đóng góp cho ngành giáo dục, bổ sung vào nguồn lực của Nhà nước cho giáo dục. Điều đó dẫn đến nhiều cấp quản lý và thực hiện giáo dục, tăng các khoản thu và đóng góp của người học, còn người học - nhất là phụ huynh học sinh - coi việc thực hiện các khoản đóng góp của mình là đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia giáo dục và khoán gọn mọi việc dạy dỗ, giáo dục con em mình cho nhà trường.

Theo chúng tôi, *xã hội hóa giáo dục là huy động và phát huy thế mạnh của mọi người, mọi tổ chức vào sự nghiệp giáo dục học sinh – sinh viên nhằm đạt mục tiêu giáo dục toàn diện đức dục, trí dục, thể dục và mỹ dục ; tạo điều kiện để "mọi người đi học, học thường xuyên, học suốt đời"*. Như vậy việc thực hiện giáo dục toàn diện học sinh - sinh viên và mọi người nói chung phải được thực hiện cả trong giờ học (chính khóa) và ngoài giờ học (ngoại khóa), cả trong nhà trường, ngoài xã hội và ở gia đình.

Với nhận thức như trên, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (TNCSHCM), Hội Sinh viên Việt Nam (HSVVN) có thể tham gia vào cả 4 mặt giáo dục : đức, trí, thể, mỹ ; có thế mạnh chủ yếu trong các hoạt động ngoại khóa và ở ngoài xã hội. Trong những năm qua, đặc biệt từ sau Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII), với việc phát động phong trào **"Học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh"** trong học sinh - sinh viên, tổ chức Đoàn, Hội sinh viên các cấp đã tham gia vào việc giáo dục toàn diện học sinh, sinh viên trên các mặt chủ yếu sau :

1 - Về đạo đức :

Đoàn là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh thiếu niên. Do đó, Đoàn TNCSHCM đã đề ra và thực hiện tốt các nội dung và biện pháp giáo dục đạo đức sau đây :

- Giáo dục lý tưởng cách mạng thông qua các hoạt động như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, về Bác Hồ, các hoạt động hướng về nguồn, chăm sóc các gia đình có công với nước, các anh hùng, liệt sỹ, thương binh v.v...

- Giáo dục đạo đức và truyền thống dân tộc. Các định hướng chính tập trung vào giáo dục ý thức học tập, nắm vững lịch sử dân tộc, truyền thống tôn sư trọng đạo, tinh thần và ý thức cần cù, hiếu học, ý thức tôn trọng,bảo vệ và phát huy văn hóa dân tộc, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, ý thức tiết kiệm v.v...

* PTS, Phó Vụ trưởng Vụ Giáo dục, Ban Khoa giáo Trung ương Đảng

Digitized by Google

- Giáo dục ý thức pháp luật, trách nhiệm công dân cho học sinh, sinh viên, tập trung vào việc góp phần tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện pháp luật và các nghị định chỉ thị của nhà nước trong học sinh, sinh viên như : Luật dân sự, Luật hình sự, Luật hôn nhân gia đình, Luật nghĩa vụ quân sự... ; các nghị định như : NĐ 36/CP NĐ 87/CP... ; tổ chức các hoạt động giáo dục về dân số, sức khỏe, môi trường, phòng chống AIDS, phòng chống tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên, nhất là tệ nạn ma túy đang gia tăng trong thời gian gần đây. Tuy kết quả còn chưa đạt như mong muốn do nhiều tác động từ phía xã hội và hạn chế của bản thân tổ chức Đoàn, Hội, nhưng những hoạt động theo định hướng trên cũng đã có tác dụng nhất định trong việc tăng cường ý thức và trách nhiệm công dân của học sinh, sinh viên, góp phần hạn chế phần nào sự lan tràn tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên...

Các hoạt động này vừa bổ trợ cho các nội dung giáo dục chính khóa của nhà trường, vừa động viên khuyến khích sự tham gia tự giác của học sinh, sinh viên, có ý nghĩa giáo dục thiết thực vì nhiều nội dung, hoạt động được gắn với sự kiện, con người cụ thể của quê hương, địa phương và đất nước ; góp phần nâng cao trách nhiệm của họ đối với quê hương, gia đình và bản thân.

Mặt khác, các hoạt động này không đòi hỏi những chi phí, đầu tư lớn từ ngân sách, mà phát huy được phương tiện, nguồn lực của Đoàn Thanh niên và các tổ chức khác (trong các hoạt động phối hợp hoặc đóng góp cho Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên) ; đồng thời cả sự đóng góp tự giác của học sinh, sinh viên, mang lại hiệu quả nhất định cho xã hội. Chỉ riêng cuộc vận động "Chăn ấm lòng mẹ", trong năm học 1994 - 1995 của 37/51 tỉnh, thành trong cả nước, học sinh, sinh viên khối trung học phổ thông (THPT), công nhân và dạy nghề (CN và DN), đại học và cao đẳng (ĐH và CĐ) đã đóng góp được gần 1 tỉ đồng, tặng quà, chăm sóc các Bà mẹ Việt Nam anh hùng). Tuy nhiên, ở đây cũng còn điều bất hợp lý lớn là các nguồn tài chính (ngân sách, chương trình, dự án phi chính phủ...) hầu như chỉ rất ít hoặc không có cho các hoạt động này của nhà trường nói chung, của Đoàn và Hội Sinh viên nói riêng.

2 - Về trí dục :

Đoàn, Hội tập trung vào các hoạt động hỗ trợ, bổ trợ cho việc học tập, nghiên cứu khoa học và phát triển tài năng trong học sinh, sinh viên như :

- Động viên, hướng dẫn và tổ chức phong trào giúp đỡ nhau tự giác học tập, đấu tranh chống tác tiêu cực và tệ nạn trong thi cử, học tập thêm các kiến thức chuyên môn phụ trợ như tin học, ngoại ngữ, quản trị kinh doanh, luật v.v...

- Phối hợp tham gia tổ chức hoặc động viên, giúp đỡ, khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia vào các cuộc thi học sinh giỏi, Olympic môn học, ngành học, sinh viên nghiên cứu khoa học (NCKH).

- Xây dựng và tổ chức hoạt động của mạng lưới Quỹ hỗ trợ tài năng trẻ, Quỹ học bổng, Quỹ giúp bạn nghèo vượt khó... từ trung ương, tới cấp tỉnh, thành và ở một số trường (nhất là ĐH, CĐ). Các loại quỹ này ở các cấp đã tranh thủ được các nguồn lực của nhiều tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và quốc tế đóng góp để giúp đỡ học sinh, sinh viên nghèo vượt khó vươn lên học khá, học giỏi và tích cực tham gia các hoạt động xã hội, đoàn thể ; hỗ trợ động viên khuyến khích các học sinh, sinh viên tài năng v.v... Các loại quỹ hỗ trợ tài năng trẻ đã cấp 240 000 suất học bổng và giải thưởng trị giá 35 tỉ đồng trong 5 năm qua.

- Vận động thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên (TTN, HS, SV) đóng góp xây dựng một số cơ sở vật chất cho giáo dục ở những vùng khó khăn như : xây trường tiểu học Kim Đồng (Cao Bằng), trường Võ Thị Sáu (Côn Đảo), phong trào "1000 phòng học" (TP Hồ Chí Minh) v.v...

Các hoạt động này tuy không phải là thế mạnh của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, nhưng đáp ứng được nguyện vọng của sinh viên, học sinh nên được đông đảo học sinh, sinh viên ủng hộ và tham gia, góp phần tạo được không khí thi đua, giúp đỡ nhau trong học tập, thực hành và nghiên cứu khoa học và có tác dụng nhất định hỗ trợ cho sinh viên, học sinh, nhất là sinh viên, học sinh nghèo vượt khó học tập, rèn luyện tốt.

3 - Về thể dục, mỹ dục :

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, tham quan du lịch v.v.. nhằm tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh cho học sinh, sinh viên, thông qua đó rèn luyện thể lực, nâng cao thẩm mỹ là thế mạnh của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên các cấp. Những năm vừa qua, các hoạt động này trong các nhà trường đã được chỉ đạo và tổ chức thành phong trào sâu rộng từ trung ương tới các địa phương, nhà trường. Nhiều hoạt động đã được tổ chức thành nền nếp, truyền thống như các cuộc thi

Digitized by Google

liên hoan tiếng hát sinh viên, học sinh toàn quốc, các giải thể thao sinh viên, học sinh (Hội khỏe Phù Đổng, các giải bóng chuyền, cờ vua sinh viên, ...) do các bộ, ngành phối hợp tổ chức, ở cơ sở - chủ yếu giao cho Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên thực hiện và tạo phong trào. Nhiều hoạt động do Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên có sáng kiến đề xuất được các ngành ủng hộ và phối hợp thực hiện như : thi "SV 96", "7 sắc cầu vồng"... đã được sự hưởng ứng nhiệt tình của sinh viên, học sinh và được xã hội hoan nghênh.

Mặc dù kinh phí chi cho các hoạt động này rất hạn chế (ở bậc phổ thông hầu như không có mục chi trong ngân sách ; ở bậc ĐH, CĐ chỉ tương đương 8% quỹ học bổng toàn phần...), nhưng do phù hợp với tâm lý và nguyện vọng, sở thích của học sinh, sinh viên nên đã huy động được sự đóng góp tự nguyện của sinh viên, học sinh. Nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhiều tổ chức xã hội đã tích cực tài trợ cho các hoạt động trên. Có thể nói, trên lĩnh vực tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao (TDTT)... cho học sinh, sinh viên, Đoàn TNCSHCM và HSVVN đã vận động và nhận được sự tài trợ của xã hội nhiều nhất. Vấn đề quan trọng là cần có cơ chế tạo điều kiện để các nhà trường, ngành giáo dục - đào tạo và Đoàn TNCSHCM, HSVVN tổ chức được các hoạt động này như : ủng hộ sáng kiến và chủ trương tổ chức các hoạt động này ; tạo điều kiện miễn giảm ; hỗ trợ cho việc sử dụng các cơ sở văn hóa, TDTT của nhà nước, địa phương và các ngành quản lý ; tăng cường đầu tư xây dựng và trang bị cho các tụ điểm văn hóa, TDTT, vui chơi cho thanh thiếu niên, nhất là cho học sinh, sinh viên trong các nhà trường ; hỗ trợ một phần kinh phí tổ chức các hoạt động của quần chúng từ các ngành chủ quản (Bộ Văn hóa - Thông tin, Tổng cục TDTT...). Chỉ trên cơ sở có tổ chức được hoạt động thì mới thu hút được học sinh, sinh viên vào các hoạt động rèn luyện TDTT, thẩm mỹ lành mạnh, chống hiện tượng "nhàn cư vi bất thiện" và huy động được các nguồn lực của các tổ chức kinh tế, xã hội tài trợ cho các hoạt động này của học sinh, sinh viên nói riêng, và của thanh thiếu nhi nói chung.

4 - Tạo điều kiện phát huy tính tích cực xã hội của học sinh, sinh viên và thanh thiếu nhi :

Mục tiêu cuối cùng của việc giáo dục học sinh, sinh viên trong các nhà trường là tạo được "sản phẩm" có ích phục vụ xã hội, trong đó có lợi ích của bản thân họ. Chính vì vậy, ngay từ trong nhà trường, phải tổ chức được các hoạt động hướng sinh viên, học sinh vào các hoạt động tích cực, phục vụ xã hội, chống tư tưởng cá nhân, vị kỷ. Theo hướng này, Đoàn TNCSHCM, HSVVN đã có các hoạt động như sau :

- Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục, định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên nhất là cho học sinh lớp 12 trong việc lựa chọn ngành học, việc làm sau khi tốt nghiệp PTTH và cho sinh viên trong ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội khi lựa chọn chuyên ngành, việc làm thông qua các hội thảo hướng nghiệp, các trung tâm dịch vụ và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên ngay trong thời gian học và sau khi tốt nghiệp v.v...

- Tổ chức các hoạt động thu hút học sinh, sinh viên trực tiếp tham gia như : các hoạt động "Ánh sáng văn hóa" trong các dịp hè, các lớp học tình thương cho trẻ em thất học, các đội thanh niên tình nguyện xóa mù chữ, các đội thanh niên tuyên truyền về dân số, sức khỏe, nước sạch và vệ sinh môi trường ; các hoạt động nhân đạo, từ thiện như hiến máu nhân đạo, quyên góp ủng hộ thanh thiếu niên học sinh, sinh viên vùng bị bão lụt và thiên tai v.v...

Qua các hoạt động này, chúng tôi thấy rằng, ý thức trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội của sinh viên, học sinh luôn sẵn có. Vấn đề quan trọng là chúng ta có biết khơi dậy, tổ chức và nuôi dưỡng nó hay không ? Ví dụ : sinh viên, học sinh sẵn sàng tham gia xóa mù chữ (XMC) tự nguyện (kể cả sự tự nguyện đóng góp kinh phí, ăn uống và sinh hoạt trong khi tham gia đợt XMC) và vận động nguồn tài trợ cho hoạt động này. Nhưng những điều kiện bảo đảm cho việc này nhiều khi chưa đáp ứng kịp thời từ phía các cơ quan quản lý nhà nước (tài liệu, sách vở và kinh phí XMC tính theo mức quy định không được cấp hoặc cấp không kịp thời), nên hiệu quả tham gia của họ có lúc, có nơi còn hạn chế.

- Tổ chức thí điểm các đội hình thanh niên tình nguyện, nhất là trí thức trẻ phục vụ nông thôn, miền núi. Việc này đã được tiến hành thí điểm từ 1-6-1995 theo QĐ 334/TTg của Thủ tướng Chính phủ và đã khẳng định mô hình. Vấn đề tiếp theo là đưa chủ trương của Nhà nước và các địa phương, sớm xây dựng được một cơ chế chính sách hợp lý tạo điều kiện thu hút và phát huy hiệu quả của đội ngũ này khi họ về phục vụ có thời hạn, lâu dài tại các vùng, miền có nhu cầu.❑

Digitized by Google

Đầu tư và sử dụng có hiệu quả vốn phát triển nông nghiệp và nông thôn

LÊ TRỌNG *

VIỆT Nam là một nước nghèo, có 80% dân số sống bằng nghề nông ở nông thôn, mà trong số nghèo đói của Việt Nam thì 95% là nông dân. Vậy thì vấn đề đầu tư vốn và sử dụng vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp và nông thôn trong những năm qua đã diễn ra như thế nào ? Có gì đáng quan tâm nghiên cứu, giải quyết để nông nghiệp và nông thôn cùng cả nước cất cánh đi lên bằng con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đây là vấn đề rất rộng lớn, khó có thể trình bày được tất cả, do đó tôi xin có một số ý kiến tổng quát về thực trạng và kiến nghị đáng được quan tâm nhất.

I - Thực trạng về đầu tư vốn và sử dụng vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp và nông thôn.

1 - Số tuyệt đối về vốn đầu tư tăng lên, nhưng số tương đối lại giảm xuống.

Trong những năm qua, các nguồn vốn đầu tư, gồm : vốn ngân sách nhà nước cấp, vốn tín dụng, vốn tự có của các doanh nghiệp và vốn nông hộ, trong nhân dân, vốn đầu tư nước ngoài và vốn trợ giúp không hoàn lại, vốn viện trợ hoàn lại không lấy lãi hoặc lấy lãi ưu đãi bằng các dự án tài trợ trong nước và nước ngoài cho nông nghiệp - nông thôn - nông dân là rất to lớn và không ngừng tăng lên. Trong đó, nếu lấy nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của nhà nước phân theo ngành kinh tế, thì ngành nông - lâm nghiệp năm 1995 so với 1990 đã tăng 274,7 tỉ đồng, tức là tăng 74,8% - như số liệu ở bảng 1 dưới đây :

Bảng 1 : *Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của nhà nước phân theo ngành kinh tế* (giá so sánh năm 1989 - tỉ đồng).

	1990	1992	1994	1995	1995/1990 (%)
1 - Tổng số	2 145,8	3 333,2	5 729,8	5 559,8	259,2
2 - Nông nghiệp	324,7	370,0	437,2	536,7	165,3
3 - Lâm nghiệp	42,3	52,1	99,6	105,0	248,2
4 - Nông, lâm nghiệp	367,0	422,1	536,8	641,7	174,8
So 4/1 (%)	17,1	12,7	9,4	11,5	-

Nguồn : Niên giám thống kê năm 1996, Nxb Thống kê, 1997, tr 160

Đồng thời với tăng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của nhà nước như bảng 1, các nguồn vốn khác đầu tư trang bị tài sản cố định cũng tăng lên nên trong giá trị tài sản cố định mới tăng phân theo các ngành kinh tế, thì ngành nông - lâm nghiệp năm 1995 đã tăng hơn năm 1990 là 214,3 tỉ đồng, tức là tăng 107,6% như số liệu bảng 2 dưới đây :

Bảng 2 : *Giá trị tài sản cố định mới tăng phân theo ngành kinh tế* (giá so sánh năm 1989 - tỉ đồng).

	1990	1992	1994	1995	1995/1990 (%)
1 - Tổng số	1 433,5	1 627,0	4 402,7	4 785,7	333,8
2 - Nông nghiệp	171,5	205,3	267,5	346,7	202,2
3 - Lâm nghiệp	27,6	40,6	46,0	66,7	241,6
4 - Nông, lâm nghiệp	199,1	245,9	313,5	413,4	207,6
So 4/1 (%)	13,9	15,1	7,1	8,6	-

Nguồn : Niên giám thống kê năm 1996, Nxb Thống kê, 1997, tr 171

Nhờ vốn đầu tư tăng, nên trong giá trị tổng sản phẩm trong nước phân theo ngành kinh tế, giá trị tổng sản phẩm của ngành nông - lâm nghiệp cũng không ngừng tăng lên. Do đó bước đầu đã nâng cao

* PGS, PTS, Viện trưởng Viện phát triển quốc tế học

Digitized by Google

thu nhập, cải thiện đời sống nông dân và nhìn chung góp phần đáng kể trong xây dựng cơ sở hạ tầng về điện, đường, trường, trạm, nước v.v. hợp thành bộ mặt nông thôn dần dần được đổi mới. Đó là những kết quả to lớn về đầu tư vốn trong 10 năm đổi mới kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. *Nhưng vấn đề đặt ra ở đây là đầu tư vốn cho phát triển nông nghiệp và nông thôn như vậy đã hợp lý chưa ?*

Nếu chúng ta đem vốn đầu tư xây dựng cơ bản của nhà nước cho nông - lâm nghiệp so với tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản của cả nước từ năm 1990 đến 1995 (bảng 1) thì thấy : mặc dù số tuyệt đối tăng lên, nhưng số tương đối đã liên tục giảm xuống từ 17,1% (năm 1990) còn 11,5% (năm 1995), thậm chí những năm 1993 - 1994 chỉ còn trên dưới 9%. Và nghiên cứu giá trị tài sản cố định mới tăng, phân theo ngành kinh tế (bảng 2) cũng giảm tương tự từ 13,9% (năm 1990) còn 8,6% (năm 1995) và 7,1% (năm 1994).

Hơn nữa, cũng căn cứ vào số liệu bảng 1, nếu chúng ta so sánh vốn đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm của nhà nước trên tổng dân số giữa nông thôn và thành thị thấy có sự chênh lệch rất lớn. Đó là dân số ở nông thôn là 80% mà chỉ nhận được trên dưới 10%, còn ở thành thị chỉ với 20% dân số lại nhận đến trên dưới 90% vốn đầu tư xây dựng cơ bản của nhà nước. Như vậy là chiếm nhiều hơn gấp 36 lần (90/20 : 10/80). Dĩ nhiên là yêu cầu về xây dựng cơ bản của nhà nước ở thành thị bao giờ cũng cao hơn ở nông thôn, nhưng *sự chênh lệch quá đáng như vậy mà lại còn có xu hướng giảm xuống là điều không đáng có.* Cần phải thấy ngay từ bây giờ để có những giải pháp chiến lược khắc phục trong những năm tới.

Còn theo số liệu "Thực hiện vốn đầu tư của các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã đưa vào hoạt động các năm 1988 - 1996 phân theo ngành kinh tế" *(Niên giám thống kê 1996)* cho thấy : số dự án của các ngành nông, lâm, thủy sản chỉ chiếm 9,2% trong tổng số dự án và tổng vốn đăng ký là 3,8%, song thực tế vốn đầu tư thực hiện chỉ có 2,2% so với tổng số, mặc dầu doanh thu chiếm tới 5,4% so với tổng số và sử dụng 77,7% nguồn lao động rẻ mạt ở nông thôn so với tổng số người lao động trong tổng số dự án cả nước như *bảng 3* sau đây :

Bảng 3 : *Thực hiện vốn đầu tư của các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đang hoạt động các năm 1988 - 1996 theo ngành kinh tế*

Đơn vị : Triệu USD, người

	Số dự án	Tổng vốn đăng ký	Vốn đầu tư thực hiện	Vốn pháp định đăng ký	Vốn pháp định thực hiện	Chia ra		Số người lao động	Doanh thu
						Việt Nam	Nước ngoài		
1 - Tổng số	1 544	26 400,1	8 888,1	11 655,9	6 601,7	1 302,5	5 299,2	14 683	4 834,6
2 - Nông, lâm nghiệp	109	899,9	166,9	381,8	168,1	40,0	128,1	9 208	156,5
3 - Thủy sản	33	118,2	33,9	61,1	25,2	5,9	19,3	2 203	103,9
4 - Nông, lâm, thủy sản	142	1 018,1	200,8	442,9	193,3	45,9	147,4	11 411	260,4
So 4/1 (%)	9,2	3,8	2,2	3,8	2,9	3,5	2,8	77,7	5,4

Nguồn : Niên giám thống kê năm 1996, Nxb Thống kê, 1997

Một thực tế là : Vì nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của nhà nước giảm về số tương đối và số dự án, quy mô vốn đầu tư của nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn còn quá ít ỏi và nhỏ bé như trên, mà dân số và phần lãnh thổ nông thôn thì rộng lớn, địa hình lại quá phức tạp, trình độ dân trí còn thấp kém, lao động dư thừa nhiều, ruộng đất, việc làm ít..., do đó thu nhập còn quá thấp (nhiều xã ở vùng đồng bằng sông Hồng thu nhập bình quân của mỗi nhân khẩu ở loại nông hộ trung bình khá chỉ có trên dưới 40 000 đồng/người/tháng [1]). Trong khi đó, do yêu cầu vốn đầu tư xây dựng cơ bản như : điện, đường, trường, trạm... ở nông thôn rất lớn, nên nhiều địa phương bắt dân đóng ,góp những khoản tiền không hợp lý, có những khoản trái với luật định.

Như vậy, có thể nói trong thời gian qua đầu tư vốn cho phát triển nông nghiệp và nông thôn là chưa hợp lý.

2- Về sử dụng vốn đầu tư : Đây chính là vấn đề thời sự. Vì bên cạnh vốn đầu tư tăng lên về số tuyệt đối đó, có một vấn đề nhức nhối và nhiều "điểm nóng" đã diễn ra là hầu hết các loại chương trình, dự án... được các nguồn vốn trong và ngoài nước đầu tư, tài trợ, viện trợ và kể cả những khoản nhân

(1) Xem *Tạp chí Cộng sản*, số 16, tháng 8-1997, tr 51-53

Digitized by Google

dân đóng góp đầu tư cho phát triển nông nghiệp và nông thôn đều bị "rơi vãi dọc đường" quan tham và lãng phí rất lớn. Vì sao vậy ? Xin dẫn ra một số tư liệu như : việc đầu tư vốn xây dựng chín tuyến đường giao thông ở tỉnh Hải Dương với số vốn 26 tỉ đồng, sau khi làm xong đưa vào sử dụng chưa hết thời gian bảo hành đã hỏng ! Hoặc Chương trình 327, Dự án lâm - nông - công nghiệp Ba Bể (Bắc Cạn), năm 1997 được duyệt 800 triệu đồng, nhưng đã "bị lạc" hơn 450 triệu đồng (bằng 56,25%). Thậm chí cả vốn xóa đói giảm nghèo, ở huyện Kông Chơ Ro (Gia Lai), Viện kiểm sát nhân dân mới kiểm tra 6/11 xã đã phát hiện có một số cán bộ xã lợi dụng danh nghĩa Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo để rút tiền chia nhau v.v.. Nếu kể thêm những khoản mà *"những kẻ ném tiền qua cửa sổ"* tham ô do báo Nông nghiệp Việt Nam ra ngày 18 - 20-1-1996 công bố thì sự tham nhũng qua các nguồn vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trong những năm qua là khá nghiêm trọng.

Tóm lại, trong thời gian qua việc đầu tư vốn cho phát triển nông nghiệp và nông thôn là chưa đúng mức, là chưa hợp lý. Đặc biệt, các nguồn vốn được đầu tư đó lại bị thất thoát, bị cắt xén bằng nhiều hình thức, nhiều thủ đoạn tham nhũng. Do đó, kết quả đầu tư vốn cho phát triển nông nghiệp và nông thôn đã ít lại càng ít.

II- Mấy kiến nghị :

Một là, Nhà nước cần tăng cường vốn đầu tư và có chính sách khuyến khích đầu tư trong nước và ngoài nước theo quan điểm "khơi trong hút ngoài" vào phát triển nông nghiệp và nông thôn mạnh hơn nữa, nhiều hơn nữa với tốc độ phát triển vốn đầu tư cao và nhanh để giải quyết những bất hợp lý như đã trình bày ở trên.

Hai là, về mặt tổ chức và quản lý các nguồn vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân, Nhà nước cần nghiên cứu đổi mới về tổ chức và bảo đảm quản lý thống nhất, nghiêm minh các nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trong nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Vì hiện nay có đến hàng chục tổ chức chồng chéo và quản lý vốn rất lộn xộn, dễ phát sinh nhiều tiêu cực.

Ba là, Nhà nước cần có chính sách khoan sức dân, đồng thời cần đầu tư và định giá thu phí thống nhất về điện, đường, trường, trạm đối với nông dân ở nông thôn cũng như thị dân ở thành phố. Đặc biệt đừng để cảnh trái ngược là tài nguyên thủy điện Hòa Bình được chuyển tải thắp sáng và phục vụ sản xuất cho khắp các đô thị từ Bắc chí Nam, trong khi đó nông dân của một số xã ở quanh lòng hồ lại phải thắp đèn dầu !

Bốn là, Quốc hội cần có luật chống tham nhũng và có giải pháp tổ chức chống tham nhũng một cách kiên quyết và triệt để, tẩy trừ cho sạch được những hình thức tham nhũng thì số vốn đầu tư cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nói riêng và cho cả nước mới có thể thực hiện có hiệu quả. Vì vốn đầu tư cho sự nghiệp phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là rất lớn. Nhà nước đã và sẽ có nhiều chính sách, nhiều chương trình đầu tư đến hàng mấy chục nghìn tỉ. Nhưng theo sự tính toán sơ bộ của chúng tôi, số vốn đó nếu cứ để cho những "ê kíp", những đường dây mang tính "mafia" với nhiều thủ đoạn của không ít cán bộ thoái hóa biến chất (từ trung ương đến cơ sở) tham nhũng như hiện nay thì khó có thể chặn đứng được tình trạng thất thoát vốn như đã nói ở trên.

Năm là, thực hành tiết kiệm phải trở thành quốc sách và do đó phải có luật tiết kiệm. Vấn đề này đã được đề cập tới nhiều, song việc thực hiện còn nhiều hạn chế. Hiện nay tệ nạn lãng phí công quỹ gắn với xa hoa, tham nhũng trong không ít cán bộ các cơ quan nhà nước... đang ngày càng có chiều hướng gia tăng. Do đó, theo tôi cần phải có luật với các giải pháp tiến hành mạnh mẽ sớm ngăn chặn tệ nạn này, trước hết là trong đội ngũ cán bộ, các cơ quan đảng và nhà nước từ trung ương đến cơ sở.

*

Một đất nước có 80% số dân đang sống ở nông thôn, là lao động nông nghiệp, xuất phát điểm lại quá thấp, kinh tế hàng hóa chưa phát triển, mà đầu tư vốn và sử dụng vốn đầu tư trong những năm qua chẳng những chưa hợp lý mà còn bị bớt xén, lãng phí nhiều, do đó ưu tiên đầu tư vốn và sử dụng vốn đầu tư hợp lý có hiệu quả trong nông nghiệp, nông thôn, nông dân để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm tới là một tất yếu lịch sử.❑

Digitized by Google

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG Ở NINH BÌNH

NGUYỄN THANH TÚC*

THÁNG 4 năm 1992 tỉnh Ninh Bình tái lập. Tháng 6-1992 Ban Chấp hành Trung ương Đảng có Nghị quyết 03 "Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng", trong đó có nhiệm vụ phát triển Đảng. Tỉnh ủy Ninh Bình đã có Nghị quyết 04 để quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết nêu trên và trong 5 năm qua đã có những chuyển biến tích cực, đạt được những kết quả cụ thể và có thêm những kinh nghiệm tốt :

- Số người được kết nạp vào Đảng từ năm 1992 đến nay, năm sau tăng hơn năm trước. Năm 1992 kết nạp được 350 ; 1993 : 491 ; 1994 : 586 ; 1995 : 872 ; 1996 : 1 036. Tổng cộng trong 5 năm qua toàn tỉnh đã kết nạp được 3 335 quần chúng ưu tú vào Đảng, bình quân mỗi năm kết nạp 667 người, tăng 30% so với bình quân 5 năm từ 1986 đến 1991. Trong số đảng viên mới, có 54% là đoàn viên Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, 94,6% dưới 40 tuổi, 36,41% là nữ, 82,95% có trình độ văn hóa cấp III, 30% có trình độ trung cấp, 22,9% trình độ cao đẳng, đại học. Riêng huyện Nho Quan kết nạp được 540 và thị xã Ninh Bình kết nạp được 472 người.

- Số tổ chức cơ sở đảng có đảng viên hằng năm được kết nạp cũng ngày một tăng lên. Toàn tỉnh có 226 đảng bộ cơ sở và 408 chi bộ thì năm : 1992 có 29,52% ; 1993 : 41,87% ; 1994 : 44,73% ; 1995 : 47,7% và năm 1996 : 48,01% tổ chức cơ sở đảng có kết nạp người vào Đảng. Nhiều đảng bộ, chi bộ cơ sở liên tục nhiều năm làm tốt công tác phát triển Đảng như đảng bộ xã Gia Sơn, Kỳ Phú (Nho Quan), Bắc Sơn (thị xã Tam Điệp), thị trấn Me (Gia Viễn), Công ty đường sông số II (thị xã Ninh Bình). Đảng bộ Trung tâm y tế huyện Kim Sơn năm nào cũng làm tốt công tác phát triển Đảng. Riêng năm 1996 và 7 tháng đầu năm 1997 đã kết nạp được 11 người.

- Nhiều đảng bộ, chi bộ sau nhiều năm không kết nạp được đảng viên thì nay đã kết nạp được. Trong tổng số người được kết nạp Đảng trong năm qua thì lĩnh vực y tế, giáo dục chiếm 30,9%, nông nghiệp 30,33%, các cơ quan đảng, đoàn thể, nhà nước 12,86%, các doanh nghiệp 14,92% (trong đó công nhân chiếm 10,7%).

Nói chung số người được kết nạp vào Đảng đều bảo đảm tiêu chuẩn, phần lớn còn trẻ tuổi nên đã góp phần tăng sinh lực cho Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển của Đảng. Trong tổng số 3 335 người mới được kết nạp Đảng đã có 99,3% chuyển thành đảng viên chính thức theo đúng thời hạn quy định của Điều lệ Đảng (chỉ có 21 trường hợp phải xóa tên). Đại đa số đảng viên mới đã nêu cao tính tiền phong, gương mẫu, tích cực thực hiện tốt nhiệm vụ của đảng viên và quan hệ tốt với quần chúng, đóng góp tích cực trong việc xây dựng Đảng, đẩy mạnh các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế ở cơ sở, được quần chúng tin yêu. Một số đồng chí, qua phấn đấu, đã được cấp ủy, chi bộ và nhân dân tín nhiệm giao cho các trọng trách ở cơ sở, bầu vào cấp ủy.

- Công tác phát triển Đảng đã trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng đảng viên, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, tăng cường mối quan hệ, nâng cao lòng tin của nhân dân đối với Đảng, thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ ở các địa phương, cơ sở. Bản thân việc bổ sung một lực lượng đảng viên mới, trẻ, có trình độ học vấn và sức khỏe, nhiệt tình, hăng hái đã làm thay đổi cơ cấu, chất lượng đội ngũ đảng viên trong các chi bộ, góp phần nâng cao chất lượng, sàng lọc đội ngũ đảng viên và xây dựng đảng bộ, chi bộ vững mạnh, trong sạch. Đồng thời, thông qua quá trình phát hiện, chọn lọc, bồi dưỡng các đối tượng phát triển Đảng đã tăng cường được mối quan hệ của tổ chức đảng, của đảng viên với quần chúng, chẳng những đối với các đối tượng phát triển Đảng mà cả với bố

* Phó bí thư thường trực Tỉnh ủy Ninh Bình

Digitized by Google

mẹ, vợ con, gia đình họ, động viên, cổ vũ được quần chúng hiểu biết sâu hơn về Đảng, gắn bó hơn với Đảng, phấn đấu để đứng trong hàng ngũ của Đảng. Đối với các đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội cũng vậy, nhất là với Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, thông qua việc tham gia ý kiến, giới thiệu các đoàn viên ưu tú của mình cho Đảng đã có tác dụng tích cực đến việc nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể. Công tác phát triển Đảng cũng trực tiếp góp phần thúc đẩy việc thực hiện các mặt công tác, các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội ở từng địa phương, cơ sở.

Sở dĩ có những chuyển biến và kết quả trên đây là do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu và trước hết là do công cuộc đổi mới do Đảng ta lãnh đạo đã thu được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa quan trọng. Điều đó làm cho chính trị ổn định, kinh tế phát triển, đời sống của nhân dân được nâng lên, vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường và lòng tin của nhân dân đối với Đảng được củng cố, quần chúng càng gắn bó với Đảng, ngày càng có nhiều người tích cực phấn đấu để trở thành đảng viên của Đảng.

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết 04 của Tỉnh ủy, trước đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ mới, các cấp ủy đảng, các đảng bộ cơ sở, nhất là các chi bộ đã nâng cao nhận thức, xác định rõ phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng đảng là then chốt. Trong xây dựng đảng, đã vừa coi trọng xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, trong sạch, nâng cao chất lượng và sàng lọc đội ngũ đảng viên hiện có, vừa thường xuyên chú trọng công tác phát triển Đảng. Nhiều chi bộ đã có kế hoạch cụ thể, phân công cụ thể đảng viên theo dõi, giúp đỡ, bồi dưỡng các đối tượng, tạo nguồn để phát triển Đảng. Trong 5 năm qua, tỉnh đã mở 153 lớp bồi dưỡng cho 9 486 đối tượng kết nạp Đảng, chủ yếu là đoàn viên Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

Các đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, các ban đảng ở các cấp đã có sự phối, kết hợp chặt chẽ hơn trong công tác phát triển Đảng...

Song, bên cạnh những cố gắng, kết quả đã đạt được, công tác phát triển Đảng trong 5 năm qua ở Ninh Bình cũng còn có những khuyết điểm, tồn tại chủ yếu sau đây :

Về số lượng : việc phát triển Đảng nhìn chung vẫn còn chậm, có những đảng bộ, chi bộ trong nhiều năm chưa kết nạp được người nào. Tổng số người được kết nạp còn ít hơn số đảng viên bị khai trừ, đưa ra khỏi Đảng và từ trần. Trong 5 năm qua, toàn tỉnh kết nạp được 3 335 người vào Đảng, nhưng đồng thời cũng có 3 366 đảng viên bị khai trừ, đưa ra khỏi Đảng và từ trần. Do đó năm 1992 toàn tỉnh có 40 191 đảng viên, đến hết năm 1996 chỉ còn 40 056 đảng viên. Hằng năm, toàn tỉnh mới có dưới 50% số tổ chức cơ sở đảng có kết nạp Đảng. Cho đến nay toàn tỉnh còn tới 289 chi bộ dưới 5 năm, 153 chi bộ từ 5 đến 10 năm, 61 chi bộ từ 10 đến 15 năm, 12 chi bộ trên 20 năm chưa kết nạp thêm được một người nào vào Đảng. Ở các chi bộ này, điều rõ ràng là cả số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ đảng viên chậm được đổi mới, trong đó rất nhiều nơi không phải không có đối tượng để phát triển Đảng mà chính là chi bộ chưa quan tâm làm tốt công tác phát triển Đảng.

Về cơ cấu đảng viên mới kết nạp : Nghị quyết Trung ương 3 chỉ rõ : Phải "làm tốt công tác tạo nguồn để lựa chọn, bồi dưỡng, kết nạp những người ưu tú có đủ tiêu chuẩn trong Đoàn thanh niên, trong công nhân, nông dân, trí thức, chiến sĩ lực lượng vũ trang... chú ý những cơ sở trọng yếu, những nơi còn ít và chưa có đảng viên". Ở Ninh Bình, mấy năm qua đã chú ý phát triển Đảng theo hướng chỉ đạo nêu trên số đảng viên là đoàn viên Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh chiếm tỷ lệ khá (54%), song tỷ lệ đảng viên mới kết nạp là công nhân, là người trong các tôn giáo... còn ít. Một số địa bàn, công tác phát triển Đảng còn khó khăn và chưa được quan tâm đúng mức như các chi bộ đường phố, các doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân). Nhìn chung, tuổi đời bình quân của đảng viên vẫn còn cao (47 tuổi).

Về chất lượng : cũng còn có mặt, có nơi chưa thực hiện tốt. Tỷ lệ đảng viên mới kết nạp có trình độ cao đẳng, đại học mới chiếm 23,28%. Một bộ phận đảng viên mới ý chí phấn đấu, tính tiền phong, gương mẫu, năng lực công tác, kể cả công tác vận động quần chúng còn có những hạn chế. Một số ít sau khi được kết nạp do thiếu rèn luyện, có khuyết điểm, sai lầm đã phải xóa tên.

Digitized by Google

Sở dĩ như vậy chủ yếu là do : về khách quan, trong cơ chế thị trường, có một bộ phận quần chúng chịu ảnh hưởng của lối sống thực dụng, thiếu quan tâm phấn đấu về mặt chính trị, thậm chí cho rằng vào Đảng thì phải giữ gìn, khó làm ăn nên không tích cực phấn đấu để trở thành đảng viên của Đảng. Về chủ quan, trước hết là do các cấp ủy, trực tiếp là chi ủy, đảng ủy cơ sở chưa quan tâm thường xuyên, đúng mức, chưa có kế hoạch cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng. Nhiều nơi chưa gắn công tác phát triển Đảng với phát triển kinh tế - xã hội, chưa tiến hành đồng bộ, toàn diện công tác đảng viên, gắn nâng cao chất lượng, sàng lọc đảng viên với việc phát triển Đảng ; chưa làm cho quần chúng thấy rõ trách nhiệm và vinh dự của người đảng viên cộng sản. Còn có biểu hiện "ăn sẵn", chưa chủ động, tích cực tạo nguồn, chưa thật sự thông qua phong trào quần chúng, các tổ chức đoàn thể, nhất là Đoàn thanh niên để phát hiện, tạo nguồn, bồi dưỡng đối tượng phát triển Đảng. Mặt khác, nội bộ chi bộ một số nơi lại thiếu đoàn kết, thống nhất, sinh hoạt, hoạt động yếu kém, cục bộ địa phương ; có những cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, có sai lầm, khuyết điểm, làm ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của chi bộ và làm cho quần chúng tích cực thiếu tin tưởng, ngại vào Đảng.

Các thủ tục xem xét, kết nạp đảng viên cũng còn có những vấn đề cần rút kinh nghiệm. Sự chỉ đạo, đôn đốc, xét duyệt của huyện, thị ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở cũng còn có những thiếu sót, thiếu thường xuyên, kịp thời, cụ thể, có hiệu quả.

Trên cơ sở đánh giá kết quả, ưu, khuyết điểm, Hội nghị tổng kết 5 năm công tác phát triển Đảng do Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình tổ chức đã thảo luận, thống nhất và rút ra những kinh nghiệm thiết thực trong công tác phát triển đảng là :

1 - Để làm tốt công tác phát triển đảng trước hết phải nhận thức rõ vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng. Từng cấp ủy phải có kế hoạch cụ thể hằng năm, trong từng thời gian, xác định rõ đối tượng, phân công trách nhiệm cụ thể cho đảng viên làm công tác phát triển Đảng, thật sự gắn chặt việc nâng cao chất lượng, sàng lọc đảng viên với công tác phát triển Đảng. Coi phát triển Đảng là một yêu cầu, đòi hỏi hết sức quan trọng, thường xuyên, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng và của mỗi đảng viên nhằm tăng cường sinh lực cho Đảng, trẻ hóa đội ngũ đảng viên, bảo đảm sự kế thừa và phát triển của Đảng, bảo đảm tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng.

2 - Phải làm tốt công tác tạo nguồn. Căn cứ vào tình hình cụ thể của đơn vị mình, mỗi chi bộ cần nắm chắc, đánh giá đúng quần chúng, thông qua thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, thông qua phong trào quần chúng và hoạt động của các đoàn thể để phát hiện những quần chúng tích cực, ưu tú trong Đoàn thanh niên, trong công nhân, nông dân, trí thức, chiến sĩ lực lượng vũ trang và trong các địa bàn, cơ sở trọng yếu, những nơi ít hoặc chưa có đảng viên, để lựa chọn, bồi dưỡng những người có đủ tiêu chuẩn, kết nạp vào Đảng.

Cần thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng với nội dung, thời gian, địa điểm thích hợp. Sau lớp bồi dưỡng về phải phân công đảng viên theo dõi, giúp đỡ, giao nhiệm vụ cụ thể để thử thách, rèn luyện, thường xuyên, kịp thời góp ý kiến, biểu dương những cố gắng, việc làm tốt, uốn nắn những lệch lạc, dẫn dắt đối tượng phấn đấu đủ tiêu chuẩn, điều kiện, được đảng viên, quần chúng thừa nhận để kết nạp vào đảng. Sau khi kết nạp lại phải tiếp tục giúp đỡ để họ trở thành đảng viên chính thức đúng thời hạn.

Trong thực tế, nhiều trường hợp vai trò của gia đình rất quan trọng. Cần quan tâm vận động các gia đình có người đang phấn đấu vào Đảng, thấy rõ vinh dự, tự hào, từ đó có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để đối tượng phấn đấu trở thành đảng viên của Đảng.

3 - Phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng trong công tác phát triển Đảng. Trong công tác phát triển Đảng phải coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng, phải bảo đảm chặt chẽ về nguyên tắc, thủ tục. Từng chi bộ phải có kế hoạch cụ thể hàng năm, từng thời gian để làm tốt công tác phát triển Đảng, nhưng không được vì đề ra chỉ tiêu rồi thì chạy theo chỉ tiêu số lượng mà châm chước, không bảo đảm chất lượng. Thực tế cho thấy, nếu chạy theo số lượng, không bảo đảm chất lượng thì không những không tăng thêm sinh lực cho Đảng mà còn phương hại trực tiếp đến công tác phát triển Đảng vì sẽ làm cho

(Xem tiếp trang 45)

Digitized by Google

QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, ĐÔ THỊ HÓA VÀ VẤN ĐỀ LIÊN MINH CÔNG - NÔNG - TRÍ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN SĨ NỒNG *

NÔNG dân ngoại thành TP Hồ Chí Minh có truyền thống lịch sử vẻ vang, gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của mảnh đất và con người Nam Bộ nói chung, Bến Nghé, Gia Định, Sài Gòn - Chợ Lớn nói riêng. Truyền thống ấy được phát huy gấp bội bởi các phong trào yêu nước và cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo gần 70 năm qua. Nông dân ngoại thành luôn vững lòng tin vào Đảng, kể cả trong thời kỳ cách mạng phát triển thuận lợi, cũng như lúc cách mạng gặp khó khăn ; gắn bó, liên minh chặt chẽ với giai cấp công nhân, tầng lớp trí thức trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ngày nay.

Truyền thống lịch sử và sự liên minh keo sơn đó chính là cơ sở xã hội sâu xa để nông dân ngoại thành vững bước đi lên trên con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đảng bộ thành phố lần thứ VI vừa qua.

1. Một số tình hình nông dân ngoại thành trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa :

Công nghiệp hóa gắn liền với đô thị hóa là một quá trình tất yếu ở vùng nông thôn ngoại thành của một thành phố lớn như TP. Hồ Chí Minh. Quá trình đó diễn ra không đều nhau, có vùng chậm, có những vùng nhanh hơn do những điều kiện khách quan, chủ quan khác nhau. Có những vùng có sức bật nhanh chóng nhờ quyết định của nhà nước xây dựng những khu công nghiệp lớn ; có những vùng phát triển tuần tự ; có những vùng phát triển rất chậm do kết cấu hạ tầng yếu kém, nhất là đường sá giao thông. Tuy vậy, đối với TP Hồ Chí Minh, nông thôn ngoại thành vùng nào cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp của quá trình công nghiệp hóa và đang diễn ra quá trình đô thị hóa ngày một nhanh chóng hơn.

Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa kéo theo những biến động lớn về nhiều mặt của đời sống xã hội. Bài viết này viết về sự chuyển hóa của giai cấp nông dân ngoại thành của thành phố trong mối quan hệ liên minh công - nông - trí.

- Về cơ cấu nghề nghiệp của nông dân ngoại thành : Nếu như trước năm 1990 có 62,62% dân số là nông dân sống chủ yếu bằng nghề nông thì đến năm 1996 con số đó chỉ còn 29,03%. Trước năm 1990 có gần 40% hộ nguồn sống chủ yếu bằng lương công nhân thì nay con số đó lên tới 57,60%. Ở những vùng đô thị hóa, các hộ thuần nông chỉ còn 13,33%. Trong nông dân ngoại thành, có 12 787 hộ nông dân làm thuê, chiếm 13,92% so với tổng số hộ nông dân.

Có sự biến động lớn về nghề nghiệp là do : quá trình đô thị hóa diễn ra làm cho diện tích đất canh tác giảm ; thực tế thu nhập nghề nông thấp hơn các nghề khác. Tác động của khoa học kỹ thuật vào sản xuất và cơ chế thị trường được mở rộng làm cho bản thân nghề nông cũng có biến đổi, tỷ lệ chăn nuôi, dịch vụ ngày càng tăng. (Đàn bò sữa của thành phố năm 1992 là 6 550 con, năm 1996 lên 14 283 con). Diện tích trồng lúa giảm xuống, mặc dù sản lượng không giảm nhờ năng suất tăng. Trong nông nghiệp một số nghề truyền thống được khôi phục, một số nghề mới xuất hiện nhằm đáp ứng thị trường. Đáng chú ý là thu nhập của nông dân hiện nay không chỉ từ một ngành, nghề mà thường là từ nhiều ngành nghề. Cũng do làm việc nhiều trong nhiều ngành nghề, đời sống nông dân từng bước được cải thiện, số khá giả tăng lên rõ rệt.

* Phó hiệu trưởng Trường đảng Nguyễn Văn Cừ, TP. Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Ngược lại, tỷ lệ số hộ làm nghề thuần nông thì số khá giả hầu như không tăng lên.

Trong quá trình đô thị hóa, lao động nông nghiệp, nhất là trong ngành trồng lúa chỉ còn số lớn tuổi và trung niên với trình độ văn hóa thấp, còn phần lớn thanh niên do thu nhập thấp, nghề nghiệp không ổn định, thiếu việc làm đã đi tìm việc làm ở thành phố, vào các nhà máy, xí nghiệp. Đội quân này bổ sung cho giai cấp công nhân ngày càng đông đảo.

- Về cơ cấu thành phần giai cấp, qua khảo sát thấy có sự phân hóa giàu nghèo khá rõ rệt. Người có vốn, có kinh nghiệm làm ăn, có trình độ kỹ thuật, trình độ quản lý, nhà mặt tiền thì giàu lên nhanh chóng. Những người không có điều kiện khách quan thuận lợi thì chấp nhận đi làm thuê, hoặc làm những nghề có thu nhập thấp. Tuy vậy, cho đến nay ở ngoại thành chưa thấy xuất hiện tầng lớp địa chủ chỉ sống bằng bóc lột, mà nông dân giàu có cũng trực tiếp lao động chân tay, tổ chức sản xuất, quản lý và nắm khâu kỹ thuật trong quá trình sản xuất. Trong cơ cấu thành phần xã hội ở ngoại thành đang diễn ra sự liên kết, gắn bó, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các tầng lớp xã hội, nhất là giữa nông dân và công nhân.

- Về đời sống của nông dân ngoại thành trong những năm 1990 - 1996, qua khảo sát cho thấy có 65,90% người được hỏi ý kiến trả lời là đời sống được cải thiện hoặc ổn định, chỉ có 21,18% số người cho là còn khó khăn. Các số liệu của Cục thống kê, báo chí và văn kiện Đại hội đảng bộ các huyện, xã đều xác nhận đời sống vật chất và văn hóa của nông dân ngoại thành được cải thiện.

Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa người nông dân được gì và họ gặp những khó khăn gì ? Có thể nói cái được của họ nhiều hơn, nhất là việc làm, thu nhập thực tế và đời sống của người dân thay đổi theo chiều hướng tích cực. Cơ sở hạ tầng, học hành của con cái, nghề nghiệp tương lai của chúng, đời sống tinh thần, cái ăn, cái mặc... đều được cải thiện. Tuy vậy, những khó khăn, mâu thuẫn cũng nảy sinh, phát triển.

- Trước hết, do công nghiệp hóa, đô thị hóa mà diện tích đất canh tác liên tục giảm xuống. Đất canh tác của ngoại thành năm 1996 chỉ còn 75% so với năm 1987. Diện tích đất canh tác giảm đi cũng đồng thời giảm việc làm trong khu vực nông nghiệp. Hai là việc sử dụng phương tiện cơ giới trong một số khâu canh tác, mặc dù mức độ cơ giới hóa của nông thôn ngoại thành TP Hồ Chí Minh còn thấp so với các địa phương trong cả nước cũng làm cho lao động nông nghiệp thiếu việc làm. Ba là, lao động dư thừa ở các tỉnh dồn về TP Hồ Chí Minh làm cho sức ép về việc làm tăng lên. Đáng quan tâm là trong số lao động các tỉnh về thành phố có khá đông người có trình độ văn hóa, tay nghề khá hơn, nhưng lại sẵn sàng làm mọi việc với mức lương thấp hơn, cộng với số đông thanh niên ngoại thành trình độ tay nghề, văn hóa rất hạn chế, càng gây khó khăn trong giải quyết việc làm. Tất cả các yếu tố đó dẫn đến tình hình là có tới 58,52% số hộ có lao động thiếu việc làm. Một số nông dân còn sức khỏe nhưng đã "về hưu", có nghĩa là không còn ruộng để làm, làm nghề khác thì "trở bộ chưa kịp". Đa số phải rút tiền gửi ở ngân hàng (do nhà nước đền bù đất đai) để tiêu xài, dẫn tới tình trạng một số năm hết vốn.

- Mặt khác, tuy công nghiệp hóa, đô thị hóa, song kết cấu hạ tầng cơ sở khu vực ngoại thành vẫn phát triển chậm và còn nhiều yếu kém. Một số người được hỏi ý kiến cho rằng, bức xúc hiện nay phải giải quyết là cơ sở hạ tầng. Điều này cản trở chính quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thêm việc làm cho lao động khu vực nông thôn ngoại thành.

- Khó khăn thứ ba của nông dân là vốn làm ăn phổ biến thiếu thốn làm cho họ gặp khó khăn trong quá trình chuyển đổi từ sản xuất tự cung tự cấp lên sản xuất hàng hóa. Nếu có vốn đa số nông dân biết tổ chức sản xuất, biết chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nghề nghiệp, sử dụng lao động, vốn phù hợp để vượt khỏi tình trạng kinh tế tự túc tự cấp sang sản xuất hàng hóa, thích ứng với cơ chế thị trường.

- Thứ tư là khó khăn lớn trong việc nâng cao dân trí, tăng cường chất lượng lao động cho con em nông dân và những lao động trong độ tuổi để đáp ứng yêu cầu cơ chế kinh tế thị trường và thực hiện công nghiệp hóa, đô thị hóa ở ngoại thành. Có tới 31,33% trong số người được khảo sát cho rằng phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo ở vùng ngoại thành gặp nhiều khó khăn do thiếu đội ngũ giáo viên trình độ tốt, thiếu trường, lớp và cơ sở vật

Digitized by Google

chất, thiết bị cần thiết trong giáo dục, nông dân nhiều vùng ngoại thành lại quá nghèo.

Ngoài ra vấn đề bảo vệ môi trường, bảo hộ giá nông sản, giá cả đền bù đất đai một cách thỏa đáng, cần có quy hoạch sớm phương hướng phát triển của từng vùng nông thôn cũng là những vấn đề nông dân đặt ra.

2. Những biểu hiện mới trong liên minh công - nông - trí thức giai đoạn hiện nay ở ngoại thành TP. Hồ Chí Minh :

Dưới chế độ cũ, người nông dân Việt Nam bị nhiều tầng áp bức và khát khao được giải phóng. Nhưng muốn được giải phóng họ phải thực hiện sự liên minh với giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bản thân giai cấp công nhân trong sự nghiệp cách mạng của mình đã tìm thấy người bạn đồng minh cốt tử là giai cấp nông dân. Mối liên minh đó là liên minh tự nhiên, xét đến cùng là sự thống nhất về lợi ích nhiều mặt, trong đó cơ bản và quan trọng nhất là lợi ích kinh tế và chính trị.

Ngày nay, nông dân ý thức sâu sắc rằng, chỉ có gắn bó với giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam thì mới thật sự được giải phóng và mới thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu. Thành tựu đạt được trong hơn chục năm đổi mới đã khẳng định tư tưởng đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta về liên minh công nông bằng thực tiễn, đồng thời khẳng định những cống hiến lớn lao về sức lực, trí tuệ của nhân dân ta mà nòng cốt là khối liên minh công - nông - trí. Nông dân ngoại thành của thành phố càng tăng thêm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, khối liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và trí thức ngày một nâng cao về chất lượng và phong phú về nội dung.

Sự chuyển hóa từ nông dân thành công nhân đang diễn ra một cách nhanh chóng và tỷ lệ thuận với tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa. Một chỉ số đáng chú ý trong bản điều tra phản ánh nguyện vọng của nông dân khi trả lời câu hỏi : "Quá trình đô thị hóa, cô, bác, anh, chị muốn chuyển sang nghề gì ?" thì 64% trả lời muốn trở thành công nhân ; 25,8% muốn làm nghề buôn bán ; 19,5% muốn tiếp tục làm nông nghiệp.

Mặc dù nông dân ngoại thành của thành phố còn tiếp tục tồn tại và phát triển lâu dài, các ngành nghề trồng trọt chăn nuôi còn là nguồn sống của họ, nhưng họ vẫn hướng tới công nghiệp và mong muốn trở thành công nhân. Thực tiễn phát triển đội ngũ công nhân ở vùng ngoại thành là biểu hiện cụ thể của xu hướng tất yếu của lịch sử về sự chuyển đổi cơ cấu thành phần giai cấp từ nông dân sang công nhân. Trong giai cấp nông dân, những người trẻ tuổi, có học vấn cao, có tay nghề, chuyên môn được đào tạo cẩn thận, có sức khỏe tốt được tăng cường cho giai cấp công nhân. Nông dân muốn đời sống khá giả phải làm nhiều nghề, nhưng đông nhất là vừa làm ruộng vừa đi làm công nhân. Sự di chuyển, mở rộng công nghiệp ra ngoại thành là đưa đội ngũ công nhân ra ngoại thành, cùng với việc hình thành một lớp công nhân mới từ nông dân, làm cho quan hệ của công nhân và nông dân đã gắn bó với nhau càng gắn bó hơn.

Quan hệ trao đổi sản phẩm công nghiệp - nông nghiệp trước đây được đặt ra như là một tiền đề căn bản nhất của liên minh công nông trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, mối quan hệ này có sự phát triển mới. Ví dụ, trước đây quan niệm chỉ có nhà nước đại diện cho chủ thể kinh tế công nghiệp. Ngày nay, với kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, chủ thể trao đổi sản phẩm công nghiệp không chỉ có nhà nước, mà còn là các chủ doanh nghiệp tư nhân, các nhà tư bản nước ngoài... Do đó, không chỉ lấy quan hệ trao đổi sản phẩm công nghiệp - nông nghiệp làm điều căn bản nhất. Nông dân ngày nay không đòi hỏi bán được mía, bán được sữa bò hoặc lúa gạo... cho nhà nước, cho quốc doanh, mà họ đòi hỏi nhà nước phải có chính sách điều tiết được thị trường, có kế hoạch định hướng, dự báo thị trường giúp họ. Liên minh công - nông hiện nay cũng có những nét trở lại thời trước đây. Ta thấy rất rõ thái độ người nông dân ủng hộ sự đình công, bãi công của công nhân ở các xí nghiệp tư nhân, liên doanh nếu việc đình công, bãi công đó phù hợp lợi ích của công nhân, của đất nước. Họ không quan niệm xí nghiệp, nhà máy đó là của nhà nước hay của công nhân, mà họ muốn bảo vệ quyền lợi của công nhân, của những người anh em, hay của chính con em mình. Điều đó tưởng chừng như là nét cũ, nhưng lại là nét mới của liên minh công nông do công cuộc đổi mới và phát triển đất nước mang lại.

Digitized by Google

Ngày nay, công nghiệp hóa kể cả trong công nghiệp, gắn liền với hiện đại hóa, trên cơ sở sử dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, sản xuất của người nông dân đã đòi hỏi sự tác động của khoa học kỹ thuật, cần sự giúp đỡ của tầng lớp trí thức. Đại bộ phận người nông dân được hỏi, đã trả lời là họ rất cần có cán bộ khoa học, kỹ thuật trong sản xuất. Đó là một điều mới. Họ thấy rằng, nếu thiếu giống mới, thiếu các biện pháp kỹ thuật... thì không thể có hiệu quả kinh tế cao, không thể tránh được những rủi ro thua thiệt, không thể cạnh tranh được trong cơ chế thị trường. Cái thiếu bức xúc đối với nông dân và nông thôn ngoại thành là đội ngũ trí thức có tâm huyết, có trình độ và năng lực chuyên môn, kỹ thuật cần thiết đưa ánh sáng khoa học kỹ thuật vào sản xuất giúp nông dân làm ăn có hiệu quả. Chính sách của nhà nước hiện nay cũng chưa đủ sức thu hút chất xám đến với nông thôn và nông nghiệp ngoại thành.

3. Một số giải pháp và kiến nghị :

Liên minh công nhân - nông dân - trí thức là tất yếu khách quan của quá trình cách mạng. Nhưng sự liên minh đó được củng cố, tăng cường đến mức độ nào còn phụ thuộc vào vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước thông qua những chủ trương, chính sách và giải pháp thực tiễn.

Trước hết, sản xuất nông nghiệp của nông dân nổi lên các yêu cầu là vốn, giá cả, biện pháp kỹ thuật, các chính sách bảo hộ, bảo hiểm sản xuất... Thực tiễn cho thấy những khu vực đô thị hóa, một cách tuần tự có sự chuyển đổi từng bước cơ cấu kinh tế, thì nông dân sử dụng vốn có hiệu quả. Số hộ không hoàn được vốn không trả được nợ chiếm tỷ lệ thấp. Vốn cần đáp ứng từ nhiều nguồn, nhưng nhà nước cần quan tâm đầu tư từ vốn của ngân hàng, và của các quỹ khác ; cần mạnh dạn đầu tư cho nông dân chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nhà nước cần tăng cường các biện pháp quản lý vĩ mô để điều tiết thị trường, bảo hộ giá cả cho các nông sản chủ yếu, có chính sách thuế phù hợp khuyến khích sản xuất nông nghiệp phát triển. Để chuyển đổi cơ cấu sản xuất của nông dân, các đoàn thể như Hội nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội chăn nuôi, Hội làm vườn, Hội những người nuôi bò sữa... và cả chính quyền nữa, phải tích cực tổ chức tập huấn kỹ thuật cho nông dân.

Thứ hai, các cấp, các ngành phải quan tâm giải quyết việc làm cho người lao động bắt đầu từ việc nâng cao dân trí cho nông dân. Chất lượng giáo dục phổ thông là điều phải quan tâm hàng đầu. Nếu học vấn thấp, người lao động không có cơ hội tìm việc làm trong nền kinh tế chuyển mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; nhiều lắm thì họ cũng chỉ được sử dụng làm những công việc bấp bênh, tạm thời. Do đó, cần phải điều hòa, phân bổ ngân sách hợp lý cho giáo dục, tăng thêm kinh phí cho giáo dục đào tạo khu vực nông thôn ngoại thành.

Gắn với việc nâng cao dân trí, cần phải mở mang các cơ sở dạy nghề, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động trong độ tuổi, nhất là lao động trẻ. Khuyến khích và có quy định bắt buộc các xí nghiệp có quy mô lớn mở các trung tâm dạy nghề ; bồi dưỡng thường xuyên nâng cao tay nghề cho người lao động. Các xí nghiệp công nghiệp mở ra ở nông thôn cần phải có hợp đồng bảo đảm thu hút lao động địa phương vào làm việc. Khi mở xí nghiệp tại địa phương các xí nghiệp cần phải có thêm biện pháp đào tạo tay nghề cho thanh niên địa phương để họ có điều kiện được thu hút vào làm việc trong xí nghiệp, coi đó như một điều kiện không thể thiếu.

Việc chăm lo xây dựng đội ngũ của nông dân ngoại thành hiện nay cũng chính là chăm lo cho giai cấp công nhân, cho tầng lớp trí thức, vì nguồn bổ sung chủ yếu cho giai cấp công nhân là thanh niên nông thôn. Nguồn bổ sung đội ngũ trí thức cũng là những thanh niên ưu tú, có trí tuệ của nông dân.

Nước ta chưa phải là một nước công nghiệp, giai cấp công nhân phát triển chậm, chưa ổn định ; số đông không phải là công nhân nhiều đời. Quá trình công nghiệp hóa là quá trình bổ sung đội ngũ công nhân từ nông dân. Trách nhiệm xây dựng giai cấp nông dân, tăng cường giai cấp nông dân không chỉ là của Đảng và Nhà nước, mà của cả công đoàn, các hội khoa học kỹ thuật và các đoàn thể trong hệ thống chính trị. Chỉ có sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức đó trên cơ sở thực hiện các chính sách và sự quản lý vĩ mô của Đảng và Nhà nước thì khối liên minh công - nông - trí mới được phát triển vững chắc.❑

Digitized by Google

CHỐNG MA TÚY - cuộc đấu tranh chung của toàn xã hội

TRƯƠNG HỮU QUỐC *

TRONG những năm gần đây, tình hình buôn bán và sử dụng ma túy trên thế giới và khu vực Đông - Nam Á, trong đó có Việt Nam diễn biến rất phức tạp. Ma túy đã trở thành một vấn đề có tính toàn cầu. Phòng và chống tệ nạn ma túy đang trở thành một nhiệm vụ quan trọng, được hầu khắp các chính phủ trên thế giới quan tâm. Ở Việt Nam, nếu như trước đây ma túy chủ yếu từ các nguồn trong nước thì ngày nay lượng ma túy, đặc biệt là hêrôin, từ nước ngoài thẩm lậu vào nội địa ngày càng nhiều. Việt Nam đã bị bọn tội phạm quốc tế lợi dụng làm địa bàn trung chuyển ma túy đi các nước. Chúng ta cũng đã phát hiện một số vụ sản xuất, điều chế ma túy ở trong nước. Tình hình này dẫn đến số lượng người nghiện ma túy tăng lên nhanh chóng. Đặc biệt nghiêm trọng là, ma túy đã bắt đầu lan vào trong các nhà trường và lứa tuổi thanh thiếu niên, gây nên một nguy cơ đối với đất nước. Chỉ thị 06 của Bộ Chính trị đã nhận định "đây là những dấu hiệu nguy hiểm làm mất an toàn xã hội, băng hoại đạo đức truyền thống, phá vỡ hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng xấu đến nòi giống và sự tồn vong của dân tộc". Năm 1996 các cơ quan công an, hải quan, bộ đội biên phòng ở nước ta đã phát hiện bắt giữ 3813 vụ, 6651 người phạm tội sản xuất, buôn bán, tàng trữ vận chuyển và tổ chức dùng trái phép các chất ma túy, thu giữ 54,75 kg hêrôin ; 839,85 kg thuốc phiện ; 1,4 kg côcain ; 5681 gói hêrôin ; 13 666 bi thuốc phiện ; 584,1 kg cần sa. 11 tháng của năm 1997 các cơ quan chức năng đã bắt giữ, xử lý 6187 vụ, 12 984 đối tượng phạm tội buôn bán, vận chuyển và tổ chức dùng trái phép các chất ma túy. So sánh hai năm 1996 và 1997, năm sau phát triển nhiều hơn năm trước về số vụ và đối tượng buôn bán và tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy. Để có cơ sở đánh giá thực trạng về vấn đề buôn bán, vận chuyển và tổ chức dùng trái phép các chất ma túy, thực hiện chỉ đạo của Bộ Nội vụ, trong 2 tháng từ 1-7-1997 đến 1-9-1997, Tổng cục Cảnh sát nhân dân đã mở đợt cao điểm tấn công tội phạm, lực lượng cảnh sát nhân dân các cấp đã bắt giữ, xử lý 1802 vụ, 3842 đối tượng phạm tội về ma túy, thu nhiều hêrôin, thuốc phiện, cần sa..., đồng thời nắm được nhiều đường dây buôn bán vận chuyển các chất ma túy và hàng ngàn ổ, nhóm tổ chức tiêm chích trái phép các chất ma túy ; thống kê được trên 100 000 người nghiện trong cả nước, trong đó có hàng trăm học sinh, sinh viên nghiện ma túy.

Đứng trước tình hình ma túy ở Việt Nam diễn biến phức tạp như vậy, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp đấu tranh kiên quyết. Ngày 29-1-1993 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 06 về phòng chống và kiểm soát ma túy, đồng thời thành lập Chương trình quốc gia phòng chống ma túy. Ngày 30-11-1996 Bộ Chính trị cũng đã ban hành Chỉ thị 06 "Về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng chống và kiểm soát ma túy". Bản chỉ thị quan trọng này đã giao nhiệm vụ : "Các cấp ủy đảng phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác phòng chống và kiểm soát ma túy, phải coi đây là nhiệm vụ thường xuyên nhằm từng bước ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng sử dụng ma túy trong nhân dân. Cần có những biện pháp đặc biệt để chặn đứng ngay việc thanh, thiếu niên nghiện hút, hít và tiêm chích ma túy, xóa bỏ hoàn toàn việc trồng cây thuốc phiện và cây cần sa ; kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, buôn bán, vận chuyển và tổ chức sử dụng ma túy...". Ngày 15-5-1997, Quốc hội khóa IX kỳ họp thứ 11 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự, trong đó có quy định 13 tội danh mới và 1 điều về hình phạt bổ sung liên quan đến ma túy. Thực hiện các chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Nội vụ và các bộ, ngành chức năng đã có nhiều cố gắng trong công tác

* Đại tá, Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát nhân dân - Bộ Nội vụ

Digitized by Google

này. Ngày 15-10-1996, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội, Bộ Y tế, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam đã thống nhất ra kế hoạch liên ngành số 1413/LN "Phối hợp liên ngành về phòng ngừa và đấu tranh chống nghiện ma túy trong học sinh, sinh viên và thanh, thiếu niên". Gần đây Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 686 về thành lập Ủy ban quốc gia phòng chống ma túy, trong đó giao cho Bộ Nội vụ làm thường trực Ủy ban. Công tác phòng chống ma túy đã được tiến hành đồng thời bằng nhiều biện pháp như tuyên truyền giáo dục để nâng cao nhận thức về tác hại của ma túy ; vận động nhân dân các vùng cao không trồng và kiên quyết phá bỏ cây thuốc phiện, cây cần sa ; kiểm soát nghiêm ngặt các hoạt động tội phạm buôn bán, tàng trữ ma túy, tổ chức tiêm chích, hút, hít, uống các chất ma túy ; tăng cường tổ chức cai nghiện ma túy, ... Để ngăn chặn nguồn ma túy xâm nhập vào các trường học, lực lượng công an nhân dân đã mở nhiều đợt tấn công truy quét bọn tội phạm ma túy, đặc biệt là tăng cường các biện pháp chống nghiện ma túy trong học sinh, sinh viên. Chúng ta đã phát hiện, triệt phá được một số đường dây buôn lậu ma túy lớn trên các tuyến nội địa và quốc tế. Các ngành dân tộc và miền núi, giáo dục - đào tạo, y tế, lao động - thương binh - xã hội, thanh niên, phụ nữ, kiểm sát, tòa án, hải quan, văn hóa - thông tin, quân đội, ... đã phối hợp chặt chẽ với ngành công an đẩy mạnh công tác phòng chống ma túy nói chung và phòng chống ma túy trong nhà trường nói riêng. Đặc biệt chúng ta đã ngăn chặn được sự gia tăng tệ nghiện ma túy trong học sinh, sinh viên, trước hết ở các địa bàn quan trọng như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, ... Những cố gắng này đã được nhân dân cả nước ghi nhận.

Tuy nhiên, cần phải nhận thấy rằng hiện nay và trong tương lai gần, tình hình buôn bán và sử dụng ma túy ở nước ta sẽ còn diễn biến phức tạp. Tuy chúng ta đã tập trung lực lượng đấu tranh quyết liệt nhưng tội phạm ma túy vẫn có xu hướng gia tăng. Thực trạng này có nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân chủ yếu sau :

- Công tác tuyên truyền giáo dục phòng chống ma túy ở nước ta chưa sâu, chưa thật sự đến được với từng gia đình, từng cộng đồng thôn xóm, làng, xã, khu phố và đến với từng công dân.

- Các biện pháp kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến công tác phòng chống ma túy còn chậm được đổi mới. Đặc biệt các chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, chính sách việc làm, chính sách cai nghiện, chính sách quản lý tân dược và chất gây nghiện, chính sách với người có công phát hiện ma túy, ... còn chưa đáp ứng được yêu cầu phòng chống ma túy trong tình hình hiện nay.

- Hệ thống pháp luật bảo đảm cho công tác phòng chống tội phạm ma túy chưa đầy đủ, trong đó còn thiếu các văn bản pháp luật như thông tư liên ngành giữa Bộ Nội vụ - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao về thực hiện chương VIIA Bộ luật hình sự sửa đổi ; pháp luật về kiểm soát ma túy ; quy định pháp luật về tiêu hủy ma túy, về bảo vệ cộng tác viên của công an trong các vụ án ma túy ; pháp luật dẫn độ tội phạm và tương trợ tư pháp hình sự trong phòng chống các tội phạm về ma túy có liên quan tới người nước ngoài ; ...

- Các cơ quan công an, kiểm sát, tòa án, hải quan, bộ đội biên phòng còn chậm được đầu tư củng cố theo hướng xây dựng các lực lượng chống ma túy chuyên trách, tinh nhuệ và được trang bị hiện đại. Sự phối hợp giữa các cơ quan này trong phòng chống ma túy còn nhiều hạn chế nên việc ngăn chặn tội phạm buôn bán vận chuyển ma túy còn nhiều sơ hở.

Trong tình hình mới, qua tổng kết thực tiễn phòng chống ma túy ở nước ta những năm gần đây và tham khảo kinh nghiệm của các nước, theo ý kiến chúng tôi để đấu tranh phòng chống các tội phạm về ma túy có hiệu quả, chúng ta cần tiến hành đồng bộ và có hệ thống các biện pháp sau :

***Thứ nhất,* tăng cường tuyên truyền, giáo dục, truyền thông về ma túy.**

Để hạn chế, đi đến đẩy lùi những hành vi tội phạm nói chung và các hành vi tội phạm ma túy nói riêng, ngoài việc tiến hành các biện pháp khác, chúng ta cần phải tổ chức tuyên truyền, giáo dục để nhân dân hiểu rõ các tác hại của ma túy như Chỉ thị 06 của Bộ Chính trị yêu cầu : "Các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình và thông tin đại chúng phải đặt công tác tuyên truyền giáo dục phòng chống ma túy cũng như phòng chống các tệ nạn xã hội khác là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và lâu dài". Đề nghị Chính phủ chỉ đạo Đài phát thanh và Đài truyền hình Trung ương hằng ngày có phần phát

Digitized by Google

sóng tuyên truyền về phòng chống ma túy ; các báo trung ương và địa phương cũng cần dành một bộ phận trong trang tin tức để tuyên truyền về phòng chống ma túy. Đồng thời ngành giáo dục - đào tạo nghiên cứu đưa nhanh vấn đề giáo dục phòng chống tội phạm ma túy vào giảng dạy chính thức trong các nhà trường từ bậc học mẫu giáo đến đại học. Ủy ban quốc gia phòng chống ma túy cần có chỉ đạo thống nhất trong công tác tuyên truyền phòng chống ma túy, tránh tình trạng như hiện nay là các cấp, các ngành, các địa phương đưa ra nội dung tuyên truyền, hình thức tuyên truyền khác nhau nên cấp cơ sở rất khó vận dụng thực hiện. Đồng thời các địa phương cần nghiên cứu, tổ chức rút kinh nghiệm của TP Hồ Chí Minh cho thành lập các đội công tác xã hội trực thuộc đoàn thanh niên, hội phụ nữ, ngành lao động - thương binh - xã hội để tuyên truyền phòng chống ma túy tại các địa bàn dân cư, trường học, cơ quan xí nghiệp. Xây dựng nhiều tụ điểm tư vấn về ma túy - AIDS nằm trong các tổ chức xã hội ở địa phương như mặt trận Tổ quốc, hội cựu chiến binh, hội những người cao tuổi, đoàn thanh niên cộng sản, bệnh viện,... không đặt riêng rẽ dễ phản tác dụng. *Giáo dục phòng chống ma túy cần phải được coi là biện pháp hàng đầu* trong phòng chống ma túy hiện nay ở nước ta.

***Thứ hai,* đổi mới các biện pháp kinh tế - xã hội phục vụ đấu tranh phòng chống ma túy.**

Để thực hiện một cách cơ bản, mang tính chiến lược nhằm chủ động phòng ngừa và xóa bỏ nguyên nhân, nguồn gốc phát sinh các tội phạm về ma túy, cần phải có một hệ thống các biện pháp, mà trước hết là thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội ở miền núi gắn với cuộc vận động xóa bỏ trồng cây thuốc phiện và thay thế cây thuốc phiện ở miền Bắc, xóa bỏ cây cần sa ở miền Nam. Cần có chính sách ưu đãi hơn nữa với phát triển kinh tế - xã hội miền núi, đặc biệt đối với đồng bào các dân tộc ở vùng sâu, vùng cao. Bằng mọi nguồn vốn trong và ngoài nước, đầu tư nâng cao dân trí, phát triển giao thông, thông tin, văn hóa, xóa bỏ các tập tục lạc hậu, xóa đói giảm nghèo, giải quyết vấn đề nước sạch, ... để rút ngắn khoảng cách giữa đồng bằng và thành thị với vùng cao. Đặc biệt cần phát huy các thành quả và kinh nghiệm xóa cây thuốc phiện trong các năm qua để tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xóa bỏ cây thuốc phiện ở vùng cao.

Cần tổ chức đánh giá lại công tác cai nghiện ma túy để đưa ra các mô hình cai nghiện hiệu quả trong điều kiện hiện nay. Các ngành chức năng cần có quy định và hướng dẫn về các loại hình cai nghiện (cai nghiện tập trung tại cộng đồng, cai nghiện tại gia đình, cá nhân cai nghiện, ...), các loại thuốc sử dụng trong cai nghiện, quy trình cai nghiện, giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện như giải quyết việc làm, tái hòa nhập..., đặc biệt là vấn đề quản lý của Nhà nước, của chính quyền địa phương và các ngành chức năng trong hoạt động cai nghiện. Bên cạnh việc đầu tư chiều sâu cho hơn 50 trung tâm cai nghiện lớn của các tỉnh, thành phố, đề nghị Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội tiếp tục nghiên cứu, xây dựng nhiều cơ sở, dưỡng đường cai nghiện ma túy với quy mô vừa (khoảng 20 giường), hoặc hình thức nhà mở về cai nghiện ma túy khoảng 10 giường trở xuống trong cộng đồng dân cư sạch đẹp, khang trang, mến khách. Ngành y tế và các cơ quan chức năng cần tăng cường thanh tra, quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc xuất nhập khẩu chất ma túy và tiền chất ma túy trong y học và nghiên cứu khoa học. Xây dựng quy chế nhập khẩu, sử dụng các chất trên để tránh bị lạm dụng.

***Thứ ba,* hoàn thiện hệ thống pháp luật làm cơ sở cho cuộc đấu tranh phòng chống ma túy trong tình hình mới.**

Trong hệ thống các biện pháp đấu tranh với các tội phạm về ma túy, các biện pháp pháp luật có vị trí tác động trực tiếp để thúc đẩy nâng cao hiệu quả đấu tranh, góp phần tích cực trong răn đe, phòng ngừa tội phạm. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan sớm hoàn thành một số văn bản pháp luật phục vụ cho công tác phòng ngừa và đấu tranh chống các tội phạm về ma túy như : trình Quốc hội phê chuẩn các Công ước của Liên hợp quốc về phòng chống và kiểm soát ma túy ; thông qua Pháp lệnh phòng chống và kiểm soát ma túy ; ban hành danh mục các chất ma túy cần kiểm soát tại Việt Nam ; Nghị định về kiểm soát việc sử dụng các loại thuốc và sản phẩm có chất ma túy ; sửa đổi điều 24 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 20/CP về thủ tục, quy trình, lứa tuổi, quyền hạn đưa đối tượng nghiện vào các cơ sở chữa bệnh ; xây

Digitized by Google

dựng Luật dẫn độ tội phạm và Luật tương trợ tư pháp hình sự, từ đó xây dựng và ký kết các hiệp định dẫn độ tội phạm và tương trợ tư pháp hình sự quốc tế với các nước để phòng chống tội phạm nói chung, phòng chống tội phạm ma túy nói riêng. Đồng thời Bộ Nội vụ cần phối hợp với các ngành xây dựng các thông tư cần thiết như : thông tư liên ngành Bộ Nội vụ - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Chương VIIA Bộ luật hình sự ; thông tư tiêu hủy thuốc phiện và các chất ma túy khác ; thông tư hướng dẫn sử dụng kinh phí chống ma túy ; thông tư hướng dẫn thưởng cho người có công phát hiện, thu giữ các chất ma túy ; thông tư bảo vệ cộng tác viên của lực lượng công an trong đấu tranh phòng chống ma túy.

***Thứ tư,* củng cố các cơ quan chống ma túy chuyên trách trong ngành công an, kiểm sát, tòa án, hải quan, bộ đội biên phòng và đẩy mạnh các hoạt động nghiệp vụ của các cơ quan này.**

Trước hết đề nghị Chính phủ sớm triển khai Quyết định 686 về thành lập Ủy ban quốc gia phòng chống ma túy, đặc biệt chỉ đạo mô hình tổ chức và hoạt động ở các tỉnh, thành phố nhằm bảo đảm việc lãnh đạo điều hành công tác phòng chống ma túy tập trung thống nhất từ trung ương đến cơ sở xã, phường. Chúng ta cần tập trung hiện đại hóa các lực lượng chống tội phạm về ma túy theo hướng đào tạo các trinh sát viên, điều tra viên chuyên trách về án ma túy. Xây dựng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma túy của Bộ Nội vụ thành một mũi nhọn trong cuộc đấu tranh này, đồng thời gấp rút triển khai quyết định của Bộ Nội vụ về thành lập các phòng, đội cảnh sát chống ma túy ở các địa phương. Cải tiến hệ thống trực ban hình sự ở công an cơ sở hiện nay để nhân dân thuận tiện trong báo tin tố giác tội phạm, tránh gây phiền hà cho nhân dân. Tăng cường cảnh sát khu vực, cảnh sát phụ trách xã để phát hiện các ổ nghiện hút, tiêm chích, ổ chứa, buôn bán ma túy, nhằm làm trong sạch địa bàn. Hoạt động của tội phạm ma túy, nhất là buôn bán, vận chuyển ma túy đều theo tuyến, nên liên quan đến nhiều địa phương. Vì vậy, thông tin tội phạm và sự chỉ huy điều hành của Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma túy (Bộ Nội vụ) là yêu cầu đặc biệt cần thiết. Các địa phương phải tạo cho nhau lòng tin vì mục tiêu chung đấu tranh chống tội phạm ma túy. Chú ý phát động quần chúng tố giác tội phạm, chọn lựa các hình thức phù hợp để quần chúng thực hiện nhằm đề phòng sự trả thù của bọn tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức.

Trong công tác phòng chống tội phạm ma túy cần tăng cường các hoạt động tuần tra, kiểm soát công khai. Đây là một biện pháp quan trọng để trực tiếp bắt giữ đối tượng, tang vật và hỗ trợ đắc lực trong các chuyên án điều tra. Xuất phát từ đặc điểm, thủ đoạn tinh vi của bọn tội phạm ma túy trong quá trình vận chuyển, cất giấu cho nên công tác kiểm tra, kiểm soát không thể thực hiện bằng biện pháp hành chính đơn thuần mà phải có sự kết hợp công tác trinh sát bí mật, có trọng tâm, trọng điểm và phối hợp giữa các lực lượng công an, bộ đội biên phòng, hải quan. Theo thông báo của Interpol, khoảng 70% ma túy ở các nước bị bắt giữ ở biên giới quốc gia, trong khi đó ở Việt Nam ma túy bị bắt giữ chủ yếu ở trong nội địa. Từ kinh nghiệm thế giới và thực tiễn một số vụ án ma túy lớn đã điều tra trong thời gian qua cho thấy, chúng ta cần tổ chức lại việc quản lý và kiểm soát biên giới nhằm ngăn chặn ma túy vào Việt Nam.

Ủy ban quốc gia phòng chống ma túy cần phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ tư lệnh Bộ đội biên phòng, Tổng cục Hải quan ban hành quy chế phối hợp chống ma túy tại các cửa khẩu biên giới quốc gia, trang bị các phương tiện kiểm tra ma túy hiện đại, các va ly khám nghiệm nhanh các chất ma túy, chó nghiệp vụ phát hiện ma túy ; ... Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm ma túy sẽ thường xuyên có thông báo, trao đổi kinh nghiệm và tình hình tội phạm ma túy cho các lực lượng làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, nhất là về phương thức, thủ đoạn hoạt động mới của bọn tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy nhằm giúp các lực lượng này chủ động trong phát hiện, khám phá các vụ án ma túy. Đồng thời định kỳ tập huấn để không ngừng nâng cao nghiệp vụ, kỹ chiến thuật trong kiểm tra, kiểm soát cho các lực lượng này. Nâng cao chất lượng công tác trinh sát bí mật trong phòng chống các tội phạm về ma túy, chú trọng đẩy mạnh công tác điều tra tố tụng án ma túy, đặc biệt án ma túy có liên quan tới người nước ngoài.

Để nâng cao chất lượng điều tra án ma túy, cần có sự phối hợp tốt giữa các lực lượng điều tra trinh sát và điều tra tố tụng. Trong bộ máy cơ quan cảnh

Digitized by Google

sát điều tra cần đào tạo, xây dựng một số điều tra viên chuyên trách về án ma túy. Cơ quan điều tra cần phối hợp với viện kiểm sát, tòa án ngay từ khi khởi tố điều tra tới khi đưa vụ án ra xét xử trước pháp luật để bảo đảm thống nhất quan điểm xử lý, tránh gây phiền hà, khó khăn cho nhau và giải quyết kịp thời các mâu thuẫn nảy sinh.

Kinh nghiệm thời gian qua cho thấy, việc giải quyết các tụ điểm phức tạp và phát hiện, bắt giữ các ổ nhóm tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy, công an cấp cơ sở, phường, quận, huyện có đủ khả năng điều tra, khám phá, giải quyết. Do vậy, tới đây cần phân cấp và bảo đảm kinh phí cho cấp quận, huyện, phường, xã thực hiện nhiệm vụ này.

Hiện nay nước ta đã trở thành địa bàn trung chuyển ma túy của bọn tội phạm ma túy quốc tế. Vì vậy, hợp tác quốc tế phòng chống tội phạm ma túy là một yêu cầu khách quan, cấp bách. Để làm tốt công tác này cần phải tiến hành đồng thời trên các lĩnh vực : hợp tác về tương trợ tư pháp hình sự quốc tế qua các kênh : kênh Interpol, kênh ngoại giao, kênh trực tiếp giữa các cơ quan chống ma túy Việt Nam và cơ quan chống ma túy các nước ; hợp tác về dẫn độ tội phạm ; hợp tác về chuyển giao phạm nhân ; hợp tác về đào tạo cán bộ ; hợp tác về trang bị phương tiện kỹ thuật chống ma túy.

Một nhiệm vụ quan trọng là cần tăng cường đầu tư cho công tác giám định chất ma túy đáp ứng các yêu cầu đấu tranh phòng chống các tội phạm về ma túy theo hướng đầu tư xây dựng Viện khoa học hình sự Việt Nam thành một trung tâm giám định chất ma túy được trang bị hiện đại, có đội ngũ giám định viên giỏi về chuyên môn. Đồng thời xây dựng các trung tâm giám định khu vực và nâng cao chất lượng giám định ma túy ở công an các tỉnh, thành phố, trước hết ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Đề nghị ban hành các văn bản quy định về tiêu chuẩn, chế độ đối với giám định viên, về tổ chức quyền hạn, nhiệm vụ của hội đồng giám định ma túy các cấp.

Đấu tranh phòng chống các tội phạm ma túy là một cuộc đấu tranh tổng hợp, tiến hành đồng thời các biện pháp. Thực hiện tốt cuộc đấu tranh này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc đổi mới đất nước nói chung, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội nói riêng đạt kết quả vững chắc. ❑

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN...

(Tiếp theo trang 36)

nội bộ thiếu thống nhất, quần chúng thiếu tin tưởng, cho rằng người như vậy mà cũng được kết nạp vào Đảng, hạ thấp vai trò của người đảng viên và tinh thần phấn đấu của quần chúng tích cực.

4- Để làm tốt công tác phát triển Đảng, yếu tố hết sức quan trọng, có ý nghĩa quyết định là phải chú trọng xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, chất lượng sinh hoạt, hoạt động của chi bộ, chất lượng của đảng viên. Nội bộ chi bộ có đoàn kết, thống nhất, có nâng cao chất lượng, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ và chất lượng, tính tiền phong, gương mẫu của đảng viên thì mới có điều kiện để phát triển Đảng và mới có sức thu hút quần chúng tích cực phấn đấu để trở thành đảng viên.

Thực tế ngày càng cho thấy rõ công tác phát triển Đảng gắn rất chặt với toàn bộ công tác xây dựng Đảng, từ nâng cao chất lượng, sàng lọc đảng viên, công tác tư tưởng, công tác tổ chức, công tác cán bộ, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, công tác quần chúng của đảng đến việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở mỗi địa phương, cơ sở.

Qua tổng kết, rút kinh nghiệm, Tỉnh ủy Ninh Bình đã thống nhất tập trung chỉ đạo làm tốt hơn nữa công tác phát triển Đảng trong thời gian tới. Trên cơ sở làm tốt việc xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đảng viên, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, từng chi bộ, đảng bộ cơ sở có kế hoạch, biện pháp cụ thể để bảo đảm ở đâu có quần chúng là ở đó phải làm tốt công tác phát triển Đảng. Phấn đấu tăng thêm số lượng và hạ thấp tuổi bình quân của đảng viên. Chú trọng bảo đảm chất lượng đảng viên mới. Gắn chặt công tác phát triển Đảng với nâng cao chất lượng sàng lọc đảng viên, với quy hoạch cán bộ, với nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới : đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.❑

Digitized by Google

Chuyện không đề

NGUYỄN TRUNG THỰC

Mặc dù chức vụ mà tôi đang đảm nhiệm, theo cách gọi của giới trẻ hiện nay thì nó "chẳng là cái gì" trong xã hội, ấy thế nhưng anh bạn thân của tôi vẫn cứ khuyên bảo, thậm chí còn có ý răn đe nữa. Anh nói : *"Ông phải sống sao cho khi còn đương chức không bị quần chúng ghét, khi về hưu không bị quần chúng khinh"*. Nghe anh nói thế tôi giật thót người ; hay là mình có sai phạm gì nghiêm trọng không tiện nói thẳng ra nên anh mới "nhắc khéo" như vậy. Dường như thấy nét mặt tôi thể hiện rõ sự băn khoăn ấy nên anh bạn nói thêm : "ấy là mình cứ dặn trước, bởi vì những trường hợp như mình vừa nói trong xã hội ta hiện nay cũng chẳng hiếm đâu". Thế rồi, anh kể cho tôi nghe về trường hợp của ông Q, thủ trưởng một cơ quan vào loại lớn, và coi đó như một ví dụ điển hình. Câu chuyện có thể tóm tắt như thế này :

Khi đương chức, đối với anh chị em trong cơ quan, ông Q sống rất quan cách ; tác phong thì gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền. Cán bộ cấp dưới, kể cả mấy vị cấp phó của ông mà muốn tiếp kiến ông đều phải đăng ký trước, chớ có dại mà xông thẳng vào phòng làm việc. Anh nào liều mạng như thế chắc chắn sẽ bị "no đòn". Gặp ông, ai vô ý không chào hỏi là "có chuyện". Lên, xuống cầu thang ai thấy ông mà không dừng lại nhường đường nhất định sẽ bị xếp vào danh sách những kẻ "cứng đầu, cứng cổ", cần phải giáo dục. Trong cuộc sống thường ngày, ông không cần biết cán bộ cấp dưới có những khó khăn, thuận lợi gì, tâm tư, nguyện vọng của họ ra sao, mà nhất nhất chỉ là công việc. Còn về mặt quan điểm thì ông tỏ ra "hơi cứng", sự "lên gân" của ông hơi lộ liễu. Vì thế, không ít người cho rằng ông còn "bảo hoàng hơn vua" (tất nhiên họ không dám nói công khai mà chỉ thì thầm với nhau như vậy). Ông thường lên lớp cán bộ, thường răn đe, dạy bảo họ phải thế này, thế khác. Nếu ai đó tư tưởng có vẻ hơi ngúc ngoắc, nói điều gì có vẻ hơi tỏ ra dao động, hoài nghi, thiếu tin tưởng thì lập tức bị ông coi là phần tử "bạch vệ", suốt đời không thể ngóc đầu lên được. Đấy là đối với cơ quan thì như vậy, còn đối với tổ dân phố thì ở trong ông không có khái niệm "hàng xóm, láng giềng". Ông sống theo phương châm "đèn nhà ai nhà nấy rạng". Nhà ông lúc nào cũng "cửa đóng, then cài". Thậm chí mấy hộ láng giềng gần nhất, ông cũng chẳng biết tên. Ông không bao giờ đi họp tổ dân phố. Khi có những việc như đóng góp tiền ủng hộ bà con các vùng bị bão lụt. .. mà tổ dân phố đến thu thì ông xin "làm tròn nghĩa vụ". Thế là xong. Ông sống như vậy nên ông không có bạn bè, càng không có những người chí cốt, tâm giao. Cán bộ cấp dưới tuyệt đại đa số đều sợ ông và cũng tuyệt đại đa số đều ghét ông. Còn đối với tổ dân phố thì thật ra bà con không thèm quan tâm đến. Đối với họ, vắng ông thì chợ cũng chẳng vì thế mà kém phần đông vui.

Ở đời, cái chức, cái quyền cũng chỉ có một thời. Cho dù quyền cao, chức trọng đến mấy thì cũng có ngày phải nghỉ. Đó là quy luật khách quan. Ông Q không nằm ngoài quy luật ấy. Cách đây hai năm, ông lĩnh quyết định về hưu. Việc ông Q về hưu cũng là chuyện bình thường. Nhưng cái không bình thường khiến mọi người phải ngạc nhiên là ở chỗ từ khi ông về hưu thì quan điểm, tính cách, lối sống của ông gần như thay đổi hẳn. Ông rất hay cáu gắt, nói năng không chút giữ gìn, phê phán đủ thứ, phủ định mọi điều. Có những vấn đề trước đây ông bảo vệ một cách triệt để thì nay ông phê phán một cách gay gắt. Có những cá nhân trước đây ông ca ngợi, khẳng định thì nay ông phủ định. Có những việc trước đây ông khen thì bây giờ ông chê... Nhiều người cho rằng khi phải về hưu có lẽ ông Q bị sốc nên mới sinh ra bất mãn như vậy.

Kể đến đây, anh bạn tôi triết lý : "Có những người khi đương chức, khi nghỉ và cả đến khi chết vẫn được mọi người yêu mến, kính trọng, suy tôn. Song cũng có những người khi đương chức thì bị người ta ghét, khi về hưu thì bị người ta khinh. Mình nhắc ông là cốt để ông đề phòng đừng rơi vào trường hợp như ông Q".

Tôi xiết chặt tay bạn mình và thật lòng cảm ơn anh vì câu chuyện về ông Q mà anh kể là một bài học quý giá đối với tôi, mặc dù như trên đã nói tôi "chẳng là cái gì" trong xã hội. ❑

Digitized by Google

Góp phần nâng cao hiệu quả việc tổ chức học tập nghị quyết của Đảng ở cơ sở

VŨ NGỌC AM *

Lâu nay, việc tổ chức học tập quán triệt nghị quyết của Đảng đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân có những tiến bộ rõ rệt và học tập nghị quyết trở thành một nhu cầu sinh hoạt chính trị của toàn xã hội. Báo cáo của các địa phương và nhiều cơ quan trung ương cho thấy có từ 80 - 90% số đảng viên tham gia học tập nghị quyết của Đảng. Tuy nhiên, trong tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên cũng còn đang băn khoăn cho rằng nghị quyết nhiều quá, nghị quyết này chưa học xong đã có nghị quyết khác ; phương pháp nghiên cứu, học tập nghị quyết chưa đổi mới, còn nặng nề và hình thức, chất lượng học tập chưa cao, do đó đã ảnh hưởng tới việc thực hiện nghị quyết.

Những ý kiến trên phản ánh những tâm trạng, tư tưởng trong xã hội có cái đúng nhưng có nhiều cái chưa đúng. Vậy nên tổ chức như thế nào để việc học tập nghị quyết có kết quả.

Trước hết, phải thấy rằng, bình thường mỗi năm Trung ương có 2 nghị quyết, không phải là nhiều. Mặt khác, Điều lệ Đảng cũng đã quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm của đảng viên... Để hoàn thành nhiệm vụ của mình, đảng viên phải nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, do đó cán bộ, đảng viên phải học tập, nghiên cứu quán triệt nghị quyết của Đảng, coi đó là nhiệm vụ học tập bắt buộc. Lê-nin đã từng chỉ rõ : Người cộng sản phải biết làm giàu kiến thức của mình, bằng cách học tập. Do đó, việc ngại học hoặc không muốn học tập nghị quyết của Đảng cũng là biểu hiện của sự thoái hóa. Trong tình hình hiện nay, khi mà công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo ngày càng đi vào chiều sâu và bề rộng, nhiều vấn đề mới nảy sinh, đảng viên cần phải biết, phải học để giữ được vai trò gương mẫu và không bị tụt hậu. Học tập nghị quyết của Đảng, người học được trang bị kịp thời và trực tiếp những vấn đề về chính trị và thực tiễn trên cơ sở khoa học, từng bước củng cố, hình thành và phát triển tư duy mới, đặc biệt là nhận thức ngày càng rõ hơn về mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Từ đó, củng cố hơn nữa niềm tin, bản lĩnh chính trị, nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ vững ổn định chính trị, chống lại sự phá hoại nhiều mặt trong âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch đối với nước ta.

Về hình thức và phương pháp tổ chức học tập, nghiên cứu nghị quyết ; có ý kiến cho rằng cách làm như lâu nay là chưa đổi mới, nặng nề, tốn kém, ít hiệu quả. Ý kiến trên có phần đúng. Công bằng mà nói do nhận thức chưa đầy đủ nên nhiều nơi mới chỉ dừng lại ở khâu phổ biến nghị quyết là chính, còn các khâu khác như đọc, nghiên cứu văn bản nghị quyết, thảo luận, nhất là việc xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết nhiều nơi chưa làm được. Có nơi xây dựng chương trình hành động còn chung chung. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho nghị quyết chậm đi vào cuộc sống. Nghị quyết của Trung ương tuy đã có phần nêu lên chủ trương và giải pháp thực hiện, nhưng đó là những giải pháp chung có tính chất toàn quốc. Trên cơ sở chủ trương, giải pháp chung đó các tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ quán triệt, vận dụng một cách đúng đắn, phù hợp để đề ra những phương hướng và giải pháp cụ thể cho cơ sở mình. Có như vậy nghị quyết của Đảng mới đi vào cuộc sống.

Để khắc phục những yếu kém trên, theo tôi, không có gì khác hơn là làm đúng tinh thần chỉ thị của Trung ương : "Việc tổ chức, học tập, quán triệt nghị quyết phải thiết thực, cụ thể, không hình thức. Cấp ủy và tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước phải sớm thể chế hóa, cụ thể hóa nghị quyết". Qua theo dõi việc triển khai và thực hiện ở một số cơ sở, để góp phần nâng cao hiệu quả trong việc tổ chức học tập nghị quyết của Đảng, xin nêu một số kiến nghị :

- Các cấp ủy cần sớm xây dựng kế hoạch học tập, chỉ đạo triển khai thật kiên quyết và cụ thể.

- Việc tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng ở cơ sở nên áp dụng nhiều hình thức và phương pháp phù hợp với đặc điểm của cơ sở, không nên đơn thuần chỉ nghe phổ biến nghị quyết như một số nơi đang thực hiện. Mặc dù nghe truyền đạt rất quan trọng, nhưng phải có thời gian thảo luận và phải xây dựng chương trình hành động.

- Dù tổ chức dưới bất cứ hình thức nào (nghe truyền đạt, đọc, nghiên cứu nghị quyết...) mỗi đảng viên đều phải có bản thu hoạch trong đó nêu lên những nhận thức mới của nghị quyết, những kiến nghị, những đề xuất để thực hiện nghị quyết của Đảng.

- Sau cùng, các tổ chức đảng ở cơ sở phải tổng kết qua đợt triển khai quán triệt việc học tập nghị quyết của Đảng, rút ra những kinh nghiệm cho việc tổ chức học tập các nghị quyết sau. Phải coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của tổ chức đảng ở cơ sở. Có như vậy việc học tập nghị quyết của Đảng mới có hiệu quả. ❑

* Vụ giáo dục lý luận, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

Digitized by Google

SỰ KIỆN I-RẮC NÓI ĐIỀU GÌ ?

VŨ HIỀN

Những người quan tâm theo dõi tình hình vùng Vịnh đã có thể vơi đi một phần lo ngại. Với những nỗ lực ngoại giao mềm dẻo, thông minh và đầy trách nhiệm, Tổng thư ký Liên hợp quốc (LHQ) Cô-phi An-nan đã thành công trong việc dàn xếp đôi bên, tạm đẩy lùi được cuộc chiến tranh tưởng như có thể xảy ra ngay lập tức giữa Mỹ với I-rắc.

Cuộc khủng hoảng vùng Vịnh lâu nay đã tạm lắng dịu, nhưng dư luận vẫn tiếp tục đặt ra những câu hỏi lớn : Vì sao giữa Mỹ và I-rắc nhiều phen đối đầu như thế ? Vì sao trong khi xu thế của thế giới là đối thoại, hòa dịu thì cả Mỹ và I-rắc đều muốn làm to chuyện ? Từ sự kiện vừa qua có thể rút ra những điều gì cho thời gian tới ?

Vấn đề trực tiếp gây nên căng thẳng giữa Mỹ và I-rắc lần này xoay quanh việc thanh tra vũ khí của LHQ đối với I-rắc. Đây là cuộc khủng hoảng thứ hai về vấn đề này. Tháng 11 năm 1997, I-rắc đã ngăn cản không cho Ủy ban đặc biệt của LHQ về thanh tra vũ khí (UNSCOM) tiến hành các hoạt động theo ý của mình. Do có sự hòa giải của Nga cùng với một số nước khác, chiến sự đã không xảy ra. Nhưng tháng 12 năm 1997, I-rắc lại không cho UNSCOM thanh tra các địa điểm ở khu dinh thự của Tổng thống Xa-đam Hu-xê-in. I-rắc cho rằng, đòi hỏi của UNSCOM như thế là quá quắt, vi phạm trắng trợn độc lập chủ quyền, xúc phạm đến danh dự của I-rắc, nên không thể cho phép, Mỹ thì lại coi thái độ của I-rắc như vậy là bướng bỉnh, khiêu khích, không thể chấp nhận được và vì thế cần phải trừng trị.

Cứ cho là đôi bên đều có lý, nhưng đáng ngạc nhiên là dù I-rắc có điều gì không phải đối với UNSCOM chăng nữa thì giải quyết vấn đề đó sao không phải là LHQ mà lại là Mỹ ? Vả chăng, trên thế giới hiện nay thiếu gì nước có vũ khí giết người hàng loạt, sao LHQ và cả Mỹ nữa không tới đó mà thanh sát !

Rõ ràng là sự trục trặc trong công việc của UNSCOM chỉ là cái cớ để Mỹ vin vào, còn nguyên nhân sâu xa của cuộc khủng hoảng lại ở chỗ khác. Đó chính là mưu đồ đầy tham vọng của Mỹ trong việc muốn độc quyền quản lý toàn cầu trong đó có vùng Trung Đông. Kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mỹ đã đánh giá khu vực Trung Đông là "trụ cột" về an ninh năng lượng của thế giới tư bản chủ nghĩa. Đây không chỉ là nơi cung cấp những dòng "đô la dầu lửa" cho các ngân hàng phương Tây, là địa bàn chiến lược về quân sự, mà còn là mảnh đất mầu mỡ để Mỹ hằng năm thu được những khoản lợi nhuận khổng lồ từ các chương trình bán vũ khí lớn nhất thế giới. Chẳng thế mà cố Tổng thống Mỹ R.Ních-xơn đã từng tuyên bố : "Kẻ nào kiểm soát địa bàn Trung Đông, sẽ thống trị thế giới". Còn cựu Tổng thống J.Ca-tơ thì cho rằng : Bất cứ mưu toan của nước nào hòng kiểm soát khu vực Vịnh Péc-xích sẽ được coi là hành động tấn công lợi ích trọng yếu của nước Mỹ, và việc tấn công này sẽ bị giáng trả bằng bất cứ biện pháp nào nếu thấy cần thiết, kể cả việc sử dụng vũ lực. Thực hiện ý đồ đó, một mặt, Mỹ luôn duy trì và tăng cường lực lượng quân sự hùng hậu ở vùng này để sẵn sàng đơn phương sử dụng vũ lực ; mặt khác, Mỹ dùng chính sách "chia để trị", kích động những xung đột và chia rẽ giữa các nước ở Trung Đông.

Thế nhưng việc thiết lập sự cân bằng về dân số và kinh tế ở vùng Trung Đông như hiện nay làm cho Mỹ có phần lo ngại : *thứ nhất,* không có một nước nào trong khu vực muốn áp đặt một hình thế

Digitized by Google

chiến lược khác đi ; *thứ hai,* xu thế bình thường hóa quan hệ giữa Xy-ri và I-rắc, giữa I-rắc và I-ran và giữa các nước khác với nhau có chiều hướng gia tăng ; *thứ ba,* tính độc lập tự chủ của các nước trong vùng có xu hướng tăng lên ; các nước càng ngày càng muốn người Trung Đông làm chủ Trung Đông và không muốn sự giàu có về tài nguyên của họ lại bị mất đi nhanh chóng. Điều lo lắng ấy có phần tăng thêm bởi sự nổi bật của I-rắc với vị trí địa lý chiến lược và tiềm năng dầu lửa đứng thứ hai khu vực. Theo cách nhìn nhận của Mỹ, mặc dù đã bị tổn hại sau chiến dịch "bão táp sa mạc" do Mỹ tiến hành năm 1991 và tiếp đó là chính sách cấm vận của LHQ suốt 7 năm qua, I-rắc vẫn tiếp tục là mối đe dọa nguy hiểm nhất đối với sự cân bằng khu vực theo ý của Mỹ. Đã vậy, ở nước này, đảng Bát do ông H. Hu-xê-in lãnh đạo vẫn nuôi hy vọng tạo ra một trật tự khu vực mới, điều mà Mỹ không thể chấp nhận.

Đó chính là lý do khiến Mỹ và I-rắc thường xảy ra xung đột. Đã thế mỗi lần xung đột hai bên chỉ muốn gây căng thẳng thêm.

Theo ý kiến của nhiều nhà quan sát, việc chính quyền của Tổng thống Bin Clin-tơn cố tình leo thang quân sự và đe dọa vũ lực vì mấy lý do : "

Một là, Tổng thống Bin Clin-tơn có thể dùng sự kiện này để phân tán sự chú ý của dư luận đối với chuyện bê bối trong Nhà trắng.

Hai là, trong những năm qua, Bin Clin-tơn đã làm được một số công việc mà các tổng thống Mỹ trước đó không làm được. Đó là việc phục hồi kinh tế và khả năng giải quyết được vấn đề thâm hụt ngân sách. Tuy nhiên, ông chủ Nhà trắng này lại có phần thua kém người tiền nhiệm ở lĩnh vực quân sự. Thất bại thảm hại ở Xô-ma-li và phải rút quân về "không kèn, không trống" luôn là nỗi ám ảnh đối với Tổng thống Bin Clin-tơn. Vậy nên, với sự chuẩn bị lực lượng hết sức hùng hậu, cuộc chiến tranh với I-rắc nếu có nổ ra thì Mỹ sẽ giành phần thắng để người Mỹ có thể quên đi sự kiện Xô-ma-li.

Ba là, sự lớn mạnh về kinh tế và gắn với nó là ưu thế chính trị của Liên minh châu Âu, Nga, Nhật Bản và Trung Quốc đang làm cho vai trò và "trọng lượng riêng" của Mỹ bị giảm đi. Chính trong bối cảnh khu vực và quốc tế như vậy và vì muốn cố giữ thể diện của một siêu cường hạng nhất, Oa-sinh-tơn đã hình thành mưu đồ can thiệp trực tiếp.

Khá hiểu biết về các trò chơi quốc tế, Bát-đa cũng cố ý gây căng thẳng để có lợi cho mình.

Thứ nhất, tình hình càng gay gắt và càng kéo dài thì dư luận càng có điều kiện để hiểu thêm về hành động của Mỹ đối với I-rắc, những người có chính kiến càng cảm thông với nhân dân I-rắc đang gặp vô vàn khó khăn, khốn đốn.

Thứ hai, cả hai việc ông Xa-đam Hu-xê-in đã làm đều được lòng dân trong nước. Hành động thứ nhất : cấm không cho UNSCOM vào thanh sát các dinh tổng thống là vì quốc thể, vì bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia. Hành động thứ hai : cho UNSCOM vào tất cả mọi nơi cũng là để tránh cho đất nước khỏi cơn binh lửa, bởi chiến tranh nếu có xảy ra thì người chịu tổn thất nhất là dân lành vô tội.

Thứ ba, do có sự thỏa hiệp mà LHQ phải thừa nhận chủ quyền của I-rắc, phải thực hiện từng bước nới lỏng cấm vận và cuối cùng đi tới bỏ cấm vận chống I-rắc.

Vậy là cuộc khủng hoảng I-rắc đã tạm dịu đi. Súng tuy chưa nổ nhưng vẫn nạp đầy ắp đạn và vẫn ở tư thế sẵn sàng. Vùng Vịnh tạm yên "cơn gió to, sóng cả", nhưng những đợt sóng ngầm vẫn tiềm ẩn chưa biết bao giờ mới hết. Muốn biến nơi này thành một vùng đất, vùng trời, vùng biển bình yên, chỉ có thể sử dụng những giải pháp cơ bản và toàn diện. Đó là cần phải làm nguội đi những cái đầu nóng bỏng bởi sự phiêu lưu và ý đồ bá chủ, bởi sự bảo thủ cố chấp và mưu toan áp đặt cường quyền. Đó là việc bảo đảm tôn trọng chủ quyền đối với mọi quốc gia, dân tộc ; là việc tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị, cùng có lợi. Điều quan trọng hơn nữa là với tầm vóc và uy tín của mình, LHQ cần ngăn chặn mọi hành vi thao túng, lộng hành, có chính sách bình đẳng, không thiên vị ; cần nhanh chóng bãi bỏ những đòn trừng phạt bằng cấm vận kinh tế vì nó gây tổn hại đối với dân lành. ❑

Digitized by Google

TỪ CUỘC KHỦNG HOẢNG TIỀN TỆ Ở CHÂU Á

ĐỖ ĐỨC ĐỊNH *

Đánh giá chung về cuộc khủng hoảng

Bắt đầu từ một nước - Thái Lan - từ tháng 7-1997, cuộc khủng hoảng ngày càng lan rộng như một vụ dầu tràn trên biển gặp bão, lan nhanh và mạnh sang các nước láng giềng thuộc khu vực Đông - Nam Á - In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a... - rồi Đông Á - Hàn Quốc... và chỉ sau nửa năm, nó không chỉ còn là cuộc khủng hoảng của Thái Lan hay Đông - Nam Á mà nhiều người đã gọi nó là cuộc khủng hoảng châu Á.

Hơn thế nữa, cuộc khủng hoảng đã gây tác hại cả tới những nước ở những châu lục khác ngoài châu Á như châu Âu, châu Mỹ, châu Úc và nói chung là cả thế giới. Nhà kinh tế kỳ cựu của Ngân hàng thế giới (WB) P.Bô-te-li-ơ cho biết ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á sẽ làm tăng trưởng của kinh tế thế giới nói chung giảm 0,5% và xuống ở mức 2,6% trong năm 1998.

Nếu như đến cuối năm 1997, Thái Lan là nơi khởi đầu và là điểm nóng nhất của cuộc khủng hoảng, thì đến nay Thái Lan không còn là điểm nóng duy nhất. Đã có một số điểm nóng khác, thậm chí còn nóng hơn với sự mất giá đồng tiền tới một vài trăm phần trăm như In-đô-nê-xi-a, Hàn Quốc. Một số nền kinh tế châu Á vốn được coi là tăng trưởng mạnh, có dự trữ ngoại tệ lớn, như Đài Loan, ít bị tác hại của khủng hoảng, nhưng đồng tiền cũng mất giá tới gần 20%. Ước tính riêng châu Á bị thiệt hại khoảng trên 200 tỉ USD do khủng hoảng, gấp 4 lần số thiệt hại của Mê-hi-cô thời kỳ 1994 - 1995. Và không chỉ có thế, nền kinh tế nhiều nước bị rối loạn, nhiều ngành công nghiệp bị đình đốn, xuất khẩu giảm sút, cán cân thanh toán, cán cân ngoại thương và tài khoản vãng lai thâm hụt trầm trọng, dự trữ ngoại tệ cạn kiệt, tình trạng mất việc làm tràn lan.

Khủng hoảng không chỉ dừng lại trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ, mà đã lan sang nhiều ngành kinh tế khác và lan cả sang các lĩnh vực chính trị - xã hội. Từ khi nổ ra khủng hoảng, người ta tính rằng ở Thái Lan năm qua đã có ít nhất 119 000 công nhân sản xuất xe hơi, dệt, xây dựng... mất việc làm, nhiều nhà máy cắt giảm lương từ 25-30%. Số mất việc làm có thể lên tới 1,3 triệu người ở In-đô-nê-xi-a. Bộ Nhân lực nước này cho biết, từ tháng 7 đến cuối năm 1997, ít nhất đã có 125 nhà máy đóng cửa làm 52 000 người mất việc làm, 16 000 người trong ngành tài chính và 40 000 người trong ngành lâm nghiệp cũng bị thất nghiệp. Dự tính năm 1998, In-đô-nê-xi-a sẽ có thêm 1,4 triệu người mất việc, đưa số mất việc làm 2 năm 1997 - 1998 lên khoảng 3 triệu và tổng số thất nghiệp cả mới và cũ lên 5,8 triệu người. Ở Ma-lai-xi-a, khoảng 1 triệu trong số 2 triệu công nhân nước ngoài sẽ phải cạnh tranh gay gắt với công nhân bản xứ để giữ chỗ làm việc trong các ngành xây dựng, dịch vụ, công nghiệp nặng, khách sạn. In-đô-nê-xi-a đã phải đưa ra "chương trình đột xuất" để tạo việc làm nặng nhọc với thu nhập thấp cho công nhân thất nghiệp như nạo vét kênh, mương, tôn cao đê, thông cống rãnh, nâng cấp công trình nước sạch...

Chính phủ Ma-lai-xi-a thực hiện "biện pháp khẩn cấp" : hạn chế người Ma-lai-xi-a đi du lịch ra nước ngoài để tránh "chảy máu ngoại tệ". Ngày 12-1, Ma-lai-xi-a thông báo sẽ bố trí lại việc làm cho ít nhất 600 000 công nhân các trang trại và

* PTS, Viện Kinh tế thế giới, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

200 000 công nhân chế tạo là người nước ngoài vừa bị mất việc để không làm cho việc thiếu hụt lao động trầm trọng thêm. Thái Lan thông báo có thể sa thải công nhân nước ngoài và gửi họ về nước. Hàn Quốc cho biết cũng nghiên cứu việc sa thải 270 000 công nhân nước ngoài. Nhiều cuộc biểu tình đã diễn ra ở Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Hàn Quốc, bắt nguồn chủ yếu từ khủng hoảng và thất nghiệp. Khủng hoảng cũng là nguyên nhân dẫn tới những cuộc thay đổi bộ trưởng tài chính, kinh tế, cải tổ nội các, thay đổi chính phủ ở Thái Lan và Hàn Quốc.

Một số nguyên nhân cơ bản

Qua phân tích chúng tôi cho rằng, có *ba nhóm nguyên nhân chủ yếu* dẫn tới cuộc khủng hoảng ở châu Á : có những nguyên nhân tức thời, đột biến, tác động trực tiếp gây ra khủng hoảng ; có những nguyên nhân diễn ra từ từ do có sự tồn đọng lâu dài của những vấn đề nan giải, hay còn có thể gọi ủ bệnh lâu dài, không được giải quyết kịp thời, dẫn đến gây bệnh, tạo ra khủng hoảng ; và có những nguyên nhân là những sự bất cập, không đáp ứng kịp những nhu cầu, những đòi hỏi mới tại những thời điểm bước ngoặt, chuyển giai đoạn sang những thời kỳ phát triển cao hơn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa như khi chuyển sang nền kinh tế mới công nghiệp hóa hay nền kinh tế mới phát triển.

1 - Những nguyên nhân đột biến bao gồm tình trạng vỡ nợ, thâm hụt tài chính quá mức, đầu cơ tiền tệ mạnh và sự mất cân đối lớn giữa cung - cầu nội tệ và ngoại tệ. Mỗi nguyên nhân trong những tác nhân này đều rất mạnh, nhưng cái nguy hiểm hơn là cả ba đòn đều cộng hưởng đánh cùng một lúc làm cho hệ thống tài chính ở các nước Đông - Nam Á, bắt đầu từ Thái Lan, không còn đủ sức kiểm soát đồng tiền của mình nữa.

Trong bối cảnh khi nợ đã chồng chất quá cao, đến mức không trả được nữa - vỡ nợ - và thâm hụt tài khoản vãng lai cũng đã vượt mức giới hạn cho phép thì biện pháp mua tiền của nhà tỷ phú Mỹ Soros là một nhát dao chém đứt những sợi dây mỏng manh cuối cùng còn níu các đồng tiền địa phương với chế độ tỷ giá cố định đã kéo dài hơn một thập kỷ kể từ đầu những năm 80.

Và không chỉ có nhà tỷ phú Soros đầu cơ. Người ta tính ở Mỹ có khoảng 2300 quỹ tín dụng với tổng giá trị tài sản khoảng 100 tỉ USD tham gia đầu cơ tiền tệ, trong đó có G.Soros, Tiger, Orbics, Mumar Panthenr và Jaguat... Nhiều người trong số này đã tung tiền vào Đông - Nam Á để mua các đồng tiền ở Đông - Nam Á rồi bán ra kiếm lời. Trong tháng 6 và tháng 7-1997, lượng tiền đầu cơ ở Đông - Nam Á ước khoảng 10-15 tỉ USD.

Những diễn biến trên xảy ra là vì ở chính thời điểm đó số cung, cầu về các đồng tiền mạnh, nhất là đồng USD và các đồng tiền địa phương rơi vào tình trạng mất cân đối nghiêm trọng : cầu về ngoại tệ mạnh tăng lên rất cao để thanh toán các khoản nợ đến hạn rất lớn, nhưng số cung rất thấp do thiếu hụt lớn trong tài khoản vãng lai và do cạn nguồn dự trữ ngoại hối, trong khi đó cầu về các đồng tiền địa phương thấp, nhưng số cung thì cao, vì đã có nhiều năm liên tục tăng in tiền mặt cung cấp ra thị trường.

2 - Nguyên nhân bao trùm trong những nguyên nhân tồn đọng lâu ngày là nền kinh tế tăng trưởng nhanh đồng thời cũng ủ nhiều bệnh hiểm nghèo không lường trước được. Nhiều người gọi đây là những nền kinh tế "bong bóng", lớn nhanh, nhưng có một số điểm xung yếu, dễ nổ, dễ vỡ, và thực tế đã vỡ tại khâu yếu nhất là hệ thống tài chính - tiền tệ vì không có điều chỉnh, sửa đổi kịp thời. Những căn bệnh đó là tình trạng nợ đọng, duy trì chế độ tỷ giá gần như cố định quá lâu, để kéo dài và ngày càng tăng tình trạng thiếu hụt tài khoản vãng lai, đầu tư quá mức trong một số lĩnh vực như bất động sản, và một số ngành xuất khẩu đang mất dần sức cạnh tranh và mất dần thị trường như dệt, điện tử...

Việc duy trì tỷ giá cố định quá lâu đã làm cho chế độ ổn định đồng Bạt từ chỗ có lợi đến chỗ bất lợi cho nền kinh tế Thái Lan. Điều này được phản ánh rõ trong quá trình thực hiện chế độ tỷ giá của Thái Lan từ đầu những năm 80 đến nay.

Để kích thích xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu, Thái Lan đã điều chỉnh tỷ giá đồng Bạt 3 lần (5-1981, 7-1981 và 11-1984). Sau đó (2-11-84), giữ đồng Bạt trong một "rổ đồng tiền" với USD chiếm 80% giá trị đồng Bạt, thực chất là cố định tỷ giá đồng Bạt với đồng USD. Mục tiêu của việc duy trì tỷ giá này là ổn định tài chính để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tình hình này rất giống với thời kỳ Ấn Độ gắn đồng Rupi với đồng USD từ 1971 đến 1975 đã làm cho đồng Rupi mất giá 12,4%. Nhận ra thiệt hại này, từ năm 1980 Ấn Độ

Digitized by Google

đã chuyển sang áp dụng chế độ tỷ giá áp dụng "rổ đồng tiền" gắn đồng Rupi với các đồng tiền của những bạn hàng lớn của Ấn Độ, trong đó chọn đồng Bảng Anh là đồng tiền chính. Tỷ giá cố định có lợi cho kinh tế Thái Lan nhất là tăng trưởng và thúc đẩy xuất khẩu, giống như chế độ tỷ giá cố định Bretton Woods có lợi cho Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai. Nhưng cố định lâu quá trở thành bất lợi (mọi chính sách dù tốt đến mấy chỉ phát huy hiệu quả được một thời). Đến năm 1996 - 1997 cả tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu của Thái Lan đều chậm lại, hơn thế nữa, nền kinh tế bắt đầu trở nên mất ổn định.

Việc xây dựng một chính sách, như chính sách tỷ giá chẳng hạn, bao giờ cũng có cái lợi - cái hại trước mắt và lâu dài. Tỷ giá cố định của đồng Bạt Thái Lan với đồng USD có lợi cho Thái Lan khi đồng Bạt cũng mất giá thuận chiều với đồng USD cho đến năm 1995, nhưng bắt đầu không lợi cho Thái Lan từ khi hai đồng tiền mất giá và lên giá nghịch chiều từ năm 1995 đến nay.

Nếu so với đồng Yên Nhật thì đồng USD mất giá khoảng 50% từ năm 1990 đến 1995 (từ 125 Yên/1USD năm 1990 xuống 85 Yên/1USD năm 1995) và lên giá 50% từ năm 1995 đến nay (từ 85 Yên/1USD năm 1995 lên 125 Yên/1USD hiện nay). Trong khoảng thời gian đó đồng Bạt Thái Lan liên tục mất giá trong thực tế do cung ứng tiền mặt mỗi năm tăng 20%, lạm phát kìm giữ ở mức 4 - 5%/năm, lương tối thiểu tăng 8,5%/năm trong khi năng suất lao động chỉ tăng 3%/năm, nhưng vẫn lên giá danh nghĩa theo đồng USD, tạo ra một khoảng cách lớn giữa giá danh nghĩa và giá trị thực của đồng Bạt.

Giả định đồng Bạt Thái Lan mất giá bằng mức xuống 50% của đồng USD từ năm 1990 đến 1995 và xuống tiếp 50% từ năm 1995 đến 1997 khi USD lên giá 50%, thì tổng cộng đồng Bạt Thái Lan mất giá khoảng 100% so với USD vào đầu năm 1997 và đây là thời điểm tỷ giá cố định không trụ nổi do vênh giá thực tế quá lớn giữa hai đồng tiền và cũng là thời điểm các tác nhân đột biến hoành hành đánh mạnh và đánh đồng thời vào đồng Bạt, làm cho nó hết cơ níu vào đồng USD.

Thực tế trên đây cho thấy chính sách tỷ giá cố định đã có lợi cho Thái Lan trong thời gian ngắn hạn, nhưng khi tình hình đã thay đổi mà vẫn cố giữ lấy nó, tiếp tục như cũ và không điều chỉnh kịp thời thì chính sách đó trở nên có hại về dài hạn. Như vậy, mối quan hệ lợi - hại giữa trước mắt và lâu dài, giữa ngắn hạn và dài hạn là một thách thức không nhỏ đòi hỏi sự tỉnh táo của các nhà hoạch định chính sách.

Nợ đọng và thâm hụt lớn tài khoản vãng lai cũng là những yếu tố lớn dẫn tới khủng hoảng tài chính - tiền tệ. Thái Lan là một ví dụ điển hình về nợ đọng. Nợ tăng qua các năm như sau : 40,6% GDP năm 1993 ; 43,3% GDP năm 1994 ; 49,5% GDP năm 1995 ; 52,4% GDP năm 1996. Phần lớn nợ nước ngoài của Thái Lan là nợ ngắn hạn và nợ thương mại, nợ nóng phải trả nhanh. Cuối 1996 Thái Lan nợ 70,2 tỉ USD, trong đó 65% là nợ đến hạn phải trả trong vòng 1 năm.

Nợ trong nước "khó đòi" vượt quá mức cho phép : 33 tỉ USD. Tổng số cho vay không hiệu quả của 15 ngân hàng và 91 công ty tài chính chiếm 35% GDP, gần gấp đôi mức cao nhất của Mê-hi-cô năm 1995.

Thái Lan trước thời điểm thả nổi đã nợ tới 85 tỉ USD trong khi dự trữ ngoại tệ chỉ có 33,3 tỉ USD. Phi-líp-pin ở thời điểm đó nợ 41 tỉ USD. Đến đầu tháng 11-1997 nợ của Thái Lan tăng lên 89 tỉ trong khi dự trữ ngoại tệ giảm xuống còn 30 tỉ USD.

Năm 1996, In-đô-nê-xi-a nợ 109,3 tỉ USD, chiếm 48,4% GDP. Riêng Ma-lai-xi-a đầu tư chủ yếu dựa vào nguồn vốn trong nước nên chỉ nợ 36,4 tỉ USD, chiếm 38,5% GDP.

Đối với Hàn Quốc, gánh nặng nợ nước ngoài lên tới 200 tỉ USD, trong đó 85 tỉ USD là nợ ngắn hạn và 20% là các khoản nợ đến hạn trong vòng một tháng (có tài liệu nói tổng số nợ nước ngoài của Hàn Quốc là 122 tỉ, và 75 tỉ USD đến hạn trước cuối năm nay).

Cùng với nợ, thiếu hụt tài khoản vãng lai cũng là một vấn đề lớn của các nước này. Thiếu hụt tài khoản vãng lai của Thái Lan năm 1995 là 8,1% GDP, năm 1996 là 8,2%, của Ma-lai-xi-a bằng 10% GDP, cao hơn tỷ lệ thiếu hụt của Mê-hi-cô trước khủng hoảng năm 1994 (là 8% GDP).

Một trong những yếu tố lớn làm tăng nhanh sự thiếu hụt tài khoản vãng lai là sự giảm sút xuất khẩu. Bốn nước trong ASEAN là Thái Lan, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a liên tục tăng xuất khẩu nhanh trong thời gian dài. Năm 1995,

Digitized by Google

xuất khẩu của Thái Lan tăng 23,6%, Ma-lai-xi-a tăng 25,9%, Phi-líp-pin 28,9% và In-đô-nê-xi-a 13%. Nhưng năm 1996, xuất khẩu của các nước ASEAN sa sút mạnh. Xuất khẩu của Thái Lan có mức tăng trưởng âm 0,2%, Ma-lai-xi-a chỉ tăng 5,6%, In-đô-nê-xi-a 9,6%, riêng Phi-líp-pin còn tăng ở mức cao là 17,7%.

Mất cân đối do đầu tư và tiêu dùng quá mức là một yếu tố khác dẫn tới khủng hoảng tài chính - tiền tệ. Kinh tế tăng trưởng nhanh đã kéo theo sự bột phát trong nhiều ngành kinh tế ở các nước Đông - Nam Á như kinh doanh địa ốc và các ngành xuất khẩu. Tình hình đó đã thôi thúc nhiều nhà đầu tư tăng cường vay tiền để đầu tư vào các ngành rất béo bở một thời, dẫn đến tình trạng đầu tư quá mức và không kịp điều chỉnh khi mất thị trường hoặc giảm khả năng cạnh tranh, tạo ra tình trạng dư thừa công suất trong các ngành này. Đây là ngành không tạo ra năng lực sản xuất mới, không đóng góp bao nhiêu cho việc nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của nền kinh tế, nhưng có lúc phát triển rất bột phát. Ở Phi-líp-pin trước đây đã có thời ngành này phát triển rất mạnh, rồi tàn lụi, kéo theo nhiều vấn đề kinh tế, tài chính nan giải. Ở Mê-hi-cô trước khủng hoảng 1994, kinh doanh địa ốc cũng đã lên nhanh rồi xuống nhanh, gây ra đọng vốn và vỡ nợ. Tình trạng diễn ra ở Thái Lan vừa qua là một sự lặp lại của chính bài học thăng trầm đó.

Một số ngành xuất khẩu nhiều lao động mà trước đây Thái Lan có nhiều lợi thế nhờ giá sức lao động rẻ như ngành dệt may, lắp ráp điện tử... nay đang mất dần thị trường do sự cạnh tranh của hàng hóa Trung Quốc và một số nước đang phát triển khác. Nhưng đầu tư thì vẫn tăng. Như vậy, công suất sản xuất tăng trong khi thị trường có xu hướng giảm. Sự tăng lên về khả năng cung ứng hàng hóa đi đôi với sự tăng lên về cung ứng tiền tệ, trong khi cầu đối với cả hai loại sản phẩm này giảm đã gây ra tình trạng mất cân đối cung cầu, một yếu tố nhạy cảm của tài chính và thị trường.

Về tiêu dùng, do đồng Bạt không phản ánh đúng giá trị của nó và do thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng thấp trong nhiều năm cho nên một số sản phẩm nhập khẩu trở nên rẻ. Cùng lúc đó thu nhập của người tiêu dùng tăng nhờ tăng trưởng kinh tế cao, nên mức tiêu dùng cũng tăng nhanh, nhất là đối với những sản phẩm như xăng dầu và hàng hóa đầu vào cho nông nghiệp. Giờ đây, với cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ, khả năng "trợ cấp" gián tiếp thuế thấp và tỷ giá sai lệch không còn nữa, gây áp lực buộc chính phủ phải nâng thuế nhập khẩu các mặt hàng đó và thuế tăng lần này diễn ra đúng lúc thu nhập của người tiêu dùng đang giảm xuống, cắt thêm vào túi tiền của họ, càng làm cho họ thêm bất bình và biểu tình phản đối. Đó là câu trả lời của họ tại Thái Lan, cũng như tại In-đô-nê-xi-a, Hàn Quốc.

3 - Loại nguyên nhân thứ ba dẫn tới khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở châu Á là những bất cập trong các bước ngoặt chuyển đổi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa như chuyển thành nền kinh tế công nghiệp mới ở Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô (1994-1995), Hàn Quốc (những năm 70) hay chuyển thành nền kinh tế phát triển ở Hàn Quốc từ giữa những năm 90. Ở những bước chuyển giai đoạn này, các nền kinh tế, để có thể phát triển liên tục, thường đòi hỏi có những chuyển đổi lớn về thể chế và cơ cấu, mà trong thực tế hầu hết chưa thực hiện hoặc chậm thực hiện. Chính cựu tổng thống Hàn Quốc Kim Dâng Sam trước khi thôi giữ chức đã thừa nhận rằng, khủng hoảng kinh tế - tài chính diễn ra ở Hàn Quốc là do thiếu quyết tâm cải cách và chậm tiến hành cải cách, do đó không đáp ứng được những nhu cầu thay đổi ở trong nước và thế giới. Những bất cập về thể chế và cơ cấu, những chậm chạp trong cải cách đã không giúp cho các nền kinh tế này chuyển kịp trong điều chỉnh đầu tư, tái phân bố nguồn lực và điều hành nền kinh tế theo cơ chế mới ở giai đoạn phát triển cao hơn. Những yếu kém đó đã làm cho nền kinh tế rơi vào hẫng hụt, vào khủng hoảng tài chính - tiền tệ, vào rối loạn trong điều hành, quản lý và vào suy thoái trong một số ngành công nghiệp, gây mất cân bằng trong cơ cấu kinh tế chung. Đây là một tác nhân quan trọng làm cho cuộc khủng hoảng không chỉ dừng lại trong phạm vi tài chính - tiền tệ, mà đã lan sang nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác, kể cả hệ thống quản lý của chính phủ.

Những điều rút ra từ cuộc khủng hoảng

Từ khi cuộc khủng hoảng diễn ra, hầu hết các chính sách, biện pháp được thực hiện đều mang tính chất điều chỉnh tình thế. Đây là những chính

Digitized by Google

sách, biện pháp có ý nghĩa ngắn hạn. Chúng bao gồm từ việc thả nổi đồng tiền, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để hỗ trợ đồng tiền và nền kinh tế (quyên góp vàng, ngoại tệ ở trong nước, kêu gọi sự hỗ trợ từ các tổ chức tài chính quốc tế, như IMF, WB và các nước tư bản phát triển), đến việc xóa bỏ các khoản bao cấp, cắt giảm chi tiêu, cân bằng ngân sách, kiểm soát chặt chẽ ngoại hối, đóng cửa các ngân hàng và công ty yếu kém, đình chỉ các công trình lớn, phá giá đồng nội tệ, tăng lợi tức, kiềm chế lạm phát, thúc đẩy xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu, tạo việc làm mới để bù vào những chỗ bị mất việc làm do khủng hoảng...

Những chiến dịch quyên góp ở trong nước của Hàn Quốc, Thái Lan đã giúp chính phủ các nước này thu được lượng vàng và ngoại tệ trị giá vài trăm triệu USD để bổ sung cho dự trữ quốc gia và hỗ trợ cho ngân sách. IMF, WB và nhiều nước phát triển đã cam kết hỗ trợ cho các nước bị khủng hoảng hàng trăm tỉ USD (Thái Lan 17 tỉ, Hàn Quốc 60 tỉ, In-đô-nê-xi-a trên 40 tỉ) đi kèm với những điều kiện ràng buộc về cải cách kinh tế - tài chính và cả chính trị rất nghiệt ngã. Chưa từng có bao giờ các nước lớn và các tổ chức tài chính quốc tế lớn tập hợp nhau nhiều đến như thế và huy động một nguồn lực lớn đến như thế để "cứu giúp" một nhóm gồm phần lớn các nước đang phát triển ra khỏi một cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính. Trong khi đó nhiều nhà phân tích đã cho rằng nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng vừa qua ở châu Á có một phần quan trọng là do cách tổ chức của IMF và sự lũng đoạn của tư bản tài chính quốc tế. Vậy mà đã hơn nửa năm, cuộc khủng hoảng không những không giảm, lại còn có xu hướng tiếp tục lây lan và trầm trọng thêm.

Người ta còn nhớ, khoảng tháng 9 năm 1997, khi nhận định về xu thế của cuộc khủng hoảng này, những người lạc quan cho rằng nó có thể được khắc phục vào cuối năm 1997 đầu năm 1998. Đến nay đã là tháng 3-1998. Đến lượt những người bi quan cho rằng cuộc khủng hoảng này có thể sẽ còn trầm trọng hơn so với cuộc khủng hoảng Mê-hi-cô (1994 - 1995), do đó nó sẽ còn kéo dài ít là 2 năm, nhiều là 4 - 5 năm nữa, thậm chí một số người còn cho rằng cuộc khủng hoảng báo hiệu sự sụp đổ của mô hình châu Á (sự thần kỳ châu Á).

Hiện nay nhiều người thường nói tới những giải pháp tương tự mà các nước phát triển thường đã áp dụng, như thúc đẩy xuất khẩu, giảm bớt nhập khẩu, giảm thâm hụt tài khoản vãng lai, giảm nợ, tiết kiệm tiêu dùng, hỗ trợ tài chính để lập lại thế cân bằng và thúc đẩy các yếu tố tăng trưởng dài hạn... Nhìn lại kinh nghiệm của các nước này có thể thấy rằng, những biện pháp trên đây, nếu thực sự mang lại hiệu quả tốt, thì thường cũng phải mất khoảng từ 1 đến 2 năm là ít. Ở các nước châu Á tình hình có nhiều khó khăn hơn, do đó, theo tôi, nếu có giải pháp tốt thì cũng phải đến cuối năm 1998, may ra tình hình mới có thể được cải thiện. Có lẽ cũng phải đến lúc đó những giải pháp thực hiện từ nay mới phát huy được tác dụng. Và không phải chỉ có các giải pháp của các chính phủ và các tổ chức quốc tế, mà bản thân thị trường cũng có những sự tự điều chỉnh của nó. Đến lúc đó quan hệ cung - cầu giữa các đồng tiền nội tệ và ngoại tệ mới được cân bằng, đi đôi với sự giảm giá của đồng nội tệ đến giới hạn đủ mức cần thiết của nó.

Và nhìn xa hơn, có thể thấy ở đây một điểm rất đáng quan tâm. Phần lớn các nước châu Á hiện nay đang định ra các chương trình phát triển dài hạn mới. Tuy mỗi nước gọi bằng nhiều tên khác nhau, như Xin-ga-po - "Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 2" ; In-đô-nê-xi-a - "Chương trình công nghiệp hóa dài hạn" ; Ma-lai-xi-a - "Tầm nhìn năm 2020" và Thái Lan gọi là "Tầm nhìn năm 2030"... Tựu trung lại có thể thấy các nước này đang bước vào giai đoạn cao của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ giai đoạn thấp sang giai đoạn cao thường phải có những bước chuyển căn bản, ở đó có những đột biến mang tính chuyển giai đoạn. Như ở Hàn Quốc cách đây khoảng 20 năm cũng đã diễn ra thời kỳ như thế, khi chật vật phải trả món nợ đọng lớn (khoảng 45 tỉ USD), và họ đã trả được, sau đó là bước chuyển đổi cơ cấu và thể chế sâu sắc đưa Hàn Quốc trở thành một nền kinh tế phát triển, là một thành viên của tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) và đang nỗ lực thực hiện chiến lược mới toàn cầu hóa đầy tham vọng. Nếu điều nhận định này là đúng, thì sau cuộc khủng hoảng năm 1997-1998, các nước châu Á đang khủng hoảng sẽ có những cải tổ cơ cấu và thể chế

(Xem tiếp trang 60)

Digitized by Google

TOÀN CẦU HÓA VÀ THẾ GIỚI NGHÈO*

Nền kinh tế toàn cầu hóa là một trong những đặc điểm chủ yếu của thập kỷ 90. Đó là sự mở rộng và hợp nhất các nguồn mậu dịch, tài chính và thông tin trên toàn thế giới. Toàn cầu hóa gợi nên niềm hy vọng sẽ mang lại tăng trưởng và phúc lợi cho con người.

Mặc dù hơn nửa thế kỷ qua, nền văn minh của loài người đã có những bước phát triển lớn, nhưng với 1/4 số dân thế giới ở tình trạng nghèo đói thuộc các nước đang phát triển (ĐPT) và khoảng 1/3 tỷ người sống dưới mức nghèo khổ với mức thu nhập chưa đầy 1 đô la mỗi ngày thì nỗi băn khoăn của nhân loại vẫn cứ xoay quanh một câu hỏi lớn : toàn cầu hóa thực sự mang lại cho chúng ta sự tăng trưởng, phồn vinh hay sự phân hóa với cuộc sống khốn khó và sự bần cùng của một phần thế giới ?

Có thể thấy một nghịch lý : "chưa có một giai đoạn nào trong lịch sử mà ngay cùng lúc vừa tạo ra rất nhiều sự gia tăng về vật chất, lại vừa hủy hoại chúng nhiều đến như vậy" (Newsweek, 27-1-1997). Toàn cầu hóa có kẻ thắng, người thua. Nó tạo ra sự giàu có. Nhưng nó cũng gây ra sự tụt hậu ngay trong lòng các nước phát triển và ĐPT. Có thể nói một cách hình ảnh : Làn nước của toàn cầu hóa đẩy tất cả thuyền lên, đưa một số thuyền lớn lên cao và bỏ lại hoặc nhấn chìm những con thuyền nhỏ.

Toàn cầu hóa và các nước nghèo

Vòng đàm phán U-ru-goay với một loạt các cuộc thương lượng về mậu dịch diễn ra trong bối cảnh cuộc khủng hoảng kéo dài về môi trường mậu dịch đối ngoại của các quốc gia nghèo nhất thế giới. Vòng đàm phán làm cho các điều luật trở nên đồng nhất hơn, tuy nhiên vẫn giữ lại một số nguyên tắc độc đoán cao. Thỏa thuận tại Vòng đàm phán rất mất cân đối và nghiêng về lợi ích của các quốc gia công nghiệp phát triển. Điều này được phản ánh trong sự phân phối lợi nhuận kinh tế và phân phối viện trợ.

Người ta dự đoán những kết quả của Vòng đàm phán U-ru-goay của tổ chức GATT trong thời gian 1995-2001 sẽ làm tăng thu nhập toàn cầu từ 212 tỉ đến 510 tỉ đô la. Nhưng trong sự gia tăng toàn bộ lợi nhuận chung này, các nước kém phát triển hằng năm mất khoảng 600 triệu đô la, các nước Nam Xa-ha-ra (châu Phi) mất 1,2 tỉ đô la.

Hầu hết đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) dồn vào "bộ ba" công nghiệp : Bắc Mỹ, châu Âu và Nhật Bản. Cùng với 8 tỉnh ven biển và thành phố Bắc Kinh ở Trung Quốc, các nền kinh tế này nhận được hơn 90% FDI trên toàn thế giới. Phần còn lại của thế giới với hơn 70% dân số chỉ nhận được ít hơn 10% FDI. Sự bất cân đối và bất bình đẳng trong quan hệ mậu dịch giữa các nước phát triển và ĐPT là do các nguyên nhân :

1 - Chính sách kinh tế vĩ mô nghèo nàn, đặc biệt là những thâm hụt tài chính khổng lồ, sự vay mượn bên ngoài để tài trợ cho thâm hụt, sự tăng giá tiền thất thường... là những yếu tố cản trở các nhà đầu tư và xuất khẩu.

Giá biểu đánh thuế vào hàng hóa nhập khẩu cao và các chính sách bảo hộ mậu dịch quá mức trong thời kỳ dài cũng ngăn cản nhập khẩu tư bản và các hàng hóa trung gian khác. Các nhà sản xuất địa phương do không được tiếp cận với sự cạnh tranh quốc tế, nên ít có thông tin và sự khuyến khích trong việc đạt tới các tiêu chuẩn quốc tế về

* Theo : 1) Báo cáo phát triển con người, 1997
2) Báo cáo của OXFAM về tình trạng nghèo khổ trên thế giới

Digitized by Google

kiểm soát chất lượng, quy trình, hiệu quả cần thiết để sản xuất, cạnh tranh. Sự bảo hộ quá mức thường kéo theo sự trì trệ, quan liêu. Các chính sách không rõ ràng, nhất quán đã làm mất tính dự đoán và hiệu quả của môi trường đầu tư.

Mặt khác, để mở rộng xuất khẩu và thu hút đầu tư, cần có nền tảng trụ cột là đầu tư vào con người. Thiếu các kỹ năng cơ bản, người dân không thể thích ứng với sự thay đổi của các điều kiện thị trường hoặc dịch chuyển sang hàng xuất khẩu tinh vi hơn. Ngày nay thông qua các siêu lộ thông tin, công nghệ mới tạo cơ hội tiếp cận với tri thức toàn cầu. Ít được tiếp cận với các kênh thông tin, người nghèo thiếu cả các phương tiện như máy tính cá nhân, điện thoại, vô tuyến và trình độ học vấn, kỹ năng để điều khiển.

2 - Toàn cầu hóa thường đến với các nước nghèo cùng những điều kiện rất không thuận lợi. Kể từ đầu những năm 1970, các nước kém phát triển phải chịu sự suy giảm 50% về mậu dịch. Đối với các nước ĐPT, điều kiện mậu dịch không thuận lợi đó làm họ mất khoảng 290 tỉ đô la thời kỳ 1980 - 1991. Sự thua thiệt này phần nhiều do giá cả thực tế giảm sút trên các thị trường thế giới. Năm 1990 giá cả hàng hóa giảm thấp hơn giá cả năm 1980 là 45% và thấp hơn giá cả so với thời kỳ đại suy thoái 1932 là 10%. Điều kiện mậu dịch đối với sản xuất hàng hóa của các nước ĐPT cũng giảm khoảng 35% thời kỳ 1970 - 1971.

Sự dìm giá hàng xuất khẩu đã dồn các nước nghèo vào bước đường phải trả lãi suất thực tế cao gấp 4 lần mức lãi suất mà các nước giàu đã phải trả trong những năm 1980. Do lãi suất cao, các nước nghèo trở thành các con nợ nước ngoài. Các nước Nam Xa-ha-ra (châu Phi) lo trả gánh nợ cho các chủ nợ phương Bắc cao gấp 4 lần so với mức mà họ chi trả cho sức khỏe của nhân dân.

Ngày nay, khi cuộc khủng hoảng nợ còn chưa đe dọa sự ổn định của hệ thống tài chính toàn cầu thì nợ nần vẫn như ách tròng lên các nước nghèo và sự giãn nợ cho các nghèo là điều xa vời. Trong khi đó, theo tính toán, số tiền trợ giúp hiệu quả đối với 20 nước nghèo sẽ mất khoảng 5,5 tỉ đến 7,7 tỉ đô la, ít hơn chi phí chế tạo một máy bay ném bom tàng hình Xten (*Stealth)* và chỉ xấp xỉ chi phí xây công viên giải trí Đi-xnây-len Pa-ri (6,5 tỉ đô la Mỹ - ND). Nếu trút bỏ được gánh nặng nợ hằng năm, các nước nghèo có thể sử dụng các quỹ để đầu tư, mà riêng ở châu Phi, có thể cứu sống được 21 triệu trẻ em và tạo quyền giáo dục cơ bản cho 90 triệu trẻ em gái và phụ nữ.

Ngoài sự chi phí về con người, nợ còn tạo ra những cản trở kinh tế. Đối với các nước nghèo nhất, việc trả nợ điển hình đã hút khoảng 1/5 thu nhập xuất khẩu, đặc biệt làm cạn kiệt nguồn dự trữ ngoại tệ và làm suy mòn khả năng của họ tham gia vào mậu dịch quốc tế với các điều kiện công bằng hơn.

Bên cạnh những điều kiện không thuận lợi về mậu dịch và tài chính, các nước nghèo cũng phải chịu những điều kiện khó khăn về con người. Các nước có nhiều dân nhập cư như Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa, Mỹ đặt ra nhiều điều kiện ưu tiên đối với những người có kỹ năng cao. Đó là nguyên nhân tiếp tục gây ra dòng chảy chất xám từ các nước ĐPT.

3 - Các nước nghèo thường bị thua thiệt bởi những điều luật của trò chơi không công bằng. Chiếm 3/4 dân số thế giới, các nước ĐPT sẽ chỉ nhận được 1/4 đến 1/3 thu nhập chung, mà hầu hết số thu nhập này sẽ rơi vào tay một vài nhà xuất khẩu đầy quyền lực ở châu Á và Mỹ la-tinh.

Vòng đàm phán U-ru-goay đã để lại hầu hết sự bảo vệ nguyên vẹn về công nghiệp và nông nghiệp đối với các nước công nghiệp phát triển, nhưng lại lãng quên những vấn đề sống còn liên quan đến các nước nghèo - nhất là vấn đề nợ và sự quản lý thị trường hàng hóa chủ chốt :

. *Thuế :* Trong vòng đàm phán U-ru-goay, hàng hóa từ các nước công nghiệp được giảm thuế nhiều hơn (45%) so với các nước ĐPT (20-25%). Trong khi đó, các nước ĐPT hiện tại đối mặt với mức thuế 10%, cao hơn mức trung bình toàn cầu ; các nước kém phát triển chịu mức thuế là 30%.

Một vấn đề khác là sự leo thang về thuế, chủ yếu đánh vào các sản phẩm đã chế biến hơn là các nguyên liệu thô. Chính điều này đã cấm cửa các nước ĐPT gia nhập các thị trường hàng hóa, và làm cản trở con đường tăng giá trị hàng xuất khẩu của họ.

. *Các hàng rào phi thuế quan.* Khi các thỏa thuận GATT kế tiếp giảm các hàng rào thuế, các

Digitized by Google

nước công nghiệp đã tăng cường chuyển đổi sang các hình thức bảo hộ mới, chủ yếu là dưới hình thức hàng rào phi thuế quan như hạn ngạch, các biện pháp chống phá giá và những hạn chế xuất khẩu "tự nguyện". Các rào cản về mậu dịch này ngày càng mang tính độc đoán và phân biệt đối xử đối với các nước ĐPT.

Các biện pháp chống bán phá giá là một trong các hình thức bảo hộ phổ biến nhất mà Mỹ và EU thường áp dụng để chống lại hàng loạt các sản phẩm xuất khẩu đầy tiềm năng của các nước ĐPT như dệt, len và các sản phẩm nông nghiệp. Vào những năm từ 1989-1994, các biện pháp này đã tăng gấp đôi. Trong bối cảnh sự cạnh tranh quyết liệt đến cùng và không công bằng trên thị trường thế giới, cũng như chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch hà khắc của các nước phát triển, những cố gắng mở rộng xuất khẩu của các nước ĐPT ngày càng hạn hẹp và mất dần chỗ đứng.

. *Dệt.* Nhiều nước trên con đường công nghiệp hóa thường bắt đầu từ ngành dệt. Là ngành xuất khẩu chủ lực, hàng dệt và may mặc chiếm 24% hàng xuất khẩu của các nước Nam Xa-ha-ra (châu Phi), 14% đối với châu Á, 8% đối với khu vực Mỹ la-tinh và Ca-ri-bê. Đối với Băng-la-đét và Xri Lan-ca, hàng này chiếm 1/2 tổng lợi nhuận xuất khẩu. Việc quản lý có tính chất hệ thống quốc tế về hàng dệt và may mặc bắt đầu từ năm 1961 với Thỏa ước hàng dệt đa phương (MFA). Thỏa ước MFA cho phép các nước công nghiệp phát triển đặt ra hạn ngạch nhập khẩu với mỗi nhà cung ứng. Những tính toán thua lỗ ngoại hối cho thấy các nước ĐPT phải chịu hạn ngạch của MFA đánh vào những mặt hàng xuất khẩu này từ 4 tỉ đến 15 tỉ đô la mỗi năm. Thỏa thuận U-ru-goay về dệt và may mặc sẽ xóa bỏ hạn ngạch của MFA và giảm thuế giai đoạn 10 năm, nhưng chỉ giảm xuống mức trung bình 12% - gấp 3 lần mức trung bình đánh vào hàng nhập khẩu của các nước công nghiệp.

Sự chuyển đổi của hạn ngạch tác động sâu sắc đến các nước ĐPT. Nó sẽ làm lợi cho một số nhà sản xuất có hiệu quả hơn và làm tổn thương các nước nghèo khác. Băng-la-đét có thể 1/5 hàng xuất khẩu, một trong những vũ khí chủ yếu chống đói nghèo.

Như vậy, MFA được thiết kế nhằm phá vỡ lợi thế so sánh của các nước ĐPT, làm cho ngành dệt ở nhiều nước không thể gượng dậy nổi.

. *Nông nghiệp.* Hàng hóa nông nghiệp luôn có vị trí đặc biệt trong mậu dịch thế giới. Thống trị thị trường thế giới về lĩnh vực này, Mỹ và EU đã trợ cấp cho nông dân tương đương 1/2 giá trị sản lượng nông nghiệp. Sau vòng đàm phán U-ru-goay, các nước công nghiệp tiếp tục trợ giá sản xuất và xuất khẩu. Năm 1995, họ đã chi 182 tỉ đô la vào trợ cấp.

Chính sách nông nghiệp cũng như sự trợ giá các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu ở các nước giàu đã đánh nặng vào các nước ĐPT. *Trước hết* nó kéo giá cả trên thị trường thế giới xuống thấp, do vậy các nước ĐPT là những nước xuất khẩu hàng hóa này bị thua thiệt. *Thứ hai,* nó đã loại họ khỏi thị trường lương thực tại các nước giàu. *Thứ ba,* nó đưa những người sản xuất lương thực tại địa phương vào sự bán phá giá theo hình thức nhập khẩu lương thực rẻ tiền. Điều này làm giảm sự khuyến khích sản xuất lương thực, làm bào mòn tính tự túc và hủy diệt kế sinh nhai của dân cư, làm cho cuộc sống người dân thêm phần điêu đứng.

Một tính toán cho thấy, nếu các nước công nghiệp giảm bảo hộ và trợ cấp nông nghiệp khoảng 30%, các nước ĐPT sẽ kiếm được hơn 45 tỉ đô la mỗi năm.

. *Quyền sở hữu trí tuệ.* Ngày nay vị trí bá chủ trong khoa học - kỹ thuật của các nước phát triển đứng trước những thách thức to lớn do trình độ và khả năng nghiên cứu phát triển khoa học, vận dụng tiếp thu công nghệ mới của một số nước công nghiệp mới được nâng lên. Do vậy, thỏa thuận GATT đã tăng cường sự bảo vệ bằng sáng chế và quyền sở hữu trí tuệ, làm tăng chi phí chuyển giao công nghệ đối với các nước ĐPT. Ngay từ đầu, các nước công nghiệp đã khai thác nguồn ý tưởng và công nghệ khá tự do. Vào thế kỷ XIX, Mỹ đã thích nghi và phát triển các công nghệ của châu Âu mà ít quan tâm tới các quyền về bằng sáng chế. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật cũng làm như vậy với Mỹ. Hiện tại, nhiều nước thi hành các chính sách đánh thuế rất cao vào các nước ĐPT vì việc sử dụng công nghệ nước ngoài.

Digitized by Google

Toàn cầu hóa và người nghèo

Về lý thuyết, "toàn cầu hóa không làm suy giảm mức sống", "nó mang lại sự thịnh vượng cho cả nước giàu và nước nghèo". "Khi các nước gia nhập kinh tế thế giới, sự đói nghèo của họ sẽ giảm" (Newsweek, 27-1-1997).

Là nước nhận FDI lớn nhất trong thế giới ĐPT, Trung Quốc trong 15 năm qua đã tăng xuất khẩu hơn 10 lần, giảm tỷ lệ người có thu nhập thấp từ 1/3 xuống còn 1/10, đã tạo được sự cải thiện cơ bản về y tế, giáo dục.

Điều tương tự cũng có thể thấy ở Ấn Độ, Băng-la-đét, In-đô-nê-xi-a và Việt Nam.

Lý thuyết thương mại cơ bản cho rằng toàn cầu hóa có thể thu hẹp hố ngăn cách về thu nhập, từ đó người nghèo được lợi. Các nước ĐPT có lợi thế so sánh về lao động dư thừa, không có kỹ năng, chi phí thấp. Nếu họ tập trung vào sản xuất hàng hóa đơn giản thì họ có thể hòa nhập rộng hơn vào các thị trường toàn cầu, làm tăng xuất khẩu và sản lượng, tăng nhu cầu đối với lao động đơn giản, tăng thu nhập của người nghèo.

Tài chính tự do cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm. Những hạn chế về chuyển giao các nguồn vốn có thể hấp dẫn nhiều FDI, tạo nhiều việc làm cho người nghèo bằng cách đưa họ hòa nhập vào các hệ thống sản xuất quốc tế.

Lý thuyết thì vậy. Nhưng mọi điều không luôn luôn đi theo cách này. Toàn cầu hóa nhiều khi đi đôi với bất bình đẳng. Thu nhập đối với 20% những người nghèo nhất ở Mỹ la-tinh, Ác-hen-ti-na, Chi-lê, Cộng hòa Đô-mi-ni-ca, Ê-cu-a-đo, Mê-hi-cô và U-ru-goay đã giảm sút. 16 nước trong số 18 nước ở Đông Âu và Cộng đồng các quốc gia độc lập có mức thu nhập tồi tệ hơn, đói nghèo tăng lên trong tiến trình toàn cầu hóa.

Toàn cầu hóa cũng có thể làm dịch chuyển cung cách tiêu thụ. Xe hơi đắt tiền, nước ngọt có thể nhanh chóng trở thành một bộ phận của đời sống hàng ngày, làm tăng sự nghèo túng tương đối. Mở rộng toàn cầu hóa cũng có thể đẩy người nghèo tới những cú sốc bất ngờ. Một số người có cuộc sống ổn định nhờ kinh tế được cải thiện, số còn lại bị mắc kẹt trong nghèo đói.

Ở các nước công nghiệp, kỷ nguyên của toàn cầu hóa được nổi rõ bởi sự tăng toàn bộ thu nhập nhưng cũng làm tăng thất nghiệp và bất bình đẳng. Có hơn 100 triệu người sống dưới mức thu nhập tối thiểu, 37 triệu người không có việc làm. Năm 1995, có 34 triệu người thất nghiệp ở các nước trong Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), trong đó 75% là lực lượng công nhân. Từ 1979, thất nghiệp ở các nước EU đã tăng 11%.

Nguyên nhân là ở đâu ? Một số người cho rằng đó là do cạnh tranh từ lao động rẻ ở thế giới ĐPT. Tuy nhiên, vai trò mậu dịch quốc gia các nước ĐPT có lẽ được thổi phồng. Khoảng 10% của sự tăng bất bình đẳng về lương và thất nghiệp, sản xuất là ở các nước công nghiệp. Thậm chí nếu những tác động của hệ thống thương mại quốc gia các nước ĐPT làm giảm nhu cầu đối với lao động kỹ năng thấp ở ngành sản xuất khoảng 10% thì tác động cũng sẽ nhỏ. Quy mô xuất khẩu của quốc gia ĐPT trong thị trường các nước công nghiệp cũng thường được khuyếch đại. Nhập khẩu của các nước trong OECD từ các nước ĐPT chỉ chiếm 3% thị trường hàng hóa sản xuất.

Hơn nữa, hai nước Mỹ và Ca-na-đa có ảnh hưởng nhiều nhất từ sản xuất các nước ĐPT đều không có tỷ lệ thất nghiệp cao so với các nước công nghiệp phát triển khác. Do vậy, những tranh luận đổ lỗi thất nghiệp do nhập khẩu cần được xem xét kỹ hơn dưới nhiều góc độ khác nhau.

Toàn cầu hóa là tiến trình nhanh chóng và rộng lớn mang lại lợi nhuận cho các nước năng động hơn và có quyền lực đồng thời thách thức nghiêm trọng các nước nghèo. Theo Báo cáo phát triển con người năm 1992, thua lỗ đối với các nước ĐPT từ quyền bất bình đẳng đối với mậu dịch, lao động và tài chính là 500 tỉ đô la mỗi năm, gấp 10 lần số tiền viện trợ nước ngoài mà họ nhận được hằng năm. Lợi nhuận từ tiến trình toàn cầu hóa sẽ chỉ nhỏ giọt một cách tất yếu xuống các nước nghèo nhất. Như vậy tiến trình này cần có một cơ chế bảo đảm sự công bằng cho các quốc gia, tạo điều kiện cho các nước nghèo cơ hội phát triển trong thế kỷ XXI.

Nguyễn Thị Hoa
(Tổng thuật)

Digitized by Google

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN – THỰC TIỄN

HỘI NGHỊ CÁN BỘ KIỂM TRA TOÀN QUỐC

Từ ngày 18 đến 20-2-1998, tại TP Nha Trang (Khánh Hòa), Ủy ban kiểm tra Trung ương Đảng đã tổ chức hội nghị tổng kết công tác năm 1997, đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 1998. Hội nghị cán bộ kiểm tra toàn quốc lần này đúng vào thời gian Bộ Chính trị có Chỉ thị *Về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng*, là dịp để các đại biểu bước đầu quán triệt Chỉ thị quan trọng này. 350 đại biểu tham dự hội nghị gồm : các đồng chí bí thư, phó bí thư tỉnh ủy ; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các tỉnh, thành phố, đảng bộ trực thuộc Trung ương ; đại diện các ban của Trung ương Đảng ; đại diện các ngành thuộc khối Nội chính v.v. Đồng chí Nguyễn Thị Xuân Mỹ, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Trung ương, các đồng chí phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Trung ương đã chủ trì hội nghị. Đồng chí Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị đã đến dự và phát biểu ý kiến.

Năm 1997 là năm đầu tiên Ủy ban kiểm tra các cấp triển khai thực hiện những quy định mới của Điều lệ Đảng do Đại hội VIII của Đảng thông qua về công tác kiểm tra của Đảng và Ủy ban kiểm tra các cấp, về việc thi hành kỷ luật trong Đảng. Tuy nhiệm vụ ngày càng khó khăn, nặng nề, phức tạp ; yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao, nhưng được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, chặt chẽ của Bộ Chính trị và các cấp ủy đảng, Ủy ban kiểm tra Trung ương và Ủy ban kiểm tra các cấp đã nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn để thực hiện tốt nhiệm vụ, góp phần làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và các nghị quyết khác của Trung ương. Ủy ban kiểm tra các cấp đã chú trọng vai trò tham mưu, đề xuất với cấp ủy về các vấn đề cần lãnh đạo, chỉ đạo : các nội dung, kế hoạch, chương trình kiểm tra và tiến hành các cuộc kiểm tra ; kiến nghị những vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ ; phát hiện những sai phạm trong quá trình chấp hành các chủ trương, chính sách ở một số địa phương, đơn vị. Ủy ban kiểm tra các cấp và đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra từng bước được kiện toàn, chất lượng ngày càng có chuyển biến, tiến bộ. Hoạt động của Ủy ban kiểm tra các cấp đã có tác dụng tích cực, góp phần vào việc chấp hành, thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, chính sách, pháp luật, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Tại hội nghị, các đại biểu đã tập trung phân tích những nội dung chủ yếu như : kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp và tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thực hiện điều 30 Điều lệ Đảng ; thi hành kỷ luật trong Đảng ; giải quyết tố cáo đảng viên, tổ chức đảng và khiếu nại về kỷ luật đảng ; kiểm tra tài chính và kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong đảng ; thực hiện nhiệm vụ cấp Ủy giao ; công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn Ủy ban kiểm tra và việc phối, kết hợp với các ban, ngành ; chế độ chính sách đối với cán bộ làm công tác kiểm tra... Nhiều đại biểu chứng minh, phân tích, nêu những bài học kinh nghiệm phong phú, bổ ích, những tập thể, cá nhân làm tốt công tác kiểm tra của Đảng. Qua tình hình hoạt động của Ủy ban kiểm tra các cấp năm 1997, hội nghị đã rút ra một số vấn đề chủ yếu sau đây :

1 - Công tác kiểm tra nói chung và hoạt động của Ủy ban kiểm tra các cấp nói riêng ngày càng có nhiều khó khăn, phức tạp. Trong khi những biểu hiện vi phạm Điều lệ Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ngày càng tinh vi, tình hình đấu tranh phê bình và tự phê bình trong nội bộ Đảng nhìn chung còn yếu kém đòi hỏi Ủy ban kiểm tra và cán bộ làm công tác này phải hết sức chủ động, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, bình tĩnh, có biện pháp và hình thức hoạt động thích hợp, luôn luôn quán triệt nhiệm vụ xây dựng tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh thì mới có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Để công tác kiểm tra và hoạt động của Ủy ban kiểm tra có hiệu quả cao, nhất thiết phải có sự lãnh đạo, quan tâm thường xuyên của Ban thường vụ, thường trực cấp ủy, trong đó vai trò đồng chí bí thư và sự chỉ đạo tích cực của Ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp là yếu tố hết sức quan trọng. Chỉ khi nào công tác kiểm tra và hoạt động của Ủy ban kiểm tra được coi là công tác của cấp ủy, gắn liền với sự chỉ đạo của cấp ủy, có sự phối hợp chặt chẽ thì mới đạt kết quả cao.

Digitized by Google

2 - Việc kiểm tra hoặc giải quyết những vấn đề liên quan đến cơ quan cùng cấp như kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp ủy và cấp ủy viên cùng cấp là điều rất khó khăn, giải quyết còn hình thức, ít hiệu quả. Vì vậy, cần có biện pháp, cơ chế để làm sao tạo được sự chuyển biến về nhận thức;khắc phục tư tưởng cá nhân, độc đoán, mất dân chủ, nể nang, né tránh, nhằm bảo đảm sự nghiêm minh, bình đẳng, công bằng trong công tác kiểm tra.

3 - Hiện nay tình trạng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí của công còn phổ biến, gây bất bình trong nhân dân, gây hậu quả xấu. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình hình đó là nói nhiều làm ít, việc xử lý các trường hợp vi phạm không kiên quyết, không nghiêm minh xảy ra phổ biến ở các cấp, các ngành. Đặc biệt là không gắn việc xử lý kỷ luật với xử lý về kinh tế, không gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đơn vị xảy ra tiêu cực. Vì vậy, quần chúng thiếu tin tưởng, thậm chí bất bình đối với một số cán bộ lãnh đạo, đảng viên.

4 - Thực tế hiện nay đang đòi hỏi công tác kiểm tra nói chung và hoạt động của Ủy ban kiểm tra nói riêng sự cố gắng lớn để hoàn thành nhiệm vụ rất khó khăn và nặng nề mà Đảng giao cho. Thế nhưng những điều kiện bảo đảm cho công tác kiểm tra (nhận thức tư tưởng, cơ chế, chính sách, số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất v.v.) còn chưa tương xứng. Điều này cần sớm được khắc phục để công tác kiểm tra ngày càng đạt hiệu quả cao hơn.

Đồng thời với việc quán triệt, thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị *Về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng*, năm 1998 công tác kiểm tra tập trung vào một số vấn đề chủ yếu sau đây :

- Tập trung lực lượng kiểm tra đảng viên, và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm và giải quyết tố cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý, trước hết hướng vào một số lĩnh vực, đối tượng trọng tâm, chủ chốt.

- Tham mưu và phục vụ cho cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các nhiệm vụ trọng tâm và cấp bách của cả nước và của từng địa phương, đơn vị.

- Tiến hành kiểm tra cơ quan tài chính của cấp ủy cùng cấp và của cấp ủy cấp dưới.

- Xử lý và phục vụ cấp ủy xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kỷ luật ; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị sau khi kiểm tra các tổ chức đảng trong lực lượng công an.

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ thường xuyên khác như giải quyết khiếu nại, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bổ sung cán bộ đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ kiểm tra. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp trước mắt và lâu dài để thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (khóa VIII) nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra. Thật sự coi công tác cán bộ là khâu then chốt trong công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn ủy ban kiểm tra và cơ quan giúp việc cho cấp ủy.

P.V

TỪ CUỘC KHỦNG HOẢNG...

(Tiếp theo trang 54)

sâu sắc, chuẩn bị điều kiện cho đất nước họ bước vào một giai đoạn mới - thực hiện công nghiệp hóa ở trình độ cao hơn, năng động hơn, liên kết với khu vực và thế giới nhiều hơn, đạt được những thành quả to lớn hơn, "thần kỳ" hơn, chứ không phải sụp đổ như một số người dự đoán. Mới đây nhất, ngày 25-2-1998 trong buổi lễ nhậm chức tổng thống mới của Hàn Quốc ông Kim Tê Chung đã tuyên bố sẽ mở ra một kỷ nguyên cải cách để khắc phục cuộc khủng hoảng đang tàn phá Hàn Quốc. Phải chăng cuộc khủng hoảng hiện nay chỉ là một cơn sốt của những cơ thể đang tăng trưởng mạnh, rồi nó sẽ qua đi, hay như những nhà kinh tế học nổi tiếng Ste-ven Ra-đe-lét và Gie-phơ-rây Sắc nhận xét : "Đó chỉ là những vết nháy trên màn hình mà thôi" (only blips on the screen) ? Còn phải chờ xem. ❑

Digitized by Google

SEAPRODEX SAIGON

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN TP. HỒ CHÍ MINH

- **ĐC : 87 Hàm Nghi - Quận 1 - TP. HCM**
- **ĐT : 8290079 - 8291779 - 8293459 - 8293669**
- **Fax : 84.8.8224951 - Telex : 811280 SPDEX VT**

Là Công ty chuyên kinh doanh, XNK Thủy sản ở khu vực phía Nam Việt Nam, với doanh số hằng năm khoảng trên 50 triệu USD, có mối quan hệ với nhiều tập đoàn thương mại các nước.

Rất hân hạnh mong được sự hợp tác của quý vị trong các lãnh vực sau đây:

- **Xuất khẩu :** Các sản phẩm Thủy sản : tôm, cá, mực, nhuyễn thể ở các dạng đông lạnh, thức ăn chín và khô. Nhiều loại nông sản, hoa quả các dạng.
- **Nhập khẩu :** Thiết bị, vật tư, vật liệu phương tiện vận tải phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng.
- Vận tải biển bằng tàu lạnh, vận tải bộ lạnh, sản xuất chế biến, kho bảo quản lạnh...



BMEC

CÔNG TY XE & MÁY

* 35 LÊ LỢI - QUẬN 1 - TP.HCM
* ĐT : 8290123 - 8290171 FAX : 84.8.290168





XE ĐẠP HỮU NGHỊ

Chất lượng

Uy tín

Tiến bộ

- Xe đạp chất lượng cao
- Kiểu dáng mới





Công ty Xe máy - Nhà sản xuất xe đạp hàng đầu Việt Nam

XE ĐẠP HỮU NGHỊ được bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao

Digitized by Google

Tổng Công Ty Cà Phê Việt Nam
Nông trường cà phê IA SAO I GIALAI

Vietnam Coffee Corporation
IA SAO I GIALAI Coffee Farm



Giám đốc
Phạm Thế Thường

Add : Ia Sao Commune, Ia Grai District, Gia Lai Province
Tel: (059) 841107 - 841108
- Total land area : 500 ha, including 400 ha of coffee and 100 ha for future development.
- Average coffee yield : 3.2 tonnes of coffee beans/ha in 1996.
The farm specialises in coffee production and processing for export.
We are willing to form J.Vs and cooperate with other domestic and foreign businesses in coffee or related fields.

Xã IA SAO, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai
ĐT: (059) 841107 - 841108
- Diện tích chung nông trường 500 ha trong đó có 400 ha cà phê kinh doanh và 100 ha cà phê xây dựng cơ bản
- Năng suất bình quân vụ 1996 3,2T/ha.
Chức năng: Nông trường chuyên trồng trọt, chế biến xuất khẩu cà phê.
Chúng tôi sẵn sàng liên doanh, liên kết trồng và kinh doanh cà phê với các đơn vị trong và ngoài nước.



Digitized by Google

E.M.F

POWER COMPANY N°2 - CÔNG TY ĐIỆN LỰC II

NHÀ MÁY CƠ ĐIỆN

ELECTRO - MECHANICAL FACTORY (E.M.F)

ĐC : Km 9 - Đường Hà Nội - Quận Thủ Đức - TP.HCM
ĐT : 8.965.591 - 8.967.721 - 8.963.159 Fax : (84.8) 8.963.159
GĐ : Hoàng Thái Sơn



Chế tạo máy biến thế các loại

CHUYÊN :

- Chế tạo máy biến thế các loại : 01 pha, 03 pha từ 10^{KVA} - 40.000^{KVA} (điện áp từ 15^{KV} - 110^{KV})
- Sửa chữa, đại tu máy phát điện DIESEL và GAS TURBINE
- Sửa chữa máy biến thế và động cơ các loại : 01 pha, 03 pha từ 10^{KVA} - 33.000^{KVA}, điện áp từ 230^{KV} trở xuống.
- Sản xuất phụ kiện lưới điện, trục thép từ hạ thế đến 500^{KV}
- Nhận các hợp đồng : Gia công cơ khí, mạ phun kẽm, gia công phụ tùng thiết bị cho các nhà máy công nghiệp, các giàn khoan dầu khí.
- Gia công, phục hồi các phụ tùng thủy nhiệt điện và Turbin khí.

CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG LA NGÀ

CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG LÀ NGÀ



5 NĂM PHÁT TRIỂN (1991 - 1995) & ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2000

XÃ LA NGÀ, HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI - ĐIỆN THOẠI : 0161.51083 - FAX : 01.61.51083

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I

CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 136



GIÁM ĐỐC
K.S NGUYỄN DOÃN ĐỒNG

ĐỊA CHỈ: K1 - THÀNH CÔNG - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 8.343127 - 8.351168 - 8.352874

CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ:

- Tổ chức xây dựng các công trình giao thông: Nền, mặt đường, cầu cống, bến cảng...
- Xây dựng các công trình dân dụng.
- Sửa chữa các phương tiện, thiết bị giao thông vận tải.
- Cung ứng và kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng.
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Thi công các công trình ngoài ngành theo yêu cầu của khách hàng.
- Phạm vi hoạt động: Trong cả nước.

Công ty đã tham gia thi công nhiều công trình trọng điểm như Quốc lộ 1A, Cầu Việt Trì, đường 32 Cầu Giấy, Quốc lộ 5, Quốc lộ 2... và đặc biệt tham gia thi công cầu, nền đường trên đường ô tô Bắc Thăng Long - Nội Bài - một công trình yêu cầu kỹ thuật cao. Các công trình do Công ty thi công đều đảm bảo chất lượng và giữ uy tín với khách hàng.



Rải mặt đường bê tông Asphalt

Chúc Quý khách một năm mới An khang Thịnh vượng!



Đường Bắc Thăng Long - Nội Bài

Digitized by Google

CÔNG TY GIẤY BÃI BẰNG



Công ty giấy Bãi Bằng thuộc Tổng Công ty Giấy Việt Nam, công trình hợp tác hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển. Thiết bị hiện đại, dây chuyền sản xuất khép kín, công suất thiết kế 55.000 tấn/năm.

Sản phẩm của công ty bao gồm : Giấy in, giấy viết, giấy telex, giấy photocopy, giấy tập kẻ ngang, vở học sinh và giấy máy vi tính. Định lượng từ 50 gam/m^2 đến 120 gam/m^2 Độ trắng 74 - 83^0 GE. Giấy được sản xuất thành cuộn hoặc ram từ khổ A0 - A4. Sản phẩm của công ty có bán trên thị trường trong và ngoài nước.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ :

Công ty giấy Bãi Bằng
Thị trấn Phong Châu - Vĩnh Phú
Điện thoại : 021-846733
021-842028
021-842154
Fax : (84) 21.846 732
Telex : 411-498-SCANMABB VT
Tài khoản : 710A-00001
Ngân hàng Công thương khu vực Đền Hùng, Vĩnh Phú.

Tổng giám đốc :
TRẦN NGỌC QUẾ



Digitized by Google

5130

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

TRỤ SỞ : SỐ 4 PHẠM NGỌC THẠCH - ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI., TEL: 8525374; 8525375., TELEX: 411 - 322 VBA-VT., FAX: 8525376., SWIFT : VBAAVNVX

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam gọi tắt là Ngân hàng Nông nghiệp viết tắt NHNo, tên giao dịch quốc tế Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development gọi tắt Agribank, viết tắt VBARD.

Là Tổng Công ty Nhà nước hạng đặc biệt với 87 đơn vị thành viên; trụ sở chính tại Hà Nội; vốn Điều lệ là 2.200 tỉ đồng Việt Nam.

Thực hiện các chức năng : Kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ ngân hàng đối với khách hàng trong nước, nước ngoài; thực hiện tín dụng tài trợ vì mục tiêu kinh tế - xã hội, phát triển cơ sở hạ tầng chủ yếu trong nông nghiệp, nông thôn; làm nhiệm vụ ủy thác tín dụng, đầu tư cho Chính phủ và các chủ đầu tư trong nước, nước ngoài chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn... tại 1.259 chi nhánh ở tất cả các đô thị và các vùng nông thôn trong cả nước, tại các Công ty chuyên doanh hạch toán độc lập và một số đơn vị liên doanh liên kết.

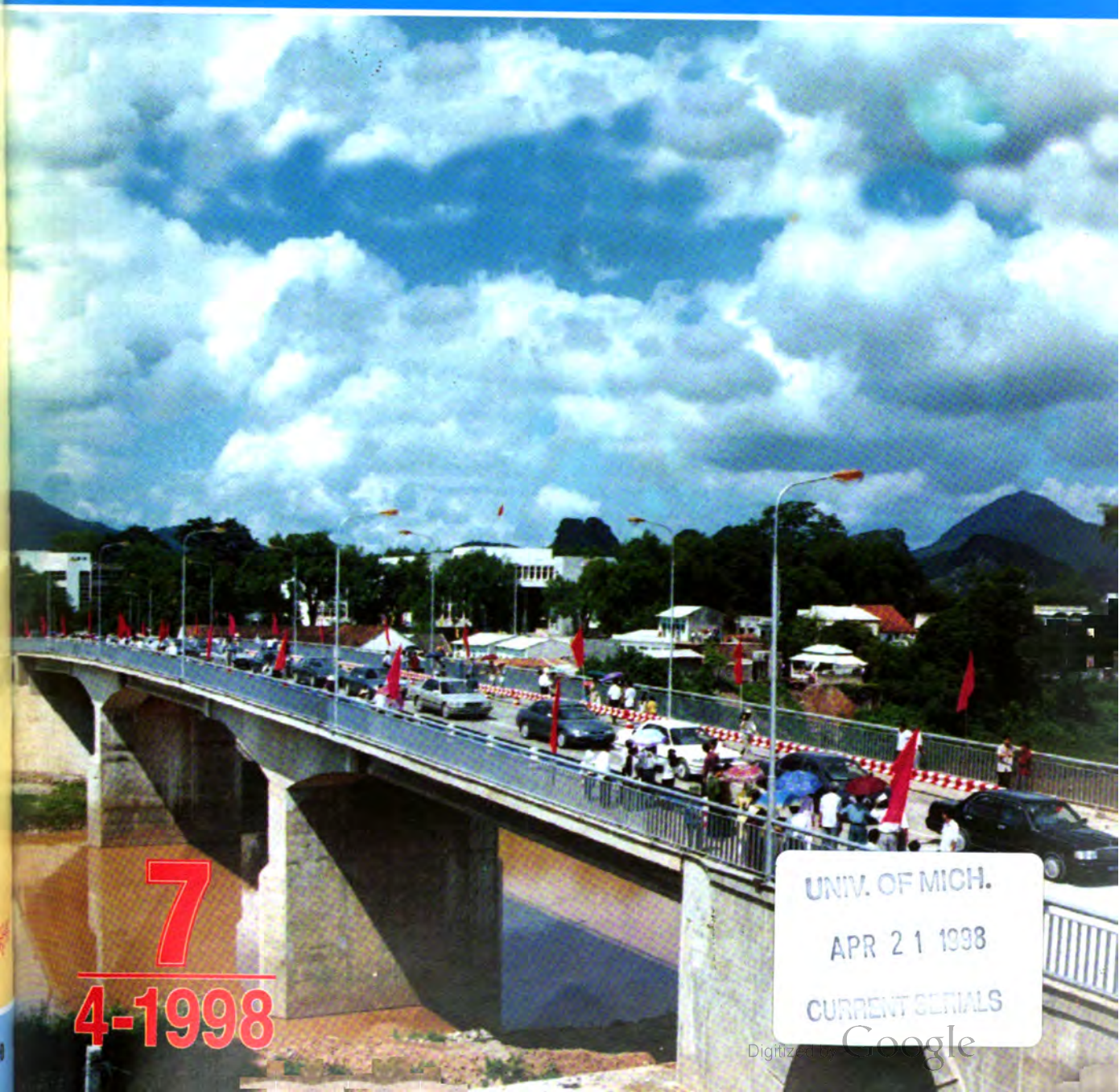
NGÂN HÀNG CỦA THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÌ SỰ NGHIỆP DÂN GIÀU NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI CÔNG BẰNG, VĂN MINH

HÂN HẠNH ĐÓN CHÀO QUÝ KHÁCH
WELCOME TO AGRIBANK

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 4000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



7
4-1998

UNIV. OF MICH.
APR 21 1998
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

LIÊN DOANH DẦU KHÍ VIETSOPETRO

Chào mừng tấn dầu thứ 50 triệu !

Đón nhận danh hiệu "Anh hùng Lao động" của Nhà nước Việt Nam phong tặng

Trụ sở chính : 95 A, Lê Lợi, TP. Vũng Tàu Điện thoại : (84) - 64 - 839871/72 Fax : (84) - 64 - 839857



VIETSOPETRO là cơ sở khai thác dầu khí lớn nhất hiện nay của Việt Nam. Liên doanh thực hiện nhiệm vụ thăm dò, khai thác dầu, khí trên thềm lục địa Nam Việt Nam. Bạch Hổ và Rồng là 2 mỏ hoạt động chính.

Sản lượng khai thác dầu hiện nay đạt trung bình 28 ngàn tấn/ngày; đầu quý 2 năm 1997 sản lượng đưa khí vào bờ đạt 1,5-2 triệu mét khối/ngày, cung cấp cho các tổ máy nhiệt điện Bà Rịa và Phú Mỹ. sản lượng khai thác dầu năm 1996 đạt 8,22 triệu tấn, vượt kế hoạch 468.000 tấn. Tổng doanh thu bán dầu tính từ năm 1991 đến đầu tháng 10 năm 1997 đạt 6,3 tỉ USD. Nộp ngân sách Nhà nước Việt Nam : 3,4 tỉ USD.

Kế hoạch dự kiến 1996-2000: khai thác 50,4 triệu tấn dầu, 4-4,5 tỉ mét khối khí đồng hành, trong đó, năm 1997 sẽ khai thác 9,35 triệu tấn dầu thô, 600 triệu mét khối khí.

Do đạt được những thành tích xuất sắc khai thác dầu, khí trong nhiều năm liên tục, nhân sự kiện VIETSOPETRO khai thác tấn dầu thứ 50 triệu, ngày 31 tháng 10 năm 1997 Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam đã quyết định tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động" cho Tập thể Lao động Quốc tế VIETSOPETRO

VIETSOPETRO có căn cứ dịch vụ tổng hợp trên bờ bao gồm : cảng chuyên dùng có khả năng đón tàu trọng tải 1 vạn tấn cập bến an toàn; căn cứ đội tàu và công tác lặn ; các bãi lắp ráp cấu kiện kim loại xây dựng các công trình dầu khí biển ; bãi bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị khoan, khai thác; xí nghiệp sửa chữa cơ - điện; hệ thống kho và cung ứng vật tư; trung tâm an toàn - bảo vệ môi trường. Căn cứ tổng hợp này đủ sức dịch vụ khai thác hàng năm từ 12 đến 15 triệu tấn dầu thô, 1-1,2 tỉ mét khối khí.

Trong những năm qua, VIETSOPETRO đã hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trên 35 tỉ đồng dùng vào xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, tặng nhà tình nghĩa cho một số gia đình trong diện chính sách, nuôi dưỡng 20 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng...

Với các địa phương khác trong cả nước, VIETSOPETRO thường xuyên giúp đỡ hàng chục tỉ đồng cho đồng bào bị thiên tai, tôn tạo các di tích lịch sử, xây dựng nhà tình nghĩa, nhận nuôi dưỡng 40 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng ở Quảng Trị, Quảng Nam.

Sau cơn bão số 5, VIETSOPETRO đã vận động, quyên góp được số tiền 1 tỉ 235 triệu đồng ủng hộ đồng bào bị nạn.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 541 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

7
4-1998

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	TRẦN ĐỨC LƯƠNG - Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động các cơ quan nội chính	3
	PHẠM THẾ DUYỆT - Quán triệt sâu sắc tinh thần của Nghị quyết Trung ương 4 để đưa nền kinh tế nước ta lên bước phát triển mới	8
	LÊ ĐĂNG DOANH - Luật khuyến khích đầu tư trong nước phải có tác dụng huy động mọi nguồn lực để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	11
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NHẬN ĐÀ - Cách nhìn và cái biết	15
	LƯU MINH TRỊ - Đổi mới công tác tuyên truyền miệng	22
	LƯƠNG NGỌC - Thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" ở nông thôn và xây dựng quy chế dân chủ ở xã	24
	HỒ SĨ QUÝ - Trước thách thức mới ở Đông Á, nghĩ về vai trò văn hóa	28
	HỒ TRỌNG HOÀI - Thái độ đối với văn hóa truyền thống	31
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	PHẠM QUANG NGHỊ - Những kết quả đạt được qua một năm tiếp tục làm giao thông nông thôn ở Hà Nam	35
	HOÀNG CÔNG DUNG - Về giải quyết những vấn đề phòng chống ma túy ở Yên Bái	38
	NGUYỄN CHƠN TRUNG - Khu chế xuất Tân Thuận - mô hình kinh tế mới đầu tiên ở Việt Nam	42
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	THAO HIỂN - Đọc gián tiếp	45
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	HỌC PHI - Suy nghĩ về viết lịch sử Đảng	46
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN VĂN HẢI - Nhân loại trước biến đổi khí hậu toàn cầu	49
	LÊ BÁ THUYÊN - Chiến lược toàn cầu của Mỹ "Cam kết và Mở rộng"	53
	VŨ NGỌC - Liệu cơn địa chấn toàn cầu của khủng hoảng tiền tệ có làm đảo lộn trật tự kinh tế thế giới ?	56
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Cạnh tranh. Các hình thức cạnh tranh	58
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Hội thảo khoa học "về văn hóa và chiến lược văn hóa"	59

Bìa 1 : *Cầu Đông kinh (Lạng Sơn) trong buổi lễ khánh thành* **Ảnh : TTXVN**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЧАН ДЫК ЛЫОНГ - Укрепление и повышение качества деятельности внутриполитических органов. ФАМ ТХЕ ЗУЕТ - Твёрдо усвоить дух решений 4ого Пленума ЦК КПВ во имя повышения нашей экономики на новый уровень развития. ЛЕ ДАНГ ЗОАНЬ - Закон о поощрении отечественной инвестиции должен иметь мобилизирующий эффект для всевозможных ресурсов годных к индустриализации и модернизации страны. НЯН ДА - Мировоззрение и опознанное. ЛЫУ МИНЬ ЧИ - Обновление для устной пропаганды. ЛЫОНГ НГОК - Реализовать общую установку : "Народ знает, народ обсуждает, народ делает и народ проверяет" и укреплять демократический статус в рамке коммуны. ХО ШИ КУЙ - Думать о роле культуры перед лицом новых вызовов в Восточной Азии. ХО ЧОНГ ХОАЙ - Отношение к традиционной культуре. ФАМ КУАНГ НГИ - Достигнутые результаты после одного года дальнейщего расширения и улучшения транспортной сети в деревне провинции Ха Нам. НГУЕН ВАН ХАЙ - Человечество перед лицом климатических перемен на глобальном масштабе. ЛЕ БА ТХУЕН - Американская глобальная стратегия "Обязательства и расширения". ВУ НГОК - Опрокинет ли сейсмическое трясение глобального монетного кризиса мировой экономический порядок.

CONTENTS

TRẦN ĐỨC LƯƠNG - Strengthening and improving the operation quality of internal administrative organs. PHẠM THẾ DUYỆT - Grasping thoroughly the spirit of the Resolution of the 4th Plenum of Party Central Committee. LÊ ĐĂNG DOANH - Law on Encouragement of Domestic Investment should have the mobilizing effect with regard to all sources suitable for national industrialization and modernization. NHẬN ĐÀ - The outlook and the identified. LƯU MINH TRỊ - Renovation of the work of oral propagation. LƯƠNG NGỌC - Implement the motto "The people know, the people discuss, the people do and the people control" in rural areas and building up democratic institution in the framework of a commune. HỒ SỸ QUÝ - Thinking about the role of culture in the face of new challenges in East Asia. HỒ TRỌNG HOÀI - Attitude to traditional culture. PHẠM QUẢNG NGHỊ - Achievements gained after one year of further development of rural traffic in Hà Nam province. NGUYỄN VĂN HẢI - Mankind in the face of global climatic changes. LÊ BÁ THUYÊN - The US's global strategy of "commitments and expansions". VŨ NGỌC - May the global shake of the monetary crisis upset the world economic order ?

SOMMAIRE

TRẦN ĐỨC LƯƠNG -Parfaire les organismes des affaires intérieures et améliorer la qualité de leurs activités. PHẠM THẾ DUYỆT - Soyons imprégnés de l'esprit de la Résolution du 4e Plénum du CC du Parti pour faire avancer notre économie vers un nouveau développment. LÊ ĐĂNG DOANH - Que la Loi sur l'encouragement des investissements à l'intérieur du pays ait pour effet de mobiliser toutes les sources en vue de l'industrialisation et de la modernisation du pays. NHẬN ĐÀ - La manière de voir et la connaissance. LƯU MINH TRỊ - Renouvelons le travail de propagande oral. LƯƠNG NGỌC - Réalisons la devise "Que le peuple sache, discute, exécute et contrôle" à la campagne et mettons sur pied les règlementations démocratiques à la commune. HỒ SỸ QUÝ - Face à de nouveaux défis à l'Asie orientale, réfléchissons sur le rôle de la culture. HỒ TRỌNG HOÀI - Notre attitude envers la culture traditionnelle. PHẠM QUẢNG NGHỊ - Sur les résulltats obtenus l'année passée dans les communications rurales au Ha Nam. NGUYỄN VĂN HẢI - L'humanité devant les changements climatiques du monde. LÊ BÁ THUYÊN - La stratégie planétaire "d'engament et d'extension" des Etats-Unis. VŨ NGỌC - Le séisme global de la crise monétaire bouleverse-t-il l'ordre économique du monde ?

SUMARIO

TRẦN ĐỨC LƯƠNG -Perfeccionar los organismos de asuntos internos y mejorar la calidad de sus actividades. PHẠM THẾ DUYỆT - Imbuir profundamente el espíritu de la Resolución del Cuarto Pleno del Comité Central del Partido para llevar la economía de nuestro país a un nuevo paso de desarrollo. LÊ ĐĂNG DOANH - La Ley de estimulación de la inversión intena debe tener su efectividad en la movilización de todos los recursos en vía de la industrialización y modernización del país. NHẬN ĐÀ - La manera de ver y conocer. LƯU MINH TRỊ - Renovación en la propaganda oral. LƯƠNG NGỌC - La realización de la lema "el pueblo conoce, discute, realice y controla" en el campo y la edificación de los reglamentos democráticos en la instancia de comuna. HỒ SỸ QUÝ - Algunas reflexiones sobre el papel de la cultura ante los nuevos desafíos en Asia Oriental. HỒ TRỌNG HOÀI - Nuestra actitud para con la cultura tradicional. PHẠM QUẢNG NGHỊ - Sobre los resultados en un año de la realización de las comunicaciones rurales en Ha Nam. NGUYỄN VĂN HẢI - La humanidad ante los cambios climáticos globales. LÊ BÁ THUYÊN - La estrategia global de "compromiso y ampliación" de Estados Unidos. VŨ NGỌC - ¿ Puede trastornar el orden de la economía mundial el terremoto global de la crisis monetaria ?

目录

•陈德良: 健全和提高内政机构的运作质量•范世悦: 切实贯彻四中全会决议的精神, 把我国的经济推向新的发展阶段•黎登营: 《鼓励国内投资法》必须有发掘一切源力实现国家工业化、现代化的作用•雁沱: 观点和认识•刘明治: 革新口头宣传工作•良玉: 在农村实现"民知、民议、民做、民查"及在乡建立民主规制•胡士贵: 面对东亚新的挑战, 考虑到文化所起的作用•胡仲怀: 对传统文化的态度•范光议: 河南省一年来落实农村交通网工作所取得的成果•阮文海: 人类面对全球气候的变化•黎伯诠: 美国关于"承诺与扩大"的全球战略•武玉: 金融危机导致"全球地震", 是否会扰乱世界经济秩序.

Digitized by Google

KIỆN TOÀN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CÁC CƠ QUAN NỘI CHÍNH **

TRẦN ĐỨC LƯƠNG *

Từ khi mới ra đời, và đặc biệt sau khi giành được chính quyền, Đảng ta luôn coi trọng việc xây dựng Nhà nước, một nhà nước cách mạng, nhà nước kiểu mới, nhà nước của dân, do dân, vì dân nhằm thực hiện mục tiêu của Đảng ta là mang lại độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Tùy thuộc tình hình lịch sử của từng thời kỳ, Đảng ta đã có chủ trương xây dựng Nhà nước với cơ cấu, chức năng thích hợp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của từng giai đoạn nhưng không bao giờ xa rời nguyên tắc ***Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.*** Đảng và nhân dân giám sát các hoạt động của chính quyền nhà nước các cấp. Sự thống nhất Đảng - Nhà nước - Nhân dân là nguồn gốc của sức mạnh thần kỳ của dân tộc Việt Nam đã được chứng minh trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta hơn nửa thế kỷ qua. Đường lối, mục tiêu, chiến lược của Đảng được thể hiện một cách đầy đủ trong hệ thống pháp luật, nhưng Đảng không đứng trên và đứng ngoài pháp luật. Nhà nước được nhân dân cử ra quản lý đất nước bằng pháp luật. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, quyền tự do của mình trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức chính trị - xã hội cũng phải trong phạm vi pháp luật quy định. Cần đặc biệt lưu ý là trong thể chế chính trị - xã hội của chúng ta, không chỉ Nhà nước mà cả hệ thống chính trị, bao gồm Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị trong Mặt trận Tổ quốc, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo lo việc tổ chức động viên và quản lý xã hội. Đó chính là sự khác biệt cơ bản giữa mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta với nhà nước tư bản chủ nghĩa. Điều này được khẳng định rõ trong Hiến pháp, đạo luật cơ bản của Nhà nước. Chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mà bản chất của nó là mọi quyền lực phải thuộc về nhân dân. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nhà nước mà các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp hoạt động vừa có sự phân công rõ ràng, lại vừa có sự phối hợp chặt chẽ. Sự lãnh đạo của Đảng chính là nhằm thực hiện sự phân công và phối hợp đó có hiệu quả cao theo hướng bảo đảm cho dân chủ và pháp luật được thực hiện thông suốt trong toàn xã hội.

Bước sang thời kỳ đổi mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thời kỳ chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thời kỳ mới đó đòi hỏi phải có sự điều chỉnh về phạm vi và phương thức hoạt động của Nhà nước. Nhà nước quản lý đất nước trong giai đoạn này chỉ có thể có hiệu quả cao, nếu Nhà nước tạo lập được một môi trường pháp lý rõ ràng để mọi công dân, mọi tổ chức đều có thể tự mình quyết định làm những việc pháp luật cho phép và tự giác không làm những việc pháp luật không cho phép, đồng thời họ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình, chứ không phải

---

* Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam

** Bài phát biểu tại Hội nghị nội chính đảng toàn quốc tháng 3-1998

Digitized by Google

đi xin phép các cơ quan quản lý nhà nước từng việc, cho hay không cho là tùy thuộc các cơ quan nhà nước. Mặt khác, chính các cơ quan nhà nước, các cán bộ công chức nhà nước cũng phải biết tự mình tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. Việc tuyên truyền, giải thích pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật trong xã hội không phải chỉ thông qua hệ thống cơ quan chính quyền các cấp, mà còn là nhiệm vụ của các tổ chức chính trị xã hội trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Để xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp với sự nghiệp đổi mới, trong hơn mười năm qua, Nhà nước ta đã có những cố gắng vượt bậc, để xây dựng và ban hành một hệ thống pháp luật điều chỉnh hầu hết các quan hệ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy còn nhiều vấn đề phải được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện, song phải thừa nhận rằng hệ thống pháp luật của chúng ta đã được xây dựng là nhanh và tương đối tiến bộ, phù hợp với tình hình cụ thể của đất nước chúng ta, đang tích cực phát huy tác dụng trong việc điều hành đất nước và sinh hoạt của cộng đồng cũng đang từng bước đi vào khuôn khổ của pháp luật.

Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự là của dân, do dân và vì dân là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của tất cả các cơ quan trong hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Trong đó, các cơ quan nội chính nhà nước, theo cách hiểu chung hiện nay là các cơ quan bảo vệ pháp luật và có quan hệ trực tiếp với hoạt động tư pháp giữ một vai trò đặc biệt quan trọng. Có thể nói rằng; các cơ quan nội chính là công cụ của Đảng và của Nhà nước để thực hiện quyền dân chủ của nhân dân, kỷ cương pháp luật của Nhà nước, mà suy cho cùng cũng chính là để thực hiện quyền dân chủ của nhân dân - quyền dân chủ cao nhất. Trong suốt chiều dài lịch sử của đất nước, được Đảng và Bác Hồ thành lập, dìu dắt và đào tạo, các cơ quan nội chính các cấp đã đóng góp vô cùng quan trọng trong việc thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời gian vừa qua, các cơ quan nội chính đã phát hiện kịp thời và tham mưu cho Đảng và Nhà nước nhiều vấn đề quan trọng. Đã chủ động soạn thảo nhiều dự thảo các văn bản pháp quy. Tích cực tham gia xây dựng hệ thống pháp luật, đồng thời cùng với cả hệ thống nhà nước, hệ thống chính trị phổ biến, giáo dục để nâng cao một bước dân trí về luật nhằm bảo đảm thực hiện pháp luật một cách nghiêm túc trong xã hội. Công tác kiểm sát, thanh tra cũng đã được nâng cao thêm một bước, vừa chú trọng mở rộng ra tất cả các lĩnh vực vừa biết tập trung vào các vấn đề cốt yếu nhằm bảo vệ, xây dựng chính quyền vững mạnh, giữ vững uy tín của Đảng và Nhà nước, giữ gìn trật tự an ninh trong cộng đồng, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân. Các cơ quan công an, kiểm sát, thanh tra hoạt động có hiệu quả, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ an toàn tuyệt đối cho các cơ quan đảng và nhà nước, các đồng chí lãnh đạo cao cấp, các hoạt động lớn của đất nước. Các cơ quan nội chính đã có nhiều cố gắng trấn áp bọn tội phạm, bắt đúng người, xử lý đúng tội, nhiều vụ án hình sự lớn và quan trọng đã xử lý nhanh gọn, đặc biệt đáng chú ý là các vụ án tham nhũng, ma túy, xâm phạm nhân phẩm, tính mạng và tài sản của nhân dân. Nhiều bản án đã được công luận hoan nghênh và đánh giá là khoa học, nghiêm minh và đúng pháp luật. Việc xét xử và thi hành án dân sự cũng đã có nhiều chuyển biến tích cực, đã giải quyết một phần các tranh chấp dân sự, góp phần vào việc ổn định xã hội, nâng cao tính cộng đồng trong các đơn vị dân cư. Công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, chống thất thu thuế cũng đã đạt được thành công bước đầu.

Trong những năm vừa qua, các cơ quan nội chính của Đảng đã có những bước chuyển biến đáng kể ; từng bước tiếp cận được với thực tiễn đổi mới của đất nước, thực hiện ngày càng tốt hơn vai trò là cơ quan tham mưu cho đảng ủy các cấp trong việc theo dõi, giám sát, phối hợp và chỉ đạo hoạt động của các cơ quan nội chính nhà nước.

Digitized by Google

Nhìn chung, đa số các cấp ủy đảng ở địa phương có sự quan tâm hơn đến công tác nội chính, chú trọng hơn đến công tác lãnh đạo các hoạt động nội chính, làm hậu thuẫn cho công việc chỉ đạo, điều hành xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở địa phương mình.

Thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương sự cố gắng đó của các cơ quan thuộc khối nội chính.

Khách quan mà nói, trong thời gian qua, tuy các cơ quan nội chính đảng và nhà nước về cơ bản đã cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ được giao, song trong quá trình hoạt động thực tiễn cũng đã bộc lộ không ít những nhược điểm và khuyết điểm. Nếu chúng ta không sớm cùng nhau xem xét, đánh giá đúng thực trạng và đúc kết cho được những bài học cần thiết để sửa chữa thật tốt khuyết điểm, nâng cao chất lượng công tác thì không những chúng ta không hoàn thành tốt được nhiệm vụ, mà còn bị nhân dân chê trách, phê phán. Tôi đề nghị các đồng chí tại Hội nghị này và cũng như sau này từng cơ quan nội chính hãy thảo luận để thấy rõ những khuyết điểm của mình, phân tích thật kỹ những nguyên nhân chủ quan và khách quan để đề ra cho được kế hoạch, biện pháp sửa chữa nhằm thực hiện công tác tư pháp theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thảo luận, tôi đề nghị các đồng chí lưu ý thêm một số tình hình sau đây :

Theo tôi, điều có ý nghĩa rất quan trọng là vấn đề cán bộ. Trong các cơ quan nội chính hiện nay vấn đề trình độ, phẩm chất đạo đức của một số cán bộ hết sức bức xúc. Không ít cán bộ trong các khâu công tác tư pháp, từ điều tra, truy tố, xét xử, cho đến thi hành án, quản lý các trại giam... còn phạm phải những sai sót. Một số cán bộ không được đào tạo một cách chính quy, chưa am hiểu thấu đáo quy định của pháp luật, không thông thạo chuyên môn, nghiệp vụ của mình nên xử lý công việc thường theo cảm tính, theo kinh nghiệm cá nhân, dẫn đến việc thực hiện nhiệm vụ không đúng như quy định của pháp luật. Một số không ít cán bộ trong ngành tư pháp đã và đang bị thoái hóa, biến chất trước sự cám dỗ của đồng tiền, lợi dụng chức quyền những nhiễu, hách dịch với nhân dân, không còn đủ tư cách, phẩm chất đạo đức của người cán bộ nội chính. Số cán bộ này đã đánh mất niềm tin của nhân dân, ảnh hưởng đến uy tín của ngành nội chính, của Nhà nước và của Đảng.

Việc phân định trách nhiệm giữa các khâu trong quá trình xử lý công việc có chỗ chưa được rõ. Việc phối kết hợp giữa các cơ quan thiếu chặt chẽ, vừa có sự chồng chéo lại vừa buông lỏng ở khâu này khâu khác, nơi này nơi khác. Không ít các trường hợp phức tạp, một số cơ quan trong khối nội chính không thực hiện hết trách nhiệm của mình ; còn có hiện tượng đùn đẩy công việc sang các cơ quan khác hoặc lên cấp trên. Không ít trường hợp các cơ quan có trách nhiệm đã hữu khuynh, né tránh, bao che... làm cho quá trình xử lý công việc kéo dài, dẫn đến việc xử lý không đúng như quy định của pháp luật, gây ra không ít sai trái ; mặt khác, lại nương nhẹ hoặc bỏ qua một số vụ án, tham nhũng lớn làm cho nhân dân và dư luận xã hội công phẫn.

Công tác điều tra còn nhiều vấn đề bất cập. Việc bắt người, tạm giam chưa đúng thủ tục, chưa đủ lý do, căn cứ như quy định của pháp luật còn khá nhiều. Theo báo cáo của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa X thì có đến khoảng 1/3 số người bị bắt, tạm giam được trả tự do là một tỷ lệ khó có thể chấp nhận được.

Việc phân tích tính chất một số vụ án còn có phần chưa kỹ, có lúc còn chủ quan hoặc theo sức ép của dư luận. Do vậy, đã có trường hợp hình sự hóa các vụ án kinh tế, các vụ án dân sự và ngược lại.

Công tác giải quyết khiếu tố, khiếu nại của các cấp chính quyền, các cơ quan nội chính thực hiện chưa tốt. Việc dân khiếu kiện không được xử lý một cách kịp thời, có tình, có lý, đúng cấp, đúng thẩm quyền, để dân phải khiếu kiện nhiều lần, kéo dài nhiều năm và vượt cấp. Có trường hợp đúng như quy định là cấp xã, phường phải xử lý, nhưng người dân phải khiếu kiện hàng trăm lần, lên đến tận các cơ quan trung ương,

Digitized by Google

thậm chí cả các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước. Chính quyền địa phương cấp trên cũng quan liêu, không quan tâm đúng mức tình hình đã tạo ra sự dồn nén, uất ức trong dân, dẫn đến việc khiếu kiện tập thể đông người, gây mất ổn định xã hội, các thế lực thù địch lợi dụng. Tình hình ở tỉnh Thái Bình là một điển hình cụ thể. Tôi đề nghị chúng ta rút ra bài học kịp thời và nghiêm túc về việc này, có quyết tâm cao trong công tác của mình, không để cho tình hình này tiếp tục diễn ra.

Do chưa xác định thật rõ phạm vi và chức năng hoạt động nên các tổ chức nội chính đảng cũng còn có biểu hiện lúng túng, nhiều trường hợp còn bao biện, làm thay công việc của các cơ quan nội chính nhà nước hoặc của các cơ quan tham mưu khác của cấp ủy đảng. Có những trường hợp cơ quan nội chính của Đảng và cấp ủy đảng còn can thiệp vào công việc nghiệp vụ của các cơ quan tư pháp, làm cho các cơ quan này ỷ lại hoặc thực thi công việc của mình thiếu khách quan, thiếu sự chủ động, sáng tạo. Chức năng của các tổ chức đảng trong việc phối hợp giữa các cơ quan nội chính, nhất là trong trường hợp còn có ý kiến khác nhau chưa đủ mạnh, chưa đủ sức thuyết phục. Chức năng tham mưu cho các cấp ủy đảng chưa đáp ứng được như mong muốn.

Tình hình đất nước và quốc tế đặt ra nhiều vấn đề cần phải đổi mới đối với công tác nội chính. Nhiệm vụ của chúng ta rất nặng nề. Có những việc phải làm lâu dài, nhưng cũng có việc cấp bách phải làm ngay, không thể chậm trễ. Cũng có những vấn đề cần nghiên cứu để làm rõ thêm và tiếp tục giải quyết. Các ngành nội chính, các cấp ủy địa phương, các ban nội chính đảng đều đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 1998. Tại Hội nghị này, tôi nêu một số công việc mà công tác nội chính của chúng ta cần tập trung vào để thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) và Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) như sau :

1. Tiếp tục xây dựng các cơ quan nội chính nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII), mỗi tổ chức cần tuân thủ và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo luật định. Trên cơ sở đó có sự tổng kết thực tiễn, tiếp tục đề xuất các nội dung cần thiết về cải cách tư pháp. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan điều tra thực hiện trên nguyên tắc kết hợp chặt chẽ giữa trinh sát và cơ quan điều tra ; bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất từ trung ương đến địa phương. Viện Kiểm sát nhân dân đào tạo cán bộ, sắp xếp bộ máy để thực hiện tốt quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Xây dựng bộ máy tòa án các cấp, trên cơ sở phân định lại thẩm quyền của từng tòa án và sửa đổi thủ tục tố tụng. Có chế độ kiểm tra chặt chẽ hoạt động của các cán bộ tòa án ; cải tiến việc nhận xét, đánh giá thẩm phán về cả năng lực và phẩm chất để giúp Chủ tịch nước bổ nhiệm thẩm phán.

Xây dựng bộ máy các cơ quan tư pháp các cấp cần hướng vào việc thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu có sự phân biệt nhiệm vụ của Bộ Tư pháp với nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân địa phương và thực hiện xã hội hóa một số công việc về tư pháp.

2. Các cơ quan thanh tra được xây dựng cho phù hợp với tính chất là công cụ của quản lý nhà nước, phục vụ chủ trương tăng cường kiểm kê, kiểm soát, thúc đẩy phát triển kinh tế và đấu tranh có hiệu quả với các vi phạm pháp luật, giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của cá nhân và tổ chức.

Xây dựng các cơ quan hải quan hiện đại, phù hợp với yêu cầu của tình hình mới, bảo đảm kiểm tra, giám sát, chống buôn lậu, gian lận thương mại có hiệu quả, hỗ trợ cho sản xuất trong nước, thúc đẩy đầu tư nước ngoài.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan bảo vệ pháp luật. Xây dựng và thực hiện các quy chế dân chủ ở các cơ quan công an, kiểm sát, tòa án, thanh tra, tư pháp, hải quan. Thực hiện chế độ dân chủ trong nội bộ các cơ quan nội chính và trong quan hệ với cá nhân, tổ chức có liên quan.

3. Đẩy mạnh công tác kiểm tra thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước, từ đó mà tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật, có biện

Digitized by Google

pháp tổ chức thực hiện cho tốt hơn và đấu tranh chống lại mọi sự vi phạm. Cần phân định rõ nhiệm vụ giữa các cơ quan công an, thanh tra, kiểm sát ; sắp xếp lại bộ máy cho phù hợp. Tăng cường phối hợp chặt chẽ hoạt động của các cơ quan thanh tra, kiểm sát với các ủy ban kiểm tra Đảng, các ủy ban của Quốc hội, các ban của Hội đồng nhân dân để thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chung của Đảng và Nhà nước.

4. Thực hiện phương châm chủ động phòng ngừa, xây là chính trong hoạt động bảo vệ pháp luật như lời Bác Hồ : "Xét xử đúng là tốt, nhưng nếu không phải xét xử thì tốt hơn". Điều đó đòi hỏi phải hoàn thiện chính sách, pháp luật, làm tốt công tác trinh sát, điều tra, thanh tra, kiểm sát để phát hiện nguyên nhân, điều kiện vi phạm, tội phạm. Nâng cao ý thức pháp luật để người dân tự mình thực hiện đúng pháp luật và đấu tranh với sự vi phạm của người khác. Tổ chức, hướng dẫn nhân dân tự quản lý, tự giải quyết các tranh chấp, xử lý các mâu thuẫn, vi phạm nhỏ ; chủ động phát hiện các vi phạm, tội phạm để giúp các cơ quan bảo vệ pháp luật đấu tranh phòng, chống vi phạm và tội phạm. Giải quyết kịp thời đúng đắn các khiếu nại, tố cáo của cá nhân và tổ chức, không để dẫn tới các điểm nóng, khiếu kiện tập thể. Các cơ quan bảo vệ pháp luật khi báo cáo về các vụ việc vi phạm, tội phạm cần xin ý kiến chỉ đạo thì cần phải báo cáo đầy đủ mọi tình tiết, nêu rõ cơ sở pháp lý để giúp lãnh đạo Đảng và Nhà nước quyết định xử lý đúng pháp luật.

5. Một trong các yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là tăng cường vai trò, năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng ở chính các cơ quan nội chính. Các ban cán sự đảng, đảng ủy, chi bộ chịu trách nhiệm trong việc quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng, tổ chức thực hiện và kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng và pháp luật. Sự vững mạnh của các tổ chức đảng trong cơ quan nội chính là điều kiện cơ bản để xây dựng các cơ quan đó trong sạch, vững mạnh. Do vậy, thời gian tới cần kiện toàn, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng trong các cơ quan nội chính, đảng ủy khối nội chính.

6. Theo chương trình làm việc của mình, Bộ Chính trị đang chỉ đạo chuẩn bị để Ban Chấp hành Trung ương Đảng xem xét để có Nghị quyết về công tác xây dựng Đảng vào Kỳ họp thứ 6 sắp tới, trong đó có quyết định chính thức về tổ chức bộ máy tham mưu các cấp ủy đảng. Vì vậy, trước mắt, cấp ủy đảng các cấp cần tổ chức tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 29 của Bộ Chính trị (Khóa VII) về công tác nội chính, đồng thời cần củng cố kiện toàn các ban nội chính các tổ chức hoặc bộ phận nội chính hiện có từ trung ương đến địa phương để đủ khả năng làm tham mưu, giúp cấp ủy lãnh đạo công tác nội chính. Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cần phải có cơ quan tham mưu trên lĩnh vực xây dựng nhà nước và pháp luật, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, sự phối hợp ăn ý giữa các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội ở mỗi cấp. Đồng thời các cơ quan nội chính của Đảng giúp cấp ủy chỉ đạo công tác, phối hợp hoạt động của các ngành nội chính, kiểm tra việc thi hành nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự xã hội.

Thông qua thực tiễn công tác, các cơ quan nội chính của Đảng cần nghiên cứu, bổ sung để chuẩn hóa về chức năng, xác định rõ nhiệm vụ chủ yếu, xây dựng quy chế làm việc, kiện toàn tổ chức và cán bộ. Các cấp ủy đảng cần bố trí cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất để làm nhiệm vụ ở các ban nội chính. Tạo điều kiện để cán bộ nội chính đi sâu nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhiệm vụ kể cả trước mắt và lâu dài.

Trước mắt chúng ta có nhiều thuận lợi, nhưng cũng còn có không ít khó khăn. Tình hình đất nước ổn định và phát triển, nhưng còn nhiều phức tạp và thách thức mới. Nhiệm vụ công tác nội chính rất nặng nề, khó khăn. Các cơ quan nội chính cần phát huy thành tích đã đạt được, vượt qua mọi khó khăn thử thách, hợp tác chặt chẽ với các ngành, các cấp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao.❑

Digitized by Google

QUÁN TRIỆT SÂU SẮC TINH THẦN CỦA NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 4 ĐỂ ĐƯA NỀN KINH TẾ NƯỚC TA LÊN BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI

PHẠM THẾ DUYỆT *

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, phát huy dân chủ và trách nhiệm rất cao, Hội nghị Trung ương lần thứ 4, khóa VIII đã tập trung trí tuệ thảo luận nhiều vấn đề quan trọng của đất nước và đã ra Nghị quyết về "Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000".

Nội dung của Nghị quyết đã đánh giá đúng đắn thực trạng nền kinh tế nước ta hiện nay, nguyên nhân của tình hình, trong đó nêu bật nguyên nhân về lãnh đạo và quản lý ; phân tích rõ những thuận lợi và khó khăn, kể cả những khó khăn phức tạp mới nảy sinh ; từ đó đề ra những chủ trương, giải pháp quan trọng để thực hiện các mục tiêu mà Đại hội VIII đề ra vào năm 2000.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 có ý nghĩa rất quan trọng để đưa nước ta sang thế kỷ XXI. Thời gian không đợi chúng ta. Nhiệm vụ thì nặng nề, khó khăn, thử thách lại rất lớn. Chỉ có tạo ra được sự chuyển biến thật mạnh mẽ cả về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, động viên được tối đa mọi nguồn lực, nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, ra sức cần kiệm, phấn đấu gian khổ thì chúng ta mới đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Để đánh giá đúng đắn thực trạng tình hình kinh tế - xã hội nước ta hai năm qua, trước hết chúng ta cần tiếp tục thấu suốt nhận định của Đại hội VIII về thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức của công cuộc đổi mới ; đồng thời nhận rõ những khó khăn, thách thức mới nảy sinh, trong đó phải kể đến yếu tố thiên tai và sự tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ của các nước trong khu vực.

Cần có sự phân biệt rõ ràng giữa mặt lượng và mặt chất, giữa tốc độ tăng trưởng và kinh tế bền vững. Quan điểm của Đảng ta là cố gắng đạt tốc độ tăng trưởng cao nhưng phải bảo đảm sự phát triển bền vững. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta nhiều năm qua liên tục đạt mức cao so với thế giới là điều đáng vui mừng ; song không được chủ quan, thỏa mãn vì điều đó chưa nói rõ được mặt chất lượng (về chuyển dịch cơ cấu, phân công lao động, hiệu quả, năng suất lao động, chất lượng, khả năng cạnh tranh...). Mặt khác, cũng có những ý kiến bi quan khi thấy tốc độ tăng trưởng giảm dần trong ba năm qua (tuy mức giảm không lớn), thậm chí từ đó đã vội cho rằng cơ chế, chính sách vừa qua đã hết tác dụng, cạn kiệt năng lượng để tạo động lực. Vì vậy họ hô hào phải thay đổi đường lối. Đó là điều không thể chấp nhận được.

Cần khẳng định mạnh mẽ và đúng mức những thành tựu to lớn đã đạt được trong hai năm qua trên các mặt kinh tế, đời sống, ổn định chính trị, quan hệ đối ngoại... làm cho chúng ta có thêm thế và lực, khả năng và cơ hội để tiếp tục phát triển

* Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị

Digitized by Google

trong những năm mới. Đây là mặt cơ bản của tình hình. Đồng thời phải thấy hết mặt hạn chế và yếu kém không kém phần nghiêm trọng của nền kinh tế nước ta, đó là : sự phát triển chưa vững chắc, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, còn nhiều yếu tố chưa bảo đảm tăng trưởng cao và lâu bền. Đặc biệt cần chú ý đến những yếu kém về lãnh đạo, quản lý trong đầu tư phát triển, xây dựng quan hệ sản xuất, phân phối và sự sa sút phẩm chất của một bộ phận đội ngũ cán bộ ; tình trạng tham nhũng, lãng phí lớn, sự chênh lệch giữa các vùng ngày càng xa, dân chủ xã hội chủ nghĩa có mặt còn bị hạn chế...

Từ những kết quả và thành tựu đạt được trong hai năm qua, một lần nữa cần khẳng định đường lối chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta là đúng đắn và đang tiếp tục được phát huy, cần được thực hiện triệt để. Trong chỉ đạo điều hành chúng ta cũng có bước trưởng thành mới. Mọi mưu toan hòng bác bỏ, xuyên tạc đường lối của Đảng ta lại bị chính thực tiễn hùng hồn bác bỏ.

Về nguyên nhân của những yếu kém, Nghị quyết đã nêu bật nguyên nhân chủ quan về lãnh đạo, quản lý, về bộ máy, tổ chức cán bộ, trong đó chỉ rõ khâu yếu kém lớn là việc tổ chức thực hiện, thể chế hóa, cụ thể hóa nghị quyết của Đảng, chậm đưa đường lối của Đảng vào cuộc sống. Đây là trách nhiệm của nhiều ngành, nhiều cấp từ trung ương đến địa phương và cơ sở, của một số cán bộ đảng viên thiếu trách nhiệm không làm theo nghị quyết hoặc làm trái nghị quyết. Mỗi cấp ủy, mỗi đồng chí cần tự liên hệ, tự phê bình, rút kinh nghiệm để sửa chữa ngay khuyết điểm này.

Từ sự phân tích khách quan thực trạng tình hình kinh tế - xã hội nước ta hai năm qua cho thấy, chúng ta đã và đang có thêm thế và lực mới để bước vào chặng đường tiếp theo. Điều đó củng cố niềm tin và tăng thêm ý chí, nghị lực để chúng ta phấn đấu, tạo ra những khả năng mới cho việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ mà Đại hội VIII đã đề ra.

Nghị quyết Trung ương 4 đã nêu "Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt" các chủ trương, chính sách lớn về kinh tế từ nay đến năm 2000 là : "Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, khơi dậy và phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cần kiệm để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, kết hợp chặt chẽ với phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội. Ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nâng cao ý chí tự lực tự cường, giữ vững bản sắc dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế. Bảo đảm an ninh, quốc phòng vững chắc. Kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế - xã hội với cải cách bộ máy nhà nước và hệ thống hành chính, xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới".

Để quán triệt tư tưởng nêu trên chúng ta cần chú ý những vấn đề sau đây :

- Trước sau như một, Đảng ta kiên trì con đường đổi mới được Đại hội VI đề ra để đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Công cuộc đổi mới tiến hành hơn 10 năm qua đã đưa lại những kết quả to lớn như Đại hội VIII đã đánh giá và trong Nghị quyết Trung ương lần này tiếp tục khẳng định. Công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu các lĩnh vực của đời sống xã hội càng có cơ sở vững chắc cho sự phát triển, đặt ra yêu cầu khách quan phải tiếp tục đẩy mạnh. Đây là con đường hợp quy luật, hợp lòng dân, hợp xu thế phát triển của thời đại, không thể đảo ngược được. Nghị quyết Trung ương 4 tiếp tục khẳng định điều đó là vì những lẽ nêu ở trên chứ không phải do bị một sức ép nào hoặc là kết quả của một quyết định chủ quan, nóng vội nào. Vấn đề là ở chỗ chúng ta đổi mới theo Cương lĩnh, đường lối được các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng vạch ra và được các Nghị quyết Trung ương cụ thể hóa chứ không đổi mới theo đường lối, nguyên tắc của người khác áp đặt.

- Nội dung của tư tưởng chỉ đạo nêu trong Nghị quyết là sự tổng kết hệ thống các quan điểm lớn của Đảng trong suốt hơn 10 năm lãnh đạo công cuộc đổi mới ; trong đó giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa các mặt, các lĩnh vực cơ bản trong kinh tế, giữa kinh tế với văn hóa, bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị ; quan hệ giữa bên trong với bên ngoài... bảo đảm cho sự phát triển

Digitized by Google

nhanh và bền vững, đúng quy luật, sát thực tiễn nước ta, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự tổng kết này có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc, đánh dấu sự trưởng thành mới về năng lực tổng kết thực tiễn của Đảng ta.

- Cần nắm vững quan điểm phát huy tối đa sức mạnh nội lực, đồng thời nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cần kiệm để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là bài học kinh nghiệm quý báu mà nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm và xây dựng đất nước từng nêu lên, với tinh thần "dựa vào sức mình là chính", nay vẫn mang tính thời sự nóng hổi.

Thấm nhuần quan điểm này là để chúng ta xử lý đúng đắn mối quan hệ với các nước trong việc tạo ra vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vốn không chỉ là tiền, công nghệ, mà phải hiểu là nội lực, tức là toàn bộ sức mạnh vật chất và tinh thần của toàn dân tộc.

Nội lực trước hết là con người Việt Nam, nền văn hóa Việt Nam với các giá trị cao đẹp, các truyền thống quý báu, với chủ nghĩa anh hùng cách mạng, có Đảng cộng sản được vũ trang bằng hệ tư tưởng cách mạng và khoa học lãnh đạo, đề ra đường lối đúng đắn, có nhà nước của dân, do dân, vì dân, ngày càng có hiệu lực, hiệu quả, cùng với các đoàn thể chính trị hợp thành hệ thống chính trị vững mạnh. Nội lực còn bao gồm tài nguyên thiên nhiên phong phú, cơ sở vật chất - kỹ thuật đã được xây dựng, cùng kinh nghiệm đã tích lũy được...

Cần kiệm trong sản xuất tiêu dùng, dồn vốn cho sản xuất kinh doanh, cho đầu tư phát triển là nội dung rất cơ bản của việc phát huy nội lực. Chỉ có cần kiệm mới thực hiện được công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cần ngăn chặn tình trạng lãng phí nghiêm trọng hiện nay về sức người (gồm cả chất xám) và tiền bạc. Là nước nghèo nhưng hiện nay chúng ta đang tiêu dùng quá mức, quá lãng phí. Cần có hệ thống chính sách, cơ chế, biện pháp có hiệu quả, khuyến khích toàn dân triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, làm cho tiết kiệm trở thành quốc sách hàng đầu.

- Chỉ có ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất chúng ta mới có thể phát triển nhanh. Đồng thời, phải xây dựng quan hệ sản xuất mới, phù hợp với tính chất, trình độ của lực lượng sản xuất mới thể hiện được bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Song sự phát triển nói chung chỉ được coi là bền vững khi kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, có một nền giáo dục được phát triển và một nền an ninh - quốc phòng vững mạnh. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ, xuyên suốt các giai đoạn lịch sử của dân tộc.

Chúng ta coi nội lực là yếu tố quyết định, ngoại lực là yếu tố quan trọng trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thu hút các nguồn lực từ bên ngoài là một chính sách nhất quán và lâu dài. Tuy nhiên có phát huy cao nhất nội lực, có nội lực đủ mạnh mới có thể thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài, mới bảo vệ được độc lập, tự chủ khi tham gia phân công và hợp tác quốc tế, không bị lệ thuộc hoặc hòa tan.

Trong tiến trình hội nhập quốc tế cần nêu cao ý chí tự lực tự cường, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc. Chỉ có giữ vững bản sắc dân tộc mới có đủ khả năng hội nhập sâu rộng, có hiệu quả, mới có đủ sức hấp thụ tinh hoa văn hóa nhân loại, không bị hòa tan và trở thành cái bóng mờ của người khác.

Quán triệt Nghị quyết, mỗi chúng ta cần liên hệ với tình hình ở ngành, địa phương và cơ sở mình. Kinh nghiệm thực tế cho thấy trong quá trình chỉ đạo thực tiễn thường xảy ra tình trạng ai biết việc người ấy, lĩnh vực nào biết lĩnh vực ấy. Vì vậy chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp, thậm chí còn tách rời hoặc mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ. Những cơ quan ở tầm vĩ mô có trách nhiệm đề ra chiến lược, quy hoạch tổng thể và tổ chức phối hợp các nguồn lực ăn khớp, đồng bộ, nhịp nhàng. Còn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cụ thể, mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đồng chí lãnh đạo phải thường xuyên kiểm tra và tự kiểm tra, đối chiếu với những quan điểm của Nghị quyết, kịp thời uốn nắn, sửa chữa những lệch lạc, khuyết điểm. Chỉ có như vậy thì Nghị quyết mới thực sự đi vào cuộc sống.❑

Digitized by Google

LUẬT KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC PHẢI CÓ TÁC DỤNG HUY ĐỘNG MỌI NGUỒN LỰC ĐỂ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

LÊ ĐĂNG DOANH *

Tư tưởng phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước do Đảng đề ra chính là nhằm phát huy mọi nguồn lực trong mọi tầng lớp nhân dân để xây dựng đất nước theo quy định của pháp luật. Luật khuyến khích đầu tư trong nước (KKĐTTN) ra đời (Quốc hội thông qua ngày 22-6-1994, có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-1995) nhằm thể chế hóa những tư tưởng chiến lược của Đảng trong thời kỳ mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ khi triển khai thi hành Luật KKĐTTN đến nay (bằng Nghị định 29/CP của Chính phủ và tận cuối năm 1995 các thông tư của các bộ mới được ban hành), thời gian tuy chưa lâu, nhưng đã có hơn 1000 dự án được cấp giấy phép và được hưởng các ưu đãi do Luật định với khoảng 8 500 tỉ đồng vốn đăng ký và Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia đã cấp 885 tỉ đồng vốn ưu đãi. Trong đó các địa phương cấp khoảng 1 000 dự án với số vốn đăng ký hơn 7 000 tỉ đồng (vốn đầu tư của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm gần 25%), ở cấp trung ương cấp được 37 dự án với 1 300 tỉ đồng vốn đăng ký. Năm 1997 so với năm 1991, số dự án đầu tư trong nước chỉ tăng 2,36 lần, nhưng số vốn lại tăng tới 5,13 lần, điều đó chứng tỏ các dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn lớn dần, hướng vào đầu tư theo chiều sâu. Bên cạnh sự tăng mạnh số doanh nghiệp đầu tư trong nước, đến nay đã có hơn 107 dự án với tổng số vốn đăng ký hơn 105 tỉ đồng thuộc diện ưu đãi đầu tư theo Luật KKĐTTN của người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam... So với Luật đầu tư nước ngoài, nhiều người Việt Nam ở nước ngoài đã lựa chọn Luật KKĐTTN để đầu tư.

Những kết quả đạt được trong vài năm thực hiện Luật KKĐTTN như đã nêu ở trên là rất đáng khích lệ. Nhưng so với yêu cầu phát triển của nền kinh tế, như dự tính của các nhà khoa học, cho đến cuối thế kỷ XX, nếu giữ được tốc độ tăng trưởng bình quân 9%/năm, thì vốn đầu tư của toàn xã hội (kể cả vốn đầu tư nước ngoài) phải huy động được tối thiểu là trên 40 tỉ USD, thì mức huy động đầu tư trong nước như vừa qua là còn rất khiêm tốn. Đó là chưa kể chúng ta đang cần một lượng vốn hàng trăm tỉ USD cho thời kỳ từ nay đến năm 2020 để biến nước ta thành một nước công nghiệp. Thực trạng đó, có thể nói, đã phản ánh một số khó khăn, ách tắc trong việc khuyến khích huy động vốn đầu tư trong nước. Tuy nhiên, việc thi hành Luật KKĐTTN còn nổi lên một số vấn đề cần giải quyết.

Một là, môi trường đầu tư và kinh doanh vẫn chưa ổn định, chưa thông thoáng và chưa hấp dẫn các nhà đầu tư. Thủ tục xin phép đầu tư còn phải qua quá nhiều khâu, rườm rà, làm cho các nhà đầu tư phải "chạy lên chạy xuống" nhiều lần, nghĩa là khía cạnh hành chính của vấn đề còn gây cản trở quá nhiều. Đó là chưa kể đến các đợt kiểm tra, thanh tra đột xuất trong suốt thời gian các doanh nghiệp tư nhân tồn tại và hoạt động, gây nhiều phiền hà, có lúc còn bị sách nhiễu.

* PTS kinh tế, Viện trưởng Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Digitized by Google

Hai là, nhiều biện pháp hỗ trợ của Nhà nước đã được quy định rõ ràng, nhưng chưa được áp dụng trong thực tế, đặc biệt là các biện pháp hỗ trợ về đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh, hỗ trợ vốn, công nghệ và các dịch vụ đầu tư khác... Theo kết quả khảo sát của Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, các cơ sở tư nhân ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh rất thiếu mặt bằng để tổ chức sản xuất - kinh doanh. Một số doanh nghiệp có được mặt bằng là do thuê lại của các cơ sở quốc doanh, nên không có tư cách pháp nhân hợp pháp trên mặt bằng đó. Trong khi đó Luật đất đai của ta lại chưa cho phép tư nhân được quyền sử dụng đất để thế chấp, tín chấp vay ngân hàng, mặc dầu họ đã đầu tư không ít để cải tạo diện tích đất đó.

Ba là, các ưu đãi về thuế, nhất là đối với các dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất còn thấp, không khuyến khích được các nhà đầu tư. Thêm nữa, môi trường đầu tư trong nước rất hay thay đổi... làm cho các nhà đầu tư chưa thật yên tâm.

Trong số các nguyên nhân gây cản trở Luật KKĐTTN đi vào cuộc sống, điều đáng chú ý nhất, cần tập trung tháo gỡ ngay là những vướng mắc và gò bó về mặt pháp lý và hành chính. Chính phủ đã chỉ đạo sửa đổi lại Nghị định 29/CP. Ngày 1-2-1998 Chính phủ ban hành Nghị định 07/CP thay cho Nghị định 29/CP, trong đó quy định chi tiết việc thi hành Luật KKĐTTN. Từ đó môi trường đầu tư trong nước có thêm một khung pháp lý mới khuyến khích các thành phần kinh tế - xã hội, nhằm phát huy nội lực của nền kinh tế, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội. Cụ thể như, việc cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp mới thành lập phải được cấp cùng một lúc với giấy phép thành lập doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Nghị định 07/CP cũng quy định rõ việc thanh tra, kiểm tra, hạn chế tối đa các can thiệp có tính chất hành chính và xử phạt hành chính. Thủ trưởng cấp tỉnh mới được ra quyết định thanh tra. Việc thanh tra, kiểm tra bất thường chỉ thực hiện khi hoạt động của doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Khi tiến hành thanh tra, kiểm tra phải có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, khi kết thúc thanh tra, kiểm tra phải có kết luận rõ ràng. Nếu thanh tra không đúng quy định, doanh nghiệp có quyền khiếu nại và người thanh tra phải chịu trách nhiệm. Nghị định 07/CP cũng bổ sung thêm nhiều hình thức đầu tư mới, như "Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao" trong nước (BOT), "Hợp đồng xây dựng - chuyển giao" (BT)...

Mặc dù vậy, trước tình hình mới của sự phát triển kinh tế của đất nước và xu thế chung của kinh tế thế giới, cũng phải kịp thời có những sửa đổi lớn trong Luật KKĐTTN. Tư tưởng chung của việc sửa đổi, bổ sung Luật KKĐTTN trong thời kỳ mới là khuyến khích mạnh hơn nữa việc huy động các nguồn lực trong nước, khuyến khích xuất khẩu và ưu đãi mạnh hơn nữa đầu tư vào các vùng khó khăn, xích lại gần nhau trong chính sách đối với đầu tư trong nước và nước ngoài. Tiến tới nghiên cứu xây dựng một luật chung cho tất cả các chủ thể sản xuất - kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, tạo thuận lợi cho mọi hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm hoặc không hạn chế, như tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã nêu.

Cụ thể chúng tôi xin nêu những dự kiến sửa đổi, bổ sung Luật KKĐTTN trong sự so sánh với luật cũ như sau : Luật KKĐTTN (sửa đổi) gồm có 47 điều, tăng hơn gấp đôi so với luật cũ (24 điều), trong nhiều điều của Luật sửa đổi cũng được chia ra nhiều các khoản mục nhỏ cho cụ thể hơn. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã đồng ý với phương án sửa đổi lớn Luật KKĐTTN chứ không chỉ sửa đổi, bổ sung một số điều.

1 - Về những quy định chung :

Đối tượng điều chỉnh : Tiếp tục thể chế hóa chủ trương nhất quán xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Trung ương 4 đã nhất trí quan điểm huy động mọi nguồn lực để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cho phép "mọi người dân, mọi thành phần kinh tế, tổ chức làm giàu cho mình và góp phần làm giàu cho đất nước". Nội dung trên được thể hiện trong Điều 1 (sửa đổi) và Điều 4 (bổ sung).

Digitized by Google

Để huy động mọi nguồn lực phù hợp với chủ trương đa dạng hóa sở hữu, cổ phần hóa, xây dựng tư bản nhà nước, cần huy động các nguồn lực bên ngoài. Luật đầu tư nước ngoài giới hạn một số hình thức đầu tư, trong đó bên nước ngoài phải góp vốn không dưới 30%. Vậy, để có thể khuyến khích những người nước ngoài có số vốn góp ít trong các hình thức doanh nghiệp như công ty, hợp tác xã, Luật này cần giao cho Chính phủ thí điểm mở ra khả năng người nước ngoài mua cổ phần góp vốn (dưới hình thức mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu) dưới 30% của bên nước ngoài. Sự tham gia của bên nước ngoài không chỉ quan trọng về vốn, mà còn về cải tiến quản lý công ty, chuyển giao công nghệ và khai thông thị trường quốc tế.

Nhà nước đã ban hành các quy định pháp lý cho các hình thức đầu tư mới, như BOT và BT. Cả hai hình thức này đều cần có những biện pháp khuyến khích, vì thông qua các biện pháp khuyến khích này thời gian hoàn vốn sẽ nhanh hơn, công trình sẽ sớm được chuyển giao cho nhà nước và như vậy sẽ mang lại lợi ích cho cả nhà đầu tư lẫn nhà nước. Ngoài ra, những biện pháp, chính sách khuyến khích sẽ tạo ra một dư địa rộng rãi hơn cho nhà nước khi đàm phán ký kết hợp đồng.

Trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở Việt Nam, vai trò của khu vực dịch vụ chuyên môn ngày càng trở nên quan trọng hơn, do vậy khái niệm kinh doanh trong Luật này bao gồm cả sản xuất hàng hóa lẫn dịch vụ, và hàng hóa, dịch vụ chuyên môn đều cần được khuyến khích. Điều này phù hợp với Nghị quyết Trung ương 4 và hai Luật thuế đã ban hành. Nội dung này được thể hiện trong các điều khoản về ưu đãi và hỗ trợ của Luật KKĐTTN (sửa đổi).

Vốn đầu tư trong Điều 3 (sửa đổi), đá quý không còn được coi là một tài sản góp vốn thông thường. Đá quý là một loại tài sản khó xác định được chính xác giá trị đích thực của nó. Thực tế các năm qua đã có nhiều doanh nghiệp gặp phải khó khăn trong vấn đề xác định giá trị đá quý, thậm chí bị lợi dụng bằng cách gây nhầm lẫn. Tuy vậy, đá quý vẫn có thể được chấp nhận như một tài sản góp vốn khác, nếu việc định giá của nó được các thành viên công ty thỏa thuận nhằm xác định tỷ lệ góp vốn của mỗi thành viên.

2 - Về bảo đảm và hỗ trợ đầu tư

Để khẳng định môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nước, dự thảo đã bổ sung thêm Điều 7 về việc áp dụng bình đẳng các ưu đãi đầu tư của Luật này đối với các doanh nghiệp trong nước :

Hỗ trợ về đất đai : Đất đai, mặt bằng sản xuất là khó khăn lớn nhất đối với các nhà đầu tư tại Việt Nam. Hỗ trợ về đất đai cho các nhà đầu tư trước hết là việc cung cấp mặt bằng cho các nhà đầu tư thuê và sau đó mới là những biện pháp miễn giảm tiền thuê. Khó khăn hiện nay của các nhà đầu tư trong việc thuê đất là có quá nhiều các văn bản pháp quy chồng chéo nhau trong lĩnh vực này, là sự chậm trễ của các cơ quan chức năng và những hiện tượng tiêu cực trong quá trình xin thuê đất. Việc tháo gỡ khó khăn này sẽ động chạm đến nhiều quy định pháp lý ở những bộ luật khác, đồng thời lệ thuộc rất nhiều tiến độ cải cách thủ tục hành chính của các cơ quan chức năng nhà nước. Như vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ của nhiều cơ quan. Đây là vấn đề rất phức tạp. Vì vậy, để có thể tạo ra sự bình đẳng, công khai cho tất cả các nhà đầu tư trong việc thuê đất, Nhà nước cần cho phép và hỗ trợ hình thành một thị trường bất động sản. Nguồn cung trên thị trường này bao gồm diện tích đất chưa được sử dụng, diện tích đất đã được nhà nước giao cho các tổ chức, cá nhân nhưng họ cũng có nhu cầu cho thuê tiếp. Nguồn cầu là các nhà đầu tư có nhu cầu tìm kiếm mặt bằng kinh doanh. Cơ chế hoạt động trên thị trường là cơ chế đấu thầu. Việc ưu tiên cho một số dự án đầu tư trong Luật này có thể được thực hiện thông qua hình thức đấu thầu hạn chế. Để làm được việc này, các địa phương cần sớm xác định quỹ đất chưa sử dụng, đất đang có nhu cầu cho thuê và công bố một cách công khai, rộng rãi. Ngoài ra cũng cần quy định 5 quyền sử dụng đất, tương tự như đã giao cho nông dân, đối với các doanh nhân để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với quy định của Luật đất đai đang được chuẩn bị bổ sung, sửa đổi để trình Quốc hội ban hành vào cuối năm 1998.

Biện pháp hỗ trợ mặt bằng sản xuất, kinh doanh : Căn cứ Nghị quyết Trung ương 4, đã được

Digitized by Google

bổ sung thêm nội dung xây dựng các khu công nghiệp quy mô nhỏ ở các vùng nông thôn, miền núi cũng như xây dựng các khu chế xuất, khu kinh tế mở, đặc khu kinh tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

Hỗ trợ tín dụng : Một trong những khó khăn lớn hiện nay của các doanh nghiệp là vốn, nguyên nhân chính là các doanh nghiệp không có tài sản thế chấp, thủ tục vay vốn phức tạp, lãi suất cao. Để hỗ trợ các nhà đầu tư trong lĩnh vực tín dụng, như đối với dự án được đặc biệt ưu đãi, Nhà nước cần thực hiện một số biện pháp khuyến khích như hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh và tái bảo lãnh tín dụng thông qua các quỹ bảo lãnh hoặc Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia. Hoạt động này cần phối hợp với các ngân hàng thương mại nhưng không được phép làm ảnh hưởng đến tính tự chủ kinh doanh của các ngân hàng này.

Các hình thức hỗ trợ khác : Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII) về khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu, phát triển các loại dịch vụ chuyên môn, Nhà nước cần hỗ trợ cho các chương trình, dịch vụ xúc tiến mở rộng thị trường và dịch vụ cung cấp thông tin cũng như việc chuyển giao, đổi mới công nghệ.

3 - Về ưu đãi đầu tư

Các tiêu thức xác định quyền được hưởng ưu đãi : so với các tiêu thức về địa bàn, ngành nghề, lĩnh vực tiêu thụ (xuất khẩu), công nghệ và lao động, có bổ sung thêm hình thức đầu tư BOT và BT. Ngoài ra cũng có mở rộng thêm phạm vi địa bàn : khai thác, tận dụng đồi núi trọc, kể cả cho các mục đích kinh doanh ngoài trồng rừng và trồng cây lâu năm ; đồng thời cũng bổ sung thêm cả phạm vi ngành nghề cho lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là những lĩnh vực dịch vụ phần mềm và cơ sở hạ tầng kinh tế cũng như xã hội. Đối với các dự án ở địa bàn khó khăn chủ đầu tư được hưởng khoản ưu đãi về tiền thuê đất hoặc thuế đất.

Các ưu đãi về thuế : Điều 10 (sửa đổi) được xây dựng trên tinh thần của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa VIII) về khuyến khích phát triển kinh tế ở vùng sâu, vùng xa ngang bằng với đầu tư nước ngoài, và ngang bằng mức ưu đãi thuế giữa sản xuất và thương mại, dịch vụ. Những sửa đổi căn cứ vào hai Luật thuế đã được thông qua.

Để khuyến khích các doanh nghiệp xâm nhập và mở rộng thị trường xuất khẩu, ngoài những biện pháp về tín dụng như đã được trình bày ở trên, trong việc miễn thuế xuất khẩu còn đưa ra những biện pháp khác như hoàn lại thuế giá trị gia tăng (Luật cũ được miễn giảm thuế doanh thu) ; tính gấp đôi các chi phí tham gia triển lãm và ký kết hợp đồng trong hạch toán giá thành ; khấu hao nhanh... nhằm giúp các doanh nghiệp xuất khẩu có điều kiện rút ngắn thời gian thu hồi vốn, đổi mới công nghệ và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Những biện pháp này được gắn với những điều kiện ràng buộc như tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu và gắn với giới hạn ưu đãi nhằm tránh các hiện tượng lạm dụng ưu đãi, bảo đảm nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

4 - Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

Mặc dù trong các quy định pháp luật, các hình thức doanh nghiệp như công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã đều có quyền được xuất nhập khẩu trực tiếp, nhưng trên thực tế thì việc xin giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu đối với những đơn vị này là rất khó khăn. Khoản 4 (bổ sung), Điều 12 (sửa đổi) khẳng định một lần nữa quyền được chủ động kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp của các doanh nghiệp.

Hiện tượng tiêu cực, cửa quyền đã được các doanh nghiệp báo cáo nhiều lần lên Chính phủ, đồng thời Tòa hành chính đã được hình thành để xử lý các vụ khiếu kiện của công dân đối với cơ quan nhà nước. Vì vậy, Luật sửa đổi lần này được bổ sung thêm Khoản 8 (bổ sung), Điều 12 (sửa đổi) nhằm phù hợp với môi trường pháp lý mới đồng thời cũng khẳng định tinh thần kiên quyết của Nhà nước ta trong việc chống tham nhũng, cửa quyền.

Với việc Quốc hội xem xét và thông qua Luật KKĐTTN (sửa đổi), một nội dung quan trọng của Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII) của Ban Chấp hành Trung ương sẽ được thể chế hóa và đưa vào cuộc sống, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới.❑

Digitized by Google

CÁCH NHÌN VÀ CÁI BIẾT

NHÂN ĐÀ

TÌNH cờ tôi nhận được một bức thư ngỏ - nói đúng hơn là một bài viết nhan đề là : "Tình hình đất nước và vai trò của Đảng cộng sản". Tác giả đề gửi : Đảng, Quốc hội, Chính phủ, và các bạn quan tâm... Thoạt đầu, tôi không mấy để ý bởi lẽ tôi không thuộc diện các đối tượng nêu trên. Thế nhưng, cũng lại tình cờ, tôi được nghe một số đài phương Tây (tiếng Việt) trích đọc nhiều lần bài viết ấy với những lời tán dương ỏn ã, thậm chí xếp tác giả cùng hàng với một số người khác gọi là "nhà cải cách", "nhà dân chủ" hay gì gì đó. Thành ra, từ không mấy để ý đến chỗ phải đọc kỹ bài viết ấy và cảm thấy có đôi điều cần trao đổi với tác giả.

Khi cầm bút, tôi tự răn mình ba việc : Một : Không căn cứ vào sự tán dương hay xếp loại của một vài đài phương Tây nào đó để quy kết tác giả. Hai : Không căn cứ vào lời tuyên bố của tác giả rằng "đây là những giọt máu từ trong tim" để đánh giá tác giả bởi có khi bài viết chưa hẳn đã phù hợp với một tuyên bố về ý định. Ba : Không dùng lối tầm chương trích cú, nhằm vào một vài sơ hở về câu chữ để bắt bẻ hoặc phê phán ; bởi sự nghiệp văn chương xưa nay đều vậy, được hay mất chỉ ở một tấc lòng.

Dẫu sao, căn cứ vào những gì tác giả đã viết, tôi xin tập trung nói ở hai điểm có tính phương pháp luận : *cách nhìn* và *cái biết* mà không dám mở rộng chủ đề.

I - CÁCH NHÌN

Tác giả đã đưa ra những lời phê phán gay gắt về cách đánh giá tình hình đất nước hiện nay, chung quy lại là phê phán Đảng và Nhà nước không dám nhìn thẳng vào sự thật, chỉ biết thổi phồng thành tích, né tránh sai lầm và khuyết điểm. Rồi, tự cho mình là người dám "nhìn thẳng vào sự thật", tác giả đã đặt ra một loạt câu hỏi, tự trả lời và đi đến sự đánh giá như sau :

"Tình hình chung của xã hội hiện nay là : tuy đã đạt được những thành tựu quan trọng về mặt tăng trưởng kinh tế... nhưng nước ta vẫn là một nước nghèo khổ và lạc hậu, với những nguy cơ tụt hậu *ngày càng lớn*, với những hỗn loạn kinh tế và xã hội *ngày càng tăng*. Hai mục tiêu trước mắt thường được nhắc đi nhắc lại là ổn định và phát triển trên thực tế đang trở thành những cái đích *ngày càng xa hơn*".

Về các nguy cơ, tác giả viết :

"Ta đang đứng trước hai nguy cơ hiểm ác :

a) Nếu không ra khỏi cái *bùng nhùng, bệnh hoạn* thì sẽ bị *sụp đổ*, và là một sự sụp đổ không ai cứu nổi.

b) Nếu cứ để bùng nhùng kéo dài thì tình hình xã hội sẽ mất ổn định ngày càng lớn, Đảng lại buộc phải đối phó, đàn áp, cuối cùng cũng *tan rã*.

Nguy cơ hiện nay là cực kỳ nghiêm trọng, không phải là nhận định 4 nguy cơ "nhẹ nhàng" như trước :

- Tụt hậu ư ? Không phải nguy cơ mà là đang tụt thật..."

V.v.. và v.v...

Sự đánh giá tình hình như trên của tác giả chẳng những khác mà còn khác rất xa, thậm chí là ngược hẳn với sự đánh giá của Đảng và Nhà nước ta, qua các nghị quyết của Đại hội VIII, của các Hội nghị Trung ương tiếp theo, cũng như qua các báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội và trong nhiều văn kiện khác. Cũng nói tới những thành tựu và khuyết điểm ấy, nhưng bức tranh mà tác giả đưa ra có thể nói là một bức tranh tăm tối. Vấn đề ở đây không phải ở chỗ nói nhiều lên hay nói ít đi một chút về thành tựu hay khuyết điểm,

Digitized by Google

tô đậm hay vẽ nhạt đi một chút về vầng sáng hay mảng tối. Vấn đề là ở cách nhìn. Bình minh và hoàng hôn đều là điểm giao thoa giữa ánh sáng và bóng tối. Nhưng bình minh thì ánh sáng đang lên mà bóng tối thì lùi lại. Còn hoàng hôn thì ánh sáng đang tàn và bóng tối trùm lên. Không thể vì một vài đám mây đen ở bầu trời mà lầm lẫn giữa bình minh và hoàng hôn.

1 - Đúng là Đại hội VI đã đề ra khẩu hiệu lay động lòng người "nhìn thẳng vào sự thật" như tác giả nói. Nhưng khẩu hiệu mà Đại hội VI nêu lên không chỉ có một vế (đã trích) mà là ba vế : "Nhìn thẳng vào sự thật. Đánh giá đúng sự thật. Nói rõ sự thật."

Cùng nói là nhìn thẳng vào sự thật mà hai người với hai lăng kính khác nhau sẽ nói lên cái sự thật ấy khác nhau. Dân gian chẳng đã có câu chuyện về thầy bói vẽ voi đó sao. Người sờ vào tai thì nói con voi giống cái quạt. Người sờ vào vòi thì nói con voi giống con đỉa. Người sờ vào chân lại bảo con voi giống cái cột nhà. Cho nên "nhìn thẳng vào sự thật" là một thái độ đúng nhưng chưa đủ. Phải là "đánh giá đúng sự thật" rồi mới "nói rõ sự thật" đó. Muốn đánh giá đúng sự thật thì không chỉ cần có tri thức mà còn cần cả cái tâm. Nếu không sẽ không phân tích nổi, hoặc phân tích sai lệch mà vẫn tưởng là đúng. Trong thư ngỏ của mình, tác giả đã đưa ra nhiều dẫn chứng để minh họa cho bức tranh tăm tối dựng lên. Thí dụ như vụ Thái Bình và việc huy động vốn trong dân vào sản xuất.

Về vụ Thái Bình, tác giả cho rằng đó là "nông dân tự tập họp lại để chống "cường hào mới", và nông dân "quay lưng lại với các tổ chức cơ sở đảng, cũng tức là với Đảng". Không. Nông dân bày tỏ sự bất bình và chống lại những hành động tham nhũng, quan liêu và mất dân chủ ở nông thôn, điều đó là có thật, nhưng quy tất cả những cán bộ phạm sai lầm đó (và đội ngũ cán bộ ở nông thôn nói chung) đều là "cường hào mới" và cho rằng "nông dân tự tập họp lại để chống cường hào mới" thì lại là không đúng. Không ít cán bộ phạm sai lầm nhưng biết tự phê bình, thành khẩn nhận khuyết điểm và sửa chữa khuyết điểm, tự giác trả lại của tham nhũng thì vẫn được dân đề nghị giữ lại chức vụ cũ. Nói "nông dân quay lưng lại với Đảng" thì lại càng sai. Ở cái xã, nơi phát sinh đầu tiên những cuộc đấu tranh, sau khi được giải quyết, đã có nhiều cán bộ lão thành và cựu chiến binh tâm sự với lãnh đạo Trung ương : Chúng tôi làm như vậy là để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ đó ! Ai nói là chúng tôi quay lưng lại với Đảng, hay chống Đảng, chúng tôi sẽ không tha cho người đó.

Về vấn đề huy động vốn trong dân, tác giả viết : "Người ta rất sợ đầu tư vào các lĩnh vực hoạt động kinh tế, vì những cuộc cải tạo kinh tế trước đây cũng như "định hướng xã hội chủ nghĩa" hiện nay, làm cho người ta lo sợ khi bỏ vốn ra". Vốn trong dân chưa huy động được nhiều là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về cơ chế và chính sách, chứ đâu phải vì "định hướng xã hội chủ nghĩa" mà người ta sợ ? Chẳng phải đã từng có nhận định của một số người trước đây cho rằng : hãy thôi tự xưng mình là cộng sản, là xã hội chủ nghĩa, vì làm như vậy là tự cô lập mình, không thể làm ăn với các nước tư bản chủ nghĩa được. Nhưng thực tế lại trả lời khác : Trong khi khẳng định Nhà nước ta là Nhà nước xã hội chủ nghĩa, do Đảng cộng sản lãnh đạo, thì vẫn có hơn 160 nước trên thế giới thiết lập quan hệ ngoại giao với chúng ta. Các dự án đầu tư nước ngoài không ngừng tăng lên (mặc dù gần đây có hiện tượng tạm thời giảm sút) để cho tới nay, đã có tổng số vốn hơn 33 tỉ USD. Vậy có phải vì ta làm chủ nghĩa xã hội, hay theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà ta tự cô lập đâu ?

2 - Đúng là Đảng ta, ở Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ tháng 1-1994 đã đề ra 4 nguy cơ đối với sự phát triển đất nước trong thời kỳ mới, trong đó có nguy cơ "tụt hậu xa hơn về kinh tế". Nguy cơ ấy đã được trình bày một cách đầy đủ như sau : "nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt". Thế nhưng để nói gọn, một số người chỉ giữ lại bốn chữ "nguy cơ tụt hậu", rồi vì sự nói gọn ấy mà hiểu ra là ta mới coi tụt hậu là nguy cơ chứ chưa phải là một thực

Digitized by Google

tế. Cũng vì cách hiểu thô thiển đó - một cách vô tình hay cố ý - mà tác giả đã đặt thành câu hỏi : "Tụt hậu ư ? Không phải nguy cơ mà là ta đang tụt thật". Thử hỏi, xưa nay có bao giờ chúng ta không thừa nhận rằng chúng ta bị lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, và nước ta vẫn còn là một nước nghèo và kém phát triển không ? Không. Chúng ta đã nhìn thẳng vào sự thật đó và nói rõ sự thật đó, nói không *nhẹ nhàng* một chút nào. Chúng ta thấy rõ rằng, một số nước chung quanh ta, vài ba thập kỷ trước cũng trình độ phát triển về kinh tế như ta, nay đã trở thành những nước công nghiệp mới. (Lý do thì có nhiều nhưng đây không phải chỗ để phân tích). Cho nên Đảng ta đã đề ra chiến lược ổn định và phát triển kinh tế để đến cuối thế kỷ này đưa nước ta vượt qua cái ngưỡng nước nghèo và kém phát triển ; và Đại hội VIII lại đề ra chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để trong vòng vài ba chục năm, đến 2020, căn bản biến nước ta thành nước công nghiệp. Vấn đề đặt ra đối với chúng ta chưa phải là đuổi kịp và vượt các nước đi trước mà là chống *"nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế"* so với họ. Ở đây có hai điều cần nói rõ : một là ta nhận sự tụt hậu về kinh tế, chứ không cho là có sự tụt hậu về chính trị, trái lại khẳng định chế độ chính trị của chúng ta là tiên tiến. Hai là, chống nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế ; có nghĩa là cho rằng đã có một khoảng cách khá xa về trình độ phát triển giữa ta và họ, nhưng không được để cho khoảng cách ấy ngày càng doãng ra xa hơn, trái lại phải rút ngắn nó bằng cách không để ta dừng lại trong khi các nước khác vẫn tiến lên, cũng không để nhịp độ tiến của ta chỉ bằng hoặc thua kém họ. Muốn thu hẹp khoảng cách, chỉ có cách là phải đẩy nhanh nhịp độ phát triển của ta hơn họ, mà phát triển một cách bền vững. Bảy tám năm qua, nhịp độ phát triển GDP hằng năm của chúng ta là vào khoảng 8 - 9%, một nhịp độ cao hơn so với nhiều nước chung quanh (trừ Trung Quốc). Trước đây, đã từng có những người lấy nước ta so sánh với các nước công nghiệp mới trong khu vực để có những lời lẽ nặng nề, cố ý hạ nhục chúng ta. Nay họ thấy, nhiều nước trong khu vực sa vào cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trầm trọng thì lại liên hệ đến mình, đâm ra hốt hoảng. Lý lẽ của tác giả về nguy cơ tụt hậu cũng như sự quyết đoán của tác giả rằng hai mục tiêu ổn định và phát triển "trên thực tế đang trở thành cái đích ngày càng xa hơn" là hoàn toàn không có cơ sở.

Cùng với cái nhìn không khách quan đó, tác giả đã đặt ra những câu hỏi về các nguy cơ khác mà khi đọc kỹ, người ta không biết tác giả nói về cái gì, nhằm vào ai, và thực sự, tác giả có hiểu được chút nào về những điều mà Đảng đã nói không. Không phải chúng ta không thấy được những khó khăn và thách thức lớn trước mắt, thậm chí có khó khăn còn lớn hơn dự báo ban đầu. Nhưng những chữ "bùng nhùng", "bệnh hoạn", "sụp đổ không ai cứu nổi", "cuối cùng cũng tan rã", v.v... thật ra là không ăn nhập gì với tình hình đất nước hiện nay.

II - CÁI BIẾT

Cứ theo cách trình bày của tác giả, thì chỉ có tác giả mới là người biết, còn người khác thì không. Người xưa có câu : Biết cái không biết của mình là biết vậy. Đằng này tác giả đã ngộ nhận cái biết của mình để đưa ra những lời phán bảo : cần phải thế này, cần phải thế khác.

1 - Về chiến lược :

Tác giả quả quyết rằng "Đảng chưa có một chiến lược phát triển xã hội (bao gồm cả kinh tế) một cách thích hợp...". Lại còn nói : "Và trên thực tế, những người cầm quyền đưa nước ta đi theo mô hình những "con hổ", "con rồng" ở các nước Đông Á và Đông - Nam Á (Hàn Quốc, Thái Lan, Ma-lai-xi-a...). Rồi lại nói : "Chiến lược phát triển kinh tế theo đường lối xã hội chủ nghĩa (mô hình xô viết) trước đây đã đẩy đất nước vào một thảm trạng kinh tế và xã hội, và bây giờ việc theo đuổi "mô hình" những con hổ, con rồng cũng chẳng hứa hẹn điều gì tốt lành cả".

Sẽ xin không mất thì giờ để tranh luận với tác giả về mô hình. Trước nay Đảng ta chủ trương nghiên cứu, thậm chí học tập kinh nghiệm của nước ngoài để vận dụng vào thực tiễn nước ta, cũng có lúc giáo điều nhưng sao chép nguyên xi mô hình thì không. Điều đó mọi người đã rõ. Cốt lõi sự phê phán của tác giả là gì ? Là bác bỏ chiến lược phát triển theo đường lối xã hội chủ nghĩa trước đây, cũng bác bỏ cả đường lối đổi mới hiện nay. Tác giả đòi có "một phương án khác", "một con đường đi" khác.

Digitized by Google

Về chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng ta, tác giả cho rằng đó chỉ là những câu chữ chung chung, "những khẩu hiệu không có nội dung xác thực". Tác giả tự đặt ra một loạt câu hỏi : Thế nào là dân giàu nước mạnh ? "Dân" là ai, là tất cả mọi người hay chỉ một bộ phận nhỏ nào đó ? Giàu là thế nào ? Là nhiều của cải hay còn phải giàu về trí tuệ, văn hóa ? Thế nào là nước mạnh ? Chỉ phát triển kinh tế mà không xây dựng được một xã hội công dân, trong đó mỗi người dân có điều kiện làm chủ vận mệnh của mình, trở thành chủ thể đích thực của đất nước, thì nước có mạnh không, và xét đến cùng, có phát triển kinh tế được không ? Rồi những khái niệm còn rắc rối hơn : "công nghiệp hóa" và "hiện đại hóa" thì càng tù mù hơn nữa. Người ta đang hô lên những khẩu hiệu không có nội dung xác thực".

Khi viết những dòng này, không biết tác giả có thực sự đọc được các văn kiện của Đảng - chiến lược phát triển chung và chiến lược cho từng lĩnh vực (tất nhiên là chưa đủ) kể từ Đại hội VI, qua Đại hội VII, rồi Đại hội VIII và các Hội nghị Trung ương tiếp theo không ? Tác giả có biết rằng, nhiều nhân vật lãnh đạo các nước, ở phía này hay phía khác, khi thăm ta đều có sự đánh giá cao những thành tựu đổi mới của nhân dân ta, và đi liền với nó là đường lối đổi mới, là chiến lược phát triển được coi là khôn ngoan của chúng ta không ? Tác giả có biết rằng những khái niệm về "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh", về "công nghiệp hóa, hiện đại hóa" không chỉ được trình bày kỹ trong các văn kiện của Đảng, các bài phát biểu của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước mà còn được trình bày cả trong hàng loạt công trình nghiên cứu của các nhà khoa học ? Hơn nữa, nó còn được cụ thể hóa thành những chương trình phát triển kinh tế - xã hội - mà cả nước đang thực hiện. Những câu hỏi mà tác giả nêu lên - với suy nghĩ rằng đấy mới là trí tuệ - thì thật ra đã được giảng giải cho cả học sinh phổ thông - sao gọi là tù mù được ?

2 - Về đổi mới kinh tế :

Tác giả viết : "Mặc dù tuyên bố mục tiêu của chúng ta hiện nay là "phát triển kinh tế, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh", nhưng vẫn nhấn mạnh "kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa". Như vậy nảy sinh một mâu thuẫn không thể giải quyết được, bởi cả về lý thuyết lẫn về thực tiễn, kinh tế thị trường - điều kiện tất yếu để phát triển kinh tế - không thể đi đôi với định hướng xã hội chủ nghĩa được. Cuối cùng, hoặc mặt này loại bỏ mặt kia, hoặc đẻ ra một trạng thái kinh tế hỗn loạn, không ra kinh tế thị trường cũng không ra kinh tế xã hội chủ nghĩa".

Từ nhận định như vậy tác giả đã nêu lên một câu hỏi mang tính thách đố : "Chúng ta phải làm một sự lựa chọn (khá khắc nghiệt đối với những người chủ trương "định hướng xã hội chủ nghĩa") để có những điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế, và sự lựa chọn này không thể được thực hiện theo lối nói nhập nhằng "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Giữa hai cái phải chọn lấy một, không thể bắt cá hai tay...".

Cứ theo cách lập luận của tác giả thì đổi mới kinh tế (hay cải cách kinh tế) chỉ còn gói gọn lại trong mấy chữ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Sự thật thì đổi mới kinh tế do Đảng ta đề xướng bao hàm nhiều nội dung. Ở Đại hội VI là : điều chỉnh (hay đổi mới) cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư ; đổi mới quan niệm về cải tạo xã hội chủ nghĩa, thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần ; đổi mới cơ chế quản lý, chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu sang cơ chế thị trường (lúc đó còn nói là kết hợp kế hoạch hóa với vận dụng quy luật thị trường). Đến Đại hội VII rồi Đại hội VIII, Đảng ta đã khẳng định dứt khoát nội dung đổi mới : Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần; thiết lập và vận dụng đồng bộ cơ chế thị trường...

Như vậy, nền kinh tế mà Đảng ta chủ trương xây dựng hiện nay là "*nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*". Nếu nói gọn lại là "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" thì cũng được, song phải hiểu cho đúng

Digitized by Google

nội dung của nó. Ở đây tác giả đã có sự lầm lẫn nghiêm trọng về mặt nhận thức, đã đồng nhất kinh tế thị trường với kinh tế tư bản chủ nghĩa rồi lại hiểu (như trước đây đã từng hiểu) kinh tế xã hội chủ nghĩa là cái đối lập, cái phủ định kinh tế thị trường. Sự thật là : Sản xuất hàng hóa và thị trường không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại ; nó tồn tại một cách khách quan, có trước chủ nghĩa tư bản, trong chủ nghĩa tư bản và sau chủ nghĩa tư bản nữa ; nó không đối lập với chủ nghĩa xã hội mà là cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng. Mặc dù kinh tế thị trường là sự phát triển ở trình độ cao của sản xuất hàng hóa và thị trường trong chủ nghĩa tư bản, nhưng nếu đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản thì không thể không dẫn đến sự lầm lẫn như tác giả đã nêu ra. Chúng ta không xây dựng kinh tế thị trường theo chủ nghĩa tư bản mà xây dựng kinh tế thị trường theo chủ nghĩa xã hội. Xây dựng kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một tất yếu kinh tế chứ đâu phải chỉ là tất yếu chính trị. Phải có "định hướng xã hội chủ nghĩa" mới khắc phục được mặt trái, mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, mới bảo đảm cho tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển, mới kết hợp được sự phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường. Đòi hỏi thật sự của tác giả ở đây là vứt bỏ "định hướng xã hội chủ nghĩa", cũng tức là, như tác giả nói, "từ bỏ sự lựa chọn theo "hệ tư tưởng" do Đảng đề xướng".

3 - Về cải cách chính trị :

Tác giả viết : "Trước đây, trong nhiều Nghị quyết của Đảng đã có nói tới việc tách Đảng ra khỏi các công việc của Nhà nước, nhưng lời hứa trịnh trọng ấy đã bị lãng quên, và đâu vẫn hoàn đấy. Trong nhiều Nghị quyết của Đảng cũng có nói tới "cải cách chính trị" đi đôi với "cải cách kinh tế". Và có nói thêm "cải cách kinh tế đi trước" nhưng rồi sẽ phải tiến hành "cải cách chính trị" nhưng lại thấy mất tăm, thay vào đó là "cải cách hành chính" mà suốt nhiều năm qua vẫn chưa đi tới đâu".

Vẫn theo tác giả, "cải cách kinh tế hiện nay đang đòi hỏi phải có cải cách chính trị một cách mạnh mẽ. Và nếu không cải cách chính trị thì cải cách kinh tế sẽ bế tắc, đất nước vẫn nằm mãi trong chế độ đảng trị đã lỗi thời...".

Chẳng hiểu những chữ "bị lãng quên", "đâu vẫn hoàn đấy", "rồi sẽ" hoặc "thấy mất tăm" là nói lên một thực tế hay vất từ trong óc của một người cái gì cũng không chịu nghe, không chịu thấy. Cái khác nhau ở đây là quan niệm về *đổi mới chính trị* (hay cải cách chính trị) của tác giả và của chúng ta. Theo các văn kiện của Đảng, đổi mới chính trị bao gồm nhiều nội dung : đổi mới (hay nhận thức lại cho đúng) quan niệm về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị bao gồm cả Đảng, nhà nước và các đoàn thể nhân dân, trong đó khâu then chốt là đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Về nhà nước, đổi mới về cả ba mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp, trong đó cải cách hành chính là trọng tâm và là khâu đột phá.

Đại hội VIII đã nêu lên sáu bài học của đổi mới, trong đó bài học thứ 2 là : "kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị". Bài học đó nêu rõ : "Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định các đường lối và chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác. Song, Đảng ta đã đúng khi tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tinh thần để giữ vững ổn định chính trị, xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân, tạo thuận lợi để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội".

Như vậy là kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị chứ đâu phải "rồi sẽ" như tác giả viết. Bài học cũng nêu rõ : "Trong việc đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị, chúng ta đã đi những bước thận trọng và vững chắc, bắt đầu từ giải quyết những vấn đề cấp bách nhất và đã chín muồi, với

Digitized by Google

nhận thức đây là việc rất cần thiết nhưng đặc biệt phức tạp, nhạy cảm và nếu vội vã để xảy ra sai lầm sẽ phải trả giá rất đắt, có khi không cứu vãn được".

"Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân...".

Đấy, đổi mới chính trị của chúng ta là như vậy. Và trên thực tế, trước và sau Đại hội VIII, theo hướng đổi mới ấy, Đảng ta đã tiến hành biết bao công việc. Nghị quyết 3 của Trung ương VII nói về "đổi mới và chỉnh đốn Đảng" ; Nghị quyết 8 cũng của Trung ương VII nói về "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính". Và mới đây, Nghị quyết 3 của Trung ương VIII về "Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh", và "Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Trong tất cả các nghị quyết đó đều có đề cập tới vấn đề tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng...

Thế sao gọi là "lời hứa trịnh trọng ấy đã bị lãng quên" ? Sao gọi là "cải cách chính trị" bị mất tăm ? Sao gọi là "cải cách hành chính" nhiều năm qua vẫn chưa đi tới đâu ?

Chúng ta không phủ nhận rằng, trong các lĩnh vực về đổi mới chính trị nêu trên, chúng ta còn mắc nhiều khuyết điểm, còn nhiều vấn đề tuy đã đặt ra mà chưa được giải quyết tốt ; nghị quyết tuy đã có nhưng tổ chức thực hiện còn nhiều yếu kém. Tuy nhiên nếu cứ kêu là chưa có cải cách chính trị thì thật kỳ quặc. Cái mà tác giả chờ đợi ở cải cách chính trị là gì ? Phải chăng, như tác giả nói, là từ bỏ chiến lược phát triển xã hội chủ nghĩa, từ bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa trong xây dựng kinh tế, từ bỏ sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với xã hội mà tác giả gọi là "chế độ đảng trị đã lỗi thời" ?

4 - Về dân chủ hóa :

Tác giả viết "Ai cũng hiểu rằng, sức mạnh trí tuệ của toàn dân tộc chỉ có thể được phát huy trên nền tảng những thể chế dân chủ, không có những thể chế này thì không có sự tồn tại của sức mạnh trí tuệ nữa, chứ không phải chỉ là không thể phát huy". Tác giả nhấn mạnh : "Để thoát khỏi tình trạng nặng nề hiện nay và bảo đảm cho tương lai sáng sủa của đất nước, thì một điều cơ bản, một điều then chốt, một điều quyết định là phải thực sự dân chủ hóa, thực sự thực hành dân chủ để cho nhân dân có quyền lực thực sự trong khi thực hiện quyền lợi và trách nhiệm của mình".

Nếu gạt sang một bên cách đánh giá tình hình có tính cường điệu, thì khẳng định của tác giả về sự cần thiết phải thực hành dân chủ, phải xây dựng những thể chế dân chủ không chỉ là đúng mà còn rất đúng. Đảng ta chẳng đã nhiều lần nói rằng "phát huy quyền làm chủ của nhân dân" vừa là động lực, vừa là mục tiêu của cách mạng hay sao ? Và - như đoạn trên đã viết - Đảng khẳng định : "mục tiêu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân". Mới đây thôi, trong khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII, cùng với chủ trương tăng cường nền dân chủ đại diện, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành quy chế dân chủ trực tiếp ở cơ sở. Đó chẳng phải là xây dựng thể chế dân chủ hay sao ?

Điều cần trao đổi ở đây là quan niệm về dân chủ và dân chủ hóa, về các biện pháp để thực hành dân chủ.

Tác giả viết : "Trước hết phải thay đổi tư duy về dân chủ". Và điểm đầu tiên của sự thay đổi ấy, theo tác giả, là "Trong quan niệm về dân chủ không nên cứng nhắc chia ra "dân chủ tư sản" và "dân chủ vô sản" và cho rằng hai cái đó cứ phải loại trừ nhau". "... Các nước phát triển, mà ta thường gọi là các nước tư bản phương Tây, đã có nhiều thành công về xây dựng và hoàn thiện chế độ dân chủ, đáng để ta nghiên cứu... Các quyền tự do, dân chủ, các quyền con người, nhà nước pháp quyền, v.v.. là những cái mà chúng ta chưa làm và cũng chưa biết cách làm, cần phải học tập... Cần phải thừa nhận nhân loại hiện nay có những giá trị dân chủ chung mà ta nhất thiết phải thực hiện...".

Digitized by Google

Không phải không có những điều hợp lý trong những ý kiến nói trên. Đúng là chúng ta không từ chối nghiên cứu việc xây dựng chế độ dân chủ ở các nước phương Tây, tham khảo những cái như là nhà nước pháp quyền, thực hiện những giá trị dân chủ chung mà nhân loại đạt tới. Chúng ta đã nghiên cứu, học tập bằng cách cử các đoàn ra nước ngoài, thậm chí mời chuyên gia nước ngoài vào trình bày với ta về những điều đó, cả về luật pháp và về kinh nghiệm quản lý hành chính. Thế nhưng làm sao có thể xóa nhòa ranh giới mang tính bản chất giữa "dân chủ tư sản" và "dân chủ vô sản" vì sự phân biệt giữa hai nền dân chủ đó là tồn tại khách quan chứ đâu phải chỉ có trong ý nghĩ của người này hay người kia ? Tại sao, ở phần trên, tác giả cứ khăng khăng đòi loại bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa, coi kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa là hai cái phải loại trừ nhau mà ở đây, tác giả lại nhất quyết nói "dân chủ tư sản" và "dân chủ vô sản" là không phân chia ? Thực chất vấn đề là ở đâu ? Ở chỗ tác giả không thừa nhận là chúng ta đã có dân chủ, và "dân chủ hóa" có nghĩa là phải từ bỏ nền dân chủ mà chúng ta đang thực hiện, phải học tập phương Tây, nói đúng hơn là đi vào con đường xã hội dân chủ. Vì lẽ đó mà tác giả đòi ban hành ngay "một bộ luật về tự do tư tưởng, tự do ngôn luận", trong đó tác giả coi việc cho phép tư nhân có quyền ra báo chí và xuất bản là quan trọng nhất, một quyền dân chủ mà tác giả cho là đã có ngay từ thời Pháp thuộc, và tác giả đã thích thú lặp lại ý kiến một người khác "ước mong sao nhân dân ta được dân chủ bằng hồi Pháp thuộc !". Tác giả cũng đòi bầu cử tự do, theo đó phải bãi bỏ chế độ bầu cử hiện nay mà tác giả gọi là "đảng cử dân bầu" ; thực hiện chế độ bầu cử nhiều vòng, bãi bỏ "tiêu chuẩn ứng cử viên" và thay vào đó là những yêu cầu, thí dụ như : "Không phản quốc, không phạm tội, hoặc đã phạm tội nhưng đã được xóa án". Ở đây tác giả đã có sự lầm lẫn quá sơ đẳng giữa quyền ứng cử và tiêu chuẩn đại biểu. Đã có quyền công dân thì tất nhiên có quyền ứng cử, sao lại đòi phải có tới mười yêu cầu của ứng cử viên. Còn tiêu chuẩn đại biểu là việc khác, đại biểu ở cơ quan đại diện càng cao thì tiêu chuẩn càng đòi hỏi cao hơn, và tiêu chuẩn chỉ có ý nghĩa hướng dẫn cử tri lựa chọn, sao lại bắt buộc ứng cử viên phải có ?

5 - Về Đảng :

Nói cho công bằng, không phải chỉ một lần mà một số lần tác giả nói đến vai trò lãnh đạo của Đảng, rằng "Đảng có vai trò quyết định" và "Đảng cần làm tròn vai trò quyết định của mình bằng cách phải kiên quyết, chủ động tự đổi mới".

Song cái kiên quyết, chủ động tự đổi mới, theo ý của tác giả là thế nào ? Tác giả viết :

"Tôi vẫn tán thành và ủng hộ vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng, tôi thấy vai trò đó là cần thiết. Nhưng lãnh đạo không có nghĩa là thống trị. Đảng lãnh đạo không có nghĩa là đảng trị". Cũng với ý ấy, ở một đoạn khác, tác giả đòi Đảng "từ bỏ phương thức toàn diện, tuyệt đối, triệt để mà thay bằng phương thức giữ vai trò lãnh đạo về chính trị". Về nguyên tắc tổ chức của Đảng, tác giả đòi xóa bỏ chế độ tập trung dân chủ vì "về thực chất, tập trung quyền lực bao giờ cũng đưa tới chỗ triệt tiêu dân chủ, nhiều lắm dân chủ chỉ trở thành đồ rởm...". Về hệ tư tưởng, tác giả cho rằng " giữ vai trò độc tôn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin chỉ đưa tới sự trì trệ về trí tuệ".

Như vậy, tuy nói thừa nhận vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng nhưng tác giả lại đòi Đảng phải từ bỏ hết các nguyên tắc về tổ chức và tư tưởng của Đảng. Còn lãnh đạo chính trị thì lại đòi phải từ bỏ đường lối chính trị xã hội chủ nghĩa và định hướng xã hội chủ nghĩa, phải có phương án chiến lược khác chiến lược xây dựng đất nước mà Đảng đã hoạch định.

Làm sao có thể nói khác được rằng những đòi hỏi đó thực chất là đòi hỏi thủ tiêu Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng ?

*
* *

Tác giả lấy việc phê phán đường lối của Đảng làm nội dung thư ngỏ (hay bài viết của mình). Tôi cũng mạo muội lấy việc phê phán sự phê phán đó để góp một tiếng nói bảo vệ đường lối của Đảng và cũng là bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ nói chung. ❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN MIỆNG

LƯU MINH TRỊ *

TRONG lịch sử 70 năm xây dựng, đấu tranh và trưởng thành, Đảng ta luôn coi trọng công tác tuyên truyền miệng. Có thể nói ngay từ khi chuẩn bị thành lập Đảng, công tác tuyên truyền miệng đã giữ vai trò quan trọng. Từ khi Đảng ta được thành lập, loại hình tuyên truyền đặc biệt này không ngừng phát huy tác dụng và đã tích lũy được những kinh nghiệm hết sức quý báu, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta.

Hiện nay, đất nước ta đang bước vào thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mục tiêu từ nay đến năm 2020 là ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp ; từng bước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Trong thời kỳ phát triển trước mắt, chúng ta có cả thời cơ lớn và những thách thức lớn.

Tình hình mới và nhiệm vụ mới nêu trên đòi hỏi phải tăng cường lãnh đạo và đổi mới công tác tư tưởng nói chung, công tác tuyên truyền miệng nói riêng, trong đó báo cáo viên, tuyên truyền viên (BCV, TTV) là bộ phận rất quan trọng.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng quan niệm về tuyên truyền nói chung và tuyên truyền miệng nói riêng là : "... đem một việc gì đó nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó là tuyên truyền thất bại"(1). Như vậy, hoạt động tuyên truyền không chỉ là cung cấp thông tin mà chủ yếu là tác động nhằm thay đổi nhận thức, quan điểm và hành động của người nghe. Bằng khả năng giao lưu và truyền cảm trực tiếp, báo cáo viên (BCV), tuyên truyền viên (TTV) có thể truyền nhiệt tình, tâm huyết của mình đến người nghe, tạo dựng bầu không khí thân mật, cởi mở, gần gũi, tin cậy lẫn nhau, làm cho hiệu quả tuyên truyền và mục đích tuyên truyền đạt được kết quả cao.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã từng chỉ rõ "Người tuyên truyền bao giờ cũng phải tự hỏi : Viết cho ai xem ? Nói cho ai nghe ? Nếu không vậy, thì cũng như cố ý không muốn cho người ta nghe, không muốn cho người ta xem... Chúng ta muốn tuyên truyền quần chúng, phải học cách nói của quần chúng"(2). Rõ ràng là yêu cầu bám sát thực tế khách quan đối với đội ngũ BCV, TTV được Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao. Nhận thức rõ vai trò của công tác tuyên truyền miệng trong sự nghiệp cách mạng, các cấp ủy đảng đã chú trọng việc xây dựng và củng cố đội ngũ BCV, TTV cho địa phương mình, ngành mình trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn : trung thành, thật thà, gương mẫu trong công tác và chấp hành chính sách ; có ý thức tổ chức, kỷ luật, được quần chúng tin cậy ; có trình độ, có nhiệt tình và khả năng tuyên truyền, thuyết phục quần chúng. Nhiều cấp ủy và thủ trưởng cơ quan đã tạo điều kiện thuận lợi cho các BCV, TTV hoạt động tuyên truyền có hiệu quả thiết thực.

Công tác tổ chức, quản lý hoạt động tuyên truyền miệng được chú trọng theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền. Nội dung tuyên truyền phải phong phú, đa dạng, thiết thực, kịp thời đáp ứng yêu cầu thông tin của công chúng, đồng thời phải bảo đảm định hướng chính trị đúng đắn. Đây là đòi hỏi quan trọng đối với phẩm chất, năng lực của đội ngũ BCV, TTV. Chất lượng tuyên truyền phụ thuộc rất nhiều vào đội ngũ này. Chính vì vậy, sự chọn lọc nghiêm ngặt là yêu cầu tất yếu khách quan đối với BCV, TTV. Cần phải thay thế những BCV, TTV, không đáp ứng được yêu cầu đổi mới mà cuộc sống đặt ra, không theo kịp và không nắm bắt được những sự kiện, hiện tượng xảy ra trong cuộc sống hằng ngày.

Bên cạnh những điều đã làm được, công tác tuyên truyền miệng và đội ngũ BCV, TTV đang đứng trước yêu cầu đổi mới cả về nội dung, phương thức và đội ngũ vì những lý do sau đây :

---

* PTS, Ủy viên Ban thường vụ thành ủy, Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội

1. X.Y.Z : *Thước đáng đã tật*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1950, tr 47
2. Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, t 4, tr 523-524

Digitized by Google

- Lực lượng BCV, TTV tuy đông đảo về số lượng nhưng chưa đủ mạnh, hoạt động chưa đồng đều, chưa thật sự phục vụ tốt cho cơ sở. Đội ngũ BCV, TTV thiếu những người thực sự có năng lực để trực tiếp thông tin, truyền đạt cho đông đảo cán bộ, đảng viên. Lực lượng BCV, TTV của các đoàn thể quần chúng còn mỏng, hoạt động gặp không ít khó khăn.

- Công tác tổ chức, hướng dẫn, quản lý hoạt động của BCV, TTV ở cơ sở còn bộc lộ những thiếu sót, có mặt chưa được chặt chẽ. Thực tế đã có trường hợp người truyền đạt tại các câu lạc bộ, các hội nghị không phải là BCV, TTV do cấp ủy các cấp quản lý, nên nội dung không đầy đủ, thông tin thiếu chính xác, gây ra những phân vân, bất bình trong cán bộ, đảng viên.

- Phương thức hoạt động tuyên truyền miệng hiện nay còn đơn điệu, nặng về mở hội nghị, chưa có phương thức phù hợp để thực hiện quyền được thông tin của đảng viên và quần chúng ; chưa chú ý làm tốt thông tin hai chiều ; chưa chú trọng đến đối thoại.

- Chế độ chính sách đãi ngộ đối với BCV, TTV chậm được cải tiến và chưa được các cấp ủy quan tâm đầy đủ. Một số đơn vị tham mưu thực hiện chưa chu đáo, thường khoán trắng cho cơ sở. Đây là nguyên nhân làm cho đội ngũ BCV, TTV chưa yên tâm, chưa nhiệt tình với công tác đặc biệt này.

*

Đổi mới công tác tuyên truyền miệng là yêu cầu khách quan của cuộc sống. Nó gắn liền với những chuyển động có tính bước ngoặt của đất nước và của thời đại. Cuộc sống sôi động đang đòi hỏi mặt trận tuyên truyền cũng phải đổi mới theo hướng mở rộng dân chủ, sát hợp với mỗi loại đối tượng, tăng cường đối thoại, trao đổi cởi mở, giúp cho đảng viên và quần chúng có điều kiện tự nhận thức, tự giáo dục.

Mục tiêu của công tác tuyên truyền miệng trong giai đoạn hiện nay là động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng quán triệt đầy đủ những nội dung cơ bản của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, các nghị quyết của Trung ương củng cố niềm tin, phấn đấu thực hiện những nhiệm vụ và kế hoạch phát triển đất nước do Đảng và Chính phủ vạch ra.

Nhiệm vụ của công tác tuyên truyền miệng là hết sức nặng nề, nhưng có những tiêu chuẩn rõ rệt. Tiêu chuẩn đó bao gồm sự hứng thú của người nghe đối với tuyên truyền chính trị, và tính tích cực chính trị - xã hội của họ thông qua hoạt động thực tiễn. Người BCV, TTV nếu không làm xuất hiện được sự hứng thú đó thì khó có thể đưa những nội dung tuyên truyền chính trị đi sâu vào công chúng, do vậy sẽ làm hạn chế hiệu quả tuyên truyền. Sự hứng thú một mặt phụ thuộc vào nhu cầu nhận thức, hiểu biết về lý luận chính trị của người nghe, nhưng mặt khác phụ thuộc rất lớn vào trình độ hiểu biết, phương pháp, nghệ thuật diễn giảng của người trình bày.

Đội ngũ BCV, TTV phải hiểu con người. Hoạt động tâm lý xã hội thường bắt nguồn trực tiếp từ các nhu cầu và lợi ích thiết thân của con người. Phân tích kỹ và hiểu sâu lợi ích trước mắt và những lợi ích sâu xa của con người sẽ giúp BCV, TTV hiểu đúng tâm trạng xã hội. Những lợi ích trên hết sức đa dạng, biến đổi thường xuyên, nhiều khi trái ngược nhau, dẫn đến các mâu thuẫn xã hội và mâu thuẫn trong lập trường, quan điểm của mỗi người hoặc mỗi tập thể. Trong cơ chế thị trường với sự hoạt động đan xen của nhiều thành phần kinh tế như hiện nay thì lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp xã hội không giống nhau và nhận thức tư tưởng chính trị cũng không thuần nhất, đòi hỏi người BCV, TTV phải tỉ mỉ hơn.

Đổi mới nội dung hoạt động của BCV, TTV thực chất là đổi mới kế hoạch, đề tài tuyên truyền cũng như đổi mới nội dung từng đề tài tuyên truyền cụ thể. Trên cơ sở những định hướng lớn của công tác tư tưởng trong thời kỳ mới và từ thực tiễn công tác tuyên truyền miệng hiện nay, vấn đề đặt ra đối với việc đổi mới nội dung hoạt động của BCV, TTV là : nội dung tuyên truyền phải toàn diện đa dạng phong phú, thiết thực, đáp ứng nhu cầu thông tin và phải phù hợp với khả năng tiếp nhận thông tin của từng loại đối tượng. Nội dung tuyên truyền còn phải mang tính thời sự, phản ánh trúng những vấn đề bức xúc đang diễn ra và liên quan đến đời sống vật chất, tinh thần của công chúng ; đồng thời phải bảo đảm tính tư tưởng, tính chiến đấu và tính khoa học.

Còn đổi mới phương thức hoạt động của BCV, TTV cần chú ý : kết hợp chế độ sinh hoạt định kỳ với tiến hành tổ chức sinh hoạt luân phiên ; kết hợp thông báo tình hình với trao đổi kinh nghiệm công tác và nắm dư luận xã hội ; kết hợp thông tin với cổ vũ phong trào hành động cách mạng ; kết hợp chặt chẽ hoạt động tuyên truyền miệng với hoạt động

Digitized by Google

của các phương tiện khác của công tác tư tưởng, lấy tuyên truyền miệng làm phương thức hoạt động chủ yếu. Phối hợp thường xuyên trong nội bộ lực lượng BCV, TTV và giữa lực lượng BCV, TTV với các lực lượng khác. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động tuyên truyền miệng nhằm bảo đảm cho quần chúng trực tiếp được nghe những phát ngôn chính thức, bảo đảm nội dung tuyên truyền được chính xác, kịp thời.

Như trên đã đề cập, chất lượng và hiệu quả tuyên truyền miệng phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động của đội ngũ BCV, TTV. Việc tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ BCV, TTV là rất cần thiết. Những giải pháp này phải hợp thành một hệ giải pháp có quan hệ gắn bó tạo nên sự định hướng cho đội ngũ BCV, TTV. Có như vậy mới có thể đưa hoạt động tuyên truyền miệng đi vào nền nếp, đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng tăng của nhân dân và những đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Dưới đây chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp :

– *Một là,* xây dựng đội ngũ BCV, TTV bảo đảm về chất lượng, đủ về số lượng và phong phú về loại hình. Các cấp đều tổ chức lực lượng BCV, TTV do cấp ủy đảng chỉ đạo và Ban tuyên giáo quản lý.

– *Hai là,* phải có chương trình, kế hoạch tuyên truyền tổng thể hằng năm.

– *Ba là,* phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, tạo ra môi trường thuận lợi cho hoạt động của BCV, TTV. Thường xuyên và kịp thời cung cấp thông tin tình hình thực tế cho BCV, TTV. Tổ chức các hình thức câu lạc bộ tuyên giáo, câu lạc bộ của các đoàn thể, các buổi trao đổi thông tin nhằm tạo diễn đàn để các BCV, TTV đến giới thiệu, đối thoại.

– *Bốn là,* cần quan tâm giải quyết vấn đề lợi ích cho BCV, TTV vì suy cho cùng đây là biện pháp có tính quyết định đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ BCV, TTV.

– *Năm là,* ngoài việc phải định hướng thông tin và tiến hành kiểm tra thường xuyên hoạt động của BCV, TTV sàng lọc và tuyển chọn kỹ càng lực lượng BCV, TTV ; phải trang bị các phương tiện cần thiết nhằm tạo điều kiện cho hoạt động của BCV, TTV diễn ra thuận lợi và có hiệu quả.❑

Thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" ở nông thôn và xây dựng quy chế dân chủ ở xã

LƯƠNG NGỌC *

NÔNG dân và nông thôn nước ta có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Từ ngày Đảng ta ra đời lãnh đạo cách mạng đến nay, trải qua nhiều thời kỳ đấu tranh, nông dân nước ta luôn luôn là đội quân chủ lực, liên minh với giai cấp công nhân và trí thức yêu nước, đóng góp to lớn vào thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, của cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, giành hòa bình, độc lập, thống nhất Tổ quốc. Những năm đổi mới vừa qua, nông dân đã có những đóng góp xứng đáng, góp phần quan trọng vào việc đưa nước ta ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nước ta từ một nước thường xuyên bị nạn đói đe dọa, phải nhập gạo, trở thành một nước tự túc được lương thực và xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới. Bộ mặt kinh tế - xã hội nông thôn đã có những thay đổi rõ rệt. Không ai có thể phủ nhận được những đổi thay lớn lao của nông thôn và nông dân trong hơn 10 năm đổi mới vừa qua. Tuy nhiên, nông thôn nước ta đang đứng trước nhiều vấn đề cần quan tâm giải quyết.

1 - Nông dân nước ta chiếm 80% số dân, 75% lao động xã hội, tạo ra khoảng 1/3 tổng sản phẩm quốc dân và 30% tổng giá trị xuất khẩu. Song phần lớn dân cư nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vẫn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu,

* Ban Dân vận Trung ương

Digitized by Google

và tụt hậu xa so với đô thị. 88,5% diện tích còn độc canh cây lúa, tư liệu sản xuất còn lạc hậu. Bình quân ruộng đất thấp và ngày càng giảm, lại phân tán, manh mún. Lao động dư thừa, 9% còn mù chữ, 80,8% chưa được đào tạo nghề nghiệp. Đội ngũ trí thức trực tiếp thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn hầu như chưa có. Hạ tầng cơ sở thấp kém. Việc chuyển giao công nghệ thích hợp cho nông dân còn rất hạn chế. Hiệu quả sử dụng đất đai, năng suất lao động còn rất thấp. Vốn cho sản xuất, kinh doanh thiếu nghiêm trọng. Thị trường tiêu thụ sản phẩm bấp bênh. Do đó đời sống của nông dân nhìn chung còn khó khăn, thiếu thốn ; 76% số người nghèo ở nước ta là nông dân. Sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn ngày càng gay gắt. Sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị ngày càng xa.

2 - Đời sống dân chủ ở nông thôn đã có những biến đổi quan trọng. Việc thực hiện quyền dân chủ trực tiếp của nông dân đã có những bước tiến rất đáng quan tâm. Ngày nay, người nông dân được giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài. Hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, được làm chủ ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác, tự do lựa chọn nuôi trồng cây, con có lợi nhuận cao, và có quyền liên kết trong sản xuất, kinh doanh theo pháp luật. Những năm đổi mới vừa qua, nông dân nước ta đã tích cực tham gia vào quá trình thực hiện các chính sách mới như : phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ; xây dựng "điện, đường, trường, trạm" ; cho vay vốn phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng, xây dựng nông thôn mới và đền ơn đáp nghĩa v.v...

Kết quả khảo sát ở các tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Quảng Trị, Ninh Bình, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau, Bình Dương, Bình Định cuối năm 1996 và đầu năm 1997 cho thấy : 59% tích cực tham gia các phong trào thi đua ở cơ sở, chỉ có 3,3% thờ ơ và không tham gia.

Cùng với làm chủ trên lĩnh vực kinh tế, nông dân cũng tham gia tích cực vào đời sống chính trị, xã hội ở địa phương. Kết quả khảo sát cũng ở các tỉnh nêu trên cho thấy : 89,6% số người được hỏi trả lời là cần biết về nghĩa vụ, quyền lợi của công dân ; 84,1% cần biết về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở xã ; 81,6% cần biết về chủ trương của đảng bộ xã ; 78,3% cần biết về hoạt động của chính quyền xã ; 72,0% cần kiểm tra việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân ; 69,0% cần kiểm tra về thu nộp thuế ; 66,8% cần kiểm tra việc chấp hành chính sách ; 65,6% cần kiểm tra việc xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm) ; 50,8% cần kiểm tra việc bầu cử các cơ quan dân cử...

Tuy nhiên, đời sống dân chủ ở nông thôn phát triển chưa tương xứng với yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, và đang bộc lộ những hạn chế cần được chú ý giải quyết. Tư tưởng phong kiến, thứ bậc, coi thường quần chúng, coi thường phụ nữ còn nặng (ở nhiều nơi 80% những quyết định trong gia đình đều thuộc về người chồng). Hoạt động của họ tộc, tín ngưỡng, tôn giáo phát triển, nhiều khi làm hạn chế đến sự phát triển của tinh thần, tư tưởng tiến bộ. Các tổ chức tự quản chưa được coi trọng và phát huy đúng mức. Tri thức và hành vi thực thi pháp luật còn thấp. Nhiều nơi "phép vua thua lệ làng", lệ nhiều hơn luật. Nông dân còn phải đóng góp quá nhiều các khoản tiền (từ 15-42 khoản), song không được bàn, không được kiểm tra, không được biết sự chi tiêu các khoản đó. Những kiến nghị, thắc mắc của dân ở xã không được các cấp có thẩm quyền kiểm tra và trả lời. Những cán bộ tham nhũng, quan liêu, mất dân chủ, hách dịch với dân, bè phái không được tiến hành tự phê bình, phê bình, xử lý trong Đảng và trước nhân dân. Có những quyết định liên quan đến đời sống của dân song dân không được bàn, không được quyết định. Nhiều nơi nhân dân không được lựa chọn bầu trưởng thôn, trưởng xóm của mình. Những việc xảy ra ở Thọ Ngọc (Thanh Hóa), Song Phượng (Hà Tây), Kim Nỗ (Hà Nội) những năm trước đây và ở Thái Bình vừa qua có nguyên nhân của việc vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" là nội dung cốt lõi của nền dân chủ mới, là động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, đồng thời là quy trình thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân.

Digitized by Google

Qua nghiên cứu việc thực hiện "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" ở nhiều vùng nông thôn nước ta cho thấy, phương châm đó phải được thể chế hóa thành *quy chế dân chủ* ở xã. Quy chế dân chủ ở xã cần bao hàm những nội dung cơ bản, có quan hệ mật thiết với nhau. Đó là :

1 - Dân phải được biết, được bàn, được làm và được kiểm tra những vấn đề gì ?

Được biết về pháp luật, các chủ trương chính sách, của nhà nước nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống và lợi ích hàng ngày của họ. Về chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của xã ; về thu chi ngân sách và những khoản dân đã và sẽ phải đóng góp. Ngoài ra, dân cũng cần được biết những thông tin về khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất kinh doanh và tình hình thị trường ; chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của tổ chức đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, quyền hạn trách nhiệm của nhân viên nhà nước và cán bộ dân cử địa phương.

Được bàn và được quyết định dân chủ đối với những loại việc liên quan trực tiếp đến đời sống của nông dân như chủ trương huy động sức dân về xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi, các khoản đóng góp và lập các loại quỹ trong khuôn khổ pháp luật... Chính quyền xã phải thực hiện theo ý kiến đa số của nhân dân, có sự giám sát, kiểm tra của nhân dân.

Được kiểm tra hoạt động của chính quyền, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở xã trong việc thi hành luật pháp, chủ trương, chính sách, các quyết định, quy định của Đảng và Chính phủ ; việc thu chi ngân sách địa phương, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản và những khoản đóng góp của dân ; việc bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ban quản lý hợp tác xã ; việc xử lý của chính quyền và các cơ quan chức năng đối với những vi phạm pháp luật, chính sách, vi phạm quyền công dân...

2 - Cần quy định rõ việc *thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" bằng những phương thức nào ?*

Qua khảo sát cho thấy, những năm qua nông dân được biết qua các kênh thông tin chủ yếu sau đây : truyền hình (82,4%) ; phát thanh truyền thanh (82,27%) ; sinh hoạt đoàn thể (67,4%) ; sinh hoạt thôn xóm (64,1%) ; từ cán bộ (58,5%) ; từ đội thông tin tuyên truyền cơ sở (55,5%) ; qua bạn bè, hàng xóm (53,1%) ; từ báo chí (47,5%).

Như vậy, để dân được biết cần đẩy mạnh hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là truyền hình, phát thanh, hoạt động của đội thông tin tuyên truyền cơ sở, các trung tâm văn hóa, sinh hoạt các đoàn thể, sinh hoạt thôn xóm, và tăng cường việc cán bộ đến nghe dân nói và nói cho dân hiểu.

Để nhân dân được bàn bạc thảo luận cần tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả của các cuộc sinh hoạt thôn xóm, sinh hoạt các đoàn thể, các cuộc tiếp xúc cử tri, hoạt động của các hội đồng tư vấn, của các lão nông có kinh nghiệm ở cơ sở.

Muốn cho dân thực hiện được quyền kiểm tra giám sát (mặt này thực sự là yếu nhất hiện nay) cần đẩy mạnh hoạt động giám sát của mỗi công dân, chấn chỉnh các Ban thanh tra nhân dân và phối hợp hoạt động của thanh tra nhân dân với thanh tra của các đoàn thể và nhân viên thanh tra nhà nước ở địa phương. Kết quả khảo sát cho thấy, nông dân tự đánh giá hoạt động kiểm tra, giám sát của họ đối với hoạt động của chính quyền địa phương như sau : 21,47% số người được hỏi trả lời kiểm tra tốt ; 46,1% số người được hỏi trả lời kiểm tra được một vài việc ; 21,3% số người được hỏi trả lời không được kiểm tra ; 11,4% số người được hỏi trả lời không biết kiểm tra. Những con số đó rất đáng để chúng ta suy nghĩ.

3 - Trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc thực hiện "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

Thực tế cho thấy để nhân dân được biết, được bàn, chính quyền địa phương phải công khai hóa các văn bản pháp quy, các quyết định, quy định (không thuộc bí mật quốc gia) ở trụ sở, nơi tiếp dân, ở các tụ điểm thông tin văn hóa ; chỉ đạo việc duy trì và cải tiến, nâng cao chất lượng các cuộc sinh hoạt thôn xóm. Định kỳ 6 tháng, 1 năm Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân báo cáo công khai kiểm điểm những công việc đã làm, tình

Digitized by Google

hình sử dụng tài sản, tài chính, ngân sách và các khoản đóng góp của dân. Gương mẫu thực hiện dân chủ và kỷ cương trong hoạt động theo chức năng nhiệm vụ và chức trách quy định. Tạo lập những điều kiện thuận lợi (về thông tin, địa điểm...) để dân được biết, được bàn những việc họ cần phải thực hiện và kiểm tra hoạt động của chính quyền.

Sát dân, hiểu dân, nghe dân và biết lo cho dân, nắm vững pháp luật, chính sách. Lấy ý kiến của dân về các chủ trương của xã và trong việc giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Hướng dẫn việc thực hiện các quy ước, hương ước và các hình thức nhân dân tự quản khác. Giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu tố, các ý kiến của dân thuộc thẩm quyền của mình và thông báo cho dân biết. Kết hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong việc giải quyết những vấn đề của dân đặt ra...

4 - Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể có trách nhiệm rất lớn trong việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Nghiên cứu thực tế các địa phương cho thấy, để thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", Mặt trận Tổ quốc các đoàn thể ở xã đã đẩy mạnh việc đổi mới tổ chức và hoạt động ; cải tiến nội dung và hình thức sinh hoạt, hoạt động, tổ chức các phong trào thi đua, các chương trình hành động cụ thể, nhằm đáp ứng nhu cầu, lợi ích nhiều mặt của đoàn viên, hội viên, lôi cuốn đoàn viên, hội viên vào thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của địa phương. Ở nhiều cơ sở, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể thông qua hệ thống tổ chức của mình đã kiến nghị với Đảng, Nhà nước các cấp, có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho nông dân phát triển kinh tế và xây dựng nông thôn mới, yêu cầu chính quyền địa phương công khai hóa các văn bản pháp quy, các quyết định, quy định, các thủ tục hành chính, cải tiến việc tiếp dân, tiếp xúc cử tri, và sinh hoạt Hội đồng nhân dân xã, phối hợp chỉ đạo công tác kiểm tra ; động viên đoàn viên, hội viên giám sát hoạt động của chính quyền.

Qua khảo sát, đánh giá hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở một số nơi về việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân mấy năm gần đây cho thấy : 32,3% số người được hỏi trả lời là khá ; 52,9% số người được hỏi trả lời là được ; 14,8% số người được hỏi trả lời là kém và không có tác dụng.

5 - Trách nhiệm của tổ chức đảng ở xã.

Để bảo đảm thực hiện "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" ở cơ sở nông thôn, tổ chức đảng ở xã có vai trò lãnh đạo và có trách nhiệm rất to lớn. Đó là việc nắm vững nhu cầu, nguyện vọng, hoàn cảnh của dân, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, làm giàu hợp pháp và xây dựng nông thôn mới. Lãnh đạo chính quyền thực hiện nghiêm túc các luật pháp, chủ trương, chính sách, các thủ tục hành chính, công khai hóa các văn bản ; xây dựng và công bố các quyết định, quy định hợp pháp, nâng cao chất lượng và hiệu quả của các cuộc tiếp dân, tiếp xúc cử tri ; giải quyết các đơn thư khiếu tố..., và báo cáo kiểm điểm công việc hằng năm trước dân, tạo điều kiện cho dân thực hiện "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đổi mới tổ chức và hoạt động, bảo vệ lợi ích và phát huy quyền làm chủ của đoàn viên, hội viên.

Lãnh đạo và tổ chức sự phối hợp hoạt động kiểm tra giám sát của Ban thanh tra nhân dân và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể đối với hoạt động của chính quyền xã.

Kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách và pháp luật của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và của bản thân tổ chức đảng và đảng viên.

*
* *

Xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở để thực hiện "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" là một yêu cầu cấp bách và là một nhiệm vụ quan trọng nhằm đưa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ vào cuộc sống một cách có hiệu quả. Đây là một vấn đề rất mới rất lớn cần được nghiên cứu kỹ lưỡng.❑

Digitized by Google

TRƯỚC THÁCH THỨC MỚI Ở ĐÔNG Á, NGHĨ VỀ VAI TRÒ VĂN HÓA

HỒ SĨ QUÝ *

Nói đến văn hóa và bản sắc văn hóa trong mối tương quan với quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa thì kinh nghiệm Việt Nam có lẽ là kém phong phú hơn so với những "con rồng" của khối NICs. Mục tiêu của Việt Nam là đến năm 2020 mới cơ bản trở thành nước công nghiệp. Tuy nhiên, dù cho nếp sống công nghiệp ở nước ta chỉ mới đang trong quá trình hình thành, vẫn còn chập chững ở những bước ban đầu, vậy mà nó đã có tác động khá rõ nét đến mọi mặt của đời sống xã hội và để lại ở đó những dấu ấn về mặt văn hóa.

Nền kinh tế mở, sự đa dạng hóa các thành phần kinh tế, sự thâm nhập của các xu hướng văn hóa công nghiệp khác nhau... đã làm thay đổi một cách đáng kể bảng giá trị xã hội đã định hình từ trong truyền thống. Sự thay đổi này diễn ra theo cả hai hướng : tích cực và tiêu cực. Cả hai hướng này đều đặt ra những vấn đề cần nghiên cứu.

Bao trùm lên trên tất cả là vấn đề *định hướng giá trị xã hội*. Chỉ riêng có sự tăng trưởng và phát triển về mặt kinh tế, chỉ riêng công nghiệp hóa, hiện đại hóa bộ mặt xã hội, thì đời sống xã hội chưa chắc đã được bảo đảm để trở nên lành mạnh hơn, văn minh hơn.

Đó chính là vấn đề của Việt Nam. Còn với các quốc gia khác thì sao ?

Cho đến tận thập kỷ 70 và ngay cả đầu những năm 80, một số nhà hoạt động xã hội ở châu Phi và ở một số quốc gia Hồi giáo còn cho rằng, nếu như để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà phải đánh mất bản sắc văn hóa... thì tốt hơn hết là người ta đành phải chối từ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy nhiên tới nay thì tình hình đã khác. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đã khiến cho không còn một ai có ý định quay lưng lại với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nữa. Người ta nhận ra là, bản thân quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nếu có nó thì xã hội cũng chưa chắc đã được bảo đảm để có tự do và hạnh phúc. Song nếu thiếu nó, hoặc nếu người ta thờ ơ với nó thì chắc chắn xã hội sẽ không thể đạt tới sự tiến bộ. Vấn đề của thời đại hóa ra là, công nghiệp hóa - hiện đại hóa phải được thực hiện một cách đồng bộ với việc giải quyết các vấn đề xã hội. Hay nói một cách khác, *xã hội muốn có hạnh phúc thì công bằng xã hội phải là bạn đồng hành với sự tiến triển của văn minh.*

Và đây chính là khía cạnh văn hóa của sự phát triển - vấn đề của những vấn đề.

Thật là có ý nghĩa khi *văn hóa* được chúng ta bàn tới vào thời điểm hiện nay, lúc mà Đông Á nói chung, nhất là các nước khối NICs đang phải đương đầu chống chọi với sự kiện khủng hoảng tài chính.

Như chúng ta đều biết, cơn bão khủng hoảng tiền tệ bắt đầu hình thành ở Thái Lan. Sau một hồi hoành hành khá dữ dội ở khu vực Đông-Nam Á, nó lan sang nhiều nước ở khu vực Đông Á và ở các khu vực khác trên hành tinh. Hiện thời tâm điểm dữ dội của xoáy lốc đang ở Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Hàn Quốc... Điều này đã dẫn tới những vụ đổ bể của các tập đoàn kinh tế lớn, những giảm sút về thu nhập và mức sống của các giới lao động, các đồng tiền khu vực vẫn có xu

* PTS, Viện Triết học, Ủy ban Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

hướng giảm giá. Vẫn có những tin đồn về việc giảm dự trữ ngoại hối của một số quốc gia. Một vài chính phủ đã phải nhờ vả đến bàn tay trợ giúp của IMF (Quỹ tiền tệ quốc tế), với những điều kiện ngặt nghèo v.v... và v.v...

Chính sự kiện này đã ít nhiều làm rung chuyển những quan điểm lạc quan về châu Á của thế kỷ XXI. Nguyên nhân kinh tế của cơn bão tài chính đã tương đối rõ, nhưng đối với chúng ta, bài học đáng suy ngẫm lại nằm ở những nguyên nhân về mặt văn hóa.

Đương nhiên, như mọi người đều thấy, sợi dây ràng buộc giữa cơn bão tiền tệ hiện nay và bản sắc dân tộc của các nền văn hóa Đông Á dường như chẳng có gì đáng gọi là trực tiếp hay là tất yếu. Tuy vậy, nếu nhìn một cách bình tĩnh hơn, liệu vấn đề có đơn giản như thế hay không ? Đây là câu hỏi mà chính những người tâm huyết với một Đông Á hùng mạnh vào thế kỷ tới đang muốn lý giải. Ông Lý Quang Diệu còn cho rằng "những ai qua được cơn nguy khốn này sẽ có những bài học xương máu và chính họ sẽ là hạt nhân đưa nền kinh tế Đông Á trở lại thời kỳ hoàng kim như những thập kỷ trước"(1).

Thực ra, nếu chúng ta thừa nhận văn hóa là nhân tố nội sinh của sự phát triển, "là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội" (2), thì đương nhiên, sự thịnh suy của các xã hội châu Á hiện nay cần phải tìm đến những nguyên nhân thuộc về các nhân tố văn hóa. Vậy đặc trưng các nhân tố văn hóa của một châu Á đang quá độ từ truyền thống sang hiện đại là thế nào ? Tiếc rằng cho tới nay ý kiến của các giới có uy tín, mà đặc biệt là của các nhà nghiên cứu và hoạt động xã hội Âu - Mỹ vẫn còn có những nhận định rất khác nhau (3). Bên cạnh những ý kiến ca ngợi có phần hơi ồn ào đối với các giá trị châu Á, còn có một luồng ý kiến thường gây sốc đối với các nhà nghiên cứu châu Á. Đó là ý kiến coi bộ mặt hiện đại của văn hóa châu Á như một cái gì đó lai căng, chắp vá. Ở đó cái ngoại lai, ngoại sinh đôi khi lại nhân danh sự tôn sùng cái nội sinh - bản địa, hoặc nhân danh thái độ bảo tồn các giá trị dân tộc - truyền thống.

Có người còn cho rằng, tính chất dung hợp ngấm rất sâu trong văn hóa châu Á. Bởi lẽ, theo họ, châu Á trên thực tế, thường quá coi trọng quan điểm kinh tế so với quan điểm văn hóa trong các chiến lược phát triển xã hội. Mặc dù đã đưa ra không ít những lời khẳng định tốt đẹp về vai trò của nhân tố văn hóa, song có lẽ do bị tụt hậu và chậm phát triển khá lâu so với các khu vực khác về mặt kinh tế nên trong tiềm thức của mình, hầu hết các tầng lớp cư dân châu Á, kể cả các nhà hoạch định chiến lược xã hội vẫn *ngầm ưu tiên* các giá trị kinh tế một cách ý thức hoặc là vô thức.

Những ý kiến trên rất có thể chỉ là định kiến. Tuy vậy, thông điệp mà nó muốn nói rất đáng để chúng ta suy nghĩ. Trong những thập kỷ qua, do biết ưu tiên cho kinh tế trên cơ sở áp dụng những thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại, châu Á đã làm nên những điều thần kỳ và nhờ đó đã cải thiện một cách đáng kể bộ mặt và uy tín của mình. Chẳng phải ngẫu nhiên mà cái nhìn của đa số các nhà dự báo về châu Á đều là cái nhìn màu hồng. Tiếc rằng tinh thần lạc quan đó hiện thời đã ít nhiều đổ vỡ. Tuy thế, cho đến hôm nay, không ít người vẫn tin vào mục tiêu của Ma-lai-xi-a dự định tăng tổng thu nhập quốc dân lên gấp 8 lần vào năm 2020. Phải chăng những mục tiêu lạc quan là quá phiêu lưu ?

Vấn đề là ở chỗ, trong tình huống hiện thời, nhiều người nhận thấy ở những luồng ý kiến ngược chiều có chứa đựng những lời cảnh báo hữu ích. Nói một cách khác, khi chúng ta khẳng định những vai trò tích cực có thể có của nhân tố văn hóa, thì với lời khẳng định đó, văn hóa có thực sự được chúng ta coi là nhân tố bên trong,

1. Bài phát biểu của Lý Quang Diệu tại Thái Lan. Báo *Quốc tế*, số 7,11 - 17-2-1998

2. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 110

3. Xem : * *Văn hóa trong phát triển và toàn cầu hóa.* Kỷ yếu hội thảo khoa học tại Hà Nội, Tokyo và Noongkhai, Hà Nội, 1996, tr 22-24. * Phan Ngọc : *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*, Nxb Văn hóa - Thông tin Hà Nội, 1994, tr104-111 ; * Trần Đình Hượu : Đến hiện đại từ truyền thống, KX.07 xuất bản, Hà Nội, 1994, tr 149-163 ; *Wiliam J.Clinton : *Chiến lược an ninh quốc gia. Sự cam kết và mở rộng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 124-130

Digitized by Google

là động lực hoặc là mục tiêu của sự phát triển xã hội hay không ? Rất có thể chúng ta chưa tôn trọng vai trò của nhân tố văn hóa đúng như chúng ta vẫn thường nói về nó.

Với những hoài nghi về châu Á hiện thời, người ta có quyền tự hỏi : Cái gì đã từng đứng ở phía sau sự tăng trưởng của những con rồng ? Thực dụng (pragmatism), nhị nguyên (dualism) ? Hay là duy kinh tế (economism) ? Liệu những phương châm hợp lý về sự kết hợp giữa kinh tế với văn hóa, giữa văn minh phương Tây với văn hóa bản địa có được diễn ra trong hiện thực hay không ? Cái nhìn kinh tế của châu Á đã có bao giờ là cái nhìn thực dụng và nhị nguyên kiểu như quan điểm "mèo đen, mèo trắng".

Dẫu sao thì châu Á với các nền văn hóa truyền thống vĩ đại của mình, do có hệ thống giá trị riêng, có khuôn mẫu văn hóa riêng, và có các bản sắc riêng... nên không dễ chấp nhận một bộ mặt lai căng. Bởi thế, nét chủ đạo của văn hóa châu Á hiện đại không thể là lai căng hay chắp vá. Hơn thế nữa, châu Á không phải chỉ ở thời M. Vê-bơ mà ngay ở thời đại hôm nay cũng vẫn còn là khó hiểu đối với cái nhìn kiểu phương Tây. Bản thân cái khó hiểu này cũng đã ít nhiều nói lên nét đặc thù châu Á. Sức mạnh tiềm ẩn trong mô hình văn hóa châu Á là có thực và sức mạnh này cũng mới chỉ được khai thác một cách ít ỏi trong mấy thập kỷ gần đây.

Kinh nghiệm của các xã hội đã đạt tới trình độ phát triển cao cho thấy rằng, bằng văn hóa, dựa vào văn hóa và thông qua văn hóa - đó là con đường tự nhiên và tất yếu mà con người và loài người, dù muốn hay không, dù nhận thức được hay chưa nhận thức được, cũng đều phải thực hiện để đạt tới văn minh. Văn hóa "là nền tảng và linh hồn của cuộc phiêu lưu của con người" (F.Mai-ơ) ; "là tiêu chuẩn cơ bản của sự tiến bộ" (E.P. Che-li-xhau) ; "là phương thức tự điều chỉnh và tự nhận thức của nhân loại" (M.E-pơ-tang) ; là một trong ba tiêu chuẩn để một quốc gia nào đó được coi là cường quốc (Z. Brê-din-xki) ; là "đường phân ranh cơ bản giữa con người với nhau" và là "nhân tố chủ đạo của nền chính trị thế giới" (S.P. Hơn-tinh-tơn) ; là một thứ "Soft power" (năng lực mềm) giúp cho "Đông Á sẽ trở thành khu vực cực kỳ quan trọng vào thế kỷ XXI" (I.Daisaku nói về văn hóa Đông Á) ; là cái mà nếu mất nó thì một dân tộc sẽ "mất hết" (Trần Văn Giàu. Ông cho rằng "mất độc lập chính trị thì còn giành lại được") ; v.v...

Theo lôgic của cái văn hóa thì, trong sự phát triển của mình, xã hội Việt Nam cũng như các xã hội Đông Á sẽ ngày càng nhích lại gần phương Tây về phương diện bộ mặt của nền văn minh. Song như vậy không có nghĩa là phương Tây và chúng ta sẽ "na ná như nhau" về mặt văn hóa. Điều này không phải là sự mong muốn chủ quan mà là xu hướng tất yếu nằm trong tính quy luật của sự phát triển. Trái với sự tưởng tượng bi quan của O. Spênh-lơ [4] phương Tây sẽ vẫn là phương Tây trong khi Việt Nam và Đông Á sẽ vẫn là Việt Nam và Đông Á cho dù trong tương lai các xã hội này sẽ giống nhau tới mức nào về trình độ của nền văn minh.

Như vậy, vào những năm cuối cùng của thế kỷ XX, loài người đã bước vào một giai đoạn mà hầu như tất cả các kế hoạch xã hội, bằng cách này hay bằng cách khác đều phải tính đến văn hóa như là một nhân tố nội tại trong kế hoạch phát triển của mình. Sau cuộc khủng hoảng tiền tệ, gần như tất cả các nước Đông Á đều phải chấp nhận những điều kiện khắt khe do IMF đưa ra. Về thực chất IMF muốn gì ? Nói một cách giản lược thì họ muốn các con nợ của họ đừng có quên quá khứ cần kiệm, giản dị của mình và chớ có hoa mắt trước sự đổi thay của các giá trị. Điều này không phải là sự tưởng tượng hay bịa đặt. Cũng không phải là lòng tốt giả tạo của các quan chức IMF. Điều này phù hợp với quyền lợi rất thực tế của họ.

Rõ ràng là, với bảng giá trị khá đậm màu chủ quan của mình, văn hóa, ngay cả trong điều kiện phức tạp hiện thời của quá trình công nghiệp hóa, vẫn là cái không dễ bị mờ nhạt đi, không dễ

4. Xem : *Triết học phương Tây hiện đại*, Từ điển, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1996, tr 453-454

(Xem tiếp trang 34)

Digitized by Google

Thái độ đối với VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

HỒ TRỌNG HOÀI *

CUỘC cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay, đã đưa đến cho con người những giá trị vật chất khổng lồ. Song thật trớ trêu, đằng sau vẻ hào nhoáng mà cuộc cách mạng đó mang lại, những cú sốc dữ dội về tâm lý, sự gia tăng của hiện tượng suy thoái đạo đức cùng những đảo lộn văn hóa đang tạo ra nguy cơ đưa con người tới chỗ đánh mất nhân tính, đe dọa sự tồn vong của tộc loại.

Trên thế giới nhiều dân tộc đang có sự thăng tiến mạnh mẽ tới những tiện nghi vật chất hiện đại, song cũng chính họ đang phải trả giá cho sự lãng quên việc vun đắp và tạo lập những giá trị văn hóa của dân tộc mình. Đó là sự suy đồi về đạo đức, những căn bệnh xã hội hiểm nghèo, tình trạng trẻ em vô thừa nhận tăng lên...

Trước một sự thật như là nghịch lý, hết thảy mọi dân tộc đều phải tự nhìn lại mình, tự điều chỉnh và cùng nhau tìm ra lối thoát cho tương lai. Quá trình tìm tòi đó, dần dần đã đưa lại một cách nhìn chân thực hơn về vai trò của văn hóa và vị trí của nó trong đời sống xã hội hiện đại. Văn hóa không còn là kẻ bàng quan đứng chiêm ngưỡng sự vận hành của con người trong hành trình tiến theo hướng phát triển. Nó cũng không chỉ được xem như là những sản phẩm tinh thần thuần túy nhằm tô điểm cho cuộc sống thêm hương sắc. Hơn thế nữa, văn hóa đã trở thành mục đích, động lực trong hoạt động sáng tạo của con người. Ông Tổng giám đốc UNESCO trong một bài phát biểu đã cho rằng : "Văn hóa và phát triển là hai mặt gắn liền với nhau... Hễ nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách rời môi trường văn hóa thì nhất định sẽ xảy ra những mất cân đối nghiêm trọng cả về mặt kinh tế lẫn văn hóa, và tiềm năng sáng tạo của đất nước ấy sẽ bị suy yếu rất nhiều... Văn hóa cần coi mình là nguồn bổ sung trực tiếp cho phát triển và ngược lại, phát triển cần thừa nhận văn hóa giữ một vị trí trung tâm, một vai trò điều tiết xã hội"(1).

Dân tộc Việt Nam rất may mắn là đã có một quá trình lịch sử lâu đời đủ sức tạo ra một diện mạo, một bản sắc văn hóa riêng, nhờ vậy đã đưa dân tộc vượt qua những thăng trầm, những biến thiên khốc liệt và những mưu toan đồng hóa hiểm độc của ngoại bang.

Tự tạo cho mình bản sắc văn hóa riêng, ông cha ta đã phải vật lộn kiên cường để tồn tại và tự làm giàu kho tàng văn hóa của mình trên cơ sở bảo tồn tinh hoa của tiền nhân, kế thừa có chọn lọc tinh hoa văn hóa của đồng loại. Nhờ vậy, cho đến nay, chúng ta có quyền tự hào rằng Việt Nam là một trong những quốc gia được xếp vào loại quốc gia có bản sắc văn hóa độc đáo.

Tuy nhiên văn hóa bao giờ cũng là một dòng chảy liên tục, không hề bị đứt đoạn. Vì vậy, vấn đề đặt ra hiện nay là làm sao giữ gìn và bồi đắp cho bản sắc văn hóa Việt Nam bền vững và ngày càng phát triển trước sức công phá của cơ chế thị trường, trước sự xâm kích của hàng loạt nhân tố văn hóa ngoại lai ?

Vấn đề này đã được đặt ra trong "Đề cương văn hóa Việt Nam", trong các văn kiện của Đảng và của nhiều nhà nghiên cứu văn hóa trong và ngoài nước. Vấn đề cơ bản đã được thừa nhận. Và, muốn phát triển, tất yếu phải bảo tồn văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, làm sao để bảo tồn văn hóa truyền thống, đó là khía cạnh bài viết muốn chứng minh rằng yếu tố truyền thống phải được hiện đại hóa thì bản

* Học viên Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) *Phương pháp luận về vai trò của văn hóa trong phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr 21

Digitized by Google

sắc văn hóa của một dân tộc mới được bảo tồn.

Lịch sử phát triển của nhân loại cho thấy, không thể duy trì, bảo tồn yếu tố truyền thống nếu không liên tục phát triển, bồi đắp nó bằng những yếu tố hiện đại, kết tinh từ những thành tựu văn hóa của thời đại, do nhu cầu của thời đại. Tính khách quan của quá trình hiện đại hóa yếu tố truyền thống xuất phát từ chỗ thừa nhận lịch sử của sự sáng tạo văn hóa. Trong quá trình sáng tạo lịch sử, con người đạt được những thành tựu nhất định về phương diện văn hóa. Những thành tựu đó bị quy định bởi năng lực chế ngự và cải biến tự nhiên, bởi khả năng cải tạo, biến đổi các quan hệ xã hội và tương ứng với trình độ và mức độ hoàn thiện của con người, biểu hiện qua văn hóa của các cá nhân dưới dạng đạo đức, lối sống, sự giao tiếp xã hội, khả năng cảm thụ thẩm mỹ, sự định hướng và nỗ lực thực hiện các định hướng giá trị của cá nhân về phía chân - thiện - mỹ. Khi lịch sử vận động, cũng có nghĩa hệ giá trị văn hóa cũng vận động và những thay đổi của lịch sử vì vậy cũng làm thay đổi cách nhìn, cách nghĩ, cách hành động của con người.

Con người tiến từ con người bản năng lên trình độ con người văn hóa nhờ lao động và thông qua lao động. Khi lao động càng phát triển hiện đại thì hệ giá trị xã hội mà nó tạo ra cũng hoàn thiện hơn. Không những thế, phương thức lưu giữ, bảo tồn và truyền thụ kinh nghiệm sống, các quan niệm và hệ thống giá trị cũng vì vậy, thay đổi theo. Tóm lại, văn hóa luôn luôn là hệ thống mở, có xu hướng tiến về phía trước. Tuy nhiên cũng cần thấy rằng, yếu tố hiện đại ra đời có nghĩa là nó phải lọc bỏ cái đã tỏ ra lạc hậu, phủ định cái cũ đã lỗi thời của truyền thống. Song sự phủ định này không phải là phủ định siêu hình. Đó là phủ định biện chứng, có nghĩa là nó diễn ra trên cơ sở kế thừa có chọn lựa các yếu tố truyền thống.

Theo ý nghĩa như vậy, hiện đại hóa yếu tố truyền thống là quá trình cải biến, bổ sung, phát huy yếu tố truyền thống bằng những giá trị hiện đại phù hợp với tiến bộ xã hội. Vì vậy, phủ định biện chứng yếu tố truyền thống trở thành vòng khâu tất yếu của sự phát triển văn hóa và nhờ đó, sự phát triển văn hóa diễn ra như là một quá trình liên tục không có một sự đứt đoạn nào với quá khứ. Nhìn nhận lịch sử phát triển của nhân loại, của các dân tộc chúng ta đều thấy rõ điều đó. Lịch sử đã chứng minh rằng một dân tộc không biết liên tục bồi đắp, tôn tạo, cải biến những giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa thì dân tộc đó sẽ bị đe dọa trước sự tồn vong. Sự giáo điều trong phát triển văn hóa sẽ làm nội lực văn hóa của dân tộc cạn kiệt và nguy cơ bị đồng hóa là không thể tránh khỏi.

Trong mỗi con người, chúng ta cũng thấy, khi anh tự đề cao mình quá đáng sẽ cản ngăn sự hoàn thiện của chính anh ta và rút cục anh tụt hậu. Một dân tộc cũng vậy, khi lòng tự tôn được đề cao một cách mù quáng thì chủ nghĩa dân tộc cực đoan xuất hiện, nếu không trở thành cuồng bạo thì cũng đứng ngoài dòng chảy của lịch sử. Mặt khác, mỗi dân tộc nếu tự hài lòng với cái truyền thống, không biết bổ sung vào nó những xung lượng của thời đại, dân tộc đó sẽ mất dần cảm hứng sáng tạo. Đóng cửa văn hóa là tự hủy hoại mình. Suy cho cùng sức sống của một nền văn hóa chỉ được khẳng định qua sự đối mặt với dân tộc khác, hay nói cách khác văn hóa muốn phát triển, bản thân nó phải là một hệ thống mở.

Trong sự giao lưu, tiếp xúc văn hóa, hai khả năng có thể xảy ra. *Thứ nhất* có thể bị đồng hóa. *Thứ hai* có thể đứng vững và trưởng thành. Khi nội lực văn hóa hay là bản sắc văn hóa của dân tộc đủ mạnh thì dân tộc đó có thể trụ vững và phát triển ; ngược lại sẽ trở nên một nền văn hóa lai căng không có hình hài. Tuy nhiên, dù không muốn thì sự giao tiếp văn hóa cũng cứ diễn ra. Vì vậy, giữ gìn, bảo tồn yếu tố truyền thống bằng cách hiện đại hóa nó là cách làm thông minh nhất. Ông M. Gan-đi đã từng nói đại ý : Tôi mong muốn nền văn hóa của hết thảy mọi đất nước được thổi tới nhà tôi, càng tự do càng tốt. Nhưng tôi không

Digitized by Google

chịu để cho bất cứ nền văn hóa nào thổi bật tôi khỏi chỗ tôi đứng.

Chúng ta phải thay đổi quan niệm đóng kín trong sự phát triển văn hóa bằng sự thừa nhận sự phát triển văn hóa như là một quá trình mở. Vì vậy, hiện đại hóa yếu tố truyền thống là một tất yếu. Tuy nhiên, hiện đại hóa yếu tố truyền thống không phải là đoạn tuyệt tuyệt đối với truyền thống mà phải biết cắt bỏ những giá trị hiện không còn phù hợp, nâng những giá trị đang có tính phù hợp lên ngang tầm thời đại. Trong cuộc sống có sự vượt bỏ nào ít đau đớn và hiểm nguy mà thắng lợi ? Vì vậy, sự vượt bỏ một số giá trị văn hóa không còn phù hợp thì sự nguy hiểm và đau đớn càng lớn hơn. Điều này cũng dễ hiểu vì hơn bất cứ một hiện tượng xã hội nào, văn hóa thẩm thấu vào mọi đối tượng, mọi quan hệ, trở thành tình cảm, thành lẽ sống của con người. Học giả nổi tiếng M. Yo-ski-no khi đánh giá truyền thống đã nói : "Không biết cắt đứt những di hại của truyền thống thì cũng không thể tìm thấy được những nhân tố tích cực của nó. Càng hiện đại hóa, càng có sự thận trọng với quá khứ".(2)

Trong quá trình hiện đại hóa yếu tố truyền thống, phải thấy rằng các yếu tố truyền thống có tính ổn định khá vững chắc. Vì vậy, quá trình đó không phải diễn ra một cách nhanh chóng và dễ dàng bằng những giải pháp có tính hành chính. Ngược lại, nó là quá trình lâu dài, xảy ra dần dần tương ứng với sự thay đổi của các quá trình kinh tế, xã hội. Chính vì vậy đòi hỏi con người phải có trí tuệ, biết kiên nhẫn và phải phát hiện được các đột phá khẩu để đổi mới. Sự lựa chọn này nếu sai lầm sẽ dẫn đến tình trạng kiểu Đôn-ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió. Lúc đó quá khứ sẽ trỗi dậy và phản kháng bằng chính sức mạnh của sự trì trệ - vốn là thuộc tính được định hình nằm trong đời sống tâm lý của mỗi con người. Lê-nin đã từng khuyến cáo những người cộng sản phải cảnh giác trước biển người tiểu nông và tâm lý của người sản xuất nhỏ từ bao đời đã định hình cho nhân cách của họ. Điều này đúng trong mọi trường hợp, đặc biệt khi phải đối mặt với những phản giá trị vốn là thành tố của những yếu tố truyền thống. Hiện đại hóa yếu tố truyền thống là tất yếu khách quan của sự phát triển văn hóa, song điều đó đòi hỏi một thái độ khách quan khi nhìn nhận, đánh giá lịch sử. Cái mới chân chính ra đời không ngoài mảnh đất truyền thống. Vì vậy, tôn trọng lịch sử phải là tiêu chí của đổi mới. Trong "Tư bản", Mác đã nói một câu nổi tiếng : Khi anh bắn vào quá khứ bằng viên đạn súng ngắn thì tương lai sẽ bắn vào anh bằng viên đạn đại bác. Trong phong trào cộng sản quốc tế chúng ta thấy cũng không thiếu những đảng nhân danh cái mới để phủ nhận lịch sử và bài học mà họ nhận được ở đó là sự thất bại. Tuy vậy, tôn trọng yếu tố truyền thống, tôn trọng lịch sử phải lấy tiêu chí của mình là giữ gìn và làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của dân tộc. Kế thừa vì vậy phải bao hàm sáng tạo. Văn hóa không thể và không bao giờ có thể là sản phẩm của sự tiếp nhận có tính cơ học. Văn hóa cũng phủ nhận sự phát triển của chính nó như là sự nhập cảng hàng hóa. Bởi vì, một sự nhập cảng như vậy không những không bảo lưu được yếu tố truyền thống, ngược lại còn tạo ra một nền văn hóa lai căng, xa lạ với dân tộc. Vì vậy, có thể nói "cải biến" là đặc trưng người, là đặc trưng của sự tiếp nhận và phát triển văn hóa. Muốn vậy, chúng ta phải phát hiện trong kho tàng các yếu tố truyền thống những yếu tố không còn phù hợp, dũng cảm vượt bỏ nó bằng sự sáng tạo ra những giá trị mới. Có lẽ "xây" và "chống" là hai mặt không thể tách rời, đặc biệt trong sự phát triển văn hóa.

Hãy bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, đó là lời kêu gọi không riêng cho dân tộc nào trên thế giới trong giai đoạn hiện nay.

Việt Nam cũng vậy, bảo tồn văn hóa dân tộc đã trở thành một mặt của chiến lược phát triển trở thành định hướng chung cho nền văn hóa Việt Nam hiện đại.

---

(2) Yoskino. M.Y : *Hệ thống quản lý của Nhật Bản : Truyền thống và đổi mới*, Viện kinh tế thế giới, 1986, tr 17

Digitized by Google

Tuy nhiên, do đặc điểm và hạn chế của lịch sử, do sự vận động không ngừng của lịch sử mà nhiều giá trị vốn mang tính tích cực ở thời kỳ trước thì nay trở nên không phù hợp, thậm chí trở thành phản giá trị. Vì lẽ đó, gạn đục, khơi trong là cách làm duy nhất để vừa bảo tồn được, vừa phát triển được nền văn hóa dân tộc.

Nền kinh tế thị trường hiện nay, góp phần phá vỡ một số yếu tố truyền thống đã tỏ ra bất cập với thời đại. Song cũng chính cơ chế thị trường đang góp phần hủy hoại nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp, vốn vẫn có nhiều ý nghĩa với đương đại.

Thêm vào đó, cùng với chính sách mở cửa của Đảng, nhiều tư trào văn hóa phương Tây cũng nhân cơ hội ùa vào nước ta. Trong những tư trào văn hóa đó - vốn không thiếu những phản giá trị - cũng làm thành những nhân tố xâm kích và xói mòn văn hóa truyền thống. Thậm chí có người nhân danh hiện đại để tìm cách gạt bỏ lịch sử, phủ định quá khứ một cách sạch trơn. Đó là thái độ không khoa học, không biện chứng.

Có một thực tế là, không có cái truyền thống, con người không thể sống và sáng tạo. Ngược lại, không phát triển, bổ sung, cải biến cái truyền thống thì một con người, một dân tộc cũng sẽ mòn mỏi và bị đào thải. Con người dù không muốn, vẫn phải tồn tại giữa hai cực : truyền thống và hiện đại. Nhìn nhận và hành động thiên lệch sẽ không có sự phát triển. Vì vậy, theo chúng tôi, đến hiện đại từ truyền thống và liên tục hiện đại hóa yếu tố truyền thống là duy nhất đúng cho bất kỳ một sự phát triển nào. Điều này cho thấy sự vô lý khi hiện nay có những người nhân danh bảo tồn truyền thống để khôi phục nguyên xi cái cũ trong ma chay, cưới xin, lễ hội... vốn đã một thời bị lãng quên. Vì vậy, bài viết xin kết thúc bằng một luận điểm nổi tiếng của Hồ Chí Minh : Nói là khôi phục vốn cũ, thì nên khôi phục cái gì tốt, còn cái gì không tốt thì phải loại dần ra. Cái gì tốt thì ta nên khôi phục và phát triển, còn cái gì xấu thì ta phải bỏ đi.❑

TRƯỚC THÁCH THỨC...

(Tiếp theo trang 30)

bị trở thành thứ yếu khi đối mặt với những biến đổi quá mau chóng của xã hội hiện đại. Xã hội càng phức tạp thì lại càng làm cho vai trò và vị trí của văn hóa trở nên đáng kể. Nhìn từ một phía thì hầu hết những vấn đề chính trị - xã hội căng thẳng ở tầm toàn cầu cũng như ở phạm vi khu vực, quốc gia, thậm chí ở phạm vi một địa bàn cư dân... đều là những vấn đề có nguyên nhân thuộc về văn hóa. Sự khác biệt về văn hóa, những điều nan giải trong sự đối thoại giữa các nền văn hóa, theo S.P. Hơn-tinh-tơn, thật ra còn "cơ bản hơn" cả những khác biệt về ý thức hệ hoặc về chế độ chính trị[5]. Tuy nhiên, nhìn từ một phía khác thì việc ngăn chặn và thủ tiêu những nguy cơ nảy sinh từ mặt trái của xã hội thị trường, việc tìm kiếm những khả năng tốt đẹp hơn cho cuộc sống tương lai của con người, rốt cuộc, lại có thể tìm thấy câu trả lời hoặc những gợi ý rất căn bản từ phía văn hóa. Nói theo cách nói của F. Mai-ơ thì bất cứ sự phát triển nào cũng ít nhiều là một cuộc phiêu lưu. Nếu muốn cuộc phiêu lưu ấy không trở nên vô vọng hay khả dĩ có thể tin cậy được thì văn hóa phải trở thành linh hồn và nền tảng của nó[6].

Văn hóa là nền tảng và linh hồn của sự phát triển. Đây chính là điều đang khiến cho hầu hết mọi quốc gia, kể cả các quốc gia có nền kinh tế phát triển và đa số các quốc gia đang trên đường phát triển đều cảm thấy cần (và gần như buộc phải) định hướng xây dựng cho mình một xã hội *mang những nét đặc thù về văn hóa tới mức nào đó* để xã hội của họ khỏi bị đứt đoạn với quá khứ, đồng thời không bị hẫng hụt trước tương lai.❑

5. Xem : S.P. Huntington : *Sự đụng độ giữa các nền văn minh*. Thông tin KHXH, 1995, Chuyên đề I, tr 8

6. Xem : F.Mayor : *Ban đầu và cuối cùng là văn hóa*, Người đưa tin UNESCO, Số 10, 1994, tr 35

Digitized by Google

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC QUA MỘT NĂM TIẾP TỤC LÀM GIAO THÔNG NÔNG THÔN Ở HÀ NAM

PHẠM QUANG NGHỊ *

Từ hàng chục năm nay, làm giao thông nông thôn đã trở thành một trong những mục tiêu xây dựng và phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng ở nông thôn : điện, đường, trường, trạm. Một vài năm gần đây, một số nơi còn tiến thêm bước nữa, phấn đấu để nông thôn, nông dân có nước máy, nước sạch để dùng, thông tin được thông suốt. Đây là một trong những công tác trọng tâm trong quá trình xây dựng và phát triển nông thôn, đưa nông dân, nông thôn nước ta đi tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hà Nam là tỉnh có nhiều cố gắng trong việc làm đường giao thông từ nhiều năm qua. Năm 1963, Hà Nam là tỉnh dẫn đầu toàn miền Bắc, được Bộ Giao thông - Vận tải chọn làm nơi tổ chức Hội nghị tổng kết công tác giao thông nông thôn toàn quốc. Năm 1996, khi còn chung trong tỉnh Nam Hà, Chủ tịch nước đã tặng cờ luân lưu cho tỉnh về thành tích dẫn đầu cả nước làm giao thông nông thôn. Năm 1997 vừa qua, một lần nữa Hà Nam lại được nhận phần thưởng vinh dự nói trên của Chủ tịch nước.

Cũng như nhiều tỉnh khác, vấn đề xây dựng, phát triển giao thông nông thôn ở Hà Nam luôn luôn là một trong những công tác quan trọng hàng đầu của nhiệm vụ xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn. Có thể nói, nó đứng sau và đi liền với nhiệm vụ xây dựng và phát triển hệ thống thủy lợi. Nhiệm vụ này càng trở nên đặc biệt cấp bách và quan trọng đối với một tỉnh trũng nhất đồng bằng Bắc Bộ. Đồng ruộng của Hà Nam phần nhiều đều thấp hơn mực nước biển trên dưới nửa mét. Tình trạng đường sá nông thôn Hà Nam từ bao đời đã được đúc kết là *"Sáu tháng đi chân, sáu tháng đi tay"*. Một vùng đất úng ngập triền miên, như thơ Nguyễn Khuyến đã tả :

"Bóng thuyền thấp thoáng vờn trên vách
Sóng nước long bong vỗ trước nhà".

Đã có một thời lan truyền trong cả nước *giai thoại thời hiện đại*, là cán bộ ở Hà Nam phải cưỡi trâu lội đồng đi họp huyện. Hoàn cảnh sống của nông thôn Hà Nam càng nung nấu quyết tâm của toàn đảng bộ, toàn dân phải nhanh chóng xây dựng, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn trong tỉnh. Nhiệm vụ, mục tiêu đó thực sự trở thành khẩu hiệu hành động của cả gần triệu con người, được kiên trì thực hiện trong nhiều năm.

Thực hiện công việc nói trên cũng *chính là triển khai phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm ; là thực hiện "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*. Nói rộng ra, đó là *chủ trương huy động sức dân để lo việc của dân ;* là ra sức phát huy nội lực để xây dựng, phát triển nông thôn, cụ thể là xây dựng các cơ sở hạ tầng ở nông thôn.

Tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được trong nhiều năm trước, ngay sau khi tỉnh Hà Nam tái lập, tháng 3-1997 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra chỉ thị về việc tiếp tục đẩy mạnh xây dựng giao thông nông thôn trong thời gian hai năm 1997-1998. Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo, thành phần gồm lãnh đạo các sở,

* PTS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam

Digitized by Google

ban, ngành của tỉnh và chủ tịch các huyện, thị do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban. Ngay sau đó, vào ngày kỷ niệm thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh *(26-3-1997)*, tỉnh phát động mở màn phong trào thi đua làm đường giao thông trong toàn tỉnh.

Trong quá trình xây dựng nông thôn mới, đây là một trong những phong trào được nhân dân đồng tình ủng hộ mạnh mẽ, là chủ trương hợp lòng dân, đem lại lợi ích thiết thân cho mọi người, mọi nhà, từ già tới trẻ, ai ai cũng tham gia đóng góp công sức, tiền của và đều được hưởng kết quả do mình làm ra.

Qua tổng kết một năm làm giao thông nông thôn ở Hà Nam, mọi người đều nhận thấy những thành tích đạt được là to lớn. Như nói ở trên, vấn đề làm đường giao thông nông thôn không phải là điều mới lạ, cũng không phải chỉ có một vài tỉnh hưởng ứng, tham gia, mà nó đã trở thành phong trào, thành mục tiêu phấn đấu chung của tất cả các tỉnh, thành trong cả nước. Thế nhưng, thực tế cho thấy có nơi làm tốt, có nơi làm chưa tốt. Có nơi làm nhanh mạnh quá đà ; nhưng cũng có nơi chần chừ, triển khai chậm.

Đối với Hà Nam, qua tổng kết nhìn lại, bài học kinh nghiệm rút ra có nhiều điều, nhưng điểm cơ bản, lớn nhất là *nhờ chủ trương và cách làm đúng đắn, hợp lòng dân, nên được dân đồng tình ủng hộ.* Hai vế đó có quan hệ mật thiết, cái này là nguyên nhân, nhưng đồng thời cũng là kết quả tất yếu của cái kia, nhờ đó có kết quả, có thành công. Chỉ trong năm 1997 toàn tỉnh đã cải tạo, nâng cấp, làm mới được 1463 km đường giao thông nông thôn, trong đó có 86 km đường rải nhựa, 287 km đường bê tông, 183 km đường lát gạch, 524 km đường rải đá dăm, 363 km đường cấp phối. Số vốn huy động dân đóng góp là 99 tỉ, Nhà nước hỗ trợ 3,1 tỉ. Kết quả đó cho phép khẳng định chủ trương huy động sức dân để làm những công việc có lợi cho dân không chỉ là có thể mà là cần thiết. Nó phù hợp với phương châm *"Nhà nước và nhân dân cùng làm"*, với tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư *ra sức phát huy nội lực để xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.*

Điều cần nhấn mạnh là, với một lượng vốn khá lớn được huy động từ sự đóng góp của nhân dân, nhưng qua kiểm tra đã không thấy có những hiện tượng tiêu cực như tham nhũng, làm thất thoát trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng. Có được kết quả đó là do ở Hà Nam đã *thực hiện một cách nghiêm túc chủ trương dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*, tỉnh bổ sung vào phương châm đó hai nội dung là *dân quản lý, dân sử dụng.*

Các cấp ủy đảng, chính quyền, nhất là tại cơ sở đã thực hiện tốt phương châm : *dân chủ, công bằng, công khai, hiệu quả, vì lợi ích của dân.* Nhân dân được bàn bạc, quyết định mọi vấn đề : làm con đường nào, rộng hẹp ra sao, mức đóng góp bao nhiêu, ai đứng ra làm, bao giờ làm... Nhân dân tự bầu ra ban quản lý trong đó các thành viên thường là hội viên Hội Cựu chiến binh, Mặt trận Tổ quốc, các cụ già cao tuổi, những người có tín nhiệm cao trong làng... Cấp ủy, chính quyền là người đề ra chủ trương, hướng dẫn về thiết kế, kỹ thuật, kiểm tra đôn đốc về chất lượng, tiến độ thi công, nhưng không trực tiếp thu tiền, không nhận thầu, hoặc chỉ định thầu. Từng công trình làm xong được quyết toán công khai, nhanh gọn, rõ ràng. Có xã còn thực hiện khai báo trước hội đồng nhân dân, truyền thanh qua hệ thống loa cho toàn dân trong thôn, xã biết. Nhân dân ai nấy đều biết rõ từng đồng tiền, cân thóc, ngày công mình bỏ ra để làm những con đường mà mình đang đi hằng ngày chứ không rơi vào túi cá nhân. Chính nhờ những biện pháp *giao cho dân tự bàn, tự làm và tự quản* nên không xảy ra tiêu cực, tham nhũng. Cách làm trên chẳng những quy tụ được sự đóng góp to lớn về tiền của, vật chất, ngày công của mọi người, mọi nhà mà còn sử dụng, phát huy sự giám sát của hàng nghìn tai, mắt của quần chúng nhân dân. Nhờ đó, toàn tỉnh đã huy động được một lượng vốn và số ngày công rất lớn. Có những người tự nguyện ủng hộ, đóng góp cho làng, xóm hàng chục triệu đồng như ông Nguyễn Văn Sinh ở thôn Mai Lĩnh, xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm đóng góp 27 triệu đồng, ông Nguyễn Văn Hàm ở thôn Bạc, xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm đóng góp 10 triệu đồng. Phong trào làm đường giao thông nông thôn ở Hà Nam còn thu

Digitized by Google

hút được sự đóng góp của cả những người đang công tác làm ăn xa quê hương.

Qua một năm phát động phong trào toàn dân tham gia làm đường giao thông nông thôn ở Hà Nam đã đạt được những kết quả tương đối toàn diện. Nó đem lại không chỉ là những con đường mới phong quang, cao ráo, mà còn được về chính trị, kinh tế, văn hóa, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, mở rộng giao lưu, đưa văn minh về với nông thôn, nông dân... Tất cả những điều đó đã góp phần củng cố và nâng cao niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của chính quyền, nâng cao vai trò các hội viên, đoàn viên ở cơ sở.

Trong năm 1997, cứ mỗi ngày trôi qua, trên các làng quê trong tỉnh lại có thêm 4 - 5 km mặt đường được cải tạo, nâng cấp hoặc làm mới. Ngân sách Nhà nước chi ra chỉ trên 3 tỉ đồng mang tính chất hỗ trợ và *"gây men"*, phần chủ yếu là nhân dân tự đóng góp. Kết quả đó khẳng định tính đúng đắn và sự cần thiết của chủ trương *"Nhà nước và nhân dân cùng làm"*, phù hợp với phương châm ra sức phát huy nội lực mà Nghị quyết Trung ương Đảng đã đề ra.

Nhìn lại một năm làm giao thông nông thôn, tỉnh Hà Nam không chỉ thấy những thành công và thắng lợi cần tiếp tục phát huy mà cũng nhận ra cả những mặt chưa đạt hoặc cần phải điều chỉnh, uốn nắn.

Trước hết là phải rất lưu ý các địa phương cân nhắc *mức độ huy động đóng góp của nhân dân sao cho vừa sức, vừa mức và thật sự công bằng.* Hiện tại tiền của trong dân còn eo hẹp, lại phải trang trải cho nhiều việc, nhiều nhu cầu. Làm đường giao thông là cần thiết, nhưng không thể dồn tất cả vốn chỉ vào một việc. Bên cạnh yêu cầu làm đường còn phải làm trường học, trạm y tế, điện, nước sạch... và đặc biệt là yêu cầu huy động vốn cho sản xuất, kinh doanh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần nhân dân.

Thứ hai, là những vấn đề thuộc về *quản lý kỹ thuật, quản lý chất lượng và có biện pháp bảo vệ đường, quản lý các con đường.* Có nơi còn làm vội, làm không đúng quy trình quy phạm, tuy không có tham ô, thất thoát nhưng cũng gây nên lãng phí vật tư, tiền của. Có nơi đường làm xong, vì muốn bảo vệ đường nên lại chôn cọc, ngăn xe cơ giới qua lại, dẫn tới tình trạng có đường tốt mà phương tiện giao thông không được đi qua. Trái lại, có nơi không kịp thời đề ra các biện pháp quản lý thích hợp, để cho xe có trọng tải lớn chạy qua các con đường mới làm, khiến cho đường hư hại rất nhanh.

Thứ ba, qua kiểm tra, nhìn chung việc huy động tiền của, công sức của dân để làm đường mà không để xảy ra tham nhũng, tiêu cực là đáng mừng, nhưng không vì thế mà chủ quan, coi nhẹ việc *thường xuyên kiểm tra, giám sát, đề phòng những tiêu cực phát sinh* vì nhiệm vụ làm đường vẫn còn tiếp tục. Một phong trào được mọi người, mọi nhà đồng tình hưởng ứng là minh chứng cho một chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân nên mới đi vào được cuộc sống, nhưng cũng cần phải luôn luôn *đề phòng tư tưởng chủ quan, nóng vội, chạy theo thành tích* dẫn tới không chú ý nghe dân hoặc huy động sức dân quá mức.

Thứ tư, vấn đề không phải riêng của một tỉnh, thành nào mà là của cấp vĩ mô, của Nhà nước. Đó là *trách nhiệm của cả nước đối với việc đầu tư, phát triển, xây dựng nông thôn, từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch trong quá trình phát triển giữa nông thôn và thành phố.* Chúng ta đang đứng trước thực tế là trong khi thu nhập, mức sống của nông dân thấp hơn người sống ở thành phố rất nhiều, nhưng mức đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm, nước sạch... lại lớn hơn rất nhiều so với người dân ở thành phố. Nói cách khác, chủ trương : *"Nhà nước và nhân dân cùng làm"* mới triển khai mạnh ở nông thôn chứ chưa làm tốt ở các thành phố. Đó cũng chính là những điều mà người dân sống ở nông thôn thường xuyên suy nghĩ, mong muốn Nhà nước cần có những chính sách điều tiết vĩ mô, toàn cục để góp phần nhanh chóng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân nước ta.

Làm tốt được tất cả những điều nói trên, phong trào làm đường giao thông nông thôn không chỉ của tỉnh Hà Nam mà của cả nước chắc chắn sẽ thu được những kết quả to lớn, toàn diện hơn nữa.❑

Digitized by Google

Về giải quyết những vấn đề phòng, chống ma túy ở Yên Bái

HOÀNG CÔNG DUNG *

Ở vị trí giáp ranh giữa vùng Đông Bắc và Tây Bắc, lại có các tuyến đường giao thông quan trọng chạy qua như tuyến đường sắt Hà Nội - Cửa khẩu Lào Cai, các tuyến đường bộ từ Lai Châu, Sơn La đi các tỉnh Đông Bắc, nên tình trạng buôn bán, vận chuyển và tiêu thụ trái phép thuốc phiện và các chất ma túy khác diễn ra hết sức phức tạp trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Tệ nạn nghiện hút thuốc phiện và các chất ma túy khác không chỉ ở cộng đồng người H'Mông mà ở cả các dân tộc khác như Kinh, Tày, Dao, Thái v.v. cũng không ít người bị cuốn hút vào vòng xoáy của nghiện ngập ma túy. Nghiện hút không chỉ giới hạn trong vùng trồng cây thuốc phiện mà còn lan tới cả các huyện vùng thấp, nơi tập trung đông dân như thị xã, thị trấn v.v. Theo số liệu của Sở Lao động - Thương binh - Xã hội, số người nghiện hút ở tỉnh là : năm 1992 có 6 051 người nghiện, năm 1993 có 3 846 người, năm 1996 có 3 096 người và năm 1997 có 2 986 người. Điều đáng chú ý là trong số những người nghiện, tỷ lệ nữ, người dưới 18 tuổi có xu hướng gia tăng. Chẳng hạn, trong số 3 846 người nghiện năm 1995 có 5,21% là nữ, người dưới 18 tuổi có 3,2%. Theo số liệu điều tra tại thời điểm tháng 10 năm 1997, trong số 1 769 người nghiện hút, có 6,72% dưới 17 tuổi. Điều khiến cho dư luận lo ngại là ma túy đang hằng ngày, hàng giờ xâm nhập vào các trường học, nơi vườn ươm nguồn nhân lực cho tương lai.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do đời sống của đồng bào vùng cao còn rất nhiều khó khăn, điều kiện, phương tiện sản xuất còn nhiều hạn chế, diện tích đất nông nghiệp thấp (bình quân 1,6 ha/hộ, riêng ruộng nước 0,2 ha/hộ). Nạn thiếu đói, nhất là những tháng giáp hạt thường xảy ra hằng năm và từ bao đời nay cây thuốc phiện vẫn là nguồn sống chính của đồng bào vùng cao, nhất là đồng bào H'Mông. Mặt khác, trình độ dân trí thấp (trên 80% đồng bào không biết tiếng phổ thông và mù chữ) ; sản xuất, canh tác lạc hậu, mang nặng tính tự cung, tự cấp, nhiều phong tục, tập quán còn lạc hậu, cơ sở hạ tầng yếu kém, tỷ lệ tăng dân số cao (trên 4%). Đói nghèo, thiếu tiền, thiếu thuốc, mọi thứ bệnh đều dùng thuốc phiện để chữa dẫn đến sự lạm dụng thành nghiện. Mặt khác do đời sống văn hóa thấp, họ không nhận thức được tác hại của việc dùng thuốc phiện mà còn lấy nó làm nhu cầu sinh hoạt xã hội trong phong tục địa phương vào các ngày lễ, tết. Về kinh tế, do buôn bán thuốc phiện mang lại lợi nhuận rất cao, vận chuyển nhẹ nhàng, không cồng kềnh, nên các đối tượng buôn bán dùng mọi thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để hòng kiếm lời bất chính. Công tác phát hiện, điều tra chưa hết, nhiều nơi do nhận thức chưa đầy đủ nên còn buông lỏng quản lý, khiến cho tình hình nghiện hút trên địa bàn chưa kiểm soát được chặt chẽ.

Trước hiểm họa của ma túy nói chung và tệ nạn nghiện hút thuốc phiện nói riêng, ngày 8-4-1991, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã ban hành Chỉ thị 99/CT về việc vận động nhân dân không trồng cây anh túc (cây thuốc phiện), giao trách nhiệm cho các cấp, các ngành có những biện pháp tích cực để khuyến khích, trợ giúp nhân dân chuyển đổi cây trồng, ổn định đời sống, tạo một phong trào rộng lớn trong việc vận động xóa bỏ cây thuốc phiện. Ngày 29-1-1993 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 06/CP về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy. Đây là những cơ sở pháp lý rất quan trọng để đề ra các biện pháp cần thiết, cụ thể tiến hành công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.

* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái

Digitized by Google

Quán triệt nội dung và vận dụng Chỉ thị 99/CT, Nghị quyết 06/CP vào điều kiện cụ thể của địa phương, thời gian qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cấp, các ngành ở Yên Bái đã có những nỗ lực rất đáng kể nhằm *từng bước ngăn chặn và đẩy lùi hiểm họa ma túy ở địa phương.*

Bằng các biện pháp đồng bộ từ tuyên truyền, vận động, giải thích cho nhân dân nhận thức rõ sự nguy hại của thuốc phiện nói riêng và ma túy nói chung đối với đời sống con người, với an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, với môi trường sinh thái. Tuyên truyền giáo dục nhân dân hiểu rõ các chủ trương, chính sách cụ thể trong việc đấu tranh nhằm loại bỏ cây thuốc phiện ra khỏi đời sống xã hội của tỉnh. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã ra nghị quyết chuyên đề về việc tổ chức vận động đồng bào vùng cao bỏ trồng cây thuốc phiện, nghiêm cấm việc buôn bán, vận chuyển và tàng trữ các chất ma túy. UBND tỉnh đã có kế hoạch triển khai cụ thể hằng năm, nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi Chỉ thị 99/CT, Nghị quyết 06/CP và các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh về công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy. Nhờ vậy, diện tích cây thuốc phiện trên địa bàn tỉnh được triệt phá ngày càng nhiều.

Ngay từ năm 1992, tỉnh Yên Bái đã vận động đồng bào tự giác phá bỏ 1 535 ha cây thuốc phiện trước khi ra hoa. Từ năm 1993 đến nay là giai đoạn vận động đồng bào xóa bỏ diện tích tái trồng thuốc phiện còn lại nằm rải rác, phân tán ở các thôn bản xa xôi trong rừng sâu, trồng xen kẽ với các loại cây rau màu khác nhau. Nhờ kiên trì thuyết phục, vận động và sự kiên quyết của các lực lượng được giao nhiệm vụ nên 1 049 ha cây thuốc phiện tái trồng đã được phát hiện và phá bỏ kịp thời. Trong các năm, từ 1992 đến 1997, toàn tỉnh Yên Bái đã xóa bỏ được 2 584 ha cây thuốc phiện. Về cơ bản, cho tới nay, Yên Bái đã thành công trong việc vận động đồng bào vùng cao xóa bỏ cây thuốc phiện.

Đạt được kết quả trên là do có sự quan tâm của Đảng, Chính phủ, được thể hiện bằng các chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với lòng dân và được tỉnh quán triệt, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương, nhất là ở vùng đồng bào trồng cây thuốc phiện.

Với phương châm *đầu tư có trọng điểm*, có sự ưu tiên hợp lý, bằng số vốn hỗ trợ hơn 120 tỉ đồng, trong đó vốn thuộc chương trình quốc gia 06/CP hơn 14 tỉ đồng, tỉnh đã tập trung chủ yếu cho các huyện bỏ trồng cây thuốc phiện và lồng ghép chương trình, dự án trên cùng địa bàn, đã làm cho cuộc sống của đồng bào vùng cao ngày càng được cải thiện. Năm 1997, tỉnh đã đầu tư ưu tiên cho huyện Mù Căng Chải gần 900 triệu đồng để mua giống lúa, giống ngô mới có năng suất cao trồng thay thế cây thuốc phiện. Do đó, hơn 55% diện tích ruộng bậc thang của các hộ nông dân người H'Mông, người Thái được gieo trồng đúng thời vụ, cho năng suất cao, bình quân 32 tạ/ha. Không những được mùa lúa, mùa ngô mà các sản phẩm độc đáo như hạt ý dĩ (một vị thuốc quý) cũng cho sản lượng hàng trăm tấn để xuất khẩu, mở ra một triển vọng lớn cho việc chuyển hướng cây trồng thay thế cây thuốc phiện.

Để khai thác tiềm năng đất đai, tỉnh cũng đã đầu tư khai hoang hơn 300 ha ruộng lúa nước và ruộng bậc thang, xây dựng 47 công trình thủy lợi vừa và nhỏ để tưới tiêu cho 537 ha ruộng, hỗ trợ kinh phí đưa kỹ thuật và các giống cây trồng vật nuôi có năng suất cao như lúa mì, ngô Biosed, bò lai ngoại nhập v.v. vào sản xuất canh tác, bước đầu cho kết quả khả quan. Cùng với cây lương thực và chăn nuôi, các loại cây ăn quả và cây đặc sản cũng được chú ý thay thế dần thói quen độc canh cây trồng, vật nuôi trong sản xuất ở vùng đồng bào dân tộc. Hiện tại, Yên Bái đã có 180 ha mận tam hoa, 43 ha cây dược liệu, 4 000 cây đỗ trọng, 15 000 cây thảo quả ; trồng mới 500 ha, cải tạo 369 ha chè đặc sản, đưa quy mô chè vùng cao lên 1 000 ha. Trong đó, riêng đồng bào H'Mông ở Púng Luông, Nậm Khắt, huyện Mù Căng Chải đã trồng mới hơn 300 ha trên diện tích trước đây trồng cây thuốc phiện. Hiện nay, sản phẩm chè "Suối Giàng" của Yên Bái đã được thị trường trong nước chấp nhận và đang vươn tới thị trường quốc tế. Đồng bào các dân tộc H'Mông, Dao, Thái v.v. đang từng bước từ giã cây thuốc phiện và thay vào đó là cây chè, thảo quả, ý dĩ, mận tam hoa.

Để giúp nhân dân xóa bỏ cây thuốc phiện vấn đề trợ cấp đời sống cho đồng bào vùng cao cũng

Digitized by Google

được tỉnh vận dụng sáng tạo. Trước đây, hằng năm, vào những tháng giáp hạt, vùng cao vẫn xảy ra tình trạng thiếu đói và nhà nước phải trợ cấp theo hình thức cho không. Nhưng từ năm 1993 đến nay, để tránh tư tưởng ỷ lại của một bộ phận đồng bào, *tỉnh đã gắn kinh phí cứu đói với việc giao khoán khoanh nuôi, bảo vệ, tái sinh và trồng rừng, đồng thời một phần kinh phí được chuyển sang cho vay không lãi* nhằm tạo thói quen cho đồng bào vùng cao tiếp cận dần với nền kinh tế hàng hóa trong cơ chế thị trường, tạo cho đồng bào có ý thức trong việc sử dụng đồng tiền. Với cách làm đó, tỉnh đã giao đất, giao rừng cho 7 500 hộ gia đình để khoanh nuôi, tái sinh và bảo vệ được 57 515 ha rừng tự nhiên, trồng mới 1 615 ha rừng phòng hộ, 1 603 ha rừng quế đặc sản. Bước đầu đã có tác dụng gắn kết bà con các dân tộc vùng cao với rừng, với bản làng, với sự nghiệp lâm nghiệp, môi trường sinh thái.

Những kết quả trên, đã có tác dụng trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng thay thế cây thuốc phiện, tạo niềm tin cho đồng bào vùng cao đối với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần ổn định đời sống, phát triển sản xuất cho 32 000 hộ, 212 000 nhân khẩu vùng cao, trong đó có 7 000 hộ, 5 000 nhân khẩu trong vùng bỏ trồng cây thuốc phiện.

Mặt khác, các công trình mang tầm vóc lớn trong tỉnh đang được khẩn trương hoàn thành như công trình thủy lợi Từ Hiếu ở huyện Lục Yên có tổng vốn đầu tư gần 30 tỉ đồng, dự kiến tưới tiêu cho hơn 600 ha đất canh tác hai vụ ; phân xưởng chế biến chè có công suất 5 tấn/ngày của Công ty kinh doanh chế biến chè - cà phê xuất khẩu Văn Hưng, được đầu tư xây dựng ở thị tứ Púng Luông đã đi vào sản xuất, bảo đảm tiêu thụ ổn định cho vùng chè nguyên liệu được hình thành khi thay thế cây thuốc phiện.

Các chợ vùng cao Trạm Tấu, Mù Căng Chải, các thị tứ và trụng tâm cụm xã được xây dựng kịp thời nhằm bảo đảm cung ứng hàng hóa, vật tư thiết yếu, những mặt hàng chính sách của Đảng và Nhà nước cho vùng cao và tận thu sản phẩm cho đồng bào, đang làm cho vùng cao Yên Bái ngày một đổi thay theo hướng văn minh, hiện đại.

Điện lưới quốc gia đã tỏa sáng đến nhiều huyện đang làm thức dậy một tiềm năng lớn của vùng cao. Huyện ly đêm đêm có ánh điện cao áp tỏa sáng. Nhiều già làng, trưởng bản là người H'Mông, người Thái, người Dao từ các bản xa xôi về thăm phố huyện, ngỡ ngàng trước sự đổi thay của quê nhà.

Cùng với nâng cao đời sống vật chất, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân các dân tộc ở Yên Bái cũng không ngừng được nâng cao. Tỉnh có 25 trường phổ thông cơ sở, 2 trường nội trú thiếu nhi dân tộc, 8 trạm y tế, 2 phòng khám đa khoa khu vực, hơn 1 000 nguồn nước sạch cung cấp cho hơn 30 000 người dân. Ba trạm thu phát lại truyền hình đã chuyển tải đến hàng trăm hộ gia đình người H'Mông, người Dao, người Thái v.v. những thông tin mới nhất về các mặt đời sống, sinh hoạt trong nước và quốc tế, đưa đến cho đồng bào những kiến thức cuộc sống, kinh nghiệm làm ăn thay cho cảnh nằm bên bàn đèn hút thuốc phiện trước đây là cảnh đêm đến, các hộ gia đình quây quần bên nhau để xem chương trình truyền hình.

Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục ưu tiên đầu tư hàng tỉ đồng để làm đường điện lưới quốc gia dài 60 km từ huyện Than Uyên tỉnh Lào Cai về huyện Mù Căng Chải và tới vùng thị tứ Púng Luông.

Đi đôi với việc vận động và các biện pháp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho việc phá bỏ cây thuốc phiện, công tác tổ chức cai nghiện và chữa trị các đối tượng nghiện hút cũng được tỉnh quan tâm đẩy mạnh. Bằng các hình thức cai nghiện tập trung, cai nghiện tại cộng đồng và cai nghiện tại nhà, từ năm 1993 đến năm 1997, tỉnh đã cai nghiện cho 5 422 lượt người. Với các hình thức quản lý chặt chẽ, có nội dung, phương pháp cụ thể, kết hợp giữa cai nghiện cắt cơn với lao động sản xuất, hướng nghiệp, dạy nghề, học tập, vui chơi giải trí lành mạnh, đã giúp cho đa số người nghiện hoàn lương, trở lại với đời sống lành mạnh của cộng đồng. Tuy nhiên, số tái nghiện vẫn còn cao, khoảng 30%. Đây là vấn đề đặt ra cho tỉnh cần đặc biệt quan tâm, giải quyết để có kết quả vững chắc, lâu dài.

Công tác chống tội phạm về buôn bán tiêm chích ma túy có hiệu quả cũng có tác dụng ngăn ngừa rất lớn. Từ 1993 đến 1997 đã phát hiện và bắt

Digitized by Google

giữ 138 vụ, 161 đối tượng buôn bán vận chuyển và tàng trữ chất ma túy, thu và tiêu hủy 143 kg thuốc phiện, triệt phá 449 ổ tiệm chích ma túy với 637 đối tượng, thu 432 bộ bàn đèn và nhiều dụng cụ hành nghề nghiện hút khác. Đã đề nghị truy tố 550 đối tượng.

Qua thực tiễn tổ chức chỉ đạo cuộc vận động phòng, chống ma túy ở Yên Bái, với những kết quả bước đầu đã đạt được, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân và các ngành có liên quan trong tỉnh vừa tiến hành chỉ đạo thực tiễn vừa tổng kết kinh nghiệm và đã tìm ra một số bài học bước đầu :

- *Thứ nhất :* Về công tác chỉ đạo cần phải tập trung kiên quyết, liên tục, thường xuyên, triệt để, có trọng tâm trọng điểm, kiên trì, thận trọng và có những bước đi phù hợp. Với một tỉnh rừng núi đất rộng người thưa, địa hình phức tạp do đó việc phòng chống ma túy hết sức khó khăn gian khổ. Nếu không tiến hành thường xuyên, liên tục, làm theo kiểu "đánh trống bỏ dùi" thì tệ nạn nguy hại ma túy lại tái phát.

- *Thứ hai :* Cùng với các biện pháp kiên quyết, nhất quán về chủ trương và hành động, phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong nhân dân, nhất là đồng bào vùng trồng cây thuốc phiện để họ nhận rõ tác hại của cây thuốc phiện và vấn đề nghiện hút đối với giống nòi và nền kinh tế trong mỗi gia đình và cả cộng đồng mà tự giác từ bỏ.

- *Thứ ba :* Để làm tốt việc vận động thuyết phục đồng bào vùng cao xóa bỏ cây thuốc phiện, bên cạnh trách nhiệm của các cơ quan hữu quan như ngành nông nghiệp, công an các ban ngành của đảng và chính quyền... thì điều không kém phần quan trọng là phải biết dựa vào các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ và các già làng trưởng bản, trưởng dòng họ...

- *Thứ tư :* Cùng với quyết tâm của địa phương, sự hỗ trợ của nhà nước về kinh phí, vật chất và tinh thần để đồng bào phát triển sản xuất chuyển đổi cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa có ý nghĩa rất quan trọng. Bởi vì, dù địa phương có quyết tâm cao, nhân dân đồng tình ủng hộ, nhưng nguồn kinh phí không cân đối nổi để hỗ trợ cho hướng sản xuất mới thay thế cây thuốc phiện thì công tác vận động thuyết phục đồng bào sẽ kém hiệu quả. Thực tế thời gian qua ở Yên Bái cho thấy, khi nhà nước trợ giá thu mua táo mèo và có cơ sở tiêu thụ sản phẩm chè búp tươi cho đồng bào thì tình hình sản xuất ổn định, việc tái trồng cây thuốc phiện xảy ra rất hạn hữu.

- *Thứ năm :* Muốn xóa bỏ được tập quán trồng và hút thuốc phiện, nhà nước cần có chính sách thỏa đáng, nhất quán, tổ chức thành cuộc vận động lớn mang tính cách mạng sâu sắc, tiến hành đồng thời, liên tục trong thời gian dài từ 5 năm đến 10 năm và hằng năm cần hỗ trợ kinh phí đủ để giải quyết đời sống trước mắt cho đồng bào, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế lâu dài cho cộng đồng.

- *Thứ sáu :* Đối với công tác cai nghiện, chống buôn lậu, truy quét những đối tượng, tụ điểm sử dụng ma túy cần phải tiến hành kiên quyết, mạnh mẽ kết hợp đồng bộ giữa biện pháp giáo dục, với biện pháp hành chính, kinh tế, pháp luật để ngăn chặn có hiệu quả, tiến tới xóa bỏ tận gốc tệ nạn xã hội nói chung tệ nạn ma túy nói riêng trên địa bàn tỉnh.

Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi trong công tác phòng, chống ma túy (diện tích cây thuốc phiện ở Yên Bái cơ bản đã được xóa bỏ) tuy nhiên, kết quả vẫn còn chưa vững chắc vì chưa kiểm soát hết được tình hình trồng cây thuốc phiện ở những vùng xa xôi hẻo lánh và số người nghiện hút ở Yên Bái vẫn còn khá lớn, lại nằm rải rác ở hầu hết các huyện, thị xã, trong đó chủ yếu ở các huyện vùng cao, các xã, bản vùng sâu, vùng xa nên rất khó kiểm soát. Vì thế, công tác phòng, chống ma túy ở Yên Bái còn phải nỗ lực rất nhiều. Trong đó làm sao vận động và thu hút được cả cộng đồng cư dân trong tỉnh, nhất là người H'Mông phát huy được sức mạnh tổng hợp, tạo những chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống của đồng bào để họ không tái trồng cây thuốc phiện là điều có ý nghĩa then chốt. Đi đôi với việc xóa bỏ cây thuốc phiện, cần tập trung xây dựng những mô hình điểm có hiệu quả về việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để tuyên truyền phổ biến nhân rộng ra trên địa bàn tỉnh.❑

Digitized by Google

KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN - MÔ HÌNH KINH TẾ MỚI ĐẦU TIÊN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN CHƠN TRUNG *

I. Thành quả bước đầu đáng khích lệ :

Ở các nước mới phát triển, thời kỳ đầu thực hiện đổi mới nền kinh tế, mở cửa hội nhập vào nền kinh tế thế giới đã hình thành mô hình Khu chế xuất (KCX), là nơi để gọi vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu (còn gọi là hàng hóa tái xuất). Các Khu chế xuất này thường là nơi được hưởng những quy chế, thể lệ, chính sách của nhà nước sở tại dành riêng cho những nhà đầu tư nước ngoài, nhằm thu hút nhiều vốn và ngoại tệ, công nghệ tiên tiến, đào tạo, sử dụng lao động và nguồn nguyên liệu trong nước, mà nước sở tại chưa có điều kiện tự giải quyết, để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và rút ngắn khoảng cách giữa các nước phát triển và chậm phát triển. Mô hình này thực tiễn nhiều năm qua đã mang lại hiệu quả ở nhiều nước trên thế giới như các nước đã "hóa rồng"... Mô hình có hiệu quả đó được nhân rộng trên thế giới, đến nay là 230 KCX, trong đó có 43 KCX hoạt động tốt và được kết nạp là hội viên Hiệp hội các KCX của 35 nước.

Ở Việt Nam, trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chính sách mở cửa để hội nhập vào nền kinh tế thế giới, Đảng và Nhà nước ta đã sớm đề ra chủ trương xây dựng các KCX. Thành ủy Hồ Chí Minh là một trong những cấp ủy địa phương sớm nắm bắt chủ trương trên của Đảng và Chính phủ, chuẩn bị xây dựng luận án kinh tế - kỹ thuật, tìm kiếm địa điểm xây dựng và tuyển chọn đội ngũ cán bộ chuyên môn và quản lý để sớm biến chủ trương thành hiện thực. Sau Nghị định 322/HĐBT (nay là Chính phủ), được ban hành ngày 18-10-1991 về quy chế hoạt động các KCX, vào ngày 15-11-1991, UBND TP Hồ Chí Minh đã ra quyết định thành lập KCX đầu tiên của thành phố và của cả nước ở Tân Thuận thuộc huyện Nhà Bè. Khu chế xuất này được xây dựng trên một vùng đất nông nghiệm nhiễm mặn, năng suất thấp, độc canh, nói chung ít sinh lợi cho người dân địa phương. Chủ trương đúng cộng với các giải pháp tổ chức thực hiện thiết thực đã và đang biến bán đảo Tân Thuận thành một khu công nghiệp khang trang, hiện đại với năng lực sản xuất to lớn hướng về xuất khẩu. Trước đây chỉ 5 năm, khi chưa bắt đầu xây dựng thành khu công nghiệp đồ sộ như ngày nay, nếu ai chưa một lần đặt chân tới, thì không thể hình dung nổi nơi đây là một vùng đất trũng với những bãi sình lầy, đồng cỏ hoang và những khóm dừa nước mọc ven những kênh rạch lớn, nhỏ đã hóa thân thành một vùng đất công nghiệp bề thế, với diện tích 300 ha, trong đó có trên 210 ha là đất đủ tiêu chuẩn xây dựng công nghiệp.

Thành phố Hồ Chí Minh chọn bán đảo Tân Thuận để xây dựng KCX đầu tiên là nơi hội tụ các điều kiện thuận lợi mong muốn : có dòng chảy chính của sông Sài Gòn bao bọc 3 phía ; kề sát hệ thống cảng thuộc khu vực Tân Thuận (cách 4 km) và cách ga đầu mối đường sắt khoảng 7 km ; trực tiếp thừa hưởng hệ thống cơ sở hạ tầng bước đầu hiện có về giao thông đường bộ, đường thủy và hàng không, cùng với hệ thống thông tin liên lạc mới được trang bị hiện đại, thuận tiện cho giao thông và liên lạc trong và ngoài nước.

Vì là đơn vị đi trước mở đường cho mô hình kinh tế còn mới mẻ ở Việt Nam, nên Nhà nước ta đã thực hiện ở KCX Tân Thuận một quy chế quản lý thông thoáng. Do vậy, mới chỉ hơn 5 năm hoạt động đơn vị này đã tạo được những bước phát triển đáng khích lệ, hoàn thành một khối lượng công việc vượt lên trên điều kiện vật chất cho phép và thời gian cần thiết, như : đã hoàn thành về

* PTS, Phó Trưởng ban quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp TP. Hồ Chí Minh

Digitized by Google

cơ bản phần xây dựng cơ sở hạ tầng cho toàn khu chế xuất, từ việc san lấp, tôn tạo nền móng toàn khu, xây dựng tường rào bảo vệ, cổng ra vào, trụ sở làm việc, đường giao thông nội ô có tổng độ dài 22 km với 3 loại chiều rộng (12m, 20m, 30m), đến hệ thống cấp thoát nước, điện công nghiệp, thông tin liên lạc trong và ngoài nước, hệ thống chiếu sáng, thảm cỏ, cây xanh, hoa viên, tượng đài...

Phương thức hoạt động của KCX Tân Thuận là vừa xây dựng cơ sở hạ tầng vừa thu hút - tiếp nhận các công ty đầu tư nước ngoài để sớm mang lại hiệu quả kinh doanh trên phần vốn đã đầu tư cho cơ sở hạ tầng và cũng để đáp ứng yêu cầu của các công ty và các nhà đầu tư nước ngoài. Kết quả đến cuối năm 1997 KCX Tân Thuận đã thu hút được 138 nhà đầu tư từ 9 quốc gia và lãnh thổ, trong đó Đài Loan : 62, Nhật : 51, Hàn Quốc : 6, Hồng Công : 7, Xin-ga-po : 3, Mỹ : 2, Cộng hòa liên bang Đức : 1, Ma-lai-xi-a : 1 và Việt Nam : 2. Đã thuê 116/210 ha đất xây dựng nhà máy, đưa tổng số vốn đầu tư là 460,61 triệu USD ; 105 nhà đầu tư được cấp giấy phép hoạt động, trong đó có 71 nhà máy đã đi vào sản xuất kinh doanh, 17 công ty đang xây dựng và lắp đặt thiết bị sản xuất thử và có 13 công ty đang hoàn chỉnh thủ tục cấp giấy phép.

Các doanh nghiệp được đầu tư vào KCX Tân Thuận bao gồm nhiều ngành nghề khác nhau như : dệt, sợi, may mặc, điện - điện tử, sản xuất đồ gỗ, đồ nhựa, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng, dụng cụ thể thao... và các dự án có công nghệ cao như : chế tạo khuôn mẫu, máy vi tính, đĩa mềm, đèn điện tử, linh kiện ôtô và linh kiện điện tử... Kết quả sản xuất kinh doanh đến cuối năm 1997 đạt được tổng kim ngạch xuất khẩu là 374,532 triệu USD, (kim ngạch nhập khẩu là 477,073 triệu USD) ; đã xuất sang thị trường 30 nước trên thế giới, bình quân mỗi tháng xuất được 40 triệu USD. Sau một thời gian hoạt động, đã có 31 nhà đầu tư tăng vốn đầu tư tổng cộng là 62,99 triệu USD, thuê thêm 10,5 ha đất để xây dựng mở rộng quy mô sản xuất. Các doanh nghiệp trên đã tạo việc làm cho trên 16 000 lao động trực tiếp vào các khâu sản xuất và 3000 lao động xây dựng và dịch vụ. Những thành tựu đạt được hơn 5 năm qua, có một số mặt đã vượt KCX Đài Loan ở thời điểm sau 5 năm đầu đi vào hoạt động, theo thống kê dưới đây :

CÁC CHỈ TIÊU	KCX ĐÀI LOAN	KCX TÂN THUẬN
- Tổng vốn đầu tư	55 triệu USD	475,5 triệu USD
- Số DN xuất khẩu	183 đơn vị	71 đơn vị
- Lao động	35.000	16.000
- Cho thuê đất	6 năm ≈ 134 ha	5 năm ≈116 ha

Do những kết quả khả quan bước đầu, KCX Tân Thuận đã được kết nạp vào Hiệp hội các KCX thế giới (Việt Nam 1/3 KCX) và được Hiệp hội đánh giá cao. Năm 1995, KCX Tân Thuận được xếp thứ 12/43 hội viên, đến năm 1997 được xếp thứ 3/43 hội viên sau Trung Quốc và Ma-lai-xi-a.

Dự kiến đến năm 2000 KCX Tân Thuận có khoảng từ 200-250 doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia sản xuất hàng xuất khẩu với tổng số vốn đầu tư khoảng trên 1 tỉ USD, tạo ra kim ngạch xuất khẩu từ 2,5 - 3 tỉ USD, tạo việc làm ổn định cho khoảng 70 000 - 90 000 lao động.

Để quản lý KCX ngày một hợp lý và sát sao hơn, Chính phủ đã thành lập Ban quản lý KCX Tân Thuận, sau này là Ban quản lý các KCX và khu công nghiệp (KCN) TP Hồ Chí Minh trực thuộc Chính phủ. Thành ủy TP Hồ Chí Minh đã quan tâm đến việc xây dựng hệ thống chính trị ở loại hình kinh tế mới mẻ này : đã quyết định thành lập đảng bộ các KCX và các KCN (đảng bộ cơ sở) gồm 11 chi bộ nhỏ với 90 đảng viên, chủ yếu nằm ở các cơ quan quản lý, các công ty dịch vụ các KCX và KCN như công ty điện lực và thương mại dịch vụ (các doanh nghiệp nước ngoài đóng trong KCX chưa có đảng viên). Hướng lâu dài sẽ nâng lên thành đảng bộ cấp trên trực thuộc Thành ủy, phát triển đảng viên và thành lập chi bộ trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đến nay KCX Tân Thuận đã thành lập được 61 tổ chức công đoàn, có 70% tổng số lao động là đoàn viên công đoàn. Thành đoàn TNCS HCM cũng đã cử cán bộ vừa làm chuyên môn vừa phụ trách việc xây dựng các cơ sở đoàn trong các doanh nghiệp nằm trong các KCX và KCN.

Digitized by Google

II. Những yếu tố tạo nên sự thành đạt bước đầu ở Khu chế xuất Tân Thuận :

Những thành quả của KCX Tân Thuận có nhiều nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Xin nêu lên một số vấn đề có tác động trực tiếp nhất làm nên thành quả nêu trên :

1 - Trước hết phải nói rằng, sau một thời gian thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã sớm có chủ trương đúng về việc xây dựng các KCX ; Thành ủy TP Hồ Chí Minh sớm nắm bắt và thực hiện chủ trương đó một cách năng động, sáng tạo. Khu chế xuất ra đời đúng lúc, phù hợp với nhu cầu của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhất là các đối tác nước ngoài lại có phương thức hoạt động mạnh bạo, sáng tạo, vừa xây dựng cơ sở hạ tầng, vừa chớp thời cơ thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đi vào kinh doanh để sớm mang lại hiệu quả ; đồng thời thực hiện một loạt biện pháp tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế và tổ chức... Đây là yếu tố quyết định trước tiên. Bởi vì, nếu bỏ lỡ thời cơ, các đối tác chuyển hướng đầu tư sang các nước khác, sẽ không có KCX Tân Thuận thành đạt như hiện nay.

2 - Chọn Tân Thuận để xây dựng KCX là nơi hội tụ đủ các điều kiện về địa lý, cơ sở hạ tầng ban đầu, thuận lợi cho việc hoạt động trước mắt và xây dựng lâu dài của các doanh nghiệp. Điều đó tiết kiệm rất lớn trong chi phí sản xuất kinh doanh, đem lại hiệu quả kinh tế cao, là một nguyên nhân thu hút các nhà đầu tư.

3 - Các bước tiến hành xây dựng KCX Tân Thuận, được Đảng và Chính phủ, Thành ủy và UBND TP Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo, tháo gỡ các vướng mắc trong cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính cụ thể. Đã thành lập Ban quản lý trực thuộc Chính phủ, đại diện cho Nhà nước tổ chức thực hiện quy chế "một cửa" rất có hiệu quả, được các nhà đầu tư hoan nghênh.

- Mục tiêu của việc thực hiện quy chế một cửa là : thu hút vốn đầu tư của nước ngoài và vốn trong nước ; tạo việc làm cho người lao động ; tạo nguồn hàng xuất khẩu có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới ; góp phần hòa nhập nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới ; du nhập kỹ thuật và công nghệ mới cùng với kiến thức quản lý hiện đại ; tăng nguồn thu ngoại tệ, góp phần cải thiện cán cân ngoại thương và thanh toán quốc tế thành phố.

- Nội dung của quy chế một cửa là cải tiến thủ tục cấp phép và các thủ tục xoay quanh việc đầu tư. Ban quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp được SCCI ủy quyền cấp phép cho các xí nghiệp vào KCX (với mức đầu tư 40 triệu USD trở lại) theo 9 nội dung thẩm định dự án như sau : Tư cách pháp nhân, năng lực tài chính của chủ đầu tư ; mức độ phù hợp của mục tiêu dự án với quy hoạch phát triển khu chế xuất trên các mặt sản phẩm, trang thiết bị, máy móc và công nghệ ; khả năng đáp ứng nhu cầu của dự án về lao động, nguyên liệu, điện, nước, vận tải ; hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, lợi ích các mặt của Việt Nam ; tính hợp lý về địa điểm, diện tích đất thuê trong khu chế xuất ; biện pháp bảo vệ môi trường, vệ sinh công nghiệp, phòng cháy, chống cháy ; thời gian hoạt động và tiến độ thực hiện ; chi phí và lợi nhuận ; những cam kết.

Nhà đầu tư chỉ cần trả lời đầy đủ những nội dung chủ yếu trên là sẽ được xét duyệt ngay, thời gian từ khi nhà đầu tư nộp đơn cho đến khi nhận được giấy phép trung bình là 15 ngày, có giấy phép chỉ có 10 ngày.

- Ý nghĩa và tác dụng tích cực của cơ chế một cửa là : đơn giản hóa được thủ tục hành chính cả trước và sau cấp phép ; thủ tục cấp phép đầu tư nhanh chóng, đơn giản nhưng chặt chẽ (trung bình 10-15 ngày) ; thủ tục cấp đất nằm trong quy trình khép kín tạo ra sự tiện lợi, nhanh chóng để phục vụ cho nhà đầu tư, mà lâu nay ở bên ngoài khu, đây là một trong những khâu trì trệ làm nản lòng nhà đầu tư ; thủ tục cấp phép xây dựng được thực hiện nhanh chóng chặt chẽ (thời gian khoảng 1/2 tháng nếu chưa được thẩm định, còn đã thẩm định thì trung bình 3 ngày trong khi bên ngoài thủ tục này vừa kéo dài vừa tốn kém) ; thủ tục xuất nhập khẩu cũng được thực hiện nhanh chóng trong vài giờ nếu làm đúng theo hướng dẫn.

Những thủ tục hành chính nhanh chóng, tiện lợi nêu trên làm cho bộ máy và cán bộ ta ít quan liêu cửa quyền và giảm phiền hà cho nhà đầu tư. Từ đó làm hạn chế tối đa nạn tham nhũng, tiêu cực của cán bộ. Bởi lẽ phương thức làm việc theo quy

(Xem tiếp trang 48)

Digitized by Google

Đọc gián tiếp

THAO HIỀN

Nhân dịp đi xem hội báo Xuân 1998, tình cờ tôi nghe được câu chuyện như sau :

- Chào "chính khách", nghe nói cũng được nghỉ rồi phải không ?

- Đâu có ! Mình đến tuổi nghỉ quản lý, nhưng do còn chất xám nên tổ chức phân công làm trợ lý cho đồng chí X, bận rộn và vất vả hơn trước rất nhiều. Chỉ đọc đã đủ mệt.

- Thủ trưởng của anh có chăm đọc báo không ?

- Không chỉ báo, mà còn sách, bản tin, tài liệu, chỉ thị của cấp trên, đơn thư của cấp dưới. Một lượng thông tin đồ sộ hằng ngày, tất cả đều phải cập nhật.

- Ghê nhỉ ! Một bộ óc thật là uyên bác, một sức làm việc thật dẻo dai. Hẳn là lề lối làm việc phải khoa học lắm !

- Đúng như vậy. Phương pháp làm việc khoa học của thủ trưởng tôi là đọc... gián tiếp.

"Đọc gián tiếp", có thể là một sáng kiến cần được tìm hiểu để phổ biến cho nhiều người ?

Theo lời người kể bên lề của hội báo Xuân, vị thủ trưởng của anh ta thường nói với thư ký rằng : một trong những việc quan trọng hằng ngày là tiếp cận và nắm vững thông tin, từ cấp trên, cấp dưới, từ đồng bào và cán bộ, và cả thế giới nữa. Cho nên thủ trưởng giao cho thư ký phải đọc tất cả các công văn, chỉ thị, nghị quyết, báo cáo, tài liệu, tất cả các sách, báo do văn phòng mua theo tiêu chuẩn và các cơ quan báo chí, xuất bản gửi biếu hằng ngày. Vậy thủ trưởng đọc vào lúc nào, cách đọc ra sao ?

Như người thư ký đã giới thiệu, đó là "đọc gián tiếp" vào giờ nghỉ sau bữa ăn. Cách đọc gián tiếp của thủ trưởng là ngậm tăm, ngả lưng trên "chiếc ghế bồng bềnh" bên cạnh tủ sách đầy ắp những toàn tập và tuyển tập, mắt lim dim ra chiều suy tư sâu lắng. Thủ trưởng nghe thư ký tóm tắt lại tất cả những thông tin tiếp cận trong ngày.

Đối với đơn thư khiếu kiện của dân, người thư ký cũng trình bày khái quát nội dung và báo cáo với thủ trưởng những địa chỉ cần chuyển đơn thư, đã ghi sẵn tên cơ quan, đơn vị "yêu cầu khẩn trương giải quyết", lát nữa đặt sẵn trong một "sơ mi" trên bàn giấy để tới giờ làm việc thủ trưởng ký hàng loạt, không cần phải đọc xem nội dung có bị ghi nhầm là "bán cầu Thăng Long" hay không ?

Người thư ký kể tiếp :

- Nhờ thái độ "sâu sát" như thế mà mỗi lần làm việc với cấp trên, với đoàn thanh tra, đoàn đại biểu Quốc hội, thủ trưởng của tôi đều báo cáo rất tỷ mỷ tình hình mọi mặt, những ý kiến bức xúc của cán bộ và nhân dân. Vì thế, trong nhiều trường hợp, thủ trưởng tôi thường được khen ngợi.

Tôi nhớ, duy có một lần hơi bị trục trặc. Đó là bữa tiếp đại diện một tạp chí lý luận của Trung ương, thủ trưởng khen có nhiều bài báo rất sâu sắc và bổ ích, nội dung đề cập vấn đề "xây dựng Đảng ở cơ sở", vấn đề "đào tạo bồi dưỡng cán bộ, sử dụng nhân tài", vấn đề "kết nạp đảng viên mới" .v.v... Thấy nhà báo tỏ vẻ ngỡ ngàng, tôi biết ngay rằng thủ trưởng của mình nói nhầm sang nội dung một tờ báo khác mà tôi vừa giúp thủ trưởng "đọc gián tiếp" hôm qua. Tôi vội đỡ lời : Thưa đồng chí nhà báo, thủ trưởng của tôi đọc rất nhiều báo chí hằng ngày, có thể dẫn chứng nhiều hơn nữa những bài mà anh tâm đắc. Riêng về tạp chí lý luận của Đảng thì thủ trưởng tôi vẫn nhắc nhở : đó là tạp chí quan trọng số một, là tài liệu gối đầu giường của mỗi cán bộ chúng ta !

Câu chuyện của người thư ký nói về thủ trưởng của mình còn nhiều pha ly kỳ, hấp dẫn. Song, ly kỳ và hấp dẫn nhất vẫn chung quy là ba chữ "đọc gián tiếp". Bởi vì, đọc gián tiếp, thì cái lôgíc đương nhiên dẫn đến là cũng phải suy tư gián tiếp (bằng cái đầu của người khác) mà thôi. ❑

Digitized by Google

Suy nghĩ về viết lịch sử Đảng

HỌC PHI

Hiện nay nhiều địa phương, từ tỉnh đến huyện, có nơi xuống đến xã, đã cho xuất bản lịch sử của đảng bộ mình để giáo dục truyền thống cho nhân dân. Đó là việc làm cần thiết, rất đáng hoan nghênh. Chỉ tiếc là một số cuốn mà tôi đã được đọc còn có quá nhiều sai sót, có những sai sót dẫn đến xuyên tạc lịch sử. Dưới đây xin nêu một vài ví dụ.

Trong cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hải Hưng khi nói về việc anh Cả Nguyễn Lương Bằng bị địch giải về Hải Dương để thẩm vấn, đã ghi : "Trong thời gian này - 1932 - đồng chí Nguyễn Lương Bằng (tức Sao Đỏ) cán bộ của Đảng bị địch đưa về nhà lao Hải Dương giam giữ..." "Tháng 2-1932, chúng định đưa đồng chí ra tòa án xử. Được tin địch mở tòa xử đồng chí Nguyễn Lương Bằng nhân dân kéo đến cổng nhà giam biểu tình phản đối rất đông. Hoảng sợ trước phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân bọn địch phải tạm hoãn phiên tòa, và đưa đồng chí Nguyễn Lương Bằng về nhà giam Hỏa Lò (Hà Nội)".(1)

Nếu người viết biết rằng năm 1932 là năm thoái trào cách mạng, địch đang khủng bố dữ dội, phong trào ở khắp nơi bị tan rã, thì sẽ phải thẩm tra lại nguồn tin trên. Thực tế là ngày 14-7-1931 - chứ không phải 1932 - địch đưa đồng chí Nguyễn Lương Bằng và đồng chí Phiếm Chu về Hải Dương để thẩm vấn về một việc mà chúng nghi hai đồng chí có dính líu. Mấy hôm sau khi thẩm vấn xong, chúng trả hai đồng chí về Hà Nội ngay. Trong hồi ký của mình, anh Cả đã nói rõ hôm ấy là ngày lễ Chính Trung (14-7) của Pháp, chúng cho hai anh ăn khá ngon, nhưng đến tối lại cùm cả hai chân, các anh đấu tranh phản đối.

Về hoạt động của đồng chí Nguyễn Lương Bằng ở Hải Dương sau khi vượt ngục ra, cuốn sách trên ghi : "Ở đây (ấp Dọn, Hải Dương) - đồng chí Nguyễn Lương Bằng đã bắt liên lạc với Hải Phòng và tiến hành in báo "Công Nông"- (7-1935) - và truyền đơn cách mạng gửi đi các nơi" (2).

Hoàn toàn sai. Năm 1935, anh Cả còn đâu ở ấp Dọn để in báo "Công Nông". Anh đã bị bắt lại trước đấy hơn một năm ; mà hè năm 1934, tôi bị đưa từ nhà lao Hà Đông về Hỏa Lò (Hà Nội), đã gặp anh ở đấy rồi. Cuối năm ấy, anh bị phát vãng lên Sơn La cùng với anh Trường Chinh. Sự lầm lẫn này không chỉ làm cho người đọc hiểu lầm về thời gian hoạt động của anh Cả ở Hải Dương, mà còn hiểu lầm cả về phong trào ở Hải Dương và Hưng Yên hồi ấy.

Cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hải Hưng cũng phản ánh sai lệch nhiều sự kiện quan trọng trong phong trào Việt Minh ở Hưng Yên. Trong cuốn sách này ghi báo "Bãi Sậy" của Đảng bộ Hưng Yên xuất bản năm 1943 không phải là báo của Đảng mà chỉ là báo của tỉnh bộ Việt Minh. Năm ấy (1943) - Hưng Yên cũng như Hải Dương đã làm gì có tỉnh bộ Việt Minh. Tổ chức Việt Minh mới chỉ được thành lập ở một số xã, còn thì vẫn là các hội cứu quốc sinh hoạt theo ngành, theo giới. Khi cần thì ban cán sự tỉnh lấy danh nghĩa Việt Minh để vận động quần chúng. Ba người chúng tôi làm báo "Bãi Sậy" ngày ấy - Trần Minh Châu, Nguyễn Quyết, Học Phi - đến nay vẫn còn sống cả, chỉ cần người viết sử đến hỏi chúng tôi một chút là biết rõ thôi. Và như thế cũng sẽ biết rõ cả Ban cán sự Đảng ngày ấy gồm những ai, chứ có phải đâu như trong sách đã ghi. Từ cái sai của cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hải Hưng dẫn đến cái sai của cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, vì cuốn này sao chép lại nguyên văn những cái sai của cuốn trước. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên còn những sai sót đáng tiếc khác như gán cho quần chúng ngoài đảng là đảng viên trong chi bộ đầu tiên của địa phương, cho báo "Ngày nay" của nhóm "Tự lực văn đoàn" là báo của đoàn thể. Rồi lẫn tên người, tên đất, lẫn người này với người khác, lẫn đàn ông với đàn bà... (3)

---

(1) *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hải Hưng* (1927 - 1954), Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hải Hưng xuất bản, 1990, t 1, tr 49 - 50

(2) *Sđd*, tr 50

(3) *Xem Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên*, (1929 - 1954), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t 1, tr 52, 59

Digitized by Google

Những sai sót như trên còn rất nhiều, ở đây tôi chỉ xin nói thêm đôi điều về cuộc khởi nghĩa Tháng Tám, vì đó là cái mốc vàng son của Đảng ta, của nhân dân ta. Ngày khởi nghĩa tôi tham gia cướp chính quyền ở ba nơi : Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên, nhưng khi đọc mấy cuốn sử viết về các cuộc khởi nghĩa ấy, tôi có cảm giác như đọc những chuyện xa lạ ở đâu (chỉ có cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Nam Hà sau khi có ý kiến của chúng tôi đã sửa lại ít nhiều). Vì phạm vi bài báo này có hạn, tôi không thể đề cập đến các vấn đề lớn như tinh thần sáng tạo, tính chủ động của quần chúng trong việc cướp chính quyền v.v..., mà chỉ xin nêu một việc nhỏ để chứng minh chính sách khoan hồng của Đảng ta. Trong cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hải Hưng có đoạn ghi : "... Trước áp lực của cách mạng, tên tỉnh trưởng bỏ trốn, ngụy quân, ngụy quyền hoàn toàn tan rã, bọn lính Nhật sau khi thương lượng, đã chịu giao vũ khí của Pháp cho ta" (4). (Những dòng trên lại được chép lại nguyên xi trong cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên vừa xuất bản). Tôi thấy viết như vậy là không đúng sự thật lịch sử. Bởi vì chính tôi, là người đã đọc cho viên tỉnh trưởng lúc ấy là Trần Lưu Vị viết đơn xin từ chức, rồi cấp xe cho ông ta và gia quyến về quê (Trước đó ông ta và vợ con vẫn ở trong dãy nhà dành cho bồi bếp). Tôi cũng đã làm như thế với viên tỉnh trưởng Nam Định. Vì khi chúng tôi ở Hà Nội, các đồng chí lãnh đạo có dặn nếu xét thấy viên quan lại nào chưa có nhiều tội ác với nhân dân, thì cho họ làm đơn xin từ chức để mở cho họ một lối thoát. Còn bọn lính Nhật lúc đó đã bỏ chạy từ trước, chứ không phải ở lại thương lượng với ta rồi nộp vũ khí như cuốn sách đã viết.

*

Viết sử là một công tác khoa học, đòi hỏi người viết phải có thái độ thực sự cầu thị, phải lao động nghiêm túc, không kể còn phải có trình độ chính trị, trình độ nghiệp vụ tương xứng với việc làm. Sự hạn chế của số đông những người viết sử hiện nay ở các địa phương, là còn ít tuổi, thiếu vốn sống, nên không hiểu được thấu đáo thực tiễn khó khăn, gian khổ, nhưng sinh động và sáng tạo trong cuộc đấu tranh cách mạng của Đảng những năm hoạt động bí mật, và cả những năm kháng chiến sau này. Điều đó không ai trách họ. Nhưng chưa biết rõ thì phải tìm hiểu, chứ không thể làm qua loa, tắc trách. Trước hết, tìm hiểu từ nguồn gốc của Đảng để thấy tính sáng tạo của Đảng ta trong việc áp dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam là ở chỗ nào ? Và cũng để thấy Đảng Cộng sản Việt Nam có những nét riêng biệt gì khác với các đảng anh em, nhất là với các đảng ở phương Tây ? Phải xuất phát từ điểm cơ bản ấy thì mới hiểu được đường lối, chính sách cụ thể, cùng những phương thức đấu tranh của Đảng qua các thời kỳ. Mỗi thời kỳ lại có những đặc điểm riêng, có những sự việc riêng không thể có ở các thời kỳ khác. Người viết phải biết nêu lên những điều đó để rút ra những bài học cho hôm nay và mai sau. Ví dụ như chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng, một chính sách lớn bao trùm lên tất cả ở mọi thời kỳ đã được thể hiện ra sao ? Chỗ nào được ? Chỗ nào chưa được ? Tại sao ?

Có nắm được những vấn đề ấy thì mới hiểu hết được ý nghĩa cực kỳ to lớn của Đảng ta, qua Mặt trận Việt Minh sau này đã khắc phục được những bệnh ấu trĩ tả, hữu khuynh mà có lúc, có nơi mắc phải trước đây ; đã tập hợp được sức mạnh của toàn dân, đưa cách mạng Việt Nam tiến lên một cao trào mới chưa từng có, để đến ngày 19 tháng Tám lịch sử, lật đổ ách thống trị của phát xít Nhật và bè lũ tay sai, giành lại độc lập cho nước nhà.

Những điều nói trên đây mới chỉ là những nét chung về quá trình đấu tranh cách mạng của Đảng ta. Từ cái chung ấy đến cái riêng của địa phương mình, người viết sử còn phải đi một chặng đường dài nữa. Phải tìm hiểu sâu thực tế, tìm hiểu ở các nhân chứng lịch sử, chủ yếu là ở các đồng chí lão thành cách mạng. Cũng may là cho đến thời điểm này - 1998 - ở địa phương nào cũng còn một số lão thành cách mạng, phần nhiều là hoạt động từ phong trào Mặt trận dân chủ Đông-Dương về sau, một số hoạt động từ 1930 về trước thì cả nước chỉ còn vài trăm người. Nhưng ở các đồng chí lão thành cách mạng ít nhiều đều có mặt hạn chế, người viết sử phải biết trước để dè chừng, cân nhắc. Vì các đồng chí ấy đều đã cao tuổi, không còn ai ở dưới tuổi 70, trí nhớ tất nhiên cũng giảm sút theo tuổi tác. Sự việc lại xảy ra đã lâu ngày, có người nhớ, người quên, hoặc mỗi người nhớ một khác. Lại nữa, trong thời kỳ hoạt động bí mật, trừ

(4) *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hải Hưng*, (1927 - 1954), Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hải Hưng xuất bản, 1990, t 1, tr 145

Digitized by Google

các đồng chí lãnh đạo, còn thì ai làm việc gì biết việc nấy, có khi cùng một việc có nhiều người làm, nhưng mỗi người chỉ làm một phần của trên giao, song lại tưởng là tất cả. Trong những trường hợp ấy thì không thể chỉ nghe một người, hay hỏi riêng rẽ từng người là đủ, mà phải mời mọi người cùng ngồi lại để bổ sung cho nhau, tranh luận với nhau cho đến khi thấy rõ sự thật.

Còn nhớ cách đây mấy năm, khi viết hồi ký cho anh Lê Thanh Nghị, gặp một đoạn khúc mắc tôi đã phải đi hỏi không dưới mười người, nhưng mỗi người nói một khác. Đó là việc cuối năm 1939, đầu năm 1940, anh Nghị có làm Bí thư Thành ủy Hải Phòng hay không? Người nói có, người nói không. Hỏi anh Nghị thì anh không còn nhớ gì chuyện cũ. Vậy thì viết thế nào cho đúng ? Tôi phải mời một số cán bộ cũ ở Hải Phòng cùng ngồi lại với hai đồng chí công tác ở Xứ ủy hồi ấy để cùng nhớ. Sau một hồi tranh luận mới vỡ lẽ ra rằng đúng là Xứ ủy đã có quyết nghị đưa anh Nghị về Hải Phòng thay anh Tô Hiệu được điều lên Xứ ủy, nhưng anh Nghị chưa xuống đến Hải Phòng đã bị địch bắt.

Tôi đã phải làm như thế với nhiều trường hợp khác, nhưng cũng đã một lần bị kiện khi viết cuốn hồi ký "Cô giáo Sa Đéc" cho chị Sáu Ngài, chỉ vì thiếu thận trọng trong một chi tiết nhỏ có dụng đến người khác. Do đấy tôi nghĩ rằng người viết sử phải thận trọng từng chi tiết, dù là chi tiết không quan trọng cũng phải chính xác, nếu không thì người đọc sẽ nghi ngờ tất cả. Vì, như người ta thường nói : "Một sự bất tín, vạn sự không tin". Như thế thì tác dụng giáo dục của cuốn lịch sử được viết ra sẽ không còn nữa, có khi còn phản tác dụng.

Để kết thúc tôi xin nhắc lại câu nói của đồng chí Trường Chinh với tổ làm hồi ký cách mạng mà đồng chí gọi là hồi tưởng : "Tính chân thật lịch sử là yếu tố thứ nhất của hồi tưởng cách mạng". Tôi muốn câu này được mở rộng ra cho tất cả các thể loại viết về lịch sử Đảng. ❑

KHU CHẾ XUẤT...

(Tiếp theo trang 44)

trình nghiệp vụ được công bố công khai. Nhà đầu tư chỉ cần đến một bộ phận, thậm chí 1 người làm đầu mối để xử lý tất cả yêu cầu của nhà đầu tư, không phải chạy hết cửa này đến cửa khác. Ở đây lợi ích tối đa của nhà đầu tư là giảm tối thiểu thời gian cần thiết để làm thủ tục giấy tờ, kể cả tốn tiền phi lý, từ đó đưa đến giảm giá thành sản phẩm. Mặt khác, chính cơ chế đặc thù của khu chế xuất được thể hiện thông qua quy chế, điều lệ riêng đã bảo đảm tương đối ổn định, các chủ trương chính sách trong khu chế xuất nhất quán hơn, tạo cơ sở cho nhà đầu tư mạnh dạn bỏ vốn ra đầu tư lâu dài hơn (hiện tượng 27 nhà đầu tư tăng vốn, đổi mới thiết bị là một sự minh chứng).

Tóm lại, cơ chế một cửa đã góp phần làm cho chủ trương của Nhà nước ổn định nhất quán hơn, thủ tục hành chính đơn giản, nhanh chóng hơn và có khả năng hạn chế đến mức thấp nhất nạn tham nhũng, công tác quản lý nhà nước có hiệu lực hơn, giúp nhà đầu tư hoạt động có hiệu quả hơn, tạo lòng tin cho nhà đầu tư. Do đó bản thân nó tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn hơn.

Trong buổi gặp gỡ đầu Xuân Mậu Dần vừa qua với các nhà đầu tư KCX Tân Thuận, đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu khẳng định chủ trương mở cửa của Đảng và Nhà nước và nhấn mạnh tiếp tục thực hiện chủ trương ấy tốt hơn bằng quy chế "một cửa" trong các KCX và KCN để các nhà đầu tư yên tâm làm ăn lâu dài.

Tuy nhiên, nhìn chung kinh nghiệm của thế giới là mỗi nước cần xây dựng từ 2 đến 3 KCX là có hiệu quả, vượt lên con số đó là vượt nhu cầu của khách hàng dễ dẫn đến ế ẩm, lỗ vốn. Bên cạnh các KCX, cần phát triển các loại hình khác như KCN tập trung, khu kinh tế mở đan xen, làm phong phú, đa dạng các loại hình kinh tế để tùy điều kiện mà các nhà đầu tư lựa chọn mô hình đầu tư cho thích hợp. Những kinh nghiệm trên đây đáng được trân trọng và cần nhân lên không chỉ trong phạm vi các KCX và KCN, mà trong cả nền kinh tế nước nhà.❑

Digitized by Google

NHÂN LOẠI TRƯỚC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TOÀN CẦU

NGUYỄN VĂN HẢI *

Khí hậu là kết quả của sự tương tác giữa các quá trình vật lý, hóa học và sinh học dưới tác động của năng lượng mặt trời. Sự tương tác này là một quá trình phức tạp. Vì vậy, chế độ khí hậu không phải luôn luôn cố định mà có tính biến động.

Có rất nhiều chứng cớ khoa học tìm được cho thấy trong lịch sử hàng triệu năm của trái đất, khí hậu đã trải qua nhiều biến động. Những thời kỳ thay đổi này có thể có quy mô từ vài ba năm cho đến hàng triệu năm. Đáng chú ý là các chu kỳ băng hà và không băng hà xảy ra trong các thời kỳ địa chất khác nhau của trái đất. Các thời kỳ này bắt đầu xảy ra từ khoảng hai triệu năm trước công nguyên. Trong các thời kỳ này nhiệt độ bề mặt trái đất có thể biến động từ 5°C - 10°C. Trái đất đã trải qua thời kỳ băng hà cuối cùng khoảng 18 000 năm trước công nguyên. Trong thời kỳ này, băng bao phủ phần lớn Bắc Mỹ, Bắc Âu và phía bắc châu Á với mực nước biển thấp hơn hiện nay tới 120m. Khoảng 5 000 - 6 000 năm trước, khí hậu trái đất ấm và ẩm hơn hiện nay. Chẳng hạn khoảng 4 000 năm trước công nguyên sa mạc Xa-ha-ra là vùng có cây cỏ và chim thú cũng như các loài cá. Khoảng từ 150 - 450 năm trước khí hậu trái đất lại lạnh đi và thời kỳ này được gọi là thời kỳ băng hà nhỏ. Nhưng từ cuối thế kỷ XIX đến nay nhiệt độ trung bình toàn cầu đã tăng lên đáng kể, đặc biệt là trong khoảng 15 năm gần đây. Đây chính là sự biến đổi khí hậu hiện tại mà người ta thường gọi là sự nóng lên toàn cầu.

Khí hậu thay đổi có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nếu như trong quá khứ sự thay đổi khí hậu xảy ra là do những nguyên nhân tự nhiên thì những biến đổi khí hậu hiện nay được coi là do con người gây ra.

Trong thành phần khí quyển có hơi nước, khí cacbonic, mêtan v.v.. Những loại khí này hấp thu năng lượng mặt trời làm trái đất nóng lên nên được gọi là khí nhà kính. Hiệu ứng nhà kính này trong khí quyển vốn là một quá trình tự nhiên đã tồn tại từ lâu và chính hiệu ứng nhà kính đã tạo ra điều kiện ôn hòa trên trái đất để các sinh vật có điều kiện tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, từ cuối thế kỷ XIX, khi dân cư tăng lên thế giới bước vào công nghiệp hóa, hoạt động công nghiệp phát triển, tiêu thụ nhiều nhiên liệu như than đá, dầu hỏa, khí đốt nên lượng cacbonic, mêtan v.v. thải vào khí quyển ngày càng tăng. Chẳng hạn chỉ riêng việc tiêu thụ năng lượng và phá rừng đã làm tăng 26% nồng độ cacbonic trong khí quyển từ đầu thế kỷ đến nay. Nồng độ các khí nhà kính có xu hướng tăng lên đã làm nhiệt độ khí quyển cũng tăng lên và từ đó có thể làm thay đổi mạnh mẽ khí hậu toàn cầu. Những kết quả nghiên cứu cho thấy nhiệt độ không khí trung bình toàn cầu đã tăng khoảng từ 0,3°C - 0,6°C trong vòng một trăm năm trở lại đây, một tốc độ tăng chưa từng có trong 100 000 năm.

Như vậy, biến đổi khí hậu hiện nay là do hoạt động của con người gây ra và sự thay đổi này lại phụ thuộc vào các hoạt động của chính con người. Theo tính toán của các nhà khoa học, nếu

* PTS. Quyền Vụ trưởng Vụ Khoa học kỹ thuật, Tổng cục Khí tượng Thủy văn

Digitized by Google

con người không có các biện pháp giảm bớt việc tiêu thụ năng lượng để bớt thải ra các khí nhà kính, nhiệt độ trung bình toàn cầu sẽ tăng so với hiện nay khoảng 1°C vào năm 2025 và 3°C vào cuối thế kỷ sau.

Như vậy, từ chỗ chinh phục và cải tạo thiên nhiên phục vụ cuộc sống của mình, con người đã tiến tới can thiệp vào các quá trình tự nhiên, làm thay đổi tự nhiên. Nhưng đáng tiếc là những thay đổi thiên nhiên do con người tạo nên lần này lại gây ra những tác động tiêu cực. Khí hậu ấm lên sẽ gây ra những hậu quả sinh thái và kinh tế - xã hội lớn lao trên toàn cầu, gây ra những biến động mạnh mẽ về môi trường.

Cùng với sự nóng lên của khí hậu toàn cầu, khí hậu thời tiết của nhiều vùng trên thế giới cũng sẽ có những thay đổi. Có thể có những vùng ấm lên, cũng như có những vùng lại lạnh đi. Mùa đông sẽ ấm hơn, có nơi sẽ không còn mùa đông. Mưa sẽ tăng lên ở một số vùng, trong khi hạn lại xảy ra nhiều hơn ở nơi khác. Thiên tai sẽ xảy ra nghiêm trọng hơn ở nhiều nơi trên thế giới.

Hậu quả nghiêm trọng nhất của biến đổi khí hậu là sự dâng lên của mực nước biển. Do sự tăng nhiệt độ toàn cầu, các khối băng sẽ tan dần, mực nước biển sẽ dâng cao. Những quan sát cho thấy trong vòng 100 năm qua, mực nước biển trên toàn cầu đã tăng khoảng 10 - 25cm, diện tích băng ở các cực đã giảm. Tình trạng khí hậu nóng lên với tốc độ như hiện nay, mực nước biển sẽ dâng cao thêm 20cm vào năm 2030 và 65cm vào cuối thế kỷ sau.

Nước biển dâng cao sẽ gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng, những đảo và những vùng thấp ven biển là những nơi bị đe dọa nhiều nhất. Ở các vùng ven biển trên thế giới, thường là các vùng châu thổ, có tới 65% các thành phố có số dân trên 2,5 triệu người, một số trong số này hiện nằm ở mực ngang hoặc thấp hơn mực nước biển.

Với mực nước biển dâng là 1 mét sẽ làm cho một số quốc gia đảo ở giữa Thái Bình Dương lâm vào tình trạng vô cùng nguy hiểm, một số quốc đảo sẽ không còn tồn tại. Theo ước tính, trên 17% diện tích nước Bang-la-đét, 6% diện tích nước Hà Lan sẽ bị ngập. Hàng chục triệu người ở các vùng khác ven biển mất chỗ sinh sống, đe dọa các đô thị thấp, các vùng sản xuất ven biển. Một số vùng châu thổ và ven biển đông dân cư của các nước như Ai-Cập, Bang-la-đét, Ấn Độ, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam có nguy cơ bị ngập nước.

Nước biển dâng sẽ gây ra những hậu quả kinh tế - xã hội hết sức nghiêm trọng, trước hết là ảnh hưởng đến nguồn nước ngọt, gây xói lở bờ biển, làm cho điều kiện sống sẽ rất khó khăn. Nước biển dâng nhanh sẽ làm thay đổi các hệ sinh thái ven biển và đe dọa cuộc sống của những người ngư dân. Những điều kiện sinh thái ở biển và ven biển, vốn được coi là ổn định, sẽ bị thay đổi. Do việc thay đổi chế độ nhiệt trên biển sẽ xảy ra việc thay đổi điều kiện sinh sống của các loài, một số loài sinh vật biển không có khả năng thích nghi nhanh sẽ bị mất, dẫn đến giảm số lượng các loài, ảnh hưởng đến việc đánh bắt hải sản.

Biến đổi khí hậu có tác động rất mạnh đến các hệ sinh thái trên đất liền, nhất là đối với cây trồng. Sự thay đổi của chế độ khí hậu do hậu quả của sự nóng lên toàn cầu sẽ có nhiều tác động tiêu cực hơn là tích cực đến các hệ sinh thái. Một số loại cây trồng do không thích nghi với điều kiện khí hậu thay đổi có thể dần dần bị biến mất. Một số động vật hoang cũng sẽ phải di chuyển nơi cư trú.

Những thay đổi của khí hậu sẽ có ảnh hưởng quan trọng đến nông nghiệp và chăn nuôi. Nông nghiệp sẽ chịu tác động của biến đổi khí hậu mạnh hơn các lĩnh vực kinh tế khác. Tuy chưa có thể khẳng định chắc chắn tiềm năng nông nghiệp toàn cầu sẽ tăng hay giảm, nhưng những tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu gây ra sẽ thấy ở quy mô khu vực do kết quả của những thay đổi thời tiết và sâu bệnh. Một số vùng dự đoán sẽ bị tác động nghiêm trọng của thiên tai như hạn hán, lũ lụt v.v. thời vụ canh tác sẽ phải thay đổi và sản xuất sẽ bị suy sụp.

Một số các nhà khoa học lại cho rằng, với những biến đổi khí hậu toàn cầu theo dự đoán, sản xuất lương thực ở quy mô toàn cầu sẽ giữ được nguyên về cơ bản như khi không có biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, chúng ta còn chưa rõ những tổn thất có thể xảy ra do những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu gây ra như khả năng xảy ra các biến cố cực đoan, sự thay đổi chế độ mưa và nhiệt độ v.v. Ở một số nước thường chịu nhiều hậu quả của thiên tai như nước ta, có khả năng tổn

Digitized by Google

suất các thiên tai như bão, lụt sẽ tăng lên, gây ra những tổn thất lớn về sản lượng lương thực.

Hệ sinh thái tự nhiên sẽ chịu ảnh hưởng đáng kể nếu mức độ của biến đổi khí hậu dự kiến sẽ xảy ra nhanh hơn so với sự thích ứng của một số loài cây. Sẽ có sự di chuyển của các vùng rừng chính. Một số giống loài sẽ bị mất. Hậu quả kinh tế - xã hội sẽ rất rõ ở những khu vực mà xã hội và kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Khi các hệ sinh thái thay đổi sẽ kéo theo những thay đổi trong khả năng cung cấp lương thực, nguyên vật liệu... là những thứ được lấy từ tự nhiên.

Một sự thay đổi khí hậu tương đối nhỏ có thể gây ra những thay đổi lớn về nước. Điều này có thể thấy rõ ở các vùng khô hạn và bán khô hạn. Khả năng cung cấp nước ở một số vùng sẽ giảm. Thiệt hại do hạn hán sẽ là một trong những tác động nghiêm trọng nhất của biến đổi khí hậu đối với nông nghiệp. Tài nguyên nước sẽ có những thay đổi, một số vùng sẽ nhiều lên trong khi những vùng khác lại ít đi.

Biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng đến sinh hoạt của con người và làm thay đổi phân bố địa lý của bệnh tật cũng như làm tăng khả năng lan truyền của các bệnh dịch. Các điều kiện sinh hoạt của con người sẽ thay đổi do điều kiện thời tiết thay đổi.

Do có bờ biển dài, lại có vị trí nằm ở khu vực chịu tác động mạnh mẽ của các quá trình tự nhiên như gió mùa, bão, lũ v.v. nên nước ta có khả năng chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là những vùng địa hình thấp lại tập trung dân cư đông ; nếu nước biển dâng, chắc chắn sẽ có một số vùng dân cư, cơ sở hạ tầng ở hai vùng này bị ảnh hưởng. Những tính toán cho thấy có tới 500 000 ha ở đồng bằng sông Hồng và khoảng 1,5 đến 2 triệu ha ở đồng bằng sông Cửu Long có thể bị ảnh hưởng bởi nước biển dâng.

Nền nông nghiệp nước ta còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên không thể tránh khỏi những tác động của sự thay đổi khí hậu. Mặt khác, nông nghiệp nước ta vốn là nền nông nghiệp nhiệt đới, nhiều nơi có trình độ thâm canh cao, tận dụng được các điều kiện khí hậu thời tiết để tăng năng suất. Thời vụ ở nhiều nơi đã được bố trí tối ưu để tránh được tác động của thiên tai tới các giai đoạn nhạy cảm của cây trồng có thể làm ảnh hưởng đến năng suất. Vì vậy, với những thay đổi của chế độ khí hậu do biến đổi khí hậu toàn cầu gây ra có thể dẫn tới ảnh hưởng đến các điều kiện của cây trồng cộng thêm với các hiện tượng cực đoan như thiên tai tăng lên có thể làm giảm năng suất.

Do những hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra của biến đổi khí hậu đối với các quốc gia trên thế giới, nhiều nước đã có những chính sách khác nhau. Một số nước lớn đã tiến hành nghiên cứu một cách hệ thống nhằm làm rõ bản chất của biến đổi khí hậu hiện nay, đánh giá đầy đủ các tác động của biến đổi khí hậu và đề ra những kế sách, chiến lược ứng phó thích hợp. Một số nước khác không đặt vấn đề nghiên cứu đầy đủ nhưng lại đề ra những biện pháp phòng ngừa tới mức tối đa. Một số nước khác lại tỏ ra hoài nghi về bản chất của vấn đề biến đổi khí hậu hiện nay. Theo những nước này, khó có cơ sở khoa học chắc chắn để tin vào những dự đoán về sự nóng lên toàn cầu cũng như nước biển dâng lên trong thế kỷ sau.

Các chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu nhìn chung có thể tập trung vào hai hướng chính :

- Ngăn chặn sự nóng lên của khí hậu toàn cầu bằng cách giảm sự phát thải các loại khí nhà kính để bớt sự hấp thu năng lượng mặt trời do các khí này gây ra.

- Đề phòng các tác động có thể của biến đổi khí hậu gây ra cho các hoạt động kinh tế - xã hội.

Một đặc điểm quan trọng của biến đổi khí hậu hiện nay là do con người gây ra và mang tính toàn cầu. Sự tăng phát thải khí nhà kính dưới bất kỳ hình thức nào, ở bất kỳ nước nào đều tác động đến khí hậu chung của trái đất. Chính vì vậy, dù có những quan điểm khác nhau, có khi đối lập nhau, nhưng các nước đã có nhiều nỗ lực chung để giảm bớt sự phát thải khí nhà kính do các hoạt động kinh tế - xã hội gây ra, bảo vệ bầu khí quyển. Năm 1988 Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu được thành lập để đưa ra các cơ sở khoa học về vấn đề này.

Năm 1992, Hội nghị thượng đỉnh thế giới họp tại Ri-ô đờ Gia-nây-rô (Bra-xin) đã thông qua Chương trình hành động 21. Ngay tại Hội nghị, 154 nước, trong đó có nước ta đã cùng nhau ký

Digitized by Google

Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Tháng 11 năm 1994, nước ta chính thức phê chuẩn Công ước này. Mục tiêu của Công ước là hạn chế phát thải các khí nhà kính nhằm bảo vệ khí hậu trái đất.

Công ước đã được đa số các nước trên thế giới ký kết, nhưng việc thực hiện lại hết sức khó khăn. Một số nước lớn như Mỹ, hằng năm phát thải tới một phần tư lượng khí cacbonic phát thải trên toàn cầu. Các nước công nghiệp phát triển khác và một số nước lớn cũng là những nước đóng góp phần lớn vào việc thải khí cacbonic. Khí cacbonic là loại khí thải góp tỷ lệ lớn trong việc làm nóng khí hậu trái đất. Để giảm phát thải khí nhà kính, các nước trên thế giới đã đòi các nước công nghiệp phát triển phải giảm tiêu thụ năng lượng. Các nước công nghiệp cũng tìm cách để trì hoãn và đòi thực hiện những biện pháp ở các nước đang phát triển. Trong khi đó hàng ngàn, hàng trăm ngàn các nhà máy điện, nhà máy xi măng và nhiều nhà máy khác vẫn đang ngày đêm hoạt động liên tục để mang lại lợi ích cho cuộc sống con người, đồng thời thải vào bầu khí quyển ngày càng nhiều các loại khí nhà kính, gây nên sự nóng lên toàn cầu.

Tháng 12 năm 1997, tại Ky-ô-tô (cố đô Nhật Bản), Hội nghị của các bên tham gia Công ước Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu đã họp và đi đến một thỏa thuận bước đầu về tỷ lệ giảm phát thải khí nhà kính ở một số nước công nghiệp phát triển, nhất là đối với Mỹ, nước phát thải khí nhà kính nhiều nhất, cả về tổng khối lượng lẫn tỷ lệ tính theo đầu người. Đây là một cố gắng lớn của cộng đồng quốc tế.

Tuy nhiên, những gì mà cộng đồng quốc tế đạt được ở Ky-ô-tô chỉ là để ngăn ngừa khí hậu toàn cầu khỏi tồi tệ hơn trong vài chục năm tới. Lượng khí nhà kính con người đã phát thải vào khí quyển trong những năm đã qua vẫn tiếp tục tồn tại làm ảnh hưởng đến khí hậu trái đất không chỉ hôm nay mà cả nhiều năm sau nữa. Vì vậy, cùng với các biện pháp ngăn ngừa sự nóng lên toàn cầu, việc tăng cường các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đang diễn ra là rất cần thiết.

Đối với nước ta, những giải pháp ứng phó với hậu quả của biến đổi khí hậu cần lưu ý là :

- Khả năng giảm sản lượng nông nghiệp do sự giảm sút của diện tích các vùng đồng bằng ven biển bị ngập do nước biển dâng cao.

- Chế độ khí hậu thay đổi ảnh hưởng đến thời vụ canh tác nên cần bố trí lại thời vụ ở một số vùng, từ đó cơ cấu cây trồng bị thay đổi.

- Các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, nắng nóng có thể gay gắt hơn gây ra tình trạng thiếu nước, hạn nghiêm trọng ở các vùng vốn đã khô hạn hoặc ở trong tình trạng không đủ nước.

- Các thiên tai như bão, lũ, đặc biệt là lũ quét sẽ gây ra nhiều thiệt hại hơn về người và của, làm ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng trong sản xuất nông nghiệp.

- Trong các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, trồng rừng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Việc trồng rừng vừa mang lại lợi ích kinh tế, vừa có tác dụng giữ nước, phòng ngừa hạn hán, phòng chống lũ, nhất là lũ quét, lại vừa có ý nghĩa trong việc tăng nguồn hấp thụ khí cacbonic, giảm bớt hiệu ứng nhà kính.

- Tăng cường hệ thống đê đập ven biển, bảo vệ và tăng cường diện tích rừng ngập mặn. Rừng ngập mặn không chỉ là phương tiện ngăn ngừa xói lở bảo vệ bờ biển, mà còn có tác dụng giữ gìn cảnh quan sinh thái ven biển.

- Trong khi quy hoạch các khu dân cư, các vùng đô thị, các công trình ven biển cần chú ý đến những hệ quả của mực nước biển dâng cao.

- Chế độ khí hậu thời tiết thay đổi cũng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Vì vậy, cần có kế hoạch phòng ngừa một số bệnh tật có thể phát sinh, đồng thời có những bước cải thiện các điều kiện sinh sống của các vùng dân cư ven biển, vùng núi...

Sau hàng trăm năm phát triển công nghiệp để đi tới nền văn minh như ngày nay, vô hình trung con người đã làm hại bầu khí quyển, làm tổn thương môi trường sống và lại phải tìm cách phục hồi một cách rất khó khăn. Thế giới vốn đang đầy rẫy những mâu thuẫn, nay nhân loại lại phải hợp sức cùng nhau nỗ lực để giữ gìn khí hậu và môi trường trái đất cho ngày nay và cho các thế hệ mai sau. ❑

Digitized by Google

CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU CỦA MỸ "CAM KẾT VÀ MỞ RỘNG"

LÊ BÁ THUYÊN *

GIỐNG như nhiều cường quốc trên thế giới, để chuẩn bị cho nước Mỹ bước sang thế kỷ mới, Tổng thống B.Clin-tơn đã trình bày trước Quốc hội Mỹ bản "Chiến lược kinh tế cho thế kỷ XXI" và "Chiến lược an ninh quốc gia cho thế kỷ sau". Hai văn kiện này đã góp phần hoàn thiện chiến lược toàn cầu của Mỹ, mà chính quyền G.Bu-sơ đã khởi công xây dựng trong những năm cuối nhiệm kỳ - đó là chiến lược "Cam kết và Mở rộng".

Mục tiêu cơ bản : "Mỹ phải lãnh đạo thế giới"

Vì sao bản chiến lược toàn cầu mới này mang tên kép "Cam kết và Mở rộng" ? Theo các nhà lãnh đạo Mỹ, chiến lược "Cam kết" (Engagement) là nhằm bác bỏ ý kiến cho rằng ngày nay khi mối "đe dọa" của Liên Xô không còn nữa, Hoa Kỳ có thể không cần quan tâm đến thế giới bên ngoài để tập trung vào các vấn đề đối nội, qua đó bác bỏ chủ nghĩa biệt lập mới (Neoisolationism) ở Mỹ. Ông B.Clin-tơn cho rằng chủ nghĩa biệt lập và chủ nghĩa bảo hộ đều là thuốc độc, rằng "Cam kết" có nghĩa là Mỹ vẫn cần tham gia vào các vấn đề quốc tế, không chỉ tham gia mà lãnh đạo. Về chiến lược "Mở rộng" (Enlargement), An-tô-ni Lếch - nguyên cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống B.Clin-tơn, nêu rõ rằng kế tục học thuyết "ngăn chặn" (Containment) phải là một chiến lược "mở rộng" - mở cộng đồng tự do các nền dân chủ trên thế giới.

Theo Tổng thống B.Clin-tơn, yêu cầu bao trùm của chiến lược "Cam kết và Mở rộng" là tăng cường, mở rộng, cộng đồng các nền dân chủ theo kinh tế thị trường trên thế giới. Điều đó có nghĩa là Mỹ chủ trương củng cố và mở rộng quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản, thiết lập một trật tự thế giới mới tư bản chủ nghĩa do Mỹ chỉ huy.

Mục tiêu cơ bản của chiến lược toàn cầu "Cam kết và Mở rộng" là Mỹ phải lãnh đạo thế giới. Tổng thống G.Bu-sơ viết trong lời nói đầu Báo cáo chiến lược an ninh quốc gia Mỹ tháng 8-1991 : "Chúng ta hiện có trong tay một hệ thống quốc tế mới phù hợp với các ý tưởng và các giá trị của chúng ta", rằng "Mỹ phải là người lãnh đạo"(1). Tổng thống B.Clin-tơn khẳng định : "Nước Mỹ phải tiếp tục lãnh đạo thế giới", và "Mỹ sẽ không lùi bước trước những thách thức để nắm lấy những cơ hội của thế giới này"(2).

Các trọng điểm chiến lược

Chiến lược toàn cầu "Cam kết và Mở rộng" có ba trọng điểm nổi bật. Trước hết chính quyền Oa-sinh-tơn xác định việc xây dựng nền kinh tế Mỹ vững mạnh, giành lại và củng cố vị trí lãnh đạo của Mỹ trong nền kinh tế thế giới là trọng điểm số một của chiến lược toàn cầu mới. Các quan điểm và nội dung của Chiến lược kinh tế phục hưng nước Mỹ là : - Phát triển nền kinh tế vững mạnh, đủ sức làm cơ sở chắc chắn cho chiến lược toàn cầu mới. Sức mạnh trong nước sẽ tăng cường sức mạnh toàn cầu. - Chủ trương chính quyền điều tiết nền kinh tế. Sử dụng nhà nước làm công cụ đấu tranh trên mặt trận kinh tế

---

* PTS khoa học lịch sử

(1) G.Bush : Lời nói đầu Báo cáo chiến lược an ninh quốc gia tháng 8-1991

(2) B. Clin-tơn : Diễn văn nhậm chức Tổng thống ngày 20-1-1993

Digitized by Google

đối ngoại, nhằm phục vụ lợi ích của Mỹ. - Thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, nhất là các kỹ thuật mũi nhọn. Dựa trên thuyết "Kinh tế đầu tư", chủ trương tăng cường đầu tư vào các ngành công nghệ mũi nhọn. - Tiếp tục đổi mới cơ cấu kinh tế, chuyển mạnh từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế sau công nghiệp, và nền kinh tế thông tin nhằm nâng cao năng suất lao động, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế quốc gia. - Đặc biệt coi trọng kinh tế đối ngoại trong một thị trường thế giới đang phát triển mạnh mẽ theo xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa. Thực hiện "Học thuyết buôn bán chiến lược", thúc đẩy chính sách tự do hóa thương mại nhằm giành lại và giữ vững vị trí dẫn đầu của Mỹ trên thị trường thế giới, tạo điều kiện cho sản xuất của Mỹ phát triển hơn nữa. - Thúc đẩy xây dựng và nắm quyền chi phối, lãnh đạo các tổ chức liên kết kinh tế thương mại khu vực và toàn cầu như WTO, NAFTA, FTAA, APEC, TAFTA... Coi trọng chiến lược BEM (Big emerging markets), xúc tiến quan hệ làm ăn buôn bán với các thị trường lớn đang nổi lên ở các nước đang phát triển mà ông B.Clin-tơn coi là một trọng tâm công tác của chính quyền Mỹ từ nay về sau. Trong Thông điệp Liên bang ngày 27-1-1998, Tổng thống Mỹ nhấn mạnh : - "Khi chúng ta bước vào thế kỷ XXI, nền kinh tế toàn cầu đòi hỏi chúng ta tìm kiếm cơ hội không chỉ trong nước mà trên tất cả các thị trường thế giới. Chúng ta phải định hướng nền kinh tế toàn cầu này, chứ không phải giật lùi khỏi nó".

Một trọng điểm chiến lược khác là vấn đề quốc phòng, an ninh. Các nhà chiến lược Mỹ cho rằng trong giai đoạn mới ngày nay, Mỹ phải đối phó với bốn loại thách thức mới. Đó là :

1 - Những vấn đề cấp vùng và sự xuất hiện của các cường quốc mới.

2 - Việc phổ biến vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí hủy diệt lớn khác.

3 - Sự xuất hiện của những đối thủ đồng thời là đối tác quan trọng mà Mỹ không thể xem thường.

4 - Các hiện tượng xuyên quốc gia như nạn khủng bố, buôn lậu ma túy, phá hoại môi trường, dân số tăng nhanh, dòng người tị nạn..., đe dọa phá vỡ sự ổn định chính trị ở nhiều nước, ảnh hưởng đến các chính sách của Mỹ, đặt Oa-sinh-tơn trước những thách thức phức tạp. Các mục tiêu và nội dung lớn của chiến lược quân sự toàn cầu mới mang tên "Chiến lược đánh thắng hai cuộc chiến tranh khu vực cùng một lúc" là : "Bảo đảm răn đe chiến lược bằng cả lực lượng vũ khí hạt nhân lẫn vũ khí thông thường. Duy trì lực lượng hạt nhân mạnh ; tiếp tục hiện đại hóa bộ ba vũ khí hạt nhân làm công cụ răn đe chiến lược. Phát triển vũ khí kỹ thuật cao. - Duy trì sự có mặt về quân sự của Mỹ ở các khu vực quan trọng nhất, nhất là ở hai cánh chiến lược châu Âu và châu Á - Thái Bình Dương. Ở mỗi khu vực này duy trì khoảng 100 nghìn lính Mỹ cùng với hệ thống căn cứ quân sự cần thiết. - Đối phó có hiệu quả với các cuộc khủng hoảng khu vực thông qua việc sử dụng lực lượng quân sự Mỹ bố trí tại chỗ theo chiến lược căn cứ tiền tiêu kết hợp với việc sử dụng lực lượng triển khai nhanh (RDF) gồm 300 nghìn quân Mỹ, hoặc lực lượng đa quốc gia do Mỹ chỉ huy như trong chiến tranh vùng Vịnh Péc-xích. Theo học thuyết "Đánh thắng hai cuộc chiến tranh khu vực cùng một lúc", lực lượng quân đội Mỹ được sử dụng một cách quyết định để giành thắng lợi trong một cuộc chiến tranh, trong lúc không quân và một lực lượng quân hạn chế được sử dụng nhằm kiềm chế cuộc chiến tranh kia. Sau khi chiến thắng cuộc chiến tranh thứ nhất, sẽ dành toàn bộ lực lượng sang giành chiến thắng trong cuộc chiến tranh thứ hai. Để thực hiện các mục tiêu kể trên, cuộc điều chỉnh chiến lược quân sự và cơ cấu lại tổ chức quân đội Mỹ được tiến hành theo phương châm ba tăng, ba giảm : Tăng cường sức cơ động, hỏa lực và sức chiến đấu của quân đội để bù vào việc giảm quân số, giảm căn cứ quân sự và giảm chi tiêu quân sự.

Chiến lược ngoại giao "Cam kết và Mở rộng" cũng là một trọng điểm chiến lược hàng đầu. Nhiệm vụ của chính sách ngoại giao mới là đóng góp phần chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu cơ bản "Mỹ phải lãnh đạo thế giới". Tổng thống B.Clin-tơn xác định một quan điểm quan trọng trong chiến lược ngoại giao mới : - Khi lợi ích sống còn của chúng ta bị thách thức, hoặc ý

Digitized by Google

thức và lương tâm của cộng đồng quốc tế bị coi thường, chúng ta sẽ hành động bằng đường lối ngoại giao hòa bình nếu có thể được và bằng vũ lực khi cần thiết. Các mục tiêu và nội dung lớn của chính sách đối ngoại mới là : - Làm sống động lại nền kinh tế Mỹ nhằm duy trì vai trò hàng đầu của Mỹ trên thế giới, đặt nước Mỹ trở lại vị trí tiên phong trong một cuộc đấu tranh vì một sự tăng trưởng lâu bền. - Giương cao ngọn cờ dân chủ, nhân quyền và thị trường tự do, coi đó là một động lực thúc đẩy thực hiện chính sách đối ngoại mới. - Thực hiện chính sách liên minh hợp tác, chia sẻ trách nhiệm với các nước đồng minh, đồng thời thực hiện chính sách cân bằng lực lượng giữa các nước vừa là đồng minh, bạn bè đối tác vừa là đối thủ, dùng nước này làm đối trọng để kiềm chế nước khác, ngăn chặn không cho bất cứ đối thủ nổi lên lớn mạnh có thể thách thức vai trò lãnh đạo của Mỹ. - Thiết lập trật tự thế giới mới do Mỹ chi phối.

Trong quá trình triển khai thực hiện chiến lược toàn cầu "Cam kết và Mở rộng" cùng chính sách ngoại giao mới, chính quyền Oa-sinh-tơn chú trọng sáu ưu tiên chiến lược mà Tổng thống B.Clin-tơn nêu lên trong Thông điệp Liên bang năm 1997. Đó là :

1 - Khuyến khích một châu Âu hòa bình, dân chủ, không bị chia cắt.

2 - Xây dựng một cộng đồng châu Á - Thái Bình Dương ổn định, vững mạnh.

3 - Tiếp tục vai trò lãnh đạo của Mỹ như là một lực lượng quan trọng nhất thế giới vì hòa bình.

4 - Tạo ra thêm nhiều việc làm và cơ hội cho người Mỹ thông qua một hệ thống thương mại cạnh tranh, mở cửa hơn.

5 - Tăng cường hợp tác trong việc đối phó với các đe dọa an ninh mới.

6 - Đẩy mạnh các biện pháp ngoại giao và quân sự cần thiết để đẩy lùi các thách thức.

Những thách thức lớn

Trong quá trình triển khai thực hiện chiến lược toàn cầu "Cam kết và Mở rộng", mấy năm qua Oa-sinh-tơn vấp phải nhiều khó khăn thách thức, buộc họ phải vội vàng điều chỉnh một số chính sách đối ngoại. Trong cuộc chạy đua toàn cầu đi vào thế kỷ XXI, thực hiện các mục tiêu của chiến lược toàn cầu mới, Mỹ vấp phải ba mâu thuẫn quan trọng : "*Trước hết* đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu to lớn của chiến lược toàn cầu mới và khả năng bị hạn chế của Mỹ. Như cách nói của Pôn. Ken-nơ-đi - nhà sử học có tên tuổi ở Mỹ, tổng những tham vọng và mục tiêu toàn cầu của Mỹ lớn hơn những khả năng mà Mỹ có thể huy động được để thực hiện các mục tiêu và tham vọng đó. *Thứ hai*, mâu thuẫn giữa ba trung tâm của chủ nghĩa tư bản : Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản, cũng như giữa các trung tâm quyền lực trên thế giới (trong đó có Nga, Trung Quốc). *Thứ ba*, mâu thuẫn giữa mục tiêu của Mỹ lãnh đạo toàn cầu với yêu cầu bảo vệ độc lập, chủ quyền của đông đảo các nước độc lập dân tộc trên thế giới, trong đó lực lượng của nhiều quốc gia trong phong trào giải phóng và độc lập dân tộc không ngừng lớn mạnh".(3)

Trật tự thế giới mới đang và sẽ hình thành không phải là một trật tự do Mỹ lãnh đạo, mà là một trật tự thế giới trong đó các trung tâm quyền lực lớn và sức mạnh tổng hợp của các nước độc lập dân tộc và đang phát triển sẽ tạo thành những lực tác động qua lại lẫn nhau, hình thành một trật tự thế giới mới nhiều trung tâm. Hen ri Kit xinh giơ, cựu Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ, thừa nhận rằng "lần đầu tiên trong lịch sử của mình, nước Mỹ thấy mình ở trong một thế giới mà nó không còn có thể chi phối, nhưng nó cũng không thể đơn thuần rút lui khỏi thế giới đó... Trật tự thế giới mới bao gồm 5 hoặc 6 trung tâm quyền lực có sức mạnh gần như cân bằng. Một thế giới đa cực phải tìm kiếm sự ổn định thông qua sự cân bằng về quyền lực". Gần đây nhất, trong bài trả lời phỏng vấn báo Cla-rin (Ác-hen-ti-na), Z. Brê-din-xki, cựu cố vấn an ninh quốc gia Mỹ cho rằng "thế giới đơn cực sẽ không còn, vì Mỹ sẽ mất vai trò độc tôn trước sự trỗi dậy của châu Âu và châu Á"(4). ❑

---

(3) Xem Lê Bá Thuyên : *Hoa Kỳ : Cam kết và Mở rộng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1997, tr 339

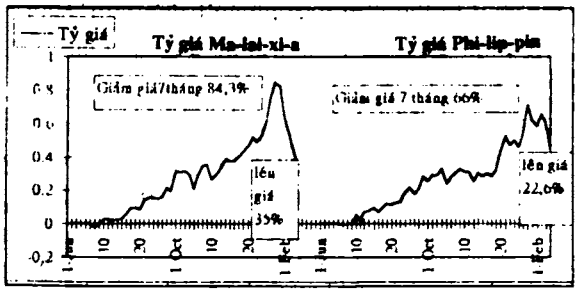
(4) Z.Brê-din-xki : "Quan điểm về tương lai của thế giới", Tin tham khảo chủ nhật 8-3-1998, tr 9

Digitized by Google

Liệu cơn địa chấn toàn cầu của khủng hoảng tiền tệ có làm đảo lộn trật tự kinh tế thế giới ?

VŨ NGỌC

Với việc lên giá trở lại gần tỷ giá thực của hầu hết các đồng tiền bị khủng hoảng tiền tệ ở Đông Á, có thể nói cơn bão tiền tệ Đông Á đã tan. Sự lên giá này là không thể đảo ngược vì chính các nhà đầu cơ đã bán ào ạt 500 - 600 triệu USD ra trong ngày 2-2-1998 ở Thái Lan và châm ngòi cho sự xuống giá thảm hại của đồng USD còn nhanh hơn cả khi nó lên giá. Biểu đồ biến động tỷ giá do hãng Roi-tơ cung cấp đều vẽ đường cong đi xuống của đồng USD với độ dốc cao gấp mấy lần độ dốc đi lên như sau :



Các đường biểu diễn tỷ giá của các đồng tiền khác cũng có hình dáng tương tự và có thể lập bảng dao động như sau :

Đồng tiền	Giảm giá trong 7 tháng	%	Lên giá	%	trong
Bạt Thái Lan	25,5 → 55,4 bạt/1 USD	112%	54,4 → 41,4	24%	10 ngày
Đôla Xin-ga-po	1,42 →1,79 SGD/1 USD	26,1%	1,79 → 1,62	10,4%	20 ngày
Ringit Ma-lai-xi-a	2,5 → 46,8 MYR/1 USD	84,3%	46,8 → 3,4	35%	20 ngày
Pêsô Phi-lip-pin	26 → 45 PHP/1 USD	66%	45 → 38	22,6%	11 ngày
Rupi In-đô-nê-xi-a*	2300 → 14 800 Rupi/1 USD	645%	14 800 → 7 625	194%	20 ngày

** Đồng Rupi ngày 14-2-98 có bị xuống giá sau vụ bạo động cướp của hàng ở Gia-các-ta nhưng cũng chỉ là 8800 Rupi/1 USD so với đáy thấp nhất 7 625 Rupi/USD.*

Tuy cơn bão tiền tệ đã tan, không còn những đợt sóng hất tung giá USD ở các nước này lên nữa, nhưng cơn địa chấn toàn cầu mà nó tạo ra vẫn gây lo lắng cho nhiều nước. Hệ quả lớn hơn, đáng lo ngại nhiều hơn cả là khả năng xảy ra thiểu phát xoáy ốc bao trùm châu Âu và châu Mỹ. Hàng hóa châu Á đã rẻ, lại rẻ thêm gấp 2 - 3 lần do sự mất giá tiền tệ vừa qua, đã và sẽ tạo sức ép xuống giá hàng đồng loạt ở các nước trong hai châu lục này. Rủi ro tín dụng làm cho các ngân hàng ở khu vực này co cụm lại dẫn tới giảm sút khối tiền rộng M_2. Đại hạ giá hàng hóa cộng với giảm M_2 sẽ gây ra thiểu phát, mà *thiểu phát đã là một trong những nguyên nhân gây ra khủng hoảng kinh tế chu kỳ trước 1933*, điều đó đã được Kên-dơ phát hiện ra với câu nói nổi tiếng : *chế độ bản vị vàng là một tàn tích dã man* (vì nó gây ra thiểu phát). Báo Lơ Mông (Le Monde) của Pháp đã viết thiểu phát ở hai châu lục trên có gây ra khủng hoảng kinh tế toàn cầu như năm 1929 không thì phải chờ xem. Đây là khả năng xấu nhất mà thế giới phải đề phòng.

Trong cơn lạm phát phi mã toàn cầu thập kỷ 60, 70 các nước giàu trên thế giới đã dùng độc quyền giá rẻ để kèm riết không cho giá nguyên liệu và nông sản tăng lên theo tỷ lệ lạm phát chung của thế giới, nên đã tạo ra một sự tái phân phối thu nhập hết sức bất công là các nước công nghiệp ngày càng giàu lên, các nước đang phát triển ngày càng nghèo đi vì giá cả xuất khẩu của

Digitized by Google

các nước này hầu như đứng im trong khi giá nhập khẩu máy móc thiết bị và công nghệ phẩm tăng theo giá vàng và mức độ lạm phát ở các nước giàu. Cuộc chiến tranh kinh tế Nam - Bắc giữa các nước giàu tập trung ở bắc bán cầu với các nước nghèo tập trung ở nam bán cầu thời đó luôn luôn căng thẳng, mà đỉnh cao là cuộc chiến tranh dầu lửa 1973, các nước Ả-rập đoàn kết trong khối OPEC đã thắng lợi tuyệt đối, buộc các nước tư bản phát triển phải chấp nhận giá dầu hỏa tăng 4 lần tương đương mức tăng của giá vàng. Giá sinh hoạt cao gấp 10 lần ở các nước công nghiệp phát triển là dấu ấn còn lại của việc tái phân phối thu nhập bất công này.

Nguy cơ thiểu phát xoáy ốc nói trên đe dọa các nước ở châu Âu và châu Mỹ có thể là sự "ác giả ác báo" và sẽ có tác động đảo lộn trật tự kinh tế thế giới, tái phân phối lại thu nhập có lợi cho các nước nghèo, vì nó có tác dụng san bằng những giá cả bất công kể cả tiền lương và giá cả sức lao động. Nguy cơ này có nhiều khả năng xảy ra vì Mỹ tưởng rằng nhân khủng hoảng tiền tệ này làm suy yếu các nước châu Á ; Quốc hội Mỹ đang muốn nhân dịp cho vay cứu trợ các nước châu Á để áp đặt đường lối chính trị mà cụ thể là áp đặt nhân quyền kiểu Mỹ đối với các nước đang nhận tiền vay cứu trợ. Trong khi đó, các nước châu Á bị làn roi khủng hoảng tiền tệ quất mạnh tay không thương tiếc đã tỉnh ngộ hẳn ra về những khuyết điểm trong quản lý kinh tế vĩ mô của mình, nên đã động viên được cả lòng yêu nước của nhân dân vào việc sửa chữa và quyết tâm sửa chữa. Họ đã nhìn thấy tận mắt nguy cơ của việc gắn chặt thanh toán quốc tế với đồng USD, của đầu cơ tiền tệ mà chỉ một ngày tung "chưởng" bán khống ra đã châm ngòi nổ cho khủng hoảng tiền tệ. Trong khi đó Mỹ rất chủ quan không nhận ra các vấn đề này và lòng tham muốn giữ mãi vai trò sen đầm quốc tế sẽ bịt mắt họ khó thấy được những sai lầm trong quản lý vĩ mô của họ như nền tài chính bong bóng với hàng ngàn quỹ đầu cơ tiền tệ kiểu Soros đã từng đẩy cho đồng USD xuống giá mạnh nhân hội nghị Plaza và kiếm 1,1 tỉ lợi nhuận đầu cơ.

Như vậy sự thay đổi trật tự kinh tế thế giới sẽ diễn ra qua tác động của quy luật giá trị và quy luật lưu thông tiền tệ. Thiểu phát nếu xảy ra trong tương lai sẽ rất khó sửa chữa, bởi vì nó không do thắt chặt tiền tệ ở hai châu lục này gây ra, mà lại do sự san bằng giá cả hàng hóa giữa các châu lục từ sự giảm giá mạnh nhiều đồng tiền châu Á. Các doanh nghiệp của hai châu lục này đã và sẽ mất sức cạnh tranh do giá hàng quá cao. Những chao đảo thị giá chứng khoán có thể khai tử họ khi chớm có dấu hiệu suy yếu qua cuộc cạnh tranh giá cả đã bị đẩy tới đỉnh cao này. Nhất là khi các bong bóng tài chính bị vỡ tung do chủ quan không nhận ra để sửa chữa, thì sự suy sụp kinh tế của hai châu lục này sẽ lớn hơn mọi dự đoán và sự đảo lộn trật tự kinh tế thế giới sẽ diễn ra nhanh hơn. Các doanh nhân và các nhà kinh tế thế giới qua thực tế đã nhận thức được nguy cơ này, nên trong "Diễn đàn kinh tế thế giới mới" tháng 2-1998 với 2 500 đại biểu, họ quan tâm nhất tới khủng hoảng tiền tệ. Nhưng các chính phủ nhất là Chính phủ Mỹ vẫn chưa thấm thía hết tình hình này, biểu lộ ở cuộc đụng độ giữa Nhà trắng và Quốc hội Mỹ trong vấn đề cứu trợ các nước châu Á.

Sự thay đổi trật tự kinh tế thế giới sẽ diễn ra nhanh hơn trong lĩnh vực tiền tệ, khi mà đồng USD bị xa lánh như con virút gây khủng hoảng tiền tệ. Vị trí ngoại tệ mạnh nhất của đồng USD sẽ bị chao đảo lớn vì hai áp lực :

- Hàng trăm tỉ USD tích trữ lại trong các quỹ đầu cơ và trong tay người dân trong khủng hoảng tiền tệ giờ đây lại được tung ra bán khi nó đe dọa xuống giá nhanh và khi các nhà đầu cơ gây được làn sóng bán USD ra.

- Các tổ chức thanh toán quốc tế theo khu vực sẽ mọc ra và dùng những ngoại tệ mạnh khu vực thay thế đồng USD để khỏi bị các tay đầu cơ tiền tệ lợi dụng đồng USD phá từ bên ngoài. Thế đa cực trong tiền tệ sẽ diễn ra nhanh hơn.

Tất cả những dự đoán trên đều nói về những điều trong tương lai. Hãy chờ xem. ❑

Digitized by Google

CẠNH TRANH. CÁC HÌNH THỨC CẠNH TRANH

● **Cạnh tranh :** (Tiếng Anh - competition) về mặt thuật ngữ được hiểu như là sự cố gắng giành phần hơn, phần thắng về mình giữa những người, những tổ chức hoạt động có những mục tiêu và lợi ích giống nhau. Trong kinh doanh, cạnh tranh được định nghĩa như là sự đua tranh giữa các nhà kinh doanh trên thị trường nhằm giành ưu thế trên cùng một loại tài nguyên, sản phẩm hoặc cùng một loại khách hàng về phía mình.

Cạnh tranh là một trong những đặc trưng cơ bản của cơ chế thị trường. Không có cạnh tranh thì không có nền kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường khi vận hành phải tuân thủ theo những quy luật khách quan riêng của mình, trong đó có quy luật cạnh tranh. Theo quy luật này, các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến máy móc, thiết bị, công nghệ, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm để giành ưu thế so với đối thủ của mình. Kết quả là kẻ mạnh cả về khả năng vật chất và trình độ kinh doanh sẽ là người chiến thắng. Cạnh tranh là động lực hay như A-đam X.mít gọi là "bàn tay vô hình" thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội phát triển. Nếu lợi nhuận thúc đẩy các cá nhân tiến hành sản xuất kinh doanh thì cạnh tranh lại bắt buộc và thôi thúc họ phải điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả cao nhất.

Tác động tích cực của cạnh tranh là :

- Sử dụng các nguồn tài nguyên một cách tối ưu,
- Khuyến khích áp dụng các tiến bộ kỹ thuật,
- Thỏa mãn các nhu cầu của người tiêu dùng,
- Thúc đẩy sản xuất phát triển, thúc đẩy tăng năng suất lao động và tăng hiệu quả của sản xuất.

Tuy nhiên, cạnh tranh cũng có tác động tiêu cực đối với sản xuất. Đó là việc giữ bí mật không muốn chuyển giao công nghệ tiên tiến, là tình trạng ganh đua quyết liệt, "cá lớn nuốt cá bé".

● **Các hình thức cạnh tranh :** Cạnh tranh được xem xét dưới nhiều khía cạnh, hình thức khác nhau như : *cạnh tranh tự do ; cạnh tranh thuần túy ; cạnh tranh hoàn hảo ; cạnh tranh không hoàn hảo ; cạnh tranh lành mạnh ; cạnh tranh không lành mạnh*... Các hình thức cạnh tranh phụ thuộc vào tính chất của thị trường và bản chất của nền kinh tế.

1 - *Cạnh tranh tự do,* được hiểu như là một nền kinh tế phát triển một cách tự do, không có sự can thiệp của nhà nước, trong đó giá cả lên xuống theo sự chi phối của các quy luật thị trường. Cùng với các quy luật kinh tế thị trường, đặc biệt là quy luật giá trị, cạnh tranh tự do dẫn đến sự phân hóa hai cực giàu, nghèo rõ rệt.

2 - *Cạnh tranh hoàn hảo* (Perfect competition) hay còn gọi là cạnh tranh thuần túy (Pure competition) ; là hình thức cạnh tranh trong đó giá cả của một loại hàng hóa là không đổi trong toàn bộ một địa danh của thị trường ; các yếu tố sản xuất được tự do luân chuyển từ ngành này sang ngành khác ; chi phí vận tải không đáng kể và không đề cập tới.

Cạnh tranh hoàn hảo xảy ra khi không một người sản xuất nào có thể tác động đến giá cả trên thị trường. Mỗi người sản xuất đều phải bán sản phẩm của mình theo giá thịnh hành mà thị trường đã chấp nhận thông qua quan hệ cung - cầu. Cạnh tranh hoàn hảo xảy ra khi có một số lớn doanh nghiệp nhỏ sản xuất một mặt hàng y hệt nhau và sản lượng từng doanh nghiệp quá nhỏ không thể tác động đến giá cả thị trường. Cạnh tranh hoàn hảo muốn tồn tại cần phải có các điều kiện :

- Tất cả các hãng kinh doanh trong ngành đó có quy mô tương đối nhỏ ;
- Số lượng các hãng kinh doanh trong các ngành đó phải rất nhiều.

Trong điều kiện như vậy không có công ty nào có đủ sức mạnh để có thể ảnh hưởng đến giá cả của các sản phẩm của mình trên thị trường. Sản phẩm của các hãng đưa ra trên thị trường giống nhau tới mức cả người sản xuất và người tiêu dùng đều rất khó phân biệt.

3 - *Cạnh tranh không hoàn hảo* (Imperfect competition) là hình thức cạnh tranh mà ở đó các cá nhân bán hàng hoặc các nhà sản xuất có đủ sức mạnh và thế lực để có thể chi phối giá cả các sản phẩm của mình trên thị trường.

Cạnh tranh không hoàn hảo có hai loại : độc quyền nhóm và cạnh tranh mang tính chất độc quyền.

Độc quyền nhóm (Oligopoly) tồn tại trong những ngành sản xuất mà ở đó chỉ có một số ít người sản xuất hoặc số ít người bán sản phẩm. Sự thay đổi về giá của một doanh nghiệp gây ra những ảnh hưởng đáng kể đến nhu cầu đối với sản phẩm của các doanh nghiệp khác và ngược lại. Ở các nước phát triển, các ngành công nghiệp có độc quyền nhóm là những ngành như sản xuất ô tô, cao su, chế biến thép...

Cạnh tranh mang tính độc quyền (Monopolistic competition), là hình thức cạnh tranh mà ở đó những người bán có thể ảnh hưởng đến những người mua bằng sự khác nhau của các sản phẩm mà mình sản xuất ra về hình dáng, kích thước, chất lượng và nhãn hiệu. Trong nhiều trường hợp, người bán có thể bắt người mua chấp nhận giá sản phẩm do họ định ra. Trong hình thức cạnh tranh này có nhiều người bán và nhiều người mua. Các sản phẩm của người bán về cơ bản là giống nhau song khác nhau về mẫu mã, chất lượng, màu sắc... Các hãng kinh doanh thường cố gắng tạo ra các sản phẩm của họ phong phú, có nhiều điểm khác biệt so với các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh. Trong ngành công nghiệp cạnh tranh kiểu này, quy mô của các doanh nghiệp có thể là lớn, vừa, nhỏ vì vậy việc nhập và bỏ ngành hàng dễ dàng hơn.

Digitized by Google

4 - *Cạnh tranh lành mạnh* (Healthy competition) là hình thức cạnh tranh lý tưởng, trong sáng thúc đẩy sản xuất phát triển, không có những thủ đoạn hoặc âm mưu đen tối trong sản xuất, kinh doanh của các nhà doanh nghiệp, thể hiện phẩm chất đạo đức trong kinh doanh không trái với các quy định của các văn bản pháp luật và không đi ngược lại lợi ích xã hội. Việc tính toán thu lợi nhuận trên cơ sở cải tiến, sáng tạo để sản xuất và cung cấp cho xã hội nhiều sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với chất lượng tốt hơn, giá rẻ hơn, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng.

5 - *Cạnh tranh không lành mạnh* (Unfair competition) là hình thức cạnh tranh mà trong quá trình sản xuất và kinh doanh các nhà doanh nghiệp luôn có thái độ không trung thực, gian dối như : biếu xén, hối lộ để giành ưu thế trong kinh doanh ; vu khống về chất lượng sản phẩm hàng hóa của đối tác cạnh tranh ; tung ra thị trường sản phẩm kém chất lượng mang nhãn hiệu của đối thủ cạnh tranh ; ngăn cản việc phân phối sản phẩm của đối thủ cạnh tranh bằng các hành vi trái pháp luật, sử dụng "chiến tranh giá cả" để loại bỏ đối thủ cạnh tranh... các hành vi cạnh tranh không lành mạnh xảy ra trong mọi lĩnh vực và được biểu hiện đa dạng. Một số doanh nghiệp có thể liên kết, thỏa thuận ngầm với nhau trong việc đấu thầu công trình công cộng hay nhận một hợp đồng sản xuất nào đó. Họ thỏa thuận với nhau và phân chia cho từng doanh nghiệp trong từng thời điểm có thể thắng thầu mà rất hợp pháp, khó bị phát hiện, được coi như trường hợp ngẫu nhiên. Ngoài các hành vi cạnh tranh không lành mạnh thuần túy còn xuất hiện các hành vi lạm dụng thế mạnh về kinh tế, tài chính để cạnh tranh thể hiện tính chất "cá lớn nuốt cá bé" (như : bán phá giá chẳng hạn).

6 - *Cạnh tranh bất hợp pháp* (Fraudulent competition), là những hành vi của các nhà kinh doanh thực hiện cạnh tranh trái với quy định của pháp luật, đi ngược lại các nguyên tắc xã hội, tập quán truyền thống của kinh doanh lành mạnh, xâm phạm lợi ích của xã hội, của nhà nước, của người tiêu dùng và của các nhà kinh doanh khác.

Cạnh tranh là môi trường tồn tại và phát triển của kinh tế thị trường. Không có cạnh tranh sẽ không có tính năng động và sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Song xã hội dần dần sẽ chỉ chấp nhận hành vi cạnh tranh lành mạnh bằng các phương thức sản xuất và chu chuyển hàng hóa một cách khoa học, hiệu quả chứ không thừa nhận các hành vi cạnh tranh bằng cách dựa vào các thủ đoạn lừa đảo, không trong sáng.

Ở Việt Nam, mặc dù Nhà nước chưa xây dựng chính sách cạnh tranh, chưa có Luật cạnh tranh nhằm điều chỉnh các quan hệ cạnh tranh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, song nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước đã tác động mạnh mẽ tới hệ thống pháp luật buộc nó phải ngày càng hoàn chỉnh. Một số quy phạm pháp luật của nhiều chế định pháp lý thuộc các ngành luật hình sự, hành chính, kinh tế, dân sự... do Nhà nước ban hành trong thời gian qua đã chú trọng điều chỉnh các quan hệ kinh tế - dân sự mang tính cạnh tranh, nhằm ổn định trật tự xã hội, bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế, bảo vệ quyền lợi của người sản xuất và người tiêu dùng.□

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

HỘI THẢO KHOA HỌC "VỀ VĂN HÓA VÀ CHIẾN LƯỢC VĂN HÓA"

Ngày nay, có lẽ không một quốc gia nào không chú ý đến vấn đề phát triển xã hội. Một trong những cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình phát triển xã hội chính là phải làm rõ mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội. Trên thực tế, nhiều nước mặc dù nền kinh tế đã tăng trưởng ở mức khá cao song những vấn đề xã hội như đói nghèo, bệnh tật, thất nghiệp, hòa nhập xã hội, người tàn tật cơ nhỡ vẫn đang là mối quan tâm, lo lắng ; tình trạng bạo lực, tội phạm, tệ nạn mại dâm - ma túy, buôn lậu, tham nhũng vẫn đang hoành hành ; người già, trẻ em, phụ nữ, gia đình vẫn là những vấn đề bức thiết, nóng bỏng.

Khuynh hướng chung được nhiều nước thừa nhận là phát triển kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa - xã hội, phát triển bền vững. Muốn phát triển bền vững phải thực hiện một mô hình kép : Nền kinh tế mở, hội nhập, hợp tác quốc tế và tăng cường nội lực, phát huy mọi tiềm năng của từng dân tộc trên tất cả các lĩnh vực.

Trong nội lực cần tập trung ba yếu tố cơ bản :

- Yếu tố con người : có lý tưởng, có phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, có tri thức, sức khỏe và nhất là có trình độ lao động kỹ thuật với chất lượng cao.

- Yếu tố khoa học công nghệ phải được thúc đẩy mạnh mẽ.

- Yếu tố lãnh đạo quản lý phải đủ tầm, đủ năng lực.

Cả ba yếu tố trên, tựu trung lại chính là kết quả của toàn bộ quá trình phát triển văn hóa. Vì lẽ đó, Đảng và Nhà nước ta ngay từ đầu và trong suốt tiến trình lãnh đạo cách mạng đã đặc biệt chú ý đến sự nghiệp phát triển văn hóa.

Digitized by Google

Xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đang là mục tiêu mang tính chiến lược mà Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đề ra. Quá trình phấn đấu để đạt mục tiêu chắc chắn sẽ vô cùng gian khổ, lâu dài và phức tạp. Song nói chiến lược cũng có nghĩa là phải xác định cho được cái đích và từng chặng đường chúng ta phải vươn tới để đạt đích đó. Vấn đề này đòi hỏi phải có thời gian và phải được nhiều cơ quan chức năng nghiên cứu, tham góp. Vì vậy, vừa qua tại Hà Nội, Bộ Văn hóa - Thông tin, Tuần báo Văn nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam, Viện nghiên cứu văn hóa nghệ thuật phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học **"Về văn hóa và chiến lược văn hóa"**.

Dự Hội thảo có nhiều nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ; các nghệ sĩ lão thành, các nhà khoa học, lãnh đạo một số ngành, nhiều đại diện các tổ chức văn hóa, văn học nghệ thuật...

Khai mạc Hội thảo, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin Nguyễn Khoa Điềm nêu rõ : Từ một năm nay, theo sáng kiến của Ban biên tập Tuần báo Văn nghệ, đã có cuộc trao đổi dài ngày, nghiêm túc trên báo của nhiều nhà khoa học, nhiều văn nghệ sĩ về vấn đề văn hóa. Cuộc trao đổi như một sự khởi đầu về tư duy lý luận, góp vào việc suy nghĩ, hình thành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa. Lần này với sự phối hợp chặt chẽ của ba cơ quan, cuộc hội thảo mang chủ đề rộng lớn : "Về văn hóa và chiến lược văn hóa", ít nhiều mang tính chất chung kết cho cuộc thảo luận trên báo Văn nghệ vừa qua.

Nhà thơ Hữu Thỉnh, Tổng biên tập Tuần báo Văn nghệ trong sơ kết cuộc thảo luận về văn hóa và chiến lược văn hóa đã nêu 4 nội dung chính : 1) Tính cấp thiết của chiến lược văn hóa ; 2) Nội hàm định nghĩa về khái niệm văn hóa ; 3) Phương hướng xây dựng nền văn hóa - văn nghệ ; 4) Vấn đề phát triển văn hóa.

Tiếp đó hàng chục báo cáo khoa học đã tập trung thảo luận, làm rõ mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị và xã hội. Ở đây đáng chú ý là quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhà nghiên cứu Thành Duy nhắc lại : "Văn hóa có liên hệ với chính trị rất mật thiết. Phải làm thế nào cho văn hóa vào sâu trong tâm lý quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, được lười biếng, phù hoa xa xỉ. Tâm lý của ta lại muốn lấy tự do, độc lập làm gốc. Văn hóa phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do. Đồng thời văn hóa phải làm thế nào cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng.

Với xã hội, văn hóa phải làm thế nào cho mỗi người dân Việt Nam từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà, ai cũng hiểu cái nhiệm vụ của mình và biết hưởng cái hạnh phúc của mình nên được hưởng.

Số phận dân ta ở trong tay ta. Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi".

Ngày nay, trước sự biến đổi lớn lao của thời đại, của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật thế giới, trong sự nghiệp đổi mới đất nước hơn 10 năm qua, chúng ta càng hiểu sâu hơn mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị và xã hội. Văn hóa theo quan điểm của Đảng vừa là động lực, vừa là mục tiêu của phát triển ; văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội.

- Một loạt quan hệ khác trong xây dựng văn hóa cũng được nhiều đại biểu quan tâm thảo luận như quan hệ giữa truyền thống và hiện đại ; giữa giao lưu hội nhập với nước ngoài và việc giữ gìn, bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam.

- Một số tham luận đi thẳng vào phân tích nền tảng của văn hóa, đó là cá nhân, gia đình và xã hội. Những vấn đề về quyền con người, giải phóng cá nhân, phát huy dân chủ đều được đề cập đến.

- Xây dựng môi trường văn hóa, lối sống mới, Hội thảo tập trung vào lĩnh vực văn hóa gia đình, văn hóa dòng họ, nhà trường, làng xã ; văn hóa đô thị, văn hóa xí nghiệp. Gắn chặt văn hóa với nhiều hoạt động khác của xã hội như du lịch, pháp luật, tôn giáo, tâm linh...

- Đánh giá thực trạng và nêu phương hướng chiến lược xây dựng nền văn hóa nước ta hiện nay, nhiều ý kiến nhất trí : Văn hóa phát triển chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế ; còn chậm xa so với những thành tựu kinh tế đã đạt được ; chưa phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nước ta điểm xuất phát thấp ; kinh phí chi cho văn hóa hạn hẹp. Song làm sao lại phải biết chi tiêu cho hiệu quả, xây dựng kế hoạch phát triển cho sát với thực tế...

Trong chiến lược văn hóa mọi người đều khẳng định vai trò và vị trí to lớn của chủ thể sáng tạo, những người trực tiếp làm nên bộ mặt văn hóa nước nhà. Phải đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đội ngũ những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa. Có thể kể ra đây những lực lượng đáng chú ý : Lực lượng tái sinh văn hóa (những người làm công tác bảo tồn, bảo tàng, nghiên cứu Hán nôm, nghiên cứu văn hóa - văn nghệ dân gian...) ; lực lượng sáng tạo văn hóa, văn học nghệ thuật ; lực lượng lãnh đạo, quản lý văn hóa... Song có một lực lượng to lớn cần đặc biệt chú ý là quần chúng nhân dân lao động, những người có quyền và có trách nhiệm hưởng thụ, sáng tạo những giá trị văn hóa trong quá khứ, hiện tại và tương lai của dân tộc. ❑

Digitized by Google

Công ty Xây dựng Thủy lợi An Giang

An Giang Hydraulic Construction Company

Office: 3 Le Loi, Long Xuyen Town, An Giang Province
Tel: (076) 852059 - 853571 ; Fax: (076) 854134







Building dyke preventing floods



Dredging channel

Main functions:

- Construction of irrigation works: canal, drain, pumping station and water reservoir of small and medium scale.
- Construction of civil works at third and fourth levels.
- Rural communication network.
- Extracting sand & ground levelling.

*** Nghành nghề kinh doanh chủ yếu:**

- Công trình thủy lợi: kênh, cống, trạm bơm, hồ chúa nước đến quy mô vừa.
- Công trình xây dựng quy mô cấp 3 - cấp 4.
- Đường giao thông nông thôn.
- Khai thác cát san lấp mặt bằng.

Digitized by Google

CÔNG TY DỊCH VỤ SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP Đ.T.4
TRÊN VÙNG ĐỒNG THÁP MƯỜI



Địa chỉ :
Xã Thuận Hiệp,
Thạnh Hóa, Long An
ĐT : 072.857012

Văn phòng giao dịch
Xã Lương Hòa,
Bến Lức, Long An
ĐT : 072.873089

Giám đốc
Ông **LÊ ĐÔNG**

Giao thông Bộ đầu tiên trên vùng kinh tế mới (1992)

Công ty dịch vụ sản xuất nông lâm nghiệp Đồng Tháp 4, tiền thân là Đoàn 740 (TL 22/12/1981), Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp 4 (19/2/1985) - được thành lập doanh nghiệp nhà nước từ 1994.

Công ty đã tổ chức khai hoang và xây dựng hoàn chỉnh đồng ruộng được 7.300 ha giao cho dân kinh tế mới để hình thành 2 xã Tân Hiệp và Thuận Bình được 5.600 ha. Hiện nay 1700ha Công ty trực tiếp quản lý, đơn vị đã hợp đồng khoán cho hơn 300 hộ dân trồng trên 800 ha lúa, gần 500 ha tràm và đang quy hoạch vùng đất trên 300 ha để xây dựng khu dân cư mới trên 300 hộ, bao gồm các công trình khu thương mại, khu văn hóa, truyền thống ; khu trồng tràm giữ môi trường sinh thái v.v. với nguồn vốn khá lớn cần được sự quan tâm hỗ trợ của nhà nước.

Với hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh, đủ đáp ứng điều kiện sản xuất các loại cây trồng và cơ sở vật chất, hạ tầng ở nông thôn từng bước được hoàn thiện, cùng với các dự án mời gọi hợp tác kinh doanh được triển khai.

Trong tương lai không xa, ngay trên vùng đất này sẽ là một mô hình nông thôn mới đầu tiên trên vùng Đồng Tháp Mười của tỉnh Long An, gắn sản xuất với chế biến nông sản, phát triển ngành nghề, nâng cao đời sống dân trí,.v.v.

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH AN GIANG
51B TÔN ĐỨC THẮNG - THỊ XÃ LONG XUYÊN - TỈNH AN GIANG
Điện thoại : (076) 852168 - 852688 - 856425 FAX : (076) 853785



- Huy động vốn ngắn hạn bằng đồng Việt Nam và bằng ngoại tệ.
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ. Cho vay trả góp theo ngày, tuần, tháng.
- Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế, tài trợ xuất nhập khẩu.
- Cầm cố chứng chỉ có giá, vàng và các động sản.
- Thanh toán, chuyển vốn, chuyển tiền nhanh trong và ngoài tỉnh qua mạng vi tính trên phạm vi toàn quốc.
- Thu đổi ngân phiếu lấy tiền mặt và ngược lại, dịch vụ kiểm đếm tiền.
- Kinh doanh ngoại tệ, thanh toán quốc tế qua mạng S.W.I.F.T, chi trả kiều hối, đặc biệt có nhận và phát miễn phí nhắn tin đi Mỹ và Ca-na-da.
- Bảo lãnh cho khách hàng đối với quan hệ mua bán trong và ngoài nước.

An toàn, uy tín, nhanh chóng và hiệu quả nhất.
Phục vụ niềm nở, tận tình, chu đáo. Thủ tục đơn giản và thuận lợi.
Rất hân hạnh được quý khách chọn làm người phục vụ.

CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

1. Chi nhánh Trưng Vương (Long Xuyên)	846367
2. Chi nhánh Thị Xã Châu Đốc	868186
3. Chi nhánh huyện Châu Thành	836032
4. Chi nhánh huyện Châu Phú	888587
5. Chi nhánh huyện Tịnh Biên	875259
6. Chi nhánh huyện Tri Tôn	874239
7. Chi nhánh huyện An Phú	826743
8. Chi nhánh huyện Tân Châu	822184
9. Chi nhánh huyện Phú Tân	827367
10. Chi nhánh huyện Chợ Mới	883440
11. Chi nhánh huyện Thoại Sơn	879230

và 8 chi nhánh trực thuộc Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY THAN VIỆT NAM
XÍ NGHIỆP TUYỂN THAN CỬA ÔNG





KS. HOÀNG THANH PHÚ
GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA 10

CUA ONG COAL PREPARATION ENTERPRISE (COCOALFEN)

Địa chỉ: Phường Cửa Ông. TX Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
TEL : 033.865043 - 865140 FAX : 8433.865656

Doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập Tổng Công ty than VN (Được thành lập theo quyết định số 2607/QĐ/TCCB ngày 17 tháng 9 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)



"Vòng bán nguyệt châu Âu" do tổ chức giải thưởng Quốc tế tặng Xí nghiệp tuyển than Cửa Ông

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

SÀNG TUYỂN, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ THAN, VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT, ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG THỦY, SỬA CHỮA CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI,CHẾ TẠO PHỤ TÙNG, SẢN XUẤT Ô-XI, NITƠ, MANHÊTÍT, KEO TỤ, VẬT LIỆU XÂY DỰNG, XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC XÍ NGHIỆP QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC CẢNG LẺ, DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG VÀ PHỤC VỤ DU LỊCH.

* SẢN PHẨM ĐÃ ĐẠT GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ "VÒNG BÁN NGUYỆT CHÂU ÂU" DO TỔ CHỨC CHẤT LƯỢNG CHÂU ÂU GỒM 54 NƯỚC THAM GIA TẠI MADRID TÂY BAN NHA TRAO TẶNG 1996.



Trong quá trình sản xuất và phát triển Xí nghiệp được khen thưởng

1 TẬP THỂ ANH HÙNG

1 ANH HÙNG LAO ĐỘNG. HƠN 1000 HUÂN CHƯƠNG TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN.

1 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT.

2 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG NHÌ

3 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA

Digitized by Google

CÔNG TY GIẤY BÃI BẰNG



Công ty giấy Bãi Bằng thuộc Tổng Công ty Giấy Việt Nam, công trình hợp tác hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển. Thiết bị hiện đại, dây chuyền sản xuất khép kín, công suất thiết kế 55.000 tấn/năm.

Sản phẩm của công ty bao gồm : Giấy in, giấy viết, giấy telex, giấy photocopy, giấy tập kẻ ngang, vở học sinh và giấy máy vi tính. Định lượng từ 50 gam/m^2 đến 120 gam/m^2 Độ trắng 74 - 83^0 GE. Giấy được sản xuất thành cuộn hoặc ram từ khổ A0 - A4. Sản phẩm của công ty có bán trên thị trường trong và ngoài nước.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ :

Công ty giấy Bãi Bằng
Thị trấn Phong Châu - Vĩnh Phú
Điện thoại : 021-846733
021-842028
021-842154
Fax : (84) 21.846 732
Telex : 411-498-SCANMABB VT
Tài khoản : 710A-00001
Ngân hàng Công thương khu vực Đền Hùng, Vĩnh Phú.

Tổng giám đốc :
TRẦN NGỌC QUẾ



Digitized by Google

5/80

TỔNG CÔNG TY DỆT MAY
VIỆT NAM

CÔNG TY May 10

GARCO 10

VIETNAM
NATIONAL TEXTILE
AND
GARMENT CORP.

GARMENT COMPANY 10

KHU CÔNG NGHIỆP SÀI ĐỒNG
HÀ NỘI

Tel: 84-4-8276923, 8276396
Fax: 84-4-8276925

- HƠN 50 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH
- LÀ MỘT DOANH NGHIỆP MAY LỚN CÓ TRANG THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI VÀ CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN.
- ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ.
- THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU SẢN PHẨM RỘNG LỚN: *Hungari, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU, Canada, Mỹ...*
- CÔNG TY LẤY TIÊU CHUẨN XUẤT KHẨU ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG TIÊU THỤ TRÊN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA.



Quy hoạch phát triển của Công ty May 10 năm 201

TỪ NĂM 1992
TỈ LỆ TĂNG TRƯỞNG HÀNG NĂM
CỦA CÔNG TY ĐẠT XẤP XỈ 30%

Hàng năm CÔNG TY MAY 10 được hội chợ hàng công nghiệp, hội chợ thương mại Quốc tế tặng thưởng nhiều HUY CHƯƠNG VÀNG và BẰNG KHEN cho sản phẩm của mình.

Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 4000Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
MAY 21 1998
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

GPC
CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Điện thoại di động Việt nam
VINAPHONE
Tổng Công Ty Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam

VinaPhone
ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG TOÀN QUỐC

VÙNG PHỦ SÓNG MỚI









THÊM 8 TỈNH PHÍA BẮC ĐÃ ĐƯỢC PHỦ SÓNG VINAPHONE:

- SƠN LA
- LAI CHÂU
- TUYÊN QUANG
- HÀ GIANG
- YÊN BÁI
- HÒA BÌNH
- CAO BẰNG
- BẮC CẠN

Đến 20/1/1998 VINAPHONE đã phủ sóng 60/61 tỉnh, thành trong cả nước.

(Trong đó có 109 thành phố, thị xã, thị trấn và khu công nghiệp đã được phủ sóng VINAPHONE ...)

Trong năm 1998, toàn bộ 61 tỉnh, thành sẽ được phủ sóng mạng điện thoại di động VINAPHONE.

Mọi chi tiết xin liên hệ tại các Trung tâm Bưu điện tỉnh, thành phố trong cả nước hoặc hỏi dịch vụ giải đáp "151".

VINAPHONE - THÀNH CÔNG CỦA BẠN

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 542 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

8
4-1998

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	NGUYỄN THỊ XUÂN MỸ - Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra của Đảng	3
	ĐỖ QUANG TUẤN - Cơ sở lý luận - thực tiễn của phương châm : "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" và mấy vấn đề về xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở	9
	LÊ XUÂN ĐÌNH - Tiếp tục nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế	13
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	TRẦN QUANG - NHỊ LÊ - Kiên định và phát triển con đường xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn	17
	TIẾN HẢI - Chế độ m . . Jảng và việc thự · thi dân chủ	23
	PHAN NGỌC LIÊN - ĐỖ THANH BÌNH - Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại với việc phát huy nội lực trong xây dựng đất nước hiện nay	27
	PHẠM VĂN BỐN - Về vốn đầu tư phát triển nô. . ghiệp và kinh tế nông thôn ở nước ta	30
	VŨ NGỌC KHÁNH - Cái nhìn biện chứng về văn hóa dòng họ	34
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	ĐINH VĂN TIẾN - NGUYỄN THỊ NGÂN - Một số vấn đề về cải cách thể chế hành chính ở nước ta	37
	HỒ TRỌNG VIỆN - Phát triển kinh tế vườn cây ăn trái ở đồng bằng sông Cửu Long	41
	NGUYỄN HÒA - Thấy gì qua ba tháng thực hiện chống buôn lậu và gian lận thương mại	44
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NHẬN ĐÀ - Cái thuyết "vay dân chủ"	48
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	TẠ NGỌC TẤN - Mặt sau của bức tranh toàn cầu hóa thông tin đại chúng	49
	QUANG LỢI - Cơn lốc nóng sau chiến tranh lạnh nhìn từ Cô-xô-vô	54
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	*** Chính sách kinh tế đối ngoại của Trung Quốc	56
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Độc quyền - Kiểm soát độc quyền	59
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội thảo khoa học về "xã hội hóa hoạt động điện ảnh"	60

Bìa 1 : *Sáng ánh đèn trên bến cảng TP Hồ Chí Minh* — *Ảnh : Báo SGGP*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ТХИ СУАН МИ: Больше усилить партийную контрольную работу. ДО КУАНГ ТУАН: Теоретическая и практическая основа общей установки: «народ знает, народ обсуждает, народ делает, народ проверяет» и некоторые проблемы укрепления демократического статуса в местностях и низовых учреждениях. ЛЕ СУАН ДИНЬ: Продолжать повышать эффективность и конкурентность экономики. ЧАН КУАНГ – НЬИ ЛЕ: Устойчиво следовать и развивать выбранный путь социалистический. ТИЕН ХАЙ: Система одной партии и дело реализации демократии. ФАН НГОК ЛИЕН – ДО ТХАНЬ БИНЬ: Идея Хо Ши Мина о сочетании нации и силы эпохи с развитием внутренних сил в нынешнем курсе строительства страны. ФАН ВАН БОН: Об инвестиционных фондах развития сельского хозяйства и деревенской экономики нашей стране в настоящее время. ВУ НГОК ТХАНЬ: Диалектический взгляд на родовую культуру. ТА НГОК ТИЕН: Обратная сторона картины «глобализация массовой информации». КУАНГ ЛОЙ: В самом Косове смотреть на тот горячий порыв после холодной войны.

CONTENTS

NGUYỄN XUÂN MỸ- Further strengthening the Party's control work. ĐỖ QUANG TUẤN - Theoretical and practical bas basis of the lin "The people know, the people discuss, the people do, the people control" and some problems of the strengthening of democratic institution at the grassroots level. LÊ XUÂN ĐÌNH - Continue enhancing effectiveness and competitiveness of the economy. TRẦN QUANG-NHỊ LÊ - Firmly following and developing the chosen socialist path. TIẾN HẢI - The system of one party and the implementation of democracy. PHAN NGỌC LIÊN-ĐỖ THANH BÌNH - Ho Chi Minh's idea about the combination of the strength of the nation and era and the promotion of the endogenous forces in the current course of country-building. PHAN VĂN BỐN - About the investment funds for the developement of agriculture and rural economy at present. VŨ NGỌC KHÁNH - A dialectical view of the clan's culture. TẠ NGỌC TIẾN - The reverse side of the matter of the globalization of mass information. QUANG LỢI - The hot outbrust as seen from Cosovo after the cold war.

SOMMAIRE

NGUYỄN THỊ XUÂN MỸ - Renforcer davantage le travail de contrôle du Parti. ĐỖ QUANG TUẤN - La base théorique et pratique de la devise : "Le peuple sait, le peuple discute, le peuple fait, le peuple contrôle" et la mise sur pied les règlementations démocratiques à la base. LÊ XUÂN ĐÌNH - Continuer à élever l'efficacité et la compétitivité de l'économie. TRẦN QUANG-NHỊ LÊ - Soyons persévérants suivant la voie choisie du socialisme. TIẾN HẢI - Régime à un parti unique et exercice de la démocratie. PHAN NGỌC LIÊN-ĐỖ THANH BÌNH - La pensée de Ho Chi Minh sur la combinaison de la force de la nation avec celle de l'époque et la promotion des forces endogénes dans l'édification actuelle du pays. PHAN VĂN BỐN - Sur le capital à investir dans le développement de l'agriculture et de l'économie rurale dans notre pays à l'heure actuelle. VŨ NGỌC KHÁNH - Une vue dialectique sur la culture de parenté. TẠ NGỌC TIẾN - Le revers du tableau de globalisation des masse média. QUANG LỢI - La crise de fiévre aprés la guerre froide vue de Kosovo.

SUMARIO

NGUYỄN XUÂN MỸ - Intensificar más el trabajo de control del Partido. ĐỖ QUANG TUẤN - La base teórica - práctica de la lema: "el pueblo conoce, discute, realice y controla" y algunos problemas sobre la edificación de las reglamentaciones democráticas en las bases. LÊ XUÂN ĐÌNH - Continuar elevando la eficacia y la competencia de la economía. TRẦN QUANG-NHỊ LÊ - Perseverar y desarrollar el escogido camino socialista. TIẾN HẢI - El régimen monopartidista y la ejecución de la democracia. PHAN NGỌC LIÊN-ĐỖ THANH BÌNH - El pensamiento de Ho Chi Minh sobre la combinación entre la fuerza nacional y la de época y el despliegue de la fuerza interna en la actual edificación del país. PHAN VĂN BỐN - Sobre los fondos de inversión en el desarrollo de la agricultura y de la economía rural en Vietnam en la actualidad. VŨ NGỌC KHÁNH - Una vista dialéctica sobre la cultura genealógica. TẠ NGỌC TIẾN - El revés del cuadro de la globalización de las informaciones masivas. QUANG LỢI - El frenesí después de la guerra fria visto de Kosovo.

目录

•阮氏春美：进一步加强党的检查工作•杜光俊：“民知、民议、民做、民查”方针的理论和实践基础及在基层单位建立民主规制的一些问题•黎春亭：继续加强经济效益和竞争力•陈光—二黎：坚持和继续走已经选定的社会主义道路•进海：一党制及落实民主•潘玉莲—杜青平：胡志明关于民族和时代的巨大力量相结合的思想与当前建设祖国过程中调动国力力量•潘文四：我国目前的农村经济和农业发展投资资金•武玉庆：以辩证法观点看宗族文化•谢玉进：全球化大众通讯蓝图的另一面•光利：从科索夫看冷战后的新热点.

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG HƠN NỮA CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG

NGUYỄN THỊ XUÂN MỸ *

Vào những năm đầu thập niên 20 của thế kỷ này, khi nước Nga vừa bước ra khỏi cuộc nội chiến kéo dài, biết bao công việc bề bộn đang cần giải quyết, nhưng Lê-nin đã đặc biệt chú ý đến công tác kiểm tra, kiểm soát của Đảng cộng sản. Người chỉ rõ, điều chủ yếu của thời kỳ này là "chuyển trọng tâm từ việc soạn thảo các sắc lệnh và mệnh lệnh sang việc *lựa chọn người và kiểm tra sự thực hiện*"(1). Người cũng đã nhấn mạnh nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của thời kỳ này không phải là ban hành nhiều sắc lệnh, chỉ thị, mệnh lệnh ; không phải là tiến hành các cuộc cải tổ, lập thêm các ban bệ mới, mà là *lựa chọn người, thiết lập chế độ trách nhiệm cá nhân đối với công việc đang làm ; kiểm tra công việc thực tế*. Bởi vì, "nếu không thế thì tất cả mọi mệnh lệnh và quyết định sẽ chỉ là mớ giấy lộn"(2). Và qua thực tiễn, những chỉ đạo, quyết định của Lê-nin và Đảng cộng sản về công tác kiểm tra, kiểm soát đã có tác dụng thiết thực, làm chuyển biến tình hình lãnh đạo của Đảng trong việc đưa đất nước chuyển sang chính sách kinh tế mới. Khi Đảng cộng sản Liên Xô bị tan rã có một nguyên nhân rất quan trọng là *một thời gian dài công tác kiểm tra của Đảng bị buông lỏng hoặc bị vô hiệu hóa.*

Ở nước ta, ngay từ những ngày đầu mới được thành lập, Đảng ta đã nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giữ gìn kỷ luật trong Đảng. Điều lệ của Đảng năm 1930 đã khẳng định khá rõ điều này. Kế thừa tư tưởng của Lê-nin, trong hệ thống tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng đã thể hiện nhất quán và rõ nét : sau khi Đảng vũ trang cho mình lý luận cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân ; sau khi đã xác định được mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng ; đề ra được đường lối đúng đắn, phù hợp, thì phải tổ chức lực lượng thực hiện và kiểm tra việc thực hiện đường lối, nghị quyết. Muốn cho đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trở thành hiện thực thì khâu kiểm tra là cực kỳ quan trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát điều như đã thành quy luật : *đã lãnh đạo phải có kiểm tra. Lãnh đạo không có kiểm tra thì coi như không lãnh đạo.* Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhắc nhở các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên không được để công tác kiểm tra của Đảng rơi vào tình trạng bị động, nặng về giải quyết những vụ việc vi phạm kỷ luật trước mắt, những cái đã phát sinh. Cần phải chủ động giải quyết toàn diện các khía cạnh của công tác kiểm tra, phải chú trọng ngăn ngừa, đề phòng, hạn chế theo phương châm "phòng bệnh là chính", hạn chế không cho những khuyết điểm, sai lầm của cán bộ, đảng viên phát sinh thêm, đồng thời phải tìm cách phát huy những ưu điểm đã có để cái "thiện" thắng cái "ác". Kiểm tra tốt nghĩa là làm chủ được tình hình.

Lãnh đạo và kiểm tra có liên quan mật thiết với nhau, không thể coi nhẹ mặt nào. Công tác kiểm tra của Đảng có nội dung và phạm vi rất rộng, xuyên suốt mọi mặt công tác của Đảng. Nó là một bộ phận không thể tách rời công tác tư tưởng, công tác tổ chức, công tác dân vận v.v.. nhằm thực hiện tốt đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Qua thực tiễn, công tác kiểm tra góp phần tích cực vào việc bổ sung, hoàn thiện, uốn

* Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Trung ương

(1), (2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 450, 449

Digitized by Google

nắn và nâng cao chất lượng các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Và điều quan trọng nữa là công tác kiểm tra góp phần đáng kể vào việc chống chủ nghĩa quan liêu, mở rộng dân chủ, phát hiện và nhân lên những nhân tố mới, tích cực, khắc phục và ngăn chặn những sai lầm, khuyết điểm. Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng ta đã khẳng định "kiểm tra và giữ gìn kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng". Điều lệ Đảng do Đại hội VIII của Đảng thông qua cũng đã quy định rõ nhiệm vụ công tác kiểm tra của Đảng.

Trong suốt những năm tháng lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước cũng như trải qua hơn mười năm thực hiện đường lối đổi mới, công tác kiểm tra của Đảng đã góp phần tích cực vào việc bảo vệ đường lối, quan điểm, các nguyên tắc của Đảng ; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng ; giáo dục, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng, năng lực trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn cho cán bộ, đảng viên ; uốn nắn những nhận thức lệch lạc ; khắc phục, xử lý những hành vi tiêu cực ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của cách mạng v.v..

Là một bộ phận quan trọng chăm lo công tác kiểm tra của Đảng, nửa thế kỷ qua, ủy ban kiểm tra các cấp và đội ngũ cán bộ làm công tác này đã phấn đấu liên tục, bền bỉ, không ngừng vươn lên trưởng thành về mọi mặt, đóng góp xứng đáng vào công tác kiểm tra và công tác xây dựng Đảng. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị và các cấp ủy đảng, đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra luôn luôn tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lập trường, quan điểm của Đảng, trung thành với lý tưởng cách mạng, đoàn kết, vươn lên tìm tòi, suy nghĩ, sáng tạo để đạt hiệu quả cao trong công tác. Những năm vừa qua, khi đất nước ta bước vào cơ chế thị trường, tình hình trong nước và thế giới có những diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, đoàn thể cũng như đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhưng hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp vẫn được duy trì khá tốt, từng bước vươn lên hoàn thành nhiệm vụ của Đảng giao. Từ thực tiễn những năm qua cho thấy, đất nước càng mở cửa, càng đi vào kinh tế thị trường thì vai trò kiểm tra, kiểm soát của Đảng và Nhà nước càng phải coi trọng hơn bao giờ hết. Qua thực tiễn hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp những năm gần đây có thể rút ra một số kinh nghiệm chủ yếu trong công tác kiểm tra của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp.

1 - Quán triệt và nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng

Quan điểm, đường lối của Đảng trong từng giai đoạn cách mạng là yếu tố cơ bản, quan trọng hàng đầu quyết định sự thắng lợi của cách mạng. Nắm vững và thực hiện nghiêm túc, sáng tạo các nghị quyết, chỉ thị của Đảng là trách nhiệm của tất cả các tổ chức đảng, của mọi cán bộ, đảng viên. Đây cũng là nội dung rất quan trọng mà các cấp ủy đảng, ủy ban kiểm tra các cấp cũng như các ban của cấp ủy có trách nhiệm phục vụ cấp ủy trong quá trình làm công tác kiểm tra. Ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra có nắm vững và quán triệt đường lối thì mới có cơ sở để xem xét, đánh giá, kết luận việc chấp hành của các tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên.

2 - Nhận thức đúng đắn, đầy đủ và phân biệt rõ công tác kiểm tra của Đảng nói chung và nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra nói riêng.

Đảng ta là đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo toàn xã hội theo mục tiêu đã được xác định, do đó, công tác kiểm tra của Đảng có nội dung và phạm vi rất rộng lớn. Tất nhiên Đảng lãnh đạo và kiểm tra theo pnương thức và cơ chế phù hợp. Điều 30 của Điều lệ Đảng đã chỉ rõ : Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra ; các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Còn nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp đã được quy định theo Điều 32 của Điều lệ Đảng với 5 nhiệm vụ cụ thể. Thế nhưng hiện nay vẫn còn nhiều cấp ủy đảng, nhiều cán bộ, đảng viên không hiểu hoặc lầm lẫn giữa công tác kiểm tra của Đảng với nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp Điều đó vừa làm hạn chế vai trò của cấp ủy đảng, không phát huy sức mạnh của các ban, ngành chức năng, vừa làm hoạt động của ủy ban

Digitized by Google

kiểm tra các cấp gặp nhiều lúng túng, không tập trung thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

3 - Xác định và thực hiện đúng đắn phương hướng, nhiệm vụ tư tưởng chỉ đạo công tác kiểm tra trong từng thời kỳ

Công tác kiểm tra của Đảng phải được làm thường xuyên, toàn diện, tức là ở đâu có sự lãnh đạo của Đảng thì ở đó phải có sự kiểm tra. Tuy nhiên, trong từng giai đoạn, từng thời kỳ lại có những trọng tâm, trọng điểm, đối tượng chủ yếu, cụ thể. Đồng thời, trong từng nhiệm kỳ, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp lại được Đại hội Đảng toàn quốc bổ sung, sửa đổi cho phù hợp. Hơn nữa, yêu cầu nhiệm vụ chính trị, tình hình tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong từng thời kỳ có những đặc điểm khác nhau. Do đó, việc xác định đúng và trúng, thực hiện tốt phương hướng nhiệm vụ công tác kiểm tra có ý nghĩa rất quan trọng. Mặc khác, phải nắm vững và thực hiện tốt tư tưởng chỉ đạo công tác kiểm tra là bảo đảm tính chủ động, tính chiến đấu, tính giáo dục và tính hiệu quả. Thực tiễn mấy năm vừa qua cho thấy, tuy tình hình ngày càng phức tạp, nhiệm vụ ngày càng khó khăn, nặng nề nhưng nếu biết tập trung kiểm tra những nội dung, đối tượng gắn liền với nhiệm vụ chính trị và xây dựng Đảng trong từng thời kỳ, từng địa phương, đơn vị ; giải quyết dứt điểm những vụ việc quan trọng, những đối tượng chủ yếu của từng ngành, từng cấp, thực hiện tốt tự phê bình và phê bình, thì tác dụng phát huy ưu điểm, giáo dục, ngăn ngừa vi phạm sẽ đạt hiệu quả cao. Ngược lại, nếu không xác định đúng phương hướng, trọng tâm, trọng điểm, "dễ làm khó bỏ", sợ đụng chạm, né tránh, chạy theo số lượng, hời hợt, hình thức, giải quyết không dứt điểm thì hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý kỷ luật sẽ rất kém, sẽ mất tác dụng, thậm chí gây hậu quả xấu.

4 - Nắm vững và chấp hành đúng phương pháp, quy trình công tác kiểm tra, gắn công tác kiểm tra với công tác vận động quần chúng.

Công tác kiểm tra của Đảng là một khâu trong công tác đảng, là khoa học lãnh đạo, quản lý. Do đó, nó phải được tiến hành và tuân thủ theo đúng nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, dựa vào và phát huy tinh thần tự giác, phê bình và tự phê bình của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, đồng thời phát huy trách nhiệm xây dựng Đảng của mỗi tổ chức, cá nhân đảng viên. Thẩm tra, xác minh để tìm chứng lý xác thực là một nội dung rất quan trọng, có tính chất quyết định trong phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra. Tuy nhiên, lại phải dựa vào quần chúng nhân dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của quần chúng, nhờ "tai", "mắt" quần chúng mà kiểm tra, giám sát, đánh giá chính xác, góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

5 - Xây dựng và giải quyết tốt các mối quan hệ phối hợp trong công tác kiểm tra

Do đặc điểm, nhiệm vụ, cơ chế tổ chức cho nên cấp ủy phải chủ động chỉ đạo, phát huy vai trò tham mưu của các ban đảng và ủy ban kiểm tra ; giải quyết tốt mối quan hệ giữa các ban, ngành có liên quan trong công tác kiểm tra. Ủy ban kiểm tra các cấp cần chủ động xây dựng và tham gia giải quyết tốt các mối quan hệ trong quá trình hoạt động, đặc biệt là mối quan hệ giữa ủy ban kiểm tra với cấp ủy cùng cấp, giữa ủy ban kiểm tra với cấp trên, với ủy ban kiểm tra cấp dưới và giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan bảo vệ pháp luật. Thực tế đã chỉ rõ, nơi nào cấp ủy, ban thường vụ và thường trực cấp ủy quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra ; nắm vững nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy và của ủy ban kiểm tra ; nắm vững phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục, quy trình kiểm tra, lắng nghe ý kiến một cách khách quan, thì ở nơi đó công tác kiểm tra đạt hiệu quả, chất lượng cao, ít có những vụ việc tiêu cực, kéo dài.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, cán bộ, đảng viên vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước tức là vi phạm kỷ luật của Đảng. Thế nhưng hiện nay sự phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật, quản lý nhà nước với ủy ban kiểm tra các cấp chưa được chặt chẽ, chưa đồng bộ, tạo ra những "kẽ hở" ; nhiều vụ việc kéo dài, giải quyết không dứt điểm, gây hậu quả xấu, ảnh hưởng không tốt đến lòng tin của nhân dân. Do đó, ủy ban kiểm tra cần phải chủ động phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật, nhất là cơ quan Thanh tra nhà nước, để xem xét, xử lý đối với

Digitized by Google

những đảng viên vi phạm chính sách, pháp luật. Sự phối hợp này muốn đạt hiệu quả cao thì phải bằng cơ chế, chính sách chứ không thể bằng thương lượng, "hảo tâm" giữa các tổ chức và cá nhân với nhau.

6 - Xây dựng cho được đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trọng thời kỳ mới

Đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra của Đảng hiện nay đang ở tình trạng vừa yếu, vừa thiếu lại không ổn định. Trong khi đó yêu cầu nhiệm vụ đòi hỏi rất cao cả về phẩm chất, năng lực, bản lĩnh chính trị ở những người làm công tác này. Do đó, cần có những giải pháp trước mắt cũng như lâu dài và đồng bộ về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, chính sách quản lý, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, đãi ngộ... đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) của Đảng.

*

Tuy đã đạt nhiều thành tích, nhưng hiện nay công tác kiểm tra của Đảng còn nhiều bất cập, có nơi bị buông lỏng. Tình hình khá phổ biến, đáng báo động là nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước rất nhiều và đúng đắn nhưng việc quán triệt, tổ chức thực hiện còn chậm trễ, yếu kém, ít hiệu quả. Nhiều tổ chức đảng, nhiều cá nhân có trách nhiệm, có thẩm quyền không nắm được tình hình thực tế ; việc triển khai thực hiện lúng túng, không đánh giá được đúng, sai ; thiếu đúc rút kinh nghiệm từ thực tế. Một số cấp ủy bị động, bất ngờ trước những vấn đề xảy ra ở địa phương, cơ sở mình quản lý, lãnh đạo. Lãnh đạo mà không làm chủ được tình hình, nghĩa là công tác kiểm tra rất kém.

Nhiều cấp ủy nhận thức không rõ ràng về công tác kiểm tra. Không ít cấp ủy viên, cán bộ lãnh đạo chưa quan tâm nghiên cứu thấu đáo Điều lệ, Nghị quyết của Đảng về công tác kiểm tra. Nhiều cấp ủy đảng còn "khoán trắng" công tác kiểm tra của Đảng cho ủy ban kiểm tra, giao cho ủy ban kiểm tra những việc không đúng chức năng, nhiệm vụ. Một số cấp ủy, cá nhân đảng viên coi công tác kiểm tra của Đảng chỉ là giải quyết tố cáo, khiếu nại, xử lý kỷ luật. Nhiều cấp ủy đảng chưa trực tiếp kiểm tra việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Hiện nay rất ít nơi ban thường vụ và thường trực cấp ủy trực tiếp tiến hành công tác kiểm tra. Rất ít nơi lập được tổ, đoàn của cấp ủy để kiểm tra việc thực hiện chỉ thị, nghị quyết hoặc kiểm tra chuyên đề của chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Đó là chưa nói tới ở một số nơi, cấp ủy đảng, thường trực cấp ủy chưa tạo điều kiện thuận lợi cho ủy ban kiểm tra hoạt động, thậm chí còn thiếu ủng hộ, ngăn cản hoạt động của ủy ban kiểm tra. Bộ máy ủy ban kiểm tra ở một số nơi còn chưa được kiện toàn đầy đủ.

Trong khi đó tình hình trong nước và thế giới có những diễn biến phức tạp. Những nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra, đặc biệt là nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa, bệnh quan liêu, xa rời quần chúng, sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên đang trở thành sự thách thức gay gắt đối với Đảng. Nạn tham nhũng, buôn lậu, lãng phí của công vẫn chưa được ngăn chặn có hiệu quả, thậm chí có xu hướng gia tăng. Hiện tượng tiêu cực trong bộ máy nhà nước, trong các tổ chức đảng, đoàn thể, nhất là trong một số lĩnh vực tiền tệ, đầu tư, thuế, xây dựng cơ bản, trong hoạt động của không ít cơ quan bảo vệ, thi hành pháp luật v.v. vẫn còn nghiêm trọng, kéo dài. Về mặt quan điểm chính trị, vì lý do này lý do khác, ở mức độ này hay mức độ khác, cũng đang tiếp tục xuất hiện những khuynh hướng không đúng đắn, đáng lo ngại. Các thế lực thù địch vẫn hằng ngày, hằng giờ dùng mọi thủ đoạn tinh vi, thâm độc nhằm phá hoại Đảng, làm cho Đảng ta biến chất, lung lạc niềm tin vào con đường mà Đảng ta và Bác Hồ đã lựa chọn.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị *Về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng*. Đây là chỉ thị rất quan trọng, đòi hỏi công tác kiểm tra của Đảng phải được nâng cao hơn nữa về chất lượng, hiệu quả, cả về bề rộng lẫn chiều sâu. Chỉ thị yêu cầu mọi tổ chức đảng bao gồm các Ban chấp hành, Ban thường vụ các cấp ủy, các đảng bộ, chi bộ cơ sở, Đảng đoàn, Ban cán sự đảng và các ban của cấp ủy phải tăng cường công tác kiểm tra trên tất cả các lĩnh vực. Thông qua công tác kiểm tra phát hiện những

Digitized by Google

mặt tốt, những điển hình tiên tiến để biểu dương, đồng thời phát hiện những mặt xấu, tiêu cực, vi phạm để có biện pháp khắc phục, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh, kịp thời. Các cấp ủy đảng phải thường xuyên lãnh đạo và trực tiếp chỉ đạo sự phối hợp đồng bộ giữa các tổ chức đảng với các cơ quan có liên quan, đồng thời phát huy tính tích cực, tính chiến đấu, tính chủ động của tổ chức đảng, tinh thần phê bình, tự phê bình của cán bộ, đảng viên.

Trong Chỉ thị của Bộ Chính trị đã chỉ rõ những nội dung, đối tượng kiểm tra, việc tổ chức chỉ đạo, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, của đảng viên là thủ trưởng các cơ quan, của các Ban cán sự đảng, Đảng đoàn, của ủy ban kiểm tra các cấp v.v.

Về nội dung kiểm tra : Công tác kiểm tra của Đảng phải được tiến hành trên mọi lĩnh vực, nhưng căn cứ vào tình hình cụ thể hiện nay, Bộ Chính trị nhấn mạnh và yêu cầu tập trung kiểm tra sự lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng và đảng viên vào ba nội dung chính sau đây :

+ *Việc chấp hành Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị và của cấp ủy về kinh tế – xã hội, công tác xây dựng Đảng, an ninh, quốc phòng, đối ngoại...* Khi kiểm tra nội dung này cần chú ý kiểm tra cả về nhận thức và tổ chức thực hiện như : tổ chức quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ; việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình tham gia xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ; việc xây dựng và thực hiện chương trình hành động của các cấp ủy, thực hiện, triển khai nghị quyết, chỉ thị v.v.

+ *Việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng về sản xuất, phân phối vật tư, tài chính, tiền tệ... trong các ngành, các đơn vị trên địa bàn không phân biệt thuộc địa phương hay trung ương quản lý.* Nội dung này cần chú ý một số điểm lớn là : kiểm tra việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng về sản xuất phân phối vật tư, tài chính, tiền tệ... ; kiểm tra thu, chi ngân sách, bảo đảm thu đủ, chi đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả ; kiểm tra việc huy động vốn và cho vay vốn đúng chính sách, sử dụng đầu tư có hiệu quả. Chú trọng kiểm tra ở các ngành quản lý kế hoạch - đầu tư, quản lý ngân sách, tiền vốn, quản lý đất ở, nhà ở, xây dựng cơ bản, các đơn vị sản xuất kinh doanh có vốn đầu tư lớn nhằm hạn chế, khắc phục tiêu cực, tham ô, lãng phí, gây thất thoát tiền của của Nhà nước và nhân dân.

+ *Kiểm tra công tác cán bộ,* trước hết tập trung kiểm tra việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) *Về chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.* Căn cứ vào quyết định của Bộ Chính trị về quản lý cán bộ và căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các loại tổ chức cơ sở đảng đã được Ban Bí thư Trung ương (khóa VIII) quy định và Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) mà đánh giá kết quả công tác cán bộ của các cấp ủy đảng, trong các ngành, các địa phương, đơn vị, các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội v.v. Trong việc kiểm tra công tác cán bộ cần chú ý các quan điểm đánh giá, xây dựng đội ngũ cán bộ ; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ ; thực hiện quy trình công tác cán bộ ; xây dựng cơ cấu, tiêu chuẩn các chức danh cán bộ ; công tác đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn, bố trí, đề bạt, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, trong các cơ quan đảng, cơ quan quản lý nhà nước, kinh tế, xã hội, trong các lực lượng sản xuất, kinh doanh v.v. Đồng thời qua đây cũng chú ý kiểm tra việc thực hiện chính sách cán bộ, nhất là đối với cán bộ có công với cách mạng, cán bộ về hưu, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số v.v.

Về đối tượng kiểm tra

Phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc Điều lệ Đảng : mọi tổ chức đảng và tất cả đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng. Tuy nhiên, tùy điều kiện, hoàn cảnh cụ thể mà xác định trọng tâm, trọng điểm. Chỉ thị của Bộ Chính trị xác định đối tượng cần tập trung là : những tổ chức đảng ở những đơn vị có vị trí trọng yếu, liên quan nhiều đến vấn đề quản lý kinh tế ; sản xuất kinh doanh, tiền vốn ; quản lý đất, nhà ở ; bảo vệ pháp luật ;

Digitized by Google

thực hiện chính sách xã hội ; quản lý cán bộ... Cần chú ý một số địa phương, địa bàn quan trọng ; một số vùng nông thôn, đô thị lớn v.v. Đối với đảng viên thì chú trọng : đảng viên là cấp ủy ; cán bộ giữ các cương vị chủ chốt ; những cán bộ được giao công việc trong các tổ chức, cơ quan, đơn vị nói trên.

Về tổ chức, chỉ đạo thực hiện

Chỉ thị của Bộ Chính trị đã chỉ rõ trách nhiệm của các cấp ủy đảng, của các ban, ngành chức năng cũng như của cá nhân đảng viên là thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

Trước hết, đối với các cấp ủy đảng phải thường xuyên lãnh đạo công tác kiểm tra. Trước mắt là triển khai, quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị đến tất cả các cán bộ và đảng viên thuộc phạm vi cấp ủy mình phụ trách để nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, nội dung và tác dụng của công tác kiểm tra của Đảng trong tình hình hiện nay. Tiếp đó, cần xây dựng nội dung, chương trình và kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra của cấp ủy trong từng thời gian, phương pháp tiến hành, tổ chức lực lượng, phân công cụ thể cho cấp ủy viên và các ban của cấp ủy tiến hành kiểm tra. Sau khi kiểm tra phải sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời nhằm biểu dương, nhân rộng những điển hình tốt, phê phán, loại trừ cái xấu, cái tiêu cực. Các cấp ủy chủ động xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy chế phối hợp giữa các ban đảng với các cơ quan thanh tra, các cơ quan bảo vệ pháp luật để làm tốt công tác kiểm tra, giải quyết tố cáo và xem xét, xử lý dứt điểm, kịp thời những vi phạm đã phát hiện.

Các cấp ủy trực tiếp chủ trì một số cuộc kiểm tra. Đồng thời căn cứ vào quy mô, nội dung, đối tượng cụ thể mà cấp ủy có thể chủ trì hoặc giao cho các ban của cấp ủy chủ trì các cuộc kiểm tra. Đồng chí bí thư, phó bí thư, thường vụ cấp ủy chịu trách nhiệm chính trong các cuộc kiểm tra của cấp ủy ; thường xuyên đi sát cơ sở, nắm chắc tình hình để bảo đảm tính chính xác, khách quan khi xem xét, kết luận hoặc giải quyết những trường hợp mà cấp dưới đề nghị. Những đảng viên là bí thư Ban cán sự, Đảng đoàn, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, kịp thời, trung thực với cấp ủy, phục vụ tốt công tác kiểm tra của Đảng.

Cùng với việc triển khai quán triệt thực hiện Chỉ thị trong nội bộ tổ chức đảng, Bộ Chính trị đặc biệt nhấn mạnh và xác định một khâu quan trọng và cấp bách là phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Vì nhân dân là người giúp Đảng kiểm tra, giám sát, phát hiện những lệch lạc, thiếu sót, tiêu cực trong việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật Nhà nước. Quyền làm chủ của nhân dân, vai trò kiểm tra, kiểm soát của nhân dân được phát huy tức là người dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, tích cực đấu tranh chống tệ quan liệu, tham nhũng, lãng phí của công, mất dân chủ v.v. Vì vậy, lãnh đạo các cơ quan nhà nước, các tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội phải thực hiện nghiêm túc việc tiếp dân, lắng nghe ý kiến của dân, giải quyết kịp thời những kiến nghị chính đáng của nhân dân.

Các ban của Đảng, ban cán sự, đảng đoàn thực hiện nhiệm vụ trực tiếp chủ trì kiểm tra theo nhiệm vụ, chức trách được giao và tham mưu cho cấp ủy trong việc kiểm tra những vấn đề thuộc lĩnh vực các ban, đảng đoàn, ban cán sự phụ trách. Ủy ban kiểm tra các cấp trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra cần hướng dẫn kiểm tra, chỉ đạo ủy ban kiểm tra cấp dưới làm tốt nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy thực hiên có hiệu quả Chỉ thị số 29 của Bộ Chính trị. Đây là công việc rất nặng nề và khó khăn. Nhưng với Chỉ thị nói trên của Bộ Chính trị, cùng ba pháp lệnh mà Nhà nước ta vừa ban hành (Pháp lệnh cán bộ, công chức, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Pháp lệnh chống tham nhũng), lại được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị và các cấp ủy đảng, các tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp có cơ sở để làm tốt nhiệm vụ được giao, góp phần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

CƠ SỞ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN CỦA PHƯƠNG CHÂM "DÂN BIẾT, DÂN BÀN, DÂN LÀM, DÂN KIỂM TRA" VÀ MẤY VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

ĐỖ QUANG TUẤN*

Cùng với khát vọng giải phóng con người, xu hướng dân chủ là xu hướng chung của nhân loại. Cuộc sống con người càng nâng lên, trình độ trí tuệ của con người càng phát triển thì xu hướng dân chủ càng mạnh mẽ. Các Mác đã đưa ra lý luận đúng đắn hơn cả về dân chủ và chế độ dân chủ. Người cho rằng, dân chủ chỉ được thực hiện đầy đủ trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội mà thực chất là sự tham gia ngày càng rộng rãi và bình đẳng, thiết thực của nhân dân vào công việc quản lý của nhà nước. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là dân chủ của đại đa số nhân dân, gắn với công bằng xã hội, chống áp bức, bất công ; được thực hiện trong thực tế trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ; được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm. Đảng cộng sản là người lãnh đạo nền dân chủ đó.

Thực hiện đầy đủ dân chủ xã hội chủ nghĩa đối với nước ta còn là chặng đường dài. Song Đảng và nhân dân ta đang từng bước phấn đấu để thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa một cách đầy đủ nhất.

Dân chủ là một trong hai mặt của quá trình hoàn thiện thể chế quản lý xã hội : nhà nước pháp quyền trên nền dân chủ phát triển. Pháp luật có vai trò mở đường và bảo đảm thực hiện dân chủ. Dân chủ kiềm chế mọi xu hướng tha hóa của bộ máy cầm quyền.

Dân chủ luôn luôn nằm trong khuôn khổ đường lối chính trị nhất định, gắn liền với "dân sinh", "dân trí" ; đồng thời cũng tác động phát triển đường lối, thúc đẩy trình độ "dân sinh", "dân trí". Dân chủ vừa là giá trị chung của nhân loại vừa có tính giai cấp, tính lịch sử ; đồng thời mang dấu ấn của truyền thống, đặc điểm dân tộc và tính chất thời đại. Dân tộc ta vốn có truyền thống phát huy dân chủ để bàn bạc và giải quyết việc nước. Ngày nay, dân chủ là một yêu cầu khách quan đi liền với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, song cũng là vấn đề rất nhạy cảm mà các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng để chống phá ta. Nhân dân có khát vọng dân chủ, đồng thời trong xã hội thường cũng có những hiện tượng lợi dụng dân chủ để coi thường trật tự kỷ cương, xâm phạm đến dân chủ của số đông. Bên cạnh đó, số người thoái hóa, biến chất trong bộ máy nhà nước là một trở ngại không nhỏ đối với việc thực hiện và phát huy dân chủ. Họ không muốn có dân chủ, không muốn "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Dân chủ phải bao gồm cả hai mặt : quyền lợi và nghĩa vụ. "Không có quyền lợi nào mà không có nghĩa vụ, không có nghĩa vụ nào mà không có quyền lợi"(1) và "Nhân dân có *quyền lợi* làm chủ, thì phải có *nghĩa vụ* làm tròn bổn phận công dân"(2).

---

* PTS, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương

(1) C.Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t 16, tr 25

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 7, tr 452

Digitized by Google

Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" chưa phải là toàn bộ vấn đề dân chủ mà chỉ là *quy trình thực thi dân chủ*, được diễn đạt cô đọng, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ với sự sắp xếp hợp lý. Quy trình "biết - bàn - làm - kiểm tra" là quy trình từ nhận thức đến hành động, qua kiểm tra đánh giá lại kết quả hành động rồi tiếp tục nhận thức và hành động với hiệu quả cao hơn ; là quy trình lãnh đạo, quản lý của chế độ do nhân dân làm chủ từ khâu thu thập thông tin, hình thành chủ trương, chính sách, thực hiện chủ trương, chính sách, kiểm tra, thu thập thông tin mới cho một chu trình quản lý mới.

Bốn nội dung của phương châm đều lấy "dân" làm chủ thể. Khái niệm "dân" trong phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" cần được nhận thức trong mối quan hệ được quy định bởi cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Dân là đối tượng lãnh đạo của Đảng ; Đảng lãnh đạo dân nhưng dân phải được biết, được bàn và thực hiện đường lối chủ trương lãnh đạo của Đảng, phải cùng tham gia kiểm tra cán bộ, đảng viên. Dân là đối tượng quản lý của cơ quan có chức năng quản lý nhưng dân phải được biết, được bàn, được tham gia quản lý và phải cùng tham gia kiểm tra, giám sát cơ quan và cán bộ quản lý.

Đi vào từng khái niệm "biết", "bàn", "làm", "kiểm tra" cũng chỉ nên hiểu trong mối quan hệ với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Biết không phải là toàn bộ vấn đề dân trí. Bản chất của nó là quyền được thông tin. "Biết" không chỉ là "quyền" mà còn có "nghĩa vụ" phải biết để bàn, làm, kiểm tra nhằm tham gia những công việc chung của đất nước với tư cách là người dân của đất nước có chủ quyền. Nói chung, tất cả những gì liên quan đến lợi ích của dân, của tập thể, của Nhà nước, dân đều phải được biết ; hoặc tất cả những gì dân phải làm, dân đều phải được biết. Trách nhiệm cho dân biết trước hết là của Nhà nước và của cả hệ thống chính trị. Đương nhiên cũng cần phân biệt những gì dân cần được biết ngay, biết trước, những gì dân chưa cần biết ngay.

Bàn cũng cần được phân định : bàn để tham gia ; bàn để quyết định ; bàn để thực hiện. Cần chú ý để dân bàn ngay từ đầu khi quyết định đang còn ở giai đoạn dự thảo. Để khuyến khích "dân bàn", người lãnh đạo, người quản lý phải biết lắng nghe ý kiến nhân dân. Điều tra dư luận xã hội cũng là cách làm tốt về mặt này. Chúng ta đang từng bước thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp, nhất là ở cơ sở, thì nên đi sâu cụ thể hóa vấn đề "dân bàn để quyết định".

Dân làm thì phải hướng dẫn dân làm đúng pháp luật, tạo cơ sở pháp lý và các chính sách động lực để khuyến khích dân làm, chỉ đạo các phong trào thi đua hành động trong nhân dân một cách thiết thực, có hiệu quả.

Dân kiểm tra là vấn đề bản chất nhất và cũng là vấn đề khó nhất trong việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Bốn khâu "biết", "bàn", "làm", "kiểm tra" có mối liên hệ và tác động lẫn nhau không thể tách rời, song phải đặc biệt chú trọng khâu "dân kiểm tra". Thực hiện chế độ công khai và tổ chức việc giải quyết đơn, thư khiếu tố của dân có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ "dân kiểm tra".

Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đã ngày càng chứng tỏ tác dụng to lớn trong việc phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Nó là điều kiện để tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng nhân dân nhằm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; điều kiện để động viên nhân dân tham gia quản lý công việc của Nhà nước, đấu tranh thắng lợi với nạn tham nhũng, quan liêu ; xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt là xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nó là động lực không thể thiếu của một xã hội mới. Nói cụ thể hơn, có thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" thì mọi chủ trương, chính sách mới đến người dân và được dân tự giác thực hiện. Ngược lại, sẽ gây ra sự bất ổn xã hội trong điều kiện bùng nổ thông tin và trình độ nhân dân đã có bước tiến đáng kể.

Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" thể hiện trong cả hai hình thức dân chủ : dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Ở nước ta, đương nhiên chúng ta phải ra sức nâng cao và hoàn thiện hình thức dân chủ đại diện. Song, hình thức dân chủ trực tiếp vẫn rất cần thiết. Hai hình thức này có mối quan hệ qua lại với nhau. Hình thức dân chủ trực tiếp chỉ có thể được thực hiện đầy đủ khi hình thức dân chủ đại diện ngày càng được thực hiện tốt. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) đã nhấn mạnh *"điều quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng chế độ dân chủ đại*

Digitized by Google

diện, mở rộng và có cơ chế từng bước thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp một cách thiết thực, đúng hướng và có hiệu quả"(3).

Hiện nay, ở các nước phát triển trên thế giới, hình thức *dân chủ đại diện* là chủ yếu, song hình thức *dân chủ trực tiếp* vẫn được sử dụng đối với những vấn đề hệ trọng của quốc gia. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII), Bộ Chính trị đã có ***Chỉ thị về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở,*** trong đó nhấn mạnh tới *hình thức dân chủ trực tiếp.*

Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ đầu tiên trong lịch sử xuất hiện từ thời kỳ bộ lạc, sau đó là thời kỳ cổ đại, ở một số quốc gia thành bang. Dân chủ trực tiếp có 3 yếu tố cấu thành và 3 điều kiện. Ba yếu tố cấu thành là : phổ thông đại chúng, trực tiếp và hiệu lực thi hành. Ba điều kiện là :

- Bảo đảm thông tin đầy đủ cho dân *(dân biết)* về các vấn đề cần quyết định ; tổ chức cho *dân bàn* thấu đáo các vấn đề đó để dân có đủ điều kiện cân nhắc trước khi thể hiện ý kiến.

- Bảo đảm môi trường xã hội lành mạnh, tự do, bình đẳng. Mọi người trước khi quyết định không bị ép buộc, mua chuộc, lôi kéo...

- Bảo đảm trình tự, thủ tục đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện : tổ chức khoa học, chu đáo.

Thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" không thể thoát ly sự lãnh đạo của Đảng và phụ thuộc rất lớn vào chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Kinh nghiệm thực tế chỉ rõ rằng, tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở yếu kém thì không thể nói gì đến phát huy dân chủ đúng hướng ; ngọn cờ dân chủ sẽ rơi vào tay các lực lượng khác và tổ chức đảng cùng với hệ thống chính trị ở cơ sở sẽ nhanh chóng bị vô hiệu hóa. Mặt khác, chính có phát huy dân chủ mới có điều kiện để củng cố Đảng, củng cố hệ thống chính trị. Phát huy dân chủ, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đến mức độ như thế nào là phù hợp không chỉ căn cứ vào trình độ dân sinh, dân trí mà còn phải chú ý đến việc xây dựng tổ chức đảng, xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt là ở cơ sở.

Trước hết tổ chức đảng cần nhận thức đầy đủ vai trò và trách nhiệm lãnh đạo quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ là một dòng chảy liên tục trong lịch sử, luôn luôn có sự phát triển. Các giai cấp trong lịch sử luôn luôn tìm cách nắm ngọn cờ dân chủ nhưng khi đã trở thành giai cấp thống trị đều quay lại đàn áp dân chủ để bảo vệ quyền lợi của mình. Chỉ có giai cấp công nhân với Đảng của nó - Đảng cộng sản - mới có điều kiện và tư cách nắm ngọn cờ dân chủ để đưa xã hội tiến lên. Song, không phải bất cứ Đảng cộng sản nào cũng làm được việc đó. Từ trong sự đổ vỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu chúng ta cũng cần rút ra những bài học bổ ích về xây dựng Đảng. Do vậy, Đảng phải luôn luôn tự hoàn thiện thì mới có thể lãnh đạo thành công quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, phải thừa nhận rằng tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở, còn nhiều yếu kém, có nơi tê liệt ; phương thức lãnh đạo và sinh hoạt lúng túng, vừa kém dân chủ vừa thiếu kỷ luật, kỷ cương. Nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng bị xem nhẹ, có nơi hầu như "buông trôi". Gần đây, một số tổ chức đảng đặt lại vấn đề này, nhất là thực hiện việc tự phê bình trước dân là những dấu hiệu đáng mừng.

Tổ chức cơ sở đảng yếu kém dẫn đến hệ thống chính trị ở cơ sở yếu kém. Phải chú trọng xây dựng hệ thống chính quyền cũng như hệ thống Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở vừa đáp ứng với đòi hỏi của cách mạng, vừa đáp ứng với yêu cầu phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Trong chế độ ta, những người lãnh đạo, quản lý có trách nhiệm rất lớn trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Do đó, muốn thực hiện tốt phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" những người lãnh đạo, quản lý phải có sự giác ngộ đầy đủ về dân chủ, phải thật sự tin dân, tôn trọng nhân dân.

Đặt vấn đề "tin dân, tôn trọng nhân dân" như một tiền đề đối với người lãnh đạo, người quản lý để thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" không có nghĩa là coi nhẹ vấn đề bộ máy tổ chức và cơ chế. Thực ra, bộ máy tổ chức và cơ chế cũng do con người đặt ra và vận hành, đương nhiên nó cũng quy định hành vi của con người.

Nhận thức và tình cảm đối với nhân dân đúng đắn và trong sáng thì mới có nhiệt tình và trách nhiệm đầy đủ thực hiện "dân biết, dân bàn, dân

(3) Văn kiện Hội nghị lần thứ ba BCHTU khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 43

Digitized by Google

làm, dân kiểm tra" ; ngược lại thì chỉ là thứ dân chủ hình thức.

*

Để dân thực sự được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra thì việc *xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở* là hết sức cần thiết. Bởi vì, *cơ sở là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền dân chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất.*

Việc xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở cần quán triệt những quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị là :

- Đặt việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở trong cơ chế tổng thể của hệ thống chính trị "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Phải coi trọng cả ba mặt nói trên.

- Vừa phát huy tốt chế độ dân chủ đại diện, nâng cao chất lượng và hiệu lực hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, vừa thực hiện tốt chế độ dân chủ trực tiếp ở cấp cơ sở để nhân dân bàn bạc và quyết định trực tiếp những công việc quan trọng, thiết thực, gắn liền với lợi ích của mình.

- Phát huy dân chủ phải gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí, tạo điều kiện mở rộng dân chủ có chất lượng và hiệu quả.

- Nội dung các quy chế phát huy dân chủ ở cơ sở phải phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, thể hiện tinh thần dân chủ đi đôi với kỷ cương, trật tự, quyền hạn gắn liền với trách nhiệm, lợi ích đi đôi với nghĩa vụ ; chống quan liêu, mệnh lệnh, đồng thời chống tình trạng vô chính phủ, lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật.

- Gắn quá trình xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ với công tác cải cách hành chính, sửa đổi những cơ chế, chính sách về thủ tục hành chính không phù hợp.

Nội dung quy chế dân chủ ở cơ sở cần làm rõ những vấn đề sau :

Quy định quyền của mọi người dân ở cơ sở được thông tin về pháp luật, các chủ trương, chính sách của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống và lợi ích hằng ngày của nhân dân tại cơ sở. Có chế độ và hình thức báo cáo công khai trước dân công việc của chính quyền, cơ quan, đơn vị về sản xuất và phân phối, về việc sử dụng công quỹ, tài sản công, về thu, chi tài chính, các khoản đóng góp của dân, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, chế độ thu và sử dụng học phí, viện phí...

Có quy chế và các hình thức để nhân dân, cán bộ, công chức ở cơ sở được bàn bạc và tham gia ý kiến vào các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ công tác chuyên môn, công tác cán bộ... của chính quyền, cơ quan, đơn vị. Kết quả ý kiến đóng góp phải được xem xét, cân nhắc khi chính quyền hoặc thủ trưởng ra quyết định.

Có quy định về việc để nhân dân bàn và quyết định dân chủ đối với những loại việc liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân trên địa bàn (như chủ trương huy động sức dân để xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi, các khoản đóng góp và lập các loại quỹ trong khuôn khổ pháp luật...). Chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện theo ý kiến của đa số nhân dân, có sự giám sát, kiểm tra của nhân dân.

Hoàn thiện cơ chế để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức ở cơ sở trực tiếp và thông qua Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, ban thanh tra nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của nhân dân phải được tiếp thu nghiêm túc.

Mở rộng các hình thức tổ chức tự quản để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức tự bàn bạc và thực hiện trong khuôn khổ pháp luật những công việc mang tính xã hội hóa, có sự hỗ trợ của chính quyền, cơ quan, đơn vị (như việc xây dựng hương ước, quy ước làng văn hóa, xây dựng tổ hòa giải, tổ an ninh, phong trào vệ sinh - môi trường, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ người nghèo, v.v.).

Xác định rõ trách nhiệm và tổ chức tốt việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và trả lời thắc mắc của nhân dân, công nhân, công chức ở cơ sở, chính quyền, cơ quan, đơn vị mình, nghiêm cấm mọi hành vi trù dập người khiếu nại, tố cáo.

Xác định trách nhiệm của tổ chức chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cơ sở, định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) báo cáo công việc trước dân, phải tự phê bình và tổ chức để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức ở cơ sở góp ý kiến, đánh giá, phê bình ; nghiêm túc tiếp thu những ý kiến đóng góp đó. ❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC NÂNG CAO HIỆU QUẢ VÀ SỨC CẠNH TRANH CỦA NỀN KINH TẾ

LÊ XUÂN ĐÌNH *

Nhìn chung, sức sống của doanh nghiệp phụ thuộc vào mức độ sinh lãi của nó. Đây là lô-gíc đơn giản của các quy luật cạnh tranh thị trường. Trong "Tư bản" - tác phẩm bất hủ của mình, C. Mác đã khái quát rằng, chỉ tiêu lợi nhuận đã "... dạy cho loài người biết chi phí sức lực của mình một cách tiết kiệm và đạt tới mục đích sản xuất với một chi phí ít nhất về tư liệu" (1). Điều đó là hoàn toàn đúng xét trên phạm vi vi mô, và cả trên phạm vi vĩ mô của nền kinh tế quốc dân. Tuy ở tầm vĩ mô vấn đề tăng trưởng và phát triển liên quan đến việc giải quyết đồng bộ nhiều lĩnh vực rộng lớn về quy mô, phức tạp về các mối quan hệ giữa kinh tế, chính trị và xã hội, môi trường sinh thái v.v..., nhưng khía cạnh kinh tế của vấn đề, tựu trung lại, như Hội nghị lần thứ tư (khoá VIII) của Đảng một lần nữa cũng đã khẳng định là phải "... nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế" (2), coi đó như một trong những tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1 - Vì sao phải đặt vấn đề nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế ?

Trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp, chế độ phân phối chủ yếu bằng hiện vật, thông qua ngân sách Nhà nước, việc thừa nhận kết quả sản xuất thông qua sự đánh giá, phần nhiều là chủ quan, của các cơ quan chức năng. Cơ chế đó đã làm cho nền kinh tế không phát huy được các nguồn lực do sự phân phối bình quân, không có sản xuất thừa trên thực tế, nhưng lại luôn luôn gây ra tình trạng thiếu giả tạo. Mặc dầu cũng đã đặt ra nhiều mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh tế, nhưng trong cơ chế ấy thực tế đã không tuân theo mục tiêu đề ra là "tiết kiệm nguồn lực", mà ngược lại, do kiểu phân phối tập trung từ ngân sách, cho nên ít ai nghĩ đến chuyện tiết kiệm chi tiêu cho ngân sách. Điều đó thể hiện rất rõ trong cơ chế "xin - cho", tạo ra cách nghĩ "con không khóc, mẹ không cho bú"... Thời gian gần đây, tuy đã hơn 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nền kinh tế cơ bản đã chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nhưng ở đâu còn bao cấp, còn cơ chế "xin - cho" trong sử dụng, cấp phát ngân sách, thì ở đó còn tình trạng lãng phí.

Trong cơ chế thị trường dưới sự chi phối của các quy luật kinh tế khách quan, kết quả và hiệu quả kinh tế được xác định sau khi thực hiện (bán) được sản phẩm, nghĩa là có sự chấp nhận của người tiêu dùng (hiểu theo nghĩa rộng của từ này). Do các quy luật kinh tế thị trường hoạt động khách quan, nên các hành vi của con người trong vận dụng phần nhiều còn tự phát, khó nắm bắt được các nhu cầu của xã hội. Do đó, trong cơ chế thị trường thường xảy ra tình trạng sản xuất thừa, nhưng khái niệm "thiếu" lại bị che lấp bởi khả năng thanh toán, sức mua của công chúng. Khái niệm hiệu quả kinh tế trong cơ chế thị trường được hiểu là tình trạng một nền kinh tế mà trong đó không ai có thể trở nên khấm khá hơn nếu không có ai suy thoái đi, trên cơ sở đạt 3 loại hiệu năng : hiệu năng sản xuất (sản lượng được làm ra với chi phí thấp nhất) ; hiệu năng phân phối (tài nguyên được phân phối cho việc sản xuất hàng hóa và các dịch vụ mà xã hội đòi hỏi) ; hiệu năng tiêu thụ (sản lượng hàng hóa được phân phối trên cơ sở thu nhập tiêu dùng của khách hàng và giá cả thị trường) (3). Điều đó

* PTS kinh tế

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 26, phần II, tr 804

(2) *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư BCH Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 54

(3) Xem : *Từ điển kinh tế*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995, tr 144

Digitized by Google

chứng tỏ trong nền kinh tế thị trường hiệu quả kinh tế không chỉ dừng lại ở sự so sánh đơn thuần kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh với chi phí lao động. Hiệu quả phải luôn luôn đi đôi với việc tiêu thụ được sản phẩm. Hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong điều kiện hội nhập với các nền kinh tế thế giới và tham gia các tổ chức thương mại, mậu dịch quốc tế là một thể thống nhất. Mục tiêu nâng cao hiệu quả nền kinh tế không phải giờ đây mới đặt ra. Ở tầm vi mô hay vĩ mô, nền kinh tế muốn tồn tại và phát triển ổn định, thì nâng cao hiệu quả là vấn đề cốt yếu. Tất cả các chính sách kinh tế phải đạt được sự thường xuyên chăm lo nâng cao hiệu quả, nghĩa là phải có lãi (ở các mục tiêu xã hội rộng lớn người ta còn dùng khái niệm "lợi nhuận cộng đồng").

Về sức cạnh tranh của nền kinh tế : trong xu thế hiện nay, nền kinh tế của một quốc gia cũng giống như một cơ thể sống. Muốn cho cơ thể đó khỏe mạnh và phát triển tốt trong môi trường có đủ thứ vi trùng thâm nhập và liên tục tấn công từ mọi phía, thì cơ thể đó phải chiến thắng bệnh tật, chống lại mọi sự tấn công của vi trùng và chống lại bằng chính nội lực của mình và hình thành nên cái gọi là cơ chế tự đề kháng. Đối với kinh tế cũng vậy, trong hợp tác có cạnh tranh, trong cạnh tranh, muốn có điều kiện để hai bên cùng có lợi, thì phải có sự hợp tác. Trong môi trường nhiều quốc gia cùng tham gia, muốn giành chiến thắng trong cạnh tranh đối tác không thể không dùng đủ các mánh khóe, thậm chí là bẫy nhau trong khuôn khổ luật pháp quốc tế không cấm. Đó là một thức tế, nhưng dù trong hoàn cảnh nào, nếu nền kinh tế của chúng ta có được cơ chế tự bảo vệ tốt, trong quan hệ biết vận dụng khéo léo các quy luật khách quan để duy trì cho các bên cùng có lợi, biết sử dụng những lợi thế so sánh của mình để tham gia vào thị trường thế giới, thì chẳng những nền kinh tế có tăng trưởng khá, mà còn sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài, duy trì được độc lập tự chủ của quốc gia. Từ đó cho thấy quan điểm phát huy nội lực là chính và dùng nội lực để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài trong tiếp nhận và khuyến khích đầu tư nước ngoài là một bước phát triển mới về tư duy kinh tế phù hợp với xu thế mở cửa nền kinh tế trong giai đoạn hiện nay. Đây hoàn toàn không phải là sự quay trở lại thời kỳ đóng cửa. Nói đúng ra các nguồn lực bên ngoài vào nước ta, nếu được sử dụng có hiệu quả, chẳng những chúng ta có lợi, mà chính những nhà đầu tư nước ngoài thực sự làm ăn nghiêm chỉnh cũng mong muốn điều ấy, vì đó là lợi ích thiết thân của họ.

Đương nhiên, "Chúng ta làm chủ đất nước, nên có cả hai quyền mà người nước ngoài không có. Đó là quyền muốn làm gì, làm ở đâu, với quy mô nào cũng được, và quyền cho phép người nước ngoài làm trong lĩnh vực nào, theo phương thức nào đối với các dự án đầu tư của họ" (4). Song xét dưới khía cạnh nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thì quả là có nhiều điều đáng suy nghĩ. Thực tế vừa qua chưa phải mọi ý muốn của chúng ta đều đã đạt được. Bên cạnh những thành tựu to lớn về tăng trưởng kinh tế (liên tục đạt tốc độ tăng trưởng trên dưới 9%/năm, cải thiện một bước đáng kể mức sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, tháo gỡ nhiều khó khăn, ách tắc trong cơ chế quản lý kinh tế, tạo ra nhiều động lực cho các thành phần kinh tế phát huy tiềm lực...), thì giữa ý muốn chủ quan của hệ thống chính sách và kết quả đạt được đang còn những khoảng cách không nhỏ, vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra. Cụ thể là hiệu quả của nền kinh tế vẫn còn thấp ; sức cạnh tranh của sản phẩm làm ra trong nước chưa cao ; mức sản xuất bình quân đầu người của nhiều loại sản phẩm chưa phải đã cao mà đã có tình trạng sản xuất thừa ; nhiều liên doanh với nước ngoài làm ăn thua lỗ kéo dài ; tình trạng buôn lậu, gian lận kinh tế và gian lận thương mại khá phổ biến và ngày một tinh vi ; nạn tham nhũng chưa có dấu hiệu giảm và các biện pháp chống còn mang tính xử lý hậu quả ; nhiều hợp đồng sản xuất - kinh doanh đang biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hóa cho các nước, nhiều loại hàng ngoại đang bóp chết nền sản xuất non trẻ trong nước... Đại hội VIII của Đảng cũng đã thẳng thắn nhận định về những khuyết điểm yếu kém ấy. Đó là "Nước ta còn nghèo và kém phát triển ; chúng ta lại chưa thực hiện được tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển. Tình trạng tiêu xài lãng phí còn phổ biến và nghiêm trọng" (5).

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân sâu xa xuất phát từ thực trạng thấp kém của nền kinh tế, kể cả trình độ của

(4) *Tạp chí Cộng sản*, số 2 (tháng 1-1998), tr 25

(5) *Tài liệu nguyên cứu Văn kiện Đại hội VIII của Đảng* (dành cho báo cáo viên), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 9 - 10

Digitized by Google

nguồn nhân lực, đặc biệt là trình độ quản lý trong cơ chế thị trường. Thời gian vừa qua, theo đánh giá của các nhà kinh tế, tăng trưởng lại chủ yếu về lượng, các yếu tố về chất phát huy còn thấp, cụ thể là chậm chuyển dịch cơ cấu kinh tế ; nền kinh tế nhìn chung còn kém hiệu quả và yếu sức cạnh tranh. Do đó có thể khẳng định vẫn còn thiếu những yếu tố cơ bản bảo đảm cho sự phát triển nhanh và bền vững. Ngoài ra còn có nguyên nhân từ việc xác định cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, đã làm cho lượng vốn đầu tư khá lớn đổ dồn vào các công trình về hạ tầng, bất động sản, làm mất cân đối giữa lượng vốn đầu tư vào lĩnh vực thu hồi vốn nhanh sinh lãi cao với lĩnh vực đầu tư dài hạn... ; cơ chế, chính sách và hiệu năng của bộ máy quản lý còn nhiều bất cập..., đòi hỏi phải có những giải pháp mang tính chiến lược lâu dài. Nhưng cũng có những nguyên nhân trực tiếp làm hạn chế khả năng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, như lãng phí, tham nhũng, buôn lậu, xu hướng xã hội tiêu dùng..., đòi hỏi phải có những giải pháp cấp bách trước mắt để hạn chế và khắc phục.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, vấn đề nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế trở thành một nội dung kinh tế sâu sắc. Muốn nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế phải giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề, nhưng theo tôi trước mắt cần tập trung xử lý tốt mấy vấn đề có thể gọi là nổi cộm nhất.

2 - Một số phương hướng trước mắt nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Một là, tạo sức cạnh tranh của nền kinh tế phải trên cơ sở phát triển mạnh thị trường trong nước. Bản thân khái niệm thị trường trong nước đã hàm chứa tất cả các yếu tố cấu thành của thị trường, như thị trường vốn đầu tư, thị trường bất động sản, thị trường lao động, thị trường các dịch vụ tư vấn, thị trường hàng hóa...

- Phát triển thị trường vốn đầu tư phải làm sao để huy động tối đa mọi nguồn vốn trong dân cư, chung sức đầu tư cho phát triển. Thực tế dù khó xác định chính xác lượng vốn nhàn rỗi trong dân để huy động cho đầu tư, nhưng qua hàng chục cuộc vỡ hụi lớn nhỏ, qua hàng ngàn tỉ đồng tín dụng huy động được, đặc biệt là lượng vốn đầu tư bất động sản..., cho thấy nguồn vốn trong dân là không nhỏ. Nếu có cơ chế hấp dẫn để nguồn vốn này đầu tư vào phát triển sản xuất thì đây là một lực lượng đáng kể. Một trong những xu hướng đó là hoàn thiện Luật khuyến khích đầu tư trong nước, tiến tới xây dựng một luật chung, tạo ra "sân chơi phẳng" cho tất cả các chủ thể kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo chung, không còn tình trạng bao cấp về vốn, gây ra "hai sân chơi" rõ rệt : "khu vực quốc doanh thì luôn luôn đòi cấp vốn, khu vực kinh tế tư nhân thì chỉ cần có khung khổ, hành lang pháp luật rõ ràng". Cái thời mà các nhà doanh nghiệp quốc doanh cho rằng "vay là được" phải nhường chỗ cho những toan tính sử dụng có hiệu quả từng đồng vốn đầu tư, có vay là phải trả. Điều đó đúng với cả thị trường vốn đầu tư nước ngoài, nếu không gánh nợ quốc gia của ngày hôm nay sẽ trút cả lên đầu các thế hệ con cháu mai sau (cuộc khủng hoảng tiền tệ ở một số nước trong khu vực xảy ra cuối năm 1997 đã thể hiện điều này).

- Phát triển thị trường tiêu thụ hàng hóa sản xuất trong nước chính là tạo những tiền đề cơ bản nhất để các doanh nghiệp trong nước có tích lũy, đổi mới công nghệ, do đó có thể nói tiêu thụ hàng hóa sản xuất ra trong nước chính là giúp cho các doanh nghiệp trong nước tập dượt để "vác chuông đi đấm nước người" trong thời gian tới. Bởi vậy, các bước đi của việc tổ chức các hàng rào thuế quan và phi thuế quan, cũng như tháo bỏ dần chúng, tiến tới gia nhập các tổ chức kinh tế và thương mại trong khu vực và quốc tế - phải thật sự đồng pha với quá trình lớn mạnh và tự khẳng định của hàng hóa sản xuất trong nước. Hơn thế nữa muốn chuyển từ xu hướng xuất khẩu để thay thế nhập khẩu cho tiêu dùng trong nước sang chiến lược hướng về xuất khẩu, nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, thì trước hết phải có thị trường trong nước phát triển, làm hậu thuẫn cho việc cạnh tranh với hàng ngoại. Đây cũng là hướng phát huy nội lực để tăng cường sức mạnh kinh tế của chính mình.

Hai là, xác định cơ cấu đầu tư đúng, nghĩa là vừa phát huy được lợi thế so sánh vừa tiếp thu những thành tựu mới nhất về công nghệ của thế giới. Là một nước đi sau, lại có điểm xuất phát thấp, do đó muốn đưa nền kinh tế vươn lên kịp với trình độ chung của thế giới, đòi hỏi chúng ta phải có biện pháp để phát triển nhanh hơn, trước mắt cần tập trung vào các mục tiêu giảm giá thành, nâng cao

Digitized by Google

năng suất lao động và chất lượng hàng hóa. Muốn vậy, phải có chính sách quản lý, giám sát việc lựa chọn công nghệ nhập, tạo ra "bộ lọc" để không biến nước ta thành bãi thải công nghệ, "dọn chỗ" và tạo thuận lợi cho các nước khác đổi mới công nghệ. Mức độ đầu tư vừa qua không ngừng gia tăng, nhưng những tiêu cực trong quá trình nhập công nghệ, cũng như đánh giá chung về trình độ công nghệ hiện nay vẫn còn chứa ẩn nhiều yếu tố làm giảm đáng kể hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nước ngoài. Hiệu quả vốn đầu tư thể hiện ở : sức cạnh tranh của nền kinh tế quốc dân ; mức tăng năng suất lao động xã hội ; cơ cấu nền kinh tế bảo đảm duy trì sự phát triển cân đối và bền vững ; khả năng đi tắt đón đầu về công nghệ ở một số ngành, lĩnh vực... Lợi thế so sánh của chúng ta là một nước nông nghiệp, nguồn lao động dư thừa khá lớn, do đó chính sách ưu tiên tiếp thu những công nghệ sử dụng nhiều lao động là đúng. Nhưng chính trong lô-gíc hình thức này, tưởng như quá rõ ràng, lại đang gây ra nhiều sự hiểu lầm hoặc lợi dụng làm trái, đặc biệt là trong vấn đề phân biệt giữa công nghệ sử dụng nhiều lao động với công nghệ lạc hậu, năng suất thấp. Theo chúng tôi, để sử dụng nguồn lao động dồi dào của đất nước, mà chủ yếu (khoảng 70%) lại là lao động nông nghiệp, trong nông thôn với đặc điểm là trình độ đào tạo tay nghề thấp, thì vấn đề cần tập trung nhất lại là lựa chọn cơ cấu ngành của công nghệ sao cho các ngành chế biến nông, lâm, hải sản - những ngành ở vị trí xử lý "đầu ra" cho sản xuất nông nghiệp, nhằm nâng cao giá trị của nông sản. Như vậy, vừa tạo ra sự phân công lại lao động giữa nông nghiệp và công nghiệp, mà vẫn tránh được sự di chuyển lớn lao động từ nông thôn ra thành thị gây xáo trộn xã hội. Bởi vậy, điều này phải được thể hiện rõ trong chiến lược đầu tư, nghĩa là lựa chọn cơ cấu đầu tư phải ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến và chế biến xuất khẩu và công nghệ cao.

Ba là, chống lãng phí, tham nhũng. Nếu chỉ nhìn vào những vụ tham nhũng đã "đưa ra ánh sáng", nếu chỉ chú tâm phanh phui và tìm ra các vụ tham nhũng, thì chúng ta mới chỉ nhìn thấy hậu quả của nó. Và như vậy tưởng như lãng phí và tham nhũng là hai vấn đề khác nhau. Nhưng đi sâu phân tích các nguyên nhân dẫn đến tham nhũng thì thấy đây là hai mặt của cùng một vấn đề. Lãng phí một phần là do chính cơ chế quản lý lỏng lẻo, nhưng chủ yếu là do ý thức làm chủ hoặc cố ý lợi dụng công quỹ để tư túi dưới nhiều hình thức : quà biếu, chè chén linh đình, mua sắm (mà chủ yếu lại mua sắm các phương tiện ngoại đắt tiền), hoa hồng... Vì sao 70% số hạng mục công nghệ nhập vừa qua (qua một đợt kiểm tra trên 700 trường hợp) là thiết bị cũ tân trang lại ? Vì sao đã có một cơ chế cho vay của các ngân hàng được coi là chặt chẽ nhưng lại để thất thoát hàng ngàn tỉ đồng. Riêng một cơ sở có thể vay hàng trăm tỉ, lớn gấp hàng chục lần vốn tự có ? Vì sao còn tình trạng có "dây" là xin được đầu tư ngân sách, mà không cần cân nhắc, tính toán về hiệu quả của công trình đầu tư ấy ra sao ? Vì sao hàng loạt các liên doanh với nước ngoài thua lỗ. v.v.. và v.v.. Phải chăng là do trình độ quản lý của chúng ta còn thấp kém ? ! Điều đó có phần đúng nhưng không hẳn là tất cả. Trong buổi giao thời này đồng tiền đi len lỏi vào một số cán bộ bị thoái hóa, họ trục lợi cá nhân mà làm ngơ trước lợi ích quốc gia dân tộc. Tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội khác, như buôn lậu, gian lận thương mại... là những "con mối" đang đục khoét cái gốc của nền kinh tế, làm giảm hiệu năng quản lý, giảm hiệu quả của nền kinh tế.

Trong khi đó bộ máy quản lý các cấp lại đang có xu hướng phình ra. Nếu năm 1993 tổng quỹ lương của các cơ quan đơn vị cả nước là 11 350 tỉ đồng, thì năm 1997 là 22 750 tỉ đồng, tăng gần gấp đôi (lương cơ bản trong thời gian đó mới chỉ tăng 20%). Điều đó đã là lãng phí, nhưng cái đáng nói hơn cả chính là chi phí cho bộ máy thì tăng, mà hiệu quả quản lý không tăng, thậm chí sự phiền hà trong các thủ tục xuất - nhập và xét duyệt các hạng mục đầu tư chưa giảm. Thêm vào đó cơ chế "xin - cho" trong cấp phát ngân sách chưa được khắc phục, gây nên nhiều lãng phí không đáng có trong sử dụng ngân sách. Nạn chạy theo xã hội tiêu dùng, lối sống xa hoa lãng phí, tiêu xài quá khả năng nền kinh tế thể hiện rõ nét trong tư tưởng coi của công như một thứ của chùa, "cha chung không ai khóc". Thiết nghĩ, muốn tăng hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế phải thực hành tiết kiệm, phát động phong trào "cần, kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa". Phong trào đó phải được thể hiện trước hết ở việc sử dụng có hiệu quả ngân sách của Nhà nước và đòi hỏi cán bộ phải đi trước, làng nước theo sau. ❑

Digitized by Google

KIÊN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐÃ LỰA CHỌN

TRẦN QUANG - NHỊ LÊ

TRONG quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã không ngừng tìm tòi, khám phá, để ngày càng xác định rõ hơn, cụ thể hơn, đúng đắn hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở nước ta. Qua gần bảy thập kỷ, đặc biệt gần 30 năm lại đây, thực tiễn sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc kể cả những thành công và chưa thành công, đã làm cho : **"Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn"** (1). Điều này có ý nghĩa không chỉ về tổ chức thực tiễn mà cả về lý luận ; là nguồn cổ vũ mạnh mẽ sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta, trong thời đại ngày nay. Đi trên con đường xã hội chủ nghĩa (XHCN) mà Đảng ta và nhân dân ta lựa chọn, Việt Nam đã tiến những bước quan trọng "đã giúp cách mạng Việt Nam ra khỏi cơn bão tố của thời đại" (2), như một tờ báo Mỹ nhận định ; và như một chính khách nước ngoài đánh giá, chính "điều này đang mở ra con đường đi tới một nước Việt Nam XHCN phồn vinh và hiện đại" (3).

I - Vì sao nói : "Con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn" ?

1 - Sự vận động của lịch sử nhân loại là tất yếu đi lên CNXH. Nhưng, chúng ta biết, chủ nghĩa Mác - Lê-nin lại chưa chỉ ra những đặc trưng cụ thể cho một xã hội XHCN tương lai, chưa vạch ra một cách rõ nét và tỉ mỉ những con đường cụ thể để các quốc gia, dân tộc tiến tới CNXH ; lại càng chưa có điều kiện chỉ ra điều đó cho một nước lạc hậu ở phương Đông, như Việt Nam, chưa trải qua CNTB. Bởi vậy, việc *tìm kiếm, xác lập những đặc trưng* của xã hội XHCN và sự *khai phá, kiến tạo con đường* đi tới xã hội đó vốn đã rất khó khăn, đối với nước ta, lại càng khó khăn hơn.

Tiếp thu và hiện thực hóa chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên mảnh đất Việt Nam, ngay khi mới ra đời, Đảng ta khẳng định, *mục tiêu lý tưởng của con đường phát triển của nước nhà là đi lên CNXH.* Và bằng cuộc cách mạng không ngừng, mà trước hết phải làm cách mạng tư sản dân quyền (cách mạng dân chủ nhân dân) với hai nhiệm vụ phản đế, phản phong (đánh đổ đế quốc, phong kiến giải phóng dân tộc và thực hiện người cày có ruộng) rồi tiến lên thực hiện "kỳ được XHCN", thông qua con đường bỏ qua thời kỳ TBCN, "tranh đấu lên con đường CNXH". Đồng thời, Đảng ta cũng tiên liệu, sự phát triển của cách mạng Việt Nam như thế, và vì thế, nhất định sẽ hòa nhập vào trào lưu cách mạng vô sản toàn thế giới, do đó nhất định sẽ được ủng hộ và giúp đỡ, để cách mạng Việt Nam tiến tới mục tiêu lý tưởng của mình. Sự khẳng định mục tiêu lý tưởng và lựa chọn con đường phát triển như vậy của Đảng ta, xét về *lôgíc* là một tất yếu khách quan ; xét về *lịch sử*, là hoàn toàn phù hợp với sự vận động tiến lên của cách mạng nước ta và xu thế cách mạng thế giới ; và xét về *nhu cầu* là hoàn toàn xuất phát từ điều kiện cụ thể của một nước thuộc địa, nửa phong kiến và nguyện vọng cháy bỏng của nhân dân lao động Việt Nam.

Gần ba năm, sau khi Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công, trong hoàn cảnh đầy khó khăn của cuộc cách mạng kháng chiến chống Pháp, Đảng ta đã hình dung con đường đi lên CNXH là lâu dài, gian khổ. Với phương châm "vừa kháng chiến vừa kiến quốc", nhằm đưa cách mạng dân tộc dân chủ

---

(1) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 68

(2) Phương Linh : "Báo Mỹ viết về mục tiêu năm 2020 của Việt Nam", báo *An ninh Thủ đô*, số 44 - 1996, tr 28

(3) Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 2-7-1996, tr 5

Digitized by Google

tiến lên, Đảng ta ý thức rõ việc chuẩn bị đường lối bước tới CNXH mà không cần qua một cuộc cách mạng vô sản hay cách mạng XHCN nào khác Cách mạng Tháng Tám, khi giữ vững chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo ở nước ta và nhờ Liên Xô cùng các nước dân chủ khác giúp đỡ, sau lúc kháng chiến thắng lợi. Đây là những *tiền đề lý luận* và *thực tiễn* hết sức quan trọng trong việc nhận diện và chuẩn bị điều kiện cho việc kiến tạo con đường đi lên CNXH.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, trên cơ sở phân tích thực tế và những đặc điểm của cách mạng, tham khảo kinh nghiệm của các nước XHCN anh em, Đảng ta từng bước hình thành đường lối xây dựng CNXH. Đường lối này được xác lập tại Đại hội III (1960) của Đảng và được bổ sung, phát triển qua các hội nghị Trung ương và Bộ Chính trị sau đó. Đại hội III của Đảng đã *đánh dấu sự hình thành đường lối cơ bản về cách mạng XHCN* ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nổi bật là, quan điểm miền Bắc phải bỏ qua giai đoạn TBCN, tiến lên CNXH, làm hậu phương cho miền Nam, bao hàm hai mặt cải tạo XHCN và xây dựng CNXH. Nhìn khái lược, qua 45 năm (từ năm 1930 đến năm 1975) Đảng ta nỗ lực tìm tòi và hình thành một cách cơ bản, có hệ thống những quan điểm về CNXH trên nửa nước trong điều kiện cả nước có chiến tranh, là tình hình rất đặc thù. *Nếu* năm 1930, đường lối lên CNXH được hình thành như một mục tiêu lý tưởng, khoảng thời gian 30 năm sau đó được phác thảo và bổ sung những nét đại cương, những nhiệm vụ cụ thể còn hạn chế, tới Đại hội III thể hiện quan trọng trong quan điểm lý luận và tổ chức thực tiễn về con đường đi lên CNXH, *thì* 15 năm tiếp theo đó trở thành chặng đường quan trọng để Đảng và nhân dân ta trải nghiệm, tiếp tục tìm tòi những vấn đề về CNXH, về con đường đi lên CNXH phù hợp với điều kiện của nước ta với tinh thần độc lập, tự chủ của mình trong điều kiện có sự bất lợi trong quan hệ giữa các đảng ở các nước XHCN xoay quanh các vấn đề này.

Do đó, bên cạnh những thành tựu to lớn có ý nghĩa cơ bản, chúng ta vấp phải không ít khó khăn hạn chế, cả những sai lầm trong quan niệm và tổ chức thực tiễn về xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH. Khuyết điểm lớn nhất, là *sự vận dụng thiếu sáng tạo* những kinh nghiệm của mô hình Liên Xô và các nước XHCN khác ; *quá nhấn mạnh* tới "tiến nhanh", tiến mạnh" lên CNXH mà *không tính toán đầy đủ* tới hình thức, bước đi giữa cải tạo XHCN và xây dựng CNXH trên các lĩnh vực ; nhấn mạnh quan hệ sản xuất mà *chưa chú ý* tương xứng đến phát triển lực lượng sản xuất ; những điều đó là không phù hợp, nhất là trong điều kiện cả nước có chiến tranh.

Chặng đường hơn 10 năm tiếp theo, kể từ năm 1975, là chặng *phát triển một bước* đường lối cách mạng XHCN đã được xác định từ Đại hội III và được bổ sung trong quá trình thực hiện, đưa cả nước tiến lên CNXH. Điểm phát triển mới là, nhấn mạnh phải phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân lao động ; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt,... công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ... Nhưng khi tổ chức thực hiện, thực tiễn đã bộc lộ rõ sự chủ quan, nóng vội, và bỏ qua "bước đi ban đầu", không thực hiện chủ trương đã khẳng định "nhiều thành phần kinh tế..." trước đây, chưa đánh giá đúng tình hình thực tế trong nước và quốc tế, chưa tạo ra được động lực phát triển... dẫn tới nhiều mục tiêu kinh tế - xã hội không đạt được, đời sống nhân dân gặp khó khăn, niềm tin đối với CNXH bị giảm sút, đặc biệt vào những năm đầu thập niên 80. Nhận rõ điều này, Đảng ta tiếp tục điều chỉnh một bước về đường lối phát triển xã hội Việt Nam theo định hướng XHCN những năm tiếp sau : Xác định nước ta đang ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ và những nội dung của thời kỳ quá độ ; điều chỉnh một bước trong cơ cấu kinh tế, nhấn mạnh nông nghiệp là mặt trận hàng đầu... Song do chưa nhận thức được đầy đủ những vấn đề có tính quy luật từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN ở nước ta, cho nên việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư đã không được thực hiện, các hình thức kinh tế tiếp tục vẫn chưa có những đổi mới cần thiết và đủ mạnh... Trong thực tế lãnh đạo của Đảng, đã có "những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện". Do nhiều nguyên nhân, khách quan và chủ quan, đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng.

Digitized by Google

Tới đây, vấn đề con đường đi lên CNXH vẫn đang là *một câu hỏi lớn cần tiếp tục nghiên cứu, thực nghiệm, tìm câu trả lời rõ hơn.*

2 - Năm 1986, với Đại hội VI của Đảng, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã trở thành cột mốc đánh dấu bước ngoặt về phát triển đường lối xây dựng CNXH, đánh dấu bước chuyển rất quan trọng trong nhận thức và tổ chức thực tiễn con đường đi lên CNXH đúng đắn, hợp quy luật và hợp lòng dân ở nước ta. Đổi mới tư duy, một mặt, Đảng ta cụ thể hóa quan điểm mới về cơ cấu kinh tế, về công nghiệp hóa XHCN trong chặng đường đầu tiên, chủ trương điều chỉnh cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư, xác định "ba chương trình kinh tế lớn" ; mặt khác, đề xuất quan điểm mới về cải tạo XHCN, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, lâu dài với những bước đi thích hợp, thừa nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế... Đồng thời, thừa nhận sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hóa và của thị trường ; chủ trương đổi mới cơ chế quản lý, phát triển các hình thức kinh tế phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất, coi trọng việc điều tiết phân phối qua ba lợi ích (cá nhân, tập thể và xã hội) ; phê phán và khắc phục cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, khẳng định chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh XHCN. Đặc biệt, chúng ta có nhận thức mới về vấn đề xã hội với quan điểm không chỉ là chính sách giúp đỡ, trợ cấp, bao cấp mà là chăm lo toàn diện, phát triển và phát huy nhân tố con người. Vậy là, dù chưa thể hình dung hết những vấn đề sẽ phải tìm tòi, nhưng Đảng ta đã *mở khâu đột phá* những quan điểm về CNXH và con đường xây dựng CNXH ở Việt Nam một cách mới mẻ.

Thực tiễn phát triển của đất nước đã xác nhận tính đúng đắn và hiệu quả của sự tìm tòi, khai phá đó của Đảng ta. Mặc dù đất nước khi kết thúc năm 1990, vẫn chưa thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, tạo ra những tiền đề khách quan về lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH.*

Năm 1991, với Đại hội VII của Đảng, chúng ta lại tiếp tục tiến lên bằng sự khẳng định kiên trì con đường đi lên CNXH, xác định 6 đặc trưng của CNXH ở Việt Nam, 7 phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ ; xác định những định hướng lớn trong chính sách kinh tế, đồng thời đề ra đổi mới hệ thống chính trị, phát huy nền dân chủ XHCN. Nhiều quan điểm về con đường đi lên CNXH tiếp tục được thể nghiệm, bổ sung trong thực tiễn và nhận thức lý luận. Đảng ta chưa thể coi những quan điểm đó đã xong xuôi mà còn đang trong quá trình hình thành và phát triển. Do đó, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (1994) cùng với bao công việc khác phải làm, đã tiếp tục kiến giải con đường đi lên CNXH ở nước ta bằng những chủ trương cụ thể, phát triển những quan điểm của Đại hội VII của Đảng, trước hết là những vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; về chính sách đối với nền kinh tế nhiều thành phần ; về cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN ; về Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân và vì dân ; về xây dựng Đảng ngang tầm công cuộc đổi mới ; về giữ vững độc lập tự chủ với mở cửa, hội nhập quốc tế...

Có thể nói, tiến trình gần 12 năm đổi mới (1986 - 1998) là sự *tiếp tục vận động của những quan niệm mới về CNXH và con đường xây dựng CNXH của Đảng ta từng bước được hình thành dựa trên những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có kế thừa những nhận thức đúng đắn mà Đảng ta đã tích lũy được suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930, bắt nguồn trước hết và chủ yếu từ thực tiễn Việt Nam.* Đại hội VIII của Đảng (1996), trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện 10 năm đổi mới, kể từ Đại hội VI, đã khẳng định : "thế và lực của đất nước ta đã có sự biến đổi rõ rệt về chất. *Nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế – xã hội* nghiêm trọng và kéo dài hơn 15 năm, tuy còn một số mặt chưa vững chắc, song đã tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới : đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" (4), *"con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn"* (5). Nói như đồng chí I. Stôi-lốp, trưởng đoàn đại biểu Đảng XHCN Bun-ga-ri, tại diễn đàn Đại hội VIII của Đảng ta "... thành tựu đầy ấn tượng của Việt Nam đạt được chủ yếu dựa trên cơ sở xây dựng

(4), (5) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 12

Digitized by Google

mô hình riêng, kết hợp được cải cách với truyền thống lịch sử của đất nước" (6).

II - Nét đặc trưng của con đường đi lên CNXH ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra

1 - Nhìn tổng thể con đường đi lên CNXH ở nước ta đã trải dài gần bảy thập kỷ qua, chúng ta có thể nhận thấy hình hài, vóc dáng của nó cứ hiện dần ra qua mỗi chặng đường vận động đầy thăng trầm : *Từ* con đường với tư cách là mục tiêu lý tưởng *tới* con đường là sự vận động của hiện thực đất nước để vươn tới mục tiêu lý tưởng đó ; *từ* con đường là hiện thực còn sơ khai, giản lược *tới* con đường rõ nét, ngày càng toàn diện dần tới gần mục tiêu hơn thông qua hàng loạt quá trình phủ nhận biện chứng : phủ nhận CNTB với tính cách là một chế độ xã hội, phủ nhận sự đốt cháy giai đoạn, phủ nhận mô hình CNXH kiểu cũ... Và cứ như thế, Việt Nam đã xác lập bước đầu một khái niệm với nội hàm khá đầy đủ và hệ thống về CNXH : *Vừa là mục tiêu vừa là sự vận động hiện thực rộng lớn của toàn thể dân tộc, vừa là một chế độ xã hội hiện thực,* phù hợp với xu thế phát triển của nhân loại. Đúng như nhận xét của đồng chí Gia-vít Tai-nơ (Mỹ) : "Tầm nhìn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về CNXH đang trở nên sinh động ở Việt Nam hôm nay" (7).

Từ chiều sâu của sự vận động phức tạp, đầy gian khổ trên con đường đi lên CNXH ở Việt Nam đã làm bật lên một số nét đặc trưng sau đây :

Thứ nhất, *con đường lên CNXH ở Việt Nam là con đường phát triển có tính chất rút ngắn biện chứng và hợp quy luật.*

Trong lịch sử thế giới hiện đại (và cả trước kia) vấn đề rút ngắn trên con đường phát triển đã được nhiều quốc gia, dân tộc thực hiện. Nhưng, sự phát triển rút ngắn của Việt Nam lại mang đặc điểm riêng, không giống các nước XHCN khác. Ngay từ *Luận cương chính trị* (1930), Đảng ta vạch rõ : Cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN. Tới Đại hội II (1951), Đảng ta khẳng định : Quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam là quá trình từ xã hội có tính chất thuộc địa, nửa phong kiến, qua xã hội dân chủ mới đến xã hội XHCN... Và đến *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH,* Đảng ta vẫn nhấn mạnh : Nước ta quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN, từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Nét đặc trưng, nổi bật của đặc điểm nước ta là từ một nước nông nghiệp, nghèo nàn, lạc hậu, không qua giai đoạn phát triển TBCN đi lên CNXH phải trải qua nhiều năm chiến tranh chống đế quốc vô cùng gian khổ, ác liệt, để lại không ít những hậu quả nặng nề, không dễ dàng khắc phục. Điều ấy buộc chúng ta phải tính toán, chọn mục tiêu, hình thức, biện pháp, bước đi thích hợp với từng thời kỳ.

Điểm nổi bật cần nhấn mạnh nữa là, Đảng ta đã xử lý một cách biện chứng giữa sự phát triển rút ngắn với sự phát triển mang tính lịch sử - tự nhiên, bằng phương thức độc đáo và phù hợp với nước ta. Ở bất cứ giai đoạn lịch sử nào, Đảng ta đều không chấp nhận sự phát triển của chế độ TBCN ở nước ta ; nghĩa là "bỏ qua" giai đoạn phát triển TBCN được hiểu với nội dung bỏ qua chế độ chính trị TBCN bao gồm cả kiến trúc thượng tầng, chứ tuyệt nhiên không phải "bỏ qua" những thành tựu với tính cách là văn minh loài người do CNTB tạo ra hoặc sử dụng, như trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và kỹ thuật, của nền dân chủ, của quản lý nhà nước và xã hội, v.v. Đó chính là biện chứng của sự "bỏ qua" trong cách xử lý của Đảng ta phục vụ cho việc kiến lập và phát triển con đường lên CNXH ở nước ta. Điều này hết sức cần thiết đối với nước ta, khi điểm xuất phát của con đường lên CNXH lại rất thấp, như đã trình bày ở trên. Cho nên, chính vì vậy Đảng ta cũng hết sức đề phòng nguy cơ phát triển rút ngắn một cách duy ý chí, bất chấp quy luật, đã từng xảy ra ở lúc này, lúc khác, dẫn tới đối lập với quá trình lịch sử - tự nhiên.

Thứ hai, *con đường lên CNXH ở Việt Nam là con đường xuất phát từ thực tế Việt Nam, thực hiện bằng phương thức, bước đi Việt Nam.*

Quá trình hình thành và phát triển con đường lên CNXH cũng chính là quá trình suy tư gian khổ, tìm tòi, đổi mới tư duy lý luận, tổng kết thực tiễn phong phú và sáng tạo của quần chúng, của cơ sở, có khi phải thể nghiệm, làm đi làm lại nhiều lần, thậm chí có lúc đã không tránh khỏi sai lầm và thất bại tạm thời. Thực tế cho thấy, hễ khi nào xuất phát từ chính mình, giữ vững và phát huy độc lập tự chủ thì khi ấy Đảng ta có sáng tạo và thành công, cố nhiên không

(6) Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 2-7-1996, tr 5
(7) Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 2-7-1996, tr 5

Digitized by Google

xa rời nguyên tắc, không đi chệch hướng XHCN, phủ định cái cũ không còn phù hợp nhưng trân trọng, gìn giữ, phát huy các thành tựu trước đó, không phủ định sạch trơn.

Con đường phát triển của Việt Nam tôn trọng quá trình phát triển lịch sử - tự nhiên và phát huy mạnh mẽ tất cả mọi yếu tố của nội lực Việt Nam để thúc đẩy quá trình lịch sử - tự nhiên đó. Nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Trong tình hình quốc tế hiện nay, những đặc điểm dân tộc và những điều kiện riêng biệt ở từng nước ngày càng trở thành nhân tố quan trọng trong việc vạch ra chính sách của mỗi Đảng cộng sản và Đảng công nhân... Dân tộc Việt Nam chẳng hạn phải vạch ra những phương pháp và những biện pháp riêng của mình" (8), tất nhiên "không thể nào hạn chế những hoạt động hiện nay và tương lai... trong khuôn khổ dân tộc thuần túy, rằng những hoạt động đó có muôn ngàn sợi dây liên hệ với cuộc đấu tranh chung của thế giới tiến bộ" (9).

Theo tinh thần đó, con đường lên CNXH mà Đảng ta hoạch định hiển nhiên phải bao hàm nhiều chặng, ở mỗi chặng lại bao hàm nhiều bước quá độ nhỏ và các chủ trương, chính sách phải tính đến những nhiệm vụ đặc thù của mỗi bước quá độ nhỏ. Trước những năm 80, Đảng ta đề ra quan điểm "bước đi ban đầu" ; đến Đại hội V, Đảng ta nêu luận điểm "chặng đường đầu tiên" ; tới Đại hội VI, Đảng ta nhấn mạnh tính chất lâu dài, khó khăn, gian khổ của con đường đi lên CNXH, "chặng đường đầu tiên" là bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn tiến lên CNXH, v.v. Một nước vốn là thuộc địa, nửa phong kiến như nước ta đi lên CNXH không qua giai đoạn phát triển TBCN thì phương thức tiến lên CNXH trên con đường đó không thể nào khác được. Đúng như đồng chí Ha-ki-san Xing Xơ-rít (Ấn Độ) khẳng định : "Thành tựu của nhân dân Việt Nam có được là do các đồng chí đã nghiêm túc nỗ lực áp dụng học thuyết khoa học mác-xít lê-nin-nít vào điều kiện cụ thể của Việt Nam dưới tên gọi tư tưởng Hồ Chí Minh" (10).

Thứ ba, *con đường đi lên CNXH ở Việt Nam là con đường nhỏ mang bản sắc Việt Nam trong con đường lớn toàn thế giới quá độ từ CNTB lên CNXH.*

Chúng ta đã rõ sự vận động của lịch sử nhân loại là tất yếu đi lên CNXH. Nói như đồng chí A.Bri (Đức) : "Chúng tôi tin tưởng rằng sự lựa chọn XHCN không phải là lỗi thời, mà ngược lại là một tất yếu xã hội" (11). Bởi lẽ giản dị, như đồng chí Ph.Blen-ki Tê-xây-ra (Bồ Đào Nha) khẳng định : "... Vì con đường XHCN là một di sản đem lại cảm hứng cho tất cả những ai đang đấu tranh cho giải phóng dân tộc và xã hội" (12). Con đường XHCN mà Đảng ta, nhân dân ta lựa chọn và vạch ra không nằm ngoài mục đích cao cả đó, là con đường phù hợp với xu thế phát triển tất yếu của nhân loại. Đó chính là "sợi dây liên hệ" gắn bó Việt Nam với "cuộc đấu tranh chung của thế giới tiến bộ" ; và chính "thực tế nước Cộng hòa XHCN Việt Nam tiếp tục đi theo con đường định hướng XHCN trong những điều kiện phức tạp sau sự sụp đổ và tan rã của CNXH ở châu Âu đem lại niềm lạc quan và tin tưởng" (13), như đồng chí H.Ste (Đức) khẳng định.

2 - "Con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn" cũng có nghĩa là, *phải tiếp tục nhận thức đúng đắn, cơ bản, không ngừng hoàn thiện trên một trình độ mới cao hơn.* Ở đây, nói đến những vấn đề đang đặt ra, tức là chúng chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa thỏa đáng song tuyệt nhiên không có nghĩa là, chưa có sự gợi mở và nghiên cứu nào về chúng.

Trong hàng loạt vấn đề vừa cơ bản vừa cấp bách đòi hỏi phải kiến giải đang đặt ra xung quanh vấn đề xây dựng và phát triển con đường lên CNXH ở Việt Nam, nổi bật mấy luận điểm sau :

Một, xử lý mối quan hệ giữa giữ vững định hướng XHCN với nguy cơ chệch hướng XHCN.

Hai, xử lý mối quan hệ giữa đổi mới chính trị với đổi mới kinh tế bảo đảm đất nước vừa ổn định, vừa phát triển.

Ba, xử lý mối quan hệ giữa vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước với phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện mở cửa và phát triển nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường.

Bốn, xử lý mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất với đổi mới, xây dựng quan hệ sản xuất.

Năm, xử lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội.

---

(8) Hồ Chí Minh : *Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr 126

(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr 127

(10), (11) Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 2-7-1996, tr 5, 6

(12), (13) Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 2-7-1996, tr 6, 5

Digitized by Google

Sáu, xử lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với quy mô dân số và môi trường sinh thái phát triển.

Bảy, xử lý mối quan hệ giữa giữ vững độc lập dân tộc với tăng cường mở cửa và hội nhập quốc tế.

Tám, xử lý mối quan hệ giữa chiến lược với sách lược, giữa nội dung với phương thức, bước đi tổ chức thực tiễn:

III - Tiếp tục xây dựng và phát triển con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

1 - Một ý kiến diễn đạt rất đúng rằng, cách mạng phát sinh trong xã hội rối loạn, còn xây dựng thì đòi hỏi phải ổn định. Bởi vậy, để tiếp tục xây dựng và phát triển con đường đi lên CNXH ở nước ta, đòi hỏi trước hết chúng ta phải bảo đảm giữ vững sự ổn định về chính trị và xã hội một cách tốt nhất. Không thể nói tới bất cứ một sự phát triển nào trên phương diện này nếu thiếu một sự ổn định cần thiết. Ổn định là điều kiện, là tiền đề, là môi trường của sự phát triển. Đến lượt nó, phát triển trở thành mục tiêu hướng tới của sự ổn định, là động lực giữ vững sự ổn định ở mức độ cao hơn. Do đó, *ổn định và phát triển* phải được xem là phương châm hàng đầu trong việc xây dựng và phát triển con đường đi lên CNXH ở nước ta.

Mặc khác, con đường mà chúng ta xây dựng là để nhằm dẫn tới một xã hội XHCN. Đó là công việc rất mới mẻ hướng tới một mục tiêu cũng hết sức mới mẻ, chưa hề có tiền lệ trong lịch sử. Hơn nữa, như đã trình bày, Việt Nam xuất phát từ một nền kinh tế rất thấp, cho nên điều tự nhiên là, trong hàng loạt công việc cấp bách cần thiết phải thận trọng lựa chọn đúng, trúng những *mắt khâu trọng điểm*, có *tính chất đột phá*, tập trung sức giải quyết một cách hiệu quả tạo đà giải quyết đồng bộ các vấn đề. Nhưng phải khẳng định rằng, trong bất cứ tình huống nào và ở bất cứ đâu, vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước cũng phải được bảo đảm và tăng cường không ngừng ; kiên định giữ vững những vấn đề có tính nguyên tắc nhưng linh hoạt, mềm dẻo về phương pháp.

Xây dựng CNXH ở Việt Nam là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Xác định được con đường lên CNXH trong hoàn cảnh phát triển bình thường đã là việc khó, ở những bước ngoặt của lịch sử, trong bối cảnh đất nước và thế giới có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp như hiện nay thì việc xây dựng và phát triển con đường đúng và bảo đảm cho nó trở thành hiện thực lại càng khó khăn hơn. Do đó, *phát huy sức mạnh tổng hợp* xây dựng và thực hiện con đường lên CNXH một cách đúng hướng, phù hợp và hiệu quả, phải trở thành phương châm quán xuyến toàn bộ và sâu sắc.

2 - Bản thân con đường lên CNXH đã là sự vận động không ngừng. Hơn nữa xã hội XHCN mà chúng ta xây dựng lại chưa phải là xã hội đã phát triển trên cơ sở của chính nó nên sự vận động để vươn tới nó càng phức tạp, đa dạng hơn. Do đó, việc xây dựng con đường phải xuất phát từ *thực tế khách quan*, không rập khuôn, máy móc, cũng không chủ quan, nóng vội.

Việc xác định những đặc trưng cơ bản của xã hội tương lai đòi hỏi phải bảo đảm *tính cụ thể, không mơ hồ* càng *không được lạm dụng*, cho nên sự khai phá, tìm tòi con đường thực thi xây dựng các đặc trưng ấy cần được tính toán hợp lý, xác thực, có tính khả thi cao.

Xã hội XHCN mà chúng ta hướng tới, nói như Ph. Ăng-ghen, "không phải là một xã hội hoàn chỉnh ngay một lúc, mà cũng như mọi chế độ xã hội khác, nó cần phải được xem xét trong sự biến đổi và cải tạo thường xuyên" (14). Vì vậy, con đường đi tới nó phải bao hàm sự kết hợp chặt chẽ sự *kiên định về chiến lược* với sự vận dụng *uyển chuyển và khéo léo về sách lược*.

Nếu việc kiến tạo xã hội XHCN đòi hỏi xác định rõ những yếu tố cần và đủ, cụ thể, không mơ hồ và không lạm dụng thì việc xây dựng con đường thể nghiệm nó phải căn cứ vào *tình hình cụ thể* mỗi giai đoạn, mỗi lĩnh vực để *quyết định hình thức thực hiện phù hợp*.

3 - Xuất phát từ các phương châm và nguyên tắc trên, để tiếp tục xây dựng và phát triển, một bước hoàn thiện "chặng đường đầu tiên" tiến tới làm rõ hơn chặng tiếp theo của con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, cần thiết giải quyết mấy vấn đề sau.

Một là, đẩy tới sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cả quy mô bề rộng lẫn chiều sâu tạo đường băng để đất nước "cất cánh" một cách hiện thực hướng tới năm 2020 trở thành một nước công nghiệp, chứ không dừng lại ở những phương hướng

(Xem tiếp trang 26)

(14) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội 1984, t 6, tr 724

Digitized by Google

CHẾ ĐỘ MỘT ĐẢNG VÀ VIỆC THỰC THI DÂN CHỦ

TIẾN HẢI

Từ khi chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, ở nước ta, trên một số ấn phẩm truyền tay có nguồn gốc từ trong nước (hoặc từ trong nước chuyển qua nước ngoài rồi đưa lại vào trong nước) có nhiều luận điểm hoặc những nhận thức mang tính phê phán đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới và vai trò lãnh đạo của Đảng ta. Sự phê phán đó đã bị phê phán trở lại nên có lúc nó tạm thời lắng xuống, nay lại bùng lên.

Ý kiến và quan điểm của những người phê phán mới đưa ra cũng không có gì khác so với trước đây. Họ vẫn tập trung vào mấy nội dung như :

- Phê phán, bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin
- Phê phán, bác bỏ con đường xã hội chủ nghĩa
- Bài bác đường lối đổi mới
- Đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng.

Tất cả những điều đó đều nhằm vào một đối tượng duy nhất là Đảng ta và đều nhằm đạt tới những mục tiêu từ thấp đến cao như : ở mức thấp đòi Đảng chỉ lãnh đạo về chính trị, không nên lãnh đạo các lĩnh vực khác, đặc biệt là kinh tế. Ở mức cao hơn, đòi Đảng phải từ bỏ vai trò độc tôn lãnh đạo, thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Và, cao hơn cả, đòi Đảng phải từ bỏ hoàn toàn vai trò lãnh đạo của mình... Để thực hiện ý đồ đó, họ gán cho Đảng đủ mọi thứ tội lỗi. Nào là tại sao Đảng lại nhất thiết phải gắn số mệnh của mình với một lý thuyết ngoại lai, mơ hồ, lủng củng trong lý luận, thất bại trong thực tiễn xây dựng xã hội, đã bị từ bỏ ngay tại quê hương của nó và chẳng có mấy uy tín trong thế giới hiện nay. Nào là nếu Đảng cộng sản không áp đặt cho dân tộc con đường đi lên chủ nghĩa xã hội thì rất có thể đất nước ta đã trở thành "con rồng", "con hổ" chứ không nghèo đói và lạc hậu như ngày nay. Nào là do xu thế chung của thời đại, Đảng cộng sản buộc phải thực hiện kinh tế thị trường, nhưng lại ép nó phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa, như thế là "trái quy luật", làm cho mọi nguồn lực kinh tế không được phát huy ; trên thực tế nó đang bị "chệnh choạng" và chắc chắn sẽ dẫn tới tình trạng hỗn loạn. Nào là một đảng được "hiến định" là lãnh đạo xã hội thì xã hội đó không tài nào trở thành xã hội pháp trị được. Sự độc tôn lãnh đạo của Đảng làm cho dân chủ bị bóp nghẹt. Ngày xưa Đảng với dân là một ; ngày nay Đảng với dân là hai ; Đảng là những người cai trị có quyền lực, cai trị dân và dân vẫn như ngày xưa, là những người bị cai trị, thấp cổ bé họng. Quyền của dân và quyền của Đảng là hai đại lượng tỷ lệ nghịch ; Đảng nắm quyền cai trị thì dân mất quyền ; muốn cho dân có quyền thì Đảng phải tự nguyện từ bỏ vai trò độc tôn lãnh đạo, v.v. và v.v...

Trong phạm vi bài viết này, tôi không có tham vọng trao đổi về tất cả những vấn đề nêu trên mà chỉ đi sâu vào một vấn đề : *Chế độ một đảng và việc thực thi dân chủ.*

1 - Để làm rõ vấn đề, theo tôi trước hết phải xác định Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của ai, đại diện cho lợi ích của ai. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam ghi rõ : "Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung

Digitized by Google

thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc". Không phải chỉ ghi trong Điều lệ ; cũng không phải chỉ là những lời tuyên bố nhằm phủ dụ nhân dân ; mà trên thực tế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hành động đúng như vậy. Đảng sinh ra trong lòng dân tộc. Đảng lãnh đạo nhân dân và dân tộc, được nhân dân và dân tộc đùm bọc, nuôi dưỡng, chở che. Đảng - giai cấp - nhân dân và dân tộc đã thật sự kết thành một khối vững chắc. Đảng dựa vào dân, tin dân, lấy dân làm gốc. Dân tin Đảng, theo Đảng làm cách mạng và coi Đảng là của chính mình. Khi nói với nhau, người dân Việt Nam thường gọi "Đảng ta" ; khi nói với người nước ngoài, thường gọi "Đảng chúng tôi". Khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là bền vững, không gì phá vỡ nổi. Trước kia hay bây giờ Đảng với dân vẫn chỉ là một chứ không phải như một số người cho rằng "ngày xưa Dảng với dân là một" còn "ngày nay Đảng với dân là hai", rằng "Đảng là những người cai trị có quyền lực, cai trị dân và dân vẫn như ngày xưa là những người bị cai trị, thấp cổ, bé họng". Nói như thế là *nói lấy được* và chẳng có mấy sức thuyết phục. Sự kiện ở Thái Bình vừa qua chứng tỏ nhân dân bất bình với những hành động tham nhũng và mất dân chủ, tức là chống lại những hành vi sai trái với chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng. Đó không thể gọi là hiện tượng dân nổi lên chống Đảng, chống Nhà nước, chống chế độ. Đúng là trong Đảng và trong xã hội có những hiện tượng mất dân chủ thật, nhưng nếu từ những hiện tượng đơn lẻ đó mà quy kết thành bản chất, tách Đảng với dân thành hai, thành kẻ cai trị và người bị cai trị thì đó không phải là sự lầm lẫn về nhận thức mà còn là một sự xuyên tạc cố ý.

2 - Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một hiện tượng hợp quy luật, phản ánh điều kiện khách quan và chủ quan đã chín muồi trong dòng vận động lịch sử của dân tộc cũng như trào lưu chung của cách mạng thế giới. Sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội là một tất yếu khách quan. Không phải ngẫu nhiên mà lịch sử trao cho Đảng sứ mệnh thiêng liêng đó. Trước năm 1930, ở Việt Nam đã có nhiều đảng và phong trào ra đời và đã từng thử nghiệm vai trò là lãnh tụ của quần chúng. Các tổ chức này và lãnh tụ của họ không thiếu gì đức tính dũng cảm, hy sinh quên mình, nhưng do có những hạn chế về thế giới quan và hệ tư tưởng nên rút cuộc bị thất bại và tan rã. Từ năm 1930 trở đi, trên vũ đài chính trị nước ta cũng xuất hiện một số đảng phái khác như Việt quốc, Việt cách, Đại việt... song những đảng này đã phản bội lại lợi ích dân tộc, cam tâm làm tay sai cho đế quốc thống trị nước ta. Như vậy, khác với tình hình nhiều nước trên thế giới, ở nước ta, ngay từ khi mới ra đời, Đảng cộng sản đã là người duy nhất lãnh đạo cách mạng. Đó hoàn toàn không phải là sự áp đặt ý muốn chủ quan của Đảng mà là sự giao phó của lịch sử thông qua quá trình sàng lọc hết sức nghiêm khắc. Nhân dân ta bằng sự thể nghiệm xương máu của mình đã có dịp đối chiếu, so sánh các cương lĩnh và hoạt động của các đảng, các phong trào để rồi cuối cùng "chọn mặt gửi vàng" thừa nhận Đảng cộng sản là người lãnh đạo duy nhất của họ. Vì thế, nếu ai đó bảo rằng ngày nay dân đang bị Đảng cai trị, chắc chắn sẽ bị dân sử dụng quyền làm chủ của mình để bác bỏ ý kiến đó, không cho phép họ mượn danh nghĩa dân để phê phán Đảng.

3 - Thực tế lịch sử cách mạng Việt Nam cho thấy Đảng cộng sản đã rất xứng đáng với sự tin cậy, sự giao phó của lịch sử, của nhân dân, của dân tộc. Đảng đã lãnh đạo nhân dân làm cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, sau đó lại lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ làm cho nước ta được hoàn toàn độc lập và thống nhất. Và giờ đây, Đảng lại đang lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước. Những thành tựu của hơn 10 năm thực hiện đường lối đổi mới đã rõ như ban ngày. Những thành tựu đó chẳng những được nhân dân trong nước mà cả thế giới thừa nhận.

Toàn bộ thành quả trong tiến trình cách mạng nêu trên ai được hưởng ? Nhân dân chứ không

Digitized by Google

phải ai khác. Đó cũng chính là những giá trị dân chủ lớn nhất Đảng cùng nhân dân giành lại cho dân, cho Đảng. Từ người dân nô lệ trở thành người dân làm chủ của đất nước độc lập, tự do phải tốn bao xương máu của biết bao thế hệ mới đạt được, thế mà có người lại đi bôi nhọ quyền dân chủ ấy, thậm chí vì một việc đòi ra báo tư nhân mà dám nói : "mong sao cho nhân dân ta được dân chủ bằng hồi Pháp thuộc" ! Còn trong thời kỳ đổi mới hiện nay, Đảng đã mang lại cho dân những giá trị gì về dân chủ ? Dân chủ của nhân dân đã được phát huy trên nhiều lĩnh vực và được thể chế hóa trong nhiều văn bản pháp luật. Trước hết phải kể đến lĩnh vực kinh tế. Đảng và Nhà nước đã có những cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, bảo vệ quyền sử dụng ruộng đất lâu dài của hộ nông dân, bảo vệ quyền lợi của người lao động và bảo vệ lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động, v.v.. Đời sống dân chủ của toàn xã hội cũng có những bước tiến rõ rệt. Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" được các ngành, các cấp, các địa phương và cơ sở thực hiện, mặc dù kết quả vẫn còn hạn chế, chưa được như mong muốn. Mới đây Bộ Chính trị lại có Chỉ thị "Về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở" với mục tiêu mở rộng hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân.

4 - Đảng là một cơ thể sống, do đó không thể tránh khỏi những sai lầm. Đảng viên cũng là những con người, do đó không thể tránh khỏi vấp váp, thậm chí sa ngã, thoái hóa, biến chất. Điều quan trọng là Đảng không bảo thủ. Khi có sai lầm Đảng đều nhận lỗi trước dân và quyết tâm sửa chữa. Sai lầm trong cải cách ruộng đất và trong chỉnh đốn tổ chức những năm 1955 - 1956 là một minh chứng. Đảng đã công khai thừa nhận sai lầm của mình trước nhân dân, xin lỗi nhân dân và tiến hành sửa sai. Với phương châm "Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật", Đại hội VI của Đảng, trong khi khẳng định những thành tựu đạt được, đã dũng cảm tự phê bình về những sai lầm trong các chủ trương, chính sách lớn, trong chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện về xây dựng đất nước, từ đó đề ra đường lối đổi mới. Việc lớn là như vậy. Việc nhỏ cũng như vậy. Những sự việc xảy ra ở Thái Bình một lần nữa cho thấy thái độ thực sự cầu thị của Đảng. Đảng đã nghiêm khắc kiểm điểm sai lầm, khuyết điểm của mình từ cấp cơ sở cho đến tỉnh, huyện và trung ương. Và sau đó, những cán bộ, đảng viên tùy theo mức độ sai phạm đã bị xử lý kỷ luật dưới nhiều hình thức. Một số người đã bị truy tố trước pháp luật. Thấy Đảng có khuyết điểm, dân đấu tranh đòi Đảng sửa, đó là chuyện bình thường, thậm chí còn là một dấu hiệu lành mạnh, biểu thị sự dân chủ. Nếu dân thấy Đảng sai mà không dám đấu tranh mới là điều đáng ngại.

5 - Cuối cùng tôi muốn trao đổi thêm về khái niệm dân chủ. Trong lịch sử xã hội loài người, khi đã có sự phân chia thành giai cấp, cho đến thời điểm hiện nay, chưa bao giờ có một thứ dân chủ chung chung, dân chủ thuần túy, dân chủ không bờ bến. Dân chủ bao giờ cũng mang tính giai cấp. Về điều này, Lê-nin đã từng chỉ rõ rằng, nếu không khinh thường lẽ phải và không khinh thường lịch sử, thì ai cũng thấy rõ chừng nào còn có những giai cấp khác nhau thì không thể nói đến dân chủ thuần túy được mà chỉ có thể nói đến dân chủ có tính giai cấp. Cái thứ dân chủ thuần túy, dân chủ không bờ bến chẳng qua chỉ là một công thức rỗng tuếch, đầy tính giả dối và lừa bịp. Phải thừa nhận rằng *dân chủ tư sản* (gắn liền với giai cấp tư sản) là một bước nhảy, bước tiến vượt bậc của nhân loại. Nhưng sau đó dân chủ xã hội chủ nghĩa (gắn liền với giai cấp công nhân) lại là một bước tiến cao hơn so với dân chủ tư sản. Đành rằng dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa có một số tiêu chí chung, nhưng trong từng tiêu chí đó đều mang rất rõ dấu ấn giai cấp ! Như vậy, thực tế lịch sử đã chia ra dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa chứ không phải chúng ta cứng nhắc chia ra như vậy. Không nên cực đoan đến mức đồng nhất dân chủ tư sản với phản động, xấu xa và lừa bịp. Nhưng cũng phải tỉnh táo để nhìn thấy những hạn chế rất lớn của nó chứ. Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ có một câu bất hủ : "Tất cả

Digitized by Google

mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Thế nhưng hãy xem những quyền đó đã được thực hiện như thế nào ở Mỹ ? Có phải hiện nay ở đó 20% dân số là những người giàu, chiếm hết 85% tài sản của nước Mỹ, và số dân còn lại (80%) chia nhau 15% tài sản quốc gia. Trong số 80% đó không phải không còn rất nhiều người bị chết đói vì thiếu cái ăn, bị chết rét vì thiếu nhà ở và áo ấm, bị chết bệnh vì thiếu thuốc men, không có bảo hiểm y tế... "Quyền được sống" của mỗi người phải chăng là như vậy ? Còn về mặt chính trị, chưa có một người nghèo nào đắc cử trong các cuộc bầu cử bởi một lẽ đơn giản là chi phí cho việc tranh cử hết sức tốn kém. Nghị sĩ, dân biểu là những người giàu, tất nhiên sẽ biểu quyết những đạo luật có lợi có giai cấp giàu có. Như thế là dân chủ rộng hay dân chủ hẹp, dân chủ vô bờ bến hay dân chủ có giới hạn ? Ở nước ta, đúng là vẫn có những hiện tượng mất dân chủ ; tệ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu dân chưa giải quyết được triệt để, vì thế ở nơi này, nơi khác đã xảy ra hiện tượng nhân dân bất bình đi khiếu kiện tập thể. Thế nhưng, những giá trị lớn lao về dân chủ đã giành được mà trước là làm cho nhân dân từ kiếp nô lệ trở thành người chủ của đất nước độc lập, tự do ; có những quyền dân chủ về chính trị và kinh tế ngày càng được bảo đảm với quá trình phát triển đất nước, đó là một thực tế không thể phủ nhận được.

Cho nên để đánh giá một xã hội nào đó là dân chủ hay không dân chủ, không thể chỉ căn cứ vào những lời tuyên bố của giai cấp cầm quyền mà phải căn cứ vào việc họ thực thi dân chủ ra sao. Cũng không thể căn cứ vào việc xã hội đó có thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập hay không để đánh giá. Đa đảng vẫn có thể mất dân chủ, một đảng vẫn có thể dân chủ.

Từ những điểm phân tích nêu trên, tôi muốn đi tới một kết luận : *Không thể nói một cách hàm hồ rằng vì Đảng Cộng sản Việt Nam độc tôn lãnh đạo xã hội nên dân chủ bị bóp nghẹt !*❑

KIÊN ĐỊNH...

(Tiếp theo trang 22)

chung. Nghĩa là phải xây dựng một chương trình khả thi, trước mắt cho nông nghiệp, cho các vùng trọng điểm, cho vùng núi, vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ cách mạng cũ...

Hai là, giải quyết một cách hài hòa và nhịp nhàng bảo đảm cho kinh tế phát triển với nhịp độ cao và bền vững với việc tiến hành đồng bộ tăng trưởng xã hội tạo ra môi trường phát triển lành mạnh và phát huy cao nhất mọi nguồn lực đất nước, mà then chốt là nguồn lực con người. Ở đây, có hàng loạt vấn đề cấp bách và cơ bản là : giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa kinh tế với giáo dục - văn hóa - xã hội - dân số - môi trường sinh thái, v.v nhằm tạo ra tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội cao nhưng giữ được độ bền vững.

Ba là, tập trung đổi mới và xây dựng hệ thống chính trị phù hợp với tốc độ phát triển của đất nước, của thời đại. Trước hết, xây dựng và cải cách nhà nước theo hướng pháp quyền XHCN, xây dựng Đảng ngang tầm với sự nghiệp đổi mới đất nước, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị.

Bốn là, phát huy rộng rãi và đầy đủ quyền và trách nhiệm của nhân dân lao động theo hướng dân chủ hóa thông qua một thiết chế thích hợp, bảo đảm nhân dân thực sự là chủ thể và quyền làm chủ của nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng CNXH.

Năm là, nâng cao năng lực và hiệu quả hội nhập quốc tế theo hướng đẩy nhanh tốc độ và khả năng nội sinh hóa những sức mạnh quốc tế nhằm thâu thái, tích tụ và tăng cường nội lực đất nước, để hội nhập một cách mạnh mẽ và hiệu quả cao hơn mà vẫn giữ được bản sắc Việt Nam.

Đi lên CNXH là mục tiêu mà Đảng ta, dân tộc ta đã xác định. Nhưng tốc độ và sự bền vững của cuộc hành trình tới mục tiêu ấy tùy thuộc vào sự tìm tòi, khai phá con đường dẫn tới đó. Chuẩn bị đủ hành trang, thận trọng nhưng mạnh dạn, đột phá nhưng không manh động, phiêu lưu... nhất định chúng ta sẽ đi tới đích, bất chấp mọi sự xuyên tạc, công kích, phủ nhận của ai đó. 70 năm qua, Việt Nam đã như vậy, và trong tương lai, sẽ càng như vậy.❑

Digitized by Google

Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại với việc phát huy nội lực trong xây dựng đất nước hiện nay

PHAN NGỌC LIÊN * - ĐỖ THANH BÌNH **

HỘI nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII đã nêu rõ : "Nhân tố quyết định làm nên thành tựu là sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các ngành, các cấp. Sự hợp tác và giúp đỡ của cộng đồng quốc tế là một nhân tố quan trọng" (1). Nội dung cơ bản của Nghị quyết là phát huy nội lực, cần, kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, dựa trên nguồn vốn, trí tuệ của mình, kết hợp với hợp tác quốc tế để bảo đảm độc lập tự chủ về kinh tế, chính trị và các lĩnh vực khác. Tại Hội nghị này, đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã khẳng định : nâng cao ý chí tự lực, tự cường là những kinh nghiệm vô giá của Đảng ta trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng gần 70 năm qua, là một nguyên nhân cơ bản đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Khi bước vào thực hiện những nhiệm vụ mới, mà nhiệm vụ trung tâm là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta cần đề cao ý chí tự lực, tự cường dân tộc. Chỉ có phát huy nội lực mới sử dụng có hiệu quả sự hợp tác kinh tế với nước ngoài. Bởi vì, "một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập".

Điểm qua lịch sử hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước của dân tộc ta, cũng như của nhiều dân tộc khác, sự tổng kết trên đã phản ánh đúng hiện thực và nêu phương hướng cho sự phát triển tương lai. Chỉ kể từ sau khi thoát khỏi ách đô hộ của phong kiến phương Bắc đến năm 1975, khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, nhân dân Việt Nam phải đương đầu với hơn 10 cuộc chiến tranh xâm lược của những kẻ thù từ nhiều phương kéo đến. Tuy bao giờ chúng cũng đông quân hơn, trang bị nhiều hơn, song trước sau đều phải thất bại thảm hại. Trong lao động xây dựng đất nước, nhân dân Việt Nam cũng khai thác những thuận lợi và vượt qua những khó khăn do thiên tai gây ra để đạt được nhiều thành tựu to lớn về văn hóa vật chất cũng như tinh thần.

Nguyên nhân nào đưa tới những thắng lợi lẫy lừng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân ta ? Một trong những nguyên nhân chủ yếu là sức mạnh của dân tộc, trước tiên thể hiện ở tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường. Sau hơn 30 năm bình định quân sự Việt Nam, ngay từ cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp thú nhận rằng đã không biết "Việt Nam là một dân tộc kiên cường, gắn bó với lịch sử riêng của mình, với những thể chế riêng của mình và thiết tha với nền độc lập riêng của mình,... rằng Việt Nam chưa bao giờ khuất phục trước kẻ thù xâm lược" (2). Sau khi thất bại ở Việt Nam, người Mỹ cũng thấm thía : "Ai cũng biết rằng trong thế kỷ XX, chính vật chất là sức mạnh của thời đại chúng ta, thời đại có nhiều tên gọi : thời đại năng lượng nguyên tử, thời đại phản lực, thời đại điều khiển học, thời đại chinh phục vũ trụ, thời đại thông tin hóa... Dù là kể đến thiết bị nào thì Mỹ cũng đều có và người Việt Nam đều không có, sức mạnh duy nhất của họ là sức mạnh của con người" (3). Một cách

* GS sử học,

** PGS, PTS sử học, Đại học Sư phạm thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư BCHTW khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 51

(2) Ferdinand : *Erreurs et danger*, Paris, 1901, tr. 11

(3) Dugla Rannut : *Làn gió mát từ thành phố Hồ Chí Minh*, Tenbo, 1975, tr. 43 - 45

Digitized by Google

sâu sắc hơn, cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mắc Na-ma-ra đã tổng kết "11 nguyên nhân chính gây ra thảm họa" cho Mỹ tại Việt Nam. Đó cũng chính là "những bài học Việt Nam" của Mỹ, trong đó nổi bật là bài học thứ ba : "đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy một dân tộc (...) đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó" (4).

Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy sức mạnh của dân tộc thể hiện trên nhiều mặt, nổi bật là sức mạnh của tinh thần yêu nước mà "... mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước" (5). Khác với nhiều nhà yêu nước trong lịch sử và đương thời, Hồ Chí Minh không chỉ nhìn thấy sức mạnh của bản thân dân tộc, mà còn thấy sức mạnh của thời đại, của nhân loại.

Sức mạnh của thời đại, theo Hồ Chí Minh, là sức mạnh của nhân dân lao động bị áp bức, gắn với sức mạnh của giai cấp vô sản và cách mạng vô sản, được soi sáng bởi chủ nghĩa Mác - Lê-nin và dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Ở thời đại ngày nay, sức mạnh của Đảng Cộng sản thể hiện sức mạnh tổng hợp của giai cấp công nhân, nhân dân lao động thế giới, của mỗi dân tộc, hoạt động theo xu thế chung của sự phát triển lịch sử. Phong trào cộng sản và công nhân thế giới trải qua nhiều thất bại, những thời kỳ thoái trào, song đã và sẽ vượt qua, đứng vững và thắng lợi ở một số nước, ở nhiều thời điểm khác nhau. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta nhận thức và tin tưởng rằng, dù đang gặp nhiều khó khăn to lớn, chủ nghĩa xã hội, phong trào cộng sản và công nhân thế giới với sự đoàn kết quốc tế sâu rộng vẫn là trung tâm của sức mạnh thời đại, đấu tranh cho độc lập dân tộc, hòa bình, dân chủ, văn minh, tiến bộ xã hội. Đồng thời, khi nhận thức về sức mạnh của thời đại, Hồ Chí Minh không chỉ nhìn thấy mặt chính trị - xã hội mà còn nhấn mạnh đến sự phát triển của lực lượng sản xuất, của cách mạng khoa học - kỹ thuật, một động lực lớn để phát triển xã hội. Hơn thế nữa, Hồ Chí Minh không chỉ hiểu rõ sức mạnh của khoa học - kỹ thuật mà còn nhìn thấy ở đây mối quan hệ giữa trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, những mặt tổ chức và kỹ thuật với những mối quan hệ kinh tế - xã hội, tập trung cao nhất ở các cuộc cách mạng xã hội. Quan điểm này thể hiện trong Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ II của Đảng ta (1951), khi Người khẳng định những thành tựu to lớn về khoa học, công nghệ cùng với những thành công rực rỡ trong đấu tranh cách mạng vào nửa đầu thế kỷ XX.

Không chỉ hiểu rõ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, Hồ Chí Minh còn nhận thức sự cần thiết kết hợp một cách đúng đắn hai sức mạnh này để tăng lên gấp nhiều lần sức mạnh của cách mạng. Khi gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, Người đã nhấn mạnh đến sự gắn bó ngày một mật thiết trong thời đại chúng ta giữa các nhân tố chủ quan và khách quan, đến sự tác động lẫn nhau, vị trí, vai trò của chúng. Sự "cô độc", "cô lập" trong quan hệ quốc tế ngày nay là điều vừa trái tự nhiên, vừa không thể thực hiện được. Bằng lý luận và thực tiễn, Hồ Chí Minh đã làm sáng tỏ rằng, mối quan hệ giữa "dân tộc" và "quốc tế" trong tổ chức và hành động thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa điều kiện khách quan (sức mạnh thời đại) với điều kiện chủ quan (sức mạnh dân tộc). Nhận thức này cũng đưa đến những nguyên tắc cho sự kết hợp đúng đắn, có hiệu quả sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Những nguyên tắc đó rất cần thiết cho chúng ta ngày nay, khi biết dựa vào sức mạnh của bản thân, và sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế để xây dựng đất nước.

Trước hết, Hồ Chí Minh không chỉ nhận rõ tính chất của thời đại mà còn xuất phát từ sự phân tích các lực lượng trên thế giới để có kế hoạch cụ thể kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại. Người nêu một nguyên tắc quan trọng là phải biết "đâu là những người anh em thật sự và đâu là kẻ thù" (6). Đây là một cơ sở để xác định quan điểm tư tưởng vững chắc, chỉ đạo hành động cho việc thực hiện mục tiêu đấu tranh một cách linh hoạt, có hiệu quả mà không chệch con đường đã khẳng định, nhờ đó mới nhất quán trong mục tiêu cách mạng, linh hoạt trong việc kết hợp các lực lượng (trong nước và quốc tế). *Thứ hai*, theo Người, còn phải biết sắp xếp lực lượng sao cho phù hợp với mục tiêu đấu tranh và tình hình cụ thể của cách mạng. *Thứ ba*, trong việc kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn

(4) Robert S. McNamara : *Nhìn lại quá khứ. Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 316

(5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 171

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t. 1, tr 200

Digitized by Google

mạnh đến việc biết dựa vào sức của mình là chính. Nguyên tắc này đã được Người nêu lên và nhấn mạnh từ rất sớm, trong "Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa" khởi thảo năm 1922. "Tuyên ngôn..." kêu gọi các dân tộc thuộc địa cần phải đoàn kết, giúp đỡ nhau để thực hiện công cuộc giải phóng "bằng nỗ lực của bản thân", "cùng với sự giúp đỡ của các đồng chí ở chính quốc đồng tình với sự nghiệp của chúng ta".

Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc xây dựng lực lượng của bản thân để có "thế" và "lực" trong việc tiếp nhận sự giúp đỡ, sự kết hợp với sức mạnh bên ngoài trong cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc. Bảo đảm nguyên tắc này sẽ giữ vững độc lập tự chủ, bởi vì có lực lượng bản thân mới giữ vững được độc lập tự chủ trên mọi lĩnh vực (kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng). Nếu không thế thì dễ bị phụ thuộc nước ngoài, thậm chí không tránh khỏi sự tấn công bằng kinh tế, bằng những âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực phản động và chủ nghĩa đế quốc quốc tế... Những nội dung, nguyên tắc về sự kết hợp sức mạnh của dân tộc và thời đại này trở thành phương hướng chủ đạo của chúng ta trong giai đoạn mới, khi mà "không thể nào hạn chế những hoạt động hiện tại và tương lai... trong khuôn khổ dân tộc thuần túy... những hoạt động đó có muôn vàn sợi dây liên lạc với cuộc đấu tranh chung của thế giới tiến bộ..." (7). Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại đã được tiếp thu và phát huy trong đường lối, chính sách của Đảng ta, trong hoạt động của nhân dân ta để xây dựng đất nước, đánh thắng ngoại xâm bằng lực lượng của bản thân là chính, kết hợp với sự hợp tác, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.

Đại hội lần thứ VIII của Đảng ta đã xác định đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại với tinh thần "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" (8). Đường lối này đã quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại trong điều kiện tình hình mới của lịch sử. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư (khóa VIII) đã khẳng định ra sức phát huy nội lực và nâng cao hiệu quả sự hợp tác quốc tế, để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đó là đã cụ thể hóa đường lối của Đại hội VIII và tiếp tục quán triệt một cách sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều này hoàn toàn phù hợp với tình hình mới, khi "chiến tranh lạnh" kết thúc và những điều kiện để hợp tác quốc tế đã mở ra. Tuy nhiên, như Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (tháng 1-1994) chỉ rõ, đất nước ta đang đứng trước những nguy cơ, thách thức lớn. Đại hội VIII tiếp tục nhấn mạnh : các nguy cơ thách thức đó vẫn còn tồn tại, giữa chúng có mối liên hệ tác động lẫn nhau và chúng đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào. "Cơn bão" tài chính - tiền tệ, sự khủng hoảng kinh tế hiện nay ở các nước Đông Á và Đông - Nam Á, là những nước vốn có tiềm năng và tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều năm qua, là một minh chứng hùng hồn về sự bành trướng thế lực, sự phá hoại bằng nhiều phương thức của các lực lượng đế quốc và phản động bên ngoài, về tính không bền vững của những nền kinh tế quốc dân không dựa vào sức mình là chính.

Kinh nghiệm này giúp chúng ta tỉnh táo đề phòng các âm mưu phá hoại, những hành động thiếu thiện chí trong quan hệ đối ngoại. Chúng ta có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, trong đó có tất cả các nước lớn, với nhiều tổ chức, khu vực và trung tâm chính trị - kinh tế quan trọng. Chúng ta có quan hệ buôn bán với hàng trăm nước và lãnh thổ, quan hệ đầu tư với hơn 50 nước. Thị trường càng mở rộng, đối tác ngày càng nhiều, quan hệ tài chính - tiền tệ với các tổ chức quốc tế và các nước càng được khai thông, càng tranh thủ được nhiều nguồn viện trợ, thì càng phải giải quyết nhiều vấn đề như vấn đề lãnh thổ, vấn đề nhân quyền, vấn đề tôn trọng luật pháp, bảo đảm quyền lợi của người lao động Việt Nam trong các công ty nước ngoài đầu tư liên doanh ở nước ta... Lịch sử dựng nước và giữ nước của ông cha ta đã khẳng định rằng, chỉ bằng sức lực của bản thân là chủ yếu mới đạt được những mục tiêu lớn về độc lập dân tộc, tự chủ, tự cường và giàu mạnh. Việc nghiên cứu và thực hiện nội dung, tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII) đòi hỏi phải tìm hiểu sâu sắc, quán triệt đầy đủ, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, nhằm phát huy có hiệu quả cao nhất sức mạnh bản thân trên mọi mặt cũng như trong mối quan hệ quốc tế rộng lớn.❑

---

(7) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr 595

(8) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 120

Digitized by Google

VỀ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ KINH TẾ NÔNG THÔN Ở NƯỚC TA

PHẠM VĂN BỐN *

MẶC dù đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, nhưng nền nông nghiệp nước ta còn lạc hậu với đội ngũ lao động thủ công là chủ yếu và năng suất lao động không cao. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội trong những năm gần đây đã và đang bộc lộ rõ nét những mâu thuẫn và những điểm chưa hợp lý về tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội, nhất là trong việc đầu tư phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Trong các chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, vai trò của ngành nông nghiệp chưa được xem xét một cách thận trọng và đúng mức. Trong các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các vùng kinh tế khác nhau ở nước ta, vấn đề công nghiệp hóa nông nghiệp chưa được đặt ra và giải quyết một cách tốt đẹp. Công nghiệp hóa nông nghiệp ở đây được hiểu là sự nâng dần tỷ trọng lao động công nghiệp, giảm dần tỷ trọng lao động ngoài trời, lao động thủ công, thô sơ, mang tính thời vụ trong cơ cấu lao động và giá thành sản phẩm của ngành nông nghiệp. Để xem xét, nghiên cứu sự cần thiết của việc đầu tư phát triển ngành nông nghiệp và nông thôn bảo đảm sự cân đối chung của nền kinh tế, chúng ta sẽ phân tích, đánh giá một số vấn đề phát sinh trong sự chuyển động và tăng trưởng kinh tế nước ta hiện nay.

Tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng nâng cao thu nhập của các tầng lớp dân cư trong xã hội. Do tăng thu nhập, các khoản dành cho chi dùng cũng tăng lên, trong đó có nhu cầu về ăn uống, lương thực và thực phẩm. Ngoài việc tăng khẩu phần lương thực, cùng với sự gia tăng của thu nhập, đòi hỏi về chất lượng lương thực cũng như các sản phẩm khác được chế biến, tinh chế từ lương thực cũng gia tăng (các nhu cầu về bánh, các món ăn đặc sản, các nhu cầu về lương thực đã qua sơ chế và tinh chế, những sản phẩm đáp ứng nhu cầu ăn, uống cao cấp, rượu, bia, nước giải khát...). Không những thế, nhu cầu về thực phẩm (thịt, trứng, sữa...), những sản phẩm qua chế biến, làm sẵn cũng gia tăng nhanh chóng trong khẩu phần thức ăn của mỗi gia đình. Chính sự gia tăng nhu cầu về sản phẩm của các ngành sơ chế và tinh chế lương thực, thực phẩm sẽ tạo động lực làm tăng mức cầu lương thực, thực phẩm trên thị trường, dẫn đến tăng giá lương thực, thực phẩm cuối cùng, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, tăng mức cung ứng nông sản trên thị trường. Sự tăng nhịp độ phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay góp phần làm tăng nhanh "cầu" nông sản dưới các hình thức khác nhau và kích thích ngành nông nghiệp phát triển.

Vấn đề bảo đảm lương thực, thực phẩm trên thế giới đang là đề tài được các nhà kinh tế quan tâm, nghiên cứu. "Cầu" về nông sản phụ thuộc rất nhiều vào số lượng nhân khẩu và tốc độ gia tăng dân số. Mặc dầu vậy, các nhà kinh tế cho rằng, không thể phát triển kinh tế - xã hội đất nước một cách tăng tốc bằng cách dựa chủ yếu vào phát triển ngành nông nghiệp. Quan điểm của chúng tôi cho rằng : cơ sở vững chắc cho việc phát triển mạnh công nghiệp phải là phát triển nông nghiệp một cách hợp lý. Ở nước Mỹ, ngành công nghiệp đạt trình độ cao, tỷ lệ lao động nông nghiệp chỉ chiếm 2%, nhưng nông nghiệp vẫn luôn đóng vai trò quan trọng. Ngoài việc bảo đảm lương thực cho hơn 250 triệu dân, ngành nông nghiệp còn giữ vị trí quan trọng trong hoạt động xuất nhập khẩu. Năm 1996, kim ngạch xuất khẩu lương thực của Mỹ đạt tới 50 tỉ USD, gần bằng tổng số vốn đầu tư nước ngoài vào Mỹ (60 tỉ USD). Với nước ta, một nước nông nghiệp với gần 70% lao động xã hội là lao động nông nghiệp, thì vai trò của ngành nông nghiệp càng không thể xem nhẹ. Một

* PTS kinh tế, Tổng cục Đầu tư phát triển, Bộ Tài chính

Digitized by Google

mặt, ngành công nghiệp chưa thể bảo đảm đủ được việc làm cho lực lượng lao động có thể giải phóng từ nông nghiệp trong một thời gian ngắn. Mặt khác, nếu không chú trọng phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn một cách đúng mức, thì một phần lực lượng lao động sẽ rời bỏ ruộng đồng đến tìm việc làm tại các đô thị, trong điều kiện kết cấu hạ tầng cơ sở (kinh tế, văn hóa, xã hội, môi sinh...) chưa được đáp ứng phù hợp sẽ tạo sự căng thẳng và gây sức ép lớn cho môi trường sinh thái và quá trình phát triển kinh tế đô thị. Kinh nghiệm của các nước đang phát triển châu Á có điều kiện tương đối gần với chúng ta (Trung Quốc, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a...) cho thấy, muốn đạt tới một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững thì cần thiết phải đầu tư thích hợp vào phát triển ngành nông nghiệp. Phát triển sản xuất nông nghiệp góp phần bảo đảm an toàn lương thực trong nước, tạo nguồn tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, nhất là trong điều kiện nhu cầu vốn đầu tư phát triển của nền kinh tế còn rất lớn, (đến năm 2010 từ nội tại nền kinh tế nước ta mới chỉ tự bảo đảm được 50 - 60% nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội).

Thị trường tự do không thể tự chỉnh sửa được các khuyết tật do chính nó sinh ra, nhất là các vấn đề xã hội nổi cộm hiện nay là nghèo đói, lạc hậu. Sự vượt trội tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp và dịch vụ so với nông nghiệp, kinh tế đô thị so với nông thôn dẫn đến sự gia tăng khoảng cách thu nhập của các hộ gia đình nông dân và thành thị. Vì vậy, nó tạo nên tâm lý căng thẳng trong xã hội, gia tăng số hộ nghèo đói và những vấn đề xã hội phát sinh từ đói nghèo (thất học, mù chữ, các tệ nạn xã hội, cờ bạc, nghiện hút...). Hiện nay, ở nước ta có tới 90% lao động nông nghiệp là chưa được qua đào tạo, dạy nghề. Tỷ lệ mù chữ ở những vùng sâu, vùng xa còn rất lớn, có vùng lên tới 40 - 50% dân số. Do đó, đòi hỏi Chính phủ phải có những chính sách thích hợp trong điều tiết, phân phối và phân phối lại thu nhập một cách hợp lý.

Một vấn đề cần quan tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay là sự chênh lệch về cơ hội đầu tư giữa thành thị và nông thôn. Do kết cấu hạ tầng cơ sở tương đối thuận lợi hơn so với nông thôn nên năng suất lao động ở khu vực công nghiệp và dịch vụ cao hơn dẫn đến cơ hội đầu tư và tỷ suất lợi nhuận ở khu vực sản xuất công nghiệp và dịch vụ cao hơn đáng kể so với khu vực sản xuất nông nghiệp. Theo quy luật hoạt động của thị trường, vốn đầu tư sẽ được tập trung và dần dịch chuyển sang khu vực sản xuất có tỷ suất lợi nhuận cao hơn. Như vậy, khu vực sản xuất nông nghiệp vốn đã rất thiếu vốn đầu tư, nay lại có nguy cơ bị thu hút sang các ngành, lĩnh vực kinh tế khác. Chính vì vậy, việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cho ngành nông nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Do đó, đòi hỏi chúng ta thực hiện những giải pháp khuyến khích thích hợp nhằm làm tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh. Để tăng tỷ suất lợi nhuận của ngành nông nghiệp, các hộ nông dân cần khắc phục tình trạng gieo cấy cầm chừng, quan tâm đến áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động. Điều quan trọng là trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải bảo đảm diện tích gieo cấy cây lương thực, thực phẩm, tránh ảnh hưởng xấu đến chính sách an toàn lương thực và phát triển kinh tế nông thôn hiện nay.

Các quan hệ thị trường ở nông thôn hiện nay chưa có những chuyển biến đáng kể theo hướng tích cực. Ở một số vùng, người nông dân vẫn chưa thoát khỏi tư duy sản xuất tự cung, tự cấp. Thị trường các yếu tố sản xuất nông nghiệp và nông sản chưa thật sự phát triển do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có yếu tố kết cấu hạ tầng cơ sở yếu kém, thiếu các cơ sở trung tâm thương mại liên vùng, liên xã... Quá trình lưu thông hàng hóa ở nông thôn còn gặp nhiều ách tắc, kéo theo chi phí giao dịch lớn. Trên thị trường vốn đầu tư chưa có cơ chế phù hợp nhằm tháo gỡ những vướng mắc, giải phóng nguồn lực trong dân. Người có nhu cầu vốn chưa có điều kiện thật sự thuận lợi để "gặp gỡ" những nguồn vốn nhàn rỗi, dẫn đến việc bỏ lỡ các cơ hội đầu tư tốt, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Trong nông thôn còn tiếp diễn tình trạng cho vay nặng lãi, chưa có chính sách khuyến khích tiết kiệm thích ứng. Việc sử dụng vốn đầu tư của xã hội còn lãng phí, hiệu quả thấp. Thị trường sức lao động ở nông thôn chưa phát triển, việc huy động và sử dụng tài nguyên sức lao động còn nhiều lãng phí.

Digitized by Google

Muốn giải quyết thành công vấn đề phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn cần dựa trên quan điểm thực hiện đồng bộ hệ thống các biện pháp kinh tế liên quan và phụ thuộc lẫn nhau. Dưới đây, chúng tôi xin nêu các biện pháp quan trọng :

Một là, *xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.* Các vấn đề đói nghèo, chậm phát triển ở nông thôn đều xuất phát từ yếu kém về cơ sở hạ tầng. Kết cấu hạ tầng ở nông thôn là đường giao thông, cầu, cống, công trình thủy lợi, điện, nước, thông tin liên lạc. Hầu hết các vùng nông thôn ở nước ta nằm trong tình trạng lưu thông hàng hóa bị ách tắc, vì kết cấu hạ tầng yếu kém. Việc vận chuyển vật tư nông nghiệp như phân bón, nông sản rất khó khăn và tốn kém (chi phí vận chuyển cao nên giá vật tư cao, trong khi đó giá bán nông sản phẩm lại thấp). Vì vậy, vấn đề sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nông thôn cần phải được chú trọng nhiều hơn nữa trong các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của vùng, bảo đảm cho đường ô tô đến tận xã.

Ngoài việc xây dựng hệ thống giao thông nông thôn, cần chú trọng đến các vấn đề tưới tiêu, thủy lợi nhằm từng bước giảm đến mức tối đa những ảnh hưởng xấu của điều kiện tự nhiên, khí hậu, thời tiết đến mùa vụ. Xây dựng và phát triển các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác bảo đảm cho nông dân được thụ hưởng đầy đủ các dịch vụ, phúc lợi xã hội như y tế, văn hóa, giáo dục... Xây dựng các khu dân cư tập trung, thị trấn, thị tứ bảo đảm được những điều kiện cho cuộc sống, sinh hoạt và làm việc, nhằm tạo thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn một cách có hiệu quả. Mặt khác, cần bảo đảm đầy đủ các thông tin kinh tế, văn hóa, xã hội một cách kịp thời, thuận tiện, giúp cho các nhà đầu tư có đầy đủ các tin tức, dữ kiện về thị trường, có điều kiện giao lưu kinh tế thuận lợi, bảo đảm môi trường đầu tư lành mạnh trong nông nghiệp và nông thôn.

Hai là, *đẩy mạnh công tác khuyến nông ở nông thôn.* Cùng với việc đầu tư vào xây dựng và phát triển các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông thôn, cần coi trọng công tác nghiên cứu khoa học phục vụ nông nghiệp và khuyến nông. Do đặc thù của ngành nông nghiệp, việc tăng năng suất lao động và tăng diện tích canh tác có nhiều hạn chế so với việc nghiên cứu, lai tạo những giống cây trồng, vật nuôi thích hợp cho năng suất cao. Việc áp dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ sinh học tiên tiến, có giống lúa cao sản, ngắn ngày giúp cho người nông dân không những tăng năng suất gieo trồng mà còn bảo đảm cho công việc thu hoạch kịp thời vụ, trước mùa lũ (nhất là đối với các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long), thực hiện phương châm chung sống với lũ. Việc đào tạo đội ngũ khuyến nông có chuyên môn cao, tiếp xúc, chuyển giao công nghệ đến tận các hộ nông dân cần phải được chú trọng đúng mức. Ngoài việc chuyển giao công nghệ, các cán bộ khuyến nông còn phải hướng dẫn nông dân gieo trồng các loại cây có giá trị hàng hóa cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, điều kiện địa hình, địa chất của vùng. Cần chú trọng đặc biệt đến việc hoàn thiện khâu bảo quản và chế biến sau thu hoạch nhằm giảm tỷ lệ hao hụt và nâng cao chất lượng sản phẩm. Theo đánh giá, hiện nay ở nước ta tỷ lệ hao hụt sau thu hoạch còn ở mức lớn (chiếm tới 10% sản lượng nông sản do bị chuột phá, mốc, mọt). Tỷ lệ qua chế biến chỉ đạt từ 60 - 65%, chất lượng gạo không cao, hạt nhỏ và tấm nhiều.

Cần khuyến khích đầu tư vào công tác khuyến nông giúp cho nông dân giải quyết về cây trồng và vật nuôi. Đặc biệt đối với vùng cao, vùng sâu, vùng xa đồng bào còn sống du canh du cư, chặt phá rừng làm nương rẫy, có cuộc sống không ổn định. Hiện nay, ở nước ta còn khoảng 504 000 hộ sống du canh du cư (3 065 000 người) cuộc sống cực kỳ khó khăn ; tỷ lệ hộ đói nghèo còn lớn. Đối với đồng bào dân tộc số hộ đói nghèo chiếm 65,85%, dân tộc Kinh chiếm 38% (mức thu nhập dưới 60 000 đồng/tháng). Các hộ còn thiếu ăn từ 3 - 6 tháng chiếm 33,6% số hộ đói nghèo. Đầu tư vào công tác khuyến nông phù hợp góp phần thực hiện các chương trình quốc gia như Chương trình 327, định canh định cư, xóa đói giảm nghèo, chuyển đổi cơ cấu cây, con... Thông qua công tác khuyến nông sẽ phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, nâng cao đời sống của nông dân và đẩy mạnh phát triển quan hệ kinh tế thị trường trong nông nghiệp và nông thôn hiện nay.

Ba là, *phát triển các quan hệ kinh tế thị trường ở nông thôn.* Phần lớn ở nông thôn Việt Nam chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất tự cung tự

Digitized by Google

cấp. Các quan hệ thị trường trong nông thôn chưa thật sự phát triển, thể hiện qua việc gieo trồng loại hình cây trồng khác nhau phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt là chính. Với cơ cấu cây trồng như vậy, sẽ không phát huy được hết khả năng, thế mạnh của từng vùng. Do vậy, phát triển quan hệ thị trường ở nông thôn sẽ giúp nông dân nâng dần giá trị hàng hóa sản phẩm nông nghiệp của mình trên cơ sở chỉ gieo trồng những loại cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Mặt khác, nó sử dụng có hiệu quả những giá trị được tạo ra trong xã hội.

Việc phát triển quan hệ kinh tế thị trường ở nông thôn phải đi liền với việc phát triển hệ thống thương mại, dịch vụ rộng khắp. Khi hệ thống thương mại phát triển thì sự chênh lệch giữa giá thu mua từ người nông dân và giá bán buôn tại thành phố sẽ không lớn. Nông dân sẽ không bị ép giá và lãi suất của các công ty thương nghiệp sẽ tiến dần tới lãi suất bình quân của ngành, chi phí giao dịch sẽ nhỏ hơn, nông dân thuận tiện hơn trong việc mua bán, lưu thông hàng hóa khi cần thiết. Để thực hiện vấn đề này, đòi hỏi phải có cơ chế cởi mở hơn, cho phép các công ty quốc doanh, tư thương tham gia vào cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh, giúp cho bên mua, bên bán tiếp xúc với nhau một cách dễ dàng. Không nên phân biệt đối xử với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau tham gia vào thị trường sản phẩm nông nghiệp và nông thôn. Cần khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong xã hội tham gia hoạt động kinh tế đối ngoại, tìm kiếm thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông sản, góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước, làm sôi động hơn nữa thị trường nông sản hiện nay.

Bốn là, *chú trọng phát triển công nghiệp chế biến tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội.* Giá trị sản phẩm ngành nông nghiệp sẽ cao hơn nếu Chính phủ có chính sách khuyến khích đầu tư thích hợp cho việc phát triển ngành công nghiệp chế biến ngay trên vùng nguyên liệu. Nông sản ở nước ta hiện nay chủ yếu là nguyên liệu thô hoặc mới chỉ qua sơ chế giản đơn. Tuy nhiên, phát triển công nghiệp chế biến phải trên cơ sở quy hoạch hợp lý giữa các ngành, địa phương nhằm bảo đảm và mở rộng thị trường tiêu thụ. Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, nhất là chế biến sâu và tinh chế sẽ giúp chúng ta giải quyết một loạt các vấn đề ở nông thôn hiện nay như :

- Nâng dần giá trị hàng hóa, nông sản kể cả sản phẩm dành cho xuất khẩu ;
- Tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động trong nông thôn, nhất là trong lúc nông nhàn ;
- Giảm chi phí vận chuyển nguyên liệu dẫn đến giảm chi phí sản xuất trong giá thành sản phẩm ;
- Làm gia tăng nhu cầu để phát triển thị trường nông sản sẽ khuyến khích các nhà đầu tư phát triển sản xuất trong nông nghiệp và nông thôn.

Việc chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông sản còn góp phần giải quyết một loạt các vấn đề xã hội khác trong nông thôn, rút ngắn lại khoảng cách đang có nguy cơ ngày càng doãng ra giữa thu nhập của người sản xuất nông nghiệp và người sản xuất công nghiệp, thực hiện công bằng xã hội.

Năm là, *chính sách giá cả phù hợp, tạo điều kiện cho sản xuất phát triển.* Vừa qua, Chính phủ đã có nhiều biện pháp thu mua nông sản (nhất là lúa) nhằm khống chế giá lúa trên thị trường, bảo đảm cho người nông dân có lợi trong việc trồng lúa. Mặc dù giá lúa đã được nâng lên mức 1 750 đồng - 1 800 đồng/kg thóc loại tốt ở miền Nam và 2 200 đồng - 2 300 đồng/kg ở miền Bắc, nhưng công tác tổ chức quản lý thu mua lúa còn gặp nhiều khó khăn, tình trạng nông dân bán sản phẩm của mình thấp hơn so với giá quy định của Chính phủ còn khá phổ biến. Bằng nhiều thủ đoạn ép giá, tư thương đưa ra các lý do khác nhau như lúa chất lượng kém, hạt nhỏ, lép... làm cho nông dân buộc phải bán với giá thấp hơn. Một số cán bộ mua lúa đã ghi khống số lượng, thông đồng với tư thương nhằm ăn chênh lệch giá. Việc quản lý mua lúa chưa tốt đã làm cho chính sách mua lương thực của Chính phủ chưa có hiệu quả như mong muốn.

Như vậy, giải pháp giá cả là một trong những giải pháp tích cực. Tuy nhiên, hiệu quả kinh tế của nó phụ thuộc rất nhiều vào hiệu quả của công tác quản lý và thực hiện, gắn quyền lợi và trách nhiệm, nghiêm trị tổ chức, cá nhân (bất kể thành phần kinh tế nào) đầu cơ, bắt chẹt người dân, vi phạm pháp luật.❑

Digitized by Google

CÁI NHÌN BIỆN CHỨNG VỀ VĂN HÓA DÒNG HỌ

VŨ NGỌC KHÁNH *

VẤN đề gia đình, từ lâu đã được Ăng-ghen nghiên cứu. Tác phẩm của ông, bản in lần thứ nhất vào năm 1884, có tên là "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và nhà nước". Tác phẩm của Ăng-ghen đã thành mẫu mực cho chúng ta nghiên cứu về nguồn gốc gia đình. Rất tiếc là Ăng-ghen không đặt vấn đề nghiên cứu về gia đình phương Đông - điều mà sau này Hồ Chí Minh đã có lần lưu ý : Ta phải điều chỉnh học thuyết Mác, và củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông.

Tuy vậy, rải rác ở một vài nơi, những chỉ dẫn của Ăng-ghen vẫn rất có ích cho chúng ta. Có lúc ông đã đi vào những chi tiết nhỏ, như muốn nhắc ta lưu ý đến cả những khái niệm thông thường. Ông nói : Những danh hiệu như cha con, anh em, chị em, không phải chỉ đơn thuần là những danh hiệu tôn vinh, mà còn bao hàm những nghĩa vụ hoàn toàn rõ rệt và rất nghiêm túc của người ta đối với nhau, và toàn bộ những nghĩa vụ đó, họp thành một bộ phận trọng yếu trong chế độ xã hội của những dân đó. Một lần khác, ông lại cho thấy việc nghiên cứu dòng họ là vấn đề rất khó, nhiều tác giả chưa giải quyết được. Gens trong tiếng la tinh, genos trong tiếng Hy lạp lại đặc biệt được dùng để chỉ một tập đoàn cùng dòng máu, tập đoàn này tự hào là cùng chung một dòng họ và được những thiết kế xã hội và tôn giáo nhất định, gắn bó lại thành một cộng đồng riêng biệt, cho đến nay, nguồn gốc và bản chất vẫn còn mù mịt đối với tất cả các nhà sử học của chúng ta.

Như vậy, vấn đề gia đình và dòng họ đã từng là vấn đề học thuật, vấn đề lý luận mà những nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác rất quan tâm. Song đã khá lâu, ít người trong chúng ta dám mạnh dạn đi vào vấn đề gia đình và dòng họ, hoặc khi nào phải nhắc đến thì thường dè dặt. Vì vấn đề dòng họ, riêng trong phạm vi nước ta có nhiều mối tương quan, không dễ gì một lúc có thể giải đáp hết.

Vấn đề nêu trong bài này được khoanh lại là vấn đề văn hóa dòng họ và chủ yếu về văn hóa dòng họ Việt Nam.

Tất nhiên, không phải chỉ ở Việt Nam mới có vấn đề dòng họ. Ở Trung Quốc, giới nghiên cứu đã hình thành một ngành tộc phả học, có khả năng xuất hiện từ đời nhà Chu, trước Công nguyên hàng thế kỷ. Ở Hàn Quốc vấn đề này cũng đã được chú ý từ vài ba trăm năm, (trước Công nguyên). Ở châu Âu, việc nghiên cứu nguồn gốc lịch sử các dòng họ quý phái (các vua chúa, các nhà đại gia) đã có từ thế kỷ XVI với nhiều bộ sách. Ở Mỹ lịch sử gia tộc được xem là thuộc phạm vi gia tộc sử. Tộc người và văn hóa, ở khắp nơi, luôn luôn được xem là vấn đề hấp dẫn. Có nhiều hội thảo quốc tế đã được tổ chức như Hội thảo ở Xơ-un (thủ đô Hàn Quốc), Hội nghị tộc phả học thế giới, tổ chức vào mùa hè 1991. Gần đây, các tài liệu hội thảo, các công trình nghiên cứu xa gần đã được đưa vào Việt Nam.

Dòng họ là một thực thể xã hội mang tính phổ quát, chung cho cả loài người và các thời đại. Ở Việt Nam khởi đầu là từ quan niệm huyết thống và cội nguồn. Ở đây có vấn đề tín ngưỡng thờ phụng tổ tông. Người dân nào ở nước ta cũng tin rằng mình có một vị tổ và dòng họ của mình là từ dòng máu sơ khởi của ông, bà tổ tiên ấy. Con người có chung một tộc, cả dân tộc cùng chung một tổ Hung Vương và cùng chung một bọc (đồng bào) đều là con rồng cháu tiên. Vậy là ta có thể ở trong một họ nhất định, tất cả các họ ấy cũng chính là anh em, chị em trong một họ lớn. Cách xưng hô của chúng ta với người không cùng một họ, ta vẫn gọi là bác, cô, dì, anh, chị v.v. (Việt Nam không có ngôn ngữ xã hội trung tính). Các ông Thần ở Việt Nam cũng có họ với nhau (có đại vương cả, đại vương hai...). Hình như trên thế giới rất ít hiện tượng này. Đó là một khía cạnh độc đáo về quan niệm họ hàng ở Việt Nam. Nếu chỉ hiểu khái niệm họ trong phạm vi gia tộc mình thì sẽ không đầy đủ và lầm tưởng rằng chúng ta có tư tưởng hẹp hòi.

* PGS, Viện nghiên cứu Văn hóa dân gian

Digitized by Google

Từ thực tế trên, ta thấy rõ hơn một khuynh hướng chung của các thành viên trong dòng họ. Đó là cái ý thức *lịch sử hóa*, ý thức tầm nguyên về dòng họ mình. Ai cũng tin và muốn rằng, dòng họ mình có nguồn gốc lâu đời, các cụ viễn tổ, cao tổ đã sống vào thời đại xa xưa, mặc dầu giờ đây không thể truy tìm lai lịch được nữa. Điều tin tưởng này nhiều khi không có cơ sở, nhưng thật ra không sai. Mỗi dòng họ đều phải có vị thủy tổ, và phải có sự tiếp nối lâu dài, nên mới có sự thực ngày nay. Cách nhìn *lịch sử hóa* như vậy là một cách nhìn văn hóa.

Đi đôi với khuynh hướng *lịch sử hóa* là khuynh hướng *huyền thoại hóa*. Điều này cũng là tự nhiên và dễ hiểu. Không thể biết chắc là tổ tiên xưa đã có những thành tích cụ thể gì, nhưng người ta sẵn sàng tin rằng một vị thủy tổ xa vời như vậy, đã có công phù hộ cho cháu con được truyền đời kế thế thì nhất định đó là một nhân vật phi thường. Liên quan đến khuynh hướng *huyền thoại hóa* này, còn có cả yếu tố tâm linh sâu sắc : niềm tin vào sự phúc đức lưu truyền (cha mẹ hiền lành để đức cho con) tin vào sự phù trì mầu nhiệm (thường dành cho vị tổ nào đó về phía nữ v.v.). Không ai cắt nghĩa được điều này, nhưng hầu như đa số đều tin là có thực. Không biết rồi đây có thể chứng minh bằng phương pháp khoa học thực nghiệm hay không, nhưng xét cho cùng thì vấn đề lòng thành, vấn đề hướng vào sự linh thiêng, và việc thiện cũng không có gì đáng chê trách. Đương nhiên phải loại trừ những bọn theo lý thuyết vu - hoặc để lừa các gia chủ, bịa chuyện cúng quảy.

Đó chính là quan niệm cội nguồn của dân tộc ta trong vấn đề dòng họ. Quan niệm này thiên về khía cạnh đạo đức luân lý nhiều hơn khía cạnh xã hội, không đề cập đến vấn đề hình thái kinh tế hay vấn đề giai cấp. Như vậy, quan niệm và tình cảm về dòng họ ở Việt Nam là chính đáng ngay từ nguyên thủy và rất căn bản.

Trên quá trình vận động của lịch sử, dòng họ đã có một vai trò quan trọng, một tác động lớn lao. Trước hết là tùy mức độ khác nhau, nhưng dòng họ nào cũng ghi được những trường hợp đặc biệt, có ảnh hưởng lớn. Đó là sự ra đời của những nhân vật kiệt xuất, những nhân tài của đất nước hay của địa phương ở một chặng thời gian nào đó. Đất nào cũng có anh hùng và đều là người con của gia đình, dòng họ. Người đó sẽ làm vinh dự cho dòng họ, toàn thể họ hàng và dân chúng sẽ hướng về họ để tôn vinh, tự hào. Rồi từ con người này sẽ phát huy tính tích cực cho cả dòng họ ấy. Tùy theo hoàn cảnh và thực lực, dòng họ ấy sẽ được quý tộc hóa, hoặc *trí thức hóa, chuyên môn hóa* v.v. để bảo vệ thanh danh, tiếp tục cái vinh quang mà nhân vật kiệt xuất kia để lại. Hầu hết các họ trong nước ta đều có hướng đi này, và nhờ thế đã có những đại tộc, đại tôn rực rỡ. Điều quan trọng và đặc sắc ở nước ta (các nước cũng có nhiều, song trừ Trung Quốc ra thì không đậm lắm) là những dòng họ ấy đều có vai trò vĩ đại trong lịch sử. Lịch sử nước ta trước đây đều là của các họ Đinh, Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê, Mạc, Trịnh, Nguyễn... Triều đại phong kiến đã làm cho một số dòng họ thăng hoa (hay ngược lại). Tầm vĩ mô (cả nước) và tầm vi mô (ở địa phương) đều đi theo hướng chung như vậy. Có trường hợp khởi thủy mỗi gia tộc cư trú thành các làng riêng. Công lao lập làng của từng dòng họ, nên tên làng lấy luôn tên họ để đặt (Lê Xá, Mạc Xá, Đặng Xá, Cao Xá, Dương Xá v.v...) Những làng có tiếng tăm là nhờ có những dòng họ xuất sắc ví như "Họ Đinh đánh giặc, họ Đặng làm quan". Có những dòng họ không quý tộc hóa, trí thức hóa nhưng lại phụ trách một nghề nghiệp nào đó, cũng trở nên là niềm vinh dự của làng. Văn hóa làng có thể nói, chủ yếu là văn hóa của dòng họ xây đắp. Các dòng họ đã đặt ra những tộc ước, có nhiều nhà nho đã soạn các quyển gia lễ, gia huấn ca v.v. để dạy dỗ con em. Từ những mặt tích cực của dòng họ, nhiều cán bộ cách mạng, nhiều đảng viên sau này đã có ý thức về dòng họ của mình, cũng như ý thức về dân tộc, đoàn thể và ý thức đảng [1]. Ở đây, rõ ràng vấn đề gia phong - truyền thống (của gia đình và của dòng họ) đã trở thành một yêu cầu văn hóa, góp phần vào bản sắc văn hóa Việt Nam ngay ở từng đơn vị cơ sở. Nó đã trở thành một động lực thúc đẩy sự phát triển văn hóa - xã hội Việt Nam. Trong văn hóa dân tộc, có văn hóa làng và có văn hóa họ tộc.

Quan niệm dòng họ sâu sắc đã mặc nhiên thấm vào tâm hồn, vào nhận thức của dân tộc ta. Tình nghĩa họ hàng luôn luôn được trân trọng. Tác dụng của việc giáo dục qua dòng họ cũng khá lớn. Ta biết có những tộc ước với quy định chặt chẽ, con cháu thân sơ vi phạm các quy ước ấy sẽ bị kỷ luật nặng nề. Ngay trong gia đình, vua chúa cũng vậy. Sử sách

(1) Có thể xem cuốn *Bất Khuất* của Nguyễn Đức Thuận, ra đời cách đây mấy chục năm, người đảng viên bị tra tấn, hãm hại trong hầm cọp của chính quyền ngụy, đã nghĩ đến dòng họ của mình, để tự ý thức không thể làm mất thanh danh của dòng họ

Digitized by Google

chép rõ là vào thế kỷ XIII, Trần Ích Tắc vì phản bội đất nước, đầu hàng quân Nguyên nên đã bị tước họ Trần.

Nhưng cũng như nhiều lĩnh vực khác, vấn đề dòng họ vẫn còn những hạn chế nhất định. Trong phạm vi dòng họ, vẫn có chuyện phân biệt giàu nghèo, cánh trên cánh dưới chèn ép, tranh giành ngôi thứ, chuyện thù hằn dòng họ diễn ra ở một số vùng nông thôn trước đây và cả hiện nay. Tình trạng này đã xâm hại, làm mất đi cái đẹp trong văn hóa dòng họ đã đi ngược lại truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, trên đà "mở cửa" và "đổi mới", đang có hiện tượng "phục hưng" các dòng họ. Nhiều người, kể cả cán bộ đảng, cán bộ quân đội, nhà nước về hưu đã tích cực trong việc vận động, củng cố lại nhà thờ họ, củng cố lại tổ chức họ. Nhiều dòng họ đã cử người viết lại tộc phả, thuê dịch tộc phả bằng chữ Hán ra chữ quốc ngữ. Nhiều cuộc hội thảo về một số dòng họ lớn đã được tổ chức. Một số sách về các nhân vật xuất sắc của dòng họ này hay dòng họ khác cũng đã được in ra. Thực tế ấy đòi hỏi chúng ta nên quan tâm, và có cái nhìn biện chứng về văn hóa dòng họ.

Hiện nay, trên toàn cầu khi công nghiệp hóa, hiện đại hóa được đẩy mạnh, thì lại có xu hướng "trở về nguồn" để giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc, tìm về truyền thống để giúp con người tránh khỏi sự tha hóa, chống lại những ảnh hưởng ngoại lai độc hại.

Hiện tượng được gọi là "phục hưng" dòng họ trên đây nên được quan niệm thế nào, xử lý ra sao ? Chúng tôi xin nêu một số suy nghĩ sau đây :

1 - Trước hết, "phục hưng" dòng họ vốn là một hiện tượng tốt. Việc mọi người đi tìm lại dòng họ, viết lại gia phả, cùng nhau xây dựng lại nhà thờ họ, tổ chức lễ giỗ tổ v.v. là việc có thể đồng tình. Theo tôi, các cấp chính quyền nên tạo điều kiện cho họ. Hiện nay có khuynh hướng đây đó muốn lập đền thờ để cúng tế danh nhân trong dòng họ. Điều này cũng có thể chấp nhận được, bởi lẽ dân tộc ta xưa nay đã lập các đền thờ những người có công với nước, các vị anh hùng... Vì thế mới có nhiều di tích đáng tự hào. Tuy nhiên, việc lập đền thờ cần có sự tham khảo ý kiến của các nhà khoa học (với các thành hoàng, thánh thần phải có hồ sơ di tích, với các danh nhân dòng họ phải lập hồ sơ xin phép xây dựng).

2 - Cần xác định quan điểm chủ đạo, có định hướng rõ ràng không phục cổ, không nhân danh bảo vệ truyền thống để trở lại với những hủ tục tồn kém. Phục hưng có nghĩa là phát huy cái tốt, tăng cường giáo dục các thế hệ, chống lại cái xấu.

3 - Các dòng họ được phục hưng một cách đúng đắn sẽ giúp chúng ta giải quyết được những mâu thuẫn của cuộc sống hôm nay. Ngày nay, với cuộc sống mới, gia đình và gia tộc vẫn phải giành chỗ cho cá nhân, vẫn có đời sống phong phú, mà không chống lại gia đình, gia tộc. Giữ được điều đó thì dù lớp trẻ trong gia đình có chạy theo "cái mới", cũng không lo bị quên mất gốc.

4 - Về căn bản (xét theo tiến hóa sử) thì gia đình, gia tộc ngày xưa thích hợp với kinh tế tự túc, cống nạp, nhưng nay không thích hợp với kinh tế thị trường. Nếu nữa duy trì tự túc, cống nạp sẽ hạn chế cá nhân, ràng buộc cá nhân trong chiếc dây vô hình họ tộc. Cần mở rộng cho cá nhân, tạo niềm tin và sự tự hào về dòng họ mình mà vươn lên, phấn đấu chứ không phải bằng lệ họ, lệ làng.

5 - Một điều cũng rất quan trọng trong nhận thức khi tiến hành công cuộc phục hưng dòng họ, đó là nâng cao nhận thức của hai thế hệ già và trẻ. Già thì chăm lo giáo dưỡng, giáo dục, tạo tiền đề cho thế hệ trẻ phát triển. Trẻ thì phải luôn nhớ ơn và có đầy đủ tinh thần trách nhiệm với thế hệ già. Đó là quy luật tiến hóa cũng đồng thời là giá trị đạo đức cao đẹp của dân tộc ta.

Trở lại một cái nhìn biện chứng về văn hóa dòng họ cần có quan niệm và nhận thức cho đúng đắn, hơn nữa dòng họ và cá nhân trong dòng họ phải có bản lĩnh. Bản lĩnh ấy tất nhiên là do giáo dục của Đảng, của tập thể, của xã hội, nhưng phần quan trọng nữa phải là ở gia tộc, gia đình. Tác động tích cực của dòng họ đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội Việt Nam trong lịch sử cũng như hiện nay là điều ta phải thừa nhận. Không biết khai thác phần tích cực ấy để bồi bổ cho đường lối giáo dục của Đảng, của Nhà nước, chính là chỗ hạn chế của chúng ta. Còn những khía cạnh tiêu cực, lạc hậu do vấn đề dòng họ sinh ra là vấn đề có thể khắc phục được. Có con người cách mạng, thì có được gia đình cách mạng, có được dòng họ cách mạng có đất nước cách mạng và tạo nên sự nghiệp lớn, sự nghiệp mà ngàn đời ông cha ta chưa thực hiện được là xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.❑

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CẢI CÁCH THỂ CHẾ HÀNH CHÍNH Ở NƯỚC TA

ĐINH VĂN TIẾN* - NGUYỄN THỊ NGÂN**

THỂ chế hành chính nhà nước là một loại thể chế xã hội, là một bộ phận cấu thành quan trọng không thể tách rời của thượng tầng chính trị pháp lý của mỗi quốc gia. Thể chế hành chính nhà nước bao gồm hệ thống các quy phạm và các chuẩn mực được ghi nhận trong hiến pháp, luật và các văn bản pháp quy quy định về tổ chức của nền hành chính nhà nước, về hoạt động của bộ máy hành chính trên các lĩnh vực, và về kiểm soát hành chính... tạo cơ sở, khuôn khổ pháp lý cho nền hành chính nhà nước hoạt động nhằm thực hiện chức năng cai quản xã hội, bảo đảm trật tự pháp luật, kỷ luật nhà nước, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của công dân, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của kinh tế thị trường, duy trì sự phát triển lâu bền của xã hội. Tóm lại, nó là bộ khung pháp lý cho bộ máy hành chính quản lý, điều hành các hoạt động xã hội.

Từ khi thực hiện chính sách đổi mới (năm 1986) đến nay, Nhà nước ta đã tập trung ban hành và xây dựng hàng loạt văn bản luật và dưới luật nhằm điều chỉnh các mối quan hệ trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực các quan hệ kinh tế. Trong hai nhiệm kỳ Quốc hội khóa VIII và khóa IX đã xây dựng một bản hiến pháp mới, 65 luật và hơn 80 pháp lệnh. Đồng thời Chính phủ, các bộ - ngành và các cơ quan ngang bộ đã ban hành hàng nghìn văn bản dưới luật. Riêng năm 1994 số văn bản luật và pháp quy lên tới 104. Điều này chứng tỏ Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm xây dựng và hoàn thiện bộ khung pháp lý cho giai đoạn thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế.

Những kết quả bước đầu về cải cách thể chế hành chính nhà nước.

Đảng và Nhà nước ta xác định, cải cách thể chế hành chính phải đạt hai yêu cầu cơ bản :

Một là, xây dựng thể chế của nền hành chính dân chủ thực hiện quyền lực của dân, phục vụ nhân dân, và thiết lập trật tự, kỷ cương theo pháp luật trong đời sống xã hội.

Hai là, hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường nhiều thành phần, hình thành đồng bộ và vận hành thông suốt các yếu tố của thị trường, tạo sự vận hành và thích ứng của cơ chế kinh tế trong nước với pháp luật và thông lệ quốc tế.

Quá trình cải cách thể chế hành chính đã được tiến hành đồng bộ, sâu rộng và đã có được những kết quả quan trọng ban đầu. Theo một báo cáo của Bộ trưởng Bộ Tư pháp trình trước Quốc hội, sau việc kiểm tra, rà soát lại một số văn bản pháp quy hiện hành đã phát hiện trong 7 059 văn bản pháp quy thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ và các bộ, thì có 2 014 văn bản cần hủy bỏ, 1 107 văn bản cần bổ sung, sửa đổi, số văn bản sai sót chiếm gần 45%. Trong 54 806 văn bản thuộc cấp tỉnh và thành phố trực thuộc có tới 9 985 văn bản cần hủy bỏ và 1 276 văn bản cần được bổ sung, sửa đổi. Để thi hành Bộ luật dân sự (có hiệu lực từ ngày 01-7-1996) cần hủy bỏ 43 văn bản, sửa đổi và bổ sung 49 văn bản và ban hành mới 21 văn bản...

Trong giai đoạn 1995 - 1996, thực hiện cải cách một bước cơ bản các thủ tục hành chính, Chính phủ đã tập trung rà soát, sửa đổi và ban hành bổ sung một số văn bản có liên quan đến thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực trọng điểm như : xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh ; cấp giấy chứng nhận sử dụng đất và giấy phép xây dựng ; cấp phát vốn

* PTS, Quyền Trưởng khoa hành chính doanh nghiệp, Học viện Hành chính quốc gia

** Giảng viên

Digitized by Google

ngân sách ; cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản ; cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh ; giải quyết khiếu nại và tố cáo của dân.

Chính phủ và các bộ, các cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương và địa phương đã bãi bỏ nhiều thủ tục hành chính rườm rà, chồng chéo gây phiền hà cho dân, bớt đi nhiều khâu xét duyệt không hợp lý, không đúng thẩm quyền, không cần thiết. Trong một số lĩnh vực, số thủ tục, giấy tờ đã giảm đi một nửa so với trước. Một số nơi đang tiến hành xây dựng dịch vụ hành chính "một cửa" phục vụ dân (Quận 1, Quận 5 ở TP Hồ Chí Minh, Quận Ba Đình Hà Nội...).

Đẩy mạnh việc giải quyết các khiếu kiện của dân, và của các cơ quan hành chính nhà nước, Tòa án hành chính đã được Quốc hội quyết định thành lập từ cuối năm 1995 và đã đi vào hoạt động từ 01-7-1996. Học viện Hành chính quốc gia và Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng thẩm phán (Trường đại học Luật Hà Nội) đã bồi dưỡng được gần 600 thẩm phán hành chính để bổ sung cho các tòa án hành chính.

Nhằm đổi mới quy trình lập pháp, lập quy nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xây dựng pháp luật, kịp thời thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội bằng pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, ngày 23-11-1996 Quốc hội đã ban hành "Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật".

Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế mới, Chính phủ đã xây dựng một số dự luật kinh tế để trình Quốc hội. Từ năm 1987 cho đến nay Nhà nước đã ban hành hàng loạt luật và pháp lệnh cơ bản về kinh tế như Luật đầu tư nước ngoài (năm 1987), Luật khuyến khích đầu tư trong nước (năm 1994), Luật doanh nghiệp tư nhân (năm 1990), Luật doanh nghiệp nhà nước (năm 1995), Luật phá sản doanh nghiệp (năm 1993), Luật hợp tác xã (năm 1996), Luật đất đai (năm 1987 và được bổ sung năm 1993), Luật lao động (năm 1994), Luật ngân sách nhà nước (năm 1996), Luật thuế (năm 1990)... Tính trung bình trong 3 năm qua mỗi năm có khoảng 6,5 luật được ban hành và nhiều văn bản luật được điều chỉnh, bổ sung cho thích hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Một số mặt tồn tại trong thể chế hành chính cần được khắc phục.

Đó là tình trạng : - Thiếu sự thống nhất về nội dung giữa một số văn bản pháp quy với luật (ví dụ : Khoản 1, Điều 30 trong Pháp lệnh về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính ; Khoản 3, Điều 38, Luật đất đai ; Nghị quyết 14/CP ngày 05-12-1992 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ rừng...). Trong khi có nhiều quy phạm pháp luật cùng điều chỉnh một loại quan hệ thì lại có hiện tượng bỏ sót những đối tượng phải điều chỉnh. Ví dụ : Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiều công văn hướng dẫn việc thực hiện xét ưu đãi cho các doanh nghiệp phải có sự tham khảo ý kiến của Sở Tài chính và Ngân hàng tỉnh (Khoản 2, Điều 2), trong khi đó, Cục thuế và Cục đầu tư phát triển là những cơ quan trực tiếp quan hệ tới những việc miễn giảm thuế và hỗ trợ đầu tư lại không được tham khảo.

- Vừa thiếu, vừa thừa văn bản vẫn là một vấn đề nổi cộm. Có những văn bản đã hết hiệu lực chưa được bãi bỏ, hoặc cần phải bãi bỏ nhưng vẫn được duy trì một cách có ý thức nhằm mục đích có lợi cho một số ngành và cơ quan. Ví dụ : rà soát lại 22 văn bản của Ủy ban nhân dân TP Việt Trì có liên quan đến Luật dân sự thì có 12 văn bản hết hiệu lực do ban hành trái thẩm quyền, 7 văn bản cần bổ sung và 4 văn bản cần sửa đổi. Trong khi đó một số lĩnh vực lại chưa có văn bản pháp luật điều chỉnh kịp thời.

- Thiếu cụ thể trong các quy định. Ví du, trong Điều 6, Mục 1 của Thông tư Liên bộ số 01-TT/LB (NHNN-CP-TP) ban hành ngày 03-7-1996 có quy định trong trường hợp doanh nghiệp nhà nước không trả được nợ hoặc bị tuyên bố phá sản thì "... đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ". Trong một văn bản hướng dẫn thi hành luật như vậy, rất cần cụ thể thì ở đây khái niệm "cơ quan nhà nước có thẩm quyền" còn quá chung chung.

- Nhiều quy định chưa sát với thực tế cuộc sống dẫn đến những khó khăn trong việc thi hành. Ví dụ trong Thông tư số 94/TC-TTC ngày 22-12-1995 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục xét miễn thuế theo Luật khuyến khích đầu tư có quy định :

Digitized by Google

"... những cơ sở thành lập trước đây nay chưa tách, nhập, đổi tên... không thuộc đối tượng xem xét...".

- Chậm trễ trong việc quy định chi tiết : luật, pháp luật và nghị định dưới dạng các quy phạm định khung, đối tượng chung chung và còn để một khoảng trống cho các bộ chuyên ngành hoặc liên ngành ban hành những quyết định thông tư hướng dẫn thi hành. Vì vậy tồn tại khá phổ biến hiện tượng các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành luật thường được ban hành rất chậm chễ dẫn đến việc tiếp tục vi phạm pháp luật, kể cả ngay sau khi luật mới có hiệu lực. Ví dụ Luật khuyến khích đầu tư trong nước được công bố ngày 05-7-1994, song đến tận ngày 12-5-1995 mới có Nghị định 29/CP quy định chi tiết việc thi hành và đến ngày 27-7-1995 Ủy ban Kế hoạch nhà nước (nay là Bộ Kế hoạch Đầu tư) mới ban hành thông tư số 06/UB-QLKT quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư trong nước...

- Chưa chỉ định rõ những quy định cũ cần bãi bỏ : nhiều văn bản luật và nghị định thường có câu : "Những quy định trước đây trái với văn bản này, đều bãi bỏ" trong khi có rất nhiều văn bản thuộc loại "trước đây" vẫn được vận dụng vì lý do này hay lý do khác. Ví dụ : sau khi đã có Hiến pháp năm 1992 và Luật doanh nghiệp nhà nước trong đó có nói rõ quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của doanh nghiệp độc lập, nhưng ngành tài chính vẫn thực hiện chế độ duyệt quyết toán hằng năm với mọi doanh nghiệp nhà nước như cũ, không coi đó là việc làm trái với Hiến pháp và luật vì không có văn bản nào ghi rõ việc bỏ chế độ quyết toán.

- Có tình trạng luật, pháp lệnh, nghị định có nhiều điều mới, song thông tư hướng dẫn thi hành và văn bản của cấp dưới, sự giải thích của những người có quyền, và các thủ tục hành chính lại gò bó trở lại. Ở đây nguyên nhân chủ yếu nằm ở sự sơ hở trong pháp luật và một số người có quyền đã lợi dụng để tạo nên đặc quyền cho riêng mình.

- Về thủ tục hành chính cũng còn nhược điểm : các thủ tục hành chính chưa được thực hiện đầy đủ ở các ngành, các cấp ; có những quy định về hành chính mới nhưng ở nhiều nơi cách thực hiện thì không mới. Những thủ tục có tính phiền hà, cản trở, tiêu cực sách nhiễu vẫn chưa được ngăn chặn, tháo gỡ. Còn tồn tại sự chồng chéo rườm rà, nhiều đầu mối. Ví dụ thủ tục hành chính trong việc phân bổ ngân sách nhà nước, vốn đầu tư xây dựng cơ bản hiện nay có 2 cơ quan là Bộ Kế hoạch Đầu tư và Bộ Tài chính cùng có chức năng hướng dẫn việc lập ngân sách dẫn đến tình trạng trùng lắp, chồng chéo, nhiều thủ tục, giấy tờ, gây phiền hà, tốn kém ; Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan cùng có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu sinh ra nhiều quy định phức tạp, không cần thiết với 18 loại giấy tờ, 16 cửa, gây phiền hà và tốn kém dễ sinh ra tiêu cực.

- Đơn thư khiếu nại tố cáo của dân còn tồn đọng, chậm được giải quyết và gửi vượt cấp nhiều (khoảng 30%, có nơi 50%), số điểm nóng tăng đáng kể, tình trạng đơn thư khiếu nại bị ùn tắc, có khi kéo dài tới 10 - 13 năm.

Đặc biệt các vấn đề về tranh chấp, khiếu kiện về đất đai diễn ra ngày càng nhiều, gây không ít khó khăn cho việc thực thi các chính sách khác của nhà nước, nhất là trong nông nghiệp và nông thôn. Tính bình quân mỗi ngày các cơ quan quản lý đất ở trung ương nhận được từ 10-12 lá đơn khiếu nại, tố cáo của dân.

Riêng trong lĩnh vực kinh tế có thể nhận thấy rõ tình trạng các đạo luật kinh tế như Luật đầu tư nước ngoài, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật hợp tác xã, Luật đất đai... chậm được triển khai vào cuộc sống, và còn bỏ sót đối tượng cần điều chỉnh. Ví dụ, các đạo luật kinh tế chưa dự kiến hết các tác động điều chỉnh trong nền kinh tế thị trường và các quan hệ kinh tế quốc tế nên nhiều đối tượng tham gia các hoạt động kinh tế thị trường còn nằm ngoài định chế của luật (các công ty hợp doanh và hợp vốn, các trường tư, các cơ quan dịch vụ tư vấn...) ; Pháp lệnh hợp đồng kinh tế chưa bao quát hết các thành phần tham gia quan hệ kinh tế và hình thức quan hệ kinh tế ; các thị trường lao động, thị trường "chất xám", thị trường bất động sản, thị trường thông tin.... chưa có luật điều chỉnh. Hiện tượng độc quyền của một số doanh nghiệp nhà nước đã và đang diễn ra trên các lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ như : điện, nước, xi măng, phân bón, bưu chính và đặc biệt trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, gây nên phàn nàn trong người kinh doanh và người tiêu cùng.

Digitized by Google

Các luật thuế còn nhiều bất cập : không nuôi dưỡng nguồn thu, không bao quát hết nguồn thu, còn nhiều quyết định ngoại lệ tạo lỗ hổng cho mối quan hệ tùy tiện dẫn đến tiêu cực giữa cán bộ thu thuế và người đóng thuế. Cách thức tính thuế còn quá phức tạp với quá nhiều mức thuế, ví dụ thuế doanh thu có tới 16 mức ; còn có sự phân biệt giữa doanh nghiệp trong nước với các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (các tổ chức này chịu thuế chưa bình đẳng so với thuế của các doanh nghiệp trong nước) v.v và v.v. Có thể nói tóm tắt là cải cách thể chế hành chính kinh tế chưa theo kịp sự đổi mới về tư duy kinh tế và thực tiễn đời sống kinh tế của đất nước.

Nguyên nhân và những kiến nghị nhằm đổi mới hơn nữa thể chế hành chính.

Đội ngũ cán bộ tham gia nghiên cứu, xây dựng luật và các văn bản pháp quy còn ít kinh nghiệm, chưa được trang bị kiến thức chuyên môn và điều kiện vật chất cần thiết phục vụ cho việc xây dựng các văn bản luật. Thiếu sự đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền và trách nhiệm ban hành các văn bản pháp luật. Công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền còn buông lỏng, không liên tục, do đó không kịp thời thu thập những thông tin phản hồi về sự sai sót về nội dung, hình thức và trong quá trình triển khai thực hiện. Việc tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật tuy đã được quan tâm, song chưa đạt yêu cầu nên các đối tượng chấp hành chưa hiểu biết đầy đủ, dẫn đến việc thực hiện pháp luật không đúng.

Việc xét xử thi hành án chưa kịp thời, chưa nghiêm, chưa bình đẳng theo pháp luật cho mọi đối tượng vi phạm.

Trong những năm tới, để thực hiện tốt hơn cải cách thể chế hành chính theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội VIII, Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) và Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) thiết nghĩ chúng ta cần :

- Tiếp tục rà soát lại, sửa đổi, xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật (Luật, nghị định, pháp lệnh...), loại bỏ những gì không cần thiết và lỗi thời. Thường xuyên kiểm kê, phân tích, đánh giá hệ thống thể chế hành chính đã có (nhất là thể chế hành chính kinh tế), loại dần sự chồng chéo trái ngược nhau. Tổ chức các nhóm làm thể chế gồm chuyên gia của các ngành để bảo đảm tính khách quan, tránh tình trạng ngành nào làm luật ngành ấy, sinh ra vụ lợi, bảo thủ, cục bộ.

Đổi mới phương pháp xây dựng pháp luật. Nhà nước cần nghiên cứu hình thành một ban xây dựng và tư vấn luật của Quốc hội - Chính phủ để phối hợp với các bộ, ngành tổ chức nghiên cứu chính sách và biên soạn pháp luật. Các quan điểm chỉ đạo cho một văn bản pháp luật phải được định rõ, nhất quán trước khi viết dự thảo văn bản pháp luật. Nhanh chóng triển khai thực hiện để đưa nhanh luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn. Tổ chức nghiên cứu dư luận phản hồi khi đưa bất kỳ một đạo luật hay văn bản pháp luật nào vào cuộc sống để kịp thời sửa đổi, bổ sung, tránh những tổn thất do những quyết định sai gây nên ; tăng cường công tác tuyên truyền giải thích và hướng dẫn thi hành văn bản luật.

Hiện nay cải cách thủ tục "một cửa, một dấu" đang được dư luận đặc biệt quan tâm và có rất nhiều ý kiến ủng hộ. Tuy nhiên, để có thể áp dụng rộng rãi thủ tục "một cửa, một dấu" nhằm giảm phiền hà cho dân, cần phải có một cơ chế khống chế sự "lạm quyền", nếu không "một cửa, một dấu" sẽ không giảm bớt được phiền hà, sách nhiễu cho dân mà lại gây ra một tình trạng tiêu cực khác. Một mặt tích cực xây dựng một đội ngũ công chức hành chính có năng lực, có tri thức khoa học, kỹ năng chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức tốt và có một chế độ đãi ngộ xứng đáng. Mặt khác với sự ra đời của Luật hành chính trong hệ thống thể chế hành chính, nhà nước cần tuyên truyền để mọi người dân hiểu rõ quyền của mình khi tiếp xúc với các cơ quan nhà nước. Ở tất cả các cơ quan nhà nước có chức năng làm việc với dân, cần niêm yết đầy đủ và công khai các thủ tục hành chính ở ngay phòng tiếp dân để tránh lãng phí thời gian và những tiêu cực có thể xảy ra. Trước mắt nên tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề "đánh giá chất lượng và số lượng các văn bản pháp luật trong 10 năm đổi mới (1986 - 1995) và định hướng xây dựng thể chế của nền hành chính cho giai đoạn 1996 - 2000".❑

Digitized by Google

Phát triển kinh tế vườn cây ăn trái ở đồng bằng sông Cửu Long

HỒ TRỌNG VIỆN*

Sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ở nước ta hiện nay đang đặt ra yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp thiết cho nền nông nghiệp cả nước nói chung và cho vùng nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long nói riêng. Đó là *đẩy mạnh sản xuất nông phẩm hàng hóa đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng nhanh của thị trường trong và ngoài nước*, dựa trên sự khai thác, tận dụng lợi thế so sánh của từng vùng, ứng dụng công nghệ sinh học, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân công lại lao động trong nông nghiệp và nông thôn một cách hợp lý, hiệu quả. Theo yêu cầu đó, đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) rất cần phải chú trọng việc đầu tư phát triển kinh tế vườn cây ăn trái, coi đó là một hướng đi đúng đắn, mang tính chiến lược.

Đồng bằng sông Cửu Long hiện có khoảng 199 000 ha vườn cây ăn trái, chiếm 88% diện tích vườn cây ăn trái của cả Nam Bộ, trong đó vườn chuyên canh có khoảng 105 800 ha (cả Nam Bộ là 121 000 ha). Tổng sản lượng trái cây của ĐBSCL hằng năm đạt khoảng 2,26 triệu tấn (chiếm 87% của cả Nam Bộ và 62% của cả nước), trong đó, Tiền Giang 517 000 tấn, Vĩnh Long 324 000 tấn, Bến Tre 213 700 tấn, Cần Thơ 263 000 tấn. v.v... Bình quân sản lượng trái cây trên đầu người hằng năm của ĐBSCL là 164 kg, trong khi cả nước là 43 kg, khu vực châu Á - Thái Bình Dương là 30 kg, ở các nước kinh tế phát triển trên 100 kg. Đơn cử như cây cam của ĐBSCL, năm 1990 cho sản lượng trên 79 000 tấn, năm 1995 là 301 000 tấn. Tương tự, cây xoài cho 129 000 tấn và 101 000 tấn. Nhiều loại trái cây của ĐBSCL thơm ngon nổi tiếng và đã có mặt ở nhiều vùng trong nước và cả ngoài nước như : cam, quýt, bưởi, xoài, chuối, vú sữa, sầu riêng, thanh long, măng cụt, chôm chôm, nhãn, dứa, ổi.v.v... Đó là nhờ điều kiện tự nhiên, sinh thái, thổ nhưỡng, khí hậu đặc thù ở nơi đây, cùng với kinh nghiệm nghề vườn và truyền thống cần cù, sáng tạo được tích lũy qua bao đời của người dân vùng này.

Đầu tư phát triển kinh tế miệt vườn ở ĐBSCL chính là nhằm khai thác, tận dụng lợi thế so sánh trong nền kinh tế hàng hóa cạnh tranh thị trường để tìm kiếm hiệu quả cao nhất. Người nông dân ở đây đã khái quát từ thực tiễn của mình : "một công vườn mười công ruộng" (1), 1 ha vườn cam, nhãn mỗi năm có thể thu hoạch 50 triệu đồng, gấp 10 lần 1 ha trồng lúa. Phát triển kinh tế vườn còn phù hợp và đáp ứng yêu cầu thực hiện đường lối công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu của nước ta. Để sản xuất hàng xuất khẩu có hiệu quả, phải luôn quán triệt phương châm : xuất mặt hàng thị trường thế giới cần chứ không phải mặt hàng mà mình có, cùng với khối lượng, chất lượng, quy cách, mẫu mã... phù hợp ! Trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta hiện nay, việc đẩy mạnh đầu tư phát triển sản xuất các loại trái cây vùng nhiệt đới với chủng loại phong phú, hương vị thơm ngon, độc đáo của ĐBSCL là một hướng đi đúng đắn, tất yếu và có khả năng hiện thực.

Ngoài ý nghĩa chung về hiệu quả kinh tế, phát triển kinh tế vườn ở ĐBSCL còn có tác dụng tích cực về mặt xã hội như : tạo thêm việc làm, nâng cao mức sống cho người nông dân và góp phần cải thiện môi trường sinh thái.

So với ruộng lúa, vườn cây ăn trái đạt hiệu quả sản xuất cao hơn. Công lao động đầu tư trên mỗi ha vườn cũng cao hơn, nên có điều kiện tận dụng lao động của người già, trẻ em (một cách phù hợp) và thu hút được lao động dôi thừa trong nông thôn, vào nhiều công việc nhất là thời kỳ nông nhàn. Ở nông thôn ĐBSCL hiện nay mới chỉ sử dụng hơn 60% số ngày lao động trong năm, (cả nước là 27,6%) do đó tình trạng thiếu việc làm đang là một áp lực lớn. Số hộ nông dân không có đất canh tác (tay trắng) ở ĐBSCL là 6 - 10% (tùy từng tỉnh) tức hơn 80 000 hộ nông dân ở đây không có ruộng đất, phải đi làm mướn hoặc làm những công việc khác. Thực trạng

* PTS, Học viện CTQG Hồ Chí Minh - Phân viện TP. Hồ Chí Minh

(1) Một công = 1000m^2 (1/10ha)

Digitized by Google

này đang có xu hướng mở rộng do quá trình tích tụ ruộng đất theo quy luật kinh tế thị trường (2). Do thiếu vốn, ruộng đất, việc làm... nên mức sống của nông dân ĐBSCL nhìn chung còn thấp và phân cực khá lớn. Tuy là vựa lúa lớn nhất cả nước nhưng thu nhập bình quân ở vùng này cũng chỉ mới đạt khoảng 180 000đ/người/tháng (mức thu nhập bình quân của cả nước là 175 000đ/người/tháng và trong khu vực nông thôn là 148 000 đ/người/tháng, bằng 55% của khu vực dân thành thị). Chênh lệch giữa 20% số hộ giàu nhất và 20% số hộ nghèo nhất ở ĐBSCL là hơn 7 lần. Hiện còn hơn 500 000 hộ thuộc diện nghèo đói trong tổng số 1 322 320 hộ của 7 tỉnh ĐBSCL.

Trước tình hình đó, phát triển kinh tế vườn có ý nghĩa tích cực và thiết thực để thu hút lao động, tạo thêm thu nhập cho nông dân, hạn chế dòng người ra thành thị tìm kiếm việc làm, và sống vật vờ, góp phần ổn định kinh tế - xã hội ở nông thôn. Mặt khác, phát triển kinh tế vườn có thể hình thành những khu du lịch sinh thái, màu xanh miệt vườn cho khách trong và ngoài nước đến vui chơi thưởng ngoạn, thư giãn tinh thần, giao lưu văn hóa, bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên và sinh hoạt cộng đồng hữu nghị v.v... rất hữu ích và lý thú. Từ đó, kéo theo nhiều loại hình dịch vụ, tạo ra công ăn, việc làm, thu nhập và sự biến đổi bộ mặt các vùng quê theo hướng văn minh, hiện đại.

Phương hướng và giải pháp cơ bản để tận dụng và phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội của kinh tế vườn ở ĐBSCL hiện nay là :

1 - Tăng đầu tư cho phát triển vườn cây ăn trái từ nhiều nguồn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Để có một vườn cây ăn trái thu hoạch được, đòi hỏi lượng vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản : lên liếp làm đất lập vườn, đê bao ngăn lũ, xới mương dẫn nước, máy bơm nước tưới, cây giống v.v... khá lớn và thời gian thu hồi lâu, thường phải 4 - 6 năm, thậm chí như cây măng cụt phải gần 10 năm mới cho thu hoạch. Do vậy, tự mỗi hộ gia đình nông dân, với mức sống như đã nói trên, không thể đáp ứng được, mà phải có những nguồn vốn khác, như : vay ngân hàng, Nhà nước hỗ trợ, tín dụng nhân dân, hợp tác liên doanh với các công ty trong và ngoài nước v.v...

Cho đến nay, Nhà nước vẫn chưa có một chiến lược hay quy hoạch về phát triển kinh tế vườn. Người làm vườn chưa được vay vốn ngân hàng dài hạn 4 - 5 năm, nên việc xây dựng vườn mới cũng như cải tạo vườn tạp thành vườn chuyên đang gặp nhiều khó khăn, bế tắc và đang chờ có sự tác động, giúp đỡ của Nhà nước bằng những chính sách và hình thức thích hợp, hữu hiệu. Đồng thời, Nhà nước cũng cần tạo điều kiện, hướng dẫn và khuyến khích các công ty kinh doanh của Nhà nước và của nước ngoài hợp đồng, liên doanh với nông dân làm vườn về sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm... để kinh tế vườn phát triển ổn định, vững chắc và đạt hiệu quả.

2 - Chọn giống cây thích hợp và phát triển vườn chuyên canh.

Để mặt hàng trái cây ĐBSCL tạo được khả năng mở rộng thị trường, có ưu thế trong cạnh tranh và đạt hiệu quả, trước hết, phải lựa chọn trồng những loại cây phù hợp với điều kiện đặc thù về đất đai, khí hậu ĐBSCL, sản phẩm có hương vị thơm ngon độc đáo, được thị trường trong nước và thế giới ưa chuộng và phải có khối lượng lớn.

Chủng loại cây trái ĐBSCL rất đa dạng, phong phú quanh năm, với nhiều loại thơm ngon nổi tiếng như cam mật, cam sành, dứa Bến Lức, hồng xiêm, sầu riêng hột lép, chôm chôm, vú sữa, thanh long, ổi v. v... Nhưng đến nay, những loại đó phần lớn đã bị thoái hóa, năng suất thấp và chất lượng giảm sút. Mấy năm lại đây, Trung tâm cây ăn quả Long Định (huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang) đã thực hiện công trình nghiên cứu tuyển chọn, du nhập, lai tạo giống cây ăn trái vùng Nam Bộ và kết quả đã có được 36 chủng loại với 546 giống ưu việt, trong đó 424 giống của địa phương và 122 giống nhập ngoại. Những giống cây này sẽ là cơ sở lưu giữ nguồn gen, làm gốc ghép và thực hiện lai tạo, chọn lọc, nhân giống để hình thành nguồn giống tốt cung cấp cho sản xuất đại trà của cả vùng. Đây là một đóng góp quan trọng cho vùng cây ăn trái ĐBSCL phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, chuyển dịch cơ cấu cây trồng phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế. Việc tuyển chọn, lai tạo, hình thành những "ngân hàng giống" và không ngừng được bổ sung, cải tiến... để lưu giữ và phổ biến cung cấp cho các cùng sinh thái thích hợp ứng dụng vào sản xuất như ở Trung tâm cây ăn quả Long Định là rất cần thiết. Do vậy, bước vào năm 1998 này, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định và cho triển khai thành lập Viện nghiên cứu cây ăn quả miền Nam (trên cơ sở Trung tâm cây ăn quả Long Định). Đây là một quyết định rất sáng suốt, kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn về sản xuất hàng hóa trái cây đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả ở ĐBSCL hiện nay.

---

(2) *Tạp chí Cộng sản* số 19 (tháng 10-1997)

Digitized by Google

Kinh tế hàng hóa, cạnh tranh thị trường không chỉ đòi hỏi hàng hóa có chất lượng cao, tiện dụng... mà còn phải có khối lượng lớn. Sản xuất hàng hóa trái cây cũng vậy ! Mỗi mảnh vườn trồng đa tạp nhiều loại cây để có "mùa nào thức ấy" đem bán cho khách qua đường hay ở chợ địa phương không thể có hiệu quả bền vững. Khi đã lựa chọn được giống tốt, thích hợp, phải hình thành những vườn, những vùng chuyên canh quy mô lớn về cây đặc sản, ứng dụng công nghệ sinh học và phương pháp canh tác tiên tiến để có khối lượng sản phẩm lớn, có sức cạnh tranh, xâm nhập thị trường rộng lớn và đi xa đến những vùng trong nước và ngoài nước. Thực tiễn những năm qua, nhiều địa phương đã chuyển đổi mạnh mẽ vườn tạp thành vườn chuyên về nhãn, xoài, ổi, xá lỵ, dứa, thanh long, cam, quýt... cung cấp sản phẩm cho chế biến và xuất khẩu đạt kết quả cao là một minh chứng sinh động cho phương hướng sản xuất này.

3. Phát triển công nghiệp chế biến.

Sản phẩm đưa ra thị trường (nội địa và xuất khẩu) dưới dạng thô, không qua chế biến là hết sức lãng phí và kém hiệu quả do lượng giá trị cũng như giá trị sử dụng đều thấp, không có sức cạnh tranh, khả năng bảo đảm phẩm chất và vận chuyển đi xa bị hạn chế.

Mở rộng và phát triển công nghiệp chế biến, cụ thể đối với mặt hàng trái cây ở ĐBSCL (với công nghệ thích hợp và ngày càng hiện đại) sẽ có tác dụng tạo thêm công ăn việc làm, tận dụng nguồn lao động cần cù, khéo léo, giá nhân công rẻ, đáp ứng nhu cầu thị hiếu đa dạng, phong phú của người tiêu dùng trong nước và quốc tế ; từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa, tăng sức cạnh tranh, có thể bảo quản, vận chuyển đi đến những thị trường xa nên đem lại hiệu quả lớn hơn. Thực tiễn về phát triển công nghiệp chế biến hạt điều, cà phê, dừa... những năm gần đây đã tạo cho những mặt hàng xuất khẩu này có ưu thế và hiệu quả rõ rệt.

Công nghiệp chế biến phát triển sẽ tận dụng được nguồn nguyên liệu và sức lao động dồi dào tại chỗ, chuyển dịch lao động thuần nông sang lao động công nghiệp, hình thành những cụm kinh tế công nghiệp thương mại - dịch vụ, những thị tứ, thị trấn... góp phần thực hiện công nghiệp hóa nông thôn, điện khí hóa nông thôn, đô thị hóa nông thôn, từng bước đưa nông dân, nông thôn tiến dần lên văn minh, hiện đại.

Tuy nhiên, để công nghiệp chế biến trái cây ở ĐBSCL hình thành và phát triển cần phải có những điều kiện tiền đề cơ bản như : vùng nguyên liệu trái cây tương đối ổn định, phẩm cấp đồng đều, nguồn trái cây phong phú bảo đảm cho nhà máy hoạt động quanh năm v.v... Trước đây, ĐBSCL có 9 nhà máy chế biến rau quả, nhưng đến nay hầu hết đều không đứng vững được (trừ cơ sở ở Tiền Giang chế biến trái dứa và chôm chôm), phải thu hẹp sản xuất hoặc chuyển hướng hoạt động như tận dụng kho lạnh cho kinh doanh thủy sản v.v... Tình hình đó là do tính đặc thù của nguyên liệu trái cây, mỗi loại chỉ chín rộ và cung cấp dồn dập cho nhà máy trong vòng vài, ba tuần, sau đó là hết, máy móc phải nghỉ, công nhân hết việc làm, mà lãi vốn vay vẫn phải trả v.v... Bài học kinh nghiệm được rút ra ở đây là : phải xây dựng nhà máy với công nghệ thích hợp và tiên tiến. Thích hợp với đặc điểm các loại nguyên liệu, cho nhiều loại quả để có thể khai thác sử dụng quanh năm ; thích hợp với nhu cầu đa dạng, phong phú của thị trường nhiều vùng trong nước và thế giới, cùng với chất lượng chế biến không ngừng được cải tiến, nâng cao.

Theo hướng đó, mới đây (ngày 14-1-1998) nhà máy chế biến nước quả đa dạng (sử dụng nhiều loại nguyên liệu có quanh năm ở ĐBSCL như cam, quýt, xoài, dứa, ổi, mãng cầu, đu đủ...) được khánh thành và đi vào hoạt động ở tỉnh Tiền Giang (thiết bị công nghệ của CHLB Đức) với công suất 5 000 tấn thành phẩm/năm, đạt chất lượng quốc tế (đã xuất cho Thụy Sĩ 400 tấn hàng đầu tiên) đang mở ra nhiều hứa hẹn tốt đẹp.

4 - Mở rộng và ổn định thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Đây là yếu tố quyết định trực tiếp đến sự tồn tại và hiệu quả của sản xuất hàng hóa. Phát triển kinh tế vườn ở ĐBSCL theo hướng lựa chọn giống tốt và thích hợp, mở rộng vườn chuyên canh, ứng dụng công nghệ sinh học và kỹ thuật chế biến tiên tiến v.v... đều nhằm tới mục đích hình thành mặt hàng có khối lượng và chất lượng cao được thị trường chấp nhận, bán được với giá cao và ổn định. Song mỗi hộ gia đình nông dân làm vườn ở đây không thể tự mình giải quyết được "đầu ra" cho sản phẩm đạt hiệu quả, nếu chỉ bán cho thương lái hay mang bán lẻ ở chợ, cho khách vãng lai qua đường như từ xưa tới nay. Ở đây, vai trò của Nhà nước trong việc thiết lập và mở rộng các mối quan hệ kinh tế đối ngoại, giới thiệu, ký kết, tạo điều kiện để các công ty nước ngoài đến tìm hiểu, đặt hàng, hợp tác liên doanh sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm... có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Ví dụ như cây dừa ở Bến Tre những năm trước đây, do không tìm được "đầu ra" (giá chợ chỉ 500 đ/quả) nên nông dân chặt phá hàng loạt vườn dừa đã hàng chục năm gây dựng để

Digitized by Google

chuyển sang trồng cây khác. Nhưng vài năm lại đây, nhờ giải quyết được "đầu ra", mà mặt hàng dừa ở Bến Tre và các vùng lân cận sống động hẳn lên cả về sản xuất, chế biến và xuất khẩu với nhiều chủng loại mặt hàng như : bụi xơ dừa, chổi xơ dừa, cây xơ dừa, chỉ xơ dừa, than hoạt tính gáo dừa, cơm dừa nạo sấy, kẹo dừa, sữa dừa, nước dừa v.v... Hiện nay, tỉnh Bến Tre xuất bụi xơ dừa khoảng 11 000 tấn/năm, kẹo dừa 7 000 tấn/năm, có 5 doanh nghiệp nhà nước loại lớn chuyên doanh về dừa với hơn 200 cơ sở gia công thu hút hơn 10 000 lao động. Đơn cử như công ty Trúc Giang, năm 1997 xuất khẩu các sản phẩm từ dừa đạt 7,5 triệu USD. Công ty này có 50 cơ sở vệ tinh, giải quyết hơn 200 lao động, hình thành một làng nghề chế biến xơ dừa, và mới xây dựng một nhà máy chế biến cơm dừa nạo sấy với công nghệ tiên tiến công suất 2 tấn/ngày để xuất khẩu sản phẩm sang Ốt-xtrây-li-a và Bra-xin. Hay như ở tỉnh Vĩnh Long, doanh nghiệp Kim Sơn đã có quan hệ về chế biến và xuất khẩu sản phẩm bụi, chổi, cây xơ dừa với các công ty của Na-uy, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... Riêng công ty Chunji Corporation Ltd của Hàn Quốc đặt hàng mua của doanh nghiệp Kim Sơn 200 tấn/tháng sản phẩm bụi xơ dừa với giá ổn định 140 USD/tấn.

Nhu cầu thế giới về các sản phẩm từ quả dừa còn rất lớn như bụi xơ dừa để trồng hoa, cây cảnh, chỉ xơ dừa làm nệm, than hoạt tính gáo dừa, nước giải khát nước dừa v.v... Nhiều công ty nước ngoài đang muốn đến ĐBSCL để tìm hiểu, đặt quan hệ làm ăn về khai thác kinh doanh các mặt hàng trái cây mà phía ta có tiềm năng lớn chưa được huy động, tận dụng hữu hiệu. Vấn đề mấu chốt ở đây là đường lối chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước.

Tóm lại, quan tâm đầu tư phát triển vườn cây ăn trái ở ĐBSCL là một hướng đi đúng, có ý nghĩa chiến lược. Nó phù hợp với yêu cầu của quy luật kinh tế thị trường khai thác lợi thế so sánh để đạt hiệu quả cao, đồng thời phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Để thực hiện được sự phát triển này, trước mắt, Nhà nước cần tác động, hỗ trợ bằng hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ và thích hợp trong việc giải quyết các vấn đề về vốn đầu tư, xử lý giống, công nghệ chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Được như vậy, nông nghiệp và nông thôn ĐBSCL vùng đất giàu tiềm năng này nhất định sẽ có sự chuyển biến, phát triển mạnh mẽ, vững chắc trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.❑

THẤY GÌ QUA BA THÁNG THỰC HIỆN CHỐNG BUÔN LẬU VÀ GIAN LẬN THƯƠNG MẠI

NGUYÊN HÒA *

THỰC hiện Chỉ thị 853/1997/CT - TTg về chống buôn lậu và gian lận thương mại, trong 3 tháng qua, các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp đã phối hợp triển khai đồng loạt, tăng cường kiểm tra, kiểm soát các mặt hàng có thuế suất cao, các mặt hàng cấm, vàng, ngoại tệ, dán tem 3 mặt hàng... trên các cửa khẩu chính, các tuyến biên giới và trên khắp các tỉnh, thành phố cả nước.

Theo sơ kết của Ban chỉ đạo 853 Trung ương, tính đến tuần đầu tháng 2 năm 1998, các ngành chức năng đã thu được những kết quả bước đầu trong việc thực hiện Chỉ thị 853/1997/CT - TTg. Chúng ta đã phát hiện và bắt giữ 11 635 vụ buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng cấm và vi phạm các quy định về kinh doanh hàng hoá (trị giá hàng thu giữ ước tính trên 160 tỉ đồng). Trong số hàng thu giữ có nhiều mặt hàng cấm như thuốc phiện, hêrôin, thuốc nổ, súng quân dụng, động vật quý hiếm, tài liệu, ấn phẩm phản động, nhiều băng vi-đi-ô có nội dung đồi trụy, nhiều ngoại tệ và vàng, tiền Việt Nam giả... Các mặt hàng lậu bị phát hiện và thu giữ có số lượng lớn gồm rượu ngoại, thuốc lá ngoại, vải, hàng điện tử các loại, gỗ các loại.

Cùng với việc chống buôn lậu và gian lận thương mại, Bộ Tài chính đã tiến hành nhanh, gọn trong cả nước đợt dán tem 3 mặt hàng. Theo số liệu tổng hợp, cả nước có 25 085 đối tượng kinh doanh kê khai 3 mặt hàng dán tem, số tờ khai hàng dán tem phát ra là 25 461. Tổng số từng mặt hàng đã dán tem được là 2 022 157 chai rượu,

* Chuyên viên Văn phòng Chính phủ

Digitized by Google

64 144 chiếc xe đạp, 125 322 chiếc quạt điện. Theo đánh giá của Ban chỉ đạo 853 Trung ương, việc thực hiện Chỉ thị 853 là khá tốt, có hiệu quả, có tác dụng tích cực đối với sản xuất, lưu thông hàng hóa, củng cố lòng tin của nhân dân đối với việc đấu tranh chống tiêu cực nói chung và chống buôn lậu và gian lận thương mại nói riêng. Bước đầu, tình hình buôn lậu có giảm rõ rệt, góp phần bảo vệ và thúc đẩy sản xuất công nghiệp trong nước. Tác dụng rõ rệt nhất của việc thực hiện Chỉ thị 853 thể hiện trong dịp Tết Nguyên đán: giá cả sinh hoạt không tăng, đời sống nhân dân ổn định, nhiều doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng trong nước tiêu thụ nhanh sản phẩm hàng hóa, xuất nhập khẩu vẫn phát triển.

Từ khi cả nước triển khai đồng bộ việc thực hiện Chỉ thị 853, hoạt động buôn lậu không còn ngang nhiên táo bạo như trước, nhưng diễn biến lại phức tạp, phát triển mạnh ở một số mặt hàng và ở một số trọng điểm. Ở các cảng biển chính, các vụ gian lận thương mại chuyển hướng núp dưới danh nghĩa hàng gia công, đầu tư, trốn thuế phổ biến bằng 50 - 60% giá trị lô hàng nhập. Phần lớn số gian lận là tư nhân, các công ty trách nhiệm hữu hạn với thủ đoạn núp bóng các công ty quốc doanh, một số ít tổ chức kinh tế của Đảng, tổ chức kinh tế của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng để qua mặt các lực lượng kiểm soát, chống buôn lậu. Chúng còn thuê cả kho của quân đội, của công an để cất giấu hàng buôn lậu. Có các trường hợp đã móc nối với nước ngoài (do bên ngoài chỉ huy gửi hàng về), nếu bị phát hiện thì điện báo xin lỗi gửi hàng nhầm và xin cơ quan có thẩm quyền cho phép tái xuất về nơi gửi. Trên các tuyến biển hoạt động buôn lậu diễn ra tinh vi, phức tạp. Ở vùng biển Đông Bắc, đối tượng buôn lậu chủ yếu là các tàu nhỏ ra phao số 0 nhận hàng lậu từ tàu lớn đưa vào bờ. Ở vùng biển Tây Nam các tàu lớn của nước ngoài chuyển hàng lậu sang các tàu nhỏ, thuyền đánh cá của dân địa phương để đưa lên bờ cho các chủ hàng lậu. Dọc tuyến biên giới phía Bắc, nhất là ở Lạng Sơn, Quảng Ninh, hoạt động buôn lậu vẫn diễn ra phức tạp. Các đầu nậu không ra mặt mà thuê người vận chuyển hàng hóa bằng phương thức xé lẻ, luồn lách theo các đường mòn qua biên giới, chuyển về địa điểm tập kết riêng. Với lối chuyển hàng kiểu "đàn kiến" diễn ra thường xuyên, liên tục, lượng hàng hóa xuất nhập lậu không phải là nhỏ. Đặc biệt có các mặt hàng nhập lậu như vải các loại, trái cây đã làm cho ngành dệt trong nước gặp nhiều khó khăn, hoa quả sản xuất ra bị ế đọng. Ở tuyến Tây Nam tình trạng nhập lậu thuốc lá, rượu ngoại, hàng điện tử vẫn không giảm. Bọn buôn lậu dùng thủ đoạn phân tán nhỏ lẻ cho người lớn, trẻ nhỏ ở ngay địa phương chuyển qua biên giới rồi tổ chức mua gom tại chỗ. Ở một số nơi như : Đức Huệ (Long An), Tịnh Biên (An Giang) vẫn là các điểm nóng về nhập lậu xe máy nguyên chiếc.

Việc dán tem 3 mặt hàng được triển khai tích cực, đúng thời gian quy định. Các phương tiện thông tin đại chúng đã phản ánh kịp thời và đúng tình hình, góp phần hỗ trợ tích cực cho việc triển khai dán tem. Nhưng công tác kiểm tra của quản lý thị trường ở các địa phương chưa quyết liệt, chất lượng dán tem thấp, nên có nhiều cửa hàng còn lén lút bán các chai rượu ngoại không dán tem, hoặc dùng lại những tem đã dán.

Tình hình buôn lậu, đầu cơ vàng, ngoại tệ đang diễn biến phức tạp gây mất ổn định thị trường. Số ngoại tệ trôi nổi trên thị trường tự do chỉ chiếm chừng 10% tổng số ngoại tệ trong nước, nhưng vừa qua hoạt động của bọn đầu cơ buôn lậu đã làm dao động tâm lý nhân dân ở các thành phố lớn. Việc kích nhu cầu ngoại tệ giả tạo, làm cho tỷ giá trên thị trường tự do đột biến bất hợp lý, gây không ít khó khăn cho xã hội. Cần tập trung để phát hiện và trừng trị bọn đầu nậu buôn bán vàng, ngoại tệ, chấn chỉnh việc kinh doanh vàng, ngoại tệ và áp dụng các biện pháp quản lý ngoại tệ tích cực, có hiệu quả. Điều đáng quan tâm là nhân dân và cả chính quyền địa phương ở một số nơi thuộc các tuyến biên giới hoặc ven biển chưa ủng hộ các cơ quan chức năng chống buôn lậu và gian lận thương mại. Có nơi, có lúc còn vì lợi ích cục bộ, cá nhân và cả vì cuộc sống hằng ngày mà vô tình, làm ngơ hoặc tiếp tay, hay trực tiếp tham gia vào buôn lậu, vận chuyển, chứa chấp hàng lậu. Đây chính là một trong những vấn đề khó khăn nhất trong đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại ở tất cả các ngành, các cấp, các địa phương.

Qua 3 tháng triển khai thực hiện Chỉ thị 853 của Thủ tướng Chính phủ về chống buôn lậu và gian lận thương mại chúng ta thấy có những chuyển biến tích cực, bước đầu nhưng cũng có nhiều khó khăn, phức tạp nảy sinh:

a. Nguyên nhân dẫn đến thành công.

- Chủ trương tăng cường việc chống buôn lậu và gian lận thương mại của Đảng và Chính phủ đã được sự đồng tình, nhất trí cao ở các cấp ủy đảng, chính quyền, các doanh nghiệp đủ mọi thành phần và trong quần chúng nhân dân. Việc triển khai thực hiện Chỉ thị 853 của Thủ tướng Chính phủ về

Digitized by Google

chống buôn lậu và gian lận thương mại đã thực sự tạo niềm tin đối với nhân dân trong sự nghiệp đổi mới.

- Có sự chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên, sâu sát và thông suốt từ trung ương đến các địa phương trên cả nước; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương; có tập trung vào các vùng trọng điểm. Sự chỉ đạo đó, với tinh thần: "không ồn ào nhưng kiên quyết, chắc từng bước, tập trung trọng điểm, biện pháp đồng bộ, kịp thời, bước sau mạnh hơn bước trước". Đây là điểm khác so với trước đây trong công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại làm cho bọn buôn lậu phải co lại, thay đổi thủ đoạn và giảm mức độ hoạt động.

- Ở mỗi ngành, mỗi địa phương đã đề cao trách nhiệm thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ nhằm hạn chế thấp nhất tác hại của buôn lậu và gian lận thương mại đối với nền kinh tế. Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành chức năng ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách thích hợp theo đề nghị của cơ sở, của các địa phương. Đặc biệt là quy định về sử dụng và kiểm tra nguồn tiền thu được từ chống buôn lậu ngay từ cơ sở. Cụ thể là : số tiền thu được từ chống buôn lậu do các lực lượng chống buôn lậu các cấp phát hiện, bắt giữ, sau khi trừ chi phí, số còn lại được dùng 30% để cấp cho đơn vị bắt giữ và do thủ trưởng đơn vị đó quyết định chi thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích chống buôn lậu và chi bổ sung kinh phí phục vụ công tác chống buôn lậu ở cơ sở ; 70% để lại cho địa phương, được nộp vào ngân sách tỉnh (nếu do lực lượng chống buôn lậu của tỉnh, thành phố, trung ương phát hiện, bắt giữ, xử lý). Nhờ có cơ chế hợp lý, đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp và đông đảo nhân dân tham gia.

b - Nguyên nhân của những tồn tại.

- Về chính sách quản lý còn có những bất hợp lý, sơ hở, chưa đồng bộ, tạo những kẽ hở cho bọn buôn lậu tìm cách luồn lách. Ví dụ như chính sách thuế xuất nhập khẩu bộc lộ bất hợp lý về thuế suất, quá nhiều mức, phức tạp..., các quy định thương mại còn lỏng lẻo đối với việc tái xuất hàng hóa, quản lý hải quan cửa khẩu chưa chặt chẽ. Các chính sách bất cập chậm được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới, do vậy vừa gây phiền hà vừa để cho bọn xấu lợi dụng.

- Về tổ chức chỉ đạo, kiểm tra : Một số bộ, ngành, địa phương có quan tâm triển khai, quán triệt, nhưng còn mang tính hình thức, chỉ chuyển biến ở cấp lãnh đạo, chưa biến thành hành động ở cấp cơ sở. Các biện pháp tổ chức thực hiện chưa được cụ thể hóa và mang tính đối phó trước mắt, thiếu tính hệ thống. Sự phối hợp giữa các lực lượng, giữa các ngành chức năng có nơi, có lúc chưa đồng bộ, thiếu kịp thời nên việc phát hiện, trao đổi thông tin, điều tra, xử lý và đón bắt bọn buôn lậu đạt hiệu quả thấp.

- Một bộ phận cán bộ, nhân viên nhà nước vì lợi ích cá nhân, cục bộ của đơn vị, địa phương đã tiếp tay cho bọn buôn lậu. Có không ít cán bộ, nhân viên thoái hóa biến chất, trong đó có cả một số cá nhân và đơn vị trong lực lượng chức năng chống buôn lậu, đã tham gia hoặc móc nối với bọn buôn lậu để được ăn chia hay nhận hối lộ. Do công tác quản lý thị trường, quản lý kinh doanh làm chưa tốt nên phần lớn số đầu nậu buôn lậu, gian lận thương mại chưa bị phát hiện và xử lý. Một số ít chủ đường dây buôn lậu lớn đã được phát hiện, bắt giữ, nhưng việc điều tra, xử lý chậm, chưa nhất quán do nhiều nguyên nhân, trong đó có tình trạng chưa đủ cơ sở pháp lý để xử nặng tội buôn lậu và tiếp tay buôn lậu. Ở nhiều đơn vị, cơ sở còn thiếu các phương tiện cơ động, thông tin, thiết bị kiểm tra, kiểm soát nên các lực lượng chức năng chống buôn lậu khó có thể tạo yếu tố bí mật, bất ngờ trong việc thực thi nhiệm vụ.

c - Các giải pháp trong thời gian tới.

Để thực hiện tốt Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ nhằm tăng cường hơn nữa việc đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại trong thời gian tới, theo tôi cần có các giải pháp sau :

Một là, sớm sửa đổi, bổ sung Luật thuế xuất nhập khẩu, Luật thương mại như, quy định chặt chẽ việc tái xuất, quản lý tốt các kho ngoại quan ; cải tiến công tác kiểm tra hải quan sao cho vừa tạo điều kiện thuận tiện cho các doanh nghiệp, vừa tránh được những sơ hở dễ bị lợi dụng. Rà soát lại các khung hình phạt cao cho các tội buôn lậu và tiếp tay cho buôn lậu, tội gian lận thương mại, tội trốn thuế với giá trị lớn trong bộ Luật hình sự. Nếu có được bộ luật hoàn chỉnh sẽ góp phần chống buôn lậu và gian lận thương mại. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII) đã khẳng định: "Ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hành vi buôn lậu, gian lận thương mại hoặc tiếp tay, bao che cho bọn buôn lậu. Tập trung triệt phá các đường dây buôn lậu móc nối giữa gian thương và các cơ quan, tổ chức nhà nước" (1).

---

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư BCH TU khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 1998, tr 57

Digitized by Google

Hai là, củng cố và tăng cường hoạt động của các ban 853 ở các tỉnh, thành phố. Đối với các tỉnh, thành phố có biên giới đường bộ và đường biển, có thể giao cho chủ tịch ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức phối hợp các lực lượng (hải quan, bộ đội biên phòng, quản lý thị trường, thuế vụ...) trong công tác đấu tranh chống buôn lậu, tạo mọi điều kiện cần thiết để các lực lượng chống buôn lậu của trung ương hoàn thành nhiệm vụ theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ. Đồng thời, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện về tình trạng buôn lậu tại địa bàn mình quản lý. Có sự phân công, phân nhiệm cụ thể nhằm phát huy hết trách nhiệm và sự nỗ lực của các ngành, các cấp, tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, giữa trung ương và địa phương, tránh chồng chéo và bỏ sót. Mặt khác, cần đặc biệt coi trọng và tiến hành thường xuyên việc xây dựng lực lượng chức năng trong sạch vững mạnh cả về phẩm chất đạo đức, và thành thạo về nghiệp vụ chuyên môn. Phát huy vai trò công tác đảng, công tác chính trị trong các lực lượng chức năng. Cấp ủy, chính quyền cơ sở cần phát hiện kịp thời các biểu hiện tiêu cực và có các biện pháp đấu tranh ngăn chặn từ đầu. Có các chính sách, chế độ khuyến khích xứng đáng về vật chất, động viên về tinh thần cho cán bộ nhân viên trực tiếp đối mặt với bọn buôn lậu. Đương nhiên, để điều tra, phát hiện, bắt giữ, xử lý các vụ buôn lậu và gian lận thương mại cần trang bị các phương tiện kỹ thuật hiện đại, trang thiết bị chuyên dùng cho lực lượng chống buôn lậu ; có quy định rõ tỷ lệ trích tiền thu do bán hàng lậu bắt giữ cho việc mua sắm các trang thiết bị cần thiết cho đơn vị. Có như vậy mới nâng cao được hiệu quả của công tác chống buôn lậu ; trong nhiều trường hợp còn có thể tránh được các tổn thất đáng tiếc cho cán bộ nhân viên, tránh được những phiền hà, ách tắc không đáng có do trang thiết bị chuyên dùng thiếu hoặc quá thô sơ, lạc hậu.

Ba là, tiến hành rà soát lại và quản lý chặt chẽ các phương tiện vận tải, kho bãi ở các đơn vị quốc phòng, công an, doanh nghiệp ; quản lý chặt chẽ các tàu đi biển, thuyền đánh cá của mọi đối tượng ; kết hợp giáo dục và xử lý nghiêm minh các cá nhân, tổ chức trực tiếp hoặc gián tiếp buôn lậu. Quy định rõ, người lãnh đạo trực tiếp phải chịu trách nhiệm trước Đảng, chính quyền nếu tổ chức, đơn vị cấp dưới tham gia hay tiếp tay cho buôn lậu, gian lận thương mại. Làm tốt việc này ở các cơ sở sẽ xóa được những nơi ẩn náu, lợi dụng của bọn buôn lậu, gian lận thương mại. Đây cũng là biện pháp quan trọng trong lãnh đạo, quản lý của các ngành, các cấp ; đặc biệt là những nơi mà bọn buôn lậu thường lợi dụng như các phương tiện vận chuyển, kho tàng bến bãi, các đơn vị kinh tế của Đảng,của quân đội, công an.

Bốn là, tăng cường công tác quản lý thị trường thông qua nhiều biện pháp kết hợp. Trước hết, rút kinh nghiệm và duy trì hiệu quả việc dán tem 3 mặt hàng và nhanh chóng triển khai dán tem tiếp các mặt hàng trọng điểm mà trong nước đã sản xuất tốt, chất lượng cao. Mặt khác, dùng biện pháp hóa đơn để kiểm soát một số mặt hàng chưa có điều kiện dán tem để bảo vệ sản xuất trong nước. Triển khai từng bước việc kiểm tra hóa đơn, đưa việc mua bán có hóa đơn thành thói quen và bắt buộc trong xã hội, tiến tới tiến hành thu thuế qua hóa đơn. Tiếp tục làm tốt việc quản lý đăng ký kinh doanh để kiểm soát chặt chẽ các đối tượng kinh doanh. Đây là biện pháp cơ bản để hỗ trợ cho kiểm soát xuất nhập khẩu ở biên giới, ven biển. Không thể để tiếp diễn tình trạng, hàng ở biên giới là hàng cấm phải thu giữ, nhưng vào nội địa lại ngang nhiên tự do lưu hành. Không làm tốt công tác quản lý thị trường nội địa mà chỉ chống buôn lậu ở cửa khẩu, ven biển thì khác nào vỗ tay chỉ bằng một tay.

Năm là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong cán bộ, nhân dân ý nghĩa của việc chống buôn lậu đối với việc phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở một số nước khu vực đang tác động mạnh vào nước ta. Các cấp ủy đảng và chính quyền phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể quần chúng quán triệt trong cán bộ, đảng viên và nhân dân tinh thần quyết tâm tiến hành chống buôn lậu, gian lận thương mại để bảo vệ và phát triển sản xuất, kinh doanh trong nước. Tập trung các nguồn vốn ưu đãi để hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm cho những người thuộc diện đói nghèo ở các vùng biên giới, ven biển. Nếu giải quyết được đời sống sinh hoạt hằng ngày, điều kiện học tập cho trẻ em thì mới có cơ sở để vận động hà con không làm "cửu vạn", không làm khuân vác hàng lậu thuế, không tiếp tay cho bọn "đầu nậu" buôn lậu. Đồng thời, cần dựa vào dân để họ giúp đỡ phát hiện và bắt giữ các đường dây, hang ổ của bọn buôn lậu. Đây là công việc khó khăn, phức tạp, là một trong những giải pháp cơ bản trong đấu tranh với tệ nạn buôn lậu.❑

Digitized by Google

CÁI THUYẾT "VAY DÂN CHỦ"

NHẠN ĐÀ

GẦN đây trong khi cổ vũ cho "dân chủ hóa" có người đã đẻ xướng ra cái thuyết mới, tạm gọi là thuyết "vay dân chủ". Vị ấy nói: *"Nước ta trong nhiều thập kỷ liền quen sống trong những điều kiện chiến tranh, người dân sẵn sàng phục tùng sự chỉ huy từ trên xuống để thực hiện "tất cả cho chiến thắng". Người dân đã tự nguyện thu hẹp, thậm chí hy sinh các quyền tự do dân chủ của mình. Đây là việc ta hoãn lại một món nợ đã vay của dân, đến thời hạn, ta phải trả nợ sòng phẳng"*. Thoạt nghe, ai mà chẳng xúc động. Quả là một tấm lòng, tha thiết với dân chủ đến cuồng nhiệt ! Nhưng đọc kỹ câu nói đó, lại thấy có điều ngờ ngợ, đáng bàn.

Lục trong kho tàng ngôn ngữ của ông cha, thấy nói khá nhiều chữ *nợ* : nợ nước non, nợ nước thù nhà, nặng nợ non sông... Lại có cả nợ sinh thành, có duyên nợ, nợ đời, nợ tình, nợ tang bồng, nợ ba sinh,... Đã có nợ thì phải *trả*, trả nợ non sông, ơn *trả* nghĩa đền, trả cho xong cái nợ ba sinh, bởi lẽ "Sống sao một kiếp không duyên nợ. Thì cuộc ba sinh có nghĩa gì?". Thế là cái nợ được hiểu theo nghĩa tinh thần. Còn *trả* là nói đến việc thực hiện cái nghĩa vụ tinh thần ấy. Con dân chịu ơn đất nước tất phải trả nợ non sông. Con cái chịu ơn cha mẹ đương nhiên phải trả nợ sinh thành. Kẻ sĩ ra công học tập để trả nợ đèn sách. Trai có chí, dọc ngang đây đó, để trả nợ tang bồng. Còn gái má đào chọn người tri kỷ là để trả cái nợ ba sinh vậy ! Ở đây, ở cái phạm trù tư tưởng và đạo đức này, thấy có chữ *nợ* và chữ *trả*, mà chưa hề thấy có chữ *vay*. Ai lại nói con vay cha mẹ cái nợ sinh đẻ bao giờ. Ai lại nói dân vay đất nước cái nợ độc lập kia chứ? Thế mà vị nói trên lại bảo ta vay món nợ dân chủ của dân, thì nay đến thời hạn phải trả sòng phẳng ! Hóa ra ở cái thời đại "kinh tế thị trường" này (mà có người muốn cắt đi cái vế theo định hướng xã hội chủ nghĩa), người ta muốn nói gì cứ nói, thậm chí biến mọi giá trị xã hội thành hàng hóa, thành ra *vay* và *trả* cả.

Để hiểu thấu hai chữ vay và trả, trước hết, xin bàn về chữ *dân* và chữ *ta* mà vị ấy đã dùng. Trong kháng chiến, ai là dân, ai là ta? Phải chăng vị ấy tự cho mình là *ta*, là một chủ thể khác, còn dân là một chủ thể khác? Chắc không phải vậy. Vị ấy có ý muốn nói chữ *ta* là để chỉ cho Đảng, cũng có nghĩa là Đảng không phải ở trong dân và Đảng với dân là một, mà Đảng là một chủ thể khác dân, đứng ngoài dân. Cho nên Đảng mới phải vay của dân một ít dân chủ để giành chiến thắng. Còn dân thì cho Đảng vay một ít dân chủ để làm cái việc của Đảng, bây giờ xong việc rồi thì Đảng phải trả cái nợ ấy cho dân. Có nghĩa là kháng chiến chống xâm lược không phải là việc của dân mà là việc riêng của Đảng. Sao có thể lẩm lẫn để đi đến xuyên tạc sự nghiệp của Đảng và nhân dân ta đến như vậy?

Cứ theo cách nói của vị nói trên thì cái khẩu hiệu "không nghe, không thấy, không biết" mà Đảng nêu ra để vận động nhân dân bảo vệ bí mật thời kháng chiến chẳng qua là Đảng buộc nhân dân phải bưng tai, bịt mắt ngậm miệng, tức là bóp nghẹt quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận của nhân dân ! Còn nữa. Nếu Đảng vận động nhân dân hậu phương sản xuất tự túc tự cấp, nhịn bớt phần ăn của mình để đưa lương thực ra tiền tuyến, nhịn bớt phần mặc của mình cho "mùa đông binh sĩ", thì đó là Đảng bắt nhân dân phải chịu đói, chịu rét, là tước bỏ cái quyền ăn no, mặc ấm của nhân dân ! Nếu Bộ tư lệnh tối cao của Đảng vạch ra những chiến lược và chiến thuật để giành chiến thắng mà không đưa ra bàn trong nhân dân thì đó là tước bỏ cái quyền dân biết, dân bàn đấy! Chưa hết. Nếu Đảng vận động nhân dân - mà đảng viên là người đi trước - xông lên trước hòn tên mũi đạn để tiêu diệt quân thù, thì đó là Đảng vay máu của nhân dân, cho nên ngày nay Đảng phải trả lại máu cho dân !

Ôi! Sao mà quy cho Đảng lắm tội như vậy? Và quy cho Đảng vay của dân nhiều nợ đến như vậy?

Nhưng thôi, xin miễn tranh luận. Chỉ xin được hỏi lại vài câu cho rõ: Có thật vị nghĩ rằng cuộc kháng chiến là của Đảng chứ không phải của dân không? Nếu không phải như vậy thì tại sao đặt ra chuyện vay và trả? Có thật vị nghĩ rằng giành độc lập dân tộc không phải là giành quyền của nhân dân làm chủ đất nước, làm chủ cuộc sống và vận mệnh của mình, cái quyền dân chủ cao nhất trong các quyền dân chủ không? Nếu không như vậy thì tại sao lại bày ra cái chuyện "hy sinh các quyền tự do dân chủ" để có độc lập, có chiến thắng?

Nếu thật sự không có ý bài bác nền dân chủ nhân dân ta đang xây dựng mà muốn hoàn thiện nó thì hãy đặt lại vấn đề đi. Hãy dẹp bỏ cái thuyết "vay dân chủ" đi. Hãy nói như Đảng ta: Chế độ này là chế độ của dân, do dân, vì dân. Vì vậy, phải ra sức phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên quyết khắc phục tình trạng mất dân chủ khá phổ biến và nghiêm trọng hiện nay; nâng cao hơn nữa hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước; tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng... Nói như vậy và làm như vậy, có phải là đủ, đúng và tốt hơn nhiều không ?❑

Digitized by Google

MẶT SAU CỦA BỨC TRANH TOÀN CẦU HÓA THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

TẠ NGỌC TẤN*

Có lẽ, sự bùng nổ thông tin đại chúng trên thế giới bắt đầu từ giữa những năm 50 của thế kỷ này khi lần đầu tiên, số lượng máy thu thanh đã nhiều hơn số lượng bản in các tờ báo hằng ngày. Cũng có thể coi thời điểm này là mở đầu cho tiến trình toàn cầu hóa thông tin đại chúng, để đến hôm nay điều ấy đã trở thành một thực tế hiển nhiên. Thực tế ấy đang mở ra những khả năng to lớn cho con người, song cũng đặt ra không ít thách thức đối với từng quốc gia, dân tộc, nhất là đối với những nước nghèo, chậm phát triển.

Toàn cầu hóa thông tin đại chúng

Toàn cầu hóa thông tin đại chúng là một hiện tượng khách quan. Nó nằm trong xu hướng vận động chung của nhiều lĩnh vực khác như kinh tế, môi trường, khoa học - công nghệ v.v... Và chính sự vận động, phát triển của các lĩnh vực ấy đã tác động qua lại, thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa thông tin đại chúng.

Biểu hiện đầu tiên, nổi bật nhất của quá trình toàn cầu hóa thông tin đại chúng là sự mở rộng quy mô giao tiếp, thu hẹp không gian và thời gian thông tin. Cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong thế kỷ XX đã tạo ra tất cả các điều kiện cần thiết để dẫn tới sự đảo lộn những hình dung thông thường của con người về thông tin giao tiếp. Sự đảo lộn ấy không chỉ dừng lại ở hình thức, phương tiện, hệ thống tín hiệu mà đặc biệt hơn là từ bình diện không gian và thời gian. Với sự xuất hiện của máy tính và truyền hình dân dụng (năm 1937), vệ tinh viễn thông (năm 1960), sợi cáp quang (năm 1977), một "hệ thần kinh" liên lạc đã hình thành cho hành tinh. Gần 200 quốc gia, lãnh thổ được nối với nhau bằng hệ thống cáp ngầm xuyên lục địa, xuyên đại dương. Hơn 300 vệ tinh địa tĩnh tạo thành mạng lưới dày đặc trên bầu trời. Sóng phát thanh, sóng truyền hình, sóng điện thoại di động... đan dệt trong không gian. Tất cả các phương tiện ấy đã thực sự hút thời gian "vận chuyển" tin tức về không (0), kéo khoảng cách truyền tin trong khuôn khổ từng quốc gia và cả thế giới vào tầm mắt nhìn, tầm tai nghe bình thường.

Một kỷ nguyên mới trong thông tin đại chúng đã mở ra. Đặc điểm dễ nhận thấy của kỷ nguyên này là dường như thông tin đang trở thành tài sản chung của nhân loại và có khả năng thâm nhập vào từng gia đình. Gia đình đã có thể sử dụng ăng ten thu trực tiếp các chương trình qua vệ tinh. Mọi người bất kể góc trời nào, châu Âu hay châu Đại Dương, châu Á hay châu Mỹ đều có thể đọc báo trên màn hình của mạng In-tơ-nét.

Tuy nhiên, nếu chỉ có sự đảo lộn về quy mô thì tiến trình toàn cầu hóa thông tin đại chúng mới chỉ là nửa vời. Trên thực tế thì tiến trình đó mang tính triệt để khi nó được triển khai trên tất cả các bình diện: phương tiện, nguồn tin và mô thức tiếp nhận thông tin.

Một ví dụ điển hình, dễ thấy nhất là sự ra đời của các máy thu hình và đầu Vi-đi-ô đa hệ. Có một thời, máy thu hình và đầu Vi-đi-ô của các nước xã hội chủ nghĩa không thể khai thác được đối với kỹ thuật máy phát và băng hình của các nước phương Tây và ngược lại. Chính sự khác nhau về tiêu chuẩn kỹ thuật đã tạo ra rào cản cho dòng thông tin. Phải qua thực tế người ta mới hiểu ra sự cần thiết của việc tiêu chuẩn hóa các phương tiện tiếp nhận thông tin. Vả lại, áp lực của dòng thông tin, của nhu cầu tiếp nhận thông tin ngày càng tăng lên đã tạo ra đòi hỏi và hối thúc

* PGS, PTS, Phó giám đốc Phân viện Báo chí và Tuyên truyền. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

phát triển về kỹ thuật, công nghệ. Các sản phẩm quen thuộc của địa phương hoặc của các quốc gia bị thay thế nhanh chóng bởi các sản phẩm tiêu chuẩn quốc tế. Những sản phẩm đơn hệ bị loại thải ở các nước phát triển, đẩy tới hải cảng các nước nghèo dưới dạng hàng đồ cũ (secondhand). Khắp nơi, từ Tô-ky-ô đến Niu-oóc từ Giô-han-nơ-xbốc đến Bắc Kinh, người ta đều có thể dùng một thứ máy thu hình, một loại đầu Vi-đi-ô mang nhãn hiệu của bất cứ hãng sản xuất nào.

Kỹ thuật truyền hình cáp và truyền sóng vi-ba hầu như cũng trở nên lỗi thời hoặc ít có cơ hội tiếp tục phát triển. Thế chỗ cho nó là kỹ thuật thu sóng vệ tinh trực tiếp qua các thiết bị đơn giản, gọn nhẹ ở từng gia đình. Chỉ một ăng ten pa-ra-bôn đường kính 40cm gắn ngoài tường nhà, một thiết bị nhỏ đặt bên máy thu hình cho phép thu vài chục chương trình truyền hình qua vệ tinh. Cách đây chục năm, điều ấy còn là mơ ước. Hôm nay, nó đã trở thành chuyện đơn giản ở Nhật Bản, châu Âu, châu Mỹ.

Bất cứ một sự kiện có hình hài cụ thể hay một vấn đề trừu tượng khuất lấp nào mới xảy ra ngay lập tức được đưa lên sóng phát thanh và mặt các phương tiện thông tin. Người ta có cảm giác như các nhà báo có mặt ở mọi nơi, mọi ngõ ngách của từng quốc gia. Một vụ tai nạn giao thông ở Ấn Độ, một hành vi đáng chú ý của tổng thống Mỹ, một vụ tàn sát ở An-giê-ri, một chuyến đi thăm nước ngoài của thủ tướng Nhật v.v... tất thảy đều được đưa vào "trường" thông tin đại chúng. Khó có một cá nhân hay một chính phủ có thể che giấu được những sự kiện quan trọng, những vấn đề gai góc trước con mắt của giới báo chí. Cư dân tiếp nhận thông tin cũng ngày càng dễ hơn, đơn giản và đỡ tốn kém hơn. Người ta có thể đọc báo, nghe đài hoặc xem truyền hình tùy theo vị trí, điều kiện làm việc, hoàn cảnh sinh hoạt. Hình ảnh vô tuyến giúp con người trên khắp hành tinh có thể hiểu nhau không cần ngôn ngữ.

Cuối cùng, quá trình toàn cầu hóa thông tin đại chúng gắn liền với sự hình thành và phát triển của các tập đoàn báo chí truyền thông khổng lồ. Đó là những hãng thông tấn UPI, AP ở Mỹ, Roi-tơ ở Anh, AFP ở Pháp, các tập đoàn báo chí Lơ Mông, Lơ Phi-ga-ro ở Pháp, I-u-mi-u-ri ở Nhật, các công ty phát thanh - truyền hình CBS. Tơ-nơ Bro-ca-xting (trong đó có CNN) ở Mỹ, BBC ở Anh, ABC ở Ô-xtrây-li-a v.v..., những trùm tư bản về lĩnh vực báo chí như Ru-pơ Mắc-đót, Rô-bớt Mác-oen, Rô-bớt Hơ-san, Bô-lít-xcô-ni v.v... và v.v... Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt, chỉ có những tập đoàn lớn như thế mới có khả năng phát triển mở rộng quy mô hoạt động, trở thành những thế lực thông tin mang tính toàn cầu. Bản thân việc toàn cầu hóa mà trước hết là mở rộng quy mô thị trường bán sản phẩm cũng là điều kiện cho các tập đoàn khổng lồ này tồn tại. Các tập đoàn báo chí truyền thông khổng lồ có sức mạnh và tham vọng như những đế quốc thông tin, sử dụng sức mạnh của mình để chi phối dòng thông tin, phục vụ cho những âm mưu, lợi ích của giới chủ.

Nằm trong chiều hướng vận động chung và chịu sự tác động qua lại của các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội như kinh tế, chính trị, môi trường, kỹ thuật - công nghệ v.v... toàn cầu hóa thông tin đại chúng diễn ra như một tiến trình có quy luật. Ảnh hưởng của nó đối với đời sống xã hội mang tính hai mặt. Công bằng mà nói, mặt tích cực của hiện tượng này là chủ yếu. Thực tế, nó đã và đang mang lại những lợi ích cụ thể cho nhân loại.

Toàn cầu hóa thông tin đại chúng tạo cơ hội cho các dân tộc xích lại gần nhau hơn, hiểu biết lẫn nhau hơn, con người được mở rộng tầm nhìn, tầm hiểu biết, tăng dung lượng tri thức. Mạng thông tin đại chúng toàn cầu trở thành một trường học tổng hợp đầy sức thuyết phục và có hiệu quả với mỗi con người, mỗi quốc gia. Không chỉ đơn thuần những chương trình, chuyên mục giáo dục mà toàn bộ các nội dung chuyển tải trên các phương tiện thông tin đại chúng đều có khả năng nâng cao nhận thức hay hướng dẫn một hành vi, một cử chỉ nào đó của con người.

Mặt khác, toàn bộ hệ thống thông tin đại chúng quốc tế trở thành hàn thử biểu cho thời tiết chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa v.v... Nó có vai trò như phương tiện dự báo xu hướng, bước đi, con đường vận động của các tiến trình trên với quy mô thế giới. Nó cung cấp các dữ liệu, cơ sở thực tế cho việc hình thành các chính sách, chiến lược phát triển của các quốc gia. Nói cách khác, dòng thác thông tin của hệ thống thông tin đại chúng quốc tế giúp mỗi quốc gia tạo nên khả năng chủ động dự liệu con đường vận động, đưa ra những phương pháp, phương tiện hợp lý ứng xử hoặc giải quyết các vấn đề về đối ngoại cũng như đối nội. Đồng thời, hệ thống thông tin đại

Digitized by Google

chúng ở quy mô toàn cầu cũng trở thành phương tiện tổ chức lực lượng, gây áp lực để giải quyết những vấn đề ở quy mô khu vực hay liên đới nhiều quốc gia. Trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam , báo chí đã góp phần to lớn vào việc tạo nên làn sóng đấu tranh phản đối chiến tranh trên khắp các lục địa, làm lung lay hậu phương nước Mỹ, làm nhụt ý chí xâm lược của những kẻ diều hâu, hiếu chiến. Ngày nay, báo, phát thanh, truyền hình đang thúc đẩy làn sóng bảo vệ những dân thường I-rắc - nạn nhân của lệnh cấm vận của Liên hợp quốc, cảnh báo nguy cơ về sự tàn phá môi trường sống trên trái đất, ngăn chặn và đề phòng những tham vọng muốn dùng vũ lực giải quyết vấn đề đặt ra trong quan hệ quốc tế.

Thông tin đại chúng quốc tế đang có vai trò là phương tiện thúc đẩy sự phát triển của từng quốc gia. Toàn cầu hóa thông tin đại chúng là điều kiện để phổ biến nhanh và rộng khắp các kinh nghiệm tổ chức sản xuất, các bài học phát triển kinh tế. Dòng thông tin kinh tế trên các phương tiện thông tin đại chúng sẽ trở thành liều thuốc kích hoạt việc kiếm tìm các công nghệ sản xuất mới, liên kết các thị trường toàn thế giới, phát hiện và dự báo khả năng đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh.

Về xã hội, hệ thống thông tin đại chúng thực sự trở thành phương tiện giải quyết nhiều dịch vụ, phục vụ các nhu cầu đời sống con người. Đó có thể là từ các nhu cầu hiểu biết, giao tiếp, giải trí đến các nhu cầu học tập, tham quan du lịch v.v... Người ta có thể tìm được lời giải đáp, hướng dẫn, nhận được sự phục vụ có hiệu quả về bất cứ dịch vụ nào thông qua hệ thống thông tin đại chúng.

Những thách thức và nguy cơ

Nhìn tổng thể, toàn cầu hóa thông tin đại chúng như là một quá trình không thể đảo ngược. Nó có quan hệ chặt chẽ, hữu cơ với quá trình toàn cầu hóa trên các lĩnh vực khác - chịu sự chi phối của các lĩnh vực đó. Đồng thời nhìn từ mặt trái, toàn cầu hóa thông tin đại chúng cũng đang đặt ra những thách thức, thậm chí những nguy cơ trước các dân tộc, các quốc gia, nhất là những khu vực và địa phương nghèo, chậm phát triển, trình độ và sức mạnh của hệ thống thông tin đại chúng còn hạn chế.

Bối cảnh trực tiếp cho sự xuất hiện những thách thức, nguy cơ đó là sự phát triển không đều. Do những điều kiện thuận lợi đặc biệt cùng việc bắt kịp những thời cơ lịch sử mà một số quốc gia đạt được ưu thế hơn hẳn về phát triển, tạo ra sức mạnh áp đảo về thông tin đại chúng. Trong quá trình cạnh tranh, tích tụ, ở chính các quốc gia này xuất hiện các tập đoàn báo chí khổng lồ, trở thành các đế quốc về truyền thông, có phạm vi hoạt động ảnh hưởng toàn thế giới. Ưu thế của các tập đoàn này thể hiện trên tất cả các mặt từ khả năng thu nhận nguồn thông tin đến khả năng tài chính, kỹ thuật cho phép xử lý và truyền thông tin nhanh nhất đến mọi địa điểm trên trái đất.

Thách thức đầu tiên đặt ra trong điều kiện toàn cầu hóa thông tin đại chúng là sự "nhất thể" hóa về văn hóa. Nói cách khác, dòng chảy xô bồ của truyền thông hiện đại cuốn hút con người theo những định hướng giá trị văn hóa đơn nhất theo tinh thần phương Tây. Bản sắc văn hóa của các dân tộc có nguy cơ bị phai nhạt, xóa nhòa ranh giới. Con người nhân tính bị ép chặt vào những "khuôn mẫu" một cách tự phát.

Các phương tiện thông tin đại chúng sản xuất và truyền bá những chương trình, tiết mục "giải trí quốc tế" và khắp mọi nơi, không phân biệt quốc gia, dân tộc, ngôn ngữ, người ta đón nhận một cách đương nhiên và đôi khi cuồng nhiệt. Thế giới đã được chứng kiến sự đón nhận hào hứng của giới trẻ các châu lục với băng nhạc Thụy Điển ABBA, điệu nhảy Lăm-ba-đa và điệu nhạc Rốc của Mai-cơn Giắc-sơn. Ở nhiều nước, truyền hình quốc gia bị mất đi những tính chất đặc thù của nó do sự thâm nhập của các chương trình phát sóng quốc tế. Ngay cả người Pháp, người I-ta-li-a cũng đã lên tiếng báo động về nguy cơ xâm lược văn hóa khi chương trình truyền hình do Mỹ sản xuất đang chiếm từ 35 đến 40% thời lượng phát sóng của các đài truyền hình bản địa. Ở châu Á, nhiều quốc gia đã và đang tìm kiếm những giải pháp thực tế nhằm chống lại sự khống chế của các hãng truyền hình khổng lồ của Mỹ và phương Tây. Người ta đã nhiều lần cảnh báo về di hại của việc các chương trình truyền hình thấm đẫm "đạo lý đế quốc" cùng lối sống buông thả đang từng ngày, từng giờ truyền bá đến phòng ngủ của mỗi gia đình, đe dọa tới các nền văn hóa phương Đông giàu bản sắc.

Sự "nhất thể" hóa văn hóa theo các định hướng giá trị phương Tây dưới sự tác động của thông tin đại chúng sẽ không chỉ dừng lại ở những giá trị tinh thần trừu tượng. Cái phức tạp là

Digitized by Google

ở chỗ thứ văn hóa khuôn mẫu mang tính "quốc tế" ấy sẽ thể hiện thành lối sống, thành những hành vi, việc làm cụ thể của con người. Nguy hại biết chừng nào khi các thế hệ nối tiếp không còn biết đến tổ tiên, nòi giống, đến những truyền thống, phong tục, cốt cách quê hương, dân tộc mà chỉ quan tâm đến những giá trị vật chất cụ thể, những tiện nghi sinh hoạt hiện đại!

Đi xa hơn sự "nhất thể" hóa văn hóa là những tác động về chính trị dưới áp lực của dòng thác thông tin do hệ thống truyền thông toàn cầu tạo ra. Dưới cái vỏ khách quan, dân chủ, vẫn luôn tồn tại một định hướng ngầm vụ lợi chi phối dòng thác thông tin ấy bằng những phương pháp và hình thức khác nhau. Định hướng này nhiều lần đã được những đại diện có thẩm quyền cao nhất của "thế giới phương Tây" tuyên bố không úp mở. Đó là "điều khiển ý thức thế giới". "Buộc cả thế giới phải nghe theo những gì chúng ta nói" (Tổng thống Tru-man) hoặc: để thực hiện "vai trò lãnh đạo thế giới" của một siêu cường (Tổng thống Clin-tơn). Trong báo cáo của cơ quan nghiên cứu của Quốc hội Mỹ về việc thành lập và hoạt động của "Đài châu Á tự do", người ta không hề giấu giếm mục đích của đài phát thanh này là : "đẩy mạnh tự do không chỉ ở châu Âu mà trên toàn thế giới" trong đó cụ thể hơn là "tự do và mở rộng hơn trong các nước sẽ thúc đẩy quan hệ song phương của Mỹ ở châu Á". Mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của "Đài châu Á tự do" cũng rập khuôn "Đài châu Âu tự do". Nhân sự của đài này cũng là những kẻ lưu vong, bất mãn, bất đồng chính kiến, chống đối lại cuộc sống yên lành của dân tộc sinh ra mình vì những thâm thù cá nhân. Có thể hiểu rằng sau khi hoàn thành sứ mệnh ở châu Âu, người Mỹ rảnh tay quay sang châu Á để thực thi cái gọi là tự do. Chỉ có điều cái tự do đó không giống như khát vọng tự do của các cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở Hà Lan, Anh, Pháp, Tây Ban Nha hay của cuộc chiến tranh giành độc lập, tự do của kẻ mạnh bắt các dân tộc khác phải khuất phục và lệ thuộc. Để góp phần thực hiện mục đích ấy Quốc hội Mỹ đã tăng ngân sách cho "Đài châu Á tự do" từ 9,3 triệu USD năm 1997 lên 24,5 triệu USD năm 1998.

Ở quy mô toàn thế giới, những hệ thống truyền hình khổng lồ có khả năng tạo thành dư luận xã hội trên phạm vi toàn cầu theo khuôn khổ phù hợp với tham vọng của chủ thể phát thông điệp. Viết về CNN, nhà báo Mỹ Giô-dép Phít-chơ nhận xét: "người ta nhận thấy rõ rằng CNN - và cùng với nó là việc đưa tin dồn dập của toàn thế giới báo chí mà CNN đã kích thích - bắt đầu ảnh hưởng đến chiều hướng diễn biến của các sự kiện. Cho dù các phương tiện thông tin đại chúng quốc tế không phải là kẻ khởi xướng những sự vận động lớn lao của loài người làm nên lịch sử, song việc đưa tin tức thời, gần như bão hòa, kèm theo nhiều bình luận - tạo ra một khuôn khổ mới mà các hoạt động ngoại giao phải tuân thủ" (Người đưa tin UNESCO, tháng 9-1990).

Đó là sự mô tả khá chính xác về quyền lực thực tế của CNN (Cable News Network) - hệ thống thông tin cáp thuộc công ty Tơ-nơ Bro-ca-xting. Hệ thống này phát qua vệ tinh 24/24 giờ trong ngày đi khắp thế giới. Bất cứ một sự kiện gì, - một đồng tiền sụt giá, một cuộc cãi lộn ở quốc hội, một thay đổi nhân sự trong nội các hay một thiên tai xảy ra ở đâu đó, - ngay lập tức được CNN ghi lại hình ảnh, nhào nặn thành tin tức và truyền đi tất cả các thủ đô trên trái đất. Những tin tức này mang dấu ấn CNN nhanh chóng trở thành cứ liệu, nguyên do cho báo chí trên toàn thế giới bình luận, dự đoán. Sau đó là thái độ phản ứng của hàng triệu người. Và một khi dư luận xã hội ấy đủ mạnh sẽ dẫn tới những chỉ giới bắt buộc mà các chính trị gia không thể vượt qua. Vấn đề nguy hiểm là ở chỗ, trong trường hợp, công chúng - đối tượng tiếp nhận tin tức, - sẽ bị cuốn theo dòng thông tin. Những hành vi của họ rất có thể tạo ra những biến cố - nhỏ là những vụ bạo động tự phát, lớn là những biến cố có tính cách mạng.

Trong cuốn sách "Bùng nổ truyền thông sự ra đời một ý thức hệ mới" (Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà nội, 1996), hai tác giả người Pháp Phi-líp Brơ-tông và Xéc-giơ Prun cho rằng ở vào thời điểm hiện nay, người ta đã từ bỏ mô hình truyền thông một chiều "thẳng đứng" - nghĩa là người phát tác động một chiều đến người nhận để chuyển sang mô hình truyền thông "hai chiều xuôi ngược" uyển chuyển hơn. Thực chất, ở đây các tác giả chỉ muốn chỉ ra rằng các chủ thể truyền thông hiện đại đã quan tâm hơn đến việc nghiên cứu đối tượng, coi đó là một bộ phận không thể thiếu trong hoạt động truyền thông của mình. Một số người lại lầm tưởng rằng, ngày nay hiệu quả thông tin chỉ phụ thuộc chủ yếu vào người tiếp nhận. Nói cách khác, người tiếp nhận thông tin, tức là công chúng rộng rãi, có khả năng chọn lọc các thông tin để tìm ra bản chất của chúng cũng như những mục đích vụ lợi ẩn dấu sau đó.

Digitized by Google

Vỏ bọc của diễn biến hòa bình

Trên thực tế, hệ thống khổng lồ các phương tiện thông tin đại chúng của các nước giàu vẫn đang nắm giữ một cách chắc chắn các khả năng áp đạt đối với dư luận xã hội. Dù muốn hay không, công chúng cũng hầu như hoàn toàn không có khả năng kiểm tra tính xác thực hoặc lần dò ra đầu mối của các dòng thông tin. Trong sự kiện Ru-ma-ni năm 1989, các phương tiên thông tin đại chúng phương Tây đã dựng lên cảnh tượng hàng đống xác người bị lực lượng an ninh của Xê-au-set-xcu giết hại. Những hình ảnh này đã trở thành liều thuốc cực mạnh, kích thích sự giận dữ của những người dân hiền lành, xô đẩy họ vào những hành động lật đổ quá khích. Đến khi họ biết những điều đó là bịa đặt thì sự việc đã xong rồi.

Trong thời gian chiến tranh vùng Vịnh, người xem truyền hình ở Mỹ đã rất xúc động khi thấy một thiếu nữ Cô-oét 15 tuổi, nghẹn ngào trình bày trước Quốc hội Mỹ là quân I-rắc đang giết các trẻ em thiếu tháng và lấy cắp các lồng nuôi trẻ đưa về nước. Cũng bằng cách tương tự như vậy, trên truyền hình và các tờ báo xuất hiện hình ảnh con chim cuốc ngắc ngoải trong làn nước ô nhiễm nhầy nhụa, đen xì do người I-rắc làm nên v.v... Tất cả những màn kịch ấy về sau đều bị vạch mặt giả dối. Cô gái tố cáo tội ác quân đội I-rắc chính là con gái vị đại sứ Cô-oét tại Oa-sinh-tơn và là người của hoàng gia. Cô ta chưa bao giờ chứng kiến bất cứ hành vi nào của quân đội I-rắc, bởi vì thời gian xảy ra chiến tranh ở quê hương thì cô đang sống yên bình ở thủ đô nước Mỹ. Còn con chim cuốc khốn khổ cũng chỉ là trò phù thủy vì ở vùng biển của I-rắc không có giống chim đó đến cư trú hoặc kiếm ăn.

Sự can thiệp có tính chính trị trực tiếp trên đây đã là nguy hiểm song có một kiểu can thiệp còn nguy hiểm hơn. Đó là sự tác động từ từ, dai dẳng của hệ thống thông tin đại chúng quốc tế trong khuôn khổ chiến lược "diễn biến hòa bình".

"Diễn biến hòa bình" cũng chỉ là giải pháp thích nghi của các thế lực phản động, khi mà tình hình không cho phép dùng các biện pháp vũ lực để trấn áp và đè bẹp các lực lượng tiến bộ. Bản chất chiến lược "diễn biến hòa bình" là sự tác động dần dần để tạo ra các hiệu ứng xã hội, dẫn đến sự chuyển hóa về tư tưởng - ý thức hệ của con người. Trên cơ sở đó sẽ tạo ra sự thay đổi bản chất chế độ xã hội theo chiều hướng có lợi cho các thế lực đế quốc. Tất cả các hoạt động giao lưu quốc tế có tính hòa bình đều được tiến hành dưới sự chi phối của mục đích chiến lược chung - "diễn biến hòa bình". Đó có thể là hợp tác kinh tế, trao đổi khoa học - kỹ thuật, giao lưu văn hóa hay tham quan, du lịch, tài trợ từ nhiện, nhân đạo v.v... Hệ thống thông tin đại chúng toàn cầu hóa là phương tiện hữu hiệu lý tưởng phục vụ cho "chiến lược diễn biến hòa bình". Cái phức tạp là ở chỗ, thông qua thông tin đại chúng, các tư tưởng, quan niệm, lối sống, thị hiếu phục vụ cho mục tiêu chống phá cách mạng, được thể hiện một cách nhẹ nhàng, tế nhị, khoác một vỏ bọc tinh vi khách quan, tự do và dân chủ. Người ta bị lôi kéo theo những hứng thú bề mặt, những thị hiếu tầm thường mà không nhận ra lôgic thâm hiểm bên trong.

Tác động của hệ thống thông tin đại chúng quốc tế phục vụ chiến lược "diễn biến hòa bình" được triển khai dưới nhiều hình thức phong phú. Lối sống phương Tây, tư tưởng đế quốc thấm đẫm vào từng mẩu tin, bài báo, lời bình luận, từng hình ảnh, từng nhân vật trong phim v.v... Có thể chỉ là một nhận xét bâng quơ về một chính sách kinh tế, tiện nghi sống hiện đại của một gia đình trong phim tài liệu, hình tượng người hùng trong một cuốn phim truyện v.v... và v.v..., cũng đã là một sự so sánh ý nhị, một giọt nước mang "độc tố" rớt vào đời sống xã hội các dân tộc. Sự tác động ấy hằng ngày, hằng giờ, thấm dần vào tư tưởng, tình cảm, lối sống của công chúng. Những tích tụ từ từ ấy sẽ chuẩn bị cho những hiệu ứng tâm lý xã hội rộng rãi và khi có nguyên cớ sẽ bùng nổ thành những biến cố xã hội có sức phá hoại cả những thể chế chính trị tưởng như bền vững.

*

Không còn nghi ngờ gì nữa, toàn cầu hóa thông tin đại chúng đã và đang diễn ra, trở thành thực tế hiển nhiên, kết quả của sự vận động có tính quy luật. Mặc dù nó mang tính tích cực, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phát triển các lĩnh vực khác của nhân loại, nhưng từ mặt thứ hai của vấn đề, mặc nhiên nó cũng đặt ra những thách thức, nguy cơ không nhỏ đối với loài người nói chung và các nước nghèo, chậm phát triển nói riêng. Trong bất cứ trường hợp nào, việc nhận thức rõ và tìm các giải pháp hạn chế tác động tiêu cực của hệ thống thông tin đại chúng toàn cầu hóa và giảm bớt những nguy cơ do nó mang lại là một yêu cầu cấp thiết nếu muốn dân tộc mình tồn tại và phát triển lành mạnh.❑

Digitized by Google

CƠN LỐC NÓNG SAU CHIẾN TRANH LẠNH NHÌN TỪ CÔ-XÔ-VÔ

QUANG LỢI

NHỮNG luồng gió nóng bạo lực sau chiến tranh lạnh thổi tràn qua những miền đất thanh bình đang báo hiệu nguy cơ một cuộc khủng khoảng mới có tính toàn cầu.

Những gì diễn ra tại Cô-xô-vô - một tỉnh nằm ở phía Nam Cộng hòa Xéc-bi-a thuộc Liên bang Nam Tư mới, trong mấy tuần qua đang làm tái hiện bóng đen thảm kịch xung đột sắc tộc đẫm máu trên bán đảo Ban-căng, mà dữ dội nhất là ở Bô-xni-a. Các cuộc đụng độ vũ trang ác liệt giữa lực lượng cảnh sát Xéc-bi-a và những tay súng người gốc An-ba-ni đòi ly khai ở Cô-xô-vô làm 80 người chết là điểm nút căng thẳng nhất của cuộc khủng khoảng. Cô-xô-vô đang được cảnh báo là thùng thuốc súng nguy hiểm, nếu bùng nổ, hậu quả của nó thậm chí còn tồi tệ hơn cả Bô-xni-a, nơi mà do tham vọng lãnh thổ, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xung đột đã cướp đi sinh mạng của 250 000 người, làm cho 3 triệu người phải chạy nạn, tạo nên một trong những cuộc di tản chiến tranh lớn nhất thời hiện tại. Nếu không được ngăn chặn kịp thời, Cô-xô-vô có thể sẽ biến thành cuộc chiến tranh thứ tư ở Ban-căng trong thế kỷ này. Từ Cô-xô-vô cuộc xung đột có thể lan rộng, bởi vì vùng lãnh thổ nhạy cảm này được người Xéc-bi-a quan tâm đặc biệt, đồng thời nó còn ràng buộc lợi ích của Hy Lạp, An-ba-ni cũng như các nước khác.

Thực ra Cô-xô-vô không phải là một vấn đề mới. Chỉ có khác là giờ đây tính chất cuộc xung đột đã trở nên rất nghiêm trọng. Do những biến động của lịch sử, tuy là một tỉnh của Cộng hòa Xéc-bi-a, nhưng người gốc An-ba-ni theo đạo Hồi chiếm tới 90% trong tổng số 2 triệu dân sống tại đây. Còn người Xéc-bi-a trở thành thiểu số và bị cô lập tại tỉnh có chung đường biên giới với An-ba-ni. Cuộc tranh giành quyền lực kiểm soát vùng lãnh thổ này đã đẩy hai cộng đồng sắc tộc vào những cuộc đụng độ đổ máu từ hàng chục năm nay. Trước đây Cô-xô-vô được hưởng một số quyền tự quản. Đầu năm 1974, Cô-xô-vô được hưởng quy chế tự trị. Đến năm 1989, trước xu hướng đòi tách Cô-xô-vô ra khỏi Cộng hòa Xéc-bi-a để sáp nhập với An-ba-ni mà các thế lực có tư tưởng ly khai theo đuổi, Tổng thống Xéc-bi-a Mi-lô-xê-vích đã hủy bỏ quy chế tự trị của Cô-xô-vô. Quyết định này đã làm thổi bùng lên ngọn lửa chống đối trong cộng đồng người gốc An-ba-ni ở Cô-xô-vô. Họ tuyên bố thành lập nước Cộng hòa độc lập của người An-ba-ni, có tổng thống, quốc hội, chính phủ song song với chính quyền của người Xéc-bi-a.

Từ những hoạt động mang màu sắc chính trị, họ đã chuyển sang đấu tranh vũ trang với việc thành lập "Quân đội giải phóng Cô-xô-vô" (KLA). Tính chất bạo lực, khủng bố nhằm vào dân thường và các nhà hoạt động chính trị của các lực lượng cực đoan người An-ba-ni ở Cô-xô-vô đã tạo nên một hình ảnh xấu về "Nhà nước ly khai Cô-xô-vô". Mặt khác, cũng phải thấy rằng, chính sách của Chính phủ Xéc-bi-a đối với Cô-xô-vô cũng đã bộc lộ nhiều thiếu sót. Chính tình hình kinh tế - xã hội ở Cô-xô-vô kém xa so với các vùng đất khác trong thành phần Nam Tư mới đã đào sâu thêm hố ngăn cách giữa các tộc người, làm tăng thêm sự phản kháng của người gốc An-ba-ni, tạo ra mảnh đất tốt cho lực lượng ly khai cực đoan, dân tộc hẹp hòi bám rễ.

Cho đến những ngày đầu tháng 4 này, người ta vẫn chưa thấy hé mở lối thoát khả quan cho cuộc khủng hoảng. Cuộc đối thoại miễn cưỡng giữa Chính phủ Xéc-bi-a và đại diện cộng đồng người gốc An-ba-ni vẫn đang trong tình trạng đầy bất trắc, trong lúc các hoạt động bạo lực vẫn đang tiếp diễn. Điều đáng chú ý là đang xuất hiện những mưu toan "quốc tế hóa" cuộc xung đột ở Cô-xô-vô. Một số nước phương Tây chủ trương áp đặt lệnh trừng phạt

Digitized by Google

toàn diện chống Xéc-bi-a. Oa-sinh-tơn còn tuyên bố không loại trừ việc sử dụng biện pháp quân sự cùng với việc cấm vận kinh tế, gây sức ép về ngoại giao để "buộc Xéc-bi-a chấm dứt sử dụng vũ lực gây đổ máu ở Cô-xô-vô" và để "buộc Xéc-bi-a giải quyết xung đột một cách hòa bình".

Cuộc khủng hoảng Cô-xô-vô một lần nữa đã bộc lộ sự bất đồng sâu sắc trong quan điểm của Nga và Mỹ về cách thức giải quyết các cuộc xung đột tại các địa bàn thuộc khu vực ảnh hưởng truyền thống của Nga như bán đảo Ban-căng và các nước cộng hòa thuộc Liên Xô trước đây. Nga và Trung Quốc đều coi Cô-xô-vô là vấn đề nội bộ của Cộng hòa Xéc-bi-a, nên đều phản đối việc sử dụng vũ lực và áp đặt lệnh cấm vận chốngXéc-bi-a giống như trong cuộc xung đột ở Bô-xni-a vừa qua. Mát-xcơ-va đưa ra hai nguyên tắc cho việc giải quyết vấn đề Cô-xô-vô: bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ của Cộng hòa Xéc-bi-a, đồng thời tăng cường quyền tự quyết và cải thiện điều kiện sống cho người gốc An-ba-ni ở Cô-xô-vô.

Sau Bô-xni-a, lò lửa Cô-xô-vô nếu không được dập tắt, sẽ trở thành một nhân tố gây mất ổn định nghiêm trọng đối với hòa bình ổn định ở châu Âu. Nếu người gốc An-ba-ni ở Cô-xô-vô có thể thực hiện được ly khai thì đây sẽ là một sự kích thích các lực lượng dân tộc ly khai ở các quốc gia khác rầm rộ dấy lên những làn sóng đòi quyền tự quyết.

Như thế, tiếp theo Bô-xni-a, Cô-xô-vô đang phác thảo ra tầm vóc của một cuộc xung đột lớn ở châu Âu. Nhiều người cho rằng các cuộc xung đột sắc tộc, phát sinh từ sự tan vỡ của "thế giới Y-an-ta", không phải chỉ là cơn sốt chớp nhoáng. Sự dai dẳng, bạo lực của các trào lưu dân tộc chủ nghĩa sẽ tác động đến việc định hình thế giới sau chiến tranh lạnh.

Dễ dàng nhận thấy, loại chủ nghĩa dân tộc mới này hoàn toàn khác hẳn với phong trào giải phóng dân tộc những năm 60. "Chủ nghĩa dân tộc mới" hiện nay phần lớn mang đặc điểm rạn nứt giữa dân tộc và quốc gia ngày càng lớn, thách thức nghiêm trọng sự tồn tại của nhà nước nhiều dân tộc. Một hiện tượng khá phổ biến trong nền chính trị thế giới là: ở nơi này, trong một quốc gia có nhiều chủng tộc, dân tộc, bộ tộc; thì ở nhiều nơi khác, một chủng tộc, dân tộc, bộ tộc lại phân bố trong nhiều quốc gia. Hiện nay, trong tổng số khoảng 190 nước trên thế giới, chỉ có 1/3 số nước đồng nhất về dân tộc, hơn 1/3 số nước bất đồng tôn giáo nghiêm trọng do sự khác biệt về bộ tộc, chủng tộc và dân tộc. Các số liệu mới được công bố gần đây cho biết, trên thế giới có khoảng 5000 chủng tộc hoặc dân tộc ít người muốn biến mình thành đại diện của quốc gia, hơn 260 dân tộc không có chủ quyền khao khát thành lập quốc gia. Bị kích thích bằng chủ nghĩa dân tộc và tôn giáo cực đoan, nhiều cộng đồng dân tộc đã đẩy nhau vào cơn binh lửa. Na-go-rơ-nưi Ca-ra-bắc, Nam Ô-xê-ti-a, Gru-di-a, Trê-sni-a, Bô-xni-a và Cô-xô-vô là những "điểm tối u buồn" trong lương tri loài người những năm cuối cùng của thế kỷ XX.

Lịch sử thế giới đã chỉ ra rằng, dân tộc là một thực thể có sức tồn tại mãnh liệt, một yếu tố có sức chịu đựng mọi sự công phá của các biến động. Đặc tính này đang đặt thế giới hiện đại trước một thách thức lớn. Nếu không tìm ra được một lối thoát để giải quyết các cuộc tranh chấp dân tộc và tôn giáo thì thế giới sẽ khó tránh khỏi nguy cơ bị xâu xé bởi vô số các cuộc xung đột. Đang xuất hiện rõ rệt hơn bao giờ hết xu hướng "nguyên tố hóa" thành phần quốc gia, có nghĩa là mong muốn quốc gia được thiết lập trên cơ sở dân tộc hoặc chủng tộc đơn nhất, chứ không phải là nhà nước nhiều dân tộc.

Trong bối cảnh của thế giới hiện nay, đã có người mơ tưởng rằng chỉ cần phổ cập các giá trị phương Tây theo những thiết chế có sẵn là có thể sắp xếp lại thế giới theo một trật tự mới. Thế nhưng, thế giới lưỡng cực kết thúc đã làm nổ tung những sự biến hóa dưới tầng sâu mà sự đụng độ về ý thức hệ trước đây đã che giấu đi. Các giá trị phương Tây tự nó đã không đủ để tiễu trừ các mối hiểm nguy đang lồ lộ hiện ra dưới con mắt nhân loại. Và trớ trêu thay, như được truyền một thứ chất kích thích kỳ quái, các cuộc xung đột tranh chấp chủ quyền, chiến tranh sắc tộc, tôn giáo đột nhiên mở rộng, chủ nghĩa khủng bố được dịp phô diễn bộ mặt kinh sợ và bệnh hoạn chưa từng có. Hàng loạt cuộc chiến tranh nóng nổ ra sau chiến tranh lạnh đã cho thấy, nếu không có một cơ chế kiểm soát an ninh hữu hiệu ở ba cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu thì trong thế kỷ tới, thế giới vẫn tiếp tục bị đe dọa bởi các cuộc chiến tranh, xung đột kiểu này, và không ai dám loại trừ khả năng những cuộc chiến tranh nhỏ sẽ phát triển thành những cuộc chiến tranh lớn. Các lò lửa xung đột ở Ban-căng, ở các nước cộng hòa thuộc Liên Xô trước đây, cùng với các cuộc nội chiến thảm khốc ở Ru-an-đa, An-giê-ri, Dai-a... là bài học đắt giá của việc chuyển đổi cơ chế quyền lực quốc gia và cơ chế kiểm soát an ninh quốc tế.❑

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA TRUNG QUỐC*

CUỘC cải cách kinh tế Trung Quốc kể từ năm 1978 là một hiện tượng đặc biệt chưa từng có ở nước này. Trong cải cách kinh tế, chính sách mở cửa đóng một vai trò cực kỳ quan trọng. Có thể nói đây là điều độc đáo nhất. Việc giải phóng tư tưởng để đi đến quyết định mở của năm 1978 đã có tác dụng mở đường mà nếu không có nó thì mọi cải cách khác đều khó lòng thực hiện được.

Thực tiễn Trung Quốc cho thấy : muốn thực hiện chính sách kinh tế mở cửa, phải xác lập một cơ cấu kinh tế vừa phù hợp với cơ sở tài nguyên trong nước, vừa thích ứng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên thế giới, nhằm theo kịp trình độ kinh tế quốc tế. Nói cải cách kinh tế thực chất là cải cách - điều chỉnh cơ cấu kinh tế và kèm theo đó là cải cách cơ chế quản lý kinh tế. Như vậy, việc phát triển kinh tế đối ngoại trở thành một giải pháp cơ bản để xây dựng và điều chỉnh cơ cấu kinh tế trong nước.

Trung Quốc đã kịp thời nắm bắt thời cơ và vận hội, ra sức xây dựng một mô hình cơ cấu kinh tế mở, làm nền tảng cho quan hệ kinh tế đối ngoại. Có thể phác họa mô hình kinh tế mở của Trung Quốc như sau : đầu tiên thành lập 5 đặc khu kinh tế (Thâm Quyến, Chu Hải, Sán Đầu, Hạ Môn và đảo Hải Nam) ; sau đó mở của 14 thành phố miền ven biển ; tiếp theo mở của các thành phố tỉnh ly nội địa và các tỉnh thuộc đồng bằng Trường Giang, đồng bằng Sông Châu, vùng nam Phúc Kiến, bán đảo Liêu Đông và Sơn Đông (gọi là khu vực mở cửa) ; cuối cùng mở của các thành phố vùng biên giới (Trung Quốc giáp giới với 15 nước). Tổng cộng, Trung Quốc đã mở cửa trên một diện tích 550 000km^2 với trên 330 triệu dân. Đây có thể là những khu vực mở cửa lớn nhất, đông dân nhất trong số các nước đang phát triển trên thế giới.

Việc xác định lợi thế so sánh một cách đúng đắn là yếu tố cực kỳ quan trọng trong chính sách kinh tế đối ngoại. Để thích ứng với xu thế chuyển đổi kinh tế tại các nước trong khu vực và trên thế giới, Trung Quốc đã xuất phát từ thực tế kinh tế trong nước (phát triển không đồng đều, có nhiều trình độ kinh tế kỹ thuật khác nhau) để tìm kiếm các đối tác bên ngoài với những trình độ tương ứng.

Theo chính sách đó, Trung Quốc đã chú trọng nhập kỹ thuật cao của Nhật Bản để trang bị cho các ngành tập trung nhiều vốn ; nhập những kỹ thuật loại vừa và loại cao của bốn "con rồng" châu Á là Hồng Công, Đài Loan, Xin-ga-po và Hàn Quốc để trang bị cho các ngành tập trung nhiều lao động ; Trung Quốc vẫn nhập sản phẩm sơ chế của các nước ở Đông - Nam Á để bổ sung nguyên vật liệu còn thiếu hoặc không có. Đồng thời, Trung Quốc xuất khẩu sản phẩm kỹ thuật cao của mình sang bốn "con rồng", sản phẩm tập trung nhiều lao động sang Nhật Bản, Tây Âu, Bắc Mỹ và cả các "con rồng" để thu ngoại tệ, phát triển sản xuất. Một nguyên tắc của Trung Quốc là : khi muốn thu hút vốn và kỹ thuật, thì nhất định chủ yếu phải tìm đối tác có trình độ kinh tế kỹ thuật cao hơn mình ; khi muốn xuất khẩu vốn và kỹ thuật của mình, thì chủ yếu phải tìm đối tác có trình độ kinh tế kỹ thuật thấp hơn mình.

Thành công trong kinh tế đối ngoại của Trung Quốc thể hiện nổi bật ở lĩnh vực ngoại thương. Ngay khi bắt đầu thực hiện chính sách mở cửa, Trung Quốc đã nhanh chóng nắm bắt thời cơ của mậu dịch tự do trong thế giới phương Tây để cố gắng vươn ra thị trường quốc tế, lợi dụng nó để phục vụ lợi ích quốc gia. "Mậu dịch tự do" của chủ nghĩa tư bản luôn luôn là mậu dịch tự do của kẻ mạnh, của các công ty xuyên quốc gia hùng mạnh. Những nước đã phát triển hàng trăm năm luôn cần có một thế giới mở rộng cửa cho hàng hóa, dịch vụ và tư bản của họ. Mặt khác, không một nước nào

---

* *Nguồn :* 1 - Nhân Dân nhật báo, Quang Minh nhật báo, Cầu Thị, Nghiên cứu kinh tế lý luận và thực tiễn 1994 - 1998

2 - Các sách Trung văn : Bối cảnh quốc tế của kinh tế thị trường Trung Quốc 1993 ; Sự chuyển dịch các trung tâm kinh tế quốc tế (1995)

Digitized by Google

không thực hiện chính sách bảo hộ sản xuất nội địa bằng mọi cách, nhất là bảo hộ những sản phẩm kỹ thuật cao. Mặc dù vậy Trung Quốc đã nêu cao lợi thế của Trung Quốc là một thị trường rộng lớn, chưa khai phá, lại là nước xã hội chủ nghĩa duy nhất lúc ấy hòa nhập vào thị trường thế giới. Sự mở cửa của Trung Quốc lúc bấy giờ là một đột phá khẩu đối với thị trường của thế giới tư bản chủ nghĩa. Trung Quốc nhanh chóng hiểu rằng, thời kỳ cuối thập niên 70 và thập niên 80 là thời kỳ kinh-tế Mỹ đang tăng trưởng cao, tỷ giá đồng đôla Mỹ đang lên, nhu cầu hàng tiêu dùng của Mỹ rất lớn, mà Mỹ lại là một trong những thị trường lớn nhất thế giới. Nắm bắt cơ hội hiếm có ấy, Trung Quốc ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, sản xuất vật phẩm tiêu dùng xuất khẩu sang Mỹ. Như vậy, Trung Quốc đã nhanh chóng thay thế vai trò của bốn "con rồng" châu Á trên lĩnh vực xuất khẩu hàng tiêu dùng sang thị trường Mỹ, trong khi các nước và vùng lãnh thổ này đang đau đầu với giá thành lao động đã tăng lên rất cao. Chẳng bao lâu, hàng hóa Trung Quốc đã thăm nhập được vào Mỹ. Dư luận Trung Quốc vui mừng mô tả rằng "không một nơi nào trên thị trường hàng tiêu dùng Mỹ lại không có hàng Trung Quốc". Trung Quốc liên tục tìm cách giữ vững thị phần quan trọng của mình ở Mỹ. Năm 1997, Trung Quốc cử nhiều đoàn doanh nhân sang Mỹ để thương lượng mua gần 10 tỉ USD hàng hóa của Mỹ. Theo con số của Mỹ, năm 1996, xuất siêu của Trung Quốc sang Mỹ đạt 40 tỉ USD, chiếm 24% tổng số thâm hụt ngoại thương của Mỹ với các nước trên thế giới.

Một đặc trưng của thị trường xuất khẩu thế giới lúc Trung Quốc bắt đầu mở cửa là tỷ trọng thành phẩm công nghiệp trong xuất khẩu rất cao, từ 41% (năm 1950) tăng lên 75% (năm 1970), đây là kết quả của đổi mới công nghệ và cách mạng kỹ thuật trên thế giới. Trong khi đó, 30% sản phẩm của Trung Quốc là sản phẩm sơ chế, số còn lại chủ yếu là thuộc loại kỹ thuật và chất lượng trung bình và thấp. Cơ cấu sản phẩm như vậy không chỉ rất khó thâm nhập thị trường thế giới mà ngay thị trường trong nước cũng ngày càng khó tiêu thụ. Để thích ứng với tình hình thị trường thế giới, Trung Quốc đã cố gắng nâng cao thành phẩm tinh chế, giảm bớt sản phẩm sơ chế và nguyên liệu trong xuất khẩu. Đến năm 1994, thành phẩm công nghiệp xuất khẩu đã chiếm 84% giá trị xuất khẩu, trong đó 26% là hàng cơ điện. Đây thật sự là một bước nhảy vọt trong công nghệ và ngoại thương của Trung Quốc.

Trong cơ cấu nhập khẩu, Trung Quốc đặc biệt coi trọng việc nhập thiết bị và công nghệ tiên tiến. Trong 10 năm từ 1979 đến 1989, Trung Quốc đã nhập 3500 hạng mục kỹ thuật trị giá khoảng 10 tỉ USD. Riêng năm 1994, giá trị nhập kỹ thuật mới lên tới 5,71 tỉ USD. Năm 1995, 85% giá trị hàng nhập là thành phẩm công nghiệp, nhất là thiết bị và công nghệ hiện đại.

Trong định hướng phát triển ngoại thương, Trung Quốc cố gắng giữ vững sự cân bằng giữa xuất và nhập (năm 1997 đạt 325 tỉ USD xuất nhập). Nhưng thực tế trong những năm gần đây, Trung Quốc luôn xuất siêu. Năm 1997, Trung Quốc xuất siêu 43 tỉ USD. Trung Quốc cố gắng giữ vững chiến lược đa nguyên hóa thị trường, trong khi ngày càng chú trọng hơn đến vùng châu Á - Thái Bình Dương. Về cơ cấu xuất khẩu, Trung Quốc khuyến khích xuất khẩu sản phẩm tinh chế cao, đặc biệt là thiết bị điện cơ đồng bộ; chuyển mạnh từ xuất khẩu hàng tiêu dùng thông thường sang hàng tiêu dùng trung, cao cấp; tăng cường xuất khẩu lao động, dịch vụ, tư bản (1). Cùng với sự tăng trưởng kinh tế liên tục và nhảy vọt, ngoại thương của Trung Quốc ngày càng có vị trí cao trong thương mại và thị trường thế giới, rút ngắn khoảng cách trên con đường phấn đấu để gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), tạo điều kiện quan trọng để Trung Quốc thực hiện mục tiêu chiến lược là nắm quyền chủ động trong phát triển vào đầu thế kỷ tới. Việc chuyển từ thế bị động và lệ thuộc sang thế chủ động trên thương trường và chính trường quốc tế là phương châm hành động rất căn bản của Trung Quốc.

Một trong những yếu tố cơ bản trong chính sách kinh tế đối ngoại là thu hút vốn nước ngoài, bao gồm vốn đầu tư trực tiếp và vốn viện trợ phát triển. Từ 1980 đến cuối 1995, Trung Quốc đã thu hút 137,6 tỉ USD vốn đầu tư trực tiếp với 234 000 dự án, chiếm hơn 30% trong giá trị tăng trưởng kinh tế hàng năm trong nước. Riêng 1997 Trung Quốc đã

(1) Từ 1979 đến giữa 1995, Trung Quốc đã thắng thầu xây dựng nhiều công trình ở nước ngoài. Giá trị những công trình này cùng với giá trị xuất khẩu các loại hình dịch vụ khác tổng cộng đạt 47,9 tỉ USD. Trung Quốc cũng đã đầu tư gần 5 tỉ USD để xây dựng hơn 5000 doanh nghiệp tại hơn 130 nước và vùng lãnh thổ. Để huy động vốn quốc tế, tính đến 1997, Trung Quốc đã phát hành trái phiếu quốc tế tại các nước Nhật Bản (1186 tỉ yên), Mỹ (5,12 tỉ USD), Đức (1,1 tỉ mác), Hồng Công (1,9 tỉ HKD).

Digitized by Google

thu hút 62 tỉ USD vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Năm 1980, vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài chỉ mới chiếm 2,8% đầu tư tài sản cố định toàn xã hội ; năm 1994 tỷ lệ này đã lên tới 14%. Năm 1997, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài có giá trị xuất nhập khẩu 152,62 tỉ USD, chiếm 47% tổng giá trị xuất nhập khẩu. Đó là một tỷ trọng khá lớn.

Trong thập kỷ 80, đầu tư nước ngoài được hướng chủ yếu vào những ngành thay thế nhập khẩu. Quy mô những dự án trong thời kỳ này nói chung không lớn. Bước sang thập kỷ 90, Trung Quốc chuyển sang thay thế nhập khẩu lần thứ hai với mục tiêu xây dựng công nghiệp độc lập, có trình độ kỹ thuật cao và quy mô đầu tư mỗi dự án lớn hơn. Do vậy, bên cạnh các nhà đầu tư người Hoa ở nước ngoài, Trung Quốc chú trọng tiếp thu các dự án lớn và công nghệ hiện đại, chuyển mạnh sang ngành công nghiệp chế tạo, trong khi vẫn giữ vững tốc độ phát triển cao của các ngành công nghiệp tập trung nhiều lao động để xuất khẩu.

Để hướng dẫn đầu tư nước ngoài phục vụ đắc lực cho việc chuyển đổi và nâng cao cơ cấu kinh tế trong nước, Trung Quốc luôn coi trọng việc hướng dẫn các nhà đầu tư nước ngoài bằng chính sách ngành nghề. Trong một thời kỳ khá dài, Trung Quốc hướng đầu tư nước ngoài vào ngành kinh tế cơ sở, phát triển nông nghiệp và nông thôn, chế tạo cơ khí, xây dựng và điện tử... Gần đây, Trung Quốc chủ trương chuyển mạnh đầu tư phát triển khu vực miền Trung và miền Tây là những nơi còn kém phát triển hơn nhiều so với miền ven biển. Vấn đề gay cấn trong việc thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài hiện nay là làm thế nào để đối phó với sự cạnh tranh một mất một còn của các công ty xuyên quốc gia đã và đang thâm nhập và chiếm lĩnh thị trường Trung Quốc. Điều này vừa là nhân tố thúc đẩy vừa là sự thách thức nghiêm trọng đối với các doanh nghiệp Trung Quốc.

Gần đây, Trung Quốc xác định khu vực sản xuất III, nhất là những ngành dịch vụ hiện đại như thương mại, ngân hàng, tiền tệ, bảo hiểm, du lịch, thông tin, pháp luật, kiểm toán, kế toán, tư vấn, thiết kế, sự nghiệp công ích, kinh doanh bất động sản... là một trong những trọng điểm chính cho đầu tư của nước ngoài. Việc đẩy mạnh phát triển những ngành này không chỉ tạo thuận lợi cho việc xây dựng hệ thống thị trường đồng bộ, nâng cao hiệu quả kinh tế vĩ mô, mà còn có thể mở rộng ngành nghề, tạo điều kiện để điều chỉnh và nâng cấp cơ cấu kinh tế, thúc đẩy cải cách hành chính và chuyển đổi cơ chế điều hành của chính phủ.

Một trong những đặc trưng nổi bật khác của chiến lược kinh tế đối ngoại thời mở cửa của Trung Quốc là luôn dự báo xu hướng kinh tế - kỹ thuật thế giới để có đối sách đúng. Một trong những dự báo đó là sự chuyển dịch trung tâm kinh tế thế giới từ hai bên bờ Đại Tây Dương sang hai bên bờ Thái Bình Dương, trước hết là Đông Á. Chuyển dịch trung tâm kinh tế là gì ? Đó là sự di chuyển về ngành sản xuất, về kỹ thuật, về vốn, về thương mại... nghĩa là di chuyển tất cả những gì thuộc về yếu tố làm tăng trưởng kinh tế, từ khu vực trung tâm cũ sang khu vực trung tâm mới. Chuyển dịch bằng cách nào ? Đương nhiên là thông qua đầu tư, viện trợ phát triển, ngoại thương, hợp tác và giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, trao đổi dịch vụ, thị trường chứng khoán và thậm chí cả du lịch... Trung Quốc khẳng định rằng, Trung Quốc là một trong những nước Đông Á thuộc khu vực trung tâm kinh tế quốc tế mới. Mặc dù sự chuyển dịch nói trên là một quá trình khá lâu dài và không tránh khỏi những bước quanh co, song đó là một xu hướng tất yếu khách quan. Trung Quốc coi đó là một vận hội lớn không thể bỏ qua, và sẽ làm tất cả những gì cần thiết để đón nhận sự di chuyển to lớn đó. Có thể thấy, tất cả các hoạt động đối ngoại dồn dập cấp cao nhất của nhà nước Trung Quốc trong thời gian gần đây, như quan hệ Trung Mỹ, quan hệ Trung Quốc - ASEAN, quan hệ Trung Nga, Trung Nhật, Trung Quốc - Tây Âu... đều trước hết phục vụ cho mục tiêu kinh tế đối ngoại, chuyển hóa thành quả đối ngoại thành sức mạnh kinh tế nội lực. Trung Quốc đã thực hiện nguyên tắc chiến lược này một cách khá thành công.

Mặc dù trong quá trình phát triển vừa qua, Trung Quốc đã và đang tồn tại muôn vàn khó khăn, mâu thuẫn không dễ giải tỏa, nhưng cần ghi nhận rằng, quốc gia khổng lồ này trong 19 năm qua đã làm nên kỳ tích thực sự trong phát triển kinh tế, chắc chắn sẽ thực hiện được những gì do Đại hội XV của Đảng Cộng sản Trung Quốc thông qua, đưa Trung Quốc tiến mạnh sang thế kỷ XXI.❑

TRỊNH NGỌC LINH
(Tổng thuật)

Digitized by Google

ĐỘC QUYỀN. KIỂM SOÁT ĐỘC QUYỀN

. **Độc quyền** (tiếng Anh : Monopoly) : Là chỉ một hiện tượng được xuất hiện và tồn tại khi trong một ngành công nghiệp hoặc trên thị trường chỉ có một người sản xuất hoặc một người có vị trí độc tôn kinh doanh về một ngành hàng hay một loại sản phẩm hoặc dịch vụ nhất định nào đó, có đủ sức mạnh để chi phối và đánh gục các đối tác cạnh tranh khác.

Độc quyền có thể là do pháp luật Nhà nước đặt ra, dành cho một ngành, một xí nghiệp quốc doanh hay một tổ chức, một công ty tư nhân (ví dụ như độc quyền về vũ khí, thuốc nổ, rượu, thuốc lá...). Độc quyền cũng có thể là giai đoạn cao của quá trình tích tụ, tập trung tư bản và sản xuất của một công ty, một tập đoàn lớn độc chiếm thị trường. Độc quyền không loại trừ cạnh tranh mà trái lại cạnh tranh càng gay gắt giữa những tổ chức kinh tế lớn để giành giật thị trường. Các doanh nghiệp độc quyền có sức mạnh tài chính rất lớn, chiếm đại bộ phận nguồn nguyên liệu, năng lực sản xuất, số lượng sản phẩm cung cấp cho thị trường. Họ có thể chi phối được thị trường, nâng giá hoặc hạ giá sản phẩm để thu được lợi nhuận độc quyền lớn nhất.

Độc quyền là hình thức đi ngược lại trật tự cạnh tranh lành mạnh, gây tác động lớn đến việc sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội biểu hiện ở hành vi kìm hãm sản lượng hàng hóa để tăng giá bán. Đây cũng là nguyên nhân đưa đến lạm phát và gây mất ổn định nền kinh tế. Độc quyền là sản phẩm tất yếu của cạnh tranh mang tính hai mặt của nó. Một mặt, những công ty độc quyền sẽ nhanh chóng phát triển thành các tập đoàn hùng hậu, chiếm thị phần lớn, có thế lực tài chính và đầu tư phát triển khoa học - kỹ thuật, đi đầu trong lĩnh vực nghiên cứu và triển khai công nghệ vào quá trình sản xuất. Mặt khác, những công ty độc quyền lại lợi dụng vị thế độc quyền của mình kiềm chế sản lượng sản xuất ở mức thấp hơn nhu cầu xã hội nhằm đẩy giá lên cao để thu lợi nhuận độc quyền, đầu cơ lũng đoạn thị trường, phá giá... làm hại quá trình sản xuất, kìm hãm các nhà sản xuất nhỏ, gây tác hại đến lợi ích của người tiêu dùng. Hậu quả của độc quyền không chỉ gây ra những tác động tiêu cực đến quá trình cạnh tranh mà nghiêm trọng hơn, nó tạo ra sức ỳ rất lớn đối với ngay bản thân các doanh nghiệp độc quyền, sản xuất và thị trường trì trệ, vấn đề tuyển dụng lao động, chi phí tiền lương, thu nhập, công bằng xã hội cũng bị ảnh hưởng và vi phạm.

Độc quyền được thể hiện dưới các hình thức như : độc quyền nhà nước, độc quyền công nghiệp, độc quyền quốc tế, độc quyền tư bản.

. *Độc quyền nhà nước* : Là quyền đặc biệt của nhà nước thực hiện các quan hệ kinh tế độc quyền thông qua các cơ quan chuyên môn hay tổ chức kinh tế có thẩm quyền trên cơ sở luật pháp và bằng lực lượng kinh tế. Nhà nước thường nắm độc quyền những ngành liên quan đến quốc phòng, an ninh, đến vận mệnh kinh tế quốc gia như bưu chính viễn thông, ngân hàng, ngoại hối, ngoại thương... trong công cuộc cạnh tranh quốc tế để bảo đảm phát triển kinh tế quốc dân một cách ổn định, cân đối, có lợi cho quốc kế dân sinh, mở rộng hợp tác quốc tế, bảo vệ sự độc lập phát triển của nền kinh tế quốc dân trước sự bành trướng kinh tế của các nước công nghiệp phát triển.

. *Độc quyền công nghiệp* : Là phương thức tổ chức công ty, xí nghiệp công nghiệp lớn, trong đó các nhà đại tư bản hùn vốn lại thành một tư bản tập thể khổng lồ, có sức mạnh kinh tế hùng mạnh. Các tổ chức độc quyền công nghiệp có thể quy định giá bán sản phẩm cao, giá mua vật tư, nguyên liệu hạ. Độc quyền công nghiệp hình thành vào cuối thế kỷ XIX và được phát triển vào đầu thế kỷ XX, dưới tác động của quy luật tích tụ, tập trung tư bản và sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất.

. *Độc quyền quốc tế* : Là hình thức khống chế, lũng đoạn một hay nhiều lĩnh vực kinh tế hoặc hoạt động kinh tế trên phạm vi quốc tế thông qua các tổ chức độc quyền quốc tế. Những thập kỷ gần đây, các tổ chức độc quyền quốc tế mà chủ yếu là các công ty đa quốc gia hay siêu quốc gia trở thành những chủ thể quan trọng tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển của các quan hệ kinh tế quốc tế. Sự ra đời của các tổ chức độc quyền, quốc tế gắn bó chặt chẽ với quá trình tích tụ và tập trung tư bản trên một quy mô chưa từng có và cạnh tranh gay gắt giữa các nhà tư bản ở nhiều quốc gia.

. *Độc quyền tư bản* : Là hình thức liên minh của các nhà tư bản lớn nắm trong tay phần lớn việc sản xuất hoặc tiêu thụ một số loại hàng hóa nào đó để định giá cả trên thị trường và nhờ đó thu được lợi nhuận độc quyền. Độc quyền tư bản thực hiện bằng các hình thức các-ten, xanh-đi-ca, công-xoóc-xi-um, công-lô-mê-rát...

Kiểm soát độc quyền : Là các biện pháp chủ yếu do nhà nước đề ra nhằm hạn chế và kiểm soát độc quyền như chính sách thuế, kiểm soát giá cả, điều chỉnh độc quyền, chống các-ten, tơ-rớt...

- *Chính sách thuế* : Các công ty độc quyền nhờ vị trí độc quyền mà khống chế được toàn bộ thị trường, định giá bán cao và thu lợi nhuận tối đa, gây thiệt hại cho các nhà sản xuất, đồng thời tác động xấu đến việc thực hiện công bằng xã hội. Để xử lý đối với những bất hợp lý đó, nhà nước phải đánh thuế thật nặng vào các tổ chức độc quyền nhằm điều tiết thu nhập.

- *Kiểm soát giá sản phẩm* : Biện pháp này nhằm kiềm chế lạm phát và giữ giá ổn định đối với các sản phẩm trong một số ngành công nghiệp tập trung. Việc kiểm soát giá đã làm cho lợi nhuận của các công ty độc quyền bị giảm đi rất nhiều.

Digitized by Google

- *Các quy định của pháp luật :* Đây là biện pháp quan trọng để nhà nước kiểm soát nền kinh tế nói chung và các tổ chức độc quyền nói riêng. Các quy định pháp luật ban hành nhằm kiểm soát hoạt động của các tổ chức kinh tế bao gồm :

+ Những quy định về hoạt động sản xuất kinh doanh và lợi ích của các tổ chức độc quyền, nhất là trong các ngành dịch vụ công cộng như điện, điện thoại, phát thanh - truyền hình, khí đốt, nước sinh hoạt... Những quy định này bao gồm : danh mục và sản lượng hàng hóa được phép sản xuất ; các điều kiện khống chế đầu vào, đầu ra, tiêu chuẩn và chất lượng hàng hóa, dịch vụ, giá cả sản phẩm.

+ Những quy định pháp luật khác về bảo vệ môi trường, an toàn lao động... nhằm bảo vệ người lao động và người tiêu dùng.

- *Điều chỉnh độc quyền :* Là biện pháp nhằm ngăn cản sự lạm dụng quá mức vào vị trí, quyền hạn và ưu thế của độc quyền. Các biện pháp để điều chỉnh độc quyền như : công khai hóa hoạt động, chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp độc quyền ; nhà nước trực tiếp điều chỉnh và ấn định giá sản phẩm ; kiểm tra, giám sát chặt chẽ.

- *Quốc hữu hóa :* Là biện pháp để Chính phủ nắm độc quyền sở hữu các tổ chức độc quyền. Biện pháp này được sử dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên vẫn có nguy cơ xuất hiện từ giải pháp này là độc quyền từ phía Nhà nước. Vì vậy Nhà nước phải áp dụng biện pháp điều tiết và kiểm soát để hiệu quả kinh tế từ các ngành này đạt cao hơn.❑

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

HỘI THẢO KHOA HỌC VỀ "XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG ĐIỆN ẢNH"

Thiết thực kỷ niệm 45 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh khai sinh nền điện ảnh cách mạng Việt Nam (15-3-1953 - 15-3-1998) và tiếp tục phấn đấu xây dựng nền điện ảnh *tiên tiến, dân tộc, hiện đại,* đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Viện nghệ thuật và lưu trữ điện ảnh thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin đã tổ chức Hội thảo khoa học trong hai ngày 17, 18 tháng 3 năm 1998, tại Hà Nội, với tiêu đề ***"Xã hội hóa hoạt động điện ảnh : Nhận thức - giải pháp - bước đi".***

Dự Hội thảo có đồng chí Trần Hoàn, Phó trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, đồng chí Trung Kiên, Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, cùng đông đảo các nghệ sĩ sáng tác, các nhà nghiên cứu lý luận, cán bộ giảng dạy, chuyên gia trong và ngoài ngành điện ảnh, các nhà báo, phát thanh, truyền hình Trung ương.

Đọc báo cáo "để dẫn" và chủ trì Hội thảo là GS Trần Luân Kim, Viện trưởng Viện nghệ thuật và lưu trữ điện ảnh Việt Nam.

Gần 50 bản tham luận và ý kiến phát biểu đã tập trung nêu bật một số vấn đề sau :

- Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa, văn nghệ trong đó có ngành điện ảnh. Hoan nghênh Nghị quyết Đại hội Đảng VIII và Nghị quyết 90/CP ngày 21-8-1997 của Chính phủ *về định hướng chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa.*

- Khẳng định những thành tựu vẻ vang của điện ảnh Việt Nam trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng Tổ quốc. Đánh giá đúng những khó khăn, thách thức của ngành điện ảnh kể từ khi bước vào công cuộc đổi mới, thời kỳ chuyển đổi sang cơ chế kinh tế thị trường.

- Bước đầu làm rõ nét hơn các khái niệm : xã hội hóa, xã hội hóa nghệ thuật, xã hội hóa điện ảnh, tính xã hội, hiệu quả xã hội của hoạt động điện ảnh, định hướng xã hội hóa của Nhà nước về văn hóa - văn nghệ và cơ sở khách quan của định hướng đó.

- Đi sâu phân tích nội dung cụ thể của chủ trương xã hội hóa hoạt động điện ảnh của nước ta trong hoàn cảnh môi trường văn hóa mới, điều kiện phát triển mới của cơ chế kinh tế thị trường và xu hướng mở cửa, hội nhập với khu vực và thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ nghệ thuật ngày càng đa dạng, phong phú của mọi tầng lớp xã hội.

Từ cơ sở lý luận và thực tế phong phú sinh động, các đại biểu đã đưa ra các giải pháp thực hiện và bước đi trong quá trình xã hội hóa hoạt động điện ảnh Việt Nam ; những kiến nghị rất xác đáng với Đảng, Chính phủ, Bộ Văn hóa - Thông tin và các ngành hữu trách.

Bài học có thể rút ra từ Hội thảo là : *"Khi có mục tiêu chủ trương đúng nhưng thiếu những giải pháp, bước đi và các chính sách về xã hội, nghề nghiệp một cách cụ thể, kịp thời, và cả khi có giải pháp, chính sách đúng rồi nhưng khâu tổ chức thực hiện thiếu đồng bộ, có lúc thiếu thận trọng, có lúc quá thận trọng đến mức rụt rè chậm chạp thiếu kế hoạch, thiếu kiên quyết, thì kết quả đạt được đều rất hạn chế".*

P.V

Digitized by Google

KHÁCH SẠN
HÒA BÌNH

TRỰC THUỘC CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG THÁP

SỐ 32 ĐỐC BINH KIỀU - THỊ XÃ CAO LÃNH - ĐỒNG THÁP

ĐIỆN THOẠI : (067) 851371 - 851937 - FAX : (067) 851937



- ❖ Khách sạn Hòa Bình được thiết kế phòng nghỉ thoáng mát - sạch sẽ và trang nhã.
- ❖ Có đủ tiện nghi phục vụ quý khách.
- ❖ Ngoài phòng nghỉ và chỗ để xe, khách sạn còn có thêm các dịch vụ :
  - Đưa rước và phục vụ du lịch các danh lam thắng cảnh trong và ngoài tỉnh theo yêu cầu của quý khách.
  - Phục vụ ăn uống tại chỗ và phục vụ các đám tiệc cho cá nhân hoặc tập thể có nhu cầu.

Khách sạn rất hân hạnh
được đón tiếp và phục vụ quý khách

Digitized by Google

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I

THE VIET NAM NATIONAL GENERAL EXPORT IMPORT CORPORATION

(GENERALEXIM)

Địa chỉ : 46 Ngô Quyền, Hà Nội ; Điện thoại : 84 4826 4008/9 ; 84 4 826 1164
Telex : 411 527 GNRL - VT ; Fax : 84 4 825 9894

CÁC CHI NHÁNH :

1 - Tại thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ : 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4
Điện thoại : 84 8940 0211/940 0869 ; Fax : 84 8940 2214

2 - Tại thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ : 133 Hoàng Diệu
Điện thoại : 84511 822709 / 822638 ; Fax : 84 511 824077

3 - Tại thành phố Hải Phòng. Địa chỉ : 57 Điện Biên Phủ
Điện thoại : 84 31 842 835 Fax : 84 31 841 927



Công ty xuất nhập khẩu tổng hợp I (thuộc Bộ Thương mại) thành lập tháng 12-1981, tháng 7-1993 sáp nhập thêm công ty Promexim thành Công ty xuất nhập khẩu Tổng hợp I mới, hoạt động trong lĩnh vực chủ yếu như sau :

I - Kinh doanh xuất nhập khẩu :

1/ Xuất khẩu nông, lâm, khoáng sản, dược liệu, tinh dầu, hàng thủ công mĩ nghệ, thêu ren, hàng may mặc, rau quả và các hàng hóa khác...

2/ Nhập khẩu nguyên liệu, vật liệu, máy móc thiết bị, xơ sợi, vật liệu xây dựng... phục vụ cho các ngành sản xuất, xây dựng, nhập khẩu phương tiện vận tải, xếp dỡ, hàng tiêu dùng...

3/ Bán buôn, bán lẻ xe máy và các loại hàng hóa khác.

II - Sản xuất, gia công :

- Sản xuất gia công hàng may mặc, đồ chơi, chế biến nông lâm sản, dược liệu, sản phẩm gỗ để xuất khẩu.
- Xí nghiệp may xuất khẩu tại Hải Phòng.

+ Địa chỉ : Đoạn Xá - Hải Phòng (cạnh Cảng công-te-nơ)

+ Điện thoại : 84 31 852088 ; Fax : 84 31 827 097

Ngoài ra CÔNG TY còn có quan hệ hợp tác với trên 30 xí nghiệp may mặc vệ tinh ở các tỉnh phía Bắc.

III - Kinh doanh bất động sản :

- Liên doanh với Công ty nước ngoài xây dựng TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI 18 tầng tại 53 Quang Trung Hà Nội.
- Văn phòng cho thuê 8 tầng tại 7 Triệu Việt Vương, Hà Nội.

IV - Hoạt động tài chính, ngân hàng :

Công ty xuất nhập khẩu tổng hợp I là một trong những cổ đông chính của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (EXIMBANK).

V - Các hoạt động khác :

- Cho thuê kho hàng, làm dịch vụ giao nhận, vận chuyển.

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I sẵn sàng hợp tác với tất cả các bạn hàng trong và ngoài nước trong các lĩnh vực kinh doanh trên và sẵn sàng đón tiếp quí khách tại các địa chỉ nêu trên.

Công ty có 500 cán bộ công nhân viên, có vốn pháp định (chủ yếu là vốn tự bổ xung) 45,2 tỉ đồng, 17 năm liên tục kinh doanh có lãi.

GIÁM ĐỐC : *LƯƠNG VĂN TỰ*

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY DỆT - MAY VIỆT NAM

VINATEX

Trụ sở : 25 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : 04-8257700-8256782-8265897
Telex : 411507 VINATEX - VT ; Fax : 84-4-8262268
Tổng giám đốc : **BÙI XUÂN KHU**

Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ kinh doanh hàng dệt, hàng may mặc (từ đầu tư, sản xuất, cung ứng, tiêu thụ, xuất khẩu, nhập khẩu) ; tiến hành các hoạt động kinh doanh ngành nghề khác theo qui định của pháp luật.

Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

Lựa chọn, khai thác, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, hướng dẫn và phân công thị trường cho các đơn vị thành viên.

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến, đổi mới công nghệ, thiết bị theo chiến lược phát triển chung.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân lành nghề.

Tổng công ty Dệt - May Việt Nam hiện có buôn bán với hơn 200 công ty trên 40 nước và khu vực.





Digitized by Google

MỎ THAN MẠO KHÊ
TỔNG CÔNG TY THAN VIỆT NAM



Giám đốc - kỹ sư **VŨ VĂN QUYẾT**

Địa chỉ : Thị trấn Mạo Khê -
Huyện Đông Triều - Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại : 033 871240. Fax : 033 871375.
Tài khoản :



Trung tâm điều hành sản xuất mỏ than Mạo Khê

Mỏ than Mạo Khê có lịch sử khai thác trên 150 năm. Có trữ lượng và quy mô khai thác lớn. Toàn mỏ là một dây chuyền sản xuất hoàn chỉnh từ khâu kiến thiết cơ bản, khai thác đến khâu vận tải, sàng tuyển và tiêu thụ sản phẩm. Than Mạo Khê đã được tặng thưởng cúp chất lượng Vàng châu Âu năm 1996.

Từ tháng 10 năm 1954 đến nay mỏ Mạo Khê đã cung cấp cho nền kinh tế quốc dân hơn 15 triệu tấn than, đào hàng chục km đường lò.

Mỏ được tặng thưởng 15 Huân chương các loại và được phong tặng 2 anh hùng lao động.

Nằm ở phía bắc thành phố cảng Hải Phòng, trên đường số 18 và tuyến đường sắt Lạng Sơn - Thành phố Hạ Long. Mỏ Mạo Khê rất hân hạnh được đón tiếp các bạn.



Khoan gương đào lò chuẩn bị

Digitized by Google

Công ty
GIẤY BÃI BẰNG



ĐỊA CHỈ :
Thị trấn Phong Châu
Tỉnh Phú Thọ

ĐIỆN THOẠI : 021-829755
021-829181
FAX : (84) - 21-829177



Đây là công trình hợp tác hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển, sản xuất giấy có quy mô lớn và hiện đại nhất Việt Nam, có công suất thiết kế 55.000 tấn giấy/năm. Sản phẩm chính của Công ty là giấy in, giấy viết, giấy telex, giấy vi tính, giấy tập kẻ ngang, vở học sinh, giấy photocopy chất lượng cao... Giấy được sản xuất theo yêu cầu của khách hàng với định lượng từ 50 đến 120 g/m², độ trắng từ 76 - 90 ISO, khổ giấy từ Ao - A4 và các loại khổ giấy cuộn khác.

Từ ngày 1/11/1997 được sự đồng ý của Chính phủ, Công ty Gỗ Cầu Đuống đã sát nhập vào Công ty Giấy Bãi Bằng. Do vậy, ngoài sản phẩm giấy, Công ty còn sản xuất gỗ dán, trang thiết bị nội thất như bàn ghế, cửa các loại, đồ dùng văn phòng...

SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY CÓ BÁN TRÊN THỊ TRƯỜNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC, ĐƯỢC KHÁCH HÀNG ƯA CHUỘNG.

Hân hạnh được đón tiếp quý khách hàng

Tổng Giám đốc
Kỹ sư **TRẦN NGỌC QUẾ**

Digitized by Google

CÔNG TY QUỐC DOANH ĐÁNH CÁ KIÊN GIANG



Giám đốc LÊ VĂN NAM

✉ 79 Bạch Đằng - Rạch Giá - Kiên Giang
☎ (77) 863016 - 862192 - 861933; Fax: 77.862449
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh: 243 Trần Hưng Đạo, Q1 - ☎ 8367946

Công ty Quốc doanh Đánh cá Kiên Giang được thành lập từ năm 1976, là một doanh nghiệp nhà nước duy nhất của tỉnh Kiên Giang làm nhiệm vụ khai thác nguồn lợi hải sản trên vùng biển Tây Nam và biển Đông.



Sản phẩm của nhà máy chế biến bột cá gia súc Tắc Cậu

Với một đoàn tàu trên 60 chiếc (có công suất từ 250 CV đến 600 CV) hoạt động liên tục trên vùng biển Tây Nam và biển Đông. Năng lực khai thác hàng năm đạt 33.000 - 35.000 tấn hải sản các loại.

Để phát huy thế mạnh và tiềm năng của mình, Công ty Quốc doanh Đánh cá Kiên Giang sẵn sàng hợp tác, liên doanh, buôn bán các mặt hàng hải sản với khách hàng trong và ngoài nước.

Với một hệ thống các đơn vị trực thuộc bao gồm:

- *Xí nghiệp Sửa chữa và Đóng mới tàu thuyền An Hòa.*
- *Khu hậu cần cảng cá Tắc Cậu.*
- *XN chế biến bột cá thức ăn gia súc Tắc Cậu.*
- *Cửa hàng vật tư Thủy sản.*
- *Phân xưởng Chế biến cá cơm Hòn Chong.*
- *Các nhà máy sản xuất nước đá.*
- *Phân xưởng nhựa sản xuất phao và khay đựng cá.*
- *Văn phòng Đại diện tại TP. Hồ Chí Minh.*
- *Trạm tại Vũng Tàu.*



Sản phẩm cá cơm xuất khẩu

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 4000Đ

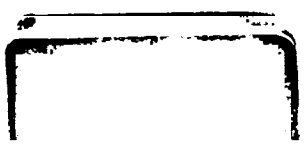
Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 5692





Digitized by Google


Digitized by Google